BÌNH GIẢNG LUẬN VỀ LỬA VŨ TRỤ

HỌC KỲ 4 (pgs 342-465)

Michael D. Robbins

TCF 342-355: S4S2

22 October – 6 November 2006

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

As the Chart on TCF 344 is studied, I would recommend studying the commentary on one side and Chart V on the other. There will be much cross-referencing and convenient access to the Chart and to commentary is desirable.

1. We return to the text after a fortnight review of Solar Fire, Division A.

2. We now begin Division B, continuing Solar Fire as Manas.

[Page 342]

DIVISION B - MANAS AS A COSMIC, SYSTEMIC AND HUMAN FACTOR

I. THE ORIGIN OF MANAS, OR MIND

22 tháng 10 – 6 tháng 11 năm 2006

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các cước chú và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ những trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận được trình bày bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Đề nghị nên **đọc phần Bình Luận này *TCF* với quyển sách trong tầm tay,** để giữ được tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ ra, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.

Khi nghiên cứu Biểu Đồ ở TCF 344, tôi khuyến nghị nên xem phần bình luận ở một bên và Biểu Đồ V ở bên kia. Sẽ có nhiều chỗ tham chiếu chéo, và việc tiếp cận thuận tiện với biểu đồ cũng như phần bình luận là điều đáng mong muốn.

1. Chúng ta trở lại văn bản sau hai tuần ôn lại Lửa Thái dương, Phân Đoạn A.

2. Giờ đây chúng ta bắt đầu Phân Đoạn B, tiếp tục Lửa Thái dương như Manas.

[Page 342]

PHÂN ĐOẠN B - MANAS NHƯ MỘT NHÂN TỐ VŨ TRỤ, HỆ THỐNG VÀ NHÂN LOẠI

I. NGUỒN GỐC CỦA MANAS, HAY TRÍ TUỆ

3. Until this point we have considered manas to originate on the higher levels cosmic mental plane. Its true origin, however, is to be found with the emergence of every universe.

3. Cho đến điểm này, chúng ta đã xem manas như phát sinh trên các cấp độ cao của cõi trí vũ trụ. Tuy nhiên, nguồn gốc đích thực của nó phải được tìm thấy cùng với sự xuất hiện của mỗi vũ trụ.

4. By “universe”, in this context, I mean the vast Entirety.

4. Bởi “vũ trụ”, trong ngữ cảnh này, tôi muốn nói đến Toàn Thể bao la.

1. Cosmic Manas.

1. Manas Vũ Trụ.

a. The process of individualisation.

a. Tiến trình biệt ngã hóa.

b. The method of initiation.

b. Phương pháp điểm đạo.

2. Planetary Manas.

2. Manas Hành Tinh.

a. Consciousness and existence.

a. Tâm thức và sự tồn tại.

b. Will and ordered purpose.

b. Ý chí và mục đích có trật tự.

3. Human Manas.

3. Manas Nhân Loại.

a. Man and the planetary Logos.

a. Con người và Hành Tinh Thượng Đế.

b. The Logos of our scheme.

b. Thượng đế của hệ hành tinh chúng ta.

c. Venus and the Earth chain.

c. Sao Kim và dãy Địa Cầu.

4. Manas and the Earth Chain.

4. Manas và Dãy Địa Cầu.

a. The Earth chain and the incarnating monads.

a. Dãy Địa Cầu và các chân thần đang lâm phàm.

b. The fourth kingdom and the Hierarchy.

b. Giới thứ tư và Thánh Đoàn.

c. A Prophecy.

c. Một lời tiên tri.

d. A Summation.

d. Một sự tổng kết.

II. THE POSITION OF MANAS

1. Manas and Karma.

2. Manas and karmic purpose.

III. THE PRESENT STAGE OF MANASIC DEVELOPMENT

1. In the planets.

2. In the system.

3. On the Earth.

[Page 343]

IV. THE FUTURE OF MANAS

1. The characteristics of Manas.

a. Discrimination.

b. Ordered activity.

c. Adaptability.

2. Developments of the Human Mind.

a. Ray effects.

b. Animals, men and the rays.

c. Types of Karma.

3. Manas in the Final Rounds.

a. The transmutative process.

II. VỊ TRÍ CỦA MANAS

1. Manas và nghiệp quả.

2. Manas và mục đích nghiệp quả.

III. GIAI ĐOẠN HIỆN TẠI CỦA SỰ PHÁT TRIỂN MANAS

1. Trong các hành tinh.

2. Trong hệ thống.

3. Trên Trái Đất.

[Page 343]

IV. TƯƠNG LAI CỦA MANAS

1. Các đặc tính của Manas.

a. Phân biện.

b. Hoạt động có trật tự.

c. Khả năng thích ứng.

2. Những phát triển của Trí Tuệ Nhân Loại.

a. Các tác động của cung.

b. Động vật, những người nam và nữ, và các cung.

c. Các loại nghiệp quả.

3. Manas trong các cuộc tuần hoàn cuối cùng.

a. Tiến trình chuyển hoá.

b. Synthesis.

5. We have outlined for us a study of vast scope which will unfold as we persist in the giving of close attention to what the Tibetan has written.

6. Simply by studying the topic headings we can gather some small idea of the vast scope of the Tibetan's mind.

I. THE ORIGIN OF MANAS OR MIND

WHAT we are dealing with here (taking these three factors in their order), is the fire of mind in connection with a solar Logos.

7. From here to page 378, we review Cosmic, Planetary and Human Manas.

8. We begin with the subject of cosmic manas. Our initial subject is "the fire of mind in connection with a Solar Logos". We have confirmed for ourselves again that a Solar Logos is to be considered a *cosmic* Being.

9. We notice that DK does not say "the" Solar Logos, but "a" Solar Logos, meaning that He could be speaking, for instance, about any one of the Solar Logoi in the Seven Solar Systems of Which Ours is One or, perhaps Solar Logoi in other systems.

It has been earlier pointed out that **mind has already been developed in a Heavenly Man**,

b. Tổng hợp.

5. Trước mắt chúng ta là một đề tài nghiên cứu có phạm vi bao la, sẽ dần khai mở khi chúng ta kiên trì chú tâm sát sao vào những gì Chân sư Tây Tạng đã viết.

6. Chỉ bằng cách nghiên cứu các tiêu đề chủ đề, chúng ta cũng có thể thu nhận được đôi chút ý niệm về phạm vi bao la của trí tuệ Chân sư Tây Tạng.

I. NGUỒN GỐC CỦA MANAS HAY TRÍ TUỆ

Điều chúng ta đang bàn đến ở đây (theo thứ tự của ba nhân tố này) là lửa của trí tuệ liên hệ với một Thái dương Thượng đế.

7. Từ đây đến trang 378, chúng ta sẽ khảo sát Manas Vũ Trụ, Hành Tinh và Nhân Loại.

8. Chúng ta bắt đầu với chủ đề manas vũ trụ. Chủ đề ban đầu của chúng ta là "lửa của trí tuệ liên hệ với một Thái dương Thượng đế". Chúng ta lại một lần nữa xác nhận cho chính mình rằng một Thái dương Thượng đế phải được xem là một Hữu thể *vũ trụ*.

9. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK không nói "the" Solar Logos, mà là "a" Solar Logos, có nghĩa là Ngài có thể đang nói, chẳng hạn, về bất kỳ một vị nào trong các Thái dương Thượng đế thuộc Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là một trong đó, hoặc có lẽ là các Thái dương Thượng đế trong những hệ khác.

Trước đây đã chỉ ra rằng **trí tuệ đã được phát triển trong một Đấng Thiên Nhân**,

10. This is the chief feature of a Heavenly Man—the objective toward which the human being is striving.

10. Đây là đặc điểm chủ yếu của một Đấng Thiên Nhân—mục tiêu mà con người đang phấn đấu hướng tới.

and therefore we must equally predicate anent **a solar Logos that cosmic mind, or the fifth Principle, is His prime characteristic,**

và vì thế chúng ta cũng phải khẳng định tương tự liên quan đến **một Thái dương Thượng đế rằng trí tuệ vũ trụ, hay Nguyên khí thứ năm, là đặc tính hàng đầu của Ngài,**

11. This is so, because what a Planetary Logos possesses must be possessed in even greater measure by a Solar Logos (a Being inclusive of a Planetary Logos).

11. Điều này là như vậy, bởi vì điều mà một Hành Tinh Thượng Đế sở hữu thì một Thái dương Thượng đế (một Hữu thể bao gồm một Hành Tinh Thượng Đế) phải sở hữu ở mức độ còn lớn hơn nữa.

12. The words "prime characteristic" must be studied. We are told that cosmic mind is the "prime characteristic" of the Solar Logos. Yet we are also told, in relation to the progress of this great Being—

12. Những từ "đặc tính hàng đầu" cần được nghiên cứu. Chúng ta được bảo rằng trí tuệ vũ trụ là "đặc tính hàng đầu" của Thái dương Thượng đế. Tuy nhiên, chúng ta cũng được bảo, liên quan đến sự tiến bộ của Hữu thể vĩ đại này—

We have been told that the solar Logos, on the cosmic planes, works at the problem of cosmic mind; that He functions in His physical solar system, **is polarised in His cosmic astral, or emotional body, and is developing cosmic mind.** (LOM 52-53)

Chúng ta đã được cho biết rằng Thái dương Thượng đế, trên các cõi vũ trụ, đang giải quyết vấn đề trí tuệ vũ trụ; rằng Ngài hoạt động trong hệ mặt trời hồng trần của Ngài, **được phân cực trong thể cảm dục, hay thể cảm xúc vũ trụ của Ngài, và đang phát triển trí tuệ vũ trụ.** (LOM 52-53)

13. We must reconcile in our minds how "cosmic mind" could be the "prime characteristic" of our SL and yet be under development. The Solar Logos, we see, is not yet polarized within cosmic mind.

13. Chúng ta phải dung hòa trong trí mình việc làm sao "trí tuệ vũ trụ" có thể là "đặc tính hàng đầu" của Thái dương Thượng đế chúng ta mà vẫn còn đang được phát triển. Như chúng ta thấy, Thái dương Thượng đế vẫn chưa phân cực trong trí tuệ vũ trụ.

14. It would seem that He has attained much along the lines of cosmic mind but that, perhaps, it is alignment with the higher levels of the cosmic mental plane which is His objective. He is not yet, we are told, a cosmic initiate of the third degree at which

14. Có vẻ như Ngài đã đạt được nhiều điều theo các đường lối của trí tuệ vũ trụ, nhưng có lẽ sự chỉnh hợp với các cấp độ cao hơn của cõi trí vũ trụ mới là mục tiêu của Ngài. Chúng ta được cho biết rằng Ngài vẫn chưa là một điểm đạo đồ vũ trụ bậc ba, vào lúc mà

time *higher* mental polarization is achieved (analogizing from the case for man).

sự phân cực trí tuệ *cao hơn* được đạt tới (suy theo phép loại suy từ trường hợp của con người).

and was perfected by Him in an earlier system. We might now consider our first subdivision:

và đã được Ngài hoàn thiện trong một hệ thống trước đó. Giờ đây chúng ta có thể xét đến phân mục đầu tiên của mình:

15. We might well ask what it was that was perfected by the Solar Logos in the last solar system. It would have to have been the use of the four lower sub-planes of the cosmic mental plane. This would be a possibility according with the third ray nature of that previous solar system (perhaps a system in which the personality ray of the Solar Logos was the third).

15. Chúng ta có thể hỏi rằng điều gì đã được Thái dương Thượng đế hoàn thiện trong hệ mặt trời trước. Đó hẳn phải là việc sử dụng bốn cõi phụ thấp của cõi trí vũ trụ. Đây sẽ là một khả năng phù hợp với bản chất cung ba của hệ mặt trời trước đó (có lẽ là một hệ trong đó cung phàm ngã của Thái dương Thượng đế là cung ba).

16. The development of lower mind is not necessarily the same as the development of personality (a development which succeeds mental development). DK speaks of perfection "by Him in an earlier system". "An" earlier system is not necessarily the immediately previous solar system, in which system cosmic personality may have been the emphasis.

16. Sự phát triển của hạ trí không nhất thiết đồng nghĩa với sự phát triển của phàm ngã (một sự phát triển diễn ra sau sự phát triển trí tuệ). Chân sư DK nói đến sự hoàn thiện "bởi Ngài trong một hệ thống trước đó". "Một" hệ thống trước đó không nhất thiết là hệ mặt trời ngay trước đó, là hệ trong đó phàm ngã vũ trụ có thể đã là điểm nhấn mạnh.

17. In the case of man, *true* mental polarization involves a working rapport with the higher mental plane. By analogy, perhaps the same is true for a Solar Logos.

17. Trong trường hợp của con người, sự phân cực trí tuệ *đích thực* bao hàm một sự tương giao hoạt động với Cõi thượng trí. Theo phép loại suy, có lẽ điều này cũng đúng đối với một Thái dương Thượng đế.

1. Cosmic Manas.

1. Manas Vũ Trụ.

Whence comes this fire? **Where originates this vital heat, or vibratory activity**, which is predominantly a feature of all conceivable Beings?

Ngọn lửa này từ đâu đến? **Nhiệt lực thiết yếu này, hay hoạt động rung động này, phát sinh từ đâu**, vốn là một đặc điểm nổi trội của mọi Hữu thể có thể hình dung được?

18. A "fire" is called by the descriptors "vital heat" and "vibratory activity".

18. Một "ngọn lửa" được gọi bằng các mô tả "nhiệt lực thiết yếu" và "hoạt động rung động".

19. We are to realize that cosmic manas is a "vital heat" and "vibratory activity".

19. Chúng ta phải nhận ra rằng manas vũ trụ là một "nhiệt lực thiết yếu" và một "hoạt động rung động".

20. Each thing is what it is *in itself*. We must, perforce, use words to describe things, but the words are not the things—this is obvious. We do the best we can with inadequate words.

20. Mỗi sự vật là chính nó *tự thân*. Chúng ta buộc phải dùng từ ngữ để mô tả sự vật, nhưng từ ngữ không phải là sự vật—điều này hiển nhiên. Chúng ta làm hết sức mình với những từ ngữ không đầy đủ.

How far back is it possible for us to go? Can we conceive of its origin?

Chúng ta có thể đi ngược về bao xa? Chúng ta có thể hình dung được nguồn gốc của nó chăng?

21. This is a great philosophical question, for surely if we begin to think about the universe in terms of conceivable wholes, we have no idea of the number of dimensions to be found within it—though the Tibetan has hinted at the number *ten.* (cf. TCF 1084)

21. Đây là một câu hỏi triết học lớn, vì chắc chắn nếu chúng ta bắt đầu suy nghĩ về vũ trụ theo những toàn thể có thể hình dung được, thì chúng ta không hề biết số lượng chiều kích có thể tìm thấy trong đó—dù Chân sư Tây Tạng đã gợi ý con số *mười.* (xem TCF 1084)

22. We have, perhaps, some idea of the ultimate universal structure (extrapolated from what we know of structures more immediately conceivable), but we do not know but a tiny portion of the steps on the "Ladder of Evolution" which lead thither.

22. Có lẽ chúng ta có một vài ý niệm về cấu trúc phổ quát tối hậu (ngoại suy từ những gì chúng ta biết về các cấu trúc có thể hình dung trực tiếp hơn), nhưng chúng ta chỉ biết một phần cực nhỏ của các bậc trên "Thang Tiến Hóa" dẫn đến đó.

23. We note that the Tibetan does not immediately answer this question.

23. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư Tây Tạng không trả lời ngay câu hỏi này.

What is this downpouring fire that animates the darkness of matter?

Ngọn lửa tuôn đổ này là gì, ngọn lửa làm sinh động bóng tối của vật chất?

24. We are asking, 'what is the down pouring fire that *ensouls* the darkness of matter?'

24. Chúng ta đang hỏi, 'ngọn lửa tuôn đổ nào là ngọn lửa *phú linh* bóng tối của vật chất?'

25. The implication, of course, is that it is the soul of cosmic manas.

26. This Treatise, in essence, concerns the higher fires of the cosmic mental plane—the plane from which the Buddha received, it is suggested, a touch of cosmic mental enlightenment.

27. We are about to attend to perhaps the most daunting chart in all of *TCF.* This chart is a constant point of reference for those who wish to understand the wider cosmic relations to which reference is often made. The chart is by no means easy of interpretation.

28. You will note that there are two charts below, one of them compliments of Keith Bailey, Chief Presiding Officer of Ancient Universal Mysteries (AUM). The chart he has provided is color-coded to reveal the ray significances of the various entities represented. We thank KB and AUM (Ancient Universal Mysteries) for permission to use the very illuminating chart he has created.

[Page 344] CHART V Evolution of a Solar Logos

25. Dĩ nhiên, hàm ý ở đây là đó chính là linh hồn của manas vũ trụ.

26. Về bản chất, bộ Luận này liên quan đến các ngọn lửa cao hơn của cõi trí vũ trụ—cõi mà từ đó Đức Phật, như được gợi ý, đã tiếp nhận một sự chạm đến của giác ngộ trí tuệ vũ trụ.

27. Chúng ta sắp chú tâm đến có lẽ là biểu đồ khó lĩnh hội nhất trong toàn bộ *TCF.* Biểu đồ này là một điểm tham chiếu thường trực cho những ai muốn hiểu các tương quan vũ trụ rộng lớn hơn thường được nhắc đến. Biểu đồ này tuyệt nhiên không dễ giải thích.

28. Các bạn sẽ lưu ý rằng bên dưới có hai biểu đồ, một trong số đó do Keith Bailey, Giám đốc Chủ trì của Ancient Universal Mysteries (AUM), cung cấp. Biểu đồ ông cung cấp được mã hóa màu để làm rõ các ý nghĩa về cung của những thực thể khác nhau được trình bày. Chúng tôi cảm ơn KB và AUM (Ancient Universal Mysteries) đã cho phép sử dụng biểu đồ rất soi sáng mà ông đã tạo ra.

[Page 344] BIỂU ĐỒ V Sự tiến hoá của một Thái dương Thượng đế

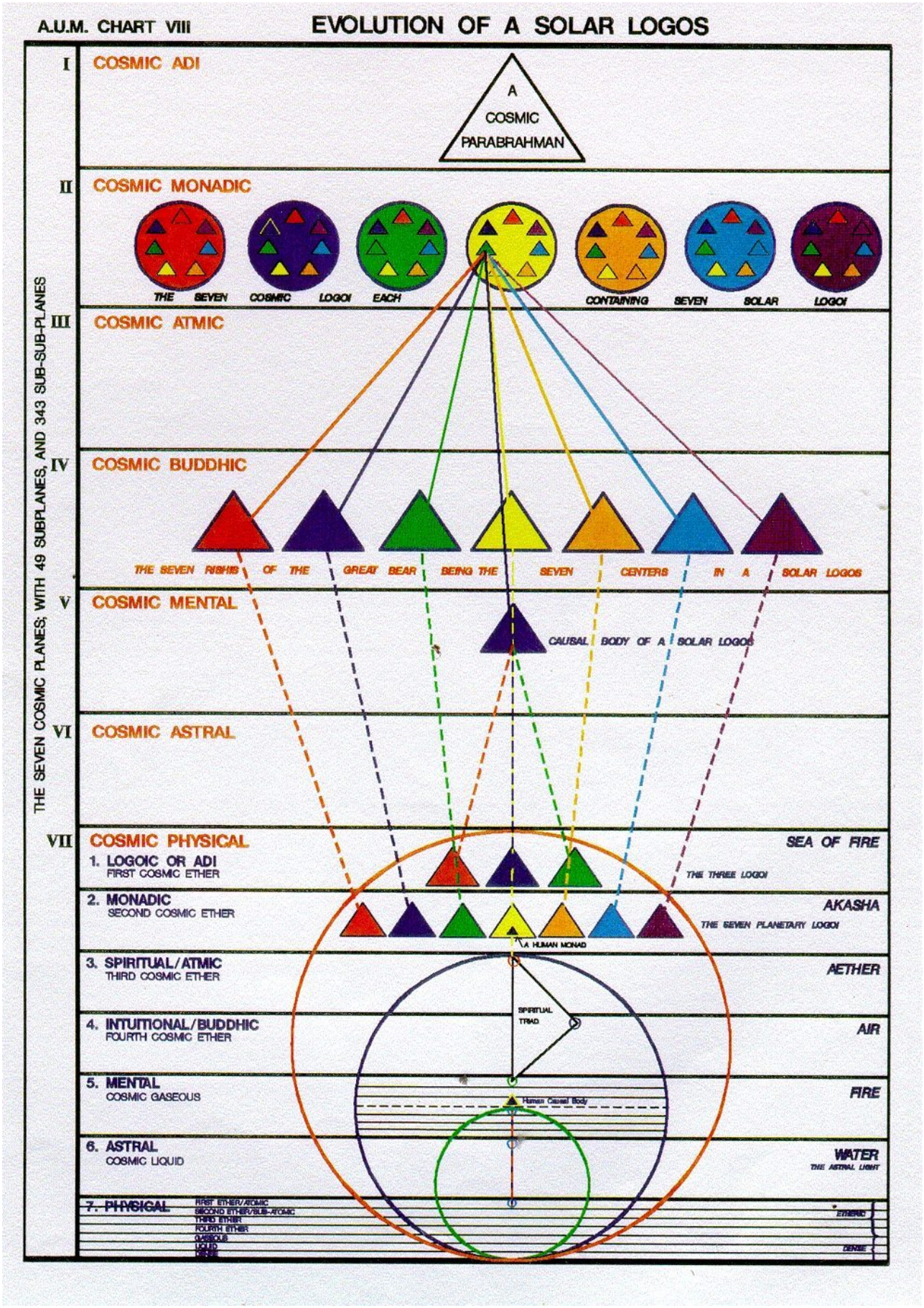
A.U.M. CHART VIII
EVOLUTION OF A SOLAR LOGOS
THE SEVEN COSMIC PLANES; WITH 49 SUBPLANES, AND 343 SUB-SUB-PLANES
I
COSMIC ADI
A COSMIC PARABRAHMAN
II
COSMIC MONADIC
THE SEVEN COSMIC LOGOI EACH CONTAINING SEVEN SOLAR LOGOI
III
COSMIC ATMIC
IV
COSMIC BUDDHIC
THE SEVEN RISHIS OF THE GREAT BEAR BEING THE SEVEN CENTERS IN A SOLAR LOGOS
V
COSMIC MENTAL
CAUSAL BODY OF A SOLAR LOGOS
VI
COSMIC ASTRAL
VII
COSMIC PHYSICAL
1. LOGOIC OR ADI
FIRST COSMIC ETHER
SEA OF FIRE
THE THREE LOGOI
2. MONADIC
SECOND COSMIC ETHER
AKASHA
THE SEVEN PLANETARY LOGOI
A HUMAN MONAD
3. SPIRITUAL/ATMIC
THIRD COSMIC ETHER
AETHER
SPIRITUAL TRIAD
4. INTUITIONAL/BUDDHIC
FOURTH COSMIC ETHER
AIR
5. MENTAL
COSMIC GASEOUS
FIRE
Human Causal Body
6. ASTRAL
COSMIC LIQUID
WATER
THE ASTRAL LIGHT
7. PHYSICAL
FIRST ETHER/ATOMIC
SECOND ETHER/SUB-ATOMIC
THIRD ETHER
FOURTH ETHER
GASEOUS
LIQUID
DENSE
ETHERIC
DENSE

29. Some major points to notice in relation to Chart V:

a. This chart is entitled “The Evolution of a Solar Logos”. It could refer to the evolution of the Solar Logos of this solar system, but not necessarily. It is probably best to consider the chart in relation to *our* Solar Logos, and secondarily, in relation to others (about which we are told very little if anything).

b. We will also have to define the term “Solar Logos” as there are many solar and constellational entities represented on this chart and something of significance is suggested about a number of them.

c. The chart places the Solar Logos in context. There are represented (so it seems) a number of lives *above* Him and certain lives ‘below’ Him.

d. The chart sets forth entities and activities in relation to seven *cosmic* planes.

e. It is a certainty that there are planes higher than the seven cosmic planes. We need super-cosmic planes if we are to trace the source of solar logoic Solar Angels or, as well, the monadic natures of such Beings as A Cosmic Parabrahman.

f. Working from the top of the chart downwards, we focus on the cosmic logoic plane. There we find a Being called a Cosmic Parabrahman.

g. Of this Being we may say:

29. Một số điểm chính cần lưu ý liên quan đến Biểu Đồ V:

a. Biểu đồ này có nhan đề “Sự tiến hoá của một Thái dương Thượng đế”. Nó có thể nói đến sự tiến hoá của Thái dương Thượng đế của hệ mặt trời này, nhưng không nhất thiết. Có lẽ tốt nhất là nên xem biểu đồ này trong liên hệ với Thái dương Thượng đế *của chúng ta*, và thứ yếu là trong liên hệ với những vị khác (về các vị ấy chúng ta được cho biết rất ít, nếu có).

b. Chúng ta cũng sẽ phải định nghĩa thuật ngữ “Thái dương Thượng đế”, vì có nhiều thực thể thái dương và chòm sao được trình bày trên biểu đồ này, và một điều gì đó có ý nghĩa được gợi ra về một số vị trong đó.

c. Biểu đồ đặt Thái dương Thượng đế vào trong bối cảnh. Ở đây có trình bày (dường như vậy) một số sự sống ở *trên* Ngài và một số sự sống ở ‘dưới’ Ngài.

d. Biểu đồ trình bày các thực thể và hoạt động trong liên hệ với bảy cõi *vũ trụ*.

e. Chắc chắn có những cõi cao hơn bảy cõi vũ trụ. Chúng ta cần đến các cõi siêu vũ trụ nếu muốn truy nguyên nguồn gốc của các Thái dương Thiên Thần của Thái dương Thượng đế hoặc, tương tự, bản chất chân thần của những Hữu thể như Một Parabrahman Vũ Trụ.

f. Đi từ đỉnh biểu đồ xuống dưới, chúng ta tập trung vào cõi logoic vũ trụ. Ở đó chúng ta thấy một Hữu thể được gọi là Một Parabrahman Vũ Trụ.

g. Về Hữu thể này, chúng ta có thể nói:

i. It is the greatest Being represented on this chart.

ii. Of this Being DK apparently says nothing in all His books.

iii. This Being is greater than the One Who is described as the One About Whom Naught May Be Said (Whose chakras are constellations).

iv. In fact, the A Cosmic Parabrahman is, in a way, seven times (or, depending upon the method of interpretation, perhaps forty-nine times) greater than any One About Whom Naught May Be Said.

v. In fact, A Cosmic Parabrahman may have for His chakras Beings that are minimally seven times vaster than Ones About Whom Naught May Be Said. This is a definite possibility and will be developed below.

vi. It may be inferred that A Cosmic Parabrahman is the principle Being in the entirety of our 'local cosmos'.

vii. It may also be inferred that A Cosmic Parabrahman is nowhere near as great in scope as a Galactic Logos.

viii. A Galactic Logos would express through planes higher and greater than those represented here.

ix. Perhaps the entire seven cosmic planes are merely the physical-etheric plane of such a great Entity. Or perhaps the Entity for which the seven cosmic planes are simply as a physical-etheric plane is much smaller in scope than a Galactic Logos.

i. Đây là Hữu thể vĩ đại nhất được trình bày trên biểu đồ này.

ii. Về Hữu thể này, dường như Chân sư DK không nói gì trong toàn bộ các sách của Ngài.

iii. Hữu thể này vĩ đại hơn Đấng được mô tả là Đấng Bất Khả Tư Nghị (mà các luân xa của Ngài là các chòm sao).

iv. Thật vậy, theo một cách nào đó, Một Parabrahman Vũ Trụ lớn hơn bất kỳ một Đấng Bất Khả Tư Nghị nào gấp bảy lần (hoặc, tùy theo phương pháp giải thích, có lẽ là bốn mươi chín lần).

v. Thật vậy, Một Parabrahman Vũ Trụ có thể có làm các luân xa của Ngài những Hữu thể ít nhất bao la hơn các Đấng Bất Khả Tư Nghị gấp bảy lần. Đây là một khả năng rõ rệt và sẽ được triển khai bên dưới.

vi. Có thể suy ra rằng Một Parabrahman Vũ Trụ là Hữu thể nguyên lý trong toàn thể 'vũ trụ cục bộ' của chúng ta.

vii. Cũng có thể suy ra rằng Một Parabrahman Vũ Trụ không hề gần đạt đến tầm vóc của một Galactic Logos.

viii. Một Galactic Logos sẽ biểu lộ qua những cõi cao hơn và lớn hơn những cõi được trình bày ở đây.

ix. Có lẽ toàn bộ bảy cõi vũ trụ chỉ đơn thuần là cõi hồng trần-dĩ thái của một Thực Thể vĩ đại như thế. Hoặc có lẽ Thực Thể mà đối với Ngài bảy cõi vũ trụ chỉ như một cõi hồng trần-dĩ thái lại nhỏ hơn nhiều về phạm vi so với một Galactic Logos.

x. Later we will speculate on the scope of the universe, beginning with the hint that it has ten dimensions. Then it may be possible (speculatively, of course) to place some of the Entities here represented on the "Ladder of Evolution".

x. Về sau chúng ta sẽ suy đoán về phạm vi của vũ trụ, bắt đầu từ gợi ý rằng nó có mười chiều kích. Khi đó có thể sẽ đặt được một số Thực Thể được trình bày ở đây lên "Thang Tiến Hóa" (dĩ nhiên chỉ là suy đoán).

h. On the cosmic monadic plane we have seven, sevenfold wheels represented:

h. Trên cõi chân thần vũ trụ, chúng ta có bảy bánh xe thất phân được trình bày:

i. On the cosmic monadic plane we read the heading: "The Seven Cosmic Logoi, Each Containing Seven Solar Logoi"

i. Trên cõi chân thần vũ trụ, chúng ta đọc thấy tiêu đề: "Bảy Thượng đế Vũ Trụ, Mỗi Vị Chứa Bảy Thái dương Thượng đế"

1. We should be immediately alerted that something is out of scale.

1. Chúng ta phải lập tức cảnh giác rằng có điều gì đó không đúng về tỷ lệ.

2. If we read this title literally, then each of the little colored triangles within one of the seven wheels would be a Solar Logos.

2. Nếu đọc tiêu đề này theo nghĩa đen, thì mỗi tam giác nhỏ có màu bên trong một trong bảy bánh xe sẽ là một Thái dương Thượng đế.

3. But we notice that from the green triangle, in the yellow large circle, not only does our own Solar Logos hold place (let us for argument's sake call "a Solar Logos" '*our* Solar Logos', but seven still greater Logoi (the Seven Rishis of the Great Bear) also emanate (out-pictured on the fourth cosmic plane as seven rather large triangles).

3. Nhưng chúng ta lưu ý rằng từ tam giác màu xanh lục, trong vòng tròn lớn màu vàng, không chỉ Thái dương Thượng đế của chính chúng ta giữ vị trí (tạm thời vì mục đích lập luận, chúng ta hãy gọi "một Thái dương Thượng đế" là 'Thái dương Thượng đế *của chúng ta*'), mà còn có bảy Thượng đế lớn hơn nữa (Bảy Đấng Rishi của Đại Hùng Tinh) cũng xuất lộ ra (được biểu hiện ở cõi vũ trụ thứ tư như bảy tam giác khá lớn).

4. So it is certainly obvious that each of the triangles to be found within the large circles on plane two of this chart, do *not* "Solar Logoi" in the sense that we use the term.

4. Vì vậy, hiển nhiên là mỗi tam giác được tìm thấy trong các vòng tròn lớn ở cõi thứ hai của biểu đồ này *không* phải là "Thái dương Thượng đế" theo nghĩa mà chúng ta dùng thuật ngữ ấy.

5. What we are seeing is that the term "Solar Logoi" is probably being *blinded,* and that the term, in this chart, refers to an Entity

5. Điều chúng ta đang thấy là thuật ngữ "Thái dương Thượng đế" có lẽ đang được *che giấu,* và rằng thuật ngữ này, trong biểu đồ,

much greater than a Solar Logos (considering a Solar Logos *conventionally* as a Being who expressed through one Sun).

chỉ đến một Thực thể lớn hơn nhiều so với một Thái dương Thượng đế (nếu hiểu Thái dương Thượng đế theo nghĩa *thông thường* là một Hữu thể biểu lộ qua một Mặt Trời).

6. If the Being expressing through one of the little triangles is a "Solar Logos", it is a Solar Logos Who expresses through at least eight Suns, and probably (as I will show) many more.

6. Nếu Hữu thể biểu lộ qua một trong những tam giác nhỏ là một "Thái dương Thượng đế", thì đó là một Thái dương Thượng đế biểu lộ qua ít nhất tám Mặt Trời, và có lẽ (như tôi sẽ chỉ ra) còn nhiều hơn thế nữa.

ii. Each one of these larger circles represents an Entity which ***can*** be called A One About Whom Naught May Be Said, and, *for the moment*, we will advance such an hypothesis.

ii. Mỗi một vòng tròn lớn này đại diện cho một Thực thể mà ***có thể*** được gọi là một Đấng Bất Khả Tư Nghị, và, *trong lúc này*, chúng ta sẽ đưa ra một giả thuyết như vậy.

iii. Some of what is said in this section will temporarily assume that these seven circles are Ones About Whom Naught May Be Said.

iii. Một phần những gì được nói trong mục này sẽ tạm thời giả định rằng bảy vòng tròn này là các Đấng Bất Khả Tư Nghị.

iv. If it develops that they are *not,* (and this is probable) it will be because They (the Entities represented by the seven circles) are *even larger Entities*, including within each of them *seven* Ones About Whom Naught May Be Said.

iv. Nếu về sau phát triển rằng các vị ấy *không phải,* (và điều này có khả năng), thì đó sẽ là vì Các Ngài (các Thực thể được biểu thị bởi bảy vòng tròn) là những *Thực thể còn lớn hơn nữa*, mỗi vị bao gồm trong chính mình *bảy* Đấng Bất Khả Tư Nghị.

v. For the sake of convenience, we will call Option I the hypothesis that the seven large circles each represent a One About Whom Naught May Be Said.

v. Để tiện lợi, chúng ta sẽ gọi Lựa Chọn I là giả thuyết cho rằng bảy vòng tròn lớn mỗi vòng đại diện cho một Đấng Bất Khả Tư Nghị.

vi. We will call Option II the hypothesis (more likely) that the seven large circles each represent a being seven times larger or more comprehensive that a One About Whom Naught May Be Said.

vi. Chúng ta sẽ gọi Lựa Chọn II là giả thuyết (có khả năng hơn) cho rằng bảy vòng tròn lớn mỗi vòng đại diện cho một hữu thể lớn hơn hoặc bao quát hơn một Đấng Bất Khả Tư Nghị gấp bảy lần.

vii. So frequently in the Teaching we hear about *The* One About Whom Naught May Be Said. Here we see that in our local cosmos, there may be *seven* such Beings. This is one

vii. Trong Giáo Huấn, chúng ta thường nghe nói đến *Đấng* Bất Khả Tư Nghị. Ở đây chúng ta thấy rằng trong vũ trụ cục bộ của chúng ta, có thể có *bảy* Hữu thể như vậy. Ít nhất đây

hypothesis at least—Option I. It may turn out that there are actually forty-nine. *And* just as there are *many* Planetary Logoi but only seven of them sacred, it may turn out that there are *many, many* Ones About Whom Naught May Be Said to be reckoned with, but only seven of Them sacred within any larger system.

là một giả thuyết—Lựa Chọn I. Có thể rốt cuộc sẽ là bốn mươi chín. *Và* cũng như có *nhiều* Hành Tinh Thượng Đế nhưng chỉ có bảy vị là thiêng liêng, thì có thể sẽ có *rất, rất nhiều* Đấng Bất Khả Tư Nghị cần được tính đến, nhưng chỉ có bảy Đấng trong số Các Ngài là thiêng liêng trong bất kỳ hệ thống lớn hơn nào.

viii. The number *seven* is always connected with the second or monadic plane of the cosmic physical plane. We see that the *seventh* Creative Hierarchy (if we count downward from the first liberated Creative Hierarchy on the cosmic astral plane) finds its place there, on the second sub-plane of the cosmic physical plane.

viii. Con số *bảy* luôn luôn gắn liền với cõi thứ hai hay cõi chân thần của cõi hồng trần vũ trụ. Chúng ta thấy rằng Huyền Giai Sáng Tạo thứ *bảy* (nếu đếm xuống từ Huyền Giai Sáng Tạo được giải thoát đầu tiên trên cõi cảm dục vũ trụ) tìm thấy vị trí của mình ở đó, trên cõi phụ thứ hai của cõi hồng trần vũ trụ.

ix. We may extrapolate, and justify the connection of the number *seven* with the cosmic monadic plane, for it seems that there are always *seven* monadic rays (frequently referred to in the Teaching), but only three *major* ones.

ix. Chúng ta có thể ngoại suy, và biện minh cho mối liên hệ của con số *bảy* với cõi chân thần vũ trụ, vì dường như luôn luôn có *bảy* cung chân thần (thường được nhắc đến trong Giáo Huấn), nhưng chỉ có ba cung *chính*.

x. We notice that each of the circles on the cosmic monadic plane is color coded, representing the seven cosmic monadic ray types—whether of a One About Whom Naught May Be Said (Option I) or of a Being which uses Ones About Whom Naught May Be Said for its chakras (Option II).

x. Chúng ta lưu ý rằng mỗi vòng tròn trên cõi chân thần vũ trụ đều được mã hóa màu, đại diện cho bảy loại cung chân thần vũ trụ—dù là của một Đấng Bất Khả Tư Nghị (Lựa Chọn I) hay của một Hữu thể dùng các Đấng Bất Khả Tư Nghị làm các luân xa của mình (Lựa Chọn II).

xi. From this perspective of Option I, that particular One About Whom Naught May Be Said from which our Solar Logos emanates is represented in yellow as the *central* one of the seven.

xi. Từ góc nhìn của Lựa Chọn I này, Đấng Bất Khả Tư Nghị đặc biệt mà từ đó Thái dương Thượng đế của chúng ta xuất lộ được biểu thị bằng màu vàng như là vị *trung tâm* trong bảy vị.

xii. It would be useful if this were an accurate representation, but we have no assurance that it is. If accurate, it would suggest that our immediate cosmo system (under the supervision of our One About

xii. Sẽ hữu ích nếu đây là một biểu thị chính xác, nhưng chúng ta không có gì bảo đảm rằng nó đúng. Nếu chính xác, điều đó sẽ gợi ý rằng hệ cosmo trực tiếp của chúng ta (dưới sự giám sát của Đấng Bất Khả Tư Nghị của

Whom Naught May Be Said) emanates from a Being Who expresses as a fourth ray Monad. This would tell us much about everything that is happening on our immediate cosmos.

chúng ta) xuất lộ từ một Hữu thể biểu lộ như một Chân thần cung bốn. Điều này sẽ cho chúng ta biết rất nhiều về mọi điều đang xảy ra trong vũ trụ trực tiếp của chúng ta.

xiii. However, we must realize that in order to draw the chart on paper in a symmetrical manner, *our* particular One About Whom Naught May Be Said would have to be placed in the center of the chart whether or not He actually belongs there qualitatively.

xiii. Tuy nhiên, chúng ta phải nhận ra rằng để vẽ biểu đồ trên giấy một cách đối xứng, Đấng Bất Khả Tư Nghị *của chúng ta* hẳn phải được đặt ở trung tâm biểu đồ, dù Ngài có thực sự thuộc về vị trí ấy về phẩm tính hay không.

xiv. Some have noticed the following sequence of fours:

xiv. Một số người đã lưu ý chuỗi các số bốn sau đây:

1. Man is a member of the *fourth* Creative Hierarchy.

1. Con người là một thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ *tư*.

2. Man (on our planet) expresses on the *fourth* globe of the Earth-scheme.

2. Con người (trên hành tinh của chúng ta) biểu lộ trên bầu hành tinh thứ *tư* của hệ Địa Cầu.

3. Man expresses through the *fourth* chain of the Earth-scheme.

3. Con người biểu lộ qua dãy thứ *tư* của hệ Địa Cầu.

4. And the Earth-scheme itself is the *fourth* planet from the Sun counting Vulcan and discounting another possibly intra-Mercurial planet called Adonis.

4. Và chính hệ Địa Cầu là hành tinh thứ *tư* tính từ Mặt Trời nếu kể cả Vulcan và không tính đến một hành tinh có thể nằm trong quỹ đạo Sao Thủy gọi là Adonis.

5. Further, our solar system is one of the *fourth* order.

5. Hơn nữa, hệ mặt trời của chúng ta là một hệ thuộc bậc *thứ tư*.

6. The Seven Solar Systems of Which Ours is One also are intimately related to the number *four* as they are related to both Taurus and Scorpio which are two of the three constellational distributors of the *fourth* ray (cf. EA 50).

6. Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là một trong đó cũng liên hệ mật thiết với con số *bốn* vì chúng liên hệ với cả Kim Ngưu lẫn Hổ Cáp, là hai trong ba chòm sao phân phối cung *bốn* (xem EA 50).

7. Now, if *our* One About Whom Naught May Be Said should also be related to the number *four* because of a fourth ray Monad, then a tremendous alignment according with the number *four* would be indicated. We must, however, refrain, from jumping to conclusions in regard to this last possibility..

7. Giờ đây, nếu Đấng Bất Khả Tư Nghị *của chúng ta* cũng liên hệ với con số *bốn* do một Chân thần cung bốn, thì một sự chỉnh hợp to lớn phù hợp với con số *bốn* sẽ được chỉ ra. Tuy nhiên, chúng ta phải tránh vội kết luận về khả năng cuối cùng này..

8. The rays of the One About Whom Naught May Be Said have been hinted by DK. If the One About Whom Naught May Be Said discussed in the excerpt below is the *true* One About Whom Naught May Be Said (and not the Lord of the Seven Solar Systems of Which Ours is One), then we will see that the hint given in Chart V. pointing towards the fourth ray of the One About Whom Naught May Be Said is *incorrect*. Rather the rays *three, seven* and *one,* are the principle ray constituents of this Entity. See what you think.

8. Các cung của Đấng Bất Khả Tư Nghị đã được Chân sư DK gợi ý. Nếu Đấng Bất Khả Tư Nghị được bàn đến trong đoạn trích dưới đây là Đấng Bất Khả Tư Nghị *đích thực* (chứ không phải Chúa Tể của Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là một trong đó), thì chúng ta sẽ thấy rằng gợi ý được đưa ra trong Biểu Đồ V, hướng đến cung bốn của Đấng Bất Khả Tư Nghị, là *không đúng*. Đúng hơn, các cung *ba, bảy* và *một,* là những thành phần cung nguyên lý của Thực thể này. Hãy xem các bạn nghĩ thế nào.

9. So much will depend upon what is meant by “seven solar systems”. We have already seen from the description of the second cosmic plane on Chart V. that the term “Solar Logoi” may not mean on the chart what it usually means to us. In other words, on the chart, it may (and almost certainly does) indicate a much greater Entity that a Solar Logos expressing through a star.

9. Rất nhiều điều sẽ tùy thuộc vào ý nghĩa của cụm từ “bảy hệ mặt trời”. Chúng ta đã thấy từ mô tả về cõi vũ trụ thứ hai trong Biểu Đồ V rằng thuật ngữ “Thái dương Thượng đế” có thể không mang trên biểu đồ ý nghĩa mà nó thường mang đối với chúng ta. Nói cách khác, trên biểu đồ, nó có thể (và gần như chắc chắn là) chỉ đến một Thực thể lớn hơn nhiều so với một Thái dương Thượng đế biểu lộ qua một ngôi sao.

10. Equally, the term “solar system” *may* mean a system with seven majors suns, but it may also mean a system with many more suns than seven. The constituents would still be solar (i.e., Solar Logoi expressing through suns), but in such a system the Solar Logoi could be grouped into seven constellations, or even forty-nine). In terms of the blind, such a system would still be a “*solar* system”.

10. Tương tự, thuật ngữ “hệ mặt trời” *có thể* có nghĩa là một hệ với bảy mặt trời chính, nhưng cũng có thể có nghĩa là một hệ với nhiều hơn bảy mặt trời rất nhiều. Các thành phần vẫn sẽ là thái dương (tức là các Thái dương Thượng đế biểu lộ qua các mặt trời), nhưng trong một hệ như vậy, các Thái dương Thượng đế có thể được nhóm thành bảy chòm sao, hoặc thậm chí bốn mươi

chín). Xét theo sự che giấu, một hệ như vậy vẫn sẽ là một "hệ *mặt trời*".

11. Here is an extremely important quotation related to the ray nature of a Being Who could be called the One About Whom Naught May Be Said:

11. Đây là một trích dẫn cực kỳ quan trọng liên quan đến bản chất cung của một Hữu thể có thể được gọi là Đấng Bất Khả Tư Nghị:

Life is the synthesis of all activity—an activity which is a blend of many energies, for life is the sum total of the energies of the **seven solar systems**, of which **our solar system** is but one. These, in their totality, are the expression of the activity of that Being Who is designated in our hierarchical archives as **the "One About Whom Naught May Be Said."** This seven-fold cosmic energy, the fused and blended energies of **seven solar systems**, including ours, sweeps automatically through each of the seven, carrying the qualities of

Sự sống là sự tổng hợp của mọi hoạt động—một hoạt động là sự pha trộn của nhiều năng lượng, vì sự sống là tổng số các năng lượng của **bảy hệ mặt trời**, trong đó **hệ mặt trời của chúng ta** chỉ là một. Toàn bộ những hệ ấy là biểu hiện của hoạt động của Hữu thể được chỉ định trong các văn khố huyền giai của chúng ta là **"Đấng Bất Khả Tư Nghị."** Năng lượng vũ trụ thất phân này, các năng lượng dung hợp và hòa trộn của **bảy hệ mặt trời**, kể cả hệ của chúng ta, tự động quét qua từng hệ trong bảy hệ, mang theo các phẩm tính của

12. When interpreting the paragraph above, so much depends upon the meaning we give to the word "solar system". It may mean a single Solar Logos expressing through a number of Planetary Logoi; *or* it may mean a system in which *seven major Solar Logoi* are grouped together—i.e., what we conventionally call a "constellation".

12. Khi giải thích đoạn văn trên, rất nhiều điều tùy thuộc vào ý nghĩa chúng ta gán cho từ "hệ mặt trời". Nó có thể có nghĩa là một Thái dương Thượng đế đơn lẻ biểu lộ qua một số Hành Tinh Thượng Đế; *hoặc* nó có thể có nghĩa là một hệ trong đó *bảy Thái dương Thượng đế chính* được nhóm lại với nhau—tức là điều mà theo cách gọi thông thường chúng ta gọi là một "chòm sao".

13. Such a grouping would still be a system, and the major constituents of the system would still be 'solar' or 'stellar'.

13. Một sự nhóm lại như vậy vẫn sẽ là một hệ, và các thành phần chính của hệ ấy vẫn sẽ là 'thái dương' hay 'tinh tú'.

14. We are potentially in the midst of what could be called a '*level* blind'.

14. Có khả năng chúng ta đang ở giữa điều có thể được gọi là một sự che giấu về '*cấp độ*'.

1. Impulse towards activity. [R3]

1. Xung lực hướng tới hoạt động. [R3]

2. Active impulse towards organisation. [R3→R7]

3. Active organised impulse towards a definite purpose. [R3 + R7→R1]

I have worded these impulses as above in order to show the emergent tendency through their mutual interplay. This triple energetic impulse, borne on the impetus of the seven great [Page 151] breaths or rays, started the world process of Becoming, and manifested as the urge towards evolution,—towards an evolution which is active, organised, and which works undeviatingly and unerringly towards a specific goal. This goal is known in its fullest measure only to **that incomprehensible Existence Who works through seven solar systems** (in their turn the expression of seven great Lives) just as our solar Deity works through the seven planetary Logoi. All this has been hinted at and outlined in A Treatise on Cosmic Fire, and I do not propose enlarging upon it here. (EP I 150-151)

15. So, in fact, the fourth ray (as the defining quality of the One About Whom Naught May Be Said—a great Being expressing through seven "solar systems"—whatever is meant by the word "system") is not at all suggested. Perhaps, what is suggested is a *third* ray Monad, a *seventh* ray Soul and a *first* ray Personality.

16. This, of course, is sheer speculation, as the Tibetan has told us that we cannot really know anything about the One About Whom Naught May Be Said until completing the term of evolution in our solar system.

2. Xung lực hoạt động hướng tới tổ chức. [R3→R7]

3. Xung lực hoạt động có tổ chức hướng tới một mục đích xác định. [R3 + R7→R1]

Tôi đã diễn đạt các xung lực này như trên để cho thấy khuynh hướng đang nổi lên qua sự tương tác lẫn nhau của chúng. Xung lực năng lượng tam phân này, được mang đi trên đà thúc đẩy của bảy hơi thở hay cung lớn [Page 151], đã khởi sự tiến trình thế giới của Thế Giới Đang Trở Thành, và biểu lộ như sự thôi thúc hướng tới tiến hoá,—hướng tới một sự tiến hoá năng động, có tổ chức, và hoạt động một cách không lệch lạc, không sai lầm hướng tới một mục tiêu xác định. Mục tiêu này, trong mức độ trọn vẹn nhất của nó, chỉ được biết đến bởi **Đấng Tồn Tại bất khả tư nghị ấy, Đấng hoạt động qua bảy hệ mặt trời** (đến lượt chúng lại là biểu hiện của bảy Sự sống vĩ đại) cũng như Thượng đế hệ mặt trời của chúng ta hoạt động qua bảy Hành Tinh Thượng Đế. Tất cả điều này đã được gợi ý và phác thảo trong Luận về Lửa Vũ Trụ, và tôi không định khai triển thêm ở đây. (EP I 150-151)

15. Thật vậy, cung bốn (với tư cách là phẩm tính xác định của Đấng Bất Khả Tư Nghị—một Hữu Thể Vĩ Đại biểu lộ qua bảy "hệ mặt trời"—dù từ "hệ" được hiểu theo nghĩa nào) hoàn toàn không được gợi ra. Có lẽ điều được gợi ra là một chân thần cung *ba*, một linh hồn cung *bảy* và một phàm ngã cung *một*.

16. Dĩ nhiên, đây hoàn toàn là suy đoán, vì Chân sư Tây Tạng đã nói với chúng ta rằng chúng ta không thể thực sự biết bất cứ điều gì về Đấng Bất Khả Tư Nghị cho đến khi hoàn tất chu kỳ tiến hoá trong hệ mặt trời của chúng ta.

In parentheses, it is well to note that this Existence is termed "the One about Whom naught may be said", not because of secrecy or mystery, but **because all formulation of ideas about His life and purpose are impossible until one has completed the term of evolution in our solar system.** (TWM 274)

Trong ngoặc đơn, cần lưu ý rằng Hữu Thể này được gọi là "Đấng Bất Khả Tư Nghị", không phải vì tính bí mật hay huyền nhiệm, mà **vì mọi sự hình thành ý tưởng về sự sống và mục đích của Ngài đều là bất khả cho đến khi người ta đã hoàn tất chu kỳ tiến hoá trong hệ mặt trời của chúng ta.** (TWM 274)

17. Further, there remains the possibility that the Being described above in terms of the third, seventh and first rays, is really the Lord of the Seven Solar Systems of Which Ours is One, or the vast Sirian Logos (not the Lord of the *star* Sirius).

17. Hơn nữa, vẫn còn khả năng rằng Hữu Thể được mô tả ở trên theo các cung ba, bảy và một thực ra là Chúa Tể của Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là một trong đó, hay Sirian Logos bao la (không phải Chúa Tể của ngôi *sao* Sirius).

18. The Lord of the Seven Solar Systems of Which Ours is One is a "Cosmic Logos". If this Cosmic Logos is also called a One About Whom Naught May Be Said, then we are faced with the idea that there are higher and lower order *Ones* About Whom Naught May Be Said, with the Being usually known as the One About Whom Naught May Be Said containing seven 'sacred' Ones About Whom Naught May Be Said (*of a lower order*).

18. Chúa Tể của Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là một trong đó là một "Cosmic Logos". Nếu Cosmic Logos này cũng được gọi là một Đấng Bất Khả Tư Nghị, thì chúng ta phải đối diện với ý tưởng rằng có những Đấng Bất Khả Tư Nghị thuộc trật tự cao hơn và thấp hơn, với Hữu Thể thường được biết đến như Đấng Bất Khả Tư Nghị bao hàm bảy Đấng Bất Khả Tư Nghị 'thiêng liêng' (*thuộc một trật tự thấp hơn*).

19. However, knowing what we know of the kind of constellation or "cosmic group" to which our Solar Logos belongs, again, the rays discussed here (three, seven and one) do not seem correct, for in that group, it would seem there is much of the fourth and sixth rays, as that Being is so full of what we might call 'cosmic Desire'.

19. Tuy nhiên, xét theo điều chúng ta biết về loại chòm sao hay "nhóm vũ trụ" mà Thái dương Thượng đế của chúng ta thuộc về, thì một lần nữa, các cung được bàn đến ở đây (ba, bảy và một) dường như không đúng, vì trong nhóm đó, dường như có rất nhiều cung bốn và cung sáu, bởi Hữu Thể ấy tràn đầy điều mà chúng ta có thể gọi là 'Dục vọng vũ trụ'.

20. Below, we will offer a solution to this problem (whether or not the solution is correct).

20. Dưới đây, chúng tôi sẽ đưa ra một giải pháp cho vấn đề này (dù giải pháp ấy có đúng hay không).

21. In any case, following these hints carefully, we nevertheless find we are far "beyond our depth".

21. Trong bất kỳ trường hợp nào, dù cẩn thận theo sát những gợi ý này, chúng ta vẫn thấy mình ở rất xa "độ sâu có thể dò tới".

22. The purpose of this discussion is, in some respects, a warning against taking the layout of Chart V. too literally.

22. Mục đích của cuộc thảo luận này, trên một vài phương diện, là một lời cảnh báo chống lại việc hiểu bố cục của Biểu đồ V. quá sát nghĩa đen.

xv. For purposes of discussion of this chart, it will be necessary to distinguish between our "*local* cosmosystem" (under the supervision of A Cosmic Parabrahman) and our "*immediate* cosmosystem" (under the supervision of *our* One About Whom Naught May Be Said). In other Commentaries I have called our One About Whom Naught May Be Said the supervisor of our "local cosmosystem", but, at this point, (having to consider the Cosmic Parabrahman) find the need to differentiate.

xv. Vì mục đích thảo luận về biểu đồ này, sẽ cần phải phân biệt giữa "*cosmosystem* địa phương" của chúng ta (dưới sự giám sát của một Cosmic Parabrahman) và "*cosmosystem* trực tiếp" của chúng ta (dưới sự giám sát của *Đấng Bất Khả Tư Nghị* của chúng ta). Trong các Cổ Luận khác, tôi đã gọi Đấng Bất Khả Tư Nghị của chúng ta là vị giám sát "cosmosystem địa phương" của chúng ta, nhưng tại điểm này, (vì phải xét đến Cosmic Parabrahman) tôi thấy cần phải phân biệt.

xvi. If Option II turns out to be correct, then there will be three kinds of Supervisors:

xvi. Nếu Phương án II hóa ra là đúng, thì sẽ có ba loại Đấng Giám Sát:

1. Our local Cosmic Parabrahman

1. Cosmic Parabrahman địa phương của chúng ta

2. Sub-Parabrahmic Logoi

2. Các Logoi Hạ-Parabrahmic

3. Ones About Whom Naught May Be Said

3. Các Đấng Bất Khả Tư Nghị

xvii. It will be evident that within the local cosmo system (relatively vast) supervised by a Cosmic Parabrahman, a number of subsidiary cosmo-systems will be found (one of which is 'ours', and which contains many of the stars and starry systems with which we are familiar).

xvii. Hiển nhiên là trong cosmosystem địa phương (tương đối bao la) được một Cosmic Parabrahman giám sát, sẽ tìm thấy một số cosmo-system phụ thuộc (một trong số đó là 'của chúng ta', và chứa nhiều ngôi sao cùng các hệ sao mà chúng ta quen thuộc).

xviii. We are now returning to a consideration of the seven wheels found on the cosmic monadic plane.

xviii. Giờ đây chúng ta quay lại việc xem xét bảy bánh xe được tìm thấy trên cõi chân thần vũ trụ.

xix. We note that in every one of these large wheels we find seven triangles, each of them colored as well to represent Beings which express through one or other of the seven rays.

xix. Chúng ta lưu ý rằng trong mỗi một bánh xe lớn này, chúng ta thấy bảy tam giác, mỗi tam giác cũng được tô màu để biểu thị các Hữu Thể biểu lộ qua một hay một cung khác trong bảy cung.

xx. At this point, we must realize that the Seven Rays, *universally considered,* (i.e., in relation to the *entirety* of Cosmos), do *not* emanate from the Seven Rishis of the Great Bear, Who are merely Their representatives on a relatively low level—cosmically speaking.

xx. Tại điểm này, chúng ta phải nhận ra rằng Bảy Cung, *xét một cách phổ quát,* (tức là, trong liên hệ với *toàn thể* Vũ Trụ), *không* phát xuất từ Bảy Rishi của Đại Hùng Tinh, các Ngài chỉ đơn thuần là những vị đại diện của Các Ngài trên một cấp độ tương đối thấp —xét theo vũ trụ.

xxi. The origin of the Seven Rays is the Foundational Cosmic Septenate (the Primary Cosmic Integer-Beings) which underlies every authentic septenate in cosmos.

xxi. Nguồn gốc của Bảy Cung là Thất Nguyên Vũ Trụ Nền Tảng (các Hữu Thể-Số Nguyên Vũ Trụ Sơ Khởi), vốn làm nền cho mọi thất nguyên chân chính trong vũ trụ.

i. Let us now discuss the seven sets of seven triangles found in the seven Ones About Whom Naught May Be Said—*if* that is what the large circles on the cosmic monadic plane really are (Option I). If, however, such circles *are,* indeed, Ones About Whom Naught May Be Said (i.e., Beings having constellations for their chakras), then *we will be faced with a problem which is not readily soluble* using Option I. If, on the other hand, the large circles represent a Being which uses *Ones* About Whom Naught May Be Said for its chakras, then the problems may be solved (Option II).

i. Giờ đây chúng ta hãy bàn về bảy bộ bảy tam giác được tìm thấy trong bảy Đấng Bất Khả Tư Nghị—*nếu* đó thực sự là điều mà các vòng tròn lớn trên cõi chân thần vũ trụ là như vậy (Phương án I). Tuy nhiên, nếu những vòng tròn ấy *quả thực là* các Đấng Bất Khả Tư Nghị (tức là, các Hữu Thể lấy các chòm sao làm các luân xa của mình), thì *chúng ta sẽ phải đối diện với một vấn đề không dễ giải quyết* khi dùng Phương án I. Mặt khác, nếu các vòng tròn lớn biểu thị một Hữu Thể dùng các *Đấng* Bất Khả Tư Nghị làm các luân xa của nó, thì các vấn đề có thể được giải quyết (Phương án II).

i. It can be said with certainty that the little triangles *do* represent star clusters, or 'solar *systems*' (in the larger sense). Our task it to

i. Có thể nói một cách chắc chắn rằng các tam giác nhỏ *quả thực* biểu thị các cụm sao, hay các 'hệ mặt trời' (theo nghĩa rộng hơn).

determine *just how large* these solar *systems* are.

ii. The first theory (Option I), and one that I have entertained as a possibility for many years is that the large circles on the cosmic monadic plane were *Ones* About Whom Naught May Be Said, and that the triangles represented constellations which were the chakras of a particular One About Whom Naught May Be Said.

iii. The problems arising from Option I are the following:

1. Why should the large circle from which our Solar Logos and the Seven Rishis emanate be yellow and correlated to ray four —the central ray?

2. We have already read the one reference (EP I 150-151) which hints at the ray nature of the One About Whom Naught May Be Said; in fact this reference is rather explicit, suggesting rays three, seven and one as descriptive of its nature. Yet, we see nothing on this chart to suggest that the *central* One About Whom Naught May Be Said is to be found on the third, seventh or first rays. (It may be that the chart will not reveal such information and that the position of the large circle from which emanations emerge is simply in a conventional place due to graphic considerations).

3. Further, it can be shown that the constellational system called the Seven Solar Systems of Which Ours is One and of which our Solar Logos is a part, has much to do with the *fourth* ray and, given the astral or kama-manasic nature of its two hypothesized leading stars—Sirius and Sol (our Sun)—is to be connected with desire and the solar plexus center of a Super-

Nhiệm vụ của chúng ta là xác định *chính xác chúng lớn đến mức nào* các 'hệ mặt trời' này.

ii. Lý thuyết thứ nhất (Phương án I), và là điều tôi đã xem như một khả năng trong nhiều năm, là các vòng tròn lớn trên cõi chân thần vũ trụ là các *Đấng* Bất Khả Tư Nghị, và các tam giác biểu thị các chòm sao vốn là các luân xa của một Đấng Bất Khả Tư Nghị đặc thù.

iii. Các vấn đề phát sinh từ Phương án I là như sau:

1. Tại sao vòng tròn lớn mà từ đó Thái dương Thượng đế của chúng ta và Bảy Rishi phát xuất lại có màu vàng và tương ứng với cung bốn—cung trung tâm?

2. Chúng ta đã đọc đoạn dẫn duy nhất (EP I 150-151) gợi ý về bản chất cung của Đấng Bất Khả Tư Nghị; thật ra đoạn này khá minh nhiên, gợi ra các cung ba, bảy và một như mô tả bản chất của Ngài. Tuy nhiên, chúng ta không thấy gì trên biểu đồ này gợi rằng Đấng Bất Khả Tư Nghị *trung tâm* được tìm thấy trên cung ba, bảy hay một. (Có thể biểu đồ sẽ không tiết lộ thông tin như thế và vị trí của vòng tròn lớn mà từ đó các phát xạ xuất hiện chỉ đơn giản ở một vị trí quy ước do những cân nhắc đồ họa).

3. Hơn nữa, có thể chỉ ra rằng hệ chòm sao được gọi là Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là một trong đó và Thái dương Thượng đế của chúng ta là một phần của nó, có liên hệ rất nhiều với cung *bốn* và, xét theo bản chất cảm dục hay trí-cảm của hai ngôi sao dẫn đạo được giả định của nó—Sirius và Sol (Mặt Trời của chúng ta)—thì phải được nối kết với dục vọng và trung tâm tùng thái dương của

Cosmic Logos, and not with the chakras through which rays three, seven or one express. Sirius, it turns out, is not only to be associated with cosmic manas, but with cosmic *kama*-manas.

4. (Admittedly, a hypothesis underlies this assertion Sirius and Sol—namely, that the nature of the Seven Solar Systems of Which Ours is One can be somewhat fathomed and that both our Sun *and Sirius* are part of it—which, on reflection, and in consideration of the relative closeness of Sirius and Sol seems reasonable. Other elements of the tabulation on EA 50 contra-indicate this hypothesis, for Sirius seems to be separated from the Seven Solar Systems of Which Ours is One)

5. What shall we do? If we accept that the large circles are indeed, Ones About Whom Naught May Be Said (Option I), we have some *qualitative* anomalies.

6. But we also have something *worse*! We will notice that *both* Sol (our Solar Logos) and the Seven Rishis of the Great Bear emanate from the third (green) triangle of the fourth large circle.

7. If each of the triangles within the large circles simply represents a constellation in which there are seven major stars, which are as chakras in a One About Whom Naught May Be Said (symbolized by a large circle), then why do both the Seven Rishis of the Great Bear and our Sun, Sol, emanate from the same triangle?

8. The Seven Rishis of the Great Bear are to be considered the major stars in one chakra of our One About Whom Naught May Be Said. But Sol (hypothetically with Sirius) is

một Super-Cosmic Logos, chứ không phải với các luân xa qua đó các cung ba, bảy hay một biểu lộ. Hóa ra Sirius không chỉ được liên kết với manas vũ trụ, mà còn với *kama*-manas vũ trụ.

4. (Phải thừa nhận rằng, một giả thuyết nằm dưới khẳng định này về Sirius và Sol—cụ thể là, bản chất của Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là một trong đó có thể được thấu hiểu phần nào và rằng cả Mặt Trời của chúng ta *lẫn Sirius* đều là một phần của nó—điều này, khi suy xét, và xét đến sự gần gũi tương đối của Sirius và Sol, có vẻ hợp lý. Những yếu tố khác trong bảng liệt kê ở EA 50 lại chống chỉ định giả thuyết này, vì Sirius dường như bị tách khỏi Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là một trong đó)

5. Chúng ta sẽ làm gì? Nếu chấp nhận rằng các vòng tròn lớn quả thực là các Đấng Bất Khả Tư Nghị (Phương án I), chúng ta có một số bất thường về *phẩm tính*.

6. Nhưng chúng ta còn có điều gì đó *tệ hơn* nữa! Chúng ta sẽ nhận thấy rằng *cả* Sol (Thái dương Thượng đế của chúng ta) và Bảy Rishi của Đại Hùng Tinh đều phát xuất từ tam giác thứ ba (màu lục) của vòng tròn lớn thứ tư.

7. Nếu mỗi tam giác trong các vòng tròn lớn chỉ đơn giản biểu thị một chòm sao trong đó có bảy ngôi sao chính, vốn như các luân xa trong một Đấng Bất Khả Tư Nghị (được tượng trưng bởi một vòng tròn lớn), thì tại sao cả Bảy Rishi của Đại Hùng Tinh và Mặt Trời của chúng ta, Sol, lại phát xuất từ cùng một tam giác?

8. Bảy Rishi của Đại Hùng Tinh phải được xem là các ngôi sao chính trong một luân xa của Đấng Bất Khả Tư Nghị của chúng ta. Nhưng Sol (theo giả thuyết cùng với Sirius)

to be considered only a *member* of a "cosmic group" which represents *yet another* chakra in our One About Whom Naught May Be Said—by no means the *same* chakra as the one in which the Seven Rishis of the Great Bear are the major stellar constituents.

chỉ nên được xem là một *thành viên* của một "nhóm vũ trụ" biểu thị *một* luân xa khác nữa trong Đấng Bất Khả Tư Nghị của chúng ta—tuyệt nhiên không phải *cùng* luân xa với luân xa trong đó Bảy Rishi của Đại Hùng Tinh là các thành phần sao chính.

9. From what the Tibetan has said, we are assuming that Sol represents the *heart center* in a "cosmic group" which, itself (i.e., the "cosmic group"), represents one of the chakras in our One About Whom Naught May Be Said—that chakra, for the moment, hypothesized to the be the solar plexus chakra.

9. Từ điều Chân sư Tây Tạng đã nói, chúng ta giả định rằng Sol biểu thị *trung tâm tim* trong một "nhóm vũ trụ" mà chính nó (tức là "nhóm vũ trụ" ấy) biểu thị một trong các luân xa trong Đấng Bất Khả Tư Nghị của chúng ta—luân xa ấy, tạm thời được giả định là luân xa tùng thái dương.

10. The Seven Rishis of the Great Bear, being in toto of a first ray nature, are far more likely to represent a structure relate to the head center of our One About Whom Naught May Be Said. The following references indicate this correspondence.

10. Bảy Rishi của Đại Hùng Tinh, xét toàn thể đều mang bản chất cung một, rất có khả năng biểu thị một cấu trúc liên hệ với trung tâm đầu của Đấng Bất Khả Tư Nghị của chúng ta. Các trích dẫn sau cho thấy sự tương ứng này.

It should be remembered also that all these centres have their correspondences in the etheric matter found in the region of the head and that it is when these seven head centres are awakened that their counterparts are also safely awakened. **These seven head centres correspond in the microcosm to the seven Rishis of the Great Bear,** the prototypes of the seven Heavenly Men, and the centres above enumerated relate to the energy of the seven Heavenly Men Themselves. (LOS 82)

Cũng nên nhớ rằng tất cả các trung tâm này đều có các tương ứng của chúng trong vật chất dĩ thái được tìm thấy ở vùng đầu và rằng chính khi bảy trung tâm đầu này được đánh thức thì các đối phần của chúng cũng được đánh thức một cách an toàn. **Bảy trung tâm đầu này tương ứng trong tiểu thiên địa với bảy Rishis của Đại Hùng Tinh,** các nguyên mẫu của bảy Đấng Thiên Nhân, và các trung tâm được liệt kê ở trên liên hệ với năng lượng của chính bảy Đấng Thiên Nhân. (LOS 82)

The Cosmos. Our solar system, with the Pleiades and one of the stars of the Great Bear, form a cosmic triangle, or an aggregation of three centres in the Body of HIM OF WHOM NAUGHT MAY BE SAID. **The seven stars in the constellation of the Great Bear are the correspondences to the**

Vũ Trụ. Hệ mặt trời của chúng ta, cùng với Pleiades và một trong các ngôi sao của Đại Hùng Tinh, tạo thành một tam giác vũ trụ, hay một tập hợp của ba trung tâm trong Thể của ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ. **Bảy ngôi sao trong chòm Đại Hùng Tinh là các tương ứng với bảy trung tâm đầu trong thể của**

seven head centres in the body of that Being, greater than our Logos. (TCF 182)

11. The quotations immediately above emphasize the reasonableness of this hypothesis.

12. Certainly our Sun, Sol, and His "cosmic group" are *not* part of any structure in the head of the One About Whom Naught May Be Said, yet if the little triangles in the large circles represent the chakras within our One About Whom Naught May Be Said, then both our Sun, Sol, and the Seven Rishis of the Great Bear *all* emanate from the *same chakra* —which does not make sense.

iv. We have therefore stated at least some of the problems which arise if we take the large circles on the cosmic monadic plane as seven *Ones* About Whom Naught May Be Said, each containing seven constellations, each constellation of which represents one of the chakras within that particular One About Whom Naught May Be Said (i.e., Option I)

v. Now, I will offer a solution to the problem, and one which I have been seeking for years, but which (at least hypothetically) just came upon me. (Not telling what one might think of during a nap! ☺) Whether or not this solution is right or wrong, it will at least offer us a chance to broaden and perhaps deepen our thinking.

1. Let us suppose for a moment that the seven large circles do *not* represent *Ones* About Whom Naught May Be Said, but instead, those cosmic structures for which Ones About Whom Naught May Be Said are simply as chakras.

Hữu Thể ấy, vĩ đại hơn Thượng đế của chúng ta. (TCF 182)

11. Các trích dẫn ngay trên nhấn mạnh tính hợp lý của giả thuyết này.

12. Chắc chắn Mặt Trời của chúng ta, Sol, và "nhóm vũ trụ" của Ngài *không* là một phần của bất kỳ cấu trúc nào trong đầu của Đấng Bất Khả Tư Nghị, thế nhưng nếu các tam giác nhỏ trong các vòng tròn lớn biểu thị các luân xa bên trong Đấng Bất Khả Tư Nghị của chúng ta, thì cả Mặt Trời của chúng ta, Sol, và Bảy Rishi của Đại Hùng Tinh *đều* phát xuất từ *cùng một luân xa*—điều này không hợp lý.

iv. Vì vậy, ít nhất chúng ta đã nêu ra một số vấn đề phát sinh nếu chúng ta xem các vòng tròn lớn trên cõi chân thần vũ trụ là bảy *Đấng* Bất Khả Tư Nghị, mỗi Đấng chứa bảy chòm sao, mỗi chòm sao trong số đó biểu thị một trong các luân xa bên trong Đấng Bất Khả Tư Nghị đặc thù ấy (tức là, Phương án I)

v. Giờ đây, tôi sẽ đưa ra một giải pháp cho vấn đề, và là điều tôi đã tìm kiếm trong nhiều năm, nhưng (ít nhất theo giả thuyết) vừa mới đến với tôi. (Không thể nói trước người ta có thể nghĩ ra điều gì trong một giấc ngủ trưa! ☺) Dù giải pháp này đúng hay sai, ít nhất nó cũng cho chúng ta một cơ hội để mở rộng và có lẽ đào sâu tư duy của mình.

1. Chúng ta hãy giả sử trong chốc lát rằng bảy vòng tròn lớn *không* biểu thị các *Đấng* Bất Khả Tư Nghị, mà thay vào đó, biểu thị những cấu trúc vũ trụ mà đối với chúng, các Đấng Bất Khả Tư Nghị chỉ đơn giản như các luân xa.

2. Were this the case, Chart V. would take us two cosmic steps beyond the Tabulation on TCF 293:

EVOLUTION IN THE UNIVERSE

Entity Vehicle Centre Space Time

The Unknown 7 constellations. cosmic Logos 5 cosmic planes.

A cosmic Logos 7 solar systems solar Logos 4 cosmic planes.

A solar Logos 7 planetary schemes Heavenly Man 3 cosmic planes. Period of three

solar systems.

A Heavenly Man7 planetary chains Chohans and groups 2 cosmic planes. Period of one

solar system.

A Man 7 etheric centres a Principle 1 cosmic plane Period of one

planetary scheme.

3. In this tabulation, a Cosmic Logos has seven major solar systems for its chakras.

4. That which is called the "Unknown" would be equivalent to a One About Whom Naught May Be Said.

5. New Model: If we suppose that every one of the little triangles represents not a chakra within a One About Whom Naught May Be

2. Nếu đúng như vậy, Biểu đồ V. sẽ đưa chúng ta đi xa hơn hai bước vũ trụ so với Bảng Liệt Kê ở TCF 293:

TIẾN HOÁ TRONG VŨ TRỤ

Thực thể Vận cụ Trung tâm Không gian Thời gian

Đấng Chưa Biết 7 chòm sao. Cosmic Logos 5 cõi vũ trụ.

Một Cosmic Logos 7 hệ mặt trời solar Logos 4 cõi vũ trụ.

Một solar Logos 7 hệ hành tinh Đấng Thiên Nhân 3 cõi vũ trụ. Chu kỳ của ba

hệ mặt trời.

Một Đấng Thiên Nhân 7 dãy hành tinh các Chohan và các nhóm 2 cõi vũ trụ. Chu kỳ của một

hệ mặt trời.

Một Con Người 7 trung tâm dĩ thái một nguyên khí 1 cõi vũ trụ Chu kỳ của một

hệ hành tinh.

3. Trong bảng liệt kê này, một Cosmic Logos có bảy hệ mặt trời chính làm các luân xa của nó.

4. Điều được gọi là "Đấng Chưa Biết" sẽ tương đương với một Đấng Bất Khả Tư Nghị.

5. Mô Hình Mới: Nếu chúng ta giả sử rằng mỗi một tam giác nhỏ không biểu thị một luân xa bên trong một Đấng Bất Khả Tư Nghị, mà chính là

Said, but a One About Whom Naught May Be Said *itself*, then we have a new and interesting model to work with (Option II) and one which, potentially, can eliminate many problems.

một Đấng Bất Khả Tư Nghị *tự thân*, thì chúng ta có một mô hình mới và thú vị để làm việc (Phương án II), và là mô hình có khả năng loại bỏ nhiều vấn đề.

6. If such were the case, every triangle would be not a Constellational Logos, but a *Super*-Constellational Logos—in short *a One About Whom Naught May Be Said*.

6. Nếu đúng như vậy, mỗi tam giác sẽ không phải là một Constellational Logos, mà là một *Super*-Constellational Logos—nói ngắn gọn là *một Đấng Bất Khả Tư Nghị*.

7. Then each of the large circles would be not a Super-Constellational Logos (or One About Whom Naught May Be Said), but a *Super-Super-Constellational Logos* (a Logos in which seven major Ones About Whom Naught May Be Said would be its major seven chakras).

7. Khi đó mỗi vòng tròn lớn sẽ không phải là một Super-Constellational Logos (hay Đấng Bất Khả Tư Nghị), mà là một *Super-Super-Constellational Logos* (một Logos trong đó bảy Đấng Bất Khả Tư Nghị chính sẽ là bảy luân xa chính của nó).

8. In this case, A Cosmic Parabrahman, would be (for our "local cosmos" a *Supreme* Constellational Logos, in which Super-Super-Constellational Logoi were as chakras). Think this out.

8. Trong trường hợp này, một Cosmic Parabrahman sẽ là (đối với "vũ trụ địa phương" của chúng ta) một Constellational Logos *Tối Cao*, trong đó các Super-Super-Constellational Logoi như các luân xa. Hãy suy nghĩ điều này.

9. We could ask, skeptically, if this hypothesis is merely an inflation of what is presented in Chart V. Here is the main reason why I consider it (Option II) more justifiable than the earlier hypothesis (Option I):

9. Chúng ta có thể hỏi, với thái độ hoài nghi, liệu giả thuyết này có chỉ là sự phóng đại điều được trình bày trong Biểu đồ V hay không. Đây là lý do chính khiến tôi xem nó (Phương án II) là chính đáng hơn giả thuyết trước đó (Phương án I):

a. It suggests that the third triangle (green in the improved and colored chart provided by KB), being *our* One About Whom Naught May Be Said, *can* be the source of *both* the Seven Rishis of the Great Bear *and* our Solar Logos.

a. Nó gợi rằng tam giác thứ ba (màu lục trong biểu đồ cải tiến và có tô màu do KB cung cấp), là Đấng Bất Khả Tư Nghị *của chúng ta*, *có thể* là nguồn của *cả* Bảy Rishi của Đại Hùng Tinh *và* Thái dương Thượng đế của chúng ta.

b. This is a necessity, as the Seven Rishis of the Great Bear and Sol *both* belong within the system of our One About Whom Naught

b. Đây là điều tất yếu, vì Bảy Rishi của Đại Hùng Tinh và Sol *đều* thuộc bên trong hệ của Đấng Bất Khả Tư Nghị của chúng ta, nhưng

May Be Said, but *do not* belong within the *same chakra* of that Great Being.

không thuộc trong *cùng một luân xa* của Hữu Thể Vĩ Đại ấy.

c. Using this hypothesis, every one of the little triangles would contain *forty-nine major Solar Logoi,* as well as numerous others that were minor (just as a solar system has only seven *major* Planetary Logoi and many others that are relatively *minor*).

c. Dùng giả thuyết này, mỗi một tam giác nhỏ sẽ chứa *bốn mươi chín Thái dương Thượng đế chính,* cũng như vô số vị khác thuộc loại phụ (cũng như một hệ mặt trời chỉ có bảy Hành Tinh Thượng Đế *chính* và nhiều vị khác tương đối *phụ*).

d. Most Convincing Reason: But the most convincing reason relates to the solution of our qualitative problem. We pointed out that the only thing said about the ray qualities of the One About Whom Naught May Be Said (EP I 150-151) tells us of rays three, seven and one, in which ray three seems *primary*—as the other rays are added to it (in the manner often used by DK when He adds quality to quality *hierarchically.*)

d. Lý Do Thuyết Phục Nhất: Nhưng lý do thuyết phục nhất liên hệ đến việc giải quyết vấn đề phẩm tính của chúng ta. Chúng ta đã chỉ ra rằng điều duy nhất được nói về các phẩm tính cung của Đấng Bất Khả Tư Nghị (EP I 150-151) cho chúng ta biết về các cung ba, bảy và một, trong đó cung ba dường như là *chính yếu*—vì các cung kia được thêm vào nó (theo cách Chân sư DK thường dùng khi Ngài thêm phẩm tính vào phẩm tính *theo thứ bậc.*)

e. We will presume then that the *third ray* is the *primary ray* of our One About Whom Naught May Be Said.

e. Vậy thì chúng ta sẽ giả định rằng *cung ba* là *cung chính yếu* của Đấng Bất Khả Tư Nghị của chúng ta.

f. This is astronomically justifiable as well (in some respects) as the cluster of the Pleiades (containing actually hundreds of stars) has been shown to be the 'Hub of a Great Wheel' around which, so the Ageless Wisdom tells us, our solar system revolves.

f. Điều này cũng có thể được biện minh về mặt thiên văn (trong một số phương diện), vì cụm Pleiades (thực sự chứa hàng trăm ngôi sao) đã được cho thấy là 'Trục của một Bánh Xe Lớn' mà quanh đó, như Minh Triết Ngàn Đời cho chúng ta biết, hệ mặt trời của chúng ta quay quanh.

g. The association of the Pleiades with the third aspect of divinity is proverbial.

g. Sự liên kết của Pleiades với phương diện thứ ba của thiên tính là điều quá quen thuộc.

Note: The Pleiades as the central group of the Bull and Alcyone, one of the 7 Pleiades, is supposed to be the star around which our universe revolves. (EA 679)

Lưu ý: Pleiades như nhóm trung tâm của Kim Ngưu và Alcyone, một trong 7 Pleiades, được cho là ngôi sao mà quanh đó vũ trụ của chúng ta quay quanh. (EA 679)

The Pleiades are the centre around which our solar system revolves.—S. D., II, 251, 581, 582.

Pleiades là trung tâm mà quanh đó hệ mặt trời của chúng ta quay quanh.—S. D., II, 251, 581, 582.

The orbital path of the solar system in the heavens around its cosmic centre is now being sensed, and the general drift also of our constellation is being taken into consideration as a welcome hypothesis. **Scientists have not yet admitted into their calculations the fact that our solar system is revolving around a cosmic centre along with six other constellations of even greater magnitude in the majority of cases than ours, only one being approximately of the same magnitude as our solar system.** (TCF 1084)

Quỹ đạo của hệ mặt trời trên thiên không quanh trung tâm vũ trụ của nó hiện đang được cảm nhận, và xu hướng chung của chòm sao của chúng ta cũng đang được xét đến như một giả thuyết đáng hoan nghênh. **Các nhà khoa học vẫn chưa đưa vào các tính toán của họ sự kiện rằng hệ mặt trời của chúng ta đang quay quanh một trung tâm vũ trụ cùng với sáu chòm sao khác, trong đa số trường hợp còn có quy mô lớn hơn hệ của chúng ta, chỉ có một chòm là xấp xỉ cùng quy mô với hệ mặt trời của chúng ta.** (TCF 1084)

h. While there are many problems to be deciphered in the two paragraphs given above, the suggestion is definitely given that our solar system and probably others revolve around that center.

h. Dù có nhiều vấn đề cần được giải mã trong hai đoạn trên, gợi ý vẫn được đưa ra một cách rõ ràng rằng hệ mặt trời của chúng ta và có lẽ những hệ khác quay quanh trung tâm ấy.

i. Again the term "solar system" must be carefully defined, as it can mean "constellation" and not simply a sun and its planets. The proper interpretation must be determined from context.

i. Một lần nữa, thuật ngữ "hệ mặt trời" phải được định nghĩa cẩn thận, vì nó có thể có nghĩa là "chòm sao" chứ không chỉ đơn giản là một mặt trời và các hành tinh của nó. Cách diễn giải đúng phải được xác định từ ngữ cảnh.

j. That "cosmic center" can be conceived of as Alcyone, or as the seven major Pleiades, but also as the entirety of the Pleiades (hundreds of stars) as the 'Hub of our Great Wheel'. Thus, there are potentially three meanings for the term "cosmic centre".

j. "Trung tâm vũ trụ" ấy có thể được quan niệm là Alcyone, hay là bảy Pleiades chính, nhưng cũng có thể là toàn thể Pleiades (hàng trăm ngôi sao) như 'Trục của Bánh Xe Lớn của chúng ta'. Vì vậy, có thể có ba ý nghĩa cho thuật ngữ "trung tâm vũ trụ".

k. The Pleiades are well known throughout the Teaching as a Source of the third ray of Intelligent Activity. With respect to our immediate cosmosystem, They also have a *first* ray influence, because They are the

k. Pleiades được biết rõ trong toàn bộ Giáo Huấn như một Nguồn của cung ba Hoạt Động Thông Tuệ. Đối với cosmosystem trực tiếp của chúng ta, Các Ngài cũng có ảnh hưởng cung *một*, vì Các Ngài là ảnh hưởng

major influence for seven major constellations. (The deep connection of the Pleiades with cosmic buddhi—cf. TCF 1162—must still be reckoned with.)

chính đối với bảy chòm sao lớn. (Mối liên hệ sâu xa của Pleiades với Bồ đề vũ trụ—xem TCF 1162—vẫn phải được tính đến.)

l. Thus, we correlate the Pleiades with *our* One About Whom Naught May Be Said, and note its third ray and first ray associations. That the Pleiades are expressive of cosmic buddhi correlates well with the fourth ray (which seems to be expressed through the central large circle on the cosmic monadic plane). This is a hint to be followed—later.

l. Vì vậy, chúng ta liên hệ Pleiades với Đấng Bất Khả Tư Nghị *của chúng ta*, và lưu ý các liên hệ cung ba và cung một của nó. Việc Pleiades biểu lộ Bồ đề vũ trụ tương ứng tốt với cung bốn (dường như được biểu lộ qua vòng tròn lớn trung tâm trên cõi chân thần vũ trụ). Đây là một gợi ý cần được theo đuổi—về sau.

m. Now, we note that the little triangle from which the Seven Rishis of the Great Bear *and Sol* emanate (and which we hypothesize as inclusive of the 'Pleiadian System' in its entirety, including all of its chakras), is the *third* little triangle in the fourth large wheel. At least, it appears to be the third if we begin numbering with the triangle at the top of the seven, which, may justifiably be considered the first and relate to the first ray. (This method is the method by which DK numbers the globes in a chain or the chains in a planetary scheme.)

m. Giờ đây, chúng ta lưu ý rằng tam giác nhỏ mà từ đó Bảy Rishi của Đại Hùng Tinh *và Sol* phát xuất (và chúng ta giả thuyết là bao gồm toàn bộ 'Hệ Pleiades' trong tính toàn thể của nó, kể cả tất cả các luân xa của nó), là tam giác nhỏ thứ *ba* trong bánh xe lớn thứ tư. Ít nhất, nó có vẻ là thứ ba nếu chúng ta bắt đầu đánh số với tam giác ở trên cùng trong số bảy tam giác, tam giác này có thể được xem một cách chính đáng là thứ nhất và liên hệ với cung một. (Phương pháp này là phương pháp mà Chân sư DK dùng để đánh số các bầu hành tinh trong một dãy hay các dãy trong một hệ hành tinh.)

n. In the colored chart provided by KB, he has begun the numbering with that topmost triangle which is depicted in red, the next in blue and the triangle upon which we are focussing in *green.* (We could also begin numbering with what now is the blue triangle, but we cannot necessarily justify that the topmost triangle should be considered representative of the seventh ray).

n. Trong biểu đồ có màu do KB cung cấp, ông ấy đã bắt đầu việc đánh số với tam giác trên cùng ấy, được mô tả bằng màu đỏ, tam giác kế tiếp màu lam và tam giác mà chúng ta đang tập trung vào là màu *lục.* (Chúng ta cũng có thể bắt đầu đánh số với tam giác hiện nay là màu lam, nhưng chúng ta không nhất thiết có thể biện minh rằng tam giác trên cùng nên được xem là đại diện cho cung bảy.)

o. Now, it must be obvious, that if we consider the emanating triangle as representative of the third ray, it fits perfectly with the third ray stated to be

o. Giờ đây, hẳn phải rõ ràng rằng nếu chúng ta xem tam giác phát xuất là đại diện cho cung ba, thì nó hoàn toàn phù hợp với cung

important in the nature of the One About Whom Naught May Be Said (cf. EP I 150-151).

ba được nói là quan trọng trong bản chất của Đấng Bất Khả Tư Nghị (xem EP I 150-151).

p. Therefore, although not all problems are solved (i.e., the buddhic connection with the Pleiades) we have found a third ray graphic within the chart to represent the 'Great Pleiadian System' and have also found a solution to the fact that both the Seven Rishis of the Great Bear and Sol emanate from the 'Great Pleiadian System'

p. Do đó, dù không phải mọi vấn đề đều được giải quyết (tức là, mối liên hệ Bồ đề với Pleiades), chúng ta đã tìm thấy một đồ hình cung ba trong biểu đồ để biểu thị 'Hệ Pleiades Vĩ Đại' và cũng đã tìm thấy một giải pháp cho sự kiện rằng cả Bảy Rishi của Đại Hùng Tinh và Sol đều phát xuất từ 'Hệ Pleiades Vĩ Đại'

q. Thus, with Option II we seem to be on solid ground and can work with this hypothesis; namely that the third triangle in the fourth large circle represents that particular One About Whom Naught May Be Said which expresses through the Pleiades, through the Great Bear, and through a number of other constellations including Draco, Orion, the Little Bear, *and* Sol (itself a member of a "cosmic group" of Solar Logoi), as well as through other constellations the names of which can be debated.

q. Vì vậy, với Phương án II, chúng ta dường như đang đứng trên nền tảng vững chắc và có thể làm việc với giả thuyết này; cụ thể là tam giác thứ ba trong vòng tròn lớn thứ tư biểu thị Đấng Bất Khả Tư Nghị đặc thù ấy, Đấng biểu lộ qua Pleiades, qua Đại Hùng Tinh, và qua một số chòm sao khác bao gồm Draco, Orion, Tiểu Hùng Tinh, *và* Sol (bản thân nó là một thành viên của một "nhóm vũ trụ" các Thái dương Thượng đế), cũng như qua các chòm sao khác mà tên gọi của chúng còn có thể được bàn luận.

10. I would say we have something to work with in these suggestions.

10. Tôi muốn nói rằng chúng ta có điều gì đó để làm việc với trong những gợi ý này.

11. Also the scope of Chart V. becomes greatly expanded. It becomes the chart in which the Tibetan seems to have offered us the greatest amount of cosmic information (although there is also systemic and planetary information included).

11. Ngoài ra, tầm mức của Biểu đồ V. trở nên được mở rộng rất nhiều. Nó trở thành biểu đồ trong đó Chân sư Tây Tạng dường như đã cống hiến cho chúng ta lượng thông tin vũ trụ lớn nhất (mặc dù cũng có bao gồm thông tin hệ thống và hành tinh).

12. Perhaps, even a greater amount of cosmic information is offered on TCF 1084 in the section from the Old Commentary, but the information is highly abstract and non-specific.

12. Có lẽ, một lượng thông tin vũ trụ còn lớn hơn được cống hiến ở TCF 1084 trong phần trích từ Cổ Luận, nhưng thông tin ấy rất trừu tượng và không đặc thù.

vi. One more thing should be asked about the Pleiades, but it is a somewhat insoluble question—at least presently.

1. Are the rays of the *entirety* of the Pleiades the same as the rays of the *seven major* Pleiades?

2. This is not an idle question. In ancient days the many Pleiades were not visible, and astrologers only took into account the few Pleiades which could be seen and which have been named in mythology.

3. These seven (or nine) depending upon whether we include the so-called "parents" of the Pleiades (Atlas and Pleione), could have an influence all their own as a special cluster within the larger Pleiadian cluster.

4. The influence of the great cluster, including hundreds of stars and incorporating the major seven or nine, could be somewhat different.

5. In some way we have to account for the cosmic buddhic influence of the Pleiades, and this despite the fact that the One About Whom Naught May Be Said is related by the Tibetan to rays three, seven and one.

6. Could it be that the major seven or nine have one set of rays and that the major cluster another—with perhaps some overlapping?

7. As stated, we cannot really answer this question, but somehow the buddhic influence (as it relates to the fourth or second rays) has to be accounted for. (cf. TCF 1162)

vi. Còn một điều nữa nên được hỏi về Pleiades, nhưng đó là một câu hỏi phần nào không thể giải được—ít nhất là hiện nay.

1. Các cung của *toàn thể* Pleiades có giống với các cung của *bảy Pleiades chính* hay không?

2. Đây không phải là một câu hỏi vu vơ. Trong thời cổ, nhiều Pleiades không nhìn thấy được, và các nhà chiêm tinh chỉ tính đến vài Pleiades có thể nhìn thấy và đã được đặt tên trong thần thoại.

3. Bảy (hay chín) ngôi sao này, tùy theo việc chúng ta có bao gồm những "song thân" được gọi như thế của Pleiades (Atlas và Pleione) hay không, có thể có một ảnh hưởng riêng của chúng như một cụm đặc biệt bên trong cụm Pleiades lớn hơn.

4. Ảnh hưởng của cụm lớn, bao gồm hàng trăm ngôi sao và bao hàm bảy hay chín ngôi sao chính, có thể phần nào khác biệt.

5. Bằng cách nào đó chúng ta phải lý giải ảnh hưởng Bồ đề vũ trụ của Pleiades, và điều này bất chấp sự kiện rằng Đấng Bất Khả Tư Nghị được Chân sư Tây Tạng liên hệ với các cung ba, bảy và một.

6. Có thể nào bảy hay chín ngôi sao chính có một bộ cung, còn cụm chính lại có một bộ khác—dù có lẽ có phần chồng lấn?

7. Như đã nói, chúng ta không thể thực sự trả lời câu hỏi này, nhưng bằng cách nào đó ảnh hưởng Bồ đề (trong chừng mực nó liên hệ với cung bốn hay cung hai) phải được lý giải. (xem TCF 1162)

vii. So then, despite some unsolved (and, perhaps, presently insoluble) problems, let us proceed by working with this hypothesis (Option II)—that the third triangle in the fourth large circle represents our One About Whom Naught May Be Said and is (in its entirely) associated with the 'Great Pleiadian System' in its entirety.

vii. Vậy thì, bất chấp một số vấn đề chưa được giải quyết (và có lẽ hiện nay không thể giải được), chúng ta hãy tiếp tục bằng cách làm việc với giả thuyết này (Phương án II)—rằng tam giác thứ ba trong vòng tròn lớn thứ tư biểu thị Đấng Bất Khả Tư Nghị của chúng ta và được liên kết (trong tính toàn thể của nó) với 'Hệ Pleiades Vĩ Đại' trong tính toàn thể của nó.

viii. It must be obvious that the main focus in this chart is *our* particular Solar Logos, but we may have discovered something hitherto unsuspected about the cosmic context in which He lives His life.

viii. Hẳn phải rõ ràng rằng trọng tâm chính trong biểu đồ này là *Thái dương Thượng đế* đặc thù của *chúng ta*, nhưng có lẽ chúng ta đã khám phá ra điều gì đó từ trước đến nay chưa từng được ngờ tới về bối cảnh vũ trụ mà trong đó Ngài sống cuộc đời của Ngài.

j. The next focus will be on the Seven Rishis of the Great Bear which emanate, according to Chart V, from the third triangle in the fourth large circle on the cosmic monadic plane.

j. Trọng tâm kế tiếp sẽ là Bảy Rishi của Đại Hùng Tinh, các Đấng này, theo Biểu đồ V, phát xạ từ tam giác thứ ba trong vòng tròn lớn thứ tư trên cõi chân thần vũ trụ.

i. The Seven Rishis are the source, for our solar system of the will aspect of the seven rays. There are many stars in the constellation of the Great Bear, but it would appear that the Seven Rishis are the *principal* stars.

i. Bảy Rishi là nguồn gốc, đối với hệ mặt trời của chúng ta, của phương diện ý chí của bảy cung. Có nhiều ngôi sao trong chòm Đại Hùng Tinh, nhưng dường như Bảy Rishi là những ngôi sao *chính yếu*.

ii. We notice that, like our Solar Logos, Their monadic origin is (or at least appears to be) the third triangle in the fourth large circle on the cosmic monadic plane.

ii. Chúng ta nhận thấy rằng, giống như Thái dương Thượng đế của chúng ta, nguồn gốc chân thần của Các Ngài là (hoặc ít nhất dường như là) tam giác thứ ba trong vòng tròn lớn thứ tư trên cõi chân thần vũ trụ.

iii. It would appear that Solar Logoi and at least *some* greater constellational and super-constellational beings have their monadic source on the cosmic monadic plane.

iii. Dường như các Thái dương Thượng đế và ít nhất *một số* hữu thể lớn lao hơn thuộc chòm sao và siêu chòm sao có nguồn gốc chân thần của mình trên cõi chân thần vũ trụ.

iv. It is also likely that such entities as the Sub-Parabrahmic Logoi and the Cosmic Parabrahman, and the Ones About Whom Naught May Be Said have their monadic origin on still higher planes—i.e., on super-cosmic sub-planes. The analogy can be drawn from the cosmic physical plane on which some beings there found have their monadic origin on the cosmic physical plane, but others, especially those found on the systemic monadic plane and on the systemic logoic plane must have a monadic origin on planes above the cosmic physical plane.

iv. Cũng có khả năng là những thực thể như các Thượng đế Parabrahmic Hạ-cấp và Parabrahman Vũ trụ, cùng các Đấng Bất Khả Tư Nghị có nguồn gốc chân thần của Các Ngài trên những cõi còn cao hơn nữa—tức là trên các cõi phụ siêu-vũ-trụ. Có thể rút ra phép loại suy từ cõi hồng trần vũ trụ, trên đó một số hữu thể được tìm thấy tại đó có nguồn gốc chân thần của mình trên cõi hồng trần vũ trụ, nhưng những hữu thể khác, đặc biệt là những vị được tìm thấy trên cõi chân thần hệ thống và trên cõi logoic hệ thống, hẳn phải có nguồn gốc chân thần trên những cõi cao hơn cõi hồng trần vũ trụ.

v. Like the Fourth Creative Hierarchy in relation to the cosmic physical plane, the Seven Rishis of the Great Bear are depicted as having a major area of expression on the cosmic buddhic plane.

v. Giống như Huyền Giai Sáng Tạo thứ Tư trong tương quan với cõi hồng trần vũ trụ, Bảy Rishi của Đại Hùng Tinh được mô tả là có một lĩnh vực biểu hiện chính yếu trên cõi Bồ đề vũ trụ.

vi. This may be the case but there are some discrepancies which have to be addressed. We are told, in fact, that the Pleiades (perhaps only seven or nine of them) have Their expression, also, on the cosmic buddhic plane (but this is not shown on Chart V) (cf. TCF 1162)

vi. Có thể là như vậy, nhưng có một số điểm bất nhất cần phải được đề cập đến. Thật vậy, chúng ta được cho biết rằng chòm Pleiades (có lẽ chỉ bảy hoặc chín ngôi sao trong đó) cũng có biểu hiện của Các Ngài trên cõi Bồ đề vũ trụ (nhưng điều này không được trình bày trên Biểu đồ V) (x. TCF 1162)

vii. Let us examine the quotation which demonstrates this, and also calls attention to an important anomaly in relation to the seven major stars of the Great Bear.

vii. Chúng ta hãy khảo sát đoạn trích chứng minh điều này, đồng thời cũng lưu ý đến một điểm dị thường quan trọng liên quan đến bảy ngôi sao chính yếu của Đại Hùng Tinh.

The energy centres of the solar Logos are themselves [1162] in the form of vast lotuses[24] or wheels, at the centre of which lies hidden that central cosmic Life, we call a planetary Logos. He [the Planetary Logos] **is the meeting place for two types of force, spiritual or logoic, which reaches Him (via the logoic Lotus on cosmic mental planes)**

Các trung tâm năng lượng của Thái dương Thượng đế tự chúng [1162] ở trong hình thức những hoa sen24 hay bánh xe bao la, tại trung tâm của chúng ẩn tàng Sự sống vũ trụ trung tâm mà chúng ta gọi là một Hành Tinh Thượng Đế. Ngài [Đức Hành Tinh Thượng Đế] **là nơi gặp gỡ của hai loại mãnh lực, tinh thần hay logoic, đạt đến Ngài (qua**

from the seven Rishis of the Great Bear on Their own plane, [atmic?!] and, **secondly, of buddhic force, which is transmitted via the Seven Sisters or the Pleiades from a constellation called the Dragon in some books, and from which has come the appellation "The Dragon of Wisdom."** (TCF 1161-1162)

viii. In the reference immediately above, we see that spiritual or logoic force reaches our Solar Logos from the Seven Rishis of the Great Bear. Such a force is definitely along the hard line. Further it is interesting to consider logoic force as "spiritual". This is a definite elevation of the manner in which the term "spiritual" is usually used. In this case it relates very much to the *Spirit,* and thus, convincingly, to the highest plane of the cosmic physical plane.

ix. In *The Light of the Soul,* AAB refers to—

1. The atmic or spiritual plane,...(LOS 329)

x. In TCF, DK does the same.

3. **Third ether. Super-etheric Atmic. Spiritual plane**. Aether. Third cosmic ether. (TCF 82)

5. The spiritual, atmic, or nirvanic plane,... (TCF 164)

xi. So, since in the large paragraph above (from TCF 1161-1162) we are dealing with a *cosmic* context, the "spiritual" force reaching the Solar Logos on the cosmic mental plane may be inferred as emanating from the cosmic atmic plane.

Hoa sen logoic trên các cõi trí tuệ vũ trụ) từ bảy Rishi của Đại Hùng Tinh trên cõi riêng của Các Ngài, [atmic?!] và, **thứ hai, của mãnh lực Bồ đề, được truyền qua Bảy Chị Em hay chòm Pleiades từ một chòm sao được gọi trong một số sách là Con Rồng, và từ đó mà có danh xưng "Con Rồng Minh Triết."** (TCF 1161-1162)

viii. Trong đoạn dẫn ngay trên, chúng ta thấy rằng mãnh lực tinh thần hay logoic đạt đến Thái dương Thượng đế của chúng ta từ Bảy Rishi của Đại Hùng Tinh. Một mãnh lực như thế rõ ràng thuộc đường lối cứng rắn. Hơn nữa, thật thú vị khi xem mãnh lực logoic là "tinh thần". Đây là một sự nâng cao rõ rệt về cách thức mà thuật ngữ "tinh thần" thường được dùng. Trong trường hợp này, nó liên hệ rất nhiều đến *Tinh thần,* và do đó, một cách đầy thuyết phục, đến cõi cao nhất của cõi hồng trần vũ trụ.

ix. Trong *Ánh sáng của Linh Hồn,* AAB nói đến—

1. Cõi atma hay cõi tinh thần,...(LOS 329)

x. Trong TCF, Chân sư DK cũng làm như vậy.

3. **Dĩ thái thứ ba. Atma siêu-dĩ-thái. Cõi tinh thần**. Dĩ thái. Dĩ thái vũ trụ thứ ba. (TCF 82)

5. Cõi tinh thần, atma, hay Niết Bàn,...(TCF 164)

xi. Vì vậy, bởi trong đoạn lớn ở trên (trích từ TCF 1161-1162) chúng ta đang đề cập đến một bối cảnh *vũ trụ*, nên có thể suy ra rằng mãnh lực "tinh thần" đạt đến Thái dương Thượng đế trên cõi trí tuệ vũ trụ phát xuất từ cõi atma vũ trụ.

xii. Because of numerical resonance, the *cosmic logoic* plane can transmit through the spiritual force of the *cosmic atmic* plane and thus reach the Solar Logos as well.

xii. Do sự cộng hưởng số học, cõi *logoic vũ trụ* có thể truyền qua mãnh lực tinh thần của cõi *atma vũ trụ* và nhờ đó cũng đạt đến Thái dương Thượng đế.

xiii. Now we have established that the Seven Rishis of the Great Bear should be expressive on the cosmic atmic plane, which in Chart V is blank!

xiii. Giờ đây chúng ta đã xác lập rằng Bảy Rishi của Đại Hùng Tinh phải biểu lộ trên cõi atma vũ trụ, mà trong Biểu đồ V lại để trống!

xiv. Let us offer an analogy. In the following reference from LOM, we are told that there are fourteen groups entities (called "egos" in this tabulation) to be found upon the systemic atmic plane. (This, by the way confirms that "egos" are super-mental centers.) (cf. TCF 177)

xiv. Chúng ta hãy đưa ra một phép loại suy. Trong đoạn dẫn sau từ LOM, chúng ta được cho biết rằng có mười bốn nhóm thực thể (được gọi là "các chân ngã" trong bảng liệt kê này) được tìm thấy trên cõi atma hệ thống. (Nhân tiện, điều này xác nhận rằng "các chân ngã" là những trung tâm siêu-trí tuệ.) (x. TCF 177)

Atmic plane Atomic subplane 14 groups, 7 x 2 (LOM 39)

Cõi atma Cõi phụ nguyên tử 14 nhóm, 7 x 2 (LOM 39)

xv. These fourteen suggest the union of the Great Bear and Little Bear.

xv. Mười bốn nhóm này gợi ý sự hợp nhất của Đại Hùng Tinh và Tiểu Hùng Tinh.

These twelve basic energies emanate from the seven stars of the Great Bear (transmitted through seven stars of the Little Bear); two of them come from Sirius and three from the Pleiades. This set-up (if I may use such an unorthodox term) will be the condition of the major solar sphere of influence at the end of the Great Age of Brahma, as it is esoterically called. In the "interim or interlude of evolution" (which is the inadequate translation of an occult phrase given to a world cycle in the Masters' Archives) these energies are stepped down into forces and are literally sixteen all told—from the angle of manifestation, I would remind you—and make literally: 7+7+2=16=7. In these numbers the mystery of our evolutionary process lies hid. (EA 85)

Mười hai năng lượng căn bản này phát xạ từ bảy ngôi sao của Đại Hùng Tinh (được truyền qua bảy ngôi sao của Tiểu Hùng Tinh); hai trong số đó đến từ Sirius và ba từ chòm Pleiades. Cấu trúc này (nếu tôi có thể dùng một thuật ngữ không chính thống như vậy) sẽ là điều kiện của khối cầu ảnh hưởng mặt trời chính yếu vào cuối Đại Giai Kỳ của Brahma, như nó được gọi một cách huyền bí. Trong "khoảng giữa hay quãng ngắt của tiến hoá" (vốn là bản dịch chưa đầy đủ của một cụm từ huyền bí dùng cho một chu kỳ thế giới trong Văn Khố của các Chân sư) các năng lượng này được hạ xuống thành các mãnh lực và theo nghĩa đen là mười sáu tất cả—xét từ góc độ biểu hiện, tôi xin nhắc bạn như vậy—và theo nghĩa đen tạo thành: 7+7+2=16=7. Trong các con số này ẩn giấu

huyền nhiệm của tiến trình tiến hoá của chúng ta. (EA 85)

xvi. In these figures the number 14 is connected with the atmic plane (and thus, by analogic extrapolation, to the cosmic atmic plane) and also with the Great Bear and Little Bear (both of which are hypothetically involved in relation to the head chakras of the One About Whom Naught May Be Said—and are thus related to *will-atma* (spiritual will, cosmically considered). Ursa Major is related to the seven head centers of the One About Whom Naught May Be Said and Ursa Minor (with its directing star Polaris) may be inferred as related to the ajna center of the One About Whom Naught May Be Said.

xvi. Trong các con số này, số 14 được nối kết với cõi atma (và do đó, bằng phép ngoại suy tương đồng, với cõi atma vũ trụ) và cũng với Đại Hùng Tinh và Tiểu Hùng Tinh (cả hai theo giả thuyết đều liên quan đến các luân xa đầu của Đấng Bất Khả Tư Nghị—và do đó liên hệ với *ý chí-atma* (ý chí tinh thần, xét theo vũ trụ). Đại Hùng Tinh liên hệ với bảy trung tâm đầu của Đấng Bất Khả Tư Nghị và Tiểu Hùng Tinh (với ngôi sao chỉ đạo Polaris của nó) có thể được suy ra là liên hệ với trung tâm ajna của Đấng Bất Khả Tư Nghị.

xvii. Now why would the Tibetan *discriminate* (TCF 1161-1162) between the "buddhic force" of the Pleiades and the logoic and spiritual force of the Great Bear—all cosmically considered?

xvii. Vậy tại sao Chân sư Tây Tạng lại *phân biện* (TCF 1161-1162) giữa "mãnh lực Bồ đề" của chòm Pleiades và mãnh lực logoic và tinh thần của Đại Hùng Tinh—tất cả đều xét theo vũ trụ?

xviii. It is obvious that some kind of occult blind is occurring, otherwise DK would not refer to "the **seven Rishis of the Great Bear *on Their own plane*,...**" and then immediately afterwards to the "buddhic force" of the Pleiades which obviously must relate to the cosmic buddhic plane.

xviii. Rõ ràng là đang có một loại màn che huyền bí nào đó, nếu không Chân sư DK đã không nói đến "**bảy Rishi của Đại Hùng Tinh *trên cõi riêng của Các Ngài*,...**" rồi ngay sau đó lại nói đến "mãnh lực Bồ đề" của chòm Pleiades, điều hiển nhiên phải liên hệ với cõi Bồ đề vũ trụ.

xix. What I suggest is that the plane which corresponds to the phrase "on their own plane" is really the cosmic atmic plane, and not the cosmic buddhic plane at all.

xix. Điều tôi gợi ý là cõi tương ứng với cụm từ "trên cõi riêng của Các Ngài" thật ra là cõi atma vũ trụ, chứ hoàn toàn không phải cõi Bồ đề vũ trụ.

xx. The Seven Rishis of the Great Bear *may* have some cosmic buddhic expression, but it is never discussed. And, notice, that the cosmic atmic plane is left blank on Chart V.

xx. Bảy Rishi của Đại Hùng Tinh *có thể* có một biểu hiện nào đó trên cõi Bồ đề vũ trụ, nhưng điều này không bao giờ được bàn đến. Và xin lưu ý, cõi atma vũ trụ bị để trống trong Biểu đồ V.

xxi. This serves to hide the cosmic buddhic influence of the Pleiades (whether the seven or nine or the entire cluster) and, as well, to conceal the *true* plane on which the Seven Rishis find their fullest expression.

xxii. What I am saying is that the cosmic atmic expression of the Seven Rishis is being concealed, yet hinted on TCF 1161-1162.

xxiii. Together, cosmically considered, the Seven Rishis and the Pleiades (probably the seven or nine) are *cosmic atma-buddhi*.

xxiv. If we study what is said on the fourth cosmic plane, the cosmic buddhic plane, we read: "The Seven Rishis of the Great Bear Being the Seven Centres in a Solar Logos".

xxv. Again, it must be obvious that the term "Solar Logos" (as used here) is occultly blinded just as the term "Solar Logoi" was in relation to the cosmic monadic plane—the second plane depicted on TCF 344.

xxvi. Given a normal Solar Logos expressing through a sun, the Seven Rishis *cannot possibly* be chakras or centres in such a Being.

xxvii. However, if the type of "Solar Logos" here indicated is really a *Constellational Logos* or a *Cosmic Logos* (cf. TCF 293), then the Seven Rishis *can* be chakras.

xxviii. Therefore, let us carefully watch the use of such terms as "Solar Logos", "Solar Logoi", "solar system"—as they can mean

xxi. Điều này nhằm che giấu ảnh hưởng Bồ đề vũ trụ của chòm Pleiades (dù là bảy hay chín hay toàn bộ cụm sao) và đồng thời che khuất cõi *đích thực* mà trên đó Bảy Rishi tìm thấy sự biểu hiện đầy đủ nhất của Các Ngài.

xxii. Điều tôi đang nói là biểu hiện atma vũ trụ của Bảy Rishi đang bị che giấu, nhưng vẫn được ám chỉ trong TCF 1161-1162.

xxiii. Cùng nhau, xét theo vũ trụ, Bảy Rishi và chòm Pleiades (có lẽ là bảy hoặc chín ngôi sao) là *atma-buddhi vũ trụ*.

xxiv. Nếu chúng ta nghiên cứu điều được nói về cõi vũ trụ thứ tư, cõi Bồ đề vũ trụ, chúng ta đọc thấy: "Bảy Rishi của Đại Hùng Tinh là Bảy Trung Tâm trong một Thái dương Thượng đế".

xxv. Một lần nữa, hẳn phải rõ ràng rằng thuật ngữ "Thái dương Thượng đế" (như được dùng ở đây) đã bị che mờ theo lối huyền bí, cũng như thuật ngữ "các Thái dương Thượng đế" đã bị như vậy trong tương quan với cõi chân thần vũ trụ—cõi thứ hai được mô tả trong TCF 344.

xxvi. Với một Thái dương Thượng đế bình thường biểu hiện qua một mặt trời, Bảy Rishi *không thể nào* là các luân xa hay trung tâm trong một Hữu thể như thế.

xxvii. Tuy nhiên, nếu loại "Thái dương Thượng đế" được chỉ ra ở đây thật ra là một *Constellational Logos* hay một *Cosmic Logos* (x. TCF 293), thì Bảy Rishi *có thể* là các luân xa.

xxviii. Do đó, chúng ta hãy cẩn thận theo dõi cách dùng những thuật ngữ như "Thái dương Thượng đế", "các Thái dương Thượng

much larger structures than at first they seem to indicate.

đế", "hệ mặt trời"—vì chúng có thể hàm ý những cấu trúc lớn hơn rất nhiều so với điều thoạt đầu chúng dường như chỉ ra.

xxix. As a side note, the relationship between the seven stars of the Great Bear representing the seven head centers of our One About Whom Naught May Be Said; the planet Vulcan correlated with the seven head centers in man; and man himself should be carefully studied. The line of descent for "spiritual will" (at atmic quality) will be revealed. This means that Vulcan, ruling as it does the seven head centers of man, can be reasonably related to the atmic plane.

xxix. Nhân tiện, mối liên hệ giữa bảy ngôi sao của Đại Hùng Tinh tượng trưng cho bảy trung tâm đầu của Đấng Bất Khả Tư Nghị của chúng ta; hành tinh Vulcan tương ứng với bảy trung tâm đầu nơi con người; và chính con người cần được nghiên cứu cẩn thận. Đường giáng hạ của "ý chí tinh thần" (với phẩm tính atma) sẽ được mặc khải. Điều này có nghĩa là Vulcan, vì cai quản bảy trung tâm đầu của con người, có thể được liên hệ một cách hợp lý với cõi atma.

k. Our next focus in Chart V (working occultly in a descending manner) is upon the Solar Logos Himself.

k. Trọng tâm kế tiếp của chúng ta trong Biểu đồ V (làm việc theo lối huyền bí theo chiều đi xuống) là chính Thái dương Thượng đế.

i. His monadic nature derives from the cosmic monadic plane.

i. Bản chất chân thần của Ngài phát sinh từ cõi chân thần vũ trụ.

ii. He is probably a fourth ray Monad, and ultimately a second ray Monad as the major monadic ray of any entity must be the first, second or third rays.

ii. Có lẽ Ngài là một Chân thần cung bốn, và rốt ráo là một Chân thần cung hai vì cung chân thần chính yếu của bất kỳ thực thể nào cũng phải là cung một, cung hai hoặc cung ba.

iii. We note that, like man, whose Monad is upon the systemic monadic plane, and whose causal body is upon the systemic mental plane, the Solar Logos has a causal body upon the cosmic mental plane.

iii. Chúng ta lưu ý rằng, giống như con người, có Chân thần ở trên cõi chân thần hệ thống và có thể nguyên nhân ở trên cõi trí hệ thống, Thái dương Thượng đế có một thể nguyên nhân trên cõi trí tuệ vũ trụ.

iv. Interestingly, we are not shown upon which level of the cosmic mental plane the causal body of the Solar Logos is located. Elsewhere, however, we are told:

iv. Điều đáng chú ý là chúng ta không được cho biết thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế nằm ở cấp độ nào của cõi trí tuệ vũ trụ. Tuy nhiên, ở nơi khác, chúng ta được cho biết:

10. The causal body of the Heavenly Men is upon the third subplane of the cosmic mental plane, **while that of the solar Logos and those of the three Persons of the logoic Trinity are upon the first subplane**. (TCF 532)

10. Thể nguyên nhân của các Đấng Thiên Nhân ở trên cõi phụ thứ ba của cõi trí tuệ vũ trụ, **trong khi thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế và của ba Ngôi Vị của Tam Vị logoic thì ở trên cõi phụ thứ nhất**. (TCF 532)

v. Interestingly, the line drawn from the cosmic monadic plane to the causal body of the Solar Logos passes through the triangle (on the cosmic buddhic plane) representing the fourth Rishi of the Great Bear, supposedly a fourth ray Being, manifesting through the star Megrez (the dimmest of all the seven stars).

v. Điều đáng chú ý là đường được vẽ từ cõi chân thần vũ trụ đến thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế đi qua tam giác (trên cõi Bồ đề vũ trụ) tượng trưng cho Rishi thứ tư của Đại Hùng Tinh, được cho là một Hữu thể cung bốn, biểu hiện qua ngôi sao Megrez (mờ nhất trong cả bảy ngôi sao).

vi. This may tell us something about the buddhic influence reaching of Solar Logos, Who is a Logos of the "fourth order" and Who is responsive to cosmic buddhi emanating from the Pleiades and, even more remotely, from the constellation of the Dragon (which, according to this hypothesis, is one of the systems of stars contained with the little green triangle in the large yellow circle).

vi. Điều này có thể cho chúng ta biết điều gì đó về ảnh hưởng Bồ đề đạt đến Thái dương Thượng đế, Đấng là một Logos thuộc "trật tự thứ tư" và Đấng đáp ứng với Bồ đề vũ trụ phát ra từ chòm Pleiades và, xa hơn nữa, từ chòm sao Con Rồng (mà theo giả thuyết này là một trong những hệ sao chứa trong tam giác xanh nhỏ trong vòng tròn vàng lớn).

vii. Our Solar Logos, then, has a causal body on the first level or sub-plane of the cosmic mental plane as have the three subsidiary Logoi (let us call them the Brahma, Vishnu and Shiva or our solar system).

vii. Như vậy, Thái dương Thượng đế của chúng ta có một thể nguyên nhân trên cấp độ hay cõi phụ thứ nhất của cõi trí tuệ vũ trụ, cũng như ba Thượng đế phụ thuộc (chúng ta hãy gọi các Ngài là Brahma, Vishnu và Shiva của hệ mặt trời chúng ta).

viii. From the causal body, or more specifically from the petals of the solar logoic egoic lotus, the twelve Creative Hierarchies are energized, influenced by a vibration emanating therefrom.

viii. Từ thể nguyên nhân, hay nói chính xác hơn từ các cánh hoa của hoa sen chân ngã logoic thái dương, mười hai Huyền Giai Sáng Tạo được tiếp năng lượng, chịu ảnh hưởng bởi một rung động phát ra từ đó.

The symbols of the seven Creative Hierarchies now in manifestation are all enclosed in a circle denoting limitation and

Các biểu tượng của bảy Huyền Giai Sáng Tạo hiện đang biểu hiện đều được bao bọc trong một vòng tròn biểu thị sự giới hạn và sự

the circumscribing of the Life. **All these hierarchies are Sons of Desire**, and are paramountly an expression of the desire for manifested life of the solar Logos. **They receive their primary impulse from the cosmic astral plane. They are also the expression of a vibration emanating from the second row of petals in the logoic Lotus on the cosmic mental plane.** (TCF 1225)

khoanh định của Sự sống. **Tất cả các huyền giai này đều là Các Con của Dục vọng**, và chủ yếu là một biểu hiện của dục vọng sống biểu hiện của Thái dương Thượng đế. **Các Ngài nhận xung lực sơ khởi của mình từ cõi cảm dục vũ trụ. Các Ngài cũng là biểu hiện của một rung động phát ra từ hàng cánh hoa thứ hai trong Hoa sen logoic trên cõi trí tuệ vũ trụ.** (TCF 1225)

ix. Chart V is much simplified, showing a large cosmic context, but really, focussing on only one Logos—"*a* Solar Logos", which, it would seem, is really the Solar Logos of our solar system.

ix. Biểu đồ V được đơn giản hóa rất nhiều, cho thấy một bối cảnh vũ trụ rộng lớn, nhưng thật ra chỉ tập trung vào một Logos —"*một* Thái dương Thượng đế", mà dường như chính là Thái dương Thượng đế của hệ mặt trời chúng ta.

x. DK is being a little indefinite about specifying whether the Solar Logos in question is merely one of seven major Solar Logoi or is *our* Solar Logos.

x. Chân sư DK hơi thiếu xác định khi nêu rõ liệu Thái dương Thượng đế đang được nói đến chỉ là một trong bảy Thái dương Thượng đế chính yếu hay là *Thái dương Thượng đế* của chúng ta.

xi. Given the alignment involving many *fours,* the likelihood that it is *our* Solar Logos increases. Besides, this would certainly be the most relevant presentation—to *us*, that is.

xi. Với sự chỉnh hợp bao gồm nhiều số *bốn*, khả năng đó là *Thái dương Thượng đế* của chúng ta tăng lên. Hơn nữa, đây chắc chắn sẽ là cách trình bày thích đáng nhất—đối với *chúng ta*, tức là như vậy.

xii. From the highest levels of the cosmic mental plane, our Solar Logos (and perhaps some of the others), directs manifestation on the lower eighteen sub-planes of the cosmic planes.

xii. Từ những cấp độ cao nhất của cõi trí tuệ vũ trụ, Thái dương Thượng đế của chúng ta (và có lẽ một số vị khác) chỉ đạo sự biểu hiện trên mười tám cõi phụ thấp hơn của các cõi vũ trụ.

xiii. The subject we are studying—cosmic manas—is related to the placement of our Solar Logos on the cosmic mental plane. Cosmic manas is particularly related to cosmic solar fire, which emanates from the *higher* levels of the cosmic mental plane.

xiii. Chủ đề chúng ta đang nghiên cứu—manas vũ trụ—liên hệ với vị trí của Thái dương Thượng đế của chúng ta trên cõi trí tuệ vũ trụ. Manas vũ trụ đặc biệt liên hệ với Lửa Thái dương vũ trụ, phát ra từ các cấp độ *cao hơn* của cõi trí tuệ vũ trụ.

l. Now, let us focus for a moment on the cosmic astral plane which, in Chart V, is blank just as is the cosmic atmic plane.

i. Quite a bit is said of the cosmic astral plane throughout the Teaching

1. The five liberated Creative Hierarchy are focussed on the cosmic astral plane. The fifth is yet to be fully focussed there.

2. All the Creative Hierarchies receive their "primary impulse" from the cosmic astral plane. (cf. TCF 1225)

3. The Christ is becoming sensitive to the cosmic astral plane and is transmitting energies therefrom.

4. The Hierarchy reacts or responds to energies emanating from the cosmic astral plane.

5. Three of the seven defined Paths of Higher Evolution lead to the cosmic astral plane—the Path of Earth Service, the Path of Magnetic Work and the Path to Sirius. (cf. R&I 399)

6. Probably the Solar Angels are conveying energies related to the cosmic astral plane.

7. Those upon the second Path of Magnetic Work influence the systemic astral plane from the cosmic astral plane.

8. In this second solar system, the energies from the cosmic astral plane have been a major influence.

l. Giờ đây, chúng ta hãy tập trung trong chốc lát vào cõi cảm dục vũ trụ, cõi mà trong Biểu đồ V bị để trống cũng như cõi atma vũ trụ.

i. Khá nhiều điều được nói về cõi cảm dục vũ trụ xuyên suốt Giáo Huấn

1. Năm Huyền Giai Sáng Tạo đã được giải thoát tập trung trên cõi cảm dục vũ trụ. Huyền giai thứ năm vẫn chưa hoàn toàn tập trung ở đó.

2. Tất cả các Huyền Giai Sáng Tạo đều nhận "xung lực sơ khởi" của mình từ cõi cảm dục vũ trụ. (x. TCF 1225)

3. Đức Christ đang trở nên nhạy cảm với cõi cảm dục vũ trụ và đang truyền các năng lượng từ đó.

4. Thánh đoàn phản ứng hay đáp ứng với các năng lượng phát ra từ cõi cảm dục vũ trụ.

5. Ba trong bảy Con đường Tiến Hóa Cao Siêu xác định dẫn đến cõi cảm dục vũ trụ—Con Đường Phụng Sự Địa Cầu, Con Đường Công Tác Từ Tính và Con Đường đến Sirius. (x. R&I 399)

6. Có lẽ các Thái dương Thiên Thần đang chuyển tải các năng lượng liên hệ với cõi cảm dục vũ trụ.

7. Những vị ở trên Con Đường Công Tác Từ Tính thứ hai ảnh hưởng đến cõi cảm dục hệ thống từ cõi cảm dục vũ trụ.

8. Trong hệ mặt trời thứ hai này, các năng lượng từ cõi cảm dục vũ trụ đã là một ảnh hưởng lớn.

9. Etc.

ii. Yet, in Chart V, we find the cosmic astral plane blank, even though our Solar Logos is polarized on the cosmic astral plane! Thus, the inferred incompleteness of Chart V.

iii. The cosmic astral plane is the home of the "Subjective Sun", just as the cosmic mental plane is the home of the "Heart of the Sun".

iv. Since Chart V deals with the expression of a Solar Logos (probably ours, or the chart would be far less relevant to readers of this book), and since our Solar Logos is polarized on the cosmic astral plane, the cosmic astral plane has to be important.

v. We can infer that the cosmic astral plane receives the energies of the Pleiades in their buddhic aspect. The Solar Logos (as He expresses through an "astral-buddhic" system) will attempt to render His spheres upon the cosmic astral plane responsive to the energies of cosmic buddhi. Probably, He has not yet succeeded in doing so as, for Him, even cosmic mental polarization has not been achieved (meaning, I would think, polarization on the higher levels of cosmic mind).

m. We will now focus upon the cosmic physical plane, which in Chart V is much enlarged compared to the other cosmic planes, as the cosmic physical plane most concerns the Fourth Creative Hierarchy.

i. On the adic level of the cosmic physical plane we find three triangles representing "The Three Logoi". These are Beings, we

9. Vân vân.

ii. Tuy nhiên, trong Biểu đồ V, chúng ta thấy cõi cảm dục vũ trụ bị để trống, mặc dù Thái dương Thượng đế của chúng ta được phân cực trên cõi cảm dục vũ trụ! Vì thế, có thể suy ra tính không hoàn chỉnh của Biểu đồ V.

iii. Cõi cảm dục vũ trụ là nơi cư ngụ của "Mặt Trời Chủ Quan", cũng như cõi trí tuệ vũ trụ là nơi cư ngụ của "Trái Tim của Mặt Trời".

iv. Vì Biểu đồ V đề cập đến sự biểu hiện của một Thái dương Thượng đế (có lẽ là của chúng ta, nếu không biểu đồ sẽ ít liên hệ hơn nhiều đối với độc giả của cuốn sách này), và vì Thái dương Thượng đế của chúng ta được phân cực trên cõi cảm dục vũ trụ, nên cõi cảm dục vũ trụ hẳn phải quan trọng.

v. Chúng ta có thể suy ra rằng cõi cảm dục vũ trụ tiếp nhận các năng lượng của chòm Pleiades trong phương diện Bồ đề của chúng. Thái dương Thượng đế (khi Ngài biểu hiện qua một hệ thống "cảm dục-Bồ đề") sẽ cố gắng làm cho các khối cầu của Ngài trên cõi cảm dục vũ trụ đáp ứng với các năng lượng của Bồ đề vũ trụ. Có lẽ Ngài vẫn chưa thành công trong việc này vì đối với Ngài, ngay cả sự phân cực trí tuệ vũ trụ cũng chưa đạt được (nghĩa là, theo tôi nghĩ, sự phân cực trên các cấp độ cao hơn của trí tuệ vũ trụ).

m. Giờ đây chúng ta sẽ tập trung vào cõi hồng trần vũ trụ, cõi mà trong Biểu đồ V được phóng lớn hơn nhiều so với các cõi vũ trụ khác, vì cõi hồng trần vũ trụ liên hệ nhiều nhất đến Huyền Giai Sáng Tạo thứ Tư.

i. Trên cấp độ adic của cõi hồng trần vũ trụ, chúng ta thấy ba tam giác tượng trưng cho "Ba Thượng đế". Đây là những Hữu thể, như

remember, Who have their causal bodies on the first sub-plane of the cosmic mental plane just as does the Solar Logos. These Beings are to the Solar Logos what the three Buddhas of Activity are to Sanat Kumara.

chúng ta nhớ, có các thể nguyên nhân của Các Ngài trên cõi phụ thứ nhất của cõi trí tuệ vũ trụ cũng như Thái dương Thượng đế. Những Hữu thể này đối với Thái dương Thượng đế cũng như ba Đức Phật Hoạt Động đối với Đức Sanat Kumara.

ii. At first we might be tempted to think that the three triangles could represent the three synthesizing planets, with the other seven planets below on the second systemic plane.

ii. Thoạt đầu chúng ta có thể bị cám dỗ nghĩ rằng ba tam giác ấy có thể tượng trưng cho ba hành tinh tổng hợp, với bảy hành tinh khác ở bên dưới trên cõi hệ thống thứ hai.

iii. But the Three Logoi (which might be called the Brahma, Vishnu and Shiva of our solar system) are much greater Beings than the Logoi Who inform the synthesizing planets. They are, it would seem, pursuing the same system of initiations that the Solar Logos is, though are probably behind Him.

iii. Nhưng Ba Thượng đế (có thể được gọi là Brahma, Vishnu và Shiva của hệ mặt trời chúng ta) là những Hữu thể vĩ đại hơn nhiều so với các Thượng đế phú linh cho các hành tinh tổng hợp. Dường như Các Ngài đang theo đuổi cùng một hệ thống điểm đạo mà Thái dương Thượng đế đang theo đuổi, dù có lẽ còn ở phía sau Ngài.

iv. The Logoi of the synthesizing planets, it would seem, are pursuing the system of initiations appropriate to Planetary Logoi—not to Solar Logoi.

iv. Dường như các Thượng đế của các hành tinh tổng hợp đang theo đuổi hệ thống điểm đạo thích hợp cho các Hành Tinh Thượng Đế —chứ không phải cho các Thái dương Thượng đế.

v. Whereas the Solar Logos and the Three Logoi have Their causal bodies on the first sub-plane of the cosmic mental plane, it would seem that the sacred and synthesizing planets have Their causal bodies on the *second* level of the cosmic mental plane, just as the Earth (and probably the other non-sacred planets) has its causal body on the *third* level of the cosmic mental plane.

v. Trong khi Thái dương Thượng đế và Ba Thượng đế có các thể nguyên nhân của Các Ngài trên cõi phụ thứ nhất của cõi trí tuệ vũ trụ, thì dường như các hành tinh thiêng liêng và tổng hợp có các thể nguyên nhân của Các Ngài trên cấp độ *thứ hai* của cõi trí tuệ vũ trụ, cũng như Trái Đất (và có lẽ các hành tinh không thiêng liêng khác) có thể nguyên nhân của nó trên cấp độ *thứ ba* của cõi trí tuệ vũ trụ.

vi. It may be that the Logoi of the synthesizing planets are working towards a re-focussing of Their causal bodies on the first sub-plane. This is merely inference based on Their high spiritual *status* and their relatively small degree of *unfoldment*

vi. Có thể các Thượng đế của các hành tinh tổng hợp đang hướng tới việc tái tập trung các thể nguyên nhân của Các Ngài trên cõi phụ thứ nhất. Đây chỉ là suy luận dựa trên *địa vị* tinh thần cao của Các Ngài và mức độ *khai mở* tương đối nhỏ của Các Ngài cho đến

thus far. (Spiritual *status*, we have often stated, is to be considered distinct from degree of *unfoldment*.)

vii. We see the Three Logoi color coded to represent the first, second and third rays.

viii. It may be that each of these Logoi expresses through three planetary schemes. (cf. EP II 99)

However, **Saturn, Mars and our Earth constitute, in a curious esoteric manner, the [99] personality of a stupendous ray Life, Whose energy is that of the third Ray.** There are, as has been stated elsewhere, seven sacred planets but ten planetary schemes, and in three cases, (those of the three major rays) three planets constitute the personality of each ray Life. Some esoteric thinkers believe that there are twelve planets to be considered in our solar system, and there is a basis for their conclusion. The personality of this third ray Life functions through the following planets:

1. The mental body expresses itself through the medium of the planet Saturn.

2. The astral body expresses itself through the planet Mars.

3. The physical body expresses itself through the planet Earth.

The potency of this Life is such that He requires three complete schemes—all three closely allied and interdependent—through which to express Himself. **Uranus, Jupiter and Venus are similarly allied in order to**

nay. (Như chúng ta thường nói, *địa vị* tinh thần phải được xem là khác biệt với mức độ *khai mở*.)

vii. Chúng ta thấy Ba Thượng đế được mã hóa màu để tượng trưng cho cung một, cung hai và cung ba.

viii. Có thể mỗi một trong các Thượng đế này biểu hiện qua ba hệ hành tinh. (x. EP II 99)

Tuy nhiên, **Thổ Tinh, Hỏa Tinh và Trái Đất của chúng ta cấu thành, theo một cách huyền bí kỳ lạ, [99] phàm ngã của một Sự sống cung vĩ đại, mà năng lượng của Ngài là năng lượng của cung ba.** Như đã được nói ở nơi khác, có bảy hành tinh thiêng liêng nhưng mười hệ hành tinh, và trong ba trường hợp, (những trường hợp của ba cung chính) ba hành tinh cấu thành phàm ngã của mỗi Sự sống cung. Một số nhà bí truyền học tin rằng có mười hai hành tinh cần được xét đến trong hệ mặt trời của chúng ta, và có cơ sở cho kết luận của họ. Phàm ngã của Sự sống cung ba này hoạt động qua các hành tinh sau:

1. Thể trí biểu hiện qua trung gian của hành tinh Thổ Tinh.

2. Thể cảm dục biểu hiện qua hành tinh Hỏa Tinh.

3. Thể xác biểu hiện qua hành tinh Trái Đất.

Quyền năng của Sự sống này lớn đến mức Ngài cần ba hệ hành tinh trọn vẹn—cả ba đều liên kết chặt chẽ và phụ thuộc lẫn nhau—để qua đó biểu hiện chính Ngài. **Thiên Vương Tinh, Mộc Tinh và Kim Tinh cũng**

manifest or express a great Life. (EP II 98-99)

ix. These Beings that are called by the name of a "stupendous ray Life" or "great Life" are very reasonably the Three Logoi.

x. Much about these Three Logoi (solar systemically considered) can be learned from studying the Three Outpourings.

xi. Of course the Three Outpourings are cosmic in nature, but every entity has its own version of the Three Outpourings, as does our Solar Logos.

xii. We notice that from the causal body of the Solar Logos, three lines emanate, one to each one of the Three Logoi. These are obviously, lines of animation, probably relating the "triple flame" and the three main kinds of petals (in seven tiers) in the solar logoic egoic lotus to the Three Logoi.

xiii. The Solar Logos is hierarchically superior to the Three Logoi, Who are as the three major aspects of the Logos.

n. We will now focus on the second sub-plane of the cosmic physical plane.

i. On this sub-plane can be found the "Seven Planetary Logoi".

ii. The seven are probably the seven sacred planets including the three synthesizing planets.

liên kết tương tự để biểu hiện hay bày tỏ một Sự sống vĩ đại. (EP II 98-99)

ix. Những Hữu thể được gọi bằng danh xưng "một Sự sống cung vĩ đại" hay "Sự sống vĩ đại" này rất có thể chính là Ba Thượng đế.

x. Có thể học được nhiều điều về Ba Thượng đế này (xét theo hệ mặt trời) bằng cách nghiên cứu Ba Lần Tuôn Đổ.

xi. Dĩ nhiên Ba Lần Tuôn Đổ có bản chất vũ trụ, nhưng mỗi thực thể đều có phiên bản riêng của Ba Lần Tuôn Đổ, cũng như Thái dương Thượng đế của chúng ta vậy.

xii. Chúng ta nhận thấy rằng từ thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế, ba đường phát ra, một đường đến mỗi một trong Ba Thượng đế. Hiển nhiên đây là những đường sinh động hóa, có lẽ liên hệ "ngọn lửa tam phân" và ba loại cánh hoa chính (trong bảy tầng) trong hoa sen chân ngã logoic thái dương với Ba Thượng đế.

xiii. Thái dương Thượng đế ở vị trí cao hơn theo thứ bậc so với Ba Thượng đế, các Đấng này như ba phương diện chính yếu của Logos.

n. Giờ đây chúng ta sẽ tập trung vào cõi phụ thứ hai của cõi hồng trần vũ trụ.

i. Trên cõi phụ này có thể tìm thấy "Bảy Hành Tinh Thượng Đế".

ii. Bảy vị này có lẽ là bảy hành tinh thiêng liêng bao gồm ba hành tinh tổng hợp.

iii. The non-sacred planets are not listed, but also hold their place within the seven sacred triangles.

iii. Các hành tinh không thiêng liêng không được liệt kê, nhưng cũng giữ vị trí của chúng trong bảy tam giác thiêng liêng.

iv. As we are dealing with the systemic monadic plane, the sacred planets are probably represented according to their monadic ray.

iv. Vì chúng ta đang đề cập đến cõi chân thần hệ thống, nên các hành tinh thiêng liêng có lẽ được biểu thị theo cung chân thần của chúng.

v. What may be the monadic rays of the sacred and non-sacred planets is a subject for much debate, but the following list may be suggestive.

v. Cung chân thần của các hành tinh thiêng liêng và không thiêng liêng có thể là gì là một đề tài gây nhiều tranh luận, nhưng danh sách sau có thể gợi ý.

1. Uranus—R1 Monad

1. Thiên Vương Tinh—Chân thần Cung một

2. Neptune—R2 Monad

2. Hải Vương Tinh—Chân thần Cung hai

3. Saturn—R3 Monad (cf. EP I 420 for the synthesizing planets)

3. Thổ Tinh—Chân thần cung ba (x. EP I 420 về các hành tinh tổng hợp)

4. Vulcan—R4 Monad (transferring to R2)

4. Vulcan—Chân thần cung bốn (chuyển sang cung hai)

5. Mercury—R5 Monad (transferring to R3)

5. Thủy Tinh—Chân thần cung năm (chuyển sang cung ba)

6. Venus—R6 Monad (transferring to R2)

6. Kim Tinh—Chân thần cung sáu (chuyển sang cung hai)

7. Jupiter—R7 Monad (transferring to R1, perhaps)

7. Mộc Tinh—Chân thần cung bảy (có lẽ chuyển sang cung một)

vi. We note that we are not listing these planets by soul ray because the diagram concerns their monadic expression and not their soul expression.

vi. Chúng ta lưu ý rằng chúng ta không liệt kê các hành tinh này theo cung linh hồn vì sơ đồ liên quan đến biểu hiện chân thần của chúng chứ không phải biểu hiện linh hồn của chúng.

1. Vulcan—R1 Soul

1. Vulcan—cung linh hồn một

2. Jupiter—R2 Soul

3. Saturn—R3 Soul

4. Mercury—R4 Soul

5. Venus—R5 Soul

6. Neptune—R6 Soul

7. Uranus—R7 Soul

vii. Although the non-sacred planets are not listed, they can be presumed to be incorporated each within one the triangles which corresponds, probably, to their monadic ray.

1. Earth—R1 Monad

2. Mars—R5 Monad (transferring to R3, or perhaps R1)

3. Pluto—R3 or R5 Monad

viii. The monadic assignments are, of course, hypothetical, but are based on reason.

ix. Interestingly, monadically, we would find the Earth incorporated into the triangle representing Uranus. Mythologically, Uranus is closely connected with the birth of Gaia (Earth).

2. Mộc Tinh—cung linh hồn hai

3. Thổ Tinh—cung linh hồn ba

4. Thủy Tinh—cung linh hồn bốn

5. Kim Tinh—cung linh hồn năm

6. Hải Vương Tinh—cung linh hồn sáu

7. Thiên Vương Tinh—cung linh hồn bảy

vii. Mặc dù các hành tinh không thiêng liêng không được liệt kê, có thể giả định rằng mỗi hành tinh đều được bao gồm trong một trong các tam giác tương ứng, có lẽ, với cung chân thần của nó.

1. Trái Đất—Chân thần Cung một

2. Hỏa Tinh—Chân thần cung năm (chuyển sang cung ba, hoặc có lẽ cung một)

3. Diêm Vương Tinh—Chân thần cung ba hoặc cung năm

viii. Dĩ nhiên, các sự quy định chân thần này chỉ là giả thuyết, nhưng dựa trên lý trí.

ix. Điều đáng chú ý là, xét theo chân thần, chúng ta sẽ thấy Trái Đất được bao gồm trong tam giác tượng trưng cho Thiên Vương Tinh. Về mặt thần thoại, Thiên Vương Tinh liên hệ chặt chẽ với sự ra đời của Gaia (Trái Đất).

x. Pluto, given the accuracy of the assignment, would be incorporated into the triangle representing Mercury, and so would Mars.

x. Diêm Vương Tinh, nếu sự quy định này là chính xác, sẽ được bao gồm trong tam giác tượng trưng cho Thủy Tinh, và Hỏa Tinh cũng vậy.

xi. Very interestingly, Mercury, Mars and Pluto are all intimately associated with the kundalini energy.

xi. Rất thú vị là Thủy Tinh, Hỏa Tinh và Diêm Vương Tinh đều liên hệ mật thiết với năng lượng kundalini.

xii. Within the fourth triangle (depicted in yellow), there is a little triangle called "A Human Monad". We have to look at this Monad in a general sense and not as if it were, necessarily, a Monad of the Fourth Creative Hierarchy *on our planet*.

xii. Trong tam giác thứ tư (được mô tả bằng màu vàng), có một tam giác nhỏ gọi là "Một Chân thần Nhân loại". Chúng ta phải nhìn Chân thần này theo nghĩa tổng quát chứ không phải như thể nó nhất thiết là một Chân thần của Huyền Giai Sáng Tạo thứ Tư *trên hành tinh của chúng ta*.

xiii. The yellow triangle would have to represent our Planetary Logos if the Monad referenced were to be an Earth Monad. Although, there is much of the number *four* to be associated with our planet, it would be a leap to state that the fourth triangle represented the Earth.

xiii. Tam giác màu vàng hẳn phải tượng trưng cho Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta nếu Chân thần được nói đến là một Chân thần Trái Đất. Mặc dù có nhiều số *bốn* gắn với hành tinh của chúng ta, sẽ là một bước nhảy vọt nếu nói rằng tam giác thứ tư tượng trưng cho Trái Đất.

xiv. It cannot be denied, however that there is a close relation between our Earth and Vulcan (the sacred planet hypothesized to have a fourth ray Monad). The graduates of Vulcan are called "Fiery Stones" and those of Earth "Living Stones".

xiv. Tuy nhiên, không thể phủ nhận rằng có một mối liên hệ chặt chẽ giữa Trái Đất của chúng ta và Vulcan (hành tinh thiêng liêng được giả thuyết là có Chân thần cung bốn). Những vị tốt nghiệp từ Vulcan được gọi là "Những Viên Đá Lửa" và những vị từ Trái Đất là "Những Viên Đá Sống".

xv. In any case, Vulcan has its own humanity, as do (or will have) all of the planets. The development of manas on each planet corresponds to the development of its humanity. Because Vulcan is more advanced in the development of manas than Earth, it may be inferred that the humanity of Vulcan is more advanced than the humanity of Earth.

xv. Dù sao đi nữa, Vulcan có nhân loại riêng của nó, cũng như tất cả các hành tinh đều có (hoặc sẽ có). Sự phát triển của manas trên mỗi hành tinh tương ứng với sự phát triển của nhân loại của nó. Vì Vulcan tiến bộ hơn Trái Đất trong sự phát triển của manas, có thể suy ra rằng nhân loại của Vulcan tiến bộ hơn nhân loại của Trái Đất.

Again, it must be noted that Earth, Mars, Jupiter, Saturn, and Vulcan are as yet developing manas, and the stage achieved in each varies, and is not for exoteric publication. The Heavenly Men of these schemes have not yet succeeded in bringing Their bodies to the stage where transmutation on a large scale is possible. They are approaching it, and when the necessary three fifths is reached, then They will begin to transmute on a larger scale. **The Earth scheme has about one fifth in process of transmutation in one or other of the globes at this time and Vulcan has very nearly two fifths.** (TCF 403)

Một lần nữa, cần lưu ý rằng Trái Đất, Hỏa Tinh, Mộc Tinh, Thổ Tinh và Vulcan hiện vẫn đang phát triển manas, và giai đoạn đạt được nơi mỗi hành tinh là khác nhau, và không dành cho việc công bố ngoại môn. Các Đấng Thiên Nhân của các hệ hành tinh này vẫn chưa thành công trong việc đưa các thể của Các Ngài đến giai đoạn mà sự chuyển hoá trên quy mô lớn là khả hữu. Các Ngài đang tiến gần đến điều đó, và khi đạt đến ba phần năm cần thiết, khi ấy Các Ngài sẽ bắt đầu chuyển hoá trên quy mô lớn hơn. **Hệ Địa Cầu hiện có khoảng một phần năm đang trong tiến trình chuyển hoá trên một hay một số bầu hành tinh vào lúc này và Vulcan có gần hai phần năm.** (TCF 403)

o. We now descend into the atmic planet and four lower systemic planes.

o. Giờ đây chúng ta đi xuống cõi atma và bốn cõi hệ thống thấp hơn.

i. We notice that on each of the planes of the spiritual triad, a permanent atom is shown on the highest or atomic level of that plane.

i. Chúng ta nhận thấy rằng trên mỗi cõi của Tam Nguyên Tinh Thần, một nguyên tử trường tồn được trình bày trên cấp độ cao nhất hay cấp độ nguyên tử của cõi đó.

ii. The spiritual triad is depicted in Chart V differently from the manner in which it shown on some charts. In this chart, there is a direct alignment between the atmic permanent atom and the manasic permanent atom—which, qualitatively, makes sense.

ii. Tam nguyên tinh thần được mô tả trong Biểu đồ V theo một cách khác với cách nó được trình bày trên một số biểu đồ. Trong biểu đồ này, có một sự chỉnh hợp trực tiếp giữa nguyên tử trường tồn atma và nguyên tử trường tồn manas—điều này, xét về phẩm tính, là hợp lý.

iii. The causal body of the human being is also shown as a little triangle (colored in deep blue) just as is the large triangle representing the causal body of the Solar Logos.

iii. Thể nguyên nhân của con người cũng được trình bày như một tam giác nhỏ (màu lam đậm), cũng như tam giác lớn tượng trưng cho thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế.

iv. The members of the atomic triangle (mental unit, astral permanent atom and the physical permanent atom) are also shown in their correct locations.

iv. Các thành viên của tam giác nguyên tử (đơn vị hạ trí, nguyên tử trường tồn cảm dục và nguyên tử trường tồn hồng trần) cũng được trình bày ở đúng vị trí của chúng.

v. The purpose of this chart is not to focus on microcosmic man—something done with greater clarity and delineation in other charts.

v. Mục đích của biểu đồ này không phải là tập trung vào con người tiểu thiên địa—điều đã được thực hiện với sự rõ ràng và phân định lớn hơn trong các biểu đồ khác.

p. There are three principle circles in this chart. They represent three worlds:

p. Có ba vòng tròn nguyên khí trong biểu đồ này. Chúng tượng trưng cho ba thế giới:

i. The world of solar logoic expression on the cosmic physical plane. This circle (embracing all forty-nine sub-planes of the cosmic physical plane) is represented in red to suggest the factor of will—for a Solar Logos is becoming a "Lion of Cosmic Will". This circle includes all the permanent atoms and as well as the area of expression of the Planetary Logoi and the Three Logoi.

i. Thế giới biểu hiện của Thái dương Thượng đế trên cõi hồng trần vũ trụ. Vòng tròn này (bao trùm toàn bộ bốn mươi chín cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ) được biểu thị bằng màu đỏ để gợi lên yếu tố ý chí—vì một Thái dương Thượng đế đang trở thành một "Sư Tử của Ý Chí Vũ Trụ". Vòng tròn này bao gồm tất cả các nguyên tử trường tồn cũng như lĩnh vực biểu hiện của các Hành Tinh Thượng Đế và Ba Thượng đế.

ii. The area of expression of (presumably) our Planetary Logos is represented by a blue circle rising up to the systemic monadic plane. Planetary Logoi are "Dragons of Wisdom", which status correlates to the color blue. The blue circle embraces the five brahmic planes, or the lower thirty-five systemic planes. These thirty-five constitute the worlds of human and superhuman evolution. The realm of the spiritual triad (the personality of the Monad) is included, as a major area of expression for the Planetary Logos).

ii. Lĩnh vực biểu hiện của (có lẽ là) Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta được biểu thị bằng một vòng tròn màu lam vươn lên đến cõi chân thần của hệ thống. Các Hành Tinh Thượng Đế là "Những Con Rồng của Minh Triết", và địa vị ấy tương ứng với màu lam. Vòng tròn màu lam bao trùm năm cõi brahmic, hay ba mươi lăm cõi phụ thấp của hệ thống. Ba mươi lăm cõi này cấu thành các thế giới của sự tiến hoá nhân loại và siêu nhân loại. Cõi của Tam nguyên tinh thần (phàm ngã của chân thần) được bao gồm trong đó, như một lĩnh vực biểu hiện chính của Hành Tinh Thượng Đế).

iii. The area of expression of a human being represented in green, the color associated with the third ray and the third aspect (the material aspect). Man is a very material

iii. Lĩnh vực biểu hiện của một con người được biểu thị bằng màu lục, màu gắn liền với cung ba và phương diện thứ ba (phương diện vật chất). Con người là một thực thể rất vật

entity when compared with either the Planetary Logos or the Solar Logos. This circle embraces the lower eighteen systemic sub-planes up to the third sub-plane of the systemic mental plane. This circle embraces what we commonly call the “lunar worlds”, or the realm of personality.

chất khi so với Hành Tinh Thượng Đế hoặc Thái dương Thượng đế. Vòng tròn này bao trùm mười tám cõi phụ thấp của hệ thống cho đến cõi phụ thứ ba của cõi trí của hệ thống. Vòng tròn này bao trùm điều mà chúng ta thường gọi là “các thế giới thái âm”, hay cõi của phàm ngã.

q. We have now come to the end of this preliminary analysis of Chart V.

q. Giờ đây chúng ta đã đi đến phần kết của sự phân tích sơ bộ này về Biểu đồ V.

r. From the perspective here presented, the chart embraces many thousands of stars and a considerable number of constellations; forty-nine super-constellations; seven super-super-constellations; and one Being called A Cosmic Parabrahman. (Option II)

r. Từ quan điểm được trình bày ở đây, biểu đồ bao gồm nhiều ngàn ngôi sao và một số lượng đáng kể các chòm sao; bốn mươi chín siêu-chòm sao; bảy siêu-siêu-chòm sao; và một Hữu thể được gọi là Một Parabrahman Vũ Trụ. (Phương án II)

s. Of course, it may also be the case that the scope of the chart should be retracted by one degree (Option I); this was the *original* conception, but had associated with it a number of difficulties which have been explored somewhat in the discussion.

s. Dĩ nhiên, cũng có thể là phạm vi của biểu đồ nên được thu lại một cấp (Phương án I); đây là quan niệm *ban đầu*, nhưng nó gắn liền với một số khó khăn đã được khảo sát phần nào trong phần thảo luận.

t. As vast as this structure seems to us, it probably contains only thousands of stars, whereas galaxies contain not only millions but billions. Our Milky Way alone is said to contain about 200 billion stars.

t. Dù cấu trúc này có vẻ bao la đối với chúng ta đến đâu, có lẽ nó chỉ chứa hàng ngàn ngôi sao, trong khi các thiên hà không chỉ chứa hàng triệu mà còn hàng tỷ. Chỉ riêng Dải Ngân Hà của chúng ta được cho là chứa khoảng 200 tỷ ngôi sao.

u. The perspective induced by Chart V is, therefore, a cause for humility as we begin to realize that, although we possess the concept of a seemingly endless “Ladder of Evolution”, we have very little if any idea concerning the nature of the entities to be found upon that ladder and their spiritual status.

u. Vì vậy, quan điểm do Biểu đồ V gợi ra là một nguyên nhân của sự khiêm cung khi chúng ta bắt đầu nhận ra rằng, mặc dù chúng ta sở hữu khái niệm về một “Nấc Thang Tiến Hoá” dường như vô tận, chúng ta hầu như không có, nếu có chăng, ý niệm nào về bản chất của các thực thể được tìm thấy trên nấc thang ấy và địa vị tinh thần của chúng.

30. We now return to the text for Semester Four Section Two.

a. The Process of Individualisation. Perhaps it may help somewhat if we here consider the question of INDIVIDUALISATION, or the process of **intelligent self-realisation** [Page 345] which so strikingly differentiates men from the animals.

31. Here we have an excellent definition of individualization as intelligent self-realization. The newly made individual notices something distinct and central within the field of consciousness—a *self.* This is self-realization and become increasingly intelligent as the evolutionary process proceeds.

At individualisation the two poles are approximated, and at their meeting light streams forth, irradiating the cave of matter, and lighting the pathway that must be trodden by the Pilgrim on his way back to his source.

32. The two poles are spirit and matter microcosmically understood.

33. What do we mean by the "approximation of the poles": we mean adjusted action on the part of each to promote alignment and interplay between them.

34. The "cave of matter" is perception confined to the three worlds. Not until the sense of self is born is it possible to begin treading the long pathway which leads to extrication.

30. Giờ đây chúng ta quay lại văn bản cho Học kỳ Bốn, Phần Hai.

a. Tiến Trình Biệt Ngã Hóa. Có lẽ sẽ giúp ích phần nào nếu ở đây chúng ta xem xét vấn đề BIỆT NGÃ HÓA, hay tiến trình của **sự chứng nghiệm bản thân một cách trí tuệ** [Page 345] vốn phân biệt con người với loài vật một cách nổi bật như vậy.

31. Ở đây chúng ta có một định nghĩa rất xuất sắc về biệt ngã hóa như là sự chứng nghiệm bản thân một cách trí tuệ. Cá thể vừa được tạo thành nhận thấy một điều gì đó riêng biệt và trung tâm trong trường tâm thức—một *bản ngã.* Đây là sự chứng nghiệm bản thân và ngày càng trở nên trí tuệ hơn khi tiến trình tiến hoá tiếp diễn.

Vào lúc biệt ngã hóa, hai cực được đưa lại gần nhau, và tại điểm gặp gỡ của chúng, ánh sáng tuôn ra, chiếu rọi hang động của vật chất, và soi sáng con đường mà Người Hành Hương phải bước đi trên đường trở về nguồn cội của mình.

32. Hai cực ấy là tinh thần và vật chất được hiểu theo nghĩa tiểu thiên địa.

33. Chúng ta muốn nói gì bởi "sự đưa lại gần nhau của các cực": chúng ta muốn nói đến hành động được điều chỉnh từ phía mỗi bên để thúc đẩy sự chỉnh hợp và tương tác giữa chúng.

34. "Hang động của vật chất" là tri giác bị giới hạn trong ba cõi giới. Chỉ khi ý thức về bản ngã được sinh ra thì mới có thể bắt đầu bước đi trên con đường dài dẫn đến sự giải thoát.

35. After individualization there is always a light which indicates the way from here to there. Thus is the divine 'other' sensed. In pursuit of that 'other', the veils upon perception are slowly worn away, lifted or destroyed.

35. Sau biệt ngã hóa luôn luôn có một ánh sáng chỉ ra con đường từ đây đến đó. Nhờ vậy mà 'tha thể' thiêng liêng được cảm nhận. Trong khi theo đuổi 'tha thể' ấy, các màn che trên tri giác dần dần bị mài mòn, được nâng lên hoặc bị phá hủy.

36. We can see that individualization is the beginning of a great integration of the higher and lower parts of man.

36. Chúng ta có thể thấy rằng biệt ngã hóa là khởi đầu của một sự tích hợp lớn lao giữa các phần cao và thấp của con người.

This irradiation

Sự chiếu rọi này

37. We are speaking of an irradiation of hitherto normal perception.

37. Chúng ta đang nói về một sự chiếu rọi của tri giác vốn từ trước đến nay là bình thường.

brings about, in connection with man,

mang lại, liên quan đến con người,

38. As there may be other types of individualization (of a cosmic kind) in relation to higher beings.

38. Vì có thể có những loại biệt ngã hóa khác (thuộc loại vũ trụ) liên quan đến các hữu thể cao hơn.

Self-realisation.

Sự chứng nghiệm bản thân.

39. This is a dawning awareness that there is a self.

39. Đây là một nhận biết đang hé mở rằng có một bản ngã.

Purpose.

Mục đích.

40. This is the sense of a direction or path which the newly found self should follow.

40. Đây là cảm nhận về một phương hướng hay con đường mà bản ngã vừa được tìm thấy nên đi theo.

Separation from all other individualised selves, or spheres.

Sự tách biệt khỏi mọi bản ngã biệt ngã hóa khác, hay các khối cầu khác.

41. This is a sense of distinction arising from discrimination. Individualization is much associated with the *fifth* ray, Leo the *fifth* zodiacal sign, and the "Law of Cleavage".

41. Đây là cảm nhận về sự phân biệt phát sinh từ sự phân biện. Biệt ngã hóa gắn liền rất nhiều với cung *năm*, Sư Tử là dấu hiệu hoàng đạo thứ *năm*, và "Định luật Phân Ly".

42. We might term individualization “the separation of spheres”.

Consciousness, above all.

43. There is always consciousness. What arises is *self*-consciousness and, thereafter, a growing awareness of all that lies around and within.

Ability to evolve.

44. This involves the factors of purpose and discriminative evaluation of quality.

Capacity to "shine ever more and more unto the perfect day."

45. Each individualized unit will grow into a likeness of the fullness of the Sun.

This is equally true of a solar Logos, and of a Heavenly Man.

46. VSK asks: “Does this mean the Solar Logoi and the Heavenly Men also ‘individualize’? Didn’t this happen before They became a Solar Logoi or Heavenly Men?”

47. May it be suggested that the Law of Analogy holds good, and that what (in individualization) is self-recognition for a man, may become for a Planetary Logos the recognition of oneself as a group—for a Planetary Logos is, indeed, a group entity. At what point do the many groups coming together to create the consciousness of the

42. Chúng ta có thể gọi biệt ngã hóa là “sự tách biệt của các khối cầu”.

Tâm thức, trên hết.

43. Tâm thức luôn luôn hiện hữu. Điều phát sinh là ngã thức và, sau đó, là sự nhận biết ngày càng tăng về tất cả những gì nằm quanh và bên trong.

Khả năng tiến hoá.

44. Điều này bao hàm các yếu tố mục đích và sự đánh giá phẩm tính bằng phân biện.

Năng lực “chiếu sáng ngày càng hơn cho đến ngày toàn hảo.”

45. Mỗi đơn vị đã biệt ngã hóa sẽ phát triển thành một hình ảnh tương tự với sự viên mãn của Mặt Trời.

Điều này cũng đúng như nhau đối với một Thái dương Thượng đế và một Đấng Thiên Nhân.

46. VSK hỏi: “Điều này có nghĩa là các Thái dương Thượng đế và các Đấng Thiên Nhân cũng ‘biệt ngã hóa’ sao? Điều này chẳng phải đã xảy ra trước khi Các Ngài trở thành các Thái dương Thượng đế hay các Đấng Thiên Nhân sao?”

47. Có thể gợi ý rằng định luật tương đồng là đúng, và rằng điều gì (trong biệt ngã hóa) là sự tự nhận biết đối với con người, thì có thể trở thành đối với một Hành Tinh Thượng Đế là sự nhận biết chính mình như một nhóm—vì một Hành Tinh Thượng Đế quả thực là một thực thể nhóm. Ở điểm nào thì nhiều nhóm cùng đến với nhau để tạo nên tâm

Planetary Logos recognize themselves as One Being?

48. The same idea may be extended for the cosmic individualization of still larger entities. The point where the converging group members recognize themselves as One Being can be called a kind of individualization.

Individualisation is literally the coming together (out of the darkness of abstraction), of the two factors of Spirit and matter by means of a third factor, the intelligent will, purpose and action of an Entity.

49. In the "darkness of abstraction" it is *as if* the two factors (Spirit and matter) do not exist.

50. We can question whether the third factor exists before individualization occurs.

51. Shall we say that the Entity had been growing through a pre-natal, non-self-conscious stage?

52. Some modes of individualization occur naturally without divine intervention and depend upon the growing intelligence and directed action of the rising entity—in this case, animal man.

53. It is the growing intelligence of rising animal man that invokes the Spirit and precipitates the coming together of Spirit and matter.

thức của Hành Tinh Thượng Đế nhận ra chính mình là Một Hữu Thể?

48. Cùng ý tưởng ấy có thể được mở rộng cho sự biệt ngã hóa vũ trụ của những thực thể còn lớn hơn nữa. Điểm mà tại đó các thành viên nhóm đang hội tụ nhận ra chính mình là Một Hữu Thể có thể được gọi là một loại biệt ngã hóa.

Biệt ngã hóa theo nghĩa đen là sự hội tụ (ra khỏi bóng tối của sự trừu tượng), của hai yếu tố Tinh thần và vật chất nhờ một yếu tố thứ ba, là ý chí trí tuệ, mục đích và hành động của một Thực Thể.

49. Trong "bóng tối của sự trừu tượng", dường như *như thể* hai yếu tố (Tinh thần và vật chất) không tồn tại.

50. Chúng ta có thể đặt câu hỏi liệu yếu tố thứ ba có tồn tại trước khi biệt ngã hóa xảy ra hay không.

51. Chúng ta có nên nói rằng Thực Thể ấy đã tăng trưởng qua một giai đoạn tiền sinh, không có ngã thức hay không?

52. Một số phương thức biệt ngã hóa xảy ra một cách tự nhiên mà không có sự can thiệp thiêng liêng và tùy thuộc vào trí tuệ đang tăng trưởng cùng hành động có định hướng của thực thể đang vươn lên—trong trường hợp này là người thú.

53. Chính trí tuệ đang tăng trưởng của người thú đang vươn lên khẩn cầu Tinh thần và làm ngưng tụ sự hội tụ của Tinh thần và vật chất.

54. That part of animal man which is rising is matter/form plus a growing intelligence.

54. Phần của người thú đang vươn lên là vật chất/hình tướng cộng với một trí tuệ đang tăng trưởng.

55. After the invocation, the evocation results in *self*-consciousness.

55. Sau sự khẩn cầu, sự gợi lên dẫn đến ngã thức.

By the approximation of these two poles light is produced, a flame shines forth, **a sphere of radiant glory is seen**

Bởi sự đưa lại gần nhau của hai cực này, ánh sáng được tạo ra, một ngọn lửa bừng sáng, **một khối cầu vinh quang rạng ngời được nhìn thấy**

56. Let us tabulate the result of the approximation of the poles:

56. Chúng ta hãy lập bảng kết quả của sự đưa lại gần nhau của các cực:

a. Light is produces

a. Ánh sáng được tạo ra

b. A flame shines forth

b. Một ngọn lửa bừng sáng

c. A sphere if radiant glory is seen

c. Một khối cầu vinh quang rạng ngời được nhìn thấy

57. Does what is described here occur suddenly or over time? If suddenly, that which shines forth must abate in preparation for a long process by means of which there will be another and final shining forth.

57. Điều được mô tả ở đây xảy ra đột ngột hay theo thời gian? Nếu đột ngột, thì điều bừng sáng ấy hẳn phải giảm xuống để chuẩn bị cho một tiến trình dài, nhờ đó sẽ có một lần bừng sáng khác và cuối cùng.

which gradually increases the intensity of its light, its heat and its radiance until capacity is reached, or that which we call perfection.

mà dần dần gia tăng cường độ ánh sáng, nhiệt và sự rạng chiếu của nó cho đến khi đạt tới năng lực, hay điều mà chúng ta gọi là sự toàn hảo.

58. Is there an initial radiance? If so, there is surely, as well, a gradual increase in the radiance.

58. Có một sự rạng chiếu ban đầu chăng? Nếu có, thì chắc chắn cũng có một sự gia tăng dần dần trong sự rạng chiếu ấy.

59. Perfection is the reaching of the full radiatory capacity for the unit concerned.

59. Sự toàn hảo là việc đạt đến năng lực bức xạ trọn vẹn đối với đơn vị liên hệ.

We should note and distinguish the words *light*, *heat* and *radiance*, which are the distinctive features of all individualised entities from Gods to men.

60. Light, heat and radiance characterize all individualized entities.

a. Light is radiatory objectivity, which, in radiating, reveals.

b. Heat is a measure of the rapidity and intensity of interaction of the elements constituent to any unit. Heat in one unit has the capacity to induce heat in another unit (depending upon the properties and conditions of that other unit).

c. Radiance is the transference of vibratory frequency and quality 'from here to there'.

Man is beginning to arrive partially at the secret of this phenomenon through his ability to produce through scientific knowledge, that which is called electric light and which is used by man for illumination, heat and healing.

61. Humanity's discovery and work with electricity is the beginning of its work with light, heat and radiance in far larger measure.

62. We note the uses of electricity listed here by DK: illumination, heat and healing. We can see that the application of electricity for illumination and heat has proceeded much farther than the application for healing.

Chúng ta nên lưu ý và phân biệt các từ *ánh sáng*, *nhiệt* và *sự rạng chiếu*, là những đặc điểm phân biệt của mọi thực thể đã biệt ngã hóa từ các Thượng đế đến con người.

60. Ánh sáng, nhiệt và sự rạng chiếu là những đặc trưng của mọi thực thể đã biệt ngã hóa.

a. Ánh sáng là tính khách quan bức xạ, và trong khi bức xạ, nó mặc khải.

b. Nhiệt là thước đo tốc độ và cường độ tương tác của các nguyên tố cấu thành bất kỳ đơn vị nào. Nhiệt trong một đơn vị có khả năng gây ra nhiệt trong một đơn vị khác (tùy thuộc vào các tính chất và điều kiện của đơn vị kia).

c. Sự rạng chiếu là sự chuyển giao tần số rung động và phẩm tính 'từ đây đến đó'.

Con người đang bắt đầu đạt được phần nào bí mật của hiện tượng này nhờ khả năng tạo ra, thông qua tri thức khoa học, điều được gọi là ánh sáng điện và được con người sử dụng để soi sáng, tạo nhiệt và chữa lành.

61. Việc nhân loại khám phá và làm việc với điện là khởi đầu cho công việc của họ với ánh sáng, nhiệt và sự rạng chiếu ở mức độ lớn hơn rất nhiều.

62. Chúng ta lưu ý các công dụng của điện được DK liệt kê ở đây: soi sáng, tạo nhiệt và chữa lành. Chúng ta có thể thấy rằng việc ứng dụng điện để soi sáng và tạo nhiệt đã tiến xa hơn nhiều so với việc ứng dụng để chữa lành.

63. Electricity, involving the interplay and fusion of positive and negative, is 'whole-making'. This result allies it to the purpose of the healing (or 'wholing') arts.

63. Điện, bao hàm sự tương tác và dung hợp của dương và âm, là 'làm cho toàn vẹn'. Kết quả này liên kết nó với mục đích của các nghệ thuật chữa lành (hay 'làm cho toàn vẹn').

As more anent this matter is discovered by physical plane students, **the whole question of existence and of creative activity will become clearer**.

Khi các đạo sinh cõi hồng trần khám phá thêm về vấn đề này, **toàn bộ vấn đề về sự tồn tại và hoạt động sáng tạo sẽ trở nên rõ ràng hơn**.

64. There are students of the physical plane working along the fifth and (to a large degree) seventh ray lines, and students of the inner planes working along more abstract lines—two, four, six.

64. Có những đạo sinh của cõi hồng trần đang làm việc theo các đường cung năm và (ở mức độ lớn) cung bảy, và những đạo sinh của các cõi bên trong đang làm việc theo các đường trừu tượng hơn—hai, bốn, sáu.

65. What we call "existence" arises through the approximation of the poles. Creative interplay, also, depends upon the interplay of Spirit with matter/form. There is purpose and the form through which the purpose is to be expressed. That purpose cannot be *expressed* without an intelligent fusion of purpose and form.

65. Điều chúng ta gọi là "sự tồn tại" phát sinh qua sự đưa lại gần nhau của các cực. Sự tương tác sáng tạo cũng tùy thuộc vào sự tương tác của Tinh thần với vật chất/hình tướng. Có mục đích và có hình tướng mà qua đó mục đích ấy sẽ được biểu lộ. Mục đích ấy không thể được *biểu lộ* nếu không có một sự dung hợp trí tuệ giữa mục đích và hình tướng.

As regards the origin of the fire of mind something [Page 346] more may be learned through studying the various methods of individualisation.

Liên quan đến nguồn gốc của lửa của trí tuệ, có thể học thêm điều gì đó [Page 346] qua việc nghiên cứu *các phương pháp biệt ngã hóa khác nhau.*

66. TCF is unique in bringing these concepts forward.

66. Luận về Lửa Vũ Trụ là độc nhất trong việc đưa ra những khái niệm này.

In connection with man these methods are three in number as far as we can tell, though the probability of there being several other methods which are inconceivable to man's finite comprehension, is quite possible.

Liên quan đến con người, các phương pháp này có ba loại theo như chúng ta có thể biết, mặc dù khả năng có một số phương pháp khác nữa mà trí hiểu hữu hạn của con người không thể quan niệm được là hoàn toàn có thể.

67. Here the Tibetan, Himself, seems to be speculating. Is He discussing something of which He is uncertain, or is He simply attempting to widen our appreciation of possibilities?

67. Ở đây Chân sư Tây Tạng, chính Ngài, dường như đang suy đoán. Phải chăng Ngài đang bàn đến điều gì đó mà Ngài không chắc chắn, hay Ngài chỉ đơn giản cố gắng mở rộng sự đánh giá của chúng ta về các khả năng?

68. This reminds me of the discussion in which He tells us that there are three principle types of second ray souls, but that perhaps there are numerous exceptions.

68. Điều này làm tôi nhớ đến cuộc thảo luận trong đó Ngài nói với chúng ta rằng có ba loại linh hồn cung hai nguyên khí, nhưng có lẽ có rất nhiều ngoại lệ.

Those upon the second ray fall (as you know) into two groups, generally speaking; **there are, naturally, numerous exceptions**. (DINA II 518)

Những người thuộc cung hai, nói chung, rơi vào hai nhóm (như bạn biết); **dĩ nhiên có rất nhiều ngoại lệ**. (DINA II 518)

These methods are:

Các phương pháp này là:

First, the method pursued on the moon-chain (the planetary manifestation previous to ours), when, through innate force and energy, the conjunction of the three fires was brought about and the fire of matter contacted the fire of Spirit through the latent presence of the fiery spark of mind.

Thứ nhất, phương pháp được theo đuổi trên Dãy Mặt Trăng (biểu hiện hành tinh có trước biểu hiện của chúng ta), khi mà, nhờ mãnh lực và năng lượng bẩm sinh, sự giao hội của ba ngọn lửa đã được mang lại và lửa của vật chất tiếp xúc với lửa của Tinh thần qua sự hiện diện tiềm ẩn của tia lửa rực cháy của trí tuệ.

69. In the Moon-chain method of individualization there was a “fiery spark of mind” ‘working its way up’, as it were, until it could gradually contact the fire of Spirit.

69. Trong phương pháp biệt ngã hóa của Dãy Mặt Trăng, có một “tia lửa rực cháy của trí tuệ” đang ‘tự mở đường đi lên’, có thể nói như vậy, cho đến khi nó dần dần có thể tiếp xúc với lửa của Tinh thần.

70. This accords with what we have just read above about:

70. Điều này phù hợp với điều chúng ta vừa đọc ở trên về:

the coming together (out of the darkness of abstraction), of the two factors of Spirit and matter by means of a third factor, the intelligent will, purpose and action of an Entity.

sự hội tụ (ra khỏi bóng tối của sự trừu tượng), của hai yếu tố Tinh thần và vật chất nhờ một yếu tố thứ ba, là ý chí trí tuệ, mục đích và hành động của một Thực Thể.

71. We see that the "spark of mind" evolved on its own and did not have to be implanted by the Lords of the Flame.

71. Chúng ta thấy rằng "tia lửa của trí tuệ" đã tự tiến hoá và không cần phải được cấy vào bởi các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa.

This spark of mind, working through the instinct, drove the material form or substance, into such activity that it was enabled to reach up to heights where its opposite pole could be contacted.

Tia lửa của trí tuệ này, hoạt động qua bản năng, đã thúc đẩy hình tướng hay chất liệu vật chất vào một hoạt động như thế khiến nó có thể vươn lên đến những độ cao nơi cực đối nghịch của nó có thể được tiếp xúc.

72. We see that the inherent spark of mind worked through instinct (and thus, *unconsciously* to the upward-striving unit).

72. Chúng ta thấy rằng tia lửa nội tại của trí tuệ đã hoạt động qua bản năng (và do đó, *một cách vô thức* đối với đơn vị đang nỗ lực vươn lên).

73. We see, as well, that the spark of mind is possessed of a *driving* force; from another perspective, manas is a driving force.

73. Chúng ta cũng thấy rằng tia lửa của trí tuệ sở hữu một mãnh lực *thúc đẩy*; từ một góc nhìn khác, manas là một mãnh lực thúc đẩy.

74. What was the nature of the activity achieved by the form or substance which enabled it to contact the pole of Spirit? Did there arise activity in need of purpose and direction?

74. Bản chất của hoạt động mà hình tướng hay chất liệu đạt được, nhờ đó nó có thể tiếp xúc với cực của Tinh thần, là gì? Có phải đã phát sinh một hoạt động cần đến mục đích và định hướng chăng?

Animal-man aspired; Spirit answered; the vibration of **the germ of mentality had permeated the substance like yeast.**

Người thú đã khát vọng; Tinh thần đáp ứng; rung động của **mầm mống trí tuệ đã thấm nhuần chất liệu như men.**

75. IF animal-man aspired, we can see that the aspiration was not self-conscious aspiration, because the sense of self was not known. Thus, aspiration can be unconscious—an instinctual yearning or reaching towards something higher.

75. NẾU người thú đã khát vọng, chúng ta có thể thấy rằng khát vọng ấy không phải là khát vọng có ngã thức, bởi vì ý thức về bản ngã chưa được biết đến. Vì vậy, khát vọng có thể là vô thức—một sự khao khát hay vươn tới theo bản năng hướng về điều gì đó cao hơn.

76. The principle to be gathered is that Spirit answers aspiration. God-as-Spirit will respond.

76. Nguyên lý cần được rút ra là Tinh thần đáp ứng khát vọng. Thượng đế-như-Tinh thần sẽ đáp ứng.

77. The germ of mentality impelled the substance into new patterns of activity which were invocative of Spirit.

77. Mầm mống trí tuệ đã thúc đẩy chất liệu vào những mô hình hoạt động mới có tính khẩn cầu đối với Tinh thần.

Thus was consciousness awakened.

Nhờ vậy tâm thức được đánh thức.

78. Consciousness was awakened through the dawning of self-consciousness.

78. Tâm thức được đánh thức qua sự hé mở của ngã thức.

In the previous solar system, in connection with the Heavenly Men, this was the method pursued by Them, and These advanced cosmic Beings entered into consciousness and mastered the three lower planes of the cosmic physical,—the planes which man is endeavouring to master now. **They individualised as the result of work accomplished during incomprehensible aeons of endeavour.**[28]

Trong hệ mặt trời trước, liên quan đến các Đấng Thiên Nhân, đây là phương pháp được Các Ngài theo đuổi, và Những Hữu thể Vũ trụ cao cấp này đã đi vào tâm thức và làm chủ ba cõi thấp của cõi hồng trần vũ trụ,—những cõi mà con người hiện đang nỗ lực làm chủ. **Các Ngài đã biệt ngã hóa như là kết quả của công việc được hoàn thành trong những đại kiếp nỗ lực không thể hiểu nổi.**28

79. We seem to be told that the individualization of the Heavenly Men occurred "in the previous solar system". In the previous solar system, were they only as men are now?

79. Dường như chúng ta được cho biết rằng sự biệt ngã hóa của các Đấng Thiên Nhân đã xảy ra "trong hệ mặt trời trước". Trong hệ mặt trời trước, phải chăng Các Ngài chỉ ở mức như con người hiện nay?

80. In relation to this thought we must contrast the following:

80. Liên quan đến ý tưởng này, chúng ta phải đối chiếu điều sau đây:

Man is repeating His endeavor up to the fifth Initiation which **will bring him to a stage of consciousness achieved by a Heavenly Man in a much earlier mahamanvantara**. (TCF 272)

Con người đang lặp lại nỗ lực của Ngài cho đến lần điểm đạo thứ năm, điều này **sẽ đưa y đến một giai đoạn tâm thức mà một Đấng Thiên Nhân đã đạt được trong một Đại giai kỳ sinh hóa sớm hơn rất nhiều**. (TCF 272)

81. This inserted reference makes it seem that a Heavenly Man reached the equivalent of human mastership in a "much earlier mahamanvantara". This is very different from saying that the Heavenly Man individualized "in the previous solar system".

81. Tham chiếu được chèn vào này khiến có vẻ như một Đấng Thiên Nhân đã đạt đến mức tương đương với chân sư của con người trong một "Đại giai kỳ sinh hóa sớm hơn rất nhiều". Điều này rất khác với việc nói rằng Đấng Thiên Nhân đã biệt ngã hóa "trong hệ mặt trời trước".

82. A potential reconciliation could exist in the possibility that individualization for a Heavenly Man (on His own level) is a different matter than individualization for a man. After all, were not the Heavenly Man of the present solar system also Heavenly Man in the past. The Three Buddhas of Activity were apparently Planetary Logoi in the previous solar system, and they are not even of the stature of many of the Heavenly Men in this solar system.

82. Một khả năng hòa giải có thể tồn tại trong khả năng rằng biệt ngã hóa đối với một Đấng Thiên Nhân (trên cấp độ riêng của Ngài) là một vấn đề khác với biệt ngã hóa đối với con người. Rốt cuộc, chẳng phải các Đấng Thiên Nhân của hệ mặt trời hiện tại cũng đã là các Đấng Thiên Nhân trong quá khứ sao. Ba Đức Phật Hoạt Động rõ ràng đã là các Hành Tinh Thượng Đế trong hệ mặt trời trước, và các Ngài thậm chí còn không ở tầm vóc của nhiều Đấng Thiên Nhân trong hệ mặt trời này.

In the last solar system They were the planetary Logoi of three planets in which the mind principle reached its highest stage of development; They embody in Themselves in a most peculiar manner the wisdom aspect of the second ray, as it expresses itself primarily through what has been called in the Bhagavad Gita "skill in action." Hence Their name, the Buddhas of Activity. (R&I 267-268)

Trong hệ mặt trời trước, Các Ngài là các Hành Tinh Thượng Đế của ba hành tinh trong đó nguyên khí trí tuệ đã đạt đến giai đoạn phát triển cao nhất; Các Ngài hiện thân trong Chính Mình một cách rất đặc biệt phương diện minh triết của cung hai, như nó biểu lộ chủ yếu qua điều đã được gọi trong Bhagavad Gita là "kỹ năng trong hành động." Vì thế mới có danh xưng của Các Ngài là các Đức Phật Hoạt Động. (R&I 267-268)

83. In any case, we are gathering that whatever individualization means for a Heavenly Man, it was the method of the advancing spark of mind that was used and not divine intervention (which may have been used in relation to the individualization of a Solar Logos).

83. Dù sao đi nữa, chúng ta đang hiểu rằng bất kể biệt ngã hóa có nghĩa gì đối với một Đấng Thiên Nhân, thì đó là phương pháp của tia lửa trí tuệ đang tiến lên được sử dụng chứ không phải sự can thiệp thiêng liêng (điều có thể đã được dùng liên quan đến sự biệt ngã hóa của một Thái dương Thượng đế).

84. Did man not also individualize as the result of “incomprehensible aeons of endeavor”? Or is DK again referring to a unique type of cosmic individualization through which a Heavenly Man passes, necessitating many aeons longer than the process through which man has passed?

84. Chẳng phải con người cũng đã biệt ngã hóa như là kết quả của “những đại kiếp nỗ lực không thể hiểu nổi” sao? Hay DK lại đang nói đến một loại biệt ngã hóa vũ trụ độc đáo mà một Đấng Thiên Nhân trải qua, đòi hỏi nhiều đại kiếp dài hơn tiến trình mà con người đã trải qua?

85. Since a Heavenly Man is a *group* Being, the many constituent self-conscious units which comprise the Heavenly Man must also

85. Vì một Đấng Thiên Nhân là một Hữu thể *nhóm*, nên nhiều đơn vị có ngã thức cấu thành Đấng Thiên Nhân ấy cũng hẳn đã biệt

have individualized, more or less during the same period (as time is viewed by a Heavenly Man).

ngã hóa, ít nhiều trong cùng một thời kỳ (theo cách một Đấng Thiên Nhân nhìn thời gian).

86. A Solar Logos is also a much vaster group Being (in fact a universal Being), and its constituent units must also have individualized more or less during the same period (as the Solar Logos views time).

86. Một Thái dương Thượng đế cũng là một Hữu thể nhóm rộng lớn hơn rất nhiều (thực ra là một Hữu thể vũ trụ), và các đơn vị cấu thành của Ngài cũng hẳn đã biệt ngã hóa ít nhiều trong cùng một thời kỳ (theo cách Thái dương Thượng đế nhìn thời gian).

87. If we think that we alone will become either Planetary Logoi or Solar Logoi, we will be much mistaken. We approach such higher states of group union with and in the company of our brothers.

87. Nếu chúng ta nghĩ rằng chỉ riêng chúng ta mà thôi sẽ trở thành hoặc các Hành Tinh Thượng Đế hoặc các Thái dương Thượng đế, thì chúng ta sẽ lầm to. Chúng ta tiến gần đến những trạng thái hợp nhất nhóm cao hơn như thế cùng với và trong sự đồng hành của các huynh đệ của mình.

88. We are learning that we are all parts of each other and at the same time, parts of something greater, which *together*, we *are.*

88. Chúng ta đang học rằng tất cả chúng ta đều là những phần của nhau và đồng thời là những phần của một điều gì đó lớn hơn, mà *cùng nhau*, chúng ta *là.*

[28]: The period of the individualisation of a solar Logos goes back further still and need not concern us here, save to remember that the Law of Analogy holds good.

28: Thời kỳ biệt ngã hóa của một Thái dương Thượng đế còn lùi xa hơn nữa và không cần liên quan đến chúng ta ở đây, ngoại trừ việc nhớ rằng định luật tương đồng là đúng.

89. Again, we ask ourselves, is the Tibetan discussing the period in which—

89. Một lần nữa, chúng ta tự hỏi, phải chăng Chân sư Tây Tạng đang bàn về thời kỳ trong đó—

a. the presently self-conscious units within the solar logoic group individualized as man individualized in this solar system?

a. các đơn vị hiện đang có ngã thức bên trong nhóm thái dương thượng đế đã biệt ngã hóa như con người đã biệt ngã hóa trong hệ mặt trời này?

or the later period in which—

hay là thời kỳ muộn hơn trong đó—

b. the Being called the Solar Logos individualized cosmically—a moment when the many self-conscious units constituting

b. Hữu thể được gọi là Thái dương Thượng đế đã biệt ngã hóa về mặt vũ trụ—một khoảnh khắc khi nhiều đơn vị có ngã thức

Him realized that they were Him—a One. Let us ponder on this possibility.

cấu thành Ngài nhận ra rằng họ là Ngài—Một Đấng. Chúng ta hãy suy ngẫm về khả năng này.

90. When we say that a Planetary Logos or Solar Logos is a 'many Who is a One', we have to realize that this "many" is comprised only of those of His constituent units who are capable of realizing their oneness because they are *already* self-conscious. There are many other units incorporated into the manifestation of a Planetary Logos or Solar Logos who remain unconscious and cannot be said to *consciously be* the Planetary Logos or Solar Logos. They are part of the many attracted into the manifestation of a Planetary Logos or Solar Logos, but they are *not* 'the many who together realize themselves to be the One'.

90. Khi chúng ta nói rằng một Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế là 'một số nhiều là Một', chúng ta phải nhận ra rằng "số nhiều" này chỉ gồm những đơn vị cấu thành của Ngài có khả năng nhận ra tính nhất thể của mình bởi vì họ *đã* có ngã thức. Có nhiều đơn vị khác được kết hợp vào biểu hiện của một Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế vẫn còn vô thức và không thể nói là *một cách có ý thức là* Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế. Họ là một phần của số nhiều được hút vào biểu hiện của một Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế, nhưng họ *không* phải là 'số nhiều cùng nhau nhận ra mình là Một'.

91. There are many mysteries concerning the *singular* nature of a Planetary Logos or Solar Logos, and the *group* nature of these same Beings. Is the Solar Logos ever a One without being a Many? Do Solar Logoi pre-exist their emanated parts? Were we (the Many) already a One before we appeared to become a Many?

91. Có nhiều huyền nhiệm liên quan đến bản chất *đơn nhất* của một Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế, và bản chất *nhóm* của chính những Hữu thể ấy. Thái dương Thượng đế có bao giờ là Một mà không là Nhiều không? Các Thái dương Thượng đế có hiện hữu trước các phần được phát xạ của mình không? Phải chăng chúng ta (Số Nhiều) đã là Một trước khi chúng ta dường như trở thành Nhiều?

92. Within these mysteries is to be found the mystery of 'group approach to Oneness'—truly a fundamental mystery of evolution relating to any possibility of evolutionary ascent within cosmos.

92. Trong những huyền nhiệm này có thể tìm thấy huyền nhiệm của 'sự tiếp cận Nhất Thể theo nhóm'—thật sự là một huyền nhiệm nền tảng của tiến hoá liên hệ đến bất kỳ khả năng thăng thượng tiến hoá nào trong vũ trụ.

The earlier solar system was much longer in duration than this one will be, and force in matter was generated by the progression of the ages.

Hệ mặt trời trước kéo dài lâu hơn rất nhiều so với hệ này sẽ kéo dài, và mãnh lực trong vật chất đã được tạo ra bởi sự tiến triển của các thời đại.

93. We are learning that the forces inherent in matter are very old, and thus, very resistant to the new pattern which seeks to impose itself in *this* solar system.

93. Chúng ta đang học rằng các mãnh lực vốn có trong vật chất là rất cổ xưa, và do đó, rất kháng cự đối với mô hình mới đang tìm cách áp đặt chính nó trong *hệ* mặt trời này.

94. The phrase "generated by the progression of the ages" warrants close study. It suggests how the force of evolution itself leads inexorably to development, whether or not there is divine intervention.

94. Cụm từ "được tạo ra bởi sự tiến triển của các thời đại" đáng được nghiên cứu kỹ. Nó gợi ý cách mà chính mãnh lực của tiến hoá dẫn đến sự phát triển một cách không thể cưỡng lại, dù có hay không có sự can thiệp thiêng liêng.

95. The excerpt expresses a very important idea and seems to contradict the idea that every solar system lasts one hundred Years of Brahma, or an occult century.

95. Đoạn trích này biểu lộ một ý tưởng rất quan trọng và dường như mâu thuẫn với ý tưởng rằng mọi hệ mặt trời đều kéo dài một trăm Năm của Brahma, hay một thế kỷ huyền bí.

96. Either there is a contradiction, *or* the phrase "One Hundred Years of Brahma" is symbolic, and does not stand for a *literal number of years*. It could be an 'elastic' term. This is a probability.

96. Hoặc là có một mâu thuẫn, *hoặc* cụm từ "Một Trăm Năm của Brahma" mang tính biểu tượng, và không chỉ một *số năm theo nghĩa đen*. Nó có thể là một thuật ngữ 'co giãn'. Đây là một khả năng lớn.

97. For instance, we read the following"—

97. Chẳng hạn, chúng ta đọc thấy điều sau đây"—

a. 100 years of Brahma An occult century. The period of a solar system. (TCF 792)

a. 100 năm của Brahma Một thế kỷ huyền bí. Thời kỳ của một hệ mặt trời. (TCF 792)

98. We notice that nothing is said of "the" solar system, but only "a" solar system, meaning that the span of 100 years of Brahma must be generally true of all solar systems.

98. Chúng ta lưu ý rằng không có gì được nói về "hệ" mặt trời, mà chỉ là "một" hệ mặt trời, nghĩa là khoảng thời gian 100 năm của Brahma hẳn phải đúng một cách tổng quát đối với mọi hệ mặt trời.

As yet, it is only to initiates that the true figures are given, the figures in the Secret Doctrine, such as the 100 years of Brahma, *strike the general average*... (TCF 793)

Cho đến nay, chỉ các điểm đạo đồ mới được trao cho những con số thật sự; những con số trong Giáo Lý Bí Nhiệm, chẳng hạn như 100 năm của Brahma, *đánh trúng mức trung bình tổng quát*... (TCF 793)

99. We gather that the true span (in Earth years) of any particular solar system is one of the secrets of initiation. Of course, on other planets, the span of the occult century would be measured differently, more in relation to the planet in question. We always measure in relation to *ourselves*.

99. Chúng ta hiểu rằng khoảng thời gian thật sự (theo năm Trái Đất) của bất kỳ hệ mặt trời cụ thể nào là một trong những bí mật của điểm đạo. Dĩ nhiên, trên các hành tinh khác, khoảng thời gian của thế kỷ huyền bí sẽ được đo khác đi, liên hệ nhiều hơn với hành tinh đang xét. Chúng ta luôn đo lường trong tương quan với *chính mình*.

100. An important general principle is revealed: namely, that the duration of third aspect structures is longer than second aspect structures to which they are related.

100. Một nguyên lý tổng quát quan trọng được mặc khải: đó là thời lượng của các cấu trúc phương diện thứ ba dài hơn các cấu trúc phương diện thứ hai mà chúng có liên hệ.

101. For instance, there are certain lower levels of stars (in which the material aspect is prominent) which last much longer than stars of the nature of our Sun, in which the second aspect (the soul aspect) of divinity is prominent.

101. Chẳng hạn, có những cấp độ sao thấp hơn nhất định (trong đó phương diện vật chất nổi trội) tồn tại lâu hơn nhiều so với những ngôi sao có bản chất như Mặt Trời của chúng ta, trong đó phương diện thứ hai (phương diện linh hồn) của thiên tính nổi trội.

102. Similarly, in the development of man, the stage of development of the lunar vehicles and its sum, the personality, usually lasts many millions of years, whereas the period during which soul is cultivated may be only thousands of years.

102. Tương tự, trong sự phát triển của con người, giai đoạn phát triển của các hiện thể thái âm và tổng thể của chúng là phàm ngã thường kéo dài nhiều triệu năm, trong khi thời kỳ mà linh hồn được vun bồi có thể chỉ là hàng ngàn năm.

It was the period of the vitalisation of the spirillae in the physical permanent atom of the Logos.

Đó là thời kỳ tiếp sinh lực cho các loa tuyến trong nguyên tử trường tồn hồng trần của Thượng đế.

103. If this is the case, then our *present* solar system must have seen the vitalization and development of the astral permanent atom of our Logos.

103. Nếu đúng như vậy, thì hệ mặt trời *hiện tại* của chúng ta hẳn đã chứng kiến sự tiếp sinh lực và phát triển của nguyên tử trường tồn cảm dục của Thượng đế chúng ta.

104. If our Solar Logos has a mental unit (we remember that we discussed Earth as a possible candidate for this center) it is likely that it will achieve vitalization is this solar system as well, as our Solar Logos is in

104. Nếu Thái dương Thượng đế của chúng ta có một đơn vị hạ trí (chúng ta nhớ rằng đã bàn đến Trái Đất như một ứng viên có thể cho trung tâm này) thì có khả năng nó cũng sẽ đạt được sự tiếp sinh lực trong hệ mặt trời

process of becoming mentally polarized. His next solar system will not concern the lower atomic triangle but, rather, the higher permanent atoms.

này, vì Thái dương Thượng đế của chúng ta đang trong tiến trình trở nên phân cực trí tuệ. Hệ mặt trời kế tiếp của Ngài sẽ không liên quan đến tam giác nguyên tử thấp mà đúng hơn là các nguyên tử trường tồn cao.

105. We cannot be certain that *all* spirillae of the solar logoic physical permanent atom were vitalized in the last solar system. When man is an initiate of the first degree, are *all* spirillae of his physical permanent atom vitalized?

105. Chúng ta không thể chắc chắn rằng *mọi* loa tuyến của nguyên tử trường tồn hồng trần thái dương thượng đế đều đã được tiếp sinh lực trong hệ mặt trời trước. Khi con người là một điểm đạo đồ cấp một, phải chăng *mọi* loa tuyến của nguyên tử trường tồn hồng trần của y đều đã được tiếp sinh lực?

106. In any case, the last solar system was physical-mental, just as this solar system is astral-buddhic. Will the next solar system by mental-atmic?

106. Dù sao đi nữa, hệ mặt trời trước là hồng trần-trí tuệ, cũng như hệ mặt trời này là cảm dục-Bồ đề. Liệu hệ mặt trời kế tiếp sẽ là trí tuệ-atma chăng?

In this method of individualisation, **the emphasis is laid on the fact that the principle of manas is a part of the logoic character**, and is part of His very nature.

Trong phương pháp biệt ngã hóa này, **sự nhấn mạnh được đặt trên sự kiện rằng nguyên khí manas là một phần của tính cách thượng đế và là một phần của chính bản chất của Ngài**.

107. Here it definitely seems that we are that we are speaking of a *cosmic* kind of individualization, and not the individualization of a Solar Logos when His main and *destined* self-conscious constituents were at the level of animal-man (a much earlier phase)

107. Ở đây dứt khoát có vẻ như chúng ta đang nói về một loại biệt ngã hóa *vũ trụ*, chứ không phải sự biệt ngã hóa của một Thái dương Thượng đế khi các thành phần có ngã thức chính yếu và *được định sẵn* của Ngài ở cấp độ người thú (một giai đoạn sớm hơn rất nhiều)

108. Just as through the mental unit, a kind of mentality was part of animal-man on the Moon-chain, so for the individualizing Solar Logos, manas was an inherent part of His character when He moved from the state of 'group man' to 'universal man' and thus, individualized, *from a solar logoic perspective.*

108. Cũng như qua đơn vị hạ trí, một loại trí tuệ tính là phần của người thú trên Dãy Mặt Trăng, thì đối với Thái dương Thượng đế đang biệt ngã hóa, manas là một phần cố hữu trong tính cách của Ngài khi Ngài chuyển từ trạng thái "con người nhóm" sang "con người vũ trụ" và như thế, đã biệt ngã hóa, *từ góc nhìn của một Thái dương Thượng đế.*

109. We are speaking of an *inherent* principle of manas which is gradually intensified as the stage where individualization is possible approaches.

It, therefore, has its origin in His Being or Self; it is [Page 347] part of the content of the logoic Causal Body, and therefore permeates all manifestation which originates with Him.

110. We are speaking of the origin of manas within the manifestation of a Solar Logos.

111. If manas was inherent in a Solar Logos as He worked His way towards individualization, it was inherent in the logoic spiritual triad, even before it was part of the content of His causal body.

112. There are many units within the Logos which must come to their own stage of individualization. They can do this, because manas (inherent in the Logos, Himself) is thereby inherent in all the units which comprise the Logos.

113. In a way, then, manas is 'worked up from below', but this is only possible because it was inherently present in the higher aspects of the Logos which endowed the lower aspects with their faculties.

Hence the accuracy of the statement that cosmic manas originates on the cosmic mental plane, and is a portion of the fire that animates that plane.

109. Chúng ta đang nói về một nguyên khí manas *cố hữu* được tăng cường dần dần khi giai đoạn mà tại đó sự biệt ngã hóa là khả hữu đang đến gần.

Do đó, nó có nguồn gốc trong Bản Thể hay Bản Ngã của Ngài; nó là [Page 347] một phần của nội dung thể nguyên nhân của Thượng đế, và vì thế thấm nhuần mọi biểu hiện bắt nguồn từ Ngài.

110. Chúng ta đang nói về nguồn gốc của manas bên trong biểu hiện của một Thái dương Thượng đế.

111. Nếu manas là cố hữu trong một Thái dương Thượng đế khi Ngài tiến bước hướng tới sự biệt ngã hóa, thì nó cũng cố hữu trong Tam nguyên tinh thần của Thượng đế, ngay cả trước khi nó là một phần của nội dung thể nguyên nhân của Ngài.

112. Có nhiều đơn vị bên trong Thượng đế phải đạt đến giai đoạn biệt ngã hóa riêng của chúng. Chúng có thể làm được điều này, bởi vì manas (cố hữu trong chính Thượng đế) do đó cũng cố hữu trong mọi đơn vị cấu thành Thượng đế.

113. Vậy thì, theo một nghĩa nào đó, manas được "khơi dậy từ bên dưới", nhưng điều này chỉ có thể xảy ra vì nó vốn hiện diện một cách cố hữu trong các phương diện cao hơn của Thượng đế, là những phương diện đã ban cho các phương diện thấp hơn những năng lực của chúng.

Do đó, phát biểu cho rằng manas vũ trụ bắt nguồn trên cõi trí vũ trụ, và là một phần của ngọn lửa làm sinh động cõi ấy, là hoàn toàn chính xác.

114. One even suspects that cosmic manas is inherent within the logoic Monad. The Will, Wisdom and Activity (i.e. Intelligence) of the human Monad, must be paralleled by the higher correspondences to these aspects on the monadic level of the Solar Logos.

114. Người ta thậm chí còn ngờ rằng manas vũ trụ là cố hữu trong chân thần của Thượng đế. Ý Chí, Minh Triết và Hoạt Động (tức Trí Tuệ) của chân thần con người hẳn phải có những tương ứng cao hơn với các phương diện này trên cấp độ chân thần của Thái dương Thượng đế.

115. We are being told that cosmic manas is only a portion of the fire that animates the cosmic mental plane. This means that other fires also animate that plane.

115. Chúng ta được cho biết rằng manas vũ trụ chỉ là một phần của ngọn lửa làm sinh động cõi trí vũ trụ. Điều này có nghĩa là những ngọn lửa khác cũng làm sinh động cõi ấy.

116. Probably we must minimally distinguish between the fires that animates the higher cosmic mental plane and those which animate the lower.

116. Có lẽ tối thiểu chúng ta phải phân biệt giữa những ngọn lửa làm sinh động cõi trí vũ trụ cao và những ngọn lửa làm sinh động cõi thấp.

Second, in the second solar system, and in connection with the method employed therein, another point merits attention.

Thứ hai, trong hệ mặt trời thứ hai, và liên quan đến phương pháp được sử dụng trong đó, có một điểm khác đáng được lưu ý.

117. We have discussed the method of individualization during the first solar system and in relation to the Planetary Logoi (in that earlier system) and in relation to man on the Moon-chain (that method being a reflection of the methods utilized by the Solar Logos in His previous system—or in *a* previous system) and by the Planetary Logoi in the previous system (or in *a* previous system).

117. Chúng ta đã bàn đến phương pháp biệt ngã hóa trong hệ mặt trời thứ nhất và trong liên hệ với các Hành Tinh Thượng Đế (trong hệ trước đó) cũng như trong liên hệ với con người trên Dãy Mặt Trăng (phương pháp ấy là sự phản chiếu của các phương pháp được Thái dương Thượng đế sử dụng trong hệ trước của Ngài—hay trong *một* hệ trước) và bởi các Hành Tinh Thượng Đế trong hệ trước (hay trong *một* hệ trước).

118. We may have noted that this particular method of individualization seems related to system in which the material or third aspect is prominent.

118. Có lẽ chúng ta đã lưu ý rằng phương pháp biệt ngã hóa đặc thù này dường như liên hệ với hệ trong đó phương diện vật chất hay phương diện thứ ba nổi trội.

119. In the method which we have been discussing, the principle of *occult continuity* is preserved and there is no divine

119. Trong phương pháp mà chúng ta đang bàn đến, nguyên lý của *sự liên tục huyền bí* được bảo toàn và không có sự can thiệp

intervention to impulse the individualization process.

thiêng liêng nào để thúc đẩy tiến trình biệt ngã hóa.

This fire of mind has its source in a constellation until recently unrecognized by exoteric science as having any relation of an intimate nature to our solar system, owing to its tremendous distance away.

Ngọn lửa của trí tuệ này có nguồn từ một chòm sao mà cho đến gần đây khoa học ngoại môn chưa nhận ra là có bất kỳ liên hệ mật thiết nào với hệ mặt trời của chúng ta, do khoảng cách vô cùng xa xôi của nó.

120. DK speaks of a "tremendous distance". We learn that He is speaking of the sun "Sirius", which now seems (given our rapidly advancing knowledge of astronomy) one of the very closest stars to our solar system.

120. Chân sư DK nói đến một "khoảng cách vô cùng xa xôi". Chúng ta biết rằng Ngài đang nói về mặt trời "Sirius", mà hiện nay dường như (xét theo kiến thức thiên văn học đang tiến bộ nhanh chóng của chúng ta) là một trong những ngôi sao gần hệ mặt trời của chúng ta nhất.

121. We note that DK refers to Sirius as a "constellation". Perhaps this is because of His knowledge that Sirius has visible and invisible companion stars. Any aggregation of stars can be called a constellation.

121. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK gọi Sirius là một "chòm sao". Có lẽ điều này là do Ngài biết rằng Sirius có những sao đồng hành hữu hình và vô hình. Bất kỳ tập hợp sao nào cũng có thể được gọi là một chòm sao.

122. Often, however, in the method of occult blinding, the terms "constellation" and "solar system" are used interchangeably.

122. Tuy nhiên, thường khi dùng phương pháp che giấu huyền bí, các thuật ngữ "chòm sao" và "hệ mặt trời" được dùng thay thế cho nhau.

123. We know there is a solar system through which the Logos of Sirius expresses.

123. Chúng ta biết có một hệ mặt trời mà qua đó Thượng đế của Sirius biểu hiện.

124. We also hypothesize that there is a constellation or "cosmic group" of which the star Sirius (and its immediate companions) is a member, probably along with our Sun, Sol. But this "cosmic group" is unlikely to be a source of cosmic manas. The cosmic group, per se, seems to have relation to desire or "magnetic energy" and not to manas.

124. Chúng ta cũng giả định rằng có một chòm sao hay "nhóm vũ trụ" mà ngôi sao Sirius (và các sao đồng hành gần của nó) là một thành viên, có lẽ cùng với Mặt Trời của chúng ta, Sol. Nhưng "nhóm vũ trụ" này khó có thể là nguồn của manas vũ trụ. Chính nhóm vũ trụ ấy dường như có liên hệ với dục vọng hay "năng lượng từ tính" chứ không phải với manas.

II. MAGNETIC ENERGY..... Solar Fire

4. The 7 solar | Taurus

systems..... |..... Mars..... Third Creative Hierarchy

| Scorpio (the 10th) Unknown

The Fixed Cross (EA 50)

***The sun "Sirius" is the source of logoic manas* in the same sense as the Pleiades are connected with the evolution of manas in the seven Heavenly Men, and Venus was responsible for the coming in of mind in the Earth chain.**

125. This is one of the foundational statements in the Teaching.

126. From the cosmic perspective, there seems to be a descending sequence:

a. The sun “Sirius”

b. The Pleiades

c. Venus

127. Sirius is active in relation to a Solar Logos; the Pleiades in relation to Heavenly Men; and Venus in relation to a planetary chain and the human beings who live on that chain.

128. Sirius, however, is but a single star, and the Pleiades, all of them, are many times

II. NĂNG LƯỢNG TỪ TÍNH..... Lửa Thái dương

4. 7 hệ mặt trời | Kim Ngưu

..... |..... Sao Hỏa..... Huyền Giai Sáng Tạo thứ ba

| Hổ Cáp (thứ 10) Chưa biết

Thập Giá Cố Định (EA 50)

***Mặt trời "Sirius" là nguồn của manas của Thượng đế* theo cùng ý nghĩa như Pleiades có liên hệ với sự tiến hoá của manas nơi bảy Đấng Thiên Nhân, và Sao Kim chịu trách nhiệm cho sự xuất hiện của trí tuệ trong Dãy Địa Cầu.**

125. Đây là một trong những phát biểu nền tảng trong Giáo Huấn.

126. Từ góc nhìn vũ trụ, dường như có một chuỗi đi xuống:

a. Mặt trời “Sirius”

b. Pleiades

c. Sao Kim

127. Sirius hoạt động trong liên hệ với một Thái dương Thượng đế; Pleiades trong liên hệ với các Đấng Thiên Nhân; và Sao Kim trong liên hệ với một dãy hành tinh và những con người sống trên dãy ấy.

128. Tuy nhiên, Sirius chỉ là một ngôi sao đơn lẻ, còn toàn bộ Pleiades lớn hơn Sirius

greater in magnitude than Sirius. Further, the Pleiades, even if we count only seven or nine of them, are a constellation and Sirius is only a star.

129. Further accentuating the spiritual status of the Pleiades, it is a cluster of hundreds of stars and is considered the hub around which many stars revolve, probably including Sirius. So, occultly, in a way, the "tail is wagging the dog".

130. It seems, therefore, that we have a magnitude problem.

131. Could the term "Sirius" be a blind for a much greater cosmic structure?

132. Even, however, if we were to consider that so-called 'Sirian System' of seven suns (the Seven Solar Systems of Which Ours is One) as the source of manas to our Solar Logos (which is probably not admissible qualitatively) the Seven Solar Systems of Which Ours is One is composed of stars of much lesser magnitude/potency than the stars within the Pleiades.

133. So, we are in the midst of a mystery. Naturally, we accept the accuracy of what the Tibetan says, but there is much further penetration required of us.

134. It could seem like there is an inversion. It could seem that it would be more appropriate for the Pleiades (so strongly associated with manas and themselves a constellation to which our solar system is closely related) to be the bestower of manas

nhiều lần về quy mô. Hơn nữa, Pleiades, ngay cả nếu chúng ta chỉ tính bảy hay chín ngôi sao của nó, vẫn là một chòm sao còn Sirius chỉ là một ngôi sao.

129. Càng nhấn mạnh thêm địa vị tinh thần của Pleiades, đó là một cụm gồm hàng trăm ngôi sao và được xem là trung tâm mà quanh đó nhiều ngôi sao quay quanh, có lẽ kể cả Sirius. Vì vậy, về mặt huyền bí, theo một nghĩa nào đó, "cái đuôi lại đang vẫy con chó".

130. Do đó, dường như chúng ta đang gặp một vấn đề về quy mô.

131. Liệu thuật ngữ "Sirius" có thể là một sự che giấu cho một cấu trúc vũ trụ lớn lao hơn nhiều chăng?

132. Tuy nhiên, ngay cả nếu chúng ta xem cái gọi là 'Hệ Sirian' gồm bảy mặt trời (Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ Của Chúng Ta Là Một) là nguồn của manas cho Thái dương Thượng đế của chúng ta (điều này có lẽ không thể chấp nhận được về mặt phẩm tính) thì Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ Của Chúng Ta Là Một vẫn được cấu thành bởi những ngôi sao có quy mô/quyền năng nhỏ hơn rất nhiều so với các ngôi sao trong Pleiades.

133. Vì vậy, chúng ta đang ở giữa một huyền nhiệm. Dĩ nhiên, chúng ta chấp nhận tính chính xác của điều Chân sư Tây Tạng nói, nhưng chúng ta còn cần thâm nhập sâu hơn nhiều nữa.

134. Có thể dường như có một sự đảo ngược. Có thể dường như sẽ thích hợp hơn nếu Pleiades (vốn gắn bó mạnh mẽ với manas và bản thân là một chòm sao mà hệ mặt trời của chúng ta có liên hệ mật thiết) là đấng ban manas cho Thái dương Thượng đế, còn

to the Solar Logos, and Sirius to be the bestower to the Heavenly Men. We know this cannot be correct, but in terms of scale and magnitude it would be more satisfactory.

Sirius là đấng ban cho các Đấng Thiên Nhân. Chúng ta biết điều này không thể đúng, nhưng xét về quy mô và tầm vóc thì nó sẽ thỏa đáng hơn.

135. One wonders whether the bestowal from the Pleiades to the Heavenly Men could be coming from a lower level of the seven bestowing Pleiadian stars, because the Pleiades, being of such great power and centrality, cannot be manasically active only in relation to the Heavenly Men.

135. Người ta tự hỏi liệu sự ban truyền từ Pleiades đến các Đấng Thiên Nhân có thể đến từ một cấp độ thấp hơn của bảy ngôi sao Pleiades ban truyền hay không, bởi vì Pleiades, với quyền năng và tính trung tâm lớn lao như thế, không thể chỉ hoạt động về mặt manas trong liên hệ với các Đấng Thiên Nhân mà thôi.

136. We will simply have to reserve judgment and ponder the matter until further light dawns.

136. Chúng ta đơn giản sẽ phải tạm giữ phán đoán và suy ngẫm về vấn đề này cho đến khi ánh sáng thêm nữa ló rạng.

Each was primary to the other, or was the agent which produced the **first flicker of consciousness in the particular groups involved**.

Mỗi bên đều là yếu tố chính yếu đối với bên kia, hay là tác nhân tạo ra **tia chớp đầu tiên của tâm thức trong những nhóm đặc thù có liên quan**.

137. The excerpt immediately above again suggests that when speaking of the individualization of man, the Planetary Logos and the Solar Logos, we are speaking of *different orders of individualization.*

137. Đoạn trích ngay trên lại gợi ý rằng khi nói về sự biệt ngã hóa của con người, của Hành Tinh Thượng Đế và của Thái dương Thượng đế, chúng ta đang nói về *những cấp bậc biệt ngã hóa khác nhau.*

138. The term “first flicker of consciousness” is equivalent to individualization.

138. Thuật ngữ “tia chớp đầu tiên của tâm thức” tương đương với sự biệt ngã hóa.

139. We are speaking of that which produced the first flicker of consciousness in a Solar Logos, in a Planetary Logos, in a man (as a result of the reception by the fourth or Earth-chain of manasic energy from Venus —via the Venus-chain in the Earth-scheme and the Venus globe of the Earth-chain).

139. Chúng ta đang nói về điều đã tạo ra tia chớp đầu tiên của tâm thức nơi một Thái dương Thượng đế, nơi một Hành Tinh Thượng Đế, nơi một con người (do kết quả của việc Dãy thứ tư hay Dãy Địa Cầu tiếp nhận năng lượng manas từ Sao Kim—qua Dãy Sao Kim trong hệ hành tinh Địa Cầu và bầu Sao Kim của Dãy Địa Cầu).

140. We notice that it is *groups* which are experiencing the "first flicker of consciousness", again suggesting the individualization of *groups* rather than of individuals.

140. Chúng ta nhận thấy rằng chính *các nhóm* đang trải nghiệm "tia chớp đầu tiên của tâm thức", một lần nữa gợi ý sự biệt ngã hóa của *các nhóm* hơn là của các cá nhân.

141. We are told:

141. Chúng ta được cho biết:

a. Sirius is primary to Sol

a. Sirius là yếu tố chính yếu đối với Sol

b. The Pleiades are primary to the Seven Heavenly Men.

b. Pleiades là yếu tố chính yếu đối với Bảy Đấng Thiên Nhân.

c. Venus is primary to the Earth and especially to the Earth-chain.

c. Sao Kim là yếu tố chính yếu đối với Trái Đất và đặc biệt đối với Dãy Địa Cầu.

d. We could add to this that the Solar Angel is primary to the man, the personality.

d. Chúng ta có thể thêm vào rằng Thái dương Thiên Thần là yếu tố chính yếu đối với con người, tức phàm ngã.

In every case the method was that of a **slow evolutionary growth till the consciousness suddenly blazed forth owing to the interposition of force**, apparently from an extraneous source,

Trong mọi trường hợp, phương pháp đều là **sự tăng trưởng tiến hoá chậm chạp cho đến khi tâm thức bừng cháy đột ngột do sự xen vào của mãnh lực**, dường như đến từ một nguồn bên ngoài,

142. We are no longer speaking of methods of individualization current in the first solar system.

142. Chúng ta không còn nói về các phương pháp biệt ngã hóa hiện hành trong hệ mặt trời thứ nhất nữa.

143. The slow evolutionary growth is there (as in the first method), but there is an "interposition of force" or 'divine intervention', "apparently from an extraneous source". This is different.

143. Sự tăng trưởng tiến hoá chậm chạp vẫn có đó (như trong phương pháp thứ nhất), nhưng có một "sự xen vào của mãnh lực" hay 'sự can thiệp thiêng liêng', "dường như đến từ một nguồn bên ngoài". Điều này khác.

144. The Solar Logos was the Solar Logos when manas came from Sirius.

144. Thái dương Thượng đế đã là Thái dương Thượng đế khi manas đến từ Sirius.

145. Các Hành Tinh Thượng Đế đã là các Hành Tinh Thượng Đế khi manas đến từ

145. The Planetary Logoi were the Planetary Logoi when manas came from the Pleiades (from whatever aspect of the Pleiades).

145. Thái dương Thượng đế Hành tinh là Thái dương Thượng đế Hành tinh khi manas đến từ Pleiades (từ bất kỳ phương diện nào của Pleiades).

146. The Earth-chain was the Earth-chain when manas came from Venus.

146. Dãy Địa Cầu đã là Dãy Địa Cầu khi manas đến từ Sao Kim.

147. So we are definitely talking about kinds of individualization which occurred (in the first two instances) *long after* the beings destined to consciously comprise Solar Logos or Planetary Logoi were of the stature that man is now (i.e., they were self-conscious, at least in a lower sense)

147. Vì vậy, chắc chắn chúng ta đang nói về những loại biệt ngã hóa đã xảy ra (trong hai trường hợp đầu) *rất lâu sau khi* các hữu thể được định sẵn để cấu thành một cách hữu thức Thái dương Thượng đế hay các Hành Tinh Thượng Đế đã đạt đến tầm vóc mà con người hiện nay đang có (tức là, ít nhất theo nghĩa thấp hơn, họ đã có ngã thức)

148. What I have been trying to bring forward is the idea that *there are different levels of individualization*. Probably, there comes a time when even a Galactic Logos can be said to be undergoing His own type of individualization.

148. Điều tôi đã cố gắng trình bày là ý tưởng rằng *có những cấp độ biệt ngã hóa khác nhau*. Có lẽ sẽ đến một lúc mà ngay cả một Thượng đế Ngân Hà cũng có thể được nói là đang trải qua loại biệt ngã hóa riêng của Ngài.

149. Individualization is always a sudden or gradually dawning awareness of an unsuspected type of *self.* Using this definition, we can apply the term "individualization" to systemic and cosmic Beings as well as to man.

149. Biệt ngã hóa luôn là một sự nhận biết đột ngột hay dần dần ló rạng về một loại *bản ngã* chưa từng được ngờ tới. Dùng định nghĩa này, chúng ta có thể áp dụng thuật ngữ "biệt ngã hóa" cho các Hữu thể hệ thống và vũ trụ cũng như cho con người.

150. Let us simply call it, "the emergence into consciousness of a hitherto latent self or level of selfhood".

150. Chúng ta hãy đơn giản gọi nó là "sự xuất hiện vào trong tâm thức của một bản ngã hay một cấp độ bản ngã vốn tiềm ẩn từ trước".

1. The Logos Solar System Sirius

1. Thượng đế Hệ Mặt Trời Sirius

2. Seven Heavenly Men Planetary scheme Pleiades

2. Bảy Đấng Thiên Nhân hệ hành tinh Pleiades

3. Heavenly Man Earth chain Venus

3. Đấng Thiên Nhân Dãy Địa Cầu Sao Kim

151. The tabulation is useful, even though the mysteries remain.

151. Bảng liệt kê này hữu ích, dù các huyền nhiệm vẫn còn đó.

This second method therefore is that which is brought about by the hastening of the evolutionary process through influences from outside;

Vì vậy, phương pháp thứ hai này là phương pháp được tạo ra bởi sự thúc đẩy nhanh tiến trình tiến hoá thông qua những ảnh hưởng từ bên ngoài;

152. The second method provides an external impulsion missing in the first and slower method associated with the third aspect. The impulsion however, may only be apparently external, extraneous or "from outside".

152. Phương pháp thứ hai cung cấp một xung lực từ bên ngoài mà phương pháp thứ nhất chậm hơn, gắn với phương diện thứ ba, không có. Tuy nhiên, xung lực ấy có thể chỉ dường như là bên ngoài, ngoại lai hay "từ bên ngoài" mà thôi.

153. This hastening seems to have been sorely needed in relation to our Earth-chain, but its occurrence is apparently not reserved only for emergency situations but seems to be a well-established "second method" of individualization related to second phases of development.

153. Sự thúc đẩy nhanh này dường như đã rất cần thiết đối với Dãy Địa Cầu của chúng ta, nhưng sự xuất hiện của nó rõ ràng không chỉ dành riêng cho những tình huống khẩn cấp mà dường như là một "phương pháp thứ hai" của sự biệt ngã hóa đã được xác lập vững chắc, liên hệ với các giai đoạn phát triển thứ hai.

these tend to awaken consciousness, and to bring about the merging of the poles.

những ảnh hưởng này có khuynh hướng đánh thức tâm thức, và mang lại sự hợp nhất của các cực.

154. We have a more sudden approximation of the poles of Spirit and matter/form, and their merging, than in the first method.

154. Chúng ta có một sự xích lại gần nhau đột ngột hơn của các cực Tinh thần và vật chất/hình tướng, cùng sự hợp nhất của chúng, so với trong phương pháp thứ nhất.

155. This second method of individualization is, therefore, a *crisis,* often with dramatic or destructive effects.

155. Do đó, phương pháp biệt ngã hóa thứ hai này là một *khủng hoảng,* thường đi kèm những hiệu quả kịch tính hay hủy diệt.

The first method touched upon was that of the earlier solar system. The method we are now considering is the distinctive one of this solar system and will persist till the end of the mahamanvantara.

Phương pháp thứ nhất vừa được đề cập là của hệ mặt trời trước. Phương pháp mà hiện nay chúng ta đang xét là phương pháp đặc trưng của hệ mặt trời này và sẽ kéo dài cho đến hết Đại giai kỳ sinh hóa.

156. Two methods of individualization—two solar systems. Since our Solar Logos has actually experienced five solar systems or mahamanvantaras (cf. TCF 605), one wonders whether a form of individualization occurred in the very first and physical mahamanvantara—a form of individualization which concerned His individualization.

156. Hai phương pháp biệt ngã hóa—hai hệ mặt trời. Vì Thái dương Thượng đế của chúng ta thực sự đã trải qua năm hệ mặt trời hay Đại giai kỳ sinh hóa (xem TCF 605), người ta tự hỏi liệu một hình thức biệt ngã hóa có xảy ra trong chính Đại giai kỳ sinh hóa đầu tiên và mang tính hồng trần hay không—một hình thức biệt ngã hóa liên quan đến sự biệt ngã hóa của chính Ngài.

157. When man was merely a quite physical human being in Lemurian time, he was already individualized. When the Solar Logos was relatively physical, five mahamanvantaras ago in His analogically Lemurian phase, should He not have been individualized?

157. Khi con người chỉ mới là một con người khá hồng trần trong thời Lemuria, y đã được biệt ngã hóa rồi. Khi Thái dương Thượng đế còn tương đối hồng trần, cách đây năm Đại giai kỳ sinh hóa trong giai đoạn tương tự Lemuria của Ngài, lẽ nào Ngài lại chưa được biệt ngã hóa?

158. As well, within our present solar system, the method of the first solar system is reflected in the method if individualization utilized on the Moon-chain and the method of the second solar system is reflected on our Earth-chain.

158. Hơn nữa, trong hệ mặt trời hiện tại của chúng ta, phương pháp của hệ mặt trời thứ nhất được phản chiếu trong phương pháp biệt ngã hóa được sử dụng trên Dãy Mặt Trăng, còn phương pháp của hệ mặt trời thứ hai được phản chiếu trên Dãy Địa Cầu của chúng ta.

159. DK is telling us that in many places in our solar system, including our own planet, individualization has not run its course. This is obvious. The many members of the animal kingdom have yet to be individualized, and so it will go, for a time, for the members of still lower kingdoms, when their time comes.

159. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng ở nhiều nơi trong hệ mặt trời của chúng ta, kể cả trên hành tinh của chính chúng ta, sự biệt ngã hóa vẫn chưa hoàn tất tiến trình của nó. Điều này là hiển nhiên. Nhiều thành viên của giới động vật vẫn chưa được biệt ngã hóa, và trong một thời gian nữa điều đó cũng sẽ như vậy đối với các thành viên của những giới còn thấp hơn, khi thời điểm của chúng đến.

160. The second method will, we are told, persist throughout the mahamanvantara.

160. Chúng ta được cho biết rằng phương pháp thứ hai sẽ kéo dài suốt Đại giai kỳ sinh hóa.

That the earlier method was seen in the moon-chain is only evidence of the

Việc phương pháp trước đó được thấy trên Dãy Mặt Trăng chỉ là bằng chứng về tính

steadfastness of the Law of Repetition by which every large cycle includes, in its earlier [Page 348] stages, all the lesser, and repeats the earlier procedure.

161. By saying this, DK is telling us that individualization on the Moon-chain was a repetition of an earlier form of individualization. He is also telling us that the Moon-chain process can be considered to have occurred in the "earlier stages" of our large cycle—our present solar system.

This is a recognised fact, for instance, in the building of man's physical body, **for the foetus reproduces all earlier stages and forms till the human is achieved**; again, as we know, the fourth round reproduces briefly the earlier three but has its own distinctive quality.

162. The biological principle is "Ontogeny recapitulates Phylogeny".

163. The past cycle is bound into the present cycle, though in a manner much reduced in scope and duration.

164. The principle is clear: we are made to pass through all stages current in the past by means of the process of repetition. In this manner, our growth becomes, eventually, a seamless continuity, and no gaps appear.

b. The Method of Initiation. In this second method the "Rods of Initiation" are used to effect certain results.

kiên định của Định luật Lặp Lại, nhờ đó mỗi chu kỳ lớn đều bao gồm, trong những giai đoạn đầu của nó, tất cả những chu kỳ nhỏ hơn, và lặp lại tiến trình trước đó.

161. Khi nói như vậy, Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng sự biệt ngã hóa trên Dãy Mặt Trăng là sự lặp lại của một hình thức biệt ngã hóa sớm hơn. Ngài cũng cho chúng ta biết rằng tiến trình trên Dãy Mặt Trăng có thể được xem là đã xảy ra trong những "giai đoạn đầu" của chu kỳ lớn của chúng ta—hệ mặt trời hiện tại của chúng ta.

Đây là một sự kiện được công nhận, chẳng hạn trong việc xây dựng thể xác của con người, **vì thai nhi tái hiện mọi giai đoạn và hình thức trước đó cho đến khi con người được thành tựu**; và nữa, như chúng ta biết, cuộc tuần hoàn thứ tư tái hiện vắn tắt ba cuộc trước nhưng có phẩm tính đặc thù riêng của nó.

162. Nguyên lý sinh học là "Cá thể phát sinh lặp lại chủng loại phát sinh".

163. Chu kỳ quá khứ được gắn vào chu kỳ hiện tại, dù theo một cách giảm thiểu rất nhiều về phạm vi và thời lượng.

164. Nguyên lý này rất rõ: chúng ta được khiến phải đi qua mọi giai đoạn từng hiện hành trong quá khứ bằng tiến trình lặp lại. Theo cách này, sự tăng trưởng của chúng ta cuối cùng trở thành một sự liên tục không gián đoạn, và không có khoảng trống nào xuất hiện.

b. Phương Pháp Điểm Đạo. Trong phương pháp thứ hai này, "Các Thần Trượng Điểm đạo" được dùng để tạo ra những kết quả nhất định.

165. The rites of initiation are part of the method of individualization utilized in the second solar system.

165. Các nghi lễ điểm đạo là một phần của phương pháp biệt ngã hóa được sử dụng trong hệ mặt trời thứ hai.

These rods are of four kinds:

Các thần trượng này có bốn loại:

166. Perhaps there are four because our solar system is a system of the fourth order.

166. Có lẽ có bốn loại vì hệ mặt trời của chúng ta là một hệ thuộc bậc thứ tư.

167. On the other hand, if we were including in our consideration super-cosmic initiations, perhaps there would be *five,* and so forth.

167. Mặt khác, nếu chúng ta bao gồm trong sự xem xét của mình các cuộc điểm đạo siêu vũ trụ, thì có lẽ sẽ có *năm,* và cứ thế nữa.

1. Cosmic, used by a cosmic Logos in the initiations of a solar Logos, and of the three major planetary Logoi.

1. Vũ trụ, được một Thượng đế vũ trụ sử dụng trong các cuộc điểm đạo của một Thái dương Thượng đế, và của ba Hành Tinh Thượng Đế lớn.

168. We may infer that this is the kind of Rod which could be in the possession of the Logos of the Seven Solar Systems of Which Ours is One—sometimes called the 'Sirian Logos' (not the Logos of the star Sirius).

168. Chúng ta có thể suy ra rằng đây là loại Thần Trượng có thể nằm trong tay Thượng đế của Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ Của Chúng Ta Là Một—đôi khi được gọi là 'Thượng đế Sirian' (không phải Thượng đế của ngôi sao Sirius).

169. It may be, however, that under certain circumstances, the Logos of the star Sirius is called a *Cosmic* Logos rather than a Solar Logos. If this were the case, then the Logos of the Star Sirius would wield a Cosmic Rod.

169. Tuy nhiên, cũng có thể trong một số hoàn cảnh nhất định, Thượng đế của ngôi sao Sirius được gọi là một Thượng đế *Vũ trụ* chứ không phải một Thái dương Thượng đế. Nếu đúng như vậy, thì Thượng đế của ngôi sao Sirius sẽ sử dụng một Thần Trượng Vũ trụ.

170. It is interesting to see the "three major Planetary Logoi" linked so closely to the Solar Logos.

170. Thật thú vị khi thấy "ba Hành Tinh Thượng Đế lớn" được liên kết chặt chẽ đến thế với Thái dương Thượng đế.

171. We may assume that Master DK means by the "major Planetary Logoi" the Logoi of the synthesizing planets—Saturn, Neptune and Uranus.

171. Chúng ta có thể giả định rằng Chân sư DK muốn nói, qua "các Hành Tinh Thượng Đế lớn", là các Thượng đế của những hành

tinh tổng hợp—Sao Thổ, Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương.

172. If we check the chart (TCF 344) we shall see that three Logoi are to be found focussed on the first subplane of the cosmic physical plane (a plane intimately associated with our Solar Logos). Of these three, we are simply told that they are Logoi. We are *not* told that they are *Planetary* Logoi.

172. Nếu chúng ta kiểm tra biểu đồ (TCF 344), chúng ta sẽ thấy ba Thượng đế được tìm thấy tập trung trên cõi phụ thứ nhất của cõi hồng trần vũ trụ (một cõi gắn bó mật thiết với Thái dương Thượng đế của chúng ta). Về ba Đấng này, chúng ta chỉ đơn giản được cho biết rằng các Ngài là các Thượng đế. Chúng ta *không* được cho biết rằng các Ngài là các *Hành Tinh* Thượng Đế.

173. If these three Logoi are distinct from the three Logoi of the synthesizing planets, then it is clear that not only does a Cosmic Logos initiate the three major Planetary Logoi, but also the three still greater Logoi who are still closer to the Solar Logos. This would mean seven in all.

173. Nếu ba Thượng đế này khác với ba Thượng đế của các hành tinh tổng hợp, thì rõ ràng không chỉ một Thượng đế Vũ trụ điểm đạo cho ba Hành Tinh Thượng Đế lớn, mà còn cho cả ba Thượng đế còn lớn hơn nữa, vốn còn gần với Thái dương Thượng đế hơn. Điều này có nghĩa là tổng cộng có bảy vị.

174. We are reminded that, according to occultism, the Solar Logos is the *Brother* of the Planetary Logoi and not their *Father*.

174. Chúng ta được nhắc rằng, theo huyền bí học, Thái dương Thượng đế là *Huynh Đệ* của các Hành Tinh Thượng Đế chứ không phải *Cha* của các Ngài.

175. We remember (TCF 293) that a Cosmic Logos expresses itself through a constellation of seven major Solar Logoi. This gives us some sense of the scale involved.

175. Chúng ta nhớ rằng (TCF 293) một Thượng đế Vũ trụ biểu hiện qua một chòm sao gồm bảy Thái dương Thượng đế lớn. Điều này cho chúng ta một cảm nhận nào đó về quy mô liên quan.

2. Systemic, used by a solar Logos in the initiations of a planetary Logos.

2. Hệ thống, được một Thái dương Thượng đế sử dụng trong các cuộc điểm đạo của một Hành Tinh Thượng Đế.

176. The implication is that our Solar Logos wields such a Rod *within* our solar system.

176. Hàm ý ở đây là Thái dương Thượng đế của chúng ta sử dụng một Thần Trượng như thế *bên trong* hệ mặt trời của chúng ta.

3. Planetary, used by a planetary Logos for initiatory purposes, and for the third, the

3. Hành tinh, được một Hành Tinh Thượng Đế sử dụng cho các mục đích điểm đạo, và

fourth, and fifth major initiations, with the two higher.

177. We can assume that since Sanat Kumara wields the Planetary Rod of Initiation (the "Flaming Diamond") and, since Sanat Kumara officiates as the Initiator for the first time at the third initiation, that the third, fourth and fifth major initiations, are, indeed, the usual *third, fourth and fifth* initiations and not the fifth, sixth and seventh.

178. The term "major initiations" as here used seems to include initiations one and two—the Birth and the Baptism, both "Initiations of the Threshold", but the Planetary Rod of Power is not used at these first two initiations—even if they are considered "major" from the manasic point of view.

179. The first two "major initiations" are *planetary* initiations, not solar initiations.

180. The term "major initiations" usually includes the Initiations of the Threshold, but not always as is clear from the following:

181.

182. "I would here call to your recollection the fact that (from the angle of the Hierarchy) this initiation is the second major initiation, and not the fourth, as it is regarded from the human angle; **the third initiation is technically regarded as the first major initiation.** The major initiations are really possible only after the transfiguration of the personality. (R&I 216)

cho lần điểm đạo thứ ba, thứ tư, và thứ năm lớn, cùng với hai lần cao hơn.

177. Chúng ta có thể giả định rằng vì Đức Sanat Kumara sử dụng Thần Trượng Điểm đạo Hành tinh ("Kim Cương Rực Lửa"), và vì Đức Sanat Kumara lần đầu tiên đảm nhiệm vai trò Đấng Điểm đạo ở lần điểm đạo thứ ba, nên ba lần điểm đạo lớn thứ ba, thứ tư và thứ năm quả thực là các lần điểm đạo *thứ ba, thứ tư và thứ năm* thông thường chứ không phải thứ năm, thứ sáu và thứ bảy.

178. Thuật ngữ "các lần điểm đạo lớn" như được dùng ở đây dường như bao gồm lần điểm đạo thứ nhất và thứ hai—Giáng Sinh và Phép Rửa, cả hai đều là "Các Cuộc Điểm Đạo của Ngưỡng Cửa", nhưng Thần Trượng Quyền năng Hành tinh không được dùng trong hai lần điểm đạo đầu này—dù chúng được xem là "lớn" từ quan điểm manas.

179. Hai "lần điểm đạo lớn" đầu tiên là các cuộc điểm đạo *hành tinh*, không phải các cuộc điểm đạo thái dương.

180. Thuật ngữ "các lần điểm đạo lớn" thường bao gồm Các Cuộc Điểm Đạo của Ngưỡng Cửa, nhưng không phải lúc nào cũng vậy như rõ ràng từ đoạn sau:

181.

182. "Ở đây tôi muốn nhắc các bạn nhớ đến sự kiện rằng (từ góc độ của Thánh đoàn) cuộc điểm đạo này là cuộc điểm đạo lớn thứ hai, chứ không phải thứ tư như nó được xem từ góc độ con người; **lần điểm đạo thứ ba về mặt kỹ thuật được xem là lần điểm đạo lớn đầu tiên.** Các cuộc điểm đạo lớn thực sự chỉ có thể xảy ra sau sự Biến hình của phàm ngã. (R&I 216)

183. It is also clear from this excerpt that at the sixth and seventh initiations, the planetary Rod of Power is applied.

183. Từ đoạn trích này cũng rõ rằng ở lần điểm đạo thứ sáu và thứ bảy, Thần Trượng Quyền năng Hành tinh được áp dụng.

4. Hierarchical, used by an occult Hierarchy for minor Initiations, and for the first two initiations of manas by the Bodhisattva.[29] The above information about the "Rods" is taken out of Initiation Human and Solar, page 126.

4. Thuộc Thánh đoàn, được một Thánh đoàn huyền bí sử dụng cho các cuộc điểm đạo nhỏ, và cho hai cuộc điểm đạo đầu của manas do Đức Bồ Tát ban truyền.29 Thông tin trên về các "Thần Trượng" được trích từ Initiation Human and Solar, trang 126.

184. What may be these minor initiations? The Tibetan speaks of them on one or two occasions. They are certainly not the same as the Birth, Baptism, Transfiguration, Renunciation and Revelation—our first five "major" initiations.

184. Những cuộc điểm đạo nhỏ này có thể là gì? Chân sư Tây Tạng có nói đến chúng trong một hai dịp. Chúng chắc chắn không giống với Giáng Sinh, Phép Rửa, Biến hình, Từ Bỏ và Mặc Khải—năm cuộc điểm đạo "lớn" đầu tiên của chúng ta.

185. The "first two initiations of manas" are the first and second *major* initiations—the Birth and the Baptism.

185. "Hai cuộc điểm đạo đầu của manas" là hai cuộc điểm đạo *lớn* thứ nhất và thứ hai—Giáng Sinh và Phép Rửa.

186. In the following references the terms "minor initiations" and "major initiations" are used in a manner different from that in the extract immediately above:

186. Trong các dẫn chiếu sau đây, các thuật ngữ "các cuộc điểm đạo nhỏ" và "các cuộc điểm đạo lớn" được dùng theo một cách khác với cách dùng trong đoạn trích ngay trên:

a. 1. For the minor initiations administered by the Bodhisattva, all of which are in the department of the Mahachohan, and on one or other of the four lesser rays, the rays of attribute.

a. 1. Đối với các cuộc điểm đạo nhỏ do Đức Bồ Tát ban truyền, tất cả đều thuộc bộ phận của Đức Mahachohan, và trên một hay một cung nào khác trong bốn cung nhỏ hơn, tức Các Cung Thuộc Tính.

b. 2. For the major initiations on one or other of the three major rays, the rays of aspect, which are administered by the Bodhisattva, and are therefore the first two initiations.

b. 2. Đối với các cuộc điểm đạo lớn trên một hay một cung nào khác trong ba cung lớn, tức Các Cung Trạng Thái, do Đức Bồ Tát ban truyền, và vì thế là hai cuộc điểm đạo đầu tiên.

c. 3. For the higher three initiations at which Sanat Kumara wields the Rod. (IHS 107)

c. 3. Đối với ba cuộc điểm đạo cao hơn mà tại đó Đức Sanat Kumara sử dụng Thần Trượng. (IHS 107)

187. These three sentences (taken together) are somewhat puzzling, as the first two major initiations administered by the Bodhisattva are given on the seventh and sixth rays respectively—both of these being rays of attribute. Could the monadic ray (of which there are three major) be somewhat involved in these first two initiations? The monadic ray does affect the soul on its own plane even from the time of the first initiation.

187. Ba câu này (xét chung với nhau) có phần khó hiểu, vì hai cuộc điểm đạo lớn đầu tiên do Đức Bồ Tát ban truyền lại được ban trên cung bảy và cung sáu tương ứng—cả hai đều là các cung thuộc tính. Liệu cung chân thần (trong đó có ba cung lớn) có phần nào liên quan đến hai cuộc điểm đạo đầu này chăng? Cung chân thần quả thực có tác động đến linh hồn trên cõi riêng của nó ngay từ lần điểm đạo thứ nhất.

188. It would seem that there are minor initiations administered by the Bodhisattva *before* the first initiation, the Birth, is taken.

188. Dường như có những cuộc điểm đạo nhỏ do Đức Bồ Tát ban truyền *trước khi* lần điểm đạo thứ nhất, Giáng Sinh, được tiếp nhận.

189. The "minor initiations" spoken of in the extract may relate to minor initiations taken upon the astral plane (cf. EA 362).

189. Những "cuộc điểm đạo nhỏ" được nói đến trong đoạn trích có thể liên hệ với các cuộc điểm đạo nhỏ được tiếp nhận trên cõi cảm dục (xem EA 362).

190. The "initiations of manas" are thus called because they are taken in the causal body, regardless of their impact on the lower mental, astral and physical bodies. These "initiations of manas" are considered *major* initiations.

190. Vì vậy, các "cuộc điểm đạo của manas" được gọi như thế bởi vì chúng được tiếp nhận trong thể nguyên nhân, bất kể tác động của chúng lên thể trí thấp, thể cảm dục và thể xác. Những "cuộc điểm đạo của manas" này được xem là các cuộc điểm đạo *lớn*.

When man individualised in Lemurian days (about eighteen million years ago), it was the application of the Rod of Initiation to the Logos of our Earth chain which brought about the event and touched into activity certain centres in His body with their corresponding groups.

Khi con người biệt ngã hóa trong thời Lemuria (khoảng mười tám triệu năm trước), chính việc áp dụng Thần Trượng Điểm đạo lên Thượng đế của Dãy Địa Cầu chúng ta đã tạo ra biến cố ấy và kích hoạt một số trung tâm trong thân thể của Ngài cùng với các nhóm tương ứng của chúng.

191. We learn that it was not only the approximation of Venus to our Earth-chain which brought about the individualization of animal-man some eighteen million years

191. Chúng ta biết rằng không chỉ sự xích lại gần của Sao Kim với Dãy Địa Cầu của chúng ta đã tạo ra sự biệt ngã hóa của người thú khoảng mười tám triệu năm trước, mà còn

ago, but the application of a Systemic Rod (of the Solar Logos).

cả việc áp dụng một Thần Trượng Hệ thống (của Thái dương Thượng đế).

192. Our Planetary Logos was initiated through the initiation of that aspect of Himself known as the Logos of the Earth-chain. All this may have coincided with an initiation being taken by the Solar Logos (Himself an Initiator).

192. Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đã được điểm đạo thông qua sự điểm đạo của phương diện của chính Ngài được biết đến như Thượng đế của Dãy Địa Cầu. Tất cả điều này có thể đã trùng hợp với một cuộc điểm đạo do Thái dương Thượng đế tiếp nhận (chính Ngài cũng là một Đấng Điểm đạo).

This application, bringing about consciousness on some plane, may be regarded as literally the awakening of the lives concerned to participate in intelligent work on the mental plane. Animal man was conscious on the physical, and on the astral planes. **By the stimulation effected by the electric rod this animal man awoke to consciousness on the mental. Thus the three bodies were co-ordinated, and the Thinker enabled to function in them.**

Sự áp dụng này, tạo ra tâm thức trên một cõi nào đó, có thể được xem theo nghĩa đen là sự đánh thức các sự sống liên quan để tham dự vào công việc thông minh trên cõi trí. Người thú đã có tâm thức trên cõi hồng trần và trên cõi cảm dục. **Nhờ sự kích thích do thần trượng điện tạo ra, người thú này thức tỉnh vào tâm thức trên cõi trí. Như thế ba thể đã được phối hợp, và Đấng Tư Tưởng có thể hoạt động trong chúng.**

193. We are understanding that man's individualization in Lemurian days was the result of the initiation of the "Logos of our Earth chain".

193. Chúng ta hiểu rằng sự biệt ngã hóa của con người trong thời Lemuria là kết quả của sự điểm đạo của "Thượng đế của Dãy Địa Cầu chúng ta".

194. Does DK mean specifically the "Logos of our earth chain" and not the 'Logos of our Earth-scheme"? If so we are speaking of a *chain Logos,* and the initiation occurring is definitely occurring on a chain level.

194. Liệu Chân sư DK có muốn nói một cách đặc biệt đến "Thượng đế của dãy địa cầu chúng ta" chứ không phải 'Thượng đế của hệ hành tinh Địa Cầu chúng ta' không? Nếu vậy, chúng ta đang nói về một *Thượng đế dãy,* và cuộc điểm đạo đang xảy ra chắc chắn là xảy ra ở cấp độ dãy.

195. Animal man awoke to mental consciousness (and thus, gradually, to self-consciousness) because he belonged to certain centers in the body of the "Logos of our earth chain"—centers which were stimulated by the application of the Rod of

195. Người thú thức tỉnh vào tâm thức trí tuệ (và như thế, dần dần, vào ngã thức) bởi vì y thuộc về một số trung tâm nhất định trong thể của "Thượng đế của dãy địa cầu chúng ta"—những trung tâm đã được kích thích bởi việc áp dụng Thần Trượng Điểm

Initiation (presumably the Rod wielded by our Solar Logos).

196. We have to be very careful here, because sometimes the term "chain" is used for the term "scheme". In Theosophical literature schemes are regularly called chains. To a Solar Logos, a planetary scheme is as a chain.

197. In any case, centers in the body of the "Logos of our Earth chain" are also lesser centers in the body of the 'Logos of our Earth-scheme'.

198. We see that the coming of the Lords of the Flame and the application of the Rod of Initiation to certain centers in the body of the "Logos of our Earth chain" were simultaneous events. The Solar Angels came because, in terms of initiatory events occurring in the life of the Planetary Logos of the Earth-scheme, *it was time.*

199. If the "Logos of our Earth chain" was affected by the application of the Rod, this application was also necessarily a great though lesser event in the body of manifestation of the Logos of our planetary scheme.

200. Before individualization, the Thinker could not function in the bodies of animal man; the three bodies had not been coordinated. The application of the Rod on a chain level effected this coordination.

201. Just as in this fourth chain our Planetary Logos is presently undergoing a fourth initiation, is it possible that at the

đạo (có lẽ là Thần Trượng do Thái dương Thượng đế của chúng ta sử dụng).

196. Ở đây chúng ta phải hết sức cẩn thận, vì đôi khi thuật ngữ "dãy" được dùng thay cho thuật ngữ "hệ hành tinh". Trong văn học Thông Thiên Học, các hệ hành tinh thường được gọi là các dãy. Đối với một Thái dương Thượng đế, một hệ hành tinh cũng như một dãy vậy.

197. Dù sao đi nữa, các trung tâm trong thể của "Thượng đế của Dãy Địa Cầu chúng ta" cũng đồng thời là những trung tâm nhỏ hơn trong thể của 'Thượng đế của hệ hành tinh Địa Cầu chúng ta'.

198. Chúng ta thấy rằng sự giáng lâm của các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa và việc áp dụng Thần Trượng Điểm đạo lên một số trung tâm trong thể của "Thượng đế của Dãy Địa Cầu chúng ta" là những biến cố đồng thời. Các Thái dương Thiên Thần đến bởi vì, xét theo các biến cố điểm đạo đang xảy ra trong sự sống của Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh Địa Cầu, *đã đến lúc.*

199. Nếu "Thượng đế của Dãy Địa Cầu chúng ta" bị tác động bởi việc áp dụng Thần Trượng, thì sự áp dụng này tất yếu cũng là một biến cố lớn, dù nhỏ hơn, trong thể biểu hiện của Thượng đế của hệ hành tinh chúng ta.

200. Trước khi biệt ngã hóa, Thức giả không thể hoạt động trong các thể của người thú; ba thể chưa được phối hợp. Việc áp dụng Thần Trượng ở cấp độ dãy đã tạo nên sự phối hợp này.

201. Cũng như trong dãy thứ tư này, Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta hiện đang trải qua lần điểm đạo thứ tư, liệu có thể chăng

time of the individualization of man our Planetary Logos was undergoing a kind of third initiation through His fourth chain? The arising of mentality in animal man would correspond to an initiation numerically expressive of the third ray.

vào thời điểm con người biệt ngã hóa, Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đã trải qua một loại lần điểm đạo thứ ba thông qua dãy thứ tư của Ngài? Sự phát sinh trí tuệ nơi người thú sẽ tương ứng với một điểm đạo, về mặt số học, biểu hiện cung ba.

[Page 349]

[Page 349]

All Rods of Initiation cause certain effects:

Mọi Thần Trượng Điểm đạo đều gây ra những hiệu quả nhất định:

a. Stimulation of the latent fires till they blaze.

a. Kích thích các ngọn lửa tiềm tàng cho đến khi chúng bùng cháy.

202. This stimulation results in a demonstration of light and heat.

202. Sự kích thích này dẫn đến sự biểu lộ của ánh sáng và nhiệt.

203. God is Fire and the application of the Rods of Initiation by those, who to the candidate, are as gods, produces an increased demonstration of fire.

203. Thượng đế là Lửa và việc áp dụng các Thần Trượng Điểm đạo bởi những Đấng mà đối với ứng viên, là như các vị thần, tạo ra sự biểu lộ gia tăng của lửa.

204. We note that the fires are not only *in the Rod,* but are latent within the man.

204. Chúng ta lưu ý rằng các ngọn lửa không chỉ *ở trong Thần Trượng,* mà còn tiềm tàng bên trong con người.

b. Synthesis of the fires through an occult activity that brings them within the radius of each other.

b. Tổng hợp các ngọn lửa thông qua một hoạt động huyền bí đưa chúng vào trong bán kính của nhau.

205. As the chakras implicated in initiation are stimulated and their fiery demonstration increase, they swing into each other's radius of activity.

205. Khi các luân xa liên hệ trong điểm đạo được kích thích và sự biểu lộ lửa của chúng gia tăng, chúng xoay vào bán kính hoạt động của nhau.

206. As fires touch other fires, the fires can be synthesized or brought into one coordinated system.

206. Khi các ngọn lửa chạm đến những ngọn lửa khác, các ngọn lửa có thể được tổng hợp hoặc được đưa vào một hệ thống phối hợp duy nhất.

207. The synthesis of the fires can also be viewed from another perspective; during the initiatory process solar fire is merged and blended with fire by friction and eventually electric fire is merged and blended with the lesser two.

207. Sự tổng hợp các ngọn lửa cũng có thể được nhìn từ một góc độ khác; trong tiến trình điểm đạo, Lửa Thái dương được hòa nhập và dung hợp với Lửa ma sát và cuối cùng Lửa Điện được hòa nhập và dung hợp với hai loại thấp hơn.

208. There is also an important merging of kundalini fire with pranic fires.

208. Cũng có một sự hòa nhập quan trọng của lửa kundalini với các lửa prana.

209. The high initiate is an example of synthesized fires.

209. Điểm đạo đồ cao cấp là một thí dụ về các ngọn lửa đã được tổng hợp.

c. Increase of the vibratory activity of some centre, whether in man, a Heavenly Man, or a solar Logos.

c. Gia tăng hoạt động rung động của một trung tâm nào đó, dù là trong con người, một Đấng Thiên Nhân, hay một Thái dương Thượng đế.

210. Every initiation has some particular center which is the object of purposeful stimulation.

210. Mỗi điểm đạo đều có một trung tâm đặc biệt nào đó là đối tượng của sự kích thích có chủ đích.

211. Which center is stimulated depends upon the initiation undergone.

211. Trung tâm nào được kích thích tùy thuộc vào điểm đạo đã trải qua.

212. The Rod of Power is the occult instrument applied to stimulate the various centers.

212. Thần Trượng Quyền năng là khí cụ huyền bí được áp dụng để kích thích các trung tâm khác nhau.

213. It is of interest to wonder which chakra is being stimulated within the energy bodies of the Solar Logos by means of the extensive stimulation occurring on and within this fourth planetary scheme (the Earth-scheme) and this fourth chain and fourth globe of the Earth-scheme.

213. Thật đáng quan tâm khi tự hỏi luân xa nào đang được kích thích trong các thể năng lượng của Thái dương Thượng đế bằng phương tiện của sự kích thích rộng lớn đang xảy ra trên và bên trong hệ hành tinh thứ tư này (hệ Địa Cầu) và dãy thứ tư cùng bầu hành tinh thứ tư của hệ Địa Cầu.

214. Although the Earth is to be considered related (at least ultimately) to the base of the spine center of the Solar Logos, there are other ways in which it could be considered

214. Mặc dù Trái Đất được xem là có liên hệ (ít nhất là rốt ráo) với trung tâm đáy cột sống của Thái dương Thượng đế, vẫn có những cách khác theo đó nó có thể được xem là liên hệ với lá lách. (xem EA 78 để suy luận).

related to the spleen. (cf. EA 78 for inferences).

d. Expansion of all the bodies, but primarily of the causal,—this also in speaking of all the three types of Entities.

215. The bodies or vehicles of the highly developed man are of greater scope and extent than those of a man of small experience.

216. It is interesting to note that although the mental, astral and vital bodies almost certainly expand by means of the initiatory process, the greatest expansion is to be registered in the causal body.

217. It is said that the auras of great souls are of vast extent. Of course, these souls have already relinquished their causal bodies.

218. The measurements, specific gravity and occult 'weight' of the causal body are technical studies beyond our present possibilities. We can be sure, however, that the causal body of man (or of greater Heavenly Men) has its own kind of subtle physics best described by high souls upon the fifth ray.

All these results were seen when the Heavenly Man of our scheme took initiation eighteen million years ago.

219. We seem to be speaking of a cosmic initiation of some kind and it concerns the entire planetary scheme and not only our planetary chain.

d. Sự mở rộng của mọi thể, nhưng chủ yếu là thể nguyên nhân,—điều này cũng đúng khi nói về cả ba loại Thực Thể.

215. Các thể hay vận cụ của con người phát triển cao có phạm vi và tầm mức lớn hơn các thể của một người ít kinh nghiệm.

216. Thật thú vị khi lưu ý rằng mặc dù thể trí, thể cảm dục và thể sinh lực hầu như chắc chắn mở rộng nhờ tiến trình điểm đạo, sự mở rộng lớn nhất được ghi nhận trong thể nguyên nhân.

217. Người ta nói rằng hào quang của các linh hồn vĩ đại có tầm mức rất rộng lớn. Dĩ nhiên, các linh hồn này đã từ bỏ các thể nguyên nhân của họ rồi.

218. Những phép đo, tỷ trọng và "trọng lượng" huyền bí của thể nguyên nhân là những nghiên cứu kỹ thuật vượt quá khả năng hiện tại của chúng ta. Tuy nhiên, chúng ta có thể chắc chắn rằng thể nguyên nhân của con người (hay của các Đấng Thiên Nhân lớn hơn) có loại vật lý học vi tế riêng của nó, được mô tả đúng nhất bởi các linh hồn cao trên cung năm.

Tất cả những kết quả này đã được thấy khi Đấng Thiên Nhân của hệ hành tinh chúng ta nhận điểm đạo cách đây mười tám triệu năm.

219. Dường như chúng ta đang nói về một loại điểm đạo vũ trụ nào đó và nó liên quan đến toàn bộ hệ hành tinh chứ không chỉ riêng dãy hành tinh của chúng ta.

220. Or can it be said that when a Chain Lord takes initiation, the Scheme Lord does so as well?

220. Hay có thể nói rằng khi một Chúa Tể Dãy nhận điểm đạo, Chúa Tể Hệ cũng làm như vậy?

221. Was this initiation the first cosmic initiation of the Heavenly Man on a scheme level (as presently He has for His goal the second cosmic initiation—cf. TCF 384)?

221. Điểm đạo này có phải là lần điểm đạo vũ trụ thứ nhất của Đấng Thiên Nhân ở cấp độ hệ hành tinh không (cũng như hiện nay mục tiêu của Ngài là lần điểm đạo vũ trụ thứ hai—xem TCF 384)?

222. A certain reference in TCF suggests that when three rounds have elapsed the Planetary Logos is ready to take the first initiation. We infer this from comparing the stage discussed below with a parallel stage in the human being.

222. Một tham chiếu nhất định trong TCF gợi ý rằng khi ba cuộc tuần hoàn đã trôi qua, Hành Tinh Thượng Đế sẵn sàng nhận lần điểm đạo thứ nhất. Chúng ta suy ra điều này từ việc so sánh giai đoạn được bàn dưới đây với một giai đoạn song song nơi con người.

a. To attain the consciousness of the realised control of their own individual ring-pass-not, or of their own sphere of activity. **This covers the period of evolution up to the first Initiation, or their entrance upon the Path, and thus into the spiritual kingdom.** (i.e., the taking of the first initiation). It concerns the **awakening** of consciousness on the **three lower planes**. (TCF 289)

a. Đạt được tâm thức về sự kiểm soát đã được chứng nghiệm đối với vòng-giới-hạn cá nhân của chính Các Ngài, hay khối cầu hoạt động riêng của Các Ngài. **Điều này bao trùm thời kỳ tiến hoá cho đến lần điểm đạo thứ nhất, hay sự bước vào Con Đường, và như vậy vào giới tinh thần.** (tức là, việc nhận lần điểm đạo thứ nhất). Điều này liên quan đến sự **thức tỉnh** của tâm thức trên **ba cõi thấp**. (TCF 289)

a. To attain to full self-consciousness, or to individual consciousness on the five planes; to vibrate with conscious activity within Their Own ring-pass-not, a planetary scheme. This covers a period in the scheme of involution, and of that period during the evolutionary stage which is comprised within the first three rounds up to the entrance upon the fourth round. (TCF 290)

a. Đạt đến ngã thức trọn vẹn, hay tâm thức cá nhân trên năm cõi; rung động với hoạt động hữu thức bên trong vòng-giới-hạn riêng của Các Ngài, một hệ hành tinh. Điều này bao trùm một thời kỳ trong hệ hành tinh của giáng hạ tiến hoá, và của thời kỳ đó trong giai đoạn tiến hoá được gồm trong ba cuộc tuần hoàn đầu cho đến khi bước vào cuộc tuần hoàn thứ tư. (TCF 290)

223. Or was it the third initiation in a series of seven lesser initiations either for our Heavenly Man or for the Lord of our planetary chain?

223. Hay đó là lần điểm đạo thứ ba trong một chuỗi bảy điểm đạo nhỏ hơn dành cho Đấng Thiên Nhân của chúng ta hoặc cho Chúa Tể của dãy hành tinh chúng ta?

This initiation was brought about—as earlier pointed out—by a peculiar juxtaposition of chains, globes and schemes, and caused such a stimulation of all the **latent manasic units within His body** that **a downflow of pure manas from the planetary manasic permanent atom was possible along the path of the planetary antaskarana—a channel which exists in the case of the planetary Logos, and which has not to be built as in the case of man.**

Điểm đạo này đã được mang lại—như đã chỉ ra trước đây—bởi một sự đặt kề đặc biệt của các dãy, các bầu hành tinh và các hệ hành tinh, và đã gây nên một sự kích thích như thế đối với tất cả các **đơn vị manas tiềm tàng bên trong thân thể của Ngài** đến nỗi **một dòng tuôn xuống của manas thuần khiết từ nguyên tử trường tồn manas hành tinh đã có thể diễn ra dọc theo con đường của planetary antaskarana—một kênh vốn hiện hữu trong trường hợp của Hành Tinh Thượng Đế, và không phải được xây dựng như trong trường hợp của con người.**

224. The alignment leading to initiation occurred not long ago in planetary history—only eighteen and a half million years ago.

224. Sự chỉnh hợp dẫn đến điểm đạo đã xảy ra không lâu trong lịch sử hành tinh—chỉ mới mười tám triệu rưỡi năm trước.

225. The alignment took place between the Venus-scheme and the Earth-scheme and especially involved the fourth chain within the Earth-scheme (and the fourth chain within the Venus-scheme).

225. Sự chỉnh hợp đã diễn ra giữa hệ Kim Tinh và hệ Địa Cầu và đặc biệt liên quan đến dãy thứ tư trong hệ Địa Cầu (và dãy thứ tư trong hệ Kim Tinh).

226. The "latent manasic units within His body" are the animal-men who were ripe for individualization.

226. "Các đơn vị manas tiềm tàng bên trong thân thể của Ngài" là những người-thú đã chín muồi cho sự biệt ngã hóa.

227. We see that the antahkarana of the Planetary Logos is already built and can be utilized.

227. Chúng ta thấy rằng antahkarana của Hành Tinh Thượng Đế đã được xây dựng sẵn và có thể được sử dụng.

228. The manasic downflow from Venus stimulated the manasic permanent atom of the Planetary Logos of Earth, and thus manas reached (via the Solar Angels) the animal-men who could be individualized.

228. Dòng tuôn xuống manas từ Kim Tinh đã kích thích nguyên tử trường tồn manas của Hành Tinh Thượng Đế của Địa Cầu, và như vậy manas đã đến được (qua các Thái dương Thiên Thần) với những người-thú có thể được biệt ngã hóa.

229. We are told that energy flowed from Venus, to the Venus-chain of the Earth-scheme to the Earth-chain of the Earth-scheme, passing also through the Venus-

229. Chúng ta được cho biết rằng năng lượng đã chảy từ Kim Tinh, đến dãy Kim Tinh của hệ Địa Cầu rồi đến dãy Địa Cầu của hệ Địa Cầu, đồng thời cũng đi qua bầu Kim Tinh của

globe of the Venus-chain to the Venus-globe of the Earth-chain and finally to the Earth-globe of the Earth-chain.

dãy Kim Tinh đến bầu Kim Tinh của dãy Địa Cầu và cuối cùng đến bầu Địa Cầu của dãy Địa Cầu.

230. Since we are told the path of descent, can any of these structures stand for (for instance) the manasic permanent atom of the Earth-scheme?

230. Vì chúng ta được cho biết con đường giáng xuống, liệu bất kỳ cấu trúc nào trong số này có thể đại diện cho (chẳng hạn) nguyên tử trường tồn manas của hệ Địa Cầu không?

231. If certain planets like Saturn can be the correspondence to the physical permanent atom for the Solar Logos on the cosmic physical plane, can a chain be a correspondence to a permanent atom within a Heavenly Man?

231. Nếu những hành tinh nhất định như Sao Thổ có thể là tương ứng với nguyên tử trường tồn hồng trần của Thái dương Thượng đế trên cõi hồng trần vũ trụ, thì một dãy có thể là tương ứng với một nguyên tử trường tồn bên trong một Đấng Thiên Nhân không?

232. When one compares the size of a permanent atom with that of a chakra, the chakra is immense and the permanent atom tiny. It is certainly not difficult to conceive of chains and globes as *chakras* within a Heavenly Man, but it is more difficult to find the correspondence to permanent atoms.

232. Khi người ta so sánh kích thước của một nguyên tử trường tồn với kích thước của một luân xa, luân xa là vô cùng lớn còn nguyên tử trường tồn thì cực nhỏ. Chắc chắn không khó để hình dung các dãy và các bầu hành tinh như là những *luân xa* bên trong một Đấng Thiên Nhân, nhưng khó hơn để tìm ra sự tương ứng với các nguyên tử trường tồn.

233. Saturn is both a chakra (within the Solar Logos) *and* a correspondence to a permanent atom. Can there be structures within a Heavenly Man which are both chakras and correspondences to permanent atoms? This bears pondering.

233. Sao Thổ vừa là một luân xa (bên trong Thái dương Thượng đế) *vừa* là một tương ứng với một nguyên tử trường tồn. Liệu có thể có những cấu trúc bên trong một Đấng Thiên Nhân vừa là luân xa vừa là những tương ứng với các nguyên tử trường tồn không? Điều này đáng để suy ngẫm.

234. May it be that the permanent atoms for a Heavenly Man are a collection of all the permanent atoms of the human and deva monadic units which act as seeds for building the Heavenly Men's vehicles?

234. Có thể chăng các nguyên tử trường tồn của một Đấng Thiên Nhân là một tập hợp của tất cả các nguyên tử trường tồn của các đơn vị chân thần người và thiên thần, những đơn vị này hoạt động như các hạt giống để xây dựng các vận cụ của các Đấng Thiên Nhân?

235. How such an aggregation of human and deva permanent atoms would function we do not know, but by analogy we can infer that such planetary logoic permanent atoms would go to the creation of the vehicles of the Heavenly Man.

235. Chúng ta không biết một sự kết tập như thế của các nguyên tử trường tồn người và thiên thần sẽ hoạt động ra sao, nhưng theo định luật tương đồng chúng ta có thể suy ra rằng những nguyên tử trường tồn hành tinh logoic như thế sẽ góp phần vào việc tạo ra các vận cụ của Đấng Thiên Nhân.

236. This hypothesis would assume that there is a binding relationship between all those human and devic permanent atoms which are related to a specific vibratory level.

236. Giả thuyết này sẽ giả định rằng có một mối liên hệ ràng buộc giữa tất cả những nguyên tử trường tồn người và thiên thần có liên hệ với một cấp độ rung động đặc thù.

237. Let us ponder on this.

237. Chúng ta hãy suy ngẫm về điều này.

Along with this juxtaposition came a similar alignment with one of the Pleiades, permitting of manasic influence from that source.30,31

Cùng với sự đặt kề này đã đến một sự chỉnh hợp tương tự với một trong các sao Thất Nữ, cho phép ảnh hưởng manas từ nguồn đó.30,31

238. So we have the juxtaposition of Venus and the Earth along with one of the Pleiades (perhaps the Pleiad, Who being especially close to the Earth-scheme, "married a mortal", i.e., a non-sacred planet).

238. Như vậy chúng ta có sự đặt kề của Kim Tinh và Địa Cầu cùng với một trong các sao Thất Nữ (có lẽ là sao Thất Nữ, Đấng vì đặc biệt gần với hệ Địa Cầu nên đã "kết hôn với một người phàm", tức là một hành tinh không thiêng liêng).

239. There is also a triangle—Pleiades/Cancer/Venus—which could seem to be implicated in the emergence from mass consciousness (Cancer) which individualization represents.

239. Cũng có một tam giác—Thất Nữ/Cự Giải/Kim Tinh—dường như có thể liên hệ đến sự xuất hiện khỏi tâm thức quần thể (Cự Giải) mà biệt ngã hóa biểu thị.

240. Interestingly, the Pleiades confer cosmic buddhi as well as cosmic manas, and are connected to the Solar Angels who brought manas to animal-man.

240. Điều thú vị là các sao Thất Nữ ban truyền Bồ đề vũ trụ cũng như manas vũ trụ, và có liên hệ với các Thái dương Thiên Thần đã mang manas đến cho người-thú.

1. "b. Force from the Pleiades, via the solar Angel or Ego." (TCF 1157)

1. "b. Mãnh lực từ các sao Thất Nữ, qua Thái dương Thiên Thần hay chân ngã." (TCF 1157)

30: "The Secret of the Pleiades and of their relation to the Seven Rishis of the Great Bear, and therefore to our Seven Heavenly Men, is not yet to be revealed.

30: "Bí mật của các sao Thất Nữ và mối liên hệ của chúng với Bảy Rishi của Đại Hùng Tinh, và do đó với Bảy Đấng Thiên Nhân của chúng ta, vẫn chưa được tiết lộ.

241. Here we have a triangle in which each point has seven points, thus making twenty-one points in the whole (not counting the non-sacred planets).

241. Ở đây chúng ta có một tam giác trong đó mỗi điểm có bảy điểm, như vậy tạo thành hai mươi mốt điểm trong toàn thể (không tính các hành tinh không thiêng liêng).

242. The Pleiades bestow both cosmic manas and cosmic buddhi. We may remember that on Chart V, TCF 344, the Seven Rishis of the Great Bear are depicted as located on the cosmic buddhic plane. If there is merit in this localization (and it is not just a blind for Their location on the cosmic atmic plane) then there would be a flow of cosmic buddhi between the Pleiades and the stars of the Great Bear.

242. Các sao Thất Nữ ban truyền cả manas vũ trụ lẫn Bồ đề vũ trụ. Chúng ta có thể nhớ rằng trên Biểu đồ V, TCF 344, Bảy Rishi của Đại Hùng Tinh được mô tả là tọa lạc trên cõi Bồ đề vũ trụ. Nếu sự định vị này có giá trị (và không chỉ là một màn che cho vị trí của Các Ngài trên cõi atma vũ trụ) thì sẽ có một dòng chảy của Bồ đề vũ trụ giữa các sao Thất Nữ và các sao của Đại Hùng Tinh.

243. The word “therefore” in the section above is very interesting, because it is implied that if the Pleiades are related to the Seven Rishis of the Great Bear they must also, necessarily, be related to the Seven Heavenly Men. This may be the case because the Seven Rishis are the prototypes of the Seven Heavenly Men.

243. Từ “do đó” trong đoạn trên rất đáng chú ý, bởi vì hàm ý là nếu các sao Thất Nữ có liên hệ với Bảy Rishi của Đại Hùng Tinh thì chúng cũng tất yếu phải có liên hệ với Bảy Đấng Thiên Nhân. Điều này có thể là như vậy vì Bảy Rishi là các nguyên mẫu của Bảy Đấng Thiên Nhân.

244. The seven Pleiades are of a greater magnitude than the seven stars of the Great Bear. From a certain perspective, it would seem that the Seven Rishis of the Great Bear are the servants of the Seven Queens of the Pleiades.

244. Bảy sao Thất Nữ có tầm mức lớn hơn bảy sao của Đại Hùng Tinh. Từ một góc nhìn nào đó, dường như Bảy Rishi của Đại Hùng Tinh là những vị phụng sự của Bảy Nữ Vương của Thất Nữ.

245. All this notwithstanding, the “secret” is not to be revealed. This triangular relationship holds the secret of cosmic evil.

245. Dù tất cả là như vậy, “bí mật” ấy vẫn không được tiết lộ. Mối liên hệ tam giác này nắm giữ bí mật của điều ác vũ trụ.

It is known only in detail to the Chohans of the Seventh Initiation, though the fact that

Nó chỉ được biết tường tận đối với các Chohan của lần điểm đạo thứ bảy, mặc dù sự

there is such a relation is now exoteric." H. P. B. speaks of it in the *Secret Doctrine*.

kiện rằng có một mối liên hệ như thế nay đã là ngoại môn." H. P. B. có nói về điều đó trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*.

31: See S. D., II, 711, 725, 726.

31: Xem S. D., II, 711, 725, 726.

246. We can see what a deep secret it must be. Members of the Hierarchy such as the Christ and the Buddha know the secret (*if* They can be considered full Chohans of the Seventh Initiation).

246. Chúng ta có thể thấy đó hẳn phải là một bí mật sâu xa biết bao. Những thành viên của Thánh đoàn như Đức Christ và Đức Phật biết bí mật ấy (*nếu* Các Ngài có thể được xem là các Chohan trọn vẹn của lần điểm đạo thứ bảy).

247. We now move on to discuss the third and future method of individualization.

247. Giờ đây chúng ta chuyển sang bàn đến phương pháp biệt ngã hóa thứ ba và trong tương lai.

Third, **the third method of individualisation is the one to be followed in the next solar system,** though it will have its faint beginnings in this one.

Thứ ba, **phương pháp biệt ngã hóa thứ ba là phương pháp sẽ được theo trong hệ mặt trời kế tiếp,** dù nó sẽ có những khởi đầu mờ nhạt trong hệ này.

248. The next solar system will reveal the method of individualization under discussion.

248. Hệ mặt trời kế tiếp sẽ tiết lộ phương pháp biệt ngã hóa đang được bàn đến.

It is not based on latent activity as in the first case, nor in electrical polarity as in the second, but **in a peculiar process of "*occult abstraction*" (using the word "abstraction" in its basic sense as "the drawing out" of essence). This occult abstraction is brought about by an effort of the will at present incomprehensible.**

Nó không dựa trên hoạt động tiềm tàng như trong trường hợp thứ nhất, cũng không dựa trên cực tính điện như trong trường hợp thứ hai, mà **trên một tiến trình đặc biệt của "*trừu xuất huyền bí*" (dùng từ "trừu xuất" theo nghĩa căn bản của nó là "rút ra" tinh chất). Sự trừu xuất huyền bí này được mang lại bởi một nỗ lực của ý chí hiện nay không thể hiểu nổi.**

249. Perhaps the first method (based on "latent activity") applies most to third ray Monads; the second method based on "electrical polarity" (as is initiation) applies most to second ray Monads; and the forthcoming method based on "occult abstraction" applies most to first ray Monads

249. Có lẽ phương pháp thứ nhất (dựa trên "hoạt động tiềm tàng") áp dụng nhiều nhất cho các Chân thần cung ba; phương pháp thứ hai dựa trên "cực tính điện" (như điểm đạo) áp dụng nhiều nhất cho các Chân thần cung hai; và phương pháp sắp đến dựa trên "trừu xuất huyền bí" áp dụng nhiều nhất cho

—as their number is relatively small in the present solar system, but will be preponderant in the next.

250. From whence is essence drawn? The essence of every unit to be individualized is Spirit or Spiritual Identity. Can this Spiritual Identity be drawn into relation with consciousness entombed within the cave of matter?

251. This incomprehensible effort of the will —can it be the 'will to be exactly what one *is*", the 'will to refuse all except one's essential nature'?

The first method of individualisation [Page 350] is that of the third aspect, or latent activity, and follows the line of least resistance under the Law of Economy; the second method is the purely electrical one, and works under the Law of Attraction; whilst **the third method lies hidden in dynamic will** and is as yet to us impossible and incomprehensible.

252. We see how much electrical process is related to duality and the second ray.

253. Is the third method a kind of 'dynamic departure' from one kingdom to the succeeding? Is it based on finding the essence and accentuating it to such a degree that a new locus of identity is discovered?

254. The Monad or first aspect is always present in all its projections. If it, as the underlying factor can be found, and emphasized by an act of will, a new center of identity may be created.

các Chân thần cung một—vì số lượng của họ tương đối ít trong hệ mặt trời hiện nay, nhưng sẽ chiếm ưu thế trong hệ kế tiếp.

250. Tinh chất được rút ra từ đâu? Tinh chất của mọi đơn vị sẽ được biệt ngã hóa là Tinh thần hay Bản Sắc Tinh thần. Bản Sắc Tinh thần này có thể được rút vào mối liên hệ với tâm thức bị chôn vùi trong hang động của vật chất chăng?

251. Nỗ lực ý chí không thể hiểu nổi này—liệu có thể là "ý chí muốn là chính xác điều mà người ta *là*", "ý chí từ chối mọi thứ ngoại trừ bản chất cốt yếu của mình"?

Phương pháp biệt ngã hóa thứ nhất [Page 350] là phương pháp của phương diện thứ ba, hay hoạt động tiềm tàng, và đi theo con đường ít trở ngại nhất dưới Định luật Tiết Kiệm; phương pháp thứ hai là phương pháp thuần điện, và hoạt động dưới Định luật Hấp Dẫn; trong khi đó **phương pháp thứ ba ẩn giấu trong ý chí năng động** và hiện vẫn là điều bất khả và không thể hiểu đối với chúng ta.

252. Chúng ta thấy tiến trình điện liên hệ nhiều đến nhị nguyên tính và cung hai biết bao.

253. Phương pháp thứ ba có phải là một loại "ra đi năng động" từ giới này sang giới kế tiếp không? Nó có dựa trên việc tìm ra tinh chất và nhấn mạnh nó đến mức một vị trí bản sắc mới được khám phá không?

254. Chân thần hay phương diện thứ nhất luôn hiện diện trong mọi phóng chiếu của nó. Nếu nó, như yếu tố nền tảng, có thể được tìm ra và được nhấn mạnh bằng một hành vi ý chí, một trung tâm bản sắc mới có thể được tạo ra.

255. The first method based on "latent activity" and which "follows the line of least resistance" must necessarily be the slowest, and the third method the fastest.

255. Phương pháp thứ nhất dựa trên "hoạt động tiềm tàng" và "đi theo con đường ít trở ngại nhất" tất yếu phải là chậm nhất, còn phương pháp thứ ba là nhanh nhất.

2. Planetary Manas.

2. Manas Hành Tinh.

We sought in the foregoing, to understand somewhat the origin of manas—whether cosmic, or otherwise—through the consideration of human individualisation and the method thereof.

Trong phần trên, chúng ta đã tìm cách phần nào thấu hiểu nguồn gốc của manas—dù là vũ trụ hay cách khác—thông qua việc xem xét sự biệt ngã hóa của con người và phương pháp của nó.

256. We focussed in the microcosm to understand somewhat the macrocosm. The three methods applied in relation to the human being are similar to those applied in relation to the greater types of Men.

256. Chúng ta đã tập trung vào tiểu thiên địa để phần nào hiểu được đại thiên địa. Ba phương pháp được áp dụng liên hệ với con người thì tương tự như những phương pháp được áp dụng liên hệ với các loại Người lớn hơn.

We saw that individualisation is the conscious apprehension of the Self of its relation to all that constitutes the Not-Self, and that it is evoked in three ways, of which only two as yet are even dimly comprehensible.

Chúng ta đã thấy rằng sự biệt ngã hóa là sự nắm bắt hữu thức của Bản Ngã về mối liên hệ của nó với tất cả những gì cấu thành Phi Ngã, và rằng nó được gợi lên theo ba cách, trong đó chỉ có hai cách hiện nay còn có thể hiểu được dù chỉ mờ nhạt.

257. Individualization induces a relational state of mind. This state is based upon the apprehension of duality. At first there is engagement with the not-Self but no understanding that there is a not-Self *and* a Self. Individualization, by producing a sense of *center* within consciousness, also produces the recognition of that which is not the center—namely the not-Self.

257. Biệt ngã hóa tạo ra một trạng thái trí tuệ có tính tương quan. Trạng thái này dựa trên sự nắm bắt nhị nguyên tính. Lúc đầu có sự dấn thân với phi ngã nhưng không có sự hiểu biết rằng có một phi ngã *và* một Bản Ngã. Biệt ngã hóa, bằng cách tạo ra một cảm giác về *trung tâm* bên trong tâm thức, cũng tạo ra sự nhận biết cái không phải là trung tâm—tức là phi ngã.

258. Although much mystery surrounds the third method, even the first two methods are not understood with lucidity.

258. Mặc dù nhiều huyền nhiệm bao quanh phương pháp thứ ba, ngay cả hai phương pháp đầu cũng chưa được hiểu một cách sáng tỏ.

In each case this awakening of consciousness is preceded by a period of gradual development, is instantaneous at the moment of Self-Realisation for the first time, and is succeeded by another period of gradual evolution.

Trong mỗi trường hợp, sự thức tỉnh tâm thức này được đi trước bởi một thời kỳ phát triển dần dần, là tức thời vào khoảnh khắc lần đầu tiên chứng nghiệm Bản Ngã, và được tiếp nối bởi một thời kỳ tiến hoá dần dần khác.

259. It is quite clear that individualization is a Uranian event, though preceded by a long Saturnian, Vulcanian period of preparation —both of these being planets of long-process.

259. Rõ ràng là biệt ngã hóa là một biến cố thuộc Sao Thiên Vương, dù được đi trước bởi một thời kỳ chuẩn bị lâu dài thuộc Sao Thổ và Vulcan—cả hai đều là những hành tinh của tiến trình dài.

260. Similarly and analogously, initiation is a process of instantaneous realization preceded by a long period of gradual development.

260. Tương tự và theo định luật tương đồng, điểm đạo là một tiến trình chứng nghiệm tức thời được đi trước bởi một thời kỳ phát triển dần dần lâu dài.

261. That which follows individualization (or introduction into a newly formed fourth kingdom of nature) is a long period of gradual development of the self-consciousness unit until it is ready for entry into the fifth kingdom.

261. Điều theo sau biệt ngã hóa (hay sự đưa vào một giới thứ tư mới được hình thành của thiên nhiên) là một thời kỳ dài phát triển dần dần của đơn vị ngã thức cho đến khi nó sẵn sàng bước vào giới thứ năm.

This period of gradual evolution leads up to another crisis which we call *initiation*.

Thời kỳ tiến hoá dần dần này dẫn đến một khủng hoảng khác mà chúng ta gọi là *điểm đạo*.

262. As stated.

262. Như đã nói.

263. Crises are turning points after which nothing can ever be the same. After individualization, the consciousness of the third kingdom (the animal kingdom) becomes obsolete. After initiation, the limited consciousness of the fourth kingdom in nature (the human) becomes obsolete.

263. Khủng hoảng là những bước ngoặt mà sau đó không gì còn có thể như cũ. Sau biệt ngã hóa, tâm thức của giới thứ ba (giới động vật) trở nên lỗi thời. Sau điểm đạo, tâm thức hạn hẹp của giới thứ tư trong thiên nhiên (giới người) trở nên lỗi thời.

In one we have initiation into conscious existence,

Trong một trường hợp, chúng ta có điểm đạo vào sự tồn tại hữu thức,

264. By "conscious existence" we mean '*self*-conscious existence'. There has always been consciousness, or un-self-conscious awareness, but not self-conscious awareness, i.e., the awareness that there is a self, that this self is aware of things other than itself and is distinct from those other things.

264. Bởi "sự tồn tại hữu thức" chúng ta muốn nói đến 'sự tồn tại có *ngã* thức'. Tâm thức, hay sự nhận biết không có ngã thức, luôn luôn hiện hữu, nhưng không có sự nhận biết có ngã thức, tức là sự nhận biết rằng có một bản ngã, rằng bản ngã này nhận biết những sự vật khác ngoài chính nó và khác biệt với những sự vật kia.

in the other initiation into spiritual existence or group identification.

trong trường hợp kia là điểm đạo vào sự tồn tại tinh thần hay sự đồng nhất nhóm.

265. It is never to be forgotten that initiation is a *group* experience. It depends upon the presence of love as induced by the Law of Attraction, and it promotes the transcendence of the sense of the isolated centre.

265. Không bao giờ được quên rằng điểm đạo là một kinh nghiệm *nhóm*. Nó tùy thuộc vào sự hiện diện của tình thương được gây ra bởi Định luật Hấp Dẫn, và nó thúc đẩy sự vượt qua cảm giác về trung tâm cô lập.

For a *solar Logos* individualisation dates back to stages **far anterior** to the triplicity of solar systems **which constitutes for Him the Eternal Now**, but which from man's point of view embody the past, the present, and the future.

Đối với một *Thái dương Thượng đế*, sự biệt ngã hóa có từ những giai đoạn **rất lâu trước** bộ ba hệ mặt trời **vốn cấu thành đối với Ngài Hiện Tại Vĩnh Cửu**, nhưng từ quan điểm của con người thì thể hiện quá khứ, hiện tại và tương lai.

266. This is an important statement. Perhaps, if we could realize how the stages of personality development, soul development and Spirit development constitute for us, the human being, the "eternal now", we could realize something of how the Solar Logos sees His three major solar systems. I use the word "major" as it is strongly suggested that there have been *minor* solar systems, which when taken with the major ones thus far elapsed or in process will make *five* solar systems.

266. Đây là một phát biểu quan trọng. Có lẽ nếu chúng ta có thể nhận ra cách mà các giai đoạn phát triển phàm ngã, phát triển linh hồn và phát triển Tinh thần cấu thành đối với chúng ta, con người, "hiện tại vĩnh cửu", thì chúng ta có thể nhận ra phần nào cách Thái dương Thượng đế nhìn ba hệ mặt trời chính của Ngài. Tôi dùng từ "chính" vì có gợi ý mạnh mẽ rằng đã có những hệ mặt trời *phụ*, mà khi tính cùng với những hệ chính đã trôi qua hoặc đang diễn tiến cho đến nay sẽ thành *năm* hệ mặt trời.

267. If the Solar Logos is deeply identified with the archetype which He is to work out in the three systems, He may see them as one simultaneously unfolding process. We

267. Nếu Thái dương Thượng đế đồng nhất sâu sắc với nguyên mẫu mà Ngài sẽ triển khai trong ba hệ, Ngài có thể thấy chúng như một tiến trình duy nhất đang đồng thời khai

human beings are usually far from identified with the archetype which is to work out in our incarnational demonstrations over a process of perhaps twenty-five million years.

mở. Chúng ta, những con người, thường còn rất xa việc đồng nhất với nguyên mẫu sẽ được triển khai trong những biểu hiện lâm phàm của mình qua một tiến trình có lẽ hai mươi lăm triệu năm.

268. What do the words "far anterior" really mean? How many mahamanvantaras are involved?

268. Những từ "rất lâu trước" thực sự có nghĩa gì? Có bao nhiêu Đại giai kỳ sinh hóa liên quan?

269. The suggestion is that the Solar Logos individualized at a time far anterior to the present triplicity of solar systems in relation to which He is so often discussed.

269. Gợi ý ở đây là Thái dương Thượng đế đã biệt ngã hóa vào một thời điểm rất lâu trước bộ ba hệ mặt trời hiện tại mà liên hệ với đó Ngài thường được bàn đến.

270. We must remember that the Solar Logos was never a single human being! Human beings become Solar Angels (or their equivalent) and groups of Solar Angels become Planetary Logoi, which, continuing and expanding their group consciousness, become Solar Logoi. As suggested above in this Commentary, a process mysterious to our human consciousness is involved.

270. Chúng ta phải nhớ rằng Thái dương Thượng đế chưa bao giờ là một con người đơn lẻ! Con người trở thành các Thái dương Thiên Thần (hay tương đương của họ) và các nhóm Thái dương Thiên Thần trở thành các Hành Tinh Thượng Đế, rồi tiếp tục và mở rộng tâm thức nhóm của mình để trở thành các Thái dương Thượng đế. Như đã gợi ý ở trên trong phần Cổ Luận này, có một tiến trình huyền nhiệm đối với tâm thức con người chúng ta liên hệ ở đây.

271. It is also, perhaps possible that there are ways to become Solar Logoi without passing through the stage of Planetary Logoi (this is uncertain, but possible). The approach to becoming a Solar Logos will always, we infer with reason, be a *group* approach. Initiation leads into group consciousness, and the group becomes one thing, which united to other groups, again become another one thing, etc. We know little about group consciousness and the 'Identification in Oneness' which gradually emerges from group consciousness.

271. Cũng có lẽ có thể có những cách để trở thành các Thái dương Thượng đế mà không phải đi qua giai đoạn các Hành Tinh Thượng Đế (điều này chưa chắc chắn, nhưng có thể). Chúng ta suy ra một cách hợp lý rằng con đường tiến đến việc trở thành một Thái dương Thượng đế sẽ luôn là một con đường *nhóm*. Điểm đạo dẫn vào tâm thức nhóm, và nhóm trở thành một thực thể duy nhất, rồi hợp nhất với các nhóm khác lại trở thành một thực thể duy nhất khác, v.v. Chúng ta biết rất ít về tâm thức nhóm và về "Sự Đồng Nhất trong Nhất Thể" dần dần xuất hiện từ tâm thức nhóm.

A *planetary Logos* individualised in **a** previous system;

272. Here the word "***a*** previous system" is used instead of '***the*** previous system', which, given the spiritual stature of a Planetary Logos vis-à-vis man, makes more sense.

273. Yet it is possible that a Globe Lord individualized in *the* previous solar system.

274. Knowing the true durations of systems may help us arrive at a sense of proportion relative to our own lives.

a man individualises in this; *the planetary entities,* now involutionary, will individualise in the next.

275. This all seems a very orderly approach. There are gaps however, if one thinks closely about the stature of Solar Logoi and Planetary Logoi.

276. From this, we may think that involutionary lives will individualize in the *next* solar system.

277. What do we think of the following?:

7. The lunar Pitris To become men. **They will in their higher grades pass directly into the animal evolution of the next cycle** and so eventually individualise. Their three higher grades will become animal-men, and the lower four will contribute to the quaternic forms of the men of the next creation. (TCF 844)

Một *Hành Tinh Thượng Đế* đã biệt ngã hóa trong **một** hệ trước;

272. Ở đây từ "***một*** hệ trước" được dùng thay vì "***hệ*** trước", điều này, xét theo tầm vóc tinh thần của một Hành Tinh Thượng Đế so với con người, có ý nghĩa hơn.

273. Tuy nhiên, có thể một Chúa Tể Bầu hành tinh đã biệt ngã hóa trong *hệ* mặt trời trước.

274. Biết được thời lượng thực sự của các hệ có thể giúp chúng ta đạt được Ý thức về tỉ lệ liên hệ với chính đời sống của mình.

con người biệt ngã hóa trong hệ này; *các thực thể hành tinh,* hiện đang giáng hạ tiến hoá, sẽ biệt ngã hóa trong hệ kế tiếp.

275. Tất cả điều này dường như là một cách tiếp cận rất có trật tự. Tuy nhiên vẫn có những khoảng trống, nếu người ta suy nghĩ kỹ về tầm vóc của các Thái dương Thượng đế và các Hành Tinh Thượng Đế.

276. Từ đây, chúng ta có thể nghĩ rằng các sự sống giáng hạ tiến hoá sẽ biệt ngã hóa trong hệ mặt trời *kế tiếp*.

277. Chúng ta nghĩ gì về điều sau đây?:

7. các thái âm tổ phụ sẽ trở thành người. **Trong các cấp độ cao hơn, họ sẽ đi thẳng vào tiến hoá động vật của chu kỳ kế tiếp** và như vậy cuối cùng sẽ biệt ngã hóa. Ba cấp độ cao hơn của họ sẽ trở thành những người-thú, và bốn cấp độ thấp hơn sẽ góp phần vào các hình tướng tứ phân của con người trong cuộc sáng tạo kế tiếp. (TCF 844)

278. Do we see how DK may be blinding the whole matter? He uses the term "the next cycle". It is very ambiguous, but if we put this phrase together with the information just given about the individualization of "the planetary entities", we may be justified as interpreting "the next cycle" as the next mahamanvantara.

278. Chúng ta có thấy Chân sư DK có thể đang che mờ toàn bộ vấn đề như thế nào không? Ngài dùng thuật ngữ "chu kỳ kế tiếp". Nó rất mơ hồ, nhưng nếu chúng ta đặt cụm từ này cùng với thông tin vừa được đưa ra về sự biệt ngã hóa của "các thực thể hành tinh", chúng ta có thể có cơ sở để diễn giải "chu kỳ kế tiếp" là Đại giai kỳ sinh hóa kế tiếp.

a. Consciousness and Existence. From the wider point of view the terms **initiation and individualisation are synonymous;**

a. Tâm thức và Tồn tại. Từ quan điểm rộng hơn, các thuật ngữ **điểm đạo và biệt ngã hóa là đồng nghĩa;**

279. Let us pause to reflect on this. Both initiation and individualization open the door to the stabilization of wider experience.

279. Chúng ta hãy dừng lại để suy ngẫm về điều này. Cả điểm đạo lẫn biệt ngã hóa đều mở cánh cửa cho sự ổn định của kinh nghiệm rộng lớn hơn.

280. There are some initiations, however, which change perception entirely, and these are the initiations which introduce the candidate into an entirely new kingdom.

280. Tuy nhiên, có những điểm đạo làm thay đổi hoàn toàn tri giác, và đó là những điểm đạo đưa ứng viên vào một giới hoàn toàn mới.

281. The first and sixth initiations are such —the first initiation introducing the candidate into the Kingdom of Souls (the fifth kingdom) and the sixth initiation introducing the candidate into the Kingdom of Planetary Lives (the sixth kingdom).

281. Lần điểm đạo thứ nhất và thứ sáu là như vậy—lần điểm đạo thứ nhất đưa ứng viên vào Vương Quốc của các Linh Hồn (giới thứ năm) và lần điểm đạo thứ sáu đưa ứng viên vào Vương Quốc của Các Sự Sống Hành tinh (giới thứ sáu).

282. It may be debated where the Kingdom of Solar Lives begins: with the seventh initiation? With the ninth initiation?

282. Có thể tranh luận rằng Vương Quốc của Các Sự sống Thái Dương bắt đầu từ đâu: với lần điểm đạo thứ bảy? Hay với lần điểm đạo thứ chín?

they both express the idea of an **expansion of consciousness**, or of entrance into a new kingdom of nature.

cả hai đều biểu đạt ý niệm về một **sự mở rộng tâm thức**, hay về sự bước vào một giới mới của thiên nhiên.

283. As stated.

283. Như đã nói.

284. An expansion of consciousness is simply awareness of more impacts, an increase in sensitive registrations or 'touches'. It is an expansion of the sense of touch.

284. Sự mở rộng tâm thức đơn giản là sự nhận biết nhiều tác động hơn, sự gia tăng những ghi nhận nhạy bén hay những "tiếp xúc". Đó là sự mở rộng của xúc giác.

The faculty of acquiring knowledge [Page 351] must be realised as paralleling the development of the sense of sight, or vision, as earlier pointed out.

Năng lực thu nhận tri thức [Page 351] phải được nhận ra là song hành với sự phát triển của thị giác, hay tầm nhìn, như đã chỉ ra trước đây.

285. The growth of knowledge and of sight are closely correlated.

285. Sự tăng trưởng của tri thức và của thị giác có tương quan chặt chẽ.

286. As sight is a sense closely correlated with the fifth ray (which an examination of the various charts will reveal), the fifth ray is rightly deemed to be closely related to the process of initiation.

286. Vì thị giác là một giác quan có tương quan chặt chẽ với cung năm (điều mà việc khảo sát các biểu đồ khác nhau sẽ cho thấy), nên cung năm được xem là có liên hệ mật thiết với tiến trình điểm đạo là hoàn toàn đúng.

287. Knowledge, sight and initiation must be considered together.

287. Tri thức, thị giác và điểm đạo phải được xem xét cùng nhau.

The fire of mind shone forth and illuminated animal man in Lemurian days, during that vast cycle wherein sight opened up for him the physical plane.

Lửa của trí tuệ đã chiếu sáng và soi rọi người-thú trong thời Lemuria, trong chu kỳ rộng lớn ấy khi thị giác mở ra cho y cõi hồng trần.

288. We understand that early Lemurian man did not *see*--physically. He groped. He may, however, have seen with a primitive third eye.

288. Chúng ta hiểu rằng con người Lemuria thời kỳ đầu đã không *thấy*--về mặt thể xác. Y lần mò. Tuy nhiên, y có thể đã thấy bằng con mắt thứ ba sơ khai.

289. We also see that the opening up of sight was not an instantaneous happening, but probably took millions of years before sight as we now know it, emerged.

289. Chúng ta cũng thấy rằng sự mở ra của thị giác không phải là một biến cố tức thời, mà có lẽ đã mất hàng triệu năm trước khi thị giác như chúng ta biết hiện nay xuất hiện.

290. Initiation, consciousness and sight are factors which are to be considered together.

290. Điểm đạo, tâm thức và thị giác là những yếu tố phải được xem xét cùng nhau.

The relationship between sight and mind is a very close one, and must not be lost from sight.

291. DK is playing on words, but makes His point. He is telling us that we must keep the relationship between sight and mind—*in mind.*

In the first round, and in the first root-race of this round, *hearing* was the sense developed.

292. Hearing, we are told, is always the first sense to develop.

293. Notice how the first root race of this round recapitulates the process of the first round, per se.

In the second round and the second root-race *touch* was evolved. In the third round and corresponding root-race *sight* was added to the other two, and the Self which hears, and the Not-self which is touched, or apprehended as tangible, are related and connected by sight,—the correspondence to the intelligence that links.

294. We see how the process works. It is all numerical and sequential.

295. We notice the synthesizing function of sight which correlates the senses of hearing and touching.

296. Sight is, like knowledge, the relation between—in this case, between the Self and the not-Self.

Mối liên hệ giữa thị giác và trí tuệ là một mối liên hệ rất mật thiết, và không được để vuột khỏi tầm mắt.

291. Chân sư DK đang chơi chữ, nhưng Ngài nêu rõ quan điểm của mình. Ngài đang nói với chúng ta rằng chúng ta phải ghi nhớ mối liên hệ giữa thị giác và trí tuệ—*trong trí.*

Trong cuộc tuần hoàn thứ nhất, và trong giống dân gốc thứ nhất của cuộc tuần hoàn này, *thính giác* là giác quan được phát triển.

292. Chúng ta được cho biết rằng thính giác luôn luôn là giác quan đầu tiên phát triển.

293. Hãy lưu ý giống dân gốc thứ nhất của cuộc tuần hoàn này tái hiện lại chính tiến trình của cuộc tuần hoàn thứ nhất như thế nào.

Trong cuộc tuần hoàn thứ hai và giống dân gốc thứ hai, *xúc giác* đã được tiến hoá. Trong cuộc tuần hoàn thứ ba và giống dân gốc tương ứng, *thị giác* được thêm vào hai giác quan kia, và Bản Ngã nghe, cùng phi-ngã được *chạm đến*, hay được nhận biết như hữu hình, được liên hệ và kết nối bởi thị giác,—sự tương ứng với trí tuệ vốn liên kết.

294. Chúng ta thấy tiến trình ấy vận hành như thế nào. Tất cả đều có tính số học và tuần tự.

295. Chúng ta nhận thấy chức năng tổng hợp của thị giác, vốn tương liên các giác quan thính giác và xúc giác.

296. Thị giác, cũng như tri thức, là mối liên hệ giữa—trong trường hợp này, giữa Bản Ngã và phi-ngã.

297. Intelligence is a linking function. It is for this reason that the fifth ray (which is often considered so analytical and separative) is called "The Great Connector" (EP I 77).

297. Trí tuệ là một chức năng liên kết. Chính vì lý do này mà cung năm (thường được xem là quá phân tích và phân ly) được gọi là "Đấng Đại Liên Kết" (EP I 77).

298. Notice how the Trinity is expressed in relation to the first three senses. The *hearing* Self; the not-Self which is *touched*; and *sight* which is the relation between. Of course both the Self and not-Self are, to a degree, present in the senses of hearing and touch, for it is the not-Self that is heard and the one who touches is the Self. Yet, sight discloses the relational mechanism clearly.

298. Hãy lưu ý cách Tam Vị được biểu lộ trong liên hệ với ba giác quan đầu tiên. *thính giác* là Bản Ngã; phi-ngã được *chạm đến*; và *thị giác* là mối liên hệ ở giữa. Dĩ nhiên, cả Bản Ngã lẫn phi-ngã đều hiện diện ở một mức độ nào đó trong các giác quan thính giác và xúc giác, vì chính phi-ngã là cái được nghe và kẻ chạm đến là Bản Ngã. Tuy nhiên, thị giác làm hiển lộ rõ ràng bộ máy liên hệ ấy.

Thus is brought about the blending of the three fires, and illumination is present.

Như vậy sự hòa trộn của ba ngọn lửa được mang lại, và sự soi sáng hiện diện.

299. Sight, knowledge and initiation blend the three fires. Illumination results once again from the fusion of the opposite poles.

299. Thị giác, tri thức và điểm đạo hòa trộn ba ngọn lửa. Sự soi sáng lại một lần nữa phát sinh từ sự dung hợp của các cực đối nghịch.

300. Hearing represents the Father (for *sound* is often related to the first ray). Touch represents the Mother (sometimes related to the second ray). Sight is the Son, Who is the third who is the *second.*

300. Thính giác tượng trưng cho Cha (vì *âm thanh* thường được liên hệ với cung một). Xúc giác tượng trưng cho Mẹ (đôi khi được liên hệ với cung hai). Thị giác là Con, Đấng là Đấng thứ ba nhưng lại là *thứ hai.*

301. We see then the electrical relations we have been discussing expressed in terms of the first three senses.

301. Như vậy chúng ta thấy các mối liên hệ điện lực mà chúng ta đã bàn đến được biểu lộ qua ba giác quan đầu tiên.

302. Consciousness, sight and illumination are three factors to be considered together.

302. Tâm thức, thị giác và sự soi sáng là ba yếu tố cần được xem xét cùng nhau.

303. Remember that such a consideration or related induces the growth of pure reason.

303. Hãy nhớ rằng sự xem xét hay liên hệ như thế gây ra sự tăng trưởng của lý trí thuần khiết.

But through all this evolutionary development the ONE Who hears, touches,

Nhưng xuyên suốt toàn bộ sự phát triển tiến hoá này, ĐẤNG nghe, chạm và thấy ấy, **vẫn**

and sees, **persists and interprets according to the stage of the development of the manasic principle within Him.**

304. The emphasis remains on the One—the true Jiva.

305. The One persists (Vulcan, the will) and interprets (Mercury).

306. Notice that the art of interpretation is manasic. Mercury, the planet of interpretation is, per se, the most manasic planet. Its rays are five, four and three (starting with the hypothesized monadic ray). These are the rays of the *three minds.*

307. If we would interpret accurately, linking the known to the unknown such that the unknown becomes known, let us develop the linking (Mercury) manasic principle.

This basic Interpreter is the Entity Who is independent of an existence which ever necessitates a form.

308. The true Entity needs not the form, but utilizes the form.

309. The true Entity has its own Self-sustaining being. Being is *Self*-sustaining. It needs naught else to sustain it—unless we have recourse to BE-NESS, the very ESSENCE of ALL.

His [the Entity] is the life that causes matter to vibrate and He is therefore "fire by friction";

310. Vibration and fire by friction are thus linked. Further, since Vulcan is the planet of

tồn tại và diễn giải theo giai đoạn phát triển của nguyên khí manas bên trong Ngài.

304. Trọng tâm vẫn đặt trên Đấng Duy Nhất —Jiva chân thực.

305. Đấng Duy Nhất vẫn tồn tại (Vulcan, ý chí) và diễn giải (Mercury).

306. Hãy lưu ý rằng nghệ thuật diễn giải là manas. Mercury, hành tinh của sự diễn giải, chính nó là hành tinh có tính manas nhất. Các cung của nó là năm, bốn và ba (bắt đầu từ cung chân thần được giả định). Đó là các cung của *ba trí.*

307. Nếu chúng ta muốn diễn giải một cách chính xác, nối kết cái đã biết với cái chưa biết sao cho cái chưa biết trở thành cái đã biết, thì hãy phát triển nguyên khí manas liên kết (Mercury).

Đấng Diễn Giải căn bản này là Thực Thể, Đấng độc lập với một sự tồn tại luôn luôn đòi hỏi một hình tướng.

308. Thực Thể chân thực không cần hình tướng, nhưng sử dụng hình tướng.

309. Thực Thể chân thực có bản thể tự duy trì của riêng mình. Bản thể là sự tự duy trì của *Bản Ngã*. Nó không cần gì khác để duy trì nó—trừ phi chúng ta viện đến TÍNH HỮU, chính BẢN CHẤT của TẤT CẢ.

Ngài [the Entity] là sự sống khiến vật chất rung động và vì vậy Ngài là "Lửa ma sát";

310. Như vậy rung động và Lửa ma sát được nối kết. Hơn nữa, vì Vulcan là hành tinh của

vibration, Vulcan, vibration and fire by friction are linked. Further, Vulcan and nature of Fohat are thus linked.

311. Fohat, we realize, makes the differentiation to be found on the cosmic physical plane possible (and perhaps further and higher differentiation, if the higher planes are prakritic).

312. Vulcan, beginning with the highest vibration on the cosmic physical plane (from the logoic atomic level) also generated differentiated vibration in the lower forty-eight sub-planes. Thus fiery Vulcan and fiery Fohat are also related.

313. Vulcan, however, cannot be unrelated to solar fire and also electric fire.

His [the Entity] is the life of pure Spirit which wills to be, and which utilises form, and is therefore electrical impulse on the cosmic physical plane or "electric fire";

314. What does “pure Spirit” do? It *wills-to-be*; this means, it wills to be *itself,* and to persist (Vulcan) as itself.

315. The three fires are modes of vibration. Since Vulcan with His symbolic “Hammer” is the one who impulses Vibration, Vulcan is inherent to the existence of the three fires.

316.

His [the Entity] **is the life that not only animates the atoms and electrifies them by His Own nature, but likewise knows itself to be one with all yet apart from all,**

rung động, nên Vulcan, rung động và Lửa ma sát được nối kết. Hơn nữa, Vulcan và bản chất của Fohat do đó cũng được nối kết.

311. Chúng ta nhận ra rằng Fohat làm cho sự biến phân được tìm thấy trên cõi hồng trần vũ trụ trở nên khả hữu (và có lẽ cả sự biến phân xa hơn và cao hơn nữa, nếu các cõi cao là prakritic).

312. Vulcan, bắt đầu với rung động cao nhất trên cõi hồng trần vũ trụ (từ cấp nguyên tử logoic), cũng tạo ra rung động biến phân trong bốn mươi tám cõi phụ thấp hơn. Vì thế Vulcan rực lửa và Fohat rực lửa cũng có liên hệ với nhau.

313. Tuy nhiên, Vulcan không thể không liên hệ với Lửa Thái dương và cả Lửa Điện.

Ngài [the Entity] là sự sống của Tinh thần thuần khiết, vốn muốn hiện hữu, và sử dụng hình tướng, vì vậy là xung động điện lực trên cõi hồng trần vũ trụ hay "Lửa Điện";

314. “Tinh thần thuần khiết” làm gì? Nó *muốn-hiện-hữu*; điều này có nghĩa là nó muốn là *chính nó,* và vẫn tồn tại (Vulcan) như chính nó.

315. Ba ngọn lửa là những phương thức rung động. Vì Vulcan với “Cây Búa” biểu tượng của Ngài là Đấng tạo xung lực cho Rung Động, nên Vulcan vốn nội tại trong sự hiện hữu của ba ngọn lửa.

316.

Ngài [the Entity] **là sự sống không những hoạt hoá các nguyên tử và điện hoá chúng bằng chính bản chất của Ngài, mà còn biết**

mình là một với tất cả nhưng vẫn tách biệt khỏi tất cả,

317. The Entity knows itself to be "God Immanent" *and* "God Transcendent". Identified and yet apart.

317. Thực Thể biết mình là "Thượng đế Nội Tại" *và* "Thượng đế Siêu Việt". Đồng nhất mà vẫn tách biệt.

318. Electric fire is very close to the essence of the Entity. Electric fire is the fire closest to pure being.

318. Lửa Điện rất gần với bản chất của Thực Thể. Lửa Điện là ngọn lửa gần nhất với bản thể thuần khiết.

319. When atoms are electrified they are animated and vitalized. Are they also *polarized* through electrification? Electrification demands polarization. There is no electrical interplay without the interplay of particles of contrasting polarities. What role has the first ray in inducing the state of polarity?

319. Khi các nguyên tử được điện hoá, chúng được hoạt hoá và tiếp sinh lực. Chúng có đồng thời được *phân cực* qua sự điện hoá hay không? Sự điện hoá đòi hỏi sự phân cực. Không có sự tương tác điện lực nào nếu không có sự tương tác giữa các hạt mang cực tính đối nghịch. Cung một giữ vai trò gì trong việc gây ra trạng thái cực tính?

320. The first ray can *split* and *synthesize.* The splitting or cleaving (by the Sword—the first ray symbol) may be an act preceding the creation of bi-polarity.

320. Cung một có thể *phân tách* và *tổng hợp.* Sự phân tách hay chẻ đôi (bởi Thanh Gươm —biểu tượng của cung một) có thể là hành động đi trước việc tạo ra lưỡng cực tính.

321. We are eventually to develop the first ray attitude of "being *in* the world but not *of* the world". In other words, we are to become, *consciously*, *both* God-Immanent and God-Transcendent.

321. Cuối cùng chúng ta phải phát triển thái độ cung một là "ở *trong* thế gian nhưng không thuộc *về* thế gian". Nói cách khác, chúng ta phải trở thành, *một cách hữu thức*, *vừa* là Thượng đế Nội Tại vừa là Thượng đế Siêu Việt.

—the thinking, discriminating, Self-realising something that we call MIND or Solar Fire.

—cái gì đó biết suy tư, biết phân biện, tự-chứng nghiệm mà chúng ta gọi là TRÍ TUỆ hay Lửa Thái dương.

322. One of our most important kinds of Self-realization is the realization of ourselves as an Egoic Identity—the Thinker—thinking, discriminating, Self-realizing.

322. Một trong những loại tự-chứng nghiệm quan trọng nhất của chúng ta là sự chứng nghiệm chính mình như một Bản Sắc Chân Ngã—Đấng Tư Tưởng—biết suy tư, biết phân biện, tự-chứng nghiệm.

323. Before we identify as Spirit, per se, we are to identity as MIND or Solar Fire.

323. Trước khi đồng hoá với Tinh thần, chính nó, chúng ta phải đồng hoá với TRÍ TUỆ hay Lửa Thái dương.

324. Note that DK considered Solar Fire and MIND equivalent. In this section of the book, when He talks about MIND, He is talking mostly of solar fire, and not of elemental, concrete mind.

324. Hãy lưu ý rằng Chân sư DK xem Lửa Thái dương và TRÍ TUỆ là tương đương. Trong phần này của sách, khi Ngài nói về TRÍ TUỆ, phần lớn Ngài đang nói về Lửa Thái dương, chứ không phải hạ trí hành khí, cụ thể.

Universal mind or manas permeates all, and is equally that Self-knowing, **individualised Entity Whose body contains our solar Logos as well as certain other solar Logoi;**

Trí Tuệ Vũ Trụ hay manas thấm nhuần mọi sự, và cũng chính là Thực Thể biệt ngã hóa, tự biết mình ấy, **Đấng mà thân thể của Ngài chứa đựng Thái dương Thượng đế của chúng ta cũng như một số Thái dương Thượng đế khác;**

325. Those "certain other solar Logoi" are in the "cosmic group" of our Solar Logos. They are members (so we infer) of the Seven Solar Systems of Which Ours is One.

325. Những "một số Thái dương Thượng đế khác" ấy thuộc về "nhóm vũ trụ" của Thái dương Thượng đế của chúng ta. Các Ngài là những thành viên (như chúng ta suy ra) của Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một.

326. Sometimes, it seems that universal mind is solar logoic mind. Here DK expands our conception of it so that we can consider it at the very least 'constellational mind'—i.e., the Mind of the Logos of the Seven Solar Systems of Which Ours is One.

326. Đôi khi, có vẻ như trí tuệ vũ trụ là trí tuệ logoic thái dương. Ở đây Chân sư DK mở rộng quan niệm của chúng ta về nó để chúng ta có thể xem nó ít nhất là 'trí tuệ chòm sao'—tức là Trí Tuệ của Thượng đế của Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một.

327. Universal Mind could even be the Mind of the One About Whom Naught May Be Said.

327. Trí Tuệ Vũ Trụ thậm chí có thể là Trí Tuệ của Đấng Bất Khả Tư Nghị.

328. When I think of Universal Mind, I think of the MIND of the Universal Logos—the One Being Who IS the entirety of cosmos, on all levels.

328. Khi tôi nghĩ về Trí Tuệ Vũ Trụ, tôi nghĩ đến TRÍ TUỆ của Thượng đế Vũ Trụ—Đấng Duy Nhất, Đấng là toàn thể vũ trụ, trên mọi cấp độ.

329. Nhưng thuật ngữ này được dùng theo nhiều cách rất khác nhau và chúng ta phải

329. But the term is used in many different ways and we must be careful regarding the context in which we find it.

cẩn trọng đối với ngữ cảnh trong đó ta gặp nó.

330. The point is that all we call our immediate cosmos and local cosmos is permeated by the Manas of a Self-consciousness Entity.

330. Điểm cốt yếu là tất cả những gì chúng ta gọi là vũ trụ trực tiếp của mình và vũ trụ cục bộ của mình đều được thấm nhuần bởi Manas của một Thực Thể có ngã thức.

331. For our purposes, Manas is ubiquitous.

331. Đối với mục đích của chúng ta, Manas hiện diện khắp nơi.

Whose **fire, heat and radiation** embrace certain other solar systems and **unify them with our own system** so that one complete vital body forms the manifestation of this mighty cosmic Being.

Đấng mà **lửa, nhiệt và bức xạ** ôm trùm một số hệ mặt trời khác và **hợp nhất chúng với hệ của chúng ta** để một thể sinh lực hoàn chỉnh hình thành sự biểu hiện của Đấng Vũ Trụ hùng mạnh này.

332. We have already seen that the term "solar system" can be used to mean a solar system per se (one with only one or perhaps two suns—binaries), OR it can mean a constellation.

332. Chúng ta đã thấy rằng thuật ngữ "hệ mặt trời" có thể được dùng để chỉ một hệ mặt trời chính nó (một hệ chỉ có một hoặc có lẽ hai mặt trời—hệ đôi), HOẶC nó có thể có nghĩa là một chòm sao.

333. It remains ambiguous what DK means by "our own system".

333. Điều Chân sư DK muốn nói bằng "hệ của chúng ta" vẫn còn mơ hồ.

334. This "mighty cosmic Being", though, is probably either the Logos of the Seven Solar Systems of Which Ours is One or the Logos called the One About Whom Naught May Be Said.

334. Tuy nhiên, "Đấng Vũ Trụ hùng mạnh" này có lẽ hoặc là Thượng đế của Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một, hoặc là Thượng đế được gọi là Đấng Bất Khả Tư Nghị.

335. We note the use, again, of the trinity, "fire, heat and radiation". The trinities which related to physics must be related to the trinities which relate to the psychological make-up of great Entities.

335. Chúng ta lưu ý việc dùng, một lần nữa, bộ ba "lửa, nhiệt và bức xạ". Những bộ ba liên hệ đến vật lý học hẳn phải liên hệ đến những bộ ba liên hệ đến cấu tạo tâm lý của các Thực Thể vĩ đại.

[Page 352] Vortices of force on the cosmic etheric plane **form the etheric framework of seven solar systems** in the same way that

[Page 352] Những xoáy lực trên cõi dĩ thái vũ trụ **tạo thành khung dĩ thái của bảy hệ mặt trời** theo cùng cách mà các thể của bảy Đấng

the bodies of the seven Heavenly Men are the etheric centres for a solar Logos, and as the seven centres in man (existing in etheric matter), are the **animating electrical impulse of his life.**

Thiên Nhân là các trung tâm dĩ thái cho một Thái dương Thượng đế, và như bảy trung tâm trong con người (tồn tại trong vật chất dĩ thái), là **xung động điện lực hoạt hoá sự sống của y.**

336. Here is an excellent analogy.

336. Đây là một phép tương đồng tuyệt hảo.

337. We remember that every planet is a vortex of force; the same can be said of a Sun or of seven Suns.

337. Chúng ta nhớ rằng mỗi hành tinh là một xoáy lực; điều tương tự cũng có thể nói về một Mặt Trời hay bảy Mặt Trời.

338. It looks as if DK is speaking of the etheric nature of the Seven Solar Systems of Which Ours is One, but He could be extending the picture to include the One About Whom Naught May Be Said.

338. Có vẻ như Chân sư DK đang nói về bản chất dĩ thái của Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một, nhưng Ngài cũng có thể đang mở rộng bức tranh để bao gồm Đấng Bất Khả Tư Nghị.

339. Vortices of force provide the "animating electrical impulse" of the life of any such E/entity.

339. Những xoáy lực cung cấp "xung động điện lực hoạt hoá" cho sự sống của bất kỳ Thực Thể/thực thể nào như thế.

340. We learn here that the Logos of the Seven Solar Systems of Which Ours is One expresses through etheric vortices on the buddhic levels of the cosmic physical plane and, presumably on still higher cosmic ethers.

340. Ở đây chúng ta biết rằng Thượng đế của Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một biểu lộ qua các xoáy dĩ thái trên các cấp độ Bồ đề của cõi hồng trần vũ trụ và, có lẽ, trên những dĩ thái vũ trụ còn cao hơn nữa.

341. DK is speaking about chakras, and emphasizing particularly, that the suns through which the seven Solar Logoi express are as seven chakras through which the Logos of the Seven Solar Systems of Which Ours is One expresses.

341. Chân sư DK đang nói về các luân xa, và đặc biệt nhấn mạnh rằng những mặt trời qua đó bảy Thái dương Thượng đế biểu lộ cũng như bảy luân xa qua đó Thượng đế của Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một biểu lộ.

342. The buddhic plane is electrical. For man the systemic fourth ether is the source of much that he calls electricity, and provides the animating electrical impulse which galvanizes his three denser sub-planes.

342. Cõi Bồ đề là điện lực. Đối với con người, dĩ thái thứ tư của hệ là nguồn gốc của phần lớn điều y gọi là điện, và cung cấp xung động điện lực hoạt hoá, vốn làm sinh động ba cõi phụ đậm đặc hơn của y.

343. The etheric body relates to animation, and animation is soul; the soul expresses particularly through the etheric body.

343. Thể dĩ thái liên hệ với sự hoạt hoá, và sự hoạt hoá là linh hồn; linh hồn biểu lộ đặc biệt qua thể dĩ thái.

344. Let us always remember the systemic fourth ether and the systemic buddhic plane as sources of animating electricity for the more material sub-planes which lie below them.

344. Chúng ta hãy luôn nhớ dĩ thái thứ tư của hệ và cõi Bồ đề của hệ như những nguồn điện lực hoạt hoá cho các cõi phụ vật chất hơn nằm bên dưới chúng.

345. The systemic fourth ether animates the physical gaseous level—that which is still fire by friction, though more closely related to buddhi than the lower two physical sub-planes. The cosmic fourth ether (the buddhic plane) animates what man considers solar fire (the level upon which the soul is focussed—i.e., the higher mental plane), but which, cosmically considered, is still *fire by friction.*

345. Dĩ thái thứ tư của hệ hoạt hoá cấp khí hồng trần—cái vẫn còn là Lửa ma sát, dù liên hệ gần với Bồ đề hơn hai cõi phụ hồng trần thấp hơn. Dĩ thái thứ tư vũ trụ (cõi Bồ đề) hoạt hoá điều mà con người xem là Lửa Thái dương (cấp độ mà linh hồn tập trung vào—tức cõi thượng trí), nhưng xét theo vũ trụ, nó vẫn là *Lửa ma sát.*

To express the origin of manas apart from manifestation through a congery of systems, a solar system, or a man is for us impossible.

Đối với chúng ta, việc diễn tả nguồn gốc của manas tách khỏi sự biểu hiện qua một tập hợp các hệ, một hệ mặt trời, hay một con người là điều bất khả.

346. DK is telling us that we cannot understanding manas in the abstract, but only as it manifests though systems of chakras, no matter how great these chakras may be.

346. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng chúng ta không thể thấu hiểu manas trong tính trừu tượng, mà chỉ có thể thấu hiểu nó khi biểu lộ qua các hệ luân xa, bất kể các luân xa ấy lớn lao đến đâu.

347. Manas is a relational function and must be understood in terms of the factors that it relates.

347. Manas là một chức năng liên hệ và phải được thấu hiểu theo các yếu tố mà nó liên hệ.

348. If there were no variety, there would be no manas. Manas, however, is the creator of variety and also the unifier of variety.

348. Nếu không có tính đa dạng, sẽ không có manas. Tuy nhiên, manas là kẻ sáng tạo ra tính đa dạng và cũng là kẻ hợp nhất tính đa dạng.

349. A “congery of systems” is, in this case, that greater *system* called the Seven Solar Systems of Which Ours is One.

349. Một “tập hợp các hệ” trong trường hợp này là *hệ* lớn hơn ấy được gọi là Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một.

350. The congeries continue all the way up the ‘Cosmic Ladder of Evolution’.

350. Các tập hợp ấy tiếp tục đi lên suốt “Thang Tiến Hoá Vũ Trụ”.

Only as one grasps the fact that each planetary scheme, for instance, serves as the body of a Heavenly Man Who is the directing Mind in that scheme, and the animating principle of manas or the active discriminating faculty which every atom in that scheme evinces;

Chỉ khi nào người ta nắm được sự kiện rằng chẳng hạn mỗi hệ hành tinh phục vụ như thân thể của một Đấng Thiên Nhân, Đấng là Trí Tuệ chỉ đạo trong hệ ấy, và là nguyên khí hoạt hoá của manas hay năng lực phân biện tích cực mà mỗi nguyên tử trong hệ ấy biểu lộ;

351. Here the Planetary Logos is seen as bother Director and Thinkers.

351. Ở đây Hành Tinh Thượng Đế được thấy vừa là Đấng Chỉ Đạo vừa là Đấng Tư Tưởng.

352. The Planetary Logos works through, we see, every atom gathered into His scheme. If the atom discriminates, it is because the faculty of discrimination has been imparted to it by the Planetary Logos.

352. Chúng ta thấy Hành Tinh Thượng Đế hoạt động qua mọi nguyên tử được tập hợp vào hệ của Ngài. Nếu nguyên tử biết phân biện, ấy là vì năng lực phân biện đã được Hành Tinh Thượng Đế truyền cho nó.

353. A planetary scheme is a “body”. The Planetary Logos is the Animator of that body.

353. Một hệ hành tinh là một “thể”. Hành Tinh Thượng Đế là Đấng Hoạt Hoá của thể ấy.

only when it is realised that a solar Logos is similarly the manasic principle of those large atoms we call schemes in their totality;

chỉ khi nào người ta chứng nghiệm rằng một Thái dương Thượng đế cũng tương tự như vậy là nguyên khí manas của những nguyên tử lớn lao mà chúng ta gọi là các hệ trong tính toàn thể của chúng;

354. We see the relative use of the term “atoms”. If even a planetary scheme can be called an “atom”, there is no framing the term “atom” so that it can mean one thing and one thing only.

354. Chúng ta thấy cách dùng tương đối của thuật ngữ “nguyên tử”. Nếu ngay cả một hệ hành tinh cũng có thể được gọi là một “nguyên tử”, thì không thể đóng khung thuật ngữ “nguyên tử” để nó chỉ có thể mang một nghĩa duy nhất.

355. We recall that the Pleiades imparted manas to the Heavenly Men, yet we are given to understand that the Solar Logos is the manasic principle to the Planetary Logoi. Certainly the manas of the Solar Logos pervades the manasic vehicles of the Planetary Logoi.

355. Chúng ta nhớ rằng chòm Pleiades đã truyền manas cho các Đấng Thiên Nhân, tuy nhiên chúng ta được cho hiểu rằng Thái dương Thượng đế là nguyên khí manas đối với các Hành Tinh Thượng Đế. Chắc chắn manas của Thái dương Thượng đế thấm nhuần các vận cụ manas của các Hành Tinh Thượng Đế.

356. We should study what we might call 'interpenetrating manas'. For man, when he is in his mind, the principle of interpenetrating manas, gives him the opportunity to touch a greater manas which is pervading his own—the manas of the Solar Angel or even of the Planetary Logos.

356. Chúng ta nên nghiên cứu điều có thể gọi là 'manas xuyên thấu lẫn nhau'. Đối với con người, khi y ở trong trí tuệ của mình, nguyên khí manas xuyên thấu lẫn nhau cho y cơ hội chạm đến một manas lớn hơn đang thấm nhuần chính manas của y—manas của Thái dương Thiên Thần hay thậm chí của Hành Tinh Thượng Đế.

only when it is apprehended that a cosmic Logos is again the instigating mind of the still vaster atoms we call systems;

chỉ khi nào người ta nhận biết rằng một Thượng đế vũ trụ lại là trí tuệ khởi phát của những nguyên tử còn bao la hơn nữa mà chúng ta gọi là các hệ;

357. By now we are use to the idea that the term "atom" is entirely protean. It must be understood in context.

357. Đến lúc này chúng ta đã quen với ý niệm rằng thuật ngữ "nguyên tử" hoàn toàn biến hoá. Nó phải được thấu hiểu theo ngữ cảnh.

358. Here the term "systems" means, precisely, "*solar* systems".

358. Ở đây thuật ngữ "các hệ" có nghĩa chính xác là "*các hệ mặt trời*".

only when it is admitted that man is the animating discriminative faculty of the tiny spheres which form his body of manifestation; and finally,

chỉ khi nào người ta thừa nhận rằng con người là năng lực phân biện hoạt hoá của những khối cầu nhỏ bé tạo thành thể biểu hiện của y; và sau cùng,

359. The lunar vehicles, we are told, are spherical.

359. Chúng ta được bảo rằng các vận cụ thái âm có hình cầu.

360. Yet, the Tibetan could be referring to the atom of matter/substance when He writes "tiny spheres".

360. Tuy nhiên, Chân sư Tây Tạng có thể đang ám chỉ nguyên tử của vật chất/chất liệu khi Ngài viết "những khối cầu nhỏ bé".

361. The soul both animates and discriminates. Do we experience ourselves as the animator and the discriminator?

361. Linh hồn vừa hoạt hoá vừa phân biện. Chúng ta có kinh nghiệm về chính mình như đấng hoạt hoá và đấng phân biện hay không?

only when all this is meditated upon, and its truth accepted, will this question of the **origin of manas** assume a less abstruse character, and the difficulty of its comprehension be less appalling.

chỉ khi nào tất cả điều này được tham thiền và chân lý của nó được chấp nhận, thì vấn đề về **nguồn gốc của manas** mới mang một tính chất bớt tối nghĩa hơn, và khó khăn trong việc thấu hiểu nó mới bớt đáng kinh ngạc hơn.

362. DK is correct. He understands the reaction within our minds as we are confronted with the material He is attempting to present.

362. Chân sư DK nói đúng. Ngài hiểu phản ứng trong trí tuệ chúng ta khi chúng ta đối diện với tài liệu mà Ngài đang cố trình bày.

363. The Law of Analogy is the key for us if we wish to understanding the nature and origin of manas.

363. Định luật tương đồng là chìa khóa cho chúng ta nếu chúng ta muốn thấu hiểu bản chất và nguồn gốc của manas.

364. Have we realized how close is the Buddha (as a third ray Monad) to the principle of cosmic manas. The Buddha's teaching is a great manasic endowment, filled with wisdom. The Christ's Teaching is a great endowment of love, also filled with wisdom. The Buddha summarizes for us the past—the Christ, embodies the future of humanity.

364. Chúng ta đã nhận ra Đức Phật (với Chân thần cung ba) gần gũi biết bao với nguyên khí manas vũ trụ chưa? Giáo huấn của Đức Phật là một sự ban cho manas vĩ đại, tràn đầy minh triết. Giáo huấn của Đức Christ là một sự ban cho vĩ đại của bác ái, cũng tràn đầy minh triết. Đức Phật tóm lược quá khứ cho chúng ta—Đức Christ thể hiện tương lai của nhân loại.

***Man*, the Thinker, the Knower, the manasic principle in the centre of the many spheres which form his bodies**, manipulates electrical force in three departments (the physical, astral and mental bodies) through seven centres which are the focal points of force, and of its intelligent dispersal throughout his little system to the myriads of lesser atoms, which are the cells in these spheres.

***Con người*, Đấng Tư Tưởng, thức giả, nguyên khí manas ở trung tâm của nhiều khối cầu tạo thành các thể của y**, vận dụng mãnh lực điện lực trong ba bộ phận (thể xác, thể cảm dục và thể trí) qua bảy trung tâm là những tiêu điểm của mãnh lực, và của sự phân phối thông minh của nó khắp tiểu hệ của y đến vô số nguyên tử nhỏ hơn, là những tế bào trong các khối cầu này.

365. Man, the Thinker, the Knower is the "manasic principle". He is also, more essentially, the Jiva, or the embodiment of will-being.

366. It is the role of man to *manipulate*—intelligently and lovingly.

367. Man is a manasic distributing agent. Man is the embodied fifth principle working on the lower levels of the cosmic physical plane.

***A Heavenly Man* equally, and in a wider sense, the Thinker and Knower, the manasic or mind principle plus the buddhic** or Christ principle, manipulates electrical force through three principal **vehicles or globes** in atmic, buddhic, and manasic matter, dispersing it from thence [Page 353] to the myriads of cells which correspond to the deva and human units.

368. The comparison is illuminating. Man manipulates electrical force through the use of manas; the Heavenly Man manipulates electrical force by building upon an established manas and including the principle of buddhi.

369. The Heavenly Man works through atma-buddhi-manas. He disperses not to the tiny atoms of matter-substance but to those tiny cells or atoms which are called human and deva units.

370. We note that when speaking of the vehicles of the spiritual triad, the term "globes" is used. Is this a hint relating to the nature and composition of that which we call the globes of the planetary scheme? Or are these "globes" to be considered planetary

365. Con người, Đấng Tư Tưởng, thức giả là "nguyên khí manas". Y cũng, về bản chất hơn, là Jiva, hay hiện thân của ý chí-hiện-hữu.

366. Vai trò của con người là *vận dụng*—một cách thông minh và đầy bác ái.

367. Con người là một tác nhân phân phối manas. Con người là nguyên khí thứ năm nhập thể đang hoạt động trên các cấp thấp của cõi hồng trần vũ trụ.

***Một Đấng Thiên Nhân* cũng vậy, và theo nghĩa rộng hơn, là Đấng Tư Tưởng và thức giả, nguyên khí manas hay trí tuệ cộng với nguyên khí Bồ đề** hay nguyên khí Christ, vận dụng mãnh lực điện lực qua ba **vận cụ hay bầu hành tinh** chính yếu trong vật chất atma, Bồ đề và manas, rồi từ đó phân tán nó [Page 353] đến vô số tế bào tương ứng với các đơn vị thiên thần và nhân loại.

368. Sự so sánh này thật soi sáng. Con người vận dụng mãnh lực điện lực qua việc sử dụng manas; Đấng Thiên Nhân vận dụng mãnh lực điện lực bằng cách xây dựng trên một manas đã được thiết lập và bao gồm nguyên khí Bồ đề.

369. Đấng Thiên Nhân hoạt động qua atma-buddhi-manas. Ngài phân tán không phải đến những nguyên tử nhỏ bé của vật chất-chất liệu mà đến những tế bào hay nguyên tử nhỏ bé được gọi là các đơn vị nhân loại và thiên thần.

370. Chúng ta lưu ý rằng khi nói về các vận cụ của Tam Nguyên Tinh Thần, thuật ngữ "các bầu hành tinh" được dùng. Đây có phải là một gợi ý liên hệ đến bản chất và cấu tạo của điều mà chúng ta gọi là các bầu hành tinh của hệ hành tinh không? Hay những

chains? Such words are not used by accident. The word "globes" may simply indicate the sphericity of the triadal vehicles, but it could indicate more.

"bầu hành tinh" này phải được xem là các dãy hành tinh? Những từ như thế không được dùng một cách ngẫu nhiên. Từ "các bầu hành tinh" có thể chỉ đơn giản biểu thị tính hình cầu của các vận cụ tam nguyên, nhưng cũng có thể chỉ nhiều hơn thế.

371. On TCF 600 is an important tabulation which sets forth the major chains, planes, manvantaras etc. But there are listed no major "globes".

371. Ở TCF 600 có một bảng liệt kê quan trọng trình bày các dãy chính, các cõi, các giai kỳ sinh hóa v.v. Nhưng không có "bầu hành tinh" chính nào được liệt kê ở đó.

372. If we see that a Planetary Logos works through the spiritual triad, we should not presume that we, so readily, can be expressive on those levels of the cosmic physical plane.

372. Nếu chúng ta thấy một Hành Tinh Thượng Đế hoạt động qua Tam Nguyên Tinh Thần, chúng ta không nên vội cho rằng chính mình cũng có thể dễ dàng biểu lộ trên những cấp độ ấy của cõi hồng trần vũ trụ.

373. Note that the term "cell" usually means that which is greater than an atom, but not in the 'Language of Analogy'. In the foregoing, the atoms mentioned are huge and the cells relatively tiny.

373. Hãy lưu ý rằng thuật ngữ "tế bào" thường có nghĩa là cái gì lớn hơn một nguyên tử, nhưng không phải trong 'Ngôn Ngữ của Tương Đồng'. Trong phần trên, các nguyên tử được nhắc đến thì khổng lồ còn các tế bào thì tương đối nhỏ bé.

***A solar Logos* in a still wider sense is the permeating universal Mind, the manasic principle, plus the buddhic and the will principle**,

***Một Thái dương Thượng đế* theo một nghĩa còn rộng hơn nữa là Trí Tuệ Vũ Trụ thấm nhuần, nguyên khí manas, cộng với nguyên khí Bồ đề và nguyên khí ý chí**,

374. Here, again, we find the Mind of the Solar Logos called the "universal Mind". Earlier, DK seemed to suggest that the Universal Mind pertained to a Cosmic Logos or a Super-Cosmic Logos for Universal Mind is called "that Self-knowing, individualised Entity Whose body contains our solar Logos as well as certain other solar Logoi." (TCF 351)

374. Ở đây, một lần nữa, chúng ta thấy Trí Tuệ của Thái dương Thượng đế được gọi là "Trí Tuệ Vũ Trụ". Trước đó, Chân sư DK dường như gợi ý rằng Trí Tuệ Vũ Trụ thuộc về một Thượng đế vũ trụ hay một Thượng đế siêu vũ trụ vì Trí Tuệ Vũ Trụ được gọi là "Thực Thể biệt ngã hóa, tự biết mình ấy, Đấng mà thân thể của Ngài chứa đựng Thái dương Thượng đế của chúng ta cũng như một số Thái dương Thượng đế khác." (TCF 351)

375. We note that the Solar Logos builds upon both manas and buddhi and adds to them the principle of *will.* Yet, after all, the Solar Logos, on His own level, has not much developed the principle of cosmic will. In fact, He has not much developed the principle of cosmic manas, on which He is presently working.

375. Chúng ta lưu ý rằng Thái dương Thượng đế xây dựng trên cả manas lẫn Bồ đề và thêm vào đó nguyên khí của *ý chí.* Tuy nhiên, rốt cuộc, Thái dương Thượng đế, trên cấp độ riêng của Ngài, chưa phát triển nhiều nguyên khí ý chí vũ trụ. Thật ra, Ngài cũng chưa phát triển nhiều nguyên khí manas vũ trụ, nguyên khí mà hiện nay Ngài đang làm việc trên đó.

working in three major schemes, by means of seven centres of force, and through the myriads of groups which are the cells in His body, in the same way as human beings are the cells in the body of a Heavenly Man.

hoạt động trong ba hệ hành tinh chính, bằng bảy trung tâm lực, và qua vô số nhóm là những tế bào trong thân thể của Ngài, theo cùng cách mà con người là những tế bào trong thân thể của một Đấng Thiên Nhân.

376. What are these "three major schemes"? They may not be planetary schemes at all, but the schemes through which the Brahma, Vishnu and Shiva of our solar system express. These would include at least three planets.

376. Ba "hệ hành tinh chính" này là gì? Chúng có thể hoàn toàn không phải là các hệ hành tinh, mà là những hệ qua đó Brahma, Vishnu và Shiva của hệ mặt trời chúng ta biểu lộ. Những hệ này sẽ bao gồm ít nhất ba hành tinh.

377. On TCF 600 major schemes are not listed just as major globes were not.

377. Ở TCF 600, các hệ chính không được liệt kê cũng như các bầu hành tinh chính đã không được liệt kê.

378. If men and devas, individually, are "cells in the body of a Heavenly Man", then *groups* are as cells intuition the body of a Solar Logos. This would mean, perhaps, that Ashrams found upon our Earth-globe are as cells to the Solar Logos.

378. Nếu những người nam và nữ và các thiên thần, xét riêng lẻ, là "những tế bào trong thân thể của một Đấng Thiên Nhân", thì các *nhóm* là như những tế bào trong thể của một Thái dương Thượng đế. Điều này có thể có nghĩa rằng các ashram được tìm thấy trên bầu Địa Cầu của chúng ta là như những tế bào đối với Thái dương Thượng đế.

379. The planetary schemes are as "centres of force" in the Solar Logos. These centers are composed of human and devic "cells" and of many other kinds of lives.

379. Các hệ hành tinh là như những "trung tâm lực" trong Thái dương Thượng đế. Những trung tâm này được cấu thành bởi các "tế bào" nhân loại và thiên thần cùng nhiều loại sự sống khác nữa.

The cosmic Logos of our system

380. And what sort of "system" is meant? The Seven Solar Systems of Which Ours is One?

381. We see the protean use of the term "system" and how careful one must be when defining it in context.

works similarly through three major systems (of which ours is not one), utilising seven solar systems (of which ours is one),

382. Within the Seven Solar Systems of Which Ours is One, three systems are major and four are minor.

383. If the systems correspond to the seven rays, then the three major Rays of Aspect rule the major three systems and the Rays of Attribute, rule the subsidiary four.

384. Our solar system, would then be part of the logoic quaternary, and most probably ruled by the fourth ray, which may be the monadic ray of our Solar Logos—who expresses as a cosmic heart or cosmic *fourth* chakra.

385. Hypotheses have been put forward regarding the seven suns. In one hypothesis, they include: Sirius, Procyon, Vega, Sol, Fomalhaut, Alpha Centauri and Altair.

Thượng đế vũ trụ của hệ chúng ta

380. Và loại "hệ" nào được hàm ý ở đây? Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một chăng?

381. Chúng ta thấy cách dùng biến hoá của thuật ngữ "hệ" và người ta phải cẩn trọng biết bao khi định nghĩa nó theo ngữ cảnh.

cũng hoạt động tương tự qua ba hệ chính (mà hệ của chúng ta không phải là một), sử dụng bảy hệ mặt trời (mà hệ của chúng ta là một),

382. Trong Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một, có ba hệ chính và bốn hệ phụ.

383. Nếu các hệ tương ứng với bảy cung, thì ba Cung Trạng Thái chính cai quản ba hệ chính và Các Cung Thuộc Tính cai quản bốn hệ phụ.

384. Khi đó hệ mặt trời của chúng ta sẽ là một phần của bộ tứ logoic, và rất có thể được cai quản bởi cung bốn, có thể là cung chân thần của Thái dương Thượng đế của chúng ta—Đấng biểu lộ như một tim vũ trụ hay luân xa *thứ tư* vũ trụ.

385. Những giả thuyết đã được đưa ra liên quan đến bảy mặt trời. Trong một giả thuyết, chúng bao gồm: Sirius, Procyon, Vega, Sol, Fomalhaut, Alpha Centauri và Altair.

386. One of these, however, is a "royal star" (Fomalhaut) and Vega, relatively, is very large compared to Sol. The formulation still needs attention and the last word on this has not been spoken.

386. Tuy nhiên, một trong số đó là một "ngôi sao hoàng gia" (Fomalhaut) và Vega thì tương đối rất lớn so với Sol. Công thức này vẫn cần được xem xét thêm và lời cuối cùng về vấn đề này vẫn chưa được nói ra.

for the distribution of His force and having myriads of sevenfold groups as the cells of His body.

để phân phối mãnh lực của Ngài và có vô số nhóm thất phân như những tế bào trong thân thể của Ngài.

387. The Solar Logos has "groups" functioning as "cells" in His body. The Cosmic Logos has "sevenfold groups" functioning as cells. Perhaps our entire Hierarchy is as a cell within the body of that particular Cosmic Logos which includes Sol.

387. Thái dương Thượng đế có các "nhóm" hoạt động như những "tế bào" trong thân thể của Ngài. Thượng đế vũ trụ có các "nhóm thất phân" hoạt động như những tế bào. Có lẽ toàn bộ Thánh Đoàn của chúng ta là như một tế bào trong thân thể của Thượng đế vũ trụ đặc thù bao gồm Sol ấy.

b. Will and ordered purpose. Thus all that we can really predicate anent the origin of manas is that **it is the unified will-activity, or the purposeful expression of the realised Identity of some great Self which colours the life and swings into intelligent co-operation all the lesser units included in its sphere of influence.**

b. Ý chí và mục đích có trật tự. Vì vậy, tất cả những gì chúng ta thực sự có thể khẳng định liên quan đến nguồn gốc của manas là **nó là hoạt động-ý chí hợp nhất, hay sự biểu lộ có mục đích của Bản Sắc đã được chứng nghiệm của một Đại Ngã nào đó, Đấng nhuộm màu sự sống và đưa vào sự hợp tác thông minh tất cả những đơn vị nhỏ hơn được bao gồm trong phạm vi ảnh hưởng của nó.**

388. We notice how will and intelligence are blended in the discussion of manas.

388. Chúng ta lưu ý cách ý chí và trí tuệ được hòa trộn trong cuộc bàn luận về manas.

389. Manas is also "purposeful expression".

389. Manas cũng là "sự biểu lộ có mục đích".

390. Manas contributes to the realization of Identity—the gift of individualization on whatever level it occurs.

390. Manas góp phần vào sự chứng nghiệm Bản Sắc—món quà của biệt ngã hóa ở bất cứ cấp độ nào nó xảy ra.

391. On the third plane of the cosmic physical plane, the atmic, will and intelligence are also blended.

391. Trên cõi thứ ba của cõi hồng trần vũ trụ, cõi atma, ý chí và trí tuệ cũng được hòa trộn.

392. Manas is the third, but also the head or first of the five—brahmically considered.

Each of us, in illustration, is the thinking purposeful Entity who acts as the manasic principle, and the spring of action, to all the units included in our three bodies. Each of us sways them to our will; we act, and by acting, force co-operation as we see fit.

393. This describes the manner in which the human being is purposeful, willing, manas.

394. We are the "thinking, purposeful Entity who acts as the manasic principle".

395. Our manas and will are inseparable. When we ask others to do as we say, we tell them to "mind" us.

396. Each of us is Leo, the manasic king, within our own little system. Externally, we are of course compelled by forms of manas far greater than our own.

The Logos does the same on a larger scale. In this thought lies light on the question of karma, of free-will and of responsibility.

397. For some activities we are responsible; for others we are not. When we are compelled, we have no responsibility. When we compel through the exercise of our manas-will, then there are responsibility and karmic-consequences.

392. Manas là thứ ba, nhưng cũng là đầu hay thứ nhất trong năm—xét theo brahmic.

Mỗi chúng ta, để minh hoạ, là Thực Thể biết suy tư, có mục đích, hành động như nguyên khí manas, và là nguồn suối của hành động đối với mọi đơn vị được bao gồm trong ba thể của chúng ta. Mỗi chúng ta chi phối chúng theo ý chí của mình; chúng ta hành động, và bằng hành động, cưỡng bách sự hợp tác theo như chúng ta thấy thích hợp.

393. Điều này mô tả cách thức con người là hữu mục đích, có ý chí, là manas.

394. Chúng ta là "Thực Thể biết suy tư, có mục đích, hành động như nguyên khí manas".

395. Manas và ý chí của chúng ta là bất khả phân ly. Khi chúng ta yêu cầu người khác làm theo điều chúng ta nói, chúng ta bảo họ phải "lưu tâm" đến chúng ta.

396. Mỗi chúng ta đều là Leo, vị vua manas, trong hệ thống nhỏ bé của riêng mình. Về mặt bên ngoài, dĩ nhiên chúng ta bị cưỡng bách bởi những hình thức manas lớn lao hơn của chính mình rất nhiều.

Thượng đế cũng làm điều tương tự trên một quy mô lớn hơn. Chính trong tư tưởng này có ánh sáng soi rọi vấn đề nghiệp quả, tự do ý chí và trách nhiệm.

397. Đối với một số hoạt động, chúng ta có trách nhiệm; đối với những hoạt động khác, chúng ta không có. Khi chúng ta bị cưỡng bách, chúng ta không có trách nhiệm. Khi chúng ta cưỡng bách bằng việc vận dụng

manas-ý chí của mình, khi ấy có trách nhiệm và những hậu quả nghiệp quả.

398. On Sirius the Law of Karma (in relation to our solar system) and the Law of Freedom are to be found. They work together and have (for us) the same Sirian source.

398. Trên Sirius có thể tìm thấy Định luật Nghiệp quả (liên hệ với hệ mặt trời của chúng ta) và Định luật Tự do. Chúng cùng hoạt động với nhau và (đối với chúng ta) có cùng một nguồn gốc Sirian.

Manas is, really WILL working itself out on the physical plane, and the truth of this will be seen when it is realised that all our planes form the cosmic physical plane, whereon an Entity, inconceivably greater than our Logos, is working out a set purpose through the Logos, through us, through all **Spirit-substance** that is included within His sphere of radiatory activity.

Manas thật ra là Ý CHÍ đang tự triển khai trên cõi hồng trần, và chân lý này sẽ được thấy khi người ta chứng nghiệm rằng tất cả các cõi của chúng ta hợp thành cõi hồng trần vũ trụ, nơi một Thực Thể lớn lao hơn Thượng đế của chúng ta một cách không thể nghĩ bàn đang thực hiện một mục đích nhất định thông qua Thượng đế, thông qua chúng ta, thông qua toàn bộ **Tinh thần-chất liệu** được bao hàm trong khối cầu hoạt động bức xạ của Ngài.

399. Here DK is alluding to super-cosmic manas—the Manas of the One About Whom Naught May Be Said, Who, in this context, can be conceived as and Entity "inconceivably greater than our Logos".

399. Ở đây Chân sư DK đang ám chỉ manas siêu-vũ-trụ—Manas của Đấng Bất Khả Tư Nghị, Đấng mà, trong bối cảnh này, có thể được quan niệm như một Thực Thể "lớn lao hơn Thượng đế của chúng ta một cách không thể nghĩ bàn".

400. The substance of the forty-nine sub-planes of the cosmic physical plane is "Spirit-substance". All that we usually call matter is really "Spirit-matter". This must be held in mind.

400. Chất liệu của bốn mươi chín cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ là "Tinh thần-chất liệu". Tất cả những gì chúng ta thường gọi là vật chất thật ra là "Tinh thần-vật chất". Điều này phải được ghi nhớ.

401. We may gather that the Logos of the Seven Solar Systems of Which Ours is One is not "*inconceivably* greater" than our Solar Logos. We are told that we will know little or nothing about the One About Whom Naught May Be Said until we have completed the evolutionary possibilities presented within our solar system—not just within our planetary scheme.

401. Chúng ta có thể suy ra rằng Thượng đế của Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ Của Chúng Ta Là Một không "*lớn lao một cách không thể nghĩ bàn* hơn" Thái dương Thượng đế của chúng ta. Chúng ta được bảo rằng chúng ta sẽ biết rất ít hoặc không biết gì về Đấng Bất Khả Tư Nghị cho đến khi hoàn tất những khả năng tiến hoá được trình bày trong hệ mặt trời của

chúng ta—không chỉ trong hệ hành tinh của chúng ta.

402. Will utilizes Intelligence to work out its purposes. As we do on our own tiny scale, so does the Super-Cosmic Logos, of Whom, really, we can know and say nothing—yet we do, as does the Tibetan (however little).

402. Ý chí sử dụng Trí Tuệ để thực hiện các mục đích của nó. Cũng như chúng ta làm trên quy mô cực nhỏ của riêng mình, Thượng đế Siêu-Vũ-Trụ cũng làm như vậy, Đấng mà thật ra chúng ta không thể biết và không thể nói gì về Ngài—thế nhưng chúng ta vẫn làm, cũng như Chân sư Tây Tạng làm (dù rất ít).

Certain problems of real interest are prone to enter our minds, but they serve only to develop abstract thought [Page 354] and to expand the consciousness, for they are as yet insoluble and will remain so.

Một số vấn đề thật sự đáng quan tâm có khuynh hướng đi vào trí tuệ chúng ta, nhưng chúng chỉ phục vụ cho việc phát triển tư tưởng trừu tượng [Page 354] và mở rộng tâm thức, vì hiện nay chúng vẫn chưa thể giải được và sẽ vẫn như vậy.

403. Probably this is an experience we have all had—the arising of unsuspected and also insoluble problems.

403. Có lẽ đây là một kinh nghiệm mà tất cả chúng ta đều đã có—sự phát sinh của những vấn đề không ngờ tới và cũng không thể giải được.

404. To know that they exist is already something, and to sense the implications of a possible solution is still more.

404. Biết rằng chúng tồn tại đã là một điều gì đó, và cảm nhận được những hàm ý của một giải pháp khả hữu còn hơn thế nữa.

405. DK lays out ten insoluble problems. We can at least think in the direction of a solution, perhaps understanding what would be necessary if such problems were to be solved.

405. Chân sư DK nêu ra mười vấn đề không thể giải được. Ít nhất chúng ta có thể suy nghĩ theo hướng của một giải pháp, có lẽ hiểu được điều gì sẽ là cần thiết nếu những vấn đề như thế được giải quyết.

Some of them might be enumerated as follows:

Một số trong đó có thể được liệt kê như sau:

1. Who is the cosmic Entity in Whose scheme our Logos plays his little part?

1. Thực Thể vũ trụ nào là Đấng mà trong hệ của Ngài, Thượng đế của chúng ta đóng vai trò nhỏ bé của mình?

406. Is DK speaking of the One About Whom Naught May Be Said? If so, we can

406. Chân sư DK có đang nói về Đấng Bất Khả Tư Nghị không? Nếu vậy, chúng ta có

understand why we do not know "Who" this Entity is.

407. Even if He were to speak of the Seven Solar Systems of Which Ours is One, we would not know, but we might know a bit more, such as is given on EA 50 re the constellational and planetary associations of this Logos of the Seven Systems.

2. What is the nature of the great purpose He is working out?

408. We do not really know the purpose of our Planetary Logos. We know He can be associated with certain solar logoic chakras and that eventually a great "station of light" will be established when He becomes a sacred planet. We know something of His rays, and that His purpose will have to align with His ray energies. But what else to we know? Probably by working with a compilation on our Heavenly Man or Planetary Logos, some ideas of significance could be gathered.

409. But what truly do *we,* most of us initiates of the threshold, know about the purpose of our Solar Logos? We know something about His cosmic context and that Love-Wisdom is His nature, but as to His actual destiny—what?

410. As for the purposes of the Logos of the Seven Solar Systems of Which Ours is One, if He is a solar plexus chakra in the One About Whom Naught May Be Said, then some little bit is known—something about the

thể hiểu vì sao chúng ta không biết "Ai" là Thực Thể này.

407. Ngay cả nếu Ngài nói về Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ Của Chúng Ta Là Một, chúng ta cũng sẽ không biết, nhưng có thể biết thêm đôi chút, như điều được nêu trong EA 50 về các liên hệ chòm sao và hành tinh của Thượng đế này của Bảy Hệ.

2. Bản chất của đại mục đích mà Ngài đang thực hiện là gì?

408. Chúng ta thật sự không biết mục đích của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta. Chúng ta biết Ngài có thể được liên kết với một số luân xa thái dương thượng đế nhất định và rằng cuối cùng một "trạm ánh sáng" vĩ đại sẽ được thiết lập khi Ngài trở thành một hành tinh thiêng liêng. Chúng ta biết đôi điều về các cung của Ngài, và rằng mục đích của Ngài sẽ phải chỉnh hợp với các năng lượng cung của Ngài. Nhưng ngoài ra chúng ta còn biết gì? Có lẽ bằng cách làm việc với một bản tổng hợp về Đấng Thiên Nhân hay Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, một số ý tưởng có thâm nghĩa có thể được thu thập.

409. Nhưng thật sự thì *chúng ta,* phần lớn chúng ta là những điểm đạo đồ nơi ngưỡng cửa, biết gì về mục đích của Thái dương Thượng đế của chúng ta? Chúng ta biết đôi điều về bối cảnh vũ trụ của Ngài và rằng Bác Ái – Minh Triết là bản chất của Ngài, nhưng còn về định mệnh thực sự của Ngài—thì sao?

410. Còn về các mục đích của Thượng đế của Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ Của Chúng Ta Là Một, nếu Ngài là một luân xa tùng thái dương trong Đấng Bất Khả Tư Nghị, thì có lẽ người ta biết được đôi chút—điều gì đó về sự

transmutation of cosmic desire? But what else?

411. As for the One About Whom Naught May Be Said, we do not know His context, nor the chakra He represents in a Super-Super-Constellational Logos. One knows practically nothing unless one knows something about the larger context.

3. Which centre in His body is represented by our solar system?

412. Within the Seven Solar Systems of Which Ours is One, our Solar Logos represents (it would seem from all that has been said) a *heart* center.

413. But what minor center (perhaps within a super-cosmic solar plexus) does our solar system represent? Perhaps a study of esoteric healing in relation to the chakras of man would help us extrapolate.

4. What is the nature of the incarnation He is now undergoing?

414. Which "He"? If either the Logos of the Seven Solar Systems of Which Ours is One or the Logos of the One About Whom Naught May Be Said, we simply do not know.

415. Of our Planetary Logos we are told that He is in a "masculine" incarnation.

416. Of our Solar Logos, we are told that He is passing through an astral-buddhic incarnation.

chuyển hoá dục vọng vũ trụ chăng? Nhưng còn gì nữa?

411. Còn về Đấng Bất Khả Tư Nghị, chúng ta không biết bối cảnh của Ngài, cũng không biết luân xa mà Ngài biểu hiện trong một Thượng đế Siêu-Siêu-Chòm-Sao. Người ta hầu như không biết gì trừ phi biết điều gì đó về bối cảnh lớn hơn.

3. Hệ mặt trời của chúng ta biểu hiện trung tâm nào trong thân thể của Ngài?

412. Trong Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ Của Chúng Ta Là Một, Thái dương Thượng đế của chúng ta biểu hiện (dường như từ tất cả những gì đã được nói) một trung tâm *tim*.

413. Nhưng hệ mặt trời của chúng ta biểu hiện trung tâm phụ nào (có lẽ trong một tùng thái dương siêu-vũ-trụ)? Có lẽ một nghiên cứu về trị liệu huyền môn liên hệ với các luân xa của con người sẽ giúp chúng ta ngoại suy.

4. Bản chất của lần lâm phàm mà Ngài hiện đang trải qua là gì?

414. "Ngài" nào? Nếu là Thượng đế của Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ Của Chúng Ta Là Một hoặc Thượng đế của Đấng Bất Khả Tư Nghị, thì đơn giản là chúng ta không biết.

415. Về Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, chúng ta được bảo rằng Ngài đang ở trong một lần lâm phàm "nam tính".

416. Về Thái dương Thượng đế của chúng ta, chúng ta được bảo rằng Ngài đang trải qua một lần lâm phàm cảm dục-Bồ đề.

417. On TCF 384 we are told something about the initiatory status of both our Planetary Logos and our Solar Logos.

417. Trong TCF 384, chúng ta được cho biết đôi điều về địa vị điểm đạo của cả Đức Hành Tinh Thượng Đế lẫn Thái dương Thượng đế của chúng ta.

418. We know nothing about the evolutionary status of the Logos of the Seven Solar Systems or of the One About Whom Naught May Be Said. Are these great Beings paralleling in Their development the human being, the Planetary Logos or the Solar Logos —all of which seem to be about half-way through their present evolutionary process? There is no way, immediately, to tell. If we were initiates of high degree we might perhaps know.

418. Chúng ta không biết gì về địa vị tiến hoá của Thượng đế của Bảy Hệ Mặt Trời hay của Đấng Bất Khả Tư Nghị. Những Hữu Thể Vĩ Đại này có song hành trong sự phát triển của Các Ngài với con người, Đức Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế không—tất cả những Đấng này dường như đều đang ở khoảng nửa chừng tiến trình tiến hoá hiện tại của mình? Hiện thời không có cách nào để biết. Nếu chúng ta là những điểm đạo đồ cấp cao, có lẽ chúng ta có thể biết.

5. What are the ten systems—the three and the seven—of which our solar system is one?

5. Mười hệ—ba và bảy—mà hệ mặt trời của chúng ta là một trong đó là những hệ nào?

419. It is often mentioned that there are ten planetary schemes. Rarely is it mentioned that there are *ten* systems of which our Solar Logos is one. But if we are to consider this possibility in relation to our Planetary Logos and in relation to man (and also to the atom of matter/substance) we would have to do so in relation to the Solar Logos.

419. Người ta thường nhắc đến rằng có mười hệ hành tinh. Hiếm khi người ta nhắc đến rằng có *mười* hệ mà Thái dương Thượng đế của chúng ta là một trong đó. Nhưng nếu chúng ta xét khả năng này liên hệ với Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta và liên hệ với con người (và cả với nguyên tử của vật chất/chất liệu), thì chúng ta cũng phải làm như vậy đối với Thái dương Thượng đế.

420. We have speculated on the nature of *seven* related solar systems. Which three solar systems would be added to make *ten?*

420. Chúng ta đã suy đoán về bản chất của *bảy* hệ mặt trời có liên hệ. Ba hệ mặt trời nào sẽ được thêm vào để thành *mười?*

Must we look for the major three within the seven, or extraneously?

Chúng ta phải tìm bộ ba chính yếu trong bảy, hay ở bên ngoài?

421. This is a vexed question and different theorists propose different answers.

421. Đây là một câu hỏi gây tranh cãi và các nhà lý thuyết khác nhau đưa ra những câu trả lời khác nhau.

422. There is a way to derive seven from three, and perhaps ten from three.

422. Có một cách để rút ra bảy từ ba, và có lẽ mười từ ba.

423. There is also a great deal of evidence from charts and other discussions which show the three greater systems as extraneous to the seven—though probably inclusive of the seven.

423. Cũng có rất nhiều bằng chứng từ các biểu đồ và những bàn luận khác cho thấy ba hệ lớn hơn ở bên ngoài bảy—dù có lẽ bao gồm cả bảy.

424. The Kabalistic Tree of Life shows the three hovering above the seven.

424. Cây Sự Sống của Kabbalah cho thấy bộ ba lơ lửng phía trên bảy.

425. The chart on TCF 1238 shows a supernal three hovering above the seven.

425. Biểu đồ trong TCF 1238 cho thấy một bộ ba thiên thượng lơ lửng phía trên bảy.

426. The planetary chart on TCF 373 shows the same.

426. Biểu đồ hành tinh trong TCF 373 cũng cho thấy điều tương tự.

427. I am inclined to believe that wherever there is a seven there is a ten.

427. Tôi có khuynh hướng tin rằng ở đâu có bảy thì ở đó có mười.

428. Presently we have ten rather major planets, and three of them are synthesizing planets.

428. Hiện nay chúng ta có mười hành tinh khá chính yếu, và ba trong số đó là những hành tinh tổng hợp.

429. If we take only the synthesizing planets and include them among the sacred planets, we shall find the supernal three in the three surrounding the Solar Logos.

429. Nếu chúng ta chỉ lấy các hành tinh tổng hợp và bao gồm chúng trong các hành tinh thiêng liêng, chúng ta sẽ tìm thấy bộ ba thiên thượng trong ba hành tinh bao quanh Thái dương Thượng đế.

430. This question will not be easily resolved. One thing—if there are a supernal three other than the seven, they certainly are prototypical to the major three *amongst* the seven.

430. Câu hỏi này sẽ không dễ được giải quyết. Có một điều—nếu có một bộ ba thiên thượng khác với bảy, thì chắc chắn chúng là nguyên mẫu của bộ ba chính yếu *ở giữa* bảy.

6. What is the coloring or basic quality of this cosmic Entity?

6. Màu sắc hay phẩm tính căn bản của Thực Thể vũ trụ này là gì?

431. Much will depend on whether we are talking of the Logos of the Seven Solar

431. Nhiều điều sẽ tùy thuộc vào việc chúng ta đang nói về Thượng đế của Bảy Hệ Mặt

Systems of Which Ours is One or about the One About Whom Naught May Be Said.

Trời mà Hệ Của Chúng Ta Là Một hay về Đấng Bất Khả Tư Nghị.

432. If the Logos of the Seven Systems, we can infer that this great Being has much to do with cosmic *desire*; the color of desire is often red or rose.

432. Nếu là Thượng đế của Bảy Hệ, chúng ta có thể suy ra rằng Hữu Thể Vĩ Đại này có liên hệ rất nhiều với *dục vọng* vũ trụ; màu của dục vọng thường là đỏ hoặc hồng.

433. If we are speaking of the One About Whom Naught May Be Said, the rays suggested on EP I 150 are rays three, seven and one. The colors accordingly are green, violet and red—if colors familiar to us can be discussed in relation to so great and Entity.

433. Nếu chúng ta đang nói về Đấng Bất Khả Tư Nghị, các cung được gợi ý trong EP I 150 là cung ba, cung bảy và cung một. Theo đó các màu là xanh lục, tím và đỏ—nếu những màu quen thuộc với chúng ta có thể được bàn đến trong liên hệ với một Thực Thể lớn lao đến thế.

7. Is the colouring of the fourth cosmic ether (the buddhic plane), blue, or is it violet to correspond with our fourth physical ether? Why is buddhi exoterically regarded as yellow in color?

7. Màu sắc của dĩ thái vũ trụ thứ tư (cõi Bồ đề) là xanh lam, hay là tím để tương ứng với dĩ thái hồng trần thứ tư của chúng ta? Vì sao Bồ đề lại được xem một cách ngoại môn là có màu vàng?

434. VSK has lot to say about this subject and offered it in an earlier commentary. Let us follow her reasoning.

434. VSK có rất nhiều điều để nói về chủ đề này và đã trình bày trong một phần bình luận trước đó. Chúng ta hãy theo dõi lập luận của bà.

VSK offers this idea on colouring (viewing the table on page 331 helps to show this).

VSK đưa ra ý tưởng này về màu sắc (xem bảng ở trang 331 sẽ giúp làm rõ điều này).

a. Buddhi is the lowest plane the Solar Logos manifests on, and is therefore equated to Violet, as a colour of the *seventh*, 'lowest' or densest plane for that Entity, or the *fourth* ether. So, Buddhi is Violet FOR the Solar Logos. (And may hint to His role with Draco.)

a. Bồ đề là cõi thấp nhất mà Thái dương Thượng đế biểu hiện trên đó, và vì vậy được đồng nhất với màu Tím, như một màu của cõi *thứ bảy*, "thấp nhất" hay đậm đặc nhất đối với Thực Thể ấy, hay dĩ thái *thứ tư*. Vì vậy, Bồ đề là Tím ĐỐI VỚI Thái dương Thượng đế. (Và có thể gợi ý về vai trò của Ngài với Draco.)

b. (Do we understand this last hint? Draco is as the cosmic base of the spine center of the One About Whom Naught May Be Said, and

b. (Chúng ta có hiểu gợi ý cuối cùng này không? Draco giống như trung tâm đáy cột sống vũ trụ của Đấng Bất Khả Tư Nghị, và vì

therefore related to the seventh ray, the major color of which is violet.)

vậy liên hệ với cung bảy, màu chính yếu của cung này là tím.)

c. The Mental is the lowest plane for the Planetary Logos. Buddhi therefore resonates to 'blue' of the *sixth* plane. So, Buddhi is Blue FOR the Planetary Logos. This would be its esoteric colour. (Esoterically, we live on the Blue Logos.)

c. Cõi Trí là cõi thấp nhất đối với Đức Hành Tinh Thượng Đế. Vì vậy Bồ đề cộng hưởng với màu "xanh lam" của cõi *thứ sáu*. Vì vậy, Bồ đề là Xanh Lam ĐỐI VỚI Đức Hành Tinh Thượng Đế. Đây sẽ là màu sắc nội môn của nó. (Về mặt nội môn, chúng ta sống trên Thượng đế Xanh Lam.)

d. The "Blue Logos" is the Solar Logos. To the extent that our Planetary Logos is "blue" He is related to the Solar Logos. Our Planetary Logos is blue in one respect—He has a second ray soul.

d. "Thượng đế Xanh Lam" là Thái dương Thượng đế. Trong chừng mực Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta là "xanh lam", Ngài có liên hệ với Thái dương Thượng đế. Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta xanh lam ở một phương diện—Ngài có cung linh hồn hai.

e. The Physical is the lowest plane for Man, and so Buddhi is his *fourth*. This puts yellow as our exoteric or human level of the colour of Buddhi. (Exoterically, the sun is yellow.)

e. Cõi Hồng Trần là cõi thấp nhất đối với con người, và vì vậy Bồ đề là cõi *thứ tư* của y. Điều này khiến màu vàng trở thành cấp độ ngoại môn hay cấp độ nhân loại của màu sắc Bồ đề. (Về mặt ngoại môn, mặt trời có màu vàng.)

f. Also, compared with the other Beings under discussion, man is an exoteric being.

f. Ngoài ra, so với các Hữu Thể khác đang được bàn đến, con người là một hữu thể ngoại môn.

g. So, the *fourth* cosmic ether or Buddhi is Yellow, Exoterically – i.e., 'for man'. For the Planetary Logos, or ' esoterically' it is Blue. And for the Solar Logos (may we call it Hierarchically?) Buddhi is Violet.

g. Vì vậy, dĩ thái vũ trụ *thứ tư* hay Bồ đề là Vàng, theo nghĩa Ngoại môn – tức là, "đối với con người". Đối với Đức Hành Tinh Thượng Đế, hay "theo nghĩa nội môn", nó là Xanh Lam. Và đối với Thái dương Thượng đế (chúng ta có thể gọi là theo nghĩa huyền giai chăng?) Bồ đề là Tím.

h. The summation is excellent and has, I think, cracked the code here.

h. Phần tổng kết này thật xuất sắc và, theo tôi nghĩ, đã giải được mật mã ở đây.

8. Which are the primary three centres in the body of our solar Logos and which the minor four?

8. Ba trung tâm chính yếu trong thân thể của Thái dương Thượng đế của chúng ta là

những trung tâm nào và bốn trung tâm phụ là những trung tâm nào?

435. This has to do with assigning planets to the chakra system of our Solar Logos.

435. Điều này liên quan đến việc gán các hành tinh vào hệ thống luân xa của Thái dương Thượng đế của chúng ta.

436. If DK already told us that Venus is the correspondence to the heart center of the Solar Logos, why does He even ask this question?

436. Nếu Chân sư DK đã nói với chúng ta rằng Sao Kim là sự tương ứng với trung tâm tim của Thái dương Thượng đế, tại sao Ngài còn nêu câu hỏi này?

437. I suspect, because the whole matter is not straightforward, and that Venus is really in the lower quaternary of the Solar Logos and therefore, cannot be one of the major three centers (even though temporarily, it may act as the expression of one of the super-principles) just as our Solar Logos is a member of the super-cosmic quaternary, and not of the higher triad of this great Being.

437. Tôi ngờ rằng vì toàn bộ vấn đề này không đơn giản, và rằng Sao Kim thật ra thuộc bộ tứ thấp của Thái dương Thượng đế và vì vậy không thể là một trong ba trung tâm chính yếu (dù tạm thời, nó có thể hoạt động như sự biểu lộ của một trong các siêu-nguyên khí), cũng như Thái dương Thượng đế của chúng ta là một thành viên của bộ tứ siêu-vũ-trụ, chứ không thuộc tam nguyên tinh thần cao hơn của Hữu Thể Vĩ Đại này.

438. The eventual greater three are, I think, Uranus, Neptune and Saturn. We have then, head (Uranus), heart (Neptune) and throat (Saturn).

438. Theo tôi, bộ ba lớn hơn cuối cùng là Sao Thiên Vương, Sao Hải Vương và Sao Thổ. Khi đó chúng ta có đầu (Sao Thiên Vương), tim (Sao Hải Vương) và cổ họng (Sao Thổ).

439. If we count the ajna center as more major than the heart, Neptune still fits as the ajna is the seat of the higher creative imagination and upholds a second ray function when comparing head, ajna and throat (or alta major).

439. Nếu chúng ta xem trung tâm ajna là chính yếu hơn tim, Sao Hải Vương vẫn phù hợp vì ajna là nơi ngự của sự tưởng tượng sáng tạo cao hơn và duy trì một chức năng cung hai khi so sánh đầu, ajna và cổ họng (hay alta major).

9. What is the karma of the different schemes?

9. Nghiệp quả của các hệ hành tinh khác nhau là gì?

440. The veil has been wisely thrown over “planetary lore”. (cf. TCF 1051)

440. Tấm màn đã được khôn ngoan phủ lên “huyền học hành tinh”. (x. TCF 1051)

441. We are told something about Saturn forming the bridge for souls to travel from

441. Chúng ta được cho biết đôi điều về việc Sao Thổ tạo thành cây cầu để các linh hồn đi

the first to the second solar system. We also gather that the karma of the Logos of Earth (much complicated by the Moon-chain disaster) makes it the major heir of the tendencies of the first solar system, and also the recipient of much of the matter-substance of that system.

từ hệ mặt trời thứ nhất sang hệ mặt trời thứ hai. Chúng ta cũng suy ra rằng nghiệp quả của Thượng đế của Trái Đất (bị làm cho phức tạp rất nhiều bởi thảm họa Dãy Mặt Trăng) khiến nó trở thành kẻ thừa hưởng chính những khuynh hướng của hệ mặt trời thứ nhất, và cũng là kẻ tiếp nhận phần lớn vật chất-chất liệu của hệ ấy.

442. Mercury is much older than Venus and is also related to the first solar system.

442. Sao Thủy cổ xưa hơn Sao Kim rất nhiều và cũng liên hệ với hệ mặt trời thứ nhất.

443. Venus is like the Christ of our present solar system—having, like the Christ, made the greatest and most rapid progress.

443. Sao Kim giống như Đức Christ của hệ mặt trời hiện tại của chúng ta—đã, giống như Đức Christ, đạt được sự tiến bộ lớn lao nhất và nhanh chóng nhất.

444. Jupiter and Sol are rivals in a way, for Jupiter was almost a star, and is perhaps the Planetary Logos most like Sol in this our present solar system.

444. Sao Mộc và Sol theo một nghĩa nào đó là những đối thủ, vì Sao Mộc gần như đã là một ngôi sao, và có lẽ là Đức Hành Tinh Thượng Đế giống Sol nhất trong hệ mặt trời hiện tại này của chúng ta.

445. Earth has the reputation of a Divine Rebel, and I would think Mars is closely related in this 'attitude'.

445. Trái Đất có tiếng là một Kẻ Phản Loạn Thiêng Liêng, và tôi nghĩ Sao Hỏa có liên hệ chặt chẽ trong "thái độ" này.

446. As for Neptune, its karma is probably strange, as it is said not really to belong to our solar system at all. Perhaps, Neptune is about the business of breaking down boundaries—a familiar approach to those human beings in whose chart Neptune is prominent.

446. Còn về Sao Hải Vương, nghiệp quả của nó có lẽ kỳ lạ, vì người ta nói rằng nó thật ra hoàn toàn không thuộc hệ mặt trời của chúng ta. Có lẽ Sao Hải Vương đang làm công việc phá vỡ các ranh giới—một cách tiếp cận quen thuộc đối với những con người mà trong lá số chiêm tinh của họ Sao Hải Vương nổi bật.

447. But as for the real karma of all of these Planetary Logoi, one would have to know Their origin and that which they experienced in an earlier system or systems. This is beyond our ken.

447. Nhưng còn về nghiệp quả thực sự của tất cả các Đức Hành Tinh Thượng Đế này, người ta sẽ phải biết nguồn gốc của Các Ngài và điều mà Các Ngài đã trải qua trong một hay nhiều hệ trước. Điều này vượt ngoài tầm hiểu biết của chúng ta.

10. What is the over-balancing karma of the Logos Himself as it affects the ten schemes within His system?

448. Again, we cannot answer this. We are told that our Solar Logos is largely astral-buddhic in nature and is in the midst of many struggles. Did He fail as did our own Planetary Logos to Whom He (the Solar Logos) is so closely related? We cannot know. There was a "rebellion" in the first solar system, and this rebellion may have contributed to a kind of failure.

449. We do realize that our Solar Logos is becoming more and more Christ-like in the cosmic sense. This probably relates Him to Gemini strongly. His relationship to the constellations Leo and Taurus is also substantial.

All these questions, and numbers of others, will arise in the mind of the interested student, but beyond the formulation of them he may not as yet go,

450. Even the formulation is useful, because it suggests hints. Hints suggest the 'direction of solution'.

though the fifth round will see the realisation, by men, of the nature of the karma of the Logos of our chain.

451. Why the word "chain"? A chain is usually an intra-schemic structure?

10. Nghiệp quả áp đảo của chính Thượng đế là gì khi nó tác động đến mười hệ hành tinh trong hệ của Ngài?

448. Một lần nữa, chúng ta không thể trả lời điều này. Chúng ta được bảo rằng Thái dương Thượng đế của chúng ta phần lớn có bản chất cảm dục-Bồ đề và đang ở giữa nhiều cuộc đấu tranh. Ngài có thất bại như chính Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, Đấng mà Ngài (Thái dương Thượng đế) có liên hệ rất mật thiết, đã thất bại không? Chúng ta không thể biết. Đã có một "cuộc nổi loạn" trong hệ mặt trời thứ nhất, và cuộc nổi loạn này có thể đã góp phần vào một loại thất bại nào đó.

449. Chúng ta quả thật nhận ra rằng Thái dương Thượng đế của chúng ta đang ngày càng trở nên giống Đức Christ hơn theo nghĩa vũ trụ. Điều này có lẽ liên hệ Ngài mạnh mẽ với Gemini. Mối liên hệ của Ngài với các chòm sao Leo và Taurus cũng rất đáng kể.

Tất cả những câu hỏi này, và vô số câu hỏi khác, sẽ nảy sinh trong trí tuệ của đạo sinh quan tâm, nhưng ngoài việc hình thành chúng ra thì hiện y vẫn chưa thể đi xa hơn,

450. Ngay cả việc hình thành chúng cũng hữu ích, vì nó gợi ra những ám chỉ. Những ám chỉ gợi ra "hướng đi của giải pháp".

dù cuộc tuần hoàn thứ năm sẽ chứng kiến sự chứng nghiệm, bởi con người, về bản chất của nghiệp quả của Thượng đế của dãy của chúng ta.

451. Vì sao lại dùng từ "dãy"? Một dãy thường là một cấu trúc nội-hệ hành tinh chăng?

452. Yet it is possible to call a planetary scheme a "chain" in relation to our Solar Logos. It is also possible to call the entire solar system a "chain" in relation to the manifestation of the Cosmic Logos, the Constellational Logos.

452. Tuy nhiên, có thể gọi một hệ hành tinh là một "dãy" trong liên hệ với Thái dương Thượng đế của chúng ta. Cũng có thể gọi toàn bộ hệ mặt trời là một "dãy" trong liên hệ với sự biểu hiện của Thượng đế Vũ Trụ, Thượng đế Chòm Sao.

453. Note the word "realization" in relation to the fifth round and presumably the fifth ray. We may remember that the siddhi called "Realization" is expressed upon the *fifth* level of the *fifth* (or atmic) plane, numbering from below.

453. Hãy lưu ý từ "chứng nghiệm" trong liên hệ với cuộc tuần hoàn thứ năm và có lẽ là cung năm. Chúng ta có thể nhớ rằng siddhi được gọi là "Chứng nghiệm" được biểu lộ trên cấp độ *thứ năm* của cõi *thứ năm* (hay cõi atma), tính từ dưới lên.

454. The number *five* will confer upon us both sight and understanding.

454. Con số *năm* sẽ ban cho chúng ta cả thị giác lẫn sự thấu hiểu.

455. In the fifth round much Sirian knowledge will emerge—Sirius also is potent in relation to the number *five.* Sirius is also the repository of knowledge concerning the karma of our Solar Logos and presumably of our Planetary Logos (to which Sirius is strangely, closely related, we are told).

455. Trong cuộc tuần hoàn thứ năm, nhiều tri thức Sirian sẽ xuất hiện—Sirius cũng đầy uy lực trong liên hệ với con số *năm.* Sirius cũng là kho tàng tri thức liên quan đến nghiệp quả của Thái dương Thượng đế của chúng ta và có lẽ cả của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta nữa (Đấng mà Sirius, như chúng ta được bảo, có liên hệ kỳ lạ và mật thiết).

Words, as oft we have been told, blind and stultify.

Như chúng ta thường được bảo, lời nói làm mù lòa và làm trì độn.

456. One can feel the Tibetan's frustration in this regard, but He uses what He has.

456. Người ta có thể cảm nhận sự thất vọng của Chân sư Tây Tạng về phương diện này, nhưng Ngài sử dụng những gì Ngài có.

In summing up, this quality of manas may be somewhat apprehended if the student regards it as the intelligent [Page 355] will. the active purpose, and the fixed idea of some Entity which brings about existence, utilises form, and works out effects from causes through discrimination in matter, separation into form, and the driving of all

Tóm lại, phẩm tính này của **manas có thể phần nào được lĩnh hội nếu đạo sinh xem nó như ý chí [Page 355]thông tuệ, mục đích năng động, và ý tưởng cố định của một Thực Thể nào đó, Đấng làm phát sinh hiện hữu, sử dụng hình tướng, và triển khai các kết quả từ các nguyên nhân thông qua sự phân biện trong vật chất, sự phân ly thành hình tướng, và sự thúc đẩy mọi đơn vị**

units within His sphere of influence to the fulfilment of that set purpose.

trong phạm vi ảnh hưởng của Ngài đến chỗ hoàn thành mục đích đã định ấy.

457. This is one of those great summary definitions.

457. Đây là một trong những định nghĩa tổng kết vĩ đại ấy.

458. One senses many hard line rays in this definition—1-3-5-7.

458. Người ta cảm nhận nhiều cung tuyến cứng trong định nghĩa này—1-3-5-7.

459. In terms of the rays:

459. Xét theo các cung:

a. Intelligent will suggests 3 and 1

a. Ý chí thông tuệ gợi ý 3 và 1

b. Active purpose suggests 3 and 1

b. Mục đích năng động gợi ý 3 và 1

c. Fixed idea suggests 5 and 1 with some 6

c. Ý tưởng cố định gợi ý 5 và 1 cùng một ít 6

d. Simply there is much 3 and 1, with discrimination, separation and a driving of units.

d. Nói đơn giản, có rất nhiều 3 và 1, cùng với sự phân biện, phân ly và sự thúc đẩy các đơn vị.

e. Set purpose suggests ray 1.

e. Mục đích đã định gợi ý cung 1.

460. The "Entity" discussed may be the One About Whom Naught May Be Said.

460. "Thực Thể" được bàn đến có thể là Đấng Bất Khả Tư Nghị.

Man is the originating source of mind as regards the matter of his vehicles, and their latent manasic impulse. So again with a Heavenly Man and His larger sphere of influence, and so with the solar Logos.

Con người là nguồn khởi nguyên của trí tuệ xét về vật chất của các vận cụ của y, và xung lực manas tiềm tàng của chúng. Cũng vậy đối với một Đấng Thiên Nhân và khối cầu ảnh hưởng lớn hơn của Ngài, và cũng vậy đối với Thái dương Thượng đế.

461. Each of the three major types of atoms we are studying is the originating source of mind in relation to the matter of his vehicles.

461. Mỗi một trong ba loại nguyên tử chính yếu mà chúng ta đang nghiên cứu đều là nguồn khởi nguyên của trí tuệ trong liên hệ với vật chất của các vận cụ của mình.

Each discriminated, and thus formed His ring-pass-not;

Mỗi Đấng đều phân biện, và như thế hình thành vòng-giới-hạn của Ngài;

462. The ring-pass-not is related to Saturn, the third ray, and to the higher prototypes of Saturn.

462. Vòng-giới-hạn có liên hệ với Sao Thổ, cung ba, và với các nguyên mẫu cao hơn của Sao Thổ.

each has a purpose in view for every incarnation;

mỗi Đấng đều có một mục đích nhắm đến cho mỗi lần lâm phàm;

463. Purpose is a blend of the second and first rays: it relates to the second aspect of the first ray—synthesis, in which the whole is conceived as One.

463. Mục đích là sự pha trộn của cung hai và cung một: nó liên hệ với phương diện thứ hai của cung một—tổng hợp, trong đó toàn thể được quan niệm là Một.

each is actively following and intelligently working to effect certain ends, and thus each is the originator of manas to His scheme; each is the animating fire of intelligence to his system; each, through this very manasic principle individualises,

mỗi Đấng đều đang tích cực theo đuổi và thông tuệ làm việc để tạo ra những cứu cánh nhất định, và như thế mỗi Đấng là nguồn khởi phát của manas đối với hệ của Ngài; mỗi Đấng là ngọn lửa sinh động của trí tuệ đối với hệ thống của mình; mỗi Đấng, thông qua chính nguyên khí manas này, biệt ngã hóa,

464. In the case of the Planetary Logos and Solar Logos, We are speaking of a higher form of individualization or 'coming to Selfhood'

464. Trong trường hợp của Đức Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế, Chúng Ta đang nói đến một hình thức biệt ngã hóa cao hơn hay "đi đến Tự ngã tính"

expands gradually this self-realisation **till it includes the ring-pass-not of the Entity through Whom the fifth principle comes to him**;

mở rộng dần dần sự chứng nghiệm bản ngã này **cho đến khi nó bao gồm vòng-giới-hạn của Thực Thể mà qua Ngài nguyên khí thứ năm đến với y**;

465. Each grows into a realization of the greater Being Who bestows manas upon Him. Our consciousness expands into the consciousness of the One Who includes our consciousness.

465. Mỗi Đấng lớn lên để đi đến một sự chứng nghiệm về Hữu Thể lớn hơn, Đấng ban manas cho Ngài. Tâm thức của chúng ta mở rộng vào tâm thức của Đấng bao hàm tâm thức của chúng ta.

and each attains initiation, and eventually escapes from form.

và mỗi Đấng đều đạt điểm đạo, và cuối cùng thoát khỏi hình tướng.

466. Escapes from His own form, but not at first from the ring-pass-not of the One

466. Thoát khỏi hình tướng riêng của Ngài, nhưng lúc đầu chưa thoát khỏi vòng-giới-

Whose consciousness and Whose manas includes his own consciousness and manas.

hạn của Đấng mà tâm thức và manas của Ngài bao hàm tâm thức và manas của chính vị ấy.

TCF 355-369: S4S3

6 – 21 November 2006

6 – 21 tháng Mười Một 2006

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận được trình bày bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be read with the *TCF* book handy, for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

Xin gợi ý rằng phần Bình Luận này nên được đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh, vì tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ ra, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.

1. After considering cosmic and planetary manas, we now focus on the human level.

1. Sau khi xem xét manas vũ trụ và hành tinh, giờ đây chúng ta tập trung vào cấp độ con người.

3. Human Manas.

3. Manas của con người.

We are now to consider primarily man and the manasic principle, its development in the fourth Creative Hierarchy, the human Monads, with special reference to our Earth chain.

Giờ đây chúng ta chủ yếu sẽ xem xét con người và nguyên khí manas, sự phát triển của nó trong Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, các Chân Thần nhân loại, đặc biệt liên hệ với dãy Địa Cầu của chúng ta.

2. After many cosmic and super-cosmic considerations, we are confining our subject to man (not as he is in the solar system) but as he is precisely on our Earth-chain. Our subject does not even cover manas as it expresses on planetary chains.

2. Sau nhiều xem xét vũ trụ và siêu-vũ-trụ, chúng ta đang giới hạn chủ đề của mình vào con người (không phải như y ở trong hệ mặt trời) mà chính xác là như y ở trên dãy Địa Cầu của chúng ta. Chủ đề của chúng ta thậm chí cũng không bao quát manas như nó biểu lộ trên các dãy hành tinh.

3. When we consider manas, we are considering the Spirit manifesting through the forms it has created.

We have seen that, **to all intents and purposes, manas is the active will of an Entity working itself out through all the lesser lives who go to the content of the ring-pass-not or sphere of influence of the indwelling Existence.**

4. We have seen that DK's discussion of manas is largely inseparable from will.

5. Manas emanates from an indwelling Existence or Entity.

6. Note the phrase "content of the ring-pass-not". What are the lives which go to the content of the ring-pass-not of any of the atoms currently under discussion?

7. What are the types of lives which go the content of the ring-pass-not of the atom of matter-substance? Are they subatomic particles?

Therefore—as concerning **man on this chain—he is but expressing the purpose and the will in action of the planetary Logos in Whose body he is a cell or lesser life.**

8. As man develops, he finds in himself an expression of the Plan of the Planetary Logos in Whom we live and move and have our being.

certain mysteries arise consequently for our consideration which are connected with the life cycles of the Heavenly Man of our

3. Khi chúng ta xem xét manas, chúng ta đang xem xét tinh thần biểu hiện qua những hình tướng mà nó đã tạo ra.

Chúng ta đã thấy rằng, **xét về mọi phương diện thực tiễn, manas là ý chí năng động của một Thực Thể đang tự triển khai qua tất cả những sự sống nhỏ hơn tạo nên nội dung của vòng-giới-hạn hay khối cầu ảnh hưởng của Hiện Hữu nội tại.**

4. Chúng ta đã thấy rằng phần bàn luận của Chân sư DK về manas phần lớn bất khả phân ly với ý chí.

5. Manas phát xạ từ một Hiện Hữu hay Thực Thể nội tại.

6. Hãy lưu ý cụm từ "nội dung của vòng-giới-hạn". Những sự sống nào tạo nên nội dung của vòng-giới-hạn của bất kỳ nguyên tử nào hiện đang được bàn đến?

7. Những loại sự sống nào tạo nên nội dung của vòng-giới-hạn của nguyên tử vật chất-chất liệu? Chúng có phải là các hạt hạ nguyên tử không?

Vì vậy—xét về **con người trên dãy này—y chỉ đang biểu lộ mục đích và ý chí trong hành động của Đức Hành Tinh Thượng Đế mà trong thân thể của Ngài y là một tế bào hay một sự sống nhỏ hơn.**

8. Khi con người phát triển, y tìm thấy trong chính mình một sự biểu lộ của Thiên Cơ của Đức Hành Tinh Thượng Đế mà trong Ngài chúng ta sống, vận động và hiện hữu.

do đó một số huyền nhiệm nảy sinh để chúng ta xem xét, những huyền nhiệm này liên hệ với các chu kỳ sự sống của Đấng

scheme, and particularly in relation to **that special incarnation of His which we call the cycle [Page 356] of manifestation on the dense physical globe, the earth.**

Thiên Nhân của hệ hành tinh chúng ta, và đặc biệt liên hệ với **lần lâm phàm đặc biệt ấy của Ngài mà chúng ta gọi là chu kỳ [Page 356] biểu hiện trên bầu hành tinh hồng trần đậm đặc, trái đất.**

9. Incarnations of our Planetary Logos are variously described: sometimes rounds are considered incarnations; sometimes root race or sub-races; sometimes globes and probably even chains.

9. Những lần lâm phàm của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta được mô tả theo nhiều cách: đôi khi các cuộc tuần hoàn được xem là những lần lâm phàm; đôi khi là các giống dân gốc hay giống dân phụ; đôi khi là các bầu hành tinh và có lẽ cả các dãy nữa.

10. A Planetary Logos or Heavenly Man is a Being with many types of "life cycles", many of them occurring simultaneously.

10. Một Đức Hành Tinh Thượng Đế hay Đấng Thiên Nhân là một Hữu Thể có nhiều loại "chu kỳ sự sống", nhiều chu kỳ trong số đó diễn ra đồng thời.

He wears the planetary body as man wears the robe of the physical body, and by means of this objective form He works His purposes out on the physical plane, through the factor of mind achieving certain goals.

Ngài mặc thể hành tinh như con người mặc chiếc áo của thể xác, và nhờ hình tướng khách quan này Ngài triển khai các mục đích của Ngài trên cõi hồng trần, thông qua yếu tố trí tuệ mà đạt được những mục tiêu nhất định.

11. It has often been asked if our "dense physical globe" is *only* physical. It has been answered in the negative, by reminding ourselves that Sanat Kumara came to our fourth globe of the Earth-chain from the second globe of the Earth-chain, and that Shamballa exists as part of the expression of our fourth globe.

11. Người ta thường hỏi liệu "bầu hành tinh hồng trần đậm đặc" của chúng ta có *chỉ* là hồng trần hay không. Câu trả lời là không, bằng cách nhắc lại rằng Đức Sanat Kumara đã đến bầu hành tinh thứ tư của Dãy Địa Cầu từ bầu hành tinh thứ hai của Dãy Địa Cầu, và rằng Shamballa tồn tại như một phần của sự biểu lộ của bầu hành tinh thứ tư của chúng ta.

12. Mind, we see, is closely related to manifestation. Mind and matter are a closely interwoven pair.

12. Như chúng ta thấy, trí tuệ có liên hệ chặt chẽ với sự biểu hiện. Trí tuệ và vật chất là một cặp đan xen mật thiết.

Incidentally, the cells in His body conform to that Mind which plays upon them, just as man, the intelligent principle of incarnation on the physical plane, **brings**

Nhân tiện, các tế bào trong thân thể của Ngài tuân theo Trí Tuệ đang tác động lên chúng, cũng như con người, nguyên khí thông tuệ của sự lâm phàm trên cõi hồng

into conformity with his purpose the atoms of his body, and stimulates ever more and more the spirillae of those atoms by the force of his mind playing upon them.

trần, **đưa các nguyên tử trong thể của mình vào sự phù hợp với mục đích của y**, và ngày càng kích thích hơn nữa các loa tuyến của những nguyên tử ấy bằng mãnh lực của trí tuệ y tác động lên chúng.

13. The factor of conformity is Saturnian, and the mentality which plays upon man has much of the third ray and first ray forces of Saturn within it.

13. Yếu tố của sự tuân hợp mang tính Sao Thổ, và trí tuệ tác động lên con người chứa nhiều mãnh lực cung ba và cung một của Sao Thổ trong đó.

14. The definition of man here given is noteworthy: "man, the intelligent principle of incarnation on the physical plane".

14. Định nghĩa về con người được đưa ra ở đây thật đáng chú ý: "con người, nguyên khí thông tuệ của sự lâm phàm trên cõi hồng trần".

15. The stimulation of spirillae arises from the imposition of manas. Manas is a progressive force when it comes to promoting the development of material units.

15. Sự kích thích các loa tuyến phát sinh từ việc áp đặt manas. Manas là một mãnh lực tiến bộ khi nói đến việc thúc đẩy sự phát triển của các đơn vị vật chất.

16. Systemic planes are as spirillae to the Solar Logos, and, to a degree, to the Planetary Logos. The aggregations of similar kinds of vehicles utilized by many men are as spirillae to the Planetary Logos.

16. Các cõi hệ thống giống như các loa tuyến đối với Thái dương Thượng đế, và ở một mức độ nào đó, đối với Đức Hành Tinh Thượng Đế. Những tập hợp các loại vận cụ tương tự được nhiều người sử dụng giống như các loa tuyến đối với Đức Hành Tinh Thượng Đế.

17. Within humanity as a whole, the fifth principle is under stimulation. Within the bodies of the individual man, the fifth spirillae of his individual atoms is under stimulation.

17. Bên trong toàn thể nhân loại, nguyên khí thứ năm đang được kích thích. Bên trong các thể của con người cá nhân, các loa tuyến thứ năm của những nguyên tử cá nhân của y đang được kích thích.

Here comes the opportunity to make clear something that is oft lost sight of in the general fog surrounding this subject.

Ở đây xuất hiện cơ hội để làm sáng tỏ một điều thường bị bỏ quên trong màn sương mù chung bao quanh chủ đề này.

18. DK sees the mental obscurity in which we labor.

18. Chân sư DK thấy sự mờ tối trí tuệ trong đó chúng ta lao nhọc.

The human and deva units on the upward arc, who are the cells in His body, go to the formation of the centres, and not to the remainder of the cellular vital substance of His vehicles.

Các đơn vị người và thiên thần trên cung đi lên, là những tế bào trong thân thể của Ngài, góp phần vào sự hình thành các trung tâm, chứ không góp vào phần còn lại của chất liệu sinh lực tế bào trong các vận cụ của Ngài.

19. It may be that deva units are more inclined to form the lower centers and human units, the higher.

19. Có thể là các đơn vị thiên thần nghiêng nhiều hơn về việc hình thành các trung tâm thấp và các đơn vị người thì các trung tâm cao.

20. The body (solar, planetary, human or other) is hierarchically organized. In the body of the Planetary Logos, the substance of the centers of force is of greater hierarchical priority than the "remainder of the cellular vital substance".

20. Thể (thái dương, hành tinh, nhân loại hay loại khác) được tổ chức theo phẩm trật. Trong thể của Đức Hành Tinh Thượng Đế, chất liệu của các trung tâm lực có mức ưu tiên phẩm trật cao hơn "phần còn lại của chất liệu sinh lực tế bào".

Man has a body made up of matter which is applied to different uses, yet which forms a unit.

Con người có một thể được cấu thành bằng vật chất được dùng vào những công dụng khác nhau, nhưng vẫn tạo thành một đơn vị.

21. We have in man (as in all units great and small) a division of labor. Matter is organized hierarchically within the material nature of man.

21. Trong con người (cũng như trong mọi đơn vị lớn nhỏ) chúng ta có một sự phân công lao động. Vật chất được tổ chức theo phẩm trật bên trong bản chất vật chất của con người.

22. This hierarchical organization may also obtain within the subtle bodies of man.

22. Sự tổ chức theo phẩm trật này cũng có thể hiện hữu trong các thể vi tế của con người.

In this unit there are certain areas of more vital importance than other areas from the standpoint of energising force.

Trong đơn vị này có những khu vực quan trọng sinh lực hơn những khu vực khác *xét từ quan điểm của mãnh lực tiếp sinh lực.*

23. We note the phrase "of more vital importance". Those areas of more vital importance serve the purposes of the indwelling Life more thoroughly and accurately. The indwelling life is the "energising force".

23. Chúng ta lưu ý cụm từ "quan trọng sinh lực hơn". Những khu vực có tầm quan trọng sinh lực hơn ấy phụng sự các mục đích của Sự sống nội tại một cách trọn vẹn và chính xác hơn. Sự sống nội tại là "mãnh lực tiếp sinh lực".

Such an area as the heart may, in this connection, be considered and compared (as regards force value) with such an area as the calf of the leg.

Một khu vực như tim, trong mối liên hệ này, có thể được xét đến và so sánh (về giá trị lực) với một khu vực như bắp chân.

24. DK is teaching us through this comparison, as the calf of the leg is ruled by Aquarius, the sign opposite Leo, which rules the heart.

24. Chân sư DK đang dạy chúng ta qua sự so sánh này, vì bắp chân được cai quản bởi Bảo Bình, dấu hiệu hoàng đạo đối nghịch với Sư Tử, vốn cai quản tim.

25. It is obvious, but one can live without the calf of the leg, but not without the heart (or an artificial substitute). Yet the calf of the leg acts as a pump for blood and serves the heart.

25. Điều này là hiển nhiên, nhưng người ta có thể sống mà không có bắp chân, chứ không thể không có tim (hoặc một vật thay thế nhân tạo). Tuy nhiên bắp chân hoạt động như một cái bơm cho máu và phụng sự tim.

The entity, man, utilises both, but the heart centre is of paramount importance.

Thực thể là con người sử dụng cả hai, nhưng trung tâm tim có tầm quan trọng tối thượng.

26. The principle is clear.

26. Nguyên lý này thật rõ ràng.

Thus is it also with a Heavenly Man. The two great Hierarchies—deva and human—are force centres in the body of a planetary Logos;

Với một Đấng Thiên Nhân cũng vậy. Hai Huyền Giai lớn—thiên thần và nhân loại—là các trung tâm lực trong thân thể của một Hành Tinh Thượng Đế;

27. The body, of course, consists of a number of dimensions—not just the physical-etheric.

27. Dĩ nhiên, thể ấy gồm một số chiều kích—không chỉ riêng hồng trần-dĩ thái.

28. From the solar logoic perspective, all that is found upon the cosmic physical plane is the *physical body* in its ethereal and dense portions.

28. Từ quan điểm của Thái dương Thượng đế, tất cả những gì được tìm thấy trên cõi hồng trần vũ trụ đều là *thể xác* trong các phần dĩ thái và đậm đặc của nó.

29. With regard to the Planetary Logos, the deva evolution can be correlated with the sacral center (a form-building center) and the human evolution (generally) with the throat center.

29. Đối với Hành Tinh Thượng Đế, tiến hóa thiên thần có thể được tương liên với trung tâm xương cùng (một trung tâm tạo hình) và tiến hóa nhân loại (nói chung) với trung tâm cổ họng.

the other evolutions of an involutionary nature extant within the scheme, and the remainder of the active substance of the globes, and all contained therein, go to the content of the remainder of His body.

các tiến hóa khác có bản chất giáng hạ tiến hoá hiện tồn trong hệ hành tinh, và phần còn lại của chất liệu hoạt động của các bầu hành tinh, cùng mọi thứ chứa trong đó, góp vào nội dung của phần còn lại trong thân thể của Ngài.

30. We are differentiating between evolutionary and involutionary substance (from the perspective of the Planetary Logos).

30. Chúng ta đang phân biệt giữa chất liệu thăng thượng tiến hoá và giáng hạ tiến hoá (từ quan điểm của Hành Tinh Thượng Đế).

31. All evolutions exist within the body corporate, but according to their degree of evolution, so is their importance to the Including Life, the 'Energizing Force'.

31. Mọi tiến hóa đều hiện hữu trong tổng thể ấy, nhưng tùy theo mức độ tiến hóa của chúng mà tầm quan trọng của chúng đối với Sự Sống Bao Gồm, "Mãnh lực Tiếp sinh lực", cũng như vậy.

32. Every vehicle has its chakras. The chakras are of a higher order of substance than the general substance of the vehicle in which they take shape as vortices.

32. Mọi vận cụ đều có các luân xa của nó. Các luân xa thuộc một trật tự chất liệu cao hơn chất liệu chung của vận cụ trong đó chúng thành hình như những xoáy lực.

a. Man and the planetary Logos. With the deva evolution at this point we have nought to do.

a. Con người và Hành Tinh Thượng Đế. Với tiến hóa thiên thần ở điểm này, chúng ta không có gì để bàn đến.

33. For the moment, the Tibetan is focussing His attention on man. He does say quite a bit about the deva evolution later in the book.

33. Hiện giờ, Chân sư Tây Tạng đang tập trung sự chú ý của Ngài vào con người. Về sau trong sách, Ngài quả có nói khá nhiều về tiến hóa thiên thần.

34. Man, actually, has much to do with the deva evolution, but not much of their relationship is yet conscious—from the human perspective.

34. Thật ra, con người có rất nhiều liên hệ với tiến hóa thiên thần, nhưng từ quan điểm nhân loại, chưa có nhiều điều trong mối liên hệ ấy là hữu thức.

I seek to concentrate attention on man, as he functions on earth.

Tôi tìm cách tập trung sự chú ý vào con người, như y hoạt động trên Trái Đất.

35. This is one of the practical sections of TCF.

In order to clarify the idea of manas and its relation to a human being it is necessary to point out certain things [Page 357] in connection with a Heavenly Man which must be borne in mind.

36. To see man clearly, we must also reference the Heavenly Man in Whom man is a corporate part.

First, that each Heavenly Man holds the position of a centre in the body of a solar Logos; therefore, the Logos of a scheme will embody some outstanding characteristic.

37. As each chakra expresses a predominant quality—according to ray, impinging astrological influences and general role within the body corporate, so will each of the Planetary Logoi (considered as chakras within the Solar Logos) express a predominating quality or "outstanding characteristic".

38. We have speculated much on which planets can be assigned to which solar logoic chakras. Much, however, remains to be ascertained.

39. The entire matter of assigning Planetary Logoi to chakric positions is subject to 'temporal fluidity'.

The ten schemes are the seven, and the synthesising three—not the seven and a lower three.

35. Đây là một trong những phần thực tiễn của Luận về Lửa Vũ Trụ.

Để làm sáng tỏ ý niệm về manas và mối liên hệ của nó với một con người, cần phải chỉ ra một số điều [Page 357] liên quan đến một Đấng Thiên Nhân mà phải được ghi nhớ.

36. Muốn thấy rõ con người, chúng ta cũng phải quy chiếu đến Đấng Thiên Nhân mà trong Ngài con người là một phần tập thể.

Thứ nhất, mỗi Đấng Thiên Nhân giữ vị trí của một trung tâm trong thể của một Thái dương Thượng đế; vì vậy, Thượng đế của một hệ hành tinh sẽ hiện thân một đặc tính nổi bật nào đó.

37. Cũng như mỗi luân xa biểu lộ một phẩm tính trội—tùy theo cung, các ảnh hưởng chiêm tinh tác động vào và vai trò chung trong tổng thể—thì mỗi Hành Tinh Thượng Đế (được xét như các luân xa bên trong Thái dương Thượng đế) cũng sẽ biểu lộ một phẩm tính trội hay "đặc tính nổi bật".

38. Chúng ta đã suy đoán rất nhiều về việc hành tinh nào có thể được gán cho luân xa thái dương nào. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều điều phải được xác định.

39. Toàn bộ vấn đề gán các Hành Tinh Thượng Đế vào những vị trí luân xa còn tùy thuộc vào "tính linh động theo thời gian".

Mười hệ hành tinh là bảy và ba hệ tổng hợp—không phải bảy và ba thấp.

40. Here we are speaking of *ten* planetary schemes, among which are non-sacred schemes.

40. Ở đây chúng ta đang nói về *mười* hệ hành tinh, trong đó có những hệ không thiêng liêng.

41. In this enumeration the three Logoi surrounding the Solar Logos do not seem to be included.

41. Trong cách liệt kê này, ba Thượng đế bao quanh Thái dương Thượng đế dường như không được kể vào.

42. There, are, however a "lower three" as well as a 'higher three'. Counting seven, a lower three, a higher three and a 'circum-logoic' three, we have the number *sixteen*—a number important to the construction of the egoic lotus and to the throat center.

42. Tuy nhiên, có một "ba thấp" cũng như một "ba cao". Tính bảy, một ba thấp, một ba cao và một bộ ba "quanh-logoic", chúng ta có con số *mười sáu*—một con số quan trọng đối với cấu trúc của Hoa Sen Chân Ngã và đối với trung tâm cổ họng.

43. DK seems to be answering regarding whether there are three in addition to the seven or whether the ten are to be derived *from* the within the seven, with the primary trinity counted twice.

43. Chân sư DK dường như đang trả lời câu hỏi liệu có ba hệ ngoài bảy hệ hay mười hệ phải được rút ra *từ* bên trong bảy hệ, với bộ ba sơ khởi được tính hai lần.

The lower centres were vital in the last solar system (**from the esoteric standpoint**), and are not counted in this; they were synthesised and absorbed during the obscuration process of System I.

Các trung tâm thấp là sinh lực trong hệ mặt trời trước (**xét từ quan điểm huyền bí**), và không được tính trong hệ này; chúng đã được tổng hợp và hấp thu trong tiến trình che khuất của Hệ I.

44. What do we really mean by the "lower centres"? Do we mean base of the spine center, sacral center and solar plexus center? There is reason to think we do not, but, instead, three still lower centers which were synthesized at the conclusion of System I.

44. Thực sự chúng ta muốn nói gì khi nói đến "các trung tâm thấp"? Có phải chúng ta muốn nói trung tâm đáy cột sống, trung tâm xương cùng và trung tâm tùng thái dương không? Có lý do để nghĩ rằng không phải vậy, mà là ba trung tâm còn thấp hơn nữa đã được tổng hợp vào lúc kết thúc Hệ I.

45. We note that the three lowest centers (as *usually* considered) are very active in this solar system. The base of the spine center is even active at the fifth initiation, which our Solar Logos is still far from achieving.

45. Chúng ta lưu ý rằng ba trung tâm thấp nhất (như *thường* được hiểu) rất hoạt động trong hệ mặt trời này. Trung tâm đáy cột sống thậm chí còn hoạt động ở lần điểm đạo thứ năm, điều mà Thái dương Thượng đế của chúng ta vẫn còn rất xa mới đạt tới.

46. These three (synthesized at the end of the previous solar system) may in some manner related to the "eighth sphere" and to a plane which is considered subliminal to our lowest or seventh systemic plane.

46. Ba trung tâm này (được tổng hợp vào cuối hệ mặt trời trước) có thể theo cách nào đó liên hệ với "khối cầu thứ tám" và với một cõi được xem là ở dưới ngưỡng của cõi hệ thống thấp nhất hay cõi thứ bảy của chúng ta.

47. The relationship between the three and eight is closely guarded. Something about the sign Scorpio is here suggested.

47. Mối liên hệ giữa ba và tám được canh giữ rất kín. Ở đây có điều gì đó được gợi ý về dấu hiệu Hổ Cáp.

48. It would be of interest to know which planets in the last solar system represented these centers. We do recall that the Buddhas of Activity were highly manasic Planetary Logoi in the last solar system.

48. Sẽ rất đáng quan tâm nếu biết những hành tinh nào trong hệ mặt trời trước đã đại diện cho các trung tâm này. Chúng ta nhớ rằng các Đức Phật Hoạt Động là những Hành Tinh Thượng Đế rất manas trong hệ mặt trời trước.

Secondly, each Heavenly Man is consequently the embodiment of **a particular kind of electrical force which flows through His scheme as man's force flows through some one of the etheric centres in his body.**

Thứ hai, do đó mỗi Đấng Thiên Nhân là hiện thân của **một loại lực điện đặc thù chảy qua hệ hành tinh của Ngài cũng như lực của con người chảy qua một trong các trung tâm dĩ thái trong thể của y.**

49. We do not leave the conception of "electrical force". Each Heavenly Man is expressive of some kind of electrical force. This is a predominating quality, and identifying what it is, is of value when determining the role of that particular Planetary Logos in the life expression of the Solar Logos.

49. Chúng ta không rời khỏi quan niệm về "lực điện". Mỗi Đấng Thiên Nhân biểu lộ một loại lực điện nào đó. Đây là một phẩm tính trội, và việc nhận diện nó là gì có giá trị khi xác định vai trò của Hành Tinh Thượng Đế đặc thù ấy trong biểu hiện sự sống của Thái dương Thượng đế.

50. We have been given the three major rays of our Planetary Logos—the first ray Monad, the second ray soul and the third ray personality. (cf. EA 619)

50. Chúng ta đã được cho biết ba cung chính của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta—chân thần cung một, linh hồn cung hai và phàm ngã cung ba. (x. EA 619)

51. Ray forces are, it would seem, *electrical forces.*

51. Có vẻ như các lực cung là *các lực điện.*

52. The term “electrical”, or “electric” seems ubiquitous when describing cosmos, mirroring the ubiquity of Fohat.

52. Thuật ngữ “điện”, hay “điện lực”, dường như hiện diện khắp nơi khi mô tả vũ trụ, phản chiếu tính phổ biến của Fohat.

Each scheme, as each human centre, will

Mỗi hệ hành tinh, cũng như mỗi trung tâm nhân loại, sẽ

a. Vibrate to some one key.

a. Rung động theo một chủ âm nào đó.

53. This will depend upon the degree of advancement of a Planetary Logos as it expresses through a planetary scheme.

53. Điều này sẽ tùy thuộc vào mức độ tiến bộ của một Hành Tinh Thượng Đế khi Ngài biểu lộ qua một hệ hành tinh.

54. If the Logos functions as a personality, the key may be ‘pitched’ at a certain vibratory level; if as a soul, the key changes; if as a Monad, the key changes again.

54. Nếu Thượng đế ấy hoạt động như một phàm ngã, chủ âm có thể được “định” ở một cấp độ rung động nào đó; nếu như một linh hồn, chủ âm thay đổi; nếu như một chân thần, chủ âm lại thay đổi nữa.

55. We might say that our Planetary Logos is changing key and changing colour, as He moves from personality polarization toward soul polarization. He is not there yet.

55. Chúng ta có thể nói rằng Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang đổi chủ âm và đổi màu sắc, khi Ngài chuyển từ sự phân cực phàm ngã sang sự phân cực linh hồn. Ngài vẫn chưa ở đó.

b. Have its own colouring.

b. Có màu sắc riêng của nó.

56. We live on a blue-green planet, which colors are reflective of the personality and soul rays of our Planetary Logos (the third and second, respectively).

56. Chúng ta sống trên một hành tinh xanh lam-xanh lục, những màu này phản chiếu các cung phàm ngã và linh hồn của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta (lần lượt là cung ba và cung hai).

57. Perhaps within Ashrams, human beings are organized into groups of seven or multiples thereof, in order to express certain sub-ray types of the Ashram’s major ray.

57. Có lẽ trong các ashram, con người được tổ chức thành những nhóm bảy hoặc bội số của bảy, để biểu lộ một số loại cung phụ của cung chính của ashram.

c. Resemble, when seen from the higher planes, a vast lotus.

c. Giống như, khi được nhìn từ các cõi cao, một hoa sen rộng lớn.

58. All units of life are seen as flowers unfolding—the lotus, due to its structure and appearance, being the particularly apt symbol. Man, from a certain perspective, is a lotus (the egoic lotus being paramount at this time); the Planetary Logos and the Solar Logos, from certain perspectives, are also lotuses.

58. Mọi đơn vị sự sống đều được thấy như những đóa hoa đang khai mở—hoa sen, do cấu trúc và sắc tướng của nó, là biểu tượng đặc biệt thích hợp. Con người, từ một góc nhìn nào đó, là một hoa sen (Hoa Sen Chân Ngã hiện là điều tối quan trọng); Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế, từ một số góc nhìn nào đó, cũng là những hoa sen.

d. Possess, according to its vibratory capacity, a definite number of petals.

d. Sở hữu, tùy theo khả năng rung động của nó, một số lượng cánh hoa xác định.

59. It is interesting to consider that each of the planets has a certain number of petals. This stands to reason as the different chakras of the human being each has a distinct number of petals.

59. Thật thú vị khi suy xét rằng mỗi hành tinh đều có một số lượng cánh hoa nhất định. Điều này là hợp lý vì các luân xa khác nhau của con người mỗi cái đều có một số lượng cánh hoa riêng biệt.

60. Whether or not our Planetary Logos is or ever will be a heart center like the Solar Logos, it appears that He can be seen as a twelve-petalled lotus.

60. Dù Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta có phải hay sẽ bao giờ là một trung tâm tim như Thái dương Thượng đế hay không, có vẻ như Ngài có thể được thấy như một hoa sen mười hai cánh.

It is for that reason that the truly illumined man and all who have taken the three highest initiations are always referred to as "the diamond souled"; they, in their totality constitute the "jewel in the lotus"—**that twelve-petalled lotus which is the symbol and expression of the potency of the planetary Logos.** (TEV 91)

Chính vì lý do đó mà con người thật sự được soi sáng và tất cả những ai đã nhận ba lần điểm đạo cao nhất luôn được gọi là "những linh hồn kim cương"; họ, trong tính toàn thể của mình, cấu thành "ngọc trong hoa sen"—**hoa sen mười hai cánh ấy là biểu tượng và biểu hiện của quyền năng của Hành Tinh Thượng Đế.** (TEV 91)

8. The points in the third planetary petal, and groups of others related to the **twelve petalled planetary lotus,** (TCF 1082)

8. Các điểm trong cánh hoa hành tinh thứ ba, và các nhóm khác liên hệ với **hoa sen hành tinh mười hai cánh,** (TCF 1082)

61. In this fourth chain, fourth globe and fourth round the base of the spine center of the human being has four petals.

61. Trong dãy thứ tư, bầu hành tinh thứ tư và cuộc tuần hoàn thứ tư này, trung tâm đáy cột sống của con người có bốn cánh hoa.

62. From one perspective, the Earth-scheme is a base of the spine center, but perhaps is not fully mature as such a center.

62. Từ một góc nhìn, hệ hành tinh Địa Cầu là một trung tâm đáy cột sống, nhưng có lẽ chưa hoàn toàn trưởng thành như một trung tâm như thế.

63. It is reasonable to suspect that since planetary chains and planetary globes are all chakras as well, that each of them would have a distinct number of chakras.

63. Có lý để nghi ngờ rằng vì các dãy hành tinh và các bầu hành tinh cũng đều là các luân xa, nên mỗi cái trong số đó sẽ có một số lượng luân xa riêng biệt.

64. Perhaps the fourth chain and the fourth globe are also, in their own way, base of the spine centers, and have four petals. This cannot be confirmed by our present knowledge.

64. Có lẽ dãy thứ tư và bầu hành tinh thứ tư cũng, theo cách riêng của chúng, là những trung tâm đáy cột sống, và có bốn cánh hoa. Điều này không thể được xác nhận bằng tri thức hiện tại của chúng ta.

65. If our Earth-scheme, with its second ray soul, will ever be a solar logoic heart center, it seems that it will not be in the immediate solar systemic future.

65. Nếu hệ hành tinh Địa Cầu của chúng ta, với linh hồn cung hai của nó, rồi đây sẽ là một trung tâm tim của Thái dương Thượng đế, thì có vẻ điều đó sẽ không xảy ra trong tương lai gần của hệ mặt trời.

e. Be connected in geometrical formation with certain other centres of Heavenly Men, making systemic triangles.32

e. Được nối kết trong sự sắp xếp hình học với một số trung tâm khác của các Đấng Thiên Nhân, tạo thành các tam giác hệ thống.32

66. Each Heavenly Man functions in relation to a number of planetary triangles:

66. Mỗi Đấng Thiên Nhân hoạt động trong mối liên hệ với một số tam giác hành tinh:

a. Earth, Mars, Mercury is one.

a. Trái Đất, Sao Hỏa, Sao Thủy là một.

b. Earth, Venus, Mars is another

b. Trái Đất, Sao Kim, Sao Hỏa là một tam giác khác

c. Earth, Venus, Mercury is another

c. Trái Đất, Sao Kim, Sao Thủy là một tam giác khác

d. Earth, Vulcan, Pluto is another

d. Trái Đất, Vulcan, Sao Diêm Vương là một tam giác khác

e. Earth, Mars, Saturn is yet another, etc.

e. Trái Đất, Sao Hỏa, Sao Thổ lại là một tam giác khác nữa, v.v.

[A hint of this triangle of force was conveyed in *Letters on Occult Meditation,* page 79-84, when speaking of man and his centres.]

[Một gợi ý về tam giác lực này đã được truyền đạt trong *Letters on Occult Meditation,* trang 79-84, khi nói về con người và các trung tâm của y.]

67. One of the most important triangles is Earth, Mars, Venus, in which Venus is considered the alter-ego of Earth and its polar opposite, and Mars can be considered Earth's complimentary planet.

67. Một trong những tam giác quan trọng nhất là Trái Đất, Sao Hỏa, Sao Kim, trong đó Sao Kim được xem là đối phần của Trái Đất và là cực đối nghịch của nó, còn Sao Hỏa có thể được xem là hành tinh bổ sung của Trái Đất.

f. Be characterised by different stages of activity according to the initiation towards which the Logos may be working.

f. Được đặc trưng bởi những giai đoạn hoạt động khác nhau tùy theo lần điểm đạo mà Thượng đế ấy có thể đang hướng tới.

68. Things on our Earth are heating up considerably as our Planetary Logos prepares for a fourth *chain*-initiation through His fourth chain, the Earth-chain.

68. Mọi sự trên Trái Đất của chúng ta đang nóng lên đáng kể khi Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta chuẩn bị cho một lần điểm đạo *dãy* thứ tư qua dãy thứ tư của Ngài, tức Dãy Địa Cầu.

Thus, at one period one centre or Heavenly Man may be the subject of logoic attention, and of specialised stimulation, and at another period a totally different scheme may be the object of vitalisation.

Do đó, vào một thời kỳ, một trung tâm hay một Đấng Thiên Nhân có thể là đối tượng của sự chú ý logoic và của sự kích thích chuyên biệt, còn vào một thời kỳ khác, một hệ hành tinh hoàn toàn khác có thể là đối tượng của sự tiếp sinh lực.

69. It would seem that the Earth-scheme is under much stimulation as a result of the occult attentiveness of our fourth order Logos. It would seem that the Solar Logos is preparing to undergo a minor (thus, scheme-initiation) through our planes, the Earth-scheme.

69. Có vẻ như hệ hành tinh Địa Cầu đang chịu nhiều kích thích do sự chú tâm huyền bí của Thượng đế bậc bốn của chúng ta. Có vẻ như Thái dương Thượng đế đang chuẩn bị trải qua một lần điểm đạo nhỏ (do đó là điểm đạo hệ hành tinh) qua các cõi của chúng ta, tức hệ hành tinh Địa Cầu.

70. The changing of objects of attention may or may not be sequential. The old theosophical approach which held to a rigid

70. Sự thay đổi các đối tượng chú ý có thể có hoặc không theo tuần tự. Có vẻ như cách tiếp cận Thông Thiên Học cũ vốn giữ một tính

sequentiality in terms of solar logoic or planetary logoic stimulation, is, it seems, not accurate in all cases.

tuần tự nghiêm ngặt về mặt kích thích logoic thái dương hay logoic hành tinh là không chính xác trong mọi trường hợp.

For some time the Logos has turned His **attention** to the *Earth Scheme* and to *Saturn*, whilst *Uranus* is receiving [Page 358] stimulation. Much is therefore accentuated, and increased evolutionary development is the consequence of this divine attention.

Trong một thời gian, Thượng đế đã hướng **sự chú ý** của Ngài đến *Hệ Địa Cầu* và đến *Sao Thổ*, trong khi *Sao Thiên Vương* đang nhận [Page 358] sự kích thích. Vì vậy, nhiều điều được nhấn mạnh, và sự phát triển tiến hoá gia tăng là hệ quả của sự chú ý thiêng liêng này.

71. This is an important statement telling us much, perhaps, about the present intention of logoic kundalini.

71. Đây là một phát biểu quan trọng, cho chúng ta biết nhiều điều, có lẽ, về ý định hiện tại của kundalini logoic.

72. For the human being, Uranus (in one of its methods of influence) rules the sacral center (though other planets like Mars must necessarily be involved). Saturn rules the throat center. In our solar system we could be witnessing the rising of the sacral center to the throat center. The solar plexus center (hypothesized as Venus) may also be involved.

72. Đối với con người, Sao Thiên Vương (trong một trong các phương pháp ảnh hưởng của nó) cai quản trung tâm xương cùng (dù các hành tinh khác như Sao Hỏa tất yếu cũng phải tham gia). Sao Thổ cai quản trung tâm cổ họng. Trong hệ mặt trời của chúng ta, có thể chúng ta đang chứng kiến sự nâng trung tâm xương cùng lên trung tâm cổ họng. Trung tâm tùng thái dương (được giả định là Sao Kim) cũng có thể liên quan.

73. Uranus, of course, rules other centers—the throat center (because it is a distributor of the great seventh Ray, the head center, etc.

73. Dĩ nhiên, Sao Thiên Vương cai quản các trung tâm khác—trung tâm cổ họng (vì nó là một phân phối viên của cung bảy lớn), trung tâm đầu, v.v.

74. The Earth we have assigned to various centers—the mental unit (if the Solar Logos has one); perhaps the lower point within the solar logoic solar plexus center; the splenic center and the base of the spine (which, it would seem) it cannot rule *alone.*

74. Chúng ta đã gán Trái Đất cho nhiều trung tâm khác nhau—đơn vị hạ trí (nếu Thái dương Thượng đế có một đơn vị như thế); có lẽ là điểm thấp bên trong trung tâm tùng thái dương của Thái dương Thượng đế; trung tâm lá lách và đáy cột sống (mà dường như) nó không thể cai quản *một mình.*

75. We remind ourselves of the potential hypothesis that *three* planets may be

75. Chúng ta tự nhắc mình về giả thuyết tiềm năng rằng *ba* hành tinh có thể liên kết

connected with each of the main solar logoic chakras; such a triangle of planets may also rotate at different times of solar logoic development.

với mỗi luân xa chính của Thái dương Thượng đế; một tam giác hành tinh như vậy cũng có thể xoay chuyển vào những thời điểm khác nhau trong sự phát triển của Thái dương Thượng đế.

76. We remember that Saturn, at this time, is the expression of one of the super-principles, and probably always will be, as Venus probably will not. Whether Jupiter will remain as an expression of one of the three super-principles is debatable. Much depends on how we understand the manner in which Neptune is to be allocated, for Neptune (even if it does not strictly belong to our solar system) is a Logos superior in spiritual status to the Logos of Jupiter.

76. Chúng ta nhớ rằng hiện nay Sao Thổ là biểu hiện của một trong các siêu nguyên khí, và có lẽ sẽ luôn là như vậy, trong khi Sao Kim có lẽ sẽ không. Việc Sao Mộc có còn là biểu hiện của một trong ba siêu nguyên khí hay không vẫn còn có thể tranh luận. Nhiều điều tùy thuộc vào cách chúng ta hiểu phương thức Sao Hải Vương sẽ được phân bổ, vì Sao Hải Vương (ngay cả nếu nó không thực sự thuộc về hệ mặt trời của chúng ta) là một Thượng đế cao hơn về địa vị tinh thần so với Thượng đế của Sao Mộc.

77. From the archetypal viewpoint, the three super-principles should be ruled by Uranus (first), Neptune (second) and Saturn (third).

77. Từ quan điểm nguyên mẫu, ba siêu nguyên khí nên được cai quản bởi Sao Thiên Vương (thứ nhất), Sao Hải Vương (thứ hai) và Sao Thổ (thứ ba).

When these facts are borne in mind it will be seen that the interaction, and the complexity, is of vast proportions, and man can do no more than accept the fact, and leave the explanation until his consciousness is of greater scope.

Khi những sự kiện này được ghi nhớ, người ta sẽ thấy rằng sự tương tác và tính phức tạp có quy mô vô cùng to lớn, và con người không thể làm gì hơn ngoài việc chấp nhận sự kiện ấy, và để phần giải thích lại cho đến khi tâm thức của y có tầm mức lớn hơn.

78. Well, we are getting the idea even if we cannot solve all the intricacies, the solutions to these issues lie in the hands of initiates of high degree.

78. Chúng ta đang nắm được ý tưởng dù chưa thể giải quyết mọi điều phức tạp; lời giải cho những vấn đề này nằm trong tay các điểm đạo đồ cấp cao.

Third, one of the mysteries revealed at initiation is that of the logoic centre which our scheme represents, and the type of electrical fire which is flowing through it.

Thứ ba, một trong những huyền nhiệm được mặc khải lúc điểm đạo là huyền nhiệm về trung tâm logoic mà hệ hành tinh của chúng ta đại diện, và loại lửa điện đang chảy qua nó.

79. DK hints at a number of possibilities which I have covered in previous Commentaries and mentioned just above.

79. Chân sư DK gợi ý một số khả năng mà tôi đã trình bày trong các bộ Bình Giải trước đây và vừa nhắc đến ở trên.

80. The base of the spine center seems an important (though perhaps premature) assignment in relation to our Earth.

80. Trung tâm đáy cột sống dường như là một sự gán định quan trọng (dù có lẽ còn quá sớm) liên quan đến Trái Đất của chúng ta.

81. At which initiation may this be revealed? One of the higher ones, perhaps, as the base of the spine center becomes truly active at the fifth degree (R&I 340)

81. Điều này có thể được mặc khải ở lần điểm đạo nào? Có lẽ là một trong những lần cao hơn, vì trung tâm đáy cột sống trở nên thật sự hoạt động ở cấp thứ năm (R&I 340)

82. Our Solar Logos has not yet passed through His fifth cosmic initiation, though His fifth *scheme* initiation may not be long in coming. When this happens, perhaps the role of Earth as the solar logoic base of the spine center may emerge.

82. Thái dương Thượng đế của chúng ta vẫn chưa vượt qua lần điểm đạo vũ trụ thứ năm của Ngài, dù lần điểm đạo *hệ hành tinh* thứ năm của Ngài có thể sẽ không còn xa. Khi điều này xảy ra, có lẽ vai trò của Trái Đất như trung tâm đáy cột sống của Thái dương Thượng đế sẽ lộ ra.

83. On the other hand, since the base of the spine center is, in many ways, a first ray center and since our Planetary Logos will not be truly expressive of His monadic ray until the next solar system, it may be only then that a full base of the spine center function for our Planetary Logos will be expressed. (All this despite the fact that the duration of a Heavenly Man is said to be "One Solar System" in the tabulation on TCF 293.)

83. Mặt khác, vì trung tâm đáy cột sống về nhiều phương diện là một trung tâm cung một và vì Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta sẽ chưa thật sự biểu lộ cung chân thần của Ngài cho đến hệ mặt trời kế tiếp, nên có thể chỉ đến lúc đó chức năng trọn vẹn của một trung tâm đáy cột sống đối với Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta mới được biểu lộ. (Tất cả điều này bất chấp sự kiện rằng thời lượng của một Đấng Thiên Nhân được nói là "Một Hệ Mặt Trời" trong bảng ở TCF 293.)

It relates finally the lowest centre at the base of the spine to the highest centre, the head centre. **This is a correspondence to the relation of the Earth to the Sun.** Think this out. (EA 25)

Cuối cùng nó liên hệ trung tâm thấp nhất ở đáy cột sống với trung tâm cao nhất, trung tâm đầu. **Đây là một tương ứng với mối liên hệ giữa Trái Đất và Mặt Trời.** Hãy suy ngẫm điều này. (EA 25)

The "Seven Brothers," or the seven types of fohatic force, express Themselves through the seven centres, **and the One Who is**

"Bảy Huynh Đệ," hay bảy loại lực fohat, biểu lộ Chính Các Ngài qua bảy trung tâm, **và Đấng đang làm sinh động hệ hành tinh của**

animating our scheme stands revealed at the third Initiation.

84. Each of the "Seven Brothers" expresses one of the seven rays, but in relation to the third aspect of the ray. The "Seven Brothers" are usually differentiated from the Seven Heavenly Men Who are also systemic "Ray Lords".

85. We see, in fact, that we do not need to wait until one of the higher initiations to find out which ray or type of fohatic force flow mainly through our Planetary Logos, and which chakra it represents within the energy system of our Solar Logos.

86. Of course, we may question whether the "fohatic force" of the "Seven Brothers" is *ray* force; or, if it is, whether it can apply to any aspect of our Planetary Logos other than His personality.

87. A little earlier in this Commentary it seemed evident that "electrical force" and ray energy were equivalent. So perhaps the fohatic force here discussed is also equivalent to ray energy.

88. One wonders if the Tibetan revealed the information in question (information for the receipt of which the third initiation is said to be necessary) in *Esoteric Astrology*, which was written some ten years later than TCF.

89. It would seem that some revelation along the manasic line would be revealed at the third degree. If our Earth-scheme plays the role of mental unit to Venus' manasic

chúng ta được mặc khải ở lần Điểm Đạo thứ ba.

84. Mỗi "Bảy Huynh Đệ" biểu lộ một trong bảy cung, nhưng trong mối liên hệ với phương diện thứ ba của cung. "Bảy Huynh Đệ" thường được phân biệt với Bảy Đấng Thiên Nhân, là những "Đấng Chúa Tể Cung" của hệ thống.

85. Thật ra, chúng ta thấy rằng không cần phải đợi đến một trong những lần điểm đạo cao hơn mới biết cung hay loại lực fohat nào chảy chủ yếu qua Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, và nó đại diện cho luân xa nào trong hệ thống năng lượng của Thái dương Thượng đế.

86. Dĩ nhiên, chúng ta có thể đặt câu hỏi liệu "lực fohat" của "Bảy Huynh Đệ" có phải là lực *cung* hay không; hoặc nếu có, liệu nó có thể áp dụng cho bất kỳ phương diện nào của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta ngoài phàm ngã của Ngài hay không.

87. Sớm hơn một chút trong bộ Bình Giải này, có vẻ hiển nhiên rằng "lực điện" và năng lượng cung là tương đương. Vì vậy có lẽ lực fohat được bàn ở đây cũng tương đương với năng lượng cung.

88. Người ta tự hỏi liệu Chân sư Tây Tạng có mặc khải thông tin đang được nói đến (thông tin mà việc tiếp nhận được nói là cần lần điểm đạo thứ ba) trong *Chiêm Tinh Học Nội Môn*, được viết muộn hơn Luận về Lửa Vũ Trụ khoảng mười năm hay không.

89. Có vẻ như một sự mặc khải nào đó theo đường manas sẽ được tiết lộ ở cấp thứ ba. Nếu hệ hành tinh Địa Cầu của chúng ta đóng vai trò đơn vị hạ trí đối với nguyên tử trường

permanent atom, the revelation would be fitting at the third degree.

tồn manas của Sao Kim, thì sự mặc khải ấy sẽ thích hợp ở cấp thứ ba.

It is by knowledge of the nature and quality of the electrical force of our centre, and by realisation of the place our centre holds in the body logoic, **that the Hierarchy achieves the aims of evolution.**

Chính nhờ tri thức về bản chất và phẩm tính của lực điện của trung tâm chúng ta, và nhờ chứng nghiệm về vị trí mà trung tâm chúng ta giữ trong thể logoic, **mà Thánh đoàn đạt được các mục tiêu của tiến hoá.**

90. Hierarchy knows how to plan according to the Divine Plan, by knowing the nature of our Planetary Logos, His major energy and present place and function within the Solar Logos.

90. Thánh đoàn biết cách hoạch định theo Thiên Cơ, bằng cách biết bản chất của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, năng lượng chính của Ngài và vị trí cùng chức năng hiện tại của Ngài bên trong Thái dương Thượng đế.

91. This is to say that Hierarchy knows how to plan (in the occult sense) and we do not!

91. Điều này có nghĩa là Thánh đoàn biết cách hoạch định (theo nghĩa huyền bí), còn chúng ta thì không!

92. If our planetary scheme is presently one of the following—base of the spine center, a sacral center, a spleen center, a lower point within the solar logoic solar plexus center, or a mental unit—the objectives in planning will be very different. There are ways to justify all these five assignment and justification has been offered in recent Commentaries.

92. Nếu hệ hành tinh của chúng ta hiện nay là một trong những điều sau—trung tâm đáy cột sống, một trung tâm xương cùng, một trung tâm lá lách, một điểm thấp bên trong trung tâm tùng thái dương của Thái dương Thượng đế, hay một đơn vị hạ trí—thì các mục tiêu trong việc hoạch định sẽ rất khác nhau. Có những cách để biện minh cho cả năm sự gán định này và sự biện minh đã được đưa ra trong các bộ Bình Giải gần đây.

It will be obvious that the Heavenly Man Who stands for the kundalini centre, for instance, will work differently, and have a different purpose and method, from His Brother Who stands for the heart centre in the body logoic, or to the Heavenly Man Who embodies the logoic solar plexus.

Hiển nhiên là Đấng Thiên Nhân đại diện cho trung tâm kundalini, chẳng hạn, sẽ hoạt động khác đi, và có mục đích cùng phương pháp khác với Huynh Đệ của Ngài là Đấng đại diện cho trung tâm tim trong thể logoic, hay với Đấng Thiên Nhân hiện thân cho tùng thái dương logoic.

93. Earth could represent the logoic kundalini (but logoic kundalini is a force greater than that which could emanate from Earth); Venus could stand as the

93. Trái Đất có thể đại diện cho kundalini logoic (nhưng kundalini logoic là một lực lớn hơn lực có thể phát ra từ Trái Đất); Sao Kim có thể đứng như đại diện của tim logoic;

representative of the logoic heart; but Venus, too, could be the logoic solar plexus center and Jupiter the logoic heart.

94. According to our nature, so is our function.

95. From the section above it would seem that one Heavenly Man stands for one center, and yet, just as in the chakra rulerships of the human being, two or even three planets may be assigned rulership at different phases of evolution, so it may be so for a Solar Logos. It remains to be debated whether a triangle of planets should be considered in relation to the rulership of any chakra within the Solar Logos.

nhưng Sao Kim cũng có thể là trung tâm tùng thái dương logoic và Sao Mộc là tim logoic.

94. Tùy theo bản chất của chúng ta mà chức năng của chúng ta cũng như vậy.

95. Từ phần trên, có vẻ như một Đấng Thiên Nhân đại diện cho một trung tâm, nhưng cũng như trong các quyền cai quản luân xa của con người, hai hay thậm chí ba hành tinh có thể được gán quyền cai quản ở những giai đoạn tiến hoá khác nhau, thì đối với một Thái dương Thượng đế cũng có thể như vậy. Vẫn còn phải tranh luận liệu một tam giác hành tinh có nên được xét đến trong mối liên hệ với quyền cai quản của bất kỳ luân xa nào bên trong Thái dương Thượng đế hay không.

From this it is apparent that:

Từ đây hiển nhiên rằng:

a. The type of electrical force

a. Loại lực điện

96. This may be ray energy but it certainly is fohatic force.

96. Đây có thể là năng lượng cung nhưng chắc chắn là lực fohat.

b. The vibratory action

b. Tác động rung động

97. This relates to the evolution of the substance composing a particular Heavenly Man.

97. Điều này liên hệ đến sự tiến hoá của chất liệu cấu thành một Đấng Thiên Nhân đặc thù.

c. The purpose

c. Mục đích

98. This relates to that aspect of solar logoic Will which it is the responsibility of a Heavenly Man to express.

98. Điều này liên hệ đến phương diện của Ý Chí thái dương logoic mà một Đấng Thiên Nhân có trách nhiệm biểu lộ.

d. The evolutionary development

d. Sự phát triển tiến hoá

99. This release to the degree of unfoldment of the Heavenly Man, but not to His spiritual status.

99. Điều này liên hệ đến mức độ khai mở của Đấng Thiên Nhân, nhưng không liên hệ đến địa vị tinh thần của Ngài.

e. The dual and triangular interaction

e. Sự tương tác nhị nguyên và tam giác

100. This relates to whether a given Heavenly Man is interacting only with the Heavenly Man Who is His polar opposite, or whether He is interacting also with the Heavenly Man Who expressed through a complementary planet (thus interacting with a triangle).

100. Điều này liên hệ đến việc một Đấng Thiên Nhân nhất định chỉ đang tương tác với Đấng Thiên Nhân là cực đối nghịch của Ngài, hay Ngài còn đang tương tác với Đấng Thiên Nhân biểu lộ qua một hành tinh bổ sung nữa (do đó tương tác với một tam giác).

101. As an example: Venus is the polar opposite of the Earth-scheme but the Mars-scheme is complementary to the Earth-scheme.

101. Thí dụ: Sao Kim là cực đối nghịch của hệ hành tinh Địa Cầu nhưng hệ hành tinh Sao Hỏa lại bổ sung cho hệ hành tinh Địa Cầu.

of all the Heavenly Men will differ, and so will the evolutions that form the cells in Their Bodies differ likewise.

của tất cả các Đấng Thiên Nhân sẽ khác nhau, và các tiến hóa tạo thành những tế bào trong Các thể của Các Ngài cũng sẽ khác nhau tương tự.

102. We are being told of differences between the Heavenly Men and between the deva and human cells in Their bodies—a subject that will mean something more real to us when such evolutionary groups (i.e., the Planetary Logoi) are actually acknowledged and contacted.

102. Chúng ta đang được cho biết về những khác biệt giữa các Đấng Thiên Nhân và giữa các tế bào thiên thần và nhân loại trong Các thể của Các Ngài—một chủ đề sẽ mang ý nghĩa thực hơn đối với chúng ta khi những nhóm tiến hóa như thế (tức các Hành Tinh Thượng Đế) thực sự được thừa nhận và tiếp xúc.

103. In summation: electrical force can be positive, negative or neutral. Vibratory action probably has much to do with the key or pitch to which the planes and sub-planes vibrate, and the general note sounded by the particular Heavenly Man. Purpose is related to the Heavenly Man's place within the Solar Logos and the function it upholds. Evolutionary development can mean *either* actual spiritual status or something

103. Tóm lại: lực điện có thể là dương, âm hoặc trung hòa. Tác động rung động có lẽ liên hệ nhiều đến chủ âm hay cao độ mà các cõi và cõi phụ rung động theo, và âm điệu chung được xướng lên bởi Đấng Thiên Nhân đặc thù. Mục đích liên hệ đến vị trí của Đấng Thiên Nhân bên trong Thái dương Thượng đế và chức năng mà Ngài duy trì. Sự phát triển tiến hoá có thể có nghĩa *hoặc* là địa vị tinh thần thực sự hoặc là một điều gì khác—

different—the degree of planetary unfoldment regardless of the spiritual status of the Heavenly Man concerned. Dual and triangular interaction relates to the various planets or pairs of planets with which any Heavenly Man may have interaction. Earth, for instance is much related to Venus and also to the triangle Earth-Venus-Mars. The same cannot be said of the closest relations of other planets.

mức độ khai mở hành tinh bất kể địa vị tinh thần của Đấng Thiên Nhân liên hệ. Sự tương tác nhị nguyên và tam giác liên hệ đến các hành tinh khác nhau hay các cặp hành tinh mà bất kỳ Đấng Thiên Nhân nào cũng có thể có sự tương tác. Chẳng hạn, Trái Đất liên hệ nhiều với Sao Kim và cũng với tam giác Trái Đất-Sao Kim-Sao Hỏa. Điều tương tự không thể nói về các mối liên hệ gần nhất của những hành tinh khác.

Little has as yet been revealed anent the types of evolutions which are to be found in the other schemes of our system.

Cho đến nay vẫn còn ít điều được mặc khải liên quan đến các loại tiến hóa được tìm thấy trong các hệ hành tinh khác của hệ thống chúng ta.

104. Something of significance is said of the various "Schools" to be found on some of the planets, for a discussion of which go to TCF 1177-1180.

104. Có điều gì đó đầy thâm nghĩa được nói về các "Trường" khác nhau được tìm thấy trên một số hành tinh; để bàn về điều này, xin xem TCF 1177-1180.

105. We are also told something of the evolution of the various humanities found within different planetary schemes:

105. Chúng ta cũng được cho biết đôi điều về sự tiến hoá của các loại nhân loại khác nhau được tìm thấy trong các hệ hành tinh khác nhau:

"Again, it must be noted that Earth, Mars, Jupiter, Saturn, and Vulcan are as yet developing manas, and the stage achieved in each varies, and is not for exoteric publication. The Heavenly Men of these schemes have not yet succeeded in bringing Their bodies to the stage where transmutation on a large scale is possible. They are approaching it, and when the necessary three fifths is reached, then They will begin to transmute on a larger scale. The Earth scheme has about one fifth in process of transmutation in one or other of the globes at this time and Vulcan has very nearly two fifths." (TCF 403)

"Xin lại lưu ý rằng Trái Đất, Sao Hỏa, Sao Mộc, Sao Thổ và Vulcan hiện vẫn đang phát triển manas, và giai đoạn đạt được ở mỗi nơi là khác nhau, không dành cho sự công bố ngoại môn. Các Đấng Thiên Nhân của các hệ hành tinh này vẫn chưa thành công trong việc đưa các thể của Các Ngài đến giai đoạn mà sự chuyển hoá trên quy mô lớn là khả hữu. Các Ngài đang tiến gần đến đó, và khi đạt đến ba phần năm cần thiết, khi ấy Các Ngài sẽ bắt đầu chuyển hoá trên quy mô lớn hơn. Hệ hành tinh Địa Cầu hiện có khoảng một phần năm đang trong tiến trình chuyển hoá trên một hay một bầu hành tinh khác, còn Vulcan thì đã gần đạt hai phần năm." (TCF 403)

Suffice it to say that **in all the schemes, on some [Page 359] globe in the scheme, human beings or self-conscious units, are to be found.**

106. We are being told that human beings are to be found in *all* schemes—an expansive and inclusive thought. Presumably, this includes such planetary schemes as that of Pluto and probably, as well, the many undiscovered and, thus, unnamed planetary schemes.

107. Is the suggestion that only on *one* globe in a scheme human beings are to be found? This would be highly unlikely and some references point in the direction of more than one globe per scheme being populated with human beings. The fact that Earth was recently simultaneously active in its second, fourth and sixth chains points in the direction of self-conscious life to be found on all those chains—*simultaneously*. The subject is occulted, but hints suggest that self-conscious units are not simply confined to one globe per scheme.

108. References to activity on the fifth chain of our Earth-scheme *before* the completion of our fourth chain, points in the same direction. If there is activity in a chain, that activity must necessarily be taking place on a globe.

109. The following reference tends to confirm the ubiquity of man on all globes in all schemes:

A *Master* transmutes in the three worlds and principally concerns Himself with the process upon the eighteen subplanes, the great field of human evolution, and with the

Chỉ cần nói rằng **trong mọi hệ hành tinh, trên một [Page 359] bầu hành tinh nào đó trong hệ, đều có thể tìm thấy những con người hay những đơn vị ngã thức.**

106. Chúng ta đang được cho biết rằng con người được tìm thấy trong *mọi* hệ hành tinh —một tư tưởng rộng lớn và bao gồm. Có lẽ điều này bao gồm cả những hệ hành tinh như của Sao Diêm Vương và có lẽ cả nhiều hệ hành tinh chưa được khám phá nên chưa được đặt tên.

107. Có phải gợi ý ở đây là chỉ trên *một* bầu hành tinh trong một hệ mới có con người? Điều này rất khó có khả năng, và một số dẫn chiếu cho thấy có hơn một bầu hành tinh trong mỗi hệ được cư trú bởi con người. Sự kiện rằng Trái Đất gần đây đồng thời hoạt động trong các dãy thứ hai, thứ tư và thứ sáu của nó cho thấy sự sống ngã thức được tìm thấy trên tất cả các dãy ấy—*đồng thời*. Chủ đề này bị che khuất, nhưng các gợi ý cho thấy các đơn vị ngã thức không chỉ bị giới hạn trong một bầu hành tinh cho mỗi hệ.

108. Những tham chiếu đến hoạt động trên dãy thứ năm của hệ hành tinh Địa Cầu của chúng ta *trước* khi dãy thứ tư của chúng ta hoàn tất, đều chỉ theo cùng một hướng. Nếu có hoạt động trong một dãy, thì hoạt động ấy tất yếu phải diễn ra trên một bầu hành tinh.

109. Tham chiếu sau đây có khuynh hướng xác nhận tính hiện diện khắp nơi của con người trên mọi bầu hành tinh trong mọi hệ hành tinh:

Một *Chân sư* chuyển hoá trong ba cõi giới và chủ yếu quan tâm đến tiến trình trên mười tám cõi phụ, đại trường của tiến hoá nhân loại, và đến sự đi qua của sự sống xuyên suốt

passage of the life throughout the dense physical body of the Logos. *The Chohans* of the sixth Initiation work in the fourth and fifth ethers of the logoic etheric body (the buddhic and atmic planes), and deal with the passage of the life of Spirit from form to form in those worlds, having in view the transmutation of units in the spiritual kingdom into the monadic. Those on still higher levels—the *Buddhas and their Confreres of the first and third Rays*—deal with the passage of the life into the sub-atomic, and atomic planes of the cosmic physical. **What has been said applies to all hierarchical efforts in all schemes and on all globes, for the unity of effort is universal.** (TCF 495)

thể xác đậm đặc của Thượng đế. *Các Chohan* của lần điểm đạo thứ sáu hoạt động trong dĩ thái thứ tư và thứ năm của thể dĩ thái logoic (cõi Bồ đề và cõi atma), và đề cập đến sự đi qua của sự sống của tinh thần từ hình tướng này sang hình tướng khác trong các thế giới ấy, với mục đích chuyển hoá các đơn vị trong giới tinh thần thành chân thần. Những Đấng ở các cấp độ còn cao hơn—*các Đức Phật và các Đồng Sự của Các Ngài thuộc cung một và cung ba*—đề cập đến sự đi qua của sự sống vào các cõi phụ hạ nguyên tử và nguyên tử của cõi hồng trần vũ trụ. **Điều đã được nói áp dụng cho mọi nỗ lực có tính thứ bậc trong mọi hệ hành tinh và trên mọi bầu hành tinh, vì sự hợp nhất của nỗ lực là phổ quát.** (TCF 495)

110. We note the simple definition of the human being, having nothing to do with form particularly: "self-conscious units".

110. Chúng ta lưu ý định nghĩa đơn giản về con người, không đặc biệt liên quan gì đến hình tướng: "các đơn vị tự ý thức".

Conditions of life, environment and form may differ, but the human Hierarchy works in all schemes.

Các điều kiện của sự sống, môi trường và hình tướng có thể khác nhau, nhưng Huyền Giai nhân loại hoạt động trong mọi hệ hành tinh.

111. This reference simply focuses our minds on consciousness and quality rather than on forms. Many surprises may lie ahead with respect to the forms which self-conscious units take, but the factor of self-consciousness unifies them.

111. Tham chiếu này chỉ đơn giản tập trung trí tuệ của chúng ta vào tâm thức và phẩm tính hơn là vào các hình tướng. Nhiều điều bất ngờ có thể đang chờ phía trước liên quan đến những hình tướng mà các đơn vị tự ý thức đảm nhận, nhưng yếu tố tự ý thức hợp nhất họ lại.

It must also be borne in mind that just as all seven Heavenly Men are found in the body logoic, and are Themselves under the influence of seven solar Logoi (using the word "influence" in its astrological sense), so in a planetary scheme with its seven globes each is astrologically under the influence of all the seven Heavenly Men.

Cũng phải ghi nhớ rằng cũng như **cả bảy Đấng Thiên Nhân đều được tìm thấy trong thể logoic, và chính Các Ngài ở dưới ảnh hưởng của bảy Thái dương Thượng đế** (dùng từ "ảnh hưởng" theo nghĩa chiêm tinh học của nó), thì trong một **hệ hành tinh với bảy bầu hành tinh của nó** mỗi bầu đều ở dưới ảnh hưởng chiêm tinh của cả bảy Đấng Thiên Nhân.

112. This is a useful analogy pointing to the fact that each of the major Heavenly Men in our solar system is under the supervision of one of the member of the Seven Solar Systems of Which Ours is One.

112. Đây là một phép loại suy hữu ích, chỉ ra sự kiện rằng mỗi Đấng Thiên Nhân lớn trong hệ mặt trời của chúng ta đều ở dưới sự giám sát của một thành viên trong Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là một trong đó.

113. This means that one particular sacred planet in our solar system is under the special supervision of *our* Solar Logos. Could it be Jupiter, the planet which, in many ways, is most like our Sun?

113. Điều này có nghĩa là một hành tinh thiêng liêng đặc biệt nào đó trong hệ mặt trời của chúng ta ở dưới sự giám sát đặc biệt của *Thái dương Thượng đế* của chúng ta. Có thể đó là Sao Mộc chăng, hành tinh mà về nhiều phương diện giống Mặt Trời của chúng ta nhất?

114. Why does DK speak of a planetary scheme with its seven globes? Would it not be more predictable to speak of a planetary scheme with its seven chains?

114. Vì sao Chân sư DK nói về một hệ hành tinh với bảy bầu hành tinh của nó? Chẳng phải sẽ dễ dự đoán hơn nếu nói về một hệ hành tinh với bảy dãy của nó sao?

115. We would expect that each of the usual seven chains in a planetary scheme is under the influence of one particular sacred planet.

115. Chúng ta sẽ mong đợi rằng mỗi một trong bảy dãy thông thường trong một hệ hành tinh đều ở dưới ảnh hưởng của một hành tinh thiêng liêng đặc biệt nào đó.

116. Further, we would imagine that each of the seven major globes in a planetary chain is under the influence of one of the chains in that planetary scheme and, also, under the influence of one of the seven sacred planets.

116. Hơn nữa, chúng ta sẽ hình dung rằng mỗi một trong bảy bầu hành tinh chính trong một dãy hành tinh đều ở dưới ảnh hưởng của một trong các dãy trong hệ hành tinh ấy và, đồng thời, ở dưới ảnh hưởng của một trong bảy hành tinh thiêng liêng.

117. Which is the particular sacred planet that most influences our Earth-globe and

117. Hành tinh thiêng liêng đặc biệt nào ảnh hưởng nhiều nhất đến bầu hành tinh Địa

Earth-chain? Certainly Venus must be considered and Saturn is not to be neglected.

Cầu và dãy Địa Cầu của chúng ta? Chắc chắn phải xét đến Sao Kim, và không nên bỏ qua Sao Thổ.

A scheme is but a replica of a system.

Một hệ hành tinh chỉ là bản sao của một hệ thống.

118. This useful statement allows us to generalize from one organized aggregation to the other. In attempting to understand rounds within a scheme and system, this method of comparison is very useful.

118. Phát biểu hữu ích này cho phép chúng ta khái quát từ một tập hợp có tổ chức này sang tập hợp kia. Khi cố gắng thấu hiểu các cuộc tuần hoàn trong một hệ hành tinh và hệ thống, phương pháp so sánh này rất hữu ích.

Each of the Heavenly Men pours forth His radiation or influence, and stimulates in some way some other centre or globe.

Mỗi Đấng Thiên Nhân tuôn đổ bức xạ hay ảnh hưởng của Ngài, và kích thích theo một cách nào đó một trung tâm hay bầu hành tinh khác.

119. Perhaps the word "centre", as here used, means chain?

119. Có lẽ từ "trung tâm", như được dùng ở đây, có nghĩa là dãy chăng?

120. We must watch Master DK's writing carefully, as He often skips one member of a sequence for no apparent reason. Perhaps, however, there is a *hidden* reason.

120. Chúng ta phải theo dõi cẩn thận trước tác của Chân sư DK, vì Ngài thường bỏ qua một thành phần trong một chuỗi mà không có lý do rõ ràng nào. Tuy nhiên, có lẽ có một lý do *ẩn kín*.

121. Though it must be stated that as Heavenly Men are centers within solar system, each Heavenly Man (as a solar logoic center) influences the other Heavenly Men (also solar logoic centers).

121. Tuy nhiên, phải nói rằng vì các Đấng Thiên Nhân là những trung tâm trong hệ mặt trời, nên mỗi Đấng Thiên Nhân (như một trung tâm của Thái dương Thượng đế) đều ảnh hưởng đến các Đấng Thiên Nhân khác (cũng là các trung tâm của Thái dương Thượng đế).

To word it otherwise, His magnetism is felt by His Brothers in a greater or less degree according to the work being undertaken at any one time.

Nói cách khác, từ điện của Ngài được các Huynh Đệ của Ngài cảm nhận ở mức độ nhiều hay ít tùy theo công việc đang được đảm nhận vào bất kỳ thời điểm nào.

122. The extent of a Heavenly Man's influence on any other Heavenly Man would

122. Mức độ ảnh hưởng của một Đấng Thiên Nhân lên bất kỳ Đấng Thiên Nhân nào khác

depend upon their similarity in quality and also upon the type of work which the influencing Heavenly Man had undertaken. Each type of work would have its own particular type of radiation and magnetism.

sẽ tùy thuộc vào sự tương đồng về phẩm tính giữa các Ngài và cũng tùy thuộc vào loại công việc mà Đấng Thiên Nhân gây ảnh hưởng đã đảm nhận. Mỗi loại công việc sẽ có loại bức xạ và từ điện đặc thù riêng của nó.

123. We can see that the influence of one Heavenly Man upon another is a constantly changing matter varying with the development of the solar system and all constituent part. So it is with the influence of the various planets upon our chakra system.

123. Chúng ta có thể thấy rằng ảnh hưởng của một Đấng Thiên Nhân lên một Đấng Thiên Nhân khác là một vấn đề luôn luôn thay đổi, biến thiên theo sự phát triển của hệ mặt trời và mọi bộ phận cấu thành. Ảnh hưởng của các hành tinh khác nhau lên hệ thống luân xa của chúng ta cũng vậy.

At present the Heavenly Men, representing centres at different stages of stimulation, being **not all equally developed and being not as yet psychically unified**,

Hiện nay các Đấng Thiên Nhân, đại diện cho các trung tâm ở những giai đoạn kích thích khác nhau, vì **không phải tất cả đều phát triển ngang nhau và cũng chưa được hợp nhất về mặt thông linh**,

124. DK is telling us of the presently incomplete interaction between Heavenly Men.

124. Chân sư DK đang cho chúng ta biết về sự tương tác hiện còn chưa hoàn chỉnh giữa các Đấng Thiên Nhân.

125. The parallel is easily found in relation to our own chakra system; not all of our chakras are equally stimulated nor are they equally developed. The stage of psychic unification necessarily follows upon etheric coordination.

125. Sự tương đồng dễ dàng được tìm thấy trong mối liên hệ với hệ thống luân xa của chính chúng ta; không phải mọi luân xa của chúng ta đều được kích thích ngang nhau, cũng không phát triển ngang nhau. Giai đoạn hợp nhất thông linh tất yếu theo sau sự phối hợp dĩ thái.

126. We do not know the relative degree of stimulation and development of the various Heavenly Men, but an understanding of a Heavenly Man's focus upon a particular chain and round gives some hint, at least concerning development/unfoldment (though not concerning spiritual status).

126. Chúng ta không biết mức độ tương đối của sự kích thích và phát triển của các Đấng Thiên Nhân khác nhau, nhưng sự thấu hiểu về sự tập trung của một Đấng Thiên Nhân vào một dãy và một cuộc tuần hoàn đặc biệt nào đó ít nhất cũng cho một vài gợi ý liên quan đến sự phát triển/sự khai mở (dù không liên quan đến địa vị tinh thần).

127. The heart chakra, for instance, has a higher spiritual status than the sacral

127. Chẳng hạn, luân xa tim có địa vị tinh thần cao hơn luân xa xương cùng, nhưng

chakra, yet the sacral chakra may be very much more *developed* or *unfolded* than the heart chakra if the measurement is taken at a relatively early stage of evolution. Our Solar Logos is midway through his developmental career; the measurement concerning the unfoldment of His chakras is taken at this midway point.

luân xa xương cùng có thể *phát triển* hay *khai mở* hơn luân xa tim rất nhiều nếu sự đo lường được thực hiện ở một giai đoạn tiến hoá tương đối sớm. Thái dương Thượng đế của chúng ta đang ở giữa sự nghiệp phát triển của Ngài; sự đo lường liên quan đến sự khai mở các luân xa của Ngài được thực hiện tại điểm ở giữa này.

this magnetic interplay is little realised, and the psychic flow from one scheme to another is little utilised or comprehended.

sự tương tác từ tính này ít được chứng nghiệm, và **dòng chảy thông linh** từ hệ hành tinh này sang hệ hành tinh khác ít được sử dụng hay thấu hiểu.

128. We are being told that while there may be a degree of etheric (and thus electrical) coordination between the planets, their "magnetic" or "psychic" interplay is undeveloped by comparison. It would seem that the Planetary Logoi have much to learn in relation to the astral nature and, thus, in relation to "psychic flow". Naturally, some are more psychically developed than others but would be limited by the development of other Planetary Logoi with which they might interact.

128. Chúng ta đang được cho biết rằng tuy có thể có một mức độ phối hợp dĩ thái (và do đó là điện lực) giữa các hành tinh, nhưng sự tương tác "từ tính" hay "thông linh" của chúng kém phát triển hơn khi so sánh. Có vẻ như các Hành Tinh Thượng Đế còn nhiều điều phải học liên quan đến bản chất cảm dục, và do đó liên quan đến "dòng chảy thông linh". Đương nhiên, một số vị phát triển thông linh hơn những vị khác, nhưng sẽ bị giới hạn bởi sự phát triển của các Hành Tinh Thượng Đế khác mà các vị ấy có thể tương tác cùng.

129. It would seem that the establishment of psychic flow is one of the main agendas occupying the attention of the Logoi of Venus and Earth with respect to each other.

129. Có vẻ như việc thiết lập dòng chảy thông linh là một trong những chương trình chính đang chiếm giữ sự chú ý của các Thượng đế của Sao Kim và Địa Cầu đối với nhau.

130. This is microcosmically true of man and the Solar Angel.

130. Điều này đúng về mặt tiểu thiên địa đối với con người và Thái dương Thiên Thần.

As time elapses this interplay of force will become more evident and the force will be consciously employed.

Khi thời gian trôi qua, sự tương tác mãnh lực này sẽ trở nên hiển nhiên hơn và mãnh lực ấy sẽ được sử dụng một cách hữu thức.

131. Our Solar Logos is as yet immature. He is half-way through His developmental

131. Thái dương Thượng đế của chúng ta vẫn còn chưa trưởng thành. Ngài đang ở nửa

process, and we all know that the development to be found in the second half of any process is always accelerated.

chặng đường của tiến trình phát triển của Ngài, và tất cả chúng ta đều biết rằng sự phát triển được tìm thấy trong nửa sau của bất kỳ tiến trình nào cũng luôn được gia tốc.

132. When man is temporally half-way through his own developmental process, he may not even have opened the first tier of petals in the egoic lotus, and so nine would remain to be opened during the second half. The opening of the final six petals (including the synthesis petals) occurs far closer to the final *tenth* of his developmental process and, more accurately, even closer to the final *twentieth*. The unevenness of the developmental curve has to be taken into consideration in matters human, planetary and logoic.

132. Khi con người ở vào nửa chặng đường theo thời gian của tiến trình phát triển riêng của y, có thể y thậm chí còn chưa mở tầng cánh hoa thứ nhất trong hoa sen chân ngã, và như vậy chín cánh vẫn còn phải mở trong nửa sau. Việc mở sáu cánh hoa cuối cùng (bao gồm các cánh hoa tổng hợp) diễn ra gần hơn rất nhiều với *một phần mười* cuối cùng của tiến trình phát triển của y, và chính xác hơn nữa, còn gần hơn với *một phần hai mươi* cuối cùng. Tính không đồng đều của đường cong phát triển phải được xét đến trong các vấn đề nhân loại, hành tinh và logoic.

When men, for instance, know:

Chẳng hạn, khi con người biết:

The quality of the force flowing through their particular scheme;

Phẩm tính của mãnh lực đang tuôn chảy qua hệ hành tinh đặc thù của họ;

133. Do we not know it—the third, second and first rays?—or is something still hidden from us? Probably much is still hidden.

133. Chẳng phải chúng ta đã biết điều đó rồi sao—cung ba, cung hai và cung một?—hay vẫn còn điều gì đó bị che giấu khỏi chúng ta? Có lẽ vẫn còn nhiều điều bị che giấu.

The purpose and name of the centre they stand within;

Mục đích và tên của trung tâm mà họ đang đứng trong đó;

134. Do we need to know the true Name of the Earth-scheme or of Sanat Kumara (considered as the Planetary Logos)? Or is DK referencing our planetary chain or globe and their names?

134. Chúng ta có cần biết Danh xưng đích thực của hệ hành tinh Địa Cầu hay của Đức Sanat Kumara (được xem như Hành Tinh Thượng Đế) không? Hay Chân sư DK đang nói đến dãy hành tinh hay bầu hành tinh của chúng ta và tên của chúng?

The centre or Heavenly Man with Whom the Logos of their scheme is allied;

Trung tâm hay Đấng Thiên Nhân mà Thượng đế của hệ hành tinh của họ liên minh cùng;

135. Is our Heavenly Man not allied with Venus just as our Solar Logos is allied with the Logos of Sirius? Or could the alliance be with Mars? Mars and the Logos of the Earth-scheme are certainly closely related.

135. Chẳng phải Đấng Thiên Nhân của chúng ta liên minh với Sao Kim cũng như Thái dương Thượng đế của chúng ta liên minh với Thượng đế của Sirius sao? Hay sự liên minh ấy có thể là với Sao Hỏa? Sao Hỏa và Thượng đế của hệ hành tinh Địa Cầu chắc chắn có liên hệ mật thiết.

Which two schemes form, with their own, a triangle for logoic force at a certain stage of evolutionary development;

Hai hệ hành tinh nào cùng với hệ của chính họ tạo thành một tam giác cho mãnh lực logoic ở một giai đoạn phát triển tiến hoá nào đó;

136. Are we not speaking of Venus, Mars and Earth? Or could the triangle Earth, Mars, Saturn be meant? (cf. EP II 99)

136. Chẳng phải chúng ta đang nói đến Sao Kim, Sao Hỏa và Địa Cầu sao? Hay có thể tam giác Địa Cầu, Sao Hỏa, Sao Thổ mới là điều được ngụ ý? (x. EP II 99)

The secret of the cycles, or the periods of stimulation or obscuration;

Bí mật của các chu kỳ, hay các thời kỳ kích thích hoặc che mờ;

137. Yes, these are very numerous and obscure to us, and not much information has been given. We know about precessional ages, Great Platonic Ages, and something about ray cycles related to races and to the planet, but much is left for future discovery.

137. Đúng vậy, những điều này rất nhiều và mờ tối đối với chúng ta, và không có nhiều thông tin được đưa ra. Chúng ta biết về các thời đại tuế sai, các Đại Thời Đại Plato, và đôi điều về các chu kỳ cung liên hệ đến các nhân loại và đến hành tinh, nhưng còn nhiều điều được để lại cho sự khám phá trong tương lai.

-- then will the body logoic begin to achieve its purpose;

-- khi đó thể logoic sẽ bắt đầu đạt được mục đích của nó;

138. Since the body logoic is only one half through its development, it sounds as if we will not ascertain the answers to the five points above until some much later date. It is probably our knowledge of planetary cycles which will retard us.

138. Vì thể logoic mới chỉ đi được một nửa chặng đường phát triển của nó, nên nghe có vẻ như chúng ta sẽ không xác định được câu trả lời cho năm điểm trên cho đến một thời điểm muộn hơn rất nhiều. Có lẽ chính tri thức của chúng ta về các chu kỳ hành tinh sẽ làm chậm chúng ta.

139. We might pause to suggest that the idea of “midway through His career upon the

139. Chúng ta có thể dừng lại để gợi ý rằng ý tưởng “ở giữa sự nghiệp của Ngài trên Con

cosmic Path of Initiation", may suggest that, temporally, much more than half of an occult century may have elapsed. The time required for earlier developments is must longer than for those that come later.

Đường Điểm Đạo vũ trụ", có thể hàm ý rằng, về mặt thời gian, nhiều hơn rất nhiều so với một nửa thế kỷ huyền bí có thể đã trôi qua. Thời gian cần cho các phát triển ban đầu dài hơn nhiều so với những phát triển đến sau.

140. Our Solar Logos is focussing on the fourth in a series of nine lesser initiations. While He is numerically about "midway" through His initiatory process, far less time may be necessary for Him to complete the series of nine than has elapsed for the completion of four.

140. Thái dương Thượng đế của chúng ta đang tập trung vào lần điểm đạo thứ tư trong một chuỗi chín lần điểm đạo nhỏ hơn. Dù về mặt số lượng Ngài ở khoảng "giữa chặng đường" của tiến trình điểm đạo của Ngài, có thể cần ít thời gian hơn nhiều để Ngài hoàn tất chuỗi chín lần ấy so với thời gian đã trôi qua để hoàn tất bốn lần đầu.

[Page 360]

[Page 360]

-- then will the Logos of our system begin to blend and merge and co-ordinate all His vehicles;

-- khi đó Thượng đế của hệ thống chúng ta sẽ bắt đầu hòa trộn, dung nhập và phối hợp tất cả các vận cụ của Ngài;

141. This sounds like personality integration on a logoic level. In human evolution, this phase of personality integration may precede the first initiation, but not by too many incarnations—either three, seven or perhaps eleven, we are told (EP II 16). So again, the blending and merging represents a relative late stage of logoic development.

141. Điều này nghe giống như sự tích hợp phàm ngã ở cấp độ logoic. Trong tiến hoá nhân loại, giai đoạn tích hợp phàm ngã này có thể đi trước lần điểm đạo thứ nhất, nhưng không quá nhiều kiếp lâm phàm—ba, bảy hay có lẽ mười một, như chúng ta được cho biết (EP II 16). Vì vậy, một lần nữa, sự hòa trộn và dung nhập này biểu thị một giai đoạn tương đối muộn của sự phát triển logoic.

142. Under conditions of solar logoic integration, it is only natural that interplay between the various schemes should increase and their relationships to each other be more fully understood.

142. Trong những điều kiện tích hợp của Thái dương Thượng đế, việc sự tương tác giữa các hệ hành tinh khác nhau gia tăng và các mối liên hệ của chúng với nhau được thấu hiểu đầy đủ hơn là điều hoàn toàn tự nhiên.

-- then will the force flow through all the centres unimpeded;

-- khi đó mãnh lực sẽ chảy qua mọi trung tâm không bị cản trở;

143. This sounds like a relatively high level of logoic soul-culture. It is only the human initiate for whom "force flow(s) through all centres unimpeded".

143. Điều này nghe như một cấp độ tương đối cao của sự tu dưỡng linh hồn logoic. Chỉ có điểm đạo đồ nhân loại mới là người mà "mãnh lực chảy qua mọi trung tâm không bị cản trở".

-- and then will the glory shine out, and each cell in every body—logoic, planetary, deva and human, blaze forth with perfected glory, vibrate with adjusted accuracy, and a major cosmic initiation be taken.

-- và khi đó vinh quang sẽ chiếu tỏa, và mỗi tế bào trong mọi thể—logoic, hành tinh, thiên thần và nhân loại—sẽ bừng cháy với vinh quang hoàn hảo, rung động với sự chính xác đã được điều chỉnh, và một cuộc điểm đạo vũ trụ lớn sẽ được tiếp nhận.

144. This final section suggests the fourth initiation of our Solar Logos. One could imagine it to be the third (also a major initiation), but the words "perfected glory" suggest the fourth. "Perfection" is term associated with the number *four.* (cf. TCF 188 re the fourth siddhi on the atmic plane).

144. Phần cuối này gợi ý lần điểm đạo thứ tư của Thái dương Thượng đế của chúng ta. Người ta có thể hình dung đó là lần thứ ba (cũng là một lần điểm đạo lớn), nhưng các từ "vinh quang hoàn hảo" gợi ý lần thứ tư. "Sự hoàn hảo" là thuật ngữ gắn với con số *bốn.* (x. TCF 188 về siddhi thứ tư trên cõi atma).

b. The Logos of our Scheme.

b. Thượng đế của Hệ Hành Tinh chúng ta.

145. This is one of the rare examples of the use of the word "Logos" (by itself) to refer to the Planetary Logos or Heavenly Man.

145. Đây là một trong những ví dụ hiếm hoi về việc dùng từ "Thượng đế" (đứng riêng) để chỉ Hành Tinh Thượng Đế hay Đấng Thiên Nhân.

The Heavenly Man or planetary Logos of the Earth scheme can be considered in various ways,

Đấng Thiên Nhân hay Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh Địa Cầu có thể được xem xét theo nhiều cách khác nhau,

146. We note that the terms "Heavenly Man" and "planetary Logos" are used equivalently. This is *generally* the case, but there are some significant exceptions.

146. Chúng ta lưu ý rằng các thuật ngữ "Đấng Thiên Nhân" và "Hành Tinh Thượng Đế" được dùng tương đương nhau. Điều này *nói chung* là như vậy, nhưng có một số ngoại lệ quan trọng.

and as is our custom we will simply tabulate the statements anent Him which, when considered at length by the individual student, should serve to make the FACT of

và như là thói quen của chúng ta, chúng ta sẽ chỉ đơn giản lập bảng các phát biểu liên quan đến Ngài; khi được từng đạo sinh suy xét kỹ lưỡng, chúng sẽ giúp làm cho SỰ KIỆN

the **essential Personality of this great Entity**, the work that He is endeavouring to accomplish, and the relationship of the human Hierarchy to Him, a greater reality.

147. What is meant by the term "essential Personality"? Do we actually mean the personality of our Planetary Logos found upon the third ray, or does the word "essential" encourage us to look in greater spiritual depth?

148. The Tibetan is trying to make three things more real to us:

a. The "FACT" of the essential Personality of the Planetary Logos

b. The work which our Planetary Logos is endeavouring to accomplish

c. The relationship of the human Hierarchy (the Fourth Creative Hierarchy) to the Planetary Logos.

149. The Tibetan counts on the thought that if He tabulates, we will learn. There is something about a tabulation that impresses the mind more forcefully.

We must bear in mind in studying this matter that it will not be possible to reveal for general publication details as to His specific Identity, His number and His scope of conscious development.

150. Perhaps details will not be revealed, but we have already been given much:

a. It has been hinted that He occupies the position of the base of the spine center in the

về **Phàm ngã cốt yếu của Thực Thể vĩ đại này**, công việc mà Ngài đang nỗ lực hoàn thành, và mối liên hệ của Huyền Giai nhân loại với Ngài trở thành một thực tại lớn hơn.

147. Thuật ngữ "Phàm ngã cốt yếu" có nghĩa là gì? Chúng ta có thực sự muốn nói đến phàm ngã của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta được tìm thấy trên cung ba không, hay từ "cốt yếu" khuyến khích chúng ta nhìn vào chiều sâu tinh thần lớn hơn?

148. Chân sư Tây Tạng đang cố làm cho ba điều trở nên thực hơn đối với chúng ta:

a. "SỰ KIỆN" về Phàm ngã cốt yếu của Hành Tinh Thượng Đế

b. Công việc mà Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang nỗ lực hoàn thành

c. Mối liên hệ của Huyền Giai nhân loại (Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư) với Hành Tinh Thượng Đế.

149. Chân sư Tây Tạng tin vào ý nghĩ rằng nếu Ngài lập bảng, chúng ta sẽ học được. Có điều gì đó nơi một bản lập bảng gây ấn tượng lên trí tuệ mạnh mẽ hơn.

Chúng ta phải ghi nhớ khi nghiên cứu vấn đề này rằng sẽ không thể tiết lộ để phổ biến rộng rãi những chi tiết về Bản Sắc đặc thù của Ngài, con số của Ngài và phạm vi phát triển hữu thức của Ngài.

150. Có lẽ các chi tiết sẽ không được tiết lộ, nhưng chúng ta đã được cho biết nhiều điều rồi:

a. Đã có gợi ý rằng Ngài chiếm vị trí của trung tâm đáy cột sống trong hệ dĩ thái của

etheric system of the Solar Logos. His connection to the spleen, sacral center, lower solar plexus point and mental unit may also be reasoned. He is even to be seen as a twelve-petalled lotus which suggests relationship to the heart center (which, with a second ray soul, like Jupiter, is convincing).

Thái dương Thượng đế. Mối liên hệ của Ngài với lá lách, trung tâm xương cùng, điểm tùng thái dương thấp và đơn vị hạ trí cũng có thể được suy luận. Ngài thậm chí còn được xem như một hoa sen mười hai cánh, điều này gợi ý mối liên hệ với trung tâm tim (mà, với một linh hồn cung hai như Sao Mộc, là điều thuyết phục).

b. His number (later in the TCF book) is given as 777.

b. Con số của Ngài (về sau trong sách TCF) được cho là 777.

c. As for the scope of His conscious development, we have been told on TCF 384 that He is midway through His process of evolution; that He is taking the fourth in a series of seven apparently minor (at least non-cosmic) initiations; that His goal is the second cosmic initiation.

c. Về phạm vi phát triển hữu thức của Ngài, chúng ta đã được cho biết ở TCF 384 rằng Ngài đang ở giữa tiến trình tiến hoá của Ngài; rằng Ngài đang tiếp nhận lần điểm đạo thứ tư trong một chuỗi bảy lần điểm đạo có vẻ là nhỏ (ít nhất là không phải vũ trụ); rằng mục tiêu của Ngài là lần điểm đạo vũ trụ thứ hai.

d. We have also been told that He is bringing under control the fourth sub-plane of the cosmic astral plane, working on fifth and sensing and responding to the vibration of the sixth sub-plane.

d. Chúng ta cũng đã được cho biết rằng Ngài đang đưa cõi phụ thứ tư của cõi cảm dục vũ trụ vào sự kiểm soát, đang hoạt động trên cõi phụ thứ năm và đang cảm nhận cũng như đáp ứng với rung động của cõi phụ thứ sáu.

151. Perhaps these are not details, but they are certainly indications.

151. Có lẽ đây không phải là các chi tiết, nhưng chắc chắn là những chỉ dấu.

Such mysteries, as earlier pointed out, are reserved for those who are pledged to keep silent.

Những huyền nhiệm như thế, như đã chỉ ra trước đây, được dành cho những ai đã thệ nguyện giữ im lặng.

152. This requirement, I imagine, excludes most of us.

152. Tôi hình dung rằng yêu cầu này loại trừ hầu hết chúng ta.

But some general idea may be conveyed before we take up specifically this chain and round.

Nhưng một ý niệm tổng quát nào đó có thể được truyền đạt trước khi chúng ta đặc biệt bàn đến dãy này và cuộc tuần hoàn này.

153. More generalities will be given. Probably enough is hinted in the generalities to suggest much detail.

153. Sẽ có thêm những điều tổng quát được đưa ra. Có lẽ trong những điều tổng quát ấy đã được gợi ý đủ để chỉ ra nhiều chi tiết.

It might be asked wherein all this information is of use, and what purpose it serves in this hour of the world's need.

Người ta có thể hỏi thông tin này hữu ích ở điểm nào, và nó phục vụ mục đích gì trong giờ phút thế giới đang cần đến như hiện nay.

154. This kind of question will be asked by those of a strictly practical turn of mind. Some have wondered the value of studying *A Treatise on Cosmic Fire* at all. Of course, close study will reveal the value.

154. Loại câu hỏi này sẽ được nêu ra bởi những người có khuynh hướng trí tuệ hoàn toàn thực tiễn. Một số người đã tự hỏi giá trị của việc nghiên cứu *Luận về Lửa Vũ Trụ* nói chung là gì. Dĩ nhiên, sự nghiên cứu kỹ lưỡng sẽ làm lộ rõ giá trị ấy.

Apart from the fact that the cyclic giving out of the truth works under the law, and may not be gain-said, it is suggested for consideration that much advantage will be felt when **men in large numbers** conceive of the purpose of specific manifestations, when they realise that all forms are but the modes of expression of certain Entities or Beings, Who occupy them for cycles of definite duration in order to attain a purpose, and that each life—great or small—serves its own ends, yet subserves the greater ends of the Being in Whose body it is a corporate part.

Ngoài sự kiện rằng việc ban truyền chân lý theo chu kỳ vận hành dưới định luật, và không thể bị phủ nhận, điều được gợi ý để suy xét là lợi ích lớn sẽ được cảm nhận khi **con người với số lượng đông đảo** hình dung được mục đích của các biểu hiện đặc thù, khi họ chứng nghiệm rằng mọi hình tướng chỉ là những phương thức biểu lộ của một số Thực Thể hay Đấng, là những Đấng cư ngụ trong chúng qua các chu kỳ có thời lượng xác định để đạt đến một mục đích, và rằng mỗi sự sống—lớn hay nhỏ—đều phục vụ những cứu cánh riêng của nó, nhưng đồng thời phụng sự những cứu cánh lớn hơn của Đấng mà trong thân thể của Ngài nó là một phần hợp thành.

155. DK is telling us that for the abstruse information to be truly effective, those who use such information must understand the dimension of *purpose,* of the specific manifestations through which purposes works, and the specific Entities or Beings Whose purpose is being manifested through specific manifestations.

155. Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng để thông tin thâm áo này thực sự hữu hiệu, những người sử dụng nó phải thấu hiểu chiều kích của *mục đích,* của các biểu hiện đặc thù mà qua đó các mục đích vận hành, và của các Thực Thể hay Đấng đặc thù mà mục đích của các Ngài đang được biểu lộ qua các biểu hiện đặc thù.

156. He is saying that a 'holistic' vision is required if the information is to be truly

156. Ngài đang nói rằng một linh ảnh "toàn thể" là điều cần thiết nếu thông tin này thực

useful. Fortunately, this type of vision is more and more available to humanity.

sự hữu ích. May thay, loại linh ảnh này ngày càng sẵn có hơn đối với nhân loại.

157. The requirement that there be "men in large numbers" who think in this manner puts the general usefulness of this type of information rather some years ahead.

157. Yêu cầu rằng phải có "con người với số lượng đông đảo" suy nghĩ theo cách này khiến tính hữu dụng tổng quát của loại thông tin này bị đẩy lùi thêm khá nhiều năm nữa.

The details of the plan may not be given. [Page 361] The general outline—solar, planetary, and hierarchical—may be suggested, and by the very suggestion, bring order into the thoughts of men as they view the apparent chaos of the moment.

Các chi tiết của Thiên Cơ không thể được đưa ra. [Page 361] Đại cương tổng quát—về mặt thái dương, hành tinh và thứ bậc—có thể được gợi ý, và chính nhờ sự gợi ý ấy mà mang lại trật tự vào tư tưởng của con người khi họ nhìn vào sự hỗn loạn bề ngoài của thời điểm hiện tại.

158. This is of the utmost importance—the introduction of *order* into the thoughts of men. Humanity's chaotic consciousness is one the reasons that it finds it so difficult to solve evident problems.

158. Điều này cực kỳ quan trọng—việc đưa *trật tự* vào tư tưởng của con người. Tâm thức hỗn loạn của nhân loại là một trong những lý do khiến nó thấy rất khó giải quyết những vấn đề hiển nhiên.

159. One may easily become carried away by negative reactions to presented chaos, not realizing that order underlies the chaos and that the chaos is both temporary and (due to our inadequate perception) only apparent. Could we detect the workings of the Plan beneath the chaos, much that appears as chaos could be seen as an incompletely understood process.

159. Người ta có thể dễ dàng bị cuốn đi bởi những phản ứng tiêu cực trước sự hỗn loạn được trình bày, mà không nhận ra rằng trật tự nằm bên dưới sự hỗn loạn và rằng sự hỗn loạn ấy vừa là tạm thời vừa (do nhận thức bất toàn của chúng ta) chỉ là bề ngoài. Nếu chúng ta có thể nhận ra sự vận hành của Thiên Cơ bên dưới sự hỗn loạn, thì nhiều điều có vẻ là hỗn loạn có thể được thấy như một tiến trình chưa được thấu hiểu trọn vẹn.

Let us not forget, that when order is brought about, **and united thought produced on the mental plane**, then order transpires eventually on the physical plane.

Chúng ta đừng quên rằng, khi trật tự được thiết lập, **và tư tưởng hợp nhất được tạo ra trên cõi trí**, thì trật tự cuối cùng sẽ biểu hiện trên cõi hồng trần.

160. The Tibetan thinks ever as an occultist. That which is subjective tends to become objective. It is simply the magical process of manifestation.

160. Chân sư Tây Tạng luôn suy nghĩ như một nhà huyền bí học. Điều gì chủ quan thì có khuynh hướng trở thành khách quan. Đó

đơn giản là tiến trình huyền thuật của sự biểu hiện.

161. DK calls not just for the orderly thinking of individuals, but for united, orderly thought of groups of human beings, even large groups of human beings. A consensus must be reached concerning the nature of the Divine Plan. In today's world we are very far from this, yet progress can occur rapidly once certain obstacles related to glamorous unbelief are cleared.

161. Chân sư DK không chỉ kêu gọi tư duy có trật tự của các cá nhân, mà còn kêu gọi tư tưởng hợp nhất, có trật tự của các nhóm người, thậm chí các nhóm người lớn. Phải đạt được một sự đồng thuận liên quan đến bản chất của Thiên Cơ. Trong thế giới ngày nay, chúng ta còn rất xa điều này, tuy nhiên tiến bộ có thể diễn ra nhanh chóng một khi một số chướng ngại liên quan đến sự không tin đầy ảo cảm được dọn sạch.

The planetary Logos of this scheme is one of the **four minor Logoi**, or Lords of the Rays, and **is specially concerned therefore with the development of one attribute of manas.**

Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh này là một trong **bốn Thượng đế nhỏ**, hay các Chúa Tể của các cung, và **do đó đặc biệt quan tâm đến sự phát triển của một thuộc tính của manas.**

162. The minor Planetary Logoi are developing manas. Mars (and even Pluto, perhaps) should be included and, according to one reference, Venus.

162. Các Hành Tinh Thượng Đế nhỏ đang phát triển manas. Sao Hỏa (và thậm chí có lẽ cả Sao Diêm Vương) nên được bao gồm, và theo một tham chiếu, cả Sao Kim nữa.

The Lord of Venus holds place in the logoic quaternary, as does the Lord of Earth. (TCF 300)

Chúa Tể của Sao Kim giữ vị trí trong bộ tứ logoic, cũng như Chúa Tể của Địa Cầu. (TCF 300)

163. It is challenging to realize that two of the minor rays ("minor" meaning the four Rays of Aspect) are apparently ruled by two great Planetary Logoi—Uranus and Neptune—distributing the sixth and seventh rays.

163. Thật khó để nhận ra rằng hai trong các cung nhỏ ("nhỏ" nghĩa là bốn Các Cung Trạng Thái) dường như được cai quản bởi hai Hành Tinh Thượng Đế vĩ đại—Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương—phân phối cung sáu và cung bảy.

164. There may be, after all, a difference between the "four minor Logoi" and the Lords of the Rays of Attribute (which may justifiably include, in some sense, Uranus and Neptune). While Mars may substitute for Neptune, it is harder (given our present knowledge of the solar system) to find a

164. Rốt cuộc có thể có một sự khác biệt giữa "bốn Thượng đế nhỏ" và các Chúa Tể của Các Cung Thuộc Tính (những vị này, theo một nghĩa nào đó, có thể chính đáng bao gồm Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương). Dù Sao Hỏa có thể thay thế cho Sao Hải Vương, nhưng khó hơn nhiều (với tri thức hiện tại của

minor planet substituting for Uranus on the seventh ray.

chúng ta về hệ mặt trời) để tìm ra một hành tinh nhỏ thay thế cho Sao Thiên Vương trên cung bảy.

165. The implication of the Tibetan's statement above is that the Planetary Logos of Earth is developing a particular attribute of manas. It would be fascinating to have the occult name for this attribute. Could it relate to the faculty of "adjudication"?

165. Hàm ý trong phát biểu trên của Chân sư Tây Tạng là Hành Tinh Thượng Đế của Địa Cầu đang phát triển một thuộc tính đặc thù của manas. Sẽ thật hấp dẫn nếu có được tên huyền bí của thuộc tính này. Nó có thể liên hệ đến năng lực "phán định" chăng?

166. We also realize that our Planetary Logos with His second ray soul is clearly involved in the process of developing *more* than manas. Note in the following that the agenda of the Planetary Logos is said to be *wisdom* and not *manas*:

166. Chúng ta cũng nhận ra rằng Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta với linh hồn cung hai của Ngài rõ ràng đang tham gia vào tiến trình phát triển *nhiều* hơn manas. Hãy lưu ý trong đoạn sau rằng chương trình của Hành Tinh Thượng Đế được nói là *minh triết* chứ không phải *manas*:

Man aims at becoming a Divine Manasaputra, or perfected Son of Mind showing forth all the powers inherent in mind, and thus becoming like unto his monadic source, a Heavenly Man. ***A Heavenly Man* has developed Manas, and is occupied with the problem of becoming a Son of Wisdom, not inherently but in full manifestation.** *A solar Logos* is both a Divine Manasaputra and likewise a Dragon of Wisdom, and His problem concerns itself [Page 306] with the development of the principle of cosmic Will which will make Him what has been called a "Lion of Cosmic Will." (TCF 305-306)

Con người nhắm đến việc trở thành một Manasaputra Thiêng liêng, hay Con của Trí Tuệ hoàn hảo biểu lộ mọi quyền năng vốn có trong trí tuệ, và nhờ đó trở nên giống với nguồn chân thần của y, một Đấng Thiên Nhân. ***Một Đấng Thiên Nhân* đã phát triển Manas, và đang bận tâm với vấn đề trở thành một Con của Minh Triết, không phải vốn dĩ như thế mà là trong sự biểu hiện trọn vẹn.** *Một Thái dương Thượng đế* vừa là một Manasaputra Thiêng liêng vừa là một Rồng Minh Triết, và vấn đề của Ngài liên quan đến [Page 306] sự phát triển của nguyên khí Ý Chí vũ trụ, điều sẽ làm cho Ngài trở thành điều đã được gọi là một "Sư Tử của Ý Chí Vũ Trụ." (TCF 305-306)

167. It would seem that the Logoi of the synthesizing planets (Saturn, Neptune and Uranus) would be far too spiritually elevated to be focussing only on the development of manas, when even our Planetary Logos is (through His relationship with Venus and His struggles on the cosmic astral plane) already seeking to bring in love-wisdom.

167. Có vẻ như các Thượng đế của các hành tinh tổng hợp (Sao Thổ, Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương) quá cao cả về mặt tinh thần để chỉ tập trung vào sự phát triển của manas, trong khi ngay cả Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta cũng đã (qua mối liên hệ của Ngài với Sao Kim và những cuộc

đấu tranh của Ngài trên cõi cảm dục vũ trụ) tìm cách mang vào bác ái – minh triết.

168. But then, even a highly advanced human soul will recapitulate the development of a strongly manasic phase.

168. Nhưng rồi, ngay cả một linh hồn nhân loại rất tiến bộ cũng sẽ lặp lại sự phát triển của một giai đoạn manas mạnh mẽ.

Each of the four minor Rays is, as we know, eventually synthesised, or absorbed into that Ray which is represented on our earth by the Mahachohan. He is the Lord of the third major Ray or Aspect, and synthesises the four.

Mỗi một trong bốn cung nhỏ, như chúng ta biết, cuối cùng đều được tổng hợp, hay được hấp thu vào cung được biểu hiện trên địa cầu của chúng ta bởi Đức Mahachohan. Ngài là Chúa Tể của cung lớn thứ ba hay Phương diện thứ ba, và tổng hợp bốn cung ấy.

169. At the time of the writing of TCF, the change of Mahachohan may have been in process. It was not in process when IHS was written.

169. Vào thời điểm TCF được viết, sự thay đổi của Đức Mahachohan có thể đã đang diễn ra. Điều đó chưa diễn ra khi IHS được viết.

170. Are Uranus and Neptune synthesized into Saturn? This is a difficult question. One reference makes it seem possible—unless one studies the charts carefully, namely Chart VI, TCF 383

170. Có phải Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương được tổng hợp vào Sao Thổ không? Đây là một câu hỏi khó. Một tham chiếu khiến điều đó có vẻ khả dĩ—trừ phi người ta nghiên cứu các biểu đồ cẩn thận, cụ thể là Biểu đồ VI, TCF 383

13. “Saturn is the synthesising scheme for the four planets which embody manas pure and simple and is the major resolution for the minor four and eventually for all The Seven.” (TCF. 370.)

13. “Sao Thổ là hệ hành tinh tổng hợp cho bốn hành tinh hiện thân cho manas thuần túy và đơn giản, và là sự phân giải lớn cho bốn hành tinh nhỏ và cuối cùng cho cả Bảy.” (TCF. 370.)

171. It is that statement—“eventually for all The Seven”—which could give one pause when considering the absorptive relationship between Saturn, Neptune and Uranus.

171. Chính phát biểu ấy—“cuối cùng cho cả Bảy”—có thể khiến người ta phải ngập ngừng khi xem xét mối liên hệ hấp thu giữa Sao Thổ, Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương.

172. However, in studying Chart VI, we note a sevenfold structure including Saturn (and not Pluto). Counting those planetary schemes surrounding Saturn, and adding newly discovered Pluto, we have *seven.*

172. Tuy nhiên, khi nghiên cứu Biểu đồ VI, chúng ta lưu ý một cấu trúc thất phân bao gồm Sao Thổ (và không bao gồm Sao Diêm Vương). Đếm các hệ hành tinh bao quanh

Sao Thổ, rồi thêm Sao Diêm Vương mới được khám phá, chúng ta có *bảy.*

173. Such an absorption is still far distant and, as we approach it, we will surely know much more about planetary lore than presently we do.

173. Sự hấp thu như thế vẫn còn rất xa, và khi chúng ta tiến gần đến nó, chắc chắn chúng ta sẽ biết nhiều hơn hiện nay về tri thức hành tinh.

174. According to our present knowledge, it would seem that Uranus and Neptune are greater synthesizers than Saturn (which is more related to the previous solar system than to our own).

174. Theo tri thức hiện tại của chúng ta, có vẻ như Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương là những đấng tổng hợp lớn hơn Sao Thổ (vốn liên hệ nhiều hơn với hệ mặt trời trước đây hơn là với hệ của chúng ta).

These four Rays with their synthesising Ray make the five rays of Manas or Mind.

Bốn cung này cùng với cung tổng hợp của chúng tạo thành năm cung của Manas hay Trí Tuệ.

175. Note that DK is here speaking of "Rays" and not of planets. This must be observed carefully.

175. Lưu ý rằng ở đây Chân sư DK đang nói về "các cung" chứ không phải các hành tinh. Điều này phải được quan sát cẩn thận.

176. When comparing apparently parallel systems of planets and systems of rays, correspondences may not be as exact as hoped.

176. Khi so sánh các hệ hành tinh có vẻ song song và các hệ cung, các tương ứng có thể không chính xác như mong đợi.

We can consider them as:

Chúng ta có thể xem chúng như:

a. The fivefold Brahma Aspect.

a. Phương diện Brahma ngũ phân.

177. The number of Brahma is always *five.*

177. Con số của Brahma luôn là *năm.*

b. They were the five Rays of prime importance in the first solar system, and were the five individualised Heavenly Men, called the Mind-born Sons of Brahma.

b. Chúng là năm cung có tầm quan trọng hàng đầu trong hệ mặt trời thứ nhất, và là năm Đấng Thiên Nhân đã được biệt ngã hóa, được gọi là các Con sinh từ Trí của Brahma.

178. We seem to be given a hint that the Planetary Logoi through which these five rays now work were present in the first solar system. This may or may not be the case, as

178. Dường như chúng ta được cho một gợi ý rằng các Hành Tinh Thượng Đế mà qua đó năm cung này hiện đang hoạt động đã từng hiện diện trong hệ mặt trời thứ nhất. Điều

the Rays can work through various planetary schemes. We remember from TCF 293 that the duration of a Heavenly Man is one solar system.

này có thể đúng hoặc không, vì các cung có thể hoạt động qua nhiều hệ hành tinh khác nhau. Chúng ta nhớ từ TCF 293 rằng thời lượng của một Đấng Thiên Nhân là một hệ mặt trời.

179. We note here that DK does not mention planets, per se.

179. Chúng ta lưu ý ở đây rằng Chân sư DK không nhắc đến các hành tinh, tự chúng.

Through the individualisation of the four in that system the individualisation of the great cosmic Entity we call Brahma was brought about. He individualised and the four go to the content of His body.

Qua sự biệt ngã hóa của bốn vị trong hệ ấy, sự biệt ngã hóa của Thực Thể vũ trụ Vĩ Đại mà chúng ta gọi là Brahma đã được tạo ra. Ngài đã biệt ngã hóa và bốn vị ấy đi vào nội dung của thể Ngài.

180. The kind of individualization here discussed was definitely not of the order through which a human being presently passes. It had to have been a *cosmic* individualization, either involving the gradual stimulation of a cosmic mental unit and its approximation to a cosmic manasic permanent atom (thus producing a cosmic causal body), or through the intervention of a cosmic Solar Angel.

180. Loại biệt ngã hóa được bàn đến ở đây chắc chắn không thuộc loại mà một con người hiện nay trải qua. Nó hẳn phải là một sự *biệt ngã hóa* vũ trụ, hoặc liên quan đến sự kích thích dần dần của một đơn vị hạ trí vũ trụ và sự tiến gần của nó đến một nguyên tử trường tồn manas vũ trụ (nhờ đó tạo ra một thể nguyên nhân vũ trụ), hoặc thông qua sự can thiệp của một Thái dương Thiên Thần vũ trụ.

181. Solar Angels, however, it would seem, were not so active during the first solar system as in our present one.

181. Tuy nhiên, có vẻ như các Thái dương Thiên Thần không hoạt động mạnh trong hệ mặt trời thứ nhất như trong hệ hiện tại của chúng ta.

182. The great cosmic Entity called Brahma is, in this context, one of the aspects of our Solar Logos. We are not speaking of 'Universal Brahma'.

182. Thực Thể vũ trụ Vĩ Đại được gọi là Brahma, trong ngữ cảnh này, là một trong các phương diện của Thái dương Thượng đế của chúng ta. Chúng ta không nói về 'Brahma Vũ Trụ'.

c. **They are represented on our earth by the five Kumaras** Who obeyed the Law, and took human form, as H. P. B. hints in several passages in the *Secret Doctrine*. [33: S. D., I, 493.]

c. **Chúng được biểu hiện trên địa cầu của chúng ta bởi năm Kumara** đã tuân theo Định luật, và đã mang hình người, như H. P. B. gợi ý trong một số đoạn của *Giáo Lý Bí Nhiệm*. [33: S. D., I, 493.]

183. This is a fascinating reference showing the connection between five Ray Lords and five of our present –intra-planetary Kumaras.

183. Đây là một tham chiếu hấp dẫn cho thấy mối liên hệ giữa năm Chúa Tể Cung và năm Kumara hiện tại của chúng ta – nội hành tinh.

184. If two of them disobeyed the Law, it was probably because the Law required that they *not* incarnate.

184. Nếu hai vị trong số họ không tuân theo Định luật, thì có lẽ là vì Định luật đòi hỏi rằng các vị ấy *không* lâm phàm.

185. The whole idea of planetary (or better intra-planetary) Kumaras having human form is interesting. Sanat Kumara (the Kumara Who is the main focus of the Trans-Himalayan Wisdom Teaching) is said to be able to express through a form which resembles the human form. "Man is made in the image of God".

185. Toàn bộ ý tưởng về các Kumara hành tinh (hay đúng hơn là nội hành tinh) có hình người thật thú vị. Đức Sanat Kumara (Kumara là tiêu điểm chính của Giáo Huấn Minh Triết Xuyên Hy Mã Lạp Sơn) được nói là có thể biểu lộ qua một hình tướng giống hình người. "Con người được tạo ra theo hình ảnh của Thượng đế".

186. I do not think DK is talking about Solar Angels in this context. The Solar Angels may present themselves as "angels" to the eye of the candidate for initiation. This is probably as close as they come to expressing directly through a human form (though, reputedly, some of them did, for a time, in very ancient times to help mould the racial type).

186. Tôi không nghĩ Chân sư DK đang nói về các Thái dương Thiên Thần trong ngữ cảnh này. Các Thái dương Thiên Thần có thể tự trình hiện như "các thiên thần" trước mắt ứng viên điểm đạo. Có lẽ đó là mức gần nhất mà họ đến với việc biểu lộ trực tiếp qua hình người (dù theo truyền tụng, một số vị trong họ đã làm như vậy, trong một thời gian, vào những thời kỳ rất cổ xưa để giúp uốn nắn kiểu mẫu nhân loại).

187. VSK asks: "Referencing chart in *EA*, 34, are these the same *five* Kumaras? This point "c". clearly states those Kumaras took human form, those of rays three, four, five, six, and seven—the Pisces, Aries, Taurus, Gemini, and Cancer Liberated Lives or Kumaras. What are the implications of that?"

187. VSK hỏi: "Tham chiếu biểu đồ trong *EA*, 34, đây có phải là cùng *năm* Kumara ấy không? Điểm "c". này nói rõ rằng các Kumara ấy đã mang hình người, tức những vị thuộc cung ba, bốn, năm, sáu và bảy—các Sự Sống Giải Thoát hay các Kumara của Song Ngư, Bạch Dương, Kim Ngưu, Song Tử và Cự Giải. Những hàm ý của điều đó là gì?"

188. May it be suggested that this is such a huge and profound question that it is best to pass over it for a time until we are more certain of the relation of the intra-planetary Kumaras to the Creative Hierarchies.

188. Có thể gợi ý rằng đây là một câu hỏi quá rộng lớn và thâm sâu đến nỗi tốt hơn hết nên tạm thời bỏ qua nó cho đến khi chúng ta chắc chắn hơn về mối liên hệ của các

Kumaras nội hành tinh với Các Huyền Giai Sáng Tạo.

This scheme is considered as the fourth and **the one of the most importance in the system during this particular cycle for the following reasons:**

Hệ hành tinh này được xem là hệ thứ tư và **là hệ quan trọng bậc nhất trong hệ mặt trời trong chu kỳ đặc biệt này vì những lý do sau:**

189. It would seem that our Solar Logos is undergoing a process of initiation through His fourth scheme (our Earth-scheme) and thus the temporary importance of our scheme.

189. Dường như Thái dương Thượng đế của chúng ta đang trải qua một tiến trình điểm đạo qua hệ hành tinh thứ tư của Ngài (hệ Địa Cầu của chúng ta), và do đó có tầm quan trọng tạm thời của hệ hành tinh chúng ta.

Our *solar system,* being considered as of the fourth [Page 362] order, and *our scheme* being the fourth in order, there is consequently a moment of special opportunity afforded our planetary Logos through the alignment brought about.

Hệ mặt trời của chúng ta, được xem là thuộc bậc thứ tư [Page 362] và *hệ hành tinh của chúng ta* là hệ thứ tư theo thứ tự, vì thế có một thời điểm cơ hội đặc biệt được ban cho Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta nhờ sự chỉnh hợp được tạo ra.

190. Here we have a brief discussion of the importance of 'numerical resonance'. Lines of connection definitely exist on the basis of number, and the close relationship between our Planetary Logos and the Solar Logos is numerologically emphasized.

190. Ở đây chúng ta có một cuộc bàn luận ngắn về tầm quan trọng của "cộng hưởng số học". Những đường liên kết quả thực tồn tại trên cơ sở con số, và mối liên hệ mật thiết giữa Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta với Thái dương Thượng đế được nhấn mạnh về mặt số học.

191. The fourth order nature of our Solar Logos, *may* refer to His monadic ray. It may also refer to his place within the Creative Hierarchy of Solar Logoi. If the evidence of spectral types is admitted, He does occupy something of a middle position, just as the number four is the middle of a series of seven.

191. Bản chất bậc thứ tư của Thái dương Thượng đế của chúng ta, *có thể* ám chỉ cung chân thần của Ngài. Điều đó cũng có thể ám chỉ vị trí của Ngài trong Huyền Giai Sáng Tạo của các Thái dương Thượng đế. Nếu chấp nhận bằng chứng của các loại quang phổ, thì Ngài quả thực chiếm một vị trí nào đó ở giữa, cũng như số bốn là trung điểm của một dãy bảy.

It eventuates in **the turning of the attention of the logoic kundalini fire towards this centre, our scheme,** and the subsequent results are in process of working out.

Điều này dẫn đến **sự chuyển hướng chú ý của hỏa kundalini logoic về trung tâm này, hệ hành tinh của chúng ta,** và các kết quả tiếp theo hiện đang trong tiến trình biểu lộ.

192. We come to understand that our Planetary Logos and His scheme are under solar logoic kundalinic stimulation. Venus and Saturn are also said to be undergoing logoic kundalinic stimulation (TCF 181-182) forming a triangle with the Earth.

192. Chúng ta đi đến chỗ hiểu rằng Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta và hệ hành tinh của Ngài đang ở dưới sự kích thích kundalini của Thái dương Thượng đế. Kim Tinh và Thổ Tinh cũng được nói là đang trải qua sự kích thích kundalini logoic (TCF 181-182), tạo thành một tam giác với Trái Đất.

193. Since Saturn and Venus are planets of initiation (ruling the sign Capricorn, the major sign of initiation), we can see that this alignment stimulates the process of initiation within our planetary scheme.

193. Vì Thổ Tinh và Kim Tinh là những hành tinh của điểm đạo (cai quản dấu hiệu Ma Kết, dấu hiệu chủ yếu của điểm đạo), chúng ta có thể thấy rằng sự chỉnh hợp này kích thích tiến trình điểm đạo trong hệ hành tinh của chúng ta.

194. It is also clear that Saturn and Venus are the planets most related to Sanat Kumara. He is the "Lord of Venusian Love", but the spelling of His name (as we have it) clearly suggests Saturn. By another permutation, He is "Satan", understood as the sponsor of the enlightenment and liberation of humanity. Much study of the Satan myth must be undertaken in the *Secret Doctrine* to realize that the standard attributions of evil associated with that name are due to inversion and misunderstanding. Evil exists to be sure, with its leaders in both the East and West, but such evil has nothing to do with the great process of enlightenment and the stimulation of human responsibility which the name "Satan" truly entails.

194. Cũng rõ ràng rằng Thổ Tinh và Kim Tinh là những hành tinh liên hệ nhiều nhất với Đức Sanat Kumara. Ngài là "Chúa Tể của Bác Ái Kim Tinh", nhưng cách đánh vần tên Ngài (như chúng ta có hiện nay) rõ ràng gợi ý Thổ Tinh. Theo một hoán vị khác, Ngài là "Satan", được hiểu như đấng bảo trợ cho sự giác ngộ và giải thoát của nhân loại. Cần phải nghiên cứu nhiều về huyền thoại Satan trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* để nhận ra rằng những quy kết tiêu chuẩn về điều ác gắn với tên ấy là do sự đảo ngược và hiểu lầm. Điều ác quả có tồn tại, với những thủ lĩnh của nó ở cả Đông lẫn Tây, nhưng điều ác ấy không liên quan gì đến tiến trình vĩ đại của sự giác ngộ và sự kích thích trách nhiệm của con người mà tên gọi "Satan" thực sự hàm ý.

195. "Satan", "Lucifer", "Prometheus", "Asuras", "Agnishvattas", Solar Angels, Narada and even Kumaras have many equivalencies. An open mind is required for deeper understanding. The fundamentalist turn of mind will close the book on this subject before any historical research is even attempted.

195. "Satan", "Lucifer", "Prometheus", "Asuras", "Agnishvattas", các Thái dương Thiên Thần, Narada và ngay cả các Kumaras có nhiều điểm tương đương. Cần có một tâm trí cởi mở để thấu hiểu sâu hơn. Lối tư duy giáo điều sẽ khép cuốn sách này lại trước khi bất kỳ cuộc nghiên cứu lịch sử nào được thử tiến hành.

Within the scheme *the chain* that concerns us the most, and which is temporarily of the most vital importance to the planetary Logos, is the Earth chain, the fourth in order again, thus bringing about **another alignment of very grave moment.**

Trong hệ hành tinh này, *dãy* liên quan đến chúng ta nhiều nhất, và tạm thời có tầm quan trọng sinh tử nhất đối với Hành Tinh Thượng Đế, là Dãy Địa Cầu, lại là dãy thứ tư, do đó tạo nên **một sự chỉnh hợp khác có tầm hệ trọng vô cùng lớn lao.**

196. We are speaking of a threefold alignment:

196. Chúng ta đang nói đến một sự chỉnh hợp tam phân:

a. Our Solar Logos of the fourth order

a. Thái dương Thượng đế của chúng ta thuộc bậc thứ tư

b. Our Solar Logos' fourth scheme, the Earth-scheme

b. Hệ hành tinh thứ tư của Thái dương Thượng đế chúng ta, hệ Địa Cầu

c. The fourth chain of our fourth scheme—the Earth-chain

c. Dãy thứ tư của hệ hành tinh thứ tư của chúng ta — Dãy Địa Cầu

197. The gravity of this alignment is brought to our attention. The Logos of our scheme is moving through a perilous passage and the results may be temporarily dire for the kingdoms found within the fourth chain and especially upon the *fourth* globe—our planet Earth.

197. Tính hệ trọng của sự chỉnh hợp này được đưa ra trước sự chú ý của chúng ta. Đấng Logos của hệ hành tinh chúng ta đang đi qua một lối chuyển tiếp hiểm nguy và các kết quả có thể tạm thời rất nghiêm trọng đối với các giới được tìm thấy trong dãy thứ tư và đặc biệt trên *bầu hành tinh* thứ tư — hành tinh Trái Đất của chúng ta.

198. The concept of "grave moment" suggests the overcoming of death through the fourth initiation.

198. Khái niệm "thời điểm hệ trọng" gợi ý sự vượt thắng cái chết qua lần điểm đạo thứ tư.

This carries with it special opportunity, and **permits of the entry of force from the cosmos itself, or of extra-systemic electrical vitality.**

Điều này mang theo cơ hội đặc biệt, và **cho phép mãnh lực từ chính vũ trụ đi vào, hay sinh lực điện ngoài hệ thống.**

199. We wonder if Pleiadian force may be involved, for the term "electrical vitality" is Pleiadian in nature.

199. Chúng ta tự hỏi liệu mãnh lực từ Pleiades có thể liên quan hay không, vì thuật ngữ "sinh lực điện" có bản chất Pleiades.

200. Because the Pleiades are associated with cosmic buddhi (from the fourth cosmic plane) we see a further alignment involving the potency of the number *four.*

200. Vì Pleiades được liên kết với Bồ đề vũ trụ (từ cõi vũ trụ thứ tư), chúng ta thấy một sự chỉnh hợp nữa liên quan đến tiềm lực của con số *bốn.*

201. On the other hand, we know that Sirius is powerfully affecting the entire initiatory process on our planet, and it is the *fourth* of the seven or nine cosmic paths that leads to Sirius.

201. Mặt khác, chúng ta biết rằng Sirius đang tác động mạnh mẽ đến toàn bộ tiến trình điểm đạo trên hành tinh chúng ta, và chính con đường vũ trụ thứ *tư* trong bảy hay chín con đường vũ trụ dẫn đến Sirius.

202. We come to understand that what is going on Earth is more than just a planetary affair, but involves the Director of our solar system and even cosmic, extra-systemic Sources. No wonder the gravity of our situation!

202. Chúng ta đi đến chỗ hiểu rằng điều đang diễn ra trên Trái Đất không chỉ là một sự vụ hành tinh, mà còn liên quan đến Đấng Điều Hành hệ mặt trời chúng ta và ngay cả các Nguồn gốc vũ trụ, ngoài hệ thống. Thảo nào tình thế của chúng ta lại hệ trọng đến thế!

This super-stimulation results in what looks to us like cataclysms, and a stupendous shattering of forms, but it is simply the necessary sequence to the vitalisation of the life within the form, and the **breaking of the limiting form unable to bear the cosmic action.**

Sự siêu kích thích này dẫn đến điều đối với chúng ta trông như những đại biến động, và một sự phá vỡ hình tướng khổng lồ, nhưng đó chỉ đơn giản là chuỗi hệ quả tất yếu tiếp theo sau sự tiếp sinh lực cho sự sống bên trong hình tướng, và **sự phá vỡ hình tướng giới hạn không thể chịu nổi tác động vũ trụ.**

203. Note the term "super-stimulation"; it is dramatic and gives us some idea of the power of the energies and forces to which we are being subjected. No wonder the full strength of Hierarchy is needed to guide humanity and the planet through the process. Shamballa, too, is involved.

203. Hãy lưu ý thuật ngữ "siêu kích thích"; nó đầy kịch tính và cho chúng ta một ý niệm nào đó về quyền năng của các năng lượng và mãnh lực mà chúng ta đang phải chịu. Thảo nào cần đến toàn bộ sức mạnh của Thánh Đoàn để hướng dẫn nhân loại và hành tinh đi qua tiến trình này. Shamballa cũng có liên quan.

204. We can see that the shattering of forms is part of a planetary *fourth* initiation process.

204. Chúng ta có thể thấy rằng sự phá vỡ các hình tướng là một phần của tiến trình lần điểm đạo thứ *tư* của hành tinh.

205. It is as if our Planetary Logos is stepping into or opening unto a more *cosmic*

205. Dường như Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang bước vào hay mở ra trước một

environment, and the adjustment process if far from easy.

môi trường *vũ trụ* hơn, và tiến trình điều chỉnh thì hoàn toàn không dễ dàng.

206. When a human being takes the fourth initiation, he is at last coming directly in contact with the Planetary Logos—requiring another huge adjustment. His relationship to the Solar Logos, via the solar logoic fourth plane, is also deepened.

206. Khi một con người trải qua lần điểm đạo thứ tư, cuối cùng y trực tiếp tiếp xúc với Hành Tinh Thượng Đế — điều này đòi hỏi một sự điều chỉnh to lớn khác. Mối liên hệ của y với Thái dương Thượng đế, qua cõi thứ tư của Thái dương Thượng đế, cũng được đào sâu thêm.

Again within the chain, *the globe* at present receiving planetary polarisation, or at present **embodying in a special sense the life of the planetary Logos is the Earth, the fourth in order.** This brings about a still further alignment.

Lại nữa, trong dãy này, *bầu hành tinh* hiện đang tiếp nhận sự phân cực hành tinh, hay hiện đang **hiện thân theo một ý nghĩa đặc biệt sự sống của Hành Tinh Thượng Đế, là Trái Đất, bầu hành tinh thứ tư theo thứ tự.** Điều này tạo nên một sự chỉnh hợp còn sâu hơn nữa.

207. This has been stated above. The alignment is terrific:

207. Điều này đã được nói ở trên. Sự chỉnh hợp thật ghê gớm:

a. Sirius or the Pleiades (both relating to the number four in specific ways)

a. Sirius hay Pleiades (cả hai đều liên hệ với số bốn theo những cách đặc thù)

b. Our Solar Logos (of the fourth order)

b. Thái dương Thượng đế của chúng ta (thuộc bậc thứ tư)

c. Our planetary scheme—the fourth

c. Hệ hành tinh của chúng ta — hệ thứ tư

d. Our planetary chain—the fourth

d. Dãy hành tinh của chúng ta — dãy thứ tư

e. Our globe—the fourth

e. Bầu hành tinh của chúng ta — bầu hành tinh thứ tư

f. Our globe experiencing its fourth round

f. Bầu hành tinh của chúng ta đang trải qua cuộc tuần hoàn thứ tư

g. Humanity—the fourth kingdom (having moved from emphasis upon its fourth root race to its fifth).

g. Nhân loại — giới thứ tư (đã chuyển từ sự nhấn mạnh vào giống dân gốc thứ tư sang giống dân gốc thứ năm).

Add to the above facts the accepted knowledge that this is the *fourth round* and we have a fivefold alignment which is of paramount significance to us all, though it had even greater significance and force in the fourth root-race, and **brought about that stupendous psychic event—the opening of the door of Initiation to the human Hierarchy.**

Cộng thêm vào các sự kiện trên tri thức đã được chấp nhận rằng đây là *cuộc tuần hoàn thứ tư*, và chúng ta có một sự chỉnh hợp ngũ phân có ý nghĩa tối thượng đối với tất cả chúng ta, mặc dù nó còn có ý nghĩa và mãnh lực lớn hơn nữa trong giống dân gốc thứ tư, và **đã tạo nên biến cố thông linh vĩ đại ấy — sự mở cánh cửa Điểm đạo cho Huyền Giai nhân loại.**

208. We, humanity, have moved on into the fifth root race, and the alignment is thus not quite as intense as it was during the *fourth* root race. Yet the intensity is sufficient to put the survival of humanity (as we know it) in question.

208. Chúng ta, nhân loại, đã tiến vào giống dân gốc thứ năm, và vì thế sự chỉnh hợp không còn mãnh liệt như trong giống dân gốc *thứ tư*. Tuy nhiên, cường độ ấy vẫn đủ để đặt sự sống còn của nhân loại (như chúng ta biết) vào vòng nghi vấn.

209. We should pause to reflect on the relation of the number *four* to the initiation process. Sirius relates intimately to the *four* and Sirius is the Sponsor of the initiatory process on our planet and more widely within the solar system.

209. Chúng ta nên dừng lại để suy ngẫm về mối liên hệ của con số *bốn* với tiến trình điểm đạo. Sirius liên hệ mật thiết với số *bốn*, và Sirius là Đấng Bảo Trợ của tiến trình điểm đạo trên hành tinh chúng ta và rộng hơn trong hệ mặt trời.

210. Initiation is Yoga, the link, the bond. The number four serves this function as does the seven.

210. Điểm đạo là Yoga, là mối liên kết, là dây ràng buộc. Số bốn thực hiện chức năng này cũng như số bảy.

These very important facts merit close attention, and the consideration of all occult students. They hold the key whereby some comprehension of manas and of planetary evolution may come about.

Những sự kiện rất quan trọng này đáng được chú ý kỹ lưỡng và được mọi đạo sinh huyền bí học suy xét. Chúng nắm giữ chiếc chìa khóa nhờ đó có thể đạt được một phần thấu hiểu về manas và về tiến hoá hành tinh.

211. With these facts we have often been presented. Have we realized that they hold the key to the comprehension of manas and of planetary evolution?

211. Những sự kiện này thường đã được trình bày trước chúng ta. Chúng ta đã nhận ra rằng chúng nắm giữ chiếc chìa khóa để thấu hiểu manas và tiến hoá hành tinh hay chưa?

212. It is easy to see how planetary evolution is related to the alignment.

212. Thật dễ thấy tiến hoá hành tinh liên hệ với sự chỉnh hợp như thế nào.

213. Perhaps the comprehension of manas must come through an understanding that the human Creative Hierarchy is the *fourth* and is the Hierarchy of *manas*. Manas—Man, the Thinker.

What have we, therefore, in this special cyclic alignment?

[Page 363]

1. A solar system of the fourth order.

2. The fourth scheme in the system.

3. The fourth chain in the scheme.

4. The fourth globe in the chain.

5. The fourth round.[34]

214. Plus the additional factors involved in the alignment (mentioned above).

34 Compare also the following correspondences:

The sacred Tetraktys The manifested Logos.

215. In this case the four are superior to the three. The "sacred Tetraktys" is also a *ten* and responsible for all manifestation. It may be related to the four cosmic ethers and their potencies.

The Fourth Creative Hierarchy The Human.

216. The Hierarchy of human Monads.

213. Có lẽ sự thấu hiểu về manas phải đến qua việc hiểu rằng Huyền Giai Sáng Tạo nhân loại là Huyền Giai *thứ tư* và là Huyền Giai của *manas*. Manas — Con Người, Đấng Tư Tưởng.

Vậy thì, trong sự chỉnh hợp chu kỳ đặc biệt này, chúng ta có gì?

[Page 363]

1. Một hệ mặt trời thuộc bậc thứ tư.

2. Hệ hành tinh thứ tư trong hệ mặt trời.

3. Dãy thứ tư trong hệ hành tinh.

4. Bầu hành tinh thứ tư trong dãy.

5. Cuộc tuần hoàn thứ tư.34

214. Cộng thêm các yếu tố bổ sung liên quan đến sự chỉnh hợp (đã nêu ở trên).

34 Hãy so sánh thêm các tương ứng sau đây:

Tetraktys thiêng liêng Đấng Logos biểu hiện.

215. Trong trường hợp này, bốn cao hơn ba. "Tetraktys thiêng liêng" cũng là một số *mười* và chịu trách nhiệm cho toàn bộ sự biểu hiện. Nó có thể liên hệ với bốn dĩ thái vũ trụ và các tiềm lực của chúng.

Huyền Giai Sáng Tạo Thứ Tư Con Người.

216. Huyền Giai của các chân thần nhân loại.

The Fourth Principle Lower Mind.

217. Manas is usually the middle principle whether one counts from below or above. Sometimes, in different enumerations, the numbers may change, depending on whether one is dealing with the spiritual, psychic or objective way of 'counting' man.

Nguyên khí Thứ Tư Hạ trí.

217. Manas thường là nguyên khí ở giữa, dù người ta đếm từ dưới lên hay từ trên xuống. Đôi khi, trong những cách liệt kê khác nhau, các con số có thể thay đổi, tùy theo người ta đang xét con người theo cách "đếm" tinh thần, thông linh hay khách quan.

The Fourth Race Kamamanas.

218. The Atlantean root race. Although we are now, technically, in the Aryan root race, the Atlantean consciousness is pervasive as are Atlantean types of bodies.

Nhân loại Thứ Tư Kamamanas.

218. Giống dân gốc Atlantis. Mặc dù hiện nay, về mặt kỹ thuật, chúng ta đang ở trong giống dân gốc Arya, tâm thức Atlantis vẫn lan tràn, cũng như các loại thể Atlantis vẫn còn phổ biến.

The Fourth Element Water, S. D., I, 95. I, 640.

219. This is an interesting correlation and not easy to fit with the "fire of mind". The Fourth Creative Hierarchy, however, has a water sign, Scorpio, as its ruler. From another perspective, it is atma that is ruled by water (cf. EA 35).

Nguyên tố Thứ Tư Nước, S. D., I, 95. I, 640.

219. Đây là một sự tương quan thú vị và không dễ dung hợp với "lửa của trí tuệ". Tuy nhiên, Huyền Giai Sáng Tạo Thứ Tư có một dấu hiệu hành thủy, Hổ Cáp, làm chủ tinh của nó. Từ một góc nhìn khác, chính atma được nước cai quản (x. EA 35).

The Four Truths S. D., I, 70.

220. The Four Noble Truths of the Buddha, suitable for the strengthening of all the alignments related to *four* which engage our little globe and its humanity.

Bốn Chân Lý S. D., I, 70.

220. Bốn Chân Lý Cao Quý của Đức Phật, thích hợp để tăng cường mọi sự chỉnh hợp liên hệ với số *bốn* đang cuốn hút bầu hành tinh nhỏ bé của chúng ta và nhân loại của nó.

The Four Propositions S. D., I, 107.

221. A search of the *Secret Doctrine* reveals only three. Perhaps a better means of searching would reveal four. The Tibetan does hint at the emergence of the Fourth Fundamental of the Secret Doctrine. The

Bốn Mệnh Đề S. D., I, 107.

221. Việc tra cứu trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* chỉ cho thấy ba. Có lẽ một phương cách tra cứu tốt hơn sẽ cho thấy bốn. Chân sư Tây Tạng quả có gợi ý về sự xuất hiện của Căn Bản Thứ

first three propositions are precisely the Three Fundamentals of the Secret Doctrine.

Tư của Giáo Lý Bí Nhiệm. Ba mệnh đề đầu chính là Ba Căn Bản của Giáo Lý Bí Nhiệm.

The Four Initiations S. D., I, 227.

Bốn Điểm Đạo S. D., I, 227.

222. The fourth of these initiations release the human being from the need to reincarnate within the fourth kingdom.

222. Điểm đạo thứ tư trong số này giải thoát con người khỏi nhu cầu tái sinh trong giới thứ tư.

The Fourth Plane Buddhi, fourth cosmic ether.

Cõi Thứ Tư Bồ đề, dĩ thái vũ trụ thứ tư.

223. This is the plane on which the Fourth Creative Hierarchy is focussed and the plane of its future complete expression.

223. Đây là cõi mà Huyền Giai Sáng Tạo Thứ Tư tập chú vào và là cõi của sự biểu hiện hoàn toàn trong tương lai của nó.

The Fourth physical sub-plane The Fourth Ether.

Cõi phụ hồng trần thứ tư Dĩ thái Thứ Tư.

224. This is the sub-plane presently being penetrated and slowly mastered by humanity.

224. Đây là cõi phụ mà nhân loại hiện đang xuyên nhập và chậm rãi làm chủ.

The Fourth Round The Present.

Cuộc Tuần Hoàn Thứ Tư Hiện Tại.

225. We are at the midway point of development both within our planetary chain and planetary scheme. There are chain rounds and scheme rounds.

225. Chúng ta đang ở Điểm ở giữa của sự phát triển cả trong dãy hành tinh lẫn hệ hành tinh của chúng ta. Có các cuộc tuần hoàn của dãy và các cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh.

All these are found active within the same cycle, and all therefore bring about a simultaneous alignment which results in the clearing of **a channel direct from the heart of our scheme** through every ring-pass-not to the cosmic correspondence, found outside the solar sphere.

Tất cả những điều này đều được thấy là hoạt động trong cùng một chu kỳ, và vì thế tất cả đều tạo nên một sự chỉnh hợp đồng thời, dẫn đến việc khai thông **một kênh trực tiếp từ trái tim của hệ hành tinh chúng ta** xuyên qua mọi vòng-giới-hạn đến tương ứng vũ trụ, được tìm thấy bên ngoài khối cầu mặt trời.

226. We can see that we are dealing with a soft-line alignment. The second ray soul of

226. Chúng ta có thể thấy rằng mình đang xử lý một sự chỉnh hợp theo đường mềm.

our Planetary Logos, linked to the "heart of our scheme" is related to the alignment of the many *fours.*

Cung linh hồn cung hai của Hành Tinh Thượng Đế chúng ta, gắn với "trái tim của hệ hành tinh chúng ta", liên hệ với sự chỉnh hợp của nhiều số *bốn.*

227. What is the nature of this "cosmic correspondence"? Will it be that neighboring constellation which embodies the heart center of the One About Whom Naught May Be Said? It cannot be a center within the Seven Solar Systems of Which Ours is One because it is our own Solar Logos Who embodies the heart center of that great Cosmic Logos.

227. Bản chất của "tương ứng vũ trụ" này là gì? Có phải đó là chòm sao lân cận hiện thân trung tâm tim của Đấng Bất Khả Tư Nghị chăng? Nó không thể là một trung tâm bên trong Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là một trong số đó, bởi chính Thái dương Thượng đế của chúng ta là Đấng hiện thân trung tâm tim của Đấng Logos Vũ Trụ vĩ đại ấy.

To the above realisation, we must add yet the further fact that the fourth Creative Hierarchy is the one whose evolution we are considering, and it will be apparent to the most superficial student that in these thoughts lies hidden the clue, not only to man but to the entire cyclic evolution in which he is taking part.

Vào sự chứng nghiệm trên, chúng ta còn phải thêm một sự kiện nữa rằng Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư là Huyền Giai mà chúng ta đang xét đến sự tiến hoá của nó, và điều đó sẽ hiển nhiên đối với cả đạo sinh hời hợt nhất rằng trong những tư tưởng này ẩn giấu đầu mối không chỉ về con người mà còn về toàn bộ tiến hoá chu kỳ mà y đang tham dự.

228. If we wish to understand humanity and its monadic source (the Fourth Creative Hierarchy), the many alignments occurring numerologically in relation to the number *four* must be considered.

228. Nếu chúng ta muốn hiểu nhân loại và nguồn gốc chân thần của nó (Huyền Giai Sáng Tạo Thứ Tư), thì phải xét đến nhiều sự chỉnh hợp xảy ra về mặt số học liên hệ với số *bốn.*

229. Man cannot understand man in a vacuum. The many relationships resonant to the number *four* give the broader picture. Humanity must be understood both as a kingdom of nature and as a Creative Hierarchy. In this process we are invited to understand the larger context. Naturally, *A Treatise on Cosmic Fire* is a superb book to promote such understanding.

229. Con người không thể hiểu con người trong một khoảng trống. Nhiều mối liên hệ cộng hưởng với số *bốn* đem lại bức tranh rộng lớn hơn. Nhân loại phải được hiểu vừa như một giới trong thiên nhiên vừa như một Huyền Giai Sáng Tạo. Trong tiến trình này, chúng ta được mời gọi hiểu bối cảnh lớn hơn. Đương nhiên, *Luận về Lửa Vũ Trụ* là một cuốn sách tuyệt vời để thúc đẩy sự thấu hiểu như thế.

The fourth Creative Hierarchy is essentially the Hierarchy of manas. This is no play on

Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư về bản chất là Huyền Giai của manas. Điều này không phải

words, but a statement of deep occult significance.

là một lối chơi chữ, mà là một phát biểu có ý nghĩa huyền bí sâu xa.

230. We are Man, Manas, the Thinker. We see the various ways in which the number *four* is associated with manas, even though it is the *fifth* principle.

230. Chúng ta là Con Người, Manas, Đấng Tư Tưởng. Chúng ta thấy những cách khác nhau mà số *bốn* được liên kết với manas, mặc dù nó là nguyên khí *thứ năm*.

231. Manas (depending on the perspective from which human principles are counted) is positioned as the fourth principle; the Fourth Creative Hierarchy is the manasic Hierarchy.

231. Manas (tùy theo góc nhìn mà các nguyên khí của con người được đếm) được đặt ở vị trí nguyên khí thứ tư; Huyền Giai Sáng Tạo Thứ Tư là Huyền Giai manas.

The statement has been made with entire accuracy that five Hierarchies out of the twelve **have passed out** and that seven remain.

Phát biểu đã được đưa ra hoàn toàn chính xác rằng năm Huyền Giai trong số mười hai **đã vượt ra ngoài** và bảy Huyền Giai còn lại.

232. Technically, we are told that the fifth liberated Creative Hierarchy (its number is also the tenth) has not quite found its liberation onto the cosmic astral plane.

232. Về mặt kỹ thuật, chúng ta được cho biết rằng Huyền Giai Sáng Tạo được giải thoát thứ năm (số của nó cũng là số mười) vẫn chưa hoàn toàn tìm được sự giải thoát lên cõi cảm dục vũ trụ.

Of these seven, our human Hierarchy is the fourth, making it literally the ninth when counting the entire twelve.

Trong bảy Huyền Giai này, Huyền Giai nhân loại của chúng ta là Huyền Giai thứ tư, khiến nó theo nghĩa đen là thứ chín khi đếm toàn bộ mười hai.

233. The number *nine* is definitely a manasic number relating to the cycle of the third ray. Every member of the trinity (a symbol of the third aspect) is itself threefold, making nine.

233. Con số *chín* rõ ràng là một con số manas liên hệ với chu kỳ của cung ba. Mỗi thành viên của bộ ba (một biểu tượng của phương diện thứ ba) tự nó lại là tam phân, tạo thành chín.

234. When thinking about the relationship of the number *four* to manas, we should always remember the manasic planet Mercury ("mind-wisdom") and its strong relationship to the fourth ray. The ajna center, ruled at a later date by Mercury, is

234. Khi suy nghĩ về mối liên hệ của số *bốn* với manas, chúng ta nên luôn nhớ đến hành tinh manas là Sao Thủy ("minh triết-trí tuệ") và mối liên hệ mạnh mẽ của nó với cung bốn. Trung tâm ajna, về sau được Sao Thủy cai quản, cũng là, từ một góc nhìn nào đó, một trung tâm manas.

also, from a certain perspective, a manasic center.

In this connection it would be well to **link up the statements** that have been made to the effect that the **five Kumaras or Heavenly Men** Who definitely embody the manasic principle (or the five Rays over which the systemic correspondence to the Mahachohan presides) **developed** [Page 364] **manas in an earlier system;**

Trong mối liên hệ này, sẽ là điều tốt nếu **liên kết các phát biểu** đã được đưa ra theo đó rằng **năm Kumaras hay các Đấng Thiên Nhân** là những Đấng hiện thân rõ rệt nguyên khí manas (hay năm Cung mà tương ứng hệ thống với Đức Mahachohan chủ trì) **đã phát triển** [Page 364] **manas trong một hệ mặt trời sớm hơn;**

235. We must be cautious here and try to avoid confusion. Are we speaking (in the reference above) of extra-planetary Kumaras, i.e., Heavenly Men expressing through planetary schemes?

235. Ở đây chúng ta phải thận trọng và cố tránh nhầm lẫn. Có phải chúng ta đang nói (trong đoạn dẫn trên) về các Kumaras ngoài hành tinh, tức các Đấng Thiên Nhân biểu lộ qua các hệ hành tinh chăng?

236. Or are we speaking of intra-planetary Kumaras?

236. Hay chúng ta đang nói về các Kumaras nội hành tinh?

237. There are *intra*-planetary Kumaras and *systemic* Planetary Kumaras and it is not easy to keep them distinct when studying these references.

237. Có các Kumaras *nội* hành tinh và các Kumaras Hành Tinh *hệ thống*, và không dễ giữ cho chúng phân biệt rõ khi nghiên cứu các đoạn dẫn này.

238. DK is suggesting the linking up of certain statements about the "five Kumaras" with what has been said of the five liberated Creative Hierarchies. So it seems He may be bringing a discussion of Planetary Logoi into a discussion of the Creative Hierarchies which He has just been pursuing.

238. Chân sư DK đang gợi ý việc liên kết một số phát biểu về "năm Kumaras" với điều đã được nói về năm Huyền Giai Sáng Tạo được giải thoát. Vì thế dường như Ngài có thể đang đưa một cuộc bàn luận về các Hành Tinh Thượng Đế vào trong cuộc bàn luận về các Huyền Giai Sáng Tạo mà Ngài vừa theo đuổi.

239. IF we are speaking of solar systemic Beings (Planetary Logoi) we are then discussing the *systemic* Heavenly Men associated with the five brahmic rays.

239. NẾU chúng ta đang nói về các Đấng của hệ mặt trời (các Hành Tinh Thượng Đế), thì khi ấy chúng ta đang bàn đến các Đấng Thiên Nhân *hệ thống* liên hệ với năm cung brahmic.

a. Regardless of the rays They express, the less advanced Heavenly Men are those that

a. Bất kể Các Ngài biểu lộ những cung nào, các Đấng Thiên Nhân kém tiến hoá hơn là

embody manas pure and simple. More advanced Heavenly Men begin to embody buddhi. The most advanced among them are beginning to embody the Divine Will.

những Đấng hiện thân manas thuần túy và đơn giản. Những Đấng Thiên Nhân tiến hoá hơn bắt đầu hiện thân Bồ đề. Những Đấng tiến hoá nhất trong số Các Ngài đang bắt đầu hiện thân Ý Chí thiêng liêng.

b. We note that DK does not say the 'previous' solar system, but only "an earlier solar system".

b. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK không nói hệ mặt trời "trước đây", mà chỉ nói "một hệ mặt trời sớm hơn".

c. This reference definitely makes it seem that some of the Heavenly Men expressing in our present solar system, also expressed as Heavenly Men in an earlier solar system.

c. Đoạn dẫn này rõ ràng khiến người ta có cảm tưởng rằng một số Đấng Thiên Nhân đang biểu lộ trong hệ mặt trời hiện tại của chúng ta cũng đã biểu lộ như các Đấng Thiên Nhân trong một hệ mặt trời sớm hơn.

d. Which, precisely, were the five Kumaras (as Heavenly Men) Who developed in an earlier solar system? It would seem that some of them, at least, would be numbered among the Planetary Logoi of currently sacred planets. At that time, however, They may not have expressed through sacred planets. Was the Logos of Venus one? Was the Logos of Mercury? Mercury is old and related to the third ray. He is a good candidate for previous solar systemic development.

d. Chính xác thì năm Kumaras nào (với tư cách các Đấng Thiên Nhân) đã phát triển trong một hệ mặt trời sớm hơn? Dường như ít nhất một số trong Các Ngài sẽ được kể vào hàng các Hành Tinh Thượng Đế của những hành tinh hiện đang thiêng liêng. Tuy nhiên, vào thời đó, Các Ngài có thể đã không biểu lộ qua các hành tinh thiêng liêng. Logos của Kim Tinh có phải là một trong số đó không? Logos của Sao Thủy thì sao? Sao Thủy cổ xưa và liên hệ với cung ba. Ngài là một ứng viên thích hợp cho sự phát triển trong hệ mặt trời trước.

e. Who is the systemic correspondence to the Mahachohan? It is Saturn? Is it that Entity represented in Chart VI, TCF, 373, Who might be called 'greater Saturn' because His circle circumscribes seven Planetary Logoi?

e. Tương ứng hệ thống với Đức Mahachohan là ai? Có phải là Thổ Tinh không? Có phải là Thực Thể được trình bày trong Biểu đồ VI, TCF, 373, Đấng có thể được gọi là 'Thổ Tinh lớn hơn' vì vòng tròn của Ngài bao quanh bảy Hành Tinh Thượng Đế không?

f. Or is it the perhaps even Brahma of our solar system, represented as one of three intersecting circles proximate to the circle of the Solar Logos? (cf. TCF 1238)

f. Hay đó là có lẽ chính Brahma của hệ mặt trời chúng ta, được biểu hiện như một trong ba vòng tròn giao nhau gần với vòng tròn của Thái dương Thượng đế? (x. TCF 1238)

240. IF, however, we are speaking of the intra-planetary Kumaras our approach will be different for such intra-planetary Kumaras but represent those of a *systemic* nature.

240. TUY NHIÊN, nếu chúng ta đang nói về các Kumaras nội hành tinh thì cách tiếp cận của chúng ta sẽ khác, vì các Kumaras nội hành tinh như thế lại biểu hiện những Đấng có bản chất *hệ thống*.

241. If we are speaking of the five liberated Creative Hierarchies as having developed manas in a previous solar system, then our emphasis is different still.

241. Nếu chúng ta đang nói về năm Huyền Giai Sáng Tạo được giải thoát như đã phát triển manas trong một hệ mặt trời trước, thì sự nhấn mạnh của chúng ta lại khác hơn nữa.

They passed out of the wave of manasic influence as far as their own Nature is concerned.

Các Huyền Giai ấy đã vượt ra khỏi làn sóng ảnh hưởng manas xét theo bản chất riêng của chính mình.

242. It is evident that we are again speaking of the five liberated Creative Hierarchies. They were manasically conditioned—hence their number, *five*. They are, however, to be correlated with the five planets representing the brahmic aspect.

242. Rõ ràng là chúng ta lại đang nói về năm Huyền Giai Sáng Tạo được giải thoát. Các Huyền Giai ấy đã được manas tác động — vì thế con số của chúng là *năm*. Tuy nhiên, chúng phải được tương quan với năm hành tinh biểu hiện phương diện brahmic.

243. Yet these five Creative Hierarchies are not Planetary Logoi.

243. Tuy vậy, năm Huyền Giai Sáng Tạo này không phải là các Hành Tinh Thượng Đế.

244. The mysteries surrounding the Creative Hierarchies are deep. From one perspective they are large aggregations of Monads; from another, they are representatives of fohatic force (cf. TCF 444)

244. Những huyền nhiệm bao quanh các Huyền Giai Sáng Tạo thật sâu xa. Từ một góc nhìn, chúng là những tập hợp lớn các chân thần; từ một góc nhìn khác, chúng là những đại diện của mãnh lực fohat (x. TCF 444)

245. It would seem that the Planetary Logoi (the solar systemic Kumaras) have a higher spiritual status than the members of the Creative Hierarchies (at least the ones which have been mentioned in TCF).

245. Dường như các Hành Tinh Thượng Đế (các Kumaras của hệ mặt trời) có địa vị tinh thần cao hơn các thành viên của các Huyền Giai Sáng Tạo (ít nhất là những Huyền Giai đã được nhắc đến trong TCF).

246. Within the body of expression of a Planetary Logos, a number of Creative Hierarchies are to be found. The reverse cannot be said.

246. Trong thể biểu hiện của một Hành Tinh Thượng Đế, có thể tìm thấy một số Huyền Giai Sáng Tạo. Điều ngược lại thì không thể nói được.

We must remember also that nine is the number of Initiation, or of the major Initiations of Manas, wherein man becomes a perfect Nine, or literally is the number of his Hierarchy.

Chúng ta cũng phải nhớ rằng chín là con số của Điểm đạo, hay của các Điểm đạo lớn của Manas, trong đó con người trở thành một Chín hoàn hảo, hay theo nghĩa đen là con số của Huyền Giai của y.

247. We are speaking not only of the relation of the ninefold initiation process to the human or *ninth* Creative Hierarchy (by one way of counting), but of the major Initiations of Manas (there are nine of them, beginning with the Birth and ending with the Refusal).

247. Chúng ta đang nói không chỉ về mối liên hệ của tiến trình điểm đạo cửu phân với Huyền Giai Sáng Tạo nhân loại hay Huyền Giai Sáng Tạo *thứ chín* (theo một cách đếm), mà còn về các Điểm đạo lớn của Manas (có chín điểm đạo, bắt đầu bằng Sự Giáng Sinh và kết thúc bằng Sự Từ Chối).

248. There are also lesser initiations, but when DK speaks of the "great manasic initiations" or the "major Initiations of Manas", He is speaking of the nine with which we are, at least theoretically, familiar.

248. Cũng có những điểm đạo nhỏ hơn, nhưng khi Chân sư DK nói về "các điểm đạo manas lớn" hay "các Điểm đạo lớn của Manas", Ngài đang nói về chín điểm đạo mà ít nhất về mặt lý thuyết chúng ta đã quen thuộc.

249. By passing through nine initiations a member of a Hierarchy has fulfilled the developmental promise his Hierarchy. Man, by taking nine initiations, has availed himself of all the Fourth Creative Hierarchy can offer him.

249. Bằng cách đi qua chín điểm đạo, một thành viên của một Huyền Giai đã hoàn thành lời hứa phát triển của Huyền Giai mình. Con người, bằng cách trải qua chín điểm đạo, đã tận dụng tất cả những gì Huyền Giai Sáng Tạo Thứ Tư có thể cống hiến cho y.

250. It may be presumed that those Creative Hierarchies which have, as a whole, passed out on the cosmic astral plane, have passed through the Great Refusal—technically the ninth initiation (at least as that initiation is presented in the context of their particular Creative Hierarchy).

250. Có thể giả định rằng những Huyền Giai Sáng Tạo nào, xét như một toàn thể, đã vượt ra trên cõi cảm dục vũ trụ, thì đã đi qua Đại Từ Chối — về mặt kỹ thuật là lần điểm đạo thứ chín (ít nhất là như điểm đạo ấy được trình bày trong bối cảnh của Huyền Giai Sáng Tạo riêng của chúng).

251. Each Creative Hierarchy has nine states of consciousness (or initiations) and seven states of form.

251. Mỗi Huyền Giai Sáng Tạo có chín trạng thái tâm thức (hay các điểm đạo) và bảy trạng thái hình tướng.

This is from the standpoint of the three systems, **though his present systemic number may be four.**

252. Of what Entity is DK speaking when He says "though his present systemic number may be four".

253. Of our Planetary Logos it could be said that His present systemic number is *four.*

254. In fact, DK seems to be speaking of Man and the Fourth Creative Hierarchy. The Hierarchy of human Monads is usually considered the fourth.

255. Hierarchies are considered in a solar systemic context, and we must remember that the solar system, as often defined, does not transcend the cosmic physical plane. It does not include the cosmic astral plane.

256. Thus, strictly in relation to those Creative Hierarchy which are still expressing on the solar systemic planes, man's number (his systemic number) is, indeed, *four.*

257. From a context larger than the solar systemic context, man's number may be considered nine.

In occupying ourselves with these various statements anent our scheme and its Ruler we have seen that **this particular cycle, or incarnation of His, is one of great importance, not only to Himself but to the entire system.**

Điều này là từ quan điểm của ba hệ mặt trời, **mặc dù con số hệ thống hiện tại của y có thể là bốn.**

252. Chân sư DK đang nói về Thực Thể nào khi Ngài nói "mặc dù con số hệ thống hiện tại của y có thể là bốn"?

253. Về Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, có thể nói rằng con số hệ thống hiện tại của Ngài là *bốn.*

254. Thật ra, Chân sư DK dường như đang nói về Con Người và Huyền Giai Sáng Tạo Thứ Tư. Huyền Giai của các chân thần nhân loại thường được xem là Huyền Giai thứ tư.

255. Các Huyền Giai được xét trong một bối cảnh hệ mặt trời, và chúng ta phải nhớ rằng hệ mặt trời, như thường được định nghĩa, không vượt quá cõi hồng trần vũ trụ. Nó không bao gồm cõi cảm dục vũ trụ.

256. Vì thế, xét một cách nghiêm ngặt trong mối liên hệ với những Huyền Giai Sáng Tạo vẫn còn đang biểu lộ trên các cõi của hệ mặt trời, con số của con người (con số hệ thống của y) quả thực là *bốn.*

257. Từ một bối cảnh lớn hơn bối cảnh hệ mặt trời, con số của con người có thể được xem là chín.

Khi bận tâm với những phát biểu khác nhau này liên quan đến hệ hành tinh của chúng ta và Đấng Cai Quản của nó, chúng ta đã thấy rằng **chu kỳ đặc biệt này, hay lần lâm phàm này của Ngài, là một chu kỳ có tầm quan trọng lớn lao, không chỉ đối với chính Ngài mà còn đối với toàn bộ hệ mặt trời.**

258. Our Planetary Logos is undergoing initiation through our planetary chain, but our Solar Logos is undergoing initiation through *our* planetary scheme.

258. Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang trải qua điểm đạo qua dãy hành tinh của chúng ta, nhưng Thái dương Thượng đế của chúng ta đang trải qua điểm đạo qua hệ hành tinh *của chúng ta*.

The planetary Logos of this scheme is primarily occupied with a particular group of units, or with those Monads who vibrate to His key, are colored by the same colour as Himself, answer to the same number, and are esoterically known by the same Name.

Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh này trước hết bận tâm đến một nhóm đơn vị đặc biệt, hay đến những chân thần rung động theo chủ âm của Ngài, được nhuốm cùng màu sắc như chính Ngài, đáp ứng cùng một con số, và một cách huyền bí được biết đến bằng cùng một Danh Xưng.

259. Let us tabulate how the units here discussed respond to our Planetary Logos:

259. Hãy lập bảng cách các đơn vị đang được bàn đến ở đây đáp ứng với Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta:

a. They vibrate to His key

a. Họ rung động theo chủ âm của Ngài

b. They are colored by the same color as Himself

b. Họ được nhuốm cùng màu sắc như chính Ngài

c. They answer to the same number

c. Họ đáp ứng cùng một con số

d. They are esoterically known by the same name

d. Họ một cách huyền bí được biết đến bằng cùng một danh xưng

260. Are these necessarily *all* human beings? It would seem that our Planetary Logos is not primarily occupied with all human Monads.

260. Những đơn vị này có nhất thiết là *tất cả* nhân loại không? Dường như Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta không chủ yếu bận tâm đến tất cả các chân thần nhân loại.

261. In general it could be said that the Fourth Creative Hierarchy is very related to the key, color, number and name of our Planetary Logos, but quite a number of Monads have their true origin on planetary schemes *other* than the Earth-scheme.

261. Nói chung có thể nói rằng Huyền Giai Sáng Tạo Thứ Tư liên hệ rất nhiều với chủ âm, màu sắc, con số và danh xưng của Hành Tinh Thượng Đế chúng ta, nhưng khá nhiều chân thần có nguồn gốc thực sự trên những hệ hành tinh *khác* ngoài hệ Địa Cầu.

262. Những chân thần hiện đang ở Trái Đất nào liên hệ *nhiều nhất* với Hành Tinh

262. Which of the presently Earth Monads are *most* related to our Planetary Logos? Perhaps those originally from Saturn.

Thượng Đế của chúng ta? Có lẽ là những chân thần nguyên thủy đến từ Thổ Tinh.

263. It may be questioned whether Monads can originate *within* a Planetary Logos Who does not express *throughout* the mahamanvantara; the Logos of our Earth-scheme does not.

263. Có thể đặt câu hỏi liệu các chân thần có thể phát nguyên *bên trong* một Hành Tinh Thượng Đế không biểu lộ *xuyên suốt* Đại giai kỳ sinh hóa hay không; Logos của hệ Địa Cầu chúng ta thì không như vậy.

One point here needs emphasis: all Monads pass at different times under the influence of the different planetary Logoi, and all are found at some time in each scheme.

Có một điểm ở đây cần được nhấn mạnh: mọi chân thần đều đi qua dưới ảnh hưởng của các Hành Tinh Thượng Đế khác nhau vào những thời điểm khác nhau, và tất cả đều được tìm thấy vào một lúc nào đó trong mỗi hệ hành tinh.

264. At face value this is a shocking concept. Does each Monad really spend time in each scheme?

264. Xét theo bề mặt, đây là một khái niệm gây sửng sốt. Có phải mỗi chân thần thực sự đều trải qua thời gian trong mỗi hệ hành tinh không?

265. DK, however, clarifies His meaning immediately below.

265. Tuy nhiên, ngay bên dưới Chân sư DK làm sáng tỏ ý nghĩa của Ngài.

This does not mean that every human unit passes a period of incarnation in each scheme.

Điều này không có nghĩa là mọi đơn vị nhân loại đều trải qua một thời kỳ lâm phàm trong mỗi hệ hành tinh.

266. This sounds like a direct contradiction of the immediately preceding sentence.

266. Điều này nghe như một sự mâu thuẫn trực tiếp với câu ngay trước đó.

It means that on some one globe in every scheme, human units will be found either **prior** to physical incarnation, **between** different egoic cycles (a totally different thing to periods between physical lives), between different rounds or manvantaras, or between the various root-races and subraces.

Nó có nghĩa là trên một bầu hành tinh nào đó trong mỗi hệ hành tinh, các đơn vị nhân loại sẽ được tìm thấy hoặc **trước** khi lâm phàm hồng trần, **giữa** các chu kỳ chân ngã khác nhau (một điều hoàn toàn khác với các giai đoạn giữa những kiếp sống hồng trần), giữa các cuộc tuần hoàn hay các giai kỳ sinh hóa khác nhau, hoặc giữa các giống dân gốc và các giống dân phụ khác nhau.

267. Is that “some one globe” only *one* globe in a scheme? Very likely, many globes are involved.

267. “Một bầu hành tinh nào đó” ấy có phải chỉ là *một* bầu hành tinh trong một hệ hành tinh không? Rất có thể có nhiều bầu hành tinh liên quan.

268. Each of the globes is influenced by one or another other Heavenly Men. From this perspective the globe (like any chain found within any planetary scheme) can be considered a kind of extension of a particular planetary scheme.

268. Mỗi bầu hành tinh đều chịu ảnh hưởng của một hay một Đấng Thiên Nhân khác. Từ góc độ này, bầu hành tinh ấy (giống như bất kỳ dãy nào được tìm thấy trong bất kỳ hệ hành tinh nào) có thể được xem như một loại sự mở rộng của một hệ hành tinh đặc thù.

269. The ways in which the human units will be found are interesting. Let us tabulate:

269. Những cách thức mà các đơn vị nhân loại sẽ được tìm thấy thật đáng quan tâm. Chúng ta hãy lập bảng:

a. Prior to physical incarnation.(If this means prior to particular physical incarnations, we might also expect to find those who have just left physical incarnation. This would complete the cycle.)

a. Trước khi lâm phàm hồng trần. (Nếu điều này có nghĩa là trước những lần lâm phàm hồng trần cụ thể, thì chúng ta cũng có thể mong tìm thấy những người vừa mới rời khỏi lâm phàm hồng trần. Điều này sẽ hoàn tất chu kỳ.)

b. Between different egoic cycles

b. Giữa các chu kỳ chân ngã khác nhau

c. Between different rounds or manvantaras. (Note in this case, as round is equivalent to a manvantara).

c. Giữa các cuộc tuần hoàn hay các giai kỳ sinh hóa khác nhau. (Lưu ý rằng trong trường hợp này, cuộc tuần hoàn tương đương với một giai kỳ sinh hóa.)

d. Between various root races

d. Giữa các giống dân gốc khác nhau

e. Between various subraces.

e. Giữa các giống dân phụ khác nhau.

270. We note that DK did not mention that human beings would be found in incarnation on some particular globe, but this is no doubt the case, as the incarnation of a Heavenly Man works through the incarnation of human units.

270. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK không đề cập rằng con người sẽ được tìm thấy đang lâm phàm trên một bầu hành tinh đặc thù nào đó, nhưng hẳn nhiên đó là trường hợp, vì sự lâm phàm của một Đấng Thiên Nhân vận hành thông qua sự lâm phàm của các đơn vị nhân loại.

271. This tabulation, in itself, shows us that incarnation is not a constant and continuous process and that there are many intervals when incarnation is not taken.

271. Bản liệt kê này, tự nó, cho chúng ta thấy rằng lâm phàm không phải là một tiến trình thường hằng và liên tục, và rằng có nhiều khoảng gián đoạn khi việc lâm phàm không diễn ra.

272. DK tells us that human units will be found between different egoic cycles which He sharply discriminates from individual incarnations or physical lives. We are told that egoic cycles occur in *sevens* (major) and *threes* (hypothetically minor). These egoic cycles may be associated with changing rounds or rootraces. In any case, we gather they are of long duration and that much time (as measured on the surface of our planet) may pass between them. It may be inferred that the human unit is in a kind of pralaya with respect to its physical incarnations during the interlude between egoic cycles, but this does not mean that the human unit is not engaged in some form of higher activity. We have seen that pralayas are only inactive from the perspective of the apparently abandoned sphere, but very active from the perspective of the sphere which the abstracted units inhabit after their departure.

272. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng các đơn vị nhân loại sẽ được tìm thấy giữa các chu kỳ chân ngã khác nhau, điều mà Ngài phân biệt rạch ròi với các lần lâm phàm cá nhân hay các kiếp sống hồng trần. Chúng ta được cho biết rằng các chu kỳ chân ngã diễn ra theo *bảy* (lớn) và *ba* (giả định là nhỏ). Những chu kỳ chân ngã này có thể gắn liền với việc thay đổi các cuộc tuần hoàn hay các giống dân gốc. Dù sao đi nữa, chúng ta hiểu rằng chúng có thời lượng dài và rằng rất nhiều thời gian (được đo trên bề mặt hành tinh chúng ta) có thể trôi qua giữa chúng. Có thể suy ra rằng đơn vị nhân loại ở trong một loại giai kỳ qui nguyên nào đó đối với các lần lâm phàm hồng trần của nó trong quãng xen giữa các chu kỳ chân ngã, nhưng điều này không có nghĩa là đơn vị nhân loại không tham dự vào một hình thức hoạt động cao hơn nào đó. Chúng ta đã thấy rằng các giai kỳ qui nguyên chỉ là bất hoạt từ góc nhìn của khối cầu dường như bị bỏ lại, nhưng lại rất hoạt động từ góc nhìn của khối cầu mà các đơn vị được rút ra cư ngụ sau khi rời đi.

273. Because of such interludes (as tabulated above) and because we do not know average or exact durations of such interludes, it is presently impossible for us to calculate the average number of incarnations through

273. Vì những quãng xen như thế (như đã liệt kê ở trên) và vì chúng ta không biết thời lượng trung bình hay chính xác của những quãng xen ấy, hiện nay chúng ta không thể tính được số lần lâm phàm trung bình mà

which a human unit will pass in its long developmental career, or how many years during that developmental period it is likely to be technically out of physical incarnation.

một đơn vị nhân loại sẽ trải qua trong sự nghiệp phát triển lâu dài của nó, hay bao nhiêu năm trong giai đoạn phát triển ấy nó có thể, theo nghĩa kỹ thuật, ở ngoài lâm phàm hồng trần.

274. There is the implication that kinds of pralayas also exist between changes of root race or subrace. These periods, it may be presumed, have something to do with the necessity to assimilate that which has been gained in a particular race or subrace, and with the need to prepare for a new type of experience.

274. Có hàm ý rằng các loại giai kỳ qui nguyên cũng tồn tại giữa những lần thay đổi giống dân gốc hay giống dân phụ. Có thể giả định rằng những giai đoạn này có liên quan đến sự cần thiết phải đồng hóa điều đã đạt được trong một giống dân hay giống dân phụ nhất định, và với nhu cầu chuẩn bị cho một loại kinh nghiệm mới.

275. Is it customary consistently to switch races or subraces from physical incarnation to physical incarnation? The implication is that it is or is not. The tabulation makes it seem that long periods are spent in a particular race or subrace. Could we follow the incarnational history of some modern luminaries, we would see whether switching between subraces occurs with any frequency.

275. Có phải thông lệ là luôn luôn chuyển đổi giống dân hay giống dân phụ từ lần lâm phàm hồng trần này sang lần khác không? Hàm ý là có hoặc không. Bản liệt kê khiến người ta có cảm tưởng rằng những thời kỳ dài được trải qua trong một giống dân hay giống dân phụ nhất định. Nếu chúng ta có thể theo dõi lịch sử lâm phàm của một số nhân vật lỗi lạc hiện đại, chúng ta sẽ thấy liệu việc chuyển đổi giữa các giống dân phụ có xảy ra thường xuyên hay không.

276. The now Master R. was born an Englishman (Francis Bacon) and then a Hungarian (Rakoczi). This is certainly a change of subrace (though there have been so many mixtures in Europe that pure subraces may be hard to distinguish). But then, the individual concerned was a high initiate.

276. Chân sư R. hiện nay đã sinh ra là một người Anh (Francis Bacon) rồi sau đó là một người Hungary (Rakoczi). Điều này chắc chắn là một sự thay đổi giống dân phụ (dù ở châu Âu đã có quá nhiều pha trộn đến mức các giống dân phụ thuần có thể khó phân biệt). Nhưng khi ấy, cá nhân liên hệ là một điểm đạo đồ cao cấp.

277. Perhaps as the individual develops, greater flexibility is allowed in such changes so that needed quality may be selectively gained, karma may be worked off and dharma expressed where needed.

277. Có lẽ khi cá nhân phát triển, sự linh hoạt lớn hơn được cho phép trong những thay đổi như thế để phẩm tính cần thiết có thể được thu nhận một cách chọn lọc, nghiệp quả có thể được giải quyết và dharma được biểu lộ ở nơi cần thiết.

As stated in various occult books, many of the present advanced humanity individualised on the moon chain, and only took physical bodies in the earth chain during the fourth root-race, thus escaping incarnation during the first three rounds, and the first two races of the fourth round.

Như đã được nêu trong nhiều sách huyền bí học, nhiều người trong nhân loại tiến bộ hiện nay đã biệt ngã hóa trên Dãy Mặt Trăng, và chỉ nhận thể xác trong Dãy Địa Cầu vào giống dân gốc thứ tư, nhờ đó tránh được lâm phàm trong ba cuộc tuần hoàn đầu tiên, và hai giống dân đầu của cuộc tuần hoàn thứ tư.

278. This group probably includes the majority of modern disciples, though not all, since there are some members of Earth-chain humanity Who have even become members of the Hierarchy.

278. Nhóm này có lẽ bao gồm đa số các đệ tử hiện đại, dù không phải tất cả, vì có một số thành viên của nhân loại Dãy Địa Cầu thậm chí đã trở thành thành viên của Thánh đoàn.

279. The suggestion is that one can possibly be a member of advanced humanity without having individualized on the Moon-chain.

279. Gợi ý ở đây là người ta có thể là thành viên của nhân loại tiến bộ mà không cần đã biệt ngã hóa trên Dãy Mặt Trăng.

In the interim, they came under the planetary influence of another Logos of a scheme, and **were occupied during that immense period of time in fanning the manasic flame**, and developing [Page 365] the attributes of manas, so that the Atlantean root-race found them adequately equipped to cope with life conditions.

Trong quãng trung gian, họ chịu ảnh hưởng hành tinh của một Thượng đế khác của một hệ hành tinh, và **đã bận rộn trong suốt khoảng thời gian mênh mông ấy để quạt bùng ngọn lửa manas**, và phát triển [Page 365] các thuộc tính của manas, để giống dân gốc Atlantis thấy họ được trang bị đầy đủ để đương đầu với các điều kiện của sự sống.

280. This is a fascinating piece of information. During the interim between the Moon-chain and Earth-chain (and in a state of pralaya of some kind) these human units, who individualized on the Moon-chain, came under the planetary influence of another Logos of another scheme. This does not necessarily mean that they were transferred to that scheme, but that, even remaining within the Earth-scheme, the influence of this other Logos became, with respect to them, predominant.

280. Đây là một mẩu thông tin thật hấp dẫn. Trong quãng trung gian giữa Dãy Mặt Trăng và Dãy Địa Cầu (và trong một trạng thái giai kỳ qui nguyên nào đó), những đơn vị nhân loại này, vốn đã biệt ngã hóa trên Dãy Mặt Trăng, chịu ảnh hưởng hành tinh của một Thượng đế khác của một hệ hành tinh khác. Điều này không nhất thiết có nghĩa là họ đã được chuyển sang hệ hành tinh ấy, mà là, ngay cả khi vẫn ở trong hệ Địa Cầu, ảnh hưởng của Thượng đế khác này đã trở nên, đối với họ, chiếm ưu thế.

281. DK speaks of an “immense period of time” between the Moon-chain period and the Earth-chain period.

281. Chân sư DK nói đến một “khoảng thời gian mênh mông” giữa thời kỳ Dãy Mặt Trăng và thời kỳ Dãy Địa Cầu.

282. The development of these human units was (at the point that Moon-chain evolution was interrupted) insufficient to allow them to be transferred to the Earth-chain (which probably was not prepared for any such transference). Although the Moon-chain was a relatively *manasic* chain, the manasic development of these units was still far below what would be developed in Earth-chain humanity by the time of the relatively early fourth root race of the fourth round. We realize that the development of Earth-chain humanity was (at that time) not really very high, so we gain some understanding concerning the relatively low level of manasic development of Moon-chain humanity at the time of the great interruption.

282. Sự phát triển của các đơn vị nhân loại này (vào thời điểm tiến hóa của Dãy Mặt Trăng bị gián đoạn) chưa đủ để cho phép họ được chuyển sang Dãy Địa Cầu (mà có lẽ chưa sẵn sàng cho bất kỳ sự chuyển giao nào như thế). Mặc dù Dãy Mặt Trăng là một dãy tương đối *manas*, sự phát triển manas của các đơn vị này vẫn thấp hơn rất nhiều so với mức sẽ được phát triển trong nhân loại Dãy Địa Cầu vào thời kỳ giống dân gốc thứ tư tương đối sớm của cuộc tuần hoàn thứ tư. Chúng ta nhận ra rằng sự phát triển của nhân loại Dãy Địa Cầu khi ấy thực ra không cao lắm, nên chúng ta phần nào hiểu được mức phát triển manas tương đối thấp của nhân loại Dãy Mặt Trăng vào thời điểm cuộc gián đoạn lớn.

283. During an immense period of time they were involved with the “fanning the manasic flame”, which is another way of saying—stimulating the mental unit and contributing to the development of a causal body (a type of body which can be created not only through the intervention of Solar Angels but through steady mental development during the course of progressive evolution).

283. Trong một khoảng thời gian mênh mông, họ đã tham dự vào việc “quạt bùng ngọn lửa manas”, đó là một cách khác để nói rằng—kích thích đơn vị hạ trí và góp phần vào sự phát triển của một thể nguyên nhân (một loại thể có thể được tạo ra không chỉ qua sự can thiệp của các Thái dương Thiên Thần mà còn qua sự phát triển trí tuệ bền bỉ trong tiến trình tiến hoá tuần tự).

284. Which Logos could have been the influence? Venus is certainly and candidate and the manasic nature of Saturn and Mercury cannot be forgotten. Further, both Saturn and Mercury, by ray structure, were closely related to the Moon-chain.

284. Thượng đế nào có thể là ảnh hưởng ấy? Sao Kim chắc chắn là một ứng viên, và bản chất manas của Sao Thổ và Sao Thủy không thể bị quên lãng. Hơn nữa, cả Sao Thổ lẫn Sao Thủy, theo cấu trúc cung, đều có liên hệ mật thiết với Dãy Mặt Trăng.

285. The Solar Angels are directly associated with Venus and these Angels were involved

285. Các Thái dương Thiên Thần trực tiếp gắn liền với Sao Kim, và các Thiên Thần này

not only implanting the spark of mind in animal man during the fourth round, third root race of the Earth-chain, but, as well, in fanning the spark of mind in those type of human beings for whom implantation was not appropriate. This means that we have a definite association of the Venusianly inspired Solar Angels with the process of fanning the spark of mind.

không chỉ tham dự vào việc cấy mầm tia lửa trí tuệ vào người thú trong cuộc tuần hoàn thứ tư, giống dân gốc thứ ba của Dãy Địa Cầu, mà còn quạt bùng tia lửa trí tuệ nơi những loại người mà việc cấy mầm không thích hợp. Điều này có nghĩa là chúng ta có một sự liên kết xác định của các Thái dương Thiên Thần được cảm hứng theo kiểu Kim Tinh với tiến trình quạt bùng tia lửa trí tuệ.

286. If the fanning of the spark of mind had not been undertaken for these Moon-chain units during the pralaya between the Moon-chain and the Earth-chain, any entry into the Earth-chain would have found them far less intelligent that the Earth-chain humanity that had progressed to that point. As it was, they entered in a condition of greater intelligence.

286. Nếu việc quạt bùng tia lửa trí tuệ đã không được thực hiện cho các đơn vị Dãy Mặt Trăng này trong giai kỳ qui nguyên giữa Dãy Mặt Trăng và Dãy Địa Cầu, thì bất kỳ sự đi vào nào trong Dãy Địa Cầu cũng sẽ thấy họ kém thông minh hơn rất nhiều so với nhân loại Dãy Địa Cầu đã tiến đến điểm ấy. Nhưng thực tế là họ đã đi vào trong một tình trạng thông minh hơn.

287. The cleavage between the bulk of transferred Moon-chain humanity and Earth-chain humanity is a significant source of difficulty on our planet and has largely to do with the greater intelligence of Moon-chain humanity and, of course, *how* that intelligence is used!

287. Sự phân cách giữa khối lớn nhân loại Dãy Mặt Trăng được chuyển sang và nhân loại Dãy Địa Cầu là một nguồn khó khăn đáng kể trên hành tinh chúng ta, và phần lớn liên quan đến trí tuệ lớn hơn của nhân loại Dãy Mặt Trăng và, dĩ nhiên, *cách* trí tuệ ấy được sử dụng!

This participation in the life and influence of the different schemes is effected in four different ways:

Sự tham dự này vào sự sống và ảnh hưởng của các hệ hành tinh khác nhau được thực hiện theo bốn cách khác nhau:

288. We are being told how human units may participate in the life and influence of the different schemes.

288. Chúng ta đang được cho biết cách các đơn vị nhân loại có thể tham dự vào sự sống và ảnh hưởng của các hệ hành tinh khác nhau.

First, through passing the interim between egoic cycles of physical incarnation on the particular globe of their scheme, which numerically coincides with the particular other scheme whose influence is desired,

Thứ nhất, thông qua việc trải qua quãng trung gian giữa các chu kỳ chân ngã của lâm phàm hồng trần trên bầu hành tinh đặc thù của hệ hành tinh mình, vốn trùng hợp về số học với hệ hành tinh đặc thù khác mà ảnh

either from deliberate choice or karmically necessitated.

hưởng của nó được mong muốn, hoặc do lựa chọn có chủ ý hoặc do nghiệp quả bắt buộc.

289. This is an interesting idea. Apparently there are large spans of time between egoic cycles. When egoic cycles re-occur physical incarnation will commence. But in the interim between egoic cycles, it would seem that physical incarnation is suspended—for the units concerned. This will vary with their ray, presumably their egoic ray.

289. Đây là một ý tưởng thú vị. Rõ ràng có những khoảng thời gian rất lớn giữa các chu kỳ chân ngã. Khi các chu kỳ chân ngã tái diễn, lâm phàm hồng trần sẽ bắt đầu. Nhưng trong quãng trung gian giữa các chu kỳ chân ngã, dường như lâm phàm hồng trần bị đình chỉ—đối với các đơn vị liên hệ. Điều này hẳn sẽ thay đổi theo cung của họ, có lẽ là cung chân ngã của họ.

290. We see again that not only one globe of a scheme may be the home to human units but perhaps all forty-nine, depending upon quality, karma and need. It would seem that the globes of a chain are simultaneously active.

290. Chúng ta lại thấy rằng không chỉ một bầu hành tinh của một hệ hành tinh có thể là nơi cư ngụ của các đơn vị nhân loại mà có lẽ cả bốn mươi chín bầu hành tinh đều có thể, tùy theo phẩm tính, nghiệp quả và nhu cầu. Có vẻ như các bầu hành tinh của một dãy đều hoạt động đồng thời.

291. The human Monad knows what it needs and between egoic cycles may inhabit a globe which is numerically resonant with a quality needed by the Monad. This can be the Monad's own choice or may be mandated by karma of a kind that is interior and, from our perspective, difficult to understand.

291. Chân thần nhân loại biết mình cần gì và giữa các chu kỳ chân ngã có thể cư ngụ trên một bầu hành tinh cộng hưởng về số học với một phẩm tính mà chân thần cần. Đây có thể là lựa chọn riêng của chân thần hoặc có thể do nghiệp quả thuộc một loại nội tại và, từ góc nhìn của chúng ta, khó hiểu, quy định.

292. Note that above DK speaks of a "globe of their particular scheme". Again, one step seems to have been skipped. Why not 'a globe of their particular *chain*?'

292. Lưu ý rằng ở trên Chân sư DK nói về "một bầu hành tinh của hệ hành tinh đặc thù của họ". Một lần nữa, dường như đã bỏ qua một bước. Tại sao không phải là "một bầu hành tinh của *dãy* đặc thù của họ"?

Each globe in a chain is occultly linked with the chain of its own number, and with the scheme of a similar number.

Mỗi bầu hành tinh trong một dãy được nối kết một cách huyền bí với dãy cùng số của nó, và với hệ hành tinh có số tương tự.

293. We see that there is a double link—globe to chain and globe to scheme. Our fourth globe is directly linked to the fourth

293. Chúng ta thấy có một liên kết kép—bầu hành tinh với dãy và bầu hành tinh với hệ hành tinh. Bầu hành tinh thứ tư của chúng

chain of the Earth-scheme and also to the Earth-scheme, itself, which is the fourth.

ta được nối kết trực tiếp với Dãy Thứ Tư của hệ Địa Cầu và cũng với chính hệ Địa Cầu, vốn là hệ thứ tư.

294. The second globe of the Earth-chain would be directly linked to the second chain of the Earth-scheme and also to that scheme which can be numbered as the second—perhaps, by one method of reckoning, Venus.

294. Bầu hành tinh thứ hai của Dãy Địa Cầu sẽ được nối kết trực tiếp với dãy thứ hai của hệ Địa Cầu và cũng với hệ có thể được đánh số là thứ hai—có lẽ, theo một phương pháp tính, là Sao Kim.

For instance: Globe 2, Chain 2, and scheme 2 during round 2 are specially linked and vitalised, and are the focal point of peculiar attention on the part of the Logos of that scheme.

Thí dụ: Bầu hành tinh 2, Dãy 2, và hệ hành tinh 2 trong cuộc tuần hoàn 2 được nối kết và tiếp sinh lực một cách đặc biệt, và là tiêu điểm của sự chú ý đặc thù từ phía Thượng đế của hệ hành tinh ấy.

295. Perhaps DK is not speaking only illustratively. Much occurred during the second round concerning the Solar Angels or Agnishvattas, who, at that time, according to the *Secret Doctrine,* evaluated the vehicles they might inform, and found them wanting.

295. Có lẽ Chân sư DK không chỉ nói để minh họa. Rất nhiều điều đã xảy ra trong cuộc tuần hoàn thứ hai liên quan đến các Thái dương Thiên Thần hay các Agnishvatta, những Đấng mà vào thời điểm ấy, theo *Giáo Lý Bí Nhiệm,* đã đánh giá các vận cụ mà Các Ngài có thể thấm nhuần, và thấy chúng còn thiếu sót.

296. We do see, in general, how vitalization is a matter of numerical resonance. This simple principle must always be held in mind as it offers much of interpretive understanding.

296. Nói chung, chúng ta thực sự thấy rằng sự tiếp sinh lực là vấn đề của cộng hưởng số học. Nguyên lý đơn giản này luôn phải được ghi nhớ vì nó mang lại rất nhiều sự thấu hiểu trong diễn giải.

Similarly (again in illustration) globe 2, chain 2 during round 2 in any scheme **such as the fifth**, for instance, are aligned or connected esoterically with the second scheme.

Tương tự như vậy (lại là để minh họa), bầu hành tinh 2, dãy 2 trong cuộc tuần hoàn 2 ở bất kỳ hệ hành tinh nào **chẳng hạn như hệ thứ năm**, thí dụ, được chỉnh hợp hay nối kết một cách huyền bí với hệ thứ hai.

297. DK is emphasizing the relationship between the numbers two and five. These are Venusian numbers and, again, relate to the rays generically expressed by the Solar Angels.

297. Chân sư DK đang nhấn mạnh mối liên hệ giữa các số hai và năm. Đây là những con số Kim Tinh và, một lần nữa, liên hệ với các cung được các Thái dương Thiên Thần biểu lộ một cách tổng quát.

298. What may be the fifth scheme? Perhaps Mercury is a good candidate, though from one perspective Mars is the fifth scheme (if Vulcan is considered the first scheme) and Jupiter if Vulcan is not numbered.

298. Hệ thứ năm có thể là gì? Có lẽ Sao Thủy là một ứng viên tốt, dù từ một góc nhìn Sao Hỏa là hệ thứ năm (nếu Vulcan được xem là hệ thứ nhất) và Sao Mộc nếu Vulcan không được đánh số.

299. If we study Chart VI on TCF 373, we can see that the schemes are not necessarily numbered according to their order from the Sun.

299. Nếu chúng ta nghiên cứu Biểu đồ VI trong TCF 373, chúng ta có thể thấy rằng các hệ hành tinh không nhất thiết được đánh số theo thứ tự khoảng cách từ Mặt Trời.

300. Rather than sequentially, they may be numbered *qualitatively,* the quality of the number assigned to them being correlated to the quality of the planetary scheme.

300. Thay vì tuần tự, chúng có thể được đánh số một cách *định tính,* phẩm tính của con số được gán cho chúng tương quan với phẩm tính của hệ hành tinh.

This gives opportunity for the units in the body of any Logos to come under the influence of another Logos, and within his vibratory radiation.

Điều này tạo cơ hội cho các đơn vị trong thể của bất kỳ Thượng đế nào chịu ảnh hưởng của một Thượng đế khác, và ở trong bức xạ rung động của vị ấy.

301. It makes no difference in which scheme the human unit may be found, if placed on the appropriate globe or chain within that scheme, it can come under the influence of any particular Planetary Logos according to the principle of numerical resonance.

301. Không thành vấn đề đơn vị nhân loại có thể được tìm thấy trong hệ hành tinh nào; nếu được đặt trên bầu hành tinh hay dãy thích hợp trong hệ ấy, nó có thể chịu ảnh hưởng của bất kỳ Hành Tinh Thượng Đế đặc thù nào theo nguyên lý cộng hưởng số học.

Second, through a direct transference of the units in incarnation in any scheme (during an interlude) to some globe in another scheme where they are subjected to the stimulation and vibration peculiar to that scheme.

Thứ hai, thông qua sự chuyển dịch trực tiếp các đơn vị đang lâm phàm trong bất kỳ hệ hành tinh nào (trong một quãng xen) sang một bầu hành tinh nào đó trong một hệ hành tinh khác nơi họ chịu sự kích thích và rung động đặc thù của hệ ấy.

302. We are discussing how human units may be brought under the *direct* influence of various Planetary Logoi other than their own.

302. Chúng ta đang bàn đến cách các đơn vị nhân loại có thể được đặt dưới ảnh hưởng *trực tiếp* của các Hành Tinh Thượng Đế khác ngoài Thượng đế riêng của họ.

303. If we think of conditions related only to our Earth-globe, we shall realize how much

303. Nếu chúng ta chỉ nghĩ đến những điều kiện liên hệ với Địa Cầu của chúng ta, chúng

we are conditioned by the Logos of the Earth-scheme.

ta sẽ nhận ra mình bị Thượng đế của hệ Địa Cầu tác động đến mức nào.

304. We do, however, begin to see a substantial variety of possibilities within our solar system; with such an interplay of energies we have the guarantee that a Heavenly Man can be influential far beyond His own ring-pass-not.

304. Tuy nhiên, chúng ta bắt đầu thấy một sự đa dạng đáng kể của các khả thể trong hệ mặt trời của chúng ta; với sự tương tác như thế của các năng lượng, chúng ta có sự bảo đảm rằng một Đấng Thiên Nhân có thể có ảnh hưởng vượt xa vòng-giới-hạn riêng của Ngài.

These two methods are the most usual. This transference will seem mysteriously impossible unless the student is careful to realise that it is the transference of the individualised lives and not the transference of the forms which they occupy.

Hai phương pháp này là thông thường nhất. Sự chuyển dịch này sẽ có vẻ bí ẩn đến mức bất khả nếu đạo sinh không cẩn thận chứng nghiệm rằng đó là sự chuyển dịch của các sự sống đã biệt ngã hóa chứ không phải sự chuyển dịch của các hình tướng mà chúng cư ngụ.

305. This is a very important point. We are not speaking of the transfer of lunar forms but of units of consciousness. Can it be that causal bodies, as forms occupied by individualized lives, are not transferred during inner interludes to other schemes? Can it be that transferences are only possible on the arupa or (relatively) formless levels.

305. Đây là một điểm rất quan trọng. Chúng ta không nói về sự chuyển giao các hình tướng nguyệt tính mà nói về các đơn vị tâm thức. Có thể nào các thể nguyên nhân, như những hình tướng được các sự sống đã biệt ngã hóa cư ngụ, lại không được chuyển dịch trong các quãng xen nội tại sang các hệ hành tinh khác? Có thể nào các sự chuyển dịch chỉ có thể xảy ra trên các cấp độ arupa hay các cấp độ (tương đối) vô tướng?

The whole matter is psychic, and based on the unity of the anima mundi.

Toàn bộ vấn đề này là thông linh, và dựa trên sự hợp nhất của anima mundi.

306. When DK tells us that the whole matter is “psychic” He is not speaking of the astral body, but of the true psyche, the individualized soul consciousness. Soul consciousness is transferred from one scheme to another.

306. Khi Chân sư DK nói với chúng ta rằng toàn bộ vấn đề là “thông linh”, Ngài không nói về thể cảm dục, mà nói về psyche chân thực, tức tâm thức linh hồn đã biệt ngã hóa. Tâm thức linh hồn được chuyển từ hệ hành tinh này sang hệ hành tinh khác.

307. Yet, the true soul is expressed through the spiritual triad on the *arupa* levels.

307. Tuy nhiên, linh hồn chân thực được biểu lộ thông qua Tam Nguyên Tinh Thần trên các cấp độ *arupa*.

It is only possible at those periods when two Heavenly Men are mutually finding each other—under the Law of Attraction—and thus swinging into the magnetic radius of each other.

Điều đó chỉ có thể xảy ra vào những thời kỳ khi hai Đấng Thiên Nhân đang cùng nhau tìm thấy nhau—dưới Định luật Hấp Dẫn—và do đó cùng dao động vào trong bán kính từ tính của nhau.

308. This means that so-called 'easy travel to other planets' is not to be expected. Transfer is not always possible.

308. Điều này có nghĩa là không nên mong đợi cái gọi là "du hành dễ dàng đến các hành tinh khác". Sự chuyển dịch không phải lúc nào cũng có thể.

309. The Heavenly Men of Venus and Earth seem to finding Themselves in this way, and thus transference of human units between these schemes may be possible. We have read of the imminent transfer of units of our Spiritual Hierarchy to another planetary scheme. Venus may be Their destination.

309. Các Đấng Thiên Nhân của Sao Kim và Trái Đất dường như đang tìm thấy nhau theo cách này, và do đó sự chuyển dịch các đơn vị nhân loại giữa các hệ hành tinh này có thể là khả hữu. Chúng ta đã đọc về sự chuyển dịch sắp xảy ra của các đơn vị thuộc Thánh đoàn tinh thần của chúng ta sang một hệ hành tinh khác. Sao Kim có thể là đích đến của Các Ngài.

310. When the "Judgment Day" comes in the fifth round there will be a close relation between the Logos of Earth and the Logos of Mars. It has been inferred that two-fifths of Earth's human units will be transferred to Mars. We do not know whether any units from Mars will be transferred to the Earth-scheme, but there are hints that this may be the case.

310. Khi "Ngày Phán Xét" đến trong cuộc tuần hoàn thứ năm, sẽ có một mối liên hệ chặt chẽ giữa Thượng đế của Trái Đất và Thượng đế của Sao Hỏa. Người ta đã suy ra rằng hai phần năm các đơn vị nhân loại của Trái Đất sẽ được chuyển sang Sao Hỏa. Chúng ta không biết liệu có đơn vị nào từ Sao Hỏa được chuyển sang hệ Địa Cầu hay không, nhưng có những gợi ý cho thấy điều này có thể là trường hợp.

Third, through a conscious passage of the initiate, [Page 366] through initiation, from one scheme to another. This is frequently done, and hints of it have been given by different writers and thinkers, though several have confused the globes of their own chain with the scheme of the same number, or have mistaken another chain within the scheme for another scheme.

Thứ ba, thông qua sự vượt qua có ý thức của điểm đạo đồ, [Page 366] nhờ điểm đạo, từ hệ hành tinh này sang hệ hành tinh khác. Điều này thường được thực hiện, và những gợi ý về nó đã được nhiều tác giả và tư tưởng gia đưa ra, dù một số người đã nhầm lẫn các bầu hành tinh của dãy riêng của họ với hệ hành tinh cùng số, hoặc đã lầm một dãy khác trong cùng hệ hành tinh là một hệ hành tinh khác.

311. It would seem that this possibility would only exist for initiates of high degree. Perhaps after the fourth initiation it is possible, as after that point, there is no longer any need for the initiate to incarnate on Earth within the human family.

311. Có vẻ như khả năng này chỉ tồn tại đối với các điểm đạo đồ cấp cao. Có lẽ sau lần điểm đạo thứ tư thì điều đó là khả hữu, vì sau điểm ấy, điểm đạo đồ không còn cần phải lâm phàm trên Trái Đất trong gia đình nhân loại nữa.

312. DK seems to be speaking of a radical transference between schemes and not just between globes or chains of the same scheme.

312. Chân sư DK dường như đang nói về một sự chuyển dịch triệt để giữa các hệ hành tinh chứ không chỉ giữa các bầu hành tinh hay các dãy trong cùng một hệ hành tinh.

313. We read of Schools on other planets. Those who are preparing to tread one or other of the seven (or nine) Cosmic Paths are, as part of the process, often transferred to another planetary scheme where specific training is given for a particular Cosmic Path. Venus and Jupiter are two such training stations, Jupiter relating to the Third Cosmic Path (of Planetary Logoi) and Venus perhaps related to Path Four (to Sirius). Perhaps it should also be considered in relation to Path Two (Magnetic Work) and Path Six (the Path of the Solar Logoi). If we study these three Paths we can probably see the Venusian connection.

313. Chúng ta đọc về các Trường học trên những hành tinh khác. Những ai đang chuẩn bị bước trên một trong bảy (hay chín) Con đường Vũ trụ, như một phần của tiến trình, thường được chuyển sang một hệ hành tinh khác nơi có sự huấn luyện chuyên biệt cho một Con đường Vũ trụ nhất định. Sao Kim và Sao Mộc là hai trạm huấn luyện như thế, Sao Mộc liên hệ với Con đường Vũ trụ thứ ba (của các Hành Tinh Thượng Đế) và Sao Kim có lẽ liên hệ với Con đường thứ tư (đến Sirius). Có lẽ cũng nên xét nó trong liên hệ với Con đường thứ hai (Công việc Từ tính) và Con đường thứ sáu (Con đường của các Thái Dương Thượng đế). Nếu chúng ta nghiên cứu ba Con đường này, có lẽ chúng ta sẽ thấy mối liên hệ Kim Tinh.

314. The following reference relates not only Venus but Jupiter to Sirius:

314. Trích dẫn sau đây không chỉ liên hệ Sao Kim mà cả Sao Mộc với Sirius:

"The line of relationship then extends from these onward and outward, and upward (spherically considered) **to the Life at the very centre of our Earth's "alter ego," the planet Venus, to Jupiter and thence to the solar Lord Himself and on to a point in the Sun, Sirius.** (DINA I 768)

"Đường liên hệ rồi mở rộng từ những điểm này ra xa hơn, ra ngoài, và lên trên (xét theo hình cầu) **đến Sự sống ở chính trung tâm của "bản ngã đối ứng" của Trái Đất chúng ta, tức hành tinh Sao Kim, đến Sao Mộc và từ đó đến chính nhật tinh quân và tiếp đến một điểm trong Mặt Trời, Sirius.** (DINA I 768)

Fourth, the fourth method of transference of consciousness, and the bringing of the life units under the focal power of a Lord of a Ray, can be brought about through knowledge of certain mantrams and formulae. On this we may not enlarge as these mantrams are esoteric and the use of them is fraught with much danger to the uninitiated.

Thứ tư, phương pháp chuyển dịch tâm thức thứ tư, và việc đặt các đơn vị sự sống dưới quyền năng tiêu điểm của một Chúa Tể của một cung, có thể được thực hiện thông qua tri thức về một số mantram và công thức nhất định. Về điều này chúng ta không thể nói rộng hơn vì các mantram ấy là nội môn và việc sử dụng chúng đầy dẫy nguy hiểm đối với người chưa được điểm đạo.

315. We can see that these are very potent, esoteric mantrams. They are invocative of extra-planetary Ray Lords and thus of a category of potency far removed from what may be wielded by those with a considerable knowledge of effective mantrams.

315. Chúng ta có thể thấy rằng đây là những mantram nội môn rất mãnh liệt. Chúng mang tính khẩn cầu đối với các Đấng Chúa Tể Cung ngoài hành tinh và do đó thuộc về một loại quyền năng rất xa với điều mà những người có hiểu biết đáng kể về các mantram hữu hiệu có thể vận dụng.

316. We do see, however, how a great deal can be accomplished by knowing the right words or formulae—really, we are faced with some amazing prospects.

316. Tuy nhiên, chúng ta thực sự thấy được có thể hoàn thành rất nhiều điều nhờ biết đúng những lời hay công thức—thật sự, chúng ta đang đối diện với những triển vọng đáng kinh ngạc.

The planetary Logos of this scheme is called "the First Kumara," the One Initiator, and the statement is made that He came to this planet from Venus, Venus being "the Earth's primary."

Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh này được gọi là "Kumara thứ nhất", Đấng Điểm đạo duy nhất, và có lời khẳng định rằng Ngài đã đến hành tinh này từ Sao Kim, Sao Kim là "nguyên mẫu chính của Trái Đất".

317. This is a rather amazing statement because, within it, Sanat Kumara is *equated* with the Planetary Logos of our scheme; elsewhere in the Teaching, He is not.

317. Đây là một phát biểu khá đáng kinh ngạc vì trong đó, Đức Sanat Kumara được *đồng nhất* với Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh chúng ta; ở những nơi khác trong Giáo Huấn, Ngài thì không.

318. We realize that no Planetary Logos can, as it were, "come from" another Planetary Logos. Each Planetary Logos is His own autonomous centre.

318. Chúng ta nhận ra rằng không Hành Tinh Thượng Đế nào có thể, nói như vậy, "đến từ" một Hành Tinh Thượng Đế khác. Mỗi Hành Tinh Thượng Đế là trung tâm tự trị riêng của Ngài.

319. It becomes clear from ten references that the "first Kumara" is indeed Sanat Kumara, the One Initiator.

320. It must also be remembered that in at least one reference, Sanat Kumara, the Lord of the World, is known, as well, as the "fourth kumara". (cf. TCF 74).

321. The conventionalized ancient lore is given to us at face value. An elucidation follows.

This needs elucidation somewhat, though it may not be permitted to do more than convey a few hints as to the truth. **The fact is one of the most mysterious in the development of our scheme, and in it lies hidden the secret of this world cycle.** It is not easy to convey the truth and words but seem to veil and cloak.

322. By "this world cycle" we may mean the fourth round.

323. Much is said about the coming of Sanat Kumara to our globe, but beneath the seemingly obvious statements there lies a great mystery—the greatest mystery in the development of our scheme. We could pause for a moment to reflect on this.

324. VSK inquires: "Who is this first kumara? If he took human form 'where' or 'what' is he now?"

325. The overwhelming evidence points in the direction we might expect—that Sanat Kumara (especially when equated with the Planetary Logos) is the "first Kumara".

319. Từ mười chỗ dẫn, điều trở nên rõ ràng là "Kumara thứ nhất" quả thực là Đức Sanat Kumara, Đấng Điểm đạo duy nhất.

320. Cũng phải nhớ rằng trong ít nhất một chỗ dẫn, Đức Sanat Kumara, Đức Chúa Tể Thế Giới, đồng thời cũng được biết đến như "kumara thứ tư". (xem TCF 74).

321. Tri thức cổ truyền đã được quy ước hóa được trao cho chúng ta theo nguyên dạng. Một sự làm sáng tỏ tiếp theo sau.

Điều này cần được làm sáng tỏ phần nào, dù có thể không được phép làm hơn là chuyển đạt một vài gợi ý về chân lý. **Sự kiện này là một trong những điều huyền bí nhất trong sự phát triển của hệ hành tinh chúng ta, và chính trong đó ẩn giấu bí mật của chu kỳ thế giới này.** Không dễ chuyển đạt chân lý, và lời nói dường như chỉ che phủ và bao bọc.

322. Bởi "chu kỳ thế giới này", chúng ta có thể muốn nói đến cuộc tuần hoàn thứ tư.

323. Người ta nói rất nhiều về sự đến của Đức Sanat Kumara đến bầu hành tinh chúng ta, nhưng bên dưới những phát biểu có vẻ hiển nhiên ấy có một huyền nhiệm lớn—huyền nhiệm lớn nhất trong sự phát triển của hệ hành tinh chúng ta. Chúng ta có thể dừng lại một lúc để suy ngẫm về điều này.

324. VSK hỏi: "Kumara thứ nhất này là ai? Nếu Ngài đã mang hình tướng con người thì 'ở đâu' hay 'là gì' hiện nay?"

325. Chứng cứ áp đảo chỉ theo hướng mà chúng ta có thể mong đợi—rằng Đức Sanat Kumara (đặc biệt khi được đồng nhất với Hành Tinh Thượng Đế) là "Kumara thứ nhất".

Perhaps a hint may be given in pointing out that there is an analogy between the coming in of the Ego in full sway and its taking hold at certain periods in the life of a human being.

Có lẽ một gợi ý có thể được đưa ra bằng cách chỉ ra rằng có một sự tương đồng giữa sự đi vào của chân ngã trong quyền năng trọn vẹn và việc nó nắm quyền vào những thời kỳ nhất định trong đời sống của một con người.

326. The coming of Sanat Kumara to our globe is likened to the coming in of the Ego in full sway at certain periods in the life of the human being. In this way, Sanat Kumara is to be understood as related to the soul or Ego of our Planetary Logos. Sanat Kumara is, in a way, a kind of Heavenly Man.

326. Sự đến của Đức Sanat Kumara đến bầu hành tinh chúng ta được ví với sự đi vào của chân ngã trong quyền năng trọn vẹn vào những thời kỳ nhất định trong đời sống con người. Theo cách này, Đức Sanat Kumara được hiểu là có liên hệ với linh hồn hay chân ngã của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta. Đức Sanat Kumara, theo một nghĩa nào đó, là một loại Đấng Thiên Nhân.

At seven years we are told the Ego "takes hold," and again at adolescence; at twenty-one that hold may be made still firmer. Again, as lives are passed, the Ego (in connection with a human being) grips its vehicles and so sways them to his purpose with more effect and fullness. **The same procedure can be seen in relation to a Heavenly Man and His body of manifestation, a scheme**.

Người ta nói rằng vào năm bảy tuổi chân ngã "nắm quyền", và lại một lần nữa vào tuổi dậy thì; đến hai mươi mốt tuổi sự nắm giữ ấy có thể còn được làm cho vững chắc hơn. Rồi nữa, khi các kiếp sống trôi qua, chân ngã (liên hệ với một con người) nắm lấy các vận cụ của nó và do đó chi phối chúng theo mục đích của y một cách hữu hiệu và đầy đủ hơn. **Tiến trình tương tự có thể được thấy trong liên hệ với một Đấng Thiên Nhân và thể biểu hiện của Ngài, tức một hệ hành tinh**.

327. It is being suggested that Sanat Kumara takes hold of our globe evolution in different phases—at least three. Perhaps the years seven, fourteen and twenty one can be likened to the emergence of the three self-conscious root races—the Lemurian (part of it), the Atlantean and the Aryan.

327. Ở đây đang gợi ý rằng Đức Sanat Kumara nắm quyền đối với tiến hóa của bầu hành tinh chúng ta trong những giai đoạn khác nhau—ít nhất là ba. Có lẽ các năm bảy, mười bốn và hai mươi mốt có thể được ví với sự xuất hiện của ba giống dân gốc tự ngã thức—Lemuria (một phần của nó), Atlantis và Arya.

328. Every new 'grip' may be likened to a kind of initiation.

328. Mỗi lần "nắm quyền" mới có thể được ví như một loại điểm đạo.

329. We note that DK was speaking of the Planetary Logos but has now switched terms to “Heavenly Man”.

329. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK đã nói về Hành Tinh Thượng Đế nhưng nay đã chuyển thuật ngữ sang “Đấng Thiên Nhân”.

330. There are some who believe that the term “Heavenly Man” should only be used in relation to the soul aspect of the Planetary Logos, whereas the term “Planetary Logos” should be used in relation to the Logos’ *spirit* or monadic nature.

330. Có những người tin rằng thuật ngữ “Đấng Thiên Nhân” chỉ nên được dùng liên hệ với phương diện linh hồn của Hành Tinh Thượng Đế, trong khi thuật ngữ “Hành Tinh Thượng Đế” nên được dùng liên hệ với bản chất *tinh thần* hay chân thần của Thượng đế ấy.

331. It turns out that DK does not use the terms with consistency (at least, apparently not).

331. Hóa ra Chân sư DK không dùng các thuật ngữ ấy một cách nhất quán (ít nhất là bề ngoài không như vậy).

It must be remembered that every scheme has seven chains; that each chain has seven globes, making a totality of forty-nine globes;

Phải nhớ rằng mỗi hệ hành tinh có bảy dãy; rằng mỗi dãy có bảy bầu hành tinh, tạo thành tổng số bốn mươi chín bầu hành tinh;

332. This is the *usual* manner of enumeration, but there may be times when a planetary scheme has ten globes per chain or three, or ten chains or three chains. All will depend upon the point reached in the developmental process of the scheme.

332. Đây là cách liệt kê *thông thường*, nhưng có thể có những lúc một hệ hành tinh có mười bầu hành tinh mỗi dãy hoặc ba, hay mười dãy hoặc ba dãy. Tất cả sẽ tùy thuộc vào điểm đã đạt tới trong tiến trình phát triển của hệ hành tinh.

[Page 367] that each globe is again in turn occupied by the life of the Logos during what we call seven rounds, making literally three hundred and forty-three **incarnations, or fresh impulses to manifest.**

[Page 367] rằng mỗi bầu hành tinh lại lần lượt được sự sống của Thượng đế cư ngụ trong điều mà chúng ta gọi là bảy cuộc tuần hoàn, tạo thành đúng nghĩa ba trăm bốn mươi ba **lần lâm phàm, hay những xung lực mới để biểu hiện.**

333. We have implied an important definition—that each world period or one seventh of a round is considered an incarnation of the Planetary Logos.

333. Chúng ta đã hàm ý một định nghĩa quan trọng—rằng mỗi thời kỳ thế giới hay một phần bảy của một cuộc tuần hoàn được xem là một lần lâm phàm của Hành Tinh Thượng Đế.

334. It is perhaps not insignificant that the numbers sum to 10. Kabbalistically, we have a three hovering above a lower seven.

334. Có lẽ không phải là không đáng kể khi các con số ấy cộng lại thành 10. Theo Kabbala, chúng ta có một số ba lơ lửng phía trên một số bảy thấp hơn.

335. There are also other ways to describe His incarnations, as for instance in root races or sub-races.

335. Cũng có những cách khác để mô tả các lần lâm phàm của Ngài, chẳng hạn theo các giống dân gốc hay các giống dân phụ.

336. VSK asks: "In other words, every scheme, or kumara, has 343 incarnations?"

336. VSK hỏi: "Nói cách khác, mỗi hệ hành tinh, hay mỗi kumara, đều có 343 lần lâm phàm sao?"

337. It may be that every Planetary Logos has 343 incarnations (by one method of reckoning—more by others), but that a Kumara (not necessarily equivalent to a Planetary Logos) does not.

337. Có thể là mỗi Hành Tinh Thượng Đế đều có 343 lần lâm phàm (theo một phương pháp tính—nhiều hơn theo các phương pháp khác), nhưng một Kumara (không nhất thiết tương đương với một Hành Tinh Thượng Đế) thì không.

338. Sanat Kumara both *is* the Planetary Logos and is *not.* In this seeming contradiction lies much mystery—insoluble to us at present.

338. Đức Sanat Kumara vừa *là* Hành Tinh Thượng Đế vừa *không phải.* Trong sự mâu thuẫn có vẻ như vậy ẩn chứa nhiều huyền nhiệm—hiện nay không thể giải được đối với chúng ta.

We must add to these major manifestations such lesser ones as those named by us root-races, and subraces, also branch races, and thus we are faced with a complexity that is enough to stagger the average student.

Chúng ta phải cộng thêm vào những biểu hiện lớn này **những biểu hiện nhỏ hơn như những gì chúng ta gọi là các giống dân gốc, các giống dân phụ, và cả các chủng tộc nhánh,** và do đó chúng ta đối diện với một sự phức tạp đủ làm cho đạo sinh trung bình choáng váng.

339. DK has added other lesser incarnations, including even branch races.

339. Chân sư DK đã thêm vào những lần lâm phàm nhỏ hơn khác, kể cả các chủng tộc nhánh.

340. Are we staggered? I would think so.

340. Chúng ta có choáng váng không? Tôi nghĩ là có.

341. Let us remember that, in a certain sense, the Planetary Logos is in incarnation in all chains and on all globes *simultaneously*. His Presence is there in all, even if His *particular conscious focus* (His 'incarnational attentiveness') is far more localized.

341. Chúng ta hãy nhớ rằng, theo một nghĩa nào đó, Hành Tinh Thượng Đế đang lâm phàm trong mọi dãy và trên mọi bầu hành tinh *đồng thời*. Sự Hiện Diện của Ngài ở trong tất cả, dù *tiêu điểm tâm thức đặc thù của Ngài* (sự "chú tâm lâm phàm" của Ngài) được định xứ hơn rất nhiều.

The planetary wheel of life turns on its lesser scale the wheel of life of the little pilgrim we call man; as it turns, it sweeps the life of the evolving planetary Logos into ever new forms and experiences until the **fire of Spirit burns up all lesser fires.**

Bánh xe sự sống hành tinh, trên quy mô nhỏ hơn của nó, xoay bánh xe sự sống của người hành hương bé nhỏ mà chúng ta gọi là con người; khi nó xoay, nó cuốn sự sống của Hành Tinh Thượng Đế đang tiến hoá vào những hình tướng và kinh nghiệm luôn mới cho đến khi **Lửa của tinh thần thiêu rụi mọi ngọn lửa thấp hơn.**

342. This is a large summary thought, illustrating how the little wheel of man is swept by the turning of the "planetary wheel of life". "The lesser wheels must not for aye revolve in time and space. Only the greater Wheel must onward move and turn." (R&I, Rule IV for Disciples and Initiates).

342. Đây là một tư tưởng tổng kết lớn, minh họa cách bánh xe nhỏ của con người bị cuốn đi bởi sự quay của "bánh xe sự sống hành tinh". "Những bánh xe nhỏ hơn không được quay mãi trong thời gian và không gian. Chỉ Bánh Xe lớn hơn mới phải tiếp tục chuyển động và quay." (R&I, Quy luật IV cho các Đệ tử và Điểm đạo đồ).

343. The destiny of all lesser fires is to be burned up in the "fire of Spirit".

343. Định mệnh của mọi ngọn lửa thấp hơn là bị thiêu rụi trong "Lửa của tinh thần".

344. Variety will be abundant but synthesis and homogeneity will prevail.

344. Sự đa dạng sẽ rất phong phú nhưng tổng hợp và tính đồng nhất sẽ thắng thế.

As earlier pointed out, each Heavenly Man is linked with one of His Brothers under the Law of Mutual Attraction, which manifests so degradingly as yet upon the physical plane, through the life of the human unit, imprisoned in physical form.

Như đã chỉ ra trước đây, mỗi Đấng Thiên Nhân được nối kết với một trong các Huynh Đệ của Ngài dưới Định luật Hấp Dẫn Tương Hỗ, định luật này hiện còn biểu lộ một cách suy đồi trên cõi hồng trần, thông qua sự sống của đơn vị nhân loại bị giam hãm trong hình tướng hồng trần.

345. The suggestion is that (in addition to triangular linking) each Heavenly Man is

linked *particularly* to one other Heavenly Man.

345. Gợi ý ở đây là (ngoài sự nối kết tam giác) mỗi Đấng Thiên Nhân được nối kết *đặc biệt* với một Đấng Thiên Nhân khác.

346. In the case of the Earth we may reason that the linking to be with Venus.

346. Trong trường hợp của Trái Đất, chúng ta có thể suy luận rằng sự nối kết ấy là với Sao Kim.

347. However, Venus may be linked with Mercury and Earth with Mars. Jupiter would seem linked with Saturn and Uranus with Neptune. A reasonable link for Vulcan would be Pluto. Of course there are a great number of secondary inter-planetary relationships which can be justified.

347. Tuy nhiên, Sao Kim có thể được nối kết với Sao Thủy và Trái Đất với Sao Hỏa. Sao Mộc dường như được nối kết với Sao Thổ và Sao Thiên Vương với Sao Hải Vương. Một nối kết hợp lý cho Vulcan sẽ là Sao Diêm Vương. Dĩ nhiên có rất nhiều mối liên hệ liên hành tinh thứ yếu có thể được biện minh.

348. DK is speaking of 'sexual attraction' between the Heavenly Men. He obviously does not think much of how this type of attraction manifests between incarnated human units—imprisoned as they are in physical form.

348. Chân sư DK đang nói về "sự hấp dẫn tính dục" giữa các Đấng Thiên Nhân. Rõ ràng Ngài không đánh giá cao cách loại hấp dẫn này biểu lộ giữa các đơn vị nhân loại đang nhập thể—bị giam hãm như họ đang ở trong hình tướng hồng trần.

349. Are we dealing, in this first instance, with a more physical link between Planetary Logoi?

349. Trong trường hợp đầu tiên này, có phải chúng ta đang bàn đến một mối liên kết mang tính hồng trần hơn giữa các Hành Tinh Thượng Đế không?

Psychically the link is of a different nature, and such a link is found between the planetary Logos of the scheme we call Venus, and the Logos of our scheme.

Về mặt thông linh mối liên kết ấy có bản chất khác, và một mối liên kết như thế được tìm thấy giữa Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh mà chúng ta gọi là Sao Kim, và Thượng đế của hệ hành tinh chúng ta.

350. DK discriminates a *psychic* link, different from the kind He mentioned above.

350. Chân sư DK phân biệt một mối liên kết *thông linh*, khác với loại mà Ngài đã đề cập ở trên.

351. Between the Logos of our scheme and the Logos of Venus such a psychic link exists. This must be a link involving far more the consciousness than the form.

351. Giữa Thượng đế của hệ hành tinh chúng ta và Thượng đế của Sao Kim có tồn tại một liên kết thông linh như thế. Đây hẳn

phải là một liên kết liên quan đến tâm thức nhiều hơn là đến hình tướng.

352. If we have to differentiate between outer and inner (psychic) links, we shall have the possibility of many additional relationships between the Heavenly Men.

352. Nếu chúng ta phải phân biệt giữa các liên kết bên ngoài và bên trong (thông linh), chúng ta sẽ có khả năng thấy được nhiều mối liên hệ bổ sung giữa các Đấng Thiên Nhân.

This psychic interaction has its cyclic ebb and flow, as ebbs and flows all life force. In Lemurian days came a period of close interaction which **brought about an incarnation on the physical planet of the Logos of our scheme,** the Head of the Hierarchy, and the One Initiator. **This could not have been effected had not the planetary Logos of the Venus scheme been in a position to link up closely with ours.**

Sự tương tác thông linh này có sự lên xuống theo chu kỳ, cũng như mọi mãnh lực sự sống đều có lên xuống. Trong thời Lemuria đã đến một giai đoạn tương tác mật thiết, và điều này **đã dẫn đến một lần lâm phàm trên hành tinh hồng trần của Thượng đế của hệ hành tinh chúng ta,** là Đầu của Thánh Đoàn, và là Đấng Điểm đạo duy nhất. **Điều này đã không thể được thực hiện nếu Hành Tinh Thượng Đế của hệ Sao Kim không ở trong vị thế có thể liên kết mật thiết với Thượng đế của chúng ta.**

353. Again we have some interesting and important ideas. We note that several terms are used as equivalent; elsewhere they are differentiated:

353. Một lần nữa chúng ta lại có một số ý tưởng thú vị và quan trọng. Chúng ta lưu ý rằng một số thuật ngữ được dùng như tương đương; ở nơi khác chúng lại được phân biệt:

a. The Logos of our scheme

a. Thượng đế của hệ hành tinh chúng ta

b. The Head of the Hierarchy (usually considered the Christ, if the term "Hierarchy" is not expanded). We can explain this, however, through the fact that in Lemurian times, Sanat Kumara *was* the Head of the then Hierarchy.

b. Đầu của Thánh Đoàn (thường được xem là Đức Christ, nếu thuật ngữ "Thánh Đoàn" không được mở rộng). Tuy nhiên, chúng ta có thể giải thích điều này qua sự kiện rằng vào thời Lemuria, Đức Sanat Kumara *là* Đầu của Thánh Đoàn lúc bấy giờ.

c. The One Initiator (usually considered Sanat Kumara).

c. Đấng Điểm đạo duy nhất (thường được xem là Đức Sanat Kumara).

354. We are being told that during Lemurian days a particularly close relationship between the two Logoi developed (as part of the usual cyclic ebb and flow).

354. Chúng ta đang được cho biết rằng trong thời Lemuria, một mối liên hệ đặc biệt mật thiết giữa hai Đấng Thượng đế đã phát triển

(như một phần của sự lên xuống theo chu kỳ thông thường).

355. Although the fourth round in relation to our globe had started long before (and thus, an incarnation of our Planetary Logos through our globe had started long before, for we have just—TCF 367—read of three hundred forty three incarnations), DK singles out Lemurian days as the time when an incarnation of our Planetary Logos through the *physical planet* of our scheme occurred. It would seem that the individualization signaled the preamble to this incarnation.

355. Mặc dù cuộc tuần hoàn thứ tư liên hệ với bầu hành tinh của chúng ta đã bắt đầu từ rất lâu trước đó (và như vậy, một lần lâm phàm của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta qua bầu hành tinh của chúng ta cũng đã bắt đầu từ rất lâu trước đó, vì chúng ta vừa—TCF 367—đọc về ba trăm bốn mươi ba lần lâm phàm), Chân sư DK đặc biệt nêu ra thời Lemuria như là thời điểm khi một lần lâm phàm của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta qua *hành tinh hồng trần* của hệ hành tinh chúng ta đã xảy ra. Dường như sự biệt ngã hóa đã báo hiệu phần mở đầu cho lần lâm phàm này.

c. Venus and the Earth Chain. This question of the coming of the Lords of Flame to the planet Earth is deeply involved (as stated above) in the relationship existing between the Heavenly Man of the Earth scheme and the Lord of the Venus scheme.

c. Sao Kim và Dãy Địa Cầu. Vấn đề về sự giáng lâm của các Đấng Chúa Tể của Lửa đến hành tinh Trái Đất có liên hệ sâu xa (như đã nói ở trên) với mối quan hệ hiện hữu giữa Đấng Thiên Nhân của hệ Địa Cầu và Chúa Tể của hệ Sao Kim.

356. This is one of the fundamental facts of occultism. Two Heavenly Men were aligned to enable the Lords of the Flame to come to our planet Earth.

356. Đây là một trong những sự kiện nền tảng của huyền bí học. Hai Đấng Thiên Nhân đã được chỉnh hợp để cho phép các Đấng Chúa Tể của Lửa đến với hành tinh Trái Đất của chúng ta.

Until more detailed information is permitted publication anent these two great Entities, little more can be done beyond indicating some probabilities, and pointing out certain factors which students should carefully bear in mind.

Cho đến khi thông tin chi tiết hơn về hai Thực Thể vĩ đại này được phép công bố, chúng ta khó có thể làm gì hơn ngoài việc nêu ra một số khả năng và chỉ ra một số yếu tố mà các đạo sinh nên cẩn thận ghi nhớ.

357. DK is limited concerning what He is permitted to reveal. The secrets of interplanetary lore are guarded closely.

357. Chân sư DK bị giới hạn về điều Ngài được phép mặc khải. Những bí mật của tri thức liên hành tinh được canh giữ rất nghiêm ngặt.

358. It is always to be remembered that the true details of the Ageless Wisdom are not by any means fully revealed in even such a comprehensive book as *A Treatise on Cosmic Fire.* In fact, the Tibetan is building for the future and presenting to us only the broad outlines of the magnificent Wisdom. Our patience is required. Hundreds of years of thought and study lie ahead of us if we are to assimilate greater detail.

358. Cần luôn ghi nhớ rằng các chi tiết chân thực của Minh Triết Ngàn Đời hoàn toàn không được mặc khải đầy đủ ngay cả trong một cuốn sách toàn diện như *Luận về Lửa Vũ Trụ.* Thật ra, Chân sư Tây Tạng đang xây dựng cho tương lai và chỉ trình bày cho chúng ta những nét đại cương của Minh Triết huy hoàng ấy. Chúng ta cần có sự kiên nhẫn. Hàng trăm năm suy tư và học hỏi đang ở phía trước nếu chúng ta muốn đồng hóa những chi tiết lớn lao hơn.

The statement [Page 368] has been made that (owing to the Venusian scheme being in its fifth round) its humanity is consequently further advanced than ours, and can help us, and that this help came in Lemurian days.

Đã có lời phát biểu rằng [Page 368] (do hệ Sao Kim đang ở trong cuộc tuần hoàn thứ năm) nên nhân loại của nó vì thế tiến bộ hơn chúng ta, và có thể giúp chúng ta, và rằng sự trợ giúp này đã đến trong thời Lemuria.

359. This is an interesting idea. Was it the humanity of the Venusian scheme that came to the aid of Lemurian animal man or was it the Solar Angels, perhaps *inspired* by Venus, but resident at that time within our own planetary scheme?

359. Đây là một ý tưởng thú vị. Có phải chính nhân loại của hệ Sao Kim đã đến trợ giúp người thú Lemuria, hay đó là các Thái dương Thiên Thần, có lẽ được *cảm hứng* bởi Sao Kim, nhưng vào thời điểm ấy cư ngụ trong chính hệ hành tinh của chúng ta?

This is an instance of a partial truth and its misinterpretation. The Venusian scheme is — [35 as stated in the *Secret Doctrine*: S. D., I, 187. II, 33-36, 626.] —in its fifth and last round;

Đây là một trường hợp của chân lý bộ phận và sự diễn giải sai lầm của nó. Hệ Sao Kim — [35 như đã nói trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*: S. D., I, 187. II, 33-36, 626.] — đang ở trong cuộc tuần hoàn thứ năm và cuối cùng của nó;

360. Usually seven rounds are required, but the Venusian Logos is said to have accomplished in five rounds what other Planetary Logoi usually accomplish in seven.

360. Thông thường cần bảy cuộc tuần hoàn, nhưng Thượng đế Sao Kim được nói là đã hoàn thành trong năm cuộc tuần hoàn điều mà các Hành Tinh Thượng Đế khác thường hoàn thành trong bảy cuộc tuần hoàn.

361. We note that we are speaking of a 'scheme-round' and not a chain round (the kind usually discussed). We propose that it is the scheme as an entirety that is in its fifth and last round. The two types of rounds (chain-rounds and scheme-rounds) must be

361. Chúng ta lưu ý rằng chúng ta đang nói về một "cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh" chứ không phải một cuộc tuần hoàn của dãy (loại thường được bàn đến). Chúng tôi cho rằng chính toàn bộ hệ hành tinh đang ở trong cuộc tuần hoàn thứ năm và cuối cùng

differentiated. We think we know how chain-rounds work, but it is not so easy to know how scheme-rounds work; several possibilities exist.

của nó. Hai loại cuộc tuần hoàn này (cuộc tuần hoàn của dãy và cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh) phải được phân biệt. Chúng ta nghĩ rằng mình biết các cuộc tuần hoàn của dãy vận hành như thế nào, nhưng không dễ biết các cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh vận hành ra sao; có một số khả năng tồn tại.

362. Add to this the idea of *systemic* rounds and there is much to decipher about the cyclic life of such Beings as Chain Lords, Scheme Lords and Systemic Lords (Solar Logoi).

362. Hãy thêm vào đó ý tưởng về các cuộc tuần hoàn *hệ thống* và sẽ có rất nhiều điều cần giải mã về đời sống chu kỳ của những Đấng như các Chúa Tể của Dãy, các Chúa Tể của Hệ hành tinh và các Chúa Tể của Hệ thống (các Thái dương Thượng đế).

its humanity is very far ahead of ours in certain particulars,

nhân loại của nó vượt xa nhân loại chúng ta trong một số phương diện nhất định,

363. Particulars which are not being revealed to us but may well have something to do with the cultivation of the buddhic faculty.

363. Những phương diện không được mặc khải cho chúng ta nhưng rất có thể liên quan đến việc vun bồi năng lực Bồ đề.

but the momentous occurrence in the third root-race was due to the following causes, and **not to the factor of the greater advancement of a certain group of human beings:**

nhưng biến cố trọng đại trong giống dân gốc thứ ba là do các nguyên nhân sau đây, và **không phải do yếu tố tiến bộ hơn của một nhóm người nào đó:**

364. DK is disabusing us of another misinterpretation which many students otherwise might take as truth.

364. Chân sư DK đang giải trừ cho chúng ta một sự hiểu sai khác mà nếu không nhiều đạo sinh có thể xem là chân lý.

First, the Venus Scheme, viewed as a logoic centre, is more active than ours, and therefore its radiatory magnetism is far more widely spread.

Thứ nhất, Hệ Sao Kim, được nhìn như một trung tâm logoic, hoạt động mạnh hơn hệ của chúng ta, và vì vậy từ điện bức xạ của nó lan tỏa rộng hơn rất nhiều.

365. If Venus were the logoic solar plexus center, this would make sense. While we do have an astral-buddhic solar system, and while our Solar Logos is a heart center within a Cosmic Logos, the Solar Logos has

365. Nếu Sao Kim là trung tâm tùng thái dương logoic, điều này sẽ hợp lý. Dù chúng ta quả có một hệ mặt trời cảm dục-Bồ đề, và dù Thái dương Thượng đế của chúng ta là một trung tâm tim bên trong một Thượng

not reached the stage of development in which His heart center is fully and buddhically unfolded. He would have to be a cosmic Initiate of the fourth degree.

đế Vũ Trụ, Thái dương Thượng đế vẫn chưa đạt đến giai đoạn phát triển mà trong đó trung tâm tim của Ngài được khai mở trọn vẹn và Bồ đề. Ngài sẽ phải là một điểm đạo đồ vũ trụ ở cấp thứ tư.

366. Further Venus is said to be (with Saturn and the Earth) under the special stimulation of logoic kundalini.

366. Hơn nữa, Sao Kim được nói là (cùng với Sao Thổ và Trái Đất) ở dưới sự kích thích đặc biệt của kundalini logoic.

367. Anyway, this is a good comparison dealing with the relative magnetism of the Earth-scheme and the Venus-scheme.

367. Dù sao đi nữa, đây là một sự so sánh tốt khi bàn đến từ điện tương đối của hệ Địa Cầu và hệ Sao Kim.

Its radiation is such that **on the buddhic plane** it swept within its magnetic radius that chain in our scheme which is composed predominantly of buddhic matter.

Sự bức xạ của nó đến mức **trên cõi Bồ đề** nó đã cuốn vào trong bán kính từ tính của mình dãy trong hệ của chúng ta vốn được cấu thành chủ yếu bằng vật chất Bồ đề.

368. Could this chain have been the second or Venus-chain?

368. Dãy này có thể là dãy thứ hai hay dãy Sao Kim chăng?

369. Perhaps a hint is being give about the composition of the chains within our Earth-scheme (and others).

369. Có lẽ một gợi ý đang được đưa ra về thành phần của các dãy bên trong hệ Địa Cầu của chúng ta (và các hệ khác).

370. It is to be anticipated that certain of the chains will not have vehicles of lower matter —for instance physical and astral—and *will* have developed vehicles of higher matter (for instance buddhic matter).

370. Có thể dự đoán rằng một số dãy sẽ không có các vận cụ bằng vật chất thấp hơn —thí dụ hồng trần và cảm dục—và *sẽ* đã phát triển các vận cụ bằng vật chất cao hơn (thí dụ vật chất Bồ đề).

371. Note that, although the buddhic plane is considered an *arupa* plane, DK still speaks of "buddhic matter".

371. Lưu ý rằng, mặc dù cõi Bồ đề được xem là một cõi *arupa*, Chân sư DK vẫn nói đến "vật chất Bồ đề".

372. Where, in our vast cosmos, does matter end? Perhaps it does not. In one way, the entire universe *is* Matter and a Deva, though we must remember that matter is Spirit and Spirit is matter.

372. Trong vũ trụ bao la của chúng ta, vật chất chấm dứt ở đâu? Có lẽ nó không chấm dứt. Theo một cách nào đó, toàn thể vũ trụ *là* Vật Chất và là một thiên thần, dù chúng ta phải nhớ rằng vật chất là Tinh thần và Tinh thần là vật chất.

Then, via that chain, it magnetised the corresponding globe in our chain, **and this resulted in a specific vitalisation in the dense planet itself.**

373. This suggests that via the second chain of the Earth-scheme a magnetic relationship was set up with the second globe of the Earth-chain.

374. The easy rapport between globe two and globe four of the Earth-chain (our planet Earth) contributed to a vitalization in the dense planet itself

375. But let us remember that this vitalization cannot have been *strictly physical* because the buddhic and mental planes of our fourth globe were certainly involved in the work of the Solar Angels.

376. When DK speaks of the "dense planet" meaning our fourth globe, it is not to be presumed that it is *strictly* dense and has no higher vehicular fields—such as astral, mental, buddhic, etc. This is an important point and can be substantiated by numerous references and by reasoning.

Second, just as in the case of man, certain triangles of force are found at different stages of evolution, or (to word it otherwise) different centres become geometrically linked, such as the:

a. Base of the spine

b. Solar plexus

Rồi, qua dãy đó, nó đã từ hóa bầu hành tinh tương ứng trong dãy của chúng ta, **và điều này đã dẫn đến một sự tiếp sinh lực đặc thù trong chính hành tinh đậm đặc ấy.**

373. Điều này gợi ý rằng qua dãy thứ hai của hệ Địa Cầu, một mối quan hệ từ tính đã được thiết lập với bầu hành tinh thứ hai của Dãy Địa Cầu.

374. Sự tương thông dễ dàng giữa bầu hành tinh hai và bầu hành tinh bốn của Dãy Địa Cầu (hành tinh Trái Đất của chúng ta) đã góp phần vào một sự tiếp sinh lực trong chính hành tinh đậm đặc ấy

375. Nhưng hãy nhớ rằng sự tiếp sinh lực này không thể là *thuần túy hồng trần* vì các cõi Bồ đề và trí tuệ của bầu hành tinh thứ tư của chúng ta chắc chắn đã tham dự vào công việc của các Thái dương Thiên Thần.

376. Khi Chân sư DK nói đến "hành tinh đậm đặc" với ý nghĩa là bầu hành tinh thứ tư của chúng ta, không nên giả định rằng nó *hoàn toàn* đậm đặc và không có các trường vận cụ cao hơn—như cảm dục, trí tuệ, Bồ đề, v.v. Đây là một điểm quan trọng và có thể được chứng minh bằng nhiều dẫn chiếu và bằng lý luận.

Thứ hai, cũng như trong trường hợp con người, những tam giác mãnh lực nhất định được tìm thấy ở các giai đoạn tiến hoá khác nhau, hay (nói cách khác) các trung tâm khác nhau trở nên được liên kết về mặt hình học, như:

a. Đáy cột sống

b. Tùng thái dương

c. Heart

377. We remember from TCF 169 that this particular triangle represents man controlled from the astral plane.

or again,

a. Solar Plexus

b. Heart

c. Throat

378. Interestingly, this triangle is not listed from TCF 169-170, yet is seems an important triangle. It would seem to represent kama-manasic man—nether controlled strictly from the astral plane nor strictly from the mental.

so, in the case of a Heavenly Man, or of a solar Logos, a similar event occurs. Such an event transpires in this round in relation to the centre which our planetary Logos [Page 369] embodies.

379. If this center is the base of the spine center, then the very first triangle listed above—Base of Spine, Solar Plexus, Heart—has relevance.

380. It is, however, no easy matter to determine exactly which center of the Solar Logos our Heavenly Man embodies—*at this time.* We do know that at some time our planetary scheme will embody the base of the spine center, but there are other possibilities presently. Everything shifts in time and what is true at one moment in the

c. Tim

377. Chúng ta nhớ từ TCF 169 rằng tam giác đặc biệt này biểu thị con người bị kiểm soát từ cõi cảm dục.

hay nữa,

a. Tùng thái dương

b. Tim

c. Trung tâm cổ họng

378. Điều thú vị là tam giác này không được liệt kê trong TCF 169-170, tuy nhiên dường như nó là một tam giác quan trọng. Dường như nó biểu thị con người trí-cảm—không bị kiểm soát hoàn toàn từ cõi cảm dục cũng không hoàn toàn từ cõi trí.

cũng vậy, trong trường hợp một Đấng Thiên Nhân, hay một Thái dương Thượng đế, một biến cố tương tự xảy ra. Một biến cố như thế diễn ra trong cuộc tuần hoàn này liên hệ với trung tâm mà Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta [Page 369] hiện thân.

379. Nếu trung tâm này là trung tâm đáy cột sống, thì chính tam giác đầu tiên được liệt kê ở trên—Đáy Cột Sống, Tùng Thái Dương, Tim—sẽ có liên quan.

380. Tuy nhiên, không dễ gì xác định chính xác Đấng Thiên Nhân của chúng ta hiện thân cho trung tâm nào của Thái dương Thượng đế—*vào lúc này.* Chúng ta biết rằng vào một thời điểm nào đó hệ hành tinh của chúng ta sẽ hiện thân cho trung tâm đáy cột sống, nhưng hiện nay còn có những khả năng khác. Mọi sự đều thay đổi theo thời gian và điều gì đúng ở một thời điểm trong

developmental process may not be true at another.

tiến trình phát triển có thể không đúng ở một thời điểm khác.

381. Here is a reference which relates Earth to the base of the spine center.

381. Đây là một dẫn chiếu liên hệ Trái Đất với trung tâm đáy cột sống.

It relates finally the lowest centre at the base of the spine to the highest centre, the head centre. This is a correspondence to the relation of the Earth to the Sun. Think this out. (EA 25)

Cuối cùng nó liên hệ trung tâm thấp nhất ở đáy cột sống với trung tâm cao nhất, là trung tâm đầu. Đây là một tương ứng với mối liên hệ giữa Trái Đất và Mặt Trời. Hãy suy ngẫm điều này. (EA 25)

382. Yet here is a reference which suggests a relationship between Venus and Earth analogous to the relationship between the manasic permanent atom and the mental unit.

382. Tuy nhiên, đây là một dẫn chiếu gợi ý một mối liên hệ giữa Sao Kim và Trái Đất tương tự như mối liên hệ giữa nguyên tử trường tồn manas và đơn vị hạ trí.

The coming of the Lords of Flame to the Earth was all under law and not just an accidental and fortunate happening; **it was a planetary matter which finds its correspondence in the connection between the mental unit and the manasic permanent atom.** Again, as the antaskarana is built by individual man between these two points, so—again in a planetary sense—is a channel being built by **collective man** on this planet to its primary, Venus. (TCF 297)

Sự giáng lâm của các Đấng Chúa Tể của Lửa đến Trái Đất hoàn toàn ở dưới định luật chứ không chỉ là một biến cố ngẫu nhiên và may mắn; **đó là một vấn đề hành tinh có sự tương ứng của nó trong mối liên hệ giữa đơn vị hạ trí và nguyên tử trường tồn manas.** Một lần nữa, cũng như antahkarana được xây dựng bởi con người cá nhân giữa hai điểm này, thì—một lần nữa theo nghĩa hành tinh—một kênh dẫn đang được xây dựng bởi **con người tập thể** trên hành tinh này đến nguyên mẫu của nó là Sao Kim. (TCF 297)

383. What is the definition of "collective man"? Is this term referring to the group nature of our Planetary Logos, Who is, we realize, a 'Man'.

383. Định nghĩa của "con người tập thể" là gì? Thuật ngữ này có đang chỉ đến bản chất nhóm của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, Đấng mà chúng ta nhận ra là một "Con Người", hay không?

384. Here is a reference suggesting that the Earth has an association with the spleen and thus with the splenic center. This reference relates to the microcosm but may have

384. Đây là một dẫn chiếu gợi ý rằng Trái Đất có liên hệ với lá lách và do đó với trung tâm lá lách. Dẫn chiếu này liên hệ đến tiểu thiên địa nhưng có thể có những hàm ý đại

macrocosmic implications (i.e., implications of the solar system).

1. Two of the non-sacred planets (the Earth itself and the Moon) are connected with two centres which in the highly evolved man are not of dominating importance:

a. **The spleen receiving pranic emanations from the planet on which we live and concerned with the etheric and physical bodies and their physical relation.**

b. A centre in the chest related to the thymus gland. This centre becomes inactive in the advanced man but has a connection with the vagus nerve, prior to the awakening of the heart centre. (EA 78)

385. It is clear from this reference that the Earth relates to point "a.", and a planet veiled by the Moon to point "b."

It became geometrically linked with two other centres, of which Venus was one, and logoic Kundalini—circulating with tremendous force through this adjusted Triangle—brought about that intensification of vibration in the human family which resulted in individualisation.

386. When logoic kundalini is discussed, the three planets involved are usually the Earth, Venus and Saturn. Here Earth and Venus are given and Saturn (if it is the planet meant) is not mentioned.

thiên địa (tức là những hàm ý của hệ mặt trời).

1. Hai trong số các hành tinh không thiêng liêng (chính Trái Đất và Mặt Trăng) được nối kết với hai trung tâm mà nơi con người tiến hóa cao thì không có tầm quan trọng chi phối:

a. **Lá lách tiếp nhận các phát xạ prana từ hành tinh mà chúng ta đang sống trên đó và liên quan đến thể dĩ thái và thể xác cùng mối liên hệ hồng trần của chúng.**

b. Một trung tâm trong ngực liên hệ với tuyến ức. Trung tâm này trở nên bất hoạt nơi con người tiến hóa, nhưng có một liên hệ với dây thần kinh phế vị trước khi trung tâm tim thức tỉnh. (EA 78)

385. Từ dẫn chiếu này rõ ràng rằng Trái Đất liên hệ với điểm "a.", và một hành tinh được Mặt Trăng che phủ liên hệ với điểm "b."

Nó trở nên được liên kết về mặt hình học với hai trung tâm khác, trong đó Sao Kim là một, và kundalini logoic—lưu chuyển với mãnh lực to lớn qua Tam giác đã được điều chỉnh này—đã dẫn đến sự tăng cường rung động ấy trong gia đình nhân loại, kết quả là sự biệt ngã hóa.

386. Khi kundalini logoic được bàn đến, ba hành tinh liên hệ thường là Trái Đất, Sao Kim và Sao Thổ. Ở đây Trái Đất và Sao Kim được nêu ra còn Sao Thổ (nếu đó là hành tinh được ngụ ý) thì không được nhắc đến.

387. There is the possibility that Mercury could be the third planet since it rules the Fourth Creative Hierarchy (which, incidentally, pre-existed the founding of the fourth kingdom of nature, the human).

387. Có khả năng Sao Thủy có thể là hành tinh thứ ba vì nó cai quản Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư (vốn, tình cờ, đã có trước sự thành lập của giới thứ tư của bản chất, tức giới nhân loại).

388. In the example above we are given two triangles: Base of Spine, Solar Plexus and Heart: and Solar Plexus, Heart and Throat.

388. Trong ví dụ trên, chúng ta được cho hai tam giác: Đáy Cột Sống, Tùng Thái Dương và Tim; và Tùng Thái Dương, Tim và Cổ Họng.

389. We have to see whether the three planets linked by solar logoic kundalini are related to either of these triangles. Pieces of information are, of course, missing, so we must infer.

389. Chúng ta phải xem liệu ba hành tinh được nối kết bởi kundalini thái dương logoic có liên hệ với một trong hai tam giác này hay không. Dĩ nhiên, các mảnh thông tin còn thiếu, nên chúng ta phải suy luận.

390. There seems to be no easy fit. Venus can be associated with either the logoic solar plexus center or the logoic heart center. Saturn can be connected with the logoic throat center. But Earth cannot be connected with the logoic solar plexus center (unless we consider the relationship between Earth and Venus as representing the lower and higher "points" within the solar plexus center—if the analogy holds good that since man has two "points", so does the Solar Logos).

390. Dường như không có sự phù hợp dễ dàng nào. Sao Kim có thể được liên kết với hoặc trung tâm tùng thái dương logoic hoặc trung tâm tim logoic. Sao Thổ có thể được nối với trung tâm cổ họng logoic. Nhưng Trái Đất không thể được nối với trung tâm tùng thái dương logoic (trừ khi chúng ta xem mối liên hệ giữa Trái Đất và Sao Kim như biểu thị các "điểm" thấp và cao bên trong trung tâm tùng thái dương—nếu phép loại suy đứng vững rằng vì con người có hai "điểm", nên Thái dương Thượng đế cũng vậy).

391. If Earth is considered the base of the spine center, then Venus could be considered the logoic solar plexus center, but we would need a suitable planet for the heart center. This would have to be Jupiter, a planet not mentioned as undergoing solar-logoic kundalinic stimulation.

391. Nếu Trái Đất được xem là trung tâm đáy cột sống, thì Sao Kim có thể được xem là trung tâm tùng thái dương logoic, nhưng chúng ta sẽ cần một hành tinh thích hợp cho trung tâm tim. Điều này sẽ phải là Sao Mộc, một hành tinh không được nhắc đến như đang chịu sự kích thích kundalini thái dương logoic.

392. Of course, just because the Tibetan has mentioned a triangle which is the recipient of solar logoic kundalini (namely Saturn/Venus/Earth), it does not mean that others

392. Dĩ nhiên, chỉ vì Chân sư Tây Tạng đã nhắc đến một tam giác là nơi tiếp nhận kundalini thái dương logoic (tức Sao Thổ/Sao Kim/Trái Đất), điều đó không có nghĩa là

planets (for instance Mercury or Jupiter) do *not* receive such stimulation.

393. If we do not attempt to correlate the planetary triangle DK is discussing (without telling us all three members of the triangle), then we could assign the chakras as follows:

a. Earth/Base of the Spine; Venus/Solar Plexus; Saturn or Mercury/Throat Center. One can associate Mercury with the throat center as the center of speech, though its associations with the ajna center are also necessary and convincing.

b. Or, one could attempt as follows: Earth/Base of the Spine; Venus Heart Center; Saturn or Mercury/Throat Center. This would have some value, as the coming of the Lords of the Flame was associated with heart center activity within our Planetary Logos. These Solar Angels, influential upon the buddhic and mental planes (where man the microcosm was concerned) also brought the spark right down into the etheric-physical brain (hence the appropriateness of the base of the spine center considered as a symbol of anchoring).

394. We can see that Master DK leaves much to our intuition. The possibilities are many, and assigning planets as solar logoic chakras may be correct for one time of logoic development and not correct at others.

395. Venus certainly has heart center functions and capacities and DK even says of Venus:

các hành tinh khác (thí dụ Sao Thủy hay Sao Mộc) *không* nhận sự kích thích như thế.

393. Nếu chúng ta không cố gắng đối chiếu tam giác hành tinh mà Chân sư DK đang bàn đến (mà không cho chúng ta biết cả ba thành viên của tam giác), thì chúng ta có thể gán các luân xa như sau:

a. Trái Đất/Đáy Cột Sống; Sao Kim/Tùng Thái Dương; Sao Thổ hoặc Sao Thủy/Trung Tâm Cổ Họng. Người ta có thể liên kết Sao Thủy với trung tâm cổ họng như trung tâm của lời nói, dù các liên hệ của nó với trung tâm ajna cũng cần thiết và thuyết phục.

b. Hoặc, người ta có thể thử như sau: Trái Đất/Đáy Cột Sống; Sao Kim/Trung Tâm Tim; Sao Thổ hoặc Sao Thủy/Trung Tâm Cổ Họng. Điều này sẽ có một số giá trị, vì sự giáng lâm của các Đấng Chúa Tể của Lửa được liên kết với hoạt động của trung tâm tim bên trong Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta. Các Thái dương Thiên Thần này, có ảnh hưởng trên các cõi Bồ đề và trí tuệ (nơi con người là tiểu thiên địa được xét đến), cũng đã mang tia lửa xuống tận bộ não dĩ thái-hồng trần (do đó sự thích hợp của trung tâm đáy cột sống khi được xem như một biểu tượng của sự neo giữ).

394. Chúng ta có thể thấy rằng Chân sư DK để lại rất nhiều cho trực giác của chúng ta. Có nhiều khả năng, và việc gán các hành tinh như các luân xa thái dương logoic có thể đúng ở một thời kỳ phát triển logoic này nhưng không đúng ở những thời kỳ khác.

395. Chắc chắn Sao Kim có các chức năng và năng lực của trung tâm tim, và Chân sư DK thậm chí còn nói về Sao Kim như sau:

First. **Venus corresponds to the heart centre in the body logoic,** and has an inter-relationship therefore with all the other centres in the solar system wherein the heart aspect is the one of greater prominence. (TCF 182)

Thứ nhất. **Sao Kim tương ứng với trung tâm tim trong thể logoic,** và vì vậy có mối tương liên với tất cả các trung tâm khác trong hệ mặt trời nơi phương diện tim là phương diện nổi trội hơn cả. (TCF 182)

396. But this correspondence must not be taken strictly at face value (as I have discussed when dealing with TCF 182). Other references re the place of Venus within the "logoic quaternary" contradict a literal interpretation of the reference above. The whole question of *timing in relation to function* is of the essence.

396. Nhưng sự tương ứng này không được hiểu một cách hoàn toàn theo mặt chữ (như tôi đã bàn khi đề cập đến TCF 182). Những dẫn chiếu khác về vị trí của Sao Kim trong "bộ tứ logoic" mâu thuẫn với một cách giải thích theo nghĩa đen của dẫn chiếu trên. Toàn bộ vấn đề về *thời điểm liên hệ với chức năng* là điều cốt yếu.

397. Venus is one of the planets representing the three "super principles" within the solar system (along with Saturn and Jupiter)—also discussed at length earlier. But whether Venus can be correlated with the second ray super-principle when compared to the other two (Jupiter and Saturn), is up for debate.

397. Sao Kim là một trong các hành tinh biểu thị ba "siêu nguyên khí" trong hệ mặt trời (cùng với Sao Thổ và Sao Mộc)—điều này cũng đã được bàn khá dài trước đó. Nhưng liệu Sao Kim có thể được đối chiếu với siêu nguyên khí cung hai khi so với hai hành tinh kia (Sao Mộc và Sao Thổ) hay không, vẫn còn là điều có thể tranh luận.

398. So the subject is veiled. We reason our way forward, gathering the evidence, anticipating that when there is sufficient evidence and indication, the clear light of pure reason will shine and the whole matter be clarified.

398. Vì vậy chủ đề này vẫn còn được che phủ. Chúng ta lý luận để tiến lên, thu thập chứng cứ, mong đợi rằng khi có đủ chứng cứ và chỉ dấu, ánh sáng rõ ràng của lý trí thuần túy sẽ chiếu soi và toàn bộ vấn đề sẽ được làm sáng tỏ.

399. In any case, a planetary triangle (greatly stimulated by logoic kundalini) was formed at the time of the individualization of animal man on our fourth globe, the Earth-globe. Because Sanat Kumara was involved (though not yet incarnate on our globe), Saturn and Venus can be hypothesized as two of the planets linked in the triangle to the Earth-scheme. The Solar Angels (who came some 21,000,000 years

399. Dù sao đi nữa, một tam giác hành tinh (được kích thích mạnh mẽ bởi kundalini logoic) đã được hình thành vào thời điểm biệt ngã hóa của người thú trên bầu hành tinh thứ tư của chúng ta, tức bầu hành tinh Trái Đất. Vì Đức Sanat Kumara có liên hệ (dù chưa lâm phàm trên bầu hành tinh của chúng ta), Sao Thổ và Sao Kim có thể được giả định là hai trong số các hành tinh được nối kết trong tam giác với hệ Địa Cầu. Các Thái dương Thiên Thần (đã đến đây khoảng

ago) are linked directly to Venus, and Sanat Kumara is linked to both Venus and Saturn.

21.000.000 năm trước) được nối trực tiếp với Sao Kim, và Đức Sanat Kumara được nối với cả Sao Kim lẫn Sao Thổ.

400. Because it was the human family that was created, Mercury (rather than Saturn) could have been the third planet, for Mercury rules humanity and the Fourth Creative Hierarchy.

400. Vì chính gia đình nhân loại đã được tạo ra, Sao Thủy (thay vì Sao Thổ) có thể đã là hành tinh thứ ba, vì Sao Thủy cai quản nhân loại và Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư.

401. We have, however, no direct reference to suggest that Mercury was undergoing stimulation by logoic kundalini. Yet, from another perspective, Mercury is kundalini and is correlated with "kundalini active" and the base of the spine center.

401. Tuy nhiên, chúng ta không có dẫn chiếu trực tiếp nào gợi ý rằng Sao Thủy đã chịu sự kích thích bởi kundalini logoic. Tuy vậy, từ một góc nhìn khác, Sao Thủy là kundalini và được đối chiếu với "kundalini hoạt động" và trung tâm đáy cột sống.

402. We will have to hold these thoughts in suspension until a totally convincing solution precipitates.

402. Chúng ta sẽ phải giữ những tư tưởng này ở trạng thái đình chỉ cho đến khi một giải pháp hoàn toàn thuyết phục ngưng tụ.

TCF 369-378: S4S4

21 November – 5 December 2006

21 tháng Mười Một – 5 tháng Mười Hai 2006

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các cước chú và dẫn chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình giải xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

Có đề nghị rằng phần Bình Giải này nên được **đọc với cuốn *TCF* ở bên cạnh,** vì mục đích giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính cuốn sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.

1. We continue with the factor of Human Manas, in regards to the schemes.

1. Chúng ta tiếp tục với yếu tố Manas Nhân loại, liên quan đến các hệ hành tinh.

We might here enumerate the schemes as a basis for our further work:

Ở đây chúng ta có thể liệt kê các hệ hành tinh như một cơ sở cho công việc tiếp theo của mình:

2. We may remember that no matter how much we write and speak about the planetary schemes, we really do not understand their structure. To say that they are made of chains and globes is clarifying only to a degree. We do not know, however, the 'location' of these chains and globes and whether or not they are 'extended in space' or superimposed upon one another.

2. Chúng ta có thể nhớ rằng dù chúng ta viết và nói nhiều đến đâu về các hệ hành tinh, chúng ta thật sự vẫn không hiểu cấu trúc của chúng. Nói rằng chúng được tạo thành từ các dãy và các bầu hành tinh chỉ làm sáng tỏ đến một mức độ nào đó. Tuy nhiên, chúng ta không biết "vị trí" của các dãy và các bầu hành tinh này, cũng không biết liệu chúng có "trải rộng trong không gian" hay chồng lấp lên nhau hay không.

3. We must, however, begin with the great generalities and trust that increasing occult insight will eventually reveal the actual structure of the schemes. Humanity's perception is still extremely materialistic, and subtle inner structures are neither cognized nor credited as real.

3. Tuy nhiên, chúng ta phải bắt đầu với những khái quát lớn và tin rằng sự linh thị huyền bí ngày càng tăng cuối cùng sẽ mặc khải cấu trúc thực sự của các hệ hành tinh. Tri giác của nhân loại vẫn còn cực kỳ duy vật, và các cấu trúc bên trong vi tế không được nhận biết cũng không được công nhận là có thực.

The seven planets, centres, or schemes:

Bảy hành tinh, các trung tâm, hay các hệ hành tinh:

4. Please note the equivalence of these three terms—"planets", "centres", and "schemes". We have often considered schemes as centres within the vehicles of the Solar Logos, however, the term "planet" sometimes simply means a "globe" and not a planetary scheme. We will have to be watchful regarding the meaning of this term.

4. Xin lưu ý tính tương đương của ba thuật ngữ này—"hành tinh", "trung tâm", và "hệ hành tinh". Chúng ta thường xem các hệ hành tinh như các trung tâm trong các hiện thể của Thái dương Thượng đế, tuy nhiên thuật ngữ "hành tinh" đôi khi chỉ đơn giản có nghĩa là một "bầu hành tinh" chứ không phải một hệ hành tinh. Chúng ta sẽ phải cẩn trọng về ý nghĩa của thuật ngữ này.

5. Below the Tibetan cautions us against attaching importance to the sequence in which the planets are listed, yet one must ask *why* they are listed in this order. To interpret the sequence too literally will certainly lead to error, but the ordinal

5. Dưới đây Chân sư Tây Tạng cảnh báo chúng ta không nên gán tầm quan trọng cho trình tự mà các hành tinh được liệt kê, tuy nhiên người ta vẫn phải hỏi *tại sao* chúng lại được liệt kê theo thứ tự này. Diễn giải trình tự ấy quá sát theo nghĩa đen chắc chắn sẽ

placement of the planets may hold subtle hints and for these we will search.

dẫn đến sai lầm, nhưng vị trí thứ tự của các hành tinh có thể chứa những gợi ý vi tế và chúng ta sẽ tìm kiếm những gợi ý ấy.

1. Vulcan (the sun, exoterically considered).

1. Vulcan (mặt trời, xét theo ngoại môn).

6. The Sun is frequently used as an exoteric veil for Vulcan, and also for Uranus and Neptune.

6. Mặt Trời thường được dùng như một màn che ngoại môn cho Vulcan, và cả cho Sao Thiên Vương lẫn Sao Hải Vương.

7. One of the important references in this regard describes the eleventh (or second) Creative Hierarchy:

7. Một trong những dẫn chiếu quan trọng về vấn đề này mô tả Huyền Giai Sáng Tạo thứ mười một (hay thứ hai):

2. The Great | Aries

2. Đại Hùng | Bạch Dương

Bear..... |..... Sun, veiling Vulcan..... Second Creative Hierarchy

Hùng..... |..... Mặt Trời, che phủ Vulcan..... Huyền Giai Sáng Tạo thứ hai

| Libra (the 11th) Unknown

| Thiên Bình (thứ 11) Không rõ

The Cardinal Cross (EA 50)

Thập Giá Chủ Yếu (EA 50)

2. Venus.

2. Sao Kim.

8. It is reasonable to place the Vulcan-scheme first in order as the planet Vulcan is a major distributor of the first ray and is (of all sacred planets) closest to the Sun.

8. Hợp lý khi đặt hệ Vulcan ở vị trí thứ nhất, vì hành tinh Vulcan là một phân phối viên chủ yếu của cung một và là hành tinh (trong tất cả các hành tinh thiêng liêng) gần Mặt Trời nhất.

9. The Sun naturally has a high degree of first ray significance because it is the center of the entire solar system (despite the fact that the rays of the Solar Logos do not {yet} include the first ray as a major ray).

9. Mặt Trời đương nhiên có mức độ thâm nghĩa cung một rất cao vì nó là trung tâm của toàn bộ hệ mặt trời (mặc dù các cung của Thái dương Thượng đế không {chưa} bao gồm cung một như một cung chính).

10. Of course, even entities for whom the first ray is not a major ray possess the aspect of electric fire which is correlated with the first ray.

10. Dĩ nhiên, ngay cả những thực thể mà cung một không phải là cung chính vẫn sở hữu phương diện lửa điện vốn được đối chiếu với cung một.

11. Note that the Venus-scheme is placed second in order. This is reasonable as Venus has been associated with the solar logoic heart center, with the Solar Angels who are "hearts of fiery love" and with the soul which, generically, conveys the second aspect of divinity.

11. Lưu ý rằng hệ Sao Kim được đặt ở vị trí thứ hai. Điều này hợp lý vì Sao Kim đã được liên kết với trung tâm tim thái dương logoic, với các Thái dương Thiên Thần là những "trái tim của tình yêu rực lửa", và với linh hồn, vốn theo nghĩa tổng quát truyền đạt phương diện thứ hai của thiên tính.

12. When estimating the rays of the Venus-scheme, the second ray is reasonably very prominent (perhaps both the personality ray and major monadic ray), and this, even though the only rays actually assigned by the Tibetan to Venus are the fifth and the sixth (less explicitly than the fifth).

12. Khi ước lượng các cung của hệ Sao Kim, cung hai có vẻ nổi trội một cách hợp lý (có lẽ vừa là cung phàm ngã vừa là cung chân thần chính), dù rằng các cung duy nhất thực sự được Chân sư Tây Tạng gán cho Sao Kim là cung năm và cung sáu (cung sáu ít minh nhiên hơn cung năm).

3. Mars.

3. Sao Hỏa.

13. We note that the planets are not given in order from the Sun. In fact, if there is a design in the order of their presentation, it is not at all obvious and the Tibetan seems to warn us against drawing conclusions from the order.

13. Chúng ta lưu ý rằng các hành tinh không được nêu theo thứ tự tính từ Mặt Trời. Thật ra, nếu có một dụng ý trong thứ tự trình bày của chúng, thì điều đó hoàn toàn không hiển nhiên và Chân sư Tây Tạng dường như cảnh báo chúng ta không nên rút ra kết luận từ thứ tự ấy.

14. Mars is the fifth planet from the Sun if we count Vulcan and ignore another intra-Mercurial planet (perhaps Adonis).

14. Sao Hỏa là hành tinh thứ năm tính từ Mặt Trời nếu chúng ta tính cả Vulcan và bỏ qua một hành tinh nội Sao Thủy khác (có lẽ là Adonis).

15. Yet its association with the third position is not without basis.

15. Tuy nhiên, sự liên kết của nó với vị trí thứ ba không phải là không có cơ sở.

16. Mars represents the emotional body of a great third ray Entity (for Whom Saturn

16. Sao Hỏa biểu thị thể cảm dục của một Thực Thể cung ba vĩ đại (Đấng mà đối với

represents the mind and Earth the physical nature—cf. EP II 99).

17. Mars is often associated (especially at present) with the third or activity aspect of divinity. From the microcosmic perspective, in the personal horoscope the position and condition of Mars tells us much about the activity level of the individual.

18. We could question whether the major monadic ray of Mars would be the first or the third. Orange is considered one of the colors of the first ray (the exoteric color—cf. EP I 418).

19. In many ways the first ray seems more likely. The fifth ray is related to *both* the third ray and the first, but much work remains in clarifying the question of *when* it is related to the third and when to the first.

4. Earth.

20. We note that the term "Earth" is italicized. It is, after all, the planetary scheme with which we are most concerned and the one about which we know far more than any of the others.

21. The Earth-scheme is the fourth from the Sun is Vulcan is counted. Although the fourth ray is not assigned as one of the Earth-scheme's major rays, the number *four* is unmistakably associated with our scheme. Even its symbol (the cross within the circle) is a clear indication of this. The cross is, of course, *fourfold.*

22.

Ngài Sao Thổ biểu thị trí tuệ và Trái Đất biểu thị bản chất hồng trần—xem EP II 99).

17. Sao Hỏa thường được liên kết (đặc biệt vào hiện nay) với phương diện thứ ba hay phương diện hoạt động của thiên tính. Từ góc độ tiểu thiên địa, trong lá số chiêm tinh cá nhân, vị trí và trạng thái của Sao Hỏa cho chúng ta biết nhiều về mức độ hoạt động của cá nhân.

18. Chúng ta có thể đặt câu hỏi liệu cung chân thần chính của Sao Hỏa là cung một hay cung ba. Màu cam được xem là một trong những màu của cung một (màu ngoại môn—xem EP I 418).

19. Theo nhiều phương diện, cung một dường như có khả năng hơn. Cung năm liên hệ với *cả* cung ba lẫn cung một, nhưng vẫn còn nhiều việc phải làm để làm sáng tỏ vấn đề *khi nào* nó liên hệ với cung ba và khi nào với cung một.

4. Trái Đất.

20. Chúng ta lưu ý rằng thuật ngữ "Trái Đất" được in nghiêng. Xét cho cùng, đây là hệ hành tinh mà chúng ta quan tâm nhất và là hệ mà chúng ta biết nhiều hơn bất kỳ hệ nào khác.

21. Hệ Địa Cầu là hệ thứ tư tính từ Mặt Trời nếu tính cả Vulcan. Mặc dù cung bốn không được gán là một trong những cung chính của hệ Địa Cầu, con số *bốn* rõ ràng gắn liền với hệ của chúng ta. Ngay cả biểu tượng của nó (thập giá trong vòng tròn) cũng là một chỉ dấu rõ rệt về điều này. Dĩ nhiên, thập giá là *tứ phân.*

22.

5. Mercury.

23. The planet Mercury is always associated with intelligence and with the factor of mind. It may be reasonably evaluated has having both fifth and third ray components.

24. In fact, its personality may be on the third ray, its Monad on the fifth and ultimately (or majorly) on the third.

25. If we compare Mars to Mercury, we may find an interesting example of the fifth ray resolving to the first ray in one instance (Mars) and to the third ray in the other (Mercury).

26. In the Secret Doctrine we are told the following:

"8. 'The fifth race is born under Mercury'." (the Aryan race. A.A.B.) (II. 32.)

Therefore, the association of Mercury with the number *five* is unmistakable.

6. Jupiter.

27. To find Jupiter sixth in order is of interest in a few ways:

a. Jupiter is closely related to the sixth plane (counting from below), the monadic plane of the cosmic physical plane, and can be considered the ruler of that plane.

b. Jupiter is the exoteric ruler of the sign Sagittarius through which (at this time) the sixth ray flows most strongly. It is also the exoteric ruler of Pisces, another of the signs which transmits the sixth ray.

5. Sao Thủy.

23. Hành tinh Sao Thủy luôn được liên kết với trí năng và với yếu tố trí tuệ. Có thể đánh giá một cách hợp lý rằng nó có cả thành phần cung năm lẫn cung ba.

24. Thật ra, phàm ngã của nó có thể ở cung ba, Chân thần của nó ở cung năm và cuối cùng (hay chủ yếu) ở cung ba.

25. Nếu chúng ta so sánh Sao Hỏa với Sao Thủy, chúng ta có thể thấy một ví dụ thú vị về việc cung năm quy về cung một trong một trường hợp (Sao Hỏa) và quy về cung ba trong trường hợp kia (Sao Thủy).

26. Trong Giáo Lý Bí Nhiệm chúng ta được cho biết điều sau:

"8. 'Giống dân thứ năm sinh ra dưới Sao Thủy'." (giống dân Arya. A.A.B.) (II. 32.)

Vì vậy, sự liên kết của Sao Thủy với con số *năm* là không thể nhầm lẫn.

6. Sao Mộc.

27. Việc thấy Sao Mộc đứng thứ sáu theo thứ tự là điều đáng chú ý theo vài phương diện:

a. Sao Mộc liên hệ mật thiết với cõi thứ sáu (đếm từ dưới lên), cõi chân thần của cõi hồng trần vũ trụ, và có thể được xem là chủ tinh của cõi ấy.

b. Sao Mộc là chủ tinh ngoại môn của dấu hiệu Nhân Mã, qua đó (vào lúc này) cung sáu tuôn chảy mạnh nhất. Nó cũng là chủ tinh ngoại môn của Song Ngư, một dấu hiệu khác truyền dẫn cung sáu.

c. The factor of enthusiasm so often associated with Jupiter is a sixth ray quality.

c. Yếu tố nhiệt thành thường được liên kết với Sao Mộc là một phẩm tính cung sáu.

7. Saturn.

7. Sao Thổ.

28. In examining these seven planetary schemes and the order in which they are presented, we are really examining the realm of Brahma, ruler of the third aspect of divinity. All the seven are included within this realm. In this respect they are, metaphorically, within the rings of Saturn.

28. Khi khảo sát bảy hệ hành tinh này và thứ tự mà chúng được trình bày, thật ra chúng ta đang khảo sát cõi giới của Brahma, đấng cai quản phương diện thứ ba của thiên tính. Cả bảy đều được bao gồm trong cõi giới này. Theo phương diện này, chúng ở, theo nghĩa ẩn dụ, bên trong các vành đai của Sao Thổ.

29. The seventh ray is not one of the rays usually assigned to Saturn. Those rays are third and the first.

29. Cung bảy không phải là một trong những cung thường được gán cho Sao Thổ. Những cung ấy là cung ba và cung một.

30. Yet the association of Saturn with the seventh ray is unmistakable as Saturn is the general ruler of the entire cosmic physical plane, representing the permanent atom of that plane. (cf. TCF 406) The cosmic physical plane, as we will realize, is the *seventh* of the cosmic planes.

30. Tuy nhiên, sự liên kết của Sao Thổ với cung bảy là điều không thể nhầm lẫn, vì Sao Thổ là chủ tinh tổng quát của toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ, tượng trưng cho Nguyên tử trường tồn của cõi ấy. (x. TCF 406) Như chúng ta sẽ chứng nghiệm, cõi hồng trần vũ trụ là cõi thứ *bảy* trong các cõi vũ trụ.

31. Saturn is also the general ruler of the seventh systemic (or solar) plane. Perhaps we should say that it shares rulership of that plane with Uranus which can be associated with the four systemic ethers just as Saturn is clearly associated with the three dense systemic sub-planes.

31. Sao Thổ cũng là chủ tinh tổng quát của cõi hệ thống thứ bảy (hay cõi thái dương). Có lẽ chúng ta nên nói rằng nó cùng chia sẻ quyền cai quản cõi ấy với Sao Thiên Vương, vốn có thể được liên kết với bốn cõi dĩ thái hệ thống, cũng như Sao Thổ rõ ràng được liên kết với ba cõi phụ hệ thống đậm đặc.

32. Those who study astrology will realize how closely Saturn is connected with the seventh ray principle of *organization.* It is also associated with the factor of *precipitation,* again related to the magical seventh ray.

32. Những ai nghiên cứu chiêm tinh học sẽ nhận ra Sao Thổ gắn bó chặt chẽ đến mức nào với nguyên khí cung bảy của *sự tổ chức.* Nó cũng được liên kết với yếu tố *ngưng tụ,* một lần nữa có liên hệ với cung bảy huyền thuật.

33. In some ways the Brahma aspect is associated with the number *five* (when considering a sevenfold system).

34. When considering a ninefold or tenfold system (i.e., a more Kabbalistic system) Brahma can be related to the seven, Vishnu to the eight and Shiva to the nine.

The three synthesising planets:

1. Uranus.

2..

3. Saturn.

35. We realize that the planet Pluto is not included in the general enumeration.

36. Despite its recent 'demotion' by exoteric science, we realize that the Tibetan considers Pluto a planet.

37. It is significant to note that the synthesizing planets, though sacred planets, are separated in category from the other sacred planets.

38. The most significant factor in this enumeration is the listing of Saturn *twice.* We must associate this repetition with the mention of the "exoteric Saturn-scheme" suggesting that there is an *esoteric* Saturn-scheme (cf. TCF 777).

39. In Chart VI (TCF 373) we will note the Saturn-scheme found at the center of the six schemes. The diagram for that scheme is surrounded not by one circle (as is the case

33. Theo một số phương diện, phương diện Brahma được liên kết với con số *năm* (khi xét một hệ thống thất phân).

34. Khi xét một hệ thống cửu phân hay thập phân (tức một hệ thống mang tính Kabbalah hơn), Brahma có thể được liên hệ với số bảy, Vishnu với số tám và Shiva với số chín.

Ba hành tinh tổng hợp:

1. Sao Thiên Vương.

2..

3. Sao Thổ.

35. Chúng ta nhận ra rằng hành tinh Sao Diêm Vương không được bao gồm trong sự liệt kê tổng quát này.

36. Bất chấp việc bị khoa học ngoại môn gần đây "giáng cấp", chúng ta nhận ra rằng Chân sư Tây Tạng xem Sao Diêm Vương là một hành tinh.

37. Điều đáng lưu ý là các hành tinh tổng hợp, dù là các hành tinh thiêng liêng, vẫn được tách thành một loại riêng biệt với các hành tinh thiêng liêng khác.

38. Yếu tố có ý nghĩa nhất trong sự liệt kê này là việc Sao Thổ được nêu ra *hai lần.* Chúng ta phải liên kết sự lặp lại này với việc nhắc đến "hệ hành tinh Sao Thổ ngoại môn", gợi ý rằng có một hệ hành tinh Sao Thổ *nội môn* (x. TCF 777).

39. Trong Biểu đồ VI (TCF 373), chúng ta sẽ lưu ý hệ hành tinh Sao Thổ nằm ở trung tâm của sáu hệ hành tinh. Sơ đồ của hệ hành tinh ấy không được bao quanh bởi một vòng tròn

for the other schemes—including the Neptune and Uranus schemes) but by *two* circles.

(như trường hợp của các hệ hành tinh khác — kể cả các hệ hành tinh Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương) mà bởi *hai* vòng tròn.

40. As well all seven schemes are surrounded by a large circle.

40. Đồng thời, cả bảy hệ hành tinh đều được bao quanh bởi một vòng tròn lớn.

41. In the two circles surrounding the diagram for the Saturn-scheme and in the large circle surrounding the seven schemes, could we be seeing a representation of the *three rings* of Saturn?

41. Trong hai vòng tròn bao quanh sơ đồ của hệ hành tinh Sao Thổ và trong vòng tròn lớn bao quanh bảy hệ hành tinh, liệu chúng ta có thể đang thấy một biểu tượng của *ba vành* của Sao Thổ chăng?

42. There are some who have attributed to the hypothetical planet Sigma the meaning of 'exoteric Saturn'. Their conclusions are reasoned and their conclusions cannot be dismissed.

42. Có một số người đã gán cho hành tinh giả định Sigma ý nghĩa là "Sao Thổ ngoại môn". Kết luận của họ có cơ sở lý luận và không thể bị bác bỏ.

43. Is it possible, however, that the esoteric Saturn-scheme could be composed of *seven schemes,* including that which is normally considered the Saturn-scheme? If so, then the esoteric Saturn-scheme would represent all the Brahmic schemes within out solar system.

43. Tuy nhiên, liệu có thể chăng rằng hệ hành tinh Sao Thổ nội môn được cấu thành bởi *bảy hệ hành tinh,* bao gồm cả hệ hành tinh vốn thường được xem là hệ hành tinh Sao Thổ? Nếu vậy, thì hệ hành tinh Sao Thổ nội môn sẽ tượng trưng cho tất cả các hệ hành tinh Brahmic trong hệ mặt trời của chúng ta.

44. Inquiry along this line would have to include discussion of the three great Existences, each of Whom express through three planetary schemes (cf. EP II 99).

44. Sự khảo cứu theo hướng này sẽ phải bao gồm việc bàn đến ba Đại Tồn Tại, mỗi Đấng biểu lộ qua ba hệ hành tinh (x. EP II 99).

45. In any case, from this perspective of this chart, Saturn is to be considered as the 'Lord of many' and yet one of the Three. It would seem that Saturn 'lives' in 'two worlds'—the 'material' and the 'heavenly'.

45. Dù sao đi nữa, từ góc nhìn của biểu đồ này, Sao Thổ phải được xem là "Chúa Tể của nhiều cái" nhưng vẫn là một trong Bộ Ba. Có vẻ như Sao Thổ "sống" trong "hai thế giới" — "vật chất" và "thiên giới".

46. We note the order in which the three synthesizing planets are presented—Uranus first, Neptune second and Saturn third.

46. Chúng ta lưu ý thứ tự mà ba hành tinh tổng hợp được trình bày — Sao Thiên Vương trước, Sao Hải Vương thứ hai và Sao Thổ thứ ba.

47. In their deepest essence these planets are associated with the first, second and third rays, respectively (cf. EP I 420), and so their order, as presented here, is significant—perhaps of their monadic rays.

47. Trong bản chất sâu xa nhất của chúng, các hành tinh này lần lượt được liên kết với cung một, cung hai và cung ba (x. EP I 420), và vì vậy thứ tự của chúng, như được trình bày ở đây, là điều có ý nghĩa — có lẽ là về các cung chân thần của chúng.

The One Resolver.

Đấng Phân Giải Duy Nhất.

The SUN.

MẶT TRỜI.

48. The suggestion is that all within the ten planetary schemes (though only nine schemes appear to be listed here), resolve into the Sun.

48. Gợi ý ở đây là mọi sự trong mười hệ hành tinh (dù dường như chỉ có chín hệ hành tinh được liệt kê ở đây) đều được phân giải vào Mặt Trời.

49. In the process of obscuration followed by final absorption, it may reasonably be inferred that Sun draws all 'schemic content' into itself.

49. Trong tiến trình lu mờ rồi tiếp theo là sự hấp thu cuối cùng, có thể suy ra một cách hợp lý rằng Mặt Trời thu hút mọi "nội dung hệ hành tinh" vào chính nó.

50. The Sun is, in a way, the tenth factor here listed, and the number *ten* is numerologically, the number *one.* Hence "The One Resolver".

50. Theo một cách nào đó, Mặt Trời là yếu tố thứ mười được liệt kê ở đây, và về số học, con số *mười* là con số *một.* Do đó có "Đấng Phân Giải Duy Nhất".

I would caution you here against attaching any importance to the sequence followed in numbering these seven schemes, **either in connection with their order of development or importance, or their position in relation to the central planet, the sun, or to each other.**

Tôi muốn cảnh báo em ở đây đừng gán bất kỳ tầm quan trọng nào cho trình tự được theo trong việc đánh số bảy hệ hành tinh này, **dù là liên hệ với thứ tự phát triển hay tầm quan trọng của chúng, hay vị trí của chúng đối với hành tinh trung tâm là mặt trời, hoặc đối với nhau.**

51. The Tibetan cautions us against relating the sequence in which the planets are presented to the following four factors:

a. Their order of development

b. Their importance

c. Their position in relation to the Sun

d. Their position in relation to each other

52. If we think through these four factors, we can see:

a. The planets are not presented in their order of development—obviously. Much depends upon what we mean by "development".

i. If by "development" the Tibetan means *spiritual status,* then the list is incorrect, because the Logos of Vulcan is not the Planetary Logos with the greatest spiritual status.

ii. If by "development" the Tibetan means *degree of unfoldment,* then the list is also incorrect, because Vulcan is not the most unfolded planet (Venus is), and Earth is more unfolded than Mars.

b. Vulcan (the first scheme presented) is not the most important planet nor is Saturn (the last scheme presented) the least; nor is Vulcan the least and Saturn the most.

51. Chân sư Tây Tạng cảnh báo chúng ta không nên liên hệ trình tự mà các hành tinh được trình bày với bốn yếu tố sau:

a. Thứ tự phát triển của chúng

b. Tầm quan trọng của chúng

c. Vị trí của chúng đối với Mặt Trời

d. Vị trí của chúng đối với nhau

52. Nếu suy xét thấu đáo bốn yếu tố này, chúng ta có thể thấy:

a. Các hành tinh không được trình bày theo thứ tự phát triển của chúng — điều này hiển nhiên. Nhiều điều tùy thuộc vào việc chúng ta muốn nói gì bởi "sự phát triển".

i. Nếu bởi "sự phát triển" Chân sư Tây Tạng muốn nói đến *địa vị tinh thần,* thì danh sách này không đúng, vì Hành Tinh Thượng Đế của Vulcan không phải là Đức Hành Tinh Thượng Đế có địa vị tinh thần cao nhất.

ii. Nếu bởi "sự phát triển" Chân sư Tây Tạng muốn nói đến *mức độ khai mở,* thì danh sách này cũng không đúng, vì Vulcan không phải là hành tinh khai mở nhất (Sao Kim mới là như vậy), và Trái Đất khai mở hơn Sao Hỏa.

b. Vulcan (hệ hành tinh được trình bày đầu tiên) không phải là hành tinh quan trọng nhất, cũng như Sao Thổ (hệ hành tinh được trình bày cuối cùng) không phải là hành tinh ít quan trọng nhất; mà Vulcan cũng không phải là ít quan trọng nhất và Sao Thổ cũng không phải là quan trọng nhất.

c. Những ai biết thiên văn học cũng nhận ra rằng các hành tinh không được liệt kê đúng

c. Those who know astronomy also realize that the planets are not listed correctly in relation to their distance from the Sun.

c. Những người biết thiên văn học cũng nhận ra rằng các hành tinh không được liệt kê chính xác theo khoảng cách của chúng đối với Mặt Trời.

d. The order of listing also does not disclose the relationship of the planets to each other. Many inter-planetary relationships exist, but the list itself does not disclose them.

d. Thứ tự liệt kê cũng không tiết lộ mối liên hệ của các hành tinh với nhau. Có nhiều mối liên hệ liên-hành-tinh tồn tại, nhưng bản thân danh sách này không bộc lộ chúng.

53. YET—there seems to be importance to be attributed to the order in which these planets are presented, NOT in relation to the four factors the Tibetan lists, but in relation to *other* factors, some of which have been discussed above.

53. TUY NHIÊN — dường như có một tầm quan trọng cần được gán cho thứ tự mà các hành tinh này được trình bày, KHÔNG phải liên hệ với bốn yếu tố mà Chân sư Tây Tạng liệt kê, mà liên hệ với những yếu tố *khác,* một số trong đó đã được bàn đến ở trên.

54. Of one thing we can be certain: the naming and numbering of the planetary schemes is not *random,* and there are good reasons for their numbering. What those reasons may be have to be discerned by careful thought and intuition.

54. Có một điều chúng ta có thể chắc chắn: việc gọi tên và đánh số các hệ hành tinh không phải là *ngẫu nhiên,* và có những lý do xác đáng cho sự đánh số ấy. Những lý do đó là gì thì phải được phân biện tinh thần bằng tư duy cẩn trọng và trực giác.

Only two are to be considered numerically accurate *at this stage and in this round*, i.e., our Earth, the fourth scheme, and Venus, the second.

Chỉ có hai hệ được xem là chính xác về mặt số học *ở giai đoạn này và trong cuộc tuần hoàn này*, tức Trái Đất của chúng ta, hệ thứ tư, và Sao Kim, hệ thứ hai.

55. The Tibetan is suggesting that there would be a way to list the schemes with numerical accuracy.

55. Chân sư Tây Tạng đang gợi ý rằng sẽ có một cách liệt kê các hệ hành tinh với độ chính xác về số học.

56. We also see that the ordering would change according to different stages of development (probably the development of the Solar Logos functioning through His solar system) and also according to the development of the Earth-scheme.

56. Chúng ta cũng thấy rằng thứ tự ấy sẽ thay đổi tùy theo các giai đoạn phát triển khác nhau (có lẽ là sự phát triển của Thái dương Thượng đế đang hoạt động qua hệ mặt trời của Ngài) và cũng tùy theo sự phát triển của hệ hành tinh Trái Đất.

57. The only rounds about which we are told something qualitatively are those associated with the Earth-chain (and to an extent the Earth-scheme). It seems to be suggested that

57. Những cuộc tuần hoàn duy nhất mà chúng ta được cho biết điều gì đó về mặt phẩm tính là những cuộc tuần hoàn gắn với Dãy Địa Cầu (và ở một mức độ nào đó là hệ

when our scheme or chain enters more advanced developmental phases, the position or number of the Earth-scheme in the list could change.

hành tinh Trái Đất). Dường như có gợi ý rằng khi hệ hành tinh hay dãy của chúng ta bước vào các pha phát triển tiến bộ hơn, vị trí hay số thứ tự của hệ hành tinh Trái Đất trong danh sách có thể thay đổi.

58. This is probably true of other schemes as well. Any numerically accurate listing might depend upon the general developmental progress of the various schemes relative to each other. This idea suggests that their function relative to each other depends upon the developmental phase through which they are passing.

58. Điều này có lẽ cũng đúng với các hệ hành tinh khác. Bất kỳ sự liệt kê nào chính xác về mặt số học có thể đều tùy thuộc vào tiến bộ phát triển tổng quát của các hệ hành tinh khác nhau trong tương quan với nhau. Ý tưởng này gợi rằng chức năng của chúng trong tương quan với nhau tùy thuộc vào pha phát triển mà chúng đang trải qua.

59. Venus, for instance, is in the second place and, thus, associated with the second ray (and, thus, by numerical resonance, with the heart center of the Solar Logos). This may not always be the case, however.

59. Chẳng hạn, Sao Kim ở vị trí thứ hai và do đó được liên kết với cung hai (và do đó, bằng cộng hưởng số học, với trung tâm tim của Thái dương Thượng đế). Tuy nhiên, điều này có thể không phải lúc nào cũng như vậy.

60. Function can change with *phase*. For every phase of solar systemic development, the list of schemes may be rearranged.

60. Chức năng có thể thay đổi theo *pha*. Đối với mỗi pha phát triển của hệ mặt trời, danh sách các hệ hành tinh có thể được sắp xếp lại.

61. While there may be *reasons* for the present placement of the schemes, those reasons are not the same as the factor of 'numerical accuracy' to which the Tibetan refers.

61. Dù có thể có những *lý do* cho vị trí hiện tại của các hệ hành tinh, những lý do ấy không giống với yếu tố "độ chính xác về số học" mà Chân sư Tây Tạng đề cập.

62. We are only half way through solar systemic development and through development within our planetary scheme (cf. TCF 384). We can imagine that at the end of solar systemic development, the order of planetary schemes will be quite different from what it is now.

62. Chúng ta mới chỉ đi được nửa chặng đường trong sự phát triển của hệ mặt trời và trong sự phát triển bên trong hệ hành tinh của chúng ta (x. TCF 384). Chúng ta có thể hình dung rằng vào cuối sự phát triển của hệ mặt trời, thứ tự các hệ hành tinh sẽ rất khác so với hiện nay.

Venus is either the second or the sixth scheme, **according to whether the schemes are counted mystically or occultly.**

Sao Kim hoặc là hệ thứ hai hoặc là hệ thứ sáu, **tùy theo các hệ hành tinh được đếm theo lối thần bí hay huyền bí học.**

63. This is a most important piece of information about the Venus-scheme.

63. Đây là một mẩu thông tin hết sức quan trọng về hệ hành tinh Sao Kim.

64. How to count "mystically"? How to count "occultly"? We may presume that the occult way of counting is more profound as the stage of mysticism precedes that of occultism. From another perspective, occult methods correlate with the hard line rays (and thus with form), and mystical methods correlated with formlessness.

64. Đếm "theo lối thần bí" như thế nào? Đếm "theo lối huyền bí học" như thế nào? Chúng ta có thể giả định rằng cách đếm huyền bí học sâu sắc hơn, vì giai đoạn thần bí học đi trước giai đoạn huyền bí học. Từ một góc nhìn khác, các phương pháp huyền bí học tương ứng với các cung theo đường lối cứng rắn (và do đó với hình tướng), còn các phương pháp thần bí tương ứng với tính vô tướng.

65. We may presume that Vulcan will be the starting point for such counting. If we move clockwise we find the Venus-scheme to be the *sixth* scheme. If we move counterclockwise it becomes the second.

65. Chúng ta có thể giả định rằng Vulcan sẽ là điểm khởi đầu cho cách đếm như vậy. Nếu đi theo chiều kim đồng hồ, chúng ta thấy hệ hành tinh Sao Kim là hệ thứ *sáu*. Nếu đi ngược chiều kim đồng hồ, nó trở thành hệ thứ hai.

66. In the study of esoteric astrology we learn that clockwise progression is associated with the development of personality and counterclockwise progression with the development of soul.

66. Trong việc nghiên cứu Chiêm Tinh Học Nội Môn, chúng ta học rằng sự tiến triển theo chiều kim đồng hồ được liên kết với sự phát triển của phàm ngã, còn sự tiến triển ngược chiều kim đồng hồ được liên kết với sự phát triển của linh hồn.

67. Is it accurate to associate mystical development with clockwise progression? The mystical phase of development *does* precede the occult phase just as the personality phase of development precedes that of soul unfoldment.

67. Liệu có chính xác không khi liên kết sự phát triển thần bí với sự tiến triển theo chiều kim đồng hồ? Giai đoạn thần bí của sự phát triển *quả thực* đi trước giai đoạn huyền bí học, cũng như giai đoạn phát triển của phàm ngã đi trước giai đoạn khai mở linh hồn.

68. If we follow this hypothesis, then the occult method of progression will be counterclockwise.

68. Nếu theo giả thuyết này, thì phương pháp tiến triển huyền bí học sẽ là ngược chiều kim đồng hồ.

69. The sixth ray is particularly the 'Ray of Mysticism'.

69. Cung sáu đặc biệt là "Cung của Thần Bí Học".

"b. The sixth ray produced the mystic as its culminating type of aspirant." (EP I 359)

"b. Cung sáu đã tạo ra nhà thần bí như kiểu người chí nguyện cao điểm của nó." (EP I 359)

70. Interestingly, the monadic ray of Venus is the sixth (cf. TCF 595). However, the *major* monadic ray of any entity cannot be one of the rays of attribute. The major monadic ray must be a ray of aspect, and given the nature of Venus, the most likely ray of aspect will be the second Ray of Love-Wisdom.

70. Điều thú vị là cung chân thần của Sao Kim là cung sáu (x. TCF 595). Tuy nhiên, cung chân thần *chính* của bất kỳ thực thể nào cũng không thể là một trong các Cung Thuộc Tính. Cung chân thần chính phải là một Cung Trạng Thái, và xét theo bản chất của Sao Kim, Cung Trạng Thái có khả năng nhất sẽ là cung hai Bác Ái – Minh Triết.

71. We would thus find that by proceeding clockwise (and thus, according to this hypothesis, mystically) Venus would become the sixth scheme and this number six would be correlated with its *minor* monadic ray.

71. Như vậy, chúng ta sẽ thấy rằng bằng cách tiến theo chiều kim đồng hồ (và do đó, theo giả thuyết này, theo lối thần bí), Sao Kim sẽ trở thành hệ thứ sáu và con số sáu này sẽ tương ứng với cung chân thần *phụ* của nó.

72. However, were we to proceed counterclockwise (and, thus, according to this hypothesis, *occultly*) then Venus would be numbered as the *second* scheme, and this numbering would correlate with its *major* monadic ray (hypothetically, the second), as well as with its hypothesized personality ray.

72. Tuy nhiên, nếu chúng ta tiến ngược chiều kim đồng hồ (và do đó, theo giả thuyết này, theo lối *huyền bí học*) thì Sao Kim sẽ được đánh số là hệ thứ *hai*, và cách đánh số này sẽ tương ứng với cung chân thần *chính* của nó (theo giả thuyết là cung hai), cũng như với cung phàm ngã được giả định của nó.

73. We are not told how to count "mystically" or "occultly", but the *direction* in which the counting proceeds would seem to be significant, and we *are* told something about the significance of clockwise and counterclockwise directions.

73. Chúng ta không được cho biết phải đếm "theo lối thần bí" hay "theo lối huyền bí học" như thế nào, nhưng *hướng* mà sự đếm tiến hành dường như là điều có ý nghĩa, và chúng ta *được* cho biết đôi điều về ý nghĩa của các hướng theo chiều kim đồng hồ và ngược chiều kim đồng hồ.

74. Counterclockwise progression preserves the natural order of the zodiacal signs and also the system of numbering used when enumerating schemes and the constituents of schemes and chains.

74. Sự tiến triển ngược chiều kim đồng hồ bảo tồn trật tự tự nhiên của các dấu hiệu hoàng đạo và cả hệ thống đánh số được dùng khi liệt kê các hệ hành tinh cùng các thành phần của các hệ hành tinh và các dãy.

Inversely, Jupiter will be either the second or the sixth,

Ngược lại, Sao Mộc sẽ hoặc là thứ hai hoặc là thứ sáu,

75. Jupiter and Venus are two planets closely related in some respects, and inimical in others (at least in Hindu Mythology).

75. Sao Mộc và Sao Kim là hai hành tinh có liên hệ chặt chẽ với nhau ở một số phương diện, và đối nghịch nhau ở những phương diện khác (ít nhất là trong Thần thoại Ấn Độ).

76. It is not a foregone conclusion that because the Venus or Jupiter schemes are to be numbered as the second or sixth that the rays of these planets would be the second or sixth, but in the case of Venus, it is almost certainly so, and in the case of Jupiter, the second ray is given as its most prominent ray.

76. Không phải là một kết luận tất yếu rằng vì các hệ hành tinh Sao Kim hay Sao Mộc được đánh số là thứ hai hay thứ sáu thì các cung của các hành tinh này cũng sẽ là cung hai hay cung sáu; nhưng trong trường hợp của Sao Kim thì điều đó gần như chắc chắn là đúng, và trong trường hợp của Sao Mộc, cung hai được nêu là cung nổi trội nhất của nó.

77. The second ray nature of Jupiter is obvious at this stage of solar systemic development, though when non-esoteric astrologers think about Venus, they will often think of it in terms of second ray qualities.

77. Bản chất cung hai của Sao Mộc là điều hiển nhiên ở giai đoạn này của sự phát triển hệ mặt trời, mặc dù khi các nhà chiêm tinh học không nội môn nghĩ về Sao Kim, họ thường nghĩ về nó theo các phẩm tính cung hai.

78. The soul ray of Jupiter is the second; the soul ray of Venus is the fifth (and thus on the manasic rather than on the love-wisdom line).

78. Cung linh hồn của Sao Mộc là cung hai; cung linh hồn của Sao Kim là cung năm (và do đó thuộc tuyến manas hơn là tuyến bác ái-minh triết).

79. Is mysticism related to the soul? Is occultism related to the Monad? There is reason to believe this to be the case.

79. Thần bí học có liên hệ với linh hồn chăng? Huyền bí học có liên hệ với chân thần chăng? Có lý do để tin rằng đúng là như vậy.

80. Mysticism is a reaching out towards the soul. In the occult method of reaching out towards the soul there eventuates *identification as the soul,* suggesting the identificatory nature of the Monad behind the entire process.

80. Thần bí học là một sự vươn tới linh hồn. Trong phương pháp huyền bí học của việc vươn tới linh hồn, sẽ xảy ra sự *đồng hoá như linh hồn,* gợi ý bản chất đồng nhất hóa của chân thần đứng sau toàn bộ tiến trình.

81. While the soul ray of Jupiter is the second, thus correlating Jupiter's number and position on Chart VI with the *mystical* way of counting (if our hypothesis is correct), its monadic ray may be the seventh becoming the first. (This, of course, remains to be verified.) If the occult method of counting is counterclockwise, the Jupiter position would be the sixth. There is probably no way we can associate the higher nature of Jupiter with the sixth ray, but there are other methods of associating Jupiter with the sixth ray.

81. Trong khi cung linh hồn của Sao Mộc là cung hai, do đó tương ứng số và vị trí của Sao Mộc trên Biểu đồ VI với cách đếm *thần bí* (nếu giả thuyết của chúng ta là đúng), thì cung chân thần của nó có thể là cung bảy trở thành cung một. (Dĩ nhiên, điều này vẫn còn phải được kiểm chứng.) Nếu phương pháp đếm huyền bí học là ngược chiều kim đồng hồ, thì vị trí của Sao Mộc sẽ là thứ sáu. Có lẽ không có cách nào để chúng ta liên kết bản chất cao hơn của Sao Mộc với cung sáu, nhưng vẫn có những phương pháp khác để liên kết Sao Mộc với cung sáu.

82. It may be, however, that we cannot associate clockwise and counterclockwise progression with what the Tibetan means by mystical and occult methods of counting. This caveat must be kept in mind.

82. Tuy nhiên, có thể là chúng ta không thể liên kết sự tiến triển theo chiều kim đồng hồ và ngược chiều kim đồng hồ với điều mà Chân sư Tây Tạng muốn nói bởi các phương pháp đếm thần bí và huyền bí học. Sự dè dặt này phải được ghi nhớ.

83. Here is a factor to consider and it offers a different perspective. There is good reason to believe that when our solar system is further progressed it will be easy to identify Jupiter as the solar logoic heart center and Venus as the solar plexus center.

83. Đây là một yếu tố cần xem xét và nó đưa ra một góc nhìn khác. Có lý do xác đáng để tin rằng khi hệ mặt trời của chúng ta tiến bộ hơn nữa, sẽ dễ dàng nhận ra Sao Mộc là trung tâm tim của Thái dương Thượng đế và Sao Kim là trung tâm tùng thái dương.

84. If this is true, at a moderately high stage of solar logoic unfoldment, the number *two* will correlate with Jupiter and the number *six* with Venus. Presently, however, Venus is much associated with love, attraction and, in general, with qualities to be associated with the second ray. Jupiter, as the planet of 'enthusiastic expansion' is presently much associated with the sixth (though its second ray qualities, even presently, cannot be ignored).

84. Nếu điều này là đúng, thì ở một giai đoạn khai mở tương đối cao của Thái dương Thượng đế, con số *hai* sẽ tương ứng với Sao Mộc và con số *sáu* với Sao Kim. Tuy nhiên, hiện nay Sao Kim được liên kết rất nhiều với tình thương, sự hấp dẫn và nói chung với các phẩm tính được gắn với cung hai. Sao Mộc, với tư cách là hành tinh của "sự mở rộng đầy nhiệt thành", hiện nay được liên kết rất nhiều với cung sáu (mặc dù các phẩm tính cung hai của nó, ngay cả hiện nay, cũng không thể bị bỏ qua).

85. If the occultism represents a *higher* stage of realization than mysticism, then *occultly*

85. Nếu huyền bí học tượng trưng cho một giai đoạn chứng nghiệm *cao hơn* so với thần

Venus would be in the sixth place and Jupiter in the second. Mystically (and thus from the perspective of a lower turn of the spiral) the reverse would be the case—Venus in the second place and Jupiter, per force, in the sixth.

bí học, thì theo lối *huyền bí học* Sao Kim sẽ ở vị trí thứ sáu và Sao Mộc ở vị trí thứ hai. Theo lối thần bí (và do đó từ góc nhìn của một vòng xoắn thấp hơn), điều ngược lại sẽ là đúng — Sao Kim ở vị trí thứ hai và Sao Mộc, tất yếu, ở vị trí thứ sáu.

86. In such a pattern, the clockwise method of counting would represent occultism and the counterclockwise method, mysticism.

86. Trong một mô hình như vậy, phương pháp đếm theo chiều kim đồng hồ sẽ tượng trưng cho huyền bí học và phương pháp ngược chiều kim đồng hồ tượng trưng cho thần bí học.

87. What is important to realize, is that the spiritual status of Jupiter is greater and higher than that of Venus (even though Venus is more unfolded). From the perspective of spiritual status, Jupiter should definitely be in the *second* position and Venus in the sixth. This may cause some reversal of our ideas, but the place of Jupiter as a great heart center (cf. EA 517 for the microcosmic analogy) cannot be ignored (this despite the fact that Venus is *presently* mentioned in relation to the solar logoic heart center—cf. TCF 182)

87. Điều quan trọng cần chứng nghiệm là địa vị tinh thần của Sao Mộc lớn hơn và cao hơn địa vị tinh thần của Sao Kim (dù Sao Kim khai mở hơn). Từ góc nhìn của địa vị tinh thần, Sao Mộc chắc chắn phải ở vị trí *thứ hai* và Sao Kim ở vị trí thứ sáu. Điều này có thể khiến một số ý tưởng của chúng ta bị đảo ngược, nhưng vị trí của Sao Mộc như một trung tâm tim vĩ đại (x. EA 517 về phép loại suy tiểu thiên địa) không thể bị bỏ qua (dù thực tế là Sao Kim *hiện nay* được nhắc đến trong liên hệ với trung tâm tim của Thái dương Thượng đế — x. TCF 182)

88. The matter is not easy to solve. The given order of the planetary schemes is not from lesser to greater, even though Jupiter and Saturn are the greatest of the seven (i.e., the planets with the highest spiritual status). Nor is the given order from greater to lesser.

88. Vấn đề này không dễ giải quyết. Thứ tự đã cho của các hệ hành tinh không phải từ thấp đến cao, dù Sao Mộc và Sao Thổ là lớn nhất trong bảy hành tinh (tức các hành tinh có địa vị tinh thần cao nhất). Thứ tự đã cho cũng không phải từ cao đến thấp.

89. We should simply keep as a touchstone the thought that the spiritual status of Jupiter is higher than that of Venus.

89. Chúng ta chỉ nên giữ như một chuẩn mực tư tưởng rằng địa vị tinh thần của Sao Mộc cao hơn địa vị của Sao Kim.

and it must be remembered that:

và phải nhớ rằng:

[Page 370]

[Page 370]

a. The planets Venus and Jupiter are exceedingly closely connected with the Earth, and form eventually an **esoteric triangle**.

90. This triangle is closely related to the coming to Earth of the Solar Angels. Venus and Jupiter are the two planets most closely associated with the causal body which was formed (in our chain at least) by means of the intervention of the Solar Angels.

91. The fact that the three form an *esoteric* triangle alerts us to the probability that the personality aspects of the three planets are not involved.

92. Further, the influence of these three will be more subjective or esoteric than outwardly evident.

93. The *esoteric* aspects of planets (or human beings) are their soul and monadic aspects.

94. The soul rays of Jupiter and the Earth are probably the same (the second ray). We come to this conclusion if we believe that when DK gives the ray of a *sacred* planet, He is giving its *soul* ray. He always discusses Jupiter as a second ray planet and so, by this hypothesis, we would consider that Jupiter is possessed of a second ray soul. As for the second ray soul of Earth, it is simply given (cf. EA 619).

ARIES is the constellation through which initiating conditions will stream into our solar system. It embodies the will-to-create that which will express the will-to-good. **It is the monadic ray of our planetary Logos,**

a. Các hành tinh Sao Kim và Sao Mộc có liên hệ cực kỳ chặt chẽ với Trái Đất, và cuối cùng tạo thành một **tam giác nội môn**.

90. Tam giác này có liên hệ chặt chẽ với việc các Thái dương Thiên Thần đến Trái Đất. Sao Kim và Sao Mộc là hai hành tinh gắn bó chặt chẽ nhất với thể nguyên nhân, vốn đã được hình thành (ít nhất trong dãy của chúng ta) nhờ sự can thiệp của các Thái dương Thiên Thần.

91. Sự kiện cả ba tạo thành một tam giác *nội môn* báo cho chúng ta biết khả năng là các phương diện phàm ngã của ba hành tinh này không can dự vào.

92. Hơn nữa, ảnh hưởng của bộ ba này sẽ mang tính chủ quan hay nội môn hơn là biểu lộ rõ rệt ra bên ngoài.

93. Các phương diện *nội môn* của các hành tinh (hay của con người) là các phương diện linh hồn và chân thần của chúng.

94. Các cung linh hồn của Sao Mộc và Trái Đất có lẽ là giống nhau (cung hai). Chúng ta đi đến kết luận này nếu tin rằng khi Chân sư DK nêu cung của một hành tinh *thiêng liêng*, thì Ngài đang nêu cung *linh hồn* của nó. Ngài luôn bàn đến Sao Mộc như một hành tinh cung hai, và vì vậy, theo giả thuyết này, chúng ta sẽ xem Sao Mộc sở hữu một linh hồn cung hai. Còn về linh hồn cung hai của Trái Đất, điều đó đơn giản đã được nêu ra (x. EA 619).

BẠCH DƯƠNG là chòm sao qua đó các điều kiện điểm đạo sẽ tuôn vào hệ mặt trời của chúng ta. Nó hiện thân cho Ý Chí-hướng Sáng Tạo cái sẽ biểu lộ Ý Chí-hướng Thiện. **Đó là cung chân thần của Đức Hành Tinh**

Whose Soul ray is the second and the personality ray the third. You can note here, therefore, **how the transmitting ray of our planetary Logos is the first; and hence the place which the will plays in our human evolutionary process; His transforming ray is the second and that eventually brings transfiguration through the medium of the third**... (EA 619)

Thượng Đế của chúng ta, Đấng có cung linh hồn là cung hai và cung phàm ngã là cung ba. Vì vậy, ở đây bạn có thể lưu ý **cung truyền dẫn của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta là cung một; và do đó là vị trí mà ý chí giữ trong tiến trình tiến hoá nhân loại của chúng ta; cung chuyển đổi của Ngài là cung hai và điều đó cuối cùng mang lại sự Biến hình thông qua trung gian của cung ba**... (EA 619)

95. As for Venus, there is much second ray associated with it (not only through its personality nature—very likely the second ray), but through its hypothesized major monadic ray.

95. Còn đối với Sao Kim, có rất nhiều cung hai gắn với nó (không chỉ qua bản chất phàm ngã của nó — rất có thể là cung hai), mà còn qua cung chân thần chính được giả định của nó.

96. Thus, we would see the *esoteric* connection between these three, based largely upon the second ray.

96. Như vậy, chúng ta sẽ thấy mối liên hệ *nội môn* giữa ba hành tinh này, phần lớn dựa trên cung hai.

97. It would seem that the result of their association (from the Earth's perspective) would be the evocation of the soul ray of our Planetary Logos—the second ray.

97. Dường như kết quả của sự liên kết của chúng (từ góc nhìn của Trái Đất) sẽ là sự gợi lên cung linh hồn của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta — cung hai.

98. When examining this triangle, the Earth would represent the third aspect, Venus the second and Jupiter ("King of the Gods") the first.

98. Khi khảo sát tam giác này, Trái Đất sẽ tượng trưng cho phương diện thứ ba, Sao Kim cho phương diện thứ hai và Sao Mộc ("Vua của các Thượng đế") cho phương diện thứ nhất.

99. We must note that this triangle is not yet fully functioning. We are told that only "eventually" will these three planets form an esoteric triangle. The link between Venus and the Earth is, however, definite and operative. We do not know enough to speak of the link between Jupiter and Venus. We can imagine that as the second ray soul of the Planetary Logos of the Earth emerges into prominence, it will indicate that Jupiter

99. Chúng ta phải lưu ý rằng tam giác này chưa vận hành đầy đủ. Chúng ta được cho biết rằng chỉ "cuối cùng" ba hành tinh này mới tạo thành một tam giác nội môn. Tuy nhiên, mối liên kết giữa Sao Kim và Trái Đất là xác định và đang hoạt động. Chúng ta không biết đủ để nói về mối liên kết giữa Sao Mộc và Sao Kim. Chúng ta có thể hình dung rằng khi linh hồn cung hai của Đức Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất nổi lên thành nổi bật, điều đó sẽ cho thấy Sao Mộc (với linh

(with its second ray soul) has become more closely related to the Earth.

b. Saturn is the synthesising scheme for the four planets which embody manas purely and simply, or is the major resolution of the minor four, and eventually for all the seven.

100. When we read this, we think (microcosmically) of the four head centers and then of the seven (cf. points 4 and 5, TCF 170).

101. In Chart VI, "all the seven" are represented within the largest circle contained within the even larger oval. The large circle includes Vulcan, Venus, Mars, Earth, Mercury, Jupiter and (shall we say?) "exoteric" Saturn.

102. When one looks at the seven, which of them are the four which "embody manas purely and simply" and are, thus, the "minor four"?

103. We will offer two hypotheses. Below is the first and the second will be offered as we proceed in the text.

104. We would have to include the two non-sacred planets here listed—Earth and Mars. Pluto is also a non-sacred planets and could be considered as one that embodies "manas purely and simply", but it is not listed here and therefore its inclusion is probably unwarranted.

105. We might not be able to include Jupiter, as its spiritual status is too high, *if* we use

hồn cung hai của nó) đã trở nên liên hệ chặt chẽ hơn với Trái Đất.

b. Sao Thổ là hệ hành tinh tổng hợp cho bốn hành tinh hiện thân cho manas một cách thuần túy và đơn giản, hay là sự phân giải chính của bốn hành tinh phụ, và cuối cùng là của cả bảy.

100. Khi đọc điều này, chúng ta nghĩ (theo tiểu thiên địa) đến bốn trung tâm đầu và rồi đến bảy trung tâm (x. các điểm 4 và 5, TCF 170).

101. Trong Biểu đồ VI, "cả bảy" được biểu thị bên trong vòng tròn lớn nhất nằm trong hình bầu dục còn lớn hơn nữa. Vòng tròn lớn bao gồm Vulcan, Sao Kim, Sao Hỏa, Trái Đất, Sao Thủy, Sao Mộc và (chúng ta có thể nói chăng?) Sao Thổ "ngoại môn".

102. Khi nhìn vào bảy hành tinh này, hành tinh nào trong số đó là bốn hành tinh "hiện thân cho manas một cách thuần túy và đơn giản" và do đó là "bốn hành tinh phụ"?

103. Chúng tôi sẽ đưa ra hai giả thuyết. Dưới đây là giả thuyết thứ nhất và giả thuyết thứ hai sẽ được đưa ra khi chúng ta tiếp tục trong bản văn.

104. Chúng ta sẽ phải bao gồm ở đây hai hành tinh không thiêng liêng được liệt kê — Trái Đất và Sao Hỏa. Sao Diêm Vương cũng là một hành tinh không thiêng liêng và có thể được xem là một hành tinh hiện thân cho "manas một cách thuần túy và đơn giản", nhưng nó không được liệt kê ở đây và vì vậy việc bao gồm nó có lẽ là không có cơ sở.

105. Chúng ta có thể không thể bao gồm Sao Mộc, vì địa vị tinh thần của nó quá cao, *nếu*

spiritual status as a major criterion for inclusion.

106. Mercury is highly manasic and should probably be included, but certainly has its major buddhic associations.

107. We are left with a choice between Venus and Vulcan. We know much about the advanced manasic nature of Venus but it is hardly a planet which embodies manas purely and simply, but then, neither does Vulcan.

108. Although Venus is more unfolded than Vulcan, it does not mean that the spiritual status of Venus is higher than Vulcan. In fact, Vulcan, so closely associated with the Sun, may be thought of a planet with greater spiritual status than Venus (even though that status is not yet fully manifesting).

109. An external example indicating that Vulcan may have a higher spiritual status than Venus is the following: while Venus rules the ajna center in human beings, Vulcan is often associated with the *crown* center (cf. EA 517) or, inferentially, with the seven master head centers. We see in this the greater 'spiritual authority' of Vulcan.

110. So perhaps (within the context of Chart VI and, thus, excluding Pluto) the planets which embody manas purely and simply are Mars, Earth, Venus and Mercury (given in hypothesized order of their spiritual status, from lower to higher).

111. Eventually, Vulcan and Jupiter would be included as well as the 'central Saturn-scheme' or what we might call the 'exoteric Saturn'.

chúng ta dùng địa vị tinh thần như một tiêu chuẩn chính để bao gồm.

106. Sao Thủy có tính manas rất cao và có lẽ nên được bao gồm, nhưng chắc chắn nó cũng có những liên hệ Bồ đề chủ yếu.

107. Chúng ta còn lại một sự lựa chọn giữa Sao Kim và Vulcan. Chúng ta biết nhiều về bản chất manas tiến bộ của Sao Kim, nhưng đó khó có thể là một hành tinh hiện thân cho manas một cách thuần túy và đơn giản; nhưng rồi Vulcan cũng vậy.

108. Dù Sao Kim khai mở hơn Vulcan, điều đó không có nghĩa là địa vị tinh thần của Sao Kim cao hơn Vulcan. Thật ra, Vulcan, vốn gắn bó rất chặt với Mặt Trời, có thể được xem là một hành tinh có địa vị tinh thần cao hơn Sao Kim (dù địa vị ấy chưa biểu lộ đầy đủ).

109. Một ví dụ bên ngoài cho thấy Vulcan có thể có địa vị tinh thần cao hơn Sao Kim là như sau: trong khi Sao Kim cai quản trung tâm ajna nơi con người, Vulcan thường được liên kết với trung tâm *đỉnh đầu* (x. EA 517) hoặc, theo suy luận, với bảy trung tâm đầu chủ yếu. Chúng ta thấy trong điều này "thẩm quyền tinh thần" lớn hơn của Vulcan.

110. Vậy có lẽ (trong bối cảnh của Biểu đồ VI và do đó loại trừ Sao Diêm Vương), các hành tinh hiện thân cho manas một cách thuần túy và đơn giản là Sao Hỏa, Trái Đất, Sao Kim và Sao Thủy (được nêu theo thứ tự giả định về địa vị tinh thần của chúng, từ thấp đến cao).

111. Cuối cùng, Vulcan và Sao Mộc cũng sẽ được bao gồm, cũng như "hệ hành tinh Sao Thổ trung tâm" hay điều mà chúng ta có thể gọi là "Sao Thổ ngoại môn".

112. Saturn may be the resolution for "all the seven", but what is the resolution for Saturn? This resolution, we must remember, occurs on planes subtler than the physical.

112. Sao Thổ có thể là sự phân giải cho "cả bảy", nhưng điều gì là sự phân giải cho Sao Thổ? Chúng ta phải nhớ rằng sự phân giải này xảy ra trên những cõi vi tế hơn cõi hồng trần.

113. We may judge that Uranus or Neptune would be the resolution for Saturn. We could assume that Uranus would be the final *planetary* resolver, but as this is a second ray solar system, we should not eliminate the possibility that Neptune could be (even though, according to HPB, it does not "belong" to our solar system—a mystery).

113. Chúng ta có thể phán đoán rằng Sao Thiên Vương hay Sao Hải Vương sẽ là sự phân giải cho Sao Thổ. Chúng ta có thể giả định rằng Sao Thiên Vương sẽ là đấng phân giải *hành tinh* cuối cùng, nhưng vì đây là một hệ mặt trời cung hai, chúng ta không nên loại trừ khả năng Sao Hải Vương có thể là như vậy (dù theo HPB, nó không "thuộc về" hệ mặt trời của chúng ta — một điều huyền nhiệm).

c. Mercury, the star of the intuition, or of transmuted manas, is, **at this stage**, considered as the fifth scheme.

c. Sao Thủy, ngôi sao của trực giác, hay của manas đã được chuyển hoá, được, **ở giai đoạn này**, xem là hệ thứ năm.

114. Here are some important names for Mercury:

114. Đây là một số danh xưng quan trọng của Sao Thủy:

a. The "star of the intuition"

a. "ngôi sao của trực giác"

b. The 'star of transmuted manas'.

b. "ngôi sao của manas đã được chuyển hoá".

115. We can judge that the intuition is "transmuted manas".

115. Chúng ta có thể phán đoán rằng trực giác là "manas đã được chuyển hoá".

116. Elsewhere (TCF 287) we learn that the intuition is the "transcendental mind". Thus, "transmuted manas" is the "transcendental mind".

116. Ở nơi khác (TCF 287), chúng ta học rằng trực giác là "Trí Tuệ Siêu Việt". Như vậy, "manas đã được chuyển hoá" là "Trí Tuệ Siêu Việt".

117. We are learning that not only is Venus a planet of transmutation but so is Mercury.

117. Chúng ta đang học rằng không chỉ Sao Kim là một hành tinh của sự chuyển hoá mà Sao Thủy cũng vậy.

118. Again, watch the phrase "at this time", indicating again that 'function correlates

118. Một lần nữa, hãy chú ý cụm từ "ở thời điểm này", lại cho thấy rằng "chức năng

with phase'. Perhaps one day, Mercury with its hypothesized major monadic ray as the *third* will be the *third* scheme.

119. We are also learning that transmutation is not a process related merely to the physical-etheric plane even though transmutation is a process 'lower' than either transformation or transfiguration.

120. From the solar logoic perspective, however, transmutation applies very much to the lower twenty one sub-planes, release from which takes us into *transcendental* realms, the realms of the spiritual triad where Mercury (under the tutelage of Jupiter and Neptune) demonstrates a super-manasic function.

121. Perhaps the eventual goal of Mercury is the third sub-plane of the cosmic physical plane, the plane of atma—not only the plane of spiritual will but, from another perspective, the plane of universal *mind.* In this respect, Mercury has much to learn from Saturn, a planet which, we may infer, shares the same *major* monadic ray.

122. We might pause here to examine the significance of a clockwise numbering of the schemes which would begin rather than end with the central Saturn-scheme. We can view this numbering largely from a chakric perspective:

a. The central Saturn-scheme (taken first) can correlate with the head center in that Saturn is the "head" of the Brahmic planets. It is also a powerful representative of Shamballa (cf. EA 442) The head center is a

tương ứng với pha". Có lẽ một ngày nào đó, Sao Thủy với cung chân thần chính được giả định là cung *ba* sẽ là hệ thứ *ba*.

119. Chúng ta cũng đang học rằng sự chuyển hoá không phải là một tiến trình chỉ liên hệ với cõi hồng trần-dĩ thái, dù sự chuyển hoá là một tiến trình "thấp" hơn cả chuyển đổi lẫn Biến hình.

120. Tuy nhiên, từ góc nhìn của Thái dương Thượng đế, sự chuyển hoá áp dụng rất nhiều cho hai mươi mốt cõi phụ thấp, sự giải thoát khỏi đó đưa chúng ta vào các lĩnh vực *siêu việt*, các lĩnh vực của Tam Nguyên Tinh Thần, nơi Sao Thủy (dưới sự hướng dẫn của Sao Mộc và Sao Hải Vương) biểu lộ một chức năng siêu-manas.

121. Có lẽ mục tiêu rốt ráo của Sao Thủy là cõi phụ thứ ba của cõi hồng trần vũ trụ, cõi atma—không chỉ là cõi của ý chí tinh thần mà, từ một góc nhìn khác, còn là cõi của *trí tuệ* vũ trụ. Về phương diện này, Sao Thủy có nhiều điều phải học từ Sao Thổ, một hành tinh mà, như ta có thể suy ra, cùng chia sẻ một cung chân thần *chính*.

122. Ở đây, chúng ta có thể dừng lại để khảo sát thâm nghĩa của một cách đánh số theo chiều kim đồng hồ cho các hệ hành tinh, trong đó hệ Sao Thổ trung tâm sẽ là điểm khởi đầu thay vì điểm kết thúc. Chúng ta có thể nhìn cách đánh số này phần lớn từ góc độ luân xa:

a. Hệ Sao Thổ trung tâm (được lấy đầu tiên) có thể tương ứng với trung tâm đầu, vì Sao Thổ là "đầu" của các hành tinh Brahma. Nó cũng là một đại diện mạnh mẽ của Shamballa (x. EA 442). Trung tâm đầu là

first ray center and Saturn has a prominent first ray.

b. The Jupiter-scheme (taken second) can correlate with the ajna center which is the center of *vision,* just as Jupiter is one of the major planets of vision. The ajna is (a high point of evolution) the second ray center and Jupiter is a second ray planet.

c. The Mercury-scheme (taken third) can correlate with the throat center. The close association between Mercury and the faculty of speech is obvious. Mercury has much of the third ray: hypothetically, its personality ray and its major monadic ray.

d. The Earth-scheme (taken fourth, as in the list given on TCF 369) has a definite association with the heart center through its symbol of the cross, its second ray soul, and the degree of suffering existent upon this planet. It is the *heart* that is the major organ of suffering.

e. The Mars-scheme (taken fifth) is easily correlated with the solar plexus center (The fifth chakra numbering from above). The ray most frequently associated with Mars (at this time) is the sixth ray and the ray expressing most prominently through the solar plexus center is the sixth.

f. The Venus-scheme (taken sixth) can be correlated with the sacral center (the sixth chakra, numbering from above), for Venus, in its lower demonstration, is commonly associated with sex and sexual attraction.

g. The Vulcan-scheme (taken in the seventh place) can be correlated with the base of the spine center, considering that center as an anchor for the energy system. One symbol

một trung tâm cung một và Sao Thổ có cung một nổi bật.

b. Hệ Sao Mộc (được lấy thứ hai) có thể tương ứng với trung tâm ajna, là trung tâm của *tầm nhìn,* cũng như Sao Mộc là một trong những hành tinh chính của tầm nhìn. Ajna là (ở một điểm tiến hoá cao) trung tâm cung hai và Sao Mộc là một hành tinh cung hai.

c. Hệ Sao Thủy (được lấy thứ ba) có thể tương ứng với trung tâm cổ họng. Mối liên hệ mật thiết giữa Sao Thủy và năng lực ngôn ngữ là điều hiển nhiên. Sao Thủy mang nhiều cung ba: theo giả thuyết, đó là cung phàm ngã và cung chân thần chính của nó.

d. Hệ Trái Đất (được lấy thứ tư, như trong danh sách nêu ở TCF 369) có một liên hệ xác định với trung tâm tim qua biểu tượng thập giá của nó, cung linh hồn hai của nó, và mức độ đau khổ hiện hữu trên hành tinh này. Chính *tim* là cơ quan chính của đau khổ.

e. Hệ Sao Hỏa (được lấy thứ năm) dễ dàng được tương ứng với trung tâm tùng thái dương (luân xa thứ năm tính từ trên xuống). Cung thường được liên kết nhất với Sao Hỏa (vào lúc này) là cung sáu, và cung biểu lộ nổi bật nhất qua trung tâm tùng thái dương cũng là cung sáu.

f. Hệ Sao Kim (được lấy thứ sáu) có thể được tương ứng với trung tâm xương cùng (luân xa thứ sáu tính từ trên xuống), vì Sao Kim, trong biểu hiện thấp của nó, thường được liên kết với tính dục và sự hấp dẫn giới tính.

g. Hệ Vulcan (được lấy ở vị trí thứ bảy) có thể được tương ứng với trung tâm đáy cột sống, nếu xem trung tâm ấy như một điểm neo cho hệ thống năng lượng. Một biểu tượng

used for Vulcan (the downward pointing arrow) suggests the material anchorage for which the base is responsible.

dùng cho Vulcan (mũi tên chỉ xuống) gợi ý sự neo đậu vật chất mà đáy cột sống chịu trách nhiệm.

h.

h.

i. Interestingly, we are also told the following of Vulcan:

i. Điều thú vị là, chúng ta cũng được cho biết điều sau đây về Vulcan:

1. The etheric vehicle from the circulatory angle, is governed by the Moon, as it veils Vulcan. (EH 143)

1. Vận cụ dĩ thái, xét từ góc độ tuần hoàn, được cai quản bởi Mặt Trăng, khi nó che phủ Vulcan. (EH 143)

Add to this the fact that the base of the spine center is directly correlated with the etheric body (cf. TCF 167), and we have a justification for associating Vulcan with the base of the spine center.

Cộng thêm vào đó sự kiện rằng trung tâm đáy cột sống có tương quan trực tiếp với thể dĩ thái (x. TCF 167), và chúng ta có một cơ sở để liên kết Vulcan với trung tâm đáy cột sống.

123. Interestingly, if we were to attempt to correlate the list of planetary schemes in the order in which the Tibetan presented them, the chakric correlations would be far less convincing (as a whole).

123. Điều thú vị là, nếu chúng ta thử tương ứng danh sách các hệ hành tinh theo thứ tự mà Chân sư Tây Tạng đã trình bày, thì các tương ứng luân xa sẽ kém thuyết phục hơn nhiều (xét trên toàn thể).

124. It can be said however, that since a chakra is a kind of atom, every ray, every zodiacal sign and every planet can be perceived as having some degree of influence within it.

124. Tuy nhiên, có thể nói rằng vì một luân xa là một loại nguyên tử, nên mọi cung, mọi dấu hiệu hoàng đạo và mọi hành tinh đều có thể được nhận thức là có một mức độ ảnh hưởng nào đó bên trong nó.

See [geometrical] figure [below]

Xem hình [geometrical] [below]

125. Chart VI depicts the seven Brahmic schemes somewhat graphically. Here (TCF 370) we are given a geometrical schematic conveying the same idea.

125. Biểu đồ VI mô tả bảy hệ Brahma theo cách phần nào có tính đồ họa. Ở đây (TCF 370), chúng ta được cho một sơ đồ hình học truyền đạt cùng một ý tưởng.

126. The oppositions so clearly evident in this six-pointed star are significant. The pairs represented are not without reason.

126. Những đối vị hiện rõ trong ngôi sao sáu cánh này mang nhiều thâm nghĩa. Những cặp được biểu thị không phải là không có lý do.

127. The Venus/Jupiter opposition is significant in terms of similarity of rays (namely the second) and in relation to the causal body. Both of these planets are significantly related to the Christ aspect.

127. Đối vị Sao Kim/Sao Mộc có ý nghĩa xét theo sự tương đồng về cung (cụ thể là cung hai) và trong liên hệ với thể nguyên nhân. Cả hai hành tinh này đều có liên hệ quan trọng với phương diện Christ.

128. Mars and Mercury have a strong connection via the fifth ray. Their positions as schemes are reflected within the Earth-scheme through the positions of the Mars and Mercury *globes* relative to the Earth globe. Just as the Mars, Earth and Mercury schemes are the third, fourth and fifth respectively, so the Mars, Earth and Mercury *globes* (of the Earth-chain) are the third, fourth and fifth respectively.

128. Sao Hỏa và Sao Thủy có một liên hệ mạnh qua cung năm. Vị trí của chúng như những hệ được phản ánh bên trong hệ Trái Đất qua vị trí của các *bầu hành tinh* Sao Hỏa và Sao Thủy tương đối với bầu hành tinh Trái Đất. Cũng như các hệ Sao Hỏa, Trái Đất và Sao Thủy lần lượt là thứ ba, thứ tư và thứ năm, thì các *bầu hành tinh* Sao Hỏa, Trái Đất và Sao Thủy (của Dãy Địa Cầu) cũng lần lượt là thứ ba, thứ tư và thứ năm.

129. The relationship between Vulcan and the Earth is significant. Graduates of the Earth School are called “living stones” and those of the Vulcan School, “fiery stones”.

129. Mối liên hệ giữa Vulcan và Trái Đất thật có ý nghĩa. Những người tốt nghiệp Trường học Trái Đất được gọi là “những viên đá sống”, còn những người của Trường Vulcan là “những viên đá rực lửa”.

130. In any case, there is to be found something deeply associated with *materiality* on or in both of these planets. They are closely related to the factor of concretion. Their relationship to Taurus is also evident, with Vulcan being both the hierarchical and esoteric ruler of Taurus, and Earth having an especially close relationship to Taurus.

130. Dù sao đi nữa, có thể tìm thấy một điều gì đó gắn bó sâu xa với *tính vật chất* trên hoặc trong cả hai hành tinh này. Chúng liên hệ mật thiết với yếu tố kết tinh đặc cứng. Mối liên hệ của chúng với Kim Ngưu cũng hiển nhiên, khi Vulcan vừa là chủ tinh huyền giai vừa là chủ tinh nội môn của Kim Ngưu, còn Trái Đất thì có một mối liên hệ đặc biệt gần gũi với Kim Ngưu.

Venus holds a unique relation to the Earth, different to that of any other planet and this, therefore, brings about **a much closer relation between Taurus and the Earth than perhaps exists in any other zodiacal relation where our planet is concerned.** (EA 382-383)

Sao Kim giữ một mối liên hệ độc nhất với Trái Đất, khác với mối liên hệ của bất kỳ hành tinh nào khác, và điều này, do đó, tạo nên **một mối liên hệ gần gũi hơn nhiều giữa Kim Ngưu và Trái Đất so với có lẽ tồn tại trong bất kỳ tương quan hoàng đạo nào khác có liên quan đến hành tinh chúng ta.** (EA 382-383)

131. We might say that Vulcan will be important in teaching the Logos of Earth to respond more effectively to its first ray Monad, which, presently, is "non-effective" because Earth is numbered among the non-sacred planets.

"A non-sacred planet, such as the Earth, is still subject to the ray of the personality of the informing Life, and the correspondence to the esoteric monadic ray is non-effective." (EA 363)

132. If we consider the relative spiritual status of the Logos of Vulcan and the Logos of Venus, it may be that the Vulcanian Logos is more advanced for reasons suggested above.

133. We can infer this from the fact that in the microcosm, Venus represents the ajna centers whereas Vulcan represents for disciples and initiates the head center or alternatively the seven major head centers in or above the head.

134. If the Logos of Vulcan has a higher spiritual status than the Logos of Venus, then the Vulcanian Logos is surely more advanced than the Logos of Earth (for which Venus is the "alter ego" and 'Guide').

135. There is a stream of Monads which came (or come), so it would seem, from Vulcan to the Earth. The section on "Primary Lotuses" (TCF 841-842) tells us somewhat of these types of human beings and the inference may reasonably be made that such Monads are from the planet Vulcan.

131. Chúng ta có thể nói rằng Vulcan sẽ quan trọng trong việc dạy Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất đáp ứng hữu hiệu hơn với chân thần cung một của Ngài, vốn hiện nay "không hữu hiệu" vì Trái Đất được xếp vào số các hành tinh không thiêng liêng.

"Một hành tinh không thiêng liêng, như Trái Đất, vẫn còn chịu sự chi phối của cung phàm ngã của Sự Sống đang thấm nhuần nó, và sự tương ứng với cung chân thần huyền môn thì không hữu hiệu." (EA 363)

132. Nếu chúng ta xét địa vị tinh thần tương đối của Hành Tinh Thượng Đế của Vulcan và Hành Tinh Thượng Đế của Sao Kim, thì có thể Hành Tinh Thượng Đế của Vulcan tiến bộ hơn vì những lý do đã gợi ra ở trên.

133. Chúng ta có thể suy ra điều này từ sự kiện rằng trong tiểu thiên địa, Sao Kim tượng trưng cho các trung tâm ajna, còn Vulcan tượng trưng, đối với các đệ tử và điểm đạo đồ, cho trung tâm đầu hoặc, cách khác, cho bảy trung tâm đầu chính trong hoặc trên đầu.

134. Nếu Hành Tinh Thượng Đế của Vulcan có địa vị tinh thần cao hơn Hành Tinh Thượng Đế của Sao Kim, thì Hành Tinh Thượng Đế của Vulcan hẳn nhiên tiến bộ hơn Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất (mà đối với nó Sao Kim là "alter ego" và là 'Đấng Hướng Dẫn').

135. Có một dòng các chân thần đã đến (hoặc đến), dường như vậy, từ Vulcan sang Trái Đất. Phần nói về "Các Hoa Sen Sơ Cấp" (TCF 841-842) cho chúng ta biết phần nào về các loại người này, và có thể suy luận hợp lý rằng những chân thần ấy đến từ hành tinh Vulcan. Chúng ta không biết liệu dòng chảy ấy có tính hỗ tương hay không.

Whether or not such the flow is reciprocal, we do not know.

136. It may be that the Monads coming from Vulcan to Earth will be important in the next solar system at which time the first ray Monad of the Planetary Logos of the Earth will be strongly emergent.

136. Có thể những chân thần đến từ Vulcan sang Trái Đất sẽ quan trọng trong hệ mặt trời kế tiếp, vào thời điểm chân thần cung một của Đức Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất sẽ xuất hiện mạnh mẽ.

137. The Monads which came (or come) from Venus characterized by the second ray (as are those from Jupiter) and will be emergent in the present solar system.

137. Những chân thần đã đến (hoặc đến) từ Sao Kim được đặc trưng bởi cung hai (cũng như những chân thần từ Sao Mộc) và sẽ xuất hiện trong hệ mặt trời hiện tại.

138. We should study this six-pointed star with care. It will reveal much about important relationships within our solar system.

138. Chúng ta nên nghiên cứu ngôi sao sáu cánh này một cách cẩn trọng. Nó sẽ tiết lộ nhiều điều về những mối liên hệ quan trọng trong hệ mặt trời của chúng ta.

139. The triangle Vulcan/Venus/Earth will have much to do in the release of Earth's potential for radiance. Venus will nurture Earth's second ray soul and Vulcan will galvanize Earth's first ray Monad—when the time is right. Vulcan calls forth the 'light potential of matter.

139. Tam giác Vulcan/Sao Kim/Trái Đất sẽ có nhiều liên quan đến việc giải phóng tiềm năng rạng ngời của Trái Đất. Sao Kim sẽ nuôi dưỡng cung linh hồn hai của Trái Đất và Vulcan sẽ kích hoạt chân thần cung một của Trái Đất—khi thời điểm thích hợp. Vulcan gọi ra 'tiềm năng ánh sáng của vật chất'.

140. A study of this geometric star (TCF 370) will reveal a number of possible triangles (as well as other significant geometric figures), each, no doubt with its specific meaning, not only for the solar system but for Earth.

140. Việc nghiên cứu ngôi sao hình học này (TCF 370) sẽ tiết lộ một số tam giác khả dĩ (cũng như những hình hình học quan trọng khác), mỗi hình, hẳn nhiên, đều có ý nghĩa riêng của nó, không chỉ đối với hệ mặt trời mà còn đối với Trái Đất.

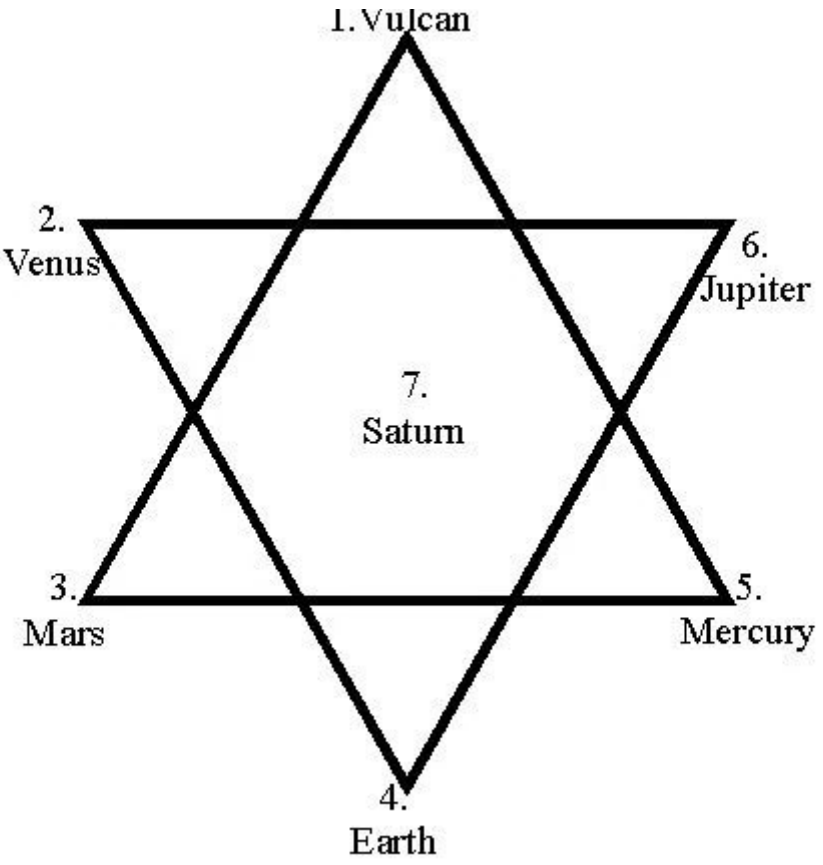

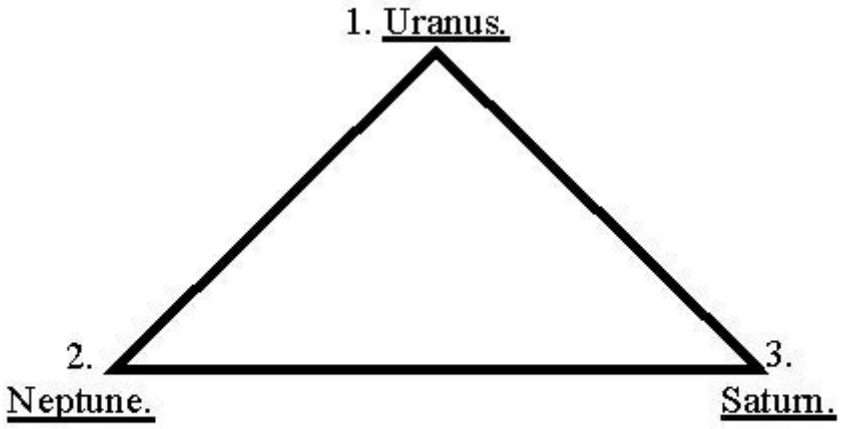

1.
THE SUN.

Therefore, the Heavenly Men of Venus and Jupiter are magnetically linked with the Heavenly Man of our scheme.

Do đó, các Đấng Thiên Nhân của Sao Kim và Sao Mộc được liên kết từ tính với Đấng Thiên Nhân của hệ chúng ta.

141. This proceeds, as explained, largely along the second ray line. The word "magnetically" (often a word signifying the

141. Điều này diễn ra, như đã giải thích, phần lớn theo đường cung hai. Từ "từ tính" (thường là một từ biểu thị sự hiện diện của

presence of the second ray) is an indication of the second ray nature of the Venus/ Jupiter/Earth relationship.

cung hai) là một chỉ dấu về bản chất cung hai của mối liên hệ Sao Kim/Sao Mộc/Trái Đất.

142. Since, in terms of humanity, the soul represents the second aspect of divinity and is focussed on the fifth plan, the second and fifth rays of Jupiter and Venus are instrumental in evoking not only the soul of humanity but the soul of our Planetary Logos Whose causal body is focussed on the fifth cosmic sub-plane.

142. Vì, xét theo nhân loại, linh hồn tượng trưng cho phương diện thứ hai của thiên tính và được tập trung trên cõi thứ năm, nên các cung hai và năm của Sao Mộc và Sao Kim là những tác nhân gợi lên không chỉ linh hồn của nhân loại mà còn linh hồn của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, Đấng mà thể nguyên nhân của Ngài được tập trung trên cõi phụ vũ trụ thứ năm.

The relationship of the Logos of Jupiter and His influence will not be realised nor felt until the sixth [Page 371] round is in full force, **though during the sixth root-race His vibration will be acknowledged and sensed**;

Mối liên hệ của Hành Tinh Thượng Đế của Sao Mộc và ảnh hưởng của Ngài sẽ không được chứng nghiệm cũng không được cảm nhận cho đến khi cuộc tuần hoàn thứ sáu [Page 371] hoàn toàn có hiệu lực, **mặc dù trong giống dân gốc thứ sáu rung động của Ngài sẽ được thừa nhận và cảm nhận**;

143. We can see from what is here said that the numbering of the planetary schemes (as presented by the Tibetan on TCF 369) is not insignificant or without meaning.

143. Từ điều được nói ở đây, chúng ta có thể thấy rằng việc đánh số các hệ hành tinh (như Chân sư Tây Tạng trình bày ở TCF 369) không phải là không quan trọng hay không có ý nghĩa.

144. Jupiter is directly associated with the sixth or buddhic principle which will be emergent in the sixth round (and also, to a degree) within the sixth root race.

144. Sao Mộc được liên kết trực tiếp với nguyên khí thứ sáu hay nguyên khí Bồ đề, nguyên khí sẽ xuất hiện trong cuộc tuần hoàn thứ sáu (và cũng, ở một mức độ nào đó) trong giống dân gốc thứ sáu.

145. In the sixth round it may be inferred that the monadic vibration (from plane six) will also be emergent, especially for Monads upon the second ray. Again, within the sixth root race of our present round we may expect a foreshadowing of this.

145. Trong cuộc tuần hoàn thứ sáu, có thể suy ra rằng rung động chân thần (từ cõi sáu) cũng sẽ xuất hiện, đặc biệt đối với các chân thần trên cung hai. Một lần nữa, trong giống dân gốc thứ sáu của cuộc tuần hoàn hiện tại của chúng ta, ta có thể mong đợi một sự báo trước điều này.

146. From the foregoing, we see that there is a definite and significant relationship of the Jupiter-scheme to the number six.

147. Microcosmically, this certainly operates *exoterically* in relation to faith-related Jupiterian characteristics.

148. The esoteric connections are also deep and relate to the buddhic and monadic dimensions of life.

149. Since we are just entering the sixth subrace of the fifth root race, some small ripple of this Jupiterian vibration may also be sensed by those who are closely attuned to it and sufficiently sensitive.

in the middle of the fifth round the Logos of Mercury will, with the Logos of the Venus scheme, and of our Earth, form a temporary triangle of force.

150. The fifth round is the period during which the "Judgment Day" will occur. This is the so-called "separation of the sheep from the goats".

151. Could this important planetary event be related to the formation of the Mercury/Venus/Earth triangle?

152. The Logos of Venus must definitely be involved in the "Judgment Day". That "Day" will separate those who can begin to live within the etheric nature of the Planetary Logos (beginning, so we may hypothesize, with the higher mental plane) from those who would choose to remain focussed upon the eighteen lower subplanes, from which

146. Từ những điều trên, chúng ta thấy rằng có một mối liên hệ xác định và quan trọng giữa hệ Sao Mộc với số sáu.

147. Trong tiểu thiên địa, điều này chắc chắn vận hành *ngoại môn* trong liên hệ với các đặc tính Sao Mộc gắn với đức tin.

148. Các mối liên hệ huyền môn cũng sâu sắc và liên quan đến các chiều kích Bồ đề và chân thần của sự sống.

149. Vì chúng ta đang vừa bước vào giống dân phụ thứ sáu của giống dân gốc thứ năm, nên một gợn sóng nhỏ nào đó của rung động Sao Mộc này cũng có thể được cảm nhận bởi những ai chỉnh hợp chặt chẽ với nó và đủ nhạy cảm.

giữa cuộc tuần hoàn thứ năm, Hành Tinh Thượng Đế của Sao Thủy sẽ, cùng với Hành Tinh Thượng Đế của hệ Sao Kim và của Trái Đất chúng ta, tạo thành một tam giác mãnh lực tạm thời.

150. Cuộc tuần hoàn thứ năm là giai đoạn trong đó "Ngày Phán Xét" sẽ xảy ra. Đây là điều được gọi là "sự phân tách chiên khỏi dê".

151. Liệu biến cố hành tinh quan trọng này có thể liên hệ với sự hình thành tam giác Sao Thủy/Sao Kim/Trái Đất chăng?

152. Hành Tinh Thượng Đế của Sao Kim chắc chắn phải dự phần trong "Ngày Phán Xét". "Ngày" ấy sẽ phân tách những ai có thể bắt đầu sống trong bản chất dĩ thái của Đức Hành Tinh Thượng Đế (khởi đầu, như ta có thể giả thuyết, với Cõi thượng trí) khỏi những ai chọn ở lại tập trung trên mười tám cõi phụ thấp, khỏi đó tiêu điểm của Đức

the focus of our Planetary Logos will be removed.

153. We may presume that the formation of the triangle will enable humanity to live more successfully the life of the soul and of the spiritual triad.

154. Notice that triangles of force between schemes may be "temporary". They are often based upon the developmental phase through which the Solar Logos is passing (and through which the Planetary Logoi involved are passing).

We have here information given that has only been hinted at hitherto but for which, in this fifth subrace and in this fourth round, the world is now ready; it holds the solution of the mystery of this round.

155. The fifth subrace is mentally focussed and is equipped for the receipt of knowledge and, hopefully, its correct application.

156. We do not know what may be the "mystery of this round"—the fourth in the fourth chain, the Earth-chain. May it be related to the development of an intelligent, intuitive humanity, which frees itself from the eighteen lower sub-planes, and eventually, from the twenty-one lower sub-planes? Perhaps such a liberation will not be fully achieved until the sixth round, but intimations of the possibility can be felt in the fourth.

157. The growing influence of Mercury, Venus and Jupiter are of great importance if the purpose of the fourth round is to be achieved. Mercury and Jupiter are the two

Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta sẽ được rút đi.

153. Chúng ta có thể giả định rằng sự hình thành tam giác sẽ giúp nhân loại sống thành công hơn đời sống của linh hồn và của Tam Nguyên Tinh Thần.

154. Hãy lưu ý rằng các tam giác mãnh lực giữa các hệ có thể là "tạm thời". Chúng thường dựa trên giai đoạn phát triển mà Thái dương Thượng đế đang đi qua (và mà các Hành Tinh Thượng Đế liên hệ cũng đang đi qua).

Chúng ta có ở đây thông tin được ban ra mà cho đến nay chỉ mới được ám chỉ, nhưng đối với điều đó, trong giống dân phụ thứ năm này và trong cuộc tuần hoàn thứ tư này, thế giới nay đã sẵn sàng; nó nắm giữ lời giải cho huyền nhiệm của cuộc tuần hoàn này.

155. Giống dân phụ thứ năm được tập trung trí tuệ và được trang bị để tiếp nhận tri thức và, hy vọng là, áp dụng nó một cách đúng đắn.

156. Chúng ta không biết "huyền nhiệm của cuộc tuần hoàn này" có thể là gì—cuộc tuần hoàn thứ tư trong dãy thứ tư, Dãy Địa Cầu. Liệu nó có liên hệ với sự phát triển của một nhân loại thông minh, trực giác, tự giải thoát khỏi mười tám cõi phụ thấp, và cuối cùng khỏi hai mươi mốt cõi phụ thấp chăng? Có lẽ sự giải thoát như thế sẽ không được đạt trọn vẹn cho đến cuộc tuần hoàn thứ sáu, nhưng những gợi báo về khả năng ấy có thể được cảm nhận trong cuộc tuần hoàn thứ tư.

157. Ảnh hưởng ngày càng tăng của Sao Thủy, Sao Kim và Sao Mộc có tầm quan trọng lớn nếu mục đích của cuộc tuần hoàn thứ tư phải được hoàn thành. Sao Thủy và Sao Mộc

exoteric rulers of all signs of the Mutable Cross, the Cross which prepares man for the life of the soul. Venus is that planet which (through the meditation of the Solar Angels), particularly, represents the onset of soul-life within humanity.

là hai chủ tinh ngoại môn của mọi dấu hiệu thuộc Thập Giá Biến đổi, thập giá chuẩn bị con người cho đời sống của linh hồn. Sao Kim là hành tinh đặc biệt tượng trưng cho sự khởi phát của đời sống linh hồn trong nhân loại (thông qua tham thiền của các Thái dương Thiên Thần).

Third,

Thứ ba,

158. We are in that section of the book which began on TCF 367; it is called "Venus and the Earth-chain".

158. Chúng ta đang ở trong phần của cuốn sách bắt đầu tại TCF 367; phần này được gọi là "Sao Kim và Dãy Địa Cầu".

the statement that the great Kumara or the One Initiator came to this planet from Venus is true in so far as it embodies the fact that **He came to this dense planet** (the fourth) in the fourth chain *from that chain in our scheme which is called the "Venus" chain, and which is the second chain.*

mệnh đề rằng Đại Kumara hay Đấng Điểm đạo Duy Nhất đã đến hành tinh này từ Sao Kim là đúng trong chừng mực nó hàm chứa sự kiện rằng **Ngài đã đến hành tinh đậm đặc này** (hành tinh thứ tư) trong dãy thứ tư *từ dãy trong hệ chúng ta được gọi là dãy "Sao Kim", và đó là dãy thứ hai.*

159. We recall that the Venus-chain can be considered either the second or the sixth. Is the numbering used in the section immediately above presented from the mystical or occult perspective?

159. Chúng ta nhớ rằng Dãy Sao Kim có thể được xem là dãy thứ hai hoặc thứ sáu. Cách đánh số được dùng trong phần ngay trên đây được trình bày từ góc nhìn thần bí hay huyền bí học?

160. We also recall that the fourth chain of the Venus-scheme was involved in this "transaction".

160. Chúng ta cũng nhớ rằng dãy thứ tư của hệ Sao Kim đã dự phần vào "giao dịch" này.

161. We may judge that since the Great Kumara is known as the "Lord of Venusian Love" (IHS 211), He is inspired by the Logos of Venus just as He is by the Solar Logos.

161. Chúng ta có thể phán đoán rằng vì Đại Kumara được biết đến như "Chúa Tể của Bác ái Kim Tinh" (IHS 211), nên Ngài được cảm hứng bởi Hành Tinh Thượng Đế của Sao Kim cũng như bởi Thái dương Thượng đế.

The fourth chain in the Venus scheme and the fourth globe in that chain were closely involved in the transaction. (TCF 299-300)

Dãy thứ tư trong hệ Sao Kim và bầu hành tinh thứ tư trong dãy ấy đã dự phần mật thiết vào giao dịch này. (TCF 299-300)

162. We see we have an alignment between the following:

a. Venus as the second scheme

b. The fourth chain in the Venus-scheme

c. The second chain in the Earth-scheme

d. The fourth chain in the Earth-scheme

e. The second globe of the Earth-scheme

f. The fourth globe of the Earth-scheme (our "dense planet")

163. Our planet is called the "dense planet", not because it is entirely dense, but because it includes within its manifesting dimensions that dimension of density which is not the case with any other presently manifesting globes within the Earth-scheme.

164. We are being given the details of the 'path' taken by the Great Kumara in His descent to the Earth globe.

He came via the second globe in our chain; His scarcely felt vibration was sensed (occultly) in the second round,

165. The second round of the Earth-chain was a period when (in relation to our fourth globe), we are told in *The Secret Doctrine*, some of the Agnishvattas or Solar Angels 'looked down' to see if there might be any forms through which they might express. They found none.

162. Chúng ta thấy có một sự chỉnh hợp giữa những điều sau đây:

a. Sao Kim như hệ thứ hai

b. Dãy thứ tư trong hệ Sao Kim

c. Dãy thứ hai trong hệ Trái Đất

d. Dãy thứ tư trong hệ Trái Đất

e. Bầu hành tinh thứ hai của hệ Trái Đất

f. Bầu hành tinh thứ tư của hệ Trái Đất (hành tinh "đậm đặc" của chúng ta)

163. Hành tinh của chúng ta được gọi là "hành tinh đậm đặc", không phải vì nó hoàn toàn đậm đặc, mà vì nó bao gồm trong các chiều biểu hiện của mình chiều kích đậm đặc ấy, điều không xảy ra với bất kỳ bầu hành tinh nào khác hiện đang biểu hiện trong hệ Trái Đất.

164. Chúng ta đang được cho biết các chi tiết về "con đường" mà Đại Kumara đã đi trong sự giáng hạ của Ngài xuống bầu hành tinh Trái Đất.

Ngài đến qua bầu hành tinh thứ hai trong dãy của chúng ta; rung động hầu như không thể cảm thấy của Ngài đã được cảm nhận (một cách huyền bí) trong cuộc tuần hoàn thứ hai,

165. Cuộc tuần hoàn thứ hai của Dãy Địa Cầu là một giai đoạn mà (liên hệ với bầu hành tinh thứ tư của chúng ta), như chúng ta được cho biết trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*, một số Agnishvatta hay Thái dương Thiên Thần đã 'nhìn xuống' để xem có hình tướng nào qua

đó họ có thể biểu lộ hay không. Họ không tìm thấy gì cả.

but only in the third root-race of the fourth round did conditions permit of His physical incarnation and of His coming as the Avatar.

nhưng chỉ đến giống dân gốc thứ ba của cuộc tuần hoàn thứ tư thì các điều kiện mới cho phép sự lâm phàm hồng trần của Ngài và sự đến của Ngài như một Đấng Hoá Thân.

166. We are speaking of the coming of Sanat Kumara to our dense globe some eighteen and a half million years ago.

166. Chúng ta đang nói về sự đến của Đức Sanat Kumara tới bầu hành tinh đậm đặc của chúng ta vào khoảng mười tám triệu rưỡi năm trước.

167. This coming is called a "physical incarnation". Judging from the 'path' He took, we may estimate the Sanat Kumara was already 'incarnated' (though not, strictly speaking, *physically*) on another globe and within another chain in the Earth-scheme.

167. Sự đến này được gọi là một "sự lâm phàm hồng trần". Xét theo "con đường" Ngài đã đi, chúng ta có thể ước đoán rằng Đức Sanat Kumara đã "lâm phàm" trên một bầu hành tinh khác và trong một dãy khác của hệ Trái Đất (dù, nói cho đúng, không phải *về mặt hồng trần*).

168. The taking of an incarnation by a great Being necessitates a particularized focalization of attention at a certain dimensional level. We know there are incarnations possible other than physical incarnations—for man and for Sanat Kumara as well.

168. Việc một Hữu Thể Vĩ Đại nhận lấy một kiếp lâm phàm đòi hỏi một sự tập trung chú ý chuyên biệt ở một cấp độ chiều kích nhất định. Chúng ta biết rằng có những sự lâm phàm khác ngoài lâm phàm hồng trần—đối với con người và đối với Đức Sanat Kumara cũng vậy.

Very reverently might it be said that **the first three rounds and the two succeeding root-races in this chain correspond to the period prior to birth**;

Một cách hết sức cung kính, có thể nói rằng **ba cuộc tuần hoàn đầu tiên và hai giống dân gốc kế tiếp trong dãy này tương ứng với giai đoạn trước khi sinh**;

169. When speaking of Sanat Kumara (and even of the Christ, relatively a lesser Avatar), the Tibetan frequently adopts a reverential tone.

169. Khi nói về Đức Sanat Kumara (và ngay cả về Đức Christ, một Đấng Hoá Thân tương đối thấp hơn), Chân sư Tây Tạng thường dùng một giọng điệu cung kính.

170. In speaking of the coming of Sanat Kumara to our planet, we are using the analogy of the prenatal period to describe a

170. Khi nói về sự đến của Đức Sanat Kumara tới hành tinh chúng ta, chúng ta đang dùng phép tương đồng của thời kỳ tiền

certain early phase in the process of the Earth-chain, and the period of birth *possibly* to describe the phase in planetary development which witnessed His 'arrival' upon (and 'within') our little planet. (Later DK speaks of birth into a higher dimension, which should not be confused with the birth mentioned in the section above.)

sản để mô tả một giai đoạn sớm nào đó trong tiến trình của Dãy Địa Cầu, và thời kỳ sinh ra *có lẽ* để mô tả giai đoạn trong sự phát triển hành tinh đã chứng kiến sự "đến" của Ngài trên (và "trong") hành tinh nhỏ bé của chúng ta. (Về sau Chân sư DK nói đến sự sinh vào một chiều kích cao hơn, điều này không nên bị nhầm với sự sinh được nhắc đến trong phần trên.)

171. During the first three rounds and the two succeeding root races of our globe, it seems we are to understand that Sanat Kumara was not yet technically incarnated on our planet.

171. Trong ba cuộc tuần hoàn đầu tiên và hai giống dân gốc kế tiếp của bầu hành tinh chúng ta, dường như chúng ta phải hiểu rằng Đức Sanat Kumara về mặt kỹ thuật vẫn chưa lâm phàm trên hành tinh chúng ta.

172. Yet, something seems to be missing. What of the period of the fourth round as it affected the first three globes of the Earth-chain? These are not mentioned, and yet it would seem a logical necessity that if Sanat Kumara was not fully incarnated on the fourth globe during its first two root races, He could not have been fully incarnated during that earlier fourth round period when the focus was upon the first three globes.

172. Tuy nhiên, dường như vẫn còn thiếu một điều gì đó. Còn giai đoạn của cuộc tuần hoàn thứ tư khi nó tác động lên ba bầu hành tinh đầu tiên của Dãy Địa Cầu thì sao? Những bầu hành tinh này không được nhắc đến, nhưng dường như theo logic, nếu Đức Sanat Kumara chưa hoàn toàn lâm phàm trên bầu hành tinh thứ tư trong hai giống dân gốc đầu tiên của nó, thì Ngài cũng không thể đã hoàn toàn lâm phàm trong giai đoạn sớm hơn của cuộc tuần hoàn thứ tư ấy khi tiêu điểm đặt trên ba bầu hành tinh đầu tiên.

173. We may wish to compare this analogy concerning the pre-natal period and subsequent birth with what is said in general of the development of a Heavenly Man a bit earlier in the text:

173. Chúng ta có thể muốn so sánh phép tương đồng này về thời kỳ tiền sản và sự sinh ra tiếp theo với điều được nói một cách tổng quát về sự phát triển của một Đấng Thiên Nhân sớm hơn một chút trong bản văn:

a. To attain to full self-consciousness, or to individual consciousness on the **five planes**; to vibrate with conscious activity within Their Own ring-pass-not, a planetary scheme. **This covers a period in the scheme of involution, and of that period during the evolutionary stage which is comprised**

a. Để đạt đến ngã thức trọn vẹn, hay tâm thức cá nhân trên **năm cõi**; để rung động với hoạt động hữu thức trong vòng-giới-hạn của Chính Các Ngài, một hệ hành tinh. **Điều này bao trùm một giai đoạn trong hệ giáng hạ tiến hoá, và của giai đoạn ấy trong thời kỳ thăng thượng tiến hoá được bao gồm trong**

within the first three rounds up to the entrance upon the fourth round. (TCF 290)

174. Interestingly the phase of the development of a Heavenly Man just cited corresponds with the period of development leading to the first initiation.

175. The coming of Sanat Kumara to our fourth globe was certainly a kind of initiation for the Planetary Logos—was it a *first* initiation, or could it be numbered in another way?

176. The first initiation is the 'Initiation of Birth'. The extract from TCF 290 seems to suggest (if compared with a parallel section describing the development of a human being up to the first initiation—cf. TCF 289) that the first initiation occurs at "the entrance of the fourth round", but other references suggest that the first initiation (at least for *our* Planetary Logos) occurs *after* the first two root races (presumably on our globe).

ba cuộc tuần hoàn đầu tiên cho đến lúc bước vào cuộc tuần hoàn thứ tư. (TCF 290)

174. Điều thú vị là giai đoạn phát triển của một Đấng Thiên Nhân vừa được trích dẫn tương ứng với thời kỳ phát triển dẫn đến lần điểm đạo thứ nhất.

175. Sự đến của Đức Sanat Kumara tới bầu hành tinh thứ tư của chúng ta chắc chắn là một loại điểm đạo đối với Đức Hành Tinh Thượng Đế—đó có phải là *lần điểm đạo thứ nhất*, hay có thể được đánh số theo cách khác?

176. Lần điểm đạo thứ nhất là 'Điểm Đạo Sinh Ra'. Đoạn trích từ TCF 290 dường như gợi ý (nếu so với một phần song song mô tả sự phát triển của một con người cho đến lần điểm đạo thứ nhất—x. TCF 289) rằng lần điểm đạo thứ nhất xảy ra vào "lúc bước vào cuộc tuần hoàn thứ tư", nhưng những tham chiếu khác gợi ý rằng lần điểm đạo thứ nhất (ít nhất đối với Đức Hành Tinh Thượng Đế *của chúng ta*) xảy ra *sau* hai giống dân gốc đầu tiên (có lẽ trên bầu hành tinh của chúng ta).

177. In the section immediately below, it is suggested that the awakening of the principle of mind in infant humanity was only a kind of "quickening" for Sanat Kumara (considered as Planetary Logos), but then we have to ask whether the implantation of the spark of mind (some twenty one million years ago) should be considered a different phase in Sanat Kumara's initiatory life than the period when He and His Kumaras arrived on this planet (some eighteen and a half million years ago). Perhaps Sanat Kumara was not fully incarnated at the quickening, but *was* incarnated two and half million years later.

177. Trong phần ngay dưới đây, có gợi ý rằng sự thức tỉnh nguyên khí trí tuệ trong nhân loại sơ sinh chỉ là một loại "sự linh động đầu tiên" đối với Đức Sanat Kumara (được xem như Đức Hành Tinh Thượng Đế), nhưng khi đó chúng ta phải hỏi liệu việc cấy vào tia lửa trí tuệ (khoảng hai mươi mốt triệu năm trước) có nên được xem là một giai đoạn khác trong đời sống điểm đạo của Đức Sanat Kumara so với giai đoạn khi Ngài và các Kumara của Ngài đến hành tinh này (khoảng mười tám triệu rưỡi năm trước) hay không. Có lẽ Đức Sanat Kumara chưa hoàn toàn lâm phàm vào lúc sự linh động đầu tiên xảy ra, nhưng *đã* lâm phàm hai triệu rưỡi năm sau đó.

and that His coming in the fourth round with the subsequent awakening of manas in the human units find their analogy in the **awakening of the life principle in the unborn infant at the fourth month.**

và rằng sự đến của Ngài trong cuộc tuần hoàn thứ tư cùng với sự thức tỉnh manas tiếp theo trong các đơn vị nhân loại tìm thấy phép tương đồng của nó trong **sự thức tỉnh của nguyên khí sự sống trong thai nhi vào tháng thứ tư.**

178. The awakening of manas in the human units (or in the animal man of that period) is here analogized as the "quickening" which occurs in the unborn infant at the fourth month.

178. Sự thức tỉnh manas trong các đơn vị nhân loại (hay trong người thú của thời kỳ ấy) ở đây được ví như "sự linh động đầu tiên" xảy ra trong thai nhi vào tháng thứ tư.

179. We must reinforce the idea that the awakening of manas occurred some twenty-one million years ago whereas Sanat Kumara and His fellow Kumaras established themselves on the fourth globe about eighteen and a half million years ago.

179. Chúng ta phải củng cố ý tưởng rằng sự thức tỉnh manas đã xảy ra khoảng hai mươi mốt triệu năm trước, trong khi Đức Sanat Kumara và các Kumara đồng hành của Ngài thiết lập chính mình trên bầu hành tinh thứ tư khoảng mười tám triệu rưỡi năm trước.

180. If the quickening occurred at the coming of Sanat Kumara to our globe, when did the "birth" occur, if, indeed it occurred?

180. Nếu sự linh động đầu tiên xảy ra vào lúc Đức Sanat Kumara đến bầu hành tinh của chúng ta, thì "sự sinh" đã xảy ra khi nào, nếu quả thật nó đã xảy ra?

181. The Planetary Logos through Sanat Kumara is presently undergoing a kind of fourth initiation within the fourth chain (the Earth-chain) and upon the fourth globe, so clearly the "birth" has long ago occurred. At least *one kind of birth* occurred long ago.

181. Đức Hành Tinh Thượng Đế qua Đức Sanat Kumara hiện đang trải qua một loại lần điểm đạo thứ tư trong dãy thứ tư (Dãy Địa Cầu) và trên bầu hành tinh thứ tư, vì vậy rõ ràng "sự sinh" đã xảy ra từ lâu. Ít nhất *một loại sinh ra* đã xảy ra từ lâu.

182. Perhaps a recognition by animal man in whom the "spark of mind" had been implanted that he truly existed as a distinct individual could be considered the equivalent of a kind of birth. Did this recognition occur more at the time of the coming of Sanat Kumara eighteen and a half million years ago than at the time the spark was implanted two and a half million years earlier?

182. Có lẽ việc người thú, trong đó "tia lửa trí tuệ" đã được cấy vào, nhận ra rằng y thực sự hiện hữu như một cá thể riêng biệt có thể được xem là tương đương với một loại sinh ra. Phải chăng sự nhận ra này xảy ra nhiều hơn vào lúc Đức Sanat Kumara đến cách đây mười tám triệu rưỡi năm so với lúc tia lửa được cấy vào sớm hơn hai triệu rưỡi năm?

The analogy holds good, for a Heavenly Man **at the end of the seventh round reaches full maturity**,

Phép tương đồng này là đúng, vì một Đấng Thiên Nhân **vào cuối cuộc tuần hoàn thứ bảy đạt đến sự trưởng thành trọn vẹn**,

183. Is "full maturity" equivalent to the fifth in a series of seven initiations? Is it equivalent to the age of thirty-five in a man? Or is it equivalent to the seventh initiation and to the age of forty-nine?

183. "Sự trưởng thành trọn vẹn" có tương đương với lần điểm đạo thứ năm trong một chuỗi bảy lần điểm đạo không? Nó có tương đương với tuổi ba mươi lăm ở con người không? Hay nó tương đương với lần điểm đạo thứ bảy và với tuổi bốn mươi chín?

184. The seventh round here discussed *appears* to be the seventh round of the fourth chain. If this is the case, then period when the Heavenly Man reaches maturity relates, more to a Chain Lord and a chain than to *the* Heavenly Man (comprising seven chains) and, thus, the entire planetary *scheme*, because there must be a focus upon and within *three more chains* within the Earth-scheme before the full maturity of *the* Heavenly Man (on a scheme level) can be achieved. At least, it would seem so.

184. Cuộc tuần hoàn thứ bảy được bàn ở đây *dường như* là cuộc tuần hoàn thứ bảy của dãy thứ tư. Nếu đúng như vậy, thì giai đoạn khi Đấng Thiên Nhân đạt đến trưởng thành liên hệ nhiều hơn đến một Chúa Tể của Dãy và một dãy hơn là đến *Đấng* Thiên Nhân (bao gồm bảy dãy) và do đó đến toàn bộ *hệ* hành tinh, bởi vì phải còn có một tiêu điểm trên và trong *ba dãy nữa* trong hệ Trái Đất trước khi sự trưởng thành trọn vẹn của *Đấng* Thiên Nhân (ở cấp độ hệ) có thể đạt được. Ít nhất, dường như là như vậy.

185. Note that DK uses the article "a" before the term Heavenly Man.

185. Hãy lưu ý rằng Chân sư DK dùng mạo từ "một" trước thuật ngữ Đấng Thiên Nhân.

186. If, however, DK is no longer speaking of chain rounds above when He says "at the even of the seventh round", but of *scheme* rounds, we have an entirely different prospect.

186. Tuy nhiên, nếu Chân sư DK không còn nói về các cuộc tuần hoàn của dãy ở trên khi Ngài nói "vào cuối cuộc tuần hoàn thứ bảy", mà nói về các cuộc tuần hoàn của *hệ*, thì chúng ta có một viễn cảnh hoàn toàn khác.

187. One method of occult blinding is to begin by using a specific term within a given context, and then switching contexts while preserving the same term. The term "round" might be such a term, for there are *chain* rounds **and** *scheme* rounds.

187. Một phương pháp làm mù huyền bí là bắt đầu bằng cách dùng một thuật ngữ chuyên biệt trong một ngữ cảnh nhất định, rồi chuyển ngữ cảnh mà vẫn giữ nguyên thuật ngữ ấy. Thuật ngữ "cuộc tuần hoàn" có thể là một thuật ngữ như vậy, vì có những cuộc tuần hoàn của *dãy* **và** *hệ*.

188. If "a" Heavenly Man is a Chain Lord, then He reaches full maturity in relation to His chain, probably after seven rounds, OR, adding a rounding out process, after the addition of certain *subjective rounds,* either two or three.

188. Nếu "một" Đấng Thiên Nhân là một Chúa Tể của Dãy, thì Ngài đạt đến sự trưởng thành trọn vẹn trong liên hệ với dãy của Ngài, có lẽ sau bảy cuộc tuần hoàn, HOẶC, nếu cộng thêm một tiến trình hoàn tất, thì sau khi thêm vào một số *cuộc tuần hoàn chủ quan,* hoặc hai hoặc ba.

189. If, however, "a" Heavenly Man is a *Scheme* Lord, then He reaches full maturity in relation to His scheme, probably after seven *scheme* rounds, OR, adding a rounding out process, after the addition of certain subjective *scheme rounds,* either two or three.

189. Nhưng nếu "một" Đấng Thiên Nhân là một Chúa Tể của *Hệ*, thì Ngài đạt đến sự trưởng thành trọn vẹn trong liên hệ với hệ của Ngài, có lẽ sau bảy cuộc tuần hoàn của *hệ*, HOẶC, nếu cộng thêm một tiến trình hoàn tất, thì sau khi thêm vào một số cuộc tuần hoàn *hệ chủ quan,* hoặc hai hoặc ba.

but requires the final process of rounding out and perfecting which He attains during the two final periods

nhưng cần đến tiến trình hoàn tất và hoàn thiện cuối cùng mà Ngài đạt được trong hai giai đoạn cuối

190. What is the meaning of "two final periods"? We are told below. They are

190. "Hai giai đoạn cuối" có nghĩa là gì? Chúng ta được cho biết ở dưới. Chúng là

a. Synthesis into the three major schemes

a. Tổng hợp vào ba hệ chính

b. Resolution into the final one.

191. If DK is speaking of the true Heavenly Man (the Planetary Logos), is seems *very* unlikely that synthesis into the three major schemes could begin after the completion of the fourth chain!

192. Instead, it seems far more likely that synthesis and absorption would begin after the completion of the *seventh* chain.

193. Are these more rounds than seven, just as there are more chains than seven and more schemes than seven? If there are actually nine or ten chains per scheme, why should there not be rounds corresponding to the number of chains?

194. The possibility must be explored. If such additional rounds exist, they could be active in the process of synthesis and resolution.

195. The matter is intricate and we will not solve it at this time.

a. Of synthesis into the major three schemes.

196. Since the numbers seven and three are closely related, the Heavenly Man is probably synthesized into one of the major three synthesizing schemes during the period when the seventh chain is focal in the mind of the Heavenly Man or upon the completion of that period..

197. Given this hypothesis, the abstraction period preparing for this absorption into one of the major three schemes would occur during the period in which the fifth and

b. Phân giải vào Đấng cuối cùng.

191. Nếu Chân sư DK đang nói về Đấng Thiên Nhân đích thực (Đức Hành Tinh Thượng Đế), thì dường như *rất* khó có khả năng việc tổng hợp vào ba hệ chính có thể bắt đầu sau khi dãy thứ tư hoàn tất!

192. Thay vào đó, dường như có khả năng hơn nhiều rằng sự tổng hợp và hấp thu sẽ bắt đầu sau khi dãy thứ *bảy* hoàn tất.

193. Có phải đây là những cuộc tuần hoàn nhiều hơn bảy, cũng như có nhiều dãy hơn bảy và nhiều hệ hơn bảy không? Nếu thực sự có chín hay mười dãy trong mỗi hệ, thì tại sao lại không có những cuộc tuần hoàn tương ứng với số lượng các dãy?

194. Khả năng này phải được khảo sát. Nếu những cuộc tuần hoàn bổ sung như thế tồn tại, chúng có thể hoạt động trong tiến trình tổng hợp và phân giải.

195. Vấn đề này rất phức tạp và chúng ta sẽ không giải quyết nó vào lúc này.

a. Về sự tổng hợp vào ba hệ chính.

196. Vì các số bảy và ba có liên hệ mật thiết, nên Đấng Thiên Nhân có lẽ được tổng hợp vào một trong ba hệ tổng hợp chính trong giai đoạn khi dãy thứ bảy là tiêu điểm trong trí tuệ của Đấng Thiên Nhân hoặc khi giai đoạn ấy hoàn tất..

197. Theo giả thuyết này, giai đoạn trừu xuất chuẩn bị cho sự hấp thu vào một trong ba hệ chính sẽ xảy ra trong giai đoạn mà dãy thứ năm và thứ sáu của hệ được nhấn mạnh.

sixth chains of the scheme were emphasized.

b. Of resolution into the final one;

198. The resolution of the Heavenly Man into the "final one" must occur *after* He has been synthesized into one of the synthesizing planets. We are here considering the "final one" to be the Sun/ Solar Logos.

199. If this is the case, we see that the Heavenly Man may well retain His identity even after He is absorbed into a synthesizing scheme.

200. From the point of view of that type of Heavenly Man who is a *Chain* Lord, the "final one" is the Planetary Logos in His entirety, and not yet the Solar Logos.

201. From the point of view of that type of Heavenly Man who is a *Scheme* Lord (and, thus, a Planetary Logos) the "final one" is the Solar Logos.

making again—with reverence may it be said—**the nine cycles which cover the gestation of a Heavenly Man**, and which precede **His birth into yet higher worlds**.

202. We are speaking of a form of birth which leads not to incarnation upon the fourth globe, but to liberation into higher spheres.

203. To arrive at "nine cycles", we will include seven rounds and two additional cycles (synthesis and resolution). As stated above, synthesis and resolution *may* be

b. Về sự phân giải vào Đấng cuối cùng;

198. Sự phân giải của Đấng Thiên Nhân vào "Đấng cuối cùng" hẳn phải xảy ra *sau khi* Ngài đã được tổng hợp vào một trong các hành tinh tổng hợp. Ở đây chúng ta đang xem "Đấng cuối cùng" là Mặt Trời/Thái dương Thượng đế.

199. Nếu đúng như vậy, chúng ta thấy rằng Đấng Thiên Nhân rất có thể vẫn giữ được bản sắc của Ngài ngay cả sau khi Ngài được hấp thu vào một hệ tổng hợp.

200. Từ quan điểm của loại Đấng Thiên Nhân là một Chúa Tể của *Dãy*, thì "Đấng cuối cùng" là Đức Hành Tinh Thượng Đế trong toàn thể của Ngài, chứ chưa phải là Thái dương Thượng đế.

201. Theo quan điểm của loại Đấng Thiên Nhân là Chúa Tể của một *hệ hành tinh* (và do đó là một Hành Tinh Thượng Đế), "Đấng cuối cùng" là Thái dương Thượng đế.

xin được nói lại—với tất cả lòng tôn kính—**chín chu kỳ bao trùm thời kỳ thai nghén của một Đấng Thiên Nhân**, và là những chu kỳ đi trước **sự giáng sinh của Ngài vào những thế giới còn cao hơn nữa**.

202. Chúng ta đang nói về một hình thức sinh ra không dẫn đến sự nhập thể trên bầu hành tinh thứ tư, mà dẫn đến sự giải thoát vào các khối cầu cao hơn.

203. Để đạt đến "chín chu kỳ", chúng ta sẽ bao gồm bảy cuộc tuần hoàn và hai chu kỳ bổ sung (tổng hợp và phân giải). Như đã nói ở trên, tổng hợp và phân giải *có thể* được liên

associated with additional or, perhaps, "inner" rounds.

kết với các cuộc tuần hoàn bổ sung hoặc, có lẽ, các cuộc tuần hoàn "nội tại".

204. DK has been talking about gestation and birth, and also (implicitly) of initiation.

204. Chân sư DK đã nói về sự thai nghén và sinh ra, đồng thời cũng nói (một cách hàm ẩn) về điểm đạo.

205. If our Planetary Logos is presently going through a kind of fourth initiation then the "Initiation of Birth" (the first initiation) must have occurred.

205. Nếu Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta hiện đang trải qua một loại lần điểm đạo thứ tư, thì "Điểm Đạo Giáng Sinh" (lần điểm đạo thứ nhất) hẳn đã xảy ra.

206. Yet here, DK is speaking of the period during which the Planetary Logos' initiations are occurring as if it was a period of "gestation".

206. Tuy nhiên, ở đây, Chân sư DK đang nói về thời kỳ trong đó các lần điểm đạo của Hành Tinh Thượng Đế đang diễn ra như thể đó là một thời kỳ "thai nghén".

207. So, two processes are occurring in parallel:

207. Vì vậy, có hai tiến trình đang diễn ra song song:

a. In one process, the Planetary Logos, takes incarnation and undergoes certain initiation on our globe (cf. TCF 384)

a. Trong một tiến trình, Hành Tinh Thượng Đế nhập thể và trải qua một số điểm đạo nhất định trên bầu hành tinh của chúng ta (x. TCF 384)

b. In another process, all that transpires for the Planetary Logos upon our globe is as a *gestation process,* preparatory to birth into "yet higher worlds"—higher than our globe.

b. Trong một tiến trình khác, mọi điều xảy ra đối với Hành Tinh Thượng Đế trên bầu hành tinh của chúng ta đều là một *tiến trình thai nghén,* chuẩn bị cho sự sinh ra vào "những thế giới còn cao hơn nữa"—cao hơn bầu hành tinh của chúng ta.

208. If we are not cautious here, we will miss noting these parallel processes.

208. Nếu ở đây chúng ta không thận trọng, chúng ta sẽ không nhận ra các tiến trình song song này.

209. For the *first* kind of process, it would seem that the coming of Sanat Kumara to our planet was a kind of birth and an initiation as well to be followed by a series of initiations—taking in relation to our globe.

209. Đối với loại tiến trình *thứ nhất*, dường như việc Đức Sanat Kumara đến hành tinh của chúng ta là một loại giáng sinh và cũng là một điểm đạo, tiếp theo sau là một chuỗi các điểm đạo—diễn ra trong liên hệ với bầu hành tinh của chúng ta.

210. For the *second* kind of process, a number of initiations have to be completed within our chain and upon our globe before *birth* (into higher worlds occurs). These initiations, from this second perspective, would be taking place during a kind of continuing pre-natal process.

210. Đối với loại tiến trình *thứ hai*, một số điểm đạo phải được hoàn tất trong dãy của chúng ta và trên bầu hành tinh của chúng ta trước khi sự *sinh ra* (vào các thế giới cao hơn) xảy ra. Từ quan điểm thứ hai này, các điểm đạo ấy sẽ diễn ra trong một loại tiến trình tiền sản liên tục.

211. Could it be that those higher worlds represent life upon the fifth chain? If so, the Planetary Logos will be present in a form other than that of Sanat Kumara (Who 'leaves' after the "Judgment Day" of the fifth found of the fourth chain).

211. Có thể nào những thế giới cao hơn ấy tượng trưng cho sự sống trên dãy thứ năm? Nếu vậy, Hành Tinh Thượng Đế sẽ hiện diện trong một hình thức khác với hình thức của Đức Sanat Kumara (Đấng "rời đi" sau "Ngày Phán Xét" của cuộc tuần hoàn thứ năm của dãy thứ tư).

212. Much caution is required in dealing with these matters. We must always be on the alert to differentiate chain rounds from scheme rounds. When "nine cycles" are discussed, we must make sure that *all* of these cycles are rounds. Perhaps only *some* of them are; perhaps all of them are.

212. Cần hết sức thận trọng khi bàn đến những vấn đề này. Chúng ta phải luôn cảnh giác để phân biệt các cuộc tuần hoàn của dãy với các cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh. Khi "chín chu kỳ" được bàn đến, chúng ta phải bảo đảm rằng *tất cả* các chu kỳ ấy đều là các cuộc tuần hoàn. Có lẽ chỉ *một số* trong đó là như vậy; có lẽ tất cả đều là như vậy.

213. In the information here presented, there is far more that is hidden than revealed. Perhaps, every chain can have *ten* globes, seven of which are objective, three of which are subjective with tenth holding the place of the "One Resolver".

213. Trong thông tin được trình bày ở đây, điều bị che giấu nhiều hơn điều được mặc khải. Có lẽ mỗi dãy có thể có *mười* bầu hành tinh, bảy trong số đó là khách quan, ba trong số đó là chủ quan, với bầu thứ mười giữ vị trí của "Đấng Phân Giải Duy Nhất".

214. Perhaps every scheme can have *ten* chains, seven of which are more objective, and three of which are subjective with the tenth holding the place of the "One Resolver".

214. Có lẽ mỗi hệ hành tinh có thể có *mười* dãy, bảy trong số đó khách quan hơn, và ba trong số đó là chủ quan, với dãy thứ mười giữ vị trí của "Đấng Phân Giải Duy Nhất".

215. Given such a structure, there could be *more* than seven rounds per congery of globes (chain rounds) or per congery of chains (scheme rounds). The final rounds (would there be two additional or even

215. Với một cấu trúc như vậy, có thể có *nhiều* hơn bảy cuộc tuần hoàn cho mỗi congery các bầu hành tinh (các cuộc tuần hoàn của dãy) hoặc cho mỗi congery các dãy (các cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh). Các

three?) could be related to what is called the "Inner Round". And the final rounds could be periods in which the processes of *synthesis* and *resolution* occur.

cuộc tuần hoàn cuối cùng (liệu có thêm hai hay thậm chí ba?) có thể liên hệ với điều được gọi là "Cuộc Tuần Hoàn Nội Tại". Và các cuộc tuần hoàn cuối cùng có thể là những thời kỳ trong đó các tiến trình *tổng hợp* và *phân giải* xảy ra.

216. The point is that subjectively such additional rounds *could* exist, even though evidence for their existence must be based upon extrapolated inference.

216. Vấn đề là, về mặt chủ quan, những cuộc tuần hoàn bổ sung như vậy *có thể* tồn tại, mặc dù bằng chứng cho sự tồn tại của chúng phải dựa trên suy luận ngoại suy.

217. In any case, we find Master DK *apparently* mixing chain *rounds* with chain ***cycles*** *that may not be rounds;* or mixing scheme *rounds* with scheme ***cycles*** *which may not be scheme rounds*—in order to arrive at the number *nine,* which number indicates a readiness for the Heavenly Man's true birth (into higher worlds or dimensions). It is this apparent or possible *mixture* which has generated the need for such complex speculations.

217. Dù sao đi nữa, chúng ta thấy Chân sư DK *dường như* đang trộn lẫn các *cuộc tuần hoàn* của dãy với các ***chu kỳ*** *của dãy có thể không phải là các cuộc tuần hoàn;* hoặc trộn lẫn các *cuộc tuần hoàn* của hệ hành tinh với các ***chu kỳ*** *của hệ hành tinh có thể không phải là các cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh*—để đi đến con số *chín,* con số biểu thị sự sẵn sàng cho sự giáng sinh đích thực của Đấng Thiên Nhân (vào các thế giới hay chiều kích cao hơn). Chính sự *pha trộn* có vẻ như vậy hoặc có thể như vậy đã tạo ra nhu cầu cho những suy đoán phức tạp như thế.

218. If a Heavenly Man is absorbed into one of the three synthesizing planets it is certainly equivalent to an initiation and to a *birth* "into yet higher worlds".

218. Nếu một Đấng Thiên Nhân được hấp thu vào một trong ba hành tinh tổng hợp, thì điều đó chắc chắn tương đương với một điểm đạo và với một sự *sinh ra* "vào những thế giới còn cao hơn nữa".

219. So in the progress of a Heavenly Man (or of Sanat Kumara) we have a kind of birth into incarnation *on our globe* accompanied by a series of initiations, AND *a kind of later birth into higher worlds* in relation to which all the initiations on our globe are as pre-natal events.

219. Vì vậy, trong tiến trình của một Đấng Thiên Nhân (hay của Đức Sanat Kumara), chúng ta có một loại giáng sinh vào nhập thể *trên bầu hành tinh của chúng ta* đi kèm với một chuỗi các điểm đạo, VÀ *một loại giáng sinh về sau vào các thế giới cao hơn* mà trong tương quan với nó, tất cả các điểm đạo trên bầu hành tinh của chúng ta đều là những biến cố tiền sản.

220. An unfolding incarnational, developmental process (complete with its

220. Một tiến trình nhập thể và phát triển đang khai mở (bao gồm cả các điểm đạo của

initiations) is simply a prenatal period in relation to a future birth of a higher kind.

nó) chỉ đơn giản là một thời kỳ tiền sản trong tương quan với một sự sinh ra tương lai thuộc loại cao hơn.

221. Are we aware that DK has been speaking of two types of processes simultaneously?

221. Chúng ta có nhận ra rằng Chân sư DK đã nói đồng thời về hai loại tiến trình không?

In this lies much food for thought, and much of moment [Page 372] for the profound student.

Chính trong điều này có nhiều điều đáng suy ngẫm, và nhiều điều hệ trọng [Page 372] đối với đạo sinh sâu sắc.

222. We have been attempting to digest somewhat the "food for thought" offered. There is often far more to the statements offered by DK than meets the eye.

222. Chúng ta đã cố gắng phần nào tiêu hóa "nhiều điều đáng suy ngẫm" được đưa ra. Thường có nhiều điều hơn trong những phát biểu do Chân sư DK đưa ra so với điều mắt thấy.

223. The Teaching is given and yet layer after layer of deeper teaching lies beneath that which has been presented. How deep do we wish to go?

223. Giáo Huấn được ban ra, nhưng hết lớp này đến lớp khác của giáo huấn sâu xa hơn nằm bên dưới điều đã được trình bày. Chúng ta muốn đi sâu đến mức nào?

We might couple with these suggestions the recollection that we are speaking here only of the Logos of our own scheme, and must carefully differentiate other cycles for the other Logoi—a thing as yet impossible for us.

Chúng ta có thể gắn với những gợi ý này sự ghi nhớ rằng ở đây chúng ta chỉ đang nói về Thượng đế của hệ hành tinh riêng của chúng ta, và phải cẩn thận phân biệt các chu kỳ khác của các Thượng đế khác—một điều hiện giờ chúng ta chưa thể làm được.

224. Earlier in the text DK speaks of Heavenly Men in general and of processes within Heavenly Men which parallel process within Solar Logoi and human beings (cf. the MDR tabulation titled "Tabulation on the Work of Three Types of Units" relating to TCF 290-291)).

224. Trước đó trong văn bản, Chân sư DK nói về các Đấng Thiên Nhân nói chung và về các tiến trình bên trong các Đấng Thiên Nhân song hành với các tiến trình bên trong các Thái dương Thượng đế và con người (x. bảng MDR có tiêu đề "Bảng về Công Việc của Ba Loại Đơn Vị" liên hệ với TCF 290-291)).

225. In what is said here, we are speaking only of *our own* Planetary Logos.

225. Trong điều được nói ở đây, chúng ta chỉ đang nói về *Hành Tinh Thượng Đế của riêng chúng ta*.

226. We may note that we began speaking of Sanat Kumara but shortly transitioned to a discussion our Heavenly Man in general.

226. Chúng ta có thể lưu ý rằng chúng ta đã bắt đầu nói về Đức Sanat Kumara nhưng chẳng bao lâu đã chuyển sang một cuộc thảo luận về Đấng Thiên Nhân của chúng ta nói chung.

227. The fact that Sanat Kumara is sometimes considered the Heavenly Man (as the full Planetary Logos) and sometimes is not is difficult.

227. Việc Đức Sanat Kumara đôi khi được xem là Đấng Thiên Nhân (như Hành Tinh Thượng Đế trọn vẹn) và đôi khi lại không phải như vậy là điều khó hiểu.

As this is meditated upon and studied, the wonder and beauty of the plan will become apparent.

Khi điều này được tham thiền và nghiên cứu, sự kỳ diệu và vẻ đẹp của Thiên Cơ sẽ trở nên hiển nhiên.

228. So many unsuspected seeds for meditation are presented by DK throughout this book.

228. Có biết bao hạt giống tham thiền không ngờ tới được Chân sư DK trình bày xuyên suốt cuốn sách này.

A clue to the idea of the final Avatar is likewise to be seen here.

Một manh mối về ý niệm Đấng Hoá Thân cuối cùng cũng có thể được thấy ở đây.

229. It would seem that every type of type of incarnation of a Planetary Logos is a kind of "Avatar". Thus, temporary incarnations are lesser Avatars and the final incarnation, or consummating incarnation, is the "final Avatar".

229. Dường như mọi loại nhập thể của một Hành Tinh Thượng Đế đều là một loại "Đấng Hoá Thân". Vì vậy, các nhập thể tạm thời là những Đấng Hoá Thân nhỏ hơn, và nhập thể cuối cùng, hay nhập thể viên mãn, là "Đấng Hoá Thân cuối cùng".

230. Always, it is the same Planetary Logos incarnating but with different degrees of fullness.

230. Luôn luôn vẫn là cùng một Hành Tinh Thượng Đế nhập thể nhưng với những mức độ viên mãn khác nhau.

Many **temporary incarnations** precede this consummating one, which will be the incarnation wherein the Heavenly Man, in the full beauty of **His completed seven cycles**, and prior to His merging into His synthesising goal, will demonstrate as the embodiment of that perfected quality, or logoic aspect, for which He **primarily** stands.

Nhiều **nhập thể tạm thời** đi trước nhập thể viên mãn này, là nhập thể trong đó Đấng Thiên Nhân, trong vẻ đẹp trọn vẹn của **bảy chu kỳ đã hoàn tất của Ngài**, và trước khi hòa nhập vào mục tiêu tổng hợp của Ngài, sẽ biểu lộ như hiện thân của phẩm tính hoàn hảo ấy, hay phương diện logoic ấy, mà Ngài **chủ yếu** đại diện.

231. Here we are certainly speaking of the Heavenly Man as the full Planetary Logos of a planetary scheme, in this case, our Earth-scheme.

231. Ở đây chắc chắn chúng ta đang nói về Đấng Thiên Nhân như Hành Tinh Thượng Đế trọn vẹn của một hệ hành tinh, trong trường hợp này là hệ Địa Cầu của chúng ta.

232. The consummating incarnation seems to signify the completion of seven scheme rounds and a focus upon the seventh planetary chain. If additional chains or additional rounds are involved, they must involve the "merging into His synthesising goal" and be deeply subjective.

232. Nhập thể viên mãn dường như biểu thị sự hoàn tất bảy cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh và sự tập trung vào dãy hành tinh thứ bảy. Nếu có các dãy bổ sung hay các cuộc tuần hoàn bổ sung liên quan, thì chúng hẳn phải liên quan đến "sự hòa nhập vào mục tiêu tổng hợp của Ngài" và mang tính chủ quan sâu sắc.

233. The implication from what is written is that our Planetary Logos is *not yet* demonstrating the perfected quality of the logoic aspect for which He primarily stands.

233. Hàm ý từ điều được viết là Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta *vẫn chưa* biểu lộ phẩm tính hoàn hảo của phương diện logoic mà Ngài chủ yếu đại diện.

234. In this solar system that quality may well be the *second ray,* the soul ray of our Planetary Logos (cf. EA 619).

234. Trong hệ mặt trời này, phẩm tính ấy rất có thể là *cung hai,* cung linh hồn của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta (x. EA 619).

235. The word "primarily" however, may be an interesting allusion to the "primary ray" which is the monadic ray—in the case of our Planetary Logos, the *first.*

235. Tuy nhiên, từ "chủ yếu" có thể là một ám chỉ thú vị đến "cung chính yếu", tức là cung chân thần—trong trường hợp Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, là cung *một.*

236. It does not seem possible, however, that the ultimate monadic consummation for our Planetary Logos would occur in *this* solar system, a system so focussed on the expression of *soul.*

236. Tuy nhiên, dường như không thể nào sự viên mãn chân thần tối hậu của Hành Tinh Thượng Đế chúng ta lại xảy ra trong *hệ mặt trời này*, một hệ tập trung rất mạnh vào sự biểu lộ của *linh hồn.*

237. We have in an earlier Commentary reviewed the different types of incarnations through which a Heavenly Man may express:

237. Trong một Cổ Luận trước đây, chúng ta đã điểm lại các loại nhập thể khác nhau qua đó một Đấng Thiên Nhân có thể biểu lộ:

a. A scheme incarnation

a. Một nhập thể của hệ hành tinh

b. Chain incarnations

b. Các nhập thể của dãy

c. Globe incarnations

c. Các nhập thể của bầu hành tinh

d. Incarnations through kingdoms of nature

d. Các nhập thể qua các giới trong thiên nhiên

e. Through races, subraces, root races and branch races, etc.

e. Qua các nhân loại, giống dân phụ, giống dân gốc và các giống dân nhánh, v.v.

238. All these are “temporary incarnations”.

238. Tất cả những điều này đều là “nhập thể tạm thời”.

239. The consummating incarnation involves (so reason informs us) the completion of at least seven scheme rounds —however these rounds may be executed (as there are at least two options for execution with much overlapping possible.)

239. Nhập thể viên mãn bao hàm (theo như lý trí cho chúng ta biết) sự hoàn tất ít nhất bảy cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh—dù các cuộc tuần hoàn ấy được thực hiện theo cách nào đi nữa (vì có ít nhất hai phương án thực hiện với rất nhiều khả năng chồng lấn).

a. For instance, one scheme round may be complete once all chains have experienced their first round, but the onset of rounds within the chains may follow an overlapping process—for instance the first round of the second chain beginning only once the second round of the first chain has begun.

a. Chẳng hạn, một cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh có thể hoàn tất khi mọi dãy đều đã trải qua cuộc tuần hoàn thứ nhất của mình, nhưng sự khởi đầu các cuộc tuần hoàn trong các dãy có thể theo một tiến trình chồng lấn —ví dụ, cuộc tuần hoàn thứ nhất của dãy thứ hai chỉ bắt đầu khi cuộc tuần hoàn thứ hai của dãy thứ nhất đã bắt đầu.

b. Or, the completion of seven chain rounds may be considered one scheme round. This is a more linear approach and does not account for the paralleling activity apparently occurring on all chains simultaneously.

b. Hoặc, sự hoàn tất bảy cuộc tuần hoàn của dãy có thể được xem là một cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh. Đây là một cách tiếp cận tuyến tính hơn và không tính đến hoạt động song hành dường như đang xảy ra đồng thời trên mọi dãy.

240. There are many possibilities and no satisfying way (at this point) of confirming what the truth may be.

240. Có rất nhiều khả năng và hiện chưa có cách nào thỏa đáng để xác nhận chân lý có thể là gì.

As a centre in the body logoic, He will be fully vitalised, and the logoic kundalini will have stimulated, and aroused to perfection His systemic Lotus.

Là một trung tâm trong thể logoic, Ngài sẽ được tiếp sinh lực trọn vẹn, và kundalini logoic sẽ kích thích và khơi dậy đến mức hoàn hảo Hoa sen hệ thống của Ngài.

241. We are still speaking of the "final Avatar", considered as the consummating incarnation of our Planetary Logos.

241. Chúng ta vẫn đang nói về "Đấng Hoá Thân cuối cùng", được xem như nhập thể viên mãn của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

242. Like all other Planetary Logoi, our Planetary Logos expresses as a multi-dimensional "Lotus" within the many vehicles of our Solar Logos. Just as our chakric lotuses are multidimensional, so, we may presume, are the lotuses of our Solar Logos.

242. Giống như mọi Hành Tinh Thượng Đế khác, Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta biểu lộ như một "Hoa sen" đa chiều trong nhiều vận cụ của Thái dương Thượng đế của chúng ta. Cũng như các hoa sen luân xa của chúng ta là đa chiều, thì, chúng ta có thể giả định, các hoa sen của Thái dương Thượng đế của chúng ta cũng vậy.

243. Our Planetary Logos represents one of these multi-dimensional Lotuses.

243. Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta tượng trưng cho một trong những Hoa sen đa chiều ấy.

244. We note that kundalini is an instrument which brings entities into fulness of expression. The kundalini guarantees *full* unfoldment.

244. Chúng ta lưu ý rằng kundalini là một công cụ đưa các thực thể đến sự biểu lộ viên mãn. Kundalini bảo đảm sự khai mở *trọn vẹn*.

For a brief period He will shine forth radiant as the Sun in His glory; **then the kundalinic fire will pass in higher progressive spirals,** and He will gradually become centred in the corresponding logoic head centre, the higher triangle or the major three schemes.

Trong một thời gian ngắn, Ngài sẽ chiếu sáng rực rỡ như Mặt Trời trong vinh quang của Ngài; **sau đó lửa kundalini sẽ đi qua trong những vòng xoắn ốc tiến hóa cao hơn,** và Ngài sẽ dần dần trở nên tập trung trong trung tâm đầu logoic tương ứng, tam giác cao hơn hay ba hệ hành tinh chính yếu.

245. Here is a glorious picture planetary-logoic consummation.

245. Ở đây là một bức tranh huy hoàng về sự viên mãn của Hành Tinh Thượng Đế.

246. Much occultism is revealed in the section immediately above.

246. Nhiều huyền bí học được mặc khải trong đoạn ngay trên.

247. Kundalini brings about a consummating incarnation occurring when *seven* cycles have been completed, yet the kundalini pursues still higher progressive spirals.

247. Kundalini mang lại một nhập thể viên mãn xảy ra khi *bảy* chu kỳ đã hoàn tất, tuy nhiên kundalini vẫn tiếp tục theo đuổi những vòng xoắn ốc tiến hóa còn cao hơn nữa.

248. Cycles in excess of seven seem to be suggested. Nine cycles are discussed above (TCF 371)

248. Dường như có gợi ý về các chu kỳ vượt quá số bảy. Chín chu kỳ đã được bàn ở trên (TCF 371)

249. During this further and subjective development, the stages of obscuration and absorption (also called synthesis and resolution) are pursued. The kundalini is also instrumental in producing these more subjective states (lying within and 'above' the perfected objectivity of the number seven).

249. Trong sự phát triển tiếp theo và mang tính chủ quan này, các giai đoạn che mờ và hấp thu (cũng được gọi là tổng hợp và phân giải) được theo đuổi. Kundalini cũng là công cụ tạo ra những trạng thái chủ quan hơn này (nằm bên trong và "ở trên" tính khách quan hoàn hảo của con số bảy).

250. The three higher centers in any energy system are generally considered the head, heart and throat. It is possible, however, to abstract the three into the head (and even into the head center itself).

250. Ba trung tâm cao hơn trong bất kỳ hệ thống năng lượng nào thường được xem là đầu, tim và cổ họng. Tuy nhiên, cũng có thể rút ba trung tâm ấy vào đầu (và thậm chí vào chính trung tâm đầu).

251. If abstracted into the head, we would have the crown, the ajna and the alta major center represented (in the Solar Logos) by Uranus, Neptune and Saturn respectively.

251. Nếu được rút vào đầu, chúng ta sẽ có trung tâm đỉnh đầu, ajna và trung tâm alta major, lần lượt được biểu thị (trong Thái dương Thượng đế) bởi Sao Thiên Vương, Sao Hải Vương và Sao Thổ.

252. If abstracted into the crown center, then the "Jewel in the Lotus" of the twelve petalled head center would be represented by Uranus, the twelve major petals by Neptune and all the other petals by Saturn.

252. Nếu được rút vào trung tâm đỉnh đầu, thì "Ngọc trong Hoa Sen" của trung tâm đầu mười hai cánh sẽ được biểu thị bởi Sao Thiên Vương, mười hai cánh chính bởi Sao Hải Vương, và tất cả các cánh khác bởi Sao Thổ.

253. Will the Heavenly Man be centered in one logoic head center or in a triangle? Or is the "corresponding logoic head center" really a triangle? The words used are slightly ambiguous.

253. Đấng Thiên Nhân sẽ tập trung trong một trung tâm đầu logoic hay trong một tam giác? Hay "trung tâm đầu logoic tương ứng" thực ra là một tam giác? Những từ được dùng hơi mơ hồ.

254. We will have to discover in the Heavenly Man the analogy to the seven higher head centers, the "greater seven" in the life of the microcosm. Are there inner schemes which relate to these seven head centers? Just as the "greater seven" may be considered important in the absorption of the life force of the microcosm at the time of abstraction, is there a parallel in the life of the Heavenly Man?

254. Chúng ta sẽ phải khám phá nơi Đấng Thiên Nhân sự tương đồng với bảy trung tâm đầu cao hơn, "bảy lớn hơn" trong đời sống của tiểu thiên địa. Có những hệ hành tinh nội tại nào liên hệ với bảy trung tâm đầu này không? Cũng như "bảy lớn hơn" có thể được xem là quan trọng trong sự hấp thu sinh lực của tiểu thiên địa vào lúc rút ra, liệu có một sự song hành trong đời sống của Đấng Thiên Nhân không?

To illustrate by means of a human being, the microcosm: Man attains a period of high development wherein his heart and throat centre are perfected and vitalised;

Để minh họa bằng con người, tức tiểu thiên địa: Con người đạt đến một thời kỳ phát triển cao trong đó trung tâm tim và trung tâm cổ họng của y được hoàn thiện và tiếp sinh lực;

255. To clarify the process which occurs in relation a Heavenly Man, DK uses the human analogy.

255. Để làm sáng tỏ tiến trình xảy ra trong liên hệ với một Đấng Thiên Nhân, Chân sư DK dùng phép tương đồng nơi con người.

256. We are speaking here of developmental phases involving, eventually, the three major chakras.

256. Ở đây chúng ta đang nói về các giai đoạn phát triển cuối cùng liên quan đến ba luân xa chính.

257. As stated, the three major centers are usually considered head, heart and throat.

257. Như đã nói, ba trung tâm chính thường được xem là đầu, tim và cổ họng.

258. Immediately above DK mentions a developmental phase in which *two* of the three major centers are perfected and vitalized.

258. Ngay phía trên, Chân sư DK đề cập đến một giai đoạn phát triển trong đó *hai* trong ba trung tâm chính được hoàn thiện và tiếp sinh lực.

259. The second and third aspects fully stimulated, coordinated and allied.

259. Phương diện thứ hai và thứ ba được kích thích, phối hợp và liên kết trọn vẹn.

they become radiant whorls of fire, fourth dimensional in action, and allied with each other **and with some other centre**;

chúng trở thành những vòng xoáy lửa rực sáng, hoạt động trong chiều thứ tư, và liên kết với nhau **và với một trung tâm nào khác**;

260. Another center (not yet the head center) is united with these two major centers.

260. Một trung tâm khác (chưa phải là trung tâm đầu) được hợp nhất với hai trung tâm chính này.

they become likewise the object of the attention of human kundalini. This is a period of great activity and magnetic usefulness.

chúng cũng trở thành đối tượng của sự chú ý của kundalini nơi con người. Đây là một thời kỳ hoạt động lớn lao và hữu dụng từ tính.

261. The two major centers and one other center form a triangle which becomes, likewise, the object of kundalini.

261. Hai trung tâm chính và một trung tâm khác tạo thành một tam giác, tam giác này cũng trở thành đối tượng của kundalini.

262. The very active (third aspect) and magnetic (second aspect) period described is one of *soul* expression. It is not yet the period of total consummation, obscuration and absorption. It is not yet the phase of synthesis and resolution.

262. Thời kỳ rất hoạt động (phương diện thứ ba) và từ tính (phương diện thứ hai) được mô tả là một thời kỳ biểu lộ của *linh hồn*. Đó chưa phải là thời kỳ viên mãn hoàn toàn, che mờ và hấp thu. Đó chưa phải là giai đoạn tổng hợp và phân giải.

It is succeeded by still another, wherein the three head centres are synthesising their seven minor correspondences, and the force of kundalini passes there. As above, so below.

Tiếp theo đó là một thời kỳ khác nữa, trong đó ba trung tâm đầu đang tổng hợp bảy tương ứng nhỏ của chúng, và mãnh lực kundalini đi vào đó. trên sao, dưới vậy.

263. We have here a decad and not simply a septenate.

263. Ở đây chúng ta có một decad chứ không chỉ đơn giản là một bộ bảy.

264. We are not sure of which three head centers DK may be speaking.

264. Chúng ta không chắc Chân sư DK có thể đang nói đến ba trung tâm đầu nào.

265. It is interesting that *seven* minor should *correspond* to *three* major. Usually, when dealing with correspondences, the corresponding groups have the same number of members.

265. Điều đáng chú ý là *bảy* yếu tố nhỏ lại *tương ứng* với *ba* yếu tố lớn. Thông thường, khi bàn đến các tương ứng, các nhóm tương ứng có cùng số lượng thành viên.

266. DK is speaking of a strictly *spiritual* period following upon the period of full soul expression through the activity aspect.

266. Chân sư DK đang nói về một thời kỳ hoàn toàn *tinh thần* tiếp theo sau thời kỳ biểu lộ trọn vẹn của linh hồn qua phương diện hoạt động.

267. We can imagine a period in which three supreme head center are synthesizing what are usually called the "seven head centers" (the "greater seven"). Or on a somewhat lesser scale, we could imagine that three of seven head centers (the "greater seven") are synthesizing the seven centers called the "lesser seven"—all this occurring upon the "double circle" (cf. IHS 200).

267. Chúng ta có thể hình dung một thời kỳ trong đó ba trung tâm đầu tối cao đang tổng hợp điều thường được gọi là "bảy trung tâm đầu" ("bảy lớn hơn"). Hoặc ở một quy mô nhỏ hơn đôi chút, chúng ta có thể hình dung rằng ba trong bảy trung tâm đầu ("bảy lớn hơn") đang tổng hợp bảy trung tâm được gọi là "bảy nhỏ hơn"—tất cả điều này xảy ra trên "vòng tròn kép" (x. IHS 200).

268. For the man, there are ten. For the Solar Logos there are ten, and (although no chart portrays it), for the Planetary Logos there are also ten. There are always a higher three and a lower seven.

268. Đối với con người, có mười. Đối với Thái dương Thượng đế, có mười, và (mặc dù không có biểu đồ nào mô tả điều đó), đối với Hành Tinh Thượng Đế cũng có mười. Luôn luôn có ba cao hơn và bảy thấp hơn.

I have especially mentioned these two centres in the microcosm as they are closely concerned (on a larger scale) with the particular cycles through which our [Page 374] planetary Logos passes, and because they represent the third and second aspects.

Tôi đặc biệt đề cập đến hai trung tâm này trong tiểu thiên địa vì chúng liên hệ mật thiết (trên quy mô lớn hơn) với các chu kỳ đặc thù mà Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta trải qua, và vì chúng tượng trưng cho phương diện thứ ba và thứ hai.

269. This is clear: "activity" suggests the third aspect and "magnetism" the second.

269. Điều này rõ ràng: "hoạt động" gợi ý phương diện thứ ba và "từ tính" gợi ý phương diện thứ hai.

270. Our Planetary Logos is not yet expressing as a Spirit. His monadic ray (while identified and numbered) is as yet occultly non-effective.

270. Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta chưa biểu lộ như một Tinh thần. Cung chân thần của Ngài (dù đã được nhận diện và đánh số) hiện vẫn chưa hữu hiệu theo nghĩa huyền bí.

271. His task is to become a full *soul* in expressive incarnation.

271. Nhiệm vụ của Ngài là trở thành một *linh hồn* trọn vẹn trong nhập thể biểu lộ.

272. This means that His second ray soul must infuse His third ray personality.

272. Điều này có nghĩa là linh hồn cung hai của Ngài phải thấm nhuần phàm ngã cung ba của Ngài.

273. Our Planetary Logos is taking a minor fourth initiation through His fourth chain, the Earth-chain. Once He takes His fifth minor initiation, He will become more highly expressive of His soul nature, at least through His fourth chain.

273. Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang trải qua một lần điểm đạo thứ tư nhỏ qua dãy thứ tư của Ngài, Dãy Địa Cầu. Một khi Ngài trải qua lần điểm đạo thứ năm nhỏ của Ngài, Ngài sẽ biểu lộ bản chất linh hồn của Ngài ở mức độ cao hơn, ít nhất là qua dãy thứ tư của Ngài.

274. Yet it must not be forgotten that in a cosmic sense, He has not yet taken the second initiation, and so, from a scheme perspective, is yet far from being a fully expressing soul.

274. Tuy nhiên, không được quên rằng theo nghĩa vũ trụ, Ngài vẫn chưa trải qua lần điểm đạo thứ hai, và vì vậy, từ quan điểm của hệ hành tinh, Ngài vẫn còn rất xa mới là một linh hồn biểu lộ trọn vẹn.

275. Chart VI, immediately below, is one of the most challenging charts in TCF. We will attempt bring forward some thoughts which, if pondered, may lead to greater understanding.

275. Biểu đồ VI, ngay bên dưới, là một trong những biểu đồ thách thức nhất trong TCF. Chúng ta sẽ cố gắng đưa ra một số tư tưởng mà, nếu được suy ngẫm, có thể dẫn đến sự thấu hiểu lớn hơn.

276. Much that is said will necessarily be speculative and based upon the Law of Correspondences.

276. Phần lớn những gì được nói ra tất yếu sẽ mang tính suy đoán và dựa trên định luật tương ứng.

CHART VI

BIỂU ĐỒ VI

The Divine Septenary hanging from the Triad thus forming the Decad and its permutations 7, 5, 4, 3, (S.D. (Vol. I, pp. 259)

Bộ Bảy Thiêng Liêng treo từ Tam nguyên tinh thần xuống, do đó hình thành decad và các hoán vị của nó 7, 5, 4, 3, (S.D. (Tập I, tr. 259)

277. The Triad represented below is the Sun. We can call it the ‘Solar Triad’.

277. Tam nguyên tinh thần được biểu thị bên dưới là Mặt Trời. Chúng ta có thể gọi nó là ‘Tam nguyên tinh thần Thái dương’.

278. Even though the structures which ‘hang’ from the Triad are nine or ten in number, they are called the “Divine

278. Mặc dù các cấu trúc “treo” từ Tam nguyên tinh thần xuống có số lượng là chín hoặc mười, chúng vẫn được gọi là “Bộ Bảy

Septenary". Some of the lesser structures within the nine or ten must, therefore, be enfolded into a seven.

Thiêng Liêng". Do đó, một số cấu trúc nhỏ hơn bên trong số chín hay mười ấy hẳn phải được bao hàm vào trong một bộ bảy.

279. When the Divine Septenary is added to the 'Solar Triad', the Decad is produced.

279. Khi Bộ Bảy Thiêng Liêng được cộng vào 'Tam nguyên tinh thần Thái dương', Decad được tạo thành.

280. We can see that in occult philosophy there are many ways of counting.

280. Chúng ta có thể thấy rằng trong triết học huyền bí có nhiều cách đếm.

281. If one studies the geometry created by the arrangement of schemes and chains one can find most of the permutations 7, 5, 4, 3. Also 2 and 6 are to be found. The 5 is the most difficult to find but some methods of analyzing the scheme and their relationships may reveal it.

281. Nếu nghiên cứu hình học được tạo ra bởi sự sắp xếp của các hệ hành tinh và các dãy, người ta có thể tìm thấy hầu hết các hoán vị 7, 5, 4, 3. Cả 2 và 6 cũng có thể được tìm thấy. Số 5 là khó tìm nhất nhưng một số phương pháp phân tích hệ hành tinh và các tương quan của chúng có thể làm lộ ra nó.

282. According to the definition of "permutation" below, there are many ways to arrange the schemes given in Chart VI. The use of the word "permutations" (as HPB uses it) seems to suggest more than the formal definition.

282. Theo định nghĩa về "hoán vị" dưới đây, có nhiều cách để sắp xếp các hệ hành tinh được nêu trong Biểu đồ VI. Việc dùng từ "hoán vị" (theo cách HPB dùng) dường như gợi ý nhiều hơn định nghĩa hình thức.

The concept of a permutation expresses the idea that distinguishable objects may be arranged in various different orders. For instance, with the numbers one to six, each possible order makes a list of the numbers, without repetitions. One such permutation is: "3, 4, 6, 1, 2, 5".

Khái niệm hoán vị diễn tả ý tưởng rằng các đối tượng có thể phân biệt được có thể được sắp xếp theo nhiều trật tự khác nhau. Chẳng hạn, với các số từ một đến sáu, mỗi trật tự khả dĩ tạo thành một danh sách các số, không lặp lại. Một hoán vị như thế là: "3, 4, 6, 1, 2, 5".

There are a number of ways in which the permutation concept may be defined more formally. A permutation is an ordered sequence containing each symbol from a set once and only once; (Wikipedia)

Có một số cách để định nghĩa khái niệm hoán vị một cách hình thức hơn. Hoán vị là một dãy có thứ tự chứa mỗi ký hiệu của một tập hợp một lần và chỉ một lần; (Wikipedia)

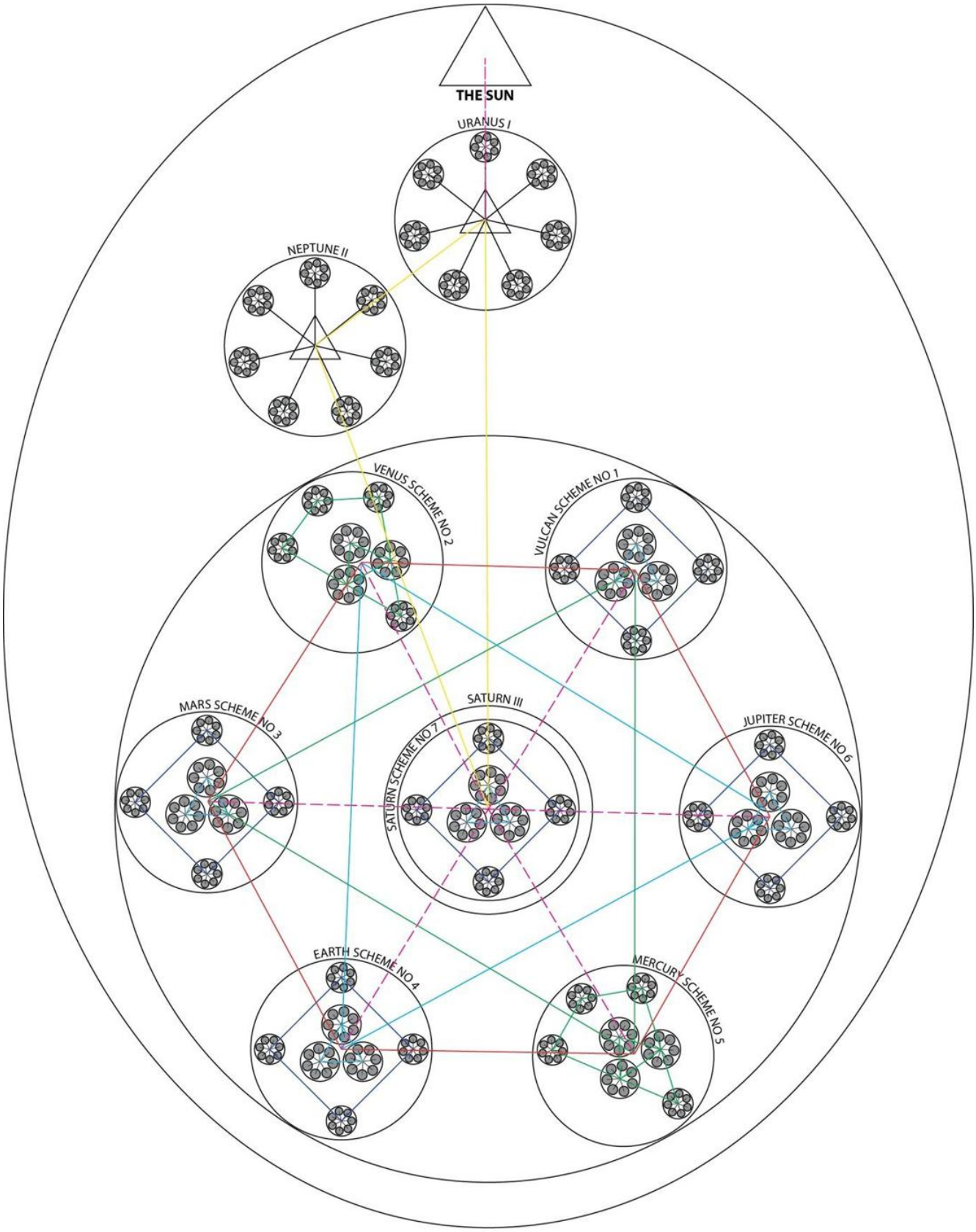

CHART VI - Solar Septenary Chart—From the middle of the Third Root Race, at the Fourth Round to "The Judgment Day" in the middle of the Fifth Round

283. We will now examine this chart for its implications.

283. Bây giờ chúng ta sẽ khảo sát biểu đồ này về các hàm ý của nó.

284. When studying this chart, please use the diagram in your TCF book as several details present in that chart were not accurately transferred into the electronic representation of the chart on the AAB CDRom.

284. Khi nghiên cứu biểu đồ này, xin vui lòng dùng sơ đồ trong sách TCF của các bạn vì một số chi tiết trong biểu đồ đó đã không được chuyển chính xác vào bản trình bày điện tử của biểu đồ trên AAB CDRom.

285. We have a diagram presenting either nine or ten planetary schemes (depending upon how we wish to deal with the 'double Saturn'). Included in the diagram is the Sun considered as the "One Resolver".

285. Chúng ta có một sơ đồ trình bày hoặc chín hoặc mười hệ hành tinh (tùy theo cách chúng ta muốn xử lý 'Sao Thổ kép'). Trong sơ đồ có bao gồm Mặt Trời được xem như "Đấng Phân Giải Duy Nhất".

286. The three great aspects of divinity are represented by Uranus, Neptune and the large circle including six planetary schemes (Vulcan, Venus, Mars, Earth, Mercury and Jupiter) plus Saturn found in the center of the hexagon (let us call it the 'central Saturn-scheme' or 'central Saturn'.

286. Ba phương diện lớn của thiên tính được biểu thị bởi Sao Thiên Vương, Sao Hải Vương và vòng tròn lớn bao gồm sáu hệ hành tinh (Vulcan, Sao Kim, Sao Hỏa, Trái Đất, Sao Thủy và Sao Mộc) cộng với Sao Thổ nằm ở trung tâm của hình lục giác (chúng ta hãy gọi nó là 'hệ Sao Thổ trung tâm' hay 'Sao Thổ trung tâm'.

287. We notice that a large triangle connects the centers of the Uranus-scheme, the Neptune-scheme and the Saturn-scheme.

287. Chúng ta nhận thấy một tam giác lớn nối các trung tâm của hệ Sao Thiên Vương, hệ Sao Hải Vương và hệ Sao Thổ.

288. There appears to be a Saturn which is simply one of the sevenfold planetary schemes, and a *greater Saturn* which in the form of Brahma, includes six other planetary schemes (and perhaps more that are not shown in this diagram—planets such as Pluto and other planets of lower order). We will call the sevenfold system 'greater Saturn'.

288. Dường như có một Sao Thổ chỉ đơn giản là một trong bảy hệ hành tinh, và một *Sao Thổ lớn hơn* mà dưới hình thức Brahma, bao gồm sáu hệ hành tinh khác (và có lẽ còn nhiều hơn nữa không được trình bày trong sơ đồ này—những hành tinh như Sao Diêm Vương và các hành tinh khác thuộc cấp thấp hơn). Chúng ta sẽ gọi hệ thống bảy phần này là 'Sao Thổ lớn hơn'.

289. Saturn is said to be (eventually) the synthesizer or "major resolution" of all the seven.

289. Sao Thổ được nói là (rốt cuộc) đấng tổng hợp hay "sự phân giải lớn" của cả bảy.

"Saturn is the synthesising scheme for the four planets which embody manas pure and simple and is the major resolution for the minor four and eventually for all The Seven." (EA 668-669, TCF 370)

"Sao Thổ là hệ hành tinh tổng hợp cho bốn hành tinh hiện thân cho manas thuần túy và đơn giản, và là sự phân giải lớn cho bốn nhỏ hơn và cuối cùng cho tất cả Bảy." (EA 668-669, TCF 370)

290. It is important to know which "seven" are meant. If we study Chart VI we may understand that 'greater Saturn' may be synthesizer of six planetary schemes *plus* the 'lesser Saturn'.

290. Điều quan trọng là phải biết "bảy" nào được nói đến. Nếu nghiên cứu Biểu đồ VI, chúng ta có thể hiểu rằng 'Sao Thổ lớn hơn' có thể là đấng tổng hợp của sáu hệ hành tinh *cộng với* 'Sao Thổ nhỏ hơn'.

291. Often the term "minor four" may mean the four Rays of Attribute, but if we examine the planets distributing the Rays of Attribute we shall have to include not only Mercury and Venus (two very *manasic* planets) but also Uranus and Neptune (very reasonably the greatest planets in our solar system). It is highly unlikely that Saturn is the synthesizer of Uranus and Neptune (two highly advance, esoteric and synthetic planets).

291. Thường thì thuật ngữ "bốn nhỏ hơn" có thể có nghĩa là bốn Các Cung Thuộc Tính, nhưng nếu khảo sát các hành tinh phân phối Các Cung Thuộc Tính, chúng ta sẽ phải bao gồm không chỉ Sao Thủy và Sao Kim (hai hành tinh rất *manas*) mà còn cả Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương (rất hợp lý là những hành tinh lớn nhất trong hệ mặt trời của chúng ta). Rất khó có khả năng Sao Thổ là đấng tổng hợp của Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương (hai hành tinh rất tiến bộ, nội môn và tổng hợp).

292. If we simply focus on the diagram and choose the path of simplicity, we can choose to think that Saturn ('greater Saturn') is the synthesizer of the seven schemes diagramed within the large circle (*as distinct from* the large *oval*).

292. Nếu chúng ta chỉ tập trung vào sơ đồ và chọn con đường đơn giản, chúng ta có thể chọn nghĩ rằng Sao Thổ ('Sao Thổ lớn hơn') là đấng tổng hợp của bảy hệ hành tinh được vẽ trong vòng tròn lớn (*phân biệt với* hình *bầu dục* lớn).

293. Chart VI is an extensive diagram. It depicts the major stellar and planetary Entities within our solar system—i.e., nine or ten planetary chains (depending on how one chooses to count). It depicts seven planetary chains within every one of the planetary schemes. It depicts seven globes within each planetary chain.

293. Biểu đồ VI là một sơ đồ rộng lớn. Nó mô tả các Thực Thể tinh tú và hành tinh chính yếu trong hệ mặt trời của chúng ta—tức là chín hay mười dãy hành tinh (tùy theo cách người ta chọn đếm). Nó mô tả bảy dãy hành tinh trong mỗi một hệ hành tinh. Nó mô tả bảy bầu hành tinh trong mỗi dãy hành tinh.

294. We will focus on the arrangement of the chains and globes and the particular

294. Chúng ta sẽ tập trung vào sự sắp xếp của các dãy và các bầu hành tinh cùng hình

geometry which (when articulated rather than presented in a conventional manner—as in the Uranus and Neptune schemes) may reveal something about the nature of the chains especially. A later diagram (TCF 385) tells us even more about the structure of chains (within the Earth-scheme) and a little about the relative importance of globes within those chains.

295. We notice that the Sun is represented as a triangle. Really this triangle depicts the Solar Logos and not the physical Sun, just as any scheme given a usual planetary name represents the Planetary Logos Who uses that scheme as a vehicle of expression and not just the physical vehicle of that Logos.

296. The uppermost triangle (the 'Solar Triad') should perhaps be represented as a triangle with a central "eye". We do see that the importance of the center of the triangle is implied because a line extends downwards from the center of that triangle and goes straight to the very center of the triangle found in the center of the Uranus-scheme.

297. We note that the line extending from the Sun is *dotted,* whereas the lines connecting the Uranus, Neptune and 'greater Saturn' schemes are continuous.

298. A dotted line suggests a line of connection that is real but not yet complete. We will notice that between some of the planetary schemes within 'greater Saturn' dotted lines are drawn rather than continuous lines.

299. Dotted lines connect each of the six intra-Saturnian schemes with the 'central

học đặc thù mà (khi được trình bày theo cách khai triển thay vì theo lối quy ước—như trong các hệ Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương) có thể tiết lộ điều gì đó về bản chất của đặc biệt là các dãy. Một sơ đồ về sau (TCF 385) cho chúng ta biết nhiều hơn nữa về cấu trúc của các dãy (trong hệ Địa Cầu) và một ít về tầm quan trọng tương đối của các bầu hành tinh trong các dãy ấy.

295. Chúng ta nhận thấy Mặt Trời được biểu thị như một tam giác. Thực ra tam giác này mô tả Thái dương Thượng đế chứ không phải Mặt Trời hồng trần, cũng như bất kỳ hệ hành tinh nào được gọi bằng một tên hành tinh thông thường đều tượng trưng cho Hành Tinh Thượng Đế, Đấng dùng hệ ấy như một vận cụ biểu lộ, chứ không chỉ là vận cụ hồng trần của Thượng đế ấy.

296. Tam giác cao nhất ("Tam Nguyên Thái Dương") có lẽ nên được biểu thị như một tam giác với một "mắt" ở trung tâm. Chúng ta quả thật thấy rằng tầm quan trọng của trung tâm tam giác được hàm ý, bởi vì một đường kéo xuống từ trung tâm của tam giác ấy và đi thẳng đến chính trung tâm của tam giác nằm ở trung tâm của hệ Uranus.

297. Chúng ta lưu ý rằng đường kéo ra từ Mặt Trời là *nét đứt,* trong khi các đường nối các hệ Uranus, Neptune và "Saturn lớn hơn" thì là nét liền.

298. Một đường nét đứt gợi ý một đường liên kết có thực nhưng chưa hoàn chỉnh. Chúng ta sẽ nhận thấy rằng giữa một số hệ hành tinh bên trong "Saturn lớn hơn", các đường nét đứt được vẽ thay vì các đường nét liền.

Saturn-scheme'. By extension, dotted lines connect:

299. Các đường nét đứt nối mỗi một trong sáu hệ nội-Saturn với "hệ Saturn trung tâm". Theo sự mở rộng, các đường nét đứt nối:

a. Vulcan and the Earth

a. Vulcan và Trái Đất

b. Mercury and Venus

b. Mercury và Venus

c. Jupiter and Mars

c. Jupiter và Mars

300. The triangles at the center of both the Uranus and Neptune schemes are like replicas of the triangle representing the Sun. In fact, every scheme has its triangular replication of the 'Solar Triad'.

300. Các tam giác ở trung tâm của cả hai hệ Uranus và Neptune giống như những bản sao của tam giác biểu thị Mặt Trời. Thật vậy, mỗi hệ đều có sự sao chép tam giác của "Tam Nguyên Thái Dương".

301. Our Solar Logos is dual, representing Love and Wisdom. It may be that, of all the planetary schemes, the Uranus and Neptune schemes more completely represent this duality. Uranus would be correlated with Wisdom and Neptune with Love.

301. Thái dương Thượng đế của chúng ta là nhị nguyên, biểu thị Bác ái và minh triết. Có thể là, trong tất cả các hệ hành tinh, các hệ Uranus và Neptune biểu thị nhị nguyên tính này đầy đủ hơn cả. Uranus sẽ tương ứng với minh triết và Neptune với Bác ái.

302. From another perspective, Uranus is a reflection of the Central Spiritual Sun and the electric fire of the Solar Logos, while Neptune is a reflection of the Heart of the Sun and the solar fire of the Solar Logos.

302. Từ một góc nhìn khác, Uranus là một phản chiếu của Mặt trời Tinh thần Trung Ương và Lửa Điện của Thái dương Thượng đế, trong khi Neptune là một phản chiếu của Trái Tim của Mặt Trời và Lửa Thái dương của Thái dương Thượng đế.

303. The Central Spiritual Sun and the Heart of the Sun are the two most esoteric factors in the constitution of the Solar Logos and they are reflected by the two most esoteric planets in our solar system.

303. Mặt trời Tinh thần Trung Ương và Trái Tim của Mặt Trời là hai yếu tố huyền bí nhất trong cấu tạo của Thái dương Thượng đế, và chúng được phản chiếu bởi hai hành tinh huyền bí nhất trong hệ mặt trời của chúng ta.

304. The triangles at the center of the Uranus and Neptune schemes are very easy to see because of the circular manner in which the seven chains are drawn in the diagrams representing these schemes.

304. Các tam giác ở trung tâm của các hệ Uranus và Neptune rất dễ thấy vì cách thức hình tròn mà bảy dãy được vẽ trong các sơ đồ biểu thị các hệ này.

305. However, if one looks closely, one sees that each of the schemes in Chart VI has a *central triangle.*

306. In each scheme, therefore, there is a structure or relationship representing the 'Solar Triad'. The 'Solar Triad' may, in fact, represent the Three Logoi of our solar system (Logoi surrounding and subsidiary to the Solar Logos). Our Solar Logos, per se, could then be represented as a point within the triangle or an "Eye" within the triangle.

307. Could it be that each central triangle represents *three subjective chains,* for tenfoldness is to be found within each entity —from the atom (drawn by Babbitt), to the man, to the Heavenly Man to the Solar Logos.

308. The Kabbalistic "Tree of Life" is the *tenfold* structure consisting of a *three* and a *seven.* Each of the schemes displays this structure.

309. There is much mystery concerning the true nature of the "inner round". Perhaps there are some planetary schemes (like Mercury) in which the inner round plays a more prominent role in planetary process. But could it be that the inner triangle in each scheme (if it represents three deeply subjective chains) could be the planetary 'locale' in which a type of inner round could be pursued? This though is, of course, speculative.

310. Perhaps the important thing to notice is that the presence of the triangles within otherwise sevenfold schemes renders all these schemes (in a way) *tenfold.* The

305. Tuy nhiên, nếu quan sát kỹ, người ta sẽ thấy rằng mỗi hệ trong Biểu Đồ VI đều có một *tam giác trung tâm.*

306. Vì vậy, trong mỗi hệ đều có một cấu trúc hay tương quan biểu thị "Tam Nguyên Thái Dương". "Tam Nguyên Thái Dương" thật ra có thể biểu thị Ba Thượng đế của hệ mặt trời chúng ta (Các Thượng đế bao quanh và phụ thuộc vào Thái dương Thượng đế). Khi ấy, chính Thái dương Thượng đế của chúng ta có thể được biểu thị như một điểm bên trong tam giác hay một "Mắt" bên trong tam giác.

307. Có thể chăng mỗi tam giác trung tâm biểu thị *ba dãy chủ quan,* vì tính thập phân được tìm thấy trong mỗi thực thể—từ nguyên tử (do Babbitt vẽ), đến con người, đến Đấng Thiên Nhân, đến Thái dương Thượng đế.

308. "Cây Sự Sống" của Kabbalah là cấu trúc *thập phân* gồm một *ba* và một *bảy.* Mỗi hệ đều biểu lộ cấu trúc này.

309. Có rất nhiều huyền nhiệm liên quan đến bản chất thực sự của "cuộc tuần hoàn nội tại". Có lẽ có một số hệ hành tinh (như Mercury) trong đó cuộc tuần hoàn nội tại giữ một vai trò nổi bật hơn trong tiến trình hành tinh. Nhưng có thể chăng tam giác bên trong của mỗi hệ (nếu nó biểu thị ba dãy chủ quan sâu kín) có thể là "địa điểm" hành tinh nơi một loại cuộc tuần hoàn nội tại có thể được theo đuổi? Tuy nhiên, dẫu sao đây vẫn chỉ là suy đoán.

310. Có lẽ điều quan trọng cần lưu ý là sự hiện diện của các tam giác bên trong những hệ vốn là thất phân khiến cho tất cả các hệ này, theo một nghĩa nào đó, trở thành *thập*

triangle is a *three,* which added to the *seven* chains make a *ten.*

311. The number ten is often appearing in relation to otherwise sevenfold systems.

a. We are often told that there are *ten* planetary schemes even though we know there are more, and even though seven sacred planets and seven rays are customary methods of depicting the structure of our solar system.

b. We are also told that there are as many as *ten* chains within a planetary scheme, even though the usual method of depicting planetary schemes represents them as *sevenfold.*

312. Ten is the number of perfected synthesis whereas seven is the number of only a relative perfection. Ten is, therefore, a more synthetic number than seven.

313. (Interestingly, in one reference, "ten" is also called a number of "relative perfection"—cf. TCF 823.)

314. All the planets embody the number "ten" if the central triangle is counted.

315. The Solar Logos is also represented by a *ten,* as, (counting the double Saturn), there are *ten* planetary schemes shown within the large oval representing the solar system.

316. It would seem important to include the Pluto scheme (such as it may be), but the planet Pluto had not be exoterically discovered when TCF was written and published.

phân. Tam giác là một *ba,* cộng với *bảy* dãy tạo thành một *mười.*

311. Số mười thường xuất hiện trong liên hệ với những hệ vốn là thất phân.

a. Chúng ta thường được bảo rằng có *mười* hệ hành tinh mặc dù chúng ta biết là có nhiều hơn, và mặc dù bảy hành tinh thiêng liêng và bảy cung là những phương pháp thông dụng để mô tả cấu trúc của hệ mặt trời chúng ta.

b. Chúng ta cũng được bảo rằng có đến *mười* dãy trong một hệ hành tinh, mặc dù phương pháp thông thường để mô tả các hệ hành tinh là biểu thị chúng như *thất phân.*

312. Mười là con số của sự tổng hợp hoàn thiện, trong khi bảy là con số chỉ của một sự hoàn thiện tương đối. Vì vậy, mười là một con số có tính tổng hợp hơn bảy.

313. (Điều thú vị là, trong một tài liệu tham chiếu, "mười" cũng được gọi là con số của "sự hoàn thiện tương đối"—xem TCF 823.)

314. Tất cả các hành tinh đều thể hiện con số "mười" nếu tam giác trung tâm được tính đến.

315. Thái dương Thượng đế cũng được biểu thị bằng một *mười,* vì, (tính cả Saturn kép), có *mười* hệ hành tinh được trình bày trong hình bầu dục lớn biểu thị hệ mặt trời.

316. Có vẻ như điều quan trọng là phải bao gồm hệ Pluto (dù nó có thể là gì đi nữa), nhưng hành tinh Pluto chưa được khám phá một cách ngoại môn khi TCF được viết và xuất bản.

317. We will note that very little information is given regarding the Uranus and Neptune schemes. They appear to be drawn in a conventional, unarticulated (in short, veiled) manner, devoid of revealing squares and triangles. One would imagine that it is not allowed to expose any secrets of their structure.

317. Chúng ta sẽ lưu ý rằng có rất ít thông tin được đưa ra liên quan đến các hệ Uranus và Neptune. Chúng dường như được vẽ theo cách quy ước, không phân tiết (nói ngắn gọn là được che giấu), không có các hình vuông và tam giác mang tính tiết lộ. Người ta có thể tưởng tượng rằng không được phép phơi bày bất kỳ bí mật nào về cấu trúc của chúng.

318. If, however, we consider the progression of squares, triangles and circles, we shall find the figure of the circle to represent the most advanced stage of unfoldment. It seems almost certain that, in relation to Uranus and Neptune, something is being concealed, but the circular design of the seven chains in each, may be telling us something about their advanced status.

318. Tuy nhiên, nếu chúng ta xét đến sự tiến triển của các hình vuông, tam giác và hình tròn, chúng ta sẽ thấy hình tròn biểu thị giai đoạn tiến triển nhất của sự khai mở. Gần như chắc chắn rằng, trong liên hệ với Uranus và Neptune, có điều gì đó đang bị che giấu, nhưng thiết kế hình tròn của bảy dãy trong mỗi hệ có thể đang cho chúng ta biết điều gì đó về địa vị tiến hoá cao của chúng.

319. We should realize that as complex as Chart VI may appear to be, it is much simplified. Missing are all the lines which could be drawn between numerically resonant chains; between numerically resonant chains and globes; and between numerically resonant globes. Only the major relationships have been depicted, which, given the present rather undeveloped stage of human intelligence, is wise.

319. Chúng ta nên nhận ra rằng dù Biểu Đồ VI có vẻ phức tạp đến đâu, nó vẫn được đơn giản hóa rất nhiều. Thiếu vắng tất cả các đường có thể được vẽ giữa các dãy cộng hưởng về số; giữa các dãy cộng hưởng về số và các bầu hành tinh; và giữa các bầu hành tinh cộng hưởng về số. Chỉ những tương quan chính yếu mới được mô tả, điều này, xét đến giai đoạn hiện nay còn khá chưa phát triển của trí tuệ nhân loại, là khôn ngoan.

320. We note that the Uranus-scheme is the *direct recipient* of the energy emanating from the center of the 'Solar Triad' (even though the line representing that energy flow is dotted). It is interesting to consider the present axial inclination of the planet Uranus. The north pole of Uranus is inclined almost directly towards the Sun.

320. Chúng ta lưu ý rằng hệ Uranus là *kẻ tiếp nhận trực tiếp* năng lượng phát ra từ trung tâm của "Tam Nguyên Thái Dương" (mặc dù đường biểu thị dòng năng lượng ấy là nét đứt). Thật thú vị khi xem xét độ nghiêng trục hiện tại của hành tinh Uranus. Cực bắc của Uranus nghiêng gần như trực tiếp về phía Mặt Trời.

321. The dotted line extending from the 'Solar Triad', promising a still fuller relationship at a later time, can be

321. Đường nét đứt kéo ra từ "Tam Nguyên Thái Dương", hứa hẹn một tương quan còn đầy đủ hơn vào một thời điểm sau này, có

understood as extending into the 'greater Saturn' scheme and terminating at the center of the 'central Saturn-scheme'. The first ray (Uranus, monadically) and the third ray (Saturn, monadically) are in direct alignment. Neptune (the second ray, monadically) is to the left and out of the direct alignment.

thể được hiểu là kéo dài vào hệ "Saturn lớn hơn" và chấm dứt tại trung tâm của "hệ Saturn trung tâm". Cung một (Uranus, về mặt chân thần) và cung ba (Saturn, về mặt chân thần) ở trong sự chỉnh hợp trực tiếp. Neptune (cung hai, về mặt chân thần) ở bên trái và nằm ngoài sự chỉnh hợp trực tiếp ấy.

322. In Chart IX (TCF 823) showing the egoic lotus and its relationship to the antahkarana, we see the same kind of alignment between the first and third aspects, with the lotus (representing the second aspect) offset to the left.

322. Trong Biểu Đồ IX (TCF 823) cho thấy hoa sen chân ngã và tương quan của nó với antahkarana, chúng ta thấy cùng một loại chỉnh hợp giữa phương diện thứ nhất và thứ ba, với hoa sen (biểu thị phương diện thứ hai) được hóa giải sang bên trái.

323. The real complexity begins when we enter the realm of Brahma.

323. Sự phức tạp thực sự bắt đầu khi chúng ta bước vào lĩnh vực của Brahma.

324. The geometry of 'six surrounding one' is fundamental to the structure of our cosmos. It is an archetypal geometrical relationship.

324. Hình học của "sáu bao quanh một" là nền tảng đối với cấu trúc của vũ trụ chúng ta. Đó là một tương quan hình học nguyên mẫu.

325. As the head of the Brahmic pattern, Saturn (expressing the third ray) is the first of five and also the central factor among seven.

325. Là đầu của mô hình Brahma, Saturn (biểu lộ cung ba) là thứ nhất trong năm và cũng là yếu tố trung tâm trong bảy.

326. There is analogy between

326. Có sự tương đồng giữa

a. the central point within any triangle and the three vertices of the triangle, and

a. điểm trung tâm bên trong bất kỳ tam giác nào và ba đỉnh của tam giác, và

b. the central point within the hexagon and the six vertices of the hexagon.

b. điểm trung tâm bên trong hình lục giác và sáu đỉnh của hình lục giác.

327. The first relates to the dimension of Spirit and to the tetrahedron; the second relates to the realm of Matter.

327. Điều thứ nhất liên hệ với chiều kích của tinh thần và với khối tứ diện; điều thứ hai liên hệ với lĩnh vực của vật chất.

328. The primary ray within any sevenfold system of rays is always found at the *center* of the other six.

328. Cung chính yếu trong bất kỳ hệ cung thất phân nào luôn luôn được tìm thấy ở *trung tâm* của sáu cung còn lại.

329. Saturn is the primary ray within the Brahmic pattern—the third ray. It could be supposed that each of the other planetary schemes should represent one of the other six rays. This may be more the case in theory than in actuality.

329. Saturn là cung chính yếu trong mô hình Brahma—cung ba. Có thể giả định rằng mỗi hệ hành tinh khác nên biểu thị một trong sáu cung còn lại. Điều này có thể đúng về mặt lý thuyết hơn là trong thực tế.

330. For the sake of orientation to the Brahmic pattern let us tabulate some speculative hypotheses relating to the soul rays and monadic rays of the Planetary Logoi represented within the circle of 'greater Saturn'. [1]

330. Vì mục đích định hướng đối với mô hình Brahma, chúng ta hãy lập bảng một số giả thuyết suy đoán liên quan đến các cung linh hồn và các cung chân thần của các Hành Tinh Thượng Đế được biểu thị trong vòng tròn của "Saturn lớn hơn". [1]

Planets	Saturn	Jupiter	Mercury	Earth	Mars	Venus	Vulcan
Monadic Ray	3	7→1 or 2?	5→3	1	5→1	6→2	4→2
Soul Ray	3 or 1	2	4	2	1	5	1
Personality Ray	1 or 7	7 or 6	3	3	6	2	5 or 7

Planets	Uranus		Pluto
Monadic Ray	1	2	5→3
Soul Ray	7	6	6
Personality Ray	3 or 5	4? or 3?	1

331. We might as well include the speculations regarding Uranus and Neptune.

331. Chúng ta cũng có thể bao gồm các suy đoán liên quan đến Uranus và Neptune.

Pluto is not listed in Chart VI but speculations are included.[2]

Pluto không được liệt kê trong Biểu Đồ VI nhưng các suy đoán vẫn được đưa vào.[2]

332. We can see that, if there is any truth to these speculations, we do not have an even distribution of rays within our solar system (at least, if only the known planets are counted).

332. Chúng ta có thể thấy rằng, nếu có chút chân lý nào trong các suy đoán này, thì chúng ta không có một sự phân bố đồng đều của các cung trong hệ mặt trời của chúng ta (ít nhất là nếu chỉ tính các hành tinh đã biết).

333. When we study the 'central Saturn-scheme' and the six surrounding schemes, we immediately notice some geometrical similarities and differences.

333. Khi nghiên cứu "hệ Saturn trung tâm" và sáu hệ bao quanh, chúng ta lập tức nhận thấy một số điểm tương đồng và khác biệt về hình học.

334. As far as similarities, each scheme has three central chains arranged more or less as a triangle of chains. This is even true of the fifth or Mercury-scheme in which the central three have a relationship to a bounding triangle or square slightly different from all the others.

334. Về những điểm tương đồng, mỗi hệ đều có ba dãy trung tâm được sắp xếp ít nhiều như một tam giác các dãy. Điều này thậm chí cũng đúng với hệ thứ năm hay hệ Mercury, trong đó ba dãy trung tâm có một tương quan với một tam giác hay hình vuông bao quanh hơi khác với tất cả các hệ khác.

335. We also notice that in all schemes the size of the circles representing the chains varies. The central three chains in each scheme are represented by circles which are larger than the subsidiary or minor four chains. This difference simply represents the 'centrality' or greater importance of the three.

335. Chúng ta cũng nhận thấy rằng trong mọi hệ, kích thước của các vòng tròn biểu thị các dãy là khác nhau. Ba dãy trung tâm trong mỗi hệ được biểu thị bằng những vòng tròn lớn hơn bốn dãy phụ thuộc hay thứ yếu. Sự khác biệt này đơn giản chỉ biểu thị "tính trung tâm" hay tầm quan trọng lớn hơn của bộ ba.

336. We notice that within the 'central Saturn-scheme' a square consisting, it appears, of dotted lines connects the subsidiary four chains.

336. Chúng ta nhận thấy rằng bên trong "hệ Saturn trung tâm", một hình vuông gồm, dường như là, các đường nét đứt nối bốn dãy phụ thuộc.

337. Four other schemes (Vulcan, Mars, Earth and Jupiter) are similar in appearance to the central Saturn-scheme in that each has four subsidiary chains arranged in a square; however the lines which connect the members of the square are *not dotted,* but

337. Bốn hệ khác (Vulcan, Mars, Trái Đất và Jupiter) có bề ngoài tương tự hệ Saturn trung tâm ở chỗ mỗi hệ có bốn dãy phụ thuộc được sắp xếp thành một hình vuông; tuy nhiên các đường nối các thành viên của hình vuông ấy *không phải là nét đứt,* mà là nét

are continuous. Is this a purposeful difference? If so, it tells of an integration yet to be achieved within the central Saturn-scheme (which, let us remember) stands at a relatively early stage of unfoldment.

liền. Đây có phải là một khác biệt có chủ ý không? Nếu đúng vậy, nó cho biết một sự tích hợp vẫn còn phải đạt được bên trong hệ Saturn trung tâm (mà, chúng ta hãy nhớ, đang đứng ở một giai đoạn tương đối sớm của sự khai mở).

338. Thus, five schemes emphasize the square and, thus, a degree of subjection to materiality, for the square (in one of its interpretations) is the symbol of matter.

338. Như vậy, năm hệ nhấn mạnh hình vuông và do đó nhấn mạnh một mức độ lệ thuộc vào tính vật chất, vì hình vuông (trong một trong những cách diễn giải của nó) là biểu tượng của vật chất.

339. Amongst these five schemes there is a developmental differentiation.

339. Trong năm hệ này có một sự biến phân về phát triển.

a. Saturn, Jupiter and Vulcan are all focussed in their third chain, fourth globe.

a. Saturn, Jupiter và Vulcan đều tập trung trong dãy thứ ba, bầu hành tinh thứ tư của chúng.

b. Earth and Mars (though of lesser spiritual status) are further *unfolded,* and focussed in their fourth chain and fourth globe.

b. Trái Đất và Mars (dù có địa vị tinh thần thấp hơn) lại *khai mở* hơn, và tập trung trong dãy thứ tư và bầu hành tinh thứ tư của chúng.

340. The particular chain and globe in which these five Planetary Logoi may be focussed is not shown in the chart except in one instance—the diagram representing our own Planetary Logos. The fourth chain and fourth globe are labeled.

340. Dãy và bầu hành tinh cụ thể mà năm Hành Tinh Thượng Đế này có thể đang tập trung vào không được cho thấy trong biểu đồ, ngoại trừ trong một trường hợp—sơ đồ biểu thị chính Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta. Dãy thứ tư và bầu hành tinh thứ tư được ghi nhãn.

341. If one looks closely one will see that, although the diagrams for Mars, Earth, Jupiter and Vulcan are all similar, and emphasize the square, the Mars and Vulcan schemes are more alike, and the Earth and Jupiter schemes are more alike.

341. Nếu quan sát kỹ, người ta sẽ thấy rằng, mặc dù các sơ đồ của Mars, Trái Đất, Jupiter và Vulcan đều tương tự nhau và nhấn mạnh hình vuông, các hệ Mars và Vulcan giống nhau hơn, còn các hệ Trái Đất và Jupiter cũng giống nhau hơn.

342. Each of these four schemes is connected to the central Saturn-scheme by a dotted line, but in the case of the Mars and

342. Mỗi một trong bốn hệ này được nối với hệ Saturn trung tâm bằng một đường nét đứt, nhưng trong trường hợp các hệ Mars và

Vulcan schemes, the dotted line bisects one of the sides of the square; in the case of the Jupiter and Earth-scheme, the dotted line seems to come from (or, at least, through) that one of the four minor chains which is closest to the center of the central Saturn-scheme.

Vulcan, đường nét đứt chia đôi một trong các cạnh của hình vuông; còn trong trường hợp hệ Jupiter và hệ Trái Đất, đường nét đứt dường như xuất phát từ (hoặc ít nhất là đi qua) một trong bốn dãy nhỏ nằm gần trung tâm của hệ Saturn trung tâm nhất.

343. The suggestion is of the greater materiality of the Mars and Vulcan schemes. For the Jupiter and Earth schemes the squares (as they are oriented towards 'central Saturn') seem represented more as *diamonds,* which emphasizes the potential for triangulation.

343. Điều này gợi ý về tính vật chất lớn hơn của các hệ Mars và Vulcan. Đối với các hệ Jupiter và Trái Đất, các hình vuông (khi chúng được định hướng về phía "Saturn trung tâm") dường như được biểu thị nhiều hơn như những *hình thoi,* điều này nhấn mạnh tiềm năng tam giác hóa.

344. In all these figures, the triangle is to be considered as representative of a more elevated relationship than the square.

344. Trong tất cả các hình này, tam giác phải được xem là biểu thị một tương quan cao hơn hình vuông.

345. Notice in the Mars and Vulcan schemes, a kind of small trapezoid formed by two of the three adjoining *central chains* and the two minor chains closest to the central Saturn-scheme. The base line of the central triangle within the Mars and Vulcan schemes forms the shortest of the parallel sides of the trapezoid. This trapezoidal figure, shared by both, cannot be without significance.

345. Hãy lưu ý trong các hệ Mars và Vulcan, một loại hình thang nhỏ được tạo thành bởi hai trong ba *dãy trung tâm* liền kề và hai dãy nhỏ gần hệ Saturn trung tâm nhất. Đường đáy của tam giác trung tâm trong các hệ Mars và Vulcan tạo thành cạnh song song ngắn hơn của hình thang. Hình thang này, được cả hai cùng chia sẻ, không thể là không có ý nghĩa.

346. If one looks carefully at the relationship between the inner triangle and the trapezoid, one will almost see the "apron" as it is worn in Masonry. A kind of figure "M" is formed. "M" for Matter and "M" for Master.

346. Nếu quan sát cẩn thận tương quan giữa tam giác bên trong và hình thang, người ta gần như sẽ thấy "chiếc tạp dề" như nó được mang trong Hội Tam Điểm. Một loại hình chữ "M" được tạo thành. "M" cho Matter và "M" cho Master.

347. The relationship between Mars and Vulcan is very interesting for it is said that "Vulcan burnishes the shield of Mars". Mars represents rough potential which Vulcan refines.

347. Tương quan giữa Mars và Vulcan rất thú vị vì có nói rằng "Vulcan đánh bóng chiếc khiên của Mars". Mars biểu thị tiềm năng thô ráp mà Vulcan tinh luyện.

348. From the Masonic perspective, Mars represents the “rough ashlar” or crude stone which must be hewn and polished until it becomes the “smooth ashlar”. This is the work of Vulcan.

348. Từ góc nhìn Tam Điểm, Mars biểu thị “khối đá thô” hay viên đá chưa gia công, phải được đẽo gọt và đánh bóng cho đến khi trở thành “khối đá nhẵn”. Đây là công việc của Vulcan.

349. In Masonry, Mars and Vulcan are always at war. In fact, as the Tibetan tells us, Cain kills Abel. Vulcan is Cain and Abel, the shepherd, is Mars.

349. Trong Hội Tam Điểm, Mars và Vulcan luôn ở trong chiến tranh. Thật vậy, như Chân sư Tây Tạng nói với chúng ta, Cain giết Abel. Vulcan là Cain và Abel, người chăn cừu, là Mars.

350. Vulcan and Mars share the first ray though on different levels, presumably.

350. Vulcan và Mars cùng chia sẻ cung một, tuy nhiên có lẽ ở những cấp độ khác nhau.

351. Jupiter and Earth, interestingly, share the same soul ray, the second Ray of Love-Wisdom. The quality of abundance is at work in each—on Earth through the incredible variety of natural life.

351. Điều thú vị là Jupiter và Trái Đất cùng chia sẻ một cung linh hồn, cung hai của Bác Ái – Minh Triết. Phẩm tính phong phú hoạt động trong mỗi hệ—trên Trái Đất thông qua sự đa dạng đáng kinh ngạc của sự sống tự nhiên.

352. In both the Earth and Jupiter diagram there is something of a kite formation in the way that the minor chains are connected to the major internal chain closest to the central Saturn-scheme.

352. Trong cả sơ đồ Trái Đất lẫn Jupiter đều có phần nào một hình cánh diều trong cách các dãy nhỏ được nối với dãy nội tại lớn gần hệ Saturn trung tâm nhất.

353. The kite strengthens the emphasis on the diamond rather than the square. The diamond suggests *soul* expression just as the square suggests *personality* expression.

353. Hình cánh diều làm mạnh thêm sự nhấn mạnh vào hình thoi hơn là hình vuông. Hình thoi gợi ý sự biểu lộ của *linh hồn* cũng như hình vuông gợi ý sự biểu lộ của *phàm ngã*.

354. We know from the Tibetan’s Triangles Work that it is necessary for the etheric body of the Earth to be changed from a pattern of squares into a pattern of triangles. Four triangles are produced by the kite formation (of dotted lines) and the potential for triangularization is definitely indicated.

354. Chúng ta biết từ Công Trình Tam Giác của Chân sư Tây Tạng rằng thể dĩ thái của Trái Đất cần phải được chuyển đổi từ một mô hình các hình vuông thành một mô hình các tam giác. Bốn tam giác được tạo ra bởi hình cánh diều (bằng các đường nét đứt), và tiềm năng tam giác hóa được chỉ ra một cách rõ ràng.

355. Surrounding central Saturn we have six schemes. We might think these schemes would come in pairs:

a. Vulcan/Mars

b. Jupiter/Earth

c. Mercury/Venus

356. In some ways, this is the case, but Mercury/Venus are not an exact pair as the others are. The Mercury and Venus-schemes are similar but not identical as Mars/Vulcan and Earth/Jupiter are.

357. When we remember that Mars is the "alter ego" of Pluto, the relationship between Vulcan and Mars seems to include Pluto, a first ray planet with which Vulcan is often paired.

358. Mercury and Venus (the most *unfolded* of all the schemes—i.e., the closest to obscuration, synthesis, resolution, absorption) represent a significant departure from the forms by which the other schemes are represented.

359. Mercury and Venus both significantly represent *triangularization* and the kite figure. In both the four minor chains (made of smaller circles) are arranged in the form of a kite.

355. Bao quanh Saturn trung tâm, chúng ta có sáu hệ. Chúng ta có thể nghĩ rằng các hệ này sẽ đi thành từng cặp:

a. Vulcan/Mars

b. Jupiter/Trái Đất

c. Mercury/Venus

356. Theo một số phương diện, đúng là như vậy, nhưng Mercury/Venus không phải là một cặp chính xác như các cặp kia. Các hệ Mercury và Venus tương tự nhau nhưng không đồng nhất như Mars/Vulcan và Trái Đất/Jupiter.

357. Khi chúng ta nhớ rằng Mars là "alter ego" của Pluto, tương quan giữa Vulcan và Mars dường như bao gồm cả Pluto, một hành tinh cung một mà Vulcan thường được ghép cặp cùng.

358. Mercury và Venus (là những hệ *khai mở* nhất trong tất cả các hệ—tức là gần nhất với sự che khuất, tổng hợp, phân giải, hấp thụ) biểu thị một sự lệch đáng kể khỏi những hình thức mà các hệ khác được biểu thị.

359. Cả Mercury lẫn Venus đều biểu thị một cách đáng kể *sự tam giác hóa* và hình cánh diều. Trong cả hai, bốn dãy nhỏ (được tạo bằng những vòng tròn nhỏ hơn) được sắp xếp theo hình cánh diều.

360. Interestingly however, they are both kites are oriented *in the same direction.* This means that the point of the kite for the Mercury-scheme points in the same direction as the point of the kite in the Venus-scheme.

360. Tuy nhiên, điều thú vị là cả hai hình cánh diều ấy đều được định hướng *theo cùng một hướng.* Điều này có nghĩa là đỉnh của hình cánh diều của hệ Mercury chỉ theo cùng hướng với đỉnh của hình cánh diều trong hệ Venus.

361. The Mercury kits points towards the 'central Saturn-scheme', but the Venus kite points directly *away* from the central Saturn-scheme. The Venus kite seems to be pointing more in the direction of the Neptune-scheme, but not exactly. The Mercury kite is pointing directly towards central Saturn.

361. Hình cánh diều của Mercury hướng về phía "hệ Saturn trung tâm", nhưng hình cánh diều của Venus lại chỉ trực tiếp *ra xa* khỏi hệ Saturn trung tâm. Hình cánh diều của Venus dường như chỉ nhiều hơn về phía hệ Neptune, nhưng không hoàn toàn chính xác. Hình cánh diều của Mercury chỉ trực tiếp về phía Saturn trung tâm.

362. Unless there is a mistake in the drawing, it is to be noticed that only one of the four minor chains of the Mercury-scheme touch the circle which contains all the Mercury chains. This is unique with regard to Mercury and must be significant.

362. Trừ phi có sai sót trong bản vẽ, cần lưu ý rằng chỉ một trong bốn dãy nhỏ của hệ Mercury chạm vào vòng tròn chứa tất cả các dãy của Mercury. Điều này là độc nhất đối với Mercury và hẳn phải có ý nghĩa.

363. In all other schemes, all the four minor chains touch what we might cal the 'scheme circle'. In the case of Uranus and Neptune (though the diagrams seem conventionalized) it would seem that all seven of the chains touch the scheme circle (i.e., the circle which defines the boundary of the scheme).

363. Trong tất cả các hệ khác, cả bốn dãy nhỏ đều chạm vào điều mà chúng ta có thể cal là "vòng tròn hệ". Trong trường hợp Uranus và Neptune (dù các sơ đồ có vẻ đã được quy ước hóa) thì dường như cả bảy dãy đều chạm vào vòng tròn hệ (tức là vòng tròn xác định ranh giới của hệ).

364. Mercury, thus, is in a somewhat *abstracted* condition. While Mercury is not as close to obscuration as Venus, it is the most mobile of the planets and thus, in a manner, untethered. Some form of abstracted, internal development seems to be suggested. We may wish to relate the detached appearance of the Mercury-scheme to the fact that Mercury, of all planetary schemes, seems to have the most to do with the "inner round". The fact that Mercury is

364. Vì vậy, Mercury ở trong một trạng thái phần nào *trừu xuất*. Dù Mercury không gần sự che khuất bằng Venus, nó là hành tinh linh động nhất và vì thế, theo một nghĩa nào đó, không bị neo buộc. Dường như có sự gợi ý về một hình thức phát triển nội tại, trừu xuất. Chúng ta có thể muốn liên hệ vẻ ngoài tách rời của hệ Mercury với sự kiện rằng Mercury, trong tất cả các hệ hành tinh, dường như có liên quan nhiều nhất đến "cuộc tuần hoàn nội tại". Việc Mercury

often represented with wings may also further the impression of detachment or abstraction conveyed by the way it is diagrammatically represented.

365. Venus is represented in a manner which suggests the constellation known as the Swan or the Northern Cross. As Venus is closely associated with the Christ and with the Love-Wisdom energy, this is not surprising.

366. Venus presents a much more coherent picture than Mercury (a planet known from its mobility and its 'scatter').

367. The central triangle of chains within Venus are oriented towards central Saturn just as are the central triangle of chains within Mercury. But note that in the case of Venus, this central triangle of chains is well contained within a bounding triangle whereas for Mercury this is definitely not the case.

368. It would seem that in Venus, the six-pointed star (a higher triangle and a lower) are very well integrated, the lower being a very good representation of the higher (though no six-pointed star is depicted specifically).

369. We also note that in the Venus-scheme there are no dotted lines (except for the dotted line connecting to the 'central Saturn-scheme'). This signifies completion. In Mars, Vulcan, Earth and Jupiter at least one dotted line can be found connecting various chains.

370. Mercury, too, has no dotted lines except the one connecting to central Saturn, but the

thường được biểu thị với đôi cánh cũng có thể càng làm tăng ấn tượng về sự tách rời hay trừu xuất được truyền đạt qua cách nó được biểu diễn bằng sơ đồ.

365. Venus được biểu thị theo một cách gợi lên chòm sao được biết đến là Thiên Nga hay Thập Giá Phương Bắc. Vì Venus gắn bó chặt chẽ với Đức Christ và với năng lượng Bác Ái – Minh Triết, điều này không có gì đáng ngạc nhiên.

366. Venus trình bày một bức tranh mạch lạc hơn nhiều so với Mercury (một hành tinh được biết đến bởi tính linh động và sự "phân tán" của nó).

367. Tam giác trung tâm của các dãy bên trong Venus được định hướng về phía Saturn trung tâm cũng như tam giác trung tâm của các dãy bên trong Mercury. Nhưng hãy lưu ý rằng trong trường hợp Venus, tam giác trung tâm của các dãy này được chứa rất gọn trong một tam giác bao quanh, còn đối với Mercury thì rõ ràng không phải như vậy.

368. Có vẻ như trong Venus, ngôi sao sáu cánh (một tam giác cao hơn và một tam giác thấp hơn) được tích hợp rất tốt, tam giác thấp hơn là một biểu thị rất tốt của tam giác cao hơn (dù không có ngôi sao sáu cánh nào được mô tả một cách cụ thể).

369. Chúng ta cũng lưu ý rằng trong hệ Venus không có đường nét đứt nào (ngoại trừ đường nét đứt nối với "hệ Saturn trung tâm"). Điều này biểu thị sự hoàn tất. Trong Mars, Vulcan, Trái Đất và Jupiter, có thể tìm thấy ít nhất một đường nét đứt nối các dãy khác nhau.

370. Mercury cũng không có đường nét đứt nào ngoại trừ đường nối với Saturn trung

diagram for Mercury looks less beautiful, less coherent than Venus.

371. If we think of both the Venus and Mercury scheme symbolically as birds with wings, Venus seems to be flying away from central Saturn and Mercury towards it. It may be significant in this regard that the major monadic rays of Saturn and Mercury are hypothesized to be the same—namely the third (with Mercury transitioning from emphasis upon the fifth to emphasis upon the third at a certain point of solar systemic development).

372. Because the diagram for Mercury is smaller than that of Venus, the three central chains will not fit into any bounded figure such as a triangle or a kite/diamond. This seems to say something about the integration of the three with the four in the Mercury figure. It is not as coherent or well-structured as is the case with Venus.

373. In all schemes, the four lesser chains (whether in the form of squares, diamonds or kites) all represent manifestation. With Mercury, the fourfold figure representing manifestation cannot (so it seems) contain the three higher principles represented by the three inner chains. They are too 'big'. The principles of abstraction (the first three Rays of Aspect) are not expressing as fully as possible through the structure representing outer expression.

374. It seems, again, that Mercury is detached and somewhat 'floating' within the sphere of possible expression.

375. When studying the two schemes Mercury and Venus (so closely related to

tâm, nhưng sơ đồ của Mercury trông kém đẹp hơn, kém mạch lạc hơn Venus.

371. Nếu chúng ta nghĩ một cách biểu tượng về cả hệ Venus lẫn Mercury như những con chim có cánh, thì Venus dường như đang bay ra xa Saturn trung tâm còn Mercury thì bay về phía đó. Có thể điều này có ý nghĩa ở chỗ các cung chân thần chính của Saturn và Mercury được giả thuyết là giống nhau—cụ thể là cung ba (với Mercury chuyển tiếp từ sự nhấn mạnh vào cung năm sang sự nhấn mạnh vào cung ba tại một điểm nào đó trong sự phát triển của hệ mặt trời).

372. Bởi vì sơ đồ của Mercury nhỏ hơn sơ đồ của Venus, ba dãy trung tâm sẽ không thể nằm gọn trong bất kỳ hình giới hạn nào như tam giác hay cánh diều/hình thoi. Điều này dường như nói lên điều gì đó về sự tích hợp của bộ ba với bộ bốn trong hình Mercury. Nó không mạch lạc hay có cấu trúc tốt như trường hợp của Venus.

373. Trong mọi hệ, bốn dãy nhỏ hơn (dù ở dạng hình vuông, hình thoi hay cánh diều) đều biểu thị sự biểu hiện. Với Mercury, hình tứ phân biểu thị sự biểu hiện không thể (dường như là vậy) chứa đựng ba nguyên khí cao hơn được biểu thị bởi ba dãy bên trong. Chúng quá "lớn". Các nguyên khí của sự trừu xuất (ba Cung Trạng Thái đầu tiên) không biểu lộ đầy đủ nhất có thể qua cấu trúc biểu thị sự biểu lộ bên ngoài.

374. Dường như, một lần nữa, Mercury tách rời và phần nào "lơ lửng" trong khối cầu của sự biểu lộ khả hữu.

375. Khi nghiên cứu hai hệ Mercury và Venus (gắn bó rất chặt chẽ với cả linh hồn

both soul and mind, and to the number *five*), there are inversions and oppositions.

376. In Venus, the minor chain closest to central Saturn is supported by three other minor chains which touch the scheme circle. Not so for Mercury. There is the sense that the one minor chain touching the scheme circle and closest to central Saturn is 'on its own'.

377. Do we think that Mercury will expand and begin touching the scheme circle as Venus does? If the Mercury kite were to enlarge, the three inner chains would fit elegantly within it with one inner chain above the horizontal arm of the kite and the other two below it. But we cannot say that this will happen or should happen. The somewhat lopsided appearance of the Mercury diagram may simply reflect the proper condition of Mercury (at this time).

378. Mercury, too, is nearing a state of obscuration (we are told), and perhaps the appearance of the Mercury diagram reflects this, with its strong emphasis upon abstraction.

379. From the geometrical perspective, we see different figures appearing within the 'greater Saturn' circle.

380. The hexagon is the largest figure and relates the circumferential six.

381. Then there are equilateral triangles with continuous lines:

a. Vulcan—Mars—Mercury

b. Venus—Earth—Jupiter

lẫn trí tuệ, và với con số *năm*), có những sự đảo ngược và đối vị.

376. Trong Venus, dãy nhỏ gần Saturn trung tâm nhất được nâng đỡ bởi ba dãy nhỏ khác chạm vào vòng tròn hệ. Mercury thì không như vậy. Có cảm giác rằng một dãy nhỏ chạm vào vòng tròn hệ và gần Saturn trung tâm nhất thì "đơn độc một mình".

377. Chúng ta có nghĩ rằng Mercury sẽ mở rộng và bắt đầu chạm vào vòng tròn hệ như Venus không? Nếu hình cánh diều của Mercury được mở rộng, ba dãy bên trong sẽ nằm gọn một cách thanh nhã trong đó, với một dãy bên trong ở trên cánh tay ngang của cánh diều và hai dãy kia ở dưới nó. Nhưng chúng ta không thể nói rằng điều này sẽ xảy ra hay nên xảy ra. Vẻ ngoài hơi lệch của sơ đồ Mercury có thể đơn giản chỉ phản ánh tình trạng thích hợp của Mercury (vào lúc này).

378. Mercury cũng đang tiến gần đến một trạng thái che khuất (như chúng ta được bảo), và có lẽ vẻ ngoài của sơ đồ Mercury phản ánh điều này, với sự nhấn mạnh mạnh mẽ của nó vào sự trừu xuất.

379. Từ góc nhìn hình học, chúng ta thấy những hình khác nhau xuất hiện trong vòng tròn "Saturn lớn hơn".

380. Hình lục giác là hình lớn nhất và liên hệ sáu yếu tố ở chu vi.

381. Kế đó là các tam giác đều với các đường nét liền:

a. Vulcan—Mars—Mercury

b. Venus—Trái Đất—Jupiter

c. Mars—Mercury—Vulcan

d. Earth—Jupiter—Venus

e. Mercury—Vulcan—Mars

f. Jupiter—Venus--Mars

382. In a way there are only *two* equilateral triangles, but the six forms listed above shows different schemes occupying a kind of 'starting' or apex position. Given the six equilateral triangles, all schemes occupy every one of the three possible positions.

383. The triangle containing Vulcan, Mars and Mercury represents a harder line, and the Venus, Earth and Jupiter triangle a softer line.

384. Just as there are three forms of each of the two triangles (making six), there are also six six-pointed stars, every star involving *all* six schemes, but each star differently oriented.

385. Each such star could be analyzed according to the position taken by each scheme.

386. In the main six-pointed star Vulcan is placed at the highest point and Earth at the lowest. Venus and Mars are to the upper left and lower left respectively, and Jupiter and Mercury are to the upper right and lower right respectively.

387. In one or other form of the six-pointed star, each scheme will be found in each position.

c. Mars—Mercury—Vulcan

d. Trái Đất—Jupiter—Venus

e. Mercury—Vulcan—Mars

f. Jupiter—Venus--Mars

382. Theo một nghĩa nào đó, thực ra chỉ có *hai* tam giác đều, nhưng sáu hình thức được liệt kê ở trên cho thấy các hệ khác nhau chiếm giữ một loại vị trí "khởi đầu" hay vị trí đỉnh. Với sáu tam giác đều ấy, mọi hệ đều chiếm mỗi một trong ba vị trí khả hữu.

383. Tam giác chứa Vulcan, Mars và Mercury biểu thị một tuyến cứng hơn, còn tam giác Venus, Trái Đất và Jupiter biểu thị một tuyến mềm hơn.

384. Cũng như có ba hình thức của mỗi một trong hai tam giác (tạo thành sáu), cũng có sáu ngôi sao sáu cánh, mỗi ngôi sao đều bao gồm *tất cả* sáu hệ, nhưng mỗi ngôi sao được định hướng khác nhau.

385. Mỗi ngôi sao như vậy có thể được phân tích theo vị trí mà mỗi hệ đảm nhận.

386. Trong ngôi sao sáu cánh chính, Vulcan được đặt ở điểm cao nhất và Trái Đất ở điểm thấp nhất. Venus và Mars lần lượt ở phía trên bên trái và phía dưới bên trái, còn Jupiter và Mercury lần lượt ở phía trên bên phải và phía dưới bên phải.

387. Trong hình thức này hay hình thức khác của ngôi sao sáu cánh, mỗi hệ sẽ được tìm thấy ở mỗi vị trí.

388. Just as there are six six-pointed stars, so there can be seen six five-pointed figures (neither stars nor pentagrams), but five-sided, each looking something like an envelope (or, a Masonic Apron)—a triangle over a rectangle. From each such figure, one of the schemes will be left out.

388. Cũng như có sáu ngôi sao sáu cánh, cũng có thể thấy sáu hình năm cạnh (không phải sao cũng không phải ngũ giác sao), nhưng là hình năm cạnh, mỗi hình trông hơi giống một phong bì (hay một Tạp Dề Tam Điểm)—một tam giác trên một hình chữ nhật. Từ mỗi hình như vậy, một trong các hệ sẽ bị bỏ ra ngoài.

389. As well, there are six rectangles (four sided figures). Are they *sacred* rectangles?

389. Ngoài ra, còn có sáu hình chữ nhật (các hình bốn cạnh). Chúng có phải là những hình chữ nhật *thiêng liêng* không?

390. These six are as follows:

390. Sáu hình này như sau:

a. Vulcan—Venus—Earth—Mercury

a. Vulcan—Venus—Trái Đất—Mercury

b. Venus—Mars—Mercury—Jupiter

b. Venus—Mars—Mercury—Jupiter

c. Mars—Earth—Jupiter—Vulcan

c. Mars—Trái Đất—Jupiter—Vulcan

d. Earth—Mercury—Vulcan—Venus

d. Trái Đất—Mercury—Vulcan—Venus

e. Mercury—Jupiter—Venus—Mars

e. Mercury—Jupiter—Venus—Mars

f. Jupiter—Venus—Mars—Mercury

f. Jupiter—Venus—Mars—Mercury

391. Really, of course, there are only three different rectangles.

391. Thực ra, dĩ nhiên, chỉ có ba hình chữ nhật khác nhau.

a. From one of these rectangles Venus and Mercury are left out and so only those schemes which emphasize squares are to be found.

a. Từ một trong các hình chữ nhật này, Venus và Mercury bị bỏ ra ngoài, và vì vậy chỉ còn những hệ nhấn mạnh hình vuông được tìm thấy.

b. From the other rectangle, Vulcan and Earth are left out, and so the rectangle will lose something of the factor of concretion.

b. Từ hình chữ nhật khác, Vulcan và Trái Đất bị bỏ ra ngoài, và vì vậy hình chữ nhật ấy sẽ mất đi phần nào yếu tố cụ thể hóa.

c. Từ một hình chữ nhật khác nữa, Jupiter và Mars bị bỏ ra ngoài, khiến hình chữ nhật

c. From yet another rectangle, Jupiter and Mars are left out, leaving the rectangle devoid of the more enthusiastic energies.

392. Continuing to consider the triangles formed by continuous lines, there are six minor or peripheral triangles and they are isosceles rather than equilateral.

a. Vulcan—Venus—Mars

b. Venus—Mars—Earth

c. Mars—Earth—Mercury

d. Earth—Mercury—Jupiter

e. Mercury—Jupiter—Vulcan

f. Jupiter—Vulcan—Venus

393. All triangles will have their distinct potentials and all will have three modes of expression depending upon which planet (at any one time) represents the first, second or third aspects.

394. We can now consider the dotted lines and the figures they generate when combined with the continuous lines.

395. A number of apparently 3/45 triangles are also formed as six kites are bisected. 3-/4/5 triangles are sacred and 'Mercurial' (for the rays of Mercury are 3, 4 and 5—at least they are hypothesized to be such).

a. Vulcan—Mars—Earth

b. Venus—Mars—Mercury

không còn những năng lượng nhiệt thành hơn.

392. Tiếp tục xem xét các tam giác được tạo thành bởi các đường nét liền, có sáu tam giác nhỏ hay ở ngoại vi, và chúng là tam giác cân chứ không phải tam giác đều.

a. Vulcan—Venus—Mars

b. Venus—Mars—Trái Đất

c. Mars—Trái Đất—Mercury

d. Trái Đất—Sao Thủy—Sao Mộc

e. Sao Thủy—Sao Mộc—Vulcan

f. Sao Mộc—Vulcan—Sao Kim

393. Mọi tam giác sẽ có những tiềm năng riêng biệt của chúng và tất cả sẽ có ba phương thức biểu hiện tùy theo hành tinh nào (vào bất kỳ thời điểm nào) đại diện cho phương diện thứ nhất, thứ hai hay thứ ba.

394. Giờ đây chúng ta có thể xem xét các đường chấm và các hình mà chúng tạo ra khi kết hợp với các đường liền.

395. Một số tam giác 3/45 theo bề ngoài cũng được hình thành khi sáu hình diều bị chia đôi. Các tam giác 3-/4/5 là thiêng liêng và "thuộc Sao Thủy" (vì các cung của Sao Thủy là 3, 4 và 5—ít nhất chúng được giả thuyết là như vậy).

a. Vulcan—Sao Hỏa—Trái Đất

b. Sao Kim—Sao Hỏa—Sao Thủy

c. Mars—Earth—Jupiter

d. Earth—Mercury—Venus

e. Mercury—Jupiter—Venus

f. Jupiter—Vulcan--Mars

396. To deal with the meanings of these triangles is beyond the scope of the present analysis, but I have written a draft for a book in which all triangles are dealt with in their three (or six) permutations, for the wheel turns in two directions.

397. As well it should be mentioned that central Saturn forms a triangle with every adjacent pair of schemes and with every alternating pair of schemes.

398. As well, central Saturn form six diamond figures with each three adjacent schemes:

a. Saturn—Vulcan—Venus—Mars

b. Saturn—Venus—Mars—Earth

c. Etc.

399. There are also some irregular figures formed—namely kites and trapezoids—all with their own quality of interaction. Every trapezoid is four-sided and yet central Saturn as a fifth factor is included (in the base line) of every one.

400. Kites:

c. Sao Hỏa—Trái Đất—Sao Mộc

d. Trái Đất—Sao Thủy—Sao Kim

e. Sao Thủy—Sao Mộc—Sao Kim

f. Sao Mộc—Vulcan--Sao Hỏa

396. Việc bàn đến ý nghĩa của các tam giác này vượt quá phạm vi của phần phân tích hiện tại, nhưng tôi đã viết một bản thảo cho một cuốn sách trong đó mọi tam giác đều được bàn đến trong ba (hay sáu) hoán vị của chúng, vì bánh xe quay theo hai hướng.

397. Cũng cần nói thêm rằng Sao Thổ trung tâm tạo thành một tam giác với mọi cặp hệ hành tinh kề nhau và với mọi cặp hệ hành tinh xen kẽ.

398. Ngoài ra, Sao Thổ trung tâm tạo thành sáu hình thoi với mỗi ba hệ hành tinh kề nhau:

a. Sao Thổ—Vulcan—Sao Kim—Sao Hỏa

b. Sao Thổ—Sao Kim—Sao Hỏa—Trái Đất

c. Vân vân.

399. Cũng có một số hình bất quy tắc được tạo thành—cụ thể là các hình diều và hình thang—tất cả đều có phẩm tính tương tác riêng của chúng. Mọi hình thang đều có bốn cạnh, vậy mà Sao Thổ trung tâm với tư cách là yếu tố thứ năm vẫn được bao gồm (trong đường đáy) của mỗi hình.

400. Các hình diều:

a. Vulcan (apex)—Venus—Earth (base)—Jupiter (leaving out Mars and Mercury)

b. Venus (apex)—Mars—Mercury (base)—Vulcan (leaving out Earth and Jupiter)

c. Mars (apex)—Earth—Jupiter (base)—Venus (leaving out Mercury and Vulcan)

d. Earth (apex)—Mercury—Vulcan (base)—Mars (leaving out Venus and Jupiter)

e. Mercury (apex)—Jupiter—Venus (base)—Earth (leaving out Vulcan and Mars)

f. Jupiter (apex)—Vulcan—Mars (base)—Mercury (leaving out Vulcan and Earth

401. Every kite is a 'bird', an angel and a cross. Each will have its particular meaning. For each the higher triangle and its apex will express *through* a base. The symbol of the Cardinal Cross (EA 561) suggests a kite. God geometrizes.

402. Trapezoids:

a. Vulcan—Venus—Mars—Jupiter

b. Venus—Mars—Earth—Vulcan

c. Mars—Earth—Mercury—Venus

d. Earth—Mercury—Jupiter—Mars

e. Mercury—Jupiter—Vulcan—Earth

f. Jupiter—Vulcan—Venus--Mercury

a. Vulcan (đỉnh)—Sao Kim—Trái Đất (đáy)—Sao Mộc (bỏ ra Sao Hỏa và Sao Thủy)

b. Sao Kim (đỉnh)—Sao Hỏa—Sao Thủy (đáy)—Vulcan (bỏ ra Trái Đất và Sao Mộc)

c. Sao Hỏa (đỉnh)—Trái Đất—Sao Mộc (đáy)—Sao Kim (bỏ ra Sao Thủy và Vulcan)

d. Trái Đất (đỉnh)—Sao Thủy—Vulcan (đáy)—Sao Hỏa (bỏ ra Sao Kim và Sao Mộc)

e. Sao Thủy (đỉnh)—Sao Mộc—Sao Kim (đáy)—Trái Đất (bỏ ra Vulcan và Sao Hỏa)

f. Sao Mộc (đỉnh)—Vulcan—Sao Hỏa (đáy)—Sao Thủy (bỏ ra Vulcan và Trái Đất

401. Mọi hình diều đều là một "con chim", một thiên thần và một thập giá. Mỗi hình sẽ có ý nghĩa riêng của nó. Đối với mỗi hình, tam giác cao hơn và đỉnh của nó sẽ biểu hiện *qua* một đáy. Biểu tượng của Thập Giá Chủ Yếu (EA 561) gợi ra một hình diều. Thượng đế hình học hóa.

402. Các hình thang:

a. Vulcan—Sao Kim—Sao Hỏa—Sao Mộc

b. Sao Kim—Sao Hỏa—Trái Đất—Vulcan

c. Sao Hỏa—Trái Đất—Sao Thủy—Sao Kim

d. Trái Đất—Sao Thủy—Sao Mộc—Sao Hỏa

e. Sao Thủy—Sao Mộc—Vulcan—Trái Đất

f. Sao Mộc—Vulcan—Sao Kim--Sao Thủy

403. Just as every trapezoid, though four-sided suggests a five because of 'central Saturn', so does every kite suggest a five, as will be especially evident (on close examination) in the cases of Earth, Jupiter, Mercury, Venus and Saturn.

403. Cũng như mọi hình thang, dù có bốn cạnh, vẫn gợi ra số năm vì có "Sao Thổ trung tâm", thì mọi hình diều cũng gợi ra số năm, như sẽ đặc biệt hiển nhiên (khi khảo sát kỹ) trong các trường hợp của Trái Đất, Sao Mộc, Sao Thủy, Sao Kim và Sao Thổ.

404. All the schemes are related to every other scheme in a number of ways. Each type of relationship has its own quality.

404. Mọi hệ hành tinh đều liên hệ với mọi hệ hành tinh khác theo nhiều cách. Mỗi loại liên hệ đều có phẩm tính riêng của nó.

405. Each geometrical figure will have a sound and will create a chord of music. All must be blended together to create a final synthesis.

405. Mỗi hình hình học sẽ có một âm điệu và sẽ tạo ra một hợp âm âm nhạc. Tất cả phải được hòa trộn với nhau để tạo nên một tổng hợp chung cuộc.

406. The picture is one of the geometrical synthesis of diverse qualities. There are pairs, triangles, four-sided figures, trapezoids and kites implying the number five, a hexagon and numerous hexagrams, and, of course, the final seven.

406. Bức tranh này là một bức tranh về sự tổng hợp hình học của các phẩm tính đa dạng. Có các cặp, các tam giác, các hình bốn cạnh, các hình thang và các hình diều hàm ý số năm, một hình lục giác và vô số hình sao sáu cánh, và dĩ nhiên là số bảy chung cuộc.

407. Our solar system is a vast geometrically (and, therefore, musically) related process. Emphasis is constantly changing and so is predominating quality. All structures are evolving and changing emphasis of orientation and emphasis within configuration.

407. Hệ mặt trời của chúng ta là một tiến trình bao la có liên hệ hình học (và do đó, liên hệ âm nhạc). Sự nhấn mạnh liên tục thay đổi và phẩm tính trội cũng vậy. Mọi cấu trúc đều đang tiến hoá và thay đổi sự nhấn mạnh về định hướng cũng như sự nhấn mạnh bên trong cấu hình.

408. That which is configured within the large oval is said to persist "from the middle of the Third Root Race, at the fourth Found to the 'Judgment Day' in the middle of the Fifth Round." (The sentence immediately beneath the large oval.)

408. Điều được cấu hình bên trong hình bầu dục lớn được nói là tồn tại "từ giữa Giống dân gốc Thứ Ba, ở Found thứ tư cho đến 'Ngày Phán Xét' vào giữa Cuộc tuần hoàn Thứ Năm." (Câu ngay bên dưới hình bầu dục lớn.)

409. Considering that we are dealing with solar systemic arrangements and inter-planetary design, this is not a very long time.

409. Xét rằng chúng ta đang bàn đến các sắp xếp thuộc hệ mặt trời và thiết kế liên hành tinh, thì đây không phải là một thời gian quá dài.

410. It would seem that Venus and Mercury will be particularly potent at the time of the "Judgment Day". Kites and triangles will be important at that time of soul-domination.

410. Có vẻ như Sao Kim và Sao Thủy sẽ đặc biệt mạnh mẽ vào thời điểm của "Ngày Phán Xét". Các hình diều và các tam giác sẽ quan trọng vào thời kỳ linh hồn chi phối đó.

411. The process of seven of the dense physical planets is described. We learn from the description the following:

411. Tiến trình của bảy hành tinh hồng trần đậm đặc được mô tả. Từ phần mô tả, chúng ta học được những điều sau đây:

a. That Vulcan is, indeed, a dense physical planet. There are many present theories to the contrary.

a. Rằng Vulcan quả thực là một hành tinh hồng trần đậm đặc. Hiện có nhiều lý thuyết trái ngược với điều này.

b. Nothing is given re the Uranus and Neptune schemes. The Planetary Logoi of these planets are focussed, no doubt, through certain chains and globes, but we are left in the dark on that subject.

b. Không có gì được nêu ra liên quan đến các hệ hành tinh của Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương. Các Hành Tinh Thượng Đế của các hành tinh này hẳn là tập trung, không nghi ngờ gì, qua một số dãy và bầu hành tinh nào đó, nhưng chúng ta vẫn bị để trong bóng tối về chủ đề ấy.

c. Of the planetary schemes for which information is given, Jupiter, Saturn and Vulcan (all powerful sacred planets) are, apparently, equally unfolded, focussing in the third chain and the fourth globe.

c. Trong các hệ hành tinh mà thông tin được cung cấp, Sao Mộc, Sao Thổ và Vulcan (tất cả đều là những hành tinh thiêng liêng hùng mạnh) dường như được khai mở ngang nhau, tập trung trong dãy thứ ba và bầu hành tinh thứ tư.

d. Mars and the Earth are about equally unfolded, focusing in the fourth chain and the fourth globe. From other discussions we know that the Earth is closer to the status of a sacred planet than is Mars.

d. Sao Hỏa và Trái Đất được khai mở gần như ngang nhau, tập trung trong Dãy Thứ Tư và bầu hành tinh thứ tư. Từ những bàn luận khác, chúng ta biết rằng Trái Đất gần với địa vị của một hành tinh thiêng liêng hơn là Sao Hỏa.

e. Mercury is more unfolded than any schemes mentioned, thus far, being in its fourth chain, *fifth* globe.

e. Sao Thủy được khai mở hơn bất kỳ hệ hành tinh nào đã được nhắc đến cho đến nay, đang ở trong dãy thứ tư, *thứ năm* bầu hành tinh.

f. Venus is the most unfolded of all, focussing in its fifth chain, fifth globe.

f. Sao Kim là hành tinh được khai mở nhất trong tất cả, tập trung trong dãy thứ năm, bầu hành tinh thứ năm.

g. Interestingly the two most unfolded planets are represented by designs which vary most from the designs of the other schemes within 'greater Saturn' and are, so it seems, the most distinctive.

g. Điều thú vị là hai hành tinh được khai mở nhất được biểu thị bằng những thiết kế khác biệt nhiều nhất so với các thiết kế của những hệ hành tinh khác bên trong 'Sao Thổ lớn hơn' và vì thế, dường như, là đặc thù nhất.

h. We should not imagine that dense planets can appear only within fourth chains. In three cases they appear within *third* chains and in one case within a *fifth* chain. In these instances, it leads one to question about the degree of materiality of any globe in a fourth chain associated with a third or fifth chain that has a physical planet, because third and fifth chains are generally more subtle and less material than fourth chains. This question is predicated upon the inference that all chains are simultaneously active though to far different degrees

h. Chúng ta không nên tưởng rằng các hành tinh đậm đặc chỉ có thể xuất hiện trong các dãy thứ tư. Trong ba trường hợp chúng xuất hiện trong các dãy *thứ ba* và trong một trường hợp trong một dãy *thứ năm*. Trong những trường hợp này, điều đó khiến người ta đặt câu hỏi về mức độ vật chất của bất kỳ bầu hành tinh nào trong một dãy thứ tư liên kết với một dãy thứ ba hay thứ năm có một hành tinh hồng trần, bởi vì các dãy thứ ba và thứ năm nói chung tinh tế hơn và ít vật chất hơn các dãy thứ tư. Câu hỏi này dựa trên suy luận rằng mọi dãy đều đồng thời hoạt động dù ở những mức độ rất khác nhau

i. In other words, if there is a dense physical planet in a third or fifth chain, why should there not also be a dense physical planet in the associated fourth chain? Fourth chains exist at deeper levels of 'prakritic immersion' than do third or fifth chains, and so, how shall that deeper prakritic immersion be expressed?

i. Nói cách khác, nếu có một hành tinh hồng trần đậm đặc trong một dãy thứ ba hay thứ năm, thì tại sao lại không có một hành tinh hồng trần đậm đặc trong dãy thứ tư liên kết? Các dãy thứ tư tồn tại ở những cấp độ 'chìm đắm vào prakriti' sâu hơn các dãy thứ ba hay thứ năm, và như thế, sự chìm đắm vào prakriti sâu hơn đó sẽ được biểu hiện ra sao?

412. We are only scratching the surface in this analysis of Chart VI. A huge amount of thought could be invested in the further investigation of meanings to be derived from this chart. In centuries ahead, perhaps far more of its hidden secrets will be fathomed. For now we deal with only the most obvious outlines.

412. Chúng ta mới chỉ chạm vào bề mặt trong phần phân tích này về Biểu Đồ VI. Một lượng tư tưởng khổng lồ có thể được đầu tư vào việc khảo sát sâu hơn những ý nghĩa có thể rút ra từ biểu đồ này. Trong các thế kỷ sắp tới, có lẽ nhiều bí mật ẩn giấu của nó sẽ được thấu hiểu hơn rất nhiều. Hiện giờ chúng ta chỉ bàn đến những nét đại cương hiển nhiên nhất.

413. We now return to the general text.

413. Giờ đây chúng ta trở lại phần văn bản tổng quát.

We need to bear in mind that the stimulation of the centres is of three kinds, and the distinction between the three must be kept clear.

Chúng ta cần ghi nhớ rằng sự kích thích các trung tâm có ba loại, và sự phân biệt giữa ba loại ấy phải được giữ cho rõ ràng.

414. This is one of those sections in TCF in which DK speaks of the kinds of incarnations which may be taken by a Solar Logos.

414. Đây là một trong những phần trong TCF mà Chân sư DK nói về các loại lâm phàm mà một Thái dương Thượng đế có thể đảm nhận.

415. We note that at first the Solar Logos works through large planetary structures (i.e., through the major chakras of His system).

415. Chúng ta lưu ý rằng lúc đầu Thái dương Thượng đế hoạt động qua các cấu trúc hành tinh lớn (tức là qua các luân xa chính của hệ của Ngài).

416. Progressively, He works through lesser planetary structures such as chains and finally through globes.

416. Dần dần, Ngài hoạt động qua các cấu trúc hành tinh nhỏ hơn như các dãy và cuối cùng qua các bầu hành tinh.

417. We are speaking of those areas within the solar logoic ring-pass-not which are stimulated by solar logoic kundalini.

417. Chúng ta đang nói về những khu vực bên trong vòng-giới-hạn thái dương thượng đế được kích thích bởi kundalini thái dương thượng đế.

First, the vitalisation of the logoic centres, or the pouring through the seven schemes, during stupendous cycles, of logoic kundalini.

Trước hết, là sự tiếp sinh lực cho các trung tâm logoic, hay sự tuôn đổ qua bảy hệ hành tinh, trong những chu kỳ lớn lao, của kundalini logoic.

418. If our solar system lasts some 311,040,000,000,000 years (cf. TCF 40), we see that we have plenty of time for the appearance and disappearance of stupendous cycles.

418. Nếu hệ mặt trời của chúng ta kéo dài khoảng 311,040,000,000,000 năm (xem TCF 40), chúng ta thấy rằng mình có rất nhiều thời gian cho sự xuất hiện và biến mất của các chu kỳ lớn lao.

419. Note that again we speak of “seven schemes” instead of ten. That there are ten (or even many more) has become obvious.

419. Lưu ý rằng một lần nữa chúng ta nói đến “bảy hệ hành tinh” thay vì mười. Việc có mười (hay thậm chí nhiều hơn nữa) đã trở nên hiển nhiên.

There are more than 115 of such bodies to be reckoned with, and all are at varying stages of vibratory [Page 794] impulse. They have definite orbits, they turn upon their axis, they draw their "life" and substance from the sun, but owing to their relative insignificance, they have not yet been considered factors of moment. (TCF 793-794)

Có hơn 115 thiên thể như thế cần được tính đến, và tất cả đều ở những giai đoạn khác nhau của xung lực rung động [Page 794]. Chúng có những quỹ đạo xác định, chúng quay trên trục của mình, chúng rút lấy "sự sống" và chất liệu của chúng từ mặt trời, nhưng do tính không đáng kể tương đối của chúng, chúng vẫn chưa được xem là những yếu tố quan trọng. (TCF 793-794)

420. Perhaps it could be said that the seven major schemes in some way ‘contain’ all the others.

420. Có lẽ có thể nói rằng bảy hệ hành tinh chính theo một cách nào đó ‘bao hàm’ tất cả những hệ khác.

421. The planetary schemes are “logoic centres” or chakras.

421. Các hệ hành tinh là những “trung tâm logoic” hay các luân xa.

Next, the vitalisation of the planetary centres, or the pouring through the seven chains of a scheme, of planetary kundalini.

Tiếp theo, là sự tiếp sinh lực cho các trung tâm hành tinh, hay sự tuôn đổ qua bảy dãy của một hệ hành tinh, của kundalini hành tinh.

422. Again, *seven* chains instead of ten. This is a mystery and probably depends much upon the point in the planetary developmental process when the chains are counted.

422. Một lần nữa, là *bảy* dãy thay vì mười. Đây là một huyền nhiệm và có lẽ phụ thuộc nhiều vào điểm trong tiến trình phát triển hành tinh khi các dãy được đếm.

423. In this point we are dealing with intra-planetary stimulation.

423. Ở điểm này chúng ta đang bàn đến sự kích thích nội hành tinh.

Finally, the vitalisation of the centres of a planetary Logos **during some particular major incarnation, or the pouring through the seven globes of a chain,** of kundalini.

Sau cùng, là sự tiếp sinh lực cho các trung tâm của một Hành Tinh Thượng Đế **trong một lần lâm phàm lớn đặc biệt nào đó, hay sự tuôn đổ qua bảy bầu hành tinh của một dãy,** của kundalini.

424. We should not imagine that the chains are *not* "centres of a planetary Logos". It would seem that the chains are the seven (or more) *greater* centers in a Planetary Logos and the globes are *lesser* centers.

424. Chúng ta không nên tưởng rằng các dãy *không* là "các trung tâm của một Hành Tinh Thượng Đế". Có vẻ như các dãy là bảy (hay nhiều hơn) trung tâm *lớn hơn* trong một Hành Tinh Thượng Đế và các bầu hành tinh là các trung tâm *nhỏ hơn*.

425. When speaking of the incarnations of a Planetary Logos, an incarnation on a globe is considered *major.* Is there no such thing as an incarnation through a *chain*? One would think there must be, and certainly there are periods in the life of a Planetary Logos when one chain is receiving greater emphasis than all the others. This would surely be a kind of incarnation for the Planetary Logos.

425. Khi nói về các lần lâm phàm của một Hành Tinh Thượng Đế, một lần lâm phàm trên một bầu hành tinh được xem là *lớn.* Chẳng lẽ không có điều như một lần lâm phàm qua một *dãy* sao? Người ta sẽ nghĩ là phải có, và chắc chắn có những giai đoạn trong sự sống của một Hành Tinh Thượng Đế khi một dãy nhận được sự nhấn mạnh lớn hơn tất cả những dãy khác. Điều này hẳn sẽ là một loại lâm phàm đối với Hành Tinh Thượng Đế.

426. The following is only one reference describing chains as chakras of a Heavenly Man:

426. Sau đây chỉ là một dẫn chiếu mô tả các dãy như các luân xa của một Đấng Thiên Nhân:

Each of the seven chains might be looked upon as picturing the seven centres of one of the Heavenly Men. (TCF 206)

Mỗi một trong bảy dãy có thể được xem như phác họa bảy trung tâm của một trong các Đấng Thiên Nhân. (TCF 206)

427. In any case, kundalini is instrumental in the vitalization of schemes, chains and globes.

427. Dù sao đi nữa, kundalini là công cụ trong sự tiếp sinh lực cho các hệ hành tinh, các dãy và các bầu hành tinh.

428. The paths pursued by kundalini must be marvelous to behold!

428. Những con đường mà kundalini đi theo hẳn là kỳ diệu biết bao khi được chiêm ngưỡng!

It should be stated here that:

Ở đây cần nói rõ rằng:

A major incarnation is one in which a planetary Logos takes some initiation.

Một lần lâm phàm lớn là lần trong đó một Hành Tinh Thượng Đế đảm nhận một điểm đạo nào đó.

429. It is, therefore, evident that in our Earth-chain and on our fourth globe the Planetary Logos is undergoing a *major* incarnation. He is process, at the moment, of taking the fourth in a series of seven initiations. (cf. TCF 384)

429. Vì vậy, hiển nhiên là trong Dãy Địa Cầu của chúng ta và trên bầu hành tinh thứ tư của chúng ta, Hành Tinh Thượng Đế đang trải qua một lần lâm phàm *lớn*. Hiện nay Ngài đang trong tiến trình đảm nhận lần điểm đạo thứ tư trong một chuỗi bảy lần điểm đạo. (xem TCF 384)

He may, and does, pass through many incarnations without taking initiation.

Ngài có thể, và quả thực có, trải qua nhiều lần lâm phàm mà không đảm nhận điểm đạo.

430. These incarnations can be of a lesser kind. A globe incarnation (as we have just seen above) is a "major" incarnation.

430. Những lần lâm phàm này có thể thuộc loại nhỏ hơn. Một lần lâm phàm trên bầu hành tinh (như chúng ta vừa thấy ở trên) là một lần lâm phàm "lớn".

When He does take initiation, it is interesting to note that He does so during some incarnation in which *He takes a vehicle of etheric matter as is the case at this time.*

Khi Ngài thực sự đảm nhận điểm đạo, điều đáng chú ý là Ngài làm như vậy trong một lần lâm phàm nào đó mà *Ngài mang lấy một vận cụ bằng vật chất dĩ thái như trường hợp hiện nay.*

431. This seems to be a confirmation of the idea that initiation (for whatever type of self-consciousness unit, and usually) requires a physical vehicle. (Exceptions, however, can be found throughout the Teaching.)

431. Điều này dường như xác nhận ý tưởng rằng điểm đạo (đối với bất kỳ loại đơn vị ngã thức nào, và thường là như vậy) đòi hỏi một vận cụ hồng trần. (Tuy nhiên, có thể tìm thấy những ngoại lệ khắp Giáo Huấn.)

432. We remember that in relation to the Planetary Logoi, the *etheric* vehicle *is* the physical vehicle.

432. Chúng ta nhớ rằng liên quan đến các Hành Tinh Thượng Đế, vận cụ *dĩ thái chính là* vận cụ hồng trần.

433. If there are chains which do not have etheric-physical globes, will it mean that no planetary logoic incarnation can be taken in such chains? This would not seem logical.

433. Nếu có những dãy không có các bầu hành tinh dĩ thái-hồng trần, liệu điều đó có nghĩa là không thể có lần lâm phàm hành tinh thượng đế nào trong những dãy như thế không? Điều này dường như không hợp lý.

434. When our Planetary Logos moves on to emphasize the *fifth* chain, for instance, will

434. Chẳng hạn, khi Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta chuyển sang nhấn mạnh dãy

there be etheric globes in that chain so that initiation becomes possible?

thứ năm, liệu sẽ có các bầu hành tinh dĩ thái trong dãy đó để điểm đạo trở nên khả hữu chăng?

435. What of the possibility of initiation upon the sixth chain of the Earth-scheme or the seventh? Such elevated chains will probably not offer the Planetary Logos the possibility of taking vehicles of etheric matter.

435. Còn khả năng điểm đạo trên dãy thứ sáu của hệ Địa Cầu hay dãy thứ bảy thì sao? Những dãy cao như thế có lẽ sẽ không đem lại cho Hành Tinh Thượng Đế khả năng mang lấy các vận cụ bằng vật chất dĩ thái.

436. We are told that some planets in our solar system have for their densest vehicle an etheric vehicle. They have not yet materialized (i.e., gathered dense matter around their etheric substance).

436. Chúng ta được cho biết rằng một số hành tinh trong hệ mặt trời của chúng ta có vận cụ đậm đặc nhất là một vận cụ dĩ thái. Chúng chưa hiện hình (tức là chưa gom tụ vật chất đậm đặc quanh chất liệu dĩ thái của chúng).

437. May it be that only third, fourth and fifth chains have the possibility of including an etheric-physical globe? From Chart VI and what is said of the dense physical planets (below the chart), we see that dense globes are only produced in third, fourth or fifth chains.

437. Có thể chăng chỉ các dãy thứ ba, thứ tư và thứ năm mới có khả năng bao gồm một bầu hành tinh dĩ thái-hồng trần? Từ Biểu Đồ VI và điều được nói về các hành tinh hồng trần đậm đặc (bên dưới biểu đồ), chúng ta thấy rằng các bầu hành tinh đậm đặc chỉ được tạo ra trong các dãy thứ ba, thứ tư hoặc thứ năm.

The Logos of our scheme is preparing for initiation and **hence the terrific tests and trials, incident to life on our planet** during this **cycle**, are easily accounted for.

Hành Tinh Thượng Đế của hệ chúng ta đang chuẩn bị cho điểm đạo và **do đó những thử thách và khảo nghiệm khủng khiếp, gắn liền với sự sống trên hành tinh chúng ta** trong **chu kỳ** này, đều có thể được giải thích dễ dàng.

438. It is important to note that our Planetary Logos is only "preparing" for initiation. Some imagine that He will take it in the relatively immediate future or is taking it right now, but it would seem that a greater degree of soul-infusion in the human race is required if this is to occur.

438. Điều quan trọng cần lưu ý là Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta chỉ đang "chuẩn bị" cho điểm đạo. Một số người tưởng rằng Ngài sẽ đảm nhận nó trong tương lai tương đối gần hoặc đang đảm nhận nó ngay lúc này, nhưng dường như cần có một mức độ linh hồn thấm nhuần lớn hơn trong nhân loại nếu điều này muốn xảy ra.

439. Even though conditions on our planet are only those of *preparation* for initiation, the experiences through which we (and all lower kingdoms) are passing are dire. Because it is a *fourth* initiation, human-kind, the *fourth* kingdom, is experiencing the greater pain.

439. Dù các điều kiện trên hành tinh chúng ta chỉ là những điều kiện *chuẩn bị* cho điểm đạo, những kinh nghiệm mà chúng ta (và tất cả các giới thấp hơn) đang trải qua vẫn rất khốc liệt. Bởi vì đây là lần điểm đạo thứ *tư*, nhân loại, giới thứ *tư*, đang trải nghiệm nỗi đau lớn hơn cả.

440. It should be remembered that the path to each initiation is over a "burning ground".

440. Cần nhớ rằng con đường dẫn đến mỗi lần điểm đạo đều đi qua một "vùng đất cháy".

441. Of what cycle is DK speaking? It may be lengthier than we imagine.

441. Chân sư DK đang nói đến chu kỳ nào? Có thể nó dài hơn chúng ta tưởng.

442. It seems clear that the Planetary Logos is taking initiation "during this cycle" and, thus, most probably over a relatively long period of time. The fourth initiation for the Planetary Logos will not be the relatively rapid affair it is in the life of a human being. —

442. Có vẻ rõ ràng rằng Hành Tinh Thượng Đế đang đảm nhận điểm đạo "trong chu kỳ này" và do đó rất có thể là trong một khoảng thời gian tương đối dài. Lần điểm đạo thứ tư đối với Hành Tinh Thượng Đế sẽ không là một sự việc tương đối nhanh chóng như trong đời sống của một con người.—

The Logos of our scheme, Sanat Kumara, will take a major initiation in the middle of the fifth round, but is preparing for a minor one at this time.

Hành Tinh Thượng Đế của hệ chúng ta, Đức Sanat Kumara, sẽ đảm nhận một điểm đạo lớn vào giữa cuộc tuần hoàn thứ năm, nhưng hiện nay đang chuẩn bị cho một điểm đạo nhỏ.

443. This is a most important statement. Is Sanat Kumara the *personality* of the Planetary Logos? Is Sanat Kumara the *soul* of the Planetary Logos? Or is Sanat Kumara actually the Planetary Logos?

443. Đây là một phát biểu cực kỳ quan trọng. Đức Sanat Kumara có phải là *phàm ngã* của Hành Tinh Thượng Đế không? Đức Sanat Kumara có phải là *linh hồn* của Hành Tinh Thượng Đế không? Hay Đức Sanat Kumara thực sự chính là Hành Tinh Thượng Đế?

444. It is perhaps unusual to think of a fourth initiation as a "minor initiation", but a Planetary Logos is not a sacred planet until that Logos has taken the *fifth* initiation. Compared, therefore, to the fifth initiation

444. Có lẽ thật khác thường khi nghĩ về lần điểm đạo thứ tư như một "điểm đạo nhỏ", nhưng một Hành Tinh Thượng Đế không phải là một hành tinh thiêng liêng cho đến khi Thượng đế ấy đã đảm nhận lần điểm đạo thứ *năm*. Vì vậy, so với lần điểm đạo thứ năm

in the series of seven (cf. TCF 384), the fourth initiation is still minor.

445. One would think that the Planetary Logos would take a kind of fifth initiation in His fifth chain, a sixth initiation in His sixth chain and His seventh in His seventh chain. This may still be true even though we are told that he will take a "major initiation" in the fifth round (presumably in this fourth chain). That "major initiation" might *not* be the same as the fifth in the series of seven.

446. If we consult TCF 384, the next *major* initiation (called a "cosmic initiation") for which our Planetary Logos is preparing is the *second.*

447. Thus far, we seem to be dealing three categories of initiation for the Planetary Logos, two of which may be the same:

a. Minor initiations

b. Major initiations

c. Cosmic initiations

448. Could the major initiation for which our Planetary Logos is preparing, and which will occur in the fifth round of the fourth chain, be the "second cosmic initiation"?

449. The series of minor and cosmic initiations could take place in at least two ways:

a. In the case of our Planetary Logos, either the entire series of seven must be completed

trong chuỗi bảy lần (xem TCF 384), lần điểm đạo thứ tư vẫn còn là nhỏ.

445. Người ta sẽ nghĩ rằng Hành Tinh Thượng Đế sẽ đảm nhận một loại lần điểm đạo thứ năm trong dãy thứ năm của Ngài, lần điểm đạo thứ sáu trong dãy thứ sáu của Ngài và lần thứ bảy trong dãy thứ bảy của Ngài. Điều này vẫn có thể đúng dù chúng ta được cho biết rằng y sẽ đảm nhận một "điểm đạo lớn" trong cuộc tuần hoàn thứ năm (có lẽ trong dãy thứ tư này). "Điểm đạo lớn" đó có thể *không* giống với lần thứ năm trong chuỗi bảy lần.

446. Nếu chúng ta tham khảo TCF 384, lần điểm đạo *lớn* kế tiếp (được gọi là một "điểm đạo vũ trụ") mà Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang chuẩn bị là lần thứ *hai.*

447. Cho đến nay, dường như chúng ta đang bàn đến ba loại điểm đạo đối với Hành Tinh Thượng Đế, trong đó hai loại có thể là một:

a. Các điểm đạo nhỏ

b. Các điểm đạo lớn

c. Các điểm đạo vũ trụ

448. Liệu điểm đạo lớn mà Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang chuẩn bị, và sẽ xảy ra trong cuộc tuần hoàn thứ năm của dãy thứ tư, có thể là "lần điểm đạo vũ trụ thứ hai" chăng?

449. Chuỗi các điểm đạo nhỏ và các điểm đạo vũ trụ có thể diễn ra theo ít nhất hai cách:

a. Trong trường hợp của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, hoặc là toàn bộ chuỗi bảy

before He is able to take the second cosmic initiation…

b. Or there is a kind of overlapping going on between these two types of initiations. Let us say that the Planetary Logos is due to take the third or even the fourth cosmic initiation in this solar system. It may be that those cosmic initiations occur *during* the series of minor or chain initiations.

c. This would mean that the fourth chain initiation (occurring on our Earth chain and considered *minor*) could be followed by the second *cosmic* initiation even before the fifth chain initiation occurs.

d. In such a case the second cosmic initiation *could* occur while the Planetary Logos is still focussed within His fourth chain!

e. I had previously thought that the entire series of seven would have to elapse before the second cosmic initiation could occur, but there may be other possibilities.

450. This new (new to me) view of the possibilities would have implications in relation to the initiations which the Solar Logos is in process of taking—a series of nine (minor) with the third *cosmic* initiation being His goal.

451. Similarly, the cosmic initiations could occur *during* the taking of the nine minor (the fourth minor is probably now in progress through our Earth-scheme). This would make sense as the Solar Logos is due to take either the fourth cosmic initiation or the fourth and fifth cosmic initiation in this solar system.

lần phải được hoàn tất *trước khi* Ngài có thể đảm nhận lần điểm đạo vũ trụ thứ hai…

b. Hoặc có một loại chồng lấn nào đó đang diễn ra giữa hai loại điểm đạo này. Chúng ta hãy chỉ nói rằng Hành Tinh Thượng Đế được định là sẽ đảm nhận lần điểm đạo vũ trụ thứ ba hay thậm chí thứ tư trong hệ mặt trời này. Có thể những điểm đạo vũ trụ ấy xảy ra *trong khi* chuỗi các điểm đạo nhỏ hay điểm đạo dãy đang diễn ra.

c. Điều này có nghĩa là điểm đạo dãy thứ tư (xảy ra trên Dãy Địa Cầu của chúng ta và được xem là *nhỏ*) có thể được tiếp theo bởi lần điểm đạo thứ hai *vũ trụ* ngay cả trước khi điểm đạo dãy thứ năm xảy ra.

d. Trong trường hợp như vậy, lần điểm đạo vũ trụ thứ hai *có thể* xảy ra trong khi Hành Tinh Thượng Đế vẫn còn tập trung trong dãy thứ tư của Ngài!

e. Trước đây tôi đã nghĩ rằng toàn bộ chuỗi bảy lần sẽ phải trôi qua trước khi lần điểm đạo vũ trụ thứ hai có thể xảy ra, nhưng có thể còn những khả năng khác.

450. Quan điểm mới này (mới đối với tôi) về các khả năng sẽ có những hàm ý liên quan đến các điểm đạo mà Thái dương Thượng đế đang trong tiến trình đảm nhận—một chuỗi chín lần (nhỏ) với lần điểm đạo thứ ba *vũ trụ* là mục tiêu của Ngài.

451. Tương tự, các điểm đạo vũ trụ có thể xảy ra *trong khi* chín điểm đạo nhỏ đang được đảm nhận (lần nhỏ thứ tư có lẽ hiện đang diễn ra qua hệ Địa Cầu của chúng ta). Điều này sẽ hợp lý vì Thái dương Thượng đế được định là sẽ đảm nhận hoặc lần điểm đạo vũ trụ thứ tư hoặc cả lần điểm đạo vũ trụ thứ tư và thứ năm trong hệ mặt trời này.

452. The exact relationship between apparently “minor” initiations and major or cosmic initiations may not be easy to determine, but the Tibetan gives enough hints for us to offer intelligent speculations.

452. Mối liên hệ chính xác giữa các điểm đạo có vẻ “nhỏ” và các điểm đạo lớn hay vũ trụ có thể không dễ xác định, nhưng Chân sư Tây Tạng đưa ra đủ gợi ý để chúng ta có thể đưa ra những suy đoán thông minh.

The Logos of our scheme has been in physical incarnation (**having a body of etheric matter**) since the middle of the Lemurian root-race, and will remain with us until what is called "the judgment day" in the next round.

Hành Tinh Thượng Đế của hệ chúng ta đã ở trong lâm phàm hồng trần (**có một thể bằng vật chất dĩ thái**) từ giữa giống dân gốc Lemuria, và sẽ ở lại với chúng ta cho đến điều được gọi là "ngày phán xét" trong cuộc tuần hoàn kế tiếp.

453. When speaking of the “Logos of our scheme”, DK may again be speaking of Sanat Kumara, as above.

453. Khi nói về “Hành Tinh Thượng Đế của hệ chúng ta”, Chân sư DK có thể lại đang nói về Đức Sanat Kumara, như ở trên.

454. In a way, the Planetary Logos can never leave us, but His focal incarnation, through Sanat Kumara and on this fourth globe, may be in some respect terminated at the "Judgment Day".

454. Theo một nghĩa nào đó, Hành Tinh Thượng Đế không bao giờ có thể rời bỏ chúng ta, nhưng lần lâm phàm tiêu điểm của Ngài, qua Đức Sanat Kumara và trên bầu hành tinh thứ tư này, có thể ở một phương diện nào đó chấm dứt vào "Ngày Phán Xét".

455. VSK offers the following: “Let’s note that this is the world period referred to in the EA chart page 34-35, as well as that timeframe as given on this TCF chart VI page 373.”

455. VSK đưa ra điều sau đây: “Hãy lưu ý rằng đây là thời kỳ thế giới được nhắc đến trong biểu đồ EA trang 34-35, cũng như khung thời gian được nêu trong biểu đồ VI của TCF trang 373.”

456. May it be suggested that when (on EA 34) DK speaks of a “world cycle”, it may or may not be the same as the span discussed here?

456. Có thể gợi ý rằng khi (trong EA 34) Chân sư DK nói về một “chu kỳ thế giới”, thì nó có thể là hoặc không là cùng khoảng thời gian được bàn đến ở đây chăng?

457. It may be presumed that the fourth globe has had, since its inception, a body of etheric matter. This is not the body of which DK seems to be speaking. Rather, it is as if the Planetary Logos/Sanat Kumara takes His own body of etheric matter *within* the etheric body of the globe.

457. Có thể giả định rằng bầu hành tinh thứ tư, từ khi khởi đầu, đã có một thể bằng vật chất dĩ thái. Đây không phải là thể mà Chân sư DK dường như đang nói đến. Đúng hơn, dường như Hành Tinh Thượng Đế/Đức Sanat Kumara mang lấy chính thể bằng vật

chất dĩ thái của Ngài *bên trong* thể dĩ thái của bầu hành tinh.

458. The span of Sanat Kumara's incarnation on the fourth globe is memorable: from human individualization until the "Judgment Day".

458. Khoảng thời gian lâm phàm của Đức Sanat Kumara trên bầu hành tinh thứ tư thật đáng ghi nhớ: từ lúc biệt ngã hóa của con người cho đến "Ngày Phán Xét".

459. In terms of the initiations of the Planetary Logos: individualization was a kind of planetary initiation; we are preparing for a fourth initiation now and the "Judgment Day" will be an initiation (in fact, a *major* initiation).

459. Xét theo các điểm đạo của Hành Tinh Thượng Đế: biệt ngã hóa là một loại điểm đạo hành tinh; hiện nay chúng ta đang chuẩn bị cho lần điểm đạo thứ tư và "Ngày Phán Xét" sẽ là một điểm đạo (thực ra là một điểm đạo *lớn*).

460. The Planetary Logos, in a way, pervades His entire planetary manifestation, including chains and globes. This, it would seem, is a constant.

460. Theo một nghĩa nào đó, Hành Tinh Thượng Đế thấm khắp toàn bộ biểu hiện hành tinh của Ngài, bao gồm các dãy và các bầu hành tinh. Điều này, dường như, là một hằng số.

461. Planetary logoic *incarnation,* however, seems to be different matter from pervasion; rather, it seems to be a deliberate focus for a specific duration.

461. Tuy nhiên, sự *lâm phàm* hành tinh thượng đế dường như là một vấn đề khác với sự thấm khắp; đúng hơn, nó dường như là một sự tập trung có chủ ý trong một thời lượng xác định.

At that point in His career He will have achieved the necessary vitalisation of the particular centre which is occupying His attention, will have "seen of the travail of His Soul" in connection with the units of the human [Page 375] Hierarchy who go to the composition of this centre, **and will drop His present form**, **will turn His attention to another and higher centre, and give of His force to the units of a different calibre**, from another branch of the human Hierarchy, who respond to the vibration of that centre.

Vào thời điểm đó trong sự nghiệp của Ngài, Ngài sẽ đạt được sự tiếp sinh lực cần thiết cho trung tâm đặc biệt đang chiếm giữ sự chú ý của Ngài, sẽ đã "thấy nỗi nhọc nhằn của Linh hồn Ngài" liên quan đến các đơn vị của Thánh Đoàn nhân loại [Page 375]hợp thành trung tâm này, **và sẽ buông bỏ hình tướng hiện tại của Ngài**, **sẽ chuyển sự chú ý của Ngài sang một trung tâm khác và cao hơn, và ban mãnh lực của Ngài cho các đơn vị có tầm mức** khác, từ một nhánh khác của Thánh Đoàn nhân loại, những đơn vị đáp ứng với rung động của trung tâm ấy.

462. This is quite an amazing paragraph discussing the goals and objectives of our Planetary Logos.

462. Đây là một đoạn văn thật đáng kinh ngạc bàn về các mục tiêu và mục đích của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

463. The Planetary Logos is presently passing through a fourth initiation in His fourth chain and on His fourth globe. From R&I 340 we learn that the heart chakra is especially stimulated at the fourth initiation and we may analogize to the Planetary Logos.

463. Hiện nay Hành Tinh Thượng Đế đang trải qua lần điểm đạo thứ tư trong dãy thứ tư của Ngài và trên bầu hành tinh thứ tư của Ngài. Từ R&I 340 chúng ta biết rằng luân xa tim được kích thích đặc biệt ở lần điểm đạo thứ tư và chúng ta có thể suy theo phép tương đồng với Hành Tinh Thượng Đế.

464. We have learned also that the coming of the Solar Angels corresponded with the awakening of the planetary heart.

464. Chúng ta cũng đã học được rằng sự xuất hiện của các Thái dương Thiên Thần tương ứng với sự thức tỉnh của tim hành tinh.

Only as the heart centre of a Heavenly Man (each in His cycle and each differing cyclically) **becomes vitalised** and attains a certain vibratory capacity does the individualisation of the Monads become possible under the Law. (TCF 684)

Chỉ khi trung tâm tim của một Đấng Thiên Nhân (mỗi Đấng trong chu kỳ của Ngài và mỗi Đấng khác nhau theo chu kỳ) **được tiếp sinh lực** và đạt đến một năng lực rung động nhất định thì sự biệt ngã hóa của các chân thần mới trở nên khả hữu theo Định luật. (TCF 684)

465. The phrase—"seen of the travail of His Soul" may give the hint that the heart center is especially involved, for the heart, the soul and the causal body (which will become the vehicle of polarization for three-fifths of humanity at the "Judgment Day") are all closely related.

465. Cụm từ—"thấy nỗi nhọc nhằn của Linh hồn Ngài" có thể gợi ý rằng trung tâm tim đặc biệt liên hệ, vì tim, linh hồn và thể nguyên nhân (sẽ trở thành vận cụ phân cực cho ba phần năm nhân loại vào "Ngày Phán Xét") đều liên hệ mật thiết với nhau.

466. The units of the human Hierarchy that go to the composition of the center in question may well be the members of the Spiritual Hierarchy of the time. The Spiritual Hierarchy is the planetary heart center.

466. Các đơn vị của Huyền Giai nhân loại hợp thành trung tâm đang được nói đến rất có thể là các thành viên của Thánh đoàn tinh thần vào thời đó. Thánh đoàn tinh thần là trung tâm tim hành tinh.

467. The dropping of His present form seems to be the dropping of His etheric vehicle which He took in middle Lemurian times.

467. Việc buông bỏ hình tướng hiện tại của Ngài dường như là việc buông bỏ vận cụ dĩ thái mà Ngài đã mang lấy vào giữa thời Lemuria.

468. The power of love and mind fused will be prominent at the "Judgment Day". Venus and Mercury will, it seems, be influential.

468. Quyền năng của tình thương và trí tuệ được dung hợp sẽ nổi bật vào "Ngày Phán Xét". Dường như Sao Kim và Sao Thủy sẽ có ảnh hưởng.

in the middle of the fifth round the Logos of Mercury will, with the Logos of the Venus scheme, and of our Earth, form a temporary triangle of force. (TCF 371)

vào giữa cuộc tuần hoàn thứ năm, Hành Tinh Thượng Đế của Sao Thủy sẽ, cùng với Hành Tinh Thượng Đế của hệ Sao Kim và của Trái Đất chúng ta, tạo thành một tam giác mãnh lực tạm thời. (TCF 371)

469. Once there is a requisite degree of soul infusion (love-light infusion) in the vehicles of the Planetary Logos, it would seem that He would turn His attention to the cultivation of the will. This will be, in part, a preparation for incarnation in the next solar system—the *will* system. The center to be cultivated, therefore, may well be one of the head centers.

469. Một khi có được mức độ linh hồn thấm nhuần cần thiết (sự thấm nhuần tình thương-ánh sáng) trong các vận cụ của Hành Tinh Thượng Đế, dường như Ngài sẽ chuyển sự chú ý sang việc vun bồi ý chí. Điều này sẽ, một phần, là sự chuẩn bị cho lâm phàm trong hệ mặt trời kế tiếp—hệ thống *ý chí*. Do đó, trung tâm cần được vun bồi rất có thể là một trong các trung tâm đầu.

It would be well to enlarge here a little on the connection between Venus and the Earth, which is hinted at in some of the occult books, and is somewhat touched upon in this. I have stated that the interaction between the two schemes is due largely to their positive and negative polarity,

Ở đây sẽ là điều tốt nếu khai triển thêm đôi chút về mối liên hệ giữa Sao Kim và Trái Đất, điều được gợi ra trong một số sách huyền bí học, và cũng được chạm đến phần nào trong tác phẩm này. Tôi đã nói rằng sự tương tác giữa hai hệ hành tinh phần lớn là do tính phân cực dương và âm của chúng,

470. We remember the following dealing with the negative polarity of Venus relative to our Earth which is experiencing a positive incarnation.

470. Chúng ta nhớ đoạn sau đây bàn về tính phân cực âm của Sao Kim so với Trái Đất chúng ta, vốn đang trải qua một lần lâm phàm dương.

Venus is negatively polarised, and hence it became possible for a mysterious absorption by the Earth of Venusian force. Again in this connection the question of sex may serve to elucidate. The karmic tie between the two Heavenly Men—one in a positive incarnation and the other in a

Kim Tinh được phân cực âm, và do đó đã trở nên có thể xảy ra một sự hấp thụ huyền nhiệm của Địa Cầu đối với lực Kim Tinh. Một lần nữa, trong mối liên hệ này, vấn đề tính dục có thể giúp làm sáng tỏ. Mối ràng buộc nghiệp quả giữa hai Đấng Thiên Nhân —một Đấng trong một lần lâm phàm dương tính và Đấng kia trong một lần lâm phàm

negative—caused the working out of an old debt and a planetary alliance. (TCF 323)

and I pointed out that a similar relation underlies the relation of the Pleiades and the seven schemes of our solar system, and also the relation of Sirius and the system itself.

471. The following will be relevant to the polarity of the Pleiades relative to the polarity of the seven Heavenly Men.

Just as Venus is negatively polarised to our Earth scheme, so the seven stars of the Pleiades are negatively polarised to our seven schemes. (TCF 378)

472. May it be the Sirius is negatively polarized in relation to our Sun? The pattern seems to be set: the greater of the two seems to receive from the lesser. We might think so, but it turns out not to be the case as we will learn later.

This, therefore, sweeps into close interaction three great systems:

1. The system of Sirius,

2. The system of the Pleiades,

3. The system of which our sun is the focal point,

473. Two members of the "three great constellations", Sirius and the Pleiades, are here mentioned in relation to our solar system.

âm tính—đã gây ra sự giải quyết một món nợ cũ và một liên minh hành tinh. (TCF 323)

và tôi đã chỉ ra rằng một mối liên hệ tương tự làm nền tảng cho mối liên hệ giữa chòm Thất Tinh và bảy hệ hành tinh của hệ mặt trời chúng ta, và cả mối liên hệ giữa Sirius và chính hệ này.

471. Điều sau đây sẽ có liên quan đến sự phân cực của chòm Thất Tinh so với sự phân cực của bảy Đấng Thiên Nhân.

Cũng như Kim Tinh được phân cực âm đối với hệ Địa Cầu của chúng ta, thì bảy ngôi sao của chòm Thất Tinh cũng được phân cực âm đối với bảy hệ của chúng ta. (TCF 378)

472. Có thể nào Sirius được phân cực âm trong mối liên hệ với Mặt Trời của chúng ta chăng? Mô hình dường như đã được thiết lập: Đấng lớn hơn trong hai Đấng dường như nhận từ Đấng nhỏ hơn. Chúng ta có thể nghĩ như vậy, nhưng hóa ra không phải thế như chúng ta sẽ biết về sau.

Do đó, điều này đưa ba hệ thống vĩ đại vào sự tương tác mật thiết:

1. Hệ thống Sirius,

2. Hệ thống chòm Thất Tinh,

3. Hệ thống mà mặt trời chúng ta là tiêu điểm,

473. Hai thành viên của "ba chòm sao lớn", Sirius và chòm Thất Tinh, ở đây được nhắc đến trong mối liên hệ với hệ mặt trời của chúng ta.

474. The Logos of Sirius stimulates our Solar Logos especially, and the Pleiades are a source of stimulation for our Heavenly Men.

474. Thượng đế của Sirius đặc biệt kích thích Thái dương Thượng đế của chúng ta, và chòm Thất Tinh là một nguồn kích thích đối với các Đấng Thiên Nhân của chúng ta.

making, as we will have noted, a cosmic triangle.

tạo thành, như chúng ta hẳn đã lưu ý, một tam giác vũ trụ.

475. Our Solar Logos is a *cosmic* being; the Logoi or Sirius and of the Pleiades are even greater on the cosmic scale.

475. Thái dương Thượng đế của chúng ta là một *vũ trụ* thể; các Thượng đế của Sirius và của chòm Thất Tinh còn vĩ đại hơn nữa trên quy mô vũ trụ.

Within our system there are several such triangles, varying at different stages;

Trong nội bộ hệ thống chúng ta có một số tam giác như thế, biến đổi ở các giai đoạn khác nhau;

476. DK is speaking of that which transpires *within* our system; the triangle mentioned must therefore at least involve some Planetary Logoi.

476. Chân sư DK đang nói về điều diễn ra *bên trong* hệ thống chúng ta; vì vậy tam giác được nhắc đến ít nhất phải bao gồm một số Đức Hành Tinh Thượng Đế.

according to their relation to each other, the differentiated force of the different schemes can pass from scheme to scheme, and **thus the units of life on the different rays or streams of force become temporarily intermingled.**

tùy theo mối liên hệ của chúng với nhau, lực đã biến phân của các hệ khác nhau có thể truyền từ hệ này sang hệ khác, và **do đó các đơn vị sự sống trên các cung hay các dòng lực khác nhau trở nên tạm thời hòa lẫn vào nhau.**

477. The Tibetan seems to be speaking of triangles which are formed between the different schemes. We studied this kind of triangle in relation to 'greater Saturn' and the schemes He 'encloses'.

477. Chân sư Tây Tạng dường như đang nói về những tam giác được hình thành giữa các hệ khác nhau. Chúng ta đã nghiên cứu loại tam giác này trong mối liên hệ với 'Saturn lớn hơn' và các hệ mà Ngài 'bao hàm'.

478. Triangles are a method for the exchange of different qualities of energy.

478. Tam giác là một phương pháp để trao đổi các phẩm tính năng lượng khác nhau.

479. The three members of a triangle each express, principally, a different quality of energy or force and share their quality with each other.

479. Ba thành viên của một tam giác, về căn bản, mỗi thành viên biểu lộ một phẩm tính năng lượng hay mãnh lực khác nhau và chia sẻ phẩm tính của mình với nhau.

In all these triangles (cosmic, systemic, planetary, and human) **two points of the triangle represent each a different polarity, and one point represents the point of equilibrium, of synthesis or merging.**

Trong tất cả các tam giác này (vũ trụ, hệ thống, hành tinh và nhân loại) **hai điểm của tam giác mỗi điểm biểu thị một cực tính khác nhau, và một điểm biểu thị điểm quân bình, của tổng hợp hay hòa nhập.**

480. There are triangles between constellations; there are triangles between solar systems; there are triangles between planets and even triangles between human beings. All these types of triangles are *horizontal.*

480. Có những tam giác giữa các chòm sao; có những tam giác giữa các hệ mặt trời; có những tam giác giữa các hành tinh và thậm chí cả những tam giác giữa con người. Tất cả các loại tam giác này đều là *ngang.*

481. If we look for more vertical triangles, there are triangles which unite a cosmic, a stellar and a planetary factor; or which unite one cosmic factor and two stellar factors; or two cosmic and one stellar; etc., etc. The possible combinations are many.

481. Nếu chúng ta tìm những tam giác thẳng đứng hơn, thì có những tam giác kết hợp một yếu tố vũ trụ, một yếu tố tinh tú và một yếu tố hành tinh; hoặc kết hợp một yếu tố vũ trụ và hai yếu tố tinh tú; hoặc hai yếu tố vũ trụ và một yếu tố tinh tú; v.v. và v.v. Những tổ hợp khả hữu thì rất nhiều.

482. The many vertical and horizontal triangles, when associated, contribute to the formation of cosmic crosses (not the horizontal Mutable, Fixed and Cardinal crosses).

482. Nhiều tam giác thẳng đứng và ngang, khi được liên kết, góp phần vào sự hình thành các thập giá vũ trụ (không phải các thập giá ngang Biến đổi, Cố Định và Chủ Yếu).

483. DK speaks of polarity—of positive, negative and a neutral point of equilibrium, or synthesis, or merging. Every triangle demonstrates these three types of polarity. We might call them positive, negative and *magnetic.*

483. Chân sư DK nói về cực tính—về một điểm dương, âm và một điểm quân bình trung tính, hay tổng hợp, hay hòa nhập. Mỗi tam giác biểu hiện ba loại cực tính này. Chúng ta có thể gọi chúng là dương, âm và *từ tính.*

484. If, in the microcosm, we compare the head, throat and heart centers, then (given a sufficiently high point of evolution) the head would be positive, the throat negative and

484. Nếu, trong tiểu thiên địa, chúng ta so sánh các trung tâm đầu, cổ họng và tim, thì (với một điểm tiến hoá đủ cao) đầu sẽ là dương, cổ họng là âm và tim là trung tính,

the heart neutral, balancing, synthesizing, merging—i.e., *magnetic.*

quân bình, tổng hợp, hòa nhập—tức là, *từ tính.*

This should be borne in mind in studying both the macrocosmic and the microcosmic centres, **for it accounts for diversity in manifestation, in forms and in quality.**

Điều này cần được ghi nhớ khi nghiên cứu cả các trung tâm đại thiên địa lẫn tiểu thiên địa, **vì nó giải thích sự đa dạng trong biểu hiện, trong các hình tướng và trong phẩm tính.**

485. DK is telling us how different kinds of centers become linked in triangular formation.

485. Chân sư DK đang cho chúng ta biết các loại trung tâm khác nhau được nối kết thành hình tam giác như thế nào.

486. It is through sharing and mutual exchange that centers of one particular quality become enriched through the infusion of multiple other qualities.

486. Chính nhờ sự chia sẻ và trao đổi hỗ tương mà các trung tâm của một phẩm tính đặc thù được làm phong phú nhờ sự thấm nhuần của nhiều phẩm tính khác.

A correspondence might here also be pointed out which [Page 376] may serve to convey light to those who have eyes to see:

Một sự tương ứng cũng có thể được chỉ ra ở đây, điều mà [Page 376] có thể giúp soi sáng cho những ai có mắt để thấy:

487. The power to see, to climb the mountain of vision on one's own, must be built up over many life cycles.

487. Năng lực thấy, tự mình leo lên ngọn núi của tầm nhìn, phải được xây dựng qua nhiều chu kỳ sống.

The Venus scheme, being in the fifth round, had the fifth principle of manas co-ordinated and developed, the minor four manasic aspects had been synthesised, and the buddhic aspect was being provided with a means of expression through the medium of the perfected fifth.

Hệ Kim Tinh, vì đang ở cuộc tuần hoàn thứ năm, đã có nguyên khí thứ năm là manas được phối hợp và phát triển, bốn phương diện manas thứ yếu đã được tổng hợp, và phương diện Bồ đề đang được cung cấp một phương tiện biểu lộ qua trung gian của phương diện thứ năm đã được hoàn thiện.

488. What is said here is reminiscent of the discussion of Venus and its relation to the cosmic astral plane. Venus was subjugating the fifth sub-plane (counting from below), was working on the sixth and probably becoming sensitive to the seventh.

488. Điều được nói ở đây gợi nhớ đến cuộc thảo luận về Kim Tinh và mối liên hệ của nó với cõi cảm dục vũ trụ. Kim Tinh đã chế ngự cõi phụ thứ năm (tính từ dưới lên), đang hoạt động trên cõi phụ thứ sáu và có lẽ đang trở nên nhạy cảm với cõi phụ thứ bảy.

489. What Venus was doing within itself is similar to what Saturn must do in relation to the four strictly manasic schemes.

489. Điều Kim Tinh đang làm trong chính nó tương tự như điều Sao Thổ phải làm trong mối liên hệ với bốn hệ thuần túy manas.

In each round one subplane of the cosmic astral plane is brought under control, and the consciousness of the Heavenly Man expands to include one subplane more. **The planetary Lord of Venus has dominated and controlled the five subplanes and is working on the sixth.** (TCF 291)

Trong mỗi cuộc tuần hoàn, một cõi phụ của cõi cảm dục vũ trụ được đưa vào sự kiểm soát, và tâm thức của Đấng Thiên Nhân mở rộng để bao gồm thêm một cõi phụ nữa. **Chúa Tể hành tinh của Kim Tinh đã chế ngự và kiểm soát năm cõi phụ và đang hoạt động trên cõi phụ thứ sáu.** (TCF 291)

490. Humanity on its own level is working on perfecting the higher levels of the fifth sub-plane of the cosmic physical plane—i.e., becoming fully soul conscious.

490. Nhân loại trên cấp độ riêng của mình đang hoạt động để hoàn thiện các cấp độ cao hơn của cõi phụ thứ năm của cõi hồng trần vũ trụ—tức là trở nên hoàn toàn có tâm thức linh hồn.

491. The human race is on the eve of the sixth root race; this is the microcosmic analogy to the buddhic progress of Venus.

491. Nhân loại đang ở ngưỡng của giống dân gốc thứ sáu; đây là sự tương đồng vi mô với sự tiến bộ Bồ đề của Kim Tinh.

492. The stimulation of the buddhic aspect in man corresponds to the work being done by Venus on the sixth sub-plane of the cosmic astral plane.

492. Sự kích thích phương diện Bồ đề trong con người tương ứng với công việc mà Kim Tinh đang thực hiện trên cõi phụ thứ sáu của cõi cảm dục vũ trụ.

493. It is strange to speak of a *scheme* being in the fifth round *unless* we are speaking of *scheme rounds.* This is one of the few references in TCF which suggest the existence not only of chain rounds but of *scheme* rounds.

493. Thật lạ khi nói một *hệ* đang ở cuộc tuần hoàn thứ năm *trừ phi* chúng ta đang nói về các *cuộc tuần hoàn của hệ.* Đây là một trong số ít những chỗ dẫn trong TCF gợi ý sự tồn tại không chỉ của các cuộc tuần hoàn của dãy mà còn của các cuộc tuần hoàn của *hệ.*

494. It may be that the Venus-scheme is in both its fifth *scheme* round and fifth *chain* round (with respect to its fifth chain).

494. Có thể hệ Kim Tinh đang ở cả cuộc tuần hoàn thứ năm của *hệ* lẫn cuộc tuần hoàn thứ năm của *dãy* (xét theo dãy thứ năm của nó).

Our Heavenly Man, in the fifth round, will have attained **a paralleling point in evolution**, and the fifth principle will, as

Đấng Thiên Nhân của chúng ta, trong cuộc tuần hoàn thứ năm, sẽ đạt tới **một điểm tiến hoá song hành**, và nguyên khí thứ năm, như đã nói, sẽ không còn là đối tượng chú

stated, be no longer the object of His attention as regards the human units.

tâm của Ngài đối với các đơn vị nhân loại nữa.

495. Are we speaking here of the fifth round on the *fourth* chain (and thus of a *chain* round—the round which will see the "Judgment Day")?

495. Ở đây chúng ta đang nói về cuộc tuần hoàn thứ năm trên dãy *thứ tư* (và như vậy là một cuộc tuần hoàn của *dãy*—cuộc tuần hoàn sẽ chứng kiến "Ngày Phán Xét") phải không?

496. Or is this reference similar to that immediately above concerning Venus in its *fifth* round, and are we speaking of a scheme round in relation to the Earth-scheme?

496. Hay chỗ dẫn này tương tự như chỗ ngay trên nói về Kim Tinh trong cuộc tuần hoàn *thứ năm* của nó, và chúng ta đang nói về một cuộc tuần hoàn của hệ trong mối liên hệ với hệ Địa Cầu?

497. It would seem that (since we have been talking of the "Judgment Day" in the fifth round of the fourth chain) that the reference here may be to a chain round.

497. Có vẻ như (vì chúng ta đã nói về "Ngày Phán Xét" trong cuộc tuần hoàn thứ năm của dãy thứ tư) chỗ dẫn ở đây có thể là nói đến một cuộc tuần hoàn của dãy.

498. At the time of the "Judgment Day", at least the lower fifth principle will no longer be the object of our Planetary Logos' attention; His attention, it would seem, would be turned to the higher mental plane and towards the buddhic principle. Three fifths of humanity will be polarized in the causal body and so the higher fifth principle would still be relevant. But the cultivation of the principle of buddhi within the human race will be the next planetary objective.

498. Vào thời điểm của "Ngày Phán Xét", ít nhất nguyên khí thứ năm thấp hơn sẽ không còn là đối tượng chú tâm của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta nữa; dường như sự chú tâm của Ngài sẽ hướng về Cõi thượng trí và về nguyên khí Bồ đề. Ba phần năm nhân loại sẽ được phân cực trong thể nguyên nhân và vì vậy nguyên khí thứ năm cao hơn vẫn còn thích đáng. Nhưng việc vun bồi nguyên khí buddhi trong nhân loại sẽ là mục tiêu hành tinh kế tiếp.

499. If, however, our Planetary Logos is to attain a point of evolution *paralleling* that which Venus has now achieved, we must remember that Venus is one *chain* ahead of our Planetary Logos, not just one *round*.

499. Tuy nhiên, nếu Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta phải đạt tới một điểm tiến hoá *song hành* với điều mà Kim Tinh hiện nay đã đạt được, chúng ta phải nhớ rằng Kim Tinh đi trước Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta một *dãy*, chứ không chỉ một *cuộc tuần hoàn*.

500. Can our Planetary Logos achieve a paralleling point of evolution to Venus' present point in the *fifth* round of our *fourth*

500. Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta có thể đạt tới một điểm tiến hoá song hành với điểm hiện tại của Kim Tinh trong cuộc tuần hoàn *thứ năm* của dãy *thứ tư* của chúng ta,

chain, or do we have to wait until the fifth round of our *fifth* chain?

hay chúng ta phải chờ đến cuộc tuần hoàn thứ năm của dãy *thứ năm* của chúng ta?

501. Here is a question regarding Venus: is it true to say that Venus is in—

501. Ở đây có một câu hỏi liên quan đến Kim Tinh: có đúng khi nói rằng Kim Tinh đang ở —

a. Its fifth *scheme* round?

a. cuộc tuần hoàn thứ năm của *hệ* của nó chăng?

b. Its fifth chain?

b. dãy thứ năm của nó chăng?

c. The fifth chain-round of that fifth chain

c. cuộc tuần hoàn dãy thứ năm của dãy thứ năm ấy chăng

d. The fifth globe of the fifth chain?

d. bầu hành tinh thứ năm của dãy thứ năm chăng?

502. Such questions have not often been asked together.

502. Những câu hỏi như thế này không thường được đặt ra cùng nhau.

503. If the above is true of Venus, the Planetary Logos of the Earth-scheme will not achieve Venus' present point of evolution until another scheme round is in progress; until the His focus is on His fifth *chain*; and until, within that fifth chain, He is experiencing His *fifth chain round* in relation to the *fifth* globe of that chain.

503. Nếu điều trên là đúng đối với Kim Tinh, thì Hành Tinh Thượng Đế của hệ Địa Cầu sẽ không đạt được điểm tiến hoá hiện tại của Kim Tinh cho đến khi một cuộc tuần hoàn khác của hệ đang diễn tiến; cho đến khi tiêu điểm của Ngài ở trên dãy *thứ năm* của Ngài; và cho đến khi, trong dãy thứ năm ấy, Ngài đang trải nghiệm *cuộc tuần hoàn dãy thứ năm* của Ngài trong mối liên hệ với bầu hành tinh *thứ năm* của dãy ấy.

504. Further, it is to be remembered that Venus, like all other Planetary Logos was to have achieved his goal in *seven* rounds (presumably seven scheme rounds), but, due to greatly accelerated progress, achieve the goal in *five* rounds (presumably five scheme rounds).

504. Hơn nữa, cần nhớ rằng Kim Tinh, cũng như mọi Hành Tinh Thượng Đế khác, lẽ ra đã phải đạt mục tiêu của mình trong *bảy* cuộc tuần hoàn (có lẽ là bảy cuộc tuần hoàn của hệ), nhưng do sự tiến bộ được gia tốc rất mạnh, đã đạt mục tiêu trong *năm* cuộc tuần hoàn (có lẽ là năm cuộc tuần hoàn của hệ).

505. Is the suggestion being made the Logos of the Earth-scheme will do the same—in

505. Có phải điều được gợi ý là Thượng đế của hệ Địa Cầu cũng sẽ làm như vậy—trong

five scheme rounds and not in *seven*? We have been no great example of acceleration up to this point in our development, but that fact does not preclude the possibility.

năm cuộc tuần hoàn của hệ chứ không phải trong *bảy*? Cho đến thời điểm này trong sự phát triển của chúng ta, chúng ta không phải là một tấm gương lớn về sự gia tốc, nhưng sự kiện ấy không loại trừ khả năng đó.

506. By the time the focus is within the fifth chain of the Earth-scheme, it could easily be understood that buddhi would be the next object of attention. At the "Judgment Day", however, when so many human beings will be focused within the causal body, it would seem premature of the Planetary Logos to abandon His focus upon at least the *higher* aspects of the fifth principle.

506. Đến lúc tiêu điểm nằm trong dãy thứ năm của hệ Địa Cầu, có thể dễ dàng hiểu rằng buddhi sẽ là đối tượng chú tâm kế tiếp. Tuy nhiên, vào "Ngày Phán Xét", khi rất nhiều con người sẽ được tập trung trong thể nguyên nhân, thì dường như sẽ là quá sớm để Hành Tinh Thượng Đế từ bỏ sự chú tâm của Ngài vào ít nhất các phương diện *cao hơn* của nguyên khí thứ năm.

Five stages of activity mark the development and utilisation of the mind principle;

Năm giai đoạn hoạt động đánh dấu sự phát triển và sử dụng nguyên khí trí tuệ;

507. Brahma is *fivefold* comprising one Ray of Aspect and four Rays of Attribute.

507. Brahma là *ngũ phân* gồm một Cung Trạng Thái và bốn Cung Thuộc Tính.

508. The five-pointed Star of Initiation signifies a high stage in the development and utilization of the mind principle.

508. Ngôi Sao Điểm Đạo năm cánh biểu thị một giai đoạn cao trong sự phát triển và sử dụng nguyên khí trí tuệ.

there are three stages of acquisition, and two wherein that which has been acquired is used.

có ba giai đoạn thủ đắc, và hai giai đoạn trong đó điều đã được thủ đắc được sử dụng.

509. In relation to the seven globes of any chain, the first three globes might be considered 'globes of acquisition' and the next two, 'globes of utilization'. The last two are 'globes of abstraction'. In any sevenfold system, the sixth and seventh levels of vibration are associated with abstraction and synthesis. This idea parallels the fact that Neptune and Uranus (on the sixth and seventh rays respectively—from the *soul* perspective) are planets of abstraction and synthesis. That they express the second and

509. Trong mối liên hệ với bảy bầu hành tinh của bất kỳ dãy nào, ba bầu hành tinh đầu tiên có thể được xem là 'các bầu hành tinh của sự thủ đắc' và hai bầu hành tinh kế tiếp là 'các bầu hành tinh của sự sử dụng'. Hai bầu hành tinh cuối là 'các bầu hành tinh của sự trừu xuất'. Trong bất kỳ hệ thống thất phân nào, các cấp độ rung động thứ sáu và thứ bảy đều gắn liền với sự trừu xuất và tổng hợp. Ý tưởng này song hành với sự kiện rằng Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương (lần lượt trên cung sáu và cung bảy—xét từ góc độ

first rays (monadically) can also be linked with the tendency to abstraction found in relation to first and second planes (counting from above)—planes which, from another perspective, are the seventh and sixth respectively.

linh hồn) là những hành tinh của sự trừu xuất và tổng hợp. Việc chúng biểu lộ cung hai và cung một (về mặt chân thần) cũng có thể được liên kết với khuynh hướng trừu xuất được tìm thấy trong mối liên hệ với các cõi thứ nhất và thứ hai (tính từ trên xuống) —những cõi mà, từ một góc nhìn khác, lần lượt là cõi thứ bảy và thứ sáu.

This is too intricate a calculation for us to enter into it here, and it cannot be undertaken except by an initiate, for it involves ability to study the cycles of the earlier solar system,

Đây là một phép tính quá phức tạp để chúng ta đi vào ở đây, và không thể được thực hiện ngoại trừ bởi một điểm đạo đồ, vì **nó bao hàm khả năng nghiên cứu các chu kỳ của hệ mặt trời trước đó,**

510. The immediately earlier solar system was one in which manas was much developed and utilized.

510. Hệ mặt trời ngay trước đó là một hệ trong đó manas đã được phát triển và sử dụng rất nhiều.

511. We note that DK is cautious about what He will discuss in this book. He knows the level of complexity we can handle; it is not very high.

511. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK thận trọng về những gì Ngài sẽ bàn đến trong quyển sách này. Ngài biết mức độ phức tạp mà chúng ta có thể xử lý; nó không cao lắm.

but it might be noted that (judging from the microcosm on the earth planet) this is just what might be expected.

nhưng có thể lưu ý rằng (phán đoán từ tiểu thiên địa trên hành tinh địa cầu) đây chính là điều có thể được mong đợi.

512. We seek to understand the un-understandable through the understandable.

512. Chúng ta tìm cách thấu hiểu điều không thể thấu hiểu thông qua điều có thể thấu hiểu.

Man developed manas in this round during the third, fourth and fifth root-races, and utilises it for the development of the intuition and of the **higher consciousness** during the sixth and seventh.

Con người đã phát triển manas trong cuộc tuần hoàn này trong các giống dân gốc thứ ba, thứ tư và thứ năm, và sử dụng nó cho sự phát triển của trực giác và của **tâm thức cao hơn** trong giống dân thứ sáu và thứ bảy.

513. We note that the numbers three, four and five are manasic. From what is said here about root races, we might expect that manas could be developed on the third, fourth and fifth globes of any chain, and

513. Chúng ta lưu ý rằng các số ba, bốn và năm là các số manas. Từ điều được nói ở đây về các giống dân gốc, chúng ta có thể mong đợi rằng manas có thể được phát triển trên các bầu hành tinh thứ ba, thứ tư và thứ năm

perhaps through the third, fourth and fifth rounds of chains which were the third, fourth and fifth.

514. It cannot be said that manas was developed in the third round of our present chain, but only during the fourth and presumably during the fifth to come.

515. As earlier stated, the manasic numbers are three, four and five correlated with the hypothesized rays of Mercury from personality to Monad.

516. In the section above DK is dealing with smaller spans—the span of root races. Part of the third and all of the fourth and fifth root races are manasic in terms of the development of the human race. The development of the intuition and of atmic consciousness (called here "higher consciousness") are the projects of the sixth and seventh root races. Obviously, this will not apply to *all* of the human race, for many will not even be treading the Path until well into the next round.

During an incarnation by a planetary Logos in a chain, during one round **He demonstrates through His seven centres or globes manas on three globes**, and **utilises it for specific purposes on the final two**.

517. DK has extended the analogy as suggested above. Just as the third, fourth and fifth root races are fields of development for manas, so, for a Planetary Logos, are the third, fourth and fifth globes.

của bất kỳ dãy nào, và có lẽ qua các cuộc tuần hoàn thứ ba, thứ tư và thứ năm của các dãy vốn là dãy thứ ba, thứ tư và thứ năm.

514. Không thể nói rằng manas đã được phát triển trong cuộc tuần hoàn thứ ba của dãy hiện tại của chúng ta, mà chỉ trong cuộc tuần hoàn thứ tư và có lẽ trong cuộc tuần hoàn thứ năm sắp tới.

515. Như đã nói trước đây, các con số manas là ba, bốn và năm, tương quan với các cung được giả định của Sao Thủy từ phàm ngã đến chân thần.

516. Trong phần trên, Chân sư DK đang bàn đến những khoảng nhỏ hơn—khoảng của các giống dân gốc. Một phần của giống dân gốc thứ ba và toàn bộ giống dân gốc thứ tư và thứ năm là manas xét theo sự phát triển của nhân loại. Sự phát triển của trực giác và của tâm thức atma (ở đây được gọi là "tâm thức cao hơn") là các dự án của giống dân gốc thứ sáu và thứ bảy. Hiển nhiên, điều này sẽ không áp dụng cho *toàn bộ* nhân loại, vì nhiều người thậm chí sẽ chưa bước trên Con Đường cho đến tận sâu trong cuộc tuần hoàn kế tiếp.

Trong một lần lâm phàm của một Hành Tinh Thượng Đế trong một dãy, trong một cuộc tuần hoàn **Ngài biểu lộ qua bảy trung tâm hay bảy bầu hành tinh của Ngài manas trên ba bầu hành tinh**, và **sử dụng nó cho những mục đích đặc thù trên hai bầu hành tinh cuối**.

517. Chân sư DK đã mở rộng phép loại suy như đã gợi ý ở trên. Cũng như các giống dân gốc thứ ba, thứ tư và thứ năm là những lĩnh vực phát triển cho manas, thì đối với một Hành Tinh Thượng Đế, các bầu hành tinh thứ ba, thứ tư và thứ năm cũng như vậy.

518. Processes pursued on the sixth and seventh globes are related to the cultivation of planetary logoic intuition and, analogously, "higher consciousness". Manas is used by intuition and by purpose (spiritual will)

518. Các tiến trình được theo đuổi trên các bầu hành tinh thứ sáu và thứ bảy có liên hệ với việc vun bồi trực giác hành tinh logoic và, theo phép loại suy, "tâm thức cao hơn". Manas được trực giác và mục đích (ý chí tinh thần) sử dụng

This is a lesser cycle to that in which we view the seven chains as His seven centres.

Đây là một chu kỳ nhỏ hơn so với chu kỳ trong đó chúng ta xem bảy dãy là bảy trung tâm của Ngài.

519. This is an important statement. We understand with definiteness that a Planetary Logos definitely incarnates through chains, just as He does through globes.

519. Đây là một phát biểu quan trọng. Chúng ta hiểu một cách rõ ràng rằng một Hành Tinh Thượng Đế chắc chắn lâm phàm qua các dãy, cũng như Ngài lâm phàm qua các bầu hành tinh.

These words are chosen with care; I say not "acquires manas"; **He but produces that which is inherent.**

Những lời này được chọn lựa cẩn thận; tôi không nói "thủ đắc manas"; **Ngài chỉ làm phát lộ điều vốn cố hữu.**

520. Manas is inherent within a Planetary Logos. He need not *acquire* it as must a man. He *is* manas, in many respects.

520. Manas vốn cố hữu trong một Hành Tinh Thượng Đế. Ngài không cần *thủ đắc* nó như con người phải làm. Về nhiều phương diện, Ngài *là* manas.

521. And yet it is said of a Solar Logos that presently He is turning His attention to the development of "cosmic mind" (cf. LOM 52-53).

521. Tuy nhiên, về một Thái dương Thượng đế, người ta lại nói rằng hiện nay Ngài đang hướng sự chú tâm của mình đến sự phát triển của "trí tuệ vũ trụ" (x. LOM 52-53).

522. The Planetary Logos need not acquire manas as man expresses manas, but there may be systemic and cosmic acquisitions of manas which represent for Him a next step ahead.

522. Hành Tinh Thượng Đế không cần thủ đắc manas như con người biểu lộ manas, nhưng có thể có những sự thủ đắc manas ở cấp hệ thống và vũ trụ, những điều biểu thị cho Ngài một bước tiến kế tiếp.

It must be remembered that just as the planes of a solar system stand for a different purpose, vibrate to a different key, and serve their own specific ends, so do the globes serve an analogous function.

Phải nhớ rằng cũng như các cõi của một hệ mặt trời tượng trưng cho một mục đích khác nhau, rung động theo một chủ âm khác nhau, và phục vụ những cứu cánh đặc thù

riêng của chúng, thì các bầu hành tinh cũng phục vụ một chức năng tương tự như vậy.

523. The Tibetan is speaking of qualitative differentiation. Each sub-plane of a solar plane has its own vibration, key and purpose. So do each of the seven globes.

523. Chân sư Tây Tạng đang nói về sự biến phân phẩm tính. Mỗi cõi phụ của một cõi trong hệ mặt trời đều có rung động, chủ âm và mục đích riêng của nó. Mỗi một trong bảy bầu hành tinh cũng vậy.

524. There are, apparently, certain globes which, in their quality, are similar to certain planes and sub-planes.

524. Hiển nhiên có những bầu hành tinh nào đó, về phẩm tính của chúng, tương tự với những cõi và cõi phụ nào đó.

525. While the sub-planes seem to ascend or descend, six of the globes in a sevenfold system seem to be paired in parallel (three parallel pairs) and one unpaired globe. For this reason it is not entirely easy to match seven globes to seven planes.

525. Trong khi các cõi phụ dường như đi lên hoặc đi xuống, thì sáu bầu hành tinh trong một hệ thống thất phân dường như được ghép thành các cặp song song (ba cặp song song) và một bầu hành tinh không ghép cặp. Vì lý do này, không hoàn toàn dễ dàng để ghép bảy bầu hành tinh với bảy cõi.

a. Globe 1, is that of ultimate abstraction, and of origination. It is the initial globe of manifestation.

a. Bầu hành tinh 1 là bầu của sự trừu xuất tối hậu, và của sự khởi nguyên. Nó là bầu hành tinh khởi đầu của biểu hiện.

526. This globe holds an analogy to the “Sea of Fire” on the first sub-plane of the cosmic physical plane.

526. Bầu hành tinh này giữ một sự tương đồng với “Biển Lửa” trên cõi phụ thứ nhất của cõi hồng trần vũ trụ.

[Page 377]

[Page 377]

b. Globe 2, is the first sheath in which a Heavenly Man embodies Himself.

b. Bầu hành tinh 2 là lớp vỏ đầu tiên trong đó một Đấng Thiên Nhân nhập thể.

527. Such embodiment is a parallel to the activity of the monadic plane.

527. Sự nhập thể như vậy song hành với hoạt động của cõi chân thần.

528. The monadic plane embodies planetary logoic archetypes.

528. Cõi chân thần nhập thể các nguyên mẫu logoic hành tinh.

c. Globes 3, 4, 5, are those through which He demonstrates the possession of the manasic principle.

c. Các bầu hành tinh 3, 4, 5 là những bầu mà qua đó Ngài biểu lộ sự sở hữu nguyên khí manas.

529. The globe parallels here are to the atmic, buddhic and manasic planes (at least from one perspective), though globes three and five may be considered more manasic that globe four.

529. Các sự tương ứng của bầu hành tinh ở đây là với các cõi atma, Bồ đề và manas (ít nhất từ một góc nhìn), mặc dù các bầu hành tinh ba và năm có thể được xem là manas hơn bầu hành tinh bốn.

d. Globes 6 and 7, are the ones through which He manifests buddhi, through forms built by means of the manasic principle.

d. Các bầu hành tinh 6 và 7 là những bầu mà qua đó Ngài biểu lộ buddhi, qua các hình tướng được xây dựng bằng phương tiện của nguyên khí manas.

530. However, we do not continue *descending* in our analogy. Globes six and seven are not analogous to the astral (sixth) and physical (seventh) sub-planes of the cosmic physical plane, but rather to the buddhic and atmic planes, or even, by resonance, to the monadic and logoic sub-planes.

530. Tuy nhiên, trong phép loại suy của chúng ta, chúng ta không tiếp tục *đi xuống*. Các bầu hành tinh sáu và bảy không tương tự với các cõi phụ cảm dục (thứ sáu) và hồng trần (thứ bảy) của cõi hồng trần vũ trụ, mà đúng hơn là với các cõi Bồ đề và atma, hoặc thậm chí, do cộng hưởng, với các cõi phụ chân thần và logoic.

531. So we see that we do not have a perfectly neat parallelism.

531. Vì vậy chúng ta thấy rằng chúng ta không có một sự song hành hoàn toàn gọn ghẽ.

532. The qualities of the globes are set forth.

532. Các phẩm tính của các bầu hành tinh đã được trình bày.

533. The parallels between globes one and seven, two and six and three and five are not much emphasized in this description.

533. Những sự song hành giữa bầu hành tinh một và bảy, hai và sáu, và ba và năm không được nhấn mạnh nhiều trong phần mô tả này.

534. However while planes are progressively more fine or gross, depending upon the direction in which we are counting, this cannot be said of the series of globes.

534. Tuy nhiên, trong khi các cõi ngày càng vi tế hơn hoặc thô trược hơn, tùy theo chiều chúng ta đang đếm, thì điều này không thể nói về chuỗi các bầu hành tinh.

This can be equally predicated on a larger scale of a chain.

Điều này cũng có thể được khẳng định tương tự trên một quy mô lớn hơn đối với một dãy.

535. If globes can be compared to planes and sub-planes, then so can chains.

535. Nếu các bầu hành tinh có thể được so sánh với các cõi và cõi phụ, thì các dãy cũng vậy.

536. The same difficulties in finding an exact parallelism between chains and planes will apply.

536. Những khó khăn tương tự trong việc tìm ra một sự song hành chính xác giữa các dãy và các cõi cũng sẽ được áp dụng.

An interesting correspondence of a very occult nature can be worked out by the advanced student in connection also with the seven schemes.

Một sự tương ứng thú vị có bản chất rất huyền bí cũng có thể được đạo sinh cao cấp khai triển trong mối liên hệ với bảy hệ.

537. Globes and chains have certain correspondences to planes and sub-planes.

537. Các bầu hành tinh và các dãy có những sự tương ứng nhất định với các cõi và cõi phụ.

538. DK is saying that planetary schemes also have such correspondences. We are speaking, presumably, of the seven major schemes which represent the seven rays just as the planes and sub-planes do.

538. Chân sư DK đang nói rằng các hệ hành tinh cũng có những sự tương ứng như vậy. Có lẽ chúng ta đang nói về bảy hệ chính biểu thị bảy cung cũng như các cõi và cõi phụ biểu thị.

539. Here are the factors among which we are seeking to find similarities and parallelisms:

539. Đây là những yếu tố mà giữa chúng ta đang tìm cách nhận ra những điểm tương đồng và những sự song hành:

a. Schemes

a. Các hệ

b. Chains

b. Các dãy

c. Globes

c. Các bầu hành tinh

d. Planes

d. Các cõi

e. Sub-planes

e. Các cõi phụ

540. Perhaps rounds can be added as well.

540. Có lẽ các cuộc tuần hoàn cũng có thể được thêm vào.

There are two which may be considered primarily archetypal, causal, or involving abstraction; three in which manas is manifested, and two in which already buddhi is manasically demonstrating.

Có hai hệ có thể được xem là chủ yếu nguyên mẫu, nguyên nhân, hay bao hàm sự trừu xuất; ba hệ trong đó manas được biểu lộ, và hai hệ trong đó buddhi đã đang biểu lộ một cách manas.

541. DK is speaking of planetary schemes. He is comparing them to the descriptions (found above) of the list of globes.

541. Chân sư DK đang nói về các hệ hành tinh. Ngài đang so sánh chúng với các mô tả (được tìm thấy ở trên) của danh sách các bầu hành tinh.

542. We are dealing with three categories:

542. Chúng ta đang xử lý ba phạm trù:

a. Abstraction

a. Sự trừu xuất

b. Manifestation of Manas

b. Sự biểu lộ của Manas

c. Buddhic demonstration through Manas.

c. Sự biểu lộ Bồ đề qua Manas.

543. We will set forth two possibilities. Here is the first.

543. Chúng ta sẽ trình bày hai khả năng. Đây là khả năng thứ nhất.

544. The schemes of abstraction may be Uranus and Neptune, or on a lower turn of the spiral, Saturn and Jupiter. Saturn and Jupiter (represented by physical vehicles which are gaseous giants) are relatively schemes of abstraction though not as abstractive as Uranus and Neptune.

544. Các hệ của sự trừu xuất có thể là Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương, hoặc ở một vòng xoắn thấp hơn, Sao Thổ và Sao Mộc. Sao Thổ và Sao Mộc (được biểu hiện bằng các hiện thể hồng trần là những khối khí khổng lồ) tương đối là những hệ của sự trừu xuất, dù không có tính trừu xuất bằng Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương.

545. The schemes of Vulcan, Earth and Mars may be considered those in which manas is manifested.

545. Các hệ của Vulcan, Địa Cầu và Sao Hỏa có thể được xem là những hệ trong đó manas được biểu lộ.

546. Venus and Mercury may be considered schemes in which buddhi is manasically demonstrating.

546. Kim Tinh và Sao Thủy có thể được xem là những hệ trong đó buddhi đang biểu lộ một cách manas.

a. Mercury is one of the main 'rulers' of the buddhic plane (as we learn, because for human beings, the color of that plane is considered yellow, the specifically manasic colour).

a. Sao Thủy là một trong những 'chủ tinh' chính của cõi Bồ đề (như chúng ta được biết, bởi vì đối với con người, màu của cõi ấy được xem là vàng, màu sắc đặc thù của manas).

b. Venus, we have been told, is already working in relation to the sixth sub-plane of the cosmic astral plane on which the sixth principle of cosmic buddhi is reflected.

b. Chúng ta đã được cho biết rằng Kim Tinh đã đang hoạt động trong mối liên hệ với cõi phụ thứ sáu của cõi cảm dục vũ trụ, trên đó nguyên khí thứ sáu của Bồ đề vũ trụ được phản chiếu.

c. Pluto is not included in the planetary enumeration, but it could well be considered as planet of manasic manifestation.

c. Sao Diêm Vương không được bao gồm trong sự liệt kê hành tinh, nhưng hoàn toàn có thể được xem là hành tinh của sự biểu lộ manas.

Of these two, Venus is one and thus we have the three and the two which make the five schemes of the five Kumaras, Who are Brahma.[36]

Trong hai hệ này, Kim Tinh là một và như vậy chúng ta có ba và hai hợp thành năm hệ của năm Kumaras, Đấng là Brahma.36

547. DK is not counting the planets of abstraction in the five Brahmic schemes.

547. Chân sư DK không tính các hành tinh của sự trừu xuất vào trong năm hệ Brahmic.

548. Notice that we have included non-sacred planets in our assignment.

548. Hãy lưu ý rằng chúng ta đã bao gồm các hành tinh không thiêng liêng trong sự quy định của mình.

549. Were we to ignore the non-sacred planets the assignment might look somewhat different, and this is the second of the two possibilities:

549. Nếu chúng ta bỏ qua các hành tinh không thiêng liêng thì sự quy định có thể trông hơi khác, và đây là khả năng thứ hai trong hai khả năng:

a. The two planets of abstraction would be Uranus and Neptune

a. Hai hành tinh của sự trừu xuất sẽ là Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương

b. The three planets in which manas is manifesting would be Vulcan, Jupiter and Saturn (all of them in their *third* or manasic chain).

b. Ba hành tinh trong đó manas đang biểu lộ sẽ là Vulcan, Sao Mộc và Sao Thổ (tất cả chúng đều ở dãy *thứ ba* hay dãy manas của chúng).

c. The two planets in which buddhi is manasically expressive would be Venus and Mercury.

c. Hai hành tinh trong đó buddhi biểu lộ qua manas sẽ là Kim Tinh và Sao Thủy.

550. It becomes necessary to offer this alternative point of view, as Saturn simply *must* be included within the "five Kumaras, Who are Brahma", and in the earlier assignment or possibility, Saturn was considered a planet of abstraction.

550. Cần phải đưa ra quan điểm thay thế này, vì Sao Thổ đơn giản *phải* được bao gồm trong "năm Kumaras, Đấng là Brahma", và trong sự quy định hay khả năng trước đó, Sao Thổ được xem là một hành tinh của sự trừu xuất.

551. In this second assignment, Earth, Mars and Pluto would be subsidiaries of the planets manifesting manas.

551. Trong sự quy định thứ hai này, Địa Cầu, Sao Hỏa và Sao Diêm Vương sẽ là những hành tinh phụ thuộc của các hành tinh biểu lộ manas.

552. We note that Kumaras can be intra-planetary (i.e., Sanat Kumara and the Buddhas of Activity) or planetary (the Planetary Logoi).

552. Chúng ta lưu ý rằng các Kumaras có thể là nội hành tinh (tức là, Đức Sanat Kumara và các Đức Phật Hoạt Động) hoặc hành tinh (các Hành Tinh Thượng Đế).

[36]: Students must carefully differentiate between the five Mind born Sons of Brahma, the five true Kumaras and their representatives on our earth planet, Those Who stand around Sanat Kumara Who may be stated (esoterically understood) to represent Himself.

36: Đạo sinh phải cẩn thận phân biệt giữa năm Con của Brahma sinh ra từ Trí Tuệ, năm Kumaras chân chính và các đại diện của Các Ngài trên hành tinh địa cầu của chúng ta, Những Đấng đứng quanh Đức Sanat Kumara, những Đấng mà có thể nói (nếu được thấu hiểu một cách huyền bí) là đại diện cho chính Ngài.

553. DK is saying the same thing in different words. The "five Mind born Sons of Brahma" are Planetary Logoi.

553. Chân sư DK đang nói cùng một điều bằng những lời khác. "Năm Con của Brahma sinh ra từ Trí Tuệ" là các Hành Tinh Thượng Đế.

554. Each of these "five true Kumaras" as representatives on "our earth planet".

554. Mỗi một trong "năm chân chính Kumaras" này đều có các đại diện trên "hành tinh địa cầu của chúng ta".

555. Sanat Kumara (when not being considered as a full Planetary Logos) only *represents* a true planetary Kumara and so

555. Đức Sanat Kumara (khi không được xem như một Hành Tinh Thượng Đế trọn vẹn) chỉ *đại diện* cho một Kumara hành tinh

each of the three Buddhas of Activity and, as well, the three "Esoteric Kumaras".

chân chính, và ba Đức Phật Hoạt Động cũng vậy, cũng như ba "Kumaras Nội Môn".

Just as Venus is negatively polarised to our Earth scheme, so the seven stars of the Pleiades are negatively polarised to our seven schemes.

Cũng như Kim Tinh được phân cực âm đối với hệ Địa Cầu của chúng ta, thì bảy ngôi sao của chòm Thất Tinh cũng được phân cực âm đối với bảy hệ của chúng ta.

556. What is interesting is to realize that the greater Entity is "negatively polarized" to the lesser Entity. Apparently these polarizations may be related to ancient karmic debts.

556. Điều thú vị là nhận ra rằng Thực Thể lớn hơn lại được "phân cực âm" đối với Thực Thể nhỏ hơn. Hiển nhiên những sự phân cực này có thể liên hệ với những món nợ nghiệp quả cổ xưa.

A very pertinent question might here be asked. We might justly enquire (in connection with the point that Venus is negatively polarised, and also that the Pleiades are equally so) why they should be termed negative if they are the donors and not the receivers, for to be negative is surely to be receptive.

Một câu hỏi rất thích đáng có thể được nêu ra ở đây. Chúng ta có thể hoàn toàn chính đáng mà hỏi (liên quan đến điểm rằng Kim Tinh được phân cực âm, và chòm Thất Tinh cũng vậy) **vì sao chúng lại được gọi là âm nếu chúng là bên ban cho chứ không phải bên nhận, bởi vì âm tính hẳn nhiên là có tính tiếp nhận.**

557. This, of course, is the question.

557. Dĩ nhiên, đây là câu hỏi.

This is indeed so, but the question arises in our minds, owing to **lack of information**, and consequent misapprehension.

Quả thật là như vậy, nhưng câu hỏi ấy nảy sinh trong tâm trí chúng ta do **sự thiếu thông tin**, và sự hiểu lầm phát sinh từ đó.

558. Some think that information is unnecessary when compared to the necessity for wisdom. But the second is surely based upon the first.

558. Một số người nghĩ rằng thông tin là không cần thiết khi so với sự cần thiết của minh triết. Nhưng điều thứ hai chắc chắn được đặt nền trên điều thứ nhất.

Venus may have had much to do with the impartation of the stimulation which resulted in great events on Earth via the Venus chain of our scheme, but ***our scheme gave, in a mysterious manner, more than was received,*** though the [Page 378] gift was not of the same nature.

Sao Kim có thể đã có rất nhiều liên quan đến sự truyền đạt kích thích lực đã dẫn đến những biến cố lớn trên Trái Đất qua dãy Sao Kim của hệ hành tinh chúng ta, nhưng ***hệ hành tinh chúng ta, theo một cách huyền nhiệm, đã cho nhiều hơn điều đã nhận,*** mặc dù [Page 378] món quà ấy không cùng bản chất.

559. The explanation is given. Because Venus is greater and more advanced that our Earth we naturally think that Venus must be the sole donor, but even in human exchanges the greater human being (in the process of bestowal) receives much from the lesser human being.

559. Lời giải thích đã được đưa ra. Bởi vì Sao Kim lớn hơn và tiến bộ hơn Trái Đất của chúng ta, nên tự nhiên chúng ta nghĩ rằng Sao Kim hẳn phải là bên cho duy nhất, nhưng ngay cả trong những trao đổi của con người, con người lớn hơn (trong tiến trình ban cho) cũng nhận được nhiều từ con người nhỏ hơn.

560. From another perspective, "the fifth feeds on the fourth". (R&I 21) Perhaps a Solar Angel receives much from a man. On a lower turn of the spiral, even the Kingdom of Souls 'feeds' upon humanity, however much it nourishes humanity.

560. Từ một góc nhìn khác, "thứ năm nuôi dưỡng thứ tư". (R&I 21) Có lẽ một Thái dương Thiên Thần nhận được nhiều từ một con người. Ở một vòng xoắn thấp hơn, ngay cả Thiên Giới của các linh hồn cũng 'nuôi dưỡng' nhân loại, dù nó nuôi dưỡng nhân loại đến đâu đi nữa.

561. When the donor is, strictly speaking, an "Avatar", reception from the lesser may not be a factor.

561. Khi bên cho, nói một cách nghiêm ngặt, là một "Đấng Hoá Thân", thì sự tiếp nhận từ bên thấp hơn có thể không phải là một yếu tố.

562.

562.

An avatar can learn nothing from the place of His appearance. (TCF 725)

Một Đấng Hoá Thân không thể học được điều gì từ nơi Ngài xuất hiện. (TCF 725)

563. We are not in a position to solve this mystery but a few hints are given. The nature of the gift from Venus is somewhat understood as the basis of the coming of the Solar Angels and the bestowal of the "spark of mind".

563. Chúng ta không ở vào vị thế để giải quyết huyền nhiệm này, nhưng một vài gợi ý đã được đưa ra. Bản chất của món quà từ Sao Kim phần nào được hiểu như là nền tảng cho sự giáng lâm của các Thái dương Thiên Thần và sự ban cho "tia lửa trí tuệ".

564. The gift from Earth to Venus (the "paralleling event" mentioned below) has never been discussed.

564. Món quà từ Trái Đất đến Sao Kim (biến cố song hành được nhắc đến dưới đây) chưa bao giờ được bàn đến.

The coming in of the Venusian influence to our chain, and to our planet, with the subsequent stimulation of certain groups in the fourth Creative Hierarchy, the human,

Sự đi vào của ảnh hưởng Kim tinh vào dãy của chúng ta, và vào hành tinh chúng ta, cùng với sự kích thích tiếp theo đối với một số nhóm trong Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư,

caused a paralleling event of even greater magnitude in the Venus scheme.

tức nhân loại, đã gây ra một biến cố song hành còn lớn lao hơn nữa trong hệ hành tinh Kim tinh.

565. We are speaking of the event on Venus that paralleled the process of individualization in relation to animal man on Earth.

565. Chúng ta đang nói về biến cố trên Sao Kim đã song hành với tiến trình biệt ngã hóa liên quan đến người thú trên Trái Đất.

This affected the sixth Hierarchy, one of the deva Hierarchies, dwelling in the Venus scheme.

Điều này đã tác động đến Huyền Giai thứ sáu, một trong các Huyền Giai thiên thần, cư ngụ trong hệ hành tinh Kim tinh.

566. The deva hierarchy affected cannot necessarily be found in the list of Creative Hierarchies given in EA 34-35.

566. Huyền giai thiên thần bị tác động không nhất thiết có thể được tìm thấy trong danh sách các Huyền Giai Sáng Tạo được nêu trong EA 34-35.

567. It is interesting that the *third* kingdom of nature was affected on Earth and the *sixth* hierarchy on Venus. The numbers three and six are intimately related as DK has told us (just as one and two, and two and four).

567. Thật thú vị khi *giới* thứ ba của bản chất bị tác động trên Trái Đất và huyền giai *thứ sáu* trên Sao Kim. Các số ba và sáu có liên hệ mật thiết với nhau như Chân sư DK đã nói với chúng ta (cũng như một và hai, và hai và bốn).

568. We can imagine the intricacy of the hierarchical orders of devas. Our own studies of 'angelology' reveal many different orders of angels.

568. Chúng ta có thể hình dung sự phức tạp của các trật tự huyền giai của các thiên thần. Những nghiên cứu riêng của chúng ta về 'thiên thần học' cho thấy nhiều trật tự thiên thần khác nhau.

This stimulation emanated via our sixth chain (or the second according to the angle of vision) and affected a corresponding chain in the Venus scheme.

Sự kích thích này phát ra qua dãy thứ sáu của chúng ta (hay dãy thứ hai tùy theo góc nhìn) và tác động đến một dãy tương ứng trong hệ hành tinh Kim tinh.

569. The number *six* is the basis of the exchange.

569. Số *sáu* là nền tảng của sự trao đổi.

570. Whether or not the stimulation came from our sixth chain or our second (in this Earth-chain), we must realize that this statement convinces us that in any

570. Dù sự kích thích đến từ dãy thứ sáu hay dãy thứ hai của chúng ta (trong Dãy Địa Cầu này), chúng ta phải nhận ra rằng phát biểu này thuyết phục chúng ta rằng trong bất kỳ

planetary scheme, there is more than one planetary chain simultaneously *active.*

571. The old theosophical idea that a chain arises only after the preceding chain has disappeared is inaccurate.

572. Earlier in this commentary we discussed Venus and Jupiter as two *schemes* which could be understood in relation to the number two or the number six depending upon whether the method of counting the schemes was mystical or occult.

573. Now we are talking on the chain level but the same principle applies.

574. The sixth chain of our Earth-scheme is the Mars-chain and the second is the Venus-chain.

575. Mars, of course, is related to Venus, but perhaps we should ponder on the likelihood that our own Venus-chain (from which Sanat Kumara 'came') may have been involved in the transaction.

576. If our second chain (the Venus chain) was involved, then a second chain within the Venus-scheme would be involved; if our sixth chain (the Mars chain) was involved, then a sixth chain within the Venus-scheme would have been involved.

577. The stimulation from Venus which promoted the coming of the Solar Angels occurred in relation to our Venus chain (and probably the Venus globe in that second chain—occultly considered). Would it be likely that the reciprocity also occurred via that same chain?

hệ hành tinh nào, có hơn một dãy hành tinh đồng thời *hoạt động.*

571. Quan niệm Thông Thiên Học cũ cho rằng một dãy chỉ xuất hiện sau khi dãy trước đó đã biến mất là không chính xác.

572. Trước đó trong phần bình giải này, chúng ta đã bàn đến Sao Kim và Sao Mộc như hai *hệ hành tinh* có thể được hiểu liên hệ với số hai hay số sáu tùy theo phương pháp đếm các hệ hành tinh là thần bí hay huyền bí học.

573. Giờ đây chúng ta đang nói ở cấp độ dãy, nhưng cùng một nguyên lý vẫn áp dụng.

574. Dãy thứ sáu của hệ Địa Cầu chúng ta là dãy Sao Hỏa và dãy thứ hai là dãy Sao Kim.

575. Dĩ nhiên, Sao Hỏa có liên hệ với Sao Kim, nhưng có lẽ chúng ta nên suy ngẫm về khả năng rằng chính dãy Sao Kim của chúng ta (từ đó Đức Sanat Kumara đã 'đến') có thể đã tham dự vào sự trao đổi này.

576. Nếu dãy thứ hai của chúng ta (dãy Sao Kim) có liên quan, thì một dãy thứ hai trong hệ hành tinh Kim tinh cũng sẽ có liên quan; nếu dãy thứ sáu của chúng ta (dãy Sao Hỏa) có liên quan, thì một dãy thứ sáu trong hệ hành tinh Kim tinh cũng sẽ có liên quan.

577. Sự kích thích từ Sao Kim đã thúc đẩy sự giáng lâm của các Thái dương Thiên Thần xảy ra liên hệ với dãy Sao Kim của chúng ta (và có lẽ là bầu hành tinh Sao Kim trong dãy thứ hai ấy—xét theo huyền bí học). Liệu có khả năng rằng tính tương hỗ cũng xảy ra qua chính dãy đó chăng?

The magnitude of the difference may be seen in the fact that in our case one globe alone was affected, whereas **the influence of our scheme on the Venusian was such that an entire chain was stimulated.**

Mức độ khác biệt có thể thấy trong sự kiện rằng trong trường hợp của chúng ta chỉ một bầu hành tinh duy nhất bị tác động, trong khi **ảnh hưởng của hệ hành tinh chúng ta lên hệ Kim tinh lại đến mức toàn bộ một dãy đã được kích thích.**

578. This is important and suggests the great gift given by the Planetary Logos of our Earth to the Planetary Logos of Venus.

578. Điều này quan trọng và gợi ý món quà lớn lao mà Đức Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất đã ban cho Đức Hành Tinh Thượng Đế của Sao Kim.

579. It should be noted that if Sanat Kumara and His associated Kumaras came to our Earth *globe* only, then that Earth-globe cannot be composed of physical matter *only* because the higher aspects of Sanat Kumara and His Kumaras could not exist upon our globe if that was the case.

579. Cần lưu ý rằng nếu Đức Sanat Kumara và các Kumaras đi cùng Ngài chỉ đến bầu hành tinh Trái Đất của chúng ta *mà thôi*, thì bầu hành tinh Trái Đất ấy không thể chỉ được cấu thành bằng vật chất hồng trần *mà thôi* bởi vì các phương diện cao hơn của Đức Sanat Kumara và các Kumaras của Ngài không thể tồn tại trên bầu hành tinh chúng ta nếu quả là như vậy.

580. The foregoing sections point again to the importance of being able to count both "mystically" and "occultly"

580. Những phần trên một lần nữa chỉ ra tầm quan trọng của việc có thể đếm cả theo lối "thần bí" lẫn "huyền bí học"

This was brought about through **the positive polarity** of the Heavenly Man of the Earth scheme.

Điều này đã được mang lại qua **cực tính dương** của Đấng Thiên Nhân của hệ Địa Cầu.

581. It sounds as if much of the initiative for the exchange originated with the Heavenly Man of our Earth-scheme. The positive pole takes action first.

581. Điều này nghe như thể phần lớn sáng kiến cho sự trao đổi bắt nguồn từ Đấng Thiên Nhân của hệ Địa Cầu chúng ta. Cực dương hành động trước.

Therefore, enlarging the concept, we can note the fact that our Heavenly Men are the transmitters, via their seven schemes, to the seven stars of the Pleiades.

Vì vậy, mở rộng khái niệm này, chúng ta có thể ghi nhận sự kiện rằng các Đấng Thiên Nhân của chúng ta là những vị truyền dẫn, qua bảy hệ hành tinh của Các Ngài, đến bảy ngôi sao của chòm Thất Nữ.

582. We are analogizing. The bestowal *by* the Planetary Logos of Earth to the Planetary Logos of Venus is paralleled by the bestowal by seven Heavenly Men to the informing Lives of the Pleiades.

582. Chúng ta đang suy luận theo tương đồng. Sự ban cho *bởi* Đức Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất cho Đức Hành Tinh Thượng Đế của Sao Kim song hành với sự ban cho của bảy Đấng Thiên Nhân đối với các Sự Sống phú linh cho chòm Thất Nữ.

583. We do, remember, however, that the Pleiades bestowed manas upon the Heavenly Men just as Sirius bestowed manas upon our Solar Logos.

583. Tuy nhiên, chúng ta nhớ rằng chính chòm Thất Nữ đã ban manas cho các Đấng Thiên Nhân cũng như Sirius đã ban manas cho Thái dương Thượng đế của chúng ta.

Our solar system is negatively polarised as regards the sun Sirius, which influences **our entire system psychically via the three synthesising schemes—Uranus, Neptune, Saturn**—the latter, Saturn, being the focal point for the **transmission of cosmic manas to the entire seven schemes.**

Hệ mặt trời của chúng ta phân cực âm đối với mặt trời Sirius, vốn ảnh hưởng **toàn bộ hệ thống chúng ta một cách thông linh qua ba hệ hành tinh tổng hợp—Thiên Vương, Hải Vương, Thổ Tinh**—trong đó hành tinh sau cùng, Thổ Tinh, là tiêu điểm cho **sự truyền dẫn manas vũ trụ đến toàn bộ bảy hệ hành tinh.**

584. We are dealing here with great cosmic facts.

584. Ở đây chúng ta đang xử lý những sự kiện vũ trụ lớn lao.

585. We are not told what the 'gift' of the seven Heavenly Men to the Pleiades may have been.

585. Chúng ta không được cho biết 'món quà' của bảy Đấng Thiên Nhân dành cho chòm Thất Nữ có thể là gì.

586. However the pattern is now seen as reversed. Venus is greater than Earth and Venus is negatively polarized to the Earth. Earth is the major transmitter. The Pleiades are greater than the seven Heavenly Men of our solar system, and the Pleiades are negatively polarized with respect to the seven Heavenly Men. The seven Heavenly Men, therefore, are the major transmitters with respect to the Pleiades.

586. Tuy nhiên, giờ đây mô hình được thấy là đảo ngược. Sao Kim lớn hơn Trái Đất và Sao Kim phân cực âm đối với Trái Đất. Trái Đất là bên truyền dẫn chính. Chòm Thất Nữ lớn hơn bảy Đấng Thiên Nhân của hệ mặt trời chúng ta, và chòm Thất Nữ phân cực âm đối với bảy Đấng Thiên Nhân. Do đó, bảy Đấng Thiên Nhân là những vị truyền dẫn chính đối với chòm Thất Nữ.

587. However, our Solar Logos is a Being lesser in development than the Logos of Sirius, and our Solar Logos is *negatively* polarized with respect to Sirius. Thus, our

587. Tuy nhiên, Thái dương Thượng đế của chúng ta là một Hữu thể kém phát triển hơn Thượng đế của Sirius, và Thái dương Thượng đế của chúng ta phân cực *âm* đối với

Solar Logos is not the major donor in any exchange between them. Rather, Sirius is the major donor.

Sirius. Vì vậy, Thái dương Thượng đế của chúng ta không phải là bên cho chính trong bất kỳ sự trao đổi nào giữa hai Đấng. Trái lại, Sirius là bên cho chính.

588. We do not really know what our Heavenly Man gave to the Heavenly Man of Venus. We do not really know what the seven Heavenly Men gave to the Logoi of the Pleiades. We are, however, told somewhat about what the Logos of Sirius (a cosmic Initiator with respect to our Solar Logos) gave to our Solar Logos—manas of a cosmic kind.

588. Chúng ta thực sự không biết Đấng Thiên Nhân của chúng ta đã ban gì cho Đấng Thiên Nhân của Sao Kim. Chúng ta thực sự không biết bảy Đấng Thiên Nhân đã ban gì cho các Thượng đế của chòm Thất Nữ. Tuy nhiên, phần nào chúng ta được cho biết về điều mà Thượng đế của Sirius (một Đấng Điểm đạo vũ trụ đối với Thái dương Thượng đế của chúng ta) đã ban cho Thái dương Thượng đế của chúng ta—manas thuộc loại vũ trụ.

The sun "Sirius" is the source of logoic manas in the same sense as the Pleiades are connected with the evolution of manas in the seven Heavenly Men, and Venus was responsible for the coming in of mind in the Earth chain. (TCF 347)

Mặt trời "Sirius" là nguồn của manas logoi theo cùng ý nghĩa như chòm Thất Nữ có liên hệ với sự tiến hoá của manas trong bảy Đấng Thiên Nhân, và Sao Kim chịu trách nhiệm cho sự đi vào của trí tuệ trong Dãy Địa Cầu. (TCF 347)

589. The three synthesizing planets are agents of transmission of Sirian energy.

589. Ba hành tinh tổng hợp là những tác nhân truyền dẫn năng lượng Sirian.

590. We may assume that Sirian Will is transmitted via Uranus; Sirian Love via Neptune; and Sirian Manas via Saturn.

590. Chúng ta có thể giả định rằng Ý Chí Sirian được truyền qua Thiên Vương; Bác ái Sirian qua Hải Vương; và Manas Sirian qua Thổ Tinh.

591. It seems that manas reaches the Heavenly Men from two Sources:

591. Có vẻ như manas đến với các Đấng Thiên Nhân từ hai Nguồn:

a. From the seven Pleiades who bestow manas upon the Heavenly Men, or are at least influential in the evolution of manas in the seven Heavenly Man.

a. Từ bảy vị trong chòm Thất Nữ, những Đấng ban manas cho các Đấng Thiên Nhân, hoặc ít nhất có ảnh hưởng trong sự tiến hoá của manas nơi bảy Đấng Thiên Nhân.

b. And from Sirius, Who, via Saturn, transmits "cosmic manas to the entire seven schemes".

b. Và từ Sirius, Đấng, qua Thổ Tinh, truyền "manas vũ trụ đến toàn bộ bảy hệ hành tinh".

592. Here again, we have to consider two 'Saturns'. Is it 'greater Saturn' that is the major transmitter of manas to the entire seven schemes (which include 'lesser Saturn')?

592. Ở đây một lần nữa, chúng ta phải xét hai 'Thổ Tinh'. Có phải 'Thổ Tinh lớn hơn' là bên truyền dẫn chính của manas đến toàn bộ bảy hệ hành tinh (bao gồm 'Thổ Tinh nhỏ hơn') không?

593. Usually Sirius is discussed as the transmitter of manas to the Solar Logos. Here we see this transmission, via Saturn, reaches all the Heavenly Men.

593. Thông thường Sirius được bàn đến như bên truyền dẫn manas cho Thái dương Thượng đế. Ở đây chúng ta thấy sự truyền dẫn này, qua Thổ Tinh, vươn tới tất cả các Đấng Thiên Nhân.

594. Is there a distinction between the type of manas transmitted to the Heavenly Men by Sirius or presumably promoted by the Pleiades? Perhaps Sirius is more involved with the transmission of what we might call 'higher manas'.

594. Có sự phân biệt nào giữa loại manas được Sirius truyền cho các Đấng Thiên Nhân và loại manas được chòm Thất Nữ, theo giả định, thúc đẩy không? Có lẽ Sirius liên quan nhiều hơn đến sự truyền dẫn điều mà chúng ta có thể gọi là 'thượng manas'.

TCF 378-389: S4S5

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình giải xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy**, for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

Đề nghị rằng phần Bình Giải này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh**, để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ chuyển tải *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.

4. Manas and the Earth Chain

4. Manas và Dãy Địa Cầu

We have brought our consideration of our first point, **the origin of cosmic and**

Chúng ta đã đưa việc xem xét điểm thứ nhất của mình, **nguồn gốc của manas vũ trụ và**

systemic manas, down to certain facts concerning our chain, and have (with the utmost brevity) passed in review the larger aspect of the question.

hệ thống, xuống đến một số sự kiện liên quan đến dãy của chúng ta, và đã (với sự ngắn gọn tối đa) điểm qua phương diện lớn hơn của vấn đề.

1. Master DK naturally speaks from His own vast perspective. He tells us that in considering the subject of the origin or cosmic and systemic manas, He has presented has approached the subject "with the utmost brevity". We can only imagine what, from His perspective, would be the nature of an elaboration of the presented points.

1. Chân sư DK dĩ nhiên nói từ viễn cảnh bao la riêng của Ngài. Ngài cho chúng ta biết rằng khi xem xét chủ đề nguồn gốc của manas vũ trụ và hệ thống, Ngài đã tiếp cận chủ đề ấy "với sự ngắn gọn tối đa". Chúng ta chỉ có thể hình dung rằng, từ viễn cảnh của Ngài, bản chất của một sự khai triển các điểm đã trình bày sẽ như thế nào.

2. Manas is, in many respects, the *creative* factor in the trinity of Will, Love and Mind. We are closely examining that which has been created through planetary manifestation and our focus has been on the Planetary Logoi and the divine aspects They represent.

2. Manas là, trên nhiều phương diện, yếu tố *sáng tạo* trong tam vị Ý Chí, Bác ái và Trí Tuệ. Chúng ta đang khảo sát kỹ lưỡng điều đã được tạo ra qua sự biểu hiện hành tinh và trọng tâm của chúng ta là các Hành Tinh Thượng Đế và các phương diện thiêng liêng mà Các Ngài đại diện.

3. Human beings who tread the Path of the Planetary Logoi are largely on a *manasic* line. Interestingly, the Path upon which such training is offered is the *third.*

3. Những con người bước trên Con đường của các Hành Tinh Thượng Đế phần lớn ở trên một tuyến *manas*. Điều thú vị là Con Đường mà trên đó sự huấn luyện như thế được ban ra lại là Con Đường *thứ ba.*

We touched first of all upon **the subject of cosmic manas,** as it concerned our Logos and the Heavenly Men.

Trước hết chúng ta đã chạm đến **chủ đề manas vũ trụ,** trong chừng mực nó liên quan đến Thượng đế của chúng ta và các Đấng Thiên Nhân.

4. We note that Planetary Logoi are, indeed, *cosmic* Beings. Their periodical vehicles are found upon cosmic planes higher than the cosmic physical plane.

4. Chúng ta lưu ý rằng các Hành Tinh Thượng Đế quả thực là những Hữu thể *vũ trụ*. Các vận cụ chu kỳ của Các Ngài được tìm thấy trên các cõi vũ trụ cao hơn cõi hồng trần vũ trụ.

5. This parallels the fact that the periodical vehicles (Personality, Ego and Monad) of the

5. Điều này song hành với sự kiện rằng các vận cụ chu kỳ (phàm ngã, chân ngã và chân thần) của con người được tìm thấy trên các

human being are found on systemic planes higher than the systemic etheric-physical.

Then we considered it more specifically in its relation to the individual Heavenly Men, and finally brought it down to that which more nearly concerns ourselves— [Page 379] manas and the Heavenly Man of our scheme.

6. The progression of our studies has been as follows:

a. Manas and the Solar Logos

b. Manas and the Heavenly Men

c. Manas and the Heavenly Man of our scheme, the Earth-scheme.

d. Manas and the chains of our Heavenly Man

e. Manas and the Earth-chain

f. Manas and the Earth

Having proceeded thus far, we considered **the stimulation of manas** in our own chain, and saw that, in connection with our Earth, it came:

7. What is the meaning of "our Earth"? About this we must always be careful. Sometimes the term, "the Earth" simply means our particular globe in the Earth-scheme, the fourth globe. Sometimes when "Earth" is referenced, it can mean the entire planetary scheme.

Via the Venus chain of our scheme.

cõi hệ thống cao hơn cõi dĩ thái-hồng trần của hệ thống.

Sau đó chúng ta đã xét nó một cách chuyên biệt hơn trong liên hệ với từng Đấng Thiên Nhân, và cuối cùng đã đưa nó xuống điều gần gũi hơn với chính chúng ta— [Page 379] manas và Đấng Thiên Nhân của hệ hành tinh chúng ta.

6. Tiến trình các nghiên cứu của chúng ta như sau:

a. Manas và Thái dương Thượng đế

b. Manas và các Đấng Thiên Nhân

c. Manas và Đấng Thiên Nhân của hệ hành tinh chúng ta, hệ Địa Cầu.

d. Manas và các dãy của Đấng Thiên Nhân chúng ta

e. Manas và Dãy Địa Cầu

f. Manas và Trái Đất

Sau khi tiến xa đến đây, chúng ta đã xét **sự kích thích của manas** trong chính dãy của chúng ta, và thấy rằng, liên hệ với Trái Đất của chúng ta, nó đã đến:

7. "Trái Đất của chúng ta" có nghĩa là gì? Về điều này chúng ta luôn phải cẩn trọng. Đôi khi thuật ngữ "Trái Đất" chỉ đơn giản có nghĩa là bầu hành tinh đặc thù của chúng ta trong hệ Địa Cầu, tức bầu hành tinh thứ tư. Đôi khi khi "Trái Đất" được nhắc đến, nó có thể có nghĩa là toàn bộ hệ hành tinh.

Qua dãy Sao Kim của hệ hành tinh chúng ta.

As the result of a stimulation, originating in the Venus scheme.

Như là kết quả của một sự kích thích, phát sinh trong hệ hành tinh Kim tinh.

Because logoic kundalini had vitalised one of the systemic triangles of force, of which (temporarily) Venus and the Earth formed two points of the triangle.

Bởi vì kundalini logoi đã tiếp sinh lực cho một trong các tam giác mãnh lực của hệ thống, trong đó (tạm thời) Sao Kim và Trái Đất tạo thành hai điểm của tam giác.

This produced the individualisation of those, particularly in the human Hierarchy, **who form a particular centre in the body of the planetary Logos.**

Điều này đã tạo ra sự biệt ngã hóa của những đơn vị, đặc biệt trong Huyền Giai nhân loại, **những đơn vị tạo thành một trung tâm đặc biệt trong thân thể của Hành Tinh Thượng Đế.**

8. We are dealing with the stimulation of manas in the Earth-chain.

8. Chúng ta đang xử lý sự kích thích của manas trong Dãy Địa Cầu.

a. This stimulation originated in the Venus scheme. It is hard to believe that the original impetus was not solar logoic in nature. The fact that logoic kundalini was involved in the stimulation seems to confirm the involvement of the Solar Logos.

a. Sự kích thích này phát sinh trong hệ hành tinh Kim tinh. Thật khó tin rằng xung lực nguyên thủy lại không mang bản chất thái dương logoi. Sự kiện kundalini logoi có liên quan đến sự kích thích dường như xác nhận sự tham dự của Thái dương Thượng đế.

b. As earlier suggested, a certain chain in the Venus scheme was involved in this stimulation and exchange—the fourth chain at least. There is reason to believe that the sixth chain of the Venus-scheme was also involved (at least in a receptive role).

b. Như đã gợi ý trước đó, một dãy nào đó trong hệ hành tinh Kim tinh đã tham dự vào sự kích thích và trao đổi này—ít nhất là dãy thứ tư. Có lý do để tin rằng dãy thứ sáu của hệ hành tinh Kim tinh cũng đã tham dự (ít nhất trong vai trò tiếp nhận).

c. The Venus chain in the Earth-scheme was the first recipient of the stimulation from the Venus-scheme. Globe six (or two—depending upon the method of enumeration) in that chain was also involved. Globe five, it seems, also played a part.

c. Dãy Sao Kim trong hệ Địa Cầu là bên tiếp nhận đầu tiên sự kích thích từ hệ hành tinh Kim tinh. Bầu hành tinh sáu (hay hai—tùy theo phương pháp đánh số) trong dãy ấy cũng có liên quan. Có vẻ như bầu hành tinh năm cũng đóng một vai trò.

d. The Earth-chain next received the stimulation. Three globes of the Earth-chain

d. Tiếp theo, Dãy Địa Cầu nhận được sự kích thích. Ba bầu hành tinh của Dãy Địa Cầu đã được kích thích—bầu hành tinh Sao Kim,

were stimulated—the Venus-globe, the Mercury-globe and the fourth or Earth-globe

9. Logoic kundalini stimulated both Venus and the Earth. The other planet involved in the stimulation was Saturn. Uranus also seems presently to be receiving attention from logoic kundalini.

Venus, Earth and Saturn form one triangle of great interest. It is a triangle that is at this time undergoing vivification through the action of kundalini; it is consequently increasing the vibratory capacity of the centres, which are becoming slowly fourth-dimensional. (TCF 181-182)

For some time the Logos has turned His attention to the *Earth Scheme* and to *Saturn*, whilst *Uranus* is receiving stimulation. (TCF 357-358)

10. When the process of individualization came to the Earth-chain, which were the units within the group of animal men who were individualized. One of the sentences above hints at a certain specificity in this regard. Animal men of a *certain kind* (a kind going to the composition of a certain center in the body of the Planetary Logos) were the ones to be individualized.

11. We note that the animal men of the period were, nonetheless (so it appears) members of the "human Hierarchy", the fourth creative Hierarchy. Either that, or certain animal men who would form a certain center in the "human Hierarchy" were the ones individualized.

12. One wonders: when the current members of the fourth Creative Hierarchy

bầu hành tinh Sao Thủy và bầu hành tinh thứ tư hay bầu hành tinh Trái Đất

9. Kundalini logoi đã kích thích cả Sao Kim lẫn Trái Đất. Hành tinh khác có liên quan đến sự kích thích là Thổ Tinh. Có vẻ như hiện nay Thiên Vương cũng đang nhận được sự chú ý từ kundalini logoi.

Sao Kim, Trái Đất và Thổ Tinh tạo thành một tam giác rất đáng quan tâm. Đó là một tam giác hiện nay đang trải qua sự làm cho sống động nhờ tác động của kundalini; do đó nó đang gia tăng năng lực rung động của các trung tâm, những trung tâm đang dần dần trở thành bốn chiều. (TCF 181-182)

Trong một thời gian, Thượng đế đã hướng sự chú ý của Ngài đến *Hệ Địa Cầu* và đến *Thổ Tinh*, trong khi *Thiên Vương* đang nhận được sự kích thích. (TCF 357-358)

10. Khi tiến trình biệt ngã hóa đến với Dãy Địa Cầu, những đơn vị nào trong nhóm người thú đã được biệt ngã hóa? Một trong những câu trên gợi ý một tính chuyên biệt nào đó về phương diện này. Những người thú thuộc một *loại nhất định* (một loại góp phần vào cấu tạo của một trung tâm nhất định trong thân thể của Hành Tinh Thượng Đế) là những đơn vị đã được biệt ngã hóa.

11. Chúng ta lưu ý rằng những người thú của thời kỳ ấy, tuy vậy (dường như là thế), vẫn là các thành viên của "Huyền Giai nhân loại", tức Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư. Hoặc là điều đó, hoặc những người thú nào đó mà về sau sẽ tạo thành một trung tâm nhất định trong "Huyền Giai nhân loại" chính là những đơn vị đã được biệt ngã hóa.

12. Người ta tự hỏi: khi các thành viên hiện nay của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư đang đi

were passing through the stages of the animal kingdom, or the vegetable kingdom, is it correct to say that they were, nonetheless, members of the Fourth Creative Hierarchy? In other words, is it possible to be a member of the Fourth Creative Hierarchy and *not* be human? If it is not possible, then to which Hierarchy did such evolving Monads belong? During the periods of 'in-zoonation', 'in-vegetalization' and 'in-metalization' of the now human Monad, to which Creative Hierarchy did that Monad belong? This is an intricate matter not easy to disentangle.

qua các giai đoạn của giới động vật, hay giới thực vật, thì có đúng để nói rằng họ vẫn là thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư không? Nói cách khác, có thể nào là thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư mà lại *không* là con người không? Nếu không thể, thì những Chân Thần đang tiến hoá như thế thuộc về Huyền Giai nào? Trong các thời kỳ 'nhập-thú', 'nhập-thực vật' và 'nhập-kim loại' của Chân Thần nay là con người, thì Chân Thần ấy thuộc về Huyền Giai Sáng Tạo nào? Đây là một vấn đề phức tạp, không dễ tháo gỡ.

13. We can also see from examining the section under discussion that some member of the animal man group who were *not* members of this particular center were *also* individualized, otherwise the word "particularly" would not have been used.

13. Chúng ta cũng có thể thấy từ việc khảo sát phần đang được bàn đến rằng một số thành viên của nhóm người thú vốn *không* là thành viên của trung tâm đặc biệt này cũng đã *được* biệt ngã hóa, nếu không thì từ "đặc biệt" đã không được dùng.

a. The Earth Chain and the Incarnating Monads.

a. Dãy Địa Cầu và các Chân Thần đang nhập thể.

We have reached, therefore, a point wherein (having cursorily dealt above with the origin of cosmic, systemic, and planetary manas), it is now possible for us to come definitely down to the consideration of our Earth chain within the Earth scheme, and see something of the origin of the manasic principle in the present group of incarnating egos, units of the fourth Creative Hierarchy.

Vì vậy, chúng ta đã đạt đến một điểm mà tại đó (sau khi đã lướt qua ở trên về nguồn gốc của manas vũ trụ, hệ thống và hành tinh), giờ đây chúng ta có thể đi hẳn xuống việc xem xét Dãy Địa Cầu của chúng ta trong hệ Địa Cầu, **và thấy phần nào nguồn gốc của nguyên khí manas *trong nhóm chân ngã đang nhập thể hiện nay*, những đơn vị của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư.**

14. DK ever uses the occult method, of working from the general to the specific, and from principle to practicality.

14. Chân sư DK luôn dùng phương pháp huyền bí học, đi từ tổng quát đến chuyên biệt, và từ nguyên lý đến thực tiễn.

15. Presumably, we who read His words are among "the present group of incarnating egos".

15. Có lẽ chúng ta, những người đọc lời Ngài, thuộc về "nhóm chân ngã đang nhập thể hiện nay".

It is necessary here for students to remember that **only one group in the fourth Hierarchy was affected** by the coming in of manas in the third root-race,

Ở đây, các đạo sinh cần nhớ rằng **chỉ một nhóm trong Huyền Giai thứ tư bị tác động** bởi sự đi vào của manas trong giống dân gốc thứ ba,

16. Those who were not affected are, nevertheless, presently members of the Fourth Creative Hierarchy. This would include Moon-chain humanity.

16. Những ai không bị tác động, tuy vậy, hiện nay vẫn là thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư. Điều này sẽ bao gồm nhân loại Dãy Mặt Trăng.

17. There were also those who are presently human beings within whom the spark of mind was not implanted; instead the mental unit was "fanned" into greater activity.

17. Cũng có những người hiện nay là con người mà trong họ tia lửa trí tuệ đã không được cấy vào; thay vào đó, đơn vị hạ trí đã được "quạt" cho hoạt động mạnh hơn.

and that therefore in incarnation on the planet at this time are component parts of the two groups:

và do đó hiện đang lâm phàm trên hành tinh vào lúc này như những thành phần cấu thành của hai nhóm:

18. The implication is that not *all* members of these two groups are presenting in incarnation on the planet at this time, otherwise the term "component parts" would not have been used.

18. Hàm ý ở đây là không phải *tất cả* các thành viên của hai nhóm này đều đang biểu hiện trong lâm phàm trên hành tinh vào lúc này, nếu không thì thuật ngữ "những thành phần cấu thành" đã không được dùng.

one group, which received the manasic stimulation during this world period,

một nhóm, đã nhận sự kích thích manas trong thời kỳ thế giới này,

19. Here the definition of "world period" has the meaning of "round".

19. Ở đây định nghĩa của "thời kỳ thế giới" mang nghĩa là "cuộc tuần hoàn".

and another group which received the stimulation during the previous chain.

và một nhóm khác đã nhận sự kích thích trong dãy trước.

20. The third chain (as all chains) had its *own* rounds. Were any rounds occurring on the fourth chain when rounds were occurring on the third? Different perspectives offer contrasting answers to this question. We have seen evidence, however of simultaneous activity in different chains.

20. Dãy thứ ba (cũng như mọi dãy) có các cuộc tuần hoàn *riêng* của nó. Có cuộc tuần hoàn nào đang diễn ra trên dãy thứ tư khi các cuộc tuần hoàn đang diễn ra trên dãy thứ ba không? Những góc nhìn khác nhau đưa ra các câu trả lời trái ngược cho câu hỏi này. Tuy nhiên, chúng ta đã thấy bằng chứng về

hoạt động đồng thời trong các dãy khác nhau.

The last named group can be seen incarnating in all those who tread the Probationary Path, who are counted as the advanced units of the race, and considered as the notables among men.

Nhóm được nêu sau cùng có thể được thấy đang nhập thể trong tất cả những ai bước trên Con Đường Dự Bị, những người được kể là các đơn vị tiến bộ của nhân loại, và được xem là những người nổi bật giữa loài người.

21. Here we have a good description of the advanced members of the present members of the human race; it would seem that the majority of those who are presently advanced came from the Moon-chain.

21. Ở đây chúng ta có một mô tả hay về các thành viên tiến bộ của các thành viên hiện nay của nhân loại; dường như đa số những người hiện đang tiến bộ đến từ Dãy Mặt Trăng.

22. We know that there are today members of Hierarchy who were individualized on the Earth-chain, but such individuals must necessarily be small in number.

22. Chúng ta biết rằng ngày nay có những thành viên của Thánh đoàn đã được biệt ngã hóa trên Dãy Địa Cầu, nhưng những cá nhân như thế tất yếu phải ít về số lượng.

With the Ancient of Days came a group of other highly evolved Entities, who represent His own individual karmic group and those Beings who are the outcome of the triple nature of the Planetary Logos. If one might so express it They embody the forces emanating from the head, heart, and throat centres, and They came in with Sanat Kumara to form focal points of planetary force for the helping of the great plan for the self-conscious unfoldment of all life. **Their places have gradually been filled by the sons of men as they qualify, though this includes very few, until lately, from our immediate earth humanity.** Those who are now the inner group around the Lord of the World have been primarily recruited from the ranks of those who were initiates on the moon chain (the cycle of evolution [30] preceding ours) or who have come in on certain streams of solar energy, astrologically determined, from other planetary schemes, **yet those who have triumphed in our own humanity are**

Cùng với Đấng Thái Cổ đã đến một nhóm các Thực Thể tiến hoá cao khác, những Đấng đại diện cho nhóm nghiệp quả cá nhân riêng của Ngài và những Hữu thể là kết quả của bản chất tam phân của Hành Tinh Thượng Đế. Nếu có thể diễn đạt như vậy, Các Ngài thể hiện các mãnh lực phát ra từ các trung tâm đầu, tim và cổ họng, và Các Ngài đã đến cùng với Đức Sanat Kumara để tạo thành các tiêu điểm của mãnh lực hành tinh nhằm trợ giúp đại kế hoạch cho sự khai mở ngã thức của mọi sự sống. **Vị trí của Các Ngài dần dần đã được những người con của nhân loại lấp đầy khi họ hội đủ điều kiện, mặc dù cho đến gần đây điều này chỉ bao gồm rất ít người từ nhân loại địa cầu trực tiếp của chúng ta.** Những ai hiện nay là nhóm nội môn quanh Đức Chúa Tể Thế Giới chủ yếu đã được tuyển từ hàng ngũ những người là điểm đạo đồ trên dãy Mặt Trăng (chu kỳ tiến hoá [30] đi trước chu kỳ của chúng ta) hoặc những người đã đi vào theo một số dòng năng lượng thái dương, được xác định theo chiêm tinh học, từ các hệ hành tinh khác,

rapidly increasing in number, and hold all the minor offices beneath the central esoteric group of Six, who, with the Lord of the World, form the heart of hierarchial effort. (IHS 29-30)

tuy nhiên những ai đã chiến thắng trong chính nhân loại của chúng ta đang tăng nhanh về số lượng, và nắm giữ mọi chức vụ nhỏ dưới nhóm nội môn trung tâm gồm Sáu vị, những Đấng, cùng với Đức Chúa Tể Thế Giới, tạo thành trái tim của nỗ lực huyền giai. (IHS 29-30)

23. Note that the words "triumphed in our own humanity" represent *both* Earth-chain humanity and Moon-chain humanity—the two groups presently expressing upon our planet.

23. Lưu ý rằng các từ "đã chiến thắng trong chính nhân loại của chúng ta" đại diện cho *cả* nhân loại Dãy Địa Cầu lẫn nhân loại Dãy Mặt Trăng—hai nhóm hiện đang biểu hiện trên hành tinh chúng ta.

24. It can probably be safely said that the majority of those who today tread the Probationary Path individualized on the Moon-chain, but not *all.* This is clear because some members of Earth-chain humanity are, even now, members of the Spiritual Hierarchy (as indicated above).

24. Có lẽ có thể nói một cách an toàn rằng đa số những ai ngày nay bước trên Con Đường Dự Bị đã được biệt ngã hóa trên Dãy Mặt Trăng, nhưng không phải *tất cả.* Điều này rõ ràng bởi vì một số thành viên của nhân loại Dãy Địa Cầu, ngay cả hiện nay, là thành viên của Thánh đoàn tinh thần (như đã chỉ ra ở trên).

25. For the sake of clear visual impression, let us tabulate the qualities of those who individualized on the Moon-chain:

25. Để tạo ấn tượng thị giác rõ ràng, chúng ta hãy lập bảng các phẩm tính của những người đã được biệt ngã hóa trên Dãy Mặt Trăng:

a. Among them are those who presently are on the Probationary Path

a. Trong số họ có những người hiện nay đang ở trên Con Đường Dự Bị

b. They are the advanced units of the race

b. Họ là những đơn vị tiến bộ của nhân loại

c. They are the notables among men

c. Họ là những người nổi bật giữa loài người

26. To be a "notable" one must have passed through a Leo phase (for Leo represents that which stands out or shows forth—i.e., is "notable"). There are a number of Leo phases. Two of them refer to the stage of advanced man and first degree initiate. Those who are *truly* on the Probationary Path are first degree initiates.

Owing to the difference between the two groups may be traced much of the world unrest.

27. Their values are markedly different, and where different values exist, the desire bodies are differently oriented. Under such circumstances we will have, minimally, a collision upon the astral plane. Not so many of the bulk of Earth humanity work on the mental plane.

This difference lies in the following [Page 380] factors, which, for purposes of clarity, it might be well to enumerate:

28. We are now going to list the major differences between Moon-chain humanity and Earth-chain humanity.

29. [First Difference]: **The fact that each group forms a different centre in the body of a Heavenly Man.**

30. This is an important piece of information. Of which centers might we be speaking?

31. The following section tells us something of the groups that represent the different chakras of Sanat Kumara, but (at the same time) makes it more difficult for us to assign

26. Để là một "người nổi bật", người ta phải đã đi qua một giai đoạn Sư Tử (vì Sư Tử biểu thị điều nổi bật hay biểu lộ ra—tức là "đáng chú ý"). Có một số giai đoạn Sư Tử. Hai trong số đó liên hệ đến giai đoạn của con người tiến bộ và điểm đạo đồ cấp một. Những ai *thực sự* ở trên Con Đường Dự Bị là các điểm đạo đồ cấp một.

Do sự khác biệt giữa hai nhóm này mà phần lớn tình trạng bất an của thế giới có thể được truy nguyên.

27. Các giá trị của họ khác biệt rõ rệt, và ở đâu có những giá trị khác nhau, các thể dục vọng sẽ được định hướng khác nhau. Trong những hoàn cảnh như thế, tối thiểu chúng ta sẽ có một sự va chạm trên cõi cảm dục. Không nhiều người trong khối đông nhân loại Trái Đất hoạt động trên cõi trí.

Sự khác biệt này nằm trong các yếu tố sau đây, mà vì mục đích rõ ràng, có lẽ nên liệt kê ra:

28. Giờ đây chúng ta sẽ liệt kê những khác biệt chính giữa nhân loại Dãy Mặt Trăng và nhân loại Dãy Địa Cầu.

29. [Khác biệt thứ nhất]: **Sự kiện rằng mỗi nhóm tạo thành một trung tâm khác nhau trong thân thể của một Đấng Thiên Nhân.**

30. Đây là một mẩu thông tin quan trọng. Chúng ta có thể đang nói đến những trung tâm nào?

31. Phần sau đây cho chúng ta biết điều gì đó về các nhóm đại diện cho những luân xa khác nhau của Đức Sanat Kumara, nhưng (đồng thời) lại khiến chúng ta khó gán nhân

Earth-chain humanity and Moon-chain humanity to different chakras.

loại Dãy Địa Cầu và nhân loại Dãy Mặt Trăng vào các luân xa khác nhau hơn.

The Lord of the World...His vehicle of manifestation is the **planet** with its seven centres, of which only three are yet recognised by the occult student: **Shamballa, His head centre, the Hierarchy, His heart centre, and Humanity, His throat centre. The other four centres are concerned with evolutions which are reached, controlled and related from one or other of these three major centres.** The solar plexus is dominated by the Hierarchy, the heart centre of Sanat Kumara, and has a close relation to the deva evolution, hinted at by me in A Treatise on Cosmic Fire. (R&I 367)

Đức Chúa Tể Thế Giới... vận cụ biểu hiện của Ngài là **hành tinh** với bảy trung tâm của nó, trong đó chỉ có ba trung tâm hiện được đạo sinh huyền bí học nhận biết: **Shamballa, trung tâm đầu của Ngài, Thánh đoàn, trung tâm tim của Ngài, và Nhân loại, trung tâm cổ họng của Ngài. Bốn trung tâm kia liên hệ với những cuộc tiến hoá được đạt đến, kiểm soát và liên hệ từ một hay trung tâm lớn nào khác trong ba trung tâm lớn này.** Tùng thái dương bị chi phối bởi Thánh đoàn, trung tâm tim của Đức Sanat Kumara, và có liên hệ mật thiết với tiến hoá thiên thần, điều đã được tôi gợi ý trong Luận về Lửa Vũ Trụ. (R&I 367)

32. Moon-chain humanity cannot yet be considered the heart center of Sanat Kumara, as the Hierarchy represents that center. It is still involved very much with the throat center. Yet, Earth-chain humanity cannot be considered one of the four lower centers which, according to the section above, "are reached, controlled and related from one or other of these three major centres".

32. Nhân loại Dãy Mặt Trăng chưa thể được xem là trung tâm tim của Đức Sanat Kumara, vì Thánh đoàn đại diện cho trung tâm ấy. Nó vẫn còn liên hệ rất nhiều với trung tâm cổ họng. Tuy nhiên, nhân loại Dãy Địa Cầu cũng không thể được xem là một trong bốn trung tâm thấp mà theo đoạn trên, "được đạt đến, kiểm soát và liên hệ từ một hay trung tâm lớn nào khác trong ba trung tâm lớn này".

33. May it be that the throat center, itself, it divided into different sub-centers, of which Moon-chain humanity represents one and Earth-chain humanity another?

33. Có thể nào chính trung tâm cổ họng tự nó được chia thành những tiểu trung tâm khác nhau, trong đó nhân loại Dãy Mặt Trăng đại diện cho một tiểu trung tâm và nhân loại Dãy Địa Cầu đại diện cho một tiểu trung tâm khác?

34. We might ask, however, why DK speaks of "a" Heavenly Man instead of "the" Heavenly Man. Is He not speaking of *our* Heavenly Man?

34. Tuy nhiên, chúng ta có thể hỏi vì sao Chân sư DK nói về "một" Đấng Thiên Nhân thay vì "Đấng" Thiên Nhân. Chẳng phải Ngài đang nói về *Đấng* Thiên Nhân của chúng ta sao?

35. The Lords of the planetary chains are Heavenly Men, just as Planetary Logos is. Is Moon-chain humanity a chakra within the third Chain Lord (who still does exist, as the charts show us)? Or should we consider Moon-chain humanity as a center within *our* particular Chain Lord, the Lord of the fourth chain?

35. Các Chúa Tể của các dãy hành tinh là những Đấng Thiên Nhân, cũng như Hành Tinh Thượng Đế là như vậy. Nhân loại của Dãy Mặt Trăng có phải là một luân xa bên trong Chúa Tể Dãy thứ ba (Đấng vẫn còn hiện hữu, như các biểu đồ cho chúng ta thấy) không? Hay chúng ta nên xem nhân loại của Dãy Mặt Trăng như một trung tâm bên trong *Chúa Tể Dãy* đặc thù của chúng ta, Chúa Tể của dãy thứ tư?

36. We can see why we have to proceed carefully here.

36. Chúng ta có thể thấy vì sao ở đây chúng ta phải tiến hành một cách thận trọng.

37. If we look to number the Earth-chain group as a major chakra of the Planetary Logos, our normal choice would be the solar plexus center, but that is taken by the Jews as the following reference indicates:

37. Nếu chúng ta tìm cách xếp nhóm Dãy Địa Cầu như một luân xa chính của Hành Tinh Thượng Đế, lựa chọn thông thường của chúng ta sẽ là trung tâm tùng thái dương, nhưng điều đó đã được dành cho người Do Thái như đoạn trích dẫn sau cho thấy:

The fourth type of force, which is responsible for the state of world affairs at this time, is that of the Jews; **they, as a whole, constitute the solar plexus of the planetary Logos;** (EXH 87)

Loại mãnh lực thứ tư, chịu trách nhiệm cho tình trạng của các công việc thế giới vào lúc này, là mãnh lực của người Do Thái; **họ, xét như một toàn thể, cấu thành trung tâm tùng thái dương của Hành Tinh Thượng Đế;** (EXH 87)

38. It is difficult to know what DK means by "as a whole", and who may or may not be included.

38. Thật khó biết Chân sư DK muốn nói gì qua cụm từ "xét như một toàn thể", và những ai có thể hoặc không thể được bao gồm trong đó.

39. It may be possible that the former Lord of the Moon-chain is presently cooperating with the Lord of the Earth-chain (both of Them now working through the Earth-chain). The Lord of the Moon-chain once worked through the *third* chain of the Earth-scheme but now this 'position' is filled by the Lord of the Saturn-chain.

39. Có thể Chúa Tể trước đây của Dãy Mặt Trăng hiện đang hợp tác với Chúa Tể của Dãy Địa Cầu (cả Hai Ngài hiện nay đều hoạt động qua Dãy Địa Cầu). Chúa Tể của Dãy Mặt Trăng trước kia từng hoạt động qua dãy *thứ ba* của hệ Địa Cầu nhưng nay "vị trí" này được Đấng Chúa Tể của Dãy Sao Thổ đảm nhiệm.

40. We are confronting the mystery of the Moon-chain and, naturally, cannot entirely solve it.

40. Chúng ta đang đối diện với huyền nhiệm của Dãy Mặt Trăng và dĩ nhiên không thể giải quyết trọn vẹn nó.

41. It would seem that two types of evolution are currently developing on the Earth-chain. One type consists of groups which pertain more to the structure of the Moon-chain than to the Earth-chain. The other type consists of groups which are directly related to the structure of the Earth-chain.

41. Có vẻ như hiện nay có hai loại tiến hoá đang phát triển trên Dãy Địa Cầu. Một loại gồm những nhóm thuộc về cấu trúc của Dãy Mặt Trăng nhiều hơn là của Dãy Địa Cầu. Loại kia gồm những nhóm có liên hệ trực tiếp với cấu trúc của Dãy Địa Cầu.

42. To solve the problem of which center "in **a** Heavenly Man" each of these groups represents, we must know *which* Heavenly Man is meant. Because the present 'location' or field of expression of the former Lord of the Moon-chain is not ascertained, the problem of placing Earth-chain humanity and Moon-chain humanity becomes difficult.

42. Để giải quyết vấn đề mỗi nhóm này đại diện cho trung tâm nào "trong **một** Đấng Thiên Nhân", chúng ta phải biết *Đấng* Thiên Nhân nào được nói đến. Bởi vì "vị trí" hiện tại hay trường biểu lộ của Chúa Tể trước đây của Dãy Mặt Trăng chưa được xác định, nên vấn đề định vị nhân loại của Dãy Địa Cầu và nhân loại của Dãy Mặt Trăng trở nên khó khăn.

43. In general, humanity, considered in its entirety, must be related to the throat center of the Planetary Logos.

43. Nói chung, nhân loại, khi được xét trong toàn thể của nó, phải được liên hệ với trung tâm cổ họng của Hành Tinh Thượng Đế.

[Second Difference]: The difference in the method of individualisation.

[Second Difference]: Sự khác biệt trong phương pháp biệt ngã hóa.

44. We have taken this matter up at various points. The bulk of those who became human beings on the Earth-chain were individualized by a kind of divine intervention (of the Solar Angels.)

44. Chúng ta đã đề cập đến vấn đề này ở nhiều chỗ khác nhau. Phần lớn những người đã trở thành con người trên Dãy Địa Cầu đã được biệt ngã hóa bởi một loại can thiệp thiêng liêng (của các Thái dương Thiên Thần).

45. Those who individualized on the Moon-chain individualized by a slower more natural process; nascent mentality strove 'upwards' into the light of mind, thus

45. Những người được biệt ngã hóa trên Dãy Mặt Trăng đã được biệt ngã hóa qua một tiến trình chậm hơn và tự nhiên hơn; trí tuệ đang nảy sinh đã vươn "lên trên" vào ánh

undergoing the development of self-consciousness.

sáng của trí tuệ, nhờ đó trải qua sự phát triển của ngã thức.

[Third Difference]: The different rate of vibration of the two centres.

[Third Difference]: Tốc độ rung động khác nhau của hai trung tâm.

46. This is evident to all who ponder the nature of the two groups. DK talks about the division between "Capital" and "Labour", stating that the first represents Moon-chain humanity and the second, the humanity of the Earth-chain.

46. Điều này hiển nhiên đối với tất cả những ai suy ngẫm về bản chất của hai nhóm. Chân sư DK nói về sự phân chia giữa "Tư Bản" và "Lao Động", cho rằng nhóm thứ nhất đại diện cho nhân loại của Dãy Mặt Trăng và nhóm thứ hai đại diện cho nhân loại của Dãy Địa Cầu.

[Fourth Difference]: The fact, therefore, **that in each chain the planetary Logos takes a different initiation,** affecting different centres; and so bringing into manifestation different lesser entities.

[Fourth Difference]: Do đó, sự kiện là **trong mỗi dãy, Hành Tinh Thượng Đế tiếp nhận một điểm đạo khác nhau,** tác động đến những trung tâm khác nhau; và như vậy đưa vào biểu hiện những thực thể nhỏ hơn khác nhau.

47. The matter of the initiations of the Planetary Logos is complex as there are a number of different kinds of initiations possible to this great Being. Suffice it to say that in each chain, a Planetary Logos takes a different initiation.

47. Vấn đề các điểm đạo của Hành Tinh Thượng Đế thì phức tạp vì có một số loại điểm đạo khác nhau có thể dành cho Hữu Thể Vĩ Đại này. Chỉ cần nói rằng trong mỗi dãy, một Hành Tinh Thượng Đế tiếp nhận một điểm đạo khác nhau.

48. With respect to Planetary Logoi, we may assume such initiations to be correlated to the series of seven initiations listed on TCF 384.

48. Đối với các Hành Tinh Thượng Đế, chúng ta có thể giả định rằng những điểm đạo như thế có tương quan với chuỗi bảy điểm đạo được liệt kê trong TCF 384.

49. The section above seems to hint that Moon-chain humanity belongs to Moon-chain chakras and Earth-chain humanity to Earth-chain chakras.

49. Đoạn trên dường như gợi ý rằng nhân loại của Dãy Mặt Trăng thuộc về các luân xa của Dãy Mặt Trăng và nhân loại của Dãy Địa Cầu thuộc về các luân xa của Dãy Địa Cầu.

50. If so, in what way do the members of former Moon-chain chakras influence the chakric development now occurring on the Earth-chain?

50. Nếu vậy, các thành viên của những luân xa trước đây của Dãy Mặt Trăng ảnh hưởng theo cách nào đến sự phát triển luân xa hiện đang diễn ra trên Dãy Địa Cầu?

51. Are the Jews to be associated with the Moon-chain? They are certainly associated with the previous solar system, but did those from that system also develop on the Moon-chain? There is some support for this possibility.

51. Người Do Thái có nên được liên kết với Dãy Mặt Trăng không? Chắc chắn họ có liên hệ với hệ mặt trời trước, nhưng những người từ hệ đó có phải cũng đã phát triển trên Dãy Mặt Trăng không? Có một số căn cứ ủng hộ khả năng này.

52. If the Jews are to be associated with the Moon-chain, and the Jews represent the solar plexus center of our Planetary Logos, then *certain members* of the Moon-chain group are also to be associated with the solar plexus center of the Planetary Logos as well as with the more normal association—the planetary logoic throat center.

52. Nếu người Do Thái được liên kết với Dãy Mặt Trăng, và người Do Thái đại diện cho trung tâm tùng thái dương của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, thì *một số thành viên nhất định* của nhóm Dãy Mặt Trăng cũng phải được liên kết với trung tâm tùng thái dương của Hành Tinh Thượng Đế cũng như với mối liên hệ bình thường hơn—trung tâm cổ họng logoic hành tinh.

3 Humanity Throat Centre .....Kingdom of man 4th Ray Harmony through

Quality of Acquisitiveness Conflict

3 Nhân loại Trung tâm Cổ họng .....Giới nhân loại Cung 4 Hài Hòa thông qua

Phẩm tính của Tính Chiếm hữu Xung đột

4 The Jews Solar Plexus Centre Kingdom of man..... 3rd Ray Active

Quality of Separativeness Intelligence (EXH 92)

4 Người Do Thái Trung tâm Tùng Thái Dương Giới nhân loại..... Cung 3 Trí Tuệ Năng Động

Phẩm tính của Tính Ly cách (EXH 92)

53. The important thing to realize is that these two groups (Moon-chain humanity and Earth-chain humanity) are very different.

53. Điều quan trọng cần chứng nghiệm là hai nhóm này (nhân loại của Dãy Mặt Trăng và nhân loại của Dãy Địa Cầu) rất khác nhau.

Students, when considering these things, need to view the matter from the following angles—some quite possible lines of approach for us, others which we are only capable as yet of dimly anticipating.

Khi xem xét những điều này, các đạo sinh cần nhìn vấn đề từ những góc độ sau đây—một số là những đường lối tiếp cận khá khả dĩ đối với chúng ta, một số khác thì hiện nay chúng ta chỉ mới có khả năng mơ hồ dự cảm.

54. The cosmic and systemic angles are among those which we can only, as yet, dimly anticipate.

54. Góc độ vũ trụ và góc độ hệ thống nằm trong số những góc độ mà hiện nay chúng ta chỉ mới có thể mơ hồ dự cảm.

The occult fact, as stated by the English poet Pope, "The proper study of mankind, is man," is embodied in the investigation of all these vast cycles.

Sự kiện huyền bí, như thi sĩ Anh Pope đã nói, "Đối tượng nghiên cứu thích đáng của nhân loại là con người," được hàm chứa trong việc khảo cứu tất cả những chu kỳ bao la này.

55. DK is telling us how we may begin to study man. The study of man involves more than present psychology reveals. We remember that *A Treatise on Cosmic Fire* is essentially a *psychological* treatise.

55. Chân sư DK đang cho chúng ta biết cách chúng ta có thể bắt đầu nghiên cứu con người. Việc nghiên cứu con người bao hàm nhiều hơn những gì tâm lý học hiện nay tiết lộ. Chúng ta nhớ rằng *Luận về Lửa Vũ Trụ* về bản chất là một luận thuyết *tâm lý học*.

56. It may seem surprising that the cycles discussed below should relate to the "study of man".

56. Có thể dường như đáng ngạc nhiên rằng những chu kỳ được bàn đến dưới đây lại liên hệ với "việc nghiên cứu con người".

57. "Man", however, is a generic term. We will discover that, as we successfully study the microcosm, the macrocosm will be revealed to us.

57. Tuy nhiên, "con người" là một thuật ngữ tổng quát. Chúng ta sẽ khám phá rằng, khi nghiên cứu thành công tiểu thiên địa, đại thiên địa sẽ được mặc khải cho chúng ta.

The cosmic angle. This involves the study of the place of the solar Logos within His greater sphere,

Góc độ vũ trụ. Điều này bao hàm việc nghiên cứu vị trí của Thái dương Thượng đế trong khối cầu lớn hơn của Ngài,

58. Our Solar Logos is one of a group of seven principal Logoi within the expression of a Cosmic Logos.

58. Thái dương Thượng đế của chúng ta là một trong nhóm bảy Thượng đế chính yếu bên trong sự biểu lộ của một Thượng đế Vũ Trụ.

the study of extra-systemic psychology and astronomy,

việc nghiên cứu tâm lý học và thiên văn học ngoài-hệ,

59. This has to do with the *qualities* (shall we call them 'astrological qualities') expressed by great cosmic Beings Whose sphere of manifestation is outside our solar system.

59. Điều này liên quan đến những *phẩm tính* (chúng ta có nên gọi là những "phẩm tính chiêm tinh" chăng) được biểu lộ bởi những Hữu Thể vũ trụ Vĩ Đại Mà khối cầu biểu hiện

của Các Ngài ở bên ngoài hệ mặt trời của chúng ta.

and the consideration of the relation existing between our system and other constellations,

và việc xem xét mối liên hệ hiện hữu giữa hệ của chúng ta với các chòm sao khác,

60. Is DK calling our solar system a "constellation"? On occasion, He does this. Much occult blinding goes on through the utilization of the terms "solar system" and "constellation".

60. Có phải Chân sư DK đang gọi hệ mặt trời của chúng ta là một "chòm sao" không? Đôi khi, Ngài làm như vậy. Rất nhiều sự che mờ huyền bí diễn ra qua việc sử dụng các thuật ngữ "hệ mặt trời" và "chòm sao".

61. The following illustrates the caution required in interpreting the Tibetan's nomenclature:

61. Điều sau đây minh họa sự thận trọng cần có khi diễn giải danh pháp của Chân sư Tây Tạng:

Scientists have not yet admitted into their calculations the fact that our solar system is revolving around a cosmic centre along with six other constellations of even greater magnitude in the majority of cases than ours, only one being approximately of the same magnitude as our solar system. (TCF 1084)

Các nhà khoa học vẫn chưa đưa vào các phép tính của họ sự kiện rằng hệ mặt trời của chúng ta đang quay quanh một trung tâm vũ trụ cùng với sáu chòm sao khác có tầm mức còn lớn hơn trong đa số trường hợp so với hệ của chúng ta, chỉ có một chòm sao xấp xỉ cùng tầm mức với hệ mặt trời của chúng ta. (TCF 1084)

and of our path in the vast arc of the heavens.

và về con đường của chúng ta trong vòng cung bao la của các tầng trời.

62. It may be that DK is speaking or an *orbital* path. In occultism, we are told of one such orbital path—that of our solar system around the central star Alcyone in the Pleiades.

62. Có thể Chân sư DK đang nói về một con đường *quỹ đạo*. Trong huyền bí học, chúng ta được cho biết về một con đường quỹ đạo như thế—đó là con đường của hệ mặt trời chúng ta quanh ngôi sao trung tâm Alcyone trong chòm Thất Nữ.

63. One wonder whether there can be *any* kind of path in cosmos which is not part of spherical movement and, hence, *orbital*.

63. Người ta tự hỏi liệu có thể có *bất kỳ* loại con đường nào trong vũ trụ mà không là một phần của chuyển động hình cầu và do đó mang tính *quỹ đạo* hay không.

64. The "vast arc of the heavens" may suggest the arc created by the revolution of

64. "Vòng cung bao la của các tầng trời" có thể gợi ý vòng cung được tạo ra bởi sự quay

the entire cosmos. More locally, our galaxy creates such an arc.

của toàn thể vũ trụ. Ở phạm vi gần hơn, thiên hà của chúng ta tạo ra một vòng cung như thế.

It bears on the relation of the various suns with their circulating attendants,

Điều này liên quan đến mối liên hệ của các mặt trời khác nhau với những thiên thể tùy tùng đang tuần hoàn quanh chúng,

65. Planets are “attendants”. Like attendants, They serve the will of a Solar Logos.

65. Các hành tinh là những “thiên thể tùy tùng”. Giống như những thiên thể tùy tùng, chúng phụng sự ý chí của một Thái dương Thượng đế.

A solar system consists of a sun as the central focal point, with its series of attendant planets, which are held in magnetic rapport in their orbits around that sun. (EP I 152)

Một hệ mặt trời gồm một mặt trời như tiêu điểm trung tâm, cùng với chuỗi các hành tinh tùy tùng của nó, được giữ trong sự tương giao từ tính trên các quỹ đạo của chúng quanh mặt trời ấy. (EP I 152)

and of the planets with each other;

và của các hành tinh với nhau;

66. Such relations are ‘intra-systemic’ relations.

66. Những mối liên hệ như thế là những mối liên hệ “nội-hệ”.

it concerns the study of their individual polarisation, and their interaction with their polar opposites.

điều này liên quan đến việc nghiên cứu sự phân cực cá biệt của chúng, và sự tương tác của chúng với các cực đối nghịch của chúng.

67. This, we may presume, is an amazing subject. Just as planets are to be found in masculine or feminine incarnations, the same may be said of Solar Logos and other Solar Logoi.

67. Chúng ta có thể giả định đây là một đề tài đáng kinh ngạc. Cũng như các hành tinh được tìm thấy trong những lần lâm phàm nam tính hay nữ tính, điều tương tự cũng có thể nói về Thái dương Thượng đế và các Thái dương Thượng đế khác.

68. I am not aware of whether DK has designated the present incarnation of our Solar Logos as masculine or feminine. He has stated that our Planetary Logos is in a masculine incarnation and Venus in a feminine one.

68. Tôi không biết liệu Chân sư DK có chỉ định lần lâm phàm hiện tại của Thái dương Thượng đế của chúng ta là nam tính hay nữ tính hay không. Ngài đã nói rằng Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang ở trong một lần lâm phàm nam tính và Sao Kim trong một lần lâm phàm nữ tính.

69. As our Solar Logos has (on a higher turn of the spiral) a number of qualities similar to Venus, and as He is primarily astral-buddhic in nature and passing through a *second major* incarnation, perhaps it would not be incorrect to think of Him as expressing through a *feminine* incarnation.

69. Vì Thái dương Thượng đế của chúng ta có (trên một vòng xoắn cao hơn) một số phẩm tính tương tự Sao Kim, và vì Ngài chủ yếu có bản chất cảm dục-Bồ đề và đang trải qua một lần lâm phàm *thứ hai chính yếu*, nên có lẽ sẽ không sai nếu nghĩ về Ngài như đang biểu lộ qua một lần lâm phàm *nữ tính*.

70. Interestingly, although Earth is positive to Venus, and the Seven Heavenly Men are (strangely) positive to the Pleiades, our Solar Logos is *negative* (or feminine) to the Logos of Sirius.

70. Điều thú vị là, mặc dù Trái Đất là dương đối với Sao Kim, và Bảy Đấng Thiên Nhân (một cách kỳ lạ) là dương đối với chòm Thất Nữ, Thái dương Thượng đế của chúng ta lại *âm* (hay nữ tính) đối với Thượng đế của Sirius.

It will lead the student into regions of logical speculation,

Điều này sẽ dẫn đạo sinh vào những miền suy đoán hợp lý,

71. Study from the cosmic angle will lead us into “regions of logical speculation”.

71. Việc nghiên cứu từ góc độ vũ trụ sẽ dẫn chúng ta vào “những miền suy đoán hợp lý”.

72. If we study the manner in which the interpretation of this book is being pursued in these Commentaries, we may judge that the logical method suggested is being followed.

72. Nếu chúng ta nghiên cứu cách việc diễn giải cuốn sách này đang được theo đuổi trong các bộ Bình Giải này, chúng ta có thể phán đoán rằng phương pháp hợp lý được gợi ý đang được tuân theo.

into the study of cosmic electricity,

vào việc nghiên cứu điện vũ trụ,

73. We can speak of it, but do we know what we are talking about, except in the most vague and general terms? We are speaking of the cosmic Lord of Electricity—Fohat.

73. Chúng ta có thể nói về nó, nhưng liệu chúng ta có biết mình đang nói về điều gì không, ngoại trừ theo những thuật ngữ mơ hồ và tổng quát nhất? Chúng ta đang nói về Chúa Tể vũ trụ của Điện—Fohat.

and the universal Law of attraction,

và Định luật hấp dẫn phổ quát,

74. This Law is, putatively, the most powerful Law operative within our solar system of Love and Wisdom.

74. Theo giả định, Định luật này là Định luật mạnh mẽ nhất đang hoạt động trong hệ mặt trời Bác Ái – Minh Triết của chúng ta.

75. The term “universal” (as here used”) pertains to the Solar Logos and His solar system.

75. Thuật ngữ “phổ quát” (như được dùng ở đây) liên hệ đến Thái dương Thượng đế và hệ mặt trời của Ngài.

and is as yet much beyond the comprehension of even the most advanced students at this time,

và hiện nay vẫn còn vượt xa sự thấu hiểu của ngay cả những đạo sinh tiến bộ nhất,

76. We are assured that what we are attempting to discuss is much beyond our comprehension. By the attempt to stretch towards comprehension, much good may arise.

76. Chúng ta được bảo đảm rằng điều chúng ta đang cố gắng bàn đến vượt xa sự thấu hiểu của mình. Từ nỗ lực vươn tới sự thấu hiểu, nhiều điều tốt đẹp có thể phát sinh.

77. It would seem that DK numbers initiates among advanced students. From a relative perspective, does He consider Himself an advanced student?

77. Có vẻ như Chân sư DK xếp các điểm đạo đồ vào hàng những đạo sinh tiến bộ. Từ một góc nhìn tương đối, liệu Ngài có xem chính mình là một đạo sinh tiến bộ không?

and will only become a science (reduced to form and text-book if I might so express it) during the final part of the next round.

và chỉ sẽ trở thành một khoa học (được quy về hình thức và giáo trình, nếu tôi có thể diễn đạt như vậy) trong phần cuối của cuộc tuần hoàn kế tiếp.

The door between the human and animal kingdoms will again be opened during the next great cycle, or "round" as it is called in some books, but as this is **several million years away** from us at this time, we are not concerned with it. (IHS 34)

Cánh cửa giữa giới nhân loại và giới động vật sẽ lại được mở ra trong đại chu kỳ kế tiếp, hay “cuộc tuần hoàn” như được gọi trong một số sách, nhưng vì điều này còn cách chúng ta **vài triệu năm nữa** vào lúc này, nên chúng ta không quan tâm đến nó. (IHS 34)

78. This is one of those amazing statements which put our present studies of *A Treatise on Cosmic Fire* into proportion. Much of what we are here studying, will only become a text-book science) millions upon millions of years from now.

78. Đây là một trong những phát biểu đáng kinh ngạc đặt những nghiên cứu hiện nay của chúng ta về *Luận về Lửa Vũ Trụ* vào đúng tỉ lệ. Phần lớn những gì chúng ta đang nghiên cứu ở đây chỉ sẽ trở thành một khoa học giáo trình sau hàng triệu triệu năm nữa.

79. The period when the next round begins must be ascertained. If the sixth root race of our present fourth round is not to terminate until approximately ten million years into

79. Phải xác định thời kỳ khi cuộc tuần hoàn kế tiếp bắt đầu. Nếu giống dân gốc thứ sáu của cuộc tuần hoàn thứ tư hiện nay của chúng ta sẽ không chấm dứt cho đến khoảng

the future, we must adjust our conception of what is meant by “several million years away”, otherwise, we must infer that the fifth round begins even before the sixth root race of the present round is completed. This seems highly unlikely regardless of what system of overlapping we might conceive.

mười triệu năm trong tương lai, thì chúng ta phải điều chỉnh quan niệm của mình về ý nghĩa của cụm từ “còn cách vài triệu năm nữa”; nếu không, chúng ta phải suy ra rằng cuộc tuần hoàn thứ năm bắt đầu ngay cả trước khi giống dân gốc thứ sáu của cuộc tuần hoàn hiện tại hoàn tất. Điều này dường như rất khó xảy ra, bất kể chúng ta có thể hình dung hệ thống chồng lấn nào.

80. The interests of one and all at that time (which will post "Judgment Day") will be upon these higher matters. For now, we are planting seeds and making a necessary beginning. We may infer that the "Judgment Day" does not occur in the final part of the next round but at an earlier period of that round.

80. Vào thời điểm đó, mối quan tâm của tất cả mọi người (thời điểm sẽ sau “Ngày Phán Xét”) sẽ hướng đến những vấn đề cao hơn này. Hiện nay, chúng ta đang gieo hạt giống và thực hiện một sự khởi đầu cần thiết. Chúng ta có thể suy ra rằng “Ngày Phán Xét” không xảy ra trong phần cuối của cuộc tuần hoàn kế tiếp mà vào một thời kỳ sớm hơn của cuộc tuần hoàn ấy.

81. We are continuing the description of that which the “proper study of mankind” may entail.

81. Chúng ta đang tiếp tục mô tả những gì mà “đối tượng nghiên cứu thích đáng của nhân loại” có thể bao hàm.

The systemic angle. This deals with the place of the Heavenly Men within the body logoic,

Góc độ hệ thống. Điều này bàn đến vị trí của các Đấng Thiên Nhân bên trong thể logoic,

82. The solar system is our confining context and we are interested in the kinds of relations which occur within it.

82. Hệ mặt trời là bối cảnh giới hạn của chúng ta và chúng ta quan tâm đến những loại quan hệ xảy ra bên trong nó.

Their mutual [Page 381] interplay, and Their rational interdependence, and with the cycles wherein each in turn, **or in dual formation,** is the recipient of logoic force.

sự tương tác lẫn nhau của Các Ngài, và sự tương thuộc hợp lý của Các Ngài, cùng với những chu kỳ trong đó mỗi Đấng lần lượt, **hay trong sự hình thành nhị nguyên,** là kẻ tiếp nhận mãnh lực logoic.

83. When considering the relations between the Planetary Logoi, here are the factors involved:

83. Khi xem xét các mối quan hệ giữa các Hành Tinh Thượng Đế, đây là những yếu tố liên quan:

a. The interplay of the Planetary Logoi.

a. Sự tương tác của các Hành Tinh Thượng Đế.

b. The "rational interdependence" of the Planetary Logoi. The implication is that all planetary logoic relations are subject to reason (or, rather, *pure* reason).

b. "Sự tương thuộc hợp lý" của các Hành Tinh Thượng Đế. Hàm ý ở đây là mọi quan hệ logoic hành tinh đều chịu sự chi phối của lý trí (hay đúng hơn là lý trí *thuần túy*).

c. The cycles of reception by the Planetary Logoi of solar logoic force.

c. Các chu kỳ tiếp nhận mãnh lực logoic thái dương bởi các Hành Tinh Thượng Đế.

84. Something quite fascinating is said here: the Planetary Logoi may receive logoic force "in dual formation". The Planetary Logoi do not necessarily receive such force one by one in sequence, but sometimes, apparently, two at a time.

84. Ở đây có một điều khá hấp dẫn được nói ra: các Hành Tinh Thượng Đế có thể tiếp nhận mãnh lực logoic "trong sự hình thành nhị nguyên". Các Hành Tinh Thượng Đế không nhất thiết tiếp nhận mãnh lực ấy từng vị một theo tuần tự, mà đôi khi, dường như, là hai vị cùng một lúc.

85. In this respect we might begin looking for planetary pairs as recipients. Could we consider Venus and the Earth such a pair?

85. Về phương diện này, chúng ta có thể bắt đầu tìm kiếm những cặp hành tinh như những bên tiếp nhận. Chúng ta có thể xem Sao Kim và Trái Đất là một cặp như thế chăng?

It necessitates the study of the solar system as a unit, of the astronomical and orbital relation of the Sun to the planets.

Điều này đòi hỏi việc nghiên cứu hệ mặt trời như một đơn vị, về mối liên hệ thiên văn và quỹ đạo của Mặt Trời với các hành tinh.

86. This is straightforward. Humanity, at present, is in a position to study the solar system as a unit only from the *physical* perspective. Such study, from a psychological and spiritual perspective, remains intuition he realm of occultism.

86. Điều này rất rõ ràng. Hiện nay, nhân loại chỉ ở vào vị thế nghiên cứu hệ mặt trời như một đơn vị từ góc nhìn *hồng trần*. Việc nghiên cứu như thế, từ góc nhìn tâm lý học và tinh thần, vẫn còn thuộc lĩnh vực của trực giác và huyền bí học.

87. While we can understand studying the astronomical relation of the Sun to the planets, it is more usually to consider the orbital relations of the planets to the Sun.

87. Trong khi chúng ta có thể hiểu việc nghiên cứu mối liên hệ thiên văn của Mặt Trời với các hành tinh, thì thông thường hơn là xem xét các mối liên hệ quỹ đạo của các hành tinh với Mặt Trời.

The systemic triangles will eventually become a subject of popular speculation, then of investigation, of scientific demonstration, and finally be known to be proved and authenticated fact,—but the time is not yet.

Các tam giác hệ thống cuối cùng sẽ trở thành một đề tài suy đoán phổ biến, rồi thành đối tượng khảo cứu, thành sự chứng minh khoa học, và sau cùng được biết đến như sự kiện đã được chứng minh và xác thực,—nhưng thời điểm ấy vẫn chưa đến.

88. This is a wonderful prophecy. There are many systemic triangles formed among the planets, each with its own function and mutations.

88. Đây là một lời tiên tri tuyệt vời. Có nhiều tam giác hệ thống được hình thành giữa các hành tinh, mỗi tam giác có chức năng và những biến đổi riêng của nó.

89. The order of procedure to be followed is interesting:

89. Trình tự thủ tục cần được tuân theo thật đáng chú ý:

a. Popular speculation, leading to…

a. Suy đoán phổ biến, dẫn đến…

b. Investigation, leading to…

b. Khảo cứu, dẫn đến…

c. Scientific demonstration

c. Chứng minh khoa học

d. Proof and authentication

d. Chứng cứ và xác thực

90. We cannot yet say that there is “popular” speculation on these matters. It may be a very long time before that is the case. I would say there is ‘occasional and rather isolated speculation by certain students of esotericism’.

90. Chúng ta chưa thể nói rằng có sự suy đoán “phổ biến” về những vấn đề này. Có thể còn rất lâu nữa mới đến mức ấy. Tôi muốn nói rằng hiện chỉ có “sự suy đoán thỉnh thoảng và khá biệt lập của một số đạo sinh huyền bí học”.

The different polarities of the schemes will be studied, and information, that is now imparted only to initiates of the third Initiation, will eventually become exoteric.

Những cực tính khác nhau của các hệ hành tinh sẽ được nghiên cứu, và thông tin hiện nay chỉ được truyền đạt cho các điểm đạo đồ của lần điểm đạo thứ ba cuối cùng sẽ trở thành ngoại môn.

91. Is DK suggesting that information on the different polarities of the schemes is imparted particularly at the third initiation? This is the initiation at which the nature of

91. Có phải Chân sư DK đang gợi ý rằng thông tin về những cực tính khác nhau của các hệ hành tinh được truyền đạt đặc biệt ở lần điểm đạo thứ ba không? Đây là lần điểm đạo mà tại đó bản chất của phương diện

the balancing aspect of electricity should become a meaningful realization.

92. In this book (written, DK tells us for initiates), some small amount of information on the polarities of the schemes has been released.

In due course of time systemic information along the lines of:

a. The vitalisation of the schemes

93. This is a function of logoic kundalini. Thus far, we have been told of several planetary schemes participating in this vitalization: Earth, Venus, Saturn and Uranus.

b. Interaction between two schemes

94. We have learned much about the interaction between the Venus and Earth schemes. A little has been offered in relation to Saturn, Mars and Earth. Quite a bit more has been hinted but not developed.

95. While the relation of some schemes to the Earth-scheme has been discussed, very little has been mentioned of their interplay between themselves.

96. Whenever DK speaks of a planetary triangle and the nature of that triangle, He is speaking of scheme interaction—among three, not only two.

c. The periods of incarnation of a planetary Logos on the physical plane

quân bình của điện phải trở thành một sự chứng nghiệm có ý nghĩa.

92. Trong cuốn sách này (mà Chân sư DK cho biết là được viết cho các điểm đạo đồ), một lượng nhỏ thông tin về các cực tính của các hệ hành tinh đã được tiết lộ.

Theo thời gian thích hợp, thông tin hệ thống theo các đường hướng như:

a. Sự tiếp sinh lực cho các hệ hành tinh

93. Đây là một chức năng của kundalini logoic. Cho đến nay, chúng ta đã được cho biết về một số hệ hành tinh tham dự vào sự tiếp sinh lực này: Trái Đất, Sao Kim, Sao Thổ và Sao Thiên Vương.

b. Sự tương tác giữa hai hệ hành tinh

94. Chúng ta đã học được nhiều điều về sự tương tác giữa hệ Sao Kim và hệ Địa Cầu. Một ít điều đã được đưa ra liên quan đến Sao Thổ, Sao Hỏa và Trái Đất. Nhiều hơn nữa đã được gợi ý nhưng chưa được triển khai.

95. Trong khi mối liên hệ của một số hệ hành tinh với hệ Địa Cầu đã được bàn đến, thì rất ít điều được nói về sự tương tác của chúng với nhau.

96. Bất cứ khi nào Chân sư DK nói về một tam giác hành tinh và bản chất của tam giác ấy, Ngài đang nói về sự tương tác giữa các hệ hành tinh—giữa ba hệ, không chỉ hai.

c. Các thời kỳ lâm phàm của một Hành Tinh Thượng Đế trên cõi hồng trần

97. Những gợi ý đã được đưa ra liên quan đến các lần lâm phàm của Hành Tinh

97. Hints have been given concerning the incarnations of the Planetary Logos of the Earth. We have studied them quite recently.

Thượng Đế của Trái Đất. Chúng ta đã nghiên cứu chúng khá gần đây.

98. The span in Earth years from the coming of Sanat Kumara and His 'Assistants' to Earth (the Earth-globe), and the period of the "Judgment Day" may represent the period of one such physical incarnation.

98. Khoảng thời gian tính theo năm Trái Đất từ khi Đức Sanat Kumara và các "Phụ Tá" của Ngài đến Trái Đất (địa cầu Trái Đất), và thời kỳ của "Ngày Phán Xét" có thể đại diện cho thời kỳ của một lần lâm phàm hồng trần như thế.

99. If this period represents a physical incarnation of Sanat Kumara, its duration will have spanned two rounds, though not two world periods (i.e., rounds) in their entirety.

99. Nếu thời kỳ này đại diện cho một lần lâm phàm hồng trần của Đức Sanat Kumara, thì thời lượng của nó sẽ trải qua hai cuộc tuần hoàn, dù không bao trùm trọn vẹn hai thời kỳ thế giới (tức là hai cuộc tuần hoàn).

100. As we have noted, 'pervasive sustainment' of the Planetary Logos in relation to His different chains and globes is different from that 'act of focussed and sustained attention' (that act of 'focussed presence') which we call an incarnation.

100. Như chúng ta đã lưu ý, "sự duy trì bao trùm" của Hành Tinh Thượng Đế liên quan đến các dãy và các bầu hành tinh khác nhau của Ngài thì khác với "hành vi chú tâm tập trung và duy trì" (hành vi của "sự hiện diện tập trung") mà chúng ta gọi là một lần lâm phàm.

d. The initiation of the planetary Logos,

d. Điểm đạo của Hành Tinh Thượng Đế,

101. This is a tremendous subject and involves various kinds of initiations. Initiations can be taken through both planetary chains and planetary globes (and through specific life expressions on those globes—such as root races and subraces

101. Đây là một đề tài vô cùng lớn lao và bao hàm nhiều loại điểm đạo khác nhau. Điểm đạo có thể được tiếp nhận qua cả các dãy hành tinh lẫn các bầu hành tinh (và qua những biểu hiện sự sống đặc thù trên các bầu hành tinh ấy—như các giống dân gốc và các giống dân phụ

102. The following reference offers some important hints, but, really, only points us to the extreme complexity of the matter.

102. Đoạn trích dẫn sau đưa ra một số gợi ý quan trọng, nhưng thực sự chỉ cho chúng ta thấy tính cực kỳ phức tạp của vấn đề.

Thirdly, initiations in which a Heavenly Man may take either a minor or a major initiation, thereby involving His entire nature. For instance, when individualisation

Thứ ba, những điểm đạo trong đó một Đấng Thiên Nhân có thể tiếp nhận hoặc một điểm đạo nhỏ hoặc một điểm đạo lớn, do đó bao hàm toàn bộ bản chất của Ngài. Chẳng hạn,

took place during the Lemurian, or the third root race, and the human family in this cycle definitely came into manifestation, it signified a major initiation for our Heavenly Man. The present stimulation in hierarchical effort is leading up to a lesser initiation. Each great cycle sees a major initiation of a Heavenly Man taken on one or other of the globes, and herein again complication lies, and much food for thought. (IHS 181)

khi sự biệt ngã hóa diễn ra trong thời Lemuria, hay giống dân gốc thứ ba, và gia đình nhân loại trong chu kỳ này dứt khoát đi vào biểu hiện, điều đó biểu thị một điểm đạo lớn đối với Đấng Thiên Nhân của chúng ta. Sự kích thích hiện nay trong nỗ lực của Thánh đoàn đang dẫn đến một điểm đạo nhỏ hơn. Mỗi đại chu kỳ chứng kiến một điểm đạo lớn của một Đấng Thiên Nhân được tiếp nhận trên bầu hành tinh này hay bầu hành tinh khác, và chính trong đó lại có sự phức tạp, cùng nhiều điều đáng suy ngẫm. (IHS 181)

103. There are so many different things said about the major and minor initiations of a Planetary Logos, that a compilation should be carefully made to sort this matter our.

103. Có quá nhiều điều khác nhau được nói về các điểm đạo lớn và nhỏ của một Hành Tinh Thượng Đế đến mức cần phải cẩn thận lập một bản tổng hợp để phân loại vấn đề này.

104. We read of major initiations being taken on globes, perhaps more than once on the same globe and in the same round.

104. Chúng ta đọc thấy các điểm đạo lớn được tiếp nhận trên các bầu hành tinh, có lẽ hơn một lần trên cùng một bầu hành tinh và trong cùng một cuộc tuần hoàn.

105. On the other hand, we read of those planetary logoic initiations which are taken on successive chains.

105. Mặt khác, chúng ta đọc thấy những điểm đạo logoic hành tinh được tiếp nhận trên các dãy kế tiếp nhau.

106. What really is major and what is minor? It is a matter for very careful analysis.

106. Điều gì thực sự là lớn và điều gì là nhỏ? Đây là vấn đề cần được phân tích hết sức cẩn trọng.

will be reduced to law and order.

sẽ được quy về định luật và trật tự.

107. That time will come, but it cannot be any time soon.

107. Thời điểm ấy sẽ đến, nhưng chắc chắn không thể đến sớm.

108. DK continues His prophecies.

108. Chân sư DK tiếp tục những lời tiên tri của Ngài.

Hiện nay chỉ có **những suy đoán mơ hồ** và **những gợi ý** hấp dẫn chỉ đối với người tinh

As yet but **dim speculations** and **hints** that appeal only to the spiritual and the intuitive are in any way possible.

thần và trực giác là có thể theo bất kỳ cách nào.

109. We may number ourselves, perhaps, among the "spiritual" and "intuitive". We offer the "dim speculations", and DK and other Masters offer the "hints".

109. Có lẽ chúng ta có thể xếp mình vào hàng những người "tinh thần" và "trực giác". Chúng ta đưa ra "những suy đoán mơ hồ", còn Chân sư DK và các Chân sư khác đưa ra "những gợi ý".

The early part of the next round will see more widespread knowledge and interest in this matter.

Phần đầu của cuộc tuần hoàn kế tiếp sẽ chứng kiến kiến thức và sự quan tâm rộng rãi hơn về vấn đề này.

110. The real study begins at the beginning of the next round—the fifth, when there will be a very strong focus on luminous manas.

110. Việc nghiên cứu thực sự bắt đầu vào đầu cuộc tuần hoàn kế tiếp—cuộc tuần hoàn thứ năm, khi sẽ có một sự tập trung rất mạnh vào manas sáng chói.

111. We recall that text book formulation of the cosmic angle will not emerge until the *latter* part of the fifth round. The more widespread knowledge and interest mentioned here refers to intra-systemic relations; the developments at the end of the fifth round refer to a scientific approach to cosmic relations.

111. Chúng ta nhớ rằng sự hình thành giáo trình của góc độ vũ trụ sẽ không xuất hiện cho đến phần *sau* của cuộc tuần hoàn thứ năm. Kiến thức và sự quan tâm rộng rãi hơn được nhắc đến ở đây liên quan đến các mối quan hệ nội-hệ; còn những phát triển vào cuối cuộc tuần hoàn thứ năm liên quan đến một cách tiếp cận khoa học đối với các mối quan hệ vũ trụ.

The planetary angle. This point of view concerns itself with the history of the individual scheme, and with the consciousness, and evolution of some particular Heavenly Man.

Góc độ hành tinh. Quan điểm này quan tâm đến lịch sử của hệ hành tinh cá biệt, và đến tâm thức cùng sự tiến hoá của một Đấng Thiên Nhân đặc thù nào đó.

112. Even this focus (of much reduced scope compared to the cosmic and systemic angles) is beyond our capacity to cognize.

112. Ngay cả trọng tâm này (đã thu hẹp rất nhiều so với các góc độ vũ trụ và hệ thống) cũng vượt quá khả năng nhận biết của chúng ta.

The student in studying along these lines must endeavour to get some grasp of the scheme as a unit, as a body corporate with

Khi nghiên cứu theo những đường hướng này, đạo sinh phải cố gắng nắm được phần nào hệ hành tinh như một đơn vị, như một

its seven centres and forty-nine globes, and with the triangle formed between them.

cơ thể hợp nhất với bảy trung tâm và bốn mươi chín bầu hành tinh, cùng với tam giác được hình thành giữa chúng.

113. We are give three different ways to study the planetary scheme:

113. Chúng ta được cho ba cách khác nhau để nghiên cứu hệ hành tinh:

a. The scheme as a unit

a. Hệ hành tinh như một đơn vị

b. The scheme as a body corporate with seven centers and forty-nine globes

b. Hệ hành tinh như một cơ thể hợp nhất với bảy trung tâm và bốn mươi chín bầu hành tinh

c. The triangles formed between globes (and presumably between chains).

c. Các tam giác được hình thành giữa các bầu hành tinh (và có lẽ giữa các dãy).

Separate chains are either

Các dãy riêng biệt hoặc là

114. We are now focussing at the chain level and from the planetary angle.

114. Giờ đây chúng ta đang tập trung ở cấp độ dãy và từ góc độ hành tinh.

[Separate chains are—] The object of planetary stimulation,

[Separate chains are—] Đối tượng của sự kích thích hành tinh,

115. A Planetary Logos may stimulate the chains which comprise His body of manifestation.

115. Một Hành Tinh Thượng Đế có thể kích thích các dãy cấu thành thể biểu hiện của Ngài.

116. Our Planetary Logos may also stimulate the chains (and globes) comprising other Planetary Logoi, and this other Planetary Logoi may stimulate the chains (and their globes) of our Planetary Logos.

116. Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta cũng có thể kích thích các dãy (và các bầu hành tinh) cấu thành các Hành Tinh Thượng Đế khác, và các Hành Tinh Thượng Đế khác này có thể kích thích các dãy (và các bầu hành tinh của chúng) của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

[Separate chains are—] The sphere of the incarnation of a planetary Logos,

[Separate chains are—] Khối cầu của sự lâm phàm của một Hành Tinh Thượng Đế,

117. A chain may clearly be the sphere of incarnation of a Planetary Logos, and so may

117. Một dãy rõ ràng có thể là khối cầu lâm phàm của một Hành Tinh Thượng Đế, và một bầu hành tinh cũng có thể như vậy.

a globe. Even expressions *on* a globe may be incarnational foci for a Planetary Logos.

Ngay cả những biểu hiện *trên* một bầu hành tinh cũng có thể là những tiêu điểm lâm phàm đối với một Hành Tinh Thượng Đế.

[Separate chains are—] Emerging into objectivity,

[Separate chains are—] Đang xuất hiện vào tính khách quan,

118. Just like planets, some chains are emerging into objectivity from much more subjective levels.

118. Cũng như các hành tinh, một số dãy đang xuất hiện vào tính khách quan từ những cấp độ chủ quan hơn rất nhiều.

[Page 382]

[Page 382]

[Separate chains are—] Manifesting,

[Separate chains are—] Đang biểu hiện,

119. The second state for a chain in development is the stage in which it is expressing fully in objectivity. It is manifesting.

119. Trạng thái thứ hai của một dãy đang phát triển là giai đoạn trong đó nó đang biểu lộ đầy đủ trong tính khách quan. Nó đang biểu hiện.

[Separate chains are—] Gradually entering into obscurity.

[Separate chains are—] Dần dần đi vào sự che khuất.

120. The third stage is the gradual disappearance of the chain as it moves through obscuration, synthesis, absorption, etc.

120. Giai đoạn thứ ba là sự biến mất dần dần của dãy khi nó đi qua sự che khuất, tổng hợp, hấp thu, v.v.

This point of view is as yet impossible for the average thinker, for it involves an expansion of consciousness unattainable by man.

Quan điểm này hiện nay vẫn bất khả đối với nhà tư tưởng trung bình, vì nó bao hàm một sự mở rộng tâm thức mà con người không thể đạt tới.

121. Modern man cannot observe these processes. The Masters can do so through the investigation of the "Record".

121. Con người hiện đại không thể quan sát những tiến trình này. Các Chân sư có thể làm như vậy qua việc khảo cứu "Biên niên ký".

Nevertheless the endeavour to comprehend serves a useful purpose, for **it sets a goal for man and enables him to enlarge his present concept.**

Tuy nhiên, nỗ lực thấu hiểu vẫn phục vụ một mục đích hữu ích, vì **nó đặt ra một mục tiêu cho con người và giúp y mở rộng quan niệm hiện tại của mình.**

122. This is where we are: we cannot observe but we can endeavour to comprehend. We are in need of a higher more distant goal and an enlarged concept. If these are achieved, much of humanity's presently ignorant behavior will be altered for the better.

122. Đây là chỗ của chúng ta: chúng ta không thể quan sát nhưng có thể nỗ lực thấu hiểu. Chúng ta cần một mục tiêu cao hơn và xa hơn cùng một quan niệm được mở rộng. Nếu đạt được những điều này, phần lớn hành vi hiện nay đầy vô minh của nhân loại sẽ được thay đổi theo hướng tốt hơn.

123. Let us ponder on the value of an "enlarged concept".

123. Chúng ta hãy suy ngẫm về giá trị của một "quan niệm được mở rộng".

The chain angle. This brings the whole idea more within the range of possibility, and has already been indicated to students in Volume II, of the Secret Doctrine.

Góc độ dãy. Điều này đưa toàn bộ ý tưởng vào phạm vi khả hữu hơn, và đã được chỉ ra cho các đạo sinh trong Tập II của *Giáo Lý Bí Nhiệm*.

124. We have descended into the fourth phase—that of the *chain angle.*

124. Chúng ta đã đi xuống giai đoạn thứ tư—giai đoạn của *góc độ dãy.*

125. DK suggests that much of the approach within the *Secret Doctrine* emphasized this angle. If so, we can see how much DK's approach has widened the consideration.

125. Chân sư DK gợi ý rằng phần lớn cách tiếp cận trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* nhấn mạnh góc độ này. Nếu vậy, chúng ta có thể thấy cách tiếp cận của Chân sư DK đã mở rộng sự xem xét đến mức nào.

The student is narrowed down to the contemplation of the seven globes of the chain of which he is a component, though microscopic, part.

Đạo sinh được thu hẹp vào việc chiêm ngưỡng bảy bầu hành tinh của dãy mà y là một phần cấu thành, dù là phần vi mô.

126. Even in relation to the globes of a chain, the human being is microscopic.

126. Ngay cả trong liên hệ với các bầu hành tinh của một dãy, con người cũng là vi mô.

He has for investigation the globes as seen in time, with their mutual interplay;

Y có để khảo cứu các bầu hành tinh như được thấy trong thời gian, cùng với sự tương tác lẫn nhau của chúng;

127. Presumably, it is also possible to see the seven globes from the angle of simultaneity.

127. Có lẽ cũng có thể thấy bảy bầu hành tinh từ góc độ đồng thời tính.

128. Cũng như các Thái dương Thượng đế tương tác lẫn nhau, các hệ hành tinh, các

128. Just as Solar Logoi interplay, so do planetary schemes, planetary chains and the globes of planetary chains.

dãy hành tinh và các bầu hành tinh của các dãy hành tinh cũng như vậy.

he has for study the part each one may be playing in the great cycle of a Heavenly Man.

y có để nghiên cứu phần mà mỗi bầu hành tinh có thể đang đảm nhiệm trong đại chu kỳ của một Đấng Thiên Nhân.

129. This study has not been greatly expanded even in the present text. Only certain globes of our planetary chain are described in terms of their function and interplay with other such globes. The interplay of chains is occasionally discussed. The interplay of schemes is more fully discussed than the interplay of chains as it relates to astrology as well as cosmology.

129. Sự nghiên cứu này chưa được khai triển nhiều ngay cả trong bản văn hiện tại. Chỉ một số bầu hành tinh nhất định của dãy hành tinh chúng ta mới được mô tả theo chức năng của chúng và sự tương tác của chúng với các bầu hành tinh tương tự khác. Sự tương tác của các dãy đôi khi được bàn đến. Sự tương tác của các hệ hành tinh được bàn đến đầy đủ hơn sự tương tác của các dãy vì nó liên hệ đến cả chiêm tinh học lẫn vũ trụ học.

For instance, in the present Earth chain which concerns us the most nearly, the fourth globe is of paramount interest, inasmuch as **it is the physical plane vehicle for a Heavenly Man in dense objective incarnation.**

Chẳng hạn, trong Dãy Địa Cầu hiện tại, là dãy liên hệ gần gũi nhất với chúng ta, bầu hành tinh thứ tư có tầm quan trọng tối thượng, vì **nó là hiện thể cõi hồng trần cho một Đấng Thiên Nhân đang lâm phàm khách quan đậm đặc.**

130. A point which needs much scrutiny. Is the Earth-globe *strictly* the "physical plane vehicle" for a Heavenly Man, or does the Earth-globe have many 'vibrational strata'. The latter point can, I think, be substantiated. It would be, I think, a mistake to regard the each globe as *homogeneous* in nature and as embodying but one vehicle of a Chain-Lord.

130. Đây là một điểm cần được khảo sát rất kỹ. Phải chăng Địa Cầu-bầu hành tinh *thực sự* là "hiện thể cõi hồng trần" cho một Đấng Thiên Nhân, hay Địa Cầu-bầu hành tinh có nhiều 'tầng rung động'? Tôi nghĩ điểm sau có thể được chứng minh. Tôi nghĩ sẽ là một sai lầm nếu xem mỗi bầu hành tinh là *đồng nhất* về bản chất và chỉ thể hiện một hiện thể của một Chúa Tể Dãy.

131. Therefore, we must understand exactly what is meant by "physical plane vehicle". It might be wise to consider the fourth globe as the only globe in the Earth-scheme which *possesses* a physical plane vehicle. Yet there

131. Do đó, chúng ta phải hiểu chính xác điều được hàm ý bởi "hiện thể cõi hồng trần". Có lẽ nên xem bầu hành tinh thứ tư là bầu hành tinh duy nhất trong hệ hành tinh Địa Cầu *sở hữu* một hiện thể cõi hồng trần. Tuy nhiên, dường như bầu hành tinh thứ tư

appears to be much more to the fourth globe than its physicality!

còn nhiều hơn tính hồng trần của nó rất nhiều!

Yet it must not be forgotten that, though manifesting thus objectively, He embodies in totality the chain and the scheme.

Tuy vậy, không được quên rằng, dù **biểu hiện** một cách khách quan như thế, Ngài **thể hiện** trong toàn thể dãy và hệ hành tinh.

132. Is there a contrast between objective manifestation and embodiment? Is the term "incarnation" to be contrasted with "embodiment"? The chains and the scheme are considered embodiments of our Planetary Logos. Objective manifestation is more concrete and, it seems, rare within the planetary scheme, occurring in only through one globe.

132. Có phải có sự tương phản giữa biểu hiện khách quan và thể hiện chăng? Có nên đối chiếu thuật ngữ "lâm phàm" với "thể hiện" chăng? Các dãy và hệ hành tinh được xem là những thể hiện của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta. Biểu hiện khách quan thì cụ thể hơn và dường như hiếm có trong hệ hành tinh, chỉ xảy ra qua một bầu hành tinh mà thôi.

The idea may be clarified for the student if it is stated that:

Ý tưởng này có thể được làm sáng tỏ cho đạo sinh nếu nói rằng:

A scheme, in its totality, corresponds to the Monad, or to the monadic auric egg, **in connection with a human being and his forty-nine cycles.**

Một hệ hành tinh, trong toàn thể của nó, tương ứng với chân thần, hay với noãn hào quang chân thần, **liên hệ với một con người và bốn mươi chín chu kỳ của y.**

133. A planetary scheme is the enduring factor in the expression of a Planetary Logos.

133. Một hệ hành tinh là yếu tố trường tồn trong sự biểu lộ của một Hành Tinh Thượng Đế.

134. In all the cyclic computations regarding the number of expressions of a human being, the number forty-nine should be remembered.

134. Trong mọi tính toán chu kỳ liên quan đến số lượng biểu lộ của một con người, nên ghi nhớ con số bốn mươi chín.

135. If, for a human being, there are seven major soul cycles and three minor ones, can we think that each chain will have seven major soul cycles? Perhaps there is one such soul-cycle correlated with each chain in a planetary scheme.

135. Nếu đối với một con người có bảy chu kỳ linh hồn chính và ba chu kỳ phụ, liệu chúng ta có thể nghĩ rằng mỗi dãy sẽ có bảy chu kỳ linh hồn chính không? Có lẽ có một chu kỳ linh hồn như thế tương ứng với mỗi dãy trong một hệ hành tinh.

136. Of course, what is a soul? It is not only that which came to birth through individualization.

136. Dĩ nhiên, linh hồn là gì? Nó không chỉ là cái đã sinh ra qua biệt ngã hóa.

A chain,[37] in its totality corresponds to the body egoic of a human being, to the **causal body with its seven great** [Page 383] **cycles** mentioned elsewhere in these pages, and hinted at in certain occult books. (cf. TCF 304)

*Một dãy,*37 trong toàn thể của nó tương ứng với thể chân ngã của một con người, với **thể nguyên nhân cùng bảy chu kỳ lớn** [Page 383] **của nó** được nhắc đến ở nơi khác trong những trang này, và được ám chỉ trong một số sách huyền bí. (xem TCF 304)

137. The chain is subsidiary to the scheme. The Monad expresses through cycles of ones and threes, and the soul (or causal body) through sevens and threes.

137. Dãy là phụ thuộc vào hệ hành tinh. Chân thần biểu lộ qua các chu kỳ của một và ba, còn linh hồn (hay thể nguyên nhân) thì qua bảy và ba.

138. We have to determine the rigor of the analogy here offered; is it close or loose?

138. Chúng ta phải xác định mức độ chặt chẽ của phép loại suy được nêu ra ở đây; nó gần hay lỏng?

[37]: Chain—a series of seven globes or worlds which form the field of evolution during the planetary cycle or manvantara.

37: Dãy — một chuỗi bảy bầu hành tinh hay thế giới tạo thành trường tiến hoá trong chu kỳ hành tinh hay giai kỳ sinh hóa.

139. A "planetary cycle" or "manvantara" is a *round.*

139. Một "chu kỳ hành tinh" hay "giai kỳ sinh hóa" là một *cuộc tuần hoàn.*

The first three of these globes—generally known as A., B. and C. form a descending arc, the densest physical matter of the descent being reached in the fourth globe, D, of which our earth is an instance.

Ba bầu hành tinh đầu tiên trong số này — thường được biết là A., B. và C. — tạo thành một cung đi xuống, vật chất hồng trần đậm đặc nhất của sự đi xuống đạt tới ở bầu hành tinh thứ tư, D, mà Trái Đất chúng ta là một thí dụ.

140. Note that in this description it is not stated that the fourth globe is compose of *only* the densest physical matter.

140. Lưu ý rằng trong mô tả này không hề nói bầu hành tinh thứ tư được cấu thành bởi *chỉ* vật chất hồng trần đậm đặc nhất.

The fifth globe, E, on the ascending arc (correspondence to C on the descending arc) usually belongs to the astral plane, and the sixth and seventh F and G (correspondence

Bầu hành tinh thứ năm, E, trên cung đi lên (tương ứng với C trên cung đi xuống) thường thuộc về cõi cảm dục, và bầu hành tinh thứ sáu và thứ bảy F và G (tương ứng với B và A

to B and A on the descending arc) to the Rupa and Arupa levels of the mental plane; these therefore are invisible to ordinary sight.

trên cung đi xuống) thuộc về các cấp độ Rupa và Arupa của cõi trí; vì thế chúng vô hình đối với thị giác thông thường.

141. This is one way of representing the globes and we cannot know whether it is fully accurate. From the description, it would seem that globe "E" is composed *only* of astral matter and globe "F" and "G" only of matter of the lower mental plane and higher mental plane respectively. This is, I believe, an overly simplistic way of understanding the constitution of these globes.

141. Đây là một cách biểu thị các bầu hành tinh và chúng ta không thể biết liệu nó có hoàn toàn chính xác hay không. Từ mô tả này, dường như bầu hành tinh "E" được cấu thành *chỉ* bởi vật chất cảm dục và bầu hành tinh "F" và "G" chỉ bởi vật chất của cõi hạ trí và Cõi thượng trí tương ứng. Tôi tin rằng đây là một cách quá đơn giản để hiểu cấu tạo của các bầu hành tinh này.

142. For one thing, Sanat Kumara could not have come to the Venus globe of the Earth chain if it were composed only of lower mental matter, nor to the Earth-globe if it were composed only of physical plane matter.

142. Trước hết, Đức Sanat Kumara không thể đã đến bầu hành tinh Kim Tinh của Dãy Địa Cầu nếu nó được cấu thành chỉ bởi vật chất hạ trí, cũng không thể đến Địa Cầu-bầu hành tinh nếu nó được cấu thành chỉ bởi vật chất cõi hồng trần.

143. Shamballa is 'located' on our globe as are the Buddhas of Activity Who dwell within Shamballa. The globe focus of these three Buddhas is clearly stated (cf. TCF 873); needless to say, this would be impossible if our fourth globe were *strictly* a dense physical globe.

143. Shamballa được 'định vị' trên bầu hành tinh của chúng ta cũng như các Đức Phật Hoạt Động cư ngụ trong Shamballa. Tiêu điểm bầu hành tinh của ba Đức Phật này được nêu rõ (xem TCF 873); không cần phải nói, điều này sẽ là bất khả nếu bầu hành tinh thứ tư của chúng ta *thực sự* là một bầu hành tinh hồng trần đậm đặc.

A globe, with its seven races corresponds to a particular series of incarnations in connection with a man, incarnate or discarnate, **for all globes are not on physical levels.**

Một bầu hành tinh, với bảy nhân loại của nó, tương ứng với một chuỗi lâm phàm đặc thù liên hệ với một con người, đang lâm phàm hay không lâm phàm, **vì không phải mọi bầu hành tinh đều ở trên các cấp độ hồng trần.**

144. It seems that DK is saying that the seven root races on a globe correspond to embodiments or incarnations of a Planetary Logos. If this is so, the embodiments/ incarnations are relatively tiny in scope, compared with an entire globe

144. Dường như Chân sư DK đang nói rằng bảy giống dân gốc trên một bầu hành tinh tương ứng với các sự thể hiện hay lâm phàm của một Hành Tinh Thượng Đế. Nếu đúng như vậy, thì các sự thể hiện/lâm phàm ấy tương đối rất nhỏ về phạm vi so với toàn bộ

embodiment/incarnation, or a chain embodiment/incarnation.

145. Or, on the other hand, reading this section from a slightly different angle, DK could be saying that the seven globes correspond to a "particular series of incarnations". DK's wording, as always, must be watched closely.

146. It also seems that a man can take different kinds of non-physical incarnations (or expressions) on different kinds of globes. Globes which are not on physical levels are home to man in a type of expression which is not physical.

147. Does man have a "series of incarnations", only some of which are physical? It begins to seem so. Below is a reference in which DK speaks of "astral incarnations".

As yet, owing to the small point of development of the average man, the astral incarnations or cycles count for little, but they are by no means to be discounted, and are oft relatively of more importance than the physical. (TCF 304)

148. Could such incarnations occur on globes *other* than our own? This must be investigated. It would seem that our globe certainly has an astral plane, and as a result, could be 'home' to astral incarnations of a human being.

149. If it were not the case that our globe has many subtler strata, including the astral, then every time a human being died, he

một sự thể hiện/lâm phàm của bầu hành tinh, hay của dãy.

145. Hoặc ngược lại, khi đọc đoạn này từ một góc độ hơi khác, Chân sư DK có thể đang nói rằng bảy bầu hành tinh tương ứng với một "chuỗi lâm phàm" đặc thù. Cách dùng từ của Chân sư DK, như mọi khi, phải được theo dõi kỹ lưỡng.

146. Cũng dường như một con người có thể đảm nhận những loại lâm phàm phi hồng trần khác nhau trên những loại bầu hành tinh khác nhau. Những bầu hành tinh không ở trên các cấp độ hồng trần là nơi cư ngụ của con người trong một loại biểu lộ không hồng trần.

147. Phải chăng con người có một "chuỗi lâm phàm", trong đó chỉ một số là hồng trần? Điều này bắt đầu có vẻ là như vậy. Dưới đây là một dẫn chiếu trong đó Chân sư DK nói về "các lâm phàm cảm dục".

Cho đến nay, do điểm phát triển còn thấp của con người trung bình, các lâm phàm cảm dục hay các chu kỳ ấy ít được kể đến, nhưng tuyệt nhiên không thể xem nhẹ, và thường tương đối quan trọng hơn lâm phàm hồng trần. (TCF 304)

148. Liệu những lâm phàm như thế có thể xảy ra trên các bầu hành tinh *khác* ngoài bầu hành tinh của chúng ta không? Điều này phải được khảo cứu. Dường như bầu hành tinh của chúng ta chắc chắn có cõi cảm dục, và do đó có thể là 'nơi cư ngụ' cho các lâm phàm cảm dục của một con người.

149. Nếu không phải trường hợp bầu hành tinh của chúng ta có nhiều tầng tinh tế hơn, kể cả tầng cảm dục, thì mỗi lần một con người chết, y sẽ rời bầu hành tinh này để

would depart from this globe for another. Such a conception seems unwarranted.

sang một bầu hành tinh khác. Một quan niệm như thế dường như không có cơ sở.

A physical globe, in a chain corresponds to a particular physical incarnation of a man.

Một bầu hành tinh hồng trần, trong một dãy tương ứng với một lâm phàm hồng trần đặc thù của một con người.

150. We remember that while a man is having a physical incarnation, he is also possessed of all his other vehicles, as far as we can see, ***on this globe***.

150. Chúng ta nhớ rằng trong khi một con người đang có một lâm phàm hồng trần, y cũng đồng thời sở hữu tất cả các hiện thể khác của mình, theo như chúng ta có thể thấy, ***trên bầu hành tinh này***.

151. If we do not wish to say this, we would have to say that whenever a man dies, he leaves this globe and only comes back to it when he incarnates. That would mean 'a lot of coming and going' and would be, I think, against the Law of Economy.

151. Nếu chúng ta không muốn nói như vậy, thì sẽ phải nói rằng mỗi khi một con người chết, y rời bầu hành tinh này và chỉ trở lại khi y nhập thể. Điều đó sẽ có nghĩa là 'rất nhiều đi và đến' và, tôi nghĩ, sẽ trái với Định luật Tiết Kiệm.

152. Further, It does not make sense to call two globes the astral body of the Chain Lord, two others the lower mental plane, and two others still, the higher mental body.

152. Hơn nữa, điều đó không hợp lý khi gọi hai bầu hành tinh là thể cảm dục của Chúa Tể Dãy, hai bầu hành tinh khác là cõi hạ trí, và hai bầu hành tinh khác nữa là thể thượng trí.

153. If this were the case Sanat Kumara would not have come *from* Globe 2. (of the Earth-chain) to Globe 4. (of the Earth-chain), but would, simultaneously, have to be incarnated on *both* of them (in fact, on *all* of them), for we cannot say that He is incarnated on the etheric-physical level without being incarnated on the astral, mental and higher mental levels. There would be a strange discontinuity.

153. Nếu đúng như vậy thì Đức Sanat Kumara đã không đến *từ* Bầu hành tinh 2. (của Dãy Địa Cầu) đến Bầu hành tinh 4. (của Dãy Địa Cầu), mà đồng thời phải lâm phàm trên *cả hai* bầu hành tinh ấy (thật ra là trên *tất cả* chúng), vì chúng ta không thể nói rằng Ngài lâm phàm trên cấp độ dĩ thái-hồng trần mà không lâm phàm trên các cấp độ cảm dục, trí tuệ và thượng trí. Sẽ có một sự gián đoạn kỳ lạ.

154. It seems correct to say that He is incarnated presently on the fourth globe, but *not only* on the lower or physical levels of the fourth globe, but has established Himself upon its higher ethers—the realm of the spiritual triad and the Monad. Yet, on

154. Có vẻ đúng khi nói rằng hiện nay Ngài đang lâm phàm trên bầu hành tinh thứ tư, nhưng *không chỉ* trên các cấp độ thấp hay hồng trần của bầu hành tinh thứ tư, mà còn đã an lập chính Ngài trên các dĩ thái cao hơn của nó — lĩnh vực của Tam Nguyên Tinh

our chain, the Earth-chain, theosophy does not propose atmic, monadic or logoic globes. In fact, in the theosophical footnote above, the globes seem to go no higher than the higher mental plane (Globe "G.").

Thần và chân thần. Tuy nhiên, trên dãy của chúng ta, Dãy Địa Cầu, Thông Thiên Học không đề xuất các bầu hành tinh atma, chân thần hay logoic. Thật vậy, trong chú thích Thông Thiên Học ở trên, các bầu hành tinh dường như không vượt quá Cõi thượng trí (Bầu hành tinh "G.").

155. If the fourth globe were *physical only*, then Sanat Kumara could not be completely incarnated upon it, or else His higher principles would have to be expressing through *other* globes—not alone the Earth-globe. Yet He is not said to be incarnated on other globes (focally) at this time.

155. Nếu bầu hành tinh thứ tư *chỉ là hồng trần*, thì Đức Sanat Kumara không thể hoàn toàn lâm phàm trên đó, hoặc các nguyên khí cao hơn của Ngài sẽ phải biểu lộ qua các bầu hành tinh *khác* — chứ không riêng Địa Cầu-bầu hành tinh. Tuy nhiên, hiện nay Ngài không được nói là đang lâm phàm trên các bầu hành tinh khác (một cách tiêu điểm).

156. The matter is intricate, full of many blinds and pitfalls. It is clear that the elucidation of the true nature of schemes, chains and globes belongs to the *secrets of initiation*, and probably of more than one initiation.

156. Vấn đề này phức tạp, đầy những màn che và cạm bẫy. Rõ ràng việc làm sáng tỏ bản chất chân thực của các hệ hành tinh, các dãy và các bầu hành tinh thuộc về *các bí mật của điểm đạo*, và có lẽ của hơn một lần điểm đạo.

The planetary Logos **takes physical form in His planet** and is its life and works out His purposes.

Hành Tinh Thượng Đế **mang lấy hình tướng hồng trần trong hành tinh của Ngài** và là sự sống của nó, đồng thời thực hiện các mục đích của Ngài.

157. So much depends on what we mean by "physical form". If ethereality is, essentially, *physicality*, then that physical form (the *real* physical form) could even exist on the cosmic ethers—*on our globe.*

157. Quá nhiều điều tùy thuộc vào điều chúng ta muốn nói bởi "hình tướng hồng trần". Nếu tính dĩ thái, về bản chất, là *tính hồng trần*, thì hình tướng hồng trần ấy (hình tướng hồng trần *thực* sự) thậm chí có thể tồn tại trên các dĩ thái vũ trụ — *trên bầu hành tinh của chúng ta.*

A root-race, simply is analogous to the "seven parts" (as Shakespeare phrases it) as played by the midget, man.

Một giống dân gốc, đơn giản là tương tự với "bảy phần" (như Shakespeare nói) do con người tí hon đảm diễn.

158. HPB calls us “pygmies” and DK uses the term “midget”. Our sense of proportion is heightened.

158. HPB gọi chúng ta là “những người lùn”, và Chân sư DK dùng từ “tí hon”. Ý thức về tỉ lệ của chúng ta được nâng cao.

159. The seven root races are as the “ages of man”.

159. Bảy giống dân gốc giống như “các thời đại của con người”.

In a root-race a Heavenly Man is simply living out His life, working through some experience in the great work of developing **buddhi or corporate action**, (for buddhi is the unifying principle of groups)

Trong một giống dân gốc, một Đấng Thiên Nhân chỉ đơn giản đang sống trọn đời sống của Ngài, đang trải qua một kinh nghiệm nào đó trong đại công trình phát triển **Bồ đề hay hành động tập thể**, (vì Bồ đề là nguyên khí hợp nhất của các nhóm)

160. An excellent and practical definition of buddhi.

160. Đây là một định nghĩa tuyệt vời và thực tiễn về Bồ đề.

161. It is significant that a Heavenly Man is in the process of developing “buddhi or corporate action”. He is already a Divine Manasaputra; this relates to his achieved development of manas. His aim is to become fully a Dragon of Wisdom which requires the development of buddhi.

161. Điều có ý nghĩa là một Đấng Thiên Nhân đang trong tiến trình phát triển “Bồ đề hay hành động tập thể”. Ngài đã là một Manasaputra Thiêng liêng; điều này liên hệ đến sự phát triển manas mà Ngài đã đạt được. Mục tiêu của Ngài là trở thành trọn vẹn một Rồng Minh Triết, điều đòi hỏi sự phát triển của Bồ đề.

162. The Heavenly Man is for us the prototype of group relations and group action.

162. Đấng Thiên Nhân đối với chúng ta là nguyên mẫu của các quan hệ nhóm và hành động nhóm.

and, in the process of experiencing and developing, He sweeps into His vibratory capacity all the cells in His body.

và, trong tiến trình trải nghiệm và phát triển, Ngài **cuốn vào năng lực rung động của Ngài tất cả các tế bào trong thể Ngài.**

163. Root races are methods by which the Planetary Logos animates the cells of His body, heightening their vibration.

163. Các giống dân gốc là những phương pháp nhờ đó Hành Tinh Thượng Đế làm sinh động các tế bào trong thân thể của Ngài, nâng cao rung động của chúng.

164. It is significant that through the process of root race development, man is being subjected to the influence of buddhi.

164. Điều có ý nghĩa là qua tiến trình phát triển giống dân gốc, con người đang bị đặt dưới ảnh hưởng của Bồ đề.

In the case of a human being the cells in his body (the material cells) are involutionary lives, **animated by the third Logos**, co-operating with the second Logos. In the case of a planetary Logos, the cells in His body are evolutionary lives (deva and human units) **animated by the life of the second Logos**, co-operating with the first Logos, and utilising the activities of the third Logos for purposes of manifesting.

Trong trường hợp một con người, các tế bào trong thể y (các tế bào vật chất) là những sự sống giáng hạ tiến hoá, **được làm sinh động bởi Thượng đế thứ ba**, hợp tác với Thượng đế thứ hai. Trong trường hợp một Hành Tinh Thượng Đế, các tế bào trong thể Ngài là những sự sống thăng thượng tiến hoá (các đơn vị thiên thần và nhân loại) **được làm sinh động bởi sự sống của Thượng đế thứ hai**, hợp tác với Thượng đế thứ nhất, và sử dụng các hoạt động của Thượng đế thứ ba cho các mục đích biểu hiện.

165. Here we have an illuminating contrast between the cellular nature of a human being and of a Planetary Logos.

165. Ở đây chúng ta có một sự tương phản soi sáng giữa bản chất tế bào của một con người và của một Hành Tinh Thượng Đế.

166. If a Planetary Logos, through seven root races, sweeps the cells of His body into greater vibratory capacity, then we could say of a human being, that during the phases of life through which he lives, he sweeps the involutionary lives, which are his cells, into greater vibratory capacity.

166. Nếu một Hành Tinh Thượng Đế, qua bảy giống dân gốc, cuốn các tế bào trong thể Ngài vào năng lực rung động lớn hơn, thì chúng ta có thể nói về một con người rằng, trong các giai đoạn sống mà y trải qua, y cuốn các sự sống giáng hạ tiến hoá, vốn là các tế bào của y, vào năng lực rung động lớn hơn.

167. The major difference between these two types of cells is the particular Logos which animates them. The cells of a human being are involutionary lives and are *animated* by the *Third* Logos. The cells of a Heavenly Man are evolutionary lives, self-conscious, and are animated by the *Second* Logos.

167. Sự khác biệt chính giữa hai loại tế bào này là Thượng đế đặc thù làm sinh động chúng. Các tế bào của một con người là những sự sống giáng hạ tiến hoá và được *làm sinh động* bởi Thượng đế *Thứ Ba*. Các tế bào của một Đấng Thiên Nhân là những sự sống thăng thượng tiến hoá, có ngã thức, và được làm sinh động bởi Thượng đế *Thứ Hai*.

168. This is another way of saying that the *soul of matter* is correlated with the Third Logos and the *soul of humanity and of the*

168. Đây là một cách khác để nói rằng *linh hồn của vật chất* tương ứng với Thượng đế Thứ Ba và *linh hồn của nhân loại và của các*

advanced members of the deva kingdom is correlated with the Second Logos.

thành viên tiến bộ của giới thiên thần tương ứng với Thượng đế Thứ Hai.

Having pointed out these things, the place the Earth chain and globe play in the evolution of the planetary Logos of the Earth scheme should be clearer to the student.

Sau khi đã chỉ ra những điều này, vị trí mà Dãy Địa Cầu và bầu hành tinh Địa Cầu đảm nhiệm trong sự tiến hoá của Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh Địa Cầu hẳn phải rõ ràng hơn đối với đạo sinh.

169. All chains and globes play a part in the evolution of that Planetary Logos within whom they are constituent parts.

169. Mọi dãy và mọi bầu hành tinh đều đóng một vai trò trong sự tiến hoá của Hành Tinh Thượng Đế mà trong Ngài chúng là những phần cấu thành.

The wheel turns, and in its turning sweeps into objectivity one of its seven globes, **or brings into manifestation on the physical plane that great Entity Whose life animates the whole scheme.**

Bánh xe quay, và trong sự quay của nó cuốn vào tính khách quan một trong bảy bầu hành tinh của nó, **hay đưa vào biểu hiện trên cõi hồng trần Thực Thể vĩ đại mà sự sống của Ngài làm sinh động toàn bộ hệ hành tinh ấy.**

170. The meaning of "the wheel turns" is, effectively, 'cycles progress'.

170. Ý nghĩa của "bánh xe quay" thực chất là 'các chu kỳ tiến triển'.

171. DK speaks of the incarnational cycle of a Chain Lord (through its constituent globes) and of a Planetary Logos.

171. Chân sư DK nói về chu kỳ lâm phàm của một Chúa Tể Dãy (qua các bầu hành tinh cấu thành của nó) và của một Hành Tinh Thượng Đế.

172. Globes are wheels; chains are wheels; the entire scheme is a wheel. Wheels turn cyclically according to a specific measure.

172. Các bầu hành tinh là những bánh xe; các dãy là những bánh xe; toàn bộ hệ hành tinh là một bánh xe. Các bánh xe quay theo chu kỳ theo một mức độ xác định.

173. It is clear from what is said here, that the Planetary Logos will be brought into manifestation on the physical plane by the turning of the wheel.

173. Từ điều được nói ở đây, rõ ràng rằng Hành Tinh Thượng Đế sẽ được đưa vào biểu hiện trên cõi hồng trần bởi sự quay của bánh xe.

174. It also seems that as a chain-wheel turns, one of its seven globes is swept into objectivity. Much depends on what is meant by objectivity. Does it mean only physical-

174. Cũng dường như khi một bánh xe-dãy quay, một trong bảy bầu hành tinh của nó được cuốn vào tính khách quan. Nhiều điều tùy thuộc vào điều được hàm ý bởi tính

etheric expression? If so, then only the Earth-chain could have a globe "swept into objectivity", and only the fourth globe of the Earth-chain will ever become objective.

khách quan. Nó có chỉ có nghĩa là biểu lộ hồng trần-dĩ thái không? Nếu vậy, thì chỉ Dãy Địa Cầu mới có thể có một bầu hành tinh "được cuốn vào tính khách quan", và chỉ bầu hành tinh thứ tư của Dãy Địa Cầu mới có thể trở nên khách quan.

175. If the concept of "objectivity" includes the etheric plane, then more globes than the fourth globe of the fourth chain will become objective (or have become so, or are so).

175. Nếu khái niệm "tính khách quan" bao gồm cõi dĩ thái, thì sẽ có nhiều bầu hành tinh hơn bầu hành tinh thứ tư của Dãy Thứ Tư trở nên khách quan (hoặc đã trở nên như vậy, hoặc đang như vậy).

176. When one considers the other schemes, it appears that only in the third, fourth or fifth chains, is globe-objectivity a possibility (if we define objectivity as of an etheric-physical nature).

176. Khi xem xét các hệ hành tinh khác, dường như chỉ trong các dãy thứ ba, thứ tư hay thứ năm thì tính khách quan của bầu hành tinh mới là một khả năng (nếu chúng ta định nghĩa tính khách quan là có bản chất dĩ thái-hồng trần).

It must be borne in mind that just as man is handicapped by his physical body, [Page 384] and finds himself unable to express through it the entire content of his egoic consciousness, so a Heavenly Man, when taking to Himself a dense physical vehicle in any particular chain, is also handicapped, and is unable to express in perfection on the globe the full beauty of His Life or the splendour of His manifesting Consciousness.

Cần ghi nhớ rằng cũng như con người bị hạn chế bởi thể xác của mình, [Page 384] và thấy mình không thể biểu lộ qua nó toàn bộ nội dung của tâm thức chân ngã của mình, thì một Đấng Thiên Nhân cũng vậy, khi mang lấy cho mình một hiện thể hồng trần đậm đặc trong một dãy đặc thù nào đó, Ngài cũng bị hạn chế, và không thể biểu lộ một cách hoàn hảo trên bầu hành tinh vẻ đẹp trọn vẹn của Sự sống Ngài hay sự huy hoàng của Tâm thức đang biểu hiện của Ngài.

177. The analogy is clear: ethero-physicality hampers soul expression.

177. Phép loại suy này rõ ràng: tính dĩ thái-hồng trần cản trở sự biểu lộ của linh hồn.

178. To develop the line of thought which follows, we must be sure that there are such Beings as Chain-Lords and Globe-Lords.

178. Để phát triển mạch tư tưởng tiếp theo, chúng ta phải chắc chắn rằng có những Đấng như các Chúa Tể Dãy và các Chúa Tể Bầu hành tinh.

1. The seven Lords of the globes in every chain. (TCF 533)

1. Bảy Chúa Tể của các bầu hành tinh trong mỗi dãy. (TCF 533)

4. The Lord of a chain.

5. The Lord of a globe. (TCF 648)

179. When thinking of the seven globes of the Earth-chain, and *hypothesizing that each of these globes is multi-layered with planar strata*, it could be that the sum of all astral strata (or vehicles) existent within the seven globes provide *together* the astral body of the Chain Lord. The same could then be said of the sum of the mental strata, higher mental strata, and so forth.

180. The method of fusing the various planar strata of the globes of all seven chains in a planetary scheme so as to produce *one* inclusive etheric body, *one* inclusive astral body, *one* inclusive mental body, *one* inclusive higher mental body, *one* inclusive buddhic vehicle, etc. for a Planetary Logos (considered in His entirety), must be a most complicated and intricate process.

181. The mental body, for instance, of any particular globe must be considered a 'loka' within the entirety of the mental body of the Planetary Logos. And thus it would be with the etheric body, the astral body, the higher mental body, etc. There would be many 'vibrationally distinct lokas' within a particular vehicle of the Planetary Logos.

182. Thus globes are as 'lokas', and chains are as 'greater lokas' within the major vehicles of a Heavenly Man.

183. The distinction of the lokas would be determined—

a. Vibrationally

4. Chúa Tể của một dãy.

5. Chúa Tể của một bầu hành tinh. (TCF 648)

179. Khi suy nghĩ về bảy bầu hành tinh của Dãy Địa Cầu, và *giả định rằng mỗi bầu hành tinh này đều có nhiều lớp với các tầng cõi*, thì có thể tổng số mọi tầng cảm dục (hay hiện thể) hiện hữu trong bảy bầu hành tinh *cùng nhau* tạo nên thể cảm dục của Chúa Tể Dãy. Điều tương tự cũng có thể được nói về tổng số các tầng trí tuệ, các tầng thượng trí, v.v.

180. Phương pháp dung hợp các tầng cõi khác nhau của các bầu hành tinh thuộc cả bảy dãy trong một hệ hành tinh để tạo ra *một* thể dĩ thái bao gồm, *một* thể cảm dục bao gồm, *một* thể trí bao gồm, *một* thể thượng trí bao gồm, *một* hiện thể Bồ đề bao gồm, v.v. cho một Hành Tinh Thượng Đế (được xét trong toàn thể của Ngài), hẳn phải là một tiến trình cực kỳ phức tạp và tinh vi.

181. Chẳng hạn, thể trí của bất kỳ bầu hành tinh đặc thù nào phải được xem là một 'loka' trong toàn bộ thể trí của Hành Tinh Thượng Đế. Và điều đó cũng sẽ đúng với thể dĩ thái, thể cảm dục, thể thượng trí, v.v. Sẽ có nhiều 'loka phân biệt về rung động' trong một hiện thể đặc thù của Hành Tinh Thượng Đế.

182. Như vậy các bầu hành tinh giống như các 'loka', và các dãy giống như các 'loka lớn hơn' trong các hiện thể chính của một Đấng Thiên Nhân.

183. Sự phân biệt của các loka sẽ được xác định —

a. Bằng rung động

b. By polarity

184. Many lokas would be found in one greater planetary logoic sphere of a particular type of matter. For instance, there would be many distinct lokas within the entirety of the planetary logoic astral body, and so forth.

185. In thinking about the Chain-Lords and Regents of Globes, we cannot imagine that a Chain Lord does *not* have a Monad, a spiritual triad, a causal body and lower vehicles. It is as if *all* Chain Lords (in a given planetary scheme, for instance) originate on a similar monadic level (on whatever cosmic plane), but *descend to different depths of immersion*. They are differentiated more by the lower plane vehicles they possess or do not possess than by their higher vehicles which, it would seem of necessity, they must *all* possess! This is potentially a very important point and requires pondering.

186. As there are Globe Lords (Regents of Globes), too, and as these Lords are high Beings (presumably on the Path of the Planetary Logoi—Path Three), there is no way They could be confined to a globe made of only one type of vibrational substance (for instance physical or astral) and They must, of necessity, have higher vehicles and principles.

187. If Chain Lords and Globe Lords have all the higher principles and spheres of expression for these principles, this tells us that such principles and spheres are expression are found within each globe—even the relatively dense ones.

b. Bằng sự phân cực

184. Nhiều loka sẽ được tìm thấy trong một khối cầu logoic hành tinh lớn hơn của một loại vật chất đặc thù. Chẳng hạn, sẽ có nhiều loka riêng biệt trong toàn bộ thể cảm dục logoic hành tinh, v.v.

185. Khi suy nghĩ về các Chúa Tể Dãy và các Nhiếp Chính của các Bầu hành tinh, chúng ta không thể tưởng tượng rằng một Chúa Tể Dãy lại *không* có một chân thần, một Tam Nguyên Tinh Thần, một thể nguyên nhân và các hiện thể thấp. Dường như *mọi* Chúa Tể Dãy (chẳng hạn trong một hệ hành tinh nhất định) đều khởi nguyên trên một cấp độ chân thần tương tự (trên bất cứ cõi vũ trụ nào), nhưng *giáng xuống những độ sâu nhập vào khác nhau*. Các Ngài được phân biệt với nhau nhiều hơn bởi những hiện thể cõi thấp mà các Ngài có hay không có, hơn là bởi các hiện thể cao hơn mà dường như theo tất yếu các Ngài phải *đều* có! Đây có thể là một điểm rất quan trọng và cần được suy ngẫm.

186. Vì cũng có các Chúa Tể Bầu hành tinh (các Nhiếp Chính của các Bầu hành tinh), và vì các Chúa Tể này là những Đấng cao cả (có lẽ ở trên Con đường của các Hành Tinh Thượng Đế — Con đường Ba), nên không thể nào Các Ngài bị giới hạn trong một bầu hành tinh chỉ được tạo thành bởi một loại chất liệu rung động duy nhất (chẳng hạn hồng trần hay cảm dục), và theo tất yếu Các Ngài phải có các hiện thể và nguyên khí cao hơn.

187. Nếu các Chúa Tể Dãy và các Chúa Tể Bầu hành tinh có đủ mọi nguyên khí cao hơn và các khối cầu biểu lộ cho các nguyên khí ấy, thì điều này cho chúng ta biết rằng những nguyên khí và khối cầu biểu lộ như thế được

tìm thấy trong mỗi bầu hành tinh — ngay cả những bầu hành tinh tương đối đậm đặc.

188. What this all leads to is *the hypothesis that a globe is named for its lowest vibrational sphere and not for its highest vibrational spheres*, as all Globe Lords and all Chain Lords share high vibrational spheres leading up to Their Monads (wherever those Monads may be placed).

188. Điều mà tất cả những điều này dẫn đến là *giả thuyết rằng một bầu hành tinh được gọi tên theo khối cầu rung động thấp nhất của nó chứ không phải theo các khối cầu rung động cao nhất của nó*, vì mọi Chúa Tể Bầu hành tinh và mọi Chúa Tể Dãy đều chia sẻ các khối cầu rung động cao dẫn lên tới các chân thần của Các Ngài (dù những chân thần ấy được đặt ở đâu).

189. The following section has been much quoted throughout these Commentaries and is of immense interpretive value.

189. Đoạn sau đây đã được trích dẫn nhiều lần trong suốt các bộ Cổ Luận này và có giá trị diễn giải vô cùng lớn.

It might here be stated in connection with the planetary Logos of our scheme that:

Ở đây có thể nói liên hệ với Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh chúng ta rằng:

a. He is in physical incarnation.

a. Ngài đang lâm phàm hồng trần.

190. This means that our Planetary Logos is focussed attentively through His fourth globe.

190. Điều này có nghĩa là Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang tập chú một cách chú tâm qua bầu hành tinh thứ tư của Ngài.

b. He is midway through His career upon the cosmic Path of Initiation, and consequently is to take the fourth Initiation in this chain.

b. Ngài đang ở giữa chặng đường sự nghiệp của Ngài trên Con Đường Điểm Đạo vũ trụ và do đó sẽ nhận lần điểm đạo thứ tư trong dãy này.

191. We note that the Planetary Logos is taking the fourth initiation "in this chain". There may be a particular locale *in* this chain, *through* which the Planetary Logos takes the initiation.

191. Chúng ta lưu ý rằng Hành Tinh Thượng Đế đang nhận lần điểm đạo thứ tư "trong dãy này". Có thể có một địa điểm đặc thù *trong* dãy này, *qua* đó Hành Tinh Thượng Đế nhận điểm đạo.

192. The fourth initiation (or fourth planetary logoic initiation through a chain) is the midway point of the "cosmic Path of Initiation" for the Planetary Logos.

192. Lần điểm đạo thứ tư (hay lần điểm đạo logoic hành tinh thứ tư qua một dãy) là Điểm ở giữa của "Con Đường Điểm Đạo vũ trụ" đối với Hành Tinh Thượng Đế.

193. As shown above, a Planetary Logos takes one major initiation (though not necessarily a cosmic initiation) on every one of His seven objective chains.

193. Như đã trình bày ở trên, một Hành Tinh Thượng Đế nhận một lần điểm đạo lớn (dù không nhất thiết là một điểm đạo vũ trụ) trên mỗi một trong bảy dãy khách quan của Ngài.

The fact, therefore, **that in each chain the planetary Logos takes a different initiation,** affecting different centres; and so bringing into manifestation different lesser entities. (TCF 380)

Do đó, sự kiện **rằng trong mỗi dãy Hành Tinh Thượng Đế nhận một điểm đạo khác nhau,** tác động đến các trung tâm khác nhau; và như thế đưa vào biểu hiện những thực thể nhỏ hơn khác nhau. (TCF 380)

194. The imminent initiation to be taken on this chain is not a cosmic initiation, though He *may* later take a cosmic initiation through this chain (in its fifth round).

194. Điểm đạo sắp được nhận trên dãy này không phải là một điểm đạo vũ trụ, dù sau này Ngài *có thể* nhận một điểm đạo vũ trụ qua dãy này (trong cuộc tuần hoàn thứ năm của nó).

195. Again, the subject referring to initiatic planetary lore is greatly blinded.

195. Một lần nữa, chủ đề liên quan đến tri thức hành tinh về điểm đạo bị che mờ rất nhiều.

Well may this globe, therefore, be considered **the globe of sorrow and of pain,** for **through it our planetary Logos is undergoing that which the mystic calls "the Crucifixion."**

Vì vậy, bầu hành tinh này hoàn toàn có thể được xem là **bầu hành tinh của sầu khổ và đau đớn,** vì **qua nó Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang trải qua điều mà nhà thần bí gọi là "Sự Đóng Đinh".**

196. It is evident that the fourth globe is directly related to the fourth chain, and that whatever transpires within the fourth chain is felt particularly within the fourth globe. They are resonantly related.

196. Hiển nhiên bầu hành tinh thứ tư liên hệ trực tiếp với dãy thứ tư, và bất cứ điều gì xảy ra trong dãy thứ tư đều được cảm nhận đặc biệt trong bầu hành tinh thứ tư. Chúng liên hệ cộng hưởng với nhau.

197. Suffering (and its overcoming) necessitates an astral body, as well as a mental and buddhic vehicle.

197. Đau khổ (và sự vượt thắng nó) đòi hỏi một thể cảm dục, cũng như một hiện thể trí tuệ và Bồ đề.

198. If our fourth globe were physical-etheric only, it could not be called the "globe of sorrow and of pain", for sorrow and pain

198. Nếu bầu hành tinh thứ tư của chúng ta chỉ là hồng trần-dĩ thái, nó không thể được gọi là "bầu hành tinh của sầu khổ và đau đớn", vì sầu khổ và đau đớn đòi hỏi sự hiện

necessitate the presence of inner vehicles. This must be obvious.

199. The fourth initiation seems to be taken *through* the fourth globe; the chain is the general location of the fourth initiation, and the fourth globe the chain 'locale' *through which* that initiation occurs most focally and is most intensely felt.

200. I do not think we can argue that the Crucifixion is an initiation the major focus of which is physical, otherwise the heart center (related to the buddhic plane) would not be the chakra assigned to that initiation.

c. The cells in His body—**those cells through which He feels, and senses, and experiences,—are, in this world period, rent by pain and suffering,**

201. As we have just studied, those cells are on the evolutionary path. Particularly meant are the human cells, which are members of the *fourth* Creative Hierarchy and the *fourth* kingdom—both resonant to the *fourth* globe and the *fourth* chain.

for His is the consciousness at the centre of the Body, and **theirs is the capacity to suffer,**

202. In one respect we can see that the Planetary Logos is detached from suffering even though He is passing through a kind of fourth initiation.

diện của các hiện thể bên trong. Điều này hẳn phải hiển nhiên.

199. Lần điểm đạo thứ tư dường như được nhận *qua* bầu hành tinh thứ tư; dãy là vị trí tổng quát của lần điểm đạo thứ tư, còn bầu hành tinh thứ tư là 'địa điểm' trong dãy *qua đó* điểm đạo ấy xảy ra một cách tiêu điểm nhất và được cảm nhận mãnh liệt nhất.

200. Tôi không nghĩ chúng ta có thể lập luận rằng Sự Đóng Đinh là một điểm đạo mà tiêu điểm chính của nó là hồng trần, nếu không thì trung tâm tim (liên hệ với cõi Bồ đề) đã không là luân xa được gán cho điểm đạo ấy.

c. Các tế bào trong thể Ngài — **những tế bào qua đó Ngài cảm nhận, tri giác và trải nghiệm, — trong chu kỳ thế giới này, đang bị xé rách bởi đau đớn và khổ đau,**

201. Như chúng ta vừa nghiên cứu, những tế bào ấy ở trên con đường thăng thượng tiến hoá. Đặc biệt được hàm ý là các tế bào nhân loại, là những thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo *thứ tư* và giới *thứ tư* — cả hai đều cộng hưởng với bầu hành tinh *thứ tư* và dãy *thứ tư*.

vì của Ngài là tâm thức ở trung tâm của Thể, còn **của họ là năng lực chịu khổ,**

202. Ở một phương diện, chúng ta có thể thấy rằng Hành Tinh Thượng Đế tách rời khỏi đau khổ dù Ngài đang đi qua một loại lần điểm đạo thứ tư.

203. His passage through this initiation implicates His cells in the process of suffering; they are as if *compelled* to suffer; the process compels it.

203. Việc Ngài đi qua lần điểm đạo này khiến các tế bào của Ngài bị cuốn vào tiến trình đau khổ; dường như chúng bị *cưỡng bách* phải đau khổ; tiến trình ấy cưỡng bách điều đó.

so that by means of them He may learn the meaning of systemic dispassion,

để nhờ chúng mà Ngài có thể học được ý nghĩa của sự vô cảm có tính hệ thống,

204. They suffer; He participates in some mysterious way in their suffering and through this participation becomes dispassionate in a systemic manner. At the moment we have been told that our Planetary Logos is more full of passion than some of His more developed Brothers.

204. Chúng đau khổ; Ngài tham dự theo một cách huyền nhiệm nào đó vào nỗi đau khổ của chúng, và nhờ sự tham dự này mà trở nên vô cảm theo cách có tính hệ thống. Hiện nay, chúng ta được cho biết rằng Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta tràn đầy đam mê hơn một số Huynh Trưởng phát triển hơn của Ngài.

Our planetary Logos is one of the Lords spoken of as being a lesser lord, and more **"full of passion"** than the higher three. Not even yet is His work completed, and deva substance in its various living orders is not yet brought fully under His control. The deva evolution has far to travel. (TCF 673-674)

Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta là một trong các Đấng được nói đến như là một vị chúa tể thấp hơn, và **"tràn đầy đam mê"** hơn ba Đấng cao hơn. Công việc của Ngài thậm chí đến nay vẫn chưa hoàn tất, và chất liệu thiên thần trong các trật tự sự sống khác nhau của nó vẫn chưa được đặt hoàn toàn dưới sự kiểm soát của Ngài. Sự tiến hoá thiên thần còn phải đi một chặng đường rất xa. (TCF 673-674)

205. Many mahamanvantaras ago He learned the meaning of human dispassion, but "systemic dispassion" is another matter.

205. Nhiều Đại giai kỳ sinh hóa trước đây, Ngài đã học được ý nghĩa của sự vô cảm nơi con người, nhưng "sự vô cảm có tính hệ thống" lại là một vấn đề khác.

be dissociated from all forms and material substance, and upon the cross of matter eventually find liberation and the freedom of the Spirit.

tách rời khỏi mọi hình tướng và chất liệu vật chất, và trên thập giá của vật chất cuối cùng tìm thấy sự giải thoát và tự do của tinh thần.

206. Is our Planetary Logos really "on the cross of matter" or is He on the Cardinal Cross—or on that portion of the Cardinal Cross which corresponds systemically and

206. Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta có thực sự "ở trên thập giá của vật chất" hay Ngài ở trên Thập Giá Chủ Yếu—hay trên phần của Thập Giá Chủ Yếu tương ứng một

cosmically with the cross of matter? It may be presumed that the each member of the Trinity of Crosses may be considered threefold, just as the Three Logoi (Brahma, Vishnu and Shiva) are each threefold, and the three tiers of petals are each threefold.

cách có tính hệ thống và vũ trụ với thập giá của vật chất? Có thể giả định rằng mỗi thành viên của Tam Bộ Thập Giá đều có thể được xem là tam phân, cũng như Ba Thượng đế (Brahma, Vishnu và Shiva) mỗi vị đều tam phân, và ba tầng cánh hoa cũng đều tam phân.

207. We have been told that our Planetary Logos is not yet liberated; He is not yet, *cosmically*, a soul-infused personality. He is farther yet from the "freedom of the Spirit".

207. Chúng ta đã được cho biết rằng Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta vẫn chưa được giải thoát; Ngài vẫn chưa, *về mặt vũ trụ*, là một phàm ngã được linh hồn thấm nhuần. Ngài còn cách rất xa "tự do của tinh thần".

208. The Path of Cosmic Initiation will lead Him into the fulfillment of these potentials.

208. Con Đường Điểm Đạo Vũ Trụ sẽ dẫn Ngài đến chỗ hoàn thành các tiềm năng này.

The same equally can be predicated of a solar Logos with the following interesting sequence carefully borne in mind:

Điều tương tự cũng có thể được khẳng định về một Thái dương Thượng đế, với chuỗi diễn tiến thú vị sau đây cần được ghi nhớ cẩn thận:

209. The Solar Logos is also midway through His career on that portion of the Path of Cosmic Initiation He is treading.

209. Thái dương Thượng đế cũng đang ở giữa chặng sự nghiệp của Ngài trên phần của Con Đường Điểm Đạo Vũ Trụ mà Ngài đang bước đi.

210. From what is said here, it would seem that He, too, is in process of taking a kind of Crucifixion Initiation—probably, it would seem, through His fourth scheme, the Earth-scheme.

210. Từ những gì được nói ở đây, dường như Ngài cũng đang trong tiến trình trải qua một loại Điểm Đạo Đóng Đinh—có lẽ, có vẻ như vậy, thông qua hệ hành tinh thứ tư của Ngài, hệ Địa Cầu.

211. The following statements are of great importance and have been referred to many times.

211. Những phát biểu sau đây hết sức quan trọng và đã được nhắc đến nhiều lần.

The solar Logos has for objective nine initiations, the third cosmic Initiation being His goal.

Thái dương Thượng đế có mục tiêu là chín lần điểm đạo, lần điểm đạo vũ trụ thứ ba là đích đến của Ngài.

212. May we assume that the nine initiations will occur through nine

212. Chúng ta có thể giả định rằng chín lần điểm đạo này sẽ diễn ra qua chín hệ hành

planetary schemes? Is He presently focussed upon His fourth initiation in this series of nine, taken through our Earth-scheme? This seems likely.

213. It may be that nine initiations need not elapse before the third cosmic initiation is reached. Rather, it may be that during the course of this incarnation in His second major solar system, nine scheme-initiations will transpire which will be accompanied by the third, fourth and perhaps the fifth *cosmic* initiations (greater than the scheme initiations).

214. This speculative matter must be thought-through carefully. One point of view would see all nine initiations having to elapse before the third cosmic initiation could be taken, but as our Solar Logos is destined to take at least the fourth cosmic initiation in this solar system, that model would require *another* nine or so scheme-initiations to precede the fourth cosmic initiation. In fact, we are told that the Solar Logos may even take the fifth (presumably cosmic) initiation in this solar system. The number of interim initiations in this model, therefore, would seem far too many.

215. It would seem that the initiations that the Solar Logos takes *through* Planetary Logoi are minor for the Solar Logos but major for the Planetary Logos involved. The initiations of a *cosmic kind,* however, would influence the entirety of the solar system (including *all* schemes) and would have, in general, a solar logoic import.

216. We do note the difference between “objective” and “goal”. “Objective” may be

tinh chăng? Hiện nay Ngài có đang tập trung vào lần điểm đạo thứ tư trong chuỗi chín lần này, được thực hiện qua hệ Địa Cầu của chúng ta chăng? Điều này có vẻ hợp lý.

213. Có thể là không cần phải trải qua đủ chín lần điểm đạo trước khi đạt đến lần điểm đạo vũ trụ thứ ba. Đúng hơn, có thể là trong tiến trình của lần lâm phàm này của Ngài trong hệ mặt trời lớn thứ hai, sẽ diễn ra chín lần điểm đạo qua các hệ hành tinh, đi kèm với lần điểm đạo vũ trụ thứ ba, thứ tư và có lẽ thứ năm (cao hơn các lần điểm đạo qua hệ hành tinh).

214. Vấn đề suy đoán này phải được suy xét cẩn thận. Một quan điểm sẽ cho rằng phải trải qua đủ cả chín lần điểm đạo trước khi lần điểm đạo vũ trụ thứ ba có thể được thực hiện, nhưng vì Thái dương Thượng đế của chúng ta được định sẵn sẽ nhận ít nhất lần điểm đạo vũ trụ thứ tư trong hệ mặt trời này, nên mô hình đó sẽ đòi hỏi *thêm* khoảng chín lần điểm đạo qua hệ hành tinh nữa phải đi trước lần điểm đạo vũ trụ thứ tư. Thực ra, chúng ta được cho biết rằng Thái dương Thượng đế thậm chí có thể nhận lần điểm đạo thứ năm (hẳn là vũ trụ) trong hệ mặt trời này. Vì vậy, số lượng các lần điểm đạo trung gian trong mô hình này dường như là quá nhiều.

215. Dường như các lần điểm đạo mà Thái dương Thượng đế nhận *thông qua* các Hành Tinh Thượng Đế là nhỏ đối với Thái dương Thượng đế nhưng lại lớn đối với Hành Tinh Thượng Đế liên hệ. Tuy nhiên, các lần điểm đạo thuộc *loại vũ trụ* sẽ ảnh hưởng đến toàn thể hệ mặt trời (bao gồm *mọi* hệ hành tinh) và nói chung sẽ mang ý nghĩa thuộc thái dương thượng đế.

216. Chúng ta lưu ý sự khác biệt giữa “objective” và “goal”. “Objective” có thể lớn

greater or lesser than “goal”, depending on our point of view.

217. If we consider that nine initiations must transpire before the third cosmic initiation can transpire, then “goal” is greater than “objective”.

218. If we consider that the cosmic initiations occur *during* the span of nine initiations, then the term “objective” seems more long-term, and the term “goal” more immediate.

219. What is the relation between the fourth scheme-initiation through which the Solar Logos is not passing the third cosmic initiation? Although the Solar Logos is passing through the fourth scheme-initiation (almost certainly through our scheme, the Earth-scheme) it is unlikely that He would take the third cosmic initiation while focussing on our scheme. It would seem to require focus through one of the sacred schemes in order for the third cosmic initiation to be taken as it would involve the activation of a level of ‘cosmic soul’ which our Planetary Logos has not yet achieved.

220. Just as our Planetary Logos will take a “major initiation” in the fifth round of the present chain, so the Solar Logos will take a cosmic initiation while involved with one of the schemes. It does not seem that He will be abstracted from a scheme when it comes time to take this initiation, as the fourth *cosmic* initiation awaits Him and necessitates a physical vehicle, just as the fourth initiation of human being does.

hơn hoặc nhỏ hơn “goal”, tùy theo quan điểm của chúng ta.

217. Nếu chúng ta cho rằng phải diễn ra chín lần điểm đạo trước khi lần điểm đạo vũ trụ thứ ba có thể diễn ra, thì “goal” lớn hơn “objective”.

218. Nếu chúng ta cho rằng các lần điểm đạo vũ trụ xảy ra *trong* khoảng thời gian của chín lần điểm đạo, thì thuật ngữ “objective” dường như dài hạn hơn, còn thuật ngữ “goal” thì trực tiếp hơn.

219. Mối liên hệ giữa lần điểm đạo qua hệ hành tinh thứ tư mà qua đó Thái dương Thượng đế không trải qua lần điểm đạo vũ trụ thứ ba là gì? Dù Thái dương Thượng đế đang đi qua lần điểm đạo qua hệ hành tinh thứ tư (gần như chắc chắn qua hệ của chúng ta, hệ Địa Cầu), nhưng khó có khả năng Ngài sẽ nhận lần điểm đạo vũ trụ thứ ba khi đang tập trung vào hệ của chúng ta. Dường như điều đó đòi hỏi phải tập trung qua một trong các hệ thiêng liêng để lần điểm đạo vũ trụ thứ ba có thể được thực hiện, vì nó sẽ bao hàm sự hoạt hóa một cấp độ của ‘linh hồn vũ trụ’ mà Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta chưa đạt được.

220. Cũng như Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta sẽ nhận một “điểm đạo lớn” trong cuộc tuần hoàn thứ năm của dãy hiện tại, thì Thái dương Thượng đế cũng sẽ nhận một lần điểm đạo vũ trụ trong khi đang liên hệ với một trong các hệ hành tinh. Dường như Ngài sẽ không bị rút ra khỏi một hệ hành tinh khi đến lúc nhận lần điểm đạo này, vì lần điểm đạo *vũ trụ* thứ tư đang chờ Ngài và đòi hỏi một vận cụ hồng trần, cũng như lần điểm đạo thứ tư của con người vậy.

221. Tính phức tạp của vấn đề là hiển nhiên, và tất cả những gì chúng ta có thể làm là cố

221. The intricacy of the matter is evident and all we can do is attempt to speculate intelligently about these abstruse matters.

gắng suy đoán một cách thông minh về những vấn đề thâm áo này.

222. Logical speculation of a sufficient intensity leads to the evocation of the intuition. This is one method of building the antahkarana.

222. Sự suy đoán hợp lý với cường độ đủ mạnh dẫn đến việc gợi lên trực giác. Đây là một phương pháp xây dựng antahkarana.

Our planetary Logos has for objective seven initiations, the second cosmic Initiation being His goal.

Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta có mục tiêu là bảy lần điểm đạo, lần điểm đạo vũ trụ thứ hai là đích đến của Ngài.

223. We have a parallel here, and we can treat the terms "objective" and "goal" in manners parallel to their treatment in relation to a Solar Logos.

223. Ở đây chúng ta có một sự song hành, và có thể xử lý các thuật ngữ "objective" và "goal" theo cách song hành với cách xử lý chúng trong liên hệ với một Thái dương Thượng đế.

224. Rather than wait for the Planetary Logos of Earth to experience seven initiations before taking the second cosmic initiation, it is also possible that the second cosmic initiation can occur *while* the Planetary Logos is passing through the series of seven.

224. Thay vì chờ Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất trải qua bảy lần điểm đạo rồi mới nhận lần điểm đạo vũ trụ thứ hai, cũng có thể là lần điểm đạo vũ trụ thứ hai có thể xảy ra *trong khi* Hành Tinh Thượng Đế đang đi qua chuỗi bảy lần ấy.

225. With respect to the Solar Logos, we are told that He will experience the fourth or even fifth (presumably cosmic) initiation while in this solar system.

225. Đối với Thái dương Thượng đế, chúng ta được cho biết rằng Ngài sẽ trải qua lần điểm đạo thứ tư hoặc thậm chí thứ năm (hẳn là vũ trụ) trong khi ở trong hệ mặt trời này.

226. Because He is a *Solar* Logos, the type of cosmic initiations which He will be taking are different from the cosmic initiations of a Planetary Logos. Cosmic initiations are even discussed in relation to a human being, but again, this series of 'human-cosmic initiations' is different from the cosmic initiations which apply to either the Planetary Logos or the Solar Logos.

226. Bởi vì Ngài là một *Thái dương* Thượng đế, nên loại điểm đạo vũ trụ mà Ngài sẽ nhận khác với các lần điểm đạo vũ trụ của một Hành Tinh Thượng Đế. Các lần điểm đạo vũ trụ thậm chí còn được bàn đến trong liên hệ với một con người, nhưng một lần nữa, chuỗi 'điểm đạo nhân loại-vũ trụ' này lại khác với các lần điểm đạo vũ trụ áp dụng cho Hành Tinh Thượng Đế hoặc Thái dương Thượng đế.

227. If the Solar Logos can experience the fourth or even fifth cosmic initiation in this solar system, must our Planetary Logos be limited to the second cosmic initiation (of the kind of cosmic initiations a Planetary Logos can take)? Perhaps ahead of the Planetary Logos is the third cosmic initiation—a kind of transfiguration, once He is able to achieve as the Logos of Venus has achieved.

227. Nếu Thái dương Thượng đế có thể trải qua lần điểm đạo vũ trụ thứ tư hoặc thậm chí thứ năm trong hệ mặt trời này, thì Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta có nhất thiết bị giới hạn ở lần điểm đạo vũ trụ thứ hai (thuộc loại điểm đạo vũ trụ mà một Hành Tinh Thượng Đế có thể nhận) không? Có lẽ phía trước Hành Tinh Thượng Đế là lần điểm đạo vũ trụ thứ ba—một loại Biến hình, một khi Ngài có thể đạt được như Hành Tinh Thượng Đế của Sao Kim đã đạt được.

228. We can assume that a Planetary Logos has a series of six, seven or more initiations ahead of Him, just as a human being does—but all of them cannot transpire in *this* solar system. And our Planetary Logos is not, it would seem just about to become a Solar Logos. Rather it would seem that our Planetary Logos must experience the fullness of what it means to be a Planetary Logos before going on to the Path of Solar Logoi (if that is to be His Path). The path to this fulness includes the prospect of becoming a sacred planet—probably in this solar system. The complete measure of that fulness of planetary logoic expression will probably occur in the *next* solar system, during which, it may be presumed, our Planetary Logos may still be associated with our Solar Logos (though engaged in taking *cosmic initiations of a planetary kind*—initiations higher than He—the Planetary Logos—could take in *this* solar system).

228. Chúng ta có thể giả định rằng một Hành Tinh Thượng Đế có trước mặt một chuỗi sáu, bảy hoặc nhiều lần điểm đạo hơn, cũng như một con người vậy—nhưng không phải tất cả chúng đều có thể diễn ra trong hệ mặt trời *này*. Và Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, dường như, không phải sắp trở thành một Thái dương Thượng đế. Đúng hơn, có vẻ như Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta phải trải nghiệm trọn vẹn ý nghĩa của việc là một Hành Tinh Thượng Đế trước khi tiến lên Con Đường của các Thái dương Thượng đế (nếu đó là Con Đường của Ngài). Con đường դեպի sự viên mãn này bao gồm triển vọng trở thành một hành tinh thiêng liêng—có lẽ trong hệ mặt trời này. Mức độ trọn vẹn của sự biểu lộ hành tinh thượng đế ấy có lẽ sẽ xảy ra trong hệ mặt trời *kế tiếp*, trong đó, có thể giả định rằng Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta vẫn còn liên kết với Thái dương Thượng đế của chúng ta (dù đang tham gia nhận *các lần điểm đạo vũ trụ thuộc loại hành tinh*—những lần điểm đạo cao hơn những gì Ngài—Hành Tinh Thượng Đế—có thể nhận trong hệ mặt trời *này*).

229. This is the reason for wondering whether our Planetary Logos will be limited to the *second* cosmic initiation in this solar system.

229. Đây là lý do để tự hỏi liệu Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta có bị giới hạn ở lần điểm đạo vũ trụ *thứ hai* trong hệ mặt trời này hay không.

230. If the Solar Logos is to take the third, fourth and fifth cosmic initiations in this solar system (initiations hypothetically along the line of solar logoic initiations) it does not seem reasonable to think that our Planetary Logos will not take more than the cosmic second initiation (of the series of initiations along the *planetary* logoic line).

230. Nếu Thái dương Thượng đế sẽ nhận các lần điểm đạo vũ trụ thứ ba, thứ tư và thứ năm trong hệ mặt trời này (các lần điểm đạo được giả định theo tuyến điểm đạo của thái dương thượng đế), thì dường như không hợp lý khi nghĩ rằng Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta sẽ không nhận nhiều hơn lần điểm đạo vũ trụ thứ hai (của chuỗi điểm đạo theo tuyến hành tinh thượng đế).

231. Much, however, depends on whether we believe that the series of cosmic initiations taken by a Solar Logos and those taken by a Planetary Logos are the *same* kinds of initiations, or differ. It seems to make sense to posit that they differ—the solar logoic series being a series exclusively related to Solar Logoi, and the planetary logoic series being a series exclusively related to Planetary Logoi.

231. Tuy nhiên, nhiều điều phụ thuộc vào việc chúng ta có tin rằng chuỗi các lần điểm đạo vũ trụ do một Thái dương Thượng đế nhận và chuỗi do một Hành Tinh Thượng Đế nhận là cùng *một* loại điểm đạo hay khác nhau. Có vẻ hợp lý khi cho rằng chúng khác nhau—chuỗi thái dương thượng đế là chuỗi chỉ liên hệ riêng với các Thái dương Thượng đế, còn chuỗi hành tinh thượng đế là chuỗi chỉ liên hệ riêng với các Hành Tinh Thượng Đế.

Man has for objective five initiations, the first cosmic Initiation being his goal.

Con người có mục tiêu là năm lần điểm đạo, lần điểm đạo vũ trụ thứ nhất là đích đến của y.

232. What really is, for man, the first cosmic initiation? Is it the fifth, relating man to the Lodge on Sirius as an “entered apprentice”?

232. Thực sự, đối với con người, lần điểm đạo vũ trụ thứ nhất là gì? Có phải là lần thứ năm, liên hệ con người với Thánh đoàn trên Sirius như một “người thợ học việc đã được nhận vào” không?

233. At the fifth initiation, man is still very much ‘contained’ within our solar system. Or do cosmic relationships begin when the solar system is transcended at the ninth initiation?

233. Ở lần điểm đạo thứ năm, con người vẫn còn rất nhiều ‘nằm trong’ hệ mặt trời của chúng ta. Hay các mối liên hệ vũ trụ bắt đầu khi hệ mặt trời được siêu vượt ở lần điểm đạo thứ chín?

234. The process for man does not seem to parallel exactly the process for the Planetary Logos or Solar Logos.

234. Tiến trình đối với con người dường như không song hành chính xác với tiến trình đối với Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế.

235. Interestingly, initiations six and seven lie before the incarnated Monad (and perhaps more), however, when a man takes the sixth initiation, he is no longer, technically speaking, "man". Chohans are no longer men as are the Masters. So we can see why "man" (as man) has for his objective five initiations.

235. Điều thú vị là các lần điểm đạo thứ sáu và thứ bảy nằm trước chân thần đang lâm phàm (và có lẽ còn hơn nữa), tuy nhiên, khi một người nhận lần điểm đạo thứ sáu, về mặt kỹ thuật, y không còn là "con người" nữa. Các Chohan không còn là người như các Chân sư nữa. Vì vậy chúng ta có thể thấy tại sao "con người" (với tư cách con người) có mục tiêu là năm lần điểm đạo.

236. If the ninth initiation is the first truly "cosmic" initiation, then man's "goal" lies far beyond his objective—unlike the proposed situation for the Planetary Logos and Solar Logos.

236. Nếu lần điểm đạo thứ chín là lần điểm đạo thực sự "vũ trụ" đầu tiên, thì "đích đến" của con người nằm vượt xa mục tiêu của y—khác với tình huống được đề xuất đối với Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế.

237. However, any initiation that relates man to that cosmic Source called Sirius, could be considered a "cosmic" initiation.

237. Tuy nhiên, bất kỳ lần điểm đạo nào liên hệ con người với Nguồn vũ trụ được gọi là Sirius, đều có thể được xem là một lần điểm đạo "vũ trụ".

238. Having said these things, we will wait until more is known before coming to more definite conclusions.

238. Sau khi đã nói những điều này, chúng ta sẽ chờ cho đến khi biết thêm trước khi đi đến những kết luận xác định hơn.

239 VSK states: "We see that the Planetary Logos has the Second Cosmic Initiation as His goal, but is presently working on the Fourth Cosmic Initiation – this appears as contradictory to the statement in 'b' above, where it says he is to take the Fourth Initiation on his Cosmic Path."

239 VSK phát biểu: "Chúng ta thấy rằng Hành Tinh Thượng Đế có lần điểm đạo vũ trụ thứ hai là đích đến của Ngài, nhưng hiện đang làm việc trên lần điểm đạo vũ trụ thứ tư – điều này dường như mâu thuẫn với phát biểu ở mục 'b' trên, nơi nói rằng ngài sẽ nhận lần điểm đạo thứ tư trên Con Đường Vũ Trụ của ngài."

240. May it be suggested that the "second cosmic initiation" which the Planetary Logos has for His "goal" is not of the *same order* as the fourth initiation which is part of the seven which are His "objective" (and, let us note, which is not called "cosmic"). A close reading reveals the cosmic initiations as truly major and the others as lesser.

240. Có thể gợi ý rằng "lần điểm đạo vũ trụ thứ hai" mà Hành Tinh Thượng Đế có như "đích đến" của Ngài không thuộc *cùng một cấp bậc* với lần điểm đạo thứ tư là một phần của bảy lần điểm đạo vốn là "mục tiêu" của Ngài (và, cần lưu ý, không được gọi là "vũ trụ"). Đọc kỹ sẽ cho thấy các lần điểm đạo vũ trụ là thực sự lớn, còn các lần kia là nhỏ hơn.

If we link this up with that earlier imparted concerning initiation and the sun Sirius, **we will have a clue to the triple cosmic Path.** [Page 386]

Nếu chúng ta liên kết điều này với điều đã được truyền dạy trước đó liên quan đến điểm đạo và mặt trời Sirius, **chúng ta sẽ có một đầu mối về Con Đường vũ trụ tam phân.** [Page 386]

241. Although this last sentence is from TCF 386, it is being attached to what was just said on TCF 384, as it belongs in that association. Then the large chart, Chart VII, can be contemplated in its own right.

241. Mặc dù câu cuối này lấy từ TCF 386, nó được gắn vào điều vừa nói ở TCF 384, vì nó thuộc về mối liên hệ đó. Khi ấy, biểu đồ lớn, Biểu đồ VII, có thể được chiêm ngưỡng theo giá trị riêng của nó.

242. We have hypothesized that there are three distinct paths of cosmic initiation applying to the human being, the Planetary Logos and the Solar Logos respectively.

242. Chúng ta đã giả thuyết rằng có ba con đường điểm đạo vũ trụ riêng biệt áp dụng lần lượt cho con người, Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế.

243. We should note that the number of initiations associated with the Solar Logos is 'Shivic' (ninefold); the number for the Planetary Logos is 'Vishnic' (i.e., sevenfold); the number for the man is Brahmic (fivefold).

243. Chúng ta nên lưu ý rằng số lần điểm đạo liên hệ với Thái dương Thượng đế là 'Shivic' (cửu phân); số của Hành Tinh Thượng Đế là 'Vishnic' (tức thất phân); số của con người là Brahmic (ngũ phân).

244. The section above seems to confirm this idea: we know the Solar Logos is subject to the Logos of Sirius in a very different way than the human family is—yet the human family *is.* Although the Planetary Logoi are usually related to the Pleiades, it is reasonable to think of them as related to Sirius as well. Certainly, the three synthesizing planets are closely related to Sirius.

244. Phần trên dường như xác nhận ý tưởng này: chúng ta biết Thái dương Thượng đế chịu sự chi phối của Thượng đế của Sirius theo một cách rất khác với gia đình nhân loại—nhưng gia đình nhân loại *quả thực có.* Mặc dù các Hành Tinh Thượng Đế thường được liên hệ với Pleiades, nhưng cũng hợp lý khi nghĩ đến các Ngài như có liên hệ với Sirius. Chắc chắn, ba hành tinh tổng hợp có liên hệ chặt chẽ với Sirius.

245. If Solar Angels, so closely related to Sirius, are the essential constituents of the group consciousness of the Planetary Logoi, then the Planetary Logoi, too, are closely related to Sirius.

245. Nếu các Thái dương Thiên Thần, vốn có liên hệ rất chặt chẽ với Sirius, là những thành phần cốt yếu của tâm thức nhóm của các Hành Tinh Thượng Đế, thì các Hành Tinh Thượng Đế cũng có liên hệ chặt chẽ với Sirius.

The student must bear in mind that in thinking of the Pitris, he must ever think in group terms. The Pitris who formed the egoic body of a human being do not—alone and isolated—form planetary Logoi.

Đạo sinh phải ghi nhớ rằng khi suy nghĩ về các Pitri, y phải luôn suy nghĩ theo thuật ngữ nhóm. **Các Pitri đã tạo thành thể chân ngã của một con người không—một mình và cô lập—tạo thành các Hành Tinh Thượng Đế.**

The forty-nine groups of solar fires concerned in the great work are those spoken of, and they become the forty-nine planetary Logoi in connexion with seven solar systems. (TCF 878-879)

Bốn mươi chín nhóm lửa thái dương liên hệ đến đại công trình là những nhóm đã được nói đến, và chúng trở thành bốn mươi chín Hành Tinh Thượng Đế trong liên hệ với bảy hệ mặt trời. (TCF 878-879)

246. In some manner, Sirius, the Initiator, is related to the initiation process for all three types of beings—man the human being, the Planetary Logos and the Solar Logos.

246. Theo một cách nào đó, Sirius, Đấng Điểm đạo, có liên hệ với tiến trình điểm đạo của cả ba loại hữu thể—con người, Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế.

247. We will now closely consider the nature of Chart VII. The Earth-scheme, expressed as a relatively small circle in Chart VI, will now be expanded.

247. Giờ đây chúng ta sẽ xem xét kỹ bản chất của Biểu đồ VII. Hệ Địa Cầu, được biểu thị như một vòng tròn tương đối nhỏ trong Biểu đồ VI, giờ đây sẽ được mở rộng.

248. Điều chúng ta học được từ Biểu đồ VII có thể giúp chúng ta suy theo định luật

248. What we learn from Chart VII may help us analogize to Chart VI. The points to be discussed will be listed below the chart.

[Page 385]

CHART VII—EARTH SCHEME No. 4

tương đồng với Biểu đồ VI. Những điểm sẽ được bàn đến sẽ được liệt kê bên dưới biểu đồ.

[Page 385]

BIỂU ĐỒ VII—HỆ ĐỊA CẦU SỐ 4

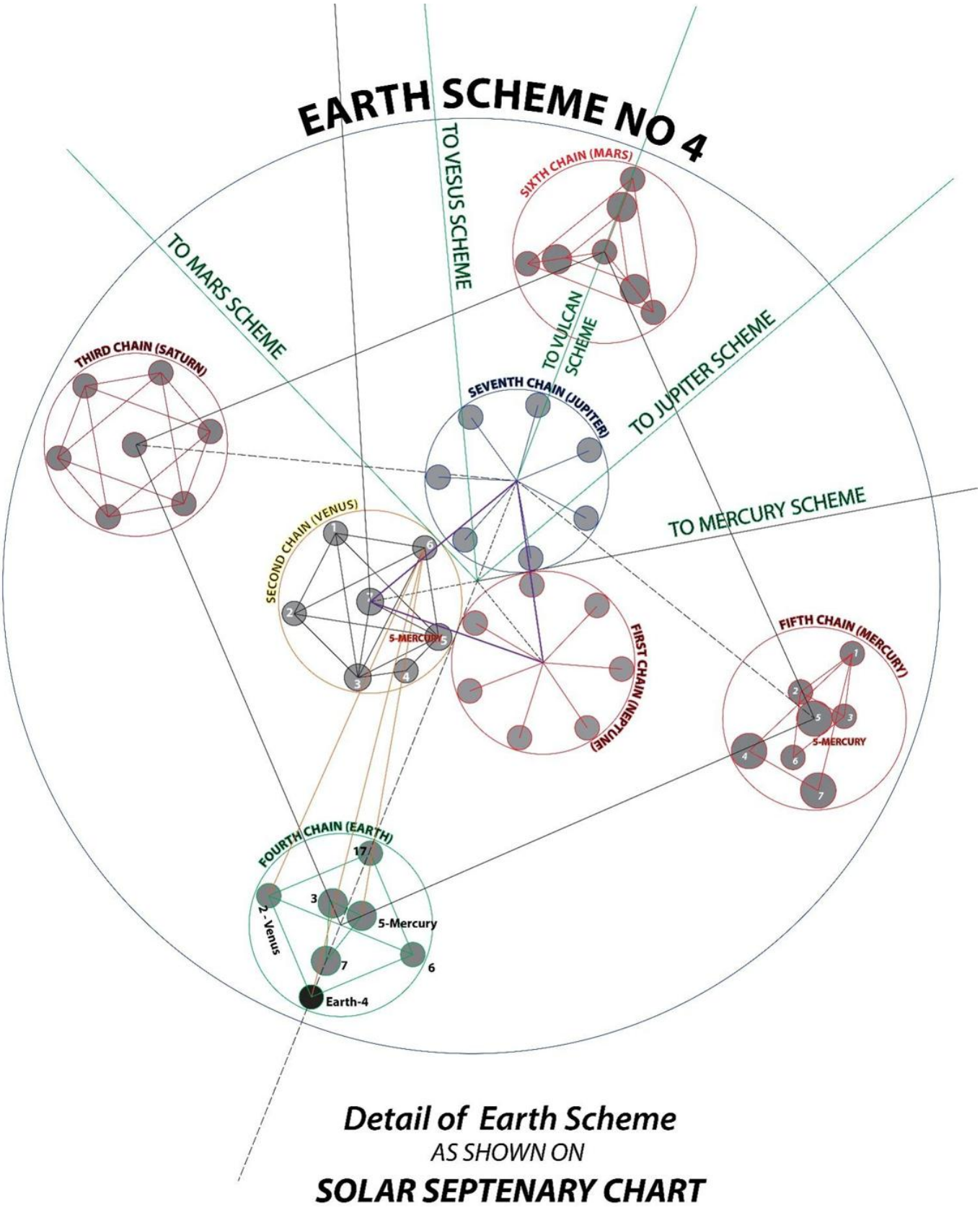

Detail of Earth Scheme
AS SHOWN ON
SOLAR SEPTENARY CHART

[Page 386]

[Page 386]

249. Dưới đây, Chân sư DK cho chúng ta một loại tóm lược về điều mà đạo sinh huyền bí

249. Below, DK gives us a kind of resume of that which the careful student of occultism has gleaned from his studies.

học cẩn trọng đã thu lượm được từ các nghiên cứu của mình.

250. It might be interesting to compare the names given to planetary schemes and those given to the planetary chains within the Earth-scheme. We will not include the Uranus and Neptune schemes which are not really diagrammed and seem separate from the usual seven. As the schemes are named in Chart VI, the Scheme 1. is called the Vulcan Scheme. The Uranus and Neptune Schemes are not numbered, though, from one perspective, they could be considered the first and second schemes.

250. Có lẽ sẽ thú vị nếu so sánh các tên gọi dành cho các hệ hành tinh với các tên gọi dành cho các dãy hành tinh bên trong hệ Địa Cầu. Chúng ta sẽ không bao gồm các hệ Uranus và Neptune, vốn không thực sự được vẽ sơ đồ và dường như tách biệt khỏi bảy hệ thông thường. Theo cách các hệ được đặt tên trong Biểu đồ VI, Hệ 1 được gọi là Hệ Vulcan. Tuy nhiên, các Hệ Uranus và Neptune không được đánh số, dù từ một góc nhìn nào đó, chúng có thể được xem là hệ thứ nhất và thứ hai.

a. Scheme 1: Vulcan Scheme; Chain 1: Neptune Chain

a. Hệ 1: Hệ Vulcan; Dãy 1: Dãy Neptune

b. Scheme 2: Venus Scheme; Chain 2: Venus Chain

b. Hệ 2: Hệ Venus; Dãy 2: Dãy Venus

c. Scheme 3: Mars Scheme; Chain 3: Saturn Chain

c. Hệ 3: Hệ Mars; Dãy 3: Dãy Saturn

d. Scheme 4: Earth Scheme; Chain 4: Earth Chain

d. Hệ 4: Hệ Địa Cầu; Dãy 4: Dãy Địa Cầu

e. Scheme 5: Mercury Scheme; Chain 5: Mercury Chain

e. Hệ 5: Hệ Mercury; Dãy 5: Dãy Mercury

f. Scheme 6: Jupiter Scheme; Chain 6: Mars Chain

f. Hệ 6: Hệ Jupiter; Dãy 6: Dãy Mars

g. Scheme 7: Saturn Scheme; Chain 7: Jupiter Chain

g. Hệ 7: Hệ Saturn; Dãy 7: Dãy Jupiter

251. As we can see, there are some parallels and many differences. The placements of the schemes and chains, however, may tell us

251. Như chúng ta có thể thấy, có một số điểm song hành và nhiều điểm khác biệt. Tuy nhiên, vị trí của các hệ và các dãy có thể

something about their rays and their functions.

cho chúng ta biết điều gì đó về các cung và các chức năng của chúng.

252. Venus, Earth and Mercury show identical placements in both the list of schemes and chains.

252. Venus, Địa Cầu và Mercury cho thấy các vị trí giống hệt nhau trong cả danh sách các hệ lẫn các dãy.

253. The list of chains includes sacred and non-sacred planetary names. Vulcan and Uranus and missing, as is Pluto which was not yet discovered at the time of writing. Yet, there may well be nine or even ten chains in a planetary scheme and these additional chains will have to be given names. Probably, the names already exist and may be the very names that are missing from Chart VII.

253. Danh sách các dãy bao gồm các tên hành tinh thiêng liêng và không thiêng liêng. Vulcan và Uranus bị thiếu, cũng như Pluto, vốn chưa được khám phá vào thời điểm tác phẩm được viết. Tuy nhiên, rất có thể có chín hoặc thậm chí mười dãy trong một hệ hành tinh, và các dãy bổ sung này sẽ phải được đặt tên. Có lẽ các tên ấy đã tồn tại, và có thể chính là những tên còn thiếu trong Biểu đồ VII.

254. The Tibetan suggests simply numbering them the lists of schemes and chains. Clarity may eventually come in this way, but affixing names to them is also revelatory if we can catch the hints; it is confusing if we cannot.

254. Chân sư Tây Tạng gợi ý đơn giản là đánh số chúng trong các danh sách hệ và dãy. Cuối cùng sự rõ ràng có thể đến theo cách này, nhưng việc gắn tên cho chúng cũng mang tính mặc khải nếu chúng ta nắm bắt được các gợi ý; nếu không thì điều đó gây rối.

255. In Chart VII, TCF 385, we are looking at an enlargement of Scheme 4, the Earth-scheme, as presented at the bottom of Chart VI, TCF 373.

255. Trong Biểu đồ VII, TCF 385, chúng ta đang nhìn vào sự phóng lớn của Hệ 4, hệ Địa Cầu, như được trình bày ở cuối Biểu đồ VI, TCF 373.

256. If we look closely at the smaller version of Scheme 4. and the larger version in which Scheme 4. is represented on a full page, we will see that they are identical, but, of course much greater chain detail exists on TCF 385. The tiny circular drawings of chains in Chart VI are not articulated. Some (though not all) diagrams of chains on Chart VII are *very* articulated.

256. Nếu chúng ta nhìn kỹ phiên bản nhỏ hơn của Hệ 4 và phiên bản lớn hơn trong đó Hệ 4 được trình bày trên trọn một trang, chúng ta sẽ thấy chúng giống hệt nhau, nhưng dĩ nhiên chi tiết về các dãy ở TCF 385 nhiều hơn rất nhiều. Các hình tròn nhỏ xíu biểu thị các dãy trong Biểu đồ VI không được triển khai chi tiết. Một số sơ đồ dãy trong Biểu đồ VII (dù không phải tất cả) được *triển khai rất* chi tiết.

257. In Chart VII the chains of the Earth-scheme are named; not so in Chart VI.

257. Trong Biểu đồ VII, các dãy của hệ Địa Cầu được đặt tên; còn trong Biểu đồ VI thì không.

258. The square, however, is identical, as are the five lines emanating from the central triangle which unite the three inner chains of the Earth-scheme. Those lines go forth to the five or six other schemes related in the brahmic diagram to the Earth-scheme. The lines go to Mars, Venus, Vulcan, Jupiter and Mercury, considering all these as schemes. The line to the Vulcan scheme passes, of course, through the Saturn scheme, which is probably very significant. We could call this the 'Jehovah Alignment' as Jehovah is often qualitatively conceived as Saturn-Vulcan.

258. Tuy nhiên, hình vuông thì giống hệt nhau, cũng như năm đường phát ra từ tam giác trung tâm nối liền ba dãy bên trong của hệ Địa Cầu. Những đường ấy đi ra đến năm hoặc sáu hệ khác có liên hệ trong sơ đồ brahmic với hệ Địa Cầu. Các đường ấy đi đến Mars, Venus, Vulcan, Jupiter và Mercury, xét tất cả những cái này như các hệ. Đường đi đến hệ Vulcan dĩ nhiên đi qua hệ Saturn, điều này có lẽ rất có ý nghĩa. Chúng ta có thể gọi đây là 'Sự chỉnh hợp Jehovah' vì Jehovah thường được quan niệm về mặt phẩm tính như Saturn-Vulcan.

259. Of the seven chains depicted in the Earth-scheme, two of them are conventionalized (the Neptune and Jupiter chains—the first and seventh, respectively). Four are well articulated and one chain, the Saturn-chain, numbered as the third (where we would expect the Moon-chain to be located) also seems to be somewhat articulated. The Moon-chain was mysterious in many ways, and we may judge that the Saturn-chain apparently replacing the Moon-chain (if it is really a *replacement*) will be equally mysterious and, perhaps, moreso.

259. Trong bảy dãy được mô tả trong hệ Địa Cầu, hai dãy được quy ước hóa (dãy Neptune và dãy Jupiter—lần lượt là dãy thứ nhất và thứ bảy). Bốn dãy được triển khai rõ ràng, và một dãy, dãy Saturn, được đánh số là thứ ba (nơi chúng ta lẽ ra mong đợi dãy Mặt Trăng nằm ở đó) cũng dường như được triển khai phần nào. Dãy Mặt Trăng vốn huyền bí theo nhiều cách, và chúng ta có thể phán đoán rằng dãy Saturn dường như thay thế dãy Mặt Trăng (nếu nó thực sự là một *sự thay thế*) cũng sẽ huyền bí không kém và có lẽ còn hơn thế nữa.

260. The reason we may question the degree of articulation of the Saturn-chain has to do not so much with the six-pointed star that united six of the globes, but with the *uniform size of the globes*. Note that in the depiction of the Neptune and Jupiter chains (clearly unarticulated) the globes are all of the same size. The Saturn-chain shares this feature—globes all of the same size. Yet the Saturn-chain does at least present a geometrical figure and if we look very closely, we shall see that the Saturn-chain is,

260. Lý do khiến chúng ta có thể đặt câu hỏi về mức độ triển khai của dãy Saturn không liên quan nhiều đến ngôi sao sáu cánh nối liền sáu bầu hành tinh, mà liên quan đến *kích thước đồng đều của các bầu hành tinh*. Lưu ý rằng trong hình mô tả dãy Neptune và dãy Jupiter (rõ ràng không được triển khai), các bầu hành tinh đều có cùng kích thước. Dãy Saturn cũng có đặc điểm này—các bầu hành tinh đều cùng kích thước. Tuy nhiên, dãy Saturn ít nhất cũng trình bày một hình hình học, và nếu chúng ta nhìn thật kỹ,

in a way, a tiny replica of what we called 'greater Saturn' in Chart VI.

chúng ta sẽ thấy rằng dãy Saturn, theo một cách nào đó, là một bản sao thu nhỏ của điều chúng ta gọi là 'Saturn lớn hơn' trong Biểu đồ VI.

261. The Saturn-chain is hexagonally shaped with one central globe; the scheme of 'greater-Saturn' is hexagonally shaped with the 'central Saturn' scheme found in the center of the hexagon, just as there is a central globe found at the center point of the Saturn-chain.

261. Dãy Saturn có hình lục giác với một bầu hành tinh trung tâm; hệ 'Saturn lớn hơn' có hình lục giác với hệ 'Saturn trung tâm' nằm ở trung tâm của hình lục giác, cũng như có một bầu hành tinh trung tâm nằm ở điểm giữa của dãy Saturn.

262. We would gather, then, that qualitatively, there will be some similarity between the seventh *scheme* of 'greater Saturn' and the third chain (the Saturn-chain) of the Earth-scheme.

262. Vậy thì chúng ta sẽ kết luận rằng, về mặt phẩm tính, sẽ có một số điểm tương đồng giữa hệ thứ bảy của 'Saturn lớn hơn' và dãy thứ ba (dãy Saturn) của hệ Địa Cầu.

263. In studying Chart VI we have already remarked that the Earth-scheme was divided (apparently, by dotted lines) into four triangular sections and exhibited an interior kite-like formation similar to the Jupiter-scheme. Those four triangular sections are very evident in the enlargement of the Earth-scheme (i.e., Chart VII). The lines which form the kites all appear to be dotted (so they appear in Chart VII). Dotted lines can portray relationships which are intended and which exist to some measure, but are not yet complete.

263. Khi nghiên cứu Biểu đồ VI, chúng ta đã nhận xét rằng hệ Địa Cầu được chia (dường như bằng các đường chấm) thành bốn phần tam giác và cho thấy một cấu trúc bên trong giống hình diều tương tự hệ Jupiter. Bốn phần tam giác ấy rất rõ ràng trong bản phóng lớn của hệ Địa Cầu (tức Biểu đồ VII). Các đường tạo thành các hình diều đều dường như là đường chấm (chúng hiện ra như vậy trong Biểu đồ VII). Các đường chấm có thể biểu thị những mối liên hệ được dự định và tồn tại ở một mức độ nào đó, nhưng chưa hoàn tất.

264. If we begin with the Venus-chain, we will note it is in the form of a five-pointed star which makes a great deal of sense given the hypothesized fifth ray soul of Venus and is association with the process of initiation and with the Hierophant (Sanat Kumara, the Lord of Venusian Love). Sanat Kumara becomes the Hierophant at the third initiation which closely associated with the fifth ray and the number five.

264. Nếu chúng ta bắt đầu với dãy Venus, chúng ta sẽ lưu ý rằng nó có hình ngôi sao năm cánh, điều này rất có ý nghĩa xét theo cung linh hồn cung năm được giả thuyết của Venus và sự liên hệ của nó với tiến trình điểm đạo và với Đấng Điểm đạo Tối cao (Đức Sanat Kumara, Chúa Tể của Bác ái Venus). Đức Sanat Kumara trở thành Đấng Điểm đạo Tối cao ở lần điểm đạo thứ ba, vốn có liên hệ chặt chẽ với cung năm và số năm.

265. There are only three chains in which the globes are numbered: the Venus, Earth and Mercury chains. These are also the three chains which are numbered in the same way as three schemes: the Venus, Earth and Mercury schemes.

265. Chỉ có ba dãy mà các bầu hành tinh được đánh số: dãy Venus, Địa Cầu và Mercury. Đây cũng là ba dãy được đánh số theo cùng cách như ba hệ: hệ Venus, Địa Cầu và Mercury.

266. The numbering of the Venus-chain proceeds from the top globe, and then to the left, in counterclockwise order, very much as the schemes are numbered in Chart VI.

266. Việc đánh số dãy Venus bắt đầu từ bầu hành tinh trên cùng, rồi sang bên trái, theo thứ tự ngược chiều kim đồng hồ, rất giống cách các hệ được đánh số trong Biểu đồ VI.

267. The smaller globes of the Venus-chain (which we can correlate with the lower quaternary of any septenate) are globes one, two, four and six. The larger globes are globes three, five and seven.

267. Các bầu hành tinh nhỏ hơn của dãy Venus (mà chúng ta có thể tương quan với bộ tứ thấp của bất kỳ bộ bảy nào) là các bầu hành tinh một, hai, bốn và sáu. Các bầu hành tinh lớn hơn là các bầu hành tinh ba, năm và bảy.

268. We do not know the nature of these globes (as the interior constitution of the Venus-chain is not revealed to us), but it is interesting that the larger globes are all on the hard-line rays—all of them rays of intelligence from a certain perspective.

268. Chúng ta không biết bản chất của các bầu hành tinh này (vì cấu tạo bên trong của dãy Venus không được tiết lộ cho chúng ta), nhưng điều thú vị là các bầu hành tinh lớn hơn đều nằm trên các cung hard-line—tất cả đều là các cung của trí tuệ từ một góc nhìn nào đó.

269. We should immediately note that the larger globes in the Earth-chain are *also* globes three, five and seven, which are central to the bounding square. They are, however, organized in a different configuration.

269. Chúng ta nên lập tức lưu ý rằng các bầu hành tinh lớn hơn trong dãy Địa Cầu *cũng* là các bầu hành tinh ba, năm và bảy, vốn là trung tâm của hình vuông bao quanh. Tuy nhiên, chúng được tổ chức trong một cấu hình khác.

270. If, however, we examine the fifth chain, the Mercury-chain, we will notice that the larger globes are numbered five, *four* and seven. This is a difference and a deviation from the condition of the Venus-chain and the Earth-chain, because one of the globes correlated with the soft-line number is large. The Mercury-scheme is, of course, associated with the number four—

270. Tuy nhiên, nếu chúng ta khảo sát dãy thứ năm, dãy Mercury, chúng ta sẽ nhận thấy rằng các bầu hành tinh lớn hơn được đánh số năm, *bốn* và bảy. Đây là một khác biệt và một lệch khỏi tình trạng của dãy Venus và dãy Địa Cầu, bởi vì một trong các bầu hành tinh tương quan với con số thuộc soft-line lại lớn. Hệ Mercury dĩ nhiên được liên hệ với số bốn—có lẽ là cung linh hồn của

presumably, its soul ray—and with the fourth or buddhic plane, and so it should not be a surprise to see the number four represented prominently in the Mercury-chain.

nó—và với cõi thứ tư hay cõi Bồ đề, vì vậy không nên ngạc nhiên khi thấy số bốn được biểu hiện nổi bật trong dãy Mercury.

271. From the center, or seventh globe of the Venus-chain, there is a line which is unmarked. It apparently has no destination. The other five lines leaving the bounding circle of the Earth-scheme all have marked destinations.

271. Từ trung tâm, hay bầu hành tinh thứ bảy của dãy Venus, có một đường không được ghi dấu. Dường như nó không có đích đến. Năm đường khác rời khỏi vòng tròn bao quanh của hệ Địa Cầu đều có đích đến được ghi rõ.

272. It would not be too great a presumption, however, to judge that the line would destined for the Venus-scheme which would be a source of resonant inspiration to the Venus-chain of the Earth-scheme—except for one fact: a line from the very center of the Earth-scheme is directed towards the Venus-scheme! We note that from this central point of the Earth-scheme, lines are directed to the Mars, Venus, Vulcan, Jupiter and Mercury schemes, but, strangely, not to the Saturn-scheme.

272. Tuy nhiên, sẽ không phải là một giả định quá lớn nếu phán đoán rằng đường ấy sẽ hướng đến hệ Venus, vốn sẽ là một nguồn cảm hứng cộng hưởng cho dãy Venus của hệ Địa Cầu—ngoại trừ một sự kiện: một đường từ chính trung tâm của hệ Địa Cầu lại hướng về hệ Venus! Chúng ta lưu ý rằng từ điểm trung tâm này của hệ Địa Cầu, các đường được hướng đến các hệ Mars, Venus, Vulcan, Jupiter và Mercury, nhưng lạ thay, không hướng đến hệ Saturn.

273. What may be the destination of the unnamed line arising, it would seem from the seventh globe of the Venus-chain? Is the destination also the Venus-scheme, indicating a reinforcement by the Venus-scheme of not only the Earth-scheme as a whole, but of that particular part of the Earth-scheme called the Venus-chain? Or could the destination be the Sun? We simply record the fact of the unnamed line and wait for further evidence.

273. Đích đến của đường vô danh phát sinh, dường như, từ bầu hành tinh thứ bảy của dãy Venus có thể là gì? Đích đến ấy cũng là hệ Venus chăng, cho thấy một sự tăng cường bởi hệ Venus không chỉ đối với toàn bộ hệ Địa Cầu, mà còn đối với phần đặc biệt ấy của hệ Địa Cầu được gọi là dãy Venus? Hay đích đến có thể là Mặt Trời? Chúng ta chỉ đơn giản ghi nhận sự kiện về đường vô danh này và chờ thêm bằng chứng.

274. In the following statement we may learning something about the Venus-chain of the Earth-scheme:

274. Trong phát biểu sau đây, chúng ta có thể học được điều gì đó về dãy Venus của hệ Địa Cầu:

The coming in of the Venusian influence to our chain, and to our planet, with the

Sự đi vào của ảnh hưởng Venus đến dãy của chúng ta, và đến hành tinh của chúng ta,

subsequent stimulation of certain groups in the fourth Creative Hierarchy, the human, caused a paralleling event of even greater magnitude in the Venus scheme. This affected the sixth Hierarchy, one of the deva Hierarchies, dwelling in the Venus scheme. **This stimulation emanated via our sixth chain (or the second according to the angle of vision) and affected a corresponding chain in the Venus scheme.** The magnitude of the difference may be seen in the fact that in our case *one globe alone* was affected, whereas the influence of our scheme on the Venusian was such that *an entire chain* was stimulated. This was brought about through the positive polarity of the Heavenly Man of the Earth scheme. (TCF 378)

cùng với sự kích thích tiếp theo đối với một số nhóm trong Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, tức nhân loại, đã gây ra một biến cố song hành có tầm mức còn lớn hơn trong hệ Venus. Điều này ảnh hưởng đến Huyền Giai thứ sáu, một trong các Huyền Giai thiên thần, cư ngụ trong hệ Venus. **Sự kích thích này phát ra qua dãy thứ sáu của chúng ta (hay dãy thứ hai tùy theo góc nhìn) và ảnh hưởng đến một dãy tương ứng trong hệ Venus.** Tầm mức khác biệt có thể thấy ở sự kiện rằng trong trường hợp của chúng ta chỉ có *một bầu hành tinh duy nhất* bị ảnh hưởng, trong khi ảnh hưởng của hệ chúng ta lên hệ Venus lại khiến *cả một dãy* được kích thích. Điều này được tạo ra nhờ cực tính dương của Đấng Thiên Nhân của hệ Địa Cầu. (TCF 378)

275. Although the Venus-chain is numbered on Chart VII as the *second* in the Earth-scheme, it can also be numbered as the *sixth*. It was the second or sixth chain of the Earth-scheme which was involved in the exchange between the Earth-scheme and the Venus-scheme at the time of the individualization of animal man.

275. Mặc dù dãy Venus được đánh số trong Biểu đồ VII là dãy *thứ hai* trong hệ Địa Cầu, nó cũng có thể được đánh số là dãy *thứ sáu*. Chính dãy thứ hai hay thứ sáu của hệ Địa Cầu đã tham dự vào sự trao đổi giữa hệ Địa Cầu và hệ Venus vào thời kỳ biệt ngã hóa của người thú.

276. We should not forget the involvement of the fourth chain of the Venus-scheme.

276. Chúng ta không nên quên sự tham dự của dãy thứ tư của hệ Venus.

The connection between Venus and the Earth lies hid in number, and it took a moment of mysterious alignment between a globe, its corresponding chain and the scheme of allied number to effect the momentous occurrence known as the coming of the Lords of Flame. It occurred in the third rootrace in the fourth round. Here we have an analogy between the quaternary and the Triad, carrying the interpretation up to a Heavenly Man. The chain was the fourth chain and the globe, the fourth. The fourth [Page 300] chain in the Venus scheme and

Mối liên hệ giữa Venus và Trái Đất ẩn giấu trong số, và cần đến một khoảnh khắc chỉnh hợp huyền nhiệm giữa một bầu hành tinh, dãy tương ứng của nó và hệ có cùng số liên hệ để tạo nên biến cố trọng đại được biết đến như sự giáng lâm của các Đấng Chúa Tể của Lửa. Điều đó xảy ra trong giống dân gốc thứ ba ở cuộc tuần hoàn thứ tư. Ở đây chúng ta có một sự tương đồng giữa bộ tứ và Tam nguyên tinh thần, nâng sự diễn giải lên đến một Đấng Thiên Nhân. Dãy ấy là dãy thứ tư và bầu hành tinh là bầu thứ tư. Dãy thứ tư [Page 300] trong hệ Venus và bầu hành tinh

the fourth globe in that chain were closely involved in the transaction. (TCF 299-300)

277. We have already noticed that the number *six* is very important in relation to Venus and the subsidiary monadic ray of Venus is very likely the sixth ray. (cf. TCF 595)

278. It would seem logical that that which is depicted as the Venus-chain of the Earth-scheme (however we choose to number that chain) is precisely the chain which was involved in affecting the sixth deva Hierarchy on the Venus-scheme.

279. We have not yet settled what should be considered the occult or mystical ways of counting the schemes or chains. As the Venus-chain is here numbered, it seems to be an *occult* enumeration, as the major monadic ray of the Venus-scheme is hypothesized as the second; to occultly number the Venus-chain of the Earth-scheme as the second chain would reflect this very high ray placement.

280. Interestingly (according to Chart VII) it is the *sixth* globe of the Venus-chain which forms a focal point in within the Venus-chain—not the *second* globe. Since, however, we know that the sixth and second globes are, in a way, interchangeable, we may choose to denominate the sixth globe of the Venus-chain as the *Venus-globe.* This would involve, however, counting the globes in a manner reversed from the manner used to count the chains.

b. That this advent was brought about by a definite systemic alignment which involved:

thứ tư trong dãy ấy đã liên hệ chặt chẽ trong sự giao dịch này. (TCF 299-300)

277. Chúng ta đã nhận thấy rằng con số *sáu* rất quan trọng trong liên hệ với Venus, và cung chân thần phụ của Venus rất có thể là cung sáu. (xem TCF 595)

278. Có vẻ hợp lý khi cho rằng điều được mô tả là Dãy Kim Tinh của hệ hành tinh Địa Cầu (dù chúng ta chọn đánh số dãy ấy theo cách nào) chính là dãy đã tham dự vào việc tác động lên Huyền Giai thiên thần thứ sáu trong hệ hành tinh Kim Tinh.

279. Chúng ta vẫn chưa xác định dứt khoát đâu là những cách đếm huyền bí học hay thần bí học đối với các hệ hành tinh hoặc các dãy. Vì Dãy Kim Tinh ở đây được đánh số như thế, nên dường như đó là một cách liệt kê *huyền bí học*, vì cung chân thần chính yếu của hệ hành tinh Kim Tinh được giả định là cung hai; việc đánh số Dãy Kim Tinh của hệ hành tinh Địa Cầu một cách huyền bí học là dãy thứ hai sẽ phản ánh chính vị trí cung rất cao này.

280. Điều đáng chú ý là (theo Biểu đồ VII) chính bầu hành tinh *thứ sáu* của Dãy Kim Tinh tạo thành một tiêu điểm bên trong Dãy Kim Tinh—chứ không phải bầu hành tinh *thứ hai*. Tuy nhiên, vì chúng ta biết rằng bầu hành tinh thứ sáu và thứ hai, theo một nghĩa nào đó, có thể hoán đổi cho nhau, nên chúng ta có thể chọn gọi bầu hành tinh thứ sáu của Dãy Kim Tinh là *bầu hành tinh Kim Tinh.* Tuy vậy, điều này sẽ đòi hỏi phải đếm các bầu hành tinh theo cách đảo ngược với cách dùng để đếm các dãy.

b. Sự giáng lâm này đã được mang lại bởi một sự chỉnh hợp hệ thống xác định, bao gồm:

The Venus scheme of the system.

Hệ hành tinh Kim Tinh của hệ mặt trời.

The Venus chain of the Earth scheme.

Dãy Kim Tinh của hệ hành tinh Địa Cầu.

The Venus globe of the Earth chain.

Bầu hành tinh Kim Tinh của Dãy Địa Cầu.

281. The action impulsed from the Venus-chain would certainly seem to be coming through the Venus-globe.

281. Tác động được thúc đẩy từ Dãy Kim Tinh hẳn nhiên dường như đang đi qua bầu hành tinh Kim Tinh.

282. So for the moment, let us call globe six the Venus-globe, and note the lines of influence which are related.

282. Vì vậy, hiện giờ chúng ta hãy gọi bầu hành tinh sáu là bầu hành tinh Kim Tinh, và lưu ý các tuyến ảnh hưởng có liên hệ.

a. A line of influence extends from the Venus-globe of the Venus-chain to the second or Venus-globe or the Earth-chain.

a. Một tuyến ảnh hưởng kéo dài từ bầu hành tinh Kim Tinh của Dãy Kim Tinh đến bầu hành tinh thứ hai hay bầu hành tinh Kim Tinh của Dãy Địa Cầu.

b. A line of influence extends from the Venus-globe of the Venus-chain to the fifth or Mercury-globe of the Earth-chain. That line actually has two parts—one from the Venus globe of the Venus-chain to the Mercury-globe of the Venus-chain, and the other from the Mercury-globe of the Venus-chain to the Mercury-globe of the Earth-chain.

b. Một tuyến ảnh hưởng kéo dài từ bầu hành tinh Kim Tinh của Dãy Kim Tinh đến bầu hành tinh thứ năm hay bầu hành tinh Thủy Tinh của Dãy Địa Cầu. Tuyến ấy thực ra có hai phần—một phần từ bầu hành tinh Kim Tinh của Dãy Kim Tinh đến bầu hành tinh Thủy Tinh của Dãy Kim Tinh, và phần kia từ bầu hành tinh Thủy Tinh của Dãy Kim Tinh đến bầu hành tinh Thủy Tinh của Dãy Địa Cầu.

c. A line of influence extends from the Venus-globe of the Venus-chain to the Earth-globe, the fourth globe, of the Earth-chain. This is the final point of stimulation and the object of the exchange between the Venus-chain and Earth-chain of the Earth-scheme.

c. Một tuyến ảnh hưởng kéo dài từ bầu hành tinh Kim Tinh của Dãy Kim Tinh đến bầu hành tinh Địa Cầu, tức bầu hành tinh thứ tư, của Dãy Địa Cầu. Đây là điểm kích thích cuối cùng và là đối tượng của sự trao đổi giữa Dãy Kim Tinh và Dãy Địa Cầu của hệ hành tinh Địa Cầu.

283. We know how closely allied to mind are the planets Venus and Mercury, and so, it should not surprise us to see the participation of the Mercury-globe with the Venus-globe (both of the Earth-chain) in the attempt to bring solar fire or manas *in a new way* to the Earth-globe.

283. Chúng ta biết Kim Tinh và Thủy Tinh liên hệ mật thiết với trí tuệ đến mức nào, và vì vậy, điều đó không nên làm chúng ta ngạc nhiên khi thấy sự tham dự của bầu hành tinh Thủy Tinh cùng với bầu hành tinh Kim Tinh (cả hai đều thuộc Dãy Địa Cầu) trong nỗ lực mang Lửa Thái dương hay manas *theo một cách mới* đến bầu hành tinh Địa Cầu.

284. Our little problem is that the position of what is very likely the Venus-globe of the Venus-chain of the Earth-scheme is in the *sixth* position, whereas the Venus-chain is in the second position when compared to the seven chains of the Earth-scheme, and the Venus-scheme is also in the second position (when compared to the other schemes in 'greater Saturn').

284. Vấn đề nhỏ của chúng ta là vị trí của điều rất có thể là bầu hành tinh Kim Tinh của Dãy Kim Tinh thuộc hệ hành tinh Địa Cầu lại ở vị trí *thứ sáu*, trong khi Dãy Kim Tinh ở vị trí thứ hai khi so với bảy dãy của hệ hành tinh Địa Cầu, và hệ hành tinh Kim Tinh cũng ở vị trí thứ hai (khi so với các hệ hành tinh khác trong 'Saturn lớn hơn').

285. The schemes and chains, therefore, seem to operate on a counterclockwise basis and the globes (at least in the Venus-chain of the Earth-scheme) on a clockwise basis. Unless, we are simply to allow ourselves to consider the Venus-globe of the Venus-chain as the sixth globe rather than the second.

285. Do đó, các hệ hành tinh và các dãy dường như vận hành theo chiều ngược kim đồng hồ, còn các bầu hành tinh (ít nhất là trong Dãy Kim Tinh của hệ hành tinh Địa Cầu) thì theo chiều kim đồng hồ. Trừ phi chúng ta đơn giản cho phép mình xem bầu hành tinh Kim Tinh của Dãy Kim Tinh là bầu hành tinh thứ sáu thay vì thứ hai.

286. There is a little analogy here: the rotation of the Earth and the revolution of the Earth around the Sun both occur in a counterclockwise manner, but the gyration of the Earth on its axis occurs in a clockwise manner.

286. Ở đây có một chút tương đồng: sự tự quay của Trái Đất và sự chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời đều diễn ra theo chiều ngược kim đồng hồ, nhưng sự quay tròn của Trái Đất trên trục của nó lại diễn ra theo chiều kim đồng hồ.

287. In both cases there is not complete consistency.

287. Trong cả hai trường hợp đều không có sự nhất quán hoàn toàn.

288. The only other alternative in naming the sixth globe of the Venus-chain is to call it the Jupiter-globe, which does not seem very reasonable at this point. The alignment we are dealing with is an alignment of 'Venus

288. Khả năng khác duy nhất khi đặt tên cho bầu hành tinh thứ sáu của Dãy Kim Tinh là gọi nó là bầu hành tinh Mộc Tinh, điều này vào lúc này dường như không mấy hợp lý. Sự chỉnh hợp mà chúng ta đang bàn đến là sự

factors'—the Venus-scheme, the Venus-chain of the Earth-scheme, the Venus-globe of the Venus-chain of the Earth-scheme and lastly, the Venus-globe of the Earth-chain of the Earth-scheme.

chỉnh hợp của các 'yếu tố Kim Tinh'—hệ hành tinh Kim Tinh, Dãy Kim Tinh của hệ hành tinh Địa Cầu, bầu hành tinh Kim Tinh của Dãy Kim Tinh thuộc hệ hành tinh Địa Cầu và cuối cùng là bầu hành tinh Kim Tinh của Dãy Địa Cầu thuộc hệ hành tinh Địa Cầu.

289. Three of the factors just listed are in the *second* position and one in the sixth. We will simply have to accept the anomaly and ponder it until we know more.

289. Ba trong các yếu tố vừa liệt kê ở vị trí *thứ hai* và một ở vị trí thứ sáu. Chúng ta đơn giản sẽ phải chấp nhận sự bất thường này và suy ngẫm về nó cho đến khi biết nhiều hơn.

290. In any case, we can see the importance of the number *five* in relation to the Venus-chain of the Earth-scheme. Just as the Venus-scheme is associated with the number *five* (relating to the Fifth Kingdom, the Kingdom of Souls) and is bringing that *fifth* energy to the Earth-scheme, so is the Venus-chain bringing the number *five* to the Earth-chain of the Earth-scheme (a chain associated very much with the square and the number four).

290. Dù sao đi nữa, chúng ta có thể thấy tầm quan trọng của số *năm* liên hệ với Dãy Kim Tinh của hệ hành tinh Địa Cầu. Cũng như hệ hành tinh Kim Tinh gắn liền với số *năm* (liên hệ với giới thứ năm, Thiên Giới của các linh hồn) và đang mang năng lượng *thứ năm* ấy đến hệ hành tinh Địa Cầu, thì Dãy Kim Tinh cũng đang mang số *năm* đến Dãy Địa Cầu của hệ hành tinh Địa Cầu (một dãy gắn rất nhiều với hình vuông và số bốn).

291. The *five* of the soul must be fused with the *four* of the personality.

291. Số *năm* của linh hồn phải được dung hợp với số *bốn* của phàm ngã.

292. The Venus-chain, we also see, is one of the three major chains of the Earth-scheme (the Neptune, Jupiter and Venus chains). Neptune is the higher octave of Venus (planetarily) so we can see why the two of them belong together. Jupiter, planetarily, is a great second ray factor.

292. Chúng ta cũng thấy Dãy Kim Tinh là một trong ba dãy chính yếu của hệ hành tinh Địa Cầu (các dãy Hải Vương Tinh, Mộc Tinh và Kim Tinh). Hải Vương Tinh là quãng tám cao hơn của Kim Tinh (xét theo hành tinh), nên chúng ta có thể thấy vì sao cả hai thuộc về nhau. Mộc Tinh, xét theo hành tinh, là một yếu tố cung hai lớn.

293. Very interestingly, the initiation which is the goal of the Planetary Logos of the Earth-scheme is the second cosmic initiation. If we compare the second cosmic initiation, planetarily, to the microcosmic second initiation, we shall find that three planets influence the second initiation for the human being. These three are Venus,

293. Điều rất đáng chú ý là điểm đạo vốn là mục tiêu của Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh Địa Cầu là lần điểm đạo vũ trụ thứ hai. Nếu chúng ta so sánh lần điểm đạo vũ trụ thứ hai, xét theo hành tinh, với lần điểm đạo thứ hai của tiểu thiên địa, chúng ta sẽ thấy rằng có ba hành tinh ảnh hưởng đến lần điểm đạo thứ hai của con người. Ba hành

Jupiter and Neptune. This is an interesting coincidence considering the point in cosmic evolution at which our Planetary Logos presently finds Himself.

tinh ấy là Kim Tinh, Mộc Tinh và Hải Vương Tinh. Đây là một sự trùng hợp thú vị xét đến điểm tiến hoá vũ trụ mà Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta hiện đang ở vào.

294. Some may also wish to point to the close alliance of the first, second and seventh rays at this time of human development. Perhaps this alliance is shown in the centrality of the these three chains (the first, the second and the seventh) at the center of the Earth-scheme.

294. Một số người cũng có thể muốn chỉ ra sự liên minh chặt chẽ của cung một, cung hai và cung bảy vào thời kỳ phát triển nhân loại này. Có lẽ sự liên minh này được biểu hiện trong tính trung tâm của ba dãy này (dãy thứ nhất, thứ hai và thứ bảy) ở trung tâm của hệ hành tinh Địa Cầu.

295. Even while the Earth-chain was in intensive process of development, during individualization, the second chain, the Venus-chain was also intensely active through its sixth (or second) globe. This shows that *chains can be simultaneously active* and are not necessarily sequential in appearance or activity (though they may be, at least at times, sequential in emphasis).

295. Ngay cả khi Dãy Địa Cầu đang ở trong tiến trình phát triển mãnh liệt, trong thời kỳ biệt ngã hóa, thì dãy thứ hai, Dãy Kim Tinh, cũng đồng thời hoạt động mãnh liệt qua bầu hành tinh thứ sáu (hay thứ hai) của nó. Điều này cho thấy rằng *các dãy có thể đồng thời hoạt động* và không nhất thiết tuần tự trong sắc tướng hay hoạt động (dù chúng có thể, ít nhất vào một số lúc, tuần tự về mặt nhấn mạnh).

296. We know that the period of full activation of the Mercury-chain has not yet appeared. Complete round development has not even occurred for the Earth-chain, so the Mercury-chain, the fifth, cannot be in full expression.

296. Chúng ta biết rằng thời kỳ hoạt hóa trọn vẹn của Dãy Thủy Tinh vẫn chưa xuất hiện. Sự phát triển trọn vẹn của cuộc tuần hoàn thậm chí còn chưa xảy ra đối với Dãy Địa Cầu, nên Dãy Thủy Tinh, tức dãy thứ năm, không thể đang ở trong sự biểu lộ đầy đủ.

297. Yet, the Mercury-chain is clearly implicated in the process which originated on the Venus-chain's sixth (or second) globe. We can infer this because the Mercury-globe received direct simulation from that Venus-globe of the Venus-chain, apparently via the Mercury-globe of the Venus-chain.

297. Tuy nhiên, Dãy Thủy Tinh rõ ràng có liên can trong tiến trình khởi phát trên bầu hành tinh thứ sáu (hay thứ hai) của Dãy Kim Tinh. Chúng ta có thể suy ra điều này vì bầu hành tinh Thủy Tinh đã nhận được sự kích thích trực tiếp từ bầu hành tinh Kim Tinh ấy của Dãy Kim Tinh, dường như qua trung gian bầu hành tinh Thủy Tinh của chính Dãy Kim Tinh.

298. In the coming Aquarian Age, the middle decanate period, some eight hundred

298. Trong Kỷ Nguyên Bảo Bình sắp đến, thời kỳ thập độ giữa, vào khoảng tám trăm

years from now, will be ruled by Mercury. The influence of the Mercury globe of the Earth-chain will probably be very strong at that time, and energizing it, the Mercury-chain of the Earth-scheme and also, the planet Mercury, itself.

năm nữa, sẽ do Thủy Tinh cai quản. Ảnh hưởng của bầu hành tinh Thủy Tinh của Dãy Địa Cầu có lẽ sẽ rất mạnh vào thời điểm ấy, và tiếp năng lượng cho nó sẽ là Dãy Thủy Tinh của hệ hành tinh Địa Cầu và cả chính hành tinh Thủy Tinh nữa.

299. DK does not name the globes of the Earth-chain, other than Venus, Earth and Mercury—again the all important triangle when it comes to manasic development.

299. Chân sư DK không nêu tên các bầu hành tinh của Dãy Địa Cầu, ngoài Kim Tinh, Địa Cầu và Thủy Tinh—một lần nữa lại là tam giác hết sức quan trọng khi nói đến sự phát triển manas.

300. In some theosophical books names are given for these globes. The one that stands out as often repeated is the name “Mars” for the third globe. This correlates with the denomination at the scheme level, for the third scheme within ‘greater Saturn’ is the *Mars* scheme.

300. Trong một số sách Thông Thiên Học, các tên gọi được đưa ra cho những bầu hành tinh này. Tên nổi bật vì thường được lặp lại là “Hỏa Tinh” cho bầu hành tinh thứ ba. Điều này tương ứng với cách gọi ở cấp độ hệ hành tinh, vì hệ hành tinh thứ ba trong ‘Saturn lớn hơn’ là hệ hành tinh *Hỏa Tinh*.

301. Those wish to may search the theosophical literature to find other names. They are not given here.

301. Ai muốn thì có thể tra cứu văn liệu Thông Thiên Học để tìm các tên khác. Chúng không được nêu ở đây.

302. There is a section in TCF where it mentions major chains (as well as major rays, principles, planes, manvantaras root races, etc.).

302. Có một đoạn trong Luận về Lửa Vũ Trụ nhắc đến các dãy chính yếu (cũng như các cung chính yếu, các nguyên khí, các cõi, các giai kỳ sinh hóa, các giống dân gốc, v.v.).

303. If DK is speaking of the Earth-scheme, and if He is using the term “chains” in a literal way and not as a blind for “schemes”, then His assessment of what are the major chains does not accord with Chart VII. He says

303. Nếu Chân sư DK đang nói về hệ hành tinh Địa Cầu, và nếu Ngài dùng thuật ngữ “dãy” theo nghĩa đen chứ không như một bức màn che cho “hệ hành tinh”, thì sự đánh giá của Ngài về những dãy nào là chính yếu không phù hợp với Biểu đồ VII. Ngài nói

7 Chains Major 1-4-7 (TCF 600)

7 Dãy Chính Yếu 1-4-7 (TCF 600)

304. We can see that the Earth-chain (the fourth) is substituted for the Venus-chain (the second).

304. Chúng ta có thể thấy rằng Dãy Địa Cầu (dãy thứ tư) được thay thế cho Dãy Kim Tinh (dãy thứ hai).

305. All these are intricate matters and, we remember, will evoke much more widespread interest in the beginning of the fifth round!

305. Tất cả những điều này đều là những vấn đề phức tạp và, chúng ta nhớ rằng, sẽ khơi dậy mối quan tâm rộng rãi hơn nhiều vào đầu cuộc tuần hoàn thứ năm!

306. When we look at the Earth-chain we can see that it is quite closely a reflection of the Earth-scheme, *except* that the inner three *globes* of the Earth-chain are arranged in inverted order when compared with the inner three *chains* of the Earth-scheme.

306. Khi nhìn vào Dãy Địa Cầu, chúng ta có thể thấy rằng nó phản chiếu khá gần hệ hành tinh Địa Cầu, *ngoại trừ* việc ba *bầu hành tinh* bên trong của Dãy Địa Cầu được sắp xếp theo trật tự đảo ngược khi so với ba *dãy* bên trong của hệ hành tinh Địa Cầu.

307. In the Earth-scheme the seventh chain is elevated and thus, closer, to 'central Saturn'. In the Earth-chain, the seventh globe rests below globes three and five.

307. Trong hệ hành tinh Địa Cầu, dãy thứ bảy được nâng cao lên và do đó gần hơn với 'Saturn trung tâm'. Trong Dãy Địa Cầu, bầu hành tinh thứ bảy nằm bên dưới các bầu hành tinh ba và năm.

308. The numbers associated with the central factors are also different; the central three chains within the Earth-scheme are the first, second and the seventh. The central three globes within the Earth-chain are the third, the fifth and the seventh. Only the seventh is repeated.

308. Các con số gắn với các yếu tố trung tâm cũng khác nhau; ba dãy trung tâm trong hệ hành tinh Địa Cầu là dãy thứ nhất, thứ hai và thứ bảy. Ba bầu hành tinh trung tâm trong Dãy Địa Cầu là bầu hành tinh thứ ba, thứ năm và thứ bảy. Chỉ có số bảy là lặp lại.

309. Yet, we can see that the Earth-chain is the only chain in the Earth-scheme which exhibits a square (just as the Earth-scheme, as a whole, does).

309. Tuy nhiên, chúng ta có thể thấy rằng Dãy Địa Cầu là dãy duy nhất trong hệ hành tinh Địa Cầu biểu lộ một hình vuông (cũng như toàn bộ hệ hành tinh Địa Cầu vậy).

310. This square identifies the Earth-chain as a *material* chain, or, at least, as the *most material* chain in the Earth-scheme.

310. Hình vuông này xác định Dãy Địa Cầu là một dãy *vật chất*, hay ít nhất là dãy *vật chất nhất* trong hệ hành tinh Địa Cầu.

311. The Earth-chain is the focus of planetary logoic activity and also of present solar logoic emphasis. Both of these Logoi are undergoing initiatory experiences in which the fourth chain is involved. The Earth-scheme is to the Solar Logos as the

311. Dãy Địa Cầu là tiêu điểm của hoạt động hành tinh thượng đế và cũng là tiêu điểm của sự nhấn mạnh hiện nay của Thái dương Thượng đế. Cả hai Đấng Thượng đế này đều đang trải qua những kinh nghiệm điểm đạo trong đó dãy thứ tư có liên hệ. Hệ hành tinh Địa Cầu đối với Thái dương Thượng đế cũng

Earth-chain is the Planetary Logos of the Earth-scheme.

312. The fourth globe of the Earth-chain is darkened more completely than any of the other forty-eight globes. This fourth globe is our home and the particular globe of the Earth-scheme which is most resonant to the Crucifixion process through which the Planetary Logos is passing.

313. Interestingly, this fourth globe is simply called "Earth". When the term "Earth" is used in the Teaching, we will have to be alert to see whether the Earth-globe is meant.

314. The Saturn-chain and the Venus-chain are both arranged (hexagonally and quasi-hexagonally, respectively) so as to provide a reasonable reflection of the scheme arrangement in 'greater Saturn' (TCF 373). The globes in the Earth-chain are not arranged in this way, nor are those of the Mercury-chain or the Mars-chain. We cannot tell what the arrangement would be for the Neptune or Jupiter chains as their portrayal is conventionalized.

315. The Mercury-chain, home of future development within the Earth-scheme, is complex. The smaller globes are one, two, three and six. One, two and three form a triangle, which when six is added, make a diamond. This diamond is composed of two small triangles.

316. A slightly larger triangle is composed of the three larger globes—globes four, five and seven.

như Dãy Địa Cầu đối với Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh Địa Cầu.

312. Bầu hành tinh thứ tư của Dãy Địa Cầu bị làm tối đi hoàn toàn hơn bất kỳ bầu hành tinh nào khác trong bốn mươi tám bầu hành tinh. Bầu hành tinh thứ tư này là quê hương của chúng ta và là bầu hành tinh đặc thù của hệ hành tinh Địa Cầu cộng hưởng mạnh nhất với tiến trình Đóng Đinh mà Hành Tinh Thượng Đế đang trải qua.

313. Điều đáng chú ý là bầu hành tinh thứ tư này đơn giản được gọi là "Địa Cầu". Khi thuật ngữ "Địa Cầu" được dùng trong Giáo Huấn, chúng ta sẽ phải tỉnh táo để xem có phải bầu hành tinh Địa Cầu được hàm ý hay không.

314. Dãy Thổ Tinh và Dãy Kim Tinh đều được sắp xếp (lần lượt theo hình lục giác và gần-lục-giác) sao cho tạo nên một phản chiếu hợp lý của sự sắp xếp các hệ hành tinh trong 'Saturn lớn hơn' (TCF 373). Các bầu hành tinh trong Dãy Địa Cầu không được sắp xếp theo cách này, và các bầu hành tinh của Dãy Thủy Tinh hay Dãy Hỏa Tinh cũng vậy. Chúng ta không thể biết sự sắp xếp sẽ ra sao đối với các dãy Hải Vương Tinh hay Mộc Tinh vì hình biểu hiện của chúng đã được quy ước hóa.

315. Dãy Thủy Tinh, nơi cư ngụ của sự phát triển tương lai trong hệ hành tinh Địa Cầu, thì phức tạp. Các bầu hành tinh nhỏ là một, hai, ba và sáu. Một, hai và ba tạo thành một tam giác, và khi thêm sáu vào thì thành một hình thoi. Hình thoi này được cấu thành bởi hai tam giác nhỏ.

316. Một tam giác hơi lớn hơn được cấu thành bởi ba bầu hành tinh lớn hơn—các bầu hành tinh bốn, năm và bảy.

317. Obviously, the arrangement of these globes must be very significant but meaningful interpretation lies beyond our capacity.

317. Hiển nhiên, sự sắp xếp của các bầu hành tinh này hẳn phải rất có thâm nghĩa, nhưng sự diễn giải có ý nghĩa nằm ngoài khả năng của chúng ta.

318. We do see, however, when comparing the Venus and Mercury chains, that the largest three globes form a kind of *anchoring triangle* at the bottom of the figure representing the chains.

318. Tuy nhiên, khi so sánh Dãy Kim Tinh và Dãy Thủy Tinh, chúng ta quả có thấy rằng ba bầu hành tinh lớn nhất tạo thành một loại *tam giác neo giữ* ở đáy của hình biểu thị các dãy.

319. We might say that within the figure of Mercury, there are four major triangles, from one perspective: The following numbers represent globes and the triangular relations between them.

319. Chúng ta có thể nói rằng trong hình của Thủy Tinh, có bốn tam giác chính yếu, xét từ một góc nhìn: các con số sau đây biểu thị các bầu hành tinh và các quan hệ tam giác giữa chúng.

a. 1—2—3

a. 1—2—3

b. 2—3—6

b. 2—3—6

c. 4—5—7.

c. 4—5—7.

d. 4—7—1.

d. 4—7—1.

320. Only one triangle is composed entirely of large globes (4—5—7). One triangle has two large globes and one small globe. The other two triangles have three small globes each, two of which they share along a base line.

320. Chỉ có một tam giác được cấu thành hoàn toàn bởi các bầu hành tinh lớn (4—5—7). Một tam giác có hai bầu hành tinh lớn và một bầu hành tinh nhỏ. Hai tam giác còn lại mỗi tam giác có ba bầu hành tinh nhỏ, trong đó chúng cùng chia sẻ hai bầu hành tinh dọc theo một đường đáy.

321. From another perspective, the appearance of the Mercury-chain is of a diamond hovering over and interpenetrating a triangle. The triangle seems foundational. The diamond, however, suggests the dorje and also numerous energy 'flows' depicted in the latter part of Esoteric Astrology.

321. Từ một góc nhìn khác, sắc tướng của Dãy Thủy Tinh là một hình thoi lơ lửng phía trên và xuyên nhập một tam giác. Tam giác dường như là nền tảng. Tuy nhiên, hình thoi gợi ý dorje và cũng gợi ý nhiều 'dòng chảy' năng lượng được mô tả trong phần sau của Chiêm Tinh Học Nội Môn.

322. One very significant placement is of the fifth globe, which is a large globe.

322. Một vị trí rất có ý nghĩa là vị trí của bầu hành tinh thứ năm, vốn là một bầu hành tinh lớn.

323. The subsidiary monadic ray of Mercury is hypothesized as the fifth, and the fifth ray, in general, is intimately linked to the significance of Mercury. To find the fifth globe in a central position, is, thus, meaningful.

323. Cung chân thần phụ của Thủy Tinh được giả định là cung năm, và cung năm nói chung liên hệ mật thiết với thâm nghĩa của Thủy Tinh. Vì vậy, việc thấy bầu hành tinh thứ năm ở một vị trí trung tâm là điều có ý nghĩa.

324. As previously stated, to find the fourth globe as one of the large globes is also meaningful as the fourth ray is almost certainly the soul ray of the Logos of the Mercury-scheme.

324. Như đã nói trước đây, việc thấy bầu hành tinh thứ tư là một trong các bầu hành tinh lớn cũng có ý nghĩa, vì cung bốn gần như chắc chắn là cung linh hồn của Thượng đế của hệ hành tinh Thủy Tinh.

325. The fifth globe is large in all three chains—the Earth-chain, the Venus-chain and the Mercury-chain. So it is the seventh. In the Venus-chain and the Earth-chain, the third globe is also large.

325. Bầu hành tinh thứ năm là lớn trong cả ba dãy—Dãy Địa Cầu, Dãy Kim Tinh và Dãy Thủy Tinh. Bầu hành tinh thứ bảy cũng vậy. Trong Dãy Kim Tinh và Dãy Địa Cầu, bầu hành tinh thứ ba cũng lớn.

326. Close examination reveals that the energy impulse from the sixth (or second) globe of the Venus-chain, went first to the Mercury globe (the fifth) of the Venus-chain, and only then into the Earth-chain, and the Mercury-globe of the Earth-chain. This would be an interesting fine point, if study of the diagram warrants this conclusion.

326. Khảo sát kỹ cho thấy xung lực năng lượng từ bầu hành tinh thứ sáu (hay thứ hai) của Dãy Kim Tinh, trước hết đi đến bầu hành tinh Thủy Tinh (thứ năm) của Dãy Kim Tinh, rồi chỉ sau đó mới đi vào Dãy Địa Cầu và bầu hành tinh Thủy Tinh của Dãy Địa Cầu. Đây sẽ là một điểm tinh tế thú vị, nếu việc nghiên cứu sơ đồ bảo đảm cho kết luận này.

327. The diagram for the Mercury-chain is irregular just as was the diagram of the Mercury-scheme (Chart VI). The Mercury-chain diagram somehow lacks the symmetry found in all the other chain diagrams.

327. Sơ đồ của Dãy Thủy Tinh là bất quy tắc, cũng như sơ đồ của hệ hành tinh Thủy Tinh đã từng như vậy (Biểu đồ VI). Sơ đồ Dãy Thủy Tinh dường như thiếu sự đối xứng thấy có trong tất cả các sơ đồ dãy khác.

328. This may have something to do with the transformational process through which

the Mercurian impulse is passing at this time.

328. Điều này có thể có liên hệ nào đó với tiến trình chuyển đổi mà xung lực Thủy Tinh đang trải qua vào lúc này.

329. The centrality of the fifth globe in the Mercury-chain is important in another respect; it is placed directly above the sixth globe which is enclosed in the center of the large, basal triangle consisting of the fourth, fifth and seventh globes.

329. Tính trung tâm của bầu hành tinh thứ năm trong Dãy Thủy Tinh còn quan trọng ở một phương diện khác; nó được đặt trực tiếp phía trên bầu hành tinh thứ sáu, vốn được bao bọc trong trung tâm của tam giác lớn ở đáy gồm các bầu hành tinh thứ tư, thứ năm và thứ bảy.

330. It would seem that the sixth ray is 'at the mercy' of the globes surrounding it, and that the fifth globe (a large globe) hovering over the sixth globe, suggests the power of mind to abstract from the six of desire.

330. Có vẻ như cung sáu đang 'phó mặc' cho các bầu hành tinh bao quanh nó, và rằng bầu hành tinh thứ năm (một bầu hành tinh lớn) lơ lửng phía trên bầu hành tinh thứ sáu gợi ý quyền năng của trí tuệ trong việc trừu xuất khỏi số sáu của dục vọng.

331. Perhaps the Buddha's abilities to abstract the mind from desire had something to do with the configuration of this fifth chain, for qualitatively and symbolically, Buddha is Mercury.

331. Có lẽ khả năng của Đức Phật trong việc trừu xuất trí tuệ khỏi dục vọng có liên hệ nào đó với cấu hình của dãy thứ năm này, vì về phẩm tính và biểu tượng, Đức Phật là Thủy Tinh.

332. Mind came to animal man, who before that event was very much ruled by the six of desire. The configuration of the Mercury-chain demonstrates the appropriateness of its participation in the individualization process.

332. Trí tuệ đã đến với người thú, mà trước biến cố ấy bị cai quản rất nhiều bởi số sáu của dục vọng. Cấu hình của Dãy Thủy Tinh chứng minh tính thích đáng của sự tham dự của nó trong tiến trình biệt ngã hóa.

333. In the Mercury-chain the one/two/three hover above the four/five/six/seven. This is not entirely so in the Venus-chain where the three is found as a foundational globe.

333. Trong Dãy Thủy Tinh, một/hai/ba lơ lửng phía trên bốn/năm/sáu/bảy. Điều này không hoàn toàn đúng trong Dãy Kim Tinh, nơi số ba được thấy như một bầu hành tinh nền tảng.

334. In some ways, the diagram for the Mercury-chain presents an incomplete pentagram. If the arm created by the link between the second and third globes were lengthened a pentagram could be created.

334. Theo một số phương diện, sơ đồ của Dãy Thủy Tinh trình bày một ngôi sao năm cánh chưa hoàn chỉnh. Nếu cánh tay được tạo bởi mối nối giữa bầu hành tinh thứ hai và thứ ba được kéo dài ra, một ngôi sao năm

But the Mercury diagram presents a more 'arrow-like' or 'rocket-like' figure which suggests direction and mobility. There is a 'point' to the figure and it is 'on its way'.

cánh có thể được tạo thành. Nhưng sơ đồ Thủy Tinh lại trình bày một hình thể giống 'mũi tên' hay 'hỏa tiễn' hơn, gợi ý phương hướng và tính động. Có một 'điểm' nơi hình thể ấy và nó đang 'trên đường đi'.

335. One can somewhat imagine, that extensive contemplation upon these various configurations would be repaid with insight.

335. Người ta phần nào có thể hình dung rằng việc chiêm ngưỡng sâu rộng các cấu hình khác nhau này sẽ được đền đáp bằng linh thị.

336. The Venus-chain, the Earth-chain and the Mercury-chain are the three most articulated and labeled chains. We consider them the three most important at this time (at least with respect to humanity which is attempting to develop solar angelic intelligence and love—in short, the number *five*).

336. Dãy Kim Tinh, Dãy Địa Cầu và Dãy Thủy Tinh là ba dãy được phân định rõ và gắn nhãn rõ nhất. Chúng ta xem chúng là ba dãy quan trọng nhất vào lúc này (ít nhất là đối với nhân loại đang cố phát triển trí tuệ và bác ái thái dương thiên thần—nói ngắn gọn là con số *năm*).

337. There is much of interest in the diagram of the Mars chain, but its globes are neither numbered nor labeled.

337. Có nhiều điều đáng quan tâm trong sơ đồ của Dãy Hỏa Tinh, nhưng các bầu hành tinh của nó không được đánh số cũng không được gắn nhãn.

338. However, there is something beautifully symmetrical about the Mars-chain, even more symmetrical, if we look closely, than the Venus-chain.

338. Tuy nhiên, có điều gì đó đẹp đẽ và đối xứng nơi Dãy Hỏa Tinh, thậm chí còn đối xứng hơn, nếu nhìn kỹ, so với Dãy Kim Tinh.

339. Mars, of course, is a prominent transmitter of the sixth ray (even if the sixth ray is the personality ray of the Logos of Mars), so to see the Mars-chain as the numerologically *sixth* chain is reasonable.

339. Dĩ nhiên, Hỏa Tinh là một tác nhân truyền dẫn nổi bật của cung sáu (dù cung sáu là cung phàm ngã của Thượng đế của Hỏa Tinh), nên việc thấy Dãy Hỏa Tinh là dãy *thứ sáu* về mặt số học là điều hợp lý.

340. Three of the globes are large and four are small.

340. Ba bầu hành tinh là lớn và bốn bầu hành tinh là nhỏ.

341. The Mars-chain is arranged as two triangles, one within the other, and a central point or globe. The triangle of large globes is enclosed within the triangle of small globes.

341. Dãy Hỏa Tinh được sắp xếp thành hai tam giác, một ở trong tam giác kia, và một điểm hay bầu hành tinh trung tâm. Tam giác các bầu hành tinh lớn được bao bọc trong

This gives the large globes a degree of centrality—a trend that is found only within the Earth-chain where the three large globes are enclosed within the square. In all other chains, the three large globes are not central, though in the Venus-chain and the Mercury-chain, one large globe is central.

tam giác các bầu hành tinh nhỏ. Điều này đem lại cho các bầu hành tinh lớn một mức độ trung tâm—một xu hướng chỉ thấy trong Dãy Địa Cầu, nơi ba bầu hành tinh lớn được bao bọc trong hình vuông. Trong tất cả các dãy khác, ba bầu hành tinh lớn không ở trung tâm, dù trong Dãy Kim Tinh và Dãy Thủy Tinh, có một bầu hành tinh lớn ở trung tâm.

342. There is a commonality between the Mercury-chain and the Mars-chain in that, in both, we find a globe enclosed within a triangle. In the Mars-chain a small globe is enclosed within a triangle of large globes, and in the Mercury-chain, a large globe is enclosed within a triangle of small globes. In the Mercury-chain, there is also a small globe (globe six) enclosed within a triangle of large globes—globes four, five and seven.

342. Có một điểm chung giữa Dãy Thủy Tinh và Dãy Hỏa Tinh ở chỗ trong cả hai, chúng ta đều thấy một bầu hành tinh được bao bọc trong một tam giác. Trong Dãy Hỏa Tinh, một bầu hành tinh nhỏ được bao bọc trong một tam giác các bầu hành tinh lớn, còn trong Dãy Thủy Tinh, một bầu hành tinh lớn được bao bọc trong một tam giác các bầu hành tinh nhỏ. Trong Dãy Thủy Tinh, cũng có một bầu hành tinh nhỏ (bầu hành tinh sáu) được bao bọc trong một tam giác các bầu hành tinh lớn—các bầu hành tinh bốn, năm và bảy.

343. The triangles found in the Mars-chain are equilateral: the equilateral triangle can be hypothesized as the triangle of the first ray, whereas the isosceles triangle is the triangle of the second ray; the 3—4—5. triangle may be seen as the triangle of the third ray.

343. Các tam giác thấy trong Dãy Hỏa Tinh là tam giác đều: tam giác đều có thể được giả định là tam giác của cung một, trong khi tam giác cân là tam giác của cung hai; tam giác 3—4—5 có thể được xem là tam giác của cung ba.

344. The Mars-chain figure seems to demonstrate an upward, outward bound orientation. It appears to be an orientation of 'escape' from the confines of the Earth-scheme, and (if the larger map is consulted) it points directly towards 'central Saturn'. Mars as a planet is closely related to the planet Saturn, as has often been described.

344. Hình thể của Dãy Hỏa Tinh dường như biểu lộ một định hướng hướng lên trên, hướng ra ngoài. Nó có vẻ là một định hướng 'thoát ra' khỏi các giới hạn của hệ hành tinh Địa Cầu, và (nếu tham khảo bản đồ lớn hơn) nó chỉ thẳng về phía 'Saturn trung tâm'. Hỏa Tinh với tư cách một hành tinh liên hệ mật thiết với hành tinh Thổ Tinh, như thường được mô tả.

345. The figure of the 'arrow' seems much represented in the Mars-chain diagram. The

345. Hình tượng 'mũi tên' dường như được biểu hiện rất nhiều trong sơ đồ Dãy Hỏa

planet Mars, we know, is the hierarchical ruler of the 'sign of the arrow', Sagittarius. The glyph of Mars, further, includes an arrow.

Tinh. Chúng ta biết hành tinh Hỏa Tinh là chủ tinh huyền giai của 'dấu hiệu mũi tên', Nhân Mã. Hơn nữa, ký hiệu của Hỏa Tinh cũng bao gồm một mũi tên.

346. In the Mars-chain, the two triangles are oriented in the same direction; they are not interlocking, as in the case of the "Seal of Solomon" represented by the Saturn-chain.

346. Trong Dãy Hỏa Tinh, hai tam giác được định hướng theo cùng một chiều; chúng không đan khóa vào nhau như trong trường hợp "Ấn Solomon" được biểu hiện bởi Dãy Thổ Tinh.

347. Yet, overall, a great picture of balance is conveyed.

347. Tuy nhiên, nhìn tổng thể, một bức tranh lớn về sự quân bình được truyền đạt.

348. Can the Mars-chain be associated with the advent of buddhic energy, a time when the lower triangle of personality will be harmoniously embraced by the higher triangle of the spiritual triad?

348. Liệu Dãy Hỏa Tinh có thể được liên hệ với sự giáng lâm của năng lượng Bồ đề, vào thời điểm khi tam giác thấp của phàm ngã sẽ được tam giác cao của Tam nguyên tinh thần ôm lấy một cách hài hòa chăng?

349. Perhaps, it will be wise to attend to the Tibetan when He advises us to number the chains and globes and do not depend so much upon their names. If we do so, we shall see something of buddhic harmony and balance working through this sixth chain.

349. Có lẽ sẽ là khôn ngoan nếu chú ý đến Chân sư Tây Tạng khi Ngài khuyên chúng ta hãy đánh số các dãy và các bầu hành tinh, và đừng quá lệ thuộc vào tên gọi của chúng. Nếu làm như vậy, chúng ta sẽ thấy phần nào sự hài hòa và quân bình Bồ đề đang hoạt động qua dãy thứ sáu này.

350. When the sixth chain if the focal point for planetary logoic attention, the square of the Earth-chain will have been transformed into the double triangle.

350. Khi dãy thứ sáu là tiêu điểm cho sự chú tâm của Hành Tinh Thượng Đế, hình vuông của Dãy Địa Cầu sẽ được chuyển đổi thành tam giác kép.

351. One would suppose that, just as there are sacred and non-sacred planetary *schemes*, there must be (relatively considered) sacred and non-sacred planetary *chains*.

351. Người ta hẳn sẽ cho rằng, cũng như có những *hệ hành tinh* thiêng liêng và không thiêng liêng, thì cũng phải có (xét tương đối) những *dãy* hành tinh thiêng liêng và không thiêng liêng.

352. Mars is considered a non-sacred scheme, but will that status be reflected in the *chain* named for the "God of War"? This remains to be seen.

352. Hỏa Tinh được xem là một hệ hành tinh không thiêng liêng, nhưng liệu địa vị ấy có được phản ánh trong *dãy* mang tên "Thần

Chiến Tranh" hay không? Điều này còn phải chờ xem.

353. Although the planet Mars is said to be less sacred than planet Earth, the appearance of the chains within the Earth-scheme, does not make it appear as if the Mars-chain is less sacred than the Earth-chain—in fact the contrary is the case.

353. Dù hành tinh Hỏa Tinh được nói là kém thiêng liêng hơn hành tinh Địa Cầu, sắc tướng của các dãy trong hệ hành tinh Địa Cầu lại không khiến người ta thấy như thể Dãy Hỏa Tinh kém thiêng liêng hơn Dãy Địa Cầu—thật ra điều ngược lại mới đúng.

354. Really, the Mars-chain somewhat represents the tetrahedron—the "Platonic Solid" fittingly associated with *fire,* for Mars is a god of war and fire (and ruler of the first fire sign, Aries).

354. Thật vậy, Dãy Hỏa Tinh phần nào biểu hiện khối tứ diện—"Khối Đa Diện Plato" được gắn một cách thích đáng với *lửa,* vì Hỏa Tinh là một vị thần của chiến tranh và lửa (và là chủ tinh của dấu hiệu hành hỏa đầu tiên, Bạch Dương).

355. When we come to the Saturn-chain, we are confronted with a mystery. Why is this chain not called the Moon-chain? Were all aspects and vehicles of the Moon-chain destroyed when the Solar Logos interrupted its progress in ages long past? Did not the Chain Lord expressing through the Moon-chain remain in place as a necessary chakra of the Planetary Logos?

355. Khi đến với Dãy Thổ Tinh, chúng ta đối diện với một huyền nhiệm. Vì sao dãy này không được gọi là Dãy Mặt Trăng? Phải chăng mọi phương diện và vận cụ của Dãy Mặt Trăng đã bị hủy diệt khi Thái dương Thượng đế ngắt quãng tiến trình của nó trong những thời đại xa xưa? Chẳng phải Chúa Tể của Dãy biểu lộ qua Dãy Mặt Trăng vẫn còn ở nguyên vị trí như một luân xa cần thiết của Hành Tinh Thượng Đế sao?

356. Or was there a reformulation of a vehicle of expression for that Chain Lord, and is His reformulated vehicle called the Saturn-chain?

356. Hay đã có một sự tái cấu tạo vận cụ biểu lộ cho Chúa Tể của Dãy ấy, và vận cụ được tái cấu tạo của Ngài được gọi là Dãy Thổ Tinh?

357. It seems necessary to think that the same Chain Lord is involved in the third chain, but that He has renewed opportunity.

357. Dường như cần phải nghĩ rằng cùng một Chúa Tể của Dãy có liên hệ trong dãy thứ ba, nhưng Ngài có một cơ hội mới.

358. Another perspective, however, might indicate that the Lord of the Moon-chain subjectively coalesced with the Lord of the Earth-chain, and that, consequently, the evolution proceeding on the Earth-chain at present is a dual evolution involving not

358. Tuy nhiên, một góc nhìn khác có thể cho thấy rằng Chúa Tể của Dãy Mặt Trăng đã kết hợp một cách chủ quan với Chúa Tể của Dãy Địa Cầu, và do đó, sự tiến hoá hiện đang diễn ra trên Dãy Địa Cầu là một sự tiến hoá kép không chỉ bao gồm hai trật tự sự sống

only two orders of life but, perhaps, the attention of two Chain-Lords (the Lord of the Earth-chain and the Lord of the Moon-chain—attempting to see if He can 'get it right' this time.

359. The symmetry of the third chain is similar to the symmetry of the sixth. The numbers three and six are closely related (as DK has told us) and so are Saturn and Mars when considered planetarily.

360. There is a similarity in the appearance of these two chains, just as one can see similarities in the appearance of the Venus-chain and Mercury-chain.

361. For the Mercury-chain and Venus-chain, the number five is very important; for the Saturn-chain and Mars-chain, the numbers three and six are significant. One can easily see the six in relation to the Mars-chain through the two major triangles, one within the other; one can see the six in the Saturn-chain through the hexagonal configuration suggesting two interlocked triangles. Each of them has a central globe.

362. We remember that the number *six* represents form and the deva kingdom. Both Saturn and Mars are, in a way, 'Lords of Form'. Saturn rules the systemic and cosmic physical planes and Mars is the planet most associated with the Creative Hierarchy of "Lunar Lords".

363. Planetarily, Saturn is far more sacred than Mars, yet the Saturn-chain is the third and has already had much difficulty (in its earlier 'incarnation' as the Moon-chain)—unless, of course, there is a distinct Globe Lord for the Saturn-chain.

mà có lẽ còn bao gồm sự chú tâm của hai Chúa Tể của Dãy (Chúa Tể của Dãy Địa Cầu và Chúa Tể của Dãy Mặt Trăng—đang cố xem liệu lần này Ngài có thể 'làm cho đúng' hay không.

359. Tính đối xứng của dãy thứ ba tương tự tính đối xứng của dãy thứ sáu. Các số ba và sáu liên hệ mật thiết với nhau (như Chân sư DK đã nói với chúng ta) và Thổ Tinh với Hỏa Tinh cũng vậy khi xét theo hành tinh.

360. Có một sự tương tự trong sắc tướng của hai dãy này, cũng như người ta có thể thấy những điểm tương tự trong sắc tướng của Dãy Kim Tinh và Dãy Thủy Tinh.

361. Đối với Dãy Thủy Tinh và Dãy Kim Tinh, số năm rất quan trọng; đối với Dãy Thổ Tinh và Dãy Hỏa Tinh, các số ba và sáu có ý nghĩa. Người ta có thể dễ dàng thấy số sáu liên hệ với Dãy Hỏa Tinh qua hai tam giác chính yếu, một ở trong tam giác kia; người ta có thể thấy số sáu trong Dãy Thổ Tinh qua cấu hình lục giác gợi ý hai tam giác đan khóa. Mỗi dãy đều có một bầu hành tinh trung tâm.

362. Chúng ta nhớ rằng số *sáu* biểu thị hình tướng và giới thiên thần. Theo một nghĩa nào đó, cả Thổ Tinh lẫn Hỏa Tinh đều là 'Chúa Tể của Hình Tướng'. Thổ Tinh cai quản các cõi hồng trần hệ thống và vũ trụ, còn Hỏa Tinh là hành tinh liên hệ nhiều nhất với Huyền Giai Sáng Tạo của các "Nguyệt tinh quân".

363. Xét theo hành tinh, Thổ Tinh thiêng liêng hơn Hỏa Tinh rất nhiều, thế nhưng Dãy Thổ Tinh là dãy thứ ba và đã từng gặp nhiều khó khăn (trong 'lần lâm phàm' trước đó của nó với tư cách Dãy Mặt Trăng)—trừ phi, dĩ

nhiên, có một Chúa Tể Bầu Hành Tinh riêng biệt cho Dãy Thổ Tinh.

364. We have two hypotheses going:

364. Chúng ta đang có hai giả thuyết:

a. Either that the Globe-Lord of the Saturn-chain is a new incarnation of the Globe-Lord of the Moon-chain.

a. Hoặc là Chúa Tể Bầu Hành Tinh của Dãy Thổ Tinh là một lần lâm phàm mới của Chúa Tể Bầu Hành Tinh của Dãy Mặt Trăng.

b. OR, that the Globe-Lord of the Saturn-chain is distinct from the Globe-Lord of the Moon-chain. The Globe-Lord of the Saturn-chain has replaced the Globe-Lord of the Moon-chain, Who is now cooperating with the Globe Lord of the Earth-chain in supervising a chain (the fourth) through which both Moon-chain and Earth-chain entities are manifesting.

b. HOẶC, Chúa Tể Bầu Hành Tinh của Dãy Thổ Tinh là khác với Chúa Tể Bầu Hành Tinh của Dãy Mặt Trăng. Chúa Tể Bầu Hành Tinh của Dãy Thổ Tinh đã thay thế Chúa Tể Bầu Hành Tinh của Dãy Mặt Trăng, Đấng hiện đang hợp tác với Chúa Tể Bầu Hành Tinh của Dãy Địa Cầu trong việc giám sát một dãy (dãy thứ tư) qua đó các thực thể của cả Dãy Mặt Trăng lẫn Dãy Địa Cầu đang biểu hiện.

365. When looking at the Saturn-chain, we see none of the chaos which is suggested when one thinks of the process through which the Moon-chain passed.

365. Khi nhìn vào Dãy Thổ Tinh, chúng ta không thấy chút hỗn loạn nào được gợi ra khi nghĩ đến tiến trình mà Dãy Mặt Trăng đã trải qua.

366. Instead there is symmetry and completeness.

366. Thay vào đó là sự đối xứng và tính hoàn chỉnh.

367. It is difficult to imagine what role the Saturn-chain plays now. Has it helped to reorganize the chaotic material forces remaining in the wake of the Moon-chain debacle?

367. Thật khó hình dung Dãy Thổ Tinh hiện đang đóng vai trò gì. Phải chăng nó đã giúp tái tổ chức các lực vật chất hỗn loạn còn sót lại sau thảm họa của Dãy Mặt Trăng?

368. Saturn is a kind of Saviour. He once ‘stepped in’ when a bridge was needed from the disrupted first solar system to the present system. He assisted many thereby, for there was a failure within the first solar system just as there was a failure in relation to the Moon-chain.

368. Thổ Tinh là một loại Đấng Cứu Thế. Ngài đã từng ‘can thiệp’ khi cần một cây cầu từ hệ mặt trời thứ nhất bị gián đoạn sang hệ hiện tại. Nhờ đó Ngài đã trợ giúp nhiều người, vì đã có một thất bại trong hệ mặt trời thứ nhất cũng như đã có một thất bại liên hệ đến Dãy Mặt Trăng.

369. Could it be that again, the Saturn energy is providing a kind of bridge which

369. Có thể chăng một lần nữa, năng lượng Thổ Tinh đang cung cấp một loại cây cầu

assists with the redemption of chaotic energies remaining after the Moon-chain process was prematurely halted by the intervention of the Solar Logos? This, at least, would be a good reason for calling the third chain the Saturn-chain.

giúp vào việc cứu chuộc các năng lượng hỗn loạn còn lại sau khi tiến trình Dãy Mặt Trăng bị chấm dứt non yểu bởi sự can thiệp của Thái dương Thượng đế? Ít nhất, đây sẽ là một lý do chính đáng để gọi dãy thứ ba là Dãy Thổ Tinh.

370. Chaos and lawlessness reigned on the Moon-chain; the application of *law and order* was needed; Saturn was needed, and not a Chain Lord responsive to the Saturn energy holds the place where chaos once prevailed.

370. Hỗn loạn và vô luật lệ đã ngự trị trên Dãy Mặt Trăng; việc áp dụng *luật pháp và trật tự* là điều cần thiết; Thổ Tinh là điều cần thiết, và giờ đây một Chúa Tể của Dãy đáp ứng với năng lượng Thổ Tinh đang giữ vị trí nơi hỗn loạn từng ngự trị.

371. Is the same Chain Lord involved? This is certainly one hypothesis—the Lord of the Saturn-chain would (were this hypothesis) a new incarnation of the Lord of the Moon-chain, emerging in a new form of expression.

371. Có phải cùng một Chúa Tể của Dãy có liên hệ không? Đây chắc chắn là một giả thuyết—Chúa Tể của Dãy Thổ Tinh sẽ (nếu giả thuyết này đúng) là một lần lâm phàm mới của Chúa Tể của Dãy Mặt Trăng, xuất hiện trong một hình thức biểu lộ mới.

372. We also know that the Saturn and the Moon are very closely related. The symbol of the Moon is even included in the glyph for the planet Saturn.

372. Chúng ta cũng biết rằng Thổ Tinh và Mặt Trăng liên hệ rất mật thiết với nhau. Biểu tượng của Mặt Trăng thậm chí còn được bao gồm trong ký hiệu của hành tinh Thổ Tinh.

373. Further, Saturn is the major planet of the third ray and so it is fitting that the name Saturn be assigned to the third chain of the Earth-scheme.

373. Hơn nữa, Thổ Tinh là hành tinh chính yếu của cung ba và vì vậy thật thích hợp khi tên Thổ Tinh được gán cho dãy thứ ba của hệ hành tinh Địa Cầu.

374. YET, the other hypothesis cannot be dismissed as the following reference indicates:

374. TUY NHIÊN, giả thuyết kia không thể bị bác bỏ như tài liệu dẫn chiếu sau đây cho thấy:

The Moon chain with the Earth chain formed two units, or two polarities, negative and positive. The point of merging was reached, and **the Earth chain absorbed or synthesised the moon chain in the same sense as certain of the schemes will merge until only three will apparently be left.**

Dãy Mặt Trăng cùng với Dãy Địa Cầu tạo thành hai đơn vị, hay hai cực tính, âm và dương. Điểm dung hợp đã đạt tới, và **Dãy Địa Cầu đã hấp thu hay tổng hợp Dãy Mặt Trăng theo cùng ý nghĩa như một số hệ hành tinh sẽ dung hợp cho đến khi dường như chỉ còn lại ba hệ. Vì vậy, Dãy Địa Cầu**

Therefore the Earth chain is essentially dual in its nature, being the sumtotal of a male and a female chain. This is a mystery impossible to elucidate further, but it is dealt with in certain occult books, and hinted at by H. P. B.47 (TCF 414)

về bản chất là nhị nguyên, vì là tổng thể của một dãy nam và một dãy nữ. Đây là một huyền nhiệm không thể làm sáng tỏ thêm, nhưng được bàn đến trong một số sách huyền bí học, và được H. P. B.47 ám chỉ. (TCF 414)

375. If the Earth-chain synthesized the Moon-chain, could it be that the Chain Lord of the Moon-chain was also, in some occult manner, absorbed into the Chain-Lord of the Earth-chain?

375. Nếu Dãy Địa Cầu đã tổng hợp Dãy Mặt Trăng, liệu có thể chăng Chúa Tể của Dãy Mặt Trăng cũng, theo một cách huyền bí nào đó, được hấp thu vào Chúa Tể của Dãy Địa Cầu?

376. It would seem that the Moon-chain was the "male" chain and the Earth-chain the "female".

376. Có vẻ như Dãy Mặt Trăng là dãy "nam" và Dãy Địa Cầu là dãy "nữ".

377. These two alternatives bear pondering.

377. Hai khả năng này đáng để suy ngẫm.

378. There is little to be said about the first and seventh chains. The Logos of our Earth-scheme is not ready to tread the path of higher initiations, at which time the numbers one and seven become so significant. These numbers relate to the crown center and to the base of the spine center—activated fully only at the end of the initiation process.

378. Có rất ít điều để nói về dãy thứ nhất và dãy thứ bảy. Hành Tinh Thượng Đế của hệ Địa Cầu chúng ta chưa sẵn sàng bước trên Con đường điểm đạo cao hơn, vào thời điểm mà các số một và bảy trở nên có ý nghĩa đến thế. Các con số này liên hệ với trung tâm đỉnh đầu và trung tâm đáy cột sống—chỉ được hoạt hóa trọn vẹn vào cuối tiến trình điểm đạo.

379. Whatever is transpiring in relation to the first and seventh chains in our Earth-scheme, it is a mystery.

379. Bất cứ điều gì đang diễn ra liên quan đến dãy thứ nhất và dãy thứ bảy trong hệ Địa Cầu của chúng ta, đó vẫn là một huyền nhiệm.

380. The names however, can be found to correlate with the rays, even if not in an entirely direct manner.

380. Tuy nhiên, các tên gọi có thể được thấy là tương ứng với các cung, dù không theo một cách hoàn toàn trực tiếp.

381. Neptune carries a trident and so does the First Person, Shiva, of the Hindu Triumurti.

381. Sao Hải Vương mang cây đinh ba và Ngôi Vị Thứ Nhất, Shiva, của Tam Vị Ấn giáo cũng vậy.

382. Jupiter rules ceremonial worship and thus the fittingness of His assignment to the seventh chain.

382. Sao Mộc cai quản sự thờ phụng nghi lễ và do đó sự thích hợp của Ngài đối với dãy thứ bảy.

383. The mysteries of the schemes, chains and globes are great. Truly, we have not even scratched the surface. We have been given diagrams which tell us a little something, but we are still woefully ignorant of even that which transpires upon and within our own globe. Our scope, therefore, is still very narrow. We are not on intimate terms with the *quality* of the globes of our own chain, and even less with the quality of the chains in our own scheme.

383. Các huyền nhiệm của các hệ hành tinh, các dãy và các bầu hành tinh thật lớn lao. Thật vậy, chúng ta thậm chí còn chưa chạm tới bề mặt. Chúng ta đã được trao cho những sơ đồ nói cho chúng ta biết đôi chút, nhưng chúng ta vẫn đáng buồn thay còn vô cùng thiếu hiểu biết ngay cả về những gì diễn ra trên và trong chính bầu hành tinh của mình. Vì vậy, phạm vi của chúng ta vẫn còn rất hẹp. Chúng ta chưa có sự quen biết mật thiết với *phẩm tính* của các bầu hành tinh trong chính dãy của mình, và lại càng ít hơn với phẩm tính của các dãy trong chính hệ hành tinh của mình.

384. We have a map which feeds the intellect, but first hand experience with the different globes and eventually, the chains, is required. Perhaps we shall solve these matters, when, like the Master, we are no longer confined to a single globe.

384. Chúng ta có một tấm bản đồ nuôi dưỡng trí tuệ, nhưng cần có kinh nghiệm trực tiếp với các bầu hành tinh khác nhau và cuối cùng là các dãy. Có lẽ chúng ta sẽ giải được những vấn đề này khi, giống như Chân sư, chúng ta không còn bị giới hạn trong một bầu hành tinh duy nhất nữa.

385. Much more work is needed; much group discussion, and an attempt to work rigorously with the Law of Correspondence.

385. Cần nhiều công việc hơn nữa; nhiều thảo luận nhóm hơn nữa, và một nỗ lực làm việc nghiêm ngặt với định luật tương ứng.

386. As we go along, ideas about these charts will probably arise and further comment will be provided.

386. Khi chúng ta tiếp tục tiến bước, những ý tưởng về các biểu đồ này có lẽ sẽ nảy sinh và sẽ có thêm những lời bình giải.

b. The Fourth Kingdom and the Hierarchy of the Planet. Certain facts have already been grasped and realised by the average occult student who has been pondering this teaching with care. He is aware that the juncture of Spirit-matter and mind, or manas, was effected during the third root-race, and that

b. Giới thứ tư và Thánh Đoàn của Hành Tinh. Một số sự kiện đã được đạo sinh huyền bí học trung bình, người đã suy ngẫm cẩn trọng về giáo huấn này, nắm bắt và chứng nghiệm. Y nhận thức rằng sự giao hội của tinh thần-vật chất và trí tuệ, hay manas, đã được thực hiện trong giống dân gốc thứ ba, và **rằng gia đình**

the definitely human family became present upon earth from that date.

nhân loại xác định đã hiện diện trên địa cầu từ thời điểm ấy.

387. There was perhaps a kind of human family preceding the juncture here referenced, but it was the family of "animal-man", non-individualized.

387. Có lẽ đã có một loại gia đình nhân loại đi trước sự giao hội được nói đến ở đây, nhưng đó là gia đình của "người thú", chưa được biệt ngã hóa.

388. Humanity (as a *definite* human family) appears only after individualization.

388. Nhân loại (như một *xác định* gia đình nhân loại) chỉ xuất hiện sau khi biệt ngã hóa.

He knows that this was brought about by the coming, in bodily Presence, of certain great Entities, and he has learned that these Entities came from the Venusian chain, that They achieved the necessary juncture, undertook the government of the planet, founded the occult Hierarchy, and that—though some remain with the chain—the remainder have returned to Their originating source. This in many ways sums up the totality of the present knowledge.

Y biết rằng điều này đã được mang lại bởi sự giáng lâm, **trong Hiện Diện bằng thể,** của một số Thực Thể vĩ đại, và y đã học được rằng **các Thực Thể này đến từ dãy Kim Tinh,** rằng Các Ngài đã thực hiện sự giao hội cần thiết, đảm nhận việc cai quản hành tinh, sáng lập Thánh Đoàn huyền bí, và rằng—**dù một số vẫn ở lại với dãy**—phần còn lại đã trở về nguồn gốc xuất phát của Các Ngài. Điều này theo nhiều cách tóm lược toàn bộ tri thức hiện nay.

389. The Tibetan continues with His summary.

389. Chân sư Tây Tạng tiếp tục phần tóm lược của Ngài.

390. Let us tabulate the summary:

390. Chúng ta hãy lập bảng phần tóm lược:

a. Great Entities came in bodily Presence to the Earth-chain and to the Earth-globe.

a. Các Thực Thể vĩ đại đã đến Dãy Địa Cầu và bầu hành tinh Địa Cầu trong Hiện Diện bằng thể.

b. These Entities came from the Venus-chain of the Earth-scheme.

b. Các Thực Thể này đến từ dãy Kim Tinh của hệ Địa Cầu.

c. These Entities achieved the necessary juncture

c. Các Thực Thể này đã thực hiện sự giao hội cần thiết

d. These Entities undertook the government of the planet

d. Các Thực Thể này đã đảm nhận việc cai quản hành tinh

e. These Entities founded the occult Hierarchy

e. Các Thực Thể này đã sáng lập Thánh Đoàn huyền bí

f. Most of these Entities have returned to Their original source while some remain

f. Phần lớn các Thực Thể này đã trở về nguồn gốc ban đầu của Các Ngài trong khi một số vẫn ở lại

391. We are being told that Sanat Kumara and His group came from the Venus-chain of the Earth-scheme. Sanat Kumara is called the "Lord of Venusian Love". Does this mean that He has always been of the Earth-scheme, but is influenced by a stream of Love from the Venus-scheme?

391. Chúng ta đang được cho biết rằng Đức Sanat Kumara và nhóm của Ngài đến từ dãy Kim Tinh của hệ Địa Cầu. Đức Sanat Kumara được gọi là "Chúa Tể của Bác Ái Kim Tinh". Điều này có nghĩa là Ngài luôn thuộc về hệ Địa Cầu, nhưng chịu ảnh hưởng bởi một dòng Bác Ái từ hệ Kim Tinh chăng?

392. The phrase "in bodily Presence" is important. Does this signify only an etheric presence or one that is physical as well? It would seem that the "God-Kings" of ancient times, had to appear in such a manner that they could be seen, and that the newly form men of the period definitely had gross physical vehicles.

392. Cụm từ "trong Hiện Diện bằng thể" rất quan trọng. Điều này chỉ biểu thị một hiện diện dĩ thái hay cả một hiện diện hồng trần nữa? Có vẻ như các "Thần Vương" thời cổ phải xuất hiện theo cách để họ có thể được nhìn thấy, và những con người mới thành hình của thời kỳ ấy chắc chắn có những hiện thể hồng trần thô nặng.

393. However, the perception of these early men may have been such that the etheric world was revealed to them. HPB seems to tell us this. Thus, the term "in bodily Presence" may well mean "etheric". Some of the Solar Angels and perhaps members of the early Hierarchy, however, did take physical bodies of density greater than the etheric.

393. Tuy nhiên, tri giác của những con người sơ khai này có thể đã là như thế khiến thế giới dĩ thái được mặc khải cho họ. HPB dường như nói với chúng ta điều này. Vì vậy, thuật ngữ "trong Hiện Diện bằng thể" rất có thể có nghĩa là "dĩ thái". Tuy nhiên, một số Thái dương Thiên Thần và có lẽ các thành viên của Thánh Đoàn sơ kỳ đã khoác lấy những thể xác có mật độ lớn hơn dĩ thái.

394. Of that early group of “Kumaras”, there are some, we are told, who have remained with the chain. The majority, so it appears, have returned to the Venus-chain, Their “originating source”. The places of those who have returned have been taken by the “Sons of Men” (the majority of these replacements individualizing on the Moon-chain).

394. Trong nhóm “Kumaras” sơ kỳ ấy, như chúng ta được cho biết, có một số vị vẫn ở lại với dãy. Đa số, dường như vậy, đã trở về dãy Kim Tinh, nguồn gốc “xuất phát” của Các Ngài. Vị trí của những vị đã trở về đã được thay thế bởi “những người con của nhân loại” (đa số những vị thay thế này được biệt ngã hóa trên Dãy Mặt Trăng).

395. We may have to differentiate between—

395. Có lẽ chúng ta phải phân biệt giữa—

a. The juncture of Spirit, matter and mind during the third root race. This occurred more than twenty-one million years ago.

a. Sự giao hội của tinh thần, vật chất và trí tuệ trong giống dân gốc thứ ba. Điều này xảy ra hơn hai mươi mốt triệu năm trước.

b. The arising of the “definitely human family at the time of the coming of Sanat Kumara and His fellow Kumaras. This occurred some eighteen and a half million years ago.

b. Sự xuất hiện của “gia đình nhân loại xác định” vào thời điểm Đức Sanat Kumara và các Kumaras đồng hành của Ngài giáng lâm. Điều này xảy ra khoảng mười tám triệu rưỡi năm trước.

396. The type of humanity produced by the original coming of the Lords of the Flame may, perhaps, not be regarded as “definitely human”. It is an interesting consideration. “The tiny babe knew it not”.

396. Loại nhân loại được tạo ra bởi sự giáng lâm ban đầu của các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa có lẽ chưa thể được xem là “xác định là nhân loại”. Đây là một điều đáng suy ngẫm. “Đứa hài nhi bé nhỏ không biết điều đó”.

"The sons of God shot forth like arrows from the bow. The forms received the impulse and lo! a God was born. The tiny babe knew not the great event." (TWM 440)

“Các Con của Thượng đế phóng ra như những mũi tên từ cây cung. Các hình tướng tiếp nhận xung lực và kìa! một vị thần đã ra đời. Đứa hài nhi bé nhỏ không biết biến cố lớn lao ấy.” (TWM 440)

397. DK is offering us a summary of the present knowledge of the average student of occultism.

397. Chân sư DK đang trao cho chúng ta một bản tóm lược về tri thức hiện nay của đạo sinh huyền bí học trung bình.

Let us briefly enlarge upon it, correct certain erroneous interpretations, and ascertain one or two new facts. We might tabulate these as follows:

Chúng ta hãy mở rộng ngắn gọn về điều đó, sửa lại một số cách diễn giải sai lầm, và xác định một hay hai sự kiện mới. Chúng ta có thể lập bảng như sau:

398. Our knowledge of these points is about to be expanded.

First, it should be borne in mind by the occult student that:

a. This advent signalised the taking of a physical vehicle by the planetary Logos, **and was literally the coming of the Avatar.**

399. The coming of Sanat Kumara and the founding of the occult Hierarchy were both the taking of a physical vehicle by the Planetary Logos *and* an *initiation*.

400. Sanat Kumara is to be considered an Avatar. We must remain alert to this when we hear that an Avatar will one day toward the end of our planetary manifestation, walk the Earth.

401. The redeeming Avatar, the Saviour of our Planet came from the Venus chain within the *same planetary scheme*—the Earth-scheme.

402. We must realize that the physical level of the Earth-globe had been *there* for a long time, and that the consciousness of the Planetary Logos pervaded that physical level as it does all levels of His planetary scheme, but that the focussed attention of the Planetary Logos (via Sanat Kumara) was not present before the period under discussion.

b. That this advent was brought about by a definite systemic alignment which involved:

398. Tri thức của chúng ta về những điểm này sắp được mở rộng.

Trước hết, đạo sinh huyền bí học nên ghi nhớ rằng:

a. Sự giáng lâm này báo hiệu việc Hành Tinh Thượng Đế khoác lấy một hiện thể hồng trần, **và theo nghĩa đen là sự giáng lâm của Đấng Hoá Thân.**

399. Sự giáng lâm của Đức Sanat Kumara và việc sáng lập Thánh Đoàn huyền bí vừa là việc Hành Tinh Thượng Đế khoác lấy một hiện thể hồng trần *vừa* là một *điểm đạo*.

400. Đức Sanat Kumara phải được xem là một Đấng Hoá Thân. Chúng ta phải luôn tỉnh táo về điều này khi nghe rằng một Đấng Hoá Thân một ngày kia, vào gần cuối biểu hiện hành tinh của chúng ta, sẽ bước đi trên Trái Đất.

401. Đấng Hoá Thân cứu chuộc, Đấng Cứu Thế của Hành Tinh chúng ta, đến từ dãy Kim Tinh trong *cùng một hệ hành tinh*—hệ Địa Cầu.

402. Chúng ta phải nhận ra rằng cấp độ hồng trần của bầu hành tinh Địa Cầu đã *ở đó* từ rất lâu, và tâm thức của Hành Tinh Thượng Đế đã thấm khắp cấp độ hồng trần ấy như nó thấm khắp mọi cấp độ của hệ hành tinh của Ngài, nhưng sự chú tâm tập trung của Hành Tinh Thượng Đế (qua Đức Sanat Kumara) đã không hiện diện trước thời kỳ đang được bàn đến.

b. Rằng sự giáng lâm này được mang lại bởi một sự chỉnh hợp hệ thống xác định, bao gồm:

The Venus scheme of the system.

Hệ Kim Tinh của hệ mặt trời.

The Venus chain of the Earth scheme.

Dãy Kim Tinh của hệ Địa Cầu.

The Venus globe of the Earth chain.

Bầu hành tinh Kim Tinh của Dãy Địa Cầu.

403. This is by now a familiar idea to the majority.

403. Đến nay đây đã là một ý tưởng quen thuộc với đa số.

404. The fourth chain within the Venus-scheme should also be listed in this tabulation. Perhaps, within Venus, there were also certain globes involved in the "advent".

404. Dãy thứ tư trong hệ Kim Tinh cũng nên được liệt kê trong bảng này. Có lẽ, trong Kim Tinh, cũng có một số bầu hành tinh liên quan đến "sự giáng lâm".

405. Usually, when we speak of "advent", we mean the coming of Christ—initially in Palestine a recurrence of which (globally and not locally considered) is prophesied to occur in the relatively immediate future.

405. Thông thường, khi nói về "sự giáng lâm", chúng ta muốn nói đến sự đến của Đức Christ—ban đầu tại Palestine, và sự tái diễn của điều đó (xét trên quy mô toàn cầu chứ không phải địa phương) được tiên tri sẽ xảy ra trong tương lai tương đối gần.

406. The coming of Sanat Kumara and His one hundred and four Kumaras, was a most significant *advent* in planetary history. The seed of the Christ-consciousness was planted by the Solar Angels and nurtured by the Spiritual Hierarchy.

406. Sự giáng lâm của Đức Sanat Kumara và một trăm lẻ bốn Kumaras của Ngài là một *sự giáng lâm* vô cùng trọng đại trong lịch sử hành tinh. Hạt giống của tâm thức Christ đã được các Thái dương Thiên Thần gieo trồng và được Thánh đoàn tinh thần nuôi dưỡng.

c. That the planetary Logos did not come from the Venus scheme but from the Venus chain **of His own scheme, the Earth scheme.**

c. Rằng Hành Tinh Thượng Đế không đến từ hệ Kim Tinh mà từ dãy Kim Tinh **của chính hệ của Ngài, tức hệ Địa Cầu.**

407. This is for many a clarification. No doubt, however, there was inspiration from the Venus scheme affecting the Venus-chain of the Earth-scheme.

407. Đối với nhiều người, đây là một sự làm sáng tỏ. Tuy nhiên, chắc chắn đã có cảm hứng từ hệ Kim Tinh tác động đến dãy Kim Tinh của hệ Địa Cầu.

408. What is meant by the phrase "His own scheme"? Are we speaking, again, of Sanat

408. Cụm từ "chính hệ của Ngài" có nghĩa gì? Phải chăng chúng ta lại đang nói về Đức

Kumara *as if* He were truly the Planetary Logos of the Earth-scheme?

409. There are so many specifications defining Sanat Kumara's identity that it is difficult to think of Him as *only* the Planetary Logos of the Earth-scheme; it is easier to think of Him as some kind of Representative of the fulness of the Planetary Logos. Yet it cannot be denied that in some references Sanat Kumara is given equivalence with the Planetary Logos of the Earth-scheme.

Owing to systemic [Page 387] alignment logoic kundalini could flow through a certain triangle of which two points were Venus and the Earth.

410. As discussed on several occasions (and once in this Commentary), the other member of the systemic triangle was probably Saturn.

411. There is a very close relation between Sanat Kumara and Saturn as a study of Their names will indicate.

412. Saturn, we know, is also intimately related to the Earth-scheme, as the mental body of a great third ray Entity in relation to which Earth is as the physical body and Mars the astral body.

413. It is clear that the coming of Sanat Kumara was not only a planetary event but a *solar* event as well, for *logoic* kundalini was involved.

414. We note that in order for kundalini to flow, a certain alignment is necessary. We should remember this in relation to the flow

Sanat Kumara *như thể* Ngài thật sự là Hành Tinh Thượng Đế của hệ Địa Cầu?

409. Có quá nhiều xác định định nghĩa căn tính của Đức Sanat Kumara đến nỗi khó mà nghĩ về Ngài như *chỉ* là Hành Tinh Thượng Đế của hệ Địa Cầu; dễ hơn nếu nghĩ về Ngài như một loại Đại Diện của sự viên mãn của Hành Tinh Thượng Đế. Tuy vậy, không thể phủ nhận rằng trong một số chỗ dẫn, Đức Sanat Kumara được xem là tương đương với Hành Tinh Thượng Đế của hệ Địa Cầu.

Do sự chỉnh hợp hệ thống [Page 387] kundalini logoic có thể lưu chuyển qua một tam giác mà hai điểm là Kim Tinh và Địa Cầu.

410. Như đã được bàn đến trong nhiều dịp (và một lần trong phần Bình Giải này), thành viên còn lại của tam giác hệ thống ấy có lẽ là Sao Thổ.

411. Có một mối liên hệ rất mật thiết giữa Đức Sanat Kumara và Sao Thổ như việc nghiên cứu tên của Các Ngài sẽ cho thấy.

412. Chúng ta biết rằng Sao Thổ cũng liên hệ mật thiết với hệ Địa Cầu, như thể trí của một Thực Thể vĩ đại cung ba mà trong tương quan với Ngài, Địa Cầu như thể xác và Sao Hỏa như thể cảm dục.

413. Rõ ràng sự giáng lâm của Đức Sanat Kumara không chỉ là một biến cố hành tinh mà còn là một biến cố *thái dương* nữa, vì kundalini *logoic* đã tham dự vào đó.

414. Chúng ta lưu ý rằng để kundalini có thể lưu chuyển, cần có một sự chỉnh hợp nhất định. Chúng ta nên nhớ điều này liên hệ với

of kundalini within the microcosmic system.

sự lưu chuyển của kundalini trong hệ tiểu thiên địa.

415. Is the relationship between Venus and Earth within the solar system analogous to the relationship between the manasic permanent atom and the mental unit in the microcosm? In other words, is the Solar Logos beginning to build His antahkarana using both Earth and Venus? Saturn, interestingly, is often associated with the lowest part of the antahkarana—that connecting the mental unit with the egoic lotus.

415. Mối quan hệ giữa Kim Tinh và Địa Cầu trong hệ mặt trời có tương tự với mối quan hệ giữa nguyên tử trường tồn manas và đơn vị hạ trí trong tiểu thiên địa không? Nói cách khác, phải chăng Thái dương Thượng đế đang bắt đầu xây dựng antahkarana của Ngài bằng cách sử dụng cả Địa Cầu lẫn Kim Tinh? Điều thú vị là Sao Thổ thường được liên kết với phần thấp nhất của antahkarana —phần nối đơn vị hạ trí với Hoa Sen Chân Ngã.

416. If Saturn, Mercury, Venus and Earth were all involved, the building of an antahkarana connecting Venus and the Earth would proceed apace.

416. Nếu Sao Thổ, Sao Thủy, Kim Tinh và Địa Cầu đều tham dự, việc xây dựng một antahkarana nối Kim Tinh và Địa Cầu sẽ tiến triển nhanh chóng.

417. Our Solar Logos is a cosmic Initiate of the second degree, and thus, the time would be appropriate to build the solar systemic rainbow bridge, which proceeds in earnest before the taking of the third initiation. This is analogized from the process as it relates to the microcosm.

417. Thái dương Thượng đế của chúng ta là một điểm đạo đồ vũ trụ cấp hai, và do đó thời điểm này thích hợp để xây dựng Cây cầu vồng hệ thống thái dương, vốn được xúc tiến mạnh mẽ trước khi diễn ra lần điểm đạo thứ ba. Điều này được suy diễn theo phép tương tự từ tiến trình liên hệ với tiểu thiên địa.

This caused an acceleration of vibration, and enabled the Heavenly Man of our scheme to take a minor initiation, **and to set about His preparations for a major initiation.**

Điều này gây ra một sự gia tốc rung động, và giúp Đấng Thiên Nhân của hệ chúng ta có thể nhận một điểm đạo nhỏ, **và bắt đầu chuẩn bị cho một điểm đạo lớn.**

418. It seems suggested that through the coming of Sanat Kumara to our chain and globe, the Heavenly Man of the Earth-scheme took a “minor initiation”.

418. Dường như có sự gợi ý rằng qua sự giáng lâm của Đức Sanat Kumara đến dãy và bầu hành tinh của chúng ta, Đấng Thiên Nhân của hệ Địa Cầu đã nhận một “điểm đạo nhỏ”.

419. The status of this particular initiation has to be determined by a close examination of several references.

419. Tình trạng của điểm đạo đặc biệt này phải được xác định bằng cách khảo sát kỹ nhiều chỗ dẫn.

420. The following reference seems to contradict the section immediately above:

Thirdly, initiations in which a Heavenly Man may take either a minor or a major initiation, thereby involving His entire nature. For instance, when individualisation took place during the Lemurian, or the third root race, and the human family in this cycle definitely came into manifestation, **it signified a major initiation for our Heavenly Man.** The present stimulation in hierarchical effort is leading up to a lesser initiation. Each great cycle sees a major initiation of a Heavenly Man taken on one or other of the globes, and herein again complication lies, and much food for thought. (IHS 181)

421. Even the impending fourth initiation, is not really considered a *major* initiation for the Planetary Logos. Yet, a major initiation will transpire in the fifth round (though still focussed in the Earth-chain, and perhaps focussed on the Earth-globe).

422. So we have—

a. An initiation which occurred with the coming of the Lords of the Flame and, later, Sanat Kumara. This was *either* major or minor, depending on the perspective. Because the book *Initiation: Human and Solar* was written for the general public, the designation "major" or "minor" may not have been as exacting as in *A Treatise on Cosmic Fire.*

b. An initiation through which the Planetary Logos is now passing; it is a kind of

420. Chỗ dẫn sau đây dường như mâu thuẫn với đoạn ngay trên:

Thứ ba, những điểm đạo trong đó một Đấng Thiên Nhân có thể nhận hoặc một điểm đạo nhỏ hoặc một điểm đạo lớn, do đó liên hệ đến toàn bộ bản chất của Ngài. Chẳng hạn, khi sự biệt ngã hóa diễn ra trong thời Lemuria, hay giống dân gốc thứ ba, và gia đình nhân loại trong chu kỳ này xác định đi vào biểu hiện, **điều đó biểu thị một điểm đạo lớn đối với Đấng Thiên Nhân của chúng ta.** Sự kích thích hiện nay trong nỗ lực của Thánh Đoàn đang dẫn đến một điểm đạo nhỏ hơn. Mỗi chu kỳ lớn đều chứng kiến một điểm đạo lớn của một Đấng Thiên Nhân được nhận trên bầu hành tinh này hay bầu hành tinh khác, và chính trong đó có sự phức tạp, cùng nhiều điều đáng suy ngẫm. (IHS 181)

421. Ngay cả lần điểm đạo thứ tư sắp tới cũng thực ra không được xem là một điểm đạo *lớn* đối với Hành Tinh Thượng Đế. Tuy nhiên, một điểm đạo lớn sẽ diễn ra trong cuộc tuần hoàn thứ năm (dù vẫn tập trung trong Dãy Địa Cầu, và có lẽ tập trung trên bầu hành tinh Địa Cầu).

422. Vì vậy chúng ta có—

a. Một điểm đạo đã xảy ra cùng với sự giáng lâm của các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa và sau đó là Đức Sanat Kumara. Điểm đạo này *hoặc* là lớn hoặc nhỏ, tùy theo góc nhìn. Bởi vì cuốn *Điểm Đạo, Nhân Loại và Thái Dương* được viết cho công chúng nói chung, nên cách gọi "lớn" hay "nhỏ" có thể không chính xác nghiêm ngặt như trong *Luận về Lửa Vũ Trụ.*

b. Một điểm đạo mà Hành Tinh Thượng Đế hiện đang trải qua; đó là một loại Đóng Đinh

Crucifixion occurring on our chain and globe, but is considered "minor" by comparison with…

xảy ra trên dãy và bầu hành tinh của chúng ta, nhưng được xem là "nhỏ" so với…

c. An initiation to be taken in the fifth round of our present chain—an initiation considered (in relation to Sanat Kumara) *major.*

c. Một điểm đạo sẽ được nhận trong cuộc tuần hoàn thứ năm của dãy hiện tại của chúng ta—một điểm đạo được xem là (liên hệ với Đức Sanat Kumara) *lớn.*

423. There must necessarily be a fifth initiation occurring in relation to the fifth chain. Are we to consider this a still greater initiation than the major initiation which will occur in the fifth round on the fourth globe of the fourth chain?

423. Tất yếu phải có một lần điểm đạo thứ năm xảy ra liên hệ với dãy thứ năm. Chúng ta có nên xem đây là một điểm đạo còn lớn hơn điểm đạo lớn sẽ xảy ra trong cuộc tuần hoàn thứ năm trên bầu hành tinh thứ tư của dãy thứ tư không?

424. It can be seen how a number of different types of initiations are involved and it is difficult to rank them if we have only the choice of the terms "major" and "minor".

424. Có thể thấy rằng nhiều loại điểm đạo khác nhau có liên quan và thật khó xếp hạng chúng nếu chúng ta chỉ có thể chọn giữa các thuật ngữ "lớn" và "nhỏ".

425. The initiation to be taken by the Planetary Logos in the fifth chain is still minor when compared to the potential cosmic initiations which the Planetary Logos can take in this solar system. Chain initiations are not, per se, *cosmic* initiations, though perhaps a chain initiation of a certain number may coincide with a cosmic initiation (most likely of a different number).

425. Điểm đạo mà Hành Tinh Thượng Đế sẽ nhận trong dãy thứ năm vẫn còn là nhỏ khi so với các điểm đạo vũ trụ tiềm năng mà Hành Tinh Thượng Đế có thể nhận trong hệ mặt trời này. Các điểm đạo của dãy không phải, chính chúng, là những điểm đạo *vũ trụ*, dù có lẽ một điểm đạo của dãy ở một số nào đó có thể trùng hợp với một điểm đạo vũ trụ (rất có thể ở một số khác).

426. In short there seem to be:

426. Tóm lại dường như có:

a. Globe initiations

a. Các điểm đạo của bầu hành tinh

b. Chain initiations taken through a specific globe in the chain

b. Các điểm đạo của dãy được nhận qua một bầu hành tinh xác định trong dãy

c. Cosmic initiations which are really *scheme* initiations. These will be taken on a certain chain and probably implicate a certain globe,

c. Các điểm đạo vũ trụ mà thực ra là các điểm đạo của *hệ hành tinh*. Chúng sẽ được nhận trên một dãy nhất định và có lẽ liên can đến

but they are still of a cosmic or scheme nature (i.e., they involve the *entirety* of the Planetary Logos as He manifests through a scheme).

một bầu hành tinh nhất định, nhưng chúng vẫn mang bản chất vũ trụ hay bản chất hệ hành tinh (nghĩa là, chúng liên hệ đến *toàn thể* của Hành Tinh Thượng Đế khi Ngài biểu hiện qua một hệ hành tinh).

427. No matter what the type of initiation, the Planetary Logos is behind all of them and pervades them. On a higher turn of the spiral, the Solar Logos is behind and within all initiations of the Planetary Logoi.

427. Dù là loại điểm đạo nào, Hành Tinh Thượng Đế đều ở phía sau tất cả chúng và thấm khắp chúng. Ở một vòng xoắn cao hơn của đường xoắn ốc, Thái dương Thượng đế ở phía sau và bên trong mọi điểm đạo của các Hành Tinh Thượng Đế.

428. Was the coming of Sanat Kumara to our planet a kind of minor initiation concerning specifically our globe? Could we call it a chain initiation as well? It seems to too small in scope to call it any kind of scheme initiation which, by definition, should be both “major” and “cosmic”.

428. Sự giáng lâm của Đức Sanat Kumara đến hành tinh chúng ta có phải là một loại điểm đạo nhỏ liên hệ đặc biệt đến bầu hành tinh của chúng ta không? Chúng ta cũng có thể gọi đó là một điểm đạo của dãy chăng? Dường như phạm vi của nó quá nhỏ để gọi là bất kỳ loại điểm đạo nào của hệ hành tinh, vốn theo định nghĩa phải vừa “lớn” vừa “vũ trụ”.

429. May we assume that the “major initiation” for which the Planetary Logos began to prepare with the coming of Sanat Kumara to the Earth-globe was the second cosmic initiation (to be taken in the fifth round of the fourth chain on the fourth globe)? We are not told this, but we are told that in the fifth round of the fourth globe, fourth chain, the Planetary Logos will take a “major” initiation, so it does not seem unlikely that this is the one meant when we are told that preparations began with the coming of Sanat Kumara to our globe.

429. Chúng ta có thể giả định rằng “điểm đạo lớn” mà Hành Tinh Thượng Đế bắt đầu chuẩn bị cùng với sự giáng lâm của Đức Sanat Kumara đến bầu hành tinh Địa Cầu là điểm đạo vũ trụ thứ hai (sẽ được nhận trong cuộc tuần hoàn thứ năm của dãy thứ tư trên bầu hành tinh thứ tư) không? Chúng ta không được nói rõ điều này, nhưng chúng ta được cho biết rằng trong cuộc tuần hoàn thứ năm của bầu hành tinh thứ tư, dãy thứ tư, Hành Tinh Thượng Đế sẽ nhận một điểm đạo “lớn”, vì vậy có vẻ không phải là điều khó tin khi đây chính là điểm đạo được ngụ ý khi chúng ta được bảo rằng sự chuẩn bị đã bắt đầu cùng với sự giáng lâm của Đức Sanat Kumara đến bầu hành tinh của chúng ta.

430. Sanat Kumara is, it would seem, very much involved in this major initiation, for during the fifth round we shall have the "Judgment Day", which may indicate that

430. Đức Sanat Kumara, dường như, có liên hệ rất nhiều với điểm đạo lớn này, vì trong cuộc tuần hoàn thứ năm chúng ta sẽ có “Ngày Phán Xét”, điều này có thể chỉ ra rằng

the Self-assigned work of Sanat Kumara in relation to this globe has been completed.

công việc do chính Đức Sanat Kumara tự đảm nhận liên hệ với bầu hành tinh này đã hoàn tất.

Next, it should also be remembered that in considering this matter we must be careful to view it not only as it affects our own globe and its present humanity, but from the systemic and cosmic point of view, or from the angle of its importance to a planetary Logos and a solar Logos.

Tiếp theo, cũng nên nhớ rằng khi xem xét vấn đề này, chúng ta phải cẩn trọng **nhìn nó không chỉ như nó ảnh hưởng đến chính bầu hành tinh của chúng ta và nhân loại hiện tại của nó, mà còn từ quan điểm hệ thống và vũ trụ,** hay từ góc độ tầm quan trọng của nó đối với một Hành Tinh Thượng Đế và một Thái dương Thượng đế.

431. DK is anxious lest we confine our consideration to too small a sphere.

431. Chân sư DK lo ngại rằng chúng ta sẽ giới hạn sự xem xét của mình vào một khối cầu quá nhỏ.

432. As previously stated, the coming of Sanat Kumara was not just an event affecting animal man, and the inauguration and cultivation of newly individualized man; it was a planetary event and, in many ways, a *solar* event, probably coinciding with some aspect of the minor fourth initiation (in a series of nine) presumably being taken by our Solar Logos.

432. Như đã nói trước đây, sự giáng lâm của Đức Sanat Kumara không chỉ là một biến cố ảnh hưởng đến người thú, và việc khai mở cùng nuôi dưỡng con người mới được biệt ngã hóa; đó là một biến cố hành tinh và, theo nhiều cách, là một biến cố *thái dương*, có lẽ trùng hợp với một phương diện nào đó của lần điểm đạo nhỏ thứ tư (trong một chuỗi chín lần) mà có lẽ Thái dương Thượng đế của chúng ta đang nhận.

Hence it is a fact that this event was not only the result of the taking of a minor initiation by our Earth Logos, but in the Venus scheme it was signalised by the taking of a major initiation by the Venusian planetary Logos on His fifth chain.

Do đó, đây là một sự kiện rằng biến cố này không chỉ là kết quả của việc Địa Cầu Thượng đế của chúng ta nhận một điểm đạo nhỏ, mà trong hệ Kim Tinh nó đã được báo hiệu bởi việc Hành Tinh Thượng Đế Kim Tinh nhận một điểm đạo lớn trên dãy thứ năm của Ngài.

433. These are very powerful statements. The Planetary Logos of our Earth is destined to take a major initiation in the fourth round (presumably during the fifth chain round of His fourth chain).

433. Đây là những phát biểu rất mạnh mẽ. Hành Tinh Thượng Đế của Địa Cầu chúng ta được định mệnh sẽ nhận một điểm đạo lớn trong cuộc tuần hoàn thứ tư (có lẽ trong cuộc tuần hoàn dãy thứ năm của dãy thứ tư của Ngài).

434. Was the "major" initiation taken on Venus, major because it was a *chain* initiation—the initiation which coincided with expression through His fifth chain? This fifth initiation could have coincided with the fifth *scheme* round, and not only with a *chain* round. There is a difference and we should try to be clear about that difference.

434. Điểm đạo "lớn" được nhận trên Kim Tinh có phải là lớn vì đó là một điểm đạo của *dãy*—điểm đạo trùng hợp với sự biểu lộ qua dãy thứ năm của Ngài không? Điểm đạo thứ năm này có thể đã trùng hợp với cuộc tuần hoàn *hệ hành tinh* thứ năm, chứ không chỉ với một cuộc tuần hoàn của *dãy*. Có một sự khác biệt và chúng ta nên cố gắng làm rõ sự khác biệt ấy.

435. The Venusian major initiation seems to be far ahead of any kind of "major" initiation which our Planetary Logos could take in the fifth round of our Earth-chain. The major initiation which lies ahead of our Planetary Logos is not a fifth-*chain* initiation, because it will be a long time before our Planetary Logos is specifically focussed through His *fifth* chain as the Logos of Venus is now.

435. Điểm đạo lớn của Kim Tinh dường như vượt xa bất kỳ loại điểm đạo "lớn" nào mà Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta có thể nhận trong cuộc tuần hoàn thứ năm của Dãy Địa Cầu. Điểm đạo lớn đang ở phía trước Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta không phải là một điểm đạo của *dãy* thứ năm, vì sẽ còn rất lâu trước khi Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta được tập trung đặc biệt qua dãy *thứ năm* của Ngài như Hành Tinh Thượng Đế của Kim Tinh hiện nay.

436. If the second cosmic initiation is the "goal" for our Planetary Logos, what is the "goal" for the Logos of Venus? Was the cosmic second initiation taken at that the time of the great mutual interplay between the Planetary Logoi of Venus and the Earth? Or was it the cosmic *third,* of the kind of cosmic initiations available to Planetary Logoi? If the fifth chain and fifth chain round of the Logos of Venus was involved, the association with the *third initiation* is clear.

436. Nếu điểm đạo vũ trụ thứ hai là "mục tiêu" của Hành Tinh Thượng Đế chúng ta, thì "mục tiêu" của Hành Tinh Thượng Đế Kim Tinh là gì? Phải chăng điểm đạo vũ trụ thứ hai đã được nhận vào thời điểm có sự tương tác hỗ tương lớn lao giữa các Hành Tinh Thượng Đế của Kim Tinh và Địa Cầu? Hay đó là điểm đạo vũ trụ *thứ ba,* thuộc loại điểm đạo vũ trụ dành cho các Hành Tinh Thượng Đế? Nếu dãy thứ năm và cuộc tuần hoàn dãy thứ năm của Hành Tinh Thượng Đế Kim Tinh có liên quan, thì sự liên hệ với *lần điểm đạo thứ ba* là rõ ràng.

437. In any case, we are told that the coming of Sanat Kumara meant a *major* initiation for the Logos of the Venus-scheme. We are also told that at that time His (the Venusian Logos') *sixth* chain received a tremendous stimulation. So *two chains* of the Venus-scheme were strongly stimulated during that general period of planetary interplay

437. Dù sao đi nữa, chúng ta được cho biết rằng sự giáng lâm của Đức Sanat Kumara có nghĩa là một điểm đạo *lớn* đối với Hành Tinh Thượng Đế của hệ Kim Tinh. Chúng ta cũng được cho biết rằng vào lúc ấy dãy *thứ sáu* của Ngài (tức Hành Tinh Thượng Đế Kim Tinh) đã nhận một sự kích thích to lớn. Vì vậy *hai dãy* của hệ Kim Tinh đã được kích thích

between the Venus-scheme and the Earth-scheme lasting some two and half million years. (cf. TCF 378)

mạnh mẽ trong suốt giai đoạn tương tác hành tinh tổng quát giữa hệ Kim Tinh và hệ Địa Cầu kéo dài khoảng hai triệu rưỡi năm. (xem TCF 378)

In connection with a solar Logos **it followed upon the stimulation of one of His centres** and from **the geometrical progression of the fire through the earlier mentioned Triangle.**

Liên hệ với một Thái dương Thượng đế, **điều đó tiếp theo sau sự kích thích một trong các trung tâm của Ngài** và từ **sự tiến triển theo cấp số nhân của lửa qua Tam Giác đã được nhắc đến trước đó.**

438. We are trying to understand the meaning of the coming of Sanat Kumara from the solar logoic perspective.

438. Chúng ta đang cố gắng hiểu ý nghĩa của sự giáng lâm của Đức Sanat Kumara từ quan điểm của Thái dương Thượng đế.

439. The earlier mentioned Triangle included, we have proposed, Venus and Earth (given by the Tibetan) and Saturn (suggested in another reference—cf. TCF 181).

439. Tam Giác đã được nhắc đến trước đó, như chúng ta đã đề nghị, bao gồm Kim Tinh và Địa Cầu (do Chân sư Tây Tạng nêu ra) và Sao Thổ (được gợi ý trong một chỗ dẫn khác —xem TCF 181).

440. Was the stimulated center of the Solar Logos a planetary scheme? It is probable.

440. Trung tâm được kích thích của Thái dương Thượng đế có phải là một hệ hành tinh không? Điều đó có lẽ đúng.

441. If the stimulated center was a planetary scheme, was it one of the three centers to be found in the Triangle through which the fire of kundalini made its way? We do not know.

441. Nếu trung tâm được kích thích là một hệ hành tinh, thì đó có phải là một trong ba trung tâm được tìm thấy trong Tam Giác mà qua đó lửa kundalini đã đi qua không? Chúng ta không biết.

442. The only other planetary center mentioned as stimulated by logoic kundalini is Uranus.

442. Trung tâm hành tinh duy nhất khác được nhắc đến là được kích thích bởi kundalini logoic là Sao Thiên Vương.

443. Or, the center stimulated could be the Earth-scheme. We know the Solar Logos has turned His attention especially towards the Earth at this time in solar systemic history.

443. Hoặc, trung tâm được kích thích có thể là hệ Địa Cầu. Chúng ta biết Thái dương Thượng đế đã đặc biệt hướng sự chú tâm của Ngài về Địa Cầu vào thời điểm này trong lịch sử hệ mặt trời.

444. Or, the stimulated center could have been Venus, a kind of heart center within

444. Hoặc, trung tâm được kích thích có thể là Kim Tinh, một loại trung tâm tim trong hệ

the solar system (but more probably the solar plexus center of the Solar Logos).

mặt trời (nhưng có lẽ đúng hơn là trung tâm tùng thái dương của Thái dương Thượng đế).

445. DK simply does not let us know whether the stimulated center was *inside* the Triangle or outside it.

445. Chân sư DK đơn giản là không cho chúng ta biết liệu trung tâm được kích thích ở *bên trong* Tam Giác hay ở ngoài nó.

It has been stated that one hundred and four Kumaras came from Venus to the Earth; literally the figure is one hundred and five, when the synthesising Unit, the Lord of the World Himself, is counted as one.

Đã có lời nói rằng một trăm lẻ bốn Kumaras đã đến từ Kim Tinh tới Địa Cầu; **theo nghĩa đen con số là một trăm lẻ năm, khi Đơn Vị tổng hợp, chính Đức Chúa Tể Thế Giới, được tính là một.**

446. Sanat Kumara is to be considered the one hundred and fifth Kumara. His number then, is, in this context, *six*—fittingly the number of Shamballa when twenty-four is reduced to six.

446. Đức Sanat Kumara phải được xem là Kumara thứ một trăm lẻ năm. Vậy thì trong bối cảnh này, số của Ngài là khi ấy *sáu*—một cách thích hợp là con số của Shamballa khi hai mươi bốn được rút gọn thành sáu.

447. As stated, the one hundred and five did not literally come from Venus, but from the Venus-chain of the Earth-scheme.

447. Như đã nói, một trăm lẻ năm vị không thực sự đến từ Kim Tinh, mà từ dãy Kim Tinh của hệ Địa Cầu.

There remain still with Him the three Buddhas of Activity.

Vẫn còn ở lại với Ngài là ba Đức Phật Hoạt Động.

448. It would seem that these three Buddhas of Activity are the only ones of the original Kumaras remaining with Sanat Kumara. Yet, what of the three "Esoteric Kumaras", in relation to which the Buddhas of Activity are considered exoteric? Were They not among the original group, and have They not remained?

448. Có vẻ như ba Đức Phật Hoạt Động này là những vị duy nhất trong số các Kumaras nguyên thủy còn ở lại với Đức Sanat Kumara. Tuy nhiên, còn ba "Kumaras Nội Môn" thì sao, trong tương quan với Các Ngài, các Đức Phật Hoạt Động được xem là ngoại môn? Phải chăng Các Ngài không thuộc nhóm nguyên thủy, và chẳng phải Các Ngài cũng đã ở lại sao?

449. It would seem that the three "Esoteric Kumaras" could not have been replaced by any human being. It would be a disproportion to suggest it.

449. Có vẻ như ba "Kumaras Nội Môn" không thể đã được thay thế bởi bất kỳ con người nào. Sẽ là một sự mất cân xứng nếu đề nghị như vậy.

I would call attention to the dual significance of that name, "Buddha of Activity," bearing out, as it does, the reality of the fact that Entities at Their stage of evolution are active love-wisdom and embody in Themselves the two aspects.

Tôi muốn lưu ý đến ý nghĩa nhị nguyên của danh xưng ấy, "Đức Phật Hoạt Động", vì nó xác nhận thực tại của sự kiện rằng các Thực Thể ở giai đoạn tiến hoá của Các Ngài là bác ái-minh triết hoạt động và hiện thân trong Chính Các Ngài hai phương diện ấy.

450. Shall we say that the term "Buddha" suggests the second aspect, which can be described as the union of love and wisdom?

450. Chúng ta có nên nói rằng thuật ngữ "Phật" gợi ý phương diện thứ hai, có thể được mô tả là sự hợp nhất của bác ái và minh triết không?

451. The term "Activity" suggests the third aspect.

451. Thuật ngữ "Hoạt Động" gợi ý phương diện thứ ba.

452. When DK speaks of the "two aspects' "which the Buddhas of Activity embody, He seems to be speaking of the second and third aspects and not only of the duality known as "love-wisdom".

452. Khi Chân sư DK nói về "hai phương diện" mà các Đức Phật Hoạt Động hiện thân, dường như Ngài đang nói về phương diện thứ hai và thứ ba chứ không chỉ về nhị nguyên tính được biết đến như "bác ái-minh triết".

The three Buddhas of activity have a correspondence to the three persons of the Trinity.

Ba Đức Phật Hoạt Động có một sự tương ứng với ba ngôi của Tam Vị.

453. The Brahma, Vishnu and Shiva of our solar system (Who together are our solar systemic Trinity) are prototypes for our three Buddhas of Activity. There are, however, other and greater Buddhas connected with our planetary scheme, and They, too, could be considered reflections of the three Great Entities Who serve as the Trinity in relation to the Solar Logos. (cf. TCF 873)

453. Brahma, Vishnu và Shiva của hệ mặt trời chúng ta (Đấng cùng nhau tạo thành Tam Vị hệ mặt trời của chúng ta) là các nguyên mẫu cho ba Đức Phật Hoạt Động của chúng ta. Tuy nhiên, còn có những Đức Phật khác và vĩ đại hơn liên hệ với hệ hành tinh của chúng ta, và Các Ngài cũng có thể được xem là những phản ánh của ba Thực Thể Vĩ Đại phụng sự như Tam Vị trong tương quan với Thái dương Thượng đế. (xem TCF 873)

These Entities are divided into three groups of thirty-five each, and in Themselves embody the three major centres of the planetary Logos, those three groups which we know as the "three departments,"

Các Thực Thể này được chia thành ba nhóm, mỗi nhóm ba mươi lăm vị, và tự thân Các Ngài thể hiện ba trung tâm chính của Hành Tinh Thượng Đế, tức ba nhóm mà chúng ta biết là "ba ban".

454. DK is perhaps speaking of Sanat Kumara and the Kumaras Who came with Him.

454. Có lẽ Chân sư DK đang nói đến Đức Sanat Kumara và các Kumara đã đến cùng Ngài.

455. Three times thirty five equals one hundred and five. We are apparently speaking of the one hundred and five Kumaras, of which Sanat Kumara is one. Really, and in total if we include the three Esoteric Kumaras, there are one hundred and eight (a mystical and magical number having great importance in Hinduism).

455. Ba lần ba mươi lăm bằng một trăm lẻ năm. Rõ ràng chúng ta đang nói đến một trăm lẻ năm Kumara, trong đó Đức Sanat Kumara là một vị. Thực ra, và tính toàn bộ nếu kể cả ba Kumara Nội Môn, thì có một trăm lẻ tám vị (một con số thần bí và huyền thuật có tầm quan trọng lớn trong Ấn giáo).

456. Sanat Kumara must be listed in the same 'column' as one of the Buddhas of Activity—probably the second Buddha as Sanat Kumara is the greatest example of the Teaching Ray on our planet.

456. Đức Sanat Kumara phải được xếp trong cùng một "cột" với một trong các Đức Phật Hoạt Động—có lẽ là Đức Phật thứ hai vì Đức Sanat Kumara là tấm gương vĩ đại nhất của Cung Huấn Đạo trên hành tinh chúng ta.

457. The three major centers of the Planetary Logos (from the perspective of our globe) are Shamballa, Hierarchy and Humanity. These three, necessarily, must be found in relation to globes and chains other than our own. They pervade the planetary scheme.

457. Ba trung tâm chính của Hành Tinh Thượng Đế (xét từ góc độ bầu hành tinh của chúng ta) là Shamballa, Thánh Đoàn và nhân loại. Ba trung tâm này, tất yếu, cũng phải được tìm thấy trong tương quan với các bầu hành tinh và các Dãy khác ngoài dãy của chúng ta. Chúng thấm khắp hệ hành tinh.

458. Are there thirty-five Kumaras to be associated with Shamballa, thirty-five with Hierarchy and the same number with humanity? This is one interpretation.

458. Có phải có ba mươi lăm Kumara liên hệ với Shamballa, ba mươi lăm với Thánh Đoàn và cùng số ấy với nhân loại chăng? Đây là một cách giải thích.

459. Do one hundred and five Kumaras yet remain, or only *eight*? The Kumaras comprised the original structure of Hierarchy at the "Advent", but today, the places of the many of the Kumaras (then the rank and file Members of the newly created Spiritual Hierarchy) may now be taken by those who are not yet Kumaras.

459. Có phải một trăm lẻ năm Kumara vẫn còn tồn tại, hay chỉ còn *tám*? Các Kumara cấu thành cơ cấu nguyên thủy của Thánh Đoàn vào lúc "Quang Lâm", nhưng ngày nay, chỗ của nhiều Kumara (khi ấy là các Thành Viên thường trực của Thánh đoàn tinh thần vừa được tạo lập) nay có thể đã do những vị chưa phải là Kumara đảm nhận.

460. The three groups of thirty-five may no longer be three groups composed *entirely* of Kumaras.

460. Ba nhóm ba mươi lăm có thể không còn là ba nhóm được cấu thành *hoàn toàn* bởi các Kumara nữa.

461. The other interpretation which deserves some attention, is that the term "these Entities" could refer to the Buddhas of Activity, which, through emanation, are divided into three groups of thirty-five (one group associated with each of the Buddhas of Activity).

461. Cách giải thích khác đáng được lưu ý phần nào là thuật ngữ "các Thực Thể này" có thể chỉ các Đức Phật Hoạt Động, những Đấng qua sự phát xạ được phân thành ba nhóm ba mươi lăm vị (mỗi nhóm liên kết với một Đức Phật Hoạt Động).

462. In this case, there would be one Buddha of Activity associated with Shamballa; one with Hierarchy and yet another with humanity. A number of subsidiary Beings would also be associated with one or other of these three major planetary centers.

462. Trong trường hợp này, sẽ có một Đức Phật Hoạt Động liên hệ với Shamballa; một vị với Thánh Đoàn và một vị khác nữa với nhân loại. Một số Hữu Thể phụ thuộc cũng sẽ liên hệ với một hay một trung tâm hành tinh chính nào đó trong ba trung tâm này.

463. Or we could consider that each of the three groups are associated with one of the three Departments of Hierarchy headed by the Manu, the Bodhisattva and the Mahachohan.

463. Hoặc chúng ta có thể xem rằng mỗi một trong ba nhóm đều liên hệ với một trong ba Ban của Thánh Đoàn do Đức Manu, Đức Bồ Tát và Đức Mahachohan đứng đầu.

464. These perhaps 'emanated' extensions of the Buddhas of Activity would be lesser Beings than They, though still of high planetary rank. The original Kumaras also could have borne a similar relationship to the Buddhas of Activity, but now They have been replaced by the Sons of Men.

464. Những phần mở rộng được "phát xạ" này của các Đức Phật Hoạt Động có lẽ là những Hữu Thể thấp hơn Các Ngài, dù vẫn thuộc hàng cấp hành tinh cao. Các Kumara nguyên thủy cũng có thể đã mang một tương quan tương tự với các Đức Phật Hoạt Động, nhưng nay Các Ngài đã được thay thế bởi những người con của nhân loại.

465. We have been told that only Sanat Kumara and the three Buddhas of Activity remain with our planet (or shall we say, our "globe"). The place or the "Esoteric Kumaras" was also questioned. Just how many of the original Kumaras Who came with Sanat Kumara *are here* on our globe at this time?

465. Chúng ta đã được cho biết rằng chỉ còn Đức Sanat Kumara và ba Đức Phật Hoạt Động ở lại với hành tinh chúng ta (hay nên nói là với "bầu hành tinh" của chúng ta). Vị trí hay chỗ của "các Kumara Nội Môn" cũng từng bị đặt nghi vấn. Thực sự có bao nhiêu Kumara nguyên thủy đã đến cùng Đức Sanat Kumara *đang hiện diện* trên bầu hành tinh của chúng ta vào lúc này?

for it should be emphasised that each department forms a centre:

vì cần nhấn mạnh rằng mỗi ban đều tạo thành một trung tâm:

466. The correlations below are straightforward. Shamballa is easily correlated with the head center and the Ruling Department; Hierarchy is easily correlated with the heart center and the Teaching Department; is the Mahachohan's Department to be considered humanity? From one perspective, this seems to be the case.

466. Những tương quan dưới đây khá rõ ràng. Shamballa dễ dàng được liên hệ với trung tâm đầu và Ban Cai Quản; Thánh Đoàn dễ dàng được liên hệ với trung tâm tim và Ban Huấn Đạo; còn Ban của Đức Mahachohan có nên được xem là nhân loại chăng? Từ một góc nhìn, dường như đúng là như vậy.

467. Repeatedly, we have been told that the three major centers within the Planetary Logos are Shamballa, Hierarchy and humanity.

467. Nhiều lần, chúng ta đã được cho biết rằng ba trung tâm chính bên trong Hành Tinh Thượng Đế là Shamballa, Thánh Đoàn và nhân loại.

[Page 388]

[Page 388]

a. The Head centre.....The Ruling Department

a. Trung tâm đầu.....Ban Cai Quản

b. The Heart centre.....The Teaching Department

b. Trung tâm tim.....Ban Huấn Đạo

c. The Throat centre.....The Mahachohan's Department.

c. Trung tâm cổ họng.....Ban của Đức Mahachohan.

This centre synthesises the lesser four, just as the third Ray synthesises the minor four.

Trung tâm này tổng hợp bốn trung tâm nhỏ hơn, cũng như cung ba tổng hợp bốn cung phụ.

468. The lesser four centers are subhuman. Their assignment varies, but lower kingdoms are included as well as the deva groupings.

468. Bốn trung tâm nhỏ hơn là dưới nhân loại. Sự phân định của chúng thay đổi, nhưng bao gồm các giới thấp cũng như các nhóm thiên thần.

These Kumaras (or Their present substitutes) can also be divided into the seven groups which correspond to the seven Rays, and are in Themselves the life of the centre for which They stand.

Các Kumara này (hay những vị thay thế hiện nay của Các Ngài) cũng có thể được chia thành bảy nhóm tương ứng với bảy cung, và tự thân Các Ngài là sự sống của trung tâm mà Các Ngài đại diện.

469. We seem to be looking at different ways of dividing the Kumaras (or those who are presently substituting for them).

469. Dường như chúng ta đang xem xét những cách khác nhau để phân chia các Kumara (hay những vị hiện đang thay thế các Ngài).

470. The first way of division involved the Three Great Departments of Hierarchy. The second method of division concern the seven Ashrams.

470. Cách phân chia thứ nhất liên quan đến Ba Ban Lớn của Thánh Đoàn. Phương pháp phân chia thứ hai liên quan đến bảy Ashram.

471. If we divide into seven groups we can arrive at one hundred five if the groups have fifteen each: 7. x 15. = 105.

471. Nếu chia thành bảy nhóm, chúng ta có thể đạt đến một trăm lẻ năm nếu mỗi nhóm có mười lăm vị: 7 x 15 = 105.

Fifteen, therefore, of these Entities (again the ten and the five) form a centre in the body of the planetary Logos, **and the three Kumaras about Whom we are told** (Who in Themselves are fivefold, making the fifteen) are the **entifying Lives of the particular centre which is involved in the coming Initiation of the Heavenly Man,** and to which the human units at this time, and during this greater cycle, belong.

Vì vậy, mười lăm Thực Thể này (lại là mười và năm) tạo thành một trung tâm trong thân thể của Hành Tinh Thượng Đế, và **ba Kumara mà chúng ta được biết đến** (tự thân các Ngài là ngũ phân, tạo thành mười lăm) là **những Sự Sống hiện thể hóa của trung tâm đặc biệt có liên quan đến cuộc điểm đạo sắp đến của Đấng Thiên Nhân,** và là trung tâm mà các đơn vị nhân loại hiện nay, và trong đại chu kỳ này, thuộc về.

472. This paragraph is complex. Every fifteen is divided into a ten and a five.

472. Đoạn này phức tạp. Mỗi nhóm mười lăm được chia thành một mười và một năm.

473. There are seven principal centers in a Planetary Logos and, from one perspective, there are fifteen kumaras assigned to each.

473. Có bảy trung tâm chính trong một Hành Tinh Thượng Đế và, từ một góc nhìn, có mười lăm kumara được phân cho mỗi trung tâm.

474. The "three Kumaras about Whom we are told" seem to be the Buddhas of Activity. Each of them being fivefold comprise a particular center. This center is involved in the coming Initiation of the Heavenly Man.

474. "Ba Kumara mà chúng ta được biết đến" dường như là các Đức Phật Hoạt Động. Mỗi vị là ngũ phân nên hợp thành một trung tâm đặc biệt. Trung tâm này có liên quan đến cuộc điểm đạo sắp đến của Đấng Thiên Nhân.

475. If we view the "three Kumaras" here mentioned as fivefold, each of them is as a five-pointed star and each therefore, in his own right, is a kind of "Star of Initiation". Each as we know is directly involved in the initiation process of the human being and takes part in advanced initiatory ceremonies where the microcosm is concerned.

475. Nếu xem "ba Kumara" được nhắc đến ở đây là ngũ phân, thì mỗi vị như một ngôi sao năm cánh và do đó, tự thân mỗi vị là một loại "Ngôi Sao Điểm Đạo". Như chúng ta biết, mỗi vị trực tiếp liên hệ với tiến trình điểm đạo của con người và tham dự vào các nghi lễ điểm đạo cao cấp khi tiểu thiên địa được xét đến.

476. If the three Kumaras of Whom we are told are fivefold, is this also true for the three "Esoteric Kumaras"? If so, we would have the figure *thirty.* If in some manner Sanat Kumara was also fivefold, yet another thirty-five appears.

476. Nếu ba Kumara mà chúng ta được biết đến là ngũ phân, thì điều này có đúng cả với ba "Kumara Nội Môn" chăng? Nếu vậy, chúng ta sẽ có con số *ba mươi.* Nếu theo cách nào đó Đức Sanat Kumara cũng là ngũ phân, thì lại xuất hiện thêm một nhóm ba mươi lăm nữa.

477. Perhaps one fivefold Kumara presides (distantly) over each Ashram. Seventy Kumaras (or Their replacements) would then remain—one for each Ashram.

477. Có lẽ một Kumara ngũ phân chủ trì (từ xa) mỗi Ashram. Khi ấy sẽ còn lại bảy mươi Kumara (hay những vị thay thế của Các Ngài)—một vị cho mỗi Ashram.

478. If we view the "coming Initiation of the Heavenly Man" as the Crucifixion through the fourth chain and fourth globe, then the center is the heart center. But is does not seem likely that all three Buddhas of Activity (if that is what is meant by "the three Kumaras about Whom we are told) are associated with the heart.

478. Nếu chúng ta xem "cuộc điểm đạo sắp đến của Đấng Thiên Nhân" là cuộc Đóng Đinh qua dãy thứ tư và bầu hành tinh thứ tư, thì trung tâm ấy là trung tâm tim. Nhưng dường như không có khả năng cả ba Đức Phật Hoạt Động (nếu đó là điều được hàm ý bởi "ba Kumara mà chúng ta được biết đến") đều liên hệ với tim.

479. Rather, it would seem, that they would be associated with the *ajna* center, which in man, gives entrée to the spiritual triad, and is threefold—a center and two 'wings'. The three Buddhas of Activity are clearly associated with the spiritual triad in man just as Sanat Kumara is a higher correspondence of the Monad.

479. Đúng hơn, dường như các Ngài sẽ liên hệ với trung tâm *ajna*, trung tâm mà nơi con người mở lối vào Tam Nguyên Tinh Thần, và là tam phân—một trung tâm và hai "cánh". Ba Đức Phật Hoạt Động rõ ràng liên hệ với Tam Nguyên Tinh Thần nơi con người cũng như Đức Sanat Kumara là một tương ứng cao hơn của chân thần.

480. If we are speaking of Sanat Kumara as if He were the Planetary Logos, and the centers we are discussing are centers within *His* body, then the Buddhas of Activity would go to the constitution of His highest center; the Esoteric Kumaras must, as well, be considered, as they are at least the equals of the Buddhas of Activity with Whom they change places on occasion—so it is hinted.

480. Nếu chúng ta đang nói về Đức Sanat Kumara như thể Ngài là Hành Tinh Thượng Đế, và các trung tâm chúng ta đang bàn đến là những trung tâm bên trong thân thể *của Ngài*, thì các Đức Phật Hoạt Động sẽ góp phần cấu thành trung tâm cao nhất của Ngài; các Kumara Nội Môn cũng phải được xét đến, vì các Ngài ít nhất cũng ngang hàng với các Đức Phật Hoạt Động, những Đấng mà đôi khi các Ngài hoán đổi vị trí—đó là điều được ám chỉ.

481. We are given a number—one hundred and five. There are different ways to divide this number and according to the method of division, so will be the meaning we ascribe.

481. Chúng ta được cho một con số—một trăm lẻ năm. Có nhiều cách phân chia con số này và tùy theo phương pháp phân chia, ý nghĩa mà chúng ta gán cho nó cũng sẽ khác.

482. The number one hundred and eight is also very important and can be divided in various ways offering different yet complementary perspectives. The term one hundred and eight is directly related to the head center in relation to which the number ninety-six appears (multiplied by ten to arrive at the 960. petals of the head center). Add twelve to ninety-six and we find one hundred and eight—the total number of *all* Kumaras Who came to the Earth-chain from the Venus-chain.

482. Con số một trăm lẻ tám cũng rất quan trọng và có thể được chia theo nhiều cách, đem lại những góc nhìn khác nhau nhưng bổ sung cho nhau. Thuật ngữ một trăm lẻ tám liên hệ trực tiếp với trung tâm đầu, trong tương quan với trung tâm này con số chín mươi sáu xuất hiện (nhân với mười để đạt đến 960 cánh hoa của trung tâm đầu). Cộng mười hai vào chín mươi sáu, chúng ta có một trăm lẻ tám—tổng số *mọi* Kumara đã đến Dãy Địa Cầu từ Dãy Kim Tinh.

Another fact that should be noted about these great Beings [Kumaras] is, that **when viewed in Their seven groups**, They form:

Một sự kiện khác cần lưu ý về các Hữu Thể Vĩ Đại này [Kumaras] là, rằng **khi được xem xét trong bảy nhóm của Các Ngài**, Các Ngài tạo thành:

a. Focal points for the force or influence emanating from the other solar centres or schemes.

a. Những điểm hội tụ cho mãnh lực hay ảnh hưởng phát ra từ các trung tâm hay các hệ hành tinh mặt trời khác.

483. The seven groups of Kumaras (or their present substitutes) are allied with seven major schemes—presumably the seven schemes through which sacred Planetary Logoi express.

483. Bảy nhóm Kumara (hay những vị thay thế hiện nay của họ) liên kết với bảy hệ hành tinh chính—hẳn là bảy hệ mà qua đó các Hành Tinh Thượng Đế thiêng liêng biểu lộ.

484. When they are grouped in three groups of thirty-five, it may be that these three groups are allied with either the Logoi of the three synthesizing planets or with the Trinity of lesser Logoi surrounding the Solar Logos (these Three Logoi being far greater in power than the three Logoi of the synthesizing planets).

484. Khi được nhóm thành ba nhóm ba mươi lăm, có thể ba nhóm này liên kết hoặc với các Thượng đế của ba hành tinh tổng hợp hoặc với Tam Vị của các Thượng đế nhỏ hơn bao quanh Thái dương Thượng đế (ba Thượng đế này có quyền năng lớn hơn rất nhiều so với ba Thượng đế của các hành tinh tổng hợp).

b. The seven divisions of the occult Hierarchy.

b. Bảy phân bộ của Thánh Đoàn huyền bí.

485. The seven divisions of the occult Hierarchy are the seven Ashrams. It would seem, then, that the seven groups of Kumaras (or Their present substitutes) would each be allied with a specific greater Ashram.

485. Bảy phân bộ của Thánh Đoàn huyền bí là bảy Ashram. Khi ấy, dường như bảy nhóm Kumara (hay những vị thay thế hiện nay của Các Ngài) mỗi nhóm sẽ liên kết với một Ashram lớn đặc thù.

They exist, as does the Heavenly Man Himself, in etheric matter, and are literally great Wheels, or centres of living Fire, manasic and electric fire;

Các Ngài tồn tại, cũng như chính Đấng Thiên Nhân, trong chất liệu dĩ thái, và **thực sự là những Bánh Xe vĩ đại, hay những trung tâm của Lửa sống, lửa manas và Lửa Điện;**

486. This type of description goes to the depersonalization of the Kumaras.

486. Kiểu mô tả này hướng đến việc phi nhân cách hóa các Kumara.

487. We are not told whether the etheric matter in which the groups of Kumaras exist (and in which the Heavenly Man exists) is matter of the *systemic* etheric planes, matter of the *cosmic* etheric planes or *both.* There is

487. Chúng ta không được cho biết liệu chất liệu dĩ thái mà trong đó các nhóm Kumara tồn tại (và trong đó Đấng Thiên Nhân tồn tại) là chất liệu của các cõi dĩ thái *hệ thống*, chất liệu của các cõi dĩ thái *vũ trụ* hay *cả hai.*

a likelihood that both kinds of ethers are involved.

Có khả năng là cả hai loại dĩ thái đều có liên quan.

488. The Heavenly Man and the Kumaras express as "living Fire". The two kinds of fires mentioned are "manasic and electric fire". By manasic fire (in the context of this book) we probably mean *solar* fire and not simply fire by friction which is associated with lower manas.

488. Đấng Thiên Nhân và các Kumara biểu lộ như "Lửa sống". Hai loại lửa được nhắc đến là "lửa manas và Lửa Điện". Với lửa manas (trong ngữ cảnh của quyển sách này), có lẽ chúng ta muốn nói đến Lửa *Thái dương* chứ không chỉ đơn thuần là Lửa ma sát vốn liên hệ với hạ trí.

They vitalise the body of the Heavenly Man and hold all together as an objective whole. They **make a planetary triangle within the chain,** and each of Them **vitalises one globe.**

Các Ngài tiếp sinh lực cho thân thể của Đấng Thiên Nhân và giữ cho mọi sự gắn kết thành một toàn thể khách quan. Các Ngài **tạo thành một tam giác hành tinh bên trong dãy,** và mỗi vị trong Các Ngài **tiếp sinh lực cho một bầu hành tinh.**

489. We are talking of seven groups of fifteen kumaras each.

489. Chúng ta đang nói đến bảy nhóm, mỗi nhóm mười lăm kumara.

490. They have a vitalizing and cohesive function. They contribute greatly to the coherence of the Heavenly Man in expression.

490. Các Ngài có chức năng tiếp sinh lực và kết dính. Các Ngài góp phần rất lớn vào sự cố kết của Đấng Thiên Nhân trong biểu hiện.

491. The seven groups, apparently, make a triangle within any particular chain; if this is so, we are perhaps speaking of two groups of fifteen and one group (the brahmic group) of seventy-five.

491. Rõ ràng bảy nhóm tạo thành một tam giác bên trong bất kỳ dãy đặc thù nào; nếu đúng như vậy, có lẽ chúng ta đang nói đến hai nhóm mười lăm và một nhóm (nhóm brahmic) gồm bảy mươi lăm.

492. There are seven principal globes in any chain (according to the usual method of counting). Each of the seven groups is related to one of the globes. That relationship is one of vitalization, and so they contribute to the sustainment of the seven globes.

492. Có bảy bầu hành tinh chính trong bất kỳ dãy nào (theo phương pháp đếm thông thường). Mỗi một trong bảy nhóm liên hệ với một trong các bầu hành tinh. Tương quan ấy là tương quan tiếp sinh lực, và do đó các nhóm này góp phần vào việc duy trì bảy bầu hành tinh.

493. From this we can infer that each globe in a chain has a resonant relationship with one of the Ashrams to be found on any of the

493. Từ đây chúng ta có thể suy ra rằng mỗi bầu hành tinh trong một dãy có một tương quan cộng hưởng với một trong các Ashram

globes (presumably, if the globes are 'multi-layered'0. there are seven Ashrams to be found on each globe).

494. The one hundred and five Kumaras are here discussed in a *chain* context rather then a globe context. Fifteen are mentioned in relation to each globe.

495. If the Buddhas of Activity relate to our globe, the fourth, and if they are fivefold each, then we have fifteen Kumaras relating specifically to our globe.

496. A question arises: did one hundred and five Kumaras come to our globe? It seems so, and yet, here, one hundred and five are discussed in a *chain* context.

497. If one hundred and five Kumaras came to our globe (Sanat Kumara and one hundred and four), are there similar numbers of Kumaras to be found in relation to the other globes or much smaller numbers?

498. There is much fusing and blending among the Kumaras, and the science of emanation must be discussed in relation to Them. They are distinct Beings, and yet as emanations, they are parts of still larger kumaric Beings.

499. One of the secrets of occultism concern the various methods of dividing a given quality. Each type of division suggests a

được tìm thấy trên bất kỳ bầu hành tinh nào (có lẽ, nếu các bầu hành tinh là "đa tầng", thì có bảy Ashram được tìm thấy trên mỗi bầu hành tinh).

494. Một trăm lẻ năm Kumara ở đây được bàn đến trong ngữ cảnh *dãy* hơn là trong ngữ cảnh bầu hành tinh. Mười lăm vị được nhắc đến trong tương quan với mỗi bầu hành tinh.

495. Nếu các Đức Phật Hoạt Động liên hệ với bầu hành tinh của chúng ta, bầu thứ tư, và nếu mỗi vị là ngũ phân, thì chúng ta có mười lăm Kumara liên hệ đặc biệt với bầu hành tinh của chúng ta.

496. Một câu hỏi nảy sinh: có phải một trăm lẻ năm Kumara đã đến bầu hành tinh của chúng ta không? Dường như là vậy, nhưng ở đây, một trăm lẻ năm lại được bàn đến trong ngữ cảnh *dãy*.

497. Nếu một trăm lẻ năm Kumara đã đến bầu hành tinh của chúng ta (Đức Sanat Kumara và một trăm lẻ bốn vị), thì có những số lượng tương tự các Kumara được tìm thấy trong tương quan với các bầu hành tinh khác hay chỉ là những số lượng nhỏ hơn nhiều?

498. Có rất nhiều sự dung hợp và hòa trộn giữa các Kumara, và khoa học về sự phát xạ phải được bàn đến trong tương quan với Các Ngài. Các Ngài là những Hữu Thể riêng biệt, nhưng đồng thời với tư cách là những phát xạ, các Ngài là những phần của các Hữu Thể kumara còn lớn hơn nữa.

499. Một trong những bí mật của huyền bí học liên quan đến những phương pháp khác nhau để phân chia một phẩm tính nhất định. Mỗi kiểu phân chia gợi ra một sự nhấn

different emphasis and allocation of power, quality and activity.

mạnh khác nhau và một sự phân bổ khác nhau về quyền năng, phẩm tính và hoạt động.

It is not permitted at this stage to state, for exoteric publication:

Ở giai đoạn này, không được phép công bố ra bên ngoài:

Which Ray, or logoic emanation is embodied by our planetary Logos. [Page 389]

Cung nào, hay phát xạ logoi nào, được hiện thân bởi Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta. [Page 389]

500. This book was written in 1925. By the middle 1930's when the latter parts of *Esoteric Astrology* was being written, this information was given (cf. EA 619): a Monad on the first ray; a soul on the second ray; a personality on the third ray.

500. Quyển sách này được viết vào năm 1925. Đến giữa thập niên 1930, khi những phần sau của *Chiêm Tinh Học Nội Môn* được viết, thông tin này đã được đưa ra (xem EA 619): một chân thần trên cung một; một linh hồn trên cung hai; một phàm ngã trên cung ba.

501. We are given another name for a planetary Ray—a "logoic emanation". We are probably speaking of the Solar Logos. Each of the Planetary Logoi embodies one of the major Rays emanating from the Grand Heavenly Man. There are only seven rays and more than seven planes. Some Planetary Logos share the same ray.

501. Chúng ta được cho một tên gọi khác của một cung hành tinh—một "phát xạ logoi". Có lẽ chúng ta đang nói đến Thái dương Thượng đế. Mỗi Hành Tinh Thượng Đế hiện thân một trong các Cung chính phát ra từ Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại. Chỉ có bảy cung và nhiều hơn bảy cõi. Một số Hành Tinh Thượng Đế cùng chia sẻ một cung.

502. DK speaks only of *one* Ray. He almost certainly does not mean *personality* ray. But does He mean *soul* ray or *monadic* ray? Apparently, we know what they are, unless there is some further secret here concealed.

502. Chân sư DK chỉ nói đến *một* Cung. Gần như chắc chắn Ngài không có ý nói đến cung *phàm ngã*. Nhưng Ngài có ý nói đến cung *linh hồn* hay cung *chân thần*? Rõ ràng, chúng ta biết chúng là gì, trừ phi ở đây còn có một bí mật nào khác được che giấu.

Which centre in the solar system is called the Earth scheme.

Trung tâm nào trong hệ mặt trời được gọi là hệ Địa Cầu.

503. There has been much speculation on this. By the time *Esoteric Astrology* had been written, the Earth-scheme had clearly been associated with the base of the spine center of the Solar Logos. Other associations (upon

503. Đã có rất nhiều suy đoán về điều này. Đến lúc *Chiêm Tinh Học Nội Môn* được viết, hệ Địa Cầu đã được liên kết rõ ràng với trung tâm đáy cột sống của Thái dương Thượng

which we have speculated in these Commentaries) are also reasonable.

đế. Những liên hệ khác (mà chúng ta đã suy đoán trong các bộ Bình Giải này) cũng hợp lý.

a. Relation to the sacral center

a. Liên hệ với trung tâm xương cùng

b. Relation to the splenic center

b. Liên hệ với Luân xa lá lách

c. Relation to the mental unit

c. Liên hệ với đơn vị hạ trí

d. Relation to a lower point within the solar plexus center, with Venus relating to the higher

d. Liên hệ với một điểm thấp hơn bên trong trung tâm tùng thái dương, trong khi Sao Kim liên hệ với điểm cao hơn

Which scheme is our polar opposite, or which Heavenly Man is most closely allied to ours.

Hệ nào là đối cực của chúng ta, hay Đấng Thiên Nhân nào liên kết mật thiết nhất với Đấng của chúng ta.

504. It seems strange that DK would say this, in as much as so much attention has been given to the Venus-scheme as the polar opposite of our scheme. The Mars scheme cannot be ignored as a complementary scheme.

504. Có vẻ lạ khi Chân sư DK lại nói điều này, vì quá nhiều chú ý đã được dành cho hệ Kim Tinh như là đối cực của hệ chúng ta. Hệ Sao Hỏa không thể bị bỏ qua như một hệ bổ sung.

Which particular centre in the body of the planetary Logos He is at present endeavouring to vitalise.

Trung tâm đặc thù nào trong thân thể của Hành Tinh Thượng Đế mà hiện nay Ngài đang nỗ lực tiếp sinh lực.

505. Here, too, information has been given: we are told that logoic kundalini has turned itself to the Earth, Venus, Saturn and Uranus. Perhaps there are references to other schemes.

505. Ở đây cũng vậy, thông tin đã được đưa ra: chúng ta được cho biết rằng kundalini logoi đã hướng về Địa Cầu, Kim Tinh, Thổ Tinh và Thiên Vương Tinh. Có lẽ còn có những quy chiếu đến các hệ khác.

506. It is interesting that some of what DK said He would not and could not reveal was revealed in later books. He sometimes explains that He has been given further permission thus to reveal.

506. Thật thú vị khi một số điều Chân sư DK nói rằng Ngài sẽ không và không thể tiết lộ lại đã được tiết lộ trong các sách về sau. Đôi khi Ngài giải thích rằng Ngài đã được cho phép thêm để tiết lộ như vậy.

These points are, as may be inferred, too dangerous to impart, and those students

Như có thể suy ra, những điểm này quá nguy hiểm để truyền đạt, và những đạo sinh nào

whose intuition suffices to attain the information will see for themselves the necessity for silence.

có trực giác đủ để đạt được thông tin ấy sẽ tự thấy sự cần thiết của im lặng.

507. On some points it is necessary to keep silence. When DK, Himself, offers the revelation at a later point, we simply note the revelation and wonder if it is the *full* revelation of that which He previously said He could not reveal.

507. Về một số điểm, cần phải giữ im lặng. Khi chính Chân sư DK đưa ra sự mặc khải ở một thời điểm sau đó, chúng ta chỉ ghi nhận sự mặc khải ấy và tự hỏi liệu đó có phải là sự mặc khải *trọn vẹn* về điều mà trước đây Ngài nói rằng Ngài không thể tiết lộ hay không.

TCF 389-395: S4S6

21 December 2006 – 4 January 2007

21 Tháng 12 2006 – 4 Tháng 1 2007

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Đa số văn bản của Chân sư Tây Tạng được để ở cỡ chữ 16 để dễ đọc hơn khi trình chiếu trong lớp. Chú thích và tham chiếu từ các Sách AAB khác và từ các trang khác của TCF được để cỡ chữ 14. Lời bình được để cỡ chữ 12. Gạch dưới, In đậm và Tô sáng bởi MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

Đề nghị đọc Lời Bình này ***cùng với cuốn TCF trong tay,*** để bảo toàn mạch lạc. Khi phân tích văn bản được tiến hành, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính cuốn sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng thể* của đoạn.

1. We continue considering the Factor of Manas in relation to the Earth Chain.

1. Chúng ta tiếp tục xem xét Yếu tố của manas trong tương quan với Dãy Địa Cầu.

c. A Prophecy. We might now, prior to continuing with our subject, name the different chains of the Earth scheme.

c. Lời tiên tri. Giờ đây, trước khi tiếp tục chủ đề, chúng ta có thể nêu tên các dãy khác nhau của hệ Địa Cầu.

2. We have addressed this in our last Commentary, as the names have been given in Chart VII.

2. Chúng ta đã bàn điều này trong Lời Bình trước, vì các tên đã được cho trong Biểu đồ VII.

We must bear carefully in mind the fact that these are simply names, affixed to the chains and globes for the sake of clarity.

3. We must ask if this is all that is achieved by naming these chains and globes—merely a method of distinguishing one chain or globe from another, or is there some significance in the names for those who can see the names as occult *hints*?

As this subject is more widely studied

4. Which it is not at this time…

it will inevitably be found advisable to call the chains by their numbers, and to drop the names as at present used:

5. This approach has been used in relation to the planes and sub-planes. (See the work of Henry Laurency.)

1..

2. Venus.

3. Saturn.

4. Earth.

5. Mercury.

6. Mars.

7. Jupiter.

6. The possible significance of these names has been briefly discussed in the

Chúng ta phải ghi nhớ cẩn thận rằng đó chỉ là các tên, gán cho các dãy và các bầu để cho rõ ràng.

3. Chúng ta phải hỏi rằng liệu đó có phải là tất cả những gì đạt được bằng cách đặt tên cho các dãy và các bầu—chỉ là một phương pháp phân biệt dãy hay bầu này với dãy hay bầu khác, hay là có một ý nghĩa nào đó trong các tên gọi đối với những ai có thể xem các tên như những *ám chỉ* huyền bí?

Khi chủ đề này được nghiên cứu sâu rộng hơn

4. Điều mà hiện nay chưa phải vậy…

ắt hẳn sẽ thấy nên gọi các dãy bằng số, và bỏ các tên như hiện đang dùng:

5. Cách tiếp cận này đã được dùng đối với các cõi và các cõi phụ. (Xem công trình của Henry Laurency.)

1..

2. Venus.

3. Saturn.

4. Earth.

5. Mercury.

6. Mars.

7. Jupiter.

6. Ý nghĩa khả hữu của các tên này đã được bàn ngắn gọn trong Lời Bình cho s4s5. Điều

Commentary for s4s5. What is true of the planetary schemes can with reason be transferred to the planetary chains of the Earth-scheme. This is the hypothesis.

gì đúng với các hệ hành tinh có thể, một cách hợp lý, được chuyển sang các dãy hành tinh trong hệ Địa Cầu. Đây là giả thuyết.

a. Neptune—related to Shiva and the first ray. Neptune with Pluto and Vulcan may be three planets used in the expression of a great first ray Entity within our solar system. (cf. EP II 99)

a. Neptune—liên hệ với Shiva và Cung một. Neptune với Pluto và Vulcan có thể là ba hành tinh được dùng trong biểu lộ của một Đấng Cung một vĩ đại trong hệ mặt trời của chúng ta. (x. EP II 99)

b. Venus has much second ray; its personality ray and major monadic ray are hypothesized as being on the second ray.

b. Venus mang nhiều Cung hai; cung phàm ngã và cung chân thần chính của nó được giả định đều ở Cung hai.

c. Saturn is given as the major third ray planet; its "esoteric" or monadic ray is the third (cf. EP I 420)

c. Saturn được cho là hành tinh Cung ba chính; "cung nội môn" hay cung chân thần của nó là Cung ba (x. EP I 420)

d. Earth is the fourth scheme; its glyph is the sign of the cross inscribed in the circle. The Earth-scheme is passing through a fourth initiation or crucifixion through its fourth chain the Earth-chain and its fourth globe.

d. Earth là hệ thứ tư; ký hiệu của nó là dấu thập giá khắc trong vòng tròn. Hệ Địa Cầu đang trải qua một lần điểm đạo thứ tư hay sự đóng đinh qua dãy thứ tư là Dãy Địa Cầu và bầu thứ tư của nó.

e. Mercury is deeply identified with the fifth ray; its hypothesized secondary monadic ray is the fifth (though its major monadic ray is hypothesized as the third). Mercury relates to the fifth or Aryan rootrace and to all things mental.

e. Mercury đồng nhất sâu xa với Cung năm; cung chân thần phụ giả định của nó là Cung năm (dù cung chân thần chính được giả định là Cung ba). Mercury liên hệ với giống dân gốc thứ năm hay Arya và với mọi sự thuộc trí.

f. Mars expresses the sixth ray; the sixth ray is hypothesized as its personality.

f. Mars biểu lộ Cung sáu; Cung sáu được giả định là cung phàm ngã của nó.

g. Jupiter is the ruler of ceremonial worship —a blend of the sixth and seventh rays. Jupiter is given as the *sixth* scheme in 'greater Saturn' and its name (appropriate to its association with the seventh ray) is affixed to the seventh chain in the Earth-scheme.

g. Jupiter là hành tinh cai quản lễ nghi phụng tự—một sự pha trộn của Cung sáu và Cung bảy. Jupiter được cho là *hệ thứ sáu* trong "Đại Saturn" và tên nó (phù hợp với liên hệ của nó với Cung bảy) được gán cho dãy thứ bảy trong hệ Địa Cầu.

It is necessary here to take the opportunity to sound a note of warning to students in connection with the charts which have been inserted in the Treatise.

Ở đây cần nhân cơ hội này để gióng lên lời cảnh báo với các đạo sinh liên quan đến các biểu đồ được chèn trong Luận thư.

They depict only one cycle in logoic evolution, and cover only the present greater period in the working out of which we are engaged.

Chúng chỉ mô tả một chu kỳ trong tiến hoá của Thượng đế, và chỉ bao trùm thời kỳ lớn hiện tại trong đó công cuộc đang được triển khai, mà chúng ta đang dấn thân làm việc.

7. We have remarked concerning the flexibility of approach that is advisable whenever dealing with the assigning of planets (i.e., planetary schemes) to chakras within a solar system Caution is also needed in the task of assigning the chains and globes to be found within a planetary scheme chakric functions. The function of any entity changes over time and, thus, any *place* that it occupies within the whole must be considered as temporary.

7. Chúng ta đã nhận xét về tính linh hoạt trong cách tiếp cận được khuyến cáo mỗi khi đụng tới việc gán các hành tinh (tức là các hệ hành tinh) cho các luân xa trong một hệ mặt trời. Cũng cần thận trọng khi giao phó các chức năng luân xa cho các dãy và các bầu được tìm thấy trong một hệ hành tinh. Chức năng của bất kỳ thực thể nào cũng đổi thay theo thời gian và, như vậy, bất kỳ *vị trí* nào nó chiếm giữ trong toàn thể đều phải được xem là tạm thời.

8. We spent much time discussing Venus in relation to the solar plexus center and heart center of the Solar Logos.

8. Chúng ta đã dành nhiều thời gian bàn về Sao Kim liên hệ với luân xa tùng thái dương và luân xa tim của Thái dương Thượng đế.

9. DK specifies below the meaning of the "only one cycle in logoic evolution" or the "present greater period". In some ways it does not seem a very long cycle.

9. Chân sư DK nêu rõ dưới đây ý nghĩa của "chỉ một chu kỳ trong tiến hoá của Thượng đế" hay "thời kỳ lớn hiện tại". Xét ở khía cạnh nào đó, có vẻ đây không phải là một chu kỳ quá dài.

10. In the life of a Solar Logos there are many possible cycles to be considered. When the Solar Logos pays close attention to a planetary scheme, the duration of such attention may be considered a cycle.

10. Trong đời sống của một Thái dương Thượng đế có nhiều chu kỳ khả hữu cần cân nhắc. Khi Thái dương Thượng đế dành chú ý gần gũi tới một hệ hành tinh, thời lượng của sự chú ý như vậy có thể được xem là một chu kỳ.

11. Just as there are 'scheme rounds' (of greater duration and significance than chain rounds), so there are solar systemic rounds, involving the probably sequential 'attention'

11. Cũng như có các "chu kỳ hệ" (quan trọng và dài hơn chu kỳ dãy), thì cũng có các chu kỳ toàn hệ mặt trời, bao gồm sự "chú ý" có lẽ tuần tự của Thái dương Thượng đế đối với

of the Solar Logos in relation to His various planets—considering these planets (in relation to the Solar Logos) as if they were chains within a planetary scheme.

They might be roughly described as embracing that period in the system which began for us in the **middle of the third root-race of this round and continues until the period called "the Judgment"** [Page 390] **in the coming fifth round.**

12. DK narrows the field. He seems to be saying that *all* charts found in TCF relate to the period indicated. Of course, not all charts are equally time-sensitive, so we must proceed with caution. Some charts simply indicate relationships which are, it would seem, *always so,* at least during the manifestation of our solar system.

13. The period indicated is the period said to apply to Chart VI on page 373. in this volume, and is hypothesized as the world period referred to on pages 34. and 35. of *Esoteric Astrology.*

14. If we think about the duration of a solar system and about the vast scope of solar systemic affairs, the period here described is small indeed. It can be described probably in terms of millions of years rather than in terms of billions or trillions.

When that time comes our planetary Logos will have attained the initiation **which is His present goal**;

15. That goal, according to the reference on TCF 384. is the second *cosmic* initiation.

16. It is important to realize that this statement suggests that the "goal" of the

các hành tinh của Ngài—xem các hành tinh này (trong tương quan với Thái dương Thượng đế) như thể chúng là các dãy trong một hệ hành tinh.

Chúng có thể được mô tả sơ bộ là bao trùm giai đoạn trong hệ thống vốn bắt đầu đối với chúng ta từ **giữa giống dân gốc thứ ba của cuộc tuần hoàn này và tiếp diễn cho đến thời kỳ gọi là "Sự Phán Xét" [390] trong cuộc tuần hoàn thứ năm sắp tới.**

12. Chân sư DK thu hẹp phạm vi. Ngài dường như nói rằng *mọi* biểu đồ trong TCF đều liên hệ với thời kỳ được chỉ định. Tất nhiên, không phải mọi biểu đồ đều nhạy cảm với thời gian như nhau, nên chúng ta phải thận trọng. Một số biểu đồ đơn giản chỉ ra các tương quan dường như *vẫn đúng*, chí ít trong suốt kỳ biểu lộ của hệ mặt trời chúng ta.

13. Thời đoạn được nêu là thời đoạn được cho là áp dụng cho Biểu đồ VI ở trang 373 của tập này, và được giả định là thời kỳ thế giới được nhắc đến ở trang 34 và 35 của *Chiêm Tinh Học Nội Môn.*

14. Nếu chúng ta suy nghĩ về thời lượng của một hệ mặt trời và về tầm vĩ mô của các công việc toàn hệ, thì thời đoạn mô tả ở đây quả là nhỏ bé. Nó có thể được mô tả theo đơn vị hàng triệu năm hơn là hàng tỷ hay hàng nghìn tỷ.

Khi thời điểm ấy đến, Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta sẽ đạt được cuộc điểm đạo **là mục tiêu hiện tại của Ngài**;

15. Mục tiêu đó, theo tham chiếu ở TCF 384, là lần điểm đạo *vũ trụ* thứ hai.

16. Quan trọng là nhận ra rằng phát biểu này gợi rằng "mục tiêu" của Hành Tinh Thượng

Planetary Logos will be achieved during the fifth round of the Earth-chain—far before the expiration of the Earth-scheme process and certainly not at the conclusion of the present solar system.

Đế sẽ được thành tựu trong cuộc tuần hoàn thứ năm của Dãy Địa Cầu—sớm hơn rất nhiều so với thời điểm kết thúc tiến trình của hệ Địa Cầu và chắc chắn không phải ở mãn chung hệ mặt trời hiện tại.

the fifth round of the Venusian scheme will be closing,

cuộc tuần hoàn thứ năm của hệ Sao Kim sẽ đi vào đoạn kết,

17. Here we seem to be referencing a *scheme round* rather than a chain round. If temporal progress through a given chain is measured in rounds, then progress through a scheme (or through a solar system, for that matter) should be measured in an *appropriate* kind of round.

17. Ở đây chúng ta dường như đang nói đến một *chu kỳ hệ* hơn là chu kỳ dãy. Nếu tiến trình thời gian qua một dãy nhất định được đo bằng các cuộc tuần hoàn, thì tiến trình qua một hệ (hay qua cả một hệ mặt trời, xét vậy) cũng nên được đo bằng một kiểu tuần hoàn *thích đáng*.

and the Venus scheme will begin to pass into obscuration, preparatory to transferring her life to the synthesising planet with which she is connected;

và hệ Sao Kim sẽ bắt đầu đi vào nhập ám, để chuẩn bị chuyển sự sống của nó sang hành tinh tổng hợp mà nó liên hệ;

18. Venus, we have been told, will have completed her necessary development in five rounds rather than seven. Since Earth and Venus were to have had parallel developmental processes (thwarted by the Moon-chain failure in the Earth-scheme) will the Earth do likewise? Will it complete its process more quickly than anticipated, once recovering from its Moon-chain reverses? This is question that we are more in a position to pose than answer.

18. Chúng ta đã được cho biết rằng Sao Kim sẽ hoàn tất sự phát triển cần thiết trong năm cuộc tuần hoàn thay vì bảy. Vì Địa Cầu và Sao Kim đáng ra đã có các tiến trình phát triển song hành (nhưng đã bị chặn lại bởi thất bại của Dãy Mặt Trăng trong hệ Địa Cầu) vậy liệu Địa Cầu có làm tương tự chăng? Liệu Địa Cầu sẽ hoàn tất tiến trình của nó nhanh hơn dự liệu, một khi hồi phục từ các đảo nghịch của Dãy Mặt Trăng? Đây là câu hỏi mà chúng ta có thể nêu hơn là trả lời.

19. We have hypothesized that Venus will transfer her life to the Neptune-scheme (cf. TCF 406).

19. Chúng ta đã giả định rằng Sao Kim sẽ chuyển sự sống của nó sang hệ Neptune (x. TCF 406).

20. We note that Venus will be transferring her *life* and not her *form.* This may tell us something about exactly what aspect of a planet is transferred to a synthesizing planet during the process of obscuration.

20. Chúng ta ghi nhận rằng Sao Kim sẽ chuyển *sự sống* của nó chứ không phải *hình tướng*. Điều này có thể cho chúng ta thấy chính xác khía cạnh nào của một hành tinh

được chuyển sang một hành tinh tổng hợp trong tiến trình nhập ám.

21. This transference seems to be taking place very early in the solar systemic process. If Venus is to be one of those planets that endures throughout the mahamanvantara (cf. TCF 299), we have an apparent contradiction, as the mahamanvantara is only half way through its process (cf. TCF 384).

21. Sự chuyển này dường như diễn ra rất sớm trong tiến trình toàn hệ mặt trời. Nếu Sao Kim là một trong những hành tinh tồn tại xuyên suốt đại giai kỳ sinh hóa (x. TCF 299), thì chúng ta có một mâu thuẫn bề ngoài, vì đại giai kỳ sinh hóa mới chỉ đi được một nửa (x. TCF 384).

22. How can we resolve this? Does a planet, once it transfers its life into a synthesizing planet, still, in some manner, endure in its original identity? In a way this would seem necessary if in a future solar system that planet is to continue its individual progress. If a planet sacrifices its identity in the process of absorption, it cannot reemerge as itself at a later time.

22. Làm sao hoá giải điều này? Liệu một hành tinh, một khi chuyển sự sống của nó vào một hành tinh tổng hợp, vẫn—theo một cách nào đó—tiếp tục tồn tại trong bản sắc nguyên thủy của nó? Theo một nghĩa, điều này có vẻ cần nếu trong một hệ mặt trời tương lai, hành tinh ấy sẽ tiếp tục tiến trình riêng. Nếu một hành tinh hiến dâng bản sắc của nó trong tiến trình được hấp thụ, nó không thể tái hiện là chính nó về sau.

23. Then there is always the question of what the term “mahamanvantara” means; that meaning can change in context. That said, it does seem as if the term “mahamanvantara” does mean (in this context) the duration of the entire solar system.

23. Luôn luôn có vấn đề về việc thuật ngữ “đại giai kỳ sinh hóa” nghĩa là gì; ý nghĩa đó có thể thay đổi theo văn cảnh. Dù vậy, có vẻ thuật ngữ này (trong văn cảnh này) chỉ thời lượng của toàn bộ hệ mặt trời.

24. When we face apparent contradiction, we must reserve judgment until more is known. The contradiction may not be real, only appearing to be real from our particular point of view.

24. Khi đối diện mâu thuẫn bề ngoài, chúng ta phải hoãn lại sự phán đoán cho đến khi biết thêm. Mâu thuẫn có thể không thực, chỉ xuất hiện như thế từ quan điểm riêng của chúng ta.

Mercury will be reaching the apotheosis of achievement, and with Mars and the Earth, will form a systemic triangle. We are speaking here of schemes and not of chains.

Mercury sẽ chạm đến đỉnh cao thành tựu tột bậc, và cùng với Mars và Địa Cầu sẽ hình thành một tam giác hệ thống. Chúng ta đang nói ở đây về các hệ chứ không phải về các dãy.

25. In these intricate discussions, it is so easy to lose our reference point. DK is offering a necessary point of clarification.

25. Trong các bàn luận rối rắm này, thật dễ lạc mất điểm tham chiếu. Chân sư DK đang đưa ra một điểm làm rõ cần thiết.

26. We are still speaking of the period described as "when that time comes". This is the period of the "Judgment Day". At that time a Mercury/Mars/Earth triangle will be of moment, especially to units upon the Earth-globe, but, as well, to units throughout the scheme.

26. Chúng ta vẫn đang nói về thời đoạn được mô tả như "khi thời điểm ấy đến". Đây là thời đoạn của "Ngày Phán Xét". Khi ấy một tam giác Mercury/Mars/Địa Cầu sẽ trở nên quan trọng, đặc biệt đối với các đơn vị trên bầu Địa Cầu, nhưng cũng đối với các đơn vị trong toàn hệ.

27. The formation of this triangle is somehow fitting, as those who cannot continue to develop successfully on our planet will be transferred to another scheme —we may propose the Mars-scheme.

27. Sự hình thành tam giác này, theo một nghĩa nào đó, rất thích hợp, vì những ai không thể tiếp tục phát triển thành công trên hành tinh chúng ta sẽ được chuyển sang một hệ khác—chúng ta có thể đề xuất là hệ Sao Hỏa.

28. VSK offers: "Note that Venus begins to pass into obscuration at the close of its *fifth* Scheme".

28. VSK nêu: "Lưu ý rằng Sao Kim bắt đầu đi vào nhập ám ở cuối *cuộc tuần hoàn thứ năm* của chính hệ nó".

29. We note that Mercury is a planet also greatly advanced in its development. In another reference, it is said that Mercury, as well, will soon be passing into obscuration.

29. Chúng ta lưu ý rằng Mercury cũng là một hành tinh đã tiến rất xa trong phát triển. Ở một tham chiếu khác, nói rằng Mercury cũng sẽ sớm đi vào nhập ám.

30. If we look at Chart VI, and at the planets assembled within what we have called 'greater Saturn', we can wee that there will be significant changes in that configuration. If Venus and Mercury are absorbed by their respective synthesizing planets (Neptune and Uranus), their places will have to be taken within the configuration of 'greater Saturn'—*perhaps.* Or the very symmetrical, hexagonal configuration representing 'greater Saturn' will have to be reconfigured.

30. Nếu chúng ta nhìn Biểu đồ VI, và các hành tinh tập hợp trong cái gọi là "Đại Saturn", chúng ta có thể thấy sẽ có những thay đổi đáng kể trong cấu trúc đó. Nếu Sao Kim và Mercury được hấp thụ bởi các hành tinh tổng hợp tương ứng của chúng (Neptune và Uranus), thì chỗ đứng của chúng trong cấu hình "Đại Saturn" sẽ phải được thay thế— *có thể.* Hoặc hình cấu trúc lục giác rất đối xứng biểu trưng cho "Đại Saturn" sẽ phải được tái cấu hình.

31. In the formation of a Mercury/Mars/Earth triangle, more or less at the time of the "Judgment Day", we may wonder about the

31. Trong sự hình thành một tam giác Mercury/Mars/Địa Cầu, vào thời của "Ngày Phán Xét", chúng ta có thể tự hỏi về ảnh

influence of Mercury as that influence applies to those upon the Earth-globe (or, more widely, upon the Earth-chain and within the Earth-scheme). The effect of Mercury upon Mars is one of mental detachment from passion. Could this triangle relate in some manner to the transference of Martian units to the Earth-scheme? An exchange of this sort seems to be promised for that distant period.

hưởng của Mercury khi ảnh hưởng đó áp dụng cho những ai trên bầu Địa Cầu (hay, rộng hơn, trên Dãy Địa Cầu và trong hệ Địa Cầu). Tác động của Mercury lên Mars là một sự ly tham trí tuệ khỏi dục vọng. Liệu tam giác này có liên hệ theo một cách nào đó với việc chuyển các đơn vị thuộc Mars sang hệ Địa Cầu? Một sự hoán đổi kiểu này dường như được hứa hẹn cho thời đoạn xa xăm đó.

32. We should also remember the importance of the Mercury/Venus/Earth triangle to be formed in the middle of the fifth round.

32. Chúng ta cũng nên nhớ tầm quan trọng của tam giác Mercury/Venus/Địa Cầu sẽ được hình thành vào giữa cuộc tuần hoàn thứ năm.

33. We can see that both of these triangles form in the fifth round of our Earth-chain and in relation, we presume, to that portion of the round which pertains to our Earth-globe.

33. Chúng ta có thể thấy rằng cả hai tam giác này đều hình thành trong cuộc tuần hoàn thứ năm của Dãy Địa Cầu và liên hệ, theo chúng ta suy, với phần của cuộc tuần hoàn vốn thuộc về bầu Địa Cầu của chúng ta.

in the middle of the fifth round the Logos of Mercury will, with the Logos of the Venus scheme, and of our Earth, form a temporary triangle of force. (TCF 371)

vào giữa cuộc tuần hoàn thứ năm Thượng đế của Mercury sẽ, cùng với Thượng đế của hệ Sao Kim, và của Địa Cầu chúng ta, hình thành một tam giác lực tạm thời. (TCF 371)

34. When the term “Earth” is used in relation to the Logoi of two other schemes, it is clear that the term means “Earth-scheme”.

34. Khi thuật ngữ “Địa Cầu” được dùng liên hệ với Thượng đế của hai *hệ* khác, rõ ràng thuật ngữ này có nghĩa “hệ Địa Cầu”.

35. Our task is to determine whether the "Judgment Day" occurs in the *middle* of the fifth round. We are not told but may be able to infer the approximate timing by close attention to those sections of the text in which the term "Judgment Day" occurs.

35. Nhiệm vụ của chúng ta là xác định liệu “Ngày Phán Xét” xảy ra vào *giữa* cuộc tuần hoàn thứ năm hay không. Chúng ta không được cho biết, nhưng có thể suy ra thời điểm xấp xỉ bằng cách chú tâm đến những đoạn văn nơi thuật ngữ “Ngày Phán Xét” xuất hiện.

36. For now, it seems reasonable that a Mercury/Venus/Earth triangle would be important in relation to the "Judgment Day".

36. Hiện thời, có vẻ hợp lý rằng một tam giác Mercury/Venus/Địa Cầu sẽ quan trọng liên hệ với “Ngày Phán Xét”.

37. As for the Mercury/Mars/Earth triangle, if it is true that two fifths of humanity will be transferred to Mars following the outcome of the "Judgment Day", then we can see the importance of the prominence of a triangle involving Mars at that time.

37. Còn tam giác Mercury/Mars/Địa Cầu, nếu đúng là hai phần năm của nhân loại sẽ được chuyển sang Mars sau kết cục của "Ngày Phán Xét", thì chúng ta có thể thấy tầm quan trọng của một tam giác có Mars nổi bật vào thời điểm ấy.

38. If we look at the effect of these two triangles together, we shall have something of a 'diamond', with Mercury at the higher point, and, perhaps, Mars at the lower, with Venus to the left and Earth to the right.

38. Nếu chúng ta nhìn tác động của hai tam giác này cùng nhau, chúng ta sẽ có một thứ "hình kim cương", với Mercury ở điểm cao hơn, và, có lẽ, Mars ở điểm thấp, với Venus ở trái và Địa Cầu ở phải.

39. If we compare this shape with the diamond-like diagram explaining the Science of Triangles, insight may emerge.

39. Nếu chúng ta so sánh hình dạng này với sơ đồ hình kim cương giải thích Khoa học về Tam giác, có thể nảy sinh minh giải.

40. In such a figure, Mars would occupy a more physical position than the Earth, which would stand for the personality, Venus for the soul and Mercury for a still higher aspect of the constitution.

40. Trong một hình như vậy, Mars sẽ chiếm vị trí mang tính vật chất hơn Địa Cầu, vốn sẽ tượng cho phàm ngã, Venus cho linh hồn và Mercury cho một phương diện còn cao hơn của cấu trúc.

41. The number *five* will have to be important at the "Judgment Day" for the fifth ray rules the Law of Cleavages and at that time the "sheep" are to be separated from the "goats".

41. Con số *năm* sẽ phải quan trọng tại "Ngày Phán Xét" vì Cung năm cai quản Định luật Phân Ly và khi ấy "chiên" sẽ được tách khỏi "dê".

42. This separation could well occur in the fifth root race of that round when the fifth ray will have special power. Mars, of course, an *orange* planet, is also related to the fifth ray.

42. Sự phân ly này rất có thể xảy ra trong giống dân gốc thứ năm của cuộc tuần hoàn đó, khi Cung năm sẽ có quyền năng đặc biệt. Mars, tất nhiên, là một hành tinh *màu cam*, cũng liên hệ với Cung năm.

43. If the "Judgment Day" occurred in the fifth root race of the fifth round, that time period could well be considered the *middle* of the fifth round.

43. Nếu "Ngày Phán Xét" xảy ra trong giống dân gốc thứ năm của cuộc tuần hoàn thứ năm, thì thời đoạn đó rất có thể được xem là *giữa* cuộc tuần hoàn thứ năm.

44. The matter must be studied closely and there may be a case for looking for the

44. Vấn đề này phải được nghiên cứu kỹ và có thể có cơ sở để tìm thời điểm của "Ngày

timing of the "Judgment Day" in relation to other root races of the fifth round (on the fourth globe—we are presuming).

Phán Xét" liên hệ với các giống dân gốc khác của cuộc tuần hoàn thứ năm (trên bầu thứ tư—chúng ta đang giả định).

We must recognise another triangle within the Earth scheme, of the chains called "the Earth chain," the Venus chain, and the Mercurian chain, but this triangle entirely concerns the centres of the planetary Logos of our scheme.

Chúng ta phải nhận ra một tam giác khác trong hệ Địa Cầu, của các dãy gọi là "Dãy Địa Cầu", Dãy Kim Tinh và Dãy Thủy Tinh, nhưng tam giác này hoàn toàn liên quan đến các trung tâm của Hành Tinh Thượng Đế của hệ chúng ta.

45. DK makes an important distinction here and one which all students should bear carefully in mind.

45. Chân sư DK đưa ra một phân biệt quan trọng ở đây và là điều tất cả đạo sinh cần ghi nhớ cẩn thận.

46. We note that the triangle between the Mercury-chain, the Venus-chain and the Earth-chain of the Earth-scheme is a reflection of the same kind of triangle that occurs on the *scheme* level and reference to which is cited above (TCF 371).

46. Chúng ta nhận thấy tam giác giữa Dãy Thủy Tinh, Dãy Kim Tinh và Dãy Địa Cầu của hệ Địa Cầu là một phản ảnh của cùng loại tam giác xảy ra trên bình diện *hệ* và tham chiếu tới đó đã được trích dẫn ở trên (TCF 371).

47. While it may be that the chains should be numbered rather than named, it will probably be found, when we can actually study the quality of the chains within the Earth-scheme, that the Venus, Mercury and Earth *chains* do, in fact, reflect the quality of the Venus, Mercury and Earth *schemes.*

47. Tuy có thể các dãy nên được đánh số thay vì đặt tên, nhưng có lẽ rồi sẽ thấy rằng, khi chúng ta có thể thực sự khảo sát phẩm tính của các dãy trong hệ Địa Cầu, thì các Dãy Kim Tinh, Thủy Tinh và Địa Cầu *(các dãy)* thực sự phản ảnh phẩm tính của các Hệ Kim Tinh, Thủy Tinh và Địa Cầu *(các hệ).*

48. Sometimes, as well, there is more nuance in a name than in a number.

48. Đôi khi, hơn nữa, có nhiều sắc thái trong một tên gọi hơn là trong một con số.

A systemic formation of great importance in the next round should be pointed out which will bring three schemes:

Một hình thành toàn hệ có tầm quan trọng lớn trong cuộc tuần hoàn tới đây cần được chỉ ra, điều này sẽ đưa ba hệ:

The Earth scheme,

Hệ Địa Cầu,

Mars,

Mars,

Mercury,

Mercury,

49. DK is now elaborating on that which He mentioned above—the formation of this particular triangle at the time of the "Judgment Day".

49. Chân sư DK hiện đang khai triển điều mà Ngài đã nêu ở trên—sự hình thành tam giác đặc thù này vào thời "Ngày Phán Xét".

into such a position in relation to each other that the following results will eventuate:

vào một vị trí tương quan với nhau sao cho các kết quả sau sẽ xảy đến:

1. A systemic triangle will be formed.

1. Một tam giác hệ thống sẽ được hình thành.

50. When triangles between schemes are formed, such triangles are called "systemic" triangles.

50. Khi các tam giác giữa các hệ được hình thành, những tam giác như vậy được gọi là tam giác "toàn hệ".

2. Logoic kundalini will circulate freely between these three points.

2. Kundalini logoic sẽ lưu chuyển tự do giữa ba điểm này.

51. In several references we have been given some present paths of logoic kundalini (some, but, obviously not all). We have been told that presently, a triangle between Saturn, Venus and the Earth is being vivified, and that logoic kundalini is turning its attention to Uranus and Saturn.

51. Ở vài tham chiếu, chúng ta đã được cho một số lộ trình hiện thời của kundalini logoic (một số, nhưng rõ ràng không phải tất cả). Chúng ta đã được biết rằng hiện nay một tam giác giữa Saturn, Venus và Địa Cầu đang được sinh động hóa, và kundalini logoic đang hướng chú ý tới Uranus và Saturn.

52. Now, we are given a prophecy or prediction that logoic kundalini will, during our fifth round, stimulate Mars and Mercury as well. The stimulation of the Earth will continue as the Solar Logos is apparently working through an initiatory process which involves the Earth-scheme.

52. Nay, chúng ta được cho một lời tiên tri hay dự báo rằng kundalini logoic sẽ, trong cuộc tuần hoàn thứ năm của chúng ta, kích thích Mars và Mercury nữa. Sự kích thích của Địa Cầu sẽ tiếp diễn vì Thái dương Thượng đế hiển nhiên đang làm việc qua một tiến trình điểm đạo có sự tham gia của hệ Địa Cầu.

3. A certain great logoic centre will be vitalised and the attention of logoic kundalini will pass from the present triangle in process of forming (the Earth, Venus, and a scheme whose name it is advisable to withhold) to the other [presumably the Earth-scheme, Mars and Mercury].

3. Một trung tâm lớn nào đó của Thượng đế sẽ được tiếp sinh lực và sự chú ý của kundalini logoic sẽ chuyển từ tam giác hiện hữu đang được hình thành (Địa Cầu, Sao Kim, và một hệ mà tên của nó nên được giữ kín) sang tam giác kia [suy ra là hệ Địa Cầu, Mars và Mercury].

53. We note the very interesting phrase, "the attention of logoic kundalini". Self-conscious beings stimulate other (and usually lesser beings) through the act of *attention.* This is a principle of magic: "energy follows thought".

53. Chúng ta lưu ý cụm từ rất thú vị, "sự chú ý của kundalini logoic". Các Hữu thể tự thức kích thích các hữu thể khác (thường là thấp hơn) bằng hành vi *chú ý*. Đây là một nguyên lý của huyền thuật: "năng lượng theo sau tư tưởng".

54. If we search the references we shall find that the third planet (here unnamed) is *very likely* (though not certainly) Saturn. At least Saturn is presently involved with Earth and Venus in a triangle presently forming.

54. Nếu chúng ta khảo sát các tham chiếu, chúng ta sẽ thấy rằng hành tinh thứ ba (ở đây không nêu tên) *rất có thể* (dù không chắc chắn) là Thổ Tinh. Ít nhất, hiện nay Thổ Tinh đang cùng Trái Đất và Kim Tinh tham dự vào một tam giác đang được hình thành.

55. Is this one of those instances where DK reveals (either earlier or later) that which He says He must withhold?

55. Đây có phải là một trong những trường hợp Chân sư DK tiết lộ (hoặc sớm hơn hoặc muộn hơn) điều mà Ngài nói rằng Ngài phải giữ kín không?

at the present point in evolution of the logoic centres, Venus, Earth and Saturn form one triangle of great interest. It is a triangle that is at this time undergoing vivification [Page 182] through the action of kundalini; (TCF 181-182)

tại điểm tiến hoá hiện tại của các trung tâm logoic, Kim Tinh, Trái Đất và Thổ Tinh tạo thành một tam giác rất đáng quan tâm. Đó là một tam giác hiện đang được sinh động hoá [182] nhờ tác động của kundalini; (Luận về Lửa Vũ Trụ 181-182)

56. We are being told that the Saturn/Venus/Earth triangle will be giving way to the Mercury/Mars/Earth triangle.

56. Chúng ta được cho biết rằng tam giác Thổ Tinh/Kim Tinh/Trái Đất sẽ nhường chỗ cho tam giác Thuỷ Tinh/Hỏa Tinh/Trái Đất.

57. While this will occur in the fifth round (presumably of the present fourth chain), it may well implicate the fifth chain of our Earth-scheme, as Mercury (qualitatively, the fifth scheme) is involved.

57. Trong khi điều này sẽ xảy ra trong cuộc tuần hoàn thứ năm (có lẽ của dãy thứ tư hiện tại), nó cũng có thể liên quan đến dãy thứ năm của hệ hành tinh Địa Cầu, vì Thuỷ Tinh (xét về phẩm tính, là hệ thứ năm) có tham dự.

58. Through this transfer, some increase in the availability of the buddhic energy may also be expected.

58. Thông qua sự chuyển dịch này, cũng có thể trông đợi một mức gia tăng về khả năng sẵn có của năng lượng Bồ đề.

4. An entirely new group of human beings will sweep into incarnation in our Earth scheme.

4. Một nhóm người hoàn toàn mới sẽ tràn vào lâm phàm trong hệ hành tinh Địa Cầu của chúng ta.

59. We wish to enquire, "In what way, *new*?" We probably cannot be speaking of individualization if the Earth, following that time, is to be home to only those who can benefit from the higher vibratory level that will then characterize the Earth-scheme.

59. Chúng ta muốn hỏi: "Mới theo nghĩa nào?" Chúng ta có lẽ không thể đang nói về sự biệt ngã hóa nếu Địa Cầu, sau thời điểm đó, sẽ chỉ là quê hương cho những ai có thể thụ ích từ mức rung động cao hơn vốn sẽ đặc trưng cho hệ hành tinh Địa Cầu.

60. From what we will read below, it seems that this "entirely new group of human beings" will come from Mars.

60. Từ những gì chúng ta sẽ đọc bên dưới, có vẻ như "nhóm người hoàn toàn mới" này sẽ đến từ Hỏa Tinh.

61. There may be some ambiguity as to which aspect of "Earth" will become so elevated in vibration that two-fifths of its human units will not find that aspect suitable for their further advancement. Minimally, it will be the Earth-globe, but DK, is, it seems, also speaking of the vibratory elevation of the Earth-chain and even of the entire scheme—about which we know very little at the present time.

61. Có thể có một đôi chút mơ hồ về phương diện nào của "Địa Cầu" sẽ trở nên nâng cao rung động đến mức hai phần năm đơn vị nhân loại của nó sẽ không thấy phương diện đó thích hợp cho sự thăng tiến thêm nữa của họ. Tối thiểu, đó sẽ là bầu hành tinh Địa Cầu, nhưng, có vẻ, Chân sư DK cũng đang nói về sự nâng cao rung động của Dãy Địa Cầu và thậm chí của toàn bộ hệ hành tinh—về điều này, vào thời điểm hiện tại chúng ta biết rất ít.

62. Below, we are offered a description of conditions prevailing at the time of the "Judgment Day".

62. Bên dưới, chúng ta được đưa ra một mô tả về các điều kiện đang ngự trị vào thời "Ngày Phán Xét".

Three fifths of the present humanity, being on the Probationary Path, or the Path of Initiation, at that time, will have their centre of consciousness definitely on the mental plane [Page 391] whilst **two fifths** will remain focussed on the astral.

Ba phần năm của nhân loại hiện tại, vì lúc đó đang ở trên Con Đường Dự Bị, hoặc Con Đường Điểm Đạo, sẽ có trung tâm tâm thức một cách dứt khoát trên cõi trí [391] trong khi **hai phần năm** sẽ vẫn tập trung vào cõi cảm dục.

63. Those who are on the Probationary Path or Path of Initiation are achieving mental focus or have achieved it. Those who are not

63. Những ai đang ở trên Con Đường Dự Bị hoặc Con Đường Điểm Đạo đang đạt đến hoặc đã đạt được sự tập trung trí tuệ. Những

yet advanced to this point may be seen as having astral focus.

ai chưa tiến đến mức này có thể được xem là có sự tập trung cảm dục.

64. Those with mental focus are capable of being *rational.* The astral body is found in that which is regarded as the *irrational* part of man.

64. Những người có tập trung trí tuệ có khả năng *hợp lý*. Thể cảm dục nằm trong phần được coi là *phi lý* của con người.

These two fifths will pass into temporary pralaya, preparatory to their transference to another scheme, as the **Earth scheme will no longer provide for them an adequate place of nurture.**

Hai phần năm này sẽ đi vào pralaya tạm thời, để chuẩn bị cho việc chuyển sang một hệ hành tinh khác, vì **hệ hành tinh Địa Cầu sẽ không còn cung cấp cho họ một nơi dưỡng nuôi thích đáng.**

65. What is said immediately above should be compared with what is said just a page ahead, giving a different slant on conditions at the time of the "Judgment Day".

65. Điều vừa được nói ngay trên đây cần được so sánh với điều sẽ được nói chỉ một trang phía trước, vốn đưa ra một góc nhìn khác về các điều kiện vào thời "Ngày Phán Xét".

66. For two fifths of humanity the process is one of entering a temporary pralaya prior to their transfer to another scheme. As we are dealing with the "separation of the sheep from the goats", that transfer will probably be to the Mars scheme (Mars being connected with astrality and also with Aries, the sign of the "sheep" or "ram").

66. Đối với hai phần năm nhân loại, tiến trình là đi vào pralaya tạm thời trước khi họ được chuyển đến một hệ hành tinh khác. Vì chúng ta đang đề cập đến "sự phân rẽ chiên và dê", sự chuyển giao đó có lẽ sẽ là sang hệ hành tinh Hỏa Tinh (Hỏa Tinh liên hệ với cảm dục và cũng với Bạch Dương, dấu hiệu của "con chiên" hay "con cừu đực").

67. Earth is a planet more unfolded than Mars. Conditions on Earth (i.e., within the Earth-scheme) will be, from that time, too elevated vibrationally to benefit these two fifths.

67. Địa Cầu là một hành tinh khai mở hơn Hỏa Tinh. Các điều kiện trên Địa Cầu (tức là, trong hệ hành tinh Địa Cầu) kể từ thời điểm đó sẽ quá cao về mặt rung động để có thể mang lợi ích cho hai phần năm này.

68. It is interesting that in the popular imagination the "Judgment Day" will send the damned (or held back) to hell—a very *hot* place! Let us think of Mars, the planet of fire and heat, in this respect!

68. Điều đáng chú ý là trong trí tưởng tượng đại chúng, "Ngày Phán Xét" sẽ gửi những kẻ bị kết án (hoặc bị giữ lại) xuống địa ngục—một nơi rất *nóng*! Chúng ta hãy nghĩ đến Hỏa Tinh, hành tinh của lửa và nhiệt, trong mối liên hệ này!

5. **Entities will come in from Mars to the Earth scheme, and will there find their necessary field of endeavour.**

69. VSK inquires: "Are these the entirely new group of humans mentioned in point 4?"

70. This may well be, as it is unlikely that the Earth, at that time (in an elevated vibratory condition), would be a hospitable environment for *newly* individualized souls.

71. We seem to be dealing with a transfer. Two fifths of Earth humanity will be transferred to Mars (we hypothesize). This is balanced by Egos arriving from Mars (presumably advanced Martian Egos, who have achieved mental polarization and may be working on a causal focus).

72. The triangle of Mercury/Mars/Earth would make this transference possible.

73. All this lies in the relatively near future if we consider the duration of planetary schemes in the solar system.

6. Mercurian life will begin to synthesise, and to be transferred to its synthesising planet.

74. Apparently the process of synthesizing and transference are of long duration.

75. The synthesizing planet involved is, we hypothesize, Uranus (cf. TCF 406)

5. **Các thực thể sẽ đến từ Hỏa Tinh vào hệ hành tinh Địa Cầu, và tại đó sẽ tìm thấy lĩnh vực nỗ lực cần thiết của mình.**

69. VSK hỏi: "Đây có phải là nhóm người hoàn toàn mới được đề cập ở điểm 4 không?"

70. Điều này rất có thể, vì khó có khả năng rằng Địa Cầu, vào thời điểm đó (ở trạng thái rung động nâng cao), sẽ là một môi trường hiếu khách cho các linh hồn vừa mới *biệt ngã hóa*.

71. Có vẻ như chúng ta đang xử lý một sự chuyển dịch. Hai phần năm nhân loại Địa Cầu sẽ được chuyển sang Hỏa Tinh (chúng ta giả định). Điều này được cân bằng bởi các Chân ngã đến từ Hỏa Tinh (có lẽ là các Chân ngã Hỏa Tinh tiên tiến, đã đạt sự phân cực trí tuệ và có thể đang làm việc trên sự tập trung vào thể nguyên nhân).

72. Tam giác Thuỷ Tinh/Hỏa Tinh/Trái Đất sẽ làm cho sự chuyển dịch này khả hữu.

73. Tất cả điều này nằm trong tương lai tương đối gần, nếu chúng ta xét đến thời lượng của các hệ hành tinh trong hệ mặt trời.

6. Sự sống Thuỷ Tinh sẽ bắt đầu đi vào tổng hợp, và sẽ được chuyển sang hành tinh tổng hợp của nó.

74. Rõ ràng các tiến trình tổng hợp và chuyển dịch kéo dài trong một thời kỳ lâu dài.

75. Hành tinh tổng hợp liên hệ ở đây, chúng ta giả thuyết, là Thiên Vương Tinh (x. Luận về Lửa Vũ Trụ, tr. 406)

76. The Venus-scheme is ahead of the Mercury-scheme in the synthesizing process.

76. Hệ Kim Tinh đi trước hệ Thuỷ Tinh trong tiến trình tổng hợp.

77. In the sequence of processes, it would seem that synthesizing occurs first as part of the general obscuration process and that both precede absorption.

77. Trong chuỗi các tiến trình, dường như sự tổng hợp diễn ra trước như là một phần của tiến trình lu mờ nói chung và cả hai đều đi trước sự hấp thu.

78. It may be inferred, therefore, that synthesizing occurs on a planet *before* the life of that planet is transferred to the designated synthesizing scheme.

78. Do đó có thể suy ra rằng sự tổng hợp diễn ra trên một hành tinh *trước khi* sự sống của hành tinh đó được chuyển sang hệ tổng hợp được chỉ định.

79. Can we analogize that the transfer of the life of a planet to its synthesizing scheme is something like the absorption of human being into his destined Ashram? We know that identity is preserved in the lesser case. Are we justified in thinking that identity is preserved in the greater? It would seem so.

79. Chúng ta có thể so sánh bằng tương đồng rằng sự chuyển của sự sống một hành tinh sang hệ tổng hợp của nó giống như sự hấp hợp con người vào Đạo viện của y đã định? Chúng ta biết rằng căn tính được bảo toàn trong trường hợp nhỏ hơn. Chúng ta có được phép nghĩ rằng căn tính được bảo toàn trong trường hợp lớn hơn không? Có vẻ là như vậy.

In the case of Mercury this synthesising planet is not Saturn, but one of the other two higher major centres.

Trong trường hợp Thuỷ Tinh, hành tinh tổng hợp này không phải là Thổ Tinh, mà là một trong hai trung tâm chính cao cấp khác.

80. VSK inquires: "Is Mercury synthesizing in its fifth round, like Venus?"

80. VSK hỏi: "Thuỷ Tinh có đang tổng hợp trong cuộc tuần hoàn thứ năm của nó, giống như Kim Tinh không?"

81. May it be suggested that we are not told in which *round* Mercury finds itself. We are told however, that it is focussed in its fourth chain, fifth globe.

81. Có thể gợi ý rằng chúng ta không được cho biết Thuỷ Tinh đang ở trong *cuộc tuần hoàn* nào. Tuy nhiên, chúng ta được cho biết rằng nó tập trung vào dãy thứ tư, bầu thứ năm của nó.

82. If we are dealing with *scheme* rounds, then focus in the *fourth* chain does not suggest that Mercury is in its *fifth* scheme round. Rather, a Mercurian focus in its *fourth* scheme round would be more likely.

82. Nếu chúng ta đang xử lý các cuộc tuần hoàn của *hệ hành tinh*, thì sự tập trung vào *dãy thứ tư* không gợi ý rằng Thuỷ Tinh đang ở trong *cuộc tuần hoàn thứ năm* của hệ. Đúng hơn, một sự tập trung của Thuỷ Tinh vào

cuộc tuần hoàn thứ tư của hệ có lẽ thích hợp hơn.

83. The synthesizing planet for Mercury is proposed on TCF 406.

83. Hành tinh tổng hợp cho Thuỷ Tinh được đề xuất ở Luận về Lửa Vũ Trụ, tr. 406.

84. When we think about these transfers, we can see how fluid must be our concept of the configurations offered in these charts—in this case, Chart VI.

84. Khi chúng ta nghĩ về các sự chuyển dịch này, chúng ta có thể thấy khái niệm của chúng ta về các cấu hình được trình bày trong các biểu đồ—trong trường hợp này là Biểu đồ VI—ắt hẳn phải linh động đến mức nào.

7. The "Judgment Day" in the fifth round, or the point of attainment of our Heavenly Man, will see **a period of planetary strife on mental levels** which will cause the present world unrest to seem as nothing.

7. "Ngày Phán Xét" trong cuộc tuần hoàn thứ năm, hay điểm đạt tới của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, sẽ chứng kiến **một giai đoạn xung đột trên các cấp độ trí tuệ của hành tinh** khiến cho sự bất ổn hiện tại của thế giới trở nên không đáng kể.

85. It would seem that whatever peace really is, within the lower eighteen sub-planes, it is very temporary.

85. Có vẻ rằng bất kỳ thứ gì thực sự là hòa bình trong mười tám cõi phụ thấp hơn thì cũng chỉ rất tạm thời.

86. Strife as it appears on our planet presently, is focussed in a manner mostly physical and astral. Sharp mental differences exist, but the battle is not fought on that plane.

86. Xung đột như đang xuất hiện trên hành tinh của chúng ta hiện nay chủ yếu được tập trung theo cách phần nhiều là hồng trần và cảm dục. Những khác biệt sắc bén về trí tuệ có tồn tại, nhưng trận chiến không được tiến hành trên cõi đó.

87. We can only imagine what DK may mean when He predicts severe planetary strife "on mental levels". We know what debate and mental contention are, but once human beings are accomplished magicians, can we know what acute *mental* strife will be?

87. Chúng ta chỉ có thể hình dung Chân sư DK muốn nói gì khi Ngài dự đoán sự xung đột nghiêm trọng của hành tinh "trên các cấp độ trí tuệ". Chúng ta biết thế nào là tranh luận và đối đầu về mặt trí tuệ, nhưng một khi con người đã là những nhà huyền thuật thành tựu, liệu chúng ta có thể biết xung đột *trí tuệ* gay gắt sẽ như thế nào không?

88. Simply because the strife will be focussed on mental levels does not mean it will be any less drastic than our present

88. Chỉ vì xung đột sẽ tập trung trên các cấp độ trí tuệ không có nghĩa là nó sẽ ít khốc liệt hơn xung đột trên cõi hồng trần hiện tại của

physical plane strife. It is only our quite physical-material bias which might incline us to think so.

chúng ta. Chỉ có thiên kiến rất vật chất-vật lý của chúng ta mới khiến chúng ta nghĩ như vậy.

7. "Ngày Phán Xét" trong cuộc tuần hoàn thứ năm, hay điểm đạt tới của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, sẽ chứng kiến một giai đoạn xung đột trên các cấp độ trí tuệ của hành tinh, khiến cho sự bất ổn hiện tại của thế giới trở nên không đáng kể.

7. "Ngày Phán Xét" trong cuộc tuần hoàn thứ năm, hay điểm đạt tới của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, sẽ chứng kiến một giai đoạn xung đột trên các cấp độ trí tuệ của hành tinh, khiến cho sự bất ổn hiện tại của thế giới trở nên không đáng kể.

1. Dường như bất cứ điều gì được coi là hòa bình trong mười tám cõi phụ thấp hơn đều rất tạm thời.

1. Dường như bất cứ điều gì được coi là hòa bình trong mười tám cõi phụ thấp hơn đều rất tạm thời.

2. Cuộc xung đột như hiện tại trên hành tinh của chúng ta chủ yếu tập trung vào phương diện vật lý và cảm dục. Sự khác biệt về trí tuệ rất rõ rệt, nhưng trận chiến không diễn ra trên cõi đó.

2. Cuộc xung đột như hiện tại trên hành tinh của chúng ta chủ yếu tập trung vào phương diện vật lý và cảm dục. Sự khác biệt về trí tuệ rất rõ rệt, nhưng trận chiến không diễn ra trên cõi đó.

3. Chúng ta chỉ có thể tưởng tượng DK ám chỉ điều gì khi Ngài dự đoán về sự xung đột nghiêm trọng trên "các cấp độ trí tuệ" của hành tinh. Chúng ta hiểu thế nào là tranh luận và đối đầu về mặt trí tuệ, nhưng khi con người đã trở thành những nhà huyền thuật thành thục, liệu chúng ta có thể hiểu được xung đột trí tuệ căng thẳng là như thế nào không?

3. Chúng ta chỉ có thể tưởng tượng Chân sư DK ám chỉ điều gì khi Ngài dự đoán về sự xung đột nghiêm trọng trên "các cấp độ trí tuệ" của hành tinh. Chúng ta hiểu thế nào là tranh luận và đối đầu về mặt trí tuệ, nhưng khi con người đã trở thành những nhà huyền thuật thành thục, liệu chúng ta có thể hiểu được xung đột trí tuệ căng thẳng là như thế nào không?

4. Chỉ vì xung đột sẽ tập trung trên các cấp độ trí tuệ không có nghĩa là nó sẽ ít quyết liệt hơn so với xung đột trên cõi trần hiện tại của chúng ta. Chỉ có thành kiến vật lý-vật chất của chúng ta mới khiến chúng ta nghĩ như vậy.

4. Chỉ vì xung đột sẽ tập trung trên các cấp độ trí tuệ không có nghĩa là nó sẽ ít quyết liệt hơn so với xung đột trên cõi trần hiện tại của chúng ta. Chỉ có thành kiến vật lý-vật chất của chúng ta mới khiến chúng ta nghĩ như vậy.

As pointed out earlier, this present struggle has been to test the ability of the entities within the present human forms **to appreciate their mental forces, and**

Như đã chỉ ra trước đó, cuộc xung đột hiện tại nhằm thử thách khả năng của các thực thể trong các hình thể nhân loại hiện tại **để thấu hiểu được các lực thể trí của mình, và**

through the power of MIND to transcend feeling, or pain.

89. DK is giving us an occult justification for the wars through which humanity is presently passing. What is needed is detachment from and transcendence of feeling or pain through the power of mind. The approach of Buddhism works strenuously to cultivate the necessary detachment. The Buddha's achievement of Nirvana was an act of transcendence.

The struggle in the fifth round will be between higher and lower mind, and the battle ground will be the causal body.38

Như đã chỉ ra trước đó, cuộc xung đột hiện tại nhằm thử thách khả năng của các thực thể trong các hình thể nhân loại hiện tại để thấu hiểu được năng lực trí tuệ của mình, và thông qua sức mạnh của TRÍ TUỆ để vượt qua cảm xúc hoặc đau đớn.

1. Chân sư DK đang đưa ra một lý do huyền bí cho các cuộc chiến mà nhân loại hiện tại đang trải qua. Điều cần thiết là sự tách rời và vượt qua cảm xúc hoặc đau đớn thông qua sức mạnh của trí tuệ. Cách tiếp cận của Phật giáo rất nỗ lực trong việc nuôi dưỡng sự tách rời cần thiết này. Sự đạt được Niết Bàn của Đức Phật là một hành động vượt thoát.

Cuộc xung đột trong cuộc tuần hoàn thứ năm sẽ là giữa thượng trí và hạ trí, và chiến trường sẽ là thể nguyên nhân.

90. This is quite a remarkable statement, seeming to elevate the destined fifth-round battle entirely to the mental plane.

thông qua sức mạnh của THỂ TRÍ để vượt qua cảm xúc hoặc đau đớn.

89. Chân sư DK đang đưa ra một biện minh huyền bí cho những cuộc chiến mà nhân loại hiện đang trải qua. Điều cần thiết là sự tách rời khỏi và vượt lên trên cảm xúc hay đau đớn thông qua sức mạnh của thể trí. Cách tiếp cận của Phật giáo nỗ lực mạnh mẽ để nuôi dưỡng sự tách rời cần thiết. Thành tựu Niết Bàn của Đức Phật là một hành vi vượt thoát.

Cuộc xung đột trong cuộc tuần hoàn thứ năm sẽ là giữa thượng trí và hạ trí, và chiến trường sẽ là thể nguyên nhân.38

Như đã chỉ ra trước đó, cuộc xung đột hiện tại nhằm thử thách khả năng của các thực thể trong các hình thể nhân loại hiện tại để thấu hiểu được năng lực trí tuệ của mình, và thông qua sức mạnh của THỂ TRÍ để vượt qua cảm xúc hoặc đau đớn.

1. Chân sư DK đang đưa ra một lý do huyền bí cho các cuộc chiến mà nhân loại hiện tại đang trải qua. Điều cần thiết là sự tách rời và vượt qua cảm xúc hoặc đau đớn thông qua sức mạnh của thể trí. Cách tiếp cận của Phật giáo rất nỗ lực trong việc nuôi dưỡng sự tách rời cần thiết này. Sự đạt được Niết Bàn của Đức Phật là một hành động vượt thoát.

Cuộc xung đột trong cuộc tuần hoàn thứ năm sẽ là giữa thượng trí và hạ trí, và chiến trường sẽ là thể nguyên nhân.

90. Đây là một tuyên bố khá đáng chú ý, dường như nâng toàn bộ trận chiến định mệnh của cuộc tuần hoàn thứ năm lên cõi trí.

91. Let us remember, however, what we have just learned—that those participating in this battle will be polarized either in their mental or their astral body. “Three fifths… will have their center of consciousness definitely on the mental plane whilst two fifths will remain focussed on the astral.”

91. Tuy nhiên, chúng ta hãy nhớ điều vừa học được—rằng những người tham chiến này sẽ phân cực hoặc trong thể trí hoặc trong thể cảm dục của họ. “Ba phần năm... sẽ có trung tâm tâm thức dứt khoát trên cõi trí trong khi hai phần năm sẽ vẫn tập trung vào cõi cảm dục.”

92. This statement could make one think that the struggle will be between those who are mentally polarized and those who have an astral polarization. But DK points to a higher arena of struggle.

92. Phát biểu này có thể khiến người ta nghĩ rằng cuộc xung đột sẽ diễn ra giữa những người phân cực trí tuệ và những người có phân cực cảm dục. Nhưng Chân sư DK chỉ ra một chiến trường cao hơn.

93. The higher mind is focussed particularly in the manasic permanent atom, yet the mentality characteristic of the second and third sub-planes of the mental plane can also be considered higher mind.

93. Thượng trí đặc biệt được tập trung trong nguyên tử trường tồn manas, tuy vậy, tính chất tâm trí đặc trưng của cõi phụ thứ hai và thứ ba của cõi trí cũng có thể được coi là thượng trí.

94. What can it mean that the causal body will be the battle ground? Perhaps there will be a question of whether the content of the causal body can be relinquished for planetary good, or whether it will be indulged simply for soul expression or even utilized for personal purposes.

94. Việc thể nguyên nhân sẽ là chiến trường có thể có nghĩa gì? Có lẽ sẽ đặt ra câu hỏi liệu nội dung của thể nguyên nhân có thể được từ bỏ vì thiện ích hành tinh, hay nó sẽ được nuôi dưỡng chỉ để biểu hiện linh hồn, hoặc thậm chí được vận dụng cho các mục đích cá nhân.

95. In such a struggle there would be a division between the impersonality of a higher, triadally-inspired life on the one had, and, on the other, a strictly supra-personal life conditioned by the limitations of one’s acquired quality.

95. Trong một cuộc xung đột như thế, sẽ có một sự phân hoá giữa tính vô ngã của một đời sống cao hơn, được Tam nguyên tinh thần truyền cảm hứng, ở một bên; và, ở bên kia, là một đời sống thuần túy siêu-cá-nhân bị điều kiện hoá bởi những phẩm tính mà người ta đã thủ đắc.

96. Below we have a description of the causal body.

96. Bên dưới là một mô tả về thể nguyên nhân.

The Causal Body.

Thể nguyên nhân.

"This influence or force, or result, or whatever it may be called, **of the antecedent actions of man**, forms as it were a seed, from which germinates the plant, yielding good or bad fruit, to be eaten by him during his subsequent existence.

97. We are being told that the causal body is formed due to the "antecedent actions of man". According to the nature and quality of our actions in the three worlds, so is the causal body built.

(Vishnu Purana I, XIX, 5). This seed is technically called the Karana Sarira, the causal body (Paingala Upanishad II), as it is the cause of man's enjoyment or suffering.

98. This is, perhaps, a new idea. It is not unusual to think of the causal body as being the source of enjoyment. When the good stored within that vehicle is expressed, then a type of joy eventuates.

99. Suffering often arises through the inability to express (the content of the causal body), due to karmic conditions on the eighteen lower sub-planes. It does not seem that suffering arises within the causal body, per se, or as a result of the quality which inheres in that body.

This Karana Sarira is composed of the fifth Kosa (Anandamaya) of man and **adheres to the soul so long as the soul remains enveloped in the gross or subtle body** (Sthula or Sukshma Sarira);

100. "Anandamaya" is the bliss of maya or the bliss of illusion. The consciousness conditioned by the causal body is relatively

"Ảnh hưởng hay mãnh lực, hay kết quả, hay dù có gọi là gì đi nữa, **của những hành động tiên khởi của con người**, hình thành, như thể, một hạt giống, từ đó mầm cây nảy sinh, sinh ra quả lành hay quả dữ, để y thọ dụng trong những đời sống tiếp theo của mình.

97. Chúng ta được cho biết rằng thể nguyên nhân được hình thành do "những hành động tiên khởi của con người". Theo bản chất và phẩm tính của các hành động của chúng ta trong ba cõi, thể nguyên nhân được kiến tạo tương ứng.

(Vishnu Purana I, XIX, 5). Hạt giống này, theo thuật ngữ, được gọi là Karana Sarira, tức thể nguyên nhân (Paingala Upanishad II), vì nó là nguyên nhân của sự khoái lạc hay khổ đau của con người.

98. Đây, có lẽ, là một ý niệm mới. Nghĩ về thể nguyên nhân như là nguồn vui thích không phải điều lạ. Khi điều thiện được tích trữ trong vận cụ ấy được biểu lộ, thì một dạng hoan lạc xuất hiện.

99. Khổ đau thường phát sinh do sự bất lực trong việc biểu lộ (nội dung của thể nguyên nhân), vì các điều kiện nghiệp quả trên mười tám cõi phụ thấp. Có vẻ như khổ đau không khởi sinh trong chính thể nguyên nhân, hay như là hệ quả của phẩm chất vốn có trong vận cụ ấy.

Karana Sarira này được cấu thành bởi Kosa thứ năm (Anandamaya) của con người và **dính kèm với linh hồn chừng nào linh hồn còn bị bao bọc trong thể thô hay thể tinh** (Sthula hay Sukshma Sarira);

100. "Anandamaya" là phúc lạc của maya, hay phúc lạc của huyễn tướng. Tâm thức được điều kiện bởi thể nguyên nhân là tương

blissful, but illusory when compared with reality.

101. The term of the *adherence* is related to the incarnational cycle. When the soul (which is really *other* than the causal body) disengages from life on the physical plane and subtle planes, the causal body, too, vanishes. This occurs during the process we call the "Great Renunciation", the Crucifixion or the fourth initiation.

102. It is interesting to read of the causal body adhering to the soul. Thus, an important distinction between soul and its temporary vehicle on the higher mental plane is brought forward.

103. It would seem that, by the term "Kosa", the idea of occult principle or of a distinctive type of consciousness may be conveyed, but the term also means "sheath" or "body". We may think of a "kosa" as a sheath for a certain quality of consciousness or a certain occult principle.

and vanishes entirely when the soul extricates itself from the trammels of the said two bodies; for then, the soul attains its primeval purity, and burns up as it were every trace of its combination with the body, including this causal body (Karana Sarira). This happens when the soul is prepared for final emancipation, Moksha.

104. The "said two bodies" are the physical body and the subtle body. The subtle body includes the astral and lower mental bodies. In this form of Brahmanism, the subtle body is viewed as one thing and is not divided into astral and mental components. From some perspectives, the etheric body may be included within the subtle body, but DK

đối phúc lạc, nhưng vẫn là hư huyễn khi so sánh với thực tại.

101. Thuật ngữ "dính kèm" liên hệ đến chu kỳ lâm phàm. Khi linh hồn (vốn thực sự *khác* với thể nguyên nhân) rút mình khỏi đời sống trên cõi hồng trần và các cõi vi tế, thì thể nguyên nhân cũng tiêu biến. Điều này xảy ra trong tiến trình mà chúng ta gọi là "Sự Từ Bỏ Vĩ Đại", tức Cuộc Đóng Đinh hay lần điểm đạo thứ tư.

102. Thật thú vị khi đọc rằng thể nguyên nhân dính kèm với linh hồn. Như vậy, một phân biệt quan trọng giữa linh hồn và vận cụ tạm thời của nó trên cõi thượng trí được nêu bật.

103. Có vẻ như, với thuật ngữ "Kosa", có thể truyền đạt ý niệm về một nguyên khí huyền bí hay một loại tâm thức biệt dị, nhưng thuật ngữ này cũng có nghĩa là "vỏ bọc" hay "thể". Chúng ta có thể nghĩ "kosa" như một vỏ bọc cho một phẩm chất tâm thức nào đó hay một nguyên khí huyền bí nào đó.

và hoàn toàn tiêu biến khi linh hồn tự giải thoát khỏi những trói buộc của hai thể vừa nêu; vì khi đó, linh hồn đạt đến sự thanh khiết nguyên sơ của mình, và như thể thiêu rụi mọi dấu vết kết hợp với các thể, kể cả thể nguyên nhân này (Karana Sarira). Điều này xảy ra khi linh hồn đã được chuẩn bị cho sự giải thoát sau cùng, Moksha.

104. "Hai thể vừa nêu" là thể xác và thể vi tế. Thể vi tế bao gồm thể cảm dục và thể hạ trí. Trong hình thái Bà-la-môn giáo này, thể vi tế được xem như một thể duy nhất và không chia tách thành thành phần cảm dục và trí. Từ vài quan điểm, thể dĩ thái có thể được bao gồm trong thể vi tế, nhưng Chân sư DK quy

relates the etheric body definitely to the physical plane.

105. Within the soul is a great fiery power. Soul is the true consciousness of the indwelling Entity.

106. The soul releases itself from combination with lesser states; these lesser states include, in our terminology, the personality vehicles and the causal vehicle. Release from such a combination is a form of purification.

107. Moksha is the Hindu/Brahmanic name for “final emancipation”. Of course, we realize that such emancipation is only relative, being an emancipation from the fourth kingdom of nature. Incarnation within the eighteen lower sub-planes is no longer necessary. Many other kinds of emancipations, however, lie ahead, and of these DK has informed us in His detailed descriptions of future initiations.

Till then, of course, the Karana Sarira, the seed, the result of prior actions, remains effective, and asserts a strong controlling influence over man's actions."—The Theosophist, Vol. VII, III, p. 59.

108. It is very useful to think of the causal body as the seed of personality demonstration within the eighteen lower sub-planes. The regeneration of the lower vehicles occurs through the agency of the units within the atomic triangle (the physical and astral permanent atoms and the mental unit), but let us remember that these three force centers are retained *within*

định thể dĩ thái dứt khoát thuộc về cõi hồng trần.

105. Bên trong linh hồn có một quyền năng lửa vĩ đại. Linh hồn là tâm thức chân thật của Đơn vị Ngự-trong.

106. Linh hồn giải phóng mình khỏi sự kết hợp với các trạng thái thấp; các trạng thái thấp này, theo thuật ngữ của chúng ta, bao gồm các vận cụ phàm ngã và vận cụ nguyên nhân. Sự giải phóng khỏi một kết hợp như vậy là một hình thái thanh lọc.

107. Moksha là tên theo Ấn giáo/Bà-la-môn giáo cho “sự giải thoát sau cùng”. Dĩ nhiên, chúng ta hiểu rằng sự giải thoát như vậy chỉ là tương đối, là sự giải thoát khỏi giới thứ tư của thiên nhiên. Việc lâm phàm trong mười tám cõi phụ thấp không còn cần thiết nữa. Tuy nhiên, còn nhiều loại giải thoát khác ở phía trước, và về những điều ấy Chân sư DK đã thông tin cho chúng ta trong các mô tả chi tiết của Ngài về các lần điểm đạo tương lai.

Cho đến khi ấy, dĩ nhiên, Karana Sarira, tức hạt giống, kết quả của các hành động trước đó, vẫn hữu hiệu, và khẳng định một ảnh hưởng chế ngự mạnh mẽ đối với các hành động của con người.”—The Theosophist, Quyển VII, III, tr. 59.

108. Rất hữu ích khi nghĩ về thể nguyên nhân như hạt giống của sự biểu hiện phàm ngã trong mười tám cõi phụ thấp. Sự tái sinh hứng khởi của các vận cụ thấp xảy ra nhờ cơ quan của các đơn vị trong tam giác nguyên tử (nguyên tử trường tồn hồng trần và cảm dục cùng với đơn vị hạ trí), nhưng chúng ta hãy nhớ rằng ba trung tâm lực này được giữ *bên trong* thể nguyên nhân. Do đó, thể nguyên nhân quả thực là *hạt giống*.

the causal body. Thus, the causal body, is indeed the *seed.*

"An ordinary person will by Vasana (Aroma or smell) repeat (In Jagra, the waking state) the old story dreamt in a dream that has passed way.

109. The author is alluding to that effect whereby an aroma or smell awakens an old memory (whether in the waking or dream state).

So also will he, who, investigating the true nature of the self has attained to real knowledge, express himself and still will never become Chidabhasa (chidabhasa is the reflection of atma in the Karana Sarira, which is the vehicle of ignorance).

110. The text tells us of repetitive tendencies from which we must break free. There is an entire web of binding associations and from these we must liberate ourselves. Desire binds us to them.

111. It is fascinating to consider the rather pejorative manner in which Brahmanism looks at the causal body---the “vehicle of ignorance”. To the true knower of the Self, the causal body is as unreal as a dream and must never preoccupy the consciousness. The teaching here given is from the perspective of one who is at least an Arhat.

He who has become a celestial being will nevertheless be called 'man' till the causal body that has already died (by the birth of Pragna, or wisdom) is completely consumed by the predominant fire of wisdom."

112. “Wisdom” can be understood as buddhi. The buddhic fire makes its definite

“Một người bình thường, do Vasana (mùi hương hay hương khí), sẽ lặp lại (trong Jagra, tức trạng thái thức) câu chuyện cũ đã mộng thấy trong một giấc mơ đã qua.

109. Tác giả ám chỉ hiệu ứng nhờ đó một mùi hương hay hương khí đánh thức một ký ức xưa (dù ở trạng thái thức hay mộng).

Cũng vậy, người đã khảo sát bản tính chân thật của tự ngã và đạt đến chân tri sẽ tự biểu lộ mình, nhưng vẫn sẽ không bao giờ trở thành Chidabhasa (chidabhasa là phản ảnh của atma trong Karana Sarira, vốn là vận cụ của vô minh).

110. Văn bản cho chúng ta biết về những xu hướng lặp lại mà chúng ta phải phá vỡ. Có cả một mạng lưới các liên tưởng ràng buộc, và chúng ta phải tự giải phóng khỏi chúng. Dục vọng trói buộc chúng ta vào chúng.

111. Thật thú vị khi xem xét cung cách khá bất lợi mà Bà-la-môn giáo nhìn thể nguyên nhân—“vận cụ của vô minh”. Đối với thức giả chân thật về Tự Ngã, thể nguyên nhân hư ảo như một giấc mộng và không bao giờ được phép chiếm cứ tâm thức. Giáo huấn ở đây được đưa ra từ quan điểm của người tối thiểu đã là một A-la-hán.

“Ai đã trở thành một hữu thể thiên giới tuy vậy vẫn sẽ bị gọi là ‘người’ cho đến khi thể nguyên nhân, vốn đã chết (do sự khai sinh của Pragna, hay trí huệ), bị thiêu rụi hoàn toàn bởi ngọn lửa trí huệ trội thắng.”

112. “Trí huệ” có thể được hiểu là Bồ đề. Lửa Bồ đề đóng góp dứt khoát vào việc hủy hoại

contribution to the destruction of the causal body (for the causal body is largely destroyed by the second aspect of the will, which is related to buddhi).

113. According to this mode of understanding, the one whose causal body is completely consumed by the predominant fire of wisdom is no longer to be called "man".

114. The text makes it seem that celestial beings may still have causal bodies. Much will depend on what is meant by the term "celestial". Is an initiate of the third degree a "celestial being"?

—Kaivalyanavanita, Part II, 31.

"By the rarest fire of True Wisdom the body of avidya (i.e. the causal body) will be reduced to ashes."—Kaivalyanavanita, Part I, 98. Copied from The Theosophist, Vol. VIII.

115. VSK offers this: "Interesting phrasing of 'He who has become' a celestial being – thus man is a celestial being before the birth of wisdom."

116. The term "avidya" means "ignorance" or that which is deprived of "vidya" (knowledge). It is fascinating to consider that the causal body (despite the good qualities which are stored within it) is considered the "body of avidya".

The [Page 392] struggle now being waged on the planet is between **a few Egos (or the leaders of the many races who are necessarily in place and position owing to their egoic polarisation)** and many

thể nguyên nhân (vì thể nguyên nhân phần lớn bị hủy bởi phương diện thứ hai của ý chí, vốn liên hệ với Bồ đề).

113. Theo phương thức hiểu này, người có thể nguyên nhân bị tiêu thụ hoàn toàn bởi ngọn lửa trí huệ trội thắng không còn được gọi là "người" nữa.

114. Văn bản dường như cho thấy rằng các hữu thể thiên giới có thể vẫn còn các thể nguyên nhân. Nhiều điều sẽ tùy thuộc vào ý nghĩa của thuật ngữ "thiên giới". Một điểm đạo đồ bậc ba có phải là "hữu thể thiên giới" không?

—Kaivalyanavanita, Phần II, 31.

"Bởi ngọn lửa tối hy hữu của Chân Trí Huệ, thân thể của avidya (tức thể nguyên nhân) sẽ bị thiêu thành tro."—Kaivalyanavanita, Phần I, 98. Sao chép từ The Theosophist, Quyển VIII.

115. VSK nêu: "Cách diễn đạt thú vị 'Ai đã trở thành' một hữu thể thiên giới—thế là con người là một hữu thể thiên giới trước khi trí huệ khai sinh."

116. Thuật ngữ "avidya" nghĩa là "vô minh" hay cái bị tước mất "vidya" (tri thức). Thật đáng để suy ngẫm khi xem thể nguyên nhân (bất chấp các phẩm lành được tích chứa trong đó) bị xem là "thân thể của vô minh".

Cuộc [392] đấu tranh hiện đang được tiến hành trên hành tinh là giữa **một số ít Chân ngã (hoặc những người lãnh đạo của nhiều chủng tộc, vốn tất yếu ở đúng nơi và đúng vị thế nhờ sự phân cực chân ngã của họ)** và

personalities, who are swept into the vortex through group association;

nhiều phàm ngã, những người bị cuốn vào cơn lốc thông qua liên kết nhóm;

117. The number of Egos is relatively few. They are those who view the world situation from the soul perspective and attempt to lead humanity such a direction that the soul of humanity may emerge and unfold.

117. Số lượng Chân ngã tương đối ít. Họ là những người nhìn nhận tình hình thế giới từ góc độ linh hồn và cố gắng dẫn dắt nhân loại theo hướng mà linh hồn của nhân loại có thể xuất hiện và phát triển.

118. Personalities struggle against these Egos. We understand this from our own microcosmic situation in which that which we are as a personality struggles against that which we are as an Ego.

118. Phàm ngã đấu tranh chống lại những Chân ngã này. Chúng ta hiểu điều này từ tình huống vi mô của chính chúng ta, trong đó cái mà chúng ta là như một phàm ngã đấu tranh chống lại cái mà chúng ta là như một Chân ngã.

it is necessarily terrific, and forces the destruction of the form.

nó nhất thiết phải dữ dội, và buộc phải phá hủy hình tướng.

119. VSK offers: "Thus, the destruction of forms is an expected event and part of 'man's struggle' – not something which 'can' or 'should' be prevented?

119. VSK đưa ra: "Vì vậy, sự hủy diệt của các hình tướng là một sự kiện được mong đợi và là một phần của 'cuộc đấu tranh của con người' – không phải là điều 'có thể' hay 'nên' ngăn chặn?"

120. The general principle to grasp is that when Ego and personality contend, form is destroyed.

120. Nguyên tắc chung cần nắm bắt là khi Chân ngã và phàm ngã tranh đấu, hình tướng bị phá hủy.

The struggle in the fifth round, being on mental levels, will be between Egos and egoic groups, each working consciously, and with intellectual application, to bring about certain group results.

Cuộc đấu tranh trong cuộc tuần hoàn thứ năm, vốn diễn ra trên các cấp độ trí tuệ, sẽ là giữa các Chân ngã và các nhóm chân ngã, mỗi bên đều làm việc một cách có ý thức và áp dụng trí năng để đưa lại những kết quả nhóm nhất định.

121. DK elevates the coming struggle far above that which might be expected between those who are mentally focussed and those who are still polarized upon the astral plane.

121. Chân sư DK nâng cuộc xung đột sắp tới lên rất cao, vượt xa điều có thể trông đợi giữa những người tập trung trí tuệ và những người vẫn còn phân cực trên cõi cảm dục.

122. One reading of what is said above is that those who are soul conscious (focussed within their individual causal body) will be struggling against those who are *group conscious*, for whom the egoic group is of greater moment than the individual Ego.

122. Một cách đọc điều được nói trên là những người có tâm thức linh hồn (tập trung trong thể nguyên nhân cá nhân) sẽ xung đột với những người có tâm thức nhóm, đối với họ, nhóm chân ngã hệ trọng hơn Chân ngã cá nhân.

123. Those who are, strictly speaking, "Egos" are attempting to express the content of their causal bodies. Those who are more consciously members of an egoic group have more of the buddhic energy and are submitting themselves to the Law of Magnetic Impulse—relating as soul to soul to others within their egoic group.

123. Những người, nói nghiêm ngặt, là "Chân ngã" đang tìm cách biểu hiện nội dung của thể nguyên nhân của họ. Những người ý thức hơn về tư cách thành viên trong một nhóm chân ngã thì có nhiều năng lượng Bồ đề hơn và đang tự đặt mình dưới Định luật Xung Động Từ Tính—liên hệ như linh hồn với linh hồn với các thành viên khác trong nhóm chân ngã của họ.

124. This type of struggle, if the outcome is successful, will raise focus from the higher mental plane to the buddhic plane.

124. Loại xung đột này, nếu kết quả thành công, sẽ nâng tiêu điểm từ cõi thượng trí lên cõi Bồ đề.

125. Egoic groups can also be considered to be 'ashramic groups' on the buddhic plane rather than the higher mental plane. A transference of the Ashrams from the higher mental level to the buddhic level was effected about the time *A Treatise on Cosmic Fire* was completed and certainly could have been anticipated by Master DK in relation to that distant future time.

125. Các nhóm chân ngã cũng có thể được xem như 'các nhóm Đạo viện' trên cõi Bồ đề hơn là trên cõi thượng trí. Một sự chuyển dịch các Đạo viện từ mức thượng trí lên mức Bồ đề đã được thực hiện vào khoảng thời Luận về Lửa Vũ Trụ hoàn thành và hẳn nhiên đã có thể được Chân sư DK tiên liệu liên quan đến thời tương lai xa xăm đó.

Cuộc [Page 392] đấu tranh hiện đang diễn ra trên hành tinh là giữa một số ít Chân ngã (hoặc những người lãnh đạo của nhiều chủng tộc, những người nhất thiết ở vị trí và vị thế nhờ vào sự phân cực của họ với Chân ngã) và nhiều phàm ngã, những người bị cuốn vào cơn lốc thông qua sự liên kết nhóm;

Cuộc [392] đấu tranh hiện đang diễn ra trên hành tinh là giữa một số ít Chân ngã (hoặc những người lãnh đạo của nhiều chủng tộc, những người nhất thiết ở vị trí và vị thế nhờ vào sự phân cực của họ với Chân ngã) và nhiều phàm ngã, những người bị cuốn vào cơn lốc thông qua sự liên kết nhóm;

1. Số lượng Chân ngã tương đối ít. Họ là những người nhìn nhận tình hình thế giới từ góc độ linh hồn và cố gắng dẫn dắt nhân loại

1. Số lượng Chân ngã tương đối ít. Họ là những người nhìn nhận tình hình thế giới từ góc độ linh hồn và cố gắng dẫn dắt nhân loại

theo hướng mà linh hồn của nhân loại có thể xuất hiện và phát triển.

theo hướng mà linh hồn của nhân loại có thể xuất hiện và phát triển.

2. Phàm ngã đấu tranh chống lại những Chân ngã này. Chúng ta hiểu điều này từ tình huống vi mô của chính chúng ta, trong đó cái mà chúng ta là như một phàm ngã đấu tranh chống lại cái mà chúng ta là như một Chân ngã.

2. Phàm ngã đấu tranh chống lại những Chân ngã này. Chúng ta hiểu điều này từ tình huống vi mô của chính chúng ta, trong đó cái mà chúng ta là như một phàm ngã đấu tranh chống lại cái mà chúng ta là như một Chân ngã.

nó nhất thiết phải dữ dội, và buộc phải phá hủy hình tướng.

nó nhất thiết phải dữ dội, và buộc phải phá hủy hình tướng.

3. VSK đưa ra: “Vì vậy, sự hủy diệt của các hình tướng là một sự kiện được mong đợi và là một phần của ‘cuộc đấu tranh của con người’ – không phải là điều ‘có thể’ hay ‘nên’ ngăn chặn?"

3. VSK đưa ra: “Vì vậy, sự hủy diệt của các hình tướng là một sự kiện được mong đợi và là một phần của ‘cuộc đấu tranh của con người’ – không phải là điều ‘có thể’ hay ‘nên’ ngăn chặn?"

4. Nguyên tắc chung cần nắm bắt là khi Chân ngã và phàm ngã tranh đấu, hình tướng bị phá hủy.

4. Nguyên tắc chung cần nắm bắt là khi Chân ngã và phàm ngã tranh đấu, hình tướng bị phá hủy.

Cuộc đấu tranh trong cuộc tuần hoàn thứ năm, diễn ra trên các cấp độ trí tuệ, sẽ là giữa các Chân ngã và các nhóm Chân ngã, mỗi bên đều làm việc có ý thức và áp dụng trí tuệ để đạt được những kết quả nhóm nhất định.

Cuộc đấu tranh trong cuộc tuần hoàn thứ năm, diễn ra trên các cấp độ trí tuệ, sẽ là giữa các Chân ngã và các nhóm Chân ngã, mỗi bên đều làm việc có ý thức và áp dụng trí tuệ để đạt được những kết quả nhóm nhất định.

5. DK nâng tầm cuộc đấu tranh sắp tới lên rất cao so với những gì có thể mong đợi giữa những người tập trung vào trí tuệ và những người vẫn còn phân cực trên cõi cảm dục.

5. DK nâng tầm cuộc đấu tranh sắp tới lên rất cao so với những gì có thể mong đợi giữa những người tập trung vào trí tuệ và những người vẫn còn phân cực trên cõi cảm dục.

6. Một cách hiểu về những gì đã nói ở trên là những người có ý thức linh hồn (tập trung trong thể nguyên nhân của cá nhân họ) sẽ đấu tranh chống lại những người có ý thức nhóm, đối với họ, nhóm Chân ngã có tầm quan trọng hơn Chân ngã cá nhân.

6. Một cách hiểu về những gì đã nói ở trên là những người có ý thức linh hồn (tập trung trong thể nguyên nhân của cá nhân họ) sẽ đấu tranh chống lại những người có ý thức nhóm, đối với họ, nhóm Chân ngã có tầm quan trọng hơn Chân ngã cá nhân.

7. Những người, theo nghĩa nghiêm ngặt, là “Chân ngã” đang cố gắng thể hiện nội dung

7. Những người, theo nghĩa nghiêm ngặt, là “Chân ngã” đang cố gắng thể hiện nội dung

của thể nguyên nhân của họ. Những người có ý thức hơn về việc là thành viên của một nhóm Chân ngã có nhiều năng lượng Bồ đề hơn và đang tuân theo Định luật Xung Động Từ Tính—liên kết như linh hồn với linh hồn đối với những người khác trong nhóm Chân ngã của họ.

của thể nguyên nhân của họ. Những người có ý thức hơn về việc là thành viên của một nhóm Chân ngã có nhiều năng lượng Bồ đề hơn và đang tuân theo Định luật Xung Động Từ Tính—liên kết như linh hồn với linh hồn đối với những người khác trong nhóm Chân ngã của họ.

8. Loại đấu tranh này, nếu kết quả thành công, sẽ nâng sự tập trung từ cõi thượng trí lên cõi Bồ đề.

8. Loại đấu tranh này, nếu kết quả thành công, sẽ nâng sự tập trung từ cõi thượng trí lên cõi Bồ đề.

9. Các nhóm Chân ngã cũng có thể được coi là các 'nhóm Ashramic' trên cõi Bồ đề thay vì trên cõi thượng trí. Một sự chuyển đổi các Ashram từ cấp độ thượng trí lên cấp độ Bồ đề đã được thực hiện vào khoảng thời gian hoàn thành tác phẩm "A Treatise on Cosmic Fire" và chắc chắn đã được Chân sư DK dự đoán liên quan đến thời điểm xa xôi đó trong tương lai.

9. Các nhóm Chân ngã cũng có thể được coi là các 'nhóm Ashramic' trên cõi Bồ đề thay vì trên cõi thượng trí. Một sự chuyển đổi các Ashram từ cấp độ thượng trí lên cấp độ Bồ đề đã được thực hiện vào khoảng thời gian hoàn thành tác phẩm "Luận về Lửa Vũ Trụ" và chắc chắn đã được Chân sư DK dự đoán liên quan đến thời điểm xa xôi đó trong tương lai.

It will result in the triumph (the ultimate triumph) of Spirit over matter,

Điều đó sẽ đưa tới sự khải hoàn (khải hoàn tối hậu) của Tinh thần đối với vật chất,

126. This is another way of saying that the triumph will not happen immediately. There is much development in the sphere of the spiritual triad which must precede the ultimate triumph of Spirit (i.e., the Monad).

126. Đây là một cách khác để nói rằng sự khải hoàn sẽ không xảy ra ngay tức thì. Còn nhiều bước phát triển trong lĩnh vực Tam nguyên tinh thần phải đi trước thắng lợi tối hậu của Tinh thần (tức Chân thần).

in the driving out of certain groups as yet unable to shake themselves free from the trammels of matter, and who prefer captivity to the life of the Spirit;

trong việc xua đuổi ra khỏi hệ những nhóm vẫn chưa thể tự mình thoát khỏi trói buộc của vật chất, và những kẻ chuộng cảnh giam cầm hơn đời sống của Tinh thần;

127. The groups to be driven out are the two fifths which are still astrally polarized and which will, according to hypothesis, pass into pralaya and thence to the Mars-scheme.

127. Những nhóm sẽ bị xua đi là hai phần năm vẫn còn phân cực cảm dục và, theo giả thuyết, sẽ đi vào pralaya rồi từ đó sang hệ Hỏa Tinh.

128. Presumably, that future struggle will result in the "driving out" of certain Egos,

128. Có thể suy ra rằng cuộc xung đột tương lai ấy sẽ dẫn tới việc "xua đi" một số Chân

who with the entire content of their causal body will be transferred into pralaya and, thence, to another planetary scheme.

ngã, những vị, cùng với toàn bộ nội dung thể nguyên nhân của họ, sẽ được chuyển vào pralaya rồi, từ đó, sang một hệ hành tinh khác.

129. The struggle of which DK speaks may take place between those who are, in fact, mentally focussed. There are, however, higher and lower methods of focussing mentally. If one's center of consciousness is on the lower mental plane, it is very different thing from having the focus of one's center of consciousness on the higher mental plane.

129. Cuộc xung đột mà Chân sư DK nhắc tới có thể diễn ra giữa những người thật sự tập trung vào tâm trí. Tuy nhiên, có những phương thức tập trung trí tuệ cao và thấp. Nếu trung tâm tâm thức của một người nằm trên cõi hạ trí, thì rất khác với việc tiêu điểm tâm thức của người ấy ở trên cõi thượng trí.

130. Even those who are focussed upon the higher mental plane, may be distinguished between those for whom the second and third sub-planes of the higher mental plane are 'home' and those who are beginning to transfer their focus into the spiritual triad (of which the mental component is to be found on the atomic sub-plane of the higher mental plane).

130. Ngay cả giữa những người đã tập trung trên cõi thượng trí cũng có thể phân biệt giữa những người coi cõi phụ thứ hai và thứ ba của cõi thượng trí là "nhà" và những người đang khởi sự chuyển tiêu điểm vào Tam nguyên tinh thần (mà thành phần trí của nó được tìm thấy trên cõi phụ nguyên tử của cõi thượng trí).

it will mark the beginning of the obscuration of our scheme, and the gradual passing into pralaya, during the remaining two and a half rounds of our entire seven chains.

nó sẽ đánh dấu sự khởi đầu của thời kỳ lu mờ của hệ hành tinh chúng ta, và sự đi vào pralaya một cách tuần tự, trong suốt hai cuộc tuần hoàn rưỡi còn lại của toàn bộ bảy dãy của chúng ta.

131. We see how early in the process of planetary development obscuration can begin.

131. Chúng ta thấy lu mờ có thể khởi phát rất sớm trong tiến trình phát triển hành tinh.

132. What is said here makes it more reasonable to think that Mercury could, in fact, begin its obscuration and, then, synthesizing process when focussed in its fourth chain, fifth globe.

132. Điều được nói ở đây khiến cho việc nghĩ rằng Thuỷ Tinh, thực tế, có thể khởi sự tiến trình lu mờ rồi sau đó là tiến trình tổng hợp trong khi vẫn tập trung vào dãy thứ tư, bầu thứ năm, trở nên hợp lý hơn.

133. For development within the Earth-scheme, there remain, it seems two and a half periods of chain development.

133. Đối với sự phát triển trong hệ Địa Cầu, dường như còn lại hai giai đoạn rưỡi phát triển theo dãy.

134. The kinds of rounds here mentioned seem to be *scheme* rounds, rather than chain rounds. The wording—"the entire two and a half rounds of our entire seven chains"—make this quite explicit.

134. Những cuộc tuần hoàn được nêu ở đây dường như là các cuộc tuần hoàn của *hệ*, chứ không phải tuần hoàn của dãy. Cách diễn đạt —"toàn bộ hai cuộc tuần hoàn rưỡi của toàn bộ bảy dãy của chúng ta"—làm điều này khá rõ.

135. Within this period of two and a half rounds, chain rounds on the fifth, sixth and seventh chains of the Earth-chain will be proceeding.

135. Trong khoảng hai cuộc tuần hoàn rưỡi này, các cuộc tuần hoàn của dãy thứ năm, thứ sáu và thứ bảy trong Dãy Địa Cầu sẽ tiếp diễn.

136. We have an interesting discrepancy, for it would seem that *three* and a half scheme rounds yet remain and not *two* and half. If, as stated below, the Earth-scheme were in the position it should be, paralleling the Venus-scheme, then, perhaps, *two* and a half scheme rounds would remain.

136. Chúng ta gặp một điểm bất nhất thú vị, vì dường như còn lại *ba* cuộc tuần hoàn hệ chứ không phải *hai* rưỡi. Nếu, như phát biểu bên dưới, hệ Địa Cầu đang ở vào vị trí lẽ ra nó phải ở, song hành với hệ Kim Tinh, thì có lẽ, còn lại *hai* cuộc tuần hoàn rưỡi của hệ.

It is an interesting occult fact that our Earth should now be in her fifth round, and paralleling the Venusian scheme,

Đó là một sự kiện huyền bí thú vị rằng Trái Đất của chúng ta lẽ ra hiện nay phải ở trong cuộc tuần hoàn thứ năm của nó, và song hành với hệ hành tinh Kim Tinh,

137. Perhaps, the Earth-scheme, too, was intended to achieve rapid development.

137. Có lẽ hệ hành tinh Địa Cầu cũng đã được dự định để đạt sự phát triển nhanh chóng.

138. Earth as a whole, appears to be in its *fourth* scheme round, while Venus is in her fifth. Scheme rounds have to do with development on particular chains, and if development on the third chain of the Earth-scheme was retarded, we can see why Earth has fallen one *scheme* round behind the Venus-scheme.

138. Toàn thể Địa Cầu dường như đang ở trong cuộc tuần hoàn hệ hành tinh thứ *tư*, trong khi Kim Tinh ở trong cuộc tuần hoàn thứ năm. Các cuộc tuần hoàn hệ hành tinh liên quan đến sự phát triển trên những Dãy nhất định, và nếu sự phát triển trên dãy thứ ba của hệ hành tinh Địa Cầu đã bị trì hoãn, chúng ta có thể thấy vì sao Địa Cầu đã tụt lại

sau hệ hành tinh Kim Tinh một cuộc tuần hoàn *hệ hành tinh*.

139. We note that in this reference we are not told that the Earth-chain should be in her fifth round, but that "Earth" should now be in her fifth round. This is one of those many instances in which the name of our planet is used to indicate the entire scheme and not simply the Earth-globe.

139. Chúng ta lưu ý rằng trong chỗ dẫn này, chúng ta không được bảo rằng Dãy Địa Cầu lẽ ra phải ở trong cuộc tuần hoàn thứ năm của nó, mà là "Địa Cầu" lẽ ra hiện nay phải ở trong cuộc tuần hoàn thứ năm của nó. Đây là một trong nhiều trường hợp tên của hành tinh chúng ta được dùng để chỉ toàn bộ hệ hành tinh chứ không chỉ riêng bầu Địa Cầu.

but the moon chain of our scheme saw a period of temporary retardation of the evolutionary process of our Heavenly Man;

nhưng Dãy Mặt Trăng của hệ hành tinh chúng ta đã chứng kiến một giai đoạn trì hoãn tạm thời của tiến trình tiến hoá của Đấng Thiên Nhân của chúng ta;

140. It was not only the Chain Lord who experienced retardation, but the entire Planetary Logos or Heavenly Man.

140. Không chỉ Chúa Tể của Dãy trải qua sự trì hoãn, mà toàn bộ Hành Tinh Thượng Đế hay Đấng Thiên Nhân cũng vậy.

it resulted in a temporary slowing down of His activities, and caused "lost time," if such an expression might reverently be permitted.

điều đó dẫn đến sự chậm lại tạm thời trong các hoạt động của Ngài, và gây ra "thời gian bị mất", nếu một cách diễn đạt như vậy có thể được cho phép một cách cung kính.

141. When DK speaks of higher Beings in terms more commonly applied to human beings, He approaches "reverently". This occurs quite a number of times. There are seven references to "reverently" on the AAB CDRom and they are all used in more or less the same context.

141. Khi Chân sư DK nói về các Đấng cao cả hơn bằng những thuật ngữ thường áp dụng cho con người, Ngài tiếp cận "một cách cung kính". Điều này xảy ra khá nhiều lần. Có bảy chỗ nhắc đến "một cách cung kính" trên AAB CDRom và tất cả đều được dùng trong ít nhiều cùng một ngữ cảnh.

The Lords of the Dark Face, or the **inherent forces of matter** for a time achieved success, and only the fifth round of our chain will see their ultimate defeat.

Các Chúa Tể của Khuôn Mặt Tối, hay **các mãnh lực cố hữu của vật chất** trong một thời gian đã đạt được thành công, và chỉ đến cuộc tuần hoàn thứ năm của Dãy chúng ta mới chứng kiến sự thất bại tối hậu của họ.

142. This is a most important reference. Usually we read of the work of the Black Lodge in relation to Atlantean times, but

142. Đây là một chỗ dẫn cực kỳ quan trọng. Thông thường chúng ta đọc về công việc của Hắc đoàn liên hệ với thời Atlantis, nhưng rõ

apparently, they were active on the Moon-chain. As these Lords came from the first solar system (where they were advanced human beings and even initiates of a kind), we have yet another piece of inferential evidence that those who developed as human beings within the previous solar system, may have come to the Moon-chain *before* incarnating in Lemuria.

ràng họ đã hoạt động trên Dãy Mặt Trăng. Vì các Chúa Tể này đến từ hệ mặt trời thứ nhất (nơi họ là những con người tiến hóa cao và thậm chí là những điểm đạo đồ thuộc một loại nào đó), nên chúng ta có thêm một mảnh bằng chứng suy luận nữa rằng những người đã phát triển như con người trong hệ mặt trời trước có thể đã đến Dãy Mặt Trăng *trước khi* nhập thể ở Lemuria.

143. When thinking of the members of the Black Lodge (the "Lords of the Dark Face" as they are here called) we would be wise to think of them, not so much as personalities or individualities, but as "the inherent forces of matter".

143. Khi nghĩ về các thành viên của Hắc đoàn (ở đây được gọi là "Các Chúa Tể của Khuôn Mặt Tối"), chúng ta nên khôn ngoan mà nghĩ về họ không quá nhiều như các phàm ngã hay các cá thể, mà như "các mãnh lực cố hữu của vật chất".

144. It seems that the failure of the Planetary Logos on the Moon-chain was not only a result of 'premature compassion' but of the deliberate work of rebellious, egoistic units manifesting upon the Moon-chain.

144. Dường như sự thất bại của Hành Tinh Thượng Đế trên Dãy Mặt Trăng không chỉ là kết quả của 'lòng từ bi quá sớm' mà còn của công việc có chủ ý của những đơn vị phản loạn, ích kỷ biểu hiện trên Dãy Mặt Trăng.

145. We see that the defeat of the Black Lodge is destined to occur in *our* chain in its fifth round. We are, therefore, living on a chain in which momentous processes are due to transpire. The defeat of the Black Lodge within the Earth-scheme will have powerful implications for the entire solar system.

145. Chúng ta thấy rằng sự thất bại của Hắc đoàn được định là sẽ xảy ra trong *Dãy* của chúng ta ở cuộc tuần hoàn thứ năm của nó. Vì vậy, chúng ta đang sống trên một Dãy mà trong đó những tiến trình trọng đại được định sẽ diễn ra. Sự thất bại của Hắc đoàn trong hệ hành tinh Địa Cầu sẽ có những hàm ý mạnh mẽ đối với toàn bộ hệ mặt trời.

146. Notice how DK speaks of the "fifth round of our chain", specifically stating the type of round in which this defeat will occur. It would seem that the major battles in relation to our Earth scheme are to be fought out on the fourth or Earth-*chain*.

146. Hãy lưu ý cách Chân sư DK nói về "cuộc tuần hoàn thứ năm của Dãy chúng ta", nêu rõ loại cuộc tuần hoàn mà trong đó sự thất bại này sẽ xảy ra. Dường như những trận chiến lớn liên hệ với hệ hành tinh Địa Cầu của chúng ta sẽ được chiến đấu trên Dãy thứ tư hay Dãy Địa Cầu.

The Venusian scheme also had its battleground,

Hệ hành tinh Kim Tinh cũng đã có chiến trường của nó,

147. We are not told when. Was it in this solar system? It would seem so.

147. Chúng ta không được cho biết là khi nào. Có phải trong hệ mặt trời này không? Dường như là vậy.

148. It would seem that Venus, too, inherited some of the vestigial problems of the previous solar system.

148. Dường như Kim Tinh cũng thừa hưởng một số vấn đề tồn dư của hệ mặt trời trước.

149. By analogy, can we think with reason that the battle in the Venus-scheme took place it is fourth chain? We remember that the fourth chain of the Venus-scheme was involved in the alignment which saw the emergence of the Lords of the Flame.

149. Theo định luật tương đồng, liệu chúng ta có thể nghĩ một cách hợp lý rằng trận chiến trong hệ hành tinh Kim Tinh đã diễn ra trên Dãy thứ tư của nó không? Chúng ta nhớ rằng Dãy thứ tư của hệ hành tinh Kim Tinh đã tham dự vào sự chỉnh hợp dẫn đến sự xuất hiện của các Chúa Tể của Ngọn Lửa.

but **the planetary Logos of that scheme overcame the antagonistic forces,** triumphed over material forms, and was consequently in a position—when the right time came—to **apply the needed stimulation or an** [Page 393] **increased fiery vibration to our Earth scheme.**

nhưng **Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh đó đã vượt qua các mãnh lực đối kháng,** chiến thắng các hình tướng vật chất, và do đó ở vào vị thế—khi thời điểm thích hợp đến—để **áp dụng sự kích thích cần thiết hay một** [Page 393] **rung động lửa gia tăng cho hệ hành tinh Địa Cầu của chúng ta.**

150. The principle is clear: those who have achieved are in a position to help those who have not with a similar achievement.

150. Nguyên tắc thì rõ ràng: những ai đã thành tựu ở vào vị thế có thể giúp những ai chưa thành tựu đạt được một thành tựu tương tự.

151. We see that the Lord of the Venus-scheme was definitely involved with manasic development within the Earth-scheme at the time of the individualization of animal man upon the fourth globe of the Earth-chain.

151. Chúng ta thấy rằng Chúa Tể của hệ hành tinh Kim Tinh chắc chắn đã liên hệ với sự phát triển manas trong hệ hành tinh Địa Cầu vào thời điểm biệt ngã hóa của người thú trên bầu thứ tư của Dãy Địa Cầu.

152. We should meditate upon initiation in relation to the "fiery vibration" which the Logos of the Venus-scheme applied to the Logos of our Earth-scheme.

152. Chúng ta nên tham thiền về điểm đạo trong liên hệ với "rung động lửa" mà Thượng đế của hệ hành tinh Kim Tinh đã áp dụng cho Thượng đế của hệ hành tinh Địa Cầu của chúng ta.

153. In a significant manner, Venus is still the sponsor of a fiery vibration in relation to the entire initiatory process on our planet.

153. Theo một cách có ý nghĩa, Kim Tinh vẫn là đấng bảo trợ của một rung động lửa liên hệ với toàn bộ tiến trình điểm đạo trên hành tinh chúng ta.

The fact that outside aid was called in during the third root-race of this chain, and that the evolution of manas brought about the individualisation, in physical form, of the Avatar, needs to be pondered on.

Sự kiện rằng viện trợ từ bên ngoài đã được kêu gọi trong giống dân gốc thứ ba của Dãy này, và rằng **sự tiến hoá của manas đã mang lại sự biệt ngã hóa, trong hình tướng hồng trần, của Đấng Hoá Thân**, cần được suy ngẫm.

154. DK is suggesting that we ponder. Individualization within the third root race of our chain will then be pondered in relation to the victory and achievement of the Logos of the Venus-scheme.

154. Chân sư DK đang gợi ý rằng chúng ta nên suy ngẫm. Khi đó, sự biệt ngã hóa trong giống dân gốc thứ ba của Dãy chúng ta sẽ được suy ngẫm trong liên hệ với chiến thắng và thành tựu của Thượng đế của hệ hành tinh Kim Tinh.

155. We often discuss the individualization of animal man, but here the turn of phrase is different. DK alerts us to the "individualization, in physical form, of the Avatar". We do not often think of the coming of Sanat Kumara (presumably the Avatar here meant) as the individualization of that Avatar "in physical form".

155. Chúng ta thường bàn đến sự biệt ngã hóa của người thú, nhưng ở đây cách diễn đạt lại khác. Chân sư DK lưu ý chúng ta đến "sự biệt ngã hóa, trong hình tướng hồng trần, của Đấng Hoá Thân". Chúng ta không thường nghĩ về sự giáng lâm của Đức Sanat Kumara (có lẽ là Đấng Hoá Thân được nói đến ở đây) như là sự biệt ngã hóa của Đấng Hoá Thân ấy "trong hình tướng hồng trần".

156. We can see that, whatever the individualization of the Avatar in physical form really means, it was the fiery influence of the Venus-scheme that impulsed its occurrence.

156. Chúng ta có thể thấy rằng, dù sự biệt ngã hóa của Đấng Hoá Thân trong hình tướng hồng trần thực sự có nghĩa là gì đi nữa, thì chính ảnh hưởng lửa của hệ hành tinh Kim Tinh đã thúc đẩy sự xuất hiện của nó.

157. In some respects, it seems that the descent of our Planetary Logos into physical form is to be called an "Avatar". Sanat Kumara was, it seems, the embodiment of that descent.

157. Ở một số phương diện, dường như sự giáng lâm của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta vào hình tướng hồng trần được gọi là một "Đấng Hoá Thân". Đức Sanat Kumara dường như là hiện thân của sự giáng lâm đó.

158. DK, we note, speaks of the "third root-race of our chain". He seems to be leaving out a level of expression—the *globe* level. It would seem more technically correct to speak of the 'third root-race of our *globe.* Are we confronting an occult blind? In some manner is the same root-race occurring simultaneously on all globes of a chain?

158. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK nói về "giống dân gốc thứ ba của Dãy chúng ta". Dường như Ngài đang bỏ qua một cấp độ biểu hiện—cấp độ *bầu hành tinh*. Về mặt kỹ thuật, dường như sẽ đúng hơn nếu nói về 'giống dân gốc thứ ba của *bầu hành tinh* chúng ta'. Chúng ta có đang đối diện với một sự che giấu huyền bí không? Có phải theo một cách nào đó cùng một giống dân gốc đang xảy ra đồng thời trên mọi bầu hành tinh của một Dãy không?

The Divine Manasaputra, the Lord of the World, took form Himself through the driving impulse of manas, inherent in His nature, and in some mysterious way this was aided by another Heavenly Man of another scheme. His co-operation was required.

Đấng Manasaputra Thiêng Liêng, Đức Chúa Tể Thế Giới, đã tự mình mang lấy hình tướng nhờ xung lực thúc đẩy của manas, vốn cố hữu trong bản chất của Ngài, và theo một cách huyền nhiệm nào đó điều này đã được trợ giúp bởi một Đấng Thiên Nhân khác của một hệ hành tinh khác. Sự hợp tác của Ngài là cần thiết.

159. DK is saying in a better way that which has just been suggested.

159. Chân sư DK đang nói theo một cách tốt hơn điều vừa mới được gợi ý.

160. We remember that the term "Divine Manasaputra" is usually reserved for Planetary Logoi.

160. Chúng ta nhớ rằng thuật ngữ "Đấng Manasaputra Thiêng Liêng" thường được dành cho các Hành Tinh Thượng Đế.

161. From this, we may gather that Sanat Kumara can, indeed, be considered a Planetary Logos. He is also considered to be the soul and personality of a Planetary Logos, as other references have instructed us.

161. Từ đây, chúng ta có thể suy ra rằng Đức Sanat Kumara quả thực có thể được xem là một Hành Tinh Thượng Đế. Ngài cũng được xem là linh hồn và phàm ngã của một Hành Tinh Thượng Đế, như những chỗ dẫn khác đã chỉ dạy cho chúng ta.

162. The "driving impulse of manas" was, it seems, impelled by the Lord of the Venus-scheme, even though it was inherent in the nature of Sanat Kumara.

162. "Xung lực thúc đẩy của manas" dường như đã được thúc đẩy bởi Chúa Tể của hệ hành tinh Kim Tinh, dù nó vốn cố hữu trong bản chất của Đức Sanat Kumara.

163. We are told that Sanat Kumara did not come from Venus, but here we learn that the cooperation of the Lord of the Venus-scheme

163. Chúng ta được bảo rằng Đức Sanat Kumara không đến từ Kim Tinh, nhưng ở đây chúng ta biết rằng sự hợp tác của Chúa

was definitely required for Sanat Kumara to undertake His mission to the fourth chain and fourth globe of the Earth-scheme. The Venus-scheme, therefore, cannot be left out of the picture when considering the modus-operandi of the process of individualization on our globe.

Tể của hệ hành tinh Kim Tinh chắc chắn là cần thiết để Đức Sanat Kumara đảm nhận sứ mệnh của Ngài đến Dãy thứ tư và bầu thứ tư của hệ hành tinh Địa Cầu. Vì vậy, không thể loại hệ hành tinh Kim Tinh ra khỏi bức tranh khi xem xét phương thức vận hành của tiến trình biệt ngã hóa trên bầu hành tinh của chúng ta.

d. Summation. We have been studying **the origin of manas, and we saw first, that it is the active will, intelligently applied, of an Entity,** and then that this active intelligent will affects all lesser lives in cyclic evolution within the Body of that particular actively willing Existence. This is true of all Beings from the Logos downwards.

d. Tổng kết. Chúng ta đã nghiên cứu **nguồn gốc của manas, và trước hết chúng ta thấy rằng nó là ý chí hoạt động, được áp dụng một cách thông tuệ, của một Thực Thể,** và rồi rằng ý chí hoạt động thông tuệ này tác động lên mọi sự sống thấp hơn trong tiến hoá theo chu kỳ bên trong Thể của Sự Tồn Tại có ý chí hoạt động đặc thù ấy. Điều này đúng với mọi Đấng từ Thượng đế trở xuống.

164. DK recapitulates important information on the origin of manas. This has been a very difficult subject and simple recapitulations are needed.

164. Chân sư DK tóm lược những thông tin quan trọng về nguồn gốc của manas. Đây là một chủ đề rất khó và những sự tóm lược đơn giản là cần thiết.

165. For *practical* purpose and in relation to processes occurring within our solar system, it would seem that this "Entity" is the Solar Logos, but, in fact, the source of manas is higher than He.

165. Vì mục đích *thực tiễn* và liên hệ với các tiến trình xảy ra trong hệ mặt trời của chúng ta, dường như "Thực Thể" này là Thái dương Thượng đế, nhưng trên thực tế nguồn gốc của manas còn cao hơn Ngài.

166. The explanation applies to Planetary Logoi and to man as well.

166. Sự giải thích này cũng áp dụng cho các Hành Tinh Thượng Đế và cho con người nữa.

167. The idea that, in essence, "manas is *will*" is to be pondered.

167. Ý tưởng rằng, về bản chất, "manas là *ý chí*" cần được suy ngẫm.

168. We recall that, in our solar system at least, will originates on the highest levels of the cosmic mental plane. Any higher origin on the seven cosmic planes is not discussed though it may be hinted.

168. Chúng ta nhớ rằng, ít nhất trong hệ mặt trời của chúng ta, ý chí phát sinh trên những cấp độ cao nhất của cõi trí vũ trụ. Bất kỳ nguồn gốc cao hơn nào trên bảy cõi vũ trụ đều không được bàn đến, dù có thể được ám chỉ.

Perhaps in summing up it might be expressed thus:

The originating source of manasic activity in a solar system is that great cosmic Entity Who embodies our solar Logos as a centre in His Body along with six other solar Logoi Who are, in Their totality, His seven centres.

169. If we reference TCF 293, we shall understand this Entity as a Cosmic Logos, Who has for His centers seven Solar Logoi.

170. We could probably carry the analogy further, and name the One About Whom Naught May Be Said as the true origin of manas—not only for our solar system, but for all associated Cosmic Logoi.

The originating source of manasic activity in the planetary schemes is that cosmic Entity we call the solar Logos. He is the active, directing Intelligence Who is working with definite purpose through His seven centres.

171. We may judge that the origin of manas for any being always occurs one step 'above' the level at which that being is manifesting.

a. A One About Whom Naught May Be Said is one step 'above' a Cosmic Logos.

b. A Cosmic Logos is one step 'above' a Solar Logos

Có lẽ khi tổng kết, điều đó có thể được diễn đạt như sau:

Nguồn gốc khởi nguyên của hoạt động manas trong một hệ mặt trời là Thực Thể vũ trụ vĩ đại ấy, Đấng hiện thân cho Thái dương Thượng đế của chúng ta như một trung tâm trong Thể của Ngài cùng với sáu Thái dương Thượng đế khác, những Đấng mà trong tổng thể của Các Ngài là bảy trung tâm của Ngài.

169. Nếu chúng ta tham chiếu TCF 293, chúng ta sẽ hiểu Thực Thể này là một Thượng đế Vũ Trụ, Đấng có bảy Thái dương Thượng đế làm các trung tâm của Ngài.

170. Có lẽ chúng ta có thể tiếp tục phép tương đồng xa hơn, và gọi Đấng Bất Khả Tư Nghị là nguồn gốc đích thực của manas—không chỉ đối với hệ mặt trời của chúng ta, mà còn đối với mọi Thượng đế Vũ Trụ liên kết với nhau.

Nguồn gốc khởi nguyên của hoạt động manas trong các hệ hành tinh là Thực Thể vũ trụ mà chúng ta gọi là Thái dương Thượng đế. Ngài là Trí Tuệ hoạt động, chỉ đạo, Đấng đang làm việc với mục đích xác định thông qua bảy trung tâm của Ngài.

171. Chúng ta có thể phán đoán rằng nguồn gốc của manas đối với bất kỳ hữu thể nào cũng luôn xảy ra ở một bước 'cao hơn' cấp độ mà hữu thể ấy đang biểu hiện.

a. Một Đấng Bất Khả Tư Nghị ở một bước 'cao hơn' một Thượng đế Vũ Trụ.

b. Một Thượng đế Vũ Trụ ở một bước 'cao hơn' một Thái dương Thượng đế

c. A Solar Logos is one step 'above' a Planetary Logos

c. Một Thái dương Thượng đế ở một bước 'cao hơn' một Hành Tinh Thượng Đế

d. A Planetary Logos is one step 'above' a Chain Lord Who holds the same relation to a Globe Lord

d. Một Hành Tinh Thượng Đế ở một bước 'cao hơn' một Chúa Tể của Dãy, Đấng giữ cùng mối liên hệ ấy với một Chúa Tể của bầu hành tinh

e. On our own level, a Solar Angel (who implanted the spark of mind) is one step 'above' the human being it supervises.

e. Trên cấp độ của chính chúng ta, một Thái dương Thiên Thần (Đấng đã cấy tia lửa trí tuệ) ở một bước 'cao hơn' con người mà vị ấy giám sát.

172. DK, however, seems to be telling us that it is the Solar Logos is the originating source of manas for *all* the planetary schemes and not for any one in particular. But, of course, each planetary scheme would be manasically affected by the Solar Logos.

172. Tuy nhiên, dường như Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng chính Thái dương Thượng đế là nguồn gốc phát sinh của manas cho tất cả*mọi* hệ hành tinh chứ không riêng cho bất kỳ hệ nào. Nhưng dĩ nhiên, mỗi hệ hành tinh đều sẽ chịu ảnh hưởng manas từ Thái dương Thượng đế.

The originating source of the manasic principle in a planetary scheme is that lesser cosmic Entity Whom we call a planetary Logos.

Nguồn gốc phát sinh của nguyên khí manas trong một hệ hành tinh là Thực Thể vũ trụ nhỏ hơn mà chúng ta gọi là Hành Tinh Thượng Đế.

173. The Planetary Logos bestows manas upon His own scheme, even though the bestowal of manas from the Solar Logos Who 'contains' Him as a center or chakra must also, necessarily, be effective in relation to the planetary scheme through which He (the Planetary Logos) expresses.

173. Hành Tinh Thượng Đế ban manas cho chính hệ của Ngài, mặc dù sự ban phát manas từ Thái dương Thượng đế, Đấng "bao hàm" Ngài như một trung tâm hay luân xa, cũng tất nhiên phải có hiệu lực đối với hệ hành tinh mà qua đó Ngài (Hành Tinh Thượng Đế) biểu lộ.

He works through His seven chains as does the Logos through His seven planetary centres.

Ngài hoạt động qua bảy dãy của Ngài cũng như Thượng đế hoạt động qua bảy trung tâm hành tinh của Ngài.

174. The analogy holds good, as we have suggested. Planetary centers (which are really planetary schemes) are as *chains* to the encompassing life of the Solar Logos—

174. Sự tương đồng là đúng đắn, như chúng ta đã gợi ý. Các trung tâm hành tinh (thực ra là các hệ hành tinh) giống như các *dãy* đối với sự sống bao trùm của Thái dương

Himself, the supervisor of what can be viewed as a solar *scheme* from the cosmic logoic perspective.

Thượng đế—chính Ngài là Đấng giám quản điều có thể được xem như một *hệ* thái dương từ quan điểm logoic vũ trụ.

It is interesting here to note that when the solar Logos is being manasically impelled to work out some purpose of His greater Source (THE ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID)

Thật thú vị khi lưu ý ở đây rằng khi Thái dương Thượng đế được manas thúc đẩy để thực hiện một mục đích nào đó của Nguồn Cội lớn lao hơn của Ngài (ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ)

175. Note the word "greater" in "greater source". The Cosmic Logos is the *source* of manas for the Solar Logos, but the One About Whom Naught May Be Said is a still *greater* Source. At least this is one hypothesis.

175. Hãy lưu ý từ "lớn lao hơn" trong "nguồn cội lớn lao hơn". Thượng đế Vũ trụ là *nguồn cội* của manas đối với Thái dương Thượng đế, nhưng Đấng Bất Khả Tư Nghị còn là một Nguồn Cội *lớn lao hơn nữa*. Ít nhất đây là một giả thuyết.

176. Another hypothesis views our Cosmic Logos as a kind of One About Whom Naught May Be Said. Indeed, there are *many* Ones About Whom Naught May Be Said, and our task is to discern of which of These DK may be speaking at any one time.

176. Một giả thuyết khác xem Thượng đế Vũ trụ của chúng ta như một loại Đấng Bất Khả Tư Nghị. Thật vậy, có *nhiều* Đấng Bất Khả Tư Nghị, và nhiệm vụ của chúng ta là phân biện xem tại một thời điểm nào đó Chân sư DK có thể đang nói đến Đấng nào trong số Các Đấng ấy.

177. Much confusion arises from the failure to differentiate between the One About Whom Naught May Be Said and a Cosmic Logos. Of course, over-differentiation can also lead to the 'confusion of over-complexification'.

177. Nhiều sự lẫn lộn phát sinh từ việc không phân biệt giữa Đấng Bất Khả Tư Nghị và một Thượng đế Vũ trụ. Dĩ nhiên, sự phân biệt quá mức cũng có thể dẫn đến "sự lẫn lộn do quá phức tạp hóa".

178. The Solar Logos has a minor but significant part to play in working out the purpose of the One About Whom Naught May Be Said.

178. Thái dương Thượng đế có một phần việc nhỏ nhưng quan trọng trong việc thực hiện mục đích của Đấng Bất Khả Tư Nghị.

179. Through the use of 'level blinds' DK can succeed in creating a condition of ambiguity which can only be clarified through the use of the intuition.

179. Qua việc sử dụng những "màn che cấp độ", Chân sư DK có thể thành công trong việc tạo ra một tình trạng mơ hồ mà chỉ có thể được làm sáng tỏ nhờ trực giác.

He may cause a vivification in one or other of His centres according to the purpose in view.

Ngài có thể gây ra một sự tiếp sinh lực trong trung tâm này hay trung tâm kia của Ngài tùy theo mục đích được nhắm đến.

180. Something quite amazing is here being said. Our Solar Logos was attempting to work out some purpose in relation to the One About Whom Naught May Be Said (which, of course, would also be a purpose of the Cosmic Logos in which the Solar Logos is included as a member of a major group of seven). This attempt had far reaching effects within the Solar Logos' own system.

180. Ở đây đang nói đến một điều thật đáng kinh ngạc. Thái dương Thượng đế của chúng ta đã cố gắng thực hiện một mục đích nào đó liên hệ với Đấng Bất Khả Tư Nghị (mà dĩ nhiên cũng sẽ là một mục đích của Thượng đế Vũ trụ, trong đó Thái dương Thượng đế được bao gồm như một thành viên của một nhóm lớn gồm bảy Đấng). Nỗ lực này đã tạo ra những ảnh hưởng sâu rộng trong chính hệ của Thái dương Thượng đế.

This occurred in the forming of the triangle of which Earth and Venus are two points,

Điều này xảy ra trong sự hình thành tam giác mà Trái Đất và Sao Kim là hai điểm của nó,

181. According to our speculations based on certain references (cf. TCF 181-182), Saturn is the third point.

181. Theo những suy đoán của chúng ta dựa trên một số dẫn chiếu nhất định (x. TCF 181-182), Sao Thổ là điểm thứ ba.

182. Is a triangle of planets ever to be considered as *one* center? It may be recalled that such a hypothesis has been proposed for consideration.

182. Có bao giờ một tam giác các hành tinh được xem như *một* trung tâm không? Có thể nhớ rằng một giả thuyết như thế đã được đề nghị để xem xét.

183. We have only to think of how many planetary schemes can very reasonably be associated with the functioning of the base of the spine center of the Solar Logos to make this hypothesis seem an interesting matter for consideration.

183. Chúng ta chỉ cần nghĩ đến việc có bao nhiêu hệ hành tinh có thể được liên kết rất hợp lý với hoạt động của trung tâm đáy cột sống của Thái dương Thượng đế thì giả thuyết này sẽ có vẻ là một vấn đề thú vị để suy xét.

and (affecting [Page 394] the Heavenly Men of these two schemes) **stimulated Them to take initiation,**

và (ảnh hưởng đến [Page 394] các Đấng Thiên Nhân của hai hệ này) **đã kích thích Các Ngài tiếp nhận điểm đạo,**

184. The process of the coming of the Lords of the Flame and the individualization of animal man, represented an initiation for

184. Tiến trình các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa giáng lâm và sự biệt ngã hóa của người thú đã biểu thị một cuộc điểm đạo cho cả*hai*

both the Planetary Logoi of Venus and of the Earth. Exactly what occurred on the Venus-scheme of an initiatory nature we are not told but we are told that the sixth chain of the Venus-scheme received a significant stimulation. The number six (stimulated into prominence in the Venus-scheme by the exchange with an aspect of the Earth-scheme) may have signified monadic vivification in the Venus-scheme, since that scheme has a subsidiary sixth ray Monad. These are, of course, numerological speculations.

Hành Tinh Thượng Đế của Sao Kim và của Trái Đất. Chính xác điều gì đã xảy ra trên hệ Sao Kim có tính chất điểm đạo thì chúng ta không được cho biết, nhưng chúng ta được biết rằng dãy thứ sáu của hệ Sao Kim đã nhận được một sự kích thích đáng kể. Con số sáu (được kích thích nổi bật trong hệ Sao Kim bởi sự trao đổi với một phương diện của hệ Trái Đất) có thể đã biểu thị sự tiếp sinh lực chân thần trong hệ Sao Kim, vì hệ đó có một chân thần cung sáu phụ. Dĩ nhiên, đây là những suy đoán số học huyền bí.

185. We have also learned that (with respect to the Earth) there were *two* initiations occurring at the time of the coming of the Solar Angels. One took place in relation to the Planetary Logos as the Lord of a scheme and the other, we will infer, in relation to His fourth chain, the Earth-chain.

185. Chúng ta cũng đã biết rằng (liên quan đến Trái Đất) đã có *hai* cuộc điểm đạo xảy ra vào thời điểm các Thái dương Thiên Thần giáng lâm. Một cuộc diễn ra liên hệ với Hành Tinh Thượng Đế như Chúa Tể của một hệ, và cuộc kia, chúng ta sẽ suy ra, liên hệ với dãy thứ tư của Ngài, Dãy Địa Cầu.

and led the planetary Logos of our scheme to form a lesser triangle within His sphere of activity, which triangle eventuated in His taking a lesser initiation, and in the manasic impregnation of animal man.

và đã dẫn Hành Tinh Thượng Đế của hệ chúng ta hình thành một tam giác nhỏ hơn trong phạm vi hoạt động của Ngài, tam giác này đã đưa đến việc Ngài tiếp nhận một cuộc điểm đạo nhỏ hơn, và đến sự thụ tinh manas cho người thú.

186. The formation of a scheme triangle led to the formation of a chain triangle.

186. Sự hình thành một tam giác hệ đã dẫn đến sự hình thành một tam giác dãy.

187. The *scheme* triangle seems to have been formed among Venus, Saturn and the Earth. Mercury (so connected with Kundalini in general) could also be a candidate. Can we think of ways in which it would be appropriate for Saturn to be involved in the individualization process on our globe?

187. Tam giác *hệ* dường như đã được hình thành giữa Sao Kim, Sao Thổ và Trái Đất. Sao Thủy (vốn liên hệ nhiều với Kundalini nói chung) cũng có thể là một ứng viên. Chúng ta có thể nghĩ ra những cách nào mà theo đó việc Sao Thổ tham gia vào tiến trình biệt ngã hóa trên bầu hành tinh của chúng ta là thích hợp không?

188. Was the lesser triangle formed within our Earth-scheme comprised of the Venus, Saturn and Earth *chains*? Before including

188. Có phải tam giác nhỏ hơn được hình thành trong hệ Trái Đất của chúng ta bao gồm các *dãy* Sao Kim, Sao Thổ và Trái Đất

the Saturn-chain, certain mysteries concerning its relation to the Moon-chain would have to be solved.

không? Trước khi đưa dãy Sao Thổ vào, cần phải giải quyết một số huyền nhiệm liên quan đến mối liên hệ của nó với Dãy Mặt Trăng.

189. Again, the Mercury-chain is another possible candidate for membership in the triangle, along with the Venus and Earth chains. These three chains have, after all, received the most detailed articulation in the diagram that is Chart VI, TCF 385.

189. Một lần nữa, dãy Sao Thủy là một ứng viên khả dĩ khác để tham gia tam giác, cùng với các dãy Sao Kim và Trái Đất. Rốt cuộc, ba dãy này đã nhận được sự trình bày chi tiết nhất trong sơ đồ là Biểu đồ VI, TCF 385.

190. We are to gather that two types of triangles were formed at the time of the engagement of the Lords of the Venus and Earth schemes (remotely impulsed by the Solar Logos in His attempt to work out a part of the purpose of the One About Whom Naught May Be Said). Inevitably, in this working out, part of the purpose of the Cosmic Logos Who contains the Solar Logos will also be addressed.

190. Chúng ta phải hiểu rằng hai loại tam giác đã được hình thành vào thời điểm sự giao hội của các Chúa Tể của các hệ Sao Kim và Trái Đất (được Thái dương Thượng đế thúc đẩy từ xa trong nỗ lực của Ngài nhằm thực hiện một phần mục đích của Đấng Bất Khả Tư Nghị). Tất yếu, trong sự thực hiện này, một phần mục đích của Thượng đế Vũ trụ, Đấng bao hàm Thái dương Thượng đế, cũng sẽ được đề cập đến.

191. The larger planetary initiation seems related to establishing a relationship between the manasic permanent atom and mental unit of our Planetary Logos, and also the awakening of the planetary heart to a new level of responsiveness.

191. Cuộc điểm đạo hành tinh lớn hơn dường như liên hệ đến việc thiết lập một mối liên hệ giữa nguyên tử trường tồn manas và đơn vị hạ trí của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, và cũng liên hệ đến sự thức tỉnh của tim hành tinh lên một cấp độ đáp ứng mới.

192. The lesser initiation seems related to the individualization of animal man.

192. Cuộc điểm đạo nhỏ hơn dường như liên hệ đến sự biệt ngã hóa của người thú.

193. Could we say that one of these planetary logoic initiations was a *chain* initiation (occurring *through* a chain) and the other was a *globe* initiation (occurring *through* a globe)? Or was the lesser initiation of the kind that a Planetary Logos can take through a *root race*?

193. Chúng ta có thể nói rằng một trong những cuộc điểm đạo logoic hành tinh này là một cuộc điểm đạo *dãy* (xảy ra *qua* một dãy) và cuộc kia là một cuộc điểm đạo *bầu hành tinh* (xảy ra *qua* một bầu hành tinh) chăng? Hay cuộc điểm đạo nhỏ hơn thuộc loại mà một Hành Tinh Thượng Đế có thể tiếp nhận qua một *giống dân gốc*?

194. The important thing to register (and it will help us in deciphering the mysteries of the initiatory program of the Planetary Logos) is that *two* initiations (of different types) were taken at the time of the Planetary Logos' engagement with the Lord of the Venus-scheme which coincided, more or less, with the coming of the Lords of the Flame and the individualization of animal man on the Earth-globe.

194. Điều quan trọng cần ghi nhận (và điều này sẽ giúp chúng ta giải mã các huyền nhiệm của chương trình điểm đạo của Hành Tinh Thượng Đế) là *hai* cuộc điểm đạo (thuộc những loại khác nhau) đã được tiếp nhận vào lúc Hành Tinh Thượng Đế giao hội với Chúa Tể của hệ Sao Kim, điều này trùng hợp ít nhiều với sự giáng lâm của các Chúa Tể của Ngọn Lửa và sự biệt ngã hóa của người thú trên bầu Trái Đất.

195. Add to this the amazing fact that the Lord of the Venus-scheme was also, in some aspect of its nature, simultaneously undergoing initiation.

195. Hãy thêm vào đó sự kiện đáng kinh ngạc rằng Chúa Tể của hệ Sao Kim cũng đồng thời, trong một phương diện nào đó của bản chất Ngài, đang trải qua điểm đạo.

Thus were swept into objective activity that group of monads who go to the composition of a particular centre.

Như thế, nhóm chân thần cấu thành một trung tâm đặc thù đã được cuốn vào hoạt động khách quan.

196. This has been hinted previously. Not all animal men were individualized, but only those belonging to a certain center within the Planetary Logos. This center was clearly a center within the Earth-chain and, apparently, localized upon the Earth-globe. Individualization is usually discussed as having taken place on our globe.

196. Điều này đã được ám chỉ trước đây. Không phải tất cả người thú đều được biệt ngã hóa, mà chỉ những kẻ thuộc về một trung tâm nào đó bên trong Hành Tinh Thượng Đế. Trung tâm này rõ ràng là một trung tâm trong Dãy Địa Cầu và, dường như, được định vị trên bầu Trái Đất. Sự biệt ngã hóa thường được bàn đến như đã diễn ra trên bầu hành tinh của chúng ta.

197. The throat center (of Sanat Kumara) was formed with the formation of the human kingdom and requires intelligence. Was there a throat center within the group of animal men? Presumably, only the most 'intelligent' of the animal men were individualized in this way. There is, after all, something we justifiably call 'animal intelligence'.

197. Trung tâm cổ họng (của Đức Sanat Kumara) được hình thành cùng với sự hình thành giới nhân loại và đòi hỏi trí tuệ. Có phải đã có một trung tâm cổ họng trong nhóm người thú không? Có lẽ chỉ những người thú "thông minh" nhất mới được biệt ngã hóa theo cách này. Rốt cuộc, có một điều mà chúng ta có thể chính đáng gọi là "trí thông minh động vật".

198. In any case, once individualization had occurred, those who were individualized went to the formation of a throat center

198. Dù sao đi nữa, một khi sự biệt ngã hóa đã xảy ra, những kẻ đã được biệt ngã hóa đã góp phần vào sự hình thành một trung tâm

within the Planetary Logos, or, more specifically, the throat center of Sanat Kumara.

199. Obviously, the Planetary Logos had a throat center before individualization occurred on our globe. We may judge that there were human beings on other chains (though this is an obscure subject). For such a Being as a Planetary Logos, an entire *chain* would have to represent the throat center — not merely one kingdom.

200. The new human kingdom became part of the constitution of Sanat Kumara, particularly, and represented His throat center. Yet, it certainly must be considered that Sanat Kumara *also* had a throat center *before* the individualization process occurred on the Earth-globe.

Similarly, and microcosmically, a human being is the manasic incentive and the origin of active, intelligent will to all the cells within his threefold body,—astral, mental and physical.

201. DK continues the analogy. Greater beings are the "manasic incentive" to the lesser beings contained within them.

202. We notice that, so often, when manas is mentioned, the faculty of *will* is mentioned in the same breath.

His is the directing intelligence,

cổ họng bên trong Hành Tinh Thượng Đế, hay nói cụ thể hơn, trung tâm cổ họng của Đức Sanat Kumara.

199. Hiển nhiên, Hành Tinh Thượng Đế đã có một trung tâm cổ họng trước khi sự biệt ngã hóa xảy ra trên bầu hành tinh của chúng ta. Chúng ta có thể phán đoán rằng đã có những con người trên các dãy khác (dù đây là một chủ đề mơ hồ). Đối với một Hữu Thể như Hành Tinh Thượng Đế, toàn bộ một *dãy* hẳn phải tượng trưng cho trung tâm cổ họng — chứ không chỉ một giới.

200. Giới nhân loại mới trở thành một phần trong cấu tạo của Đức Sanat Kumara, đặc biệt là như thế, và tượng trưng cho trung tâm cổ họng của Ngài. Tuy nhiên, chắc chắn phải xét rằng Đức Sanat Kumara *cũng* đã có một trung tâm cổ họng *trước* khi tiến trình biệt ngã hóa xảy ra trên bầu Trái Đất.

Tương tự như vậy, và ở cấp tiểu thiên địa, một con người là động lực manas và là nguồn gốc của ý chí hoạt động, thông minh đối với mọi tế bào trong thể tam phân của y, —cảm dục, trí tuệ và hồng trần.

201. Chân sư DK tiếp tục phép tương đồng. Những hữu thể lớn hơn là "động lực manas" đối với những hữu thể nhỏ hơn được chứa trong các Ngài.

202. Chúng ta nhận thấy rằng, rất thường khi manas được nhắc đến, năng lực của *ý chí* cũng được nhắc đến cùng lúc.

Của y là trí tuệ chỉ đạo,

203. When we use a term like "directing intelligence" we see the union of manas and will. Will *directs*; manas is the factor of *intelligence*.

203. Khi chúng ta dùng một thuật ngữ như "trí tuệ chỉ đạo", chúng ta thấy sự hợp nhất của manas và ý chí. Ý chí *chỉ đạo*; manas là yếu tố của *trí tuệ*.

and his the source of all action and endeavour within his periphery, and, like his greater corresponding spheres, a solar Logos and a planetary Logos, he works through seven centres.

và của y là nguồn gốc của mọi hành động và nỗ lực trong chu vi của y, và, giống như các khối cầu tương ứng lớn hơn của y, một Thái dương Thượng đế và một Hành Tinh Thượng Đế, y hoạt động qua bảy trung tâm.

204. The analogy holds good. Every directing intelligence works through seven (major) centers as the source of all action and endeavor within his periphery.

204. Sự tương đồng là đúng đắn. Mọi trí tuệ chỉ đạo đều hoạt động qua bảy trung tâm (chính) như là nguồn gốc của mọi hành động và nỗ lực trong chu vi của y.

205. Through manas, all that must be manifested within a system (whatever the scope of that system) is intelligently manifested (eventually).

205. Qua manas, tất cả những gì phải được biểu hiện trong một hệ (dù phạm vi của hệ ấy là gì) đều được biểu hiện một cách thông minh (rốt cuộc).

Thus we have traced the origin of manas as far as it is possible to do at this time.

Như thế, chúng ta đã truy nguyên nguồn gốc của manas xa đến mức có thể làm được vào lúc này.

206. Needless to say, careful review of all the foregoing is required.

206. Không cần phải nói, cần phải xem xét cẩn thận lại tất cả những điều vừa trình bày.

The mystery of manas is hidden in existence itself, and holds the secret of life and conceals and veils those Entities Whose outstanding quality and characteristic it is.

Huyền nhiệm của manas được ẩn giấu trong chính sự tồn tại, và nắm giữ bí mật của sự sống, đồng thời che giấu và phủ màn những Thực Thể mà phẩm tính và đặc trưng nổi bật của Các Ngài chính là nó.

207. Manas, related as it is to the third aspect of divinity, is a *veil* upon the essential life of the Entities who express themselves through manas.

207. Manas, vì liên hệ với phương diện thứ ba của thiên tính, là một *bức màn* phủ lên sự sống cốt yếu của những Thực Thể tự biểu lộ qua manas.

208. As we contemplate DK's presentation of manas, we slowly come to understand that many mysteries are involved. One of the

208. Khi chúng ta chiêm ngưỡng cách trình bày của Chân sư DK về manas, chúng ta dần dần đi đến thấu hiểu rằng có nhiều huyền

chief mysteries concerning man at his present stage of evolution is the “Mystery of the Makara”, which relates to the impregnation of animal man with the principle of manas.

nhiệm liên hệ ở đây. Một trong những huyền nhiệm chính liên quan đến con người ở giai đoạn tiến hoá hiện nay của y là “Huyền nhiệm của Makara”, liên hệ đến sự thụ tinh người thú bằng nguyên khí manas.

To the life of that little entity we call an atom in the physical body of a man, the Thinker in the causal body, his greater directing intelligence, is as obscure and unknown as the Logos is to the Thinker, Man, himself. The analogy is nevertheless accurate.39

Đối với sự sống của thực thể nhỏ bé mà chúng ta gọi là một nguyên tử trong thể xác của một con người, thì Đấng Tư Tưởng trong thể nguyên nhân, trí tuệ chỉ đạo lớn hơn của y, cũng mờ mịt và không được biết đến đối với nó như Thượng đế đối với chính Đấng Tư Tưởng, Con Người. Tuy nhiên, sự tương đồng ấy là chính xác.39

209. This is quite an incredible analogy. If we wish to understand the degree of incomprehension which exits between us (as human beings) and the Solar Logos, we have but to think of the degree to which the unconscious atom of physical substance ‘understands’ the Thinker within the causal body. This should give us pause. How can we even speak of the Solar Logos in any meaningful way? The gulf which separates the consciousness of man from the consciousness of the Logos is immense.

209. Đây thật là một sự tương đồng khó tin. Nếu chúng ta muốn hiểu mức độ bất khả tri tồn tại giữa chúng ta (với tư cách con người) và Thái dương Thượng đế, chúng ta chỉ cần nghĩ đến mức độ mà nguyên tử vô thức của chất liệu hồng trần “hiểu” Đấng Tư Tưởng trong thể nguyên nhân. Điều này hẳn khiến chúng ta phải dừng lại suy ngẫm. Làm sao chúng ta có thể nói về Thái dương Thượng đế theo bất kỳ cách nào có ý nghĩa? Khoảng cách ngăn cách tâm thức con người với tâm thức của Thượng đế là vô cùng lớn.

39: Forms.

39: Các hình tướng.

The Atharva Veda, as the summation, instructs us in the principles which equally underlie the methods of the World-process, and of the atom-process—a world in miniature.

Atharva Veda, với tư cách là bản tổng hợp, chỉ dạy cho chúng ta những nguyên lý vốn cũng làm nền tảng cho các phương pháp của tiến trình thế giới và của tiến trình nguyên tử—một thế giới thu nhỏ.

210. The “World process” and the “atomic-process” are parallel.

210. “Tiến trình thế giới” và “tiến trình nguyên tử” là song hành.

Whether 'World-process' or 'atom-process' depends on the speaker and his point of view.

Là “tiến trình thế giới” hay “tiến trình nguyên tử” còn tùy vào người nói và quan điểm của người ấy.

211. The great is small and the small great, depending on the perspective.

211. Cái lớn là cái nhỏ và cái nhỏ là cái lớn, tùy theo phối cảnh.

As every mantra of this Veda reflects the operations of the World-process, so does it reveal to us cognition within cognition, memory within memory, power within power, world within world, fact within fact, action within action, duty within duty, sin within sin, individuality within individuality, ascending and descending from every point in space, endlessly, ceaselessly.

Cũng như mỗi mantra của Veda này phản ánh các hoạt động của tiến trình thế giới, nó cũng mặc khải cho chúng ta nhận thức trong nhận thức, ký ức trong ký ức, quyền năng trong quyền năng, thế giới trong thế giới, sự kiện trong sự kiện, hành động trong hành động, bổn phận trong bổn phận, tội lỗi trong tội lỗi, cá thể tính trong cá thể tính, thăng lên và giáng xuống từ mọi điểm trong không gian, vô tận, không ngừng nghỉ.

212. A beautiful vision of inclusiveness and interdependency is offered. Always there is one within and 'behind' any process. Every perception has its perceiver and, as well, the perceiver of the lesser perceiver—and so, until the 'Final Perceiver' is reached. Is that 'Perceiver' perceived? This is a difficult philosophical question.

212. Một linh ảnh đẹp đẽ về tính bao gồm và sự tương thuộc được đưa ra. Luôn luôn có một cái gì đó ở bên trong và "đằng sau" bất kỳ tiến trình nào. Mọi tri giác đều có kẻ tri giác của nó và đồng thời cũng có kẻ tri giác của kẻ tri giác nhỏ hơn—và cứ thế cho đến khi đạt tới "Đấng Tri Giác Cuối Cùng". "Đấng Tri Giác" ấy có được tri giác không? Đây là một câu hỏi triết học khó.

Atoms make up molecules, molecules compounds, compounds cells, cells tissues, tissues organs, organs bodies, bodies communities; communities classes and races; classes and races kingdoms; kingdoms of many grades and varied linkings make up a planet, planets make up a solar system, solar systems a vaster system, and so on, unending; nowhere is found simplicity indivisible; nowhere complexity final. All is relative.—From Pranava-Vada, pp. 334-335.

Các nguyên tử tạo thành phân tử, các phân tử tạo thành hợp chất, các hợp chất tạo thành tế bào, các tế bào tạo thành mô, các mô tạo thành cơ quan, các cơ quan tạo thành thể, các thể tạo thành cộng đồng; các cộng đồng tạo thành giai cấp và nhân loại; các giai cấp và nhân loại tạo thành các giới; các giới với nhiều cấp độ và những mối liên kết đa dạng tạo thành một hành tinh, các hành tinh tạo thành một hệ mặt trời, các hệ mặt trời tạo thành một hệ lớn hơn nữa, và cứ thế, vô tận; không nơi nào tìm thấy sự đơn giản bất khả phân; không nơi nào có sự phức tạp tối hậu. Tất cả đều tương đối.—Trích từ Pranava-Vada, tr. 334-335.

213. This is simply a brilliant progression and could provide an illuminating seed thought for meditation.

213. Đây đơn giản là một sự triển khai tuyệt vời và có thể cung cấp một Tư tưởng hạt giống soi sáng cho tham thiền.

214. The final phrase—"nowhere is found simplicity indivisible; nowhere complexity final"—invites contemplation.

214. Cụm từ cuối cùng—"không nơi nào tìm thấy sự đơn giản bất khả phân; không nơi nào có sự phức tạp tối hậu"—mời gọi sự chiêm ngưỡng.

215. We understand that "simplicity indivisible" is not to be found *within* the Universe, but rather in the state of BE-NESS —the NAMELESS, ABSOLUTE STATE-LESS STATE.

215. Chúng ta hiểu rằng "sự đơn giản bất khả phân" không thể được tìm thấy *trong* Vũ trụ, mà đúng hơn trong trạng thái TỒN TẠI —TRẠNG THÁI VÔ DANH, TUYỆT ĐỐI, VÔ TRẠNG THÁI.

216. As for "complexity final" much will depend upon whether we consider the universe to the finite or infinite. If finite, then "complexity final" (in actuality, and not merely in conception) is possible—possible, at least, in relation to any particular universe.

216. Còn về "sự phức tạp tối hậu", nhiều điều sẽ tùy thuộc vào việc chúng ta xem vũ trụ là hữu hạn hay vô hạn. Nếu là hữu hạn, thì "sự phức tạp tối hậu" (trong thực tế, chứ không chỉ trong quan niệm) là có thể—ít nhất là có thể liên hệ với bất kỳ vũ trụ riêng biệt nào.

Man's physical body, for instance, considering it [Page 395] as a corporate whole composed of many lesser lives, suffers or prospers as its directing Intelligence acts with wisdom-love or otherwise.

Chẳng hạn, thể xác của con người, xét nó [Page 395] như một toàn thể hợp nhất gồm nhiều sự sống nhỏ hơn, chịu đau khổ hay thịnh vượng tùy theo trí tuệ chỉ đạo của nó hành động với bác ái-minh triết hay không.

217. We are the "directing intelligence" who supervises the lesser lives within the three (or four) lower vehicles. It is our task to "nourish the lesser lives". They have no 'free will' in the matter and must simply remain passive and receptive.

217. Chúng ta là "trí tuệ chỉ đạo" giám quản các sự sống nhỏ hơn bên trong ba (hay bốn) vận cụ thấp. Nhiệm vụ của chúng ta là "nuôi dưỡng các sự sống nhỏ hơn". Chúng không có "ý chí tự do" trong vấn đề này và đơn giản phải giữ tính thụ động và tiếp nhận.

The manasic principle actuates all that occurs within the man's aura, and he suffers, or he makes progress, according to the application of that principle.

Nguyên khí manas làm cho mọi điều xảy ra trong hào quang của con người hoạt động, và y đau khổ, hoặc y tiến bộ, tùy theo sự áp dụng nguyên khí ấy.

218. As we work out our destiny, we do so through the application of manas—higher and lower.

218. Khi chúng ta thực hiện định mệnh của mình, chúng ta làm như thế qua sự áp dụng manas—thượng và hạ.

219. The application of manas (correct or incorrect) will determine the karma of the individual, as karma (like manas) is related to the third aspect of divinity.

219. Sự áp dụng manas (đúng hay sai) sẽ quyết định nghiệp quả của cá nhân, vì nghiệp quả (giống như manas) liên hệ với phương diện thứ ba của thiên tính.

220. The correct understanding and application of manas is the responsibility of the human being. Because we are human beings, manas, to a degree, is under our control. This cannot yet be said of buddhi, but as we are essentially the Thinker, we *wield* manas and are, thus, responsible for the quality of that wielding.

220. Sự thấu hiểu và áp dụng đúng đắn manas là trách nhiệm của con người. Bởi vì chúng ta là con người, manas, ở một mức độ nào đó, nằm dưới sự kiểm soát của chúng ta. Điều này chưa thể nói về Bồ đề, nhưng vì về bản chất chúng ta là Đấng Tư Tưởng, chúng ta về cơ bản*vận dụng* manas và do đó chịu trách nhiệm về phẩm tính của sự vận dụng ấy.

So, reverently may the same be said of the body of the solar Logos, a system, and so may it be said of the planetary Logos and His scheme.

Vì vậy, với lòng tôn kính, điều tương tự cũng có thể được nói về thân thể của Thái dương Thượng đế, một hệ, và cũng có thể được nói như thế về Hành Tinh Thượng Đế và hệ của Ngài.

221. The Solar Logos and the Planetary Logos have great responsibility in the matter of the suffering or prosperity of the lesser lives which compose them. We are among those lesser lives.

221. Thái dương Thượng đế và Hành Tinh Thượng Đế có trách nhiệm lớn trong vấn đề đau khổ hay thịnh vượng của các sự sống nhỏ hơn cấu thành Các Ngài. Chúng ta nằm trong số những sự sống nhỏ hơn ấy.

222. This does not mean that we do not have individual responsibility for our own happiness or unhappiness, but that, in addition to our responsibility, the greater Lives "in Whom we live and move and have our being" have an even greater general responsibility.

222. Điều này không có nghĩa là chúng ta không có trách nhiệm cá nhân đối với hạnh phúc hay bất hạnh của chính mình, mà là ngoài trách nhiệm của chúng ta, những Sự Sống lớn hơn "trong Các Ngài chúng ta sống, chuyển động và hiện hữu" còn có một trách nhiệm tổng quát lớn hơn nữa.

223. Some potentials regarding our fate are in our hands and some, simply, are not.

223. Một số tiềm năng liên quan đến số phận của chúng ta nằm trong tay chúng ta và một số thì đơn giản là không.

TCF 395-407: S4S7

4 -19 January 2007

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

1. We begin the second subject of Division B of Solar Fire, introduced on page 342.

II. THE POSITION OF MANAS

1. Manas and Karma.

Having seen that manas is the intelligent purpose of some Being, working out in active objectivity,

2. Here we have a useful and concise definition of manas. We notice how the first and third aspects of divinity are usually blended when manas is defined. The second aspect is less commonly represented.

3. However, in a sense the entire book is written about the relationship between manas and solar fire.

4 -19 tháng Giêng 2007

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và các dẫn chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Có đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng thể* của đoạn văn.

1. Chúng ta bắt đầu chủ đề thứ hai của Phân khu B trong Luận về Lửa Vũ Trụ, được giới thiệu ở trang 342.

II. VỊ TRÍ CỦA MANAS

1. Manas và Nghiệp quả.

Sau khi thấy rằng *manas là mục đích thông minh của một Hữu Thể nào đó, đang được thực hiện trong tính khách quan hoạt động,*

2. Ở đây chúng ta có một định nghĩa hữu ích và súc tích về manas. Chúng ta nhận thấy phương diện thứ nhất và thứ ba của thiên tính thường được hòa trộn khi manas được định nghĩa. Phương diện thứ hai ít được biểu hiện hơn.

3. Tuy nhiên, theo một nghĩa nào đó, toàn bộ quyển sách này được viết về mối liên hệ giữa manas và lửa thái dương.

and having touched upon the inter-relation existing between certain of these Entities,

và sau khi đã chạm đến mối tương liên hiện hữu giữa một số Thực Thể này,

4. Entities cosmic, systemic and 'schemic'…

4. Các Thực Thể vũ trụ, hệ thống và "thuộc hệ"…

it may now be possible to vision—even if somewhat cursorily and dimly—the true position of the manasic principle in all three cases.

giờ đây có lẽ có thể hình dung—dù phần nào sơ lược và mờ nhạt—vị trí đích thực của nguyên khí manas trong cả ba trường hợp.

5. We are straining towards sight, just as St. Paul was "reaching out towards the light".

5. Chúng ta đang vươn tới linh thị, cũng như Thánh Paul đã "vươn tới ánh sáng".

6. DK is a Master closely identified with manas as the wealth and fertility of His mind demonstrates. Could this be the signal of a third ray Monad?

6. Chân sư DK là một Chân sư được đồng hoá mật thiết với manas như sự phong phú và màu mỡ của trí tuệ Ngài chứng tỏ. Liệu đây có thể là dấu hiệu của một chân thần cung ba chăng?

The whole mystery of this principle is hidden in two fundamentals:

Toàn bộ huyền nhiệm của nguyên khí này được ẩn giấu trong hai điều căn bản:

7. That we are dealing with mysteries is a fact which must not be overlooked. The concrete mind has no liking for mysteries. The higher faculties of the human being realize their necessity and respects them more.

7. Việc chúng ta đang xử lý những huyền nhiệm là một sự kiện không được bỏ qua. Trí cụ thể không ưa các huyền nhiệm. Những năng lực cao hơn của con người nhận ra sự cần thiết của chúng và tôn trọng chúng hơn.

The mystery of the resolution of the six-pointed star, into the five-pointed star.[40,41]

Huyền nhiệm của sự phân giải ngôi sao sáu cánh thành ngôi sao năm cánh.[40,41]

8. Each of these stars has its value and meaning; sometimes the six-pointed star represents something higher than the five-pointed star and sometimes, something lower. We will attempt to understand DK's approach.

8. Mỗi ngôi sao này đều có giá trị và ý nghĩa của nó; đôi khi ngôi sao sáu cánh tượng trưng cho điều gì đó cao hơn ngôi sao năm cánh và đôi khi lại tượng trưng cho điều gì đó thấp hơn. Chúng ta sẽ cố gắng thấu hiểu cách tiếp cận của Chân sư DK.

9. We may remember that in the depiction of the Mercury-chain of the Earth-scheme, the

9. Chúng ta có thể nhớ rằng trong hình vẽ về dãy Sao Thủy của hệ Trái Đất, bầu hành tinh

larger fifth globe hovered above a smaller sixth. One represented form (the lower) and the other the power of the fifth principle, manas, to understand and absorb the form.

thứ năm lớn hơn lơ lửng phía trên một bầu thứ sáu nhỏ hơn. Một cái tượng trưng cho hình tướng (cái thấp hơn) và cái kia tượng trưng cho quyền năng của nguyên khí thứ năm, manas, để thấu hiểu và hấp thu hình tướng.

10. The six-pointed star can represent the Monad and the five-pointed star the soul. In this case the six-pointed star is dominant. But the six-pointed star can also represent lower form adhered to by desire. In this case the five-pointed star is the star of initiation and represents release from form.

10. Ngôi sao sáu cánh có thể tượng trưng cho chân thần và ngôi sao năm cánh tượng trưng cho linh hồn. Trong trường hợp này ngôi sao sáu cánh là trội hơn. Nhưng ngôi sao sáu cánh cũng có thể tượng trưng cho hình tướng thấp bị dục vọng bám chặt. Trong trường hợp này ngôi sao năm cánh là ngôi sao của điểm đạo và tượng trưng cho sự giải thoát khỏi hình tướng.

11. Man as the five-pointed star is well known from the drawing by Leonardo. May as the six pointed star represents the possibility of the fall into generation, because the sixth point of the star can represent the sexual organs. Divine celibacy and hermaphroditism is achieved with the elimination of the sixth point and the resolution into the pentagram.

11. Con người như ngôi sao năm cánh là điều quen thuộc từ hình vẽ của Leonardo. Con người như ngôi sao sáu cánh tượng trưng cho khả năng sa vào sự sinh sản, vì điểm thứ sáu của ngôi sao có thể tượng trưng cho cơ quan sinh dục. Sự độc thân thiêng liêng và lưỡng tính được đạt tới với việc loại bỏ điểm thứ sáu và sự phân giải thành ngôi sao năm cánh.

[40]: It might be of interest to note the correspondences between these **six forces and the "shaktis"** of the Hindu philosophy.

40: Có lẽ sẽ đáng quan tâm nếu lưu ý các tương ứng giữa **sáu mãnh lực này và các "shaktis"** của triết học Ấn Độ.

12. We remember in this regard also the six Schools of Indian Philosophy.

12. Chúng ta cũng nhớ trong mối liên hệ này đến sáu Trường phái Triết học Ấn Độ.

13. Which of the forces will be absorbed as the six-pointed star changes into the fifth? All of them look indispensable. Perhaps, the highest shakti (Parashakti) cannot be 'reached' by the five pointed star.

13. Mãnh lực nào sẽ được hấp thu khi ngôi sao sáu cánh chuyển thành ngôi sao thứ năm? Tất cả chúng đều có vẻ không thể thiếu. Có lẽ shakti cao nhất (Parashakti) không thể được ngôi sao năm cánh "vươn tới".

The Secret Doctrine says that:—

Giáo Lý Bí Nhiệm nói rằng:—

The Six are the six forces of Nature.

Sáu là sáu mãnh lực của Thiên Nhiên.

What are these six forces? See S. D., I, 312. [pp. 292-293. in 1888. edition.]

Sáu mãnh lực này là gì? Xem G. L. B. N., I, 312. [tr. 292-293. trong ấn bản 1888.]

14. The six surround the one, just as the six schools surround the seventh and most inclusive school expressing "Atma vidya"—the highest form of knowledge.

14. Sáu bao quanh một, cũng như sáu trường phái bao quanh trường phái thứ bảy và bao gồm nhất, biểu lộ "Atma vidya"—hình thức tri thức cao nhất.

15. If we examine the structure of a plane, we shall see that below the atomic plane (composed of monadic essence) are the six derivative planes composed of elemental essence.

15. Nếu chúng ta khảo sát cấu trúc của một cõi, chúng ta sẽ thấy rằng bên dưới cõi nguyên tử (được cấu thành bởi tinh chất chân thần) là sáu cõi phái sinh được cấu thành bởi Tinh chất hành khí.

a. They are types of energy.

a. Chúng là những loại năng lượng.

16. The six forces or "shaktis" belong to the various planes, and at least four of them are the various principles of the Monad *in action.* Interestingly, none of the shaktis correlates directly with the lowest or etheric-physical plane, yet, as we all known kundalini has a powerfully etheric and even physical component.

16. Sáu mãnh lực hay "shaktis" thuộc về các cõi khác nhau, và ít nhất bốn trong số đó là các nguyên khí khác nhau của chân thần *trong hoạt động.* Điều thú vị là không một shakti nào tương ứng trực tiếp với cõi thấp nhất hay cõi dĩ thái-hồng trần, tuy nhiên như tất cả chúng ta đều biết kundalini có một thành phần dĩ thái và thậm chí hồng trần rất mạnh.

17. The shaktis however are more than simply monadic powers. They are the powers of the Planetary Logos in Whom the Monads are constituent parts.

17. Tuy nhiên, các shaktis không chỉ đơn giản là các quyền năng chân thần. Chúng là các quyền năng của Hành Tinh Thượng Đế mà trong Ngài các chân thần là những phần cấu thành.

b. They are the dynamic quality or characteristic of a planetary Logos.

b. Chúng là phẩm tính hay đặc trưng năng động của một Hành Tinh Thượng Đế.

18. Even though these shaktis are considered "feminine" they are also *dynamic.* Dynamism if power in action.

18. Dù các shaktis này được xem là "nữ tính", chúng cũng *năng động.* Tính năng động là quyền năng trong hoạt động.

c. They are the life force of a Heavenly Man **directed in a certain direction.**

c. Chúng là sinh lực của một Đấng Thiên Nhân **được hướng theo một phương hướng nhất định.**

19. The idea that the shaktis are *directed* is important. They have specific goals and a designed for specific achievements.

19. Ý tưởng rằng các shaktis được *định hướng* là quan trọng. Chúng có những mục tiêu xác định và được thiết kế cho những thành tựu đặc thù.

20. The directions suggest their relationship to six of the seven planes of the cosmic physical plane.

20. Các phương hướng gợi ý mối liên hệ của chúng với sáu trong bảy cõi của cõi hồng trần vũ trụ.

These "shaktis" are as follows:—

Các "shaktis" này như sau:—

21. We can wonder at the order in which these shaktis are given. The order does not accord with the systemic planes with which they are associated.

21. Chúng ta có thể tự hỏi về thứ tự mà các shaktis này được nêu ra. Thứ tự ấy không phù hợp với các cõi hệ thống mà chúng được liên kết.

1. Parashakti—Literally, the supreme force, energy and radiation in and from substance.

1. Parashakti—Theo nghĩa đen, là mãnh lực, năng lượng và phát xạ tối thượng trong và từ chất liệu.

22. This is the force or shakti associated with the logoic plane and with the highest of the unliberated Creative Hierarchies. It is super-monadic force and emanates from the highest plane of Shamballa.

22. Đây là mãnh lực hay shakti liên hệ với cõi logoic và với Huyền Giai Sáng Tạo Không Biểu Hiện cao nhất trong số các Huyền Giai chưa được giải thoát. Đây là mãnh lực siêu chân thần và phát xuất từ cõi cao nhất của Shamballa.

23. We might consider that this shakti provides the *livingness* of matter upon the cosmic physical plane.

23. Chúng ta có thể xem rằng shakti này cung cấp *sinh động tính* của vật chất trên cõi hồng trần vũ trụ.

2. Jnanashakti—The force of intellect or mind.

2. Jnanashakti—Mãnh lực của trí năng hay trí tuệ.

24. This is the force or shakti associated with the atmic plane. While the atmic plane is the plane of spiritual will and is, because it is the first plane of Brahma, associated with

24. Đây là mãnh lực hay shakti liên hệ với cõi atma. Trong khi cõi atma là cõi của ý chí tinh thần và, bởi vì nó là cõi thứ nhất của Brahma, được liên kết với ý chí và cung một,

will and the first ray, it is also a plane of intellect (from the logoic perspective), for it is the third plane in descending order.

nó cũng là một cõi của trí năng (từ quan điểm logoic), vì nó là cõi thứ ba theo thứ tự đi xuống.

25. We might remember here that the third ray is called "the acute energy of divine mental perception".

25. Ở đây chúng ta có thể nhớ rằng cung ba được gọi là "năng lượng sắc bén của tri giác trí tuệ thiêng liêng".

26. Intellect and intelligence are usually associated with the third ray whereas mind, per se, is associated with the fifth.

26. Trí năng và trí thông minh thường được liên kết với cung ba, trong khi trí tuệ, chính nó, được liên kết với cung năm.

3. Ichchhashakti—The power of will, or force in producing manifestation.

3. Ichchhashakti—Quyền năng của ý chí, hay mãnh lực trong việc tạo ra biểu hiện.

27. This is the force or shakti associated with the mental plane. From this plane the Self-conscious individual utilizes the power of mind and will to bring forth manifestation.

27. Đây là mãnh lực hay shakti gắn liền với cõi trí. Từ cõi này, cá nhân có ngã thức sử dụng quyền năng của trí tuệ và ý chí để đưa biểu hiện ra ngoài.

28. Throughout His discussion of the meaning of manas, DK emphasizes its indispensability in the process of manifestation.

28. Trong suốt phần bàn luận của Ngài về ý nghĩa của manas, Chân sư DK nhấn mạnh tính không thể thiếu của nó trong tiến trình biểu hiện.

29. This shakti is expressive on the plane of soul or of higher Ego. The soul, through an act of will, brings forth the manifestation of the personality.

29. Shakti này biểu lộ trên cõi linh hồn hay chân ngã cao. Linh hồn, thông qua một hành vi ý chí, đưa ra biểu hiện của phàm ngã.

30. The first ray is often present in relation to the number five; this shakti is knows as the "Will to Manifest" (EA 35).

30. Cung một thường hiện diện trong liên hệ với số năm; shakti này được biết là "Ý Chí Biểu Hiện" (EA 35).

31. We note, that thus far DK has listed the first, third and fifth shaktis—those on the masculine or hard line.

31. Chúng ta lưu ý rằng, cho đến nay Chân sư DK đã liệt kê các shakti thứ nhất, thứ ba và thứ năm—shaktis—những shakti thuộc đường nam tính hay đường cứng.

32. Ba dấu hiệu liên quan đến các hard-line shaktis này là Sư Tử, Thiên Bình và Ma Kết.

32. The three signs involved with these hard-line shaktis are Leo, Libra and Capricorn.

33. Interestingly, these three signs are allied as signs of crisis:

As I earlier pointed out to you, the sign Virgo is related to nine constellations and in this fact lies both prophecy and guarantee. That which this sign veils and hides is potentially responsive to nine streams of energy which —playing upon the life within the form and evoking response from the soul—produce those "points of crisis" and those "moments of demonstrated development" to which we have referred in speaking of Leo-Libra-Capricorn. (EA 271)

1. Leo-Libra-Capricorn.—Constitute the triangle of the father or will aspect; they mark points of attainment, through crisis met and triumphant achievement. (EA 266)

34. Perhaps the masculine or hard-line shaktis are particularly involved in inducing the onset of crisis. They are the triangle of the father or will aspect.

35. The hierarchical planets involves are Sun/Vulcan, Saturn and Venus. These are planets demonstrating at this time, principally hard line rays.

4. Kriyashakti—The force which materialises the ideal.

36. Here we begin shaktis numbered two, six and four (in that order). They are expressed through Virgo, Sagittarius and Scorpio—all

33. Điều đáng chú ý là ba dấu hiệu này liên kết với nhau như những dấu hiệu của khủng hoảng:

Như tôi đã chỉ ra trước đây cho bạn, dấu hiệu Xử Nữ có liên hệ với chín chòm sao và chính trong sự kiện này có cả lời tiên tri lẫn sự bảo chứng. Điều mà dấu hiệu này che đậy và ẩn giấu thì về tiềm năng đáp ứng với chín dòng năng lượng mà—khi tác động lên sự sống bên trong hình tướng và gợi lên sự đáp ứng từ linh hồn—tạo ra những “điểm khủng hoảng” và những “khoảnh khắc phát triển được chứng tỏ” mà chúng ta đã đề cập đến khi nói về Sư Tử-Thiên Bình-Ma Kết. (EA 271)

1. Sư Tử-Thiên Bình-Ma Kết.—Tạo thành tam giác của phụ thân hay phương diện ý chí; chúng đánh dấu những điểm thành tựu, thông qua khủng hoảng được đối diện và thành quả chiến thắng. (EA 266)

34. Có lẽ các shakti nam tính hay hard-line shaktis đặc biệt liên quan đến việc gây ra sự khởi phát của khủng hoảng. Chúng là tam giác của phụ thân hay phương diện ý chí.

35. Các hành tinh huyền giai liên quan là Mặt Trời/Vulcan, Sao Thổ và Sao Kim. Đây là những hành tinh hiện đang biểu lộ chủ yếu các cung đường cứng.

4. Kriyashakti—Mãnh lực hiện hình lý tưởng.

36. Ở đây chúng ta bắt đầu với các shaktis được đánh số hai, sáu và bốn (theo thứ tự đó). Chúng được biểu lộ qua Xử Nữ, Nhân Mã

signs which are closely related to the nature of the lunar lords.

và Hổ Cáp—tất cả đều là những dấu hiệu có liên hệ mật thiết với bản chất của các nguyệt tinh quân.

37. The planets concerned are Jupiter, Mars and Mercury (serving as a type of intermediary between Mars and Jupiter). These are planets demonstrating at this time principally soft line rays.

37. Các hành tinh liên quan là Sao Mộc, Sao Hỏa và Sao Thủy (phục vụ như một loại trung gian giữa Sao Hỏa và Sao Mộc). Đây là những hành tinh hiện đang biểu lộ chủ yếu các cung đường mềm.

38. This force or shakti is associated with the monadic plane and the sign Virgo. Virgo is a sign closely associated with both idealism and materiality, hence its appropriateness as an sign which contributes to the "materializing ideal" (EA 35).

38. Mãnh lực hay shakti này gắn liền với cõi chân thần và dấu hiệu Xử Nữ. Xử Nữ là một dấu hiệu gắn bó chặt chẽ với cả chủ nghĩa lý tưởng lẫn tính vật chất, vì thế nó thích hợp như một dấu hiệu góp phần vào việc "hiện hình lý tưởng" (EA 35).

39. The ideal or the Archetype is found upon the second plane—the "archetypal plane".

39. Lý tưởng hay Nguyên mẫu được tìm thấy trên cõi thứ hai—"cõi nguyên mẫu".

40. We can imagine that considerable powers of imagination are involved in the expression of this shakti.

40. Chúng ta có thể hình dung rằng những quyền năng tưởng tượng đáng kể có liên quan đến sự biểu lộ của shakti này.

5. Kundalini shakti—The force which adjusts internal relations to the external.

5. Kundalini shakti—Mãnh lực điều chỉnh các tương quan bên trong với bên ngoài.

41. This force or shakti is associated with the astral plane (the sixth from above). The fire of Mars is found associated and the energy of one-pointed Sagittarius.

41. Mãnh lực hay shakti này gắn liền với cõi cảm dục (cõi thứ sáu tính từ trên xuống). Lửa của Sao Hỏa được thấy là có liên hệ, cùng với năng lượng của Nhân Mã nhất tâm.

42. Kundalini, when it has done its work, purifies and connects in such a manner that the inner worlds are no longer blocked from expression by the forces of the outer worlds.

42. Kundalini, khi đã hoàn tất công việc của nó, thanh lọc và nối kết theo cách mà các thế giới bên trong không còn bị các mãnh lực của các thế giới bên ngoài ngăn chặn khỏi sự biểu lộ nữa.

43. Mars is the ruler of "kundalini latent" and is thus is fittingly associated with this shakti.

43. Sao Hỏa là chủ tinh của "kundalini tiềm ẩn" và do đó thích hợp khi được liên kết với shakti này.

44. One would also think that the power of Mercury would be useful and necessary.

44. Người ta cũng sẽ nghĩ rằng quyền năng của Sao Thủy là hữu ích và cần thiết.

6. Mantrikashakti—The force latent in sound, speech and music.

6. Mantrikashakti—Mãnh lực tiềm ẩn trong âm thanh, lời nói và âm nhạc.

45. This force or shakti is associated with the buddhic plane—a plane, among other things, of artistic expression—thus the association of this shakti with sound, speech and music.

45. Mãnh lực hay shakti này gắn liền với cõi Bồ đề—một cõi, trong nhiều điều khác, của sự biểu lộ nghệ thuật—do đó có sự liên hệ của shakti này với âm thanh, lời nói và âm nhạc.

46. The planet Mercury is very important in relation to this shakti and also to the buddhic plane which (from one perspective) it rules (particularly with respect to humanity).

46. Hành tinh Sao Thủy rất quan trọng trong liên hệ với shakti này và cũng với cõi Bồ đề mà (từ một góc nhìn) nó cai quản (đặc biệt đối với nhân loại).

47. The hint to be gathered that only when there is a degree of intuitive, buddhic consciousness, can mantra be safely released for use.

47. Điều gợi ý cần rút ra là chỉ khi có một mức độ tâm thức trực giác, Bồ đề nào đó, mantram mới có thể được giải phóng để sử dụng một cách an toàn.

These six are synthesised by their Primary, the Seventh.

Sáu điều này được tổng hợp bởi Đấng Sơ Khởi của chúng, Đấng Thứ Bảy.

48. Whatever the seventh shakti may be, it seems that it would have to be associated with the etheric-physical plane, the seventh plane (counting from 'above').

48. Dù shakti thứ bảy có thể là gì đi nữa, dường như nó hẳn phải gắn liền với cõi dĩ thái-hồng trần, cõi thứ bảy (tính từ "trên" xuống).

49. We remember that the seventh ray is a *synthetic* ray and that the seventh plane is a key plane of synthesis.

49. Chúng ta nhớ rằng cung bảy là một cung *tổng hợp* và cõi thứ bảy là một cõi then chốt của sự tổng hợp.

50. Usually, a synthesis occurs through the power of a superior factor, but the only plane not associated with a shakti is the seventh.

50. Thông thường, một sự tổng hợp xảy ra nhờ quyền năng của một yếu tố cao hơn, nhưng cõi duy nhất không gắn với một shakti lại là cõi thứ bảy.

51. The seventh ray, however, is not the *only* synthetic ray. Ray one is synthetic, and so is

51. Tuy nhiên, cung bảy không phải là *duy nhất* là cung tổng hợp. Cung một là tổng

ray two and ray four. Ray three can also be considered synthetic in relation to the field of thought.

hợp, cung hai và cung bốn cũng vậy. Cung ba cũng có thể được xem là tổng hợp trong liên hệ với lĩnh vực tư tưởng.

52. It might be possible, however, that an unnamed shakti synthesizes all the six and that it has a presence on a superior plane—perhaps the cosmic astral. Usually, when DK speaks of a "primary" it is not an inferior force.

52. Tuy nhiên, có thể có một shakti vô danh tổng hợp cả sáu shakti kia và nó hiện diện trên một cõi cao hơn—có lẽ là cõi cảm dục vũ trụ. Thông thường, khi Chân sư DK nói về một "primary" thì đó không phải là một mãnh lực thấp hơn.

53. VSK suggests, and we have followed: "Compare this order to the characterize on EA 35, as they are ordered differently in terms of the Creative Hierarchies."

53. VSK gợi ý, và chúng ta đã theo đó: "Hãy so sánh thứ tự này với đặc tính trên EA 35, vì chúng được sắp xếp khác nhau theo các Huyền Giai Sáng Tạo."

41 *The Secret Doctrine* says that:—

41 *Giáo Lý Bí Nhiệm* nói rằng:—

It is on the Hierarchies and the correct number of these Entities that the mystery of the universe is built.

Chính trên các Huyền Giai và số lượng đúng đắn của các Thực Thể này mà huyền nhiệm của vũ trụ được xây dựng.

54. When we speak of the "number" of these entities, we could be speaking of the manner in which they are numbered from top to bottom of the tabulation and vice-versa. We could also be speaking of the number of units within any of the Creative Hierarchies. We have been told that there are sixty billion human Monads (associated, one could imagine) with the Earth-chain, but this may not be the case. We are also been told that there are one hundred forty billion deva units similarly associated.

54. Khi chúng ta nói về "số lượng" của các thực thể này, chúng ta có thể đang nói đến cách chúng được đánh số từ trên xuống dưới của bảng liệt kê và ngược lại. Chúng ta cũng có thể đang nói đến số đơn vị bên trong bất kỳ Huyền Giai Sáng Tạo nào. Chúng ta đã được cho biết rằng có sáu mươi tỷ chân thần nhân loại (có thể hình dung là gắn với Dãy Địa Cầu), nhưng điều này có thể không đúng. Chúng ta cũng đã được cho biết rằng có một trăm bốn mươi tỷ đơn vị thiên thần cũng liên hệ tương tự.

55. It could be that this huge figure represents those who are to be found within the entire solar system. We must reserve judgment when attempting to decide on this point.

55. Có thể con số khổng lồ này biểu thị những đơn vị được tìm thấy trong toàn bộ hệ mặt trời. Chúng ta phải giữ thái độ dè dặt khi cố quyết định điểm này.

2. **In the present system**, the second, there are two dominant evolutions, the human

2. **Trong hệ thống hiện tại**, hệ thứ hai, có hai cuộc tiến hoá chi phối, nhân loại và thiên

and the deva; there are—as earlier stated—**sixty thousand million human monads.** Add to this the feminine evolution of the devas, consisting of 140 thousand million, and you have the necessary two hundred thousand million. This elucidates my statement anent this being a feminine system. (EH 109)

thần; có—như đã nói trước đây—**sáu mươi ngàn triệu chân thần nhân loại.** Cộng thêm vào đó cuộc tiến hoá nữ tính của các thiên thần, gồm một trăm bốn mươi ngàn triệu, và các bạn có con số cần thiết là hai trăm ngàn triệu. Điều này làm sáng tỏ phát biểu của tôi về việc đây là một hệ thống nữ tính. (EH 109)

56. It is quite obvious in the reference immediately above that DK is speaking of our present solar system which is the "second".

56. Rõ ràng trong đoạn dẫn ngay bên trên rằng Chân sư DK đang nói về hệ mặt trời hiện tại của chúng ta, tức hệ "thứ hai".

57. All in all, the number 60,000. 000. 000. human units seems small in relation to the entire solar system.

57. Xét toàn bộ, con số 60.000.000.000 đơn vị nhân loại dường như nhỏ so với toàn thể hệ mặt trời.

the relationship of the Ego to some one Master is at this stage consciously realised, but is nevertheless, itself of evolutionary development. **As we have been told, there are sixty thousand million units of consciousness or spirits in the evolving human hierarchy.** These are found on causal levels, though the numbers are slightly less now, owing to the attainment of the fourth Initiation by individuals from time to time. These egos at different stages of development are all linked with their Monad, Spirit or Father in Heaven, in much the same way (only in finer matter) as the Ego is linked with the Personality. (LOM 34)

mối liên hệ của Chân ngã với một Chân sư nào đó ở giai đoạn này được chứng nghiệm một cách hữu thức, nhưng tuy vậy, bản thân nó vẫn thuộc về sự phát triển tiến hoá. **Như chúng ta đã được cho biết, có sáu mươi ngàn triệu đơn vị tâm thức hay tinh thần trong huyền giai nhân loại đang tiến hoá.** Những đơn vị này được tìm thấy trên các cấp độ nguyên nhân, dù hiện nay con số hơi ít hơn, do thỉnh thoảng có những cá nhân đạt đến lần điểm đạo thứ tư. Những chân ngã này ở các giai đoạn phát triển khác nhau đều được nối kết với chân thần, tinh thần hay Cha trên Trời của chúng, gần như theo cùng một cách (chỉ trong vật chất tinh tế hơn) như Chân ngã được nối kết với phàm ngã. (LOM 34)

58. The human hierarchy extends throughout the solar system, but from what is said in the paragraph immediately above, it sounds as if DK is speaking of the Earth-scheme.

58. Huyền giai nhân loại trải rộng khắp hệ mặt trời, nhưng từ điều được nói trong đoạn ngay bên trên, nghe như thể Chân sư DK đang nói về hệ hành tinh Địa Cầu.

59. If the number was sixty billion for the entire solar system, we might find ourselves

59. Nếu con số là sáu mươi tỷ cho toàn bộ hệ mặt trời, thì chúng ta có thể thấy mình có

with far too few Monads within the various planetary schemes.

quá ít chân thần trong các hệ hành tinh khác nhau.

60. We can see that the truth here is somewhat blinded and is probably one of the secrets of initiation.

60. Chúng ta có thể thấy rằng chân lý ở đây phần nào bị che mờ và có lẽ là một trong những bí mật của điểm đạo.

Ten--The line and the circle. The symbol of the Heavenly Men.

Mười—Đường thẳng và vòng tròn. Biểu tượng của các Đấng Thiên Nhân.

—S. D., I, 117.

—S. D., I, 117.

61. Why should this be the case? We have learned that there are ten schemes within the solar system.

61. Tại sao lại như vậy? Chúng ta đã học rằng có mười hệ hành tinh trong hệ mặt trời.

62. The ten, therefore, represents *all* the Heavenly Man and not just one of them.

62. Do đó, số mười biểu thị *tất cả* các Đấng Thiên Nhân chứ không chỉ một vị trong số các Ngài.

The ten are the arupa universe S. D., I, 125.

Mười là vũ trụ arupa S. D., I, 125.

63. What specifically is the "arupa universe"? Can we think of it as all planes higher than the lower three systemic planes of the cosmic physical plane?

63. Cụ thể thì "vũ trụ arupa" là gì? Chúng ta có thể nghĩ về nó như tất cả các cõi cao hơn ba cõi hệ thống thấp của cõi hồng trần vũ trụ chăng?

64. Or does this universe consist of even higher dimensions? And are the eighteen lower *cosmic* planes considered rupa—*cosmically*?

64. Hay vũ trụ này gồm những chiều kích còn cao hơn nữa? Và mười tám cõi *vũ trụ* thấp hơn có được xem là rupa—*về mặt vũ trụ* —hay không?

The ten are manifested existence S. D., I, 467.

Mười là sự tồn tại biểu hiện S. D., I, 467.

The ten are sumtotal S. D., I. 428.

Mười là tổng thể S. D., I. 428.

65. It s interesting to think of the ten as referring to *both* the rupa and arupa universe, i.e., the "sumtotal".

65. Thật thú vị khi nghĩ về số mười như chỉ đến *cả* vũ trụ rupa lẫn arupa, tức là "tổng thể".

66. We can arrive at the ten by counting *both* the rupa and arupa planes.

66. Chúng ta có thể đạt đến số mười bằng cách đếm *cả* các cõi rupa lẫn arupa.

67. When confronted with a possible ten, three of the ten are usually subjective and are not part of the usual enumeration—whether of planets, chains or globes. When it comes to schemes, we have no difficulty arriving at ten.

67. Khi đối diện với một số mười khả dĩ, ba trong mười thường là chủ quan và không thuộc phần liệt kê thông thường—dù là các hành tinh, các dãy hay các bầu hành tinh. Khi nói đến các hệ hành tinh, chúng ta không gặp khó khăn gì để đạt đến số mười.

Six—The six-pointed star. The subjective life and the objective form, overshadowed by Spirit.

Sáu—Ngôi sao sáu cánh. Sự sống chủ quan và hình tướng khách quan, được tinh thần phủ bóng.

68. One triangle represents the subjective life and the other the objective life.

68. Một tam giác biểu thị sự sống chủ quan và tam giác kia biểu thị sự sống khách quan.

69. With regard to the overshadowing, the point within the center of the star can stand for the Spirit. This is similar to the point within the triangle.

69. Về sự phủ bóng, điểm ở trung tâm ngôi sao có thể tượng trưng cho tinh thần. Điều này tương tự như điểm bên trong tam giác.

70. Or, any regular polygon can be raised to a point—thus one can always be *synthetically added* to any figure with equal sides. For instance, the square to which an elevated unity is synthetically added becomes a pyramid, etc.

70. Hoặc, bất kỳ đa giác đều nào cũng có thể được nâng lên thành một điểm—do đó luôn có thể được *thêm vào một cách tổng hợp* cho bất kỳ hình nào có các cạnh bằng nhau. Chẳng hạn, hình vuông mà được thêm vào một đơn vị nâng cao một cách tổng hợp thì trở thành hình chóp, v.v.

The six are the six forces of nature S. D., I, 236.

Sáu là sáu mãnh lực của bản chất S. D., I, 236.

71. These are the shaktis we have just reviewed. They are six potencies of the Planetary Logos.

71. Đây là các shaktis mà chúng ta vừa khảo sát. Chúng là sáu tiềm lực của Đức Hành Tinh Thượng Đế.

The six Heavenly Men S. D., I, 402.

Sáu Đấng Thiên Nhân S. D., I, 402.

72. Obviously, there are many more than six Heavenly Men, but in the World of Brahma (Saturn), there are six Heavenly Men

72. Hiển nhiên có nhiều hơn sáu Đấng Thiên Nhân, nhưng trong Thế giới của Brahma (Sao Thổ), có sáu Đấng Thiên Nhân bao

surrounding the 'central Saturn' scheme in the following order: (cf. TCF 373)

quanh hệ hành tinh 'Sao Thổ trung tâm' theo thứ tự sau: (xem TCF 373)

a. Vulcan

a. Vulcan

b. Venus

b. Sao Kim

c. Mars

c. Sao Hỏa

d. Earth

d. Trái Đất

e. Mercury

e. Sao Thủy

f. Jupiter

f. Sao Mộc

The six planes S. D., I, 236.

Sáu cõi S. D., I, 236.

73. This refers to the six planes which are derivative from the seventh or highest.

73. Điều này chỉ đến sáu cõi phát sinh từ cõi thứ bảy hay cõi cao nhất.

Force or energy, matter or substance, and Spirit.

Mãnh lực hay năng lượng, vật chất hay chất liệu, và Tinh thần.

74. Again, we have the archetypal division of the six and the one. The hexagon surrounding a central circle is the symbol.

74. Một lần nữa, chúng ta có sự phân chia nguyên mẫu của sáu và một. Biểu tượng là hình lục giác bao quanh một vòng tròn trung tâm.

The six are the double triangle S. D., I, 143.

Sáu là tam giác kép S. D., I, 143.

75. This refers to the "Seal of Solomon"—the six-pointed star or hexagram.

75. Điều này chỉ đến "Ấn của Solomon"—ngôi sao sáu cánh hay hình lục giác sao.

The six are the symbol of objectivity S. D., II, 625.

Sáu là biểu tượng của tính khách quan S. D., II, 625.

76. Because, in relation to the cosmic physical plane, only the Spirit (the first or the seventh) is truly subjective.

76. Bởi vì, trong liên hệ với cõi hồng trần vũ trụ, chỉ có Tinh thần (thứ nhất hay thứ bảy) mới thực sự là chủ quan.

They are the deva aspect of manifestation S. D., I, 241.

77. Since devas are the form-builders the six is naturally associated with them. The twelve and six are devic; the ten and the five refer to man.

78. The sixth Creative Hierarchy (the Hierarchy of Lunar Lords) are form builders. The sixth Creative Hierarchy numbering from below, thus, also called the second, are called the "Divine Builders".

79. From another perspective, only the one in the center of the six is *man*—the remaining six are devic.

Five—This is the pentagon, the Makara, the five pointed Star.

Compare S. D., I, 218, 219.

80. The pentagon is inscribed within the five-pointed star and the five-pointed star within the pentagon. This occurs continuously through processes of expanding or reducing the figures. Together the pentagram and the pentagon they make the ten.

81. The Makara are the fifth Creative Hierarchy (fifth of the unliberated Hierarchies).

Five is the symbol of a planetary Logos S. D., II, 618.

82. We note the word "a" and wonder if HPB is being specific. If specific, then *five* is the number of Venus, or of Mercury, from

Chúng là phương diện thiên thần của biểu hiện S. D., I, 241.

77. Vì các thiên thần là những đấng kiến tạo hình tướng nên số sáu tự nhiên gắn với họ. Mười hai và sáu là thiên thần; mười và năm chỉ đến con người.

78. Huyền Giai Sáng Tạo thứ sáu (Huyền Giai của các nguyệt tinh quân) là những đấng kiến tạo hình tướng. Huyền Giai Sáng Tạo thứ sáu tính từ dưới lên, do đó cũng được gọi là thứ hai, được gọi là "Các Đấng Kiến Tạo Thiêng Liêng".

79. Từ một góc nhìn khác, chỉ có một ở trung tâm của sáu là *con người*—sáu còn lại là thiên thần.

Năm—Đây là ngũ giác, Makara, ngôi sao năm cánh.

So sánh S. D., I, 218, 219.

80. Ngũ giác được nội tiếp trong ngôi sao năm cánh và ngôi sao năm cánh được nội tiếp trong ngũ giác. Điều này diễn ra liên tục qua các tiến trình mở rộng hay thu nhỏ các hình. Cùng nhau, ngôi sao năm cánh và ngũ giác tạo thành số mười.

81. Makara là Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm (thứ năm trong các Huyền Giai chưa được giải thoát).

Năm là biểu tượng của một Hành Tinh Thượng Đế S. D., II, 618.

82. Chúng ta lưu ý từ "một" và tự hỏi liệu HPB có đang nói một cách cụ thể hay không. Nếu cụ thể, thì *năm* là con số của Sao Kim,

another perspective. If she is generalizing then five represents the fact that the Planetary Logoi are Divine Manasaputras—celestial Beings with a highly developed mentality.

hoặc của Sao Thủy, từ một góc nhìn khác. Nếu bà đang khái quát hóa thì số năm biểu thị sự kiện rằng các Hành Tinh Thượng Đế là các Manasaputras Thiêng Liêng—những Hữu thể thiên giới với trí tuệ phát triển cao.

Five is the symbol of the microcosm S. D., II, 608.

Năm là biểu tượng của tiểu thiên địa S. D., II, 608.

83. This we have seen: man is fivefold. He is essentially the Thinker.

83. Điều này chúng ta đã thấy: con người là ngũ phân. Về bản chất, y là Nhà Tư Tưởng.

84. When He becomes a member of the Kingdom of Souls he will also be a five, from a higher perspective.

84. Khi Ngài trở thành một thành viên của Thiên Giới thì Ngài cũng sẽ là một số năm, từ một góc nhìn cao hơn.

Five is the symbol of creation S. D., II. 613.

Năm là biểu tượng của sáng tạo S. D., II. 613.

85. Mind (five) is indispensable in the process of creation. The energy of the planet Mercury (probably the strongest *five* among the Heavenly Men) comes to mind in all questions of creativity.

85. Trí tuệ (năm) là điều không thể thiếu trong tiến trình sáng tạo. Năng lượng của hành tinh Sao Thủy (có lẽ là *số năm* mạnh nhất trong các Đấng Thiên Nhân) xuất hiện trong tâm trí trong mọi vấn đề về tính sáng tạo.

It is the second and the third Logos united in evolution.

Đó là Logos thứ hai và thứ ba hợp nhất trong tiến hoá.

86. The *five* is obviously the union of the two and the three. Together soul (the two) and personality (the three) represent human creativity, and creativity of higher kinds as well.

86. Số *năm* hiển nhiên là sự hợp nhất của hai và ba. Cùng nhau, linh hồn (hai) và phàm ngã (ba) biểu thị tính sáng tạo của con người, và cả những loại sáng tạo cao hơn nữa.

87. The Spirit, in this respect, is not the creative factor. It is ever the sustainer and observer.

87. Tinh thần, trong phương diện này, không phải là yếu tố sáng tạo. Nó luôn luôn là đấng duy trì và quan sát.

88. Human creativity is expressed through the merging of the ajna and throat centers, both of which have Mercurian and Venusian associations.

88. Tính sáng tạo của con người được biểu lộ qua sự hợp nhất của các trung tâm ajna và cổ họng, cả hai đều có liên hệ với Sao Thủy và Sao Kim.

In the merging of the five and the six you have the totality of manifestation, the male and female blended in the Divine Hermaphrodite.

Trong sự hợp nhất của năm và sáu, bạn có toàn thể biểu hiện, nam và nữ hòa trộn trong Đấng Lưỡng Tính Thiêng Liêng.

89. Mercury is Hermes and hypothesized as monadically a five. Venus is Aphrodite and hypothesized as monadically the six. Mercury is the intelligence which manipulates. Venus is the magnetism which attracts the units which compose the form. Together they are Hermes-Aphrodite—the Divine Hermaphrodite.

89. Sao Thủy là Hermes và được giả định về mặt chân thần là một số năm. Sao Kim là Aphrodite và được giả định về mặt chân thần là số sáu. Sao Thủy là trí tuệ thao tác. Sao Kim là từ điện thu hút các đơn vị cấu thành hình tướng. Cùng nhau, chúng là Hermes-Aphrodite—Đấng Lưỡng Tính Thiêng Liêng.

90. The initiate is a man who has mastered the deva kingdom—thus he is the five and the six combined. His number is eleven.

90. Điểm đạo đồ là một người đã làm chủ giới thiên thần—do đó y là sự kết hợp của năm và sáu. Con số của y là mười một.

Summing up, S. D., I, 235-239. II, 610, 638.

Tóm lại, S. D., I, 235-239. II, 610, 638.

The first order The essential Lives. Spirit. The Self.

Trật tự thứ nhất Các Sự sống cốt yếu. Tinh thần. Chân ngã.

The sixth order The objective form. Matter. The Not-Self.

Trật tự thứ sáu Hình tướng khách quan. Vật chất. Phi-ngã.

The fifth order Intelligence. Manas. The relation between.

Trật tự thứ năm Trí tuệ. Manas. Mối liên hệ giữa hai bên.

91. We have been examining three numbers —the one, the six and the five.

91. Chúng ta đã khảo sát ba con số—một, sáu và năm.

92. Although the numbers one, two and three, represent Spirit, Soul and Intelligence or Manas/Objectivity respectively, the *Secret Doctrine* offers another consideration.

92. Mặc dù các số một, hai và ba biểu thị Tinh thần, Linh hồn và Trí tuệ hay Manas/Tính khách quan tương ứng, *Giáo Lý Bí Nhiệm* đưa ra một cách xem xét khác.

93. The *one* is always spirit; the *six* is form created by desire; the five is naturally manas relating the two.

93. Số *một* luôn luôn là tinh thần; số *sáu* là hình tướng được tạo ra bởi dục vọng; số năm tự nhiên là manas liên hệ hai điều ấy.

94. Interestingly, the true plane of form is the monadic plane—the *sixth* from below.

94. Điều đáng chú ý là cõi thực sự của hình tướng là cõi chân thần—cõi *thứ sáu* tính từ dưới lên.

95. From one perspective, the *two* is the higher octave of the *six* and the *three* of the *five*: One/two/three is the higher correspondence of one/six/five.

95. Từ một góc nhìn, số *hai* là quãng tám cao hơn của số *sáu* và số *ba* là quãng tám cao hơn của số *năm*: một/hai/ba là tương ứng cao hơn của một/sáu/năm.

96. From another perspective, the one/six/five are the A-U-M.

96. Từ một góc nhìn khác, một/sáu/năm là A-U-M.

97. It is curious that in this tabulation the *seven* is not related to matter, objectivity and the not-Self. From one angle it is, but it is a number that seems to be related to the highest principle (the Atman) and, thus, from the Hindu perspective, is not assigned to form.

97. Điều lạ là trong bảng này, số *bảy* không liên hệ với vật chất, tính khách quan và phi-ngã. Từ một góc độ thì có, nhưng đó là một con số dường như liên hệ với nguyên khí cao nhất (Atman) và do đó, từ quan điểm Ấn giáo, không được gán cho hình tướng.

98. From another perspective the *seven* represents the lower synthesis of all that finds its place above.

98. Từ một góc nhìn khác, số *bảy* biểu thị sự tổng hợp thấp của tất cả những gì tìm được vị trí của nó ở bên trên.

The mystery of the Lords of Karma, Who are, in themselves, **the sole recipients of the Mind purposes** [Page 396] of that cosmic ENTITY Who enfolds our solar Logos within His consciousness.

Huyền nhiệm của các Đấng Nghiệp Quả, các Ngài, tự thân, là **những Đấng tiếp nhận duy nhất các mục đích của Trí Tuệ** [Page 396] của THỰC THỂ vũ trụ đó, Đấng bao bọc Thái dương Thượng đế của chúng ta trong tâm thức của Ngài.

99. We see how closely the Lord of Karma are related to the Mind principle.

99. Chúng ta thấy các Đấng Nghiệp Quả liên hệ mật thiết đến mức nào với nguyên khí Trí Tuệ.

100. The Lords of Karma (for our solar system) come forth from Sirius.

100. Các Đấng Nghiệp Quả (đối với hệ mặt trời của chúng ta) xuất hiện từ Sirius.

101. The cosmic ENTITY could well be the Cosmic Logos which includes the Logos of Sirius as a center or chakra.

101. THỰC THỂ vũ trụ đó rất có thể là Thượng đế Vũ trụ, Đấng bao gồm Logos của Sirius như một trung tâm hay luân xa.

102. Extending the idea, that ENTITY could also be the One About Whom Naught May Be Said.

102. Mở rộng ý tưởng ấy, THỰC THỂ đó cũng có thể là Đấng Bất Khả Tư Nghị.

103. Both ENTITIES (the Cosmic Logos and the One About Whom Naught May Be Said) enfold our Solar Logos within Their consciousness.

103. Cả hai THỰC THỂ (Thượng đế Vũ trụ và Đấng Bất Khả Tư Nghị) đều bao bọc Thái dương Thượng đế của chúng ta trong tâm thức của Các Ngài.

104. The working out of karma requires a supreme application of cosmic mind.

104. Sự vận hành của nghiệp quả đòi hỏi một sự vận dụng tối thượng của trí tuệ vũ trụ.

When, therefore, the esoteric side of astrology, and of mystical geometry, has been studied, and alliance has been made between these two sciences, a flood of light will be thrown upon this matter of the intelligent principle;

Khi, do đó, phương diện huyền bí của chiêm tinh học, và của hình học thần bí, đã được nghiên cứu, và sự liên kết đã được thiết lập giữa hai khoa học này, thì một luồng ánh sáng sẽ được rọi vào vấn đề về nguyên khí thông tuệ;

105. How shall we approach the "intelligent principle"?

105. Chúng ta sẽ tiếp cận "nguyên khí thông tuệ" như thế nào?

a. Through esoteric astrology (essentially a third ray science)

a. Qua Chiêm Tinh Học Nội Môn (về bản chất là một khoa học cung ba)

b. Through mystical geometry. The Logos of the second ray is the Great Geometrician. However, the study of geometry of this kind requires, especially, the abstract mind.

b. Qua hình học thần bí. Logos của cung hai là Nhà Hình Học Vĩ Đại. Tuy nhiên, việc nghiên cứu loại hình học này đặc biệt đòi hỏi trí trừu tượng.

c. We can think of mystical geometry as related particularly to the ajna center (holding the image of the form) and astrology to the throat center.

c. Chúng ta có thể nghĩ về hình học thần bí như đặc biệt liên hệ với trung tâm ajna (giữ hình ảnh của hình tướng) và chiêm tinh học với trung tâm cổ họng.

d. Both throat and ajna are related to the "intelligent principle".

d. Cả cổ họng lẫn ajna đều liên hệ với "nguyên khí thông tuệ".

when the inner workings of the Law of Cause and Effect

khi sự vận hành bên trong của Định luật Nhân Quả

106. Relating to the sign Libra, the sign of Karma and a sign deeply connected with the Lipikas…

(the law whereby the Lipika Lords govern all Their action) is better comprehended, then —and then only—will the sons of men be able to study with profit the place of manas in the evolutionary scheme.

107. It would seem that the subjects of manas and karma must be studied together.

108. It would seem that intelligence works in such a way as to fulfill not only the Purpose or Grand Design, but the Law of Karma as well.

109. Purpose expressing through the Divine Plan would drive ever forward (the first ray impulse), but the Law of Karma seeks equilibrization (a third ray impulse under Libra) before further progress. At least, the descent of new aspects of Purpose-through-Plan cannot progress *too* far without the need for equilibrizing the forces into which the descent is to occur. Otherwise, an unwarranted destruction could occur.

110. Saturn, the major planetary Lord of Karma, is the major planet of intelligence having a Monad upon the third ray, and the major ruler of Libra—the sign of Karma.

At the present time it is not possible to do more than point out the direction of the path which must be trodden before this

106. Liên hệ với dấu hiệu Thiên Bình, dấu hiệu của Nghiệp Quả và là một dấu hiệu gắn bó sâu sắc với các Lipikas…

(định luật nhờ đó các Chúa Tể Lipika cai quản mọi hành động của Các Ngài) được thấu hiểu rõ hơn, thì—và **chỉ khi đó—những người con của nhân loại mới có thể nghiên cứu một cách hữu ích vị trí của manas trong hệ thống tiến hoá.**

107. Dường như các chủ đề về manas và nghiệp quả phải được nghiên cứu cùng nhau.

108. Dường như trí tuệ vận hành theo cách không chỉ hoàn thành Thiên Ý hay Thiết Kế Vĩ Đại, mà cả Định luật Nghiệp Quả nữa.

109. Mục Đích biểu lộ qua Thiên Cơ sẽ luôn thúc đẩy tiến lên (xung lực cung một), nhưng Định luật Nghiệp Quả tìm kiếm sự quân bình hóa (một xung lực cung ba dưới Thiên Bình) trước khi có tiến bộ thêm nữa. Ít nhất, sự giáng xuống của các phương diện mới của Mục Đích-qua-Thiên Cơ không thể tiến triển *quá* xa mà không cần quân bình hóa các mãnh lực mà trong đó sự giáng xuống sẽ xảy ra. Nếu không, một sự hủy diệt không chính đáng có thể xảy ra.

110. Sao Thổ, Đấng Chúa Tể Hành tinh lớn của Nghiệp Quả, là hành tinh lớn của trí tuệ có một chân thần trên cung ba, và là chủ tinh lớn của Thiên Bình—dấu hiệu của Nghiệp Quả.

Hiện nay không thể làm gì hơn ngoài việc chỉ ra phương hướng của con đường phải được bước đi trước khi vấn đề thâm áo này có thể được làm sáng tỏ, [Page 397]

[Page 397] abstruse matter can be made clear,

111. Karma is one of the most abstruse and intricate of subjects. The whole subject involves the question of 'what equals what'. To think of an "eye for an eye, and a tooth for a tooth" is far too literal and cumbersome. The balance required uses much more refined and complex equations.

111. Nghiệp quả là một trong những chủ đề thâm áo và phức tạp nhất. Toàn bộ chủ đề này bao hàm câu hỏi 'cái gì tương đương với cái gì'. Nghĩ về "mắt đền mắt, răng đền răng" thì quá theo nghĩa đen và nặng nề. Sự quân bình cần thiết sử dụng những phương trình tinh tế và phức tạp hơn nhiều.

and to indicate certain lines of investigation which might (if strenuously and scientifically followed) yield to the student a rich reward of knowledge.

và chỉ ra một số đường lối khảo cứu mà có thể (nếu được theo đuổi một cách nỗ lực và khoa học) đem lại cho đạo sinh phần thưởng phong phú về tri thức.

112. Scientific following is not enough; it must be *strenuous* following. There are ninety eight references to "strenuous" in the AAB CDRom.

112. Sự theo đuổi một cách khoa học là chưa đủ; đó phải là sự theo đuổi *mãnh liệt*. Có chín mươi tám chỗ nhắc đến từ "mãnh liệt" trong AAB CDRom.

Until the intuition is better developed in the average man, the very principle of manas itself forms a barrier to its due understanding.

Chừng nào trực giác chưa được phát triển tốt hơn nơi con người trung bình, thì chính nguyên khí manas tự nó tạo thành một rào cản đối với sự thấu hiểu đúng đắn về nó.

113. This is a "catch twenty-two". The very instrument (manas) by which the student would attempt to understand manas, would (because of its non-responsiveness to the intuition) prevent that understanding.

113. Đây là một "thế lưỡng nan". Chính công cụ (manas) mà đạo sinh sẽ dùng để cố gắng hiểu manas lại, do không đáp ứng với trực giác, ngăn cản sự thấu hiểu ấy.

114. Solutions arise from 'above'. The intuition (one vibratory step higher than manas) is needed for the comprehension of manas.

114. Các giải pháp phát sinh từ "bên trên". Trực giác (cao hơn manas một bậc rung động) là điều cần thiết để lĩnh hội manas.

115. The intuition, we have been taught is "transcendental mind" (cf. TCF 287)—the type of mind which transcends mind as ordinarily considered.

115. Chúng ta đã được dạy rằng trực giác là "Trí Tuệ Siêu Việt" (x. TCF 287)—loại trí tuệ vượt lên trên trí tuệ như thường được quan niệm.

2. Manas and karmic purpose.

If it is realised by the student that **manas and intelligent purpose are practically synonymous terms,** it will be immediately apparent that karma, and the activities of the Lipika Lords, will be involved in the matter.

116. DK has repeatedly emphasized the relationship between manas and will. Manas is meant to manifest the will—intelligently.

117. The Lipika Lords are supremely intelligent. Many whose Monads are upon the fifth ray take, eventually, the Path of Absolute Sonship on which they eventually become Lipika Lords.

118. But the factor of will is also inescapably related to the Lipika's modus operadi.

119. Karma is possessed of that factor which cannot be evaded or swayed; in its execution, it carries much of the first ray.

120. The purpose behind the application of karma in any particularly cycle is willfully and intelligently applied.

It will also be apparent that only as the lower mind is transmuted into the abstract or higher mind and from thence into the intuition, will man be able to understand the significance of manas.

121. The mode of elevation is *transmutation.*

2. Manas và mục đích nghiệp quả.

Nếu đạo sinh chứng nghiệm rằng **manas và mục đích thông tuệ thực tế là những thuật ngữ gần như đồng nghĩa**, thì sẽ lập tức thấy rõ rằng nghiệp quả, và các hoạt động của các Đấng Lipika, sẽ dính líu đến vấn đề này.

116. Chân sư DK đã nhiều lần nhấn mạnh mối liên hệ giữa manas và ý chí. Manas được dự định để biểu lộ ý chí—một cách thông tuệ.

117. Các Đấng Lipika có trí tuệ tối thượng. Nhiều vị có các Chân thần thuộc cung năm, về sau, đi vào Con đường Con Thượng đế Tuyệt Đối, trên đó cuối cùng các vị trở thành các Đấng Lipika.

118. Nhưng yếu tố ý chí cũng liên hệ một cách không thể tránh khỏi với phương thức hoạt động của Lipika operadi.

119. Nghiệp quả sở hữu yếu tố không thể né tránh hay lay chuyển; trong sự thực thi của nó, nó mang nhiều tính chất của cung một.

120. Mục đích đứng sau việc áp dụng nghiệp quả trong bất kỳ chu kỳ đặc biệt nào đều được áp dụng một cách có ý chí và thông tuệ.

Cũng sẽ thấy rõ rằng chỉ khi nào **hạ trí được chuyển hoá thành trí trừu tượng hay thượng trí và từ đó thành trực giác**, con người mới có thể hiểu được thâm nghĩa của manas.

121. Phương thức nâng cao là *sự chuyển hoá.*

122. How does lower mind develop into abstract mind and abstract mind into intuition? The method is transmutation.

122. Hạ trí phát triển thành trí trừu tượng và trí trừu tượng thành trực giác như thế nào? Phương pháp là sự chuyển hoá.

123. Transmutation from the concrete to abstract mind occurs with increasing ability to *generalize.* Such transmutation produces the capacity to link an item with the contextual pattern in which it is imbedded.

123. Sự chuyển hoá từ trí cụ thể sang trí trừu tượng xảy ra cùng với khả năng ngày càng tăng trong việc *khái quát hoá.* Sự chuyển hoá ấy tạo ra năng lực liên kết một yếu tố với mô hình bối cảnh trong đó nó được đặt vào.

124. We see that manas is not something that can possibly be understood through the application of concrete mind alone; sufficient breadth and depth are missing. Also the necessary 'vibrationally distant' vantage point is missing. One must always (at least initially) separate one's consciousness from a vibrational field in order to understand that field. This separation is the act of objectification through abstraction.

124. Chúng ta thấy rằng manas không phải là điều có thể được hiểu chỉ bằng việc vận dụng riêng trí cụ thể; thiếu bề rộng và chiều sâu cần thiết. Đồng thời cũng thiếu điểm quan sát cần thiết ở khoảng cách "xa về rung động". Muốn hiểu một trường rung động, người ta luôn phải (ít nhất lúc đầu) tách tâm thức của mình ra khỏi trường ấy. Sự tách rời này là hành vi khách thể hóa thông qua sự trừu tượng hóa.

We may perhaps ask why this must be so. **Surely it is because the abstract mind is the agent on cosmic levels whereby the Entity concerned formulates His plans and purposes.** These plans and purposes (conceived of in the abstract mind) in **due course of evolution crystallise into concrete form by means of the concrete mind**.

Có lẽ chúng ta có thể hỏi vì sao điều này phải như vậy. **Chắc chắn là vì trí trừu tượng là tác nhân trên các cấp độ vũ trụ nhờ đó Thực Thể liên hệ hoạch định các kế hoạch và mục đích của Ngài.** Những kế hoạch và mục đích này (được quan niệm trong trí trừu tượng) theo **tiến trình tiến hoá thích đáng kết tinh thành hình tướng cụ thể bằng phương tiện của trí cụ thể**.

125. We are being told something of the nature of abstract mind. It is a *planning* mind, correlated with the energy of the third ray. Let us ponder on the correlation between plans, purposes and the abstract mind.

125. Chúng ta đang được cho biết đôi điều về bản chất của trí trừu tượng. Đó là một trí tuệ *hoạch định*, tương quan với năng lượng của cung ba. Hãy suy ngẫm về mối tương quan giữa các kế hoạch, các mục đích và trí trừu tượng.

126. Do we find that when we plan and propose we are using the abstract mind? Or is this something that can only be said of Entities greater than man.

126. Có phải khi chúng ta lập kế hoạch và đề xuất, chúng ta đang dùng trí trừu tượng không? Hay đây là điều chỉ có thể nói về các Thực Thể lớn hơn con người.

127. Perhaps, it can be said of initiates who are polarized specifically in the abstract mind as the average intelligent human being of the day is polarized in his concrete mind.

127. Có lẽ điều đó có thể được nói về các điểm đạo đồ được phân cực đặc biệt trong trí trừu tượng, cũng như con người thông minh trung bình ngày nay được phân cực trong trí cụ thể của mình.

128. In this section, we seem to be dealing with larger plans and purposes than those of the human being.

128. Trong phần này, dường như chúng ta đang bàn đến những kế hoạch và mục đích lớn hơn của con người.

129. What is true on cosmic levels for the Entity under discussion is reflected within the microcosmic worlds.

129. Điều gì đúng trên các cấp độ vũ trụ đối với Thực Thể đang được bàn đến thì cũng được phản chiếu trong các thế giới vi mô.

130. Perhaps the plans and purposes of the Solar Angel, conceived in the abstract mind, eventually register in the concrete thinking of the human being under solar angelic supervision.

130. Có lẽ các kế hoạch và mục đích của Thái dương Thiên Thần, được quan niệm trong trí trừu tượng, cuối cùng ghi nhận trong tư duy cụ thể của con người dưới sự giám sát của thái dương thiên thần.

131. We are given a sequence of three processes:

131. Chúng ta được cho một chuỗi gồm ba tiến trình:

a. Abstract formulation in the abstract mind

a. Sự hình thành trừu tượng trong trí trừu tượng

b. Leads to concrete formulation in the concrete mind

b. Dẫn đến sự hình thành cụ thể trong trí cụ thể

c. Lead to the crystallization of concrete forms

c. Dẫn đến sự kết tinh của các hình tướng cụ thể

132. Interestingly, in this process, the concrete mind is the mediator making possible the physical concretizations of abstract thoughts.

132. Điều đáng chú ý là trong tiến trình này, trí cụ thể là trung gian làm cho sự cụ thể hóa trên cõi hồng trần của các tư tưởng trừu tượng trở nên khả hữu.

What we call the archetypal plane in connection with the Logos (**the plane whereon He forms His ideals, His aspirations and His abstract conceptions)** is the **logoic correspondence** to the **atomic abstract levels of the mental plane,** from whence are initiated the impulses and purposes of the Spirit in man,

Điều mà chúng ta gọi là cõi nguyên mẫu liên hệ với Thượng đế (**cõi nơi Ngài hình thành các lý tưởng, các khát vọng và các quan niệm trừu tượng của Ngài)** là **sự tương ứng logoic** với **các cấp độ nguyên tử trừu tượng của cõi trí,** từ đó các xung lực và mục đích của tinh thần trong con người được khởi phát,

133. It is fascinating to realize that on the logoic plane there may exist formulations of logoic ideals, aspirations and abstract conceptions. This may remove some of the vagueness associated with the thought of the "Sea of Fire".

133. Thật hấp dẫn khi nhận ra rằng trên cõi logoic có thể tồn tại những sự hình thành của các lý tưởng, khát vọng và quan niệm trừu tượng logoic. Điều này có thể làm giảm bớt phần nào tính mơ hồ gắn với ý niệm về "Biển Lửa".

134. There are a number of ways to view what is called the "archetypal plane". Here are three different ways of viewing the notion of "archetypal plane".

134. Có một số cách để nhìn điều được gọi là "cõi nguyên mẫu". Dưới đây là ba cách khác nhau để nhìn khái niệm "cõi nguyên mẫu".

Logoic Plane: The etheric body of man holds hid the secret of his objectivity. It has its correspondence on the archetypal plane,—the plane we call that of the divine manifestation, the first plane of our solar system, the plane Adi. (TCF 79)

Cõi Logoic: Thể dĩ thái của con người che giấu bí mật về tính khách thể của y. Nó có sự tương ứng của nó trên cõi nguyên mẫu, —cõi mà chúng ta gọi là cõi của sự biểu hiện thiêng liêng, cõi thứ nhất của hệ mặt trời chúng ta, cõi Adi. (TCF 79)

Monadic Plane: The logoic Sound...Second plane...The Sound A U.

Cõi Chân thần: Âm thanh logoic... Cõi thứ hai... Âm thanh A U.

This is the body of the solar system in the second ether. This plane is the archetypal plane. The seeds of [Page 927] life are vibrating or germinating. The seven centres of energy are apparent. The one deva Agni is seen as seven. The form is now potentially perfect. (TCF 926-927)

Đây là thể của hệ mặt trời trong dĩ thái thứ hai. Cõi này là cõi nguyên mẫu. Các hạt giống của [Page 927] sự sống đang rung động hay nảy mầm. Bảy trung tâm năng lượng hiện rõ. Một thiên thần Agni được thấy như bảy. Hình tướng giờ đây có tiềm năng hoàn hảo. (TCF 926-927)

Buddhic Plane: These occult formulas exist on **the archetypal plane which (for the aspirant) is the**

Cõi Bồ đề: Những công thức huyền bí này tồn tại trên **cõi nguyên mẫu mà (đối với người chí nguyện) là cõi của trực giác,** dù

plane of the intuition, though in reality it is a state of consciousness far higher still. (TCF 456)

trên thực tế đó còn là một trạng thái tâm thức cao hơn nhiều. (TCF 456)

135. To these three ways of viewing the archetypal plane, we must add the plane of higher mind (whether cosmic or systemic), as described in the section under discussion. Concrete forms have their archetypes on the plane of abstract mind.

135. Vào ba cách nhìn cõi nguyên mẫu này, chúng ta phải thêm cõi thượng trí (dù là vũ trụ hay hệ thống), như được mô tả trong phần đang bàn. Các hình tướng cụ thể có các nguyên mẫu của chúng trên cõi trí trừu tượng.

136. For the Logos, one way of viewing the archetypal plane is as the atomic sub-plane of the *cosmic mental plane*. For man on the physical plane, it can be considered by inference that the atomic sub-plane of the higher mental plane may be considered archetypal.

136. Đối với Thượng đế, một cách nhìn cõi nguyên mẫu là như cõi phụ nguyên tử của *cõi trí vũ trụ*. Đối với con người trên cõi hồng trần, có thể suy ra rằng cõi phụ nguyên tử của cõi thượng trí có thể được xem là nguyên mẫu.

137. Perhaps on every plane, the atomic level or sub-plane represents a kind of archetype for all that transpires on the lower six derivative sub-planes.

137. Có lẽ trên mọi cõi, cấp độ hay cõi phụ nguyên tử biểu thị một loại nguyên mẫu cho tất cả những gì diễn ra trên sáu cõi phụ phái sinh thấp hơn.

138. We are dealing with the manasic permanent atom and the atomic level of the higher mental plane (whether systemic or cosmic). In relation to the human being, Saturn is a plane which has much to do with the kind of formulation which is transmitted from the manasic permanent atom.

138. Chúng ta đang bàn đến nguyên tử trường tồn manas và cấp độ nguyên tử của cõi thượng trí (dù là hệ thống hay vũ trụ). Liên hệ với con người, Sao Thổ là một cõi có rất nhiều liên quan đến loại hình thành được truyền từ nguyên tử trường tồn manas.

139. One could also make a case for the planet Uranus—especially when considering the cosmic manasic permanent atom.

139. Người ta cũng có thể lập luận cho hành tinh Uranus—đặc biệt khi xét đến nguyên tử trường tồn manas vũ trụ.

140. A principle emerges: that which is to be considered as an archetypal plane depends upon the spiritual level of the entity involved.

140. Một nguyên lý xuất hiện: điều được xem là một cõi nguyên mẫu tùy thuộc vào cấp độ tinh thần của thực thể liên hệ.

141. Bất cứ khi nào một "hình tướng" cao hơn hay tinh thần liên hệ với một hình

141. Whenever a higher or spiritual 'form' is related to a lower form, the higher form is considered archetypal to the lower.

141. Bất cứ khi nào một 'hình tướng' cao hơn hay tinh thần có liên hệ với một hình tướng thấp hơn, hình tướng cao hơn được xem là nguyên mẫu đối với hình tướng thấp hơn.

142. Every plane beneath the logoic reflects the major logoic archetype for the cosmic physical plane, but does so in diminishing degree, the farther removed the plane may be from the logoic. The principle should be clear.

142. Mọi cõi bên dưới cõi logoic đều phản chiếu nguyên mẫu logoic chính yếu cho cõi hồng trần vũ trụ, nhưng phản chiếu với mức độ giảm dần, tùy theo cõi ấy cách xa cõi logoic đến đâu. Nguyên lý này hẳn đã rõ.

143. Generally, in this context, archetypes are *etheric* in relation to the physical planes or sub-planes.

143. Nói chung, trong ngữ cảnh này, các nguyên mẫu là *dĩ thái* đối với các cõi hay cõi phụ hồng trần.

—those purposes which eventually force him into an objective form, thus paralleling logoic manifestation.

—những mục đích cuối cùng buộc y vào một hình tướng khách thể, do đó song hành với sự biểu hiện logoic.

144. From the highest level of the abstract mental plane comes the impulse which forces the human being into objective form. The rulership by either Saturn or Uranus or both sounds justified.

144. Từ cấp độ cao nhất của cõi trí trừu tượng phát ra xung lực buộc con người vào hình tướng khách thể. Sự cai quản bởi hoặc Sao Thổ hoặc Uranus hoặc cả hai nghe có vẻ hợp lý.

145. We must consider the atomic level of the abstract mental plane in relation to the impulse into incarnation. The sign Aries is related to this impulse

145. Chúng ta phải xét cấp độ nguyên tử của cõi trí trừu tượng liên hệ với xung lực đi vào lâm phàm. Dấu hiệu Bạch Dương liên hệ với xung lực này

Aries initiates the cycle of manifestation… Yet the first impulse is awakened in Aries, for Aries is the place where the initial idea to institute activity takes form. It is the birthplace of ideas, and a true idea is in reality a spiritual impulse taking form—subjective and objective. (EA 92)

Bạch Dương khởi đầu chu kỳ biểu hiện… Tuy nhiên, xung lực đầu tiên được đánh thức trong Bạch Dương, vì Bạch Dương là nơi ý tưởng ban đầu để thiết lập hoạt động thành hình. Nó là nơi sinh ra các ý tưởng, và một ý tưởng chân chính thực ra là một xung lực tinh thần đang thành hình—chủ quan và khách quan. (EA 92)

First the abstract concept, then the medium provided for manifestation in form, and, finally, that form itself. Such is the process for Gods and for men, and in it is hidden the

Trước hết là quan niệm trừu tượng, rồi đến môi trường được cung cấp cho sự biểu hiện trong hình tướng, và cuối cùng là chính hình tướng ấy. Đó là tiến trình đối với các Thượng

mystery of mind and of its place in evolution.

đế và đối với con người, và trong đó ẩn giấu huyền nhiệm của trí tuệ và vị trí của nó trong tiến hoá.

146. We are being told of the magical process. There are three phases:

146. Chúng ta đang được cho biết về tiến trình huyền thuật. Có ba giai đoạn:

a. The formation of the abstract concept

a. Sự hình thành quan niệm trừu tượng

b. The utilization of the medium provided for the manifestation of the form (this must be the substance of the plane on which the form is to be manifested)

b. Việc sử dụng môi trường được cung cấp cho sự biểu hiện của hình tướng (đây hẳn phải là chất liệu của cõi trên đó hình tướng sẽ được biểu hiện)

c. The form itself—the result of the act of manifestation which correlates the substance to the concept.

c. Chính hình tướng—kết quả của hành vi biểu hiện, hành vi này tương quan chất liệu với quan niệm.

147. We note that in this section DK is not using the term "idea" but, rather, "concept". Concepts are not only of the lower mental plane; a true concept belongs much more to the higher mental plane, and especially to its specifically abstract level—the atomic sub-plane.

147. Chúng ta lưu ý rằng trong phần này Chân sư DK không dùng thuật ngữ "ý tưởng" mà dùng "quan niệm". Các quan niệm không chỉ thuộc cõi hạ trí; một quan niệm chân chính thuộc về cõi thượng trí nhiều hơn, và đặc biệt thuộc cấp độ trừu tượng chuyên biệt của nó—cõi phụ nguyên tử.

For the sake of clarity, let us take the microcosm for momentary study. It should be realised by all students that man is Spirit or the Self,

Vì mục đích làm sáng tỏ, hãy lấy tiểu thiên địa để khảo sát trong chốc lát. Mọi đạo sinh nên chứng nghiệm rằng con người là tinh thần hay Bản Ngã,

148. "Self" and "Spirit" are considered identical terms. Usually, "Self" seems to be a concept involving boundaries (for the "Self" is usually considered in relation to the idea of "ego"), but not when the term "Self" is considered in essence.

148. "Bản Ngã" và "Tinh thần" được xem là những thuật ngữ đồng nhất. Thông thường, "Bản Ngã" dường như là một khái niệm có liên quan đến ranh giới (vì "Bản Ngã" thường được xét trong liên hệ với ý niệm về "chân ngã"), nhưng không phải khi thuật ngữ "Bản Ngã" được xét trong bản chất của nó.

working through matter or [Page 398] the Not-Self, by means of the intelligence or manas,

hoạt động qua vật chất hay Phi-Ngã, bằng phương tiện của trí tuệ hay manas,

149. Thus, is described the A.U.M. Spirit (the A); matter (the M); intelligence or manas (the U).

149. Như vậy, A.U.M. được mô tả: tinh thần (A); vật chất (M); trí tuệ hay manas (U).

150. Some assignments of the A.U.M. (for instance that found in IHS), reverse the meaning of the U. and M. Manas is then the M.

150. Một số cách quy định A.U.M. (chẳng hạn như cách thấy trong IHS) đảo ngược ý nghĩa của U. và M. Khi đó manas là M.

and it should also be realised that the statement of this fact (which is equally true of a solar Logos, a Heavenly Man, and a human being) involves the admission of certain deductions based on manifestation itself.

và cũng nên chứng nghiệm rằng việc phát biểu sự kiện này (điều cũng đúng như nhau đối với một Thái dương Thượng đế, một Đấng Thiên Nhân, và một con người) bao hàm việc chấp nhận một số suy diễn dựa trên chính sự biểu hiện.

151. We are dealing with the essential Triplicity of life and the deductions that arise from considering that this Triplicity is ubiquitous.

151. Chúng ta đang bàn đến bộ Ba cốt yếu của sự sống và những suy diễn phát sinh từ việc xét rằng bộ Ba này hiện diện khắp nơi.

One of these deductions is that by means of this principle of manas form is built.

Một trong những suy diễn ấy là **nhờ nguyên khí manas này mà hình tướng được xây dựng.**

152. The second aspect of divinity is considered the form-building aspect, yet manas is the principle of intelligent manipulation without which that which goes to the constitution of form cannot be arranged.

152. Phương diện thứ hai của thiên tính được xem là phương diện xây dựng hình tướng, tuy nhiên manas là nguyên khí của sự vận dụng thông tuệ mà nếu không có nó thì những gì đi vào cấu thành hình tướng không thể được sắp xếp.

153. Both the second and third aspects have their roles in the building process.

153. Cả phương diện thứ hai lẫn thứ ba đều có vai trò của chúng trong tiến trình xây dựng.

154. Manas itself also has a second aspect which is particularly the form-builder.

154. Bản thân manas cũng có một phương diện thứ hai, đặc biệt là phương diện xây dựng hình tướng.

Therefore, the whole subject of the Builders has to be studied—those entities who are the

Do đó, toàn bộ chủ đề về các Đấng Kiến Tạo phải được nghiên cứu—những thực thể là

embodiment of Universal Mind, who are the **animating lives** within the form, and who are the Divine Manasaputras in their comprehensive totality.

hiện thân của Vũ Trụ Trí, là những **sự sống linh hoạt** bên trong hình tướng, và là các Manasaputra thiêng liêng trong tính toàn thể bao quát của các Ngài.

155. In this context, the Builders are the Heavenly Men or Planetary Logoi.

155. Trong ngữ cảnh này, các Đấng Kiến Tạo là các Đấng Thiên Nhân hay các Hành Tinh Thượng Đế.

156. DK says of these Builders:

156. Chân sư DK nói về các Đấng Kiến Tạo này như sau:

a. They are the embodiment of Universal Mind; in this case, Universal Mind represents the Mind of the Solar Logos. (Universal Mind, in relation to man, has also been associated with the mind of our Planetary Logos. In relation to the Heavenly Men, Universal Mind can be related as well to the Mind of Cosmic Logoi.)

a. Các Ngài là hiện thân của Vũ Trụ Trí; trong trường hợp này, Vũ Trụ Trí biểu thị Trí của Thái dương Thượng đế. (Vũ Trụ Trí, liên hệ với con người, cũng đã được gắn với trí tuệ của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta. Liên hệ với các Đấng Thiên Nhân, Vũ Trụ Trí cũng có thể được liên hệ với Trí của các Thượng đế Vũ trụ.)

b. They are the animating lives within the form; within them many lives "live and move and have their being". They are the *soul* within the assembled forms which go to the constitution of a Planetary Logos.

b. Các Ngài là những sự sống linh hoạt bên trong hình tướng; bên trong các Ngài, nhiều sự sống "sống, chuyển động và hiện hữu". Các Ngài là *linh hồn* bên trong các hình tướng được tập hợp lại để cấu thành một Hành Tinh Thượng Đế.

c. They are the Divine Manasaputras in their entirety.

c. Các Ngài là các Manasaputra thiêng liêng trong tính toàn vẹn của các Ngài.

157. When we study the Builders, we will also be studying the entirety of the deva kingdom, so closely related to the principle of Mind.

157. Khi nghiên cứu các Đấng Kiến Tạo, chúng ta cũng sẽ nghiên cứu toàn thể giới thiên thần, vốn liên hệ rất mật thiết với nguyên khí Trí Tuệ.

In the occult realisation of this lies hid the secret of the close relationship between man and the deva evolution,

Chính trong sự chứng nghiệm huyền bí này ẩn giấu bí mật của mối liên hệ mật thiết giữa con người và tiến hoá thiên thần,

158. A new way of understanding the relationship between man and the deva evolution is given.

158. Một cách mới để hiểu mối liên hệ giữa con người và tiến hoá thiên thần được đưa ra.

159. We remember how closely related are men and devas via their constitution of the chakras or centers of Heavenly Men.

159. Chúng ta nhớ con người và thiên thần liên hệ mật thiết đến mức nào qua việc họ cấu thành các luân xa hay các trung tâm của các Đấng Thiên Nhân.

man being the repository (through the Heavenly Man of Whose body he forms a part) **of the purpose of the Logos**,

con người là nơi lưu giữ (thông qua Đấng Thiên Nhân mà trong thân thể của Ngài y tạo thành một phần) **mục đích của Thượng đế**,

160. Man is related to *purpose*. Purpose is a blend of first and second ray energy. We might call purpose *intended pattern*; the intention relates to the first ray and pattern to the second.

160. Con người liên hệ với *mục đích*. Mục đích là sự pha trộn của năng lượng cung một và cung hai. Chúng ta có thể gọi mục đích là *mô hình được chủ ý*; sự chủ ý liên hệ với cung một và mô hình liên hệ với cung hai.

161. Man freely *wills* that this purpose be accomplished.

161. Con người tự do *ý chí* để mục đích này được hoàn thành.

and the devas in all their higher grades being the cohesive attractive factor which manipulates matter, and which moulds it into shape.

và **các thiên thần trong mọi cấp bậc cao hơn của họ** là **yếu tố kết dính hấp dẫn thao tác vật chất, và nắn nó thành hình.**

162. We note that we are speaking not of elemental and unconscious lives but of “devas in all their higher grades”.

162. Chúng ta lưu ý rằng ở đây chúng ta không nói đến các sự sống hành khí và vô thức mà nói đến “các thiên thần trong mọi cấp bậc cao hơn của họ”.

163. The cohesiveness and attractiveness of the deva kingdom relates it to the second ray; the manipulating and moulding to the third.

163. Tính kết dính và hấp dẫn của giới thiên thần liên hệ nó với cung hai; việc thao tác và nắn liên hệ với cung ba.

164. Here is simple tabulation relating the functions of men and devas within the Planetary Logos and relating those functions to the Rays of Aspect. [3]

164. Dưới đây là bảng đơn giản liên hệ các chức năng của con người và thiên thần bên trong Hành Tinh Thượng Đế và liên hệ các chức năng ấy với Các Cung Trạng Thái. [3]

Man	Devas
Purpose—R1	
Purpose—R2	Cohesiveness and Attractiveness—R2
	Manipulating and Moulding—R3

165. We can see that men and devas share the second aspect in common. We must remember that, in essence, the devas are a *feminine* evolution and man a *masculine.* The second and first rays are represented, respectively.

165. Chúng ta có thể thấy rằng con người và thiên thần cùng chia sẻ phương diện thứ hai. Chúng ta phải nhớ rằng, về bản chất, thiên thần là một tiến hoá *nữ tính* còn con người là *nam tính.* Cung hai và cung một lần lượt được biểu hiện.

166. There are, of course, ways in which the devas relate to the Law (the first aspect) and man, as the planner and manipulator, relates to the third aspect, but the major methods of relationship are offered in the chart.

166. Dĩ nhiên, có những cách mà thiên thần liên hệ với Định luật (phương diện thứ nhất) và con người, với tư cách kẻ hoạch định và thao tác, liên hệ với phương diện thứ ba, nhưng những phương thức liên hệ chính yếu được nêu trong biểu đồ.

The two are partners, indispensable to each other, and without the two working in close co-operation **this objective solar system would immediately disintegrate**,

Hai bên là những đối tác, không thể thiếu đối với nhau, và nếu không có sự hợp tác chặt chẽ của cả hai thì **hệ mặt trời khách thể này sẽ lập tức tan rã**,

167. There would be no purpose (man) and no coherent substantiation of that purpose (devas). It is the Grand Heavenly Man Who sounds the Word to which all devas respond, thereby holding the pattern inherent in the Word.

167. Sẽ không có mục đích (con người) và cũng không có sự hiện thực hóa nhất quán của mục đích ấy (thiên thần). Chính Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại xướng Linh từ mà mọi thiên thần đều đáp ứng, nhờ đó giữ vững mô hình vốn có trong Linh từ.

just as man's dense and etheric bodies disintegrate when the Spirit withdraws, and the Builders cease their work.

168. The analogy is clear; that which holds the Builders to their task is gone and the Builders no longer hold the form in coherency.

169. We may say that 'Spirit sustains coherency'. Without Spirit the magnetism which attracts all factors into coherency of relationship cannot be sustained.

170. The Builders which cease their work when Spirit withdraws are particularly those related to the second aspect of divinity —the 'forces of formal coherence'.

Three hierarchies in particular are concerned with objective manifestation in etheric matter, the fourth, or strictly human hierarchy, and the fifth and sixth or the deva hierarchies.

171. Here we are speaking of one unconscious deva hierarchy (the sixth) and one consciousness deva hierarchy (the fifth). There is a mystery connected with the Fifth Creative Hierarchy, and one aspect of it *may* be unconscious. Further penetration into this subject is required.

172. That which is *strictly* human is found in relation to the Fourth Creative Hierarchy. The other aspects of our nature provided by the fifth and sixth manifesting Creative Hierarchies are not the strictly human factor. The Fifth Creative Hierarchy provides a higher factor and the Sixth Creative Hierarchy a lower.

cũng như các thể đậm đặc và dĩ thái của con người tan rã khi tinh thần rút lui, và các Đấng Kiến Tạo ngừng công việc của họ.

168. Phép tương đồng thật rõ; điều giữ các Đấng Kiến Tạo trong nhiệm vụ của họ đã mất đi, và các Đấng Kiến Tạo không còn giữ hình tướng trong tính nhất quán nữa.

169. Chúng ta có thể nói rằng 'Tinh thần duy trì tính nhất quán'. Không có Tinh thần, từ điện thu hút mọi yếu tố vào tính nhất quán của mối liên hệ không thể được duy trì.

170. Các Đấng Kiến Tạo ngừng công việc khi tinh thần rút lui đặc biệt là những vị liên hệ với phương diện thứ hai của thiên tính—các 'mãnh lực của sự nhất quán hình tướng'.

Ba huyền giai đặc biệt liên hệ với sự biểu hiện khách thể trong vật chất dĩ thái, huyền giai thứ tư, hay huyền giai thuần túy nhân loại, và huyền giai thứ năm và thứ sáu hay các huyền giai thiên thần.

171. Ở đây chúng ta đang nói đến một huyền giai thiên thần vô thức (thứ sáu) và một huyền giai thiên thần có tâm thức (thứ năm). Có một huyền nhiệm gắn với Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm, và một phương diện của nó *có thể* là vô thức. Cần thâm nhập sâu hơn vào chủ đề này.

172. Điều gì *thuần túy* nhân loại được tìm thấy trong liên hệ với Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư. Những phương diện khác của bản chất chúng ta do các Huyền Giai Sáng Tạo biểu hiện thứ năm và thứ sáu cung cấp không phải là yếu tố thuần túy nhân loại. Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm cung cấp một yếu tố cao hơn và Huyền Giai Sáng Tạo thứ sáu một yếu tố thấp hơn.

173. This is another way of saying that the Monad within us is that which is strictly human.

173. Đây là một cách khác để nói rằng chân thần bên trong chúng ta là điều thuần túy nhân loại.

174. VSK offers: "Let's note the rays of the signs of these Creative Hierarchies. The fourth Human Hierarchy is ruled by Scorpio, and the *fourth* ray. The signs of the two devic hierarchies are *both* ruled by three rays – in addition to the *fifth* and *sixth* rays, respectively. Capricorn, by *one*, *three* and *seven*, and Sagittarius, by *four*, *five* and *six*".

174. VSK nêu: "Hãy lưu ý các cung của các dấu hiệu của những Huyền Giai Sáng Tạo này. Huyền Giai Nhân Loại thứ tư được cai quản bởi Hổ Cáp, và cung *bốn*. Các dấu hiệu của hai huyền giai thiên thần đều được cai quản *cả hai* bởi ba cung – ngoài cung *năm* và cung *sáu* tương ứng. Ma Kết bởi *một*, *ba* và *bảy*, còn Nhân Mã bởi *bốn*, *năm* và *sáu*".

175. These two Creative Hierarchies are ruled by the fifth and sixth rays respectively, because, in numerical order, they are the fifth and sixth Hierarchies. The obvious numerology reveals a relationship to the corresponding rays.

175. Hai Huyền Giai Sáng Tạo này được cai quản lần lượt bởi cung năm và cung sáu bởi vì, theo thứ tự số học, chúng là Huyền Giai thứ năm và thứ sáu. Số học hiển nhiên cho thấy một mối liên hệ với các cung tương ứng.

The **other hierarchies fulfill other purposes connected with the life of the Spirit in the higher forms in the cosmic ethers**,

Các huyền giai khác hoàn thành những mục đích khác liên hệ với sự sống của tinh thần trong các hình tướng cao hơn ở các dĩ thái vũ trụ,

176. The other Hierarchies fulfill purposes which are not so concerned with man the individualized being.

176. Các Huyền Giai khác hoàn thành những mục đích không liên hệ nhiều đến con người như một hữu thể đã biệt ngã hóa.

177. Spirit works in all forms, but on the higher cosmic ethers, Spirit works through "higher forms".

177. Tinh thần hoạt động trong mọi hình tướng, nhưng trên các dĩ thái vũ trụ cao hơn, tinh thần hoạt động qua "các hình tướng cao hơn".

178. We note that on "formless" or "arupa" levels there are still *forms*—though they are "higher forms".

178. Chúng ta lưu ý rằng trên các cấp độ "vô tướng" hay "arupa" vẫn còn có *các hình tướng* —dù đó là "các hình tướng cao hơn".

but in connection with our present subject these three hierarchies work on the lower levels of the cosmic physical plane the

nhưng liên hệ với chủ đề hiện tại của chúng ta, ba huyền giai này hoạt động trên các cấp độ thấp của cõi hồng trần vũ trụ mà các cõi

subplanes of which we call the mental, astral, and physical planes.

179. DK is focussing upon that which makes man (as he now is) identifiable as man. The numbers are four, five and six.

180. VSK states and queries: "Interesting comment, since the Human Hierarchy is associated with the fourth subplane of the cosmic physical, the buddhic. The first devic hierarchy, the fifth or Capricorn, with the mental, and the other devic hierarchy with Sagittarius and the astral. Why does DK refer to these three hierarchies as involved with the lowest three planes and, thus, not include the buddhic and yet includes the physical-etheric subplane? Is this inferring that the Hierarchy works on a subplane lower than its own?

181. May we say that man does not *yet* work upon the buddhic plane? He does so in a conscious, focussed and capable manner at the fourth initiation, at which time he is beginning to transcend the human kingdom as he no longer stands in need of incarnation on the lower three systemic planes..

When the five and the four are perfectly blended, we shall have achieved the nine of a major initiation,

182. This cannot mean the ninth initiation, because by that time the fifth Creative Hierarchy has long since returned to the Heart of the Sun or the Central Spiritual Sun.

183. The nine (connected as it is with the third ray) signals the taking of the *third* initiation, at which time we have soul infusion.

phụ của nó chúng ta gọi là cõi trí, cõi cảm dục, và cõi hồng trần.

179. Chân sư DK đang tập trung vào điều làm cho con người (như hiện nay) có thể được nhận diện là con người. Các con số là bốn, năm và sáu.

180. VSK phát biểu và nêu câu hỏi: "Lời bình thú vị, vì Huyền Giai Nhân Loại liên hệ với cõi phụ thứ tư của cõi hồng trần vũ trụ, tức cõi Bồ đề. Huyền giai thiên thần thứ nhất, tức huyền giai thứ năm hay Ma Kết, liên hệ với cõi trí, và huyền giai thiên thần kia với Nhân Mã và cõi cảm dục. Vì sao Chân sư DK nói ba huyền giai này liên hệ với ba cõi thấp nhất và do đó không bao gồm cõi Bồ đề, nhưng lại bao gồm cõi phụ hồng trần-dĩ thái? Có phải điều này hàm ý rằng Huyền Giai hoạt động trên một cõi phụ thấp hơn cõi riêng của nó không?

181. Có thể nói rằng con người *chưa* hoạt động trên cõi Bồ đề chăng? Y làm như vậy một cách hữu thức, tập trung và có năng lực ở lần điểm đạo thứ tư, lúc ấy y bắt đầu vượt lên trên giới nhân loại vì không còn cần lâm phàm trên ba cõi hệ thống thấp nữa..

Khi năm và bốn được hòa trộn hoàn toàn, chúng ta sẽ đạt được số chín của một cuộc điểm đạo lớn,

182. Điều này không thể có nghĩa là lần điểm đạo thứ chín, vì vào lúc đó Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm từ lâu đã trở về Tâm của Mặt Trời hay Mặt trời Tinh thần Trung Ương.

183. Số chín (vì nó liên hệ với cung ba) báo hiệu việc tiếp nhận lần điểm đạo thứ *ba*, vào lúc đó chúng ta có sự thấm nhuần của linh hồn.

184. From another perspective, however, the nine and the four are correlated, for the fourth Creative Hierarchy is numbered as both the fourth and the ninth.

184. Tuy nhiên, từ một góc nhìn khác, số chín và số bốn có tương quan với nhau, vì Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư được đánh số vừa là thứ tư vừa là thứ chín.

185. The words "perfectly blended" signal the number four—the "Corrector of the Form". That really perfect blending does not occur until the fourth initiation at which time the members of the fourth Creative Hierarchy are liberated onto the fourth or buddhic plane—the plane especially related to this fourth Hierarchy.

185. Các từ "được hòa trộn hoàn toàn" báo hiệu con số bốn—"Đấng Điều Chỉnh của Hình Tướng". Sự hòa trộn thật sự hoàn hảo ấy không xảy ra cho đến lần điểm đạo thứ tư, lúc đó các thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư được giải thoát lên cõi thứ tư hay cõi Bồ đề—cõi đặc biệt liên hệ với Huyền Giai thứ tư này.

186. Thus, the "major initiation" here referenced is more likely the fourth than the third.

186. Vì vậy, "cuộc điểm đạo lớn" được nhắc đến ở đây có lẽ là lần thứ tư hơn là lần thứ ba.

and when the six is added **we shall have the resolution into one of the groups embodied by a Kumara, as has been hinted earlier.**

và khi số sáu được thêm vào **chúng ta sẽ có sự phân giải vào một trong những nhóm được hiện thân bởi một Kumara, như đã được ám chỉ trước đây.**

187. From one perspective, these "groups" can be considered the major Ashrams.

187. Từ một góc nhìn, những "nhóm" này có thể được xem là các ashram chính.

188. 4. + 5. + 6. = 15. As there are one hundred five Kumaras to be reckoned with, fifteen divides into one hundred five seven times. These are the seven Ashrams which the Kumaras inspire *monadically.*

188. 4. + 5. + 6. = 15. Vì có một trăm lẻ năm Kumara cần được tính đến, mười lăm chia vào một trăm lẻ năm được bảy lần. Đây là bảy ashram mà các Kumara truyền cảm hứng *một cách chân thần.*

189. Can we also consider that the groups of Monads upon the monadic plane are "embodied by a Kumara"? From the Chart V on TCF 344, we may infer that there are seven monadic groupings on the systemic monadic plane as well as on the cosmic monadic plane.

189. Chúng ta cũng có thể xem rằng các nhóm chân thần trên cõi chân thần được "nhập thể bởi một Kumara" chăng? Từ Biểu đồ V trong Luận về Lửa Vũ Trụ, tr. 344, chúng ta có thể suy ra rằng có bảy nhóm chân thần trên cõi chân thần hệ thống cũng như trên cõi chân thần vũ trụ.

190. When we speak of the "six" which is to be added, are we speaking of the Sixth

190. Khi chúng ta nói đến "sáu" sẽ được thêm vào, phải chăng chúng ta đang nói đến

Creative Hierarchy or of a group related to the sixth (or monadic) plane? Adding the "six" may not simply be a question of adding the Creative Hierarchy of Lunar Lords to the combination of the Fourth and Fifth Creative Hierarchy, but, rather, *adding the Monad*—the Monad being correlated with a higher "six".

Huyền Giai Sáng Tạo thứ sáu hay một nhóm liên hệ với cõi thứ sáu (hay cõi chân thần)? Việc thêm "sáu" có thể không chỉ đơn giản là thêm Huyền Giai Sáng Tạo của các nguyệt tinh quân vào sự kết hợp của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư và thứ năm, mà đúng hơn là, *thêm chân thần*—chân thần tương quan với một "sáu" cao hơn.

191. Of course, we no longer have one hundred and five Kumaras, strictly speaking, because Their places have been taken by members of the human family who cannot possibly have reached the spiritual status of a Kumara—yet.

191. Dĩ nhiên, nói cho thật chính xác, chúng ta không còn một trăm lẻ năm Kumara nữa, bởi vì chỗ của Các Ngài đã được thay bởi những thành viên của gia đình nhân loại, những người ấy hẳn chưa thể đạt đến địa vị tinh thần của một Kumara—vào lúc này.

192. Some Kumaras remain—at least seven: Sanat Kumara, the three Buddhas of Activity and also the three Esoteric Kumaras.

192. Một số Kumara vẫn còn—ít nhất là bảy vị: Đức Sanat Kumara, ba Đức Phật Hoạt Động và cả ba Kumara Nội Môn.

193. These seven *may* be considered the Embodiers of the seven Ashrams. They will be assisted, by the seven Spirits before the Throne. In a higher way, each of these seven may be considered an Embodier of one of the seven monadic groups on the monadic plane.

193. Bảy vị này *có thể* được xem là các Đấng Nhập Thể của bảy ashram. Các Ngài sẽ được trợ giúp bởi Bảy Thánh Linh trước Thánh Ngai. Theo một cách cao hơn, mỗi vị trong bảy vị này có thể được xem là một Đấng Nhập Thể của một trong bảy nhóm chân thần trên cõi chân thần.

194. Taking the seven intra-planetary Kumaras and the "Seven Spirits before the Throne", we arrive at the fourteen greater and lesser which are, it would seem, planetary reflections of the Great Bear and Little Bear.

194. Lấy bảy Kumara nội hành tinh và "Bảy Thánh Linh trước Thánh Ngai", chúng ta đạt đến mười bốn đấng lớn và nhỏ, dường như là những phản chiếu hành tinh của Đại Hùng và Tiểu Hùng.

195. One way of reaching twenty-one is to add the Seven Planetary Sons of Fohat to the Ray Lords and the Kumaras. Can the Seven Kumaras be considered the "Seven Spirits of Darkness", to which DK alludes in a most veiled manner?

195. Một cách để đạt đến hai mươi mốt là cộng Bảy Con Hành Tinh của Fohat vào các Đấng Chúa Tể Cung và các Kumara. Có thể xem Bảy Kumara là "Bảy Thánh Linh của Bóng Tối" mà Chân sư DK ám chỉ theo một cách hết sức kín đáo chăng?

196. Speculatively a fifteen is made of two sevens and a one. May we be dealing with a septenate at the ashramic level; a septenate at the monadic level; and a 'kumaric' one (from logoic levels). This is one way that the fifteen could be constituted.

196. Theo suy đoán, một số mười lăm được tạo thành từ hai số bảy và một số một. Phải chăng chúng ta đang bàn đến một bộ bảy ở cấp độ ashram; một bộ bảy ở cấp độ chân thần; và một số một "kumaric" (từ các cấp độ logoic). Đây là một cách mà số mười lăm có thể được cấu thành.

197. From another perspective, if we add the Ashramic Seven to the 'Monadic Seven' to the Kumaric Seven, we reach twenty-one, which may be presided over by the Planetary Logos which makes twenty-two.

197. Từ một góc nhìn khác, nếu chúng ta cộng Bảy ashram với "Bảy Chân Thần" và với Bảy Kumaric, chúng ta đạt đến hai mươi mốt, và có thể được Đức Hành Tinh Thượng Đế chủ trì, thành ra hai mươi hai.

198. Within our planetary system there are number of systems of seven (septenates) and there are numerous ways of combining such septenates. Some septenates to be considered (simply within the manifestation of our Planetary Logos) are as follows:

198. Trong hệ hành tinh của chúng ta có một số hệ thống của bảy (các bộ bảy) và có rất nhiều cách kết hợp những bộ bảy như thế. Một số bộ bảy cần được xét đến (chỉ trong phạm vi biểu hiện của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta) như sau:

a. Seven Scheme Kumaras

a. Bảy Kumara của hệ hành tinh

b. Seven Spirits of Darkness (are They the same as Scheme Kumaras?)

b. Bảy Thánh Linh của Bóng Tối (Các Ngài có phải là cùng một nhóm với các Kumara của hệ hành tinh không?)

c. Seven Ray Lords (at the scheme level, but also with Their reflections on the seven chains and on the seven globes of each chain)

c. Bảy Đấng Chúa Tể Cung (ở cấp độ hệ hành tinh, nhưng cũng với các phản chiếu của Các Ngài trên bảy dãy và trên bảy bầu hành tinh của mỗi dãy)

d. Seven Groupings of Chain Manus (each grouping containing fourteen)

d. Bảy nhóm Đức Manu của các dãy (mỗi nhóm gồm mười bốn vị)

e. Scheme Monadic Groupings

e. Các nhóm chân thần của hệ hành tinh

f. Chain Lords

f. Các Chúa Tể của Dãy

g. Chain Kumaras

g. Các Kumara của Dãy

h. Ray Lords reflected in a Chain

h. Các Đấng Chúa Tể Cung được phản chiếu trong một Dãy

i. Chain Monadic Groupings

i. Các nhóm chân thần của Dãy

j Chain Masters

j Các Chân sư của Dãy

k. Chain Ashrams

k. Các ashram của Dãy

l Globe Lords

l Các Chúa Tể của bầu hành tinh

m. Globe Kumaras

m. Các Kumara của bầu hành tinh

n. Ray Lords reflected on a Globe

n. Các Đấng Chúa Tể Cung được phản chiếu trên một bầu hành tinh

o. Globe Monadic Groupings

o. Các nhóm chân thần của bầu hành tinh

p. Globe Masters

p. Các Chân sư của bầu hành tinh

q. Globe Ashrams

q. Các ashram của bầu hành tinh

199. Not all possible septenates have been mentioned, but enough suggested so one can sense the rather large number of potential septenates. How we consider relationships between these septenates will disclose a number of significant planetary processes.

199. Không phải mọi bộ bảy khả hữu đều đã được nêu ra, nhưng đã gợi ý đủ để người ta có thể cảm nhận số lượng khá lớn những bộ bảy tiềm năng. Cách chúng ta xem xét các mối liên hệ giữa những bộ bảy này sẽ làm lộ ra một số tiến trình hành tinh quan trọng.

[Page 399] This marks the resolution of the six-pointed star finally into the five-pointed star;

[Page 399] **Điều này đánh dấu sự phân giải của ngôi sao sáu cánh cuối cùng thành ngôi sao năm cánh**;

200. In this case all aspects of form are symbolized by the six-pointed star. The seven of the Ashram are, relatively, form. The seven of the monadic plane are also (relatively and archetypally) form. The Kumara to be found upon the logoic plane,

200. Trong trường hợp này, mọi phương diện của hình tướng được biểu tượng hóa bằng ngôi sao sáu cánh. Bảy của ashram, tương đối mà nói, là hình tướng. Bảy của cõi chân thần cũng vậy (một cách tương đối và nguyên mẫu) là hình tướng. Kumara được

is, with the Lord of the World, the five-pointed star.

201. The five-pointed star is related closely to Sanat Kumara as the One Initiator. From another perspective, the Planetary Logos is the five-pointed star.

202. Disregarding chain and globe differentiations, there are four of the septenates which, when related, yield an important twenty eight. Two of them pertain to the Spiritual Hierarchy and two to Shamballa.

a. The seven of the Ashram

b. The seven to be found upon the monadic plane. Each monadic circle (cf. Chart V TCF 344) contains seven constituents.

c. The seven of the "Seven Spirits before the Throne"

d. And the seven Kumaras

203. If we check the reference from R&I 141-142, we shall see that the Seven Ray Lords (the “Radiant Seven”) are different from the Seven Kumaras (the “Buddhas of Activity” and the “Supernal Three”).

204. We shall see that DK has lifted only slightly the veil concealing the complexity of the inner constitution of our planet.

this is a great mystery, and concerns primarily the Heavenly Man of our scheme, and only incidentally the groups within His body of etheric manifestation.

tìm thấy trên cõi logoic, cùng với Đức Chúa Tể Thế Giới, là ngôi sao năm cánh.

201. Ngôi sao năm cánh liên hệ mật thiết với Đức Sanat Kumara như Đấng Điểm đạo Duy Nhất. Từ một góc nhìn khác, Đức Hành Tinh Thượng Đế là ngôi sao năm cánh.

202. Bỏ qua các biến phân của dãy và bầu hành tinh, có bốn bộ bảy mà khi được liên hệ với nhau sẽ cho ra một số hai mươi tám quan trọng. Hai trong số đó thuộc về Thánh đoàn tinh thần và hai thuộc về Shamballa.

a. Bảy của ashram

b. Bảy được tìm thấy trên cõi chân thần. Mỗi vòng tròn chân thần (x. Biểu đồ V, Luận về Lửa Vũ Trụ, tr. 344) chứa bảy thành phần.

c. Bảy của “Bảy Thánh Linh trước Thánh Ngai”

d. Và bảy Kumara

203. Nếu chúng ta kiểm tra đoạn tham chiếu từ R&I 141-142, chúng ta sẽ thấy rằng Bảy Đấng Chúa Tể Cung (“Bảy Đấng Rạng Ngời”) khác với Bảy Kumara (“các Đức Phật Hoạt Động” và “Ba Đấng Thiên Thượng”).

204. Chúng ta sẽ thấy rằng Chân sư DK chỉ mới vén lên rất nhẹ bức màn che giấu tính phức tạp của cấu tạo nội tại của hành tinh chúng ta.

đây là một huyền nhiệm lớn lao, và chủ yếu liên quan đến Đấng Thiên Nhân của hệ hành tinh chúng ta, và chỉ phụ thuộc thứ yếu đến các nhóm bên trong thể biểu hiện dĩ thái của Ngài.

205. To understand the groups within the Heavenly Man's etheric body of manifestation we have to decide *which* ethers are meant.

205. Để hiểu các nhóm bên trong thể dĩ thái biểu hiện của Đấng Thiên Nhân, chúng ta phải quyết định rằng những dĩ thái nào là điều được hàm ý.

a. Lower forms of life are manifesting through the systemic ethers

a. Các hình thái sự sống thấp hơn đang biểu hiện qua các dĩ thái hệ thống

b. Beings who are relatively accomplished when compared to man and are manifesting through the cosmic ethers.

b. Các Hữu thể tương đối thành tựu khi so với con người và đang biểu hiện qua các dĩ thái vũ trụ.

206. VSK offer: "When DK refers to the five and the four, we assume He referring to the Capricorn and Scorpio Hierarchies, the buddhic and mental subplanes, yet how do we resolve the relationship of the mental and astral as the subplanes involved?"

206. VSK nêu: "Khi Chân sư DK nói đến số năm và số bốn, chúng tôi giả định rằng Ngài đang nói đến các Huyền Giai Ma Kết và Hổ Cáp, các cõi phụ Bồ đề và trí tuệ, nhưng làm sao chúng ta giải quyết mối liên hệ của cõi trí và cõi cảm dục như là các cõi phụ có liên quan?"

207. May it be suggested that the resolution to the problem lies in distinguishing between the plane on which the members of the Fourth Creative Hierarchy are *eventually meant* to express and the planes on which they *presently* express?

207. Có thể gợi ý rằng lời giải cho vấn đề nằm ở chỗ phân biệt giữa cõi mà các thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư *rốt cuộc được dự định* sẽ biểu lộ trên đó và các cõi mà hiện nay họ *đang* biểu lộ?

208. There is a lower fifteen and a higher. When expression through the Lunar Lords (the six) is added to the four and the five, we arrive at the fifteen which represents the present form of man's expression.

208. Có một số mười lăm thấp hơn và một số cao hơn. Khi sự biểu lộ qua các nguyệt tinh quân (số sáu) được thêm vào số bốn và số năm, chúng ta đạt đến số mười lăm biểu trưng cho hình thức biểu lộ hiện tại của con người.

209. When we drop the Lunar Lords and add the six of related to the monadic plane, we arrive at a higher expression of fifteen. There is also another way of adding a higher six (as suggested below). It is very unlikely that the six to be added is the six of the Lunar Lords, especially as the process arrived at through adding the six is a process

209. Khi chúng ta bỏ các nguyệt tinh quân đi và thêm số sáu liên hệ với cõi chân thần, chúng ta đạt đến một biểu lộ cao hơn của số mười lăm. Cũng còn một cách khác để thêm một số sáu cao hơn (như được gợi ý bên dưới). Rất khó có khả năng số sáu được thêm vào là số sáu của các nguyệt tinh quân, nhất là vì tiến trình đạt được bằng cách thêm số sáu là một tiến trình *cao hơn* tiến trình liên

higher than that which concerns the perfect blending of the four and the five.

210. We must remember that even after the lower six (Lunar Lords) are dropped, and the causal body destroyed, man can *still manifest as a five* on triadal levels (as the spiritual triad is the true soul) and the man liberated from the causal body is still more potently a member of the *fifth* kingdom than he was while confined within the causal body.

211. Interestingly, if one adds the following numbers together—numbers representative of the Creative Hierarchies, we can also arrive at a higher fifteen:

a. The Fifth Creative Hierarchy—a five

b. The Fourth Creative Hierarchy—a four

c. The Third Creative Hierarchy—a three

d. The Second Creative Hierarchy—a two

e. The First Creative Hierarchy—a one

212. The sum is *fifteen.*

213. The Lunar Lords are a lower six and the three Creative Hierarchies superior to the Fourth Creative Hierarchy are (in sum) a higher six.

214. Is it reasonable to think that the intra-planetary Ray Lords are particularly focussed on the second systemic (or

quan đến sự hòa trộn hoàn hảo của số bốn và số năm.

210. Chúng ta phải nhớ rằng ngay cả sau khi số sáu thấp hơn (các nguyệt tinh quân) bị loại bỏ, và thể nguyên nhân bị hủy diệt, con người *vẫn có thể biểu hiện như một số năm* trên các cấp độ tam nguyên tinh thần (vì Tam Nguyên Tinh Thần là linh hồn đích thực) và con người được giải thoát khỏi thể nguyên nhân vẫn còn là một thành viên mạnh mẽ hơn của *giới thứ năm* so với khi còn bị giam trong thể nguyên nhân.

211. Điều thú vị là, nếu người ta cộng các con số sau đây lại với nhau—những con số đại diện cho các Huyền Giai Sáng Tạo—chúng ta cũng có thể đạt đến một số mười lăm cao hơn:

a. Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm—một số năm

b. Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư—một số bốn

c. Huyền Giai Sáng Tạo thứ ba—một số ba

d. Huyền Giai Sáng Tạo thứ hai—một số hai

e. Huyền Giai Sáng Tạo thứ nhất—một số một

212. Tổng số là *mười lăm.*

213. Các nguyệt tinh quân là một số sáu thấp hơn và ba Huyền Giai Sáng Tạo cao hơn Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư là (tính chung) một số sáu cao hơn.

214. Có hợp lý chăng khi nghĩ rằng các Đấng Chúa Tể Cung nội hành tinh đặc biệt tập trung trên cõi hệ thống thứ hai (hay cõi chân

monadic) plane and the intra-planetary Kumaras on the first (or logoic) plane? The answer to this question pertains to the structure of Shamballa.

thần) và các Kumara nội hành tinh trên cõi thứ nhất (hay cõi logoic)? Câu trả lời cho câu hỏi này liên quan đến cấu trúc của Shamballa.

215. We are into a most mysterious area of inquiry, and can only lay out a few possibilities.

215. Chúng ta đang đi vào một lĩnh vực khảo cứu hết sức huyền nhiệm, và chỉ có thể trình bày một vài khả năng.

It will, therefore, be apparent that if all manifestation is the embodiment in *form* of a cosmic conception,

Do đó, sẽ rõ ràng rằng nếu mọi biểu hiện là sự nhập thể trong *hình tướng* của một quan niệm vũ trụ,

216. As we remember, formulated on the atomic level of the cosmic mental plane…

216. Như chúng ta nhớ, được hình thành trên cấp độ nguyên tử của cõi trí vũ trụ…

and the working out of it in concrete shape,

và sự triển khai của nó thành hình dạng cụ thể,

217. Via the concrete mind…

217. Qua trí cụ thể…

manas or intelligence is a basic factor of the process and the means whereby the link is made between the abstract and the concrete.

manas hay trí tuệ là một yếu tố căn bản của tiến trình và là phương tiện nhờ đó mối liên kết được tạo ra giữa trừu tượng và cụ thể.

218. Here is yet another definition of manas emphasizing its magnetic, linking quality. In this case, manas is to be correlated with solar fire. We are speaking of manas in its *second* aspect (of which three are major).

218. Đây là một định nghĩa khác nữa về manas, nhấn mạnh phẩm tính từ tính và liên kết của nó. Trong trường hợp này, manas phải được tương quan với Lửa Thái dương. Chúng ta đang nói về manas trong phương diện *thứ hai* của nó (trong đó có ba phương diện chính).

219. When looking at the sevenfold differentiation of manas:

219. Khi xem xét sự biến phân thất phân của manas:

a. The lower four sub-planes (systemic or cosmic) pertain to manasic fire by friction

a. Bốn cõi phụ thấp hơn (hệ thống hay vũ trụ) liên hệ với lửa ma sát manas

b. The highest sub-plane (systemic or cosmic) pertains to manasic electric fire

b. Cõi phụ cao nhất (hệ thống hay vũ trụ) liên hệ với lửa điện manas

c. The second and third sub-planes (systemic and cosmic) pertain to manasic solar fire.

c. Cõi phụ thứ hai và thứ ba (hệ thống và vũ trụ) liên hệ với lửa thái dương manas.

220. It is fairly easy to understand the first three aspects of manas:

220. Khá dễ để hiểu ba phương diện đầu tiên của manas:

a. Manas as will intelligently expressed

a. Manas như ý chí được biểu lộ một cách thông tuệ

b. Manas as the linking, cohesive factor —"The Great Connector" (EP I 77)

b. Manas như yếu tố liên kết, kết dính —"Đấng Đại Kết Nối" (EP I 77)

c. Manas as the capacity for intelligent arrangement—manipulation and moulding as divine necessities.

c. Manas như năng lực sắp xếp một cách thông tuệ—thao tác và uốn nắn như những tất yếu thiêng liêng.

This is already realised to be true in connection with man, and it is equally true of cosmic entities.

Điều này đã được chứng nghiệm là đúng liên hệ với con người, và cũng đúng như vậy đối với các Thực Thể vũ trụ.

221. Is it true that Entities greater than man have both a manasic permanent atom and a mental unit? It seems to be the case in connection with the Earth-scheme.

221. Có đúng chăng rằng các Thực Thể lớn hơn con người có cả một nguyên tử trường tồn manas lẫn một đơn vị hạ trí? Dường như là như vậy trong liên hệ với hệ Địa Cầu.

222. A link between the abstract and concrete must be made; to unite these two centers on the mental plane is the first step towards living the life of the Spirit.

222. Một mối liên kết giữa trừu tượng và cụ thể phải được tạo ra; hợp nhất hai trung tâm này trên cõi trí là bước đầu tiên hướng tới việc sống đời sống của tinh thần.

As man progresses towards the heart of the mystery he awakens to a realisation that **the aim of evolution for him is to build consciously the channel between the levels which are to him the planes of the abstract or of the ideal, and the concrete ones** whereon he normally functions.

Khi con người tiến về trung tâm của huyền nhiệm, y thức tỉnh đến một sự chứng nghiệm rằng **mục tiêu của tiến hoá đối với y là xây dựng một cách hữu thức chiếc kênh giữa các cấp độ vốn đối với y là những cõi của trừu tượng hay của lý tưởng, và những cõi cụ thể** nơi y thường hoạt động.

223. The abstract and the ideal are to be equated; this is not surprising. The third ray is the ray of *abstract* mind. The sixth ray is the ray of *abstract* idealism. DK tells us that

223. Trừu tượng và lý tưởng phải được đồng nhất; điều này không có gì đáng ngạc nhiên. Cung ba là cung của trí trừu tượng. Cung sáu là cung của chủ nghĩa lý tưởng *trừu tượng*.

these two rays (the third and sixth) are intimately related.

Chân sư DK cho chúng ta biết rằng hai cung này (cung ba và cung sáu) liên hệ mật thiết với nhau.

224. It may be that this gap to be bridged exists in the case of all self-conscious entities. When there is no intervention of Solar Angels the process is both slow and natural. When intervention exists the method of building the antahkarana is offered.

224. Có thể khoảng cách cần được bắt cầu này tồn tại trong trường hợp của mọi thực thể có ngã thức. Khi không có sự can thiệp của các Thái dương Thiên Thần, tiến trình vừa chậm vừa tự nhiên. Khi có sự can thiệp, phương pháp xây dựng antahkarana được đưa ra.

This connecting channel has been inadequately called, and is literally "THE PATH" itself. He builds it:

Kênh nối kết này đã được gọi một cách chưa đầy đủ, và theo nghĩa đen chính là "CON ĐƯỜNG". Y xây dựng nó:

225. The "Path" is not simply a symbol; it is a bridge of substance, at first mental, connecting the lower and the higher worlds.

225. "Con Đường" không chỉ đơn giản là một biểu tượng; nó là một cây cầu bằng chất liệu, lúc đầu là trí tuệ, nối kết các thế giới thấp hơn và cao hơn.

226. It is often in occultism that that which at first seems to be merely symbolical, turns out to be a *literal* description.

226. Trong huyền bí học thường xảy ra rằng điều thoạt tiên dường như chỉ mang tính biểu tượng, rốt cuộc lại là một mô tả *theo nghĩa đen*.

227. The "Path" is a *bridge of resonance* through substances of different vibratory frequencies. Energy is transmitted 'across' the 'bridge' via resonant relationships.

227. "Con Đường" là một *cây cầu cộng hưởng* xuyên qua các chất liệu có tần số rung động khác nhau. Năng lượng được truyền "qua" "cây cầu" nhờ các mối liên hệ cộng hưởng.

.....By means of the manasic principle consciously applied.

.....Bằng nguyên khí manas được áp dụng một cách hữu thức.

228. Through manas one can enter higher worlds. The many Mercurian *links,* produce, at length, the bridge. That which begins as intellectual cognition ends as factual realization.

228. Qua manas, người ta có thể đi vào các thế giới cao hơn. Nhiều *mối nối kết* thuộc Sao Thủy, cuối cùng tạo ra cây cầu. Điều khởi đầu như sự nhận biết trí tuệ kết thúc như sự chứng nghiệm thực tế.

229. The building of the antahkarana is a conscious redirection of the manasic principle.

..... By the process of transcending the karmic limitations of the three lower planes.

230. The limitations prevent the construction of those structures which facilitate the passage of energy through the principle of resonance. Useful structures can be built once there is the *freedom* to build them and the knowledge of *how* the building is to be accomplished.

231. Unfulfilled karma prevents the freedom in which to work upon new ventures and the acquisition of the knowledge needed.

..... Through the method of dominating matter, or the Personality, considering it as the Not-Self.

232. This domination will end the preoccupation of consciousness with factors which prevent the resonance from being established and utilized. If one is totally engaged with matter, one cannot engage oneself with soul and Spirit.

233. We see the close connection of the "Personality" with the matter aspect of divinity.

..... **Through the expansion of his consciousness through graded steps until it includes the planes he seeks to reach,** and thereby demonstrating the truth of the statement that **in order to tread the Path he must become that Path itself**, and the accuracy of the occult truth that **the antaskarana is itself but illusion**. Ponder on

229. Việc xây dựng antahkarana là một sự chuyển hướng hữu thức của nguyên khí manas.

.....Bằng tiến trình vượt qua các giới hạn nghiệp quả của ba cõi thấp.

230. Những giới hạn ấy ngăn cản việc kiến tạo các cấu trúc tạo điều kiện cho năng lượng đi qua theo nguyên lý cộng hưởng. Các cấu trúc hữu ích có thể được xây dựng một khi có *sự tự do* để xây dựng chúng và có tri thức về *cách* việc xây dựng phải được hoàn thành.

231. Nghiệp quả chưa hoàn tất ngăn cản sự tự do để làm việc trên những công cuộc mới và ngăn cản việc đạt được tri thức cần thiết.

.....Qua phương pháp chế ngự vật chất, hay phàm ngã, khi xem nó là Phi-Ngã.

232. Sự chế ngự này sẽ chấm dứt sự bận tâm của tâm thức đối với những yếu tố ngăn cản việc thiết lập và sử dụng cộng hưởng. Nếu người ta hoàn toàn bị cuốn vào vật chất, người ta không thể dấn mình vào linh hồn và tinh thần.

233. Chúng ta thấy mối liên hệ chặt chẽ của "Phàm ngã" với phương diện vật chất của thiên tính.

.....**Qua sự mở rộng tâm thức của y theo những bước tuần tự cho đến khi nó bao gồm các cõi mà y tìm cách đạt tới,** và nhờ đó chứng minh chân lý của phát biểu rằng **để bước đi trên Con Đường, y phải trở thành chính Con Đường ấy**, và tính chính xác của chân lý huyền bí rằng **chính antaskarana tự nó chỉ là ảo tưởng**. Hãy suy ngẫm điều này,

this, for it carries illumination for those who have eyes to see.

234. Consciousness engages progressively with matter ever subtler and more rapid in its vibration. Each such upward engagement opens new vibrational vistas.

235. We are given one of the most notable truisms in occultism: "in order to tread the Path [one] must become that Path itself". The "Path" is part of one's nature; it is inherent in what one is. One "Path" connecting the highest and lowest aspects of man—the sutratma—*already* exists. It is the "life thread". The thread of consciousness, however, is incomplete must be built to completion, and when it *is* built, it becomes part of one's internal, occult anatomy.

236. The antahkarana (as usually pictured) is but an illusion. Really, it is a resonant condition in matter allowing free passage of energy and consciousness.

237. From another perspective, it is not necessary to bridge to one's essence (Monad). One *already is* that to which one proposed to bridge. We build our way back to that which we essentially are and to a dimension in which we are *already* consciously focussed! When this occurs, we realize that essence needs no bridge to connect to essence.

238. The definition of the word "illusion" must be carefully considered. It is not, necessarily, that illusion does not *actually* exist, but that its existence derivative from

vì nó mang lại sự soi sáng cho những ai có mắt để thấy.

234. Tâm thức dần dần dấn vào vật chất ngày càng vi tế hơn và rung động nhanh hơn. Mỗi sự dấn lên cao như thế mở ra những viễn cảnh rung động mới.

235. Chúng ta được trao cho một trong những chân lý hiển nhiên đáng chú ý nhất trong huyền bí học: "để bước đi trên Con Đường [người ta] phải trở thành chính Con Đường ấy". "Con Đường" là một phần của bản chất con người; nó vốn có trong chính điều người ta là. Một "Con Đường" nối kết các phương diện cao nhất và thấp nhất của con người—sutratma—*đã* hiện hữu. Đó là "sợi dây sự sống". Tuy nhiên, Sợi dây Tâm thức thì chưa hoàn chỉnh, phải được xây dựng cho đến hoàn tất, và khi nó *được* xây dựng xong, nó trở thành một phần của giải phẫu nội tại, huyền bí của con người.

236. Antahkarana (như thường được hình dung) chỉ là một ảo tưởng. Thực ra, nó là một trạng thái cộng hưởng trong vật chất cho phép năng lượng và tâm thức đi qua tự do.

237. Từ một góc nhìn khác, không cần phải bắt cầu đến bản chất cốt yếu của mình (chân thần). Người ta *vốn đã là* điều mà mình dự định bắt cầu đến. Chúng ta xây dựng con đường quay trở về với điều mà về bản chất chúng ta là, và với một chiều kích trong đó chúng ta *đã* tập trung hữu thức rồi! Khi điều này xảy ra, chúng ta nhận ra rằng bản chất cốt yếu không cần cây cầu nào để nối với bản chất cốt yếu.

238. Định nghĩa của từ "ảo tưởng" phải được xem xét cẩn thận. Không nhất thiết là ảo tưởng không *thật sự* tồn tại, mà là sự tồn tại của nó có tính phái sinh từ điều *thực sự* tồn

that which *truly* exists; as well, illusion is impermanent in its existence. The entire Universe is the Great Maya and illusory. The Universe exists but is both unreal (in the *absolute* sense) and impermanent. The true existence substanding that which is illusory is not the same as its *seeming* existence.

tại; đồng thời, ảo tưởng là vô thường trong sự tồn tại của nó. Toàn thể Vũ Trụ là Đại Ảo Lực và có tính ảo tưởng. Vũ Trụ tồn tại nhưng vừa không thực (theo nghĩa *tuyệt đối*) vừa vô thường. Sự tồn tại chân thực nâng đỡ điều có tính ảo tưởng không giống với sự tồn tại *biểu kiến* của nó.

In the process of treading that Path and of achieving the goal, man is resolved into the five-pointed star, finally into the triangle of Spirit.

Trong tiến trình bước đi trên Con Đường ấy và đạt đến mục tiêu, con người được phân giải thành ngôi sao năm cánh, và cuối cùng thành tam giác của tinh thần.

239. We can understand the progression of geometrical symbols as follows:

239. Chúng ta có thể hiểu sự tiến triển của các biểu tượng hình học như sau:

a. The six-pointed star is the star of form and is the symbol of the deva evolution and, specifically (on the lower turn of the spiral) of the Sixth Creative Hierarchy.

a. Ngôi sao sáu cánh là ngôi sao của hình tướng và là biểu tượng của tiến hoá thiên thần, và cụ thể (trên vòng xoắn thấp hơn) của Huyền Giai Sáng Tạo thứ sáu.

b. The five-pointed star is star of soul and is the symbol of the Higher Self (of that which man must become when he has absorbed the teaching and 'in-form-ation' of the Solar Angels—who also represent the number *five*). The man who has become a five is no longer strictly human but has entered the fifth kingdom of nature.

b. Ngôi sao năm cánh là ngôi sao của linh hồn và là biểu tượng của Bản Ngã Cao Siêu (của điều mà con người phải trở thành khi y đã hấp thu giáo huấn và "thông-tin-ation" của các Thái dương Thiên Thần—những Đấng cũng đại diện cho con số *năm*). Con người đã trở thành một số năm thì không còn hoàn toàn là con người nữa mà đã bước vào giới thứ năm của bản chất.

c. The triangle is the symbol of the spiritual triad—of the higher trinity of essential divine energies—Will, Love and Intelligence. By becoming a triangle, one becomes a *true* soul (or spiritual triad) and is able to express the Spirit, Monad or "Father in Heaven".

c. Tam giác là biểu tượng của Tam Nguyên Tinh Thần—của tam vị cao hơn của các năng lượng thiêng liêng cốt yếu—Ý Chí, Bác ái và Trí tuệ. Bằng cách trở thành một tam giác, người ta trở thành một *linh hồn* đích thực (hay Tam Nguyên Tinh Thần) và có thể biểu lộ tinh thần, chân thần hay "Đức Cha trên Trời".

d. It is debatable whether we should consider the realm of the spiritual triad as a five (because it represents the true soul and

d. Có thể tranh luận liệu chúng ta nên xem cõi của Tam Nguyên Tinh Thần như một số năm (vì nó đại diện cho linh hồn đích thực

the Kingdom of the Soul) or as a *three* (because it is a *triad*).

e. The Spirit also is threefold—Will, Wisdom and Activity, so that man who has become the triangle has also become his Spirit-Self.

f. From another perspective, the Spirit is the point or the one. On that level of divine expression three are one and one is three.

g. One way of looking at the progression here discussed is:

i. From the six-pointed star representing man as expressing in the eighteen lower worlds of form—the eighteen lower sub-planes.

ii. To the five-pointed star representing man as soul—first within the causal body, and then upon the planes of the spiritual triad

iii. To the four-pointed star (discussed below) which precedes man's ability to become a conscious Spirit.

iv. Into the threefold Monad (Will, Wisdom and Activity)

v. Finally, into the point which represents pure being at the heart of the Monad.

240. The foregoing is only one way to consider the possible geometrical progression.

241. Some of the principal questions to be answered are:

và Vương Quốc của Linh Hồn) hay như một số *ba* (vì nó là một *tam nguyên tinh thần*).

e. Tinh thần cũng là tam phân—Ý Chí, Minh triết và Hoạt động, để con người đã trở thành tam giác cũng đã trở thành Tinh Thần-Ngã của mình.

f. Từ một góc nhìn khác, tinh thần là điểm hay số một. Trên cấp độ biểu lộ thiêng liêng ấy, ba là một và một là ba.

g. Một cách để nhìn sự tiến triển được bàn ở đây là:

i. Từ ngôi sao sáu cánh biểu trưng cho con người khi biểu lộ trong mười tám thế giới thấp hơn của hình tướng—mười tám cõi phụ thấp hơn.

ii. Đến ngôi sao năm cánh biểu trưng cho con người như linh hồn—trước hết trong thể nguyên nhân, rồi sau đó trên các cõi của Tam Nguyên Tinh Thần

iii. Đến ngôi sao bốn cánh (được bàn dưới đây) vốn đi trước khả năng của con người trở thành một Tinh Thần hữu thức.

iv. Đi vào Chân Thần tam phân (Ý Chí, Minh triết và Hoạt động)

v. Sau cùng, đi vào điểm tượng trưng cho bản thể thuần túy nơi trung tâm của chân thần.

240. Điều trình bày trên chỉ là một cách để xem xét cấp số nhân hình học khả dĩ.

241. Một số câu hỏi chính cần được giải đáp là:

a. Is the spiritual triad to be considered a five or a three or both?

b. Is the Spirit to be considered a three or a one or both?

c. At what point in triadal expression does the *four* discussed immediately below, become significant?

Between these two stages is [Page 400] **a mysterious esoteric stage wherein he is resolved into the four,**—not this time the four of the lower quaternary, but a higher four.

242. Some of these resolutions may involve certain chakras not commonly known. DK has not told us of all the significant chakras, some of which are deeply hidden and their function undisclosed—exoterically.

243. The four suggests the four higher ethers and the ability to wield buddhic energy. The buddhic plane is the *fourth* plane.

244. Is the four of which we are speaking lower than the three or higher? There is a lower quaternary but there is also a *higher* quaternary. The Divine Tetraktys is a four as well as a ten.

245. If the five-pointed star refers to the soul state and the triangle (ultimately) to the monadic state, the *four* must refer to an interim state. We might look at it as an inverted tetrahedron with the causal body being the lowest point.

a. Tam nguyên tinh thần có nên được xem là một năm hay một ba hay cả hai chăng?

b. Tinh thần có nên được xem là một ba hay một một hay cả hai chăng?

c. Ở điểm nào trong sự biểu lộ của tam nguyên tinh thần mà *bốn* được bàn ngay dưới đây trở nên có ý nghĩa?

Giữa hai giai đoạn này là [Page 400] **một giai đoạn huyền bí nội môn, trong đó y được phân giải thành bốn,**—không phải lần này là bốn của tứ phân thấp, mà là một bốn cao hơn.

242. Một số sự phân giải này có thể liên quan đến những luân xa không thường được biết đến. Chân sư DK chưa cho chúng ta biết về tất cả các luân xa quan trọng, một số trong đó được che giấu rất sâu và chức năng của chúng không được tiết lộ—xét theo ngoại môn.

243. Bốn gợi ra bốn dĩ thái cao và khả năng vận dụng năng lượng Bồ đề. Cõi Bồ đề là cõi *thứ tư.*

244. Bốn mà chúng ta đang nói đến thấp hơn ba hay cao hơn? Có một tứ phân thấp nhưng cũng có một *tứ phân* cao. Thần số Tetraktys thiêng liêng là một bốn cũng như là một mười.

245. Nếu ngôi sao năm cánh quy chiếu đến trạng thái linh hồn và tam giác (rốt ráo) đến trạng thái chân thần, thì *bốn* hẳn phải quy chiếu đến một trạng thái trung gian. Chúng ta có thể xem nó như một khối tứ diện đảo ngược với thể nguyên nhân là điểm thấp nhất.

246. From another perspective, this *four* may relate to the fourth initiation, and to initial acquaintance (through buddhi) with the Four Gates of Shamballa. With it, we also have the possibility of setting one's sights upon the mounting of the Cardinal Cross (another four) following the fourth initiation.

246. Từ một góc nhìn khác, *bốn* này có thể liên hệ đến lần điểm đạo thứ tư, và đến sự làm quen ban đầu (qua Bồ đề) với Bốn Cổng của Shamballa. Cùng với nó, chúng ta cũng có khả năng hướng tầm nhìn đến việc bước lên Thập Giá Chủ Yếu (một bốn khác) sau lần điểm đạo thứ tư.

247. One of the symbols of the ajna center is the four-pointed star; this center would seem to correlate with the mysterious interim process under discussion.

247. Một trong những biểu tượng của trung tâm ajna là ngôi sao bốn cánh; trung tâm này dường như tương ứng với tiến trình trung gian huyền bí đang được bàn đến.

248. It would seem that this resolution into the four involves the fourth initiation which is an indeterminate period in one significant way—its processes occur neither on the Fixed Cross nor on the Mutable Cross.

248. Dường như sự phân giải này thành bốn liên quan đến lần điểm đạo thứ tư, vốn là một giai đoạn bất định theo một phương diện quan trọng—các tiến trình của nó không diễn ra trên Thập Giá Cố Định cũng không trên Thập Giá Biến đổi.

He becomes part of the consciousness of that occult group hinted at in various places which stands next to the three Logoi, **the four great Maharajahs, the dispensers of karma, the repositories of cosmic purpose,** who are reflected (but only reflected) in **the logoic Quaternary, or in those four Heavenly Men Who embody (with their synthesising third) logoic manas.**

Y trở thành một phần của tâm thức của nhóm huyền bí được ám chỉ ở nhiều nơi, đứng kế bên ba Đấng Thượng đế, **bốn vị Maharajah vĩ đại, những Đấng phân phối nghiệp quả, những kho chứa của mục đích vũ trụ,** được phản chiếu (nhưng chỉ là phản chiếu) trong **tứ phân logoic, hay trong bốn Đấng Thiên Nhân ấy, những Đấng hiện thân (cùng với Đấng thứ ba tổng hợp của Các Ngài) cho manas logoic.**

249. This section is extremely occult. The man passing through the higher significance of the number *four* is not yet a fully liberated, threefold Spirit, but may be passing through the fourth initiation (at which time he faces the "Cross" and the eradication of all the human karma he has generated).

249. Phần này cực kỳ huyền bí. Con người đi qua ý nghĩa cao hơn của con số *bốn* chưa phải là một Tinh thần tam phân hoàn toàn được giải thoát, nhưng có thể đang đi qua lần điểm đạo thứ tư (vào lúc đó y đối diện với "Thập Giá" và sự tận diệt mọi nghiệp quả nhân loại mà y đã tạo ra).

250. The logoic Quaternary becomes more meaningful to him at this point; the four

250. Tứ phân logoic trở nên có ý nghĩa hơn đối với y tại điểm này; bốn hành tinh thuần

strictly manasic planets are known in a new way. The Rays of Attribute become familiar. Can he then express the Law of the Lower Four (the seventh of the seven Laws of the Soul)?

manas được biết đến theo một cách mới. Các Cung Thuộc Tính trở nên quen thuộc. Khi ấy y có thể biểu lộ Định luật của Bốn Thấp (định luật thứ bảy trong bảy Định luật của Linh Hồn) chăng?

251. The four Maharajas are Beings even greater than the Planetary Logoi Who comprise the logoic Quaternary. The nature of these Maharajas is greater than that of the four Planetary Logos in Whom the Maharajas are reflected.

251. Bốn vị Maharaja là những Đấng còn vĩ đại hơn cả các Đức Hành Tinh Thượng Đế cấu thành tứ phân logoic. Bản chất của các vị Maharaja này cao hơn bản chất của bốn Đức Hành Tinh Thượng Đế trong Các Ngài mà các Maharaja được phản chiếu.

252. We have discussed the possible members of the logoic Quaternary from different angles. Certainly the planet Earth is one; Venus is another.

252. Chúng ta đã bàn đến các thành viên khả dĩ của tứ phân logoic từ nhiều góc độ khác nhau. Chắc chắn hành tinh Trái Đất là một; Sao Kim là một hành tinh khác.

The Lord of Venus holds place in the logoic quaternary, as does the Lord of Earth. (TCF 300)

Chúa Tể của Sao Kim giữ vị trí trong tứ phân logoic, cũng như Chúa Tể của Trái Đất. (TCF 300)

253. Mars, another non-sacred planet, is necessarily another member of the logoic quaternary. Now that Pluto has been discovered, is it correct to consider it also as a member?

253. Sao Hỏa, một hành tinh không thiêng liêng khác, tất yếu là một thành viên khác của tứ phân logoic. Nay khi Sao Diêm Vương đã được khám phá, có đúng chăng khi xem nó cũng là một thành viên?

254. There are a number of possible perspectives, and DK does not tell us which may be the two planets (in addition to Earth and Venus).

254. Có một số góc nhìn khả dĩ, và Chân sư DK không cho chúng ta biết hai hành tinh ấy có thể là những hành tinh nào (ngoài Trái Đất và Sao Kim).

255. At one point He seems to tell us that Venus (carrying the buddhic energy) should not be numbered among the strictly manasic planets. Mercury, of course, is one of the most manasic planets, but is it too advanced to be considered *strictly* manasic?

255. Ở một chỗ, Ngài dường như cho chúng ta biết rằng Sao Kim (mang năng lượng Bồ đề) không nên được tính vào số các hành tinh thuần manas. Dĩ nhiên, Sao Thủy là một trong những hành tinh manas nhất, nhưng liệu nó có quá tiến hóa để được xem là manas một cách *thuần túy* chăng?

256. In his growing familiarity with the transitional significance of the number *four*,

256. Trong sự ngày càng quen thuộc của mình với ý nghĩa chuyển tiếp của con số *bốn*,

the disciple/initiate advancing from the six-pointed star, to the five-pointed star, *through* the fourfold "Cross" and to the triangle of Spirit, will discover (as he passes through the four) the meaning of the "Cross", its relationship to matter and to the higher ethers, and, above all, its relationship to Karma (as wielded by the Four Maharajas through those Planetary Logoi who represent or can be correlated with the logoic Quaternary).

đệ tử/điểm đạo đồ tiến từ ngôi sao sáu cánh đến ngôi sao năm cánh, *qua* "Thập Giá" tứ phân và đến tam giác của Tinh thần, sẽ khám phá (khi y đi qua bốn) ý nghĩa của "Thập Giá", mối liên hệ của nó với vật chất và với các dĩ thái cao, và trên hết là mối liên hệ của nó với Nghiệp quả (như được vận dụng bởi Bốn vị Maharaja qua những Đức Hành Tinh Thượng Đế đại diện cho hoặc có thể được tương ứng với tứ phân logoic).

257. The passage through the four on the way to the three is a time of severe testing and trial, followed by liberation.

257. Sự đi qua bốn trên đường đến ba là một thời kỳ thử thách và khảo nghiệm nghiêm khắc, tiếp theo là giải thoát.

258. The process through which the energies of the four cosmic ethers are substituted for the lower four systemic ethers is one in which a fourfold *cross* must be borne.

258. Tiến trình qua đó các năng lượng của bốn dĩ thái vũ trụ được thay thế cho bốn dĩ thái hệ thống thấp là một tiến trình trong đó một *thập giá* tứ phân phải được mang lấy.

These four with the synthesising one are in Themselves the sumtotal of manas, the Brahma aspect, or Intelligence in activity.

Bốn vị này cùng với Đấng tổng hợp tự thân là tổng thể của manas, phương diện Brahma, hay Trí tuệ trong hoạt động.

259. The synthesizing one must be the major, planetary expression of Brahma, or, in a solar systemic context, Saturn.

259. Đấng tổng hợp hẳn phải là biểu hiện hành tinh chủ yếu của Brahma, hay, trong bối cảnh hệ mặt trời, là Sao Thổ.

260. We can long debate which are the four strictly manasic planets representing the lower logoic Quaternary.

260. Chúng ta có thể tranh luận lâu dài về việc bốn hành tinh thuần manas nào đại diện cho tứ phân logoic thấp.

261. VSK asks: "What is the relationship between the five Mind Born Sons of Brahma or the five Kumaras, in relation to, or reflection of, these five?

261. VSK hỏi: "Mối liên hệ giữa năm Con của Brahma sinh bởi Trí Tuệ hay năm Kumaras, với, hay như sự phản chiếu của, năm này là gì?

262. We might say that the five *earthly* (i.e., intra-planetary Kumaras are the reflections of the five Mind-Born Sons of Brahman (the Divine Manasaputras).

262. Chúng ta có thể nói rằng năm vị *trần thế* (tức các Kumaras nội hành tinh là sự phản chiếu của năm Con của Brahman sinh bởi Trí Tuệ (các Manasaputras thiêng liêng).

263. If we could determine which are the strictly manasic planets representing the lower quaternary of the Solar Logos, and add Saturn, we would have some good idea of the character of the three Buddhas of Activity, Sanat Kumara and one of the Esoteric Kumaras (making five in all).

263. Nếu chúng ta có thể xác định những hành tinh thuần manas nào đại diện cho tứ phân thấp của Thái dương Thượng đế, và thêm Sao Thổ, chúng ta sẽ có một ý niệm khá tốt về đặc tính của ba Đức Phật Hoạt Động, Đức Sanat Kumara và một trong các Kumaras Nội Môn (tổng cộng là năm vị).

Karma works through manas, and only as the **six-pointed star (or the sumtotal of concrete mind in its various divisions)** becomes the five-pointed star, or the synthesis of the lower into the abstract or higher, is the transmutation into the three, or the Spiritual Triad, made possible **via the four, or the formless repositories of karmic purpose;**

Nghiệp quả vận hành qua manas, và chỉ khi **ngôi sao sáu cánh (hay tổng thể của trí cụ thể trong các phân chia khác nhau của nó)** trở thành ngôi sao năm cánh, hay sự tổng hợp của cái thấp vào cái trừu tượng hay cái cao, thì sự chuyển hoá thành ba, hay Tam Nguyên Tinh Thần, mới trở nên khả hữu **qua bốn, hay những kho chứa vô tướng của mục đích nghiệp quả;**

264. Again, the occultism is profound in this *very synthetic* statement.

264. Một lần nữa, huyền bí học thật sâu xa trong phát biểu *rất tổng hợp* này.

265. We cannot avoid associating the human being with the number *four* and with this fourth or transitional state.

265. Chúng ta không thể tránh việc liên kết con người với con số *bốn* và với trạng thái thứ tư hay chuyển tiếp này.

266. Via the *five* offered by the Solar Angels, the ascending man is placed in a position to become a still higher *five.* The *five* represented by the Planetary Logos is a *five* which is higher than the *three* which man may become as he enters his own Spirit aspect.

266. Qua *năm* do các Thái dương Thiên Thần ban cho, con người đang đi lên được đặt vào vị thế để trở thành một *năm* còn cao hơn. *Năm* được biểu thị bởi Đức Hành Tinh Thượng Đế là một *năm* cao hơn *ba* mà con người có thể trở thành khi y đi vào phương diện Tinh thần của chính mình.

267. How shall we conceive of the six-pointed star as "the sumtotal of concrete mind in its various divisions"?

267. Chúng ta sẽ quan niệm thế nào về ngôi sao sáu cánh như là "tổng thể của trí cụ thể trong các phân chia khác nhau của nó"?

268. Usually we conceive of the concrete mind as having *four* sub-planes and thus, four qualities.

268. Thông thường chúng ta quan niệm trí cụ thể có *bốn* cõi phụ và do đó, bốn phẩm tính.

269. If the abstract mind is to be considered focalized upon the atomic sub-plane, then two levels of the higher mind could also be considered relatively concrete. Certainly they are more connected with form than is the atomic level of the higher mental plane.

269. Nếu trí trừu tượng được xem là tập trung trên cõi phụ nguyên tử, thì hai cấp độ của thượng trí cũng có thể được xem là tương đối cụ thể. Chắc chắn chúng liên hệ với hình tướng nhiều hơn cấp độ nguyên tử của Cõi thượng trí.

270. If we add the four forces of the concrete mental plane to the two energies of the higher mind (excluding the energies of the atomic sub-plane of mind), we shall have our six.

270. Nếu chúng ta cộng bốn mãnh lực của cõi hạ trí với hai năng lượng của thượng trí (không kể các năng lượng của cõi phụ nguyên tử của cõi trí), chúng ta sẽ có sáu của mình.

271. Upon the highest sub-plane of the mental plane, one enters the world of the spiritual triad or, initially, into the thinking process of the Planetary Logos. This entry can be symbolized by the number *five*; one becomes increasingly *planetary* in one's mind and strands forth as a representative of the *fifth* kingdom of nature.

271. Trên cõi phụ cao nhất của cõi trí, người ta đi vào thế giới của tam nguyên tinh thần hoặc, lúc đầu, vào tiến trình tư duy của Đức Hành Tinh Thượng Đế. Sự đi vào này có thể được biểu tượng hóa bằng con số *năm*; người ta ngày càng trở nên *hành tinh* hơn trong trí tuệ của mình và vươn ra như một đại diện của *giới* thứ năm của bản chất.

272. This may be one possibility we shall have to entertain. Other options seem wanting.

272. Đây có thể là một khả năng mà chúng ta sẽ phải cân nhắc. Những lựa chọn khác dường như không thỏa đáng.

273. However, one possible reflection of concrete mind in relation to abstract mind can be found in Chart VI (TCF 373) in which six Planetary Logoi surround Saturn as a seventh. Saturn is Brahma (the ruler of all things concrete and yet closely associated with the third aspect of the spiritual triad). The six surrounding Saturn could be, then, higher correspondences of the six divisions of concrete mind, with Saturn representing the abstract, synthesizing factor of manas.

273. Tuy nhiên, một phản chiếu khả dĩ của trí cụ thể trong tương quan với trí trừu tượng có thể được tìm thấy trong Biểu Đồ VI (TCF 373), trong đó sáu Đức Hành Tinh Thượng Đế bao quanh Sao Thổ như vị thứ bảy. Sao Thổ là Brahma (đấng cai quản mọi sự cụ thể nhưng lại liên hệ chặt chẽ với phương diện thứ ba của tam nguyên tinh thần). Khi ấy, sáu vị bao quanh Sao Thổ có thể là những tương ứng cao hơn của sáu phân bộ của trí cụ thể, với Sao Thổ đại diện cho nhân tố trừu tượng, tổng hợp của manas.

274. In *this* summary paragraph, the triangle referenced is the spiritual triad and not yet the Spirit, itself.

274. Trong đoạn tóm lược *này*, tam giác được nhắc đến là tam nguyên tinh thần chứ chưa phải chính Tinh thần.

275. To enter the spiritual triad, the process of *transmutation* is required. The six seem positioned 'beneath' the lowest level of the spiritual triad.

275. Để đi vào tam nguyên tinh thần, tiến trình *chuyển hoá* là cần thiết. Sáu dường như được đặt ở "bên dưới" cấp độ thấp nhất của tam nguyên tinh thần.

276. What is said of the *four* is, again, astonishingly occult. The four is said to relate to "the formless repositories of karmic purpose". True formlessness begins with the buddhic plane, the *fourth.* Can it be that that which must be karmically enacted in the three lower worlds is buddhically 'stored'? There is something about the number *four* closely related to karma: the Four Lords of Karma, the Cross, the fourth Path of Higher Evolution (the Path to Sirius) wherefrom the Law of Karma (as it affects our system) originates.

276. Điều được nói về *bốn*, một lần nữa, thật đáng kinh ngạc về tính huyền bí. Bốn được nói là liên hệ với "những kho chứa vô tướng của mục đích nghiệp quả". Tính vô tướng chân thực bắt đầu từ cõi Bồ đề, cõi *thứ tư.* Có thể chăng điều phải được thực hiện theo nghiệp quả trong ba cõi thấp lại được "lưu trữ" theo cách Bồ đề? Có điều gì đó nơi con số *bốn* liên hệ chặt chẽ với nghiệp quả: Bốn Chúa Tể Nghiệp Quả, Thập Giá, Con đường Tiến Hóa Cao Siêu thứ tư (Con đường đến Sirius), từ đó Định luật Nghiệp Quả (xét như ảnh hưởng đến hệ thống của chúng ta) phát sinh.

277. Normally, one thinks of the members of the atomic triangle (physical permanent atom, astral permanent atom and mental unit) as storing karma; but there may be a higher *purpose* related to karma, and this

277. Thông thường, người ta nghĩ các thành viên của tam giác nguyên tử (nguyên tử trường tồn hồng trần, nguyên tử trường tồn cảm dục và đơn vị hạ trí) là nơi lưu giữ nghiệp quả; nhưng có thể có một *mục đích*

purpose may be stored on a plane relating more closely to Sirius—namely the buddhic plane.

cao hơn liên hệ với nghiệp quả, và mục đích này có thể được lưu giữ trên một cõi liên hệ gần hơn với Sirius—tức là cõi Bồ đề.

278. Could "karmic purpose" be stored on the plane of "pure reason"? This is a fascinating possibility. A great balancing is required in the planning and enactment of karma. The buddhic plane is the plane of *balance, harmony, reconciliation* and *redemption*.

278. Liệu "mục đích nghiệp quả" có thể được lưu giữ trên cõi của "lý trí thuần túy" chăng? Đây là một khả năng đầy hấp dẫn. Một sự quân bình lớn lao là điều cần thiết trong việc hoạch định và thực thi nghiệp quả. Cõi Bồ đề là cõi của *quân bình, hài hòa, hòa giải* và *cứu chuộc*.

thus is liberation achieved, thus is man set free, and the microcosm attains BEING without the necessity of form-taking.

do đó sự giải thoát được đạt đến, do đó con người được giải phóng, và tiểu thiên địa đạt tới BẢN THỂ mà không cần phải mang lấy hình tướng.

279. We may say that BEING is to be represented by the *point* (within the triangle). It is greater than the threefold Monad (represented by a triangle); the essence of the Monad is That which animates the Monad.

279. Chúng ta có thể nói rằng BẢN THỂ được biểu thị bằng *điểm* (bên trong tam giác). Nó lớn hơn chân thần tam phân (được biểu thị bằng một tam giác); tinh túy của chân thần là Cái làm sinh động chân thần.

A hint here in connection with the microcosm may help: When the microcosm has transcended the three worlds of matter and has become the five pointed star,

Một gợi ý ở đây liên quan đến tiểu thiên địa có thể giúp ích: Khi tiểu thiên địa đã vượt qua ba cõi giới của vật chất và đã trở thành ngôi sao năm cánh,

280. To become the five-pointed star means the microcosm has become a conscious soul and definitely a member of the fifth kingdom in nature—the Kingdom of Souls. We might say that this happens gradually from the first initiation onward, however, it is only at the third initiation that the microcosm is *firmly established* within that kingdom (becoming at the fifth initiation a fully matured member of that kingdom).

280. Trở thành ngôi sao năm cánh có nghĩa là tiểu thiên địa đã trở thành một linh hồn có ý thức và rõ rệt là một thành viên của giới thứ năm trong bản chất—Giới các Linh Hồn. Chúng ta có thể nói rằng điều này xảy ra dần dần từ lần điểm đạo thứ nhất trở đi; tuy nhiên, chỉ đến lần điểm đạo thứ ba thì tiểu thiên địa mới được *thiết lập vững chắc* trong giới ấy (và đến lần điểm đạo thứ năm thì trở thành một thành viên hoàn toàn trưởng thành của giới ấy).

y đi vào tâm thức của chân thần, hay Tinh thần thuần túy, qua cõi Bồ đề thứ tư.

he passes into the consciousness of the Monad, or pure Spirit, via the fourth plane of buddhi.

281. This is important. The fourth planet of buddhi is resonant with the second plane of the Monad. Yet, the atmic plane is not mentioned, and it shares the quality of the first ray (and of will) with the Monad.

281. Điều này quan trọng. Cõi Bồ đề thứ tư cộng hưởng với cõi thứ hai của chân thần. Tuy nhiên, cõi atma không được nhắc đến, dù nó chia sẻ phẩm tính của cung một (và của ý chí) với chân thần.

282. This section is telling us something about the transition from the five-pointed star to fourfoldness (that interim state related to the Lords of Karma which has been discussed above).

282. Phần này đang cho chúng ta biết điều gì đó về sự chuyển tiếp từ ngôi sao năm cánh sang tính tứ phân (trạng thái trung gian liên hệ với các Chúa Tể Nghiệp Quả đã được bàn ở trên).

283. We can say that the Monad (essentially) is "pure Spirit", but it is not the monadic *vehicle* that is pure Spirit, but rather, "pure Spirit" is the essence of the Monad, or the *true* Monad, related, in a way, more to the logoic plane than to the monadic plane.

283. Chúng ta có thể nói rằng chân thần (về bản chất) là "Tinh thần thuần túy", nhưng không phải *vận cụ* chân thần là Tinh thần thuần túy; đúng hơn, "Tinh thần thuần túy" là tinh túy của chân thần, hay chân thần *đích thực*, theo một cách nào đó, liên hệ với cõi logoic nhiều hơn là với cõi chân thần.

284. We note that we are told that the man passes "into the consciousness of the Monad", but not *into* the Monad, per se. From the time a man enters the Kingdom of God He is gradually entering the consciousness of the Monad, which becomes a noticeable factor from the time of the third initiation onwards.

284. Chúng ta lưu ý rằng được bảo cho biết con người đi "vào tâm thức của chân thần", chứ không phải đi *vào* chính chân thần. Từ khi con người đi vào Thiên Giới, Ngài dần dần đi vào tâm thức của chân thần, điều này trở thành một nhân tố đáng chú ý từ lần điểm đạo thứ ba trở đi.

285. The period of the third initiation is principally a period of *soul* consciousness with some initial presence of the Monad noticeable. As the fourth initiation is undergone (involving a repolarization upon the buddhic plane), the consciousness of the man becomes increasingly influenced by the Monad, (the One).

285. Thời kỳ của lần điểm đạo thứ ba chủ yếu là một thời kỳ của tâm thức *linh hồn* với một số sự hiện diện ban đầu của chân thần có thể nhận thấy. Khi lần điểm đạo thứ tư được trải qua (bao hàm một sự tái phân cực trên cõi Bồ đề), tâm thức của con người ngày càng chịu ảnh hưởng của chân thần, (Đấng Duy Nhất).

286. Until the intuition becomes active and transcends the usual use of the mind, one cannot pass into the consciousness of the Monad.

286. Cho đến khi trực giác trở nên hoạt động và vượt lên trên việc sử dụng trí tuệ thông thường, người ta không thể đi vào tâm thức của chân thần.

For him the buddhic plane is the plane of karmic correspondence.

Đối với y, cõi Bồ đề là **cõi của sự tương ứng nghiệp quả.**

287. As suggested above, we are now relating the buddhic plane to the factor of karma.

287. Như đã gợi ý ở trên, giờ đây chúng ta đang liên hệ cõi Bồ đề với nhân tố nghiệp quả.

288. The phrase is unusual: "the plane of karmic correspondence". The buddhic plane is a plane resonant to the *cross* whereon karma is fulfilled.

288. Cụm từ này khác thường: "cõi của sự tương ứng nghiệp quả". Cõi Bồ đề là một cõi cộng hưởng với *thập giá* nơi nghiệp quả được hoàn tất.

On it he enters into the sphere of conscious co-operation in the working out of karma for a Heavenly Man, having completely worked out his personal karma in the lower three spheres.

Trên cõi ấy y đi vào phạm vi hợp tác có ý thức trong việc triển khai nghiệp quả cho một Đấng Thiên Nhân, sau khi đã hoàn toàn giải quyết xong nghiệp quả cá nhân của mình trong ba khối cầu thấp.

289. An arhat of the fourth initiation need no longer incarnate on the eighteen lower sub-planes. His *personal* karma with respect to the three worlds is terminated.

289. Một vị arhat của lần điểm đạo thứ tư không còn cần phải lâm phàm trên mười tám cõi phụ thấp nữa. Nghiệp quả *cá nhân* của y đối với ba cõi giới đã chấm dứt.

290. But his engagement with karmic processes is far from over. Now he is more consciously identified with the Planetary Logos and shares (to an increasing measure) identification *as* the Planetary Logos. He can work as an agent of harmonization and balance, reconciliation and redemption (buddhic qualities) in contributing to the working out of that amount of planetary karma which falls within his purview.

290. Nhưng sự tham dự của y vào các tiến trình nghiệp quả còn lâu mới kết thúc. Giờ đây y đồng hoá với Đức Hành Tinh Thượng Đế một cách có ý thức hơn và chia sẻ (ở mức độ ngày càng tăng) sự đồng hoá *như là* Đức Hành Tinh Thượng Đế. Y có thể hoạt động như một tác nhân của sự hài hòa và quân bình, hòa giải và cứu chuộc (các phẩm tính Bồ đề) khi góp phần vào việc triển khai phần nghiệp quả hành tinh thuộc trong phạm vi của y.

291. Again, no one fully enters into the consciousness of the Monad who has not

worked out his karma in the lower three worlds.

291. Một lần nữa, không ai thực sự đi vào tâm thức của chân thần mà chưa giải quyết xong nghiệp quả của mình trong ba cõi thấp.

The student whose intuition suffices can work out the planes which correspond to the buddhic plane, for a Heavenly Man and for a solar Logos. This will only be possible if the concept is extended to cosmic levels and beyond the systemic.

Đạo sinh có trực giác đầy đủ có thể suy ra những cõi tương ứng với cõi Bồ đề, đối với một Đấng Thiên Nhân và đối với một Thái dương Thượng đế. Điều này chỉ có thể thực hiện được nếu khái niệm được mở rộng đến các cấp độ vũ trụ và vượt ra ngoài hệ thống.

292. VSK inquires: "Why should working out what planes correspond to the buddhic require the intuition? Wouldn't it be the *fourth* cosmic etheric or buddhic, clearly?

292. VSK hỏi: "Tại sao việc xác định những cõi nào tương ứng với cõi Bồ đề lại đòi hỏi trực giác? Chẳng phải đó rõ ràng sẽ là dĩ thái vũ trụ hay Bồ đề vũ trụ *thứ tư* sao?

293. It seems logical that the corresponding plane for the Solar Logos is the fourth *cosmic* plane or cosmic buddhic plane. Is it the same for the Planetary Logos?

293. Có vẻ hợp lý khi cõi tương ứng đối với Thái dương Thượng đế là cõi *vũ trụ* thứ tư hay cõi Bồ đề vũ trụ. Đối với Đức Hành Tinh Thượng Đế cũng vậy chăng?

294. When we think of the Planetary Logos, we may wonder if, for Him, the higher mental plane is really the *fourth ether* (counting from above) and the systemic buddhic plane the *third* ether, and so forth.

294. Khi nghĩ đến Đức Hành Tinh Thượng Đế, chúng ta có thể tự hỏi liệu, đối với Ngài, Cõi thượng trí có thực sự là dĩ thái *thứ tư* (đếm từ trên xuống) và cõi Bồ đề hệ thống là dĩ thái *thứ ba*, v.v., hay không.

295. In this case the higher *cosmic* mental plane would have a kind of buddhic significance for the Planetary Logos.

295. Trong trường hợp này, cõi trí *vũ trụ* cao hơn sẽ có một loại ý nghĩa Bồ đề đối với Đức Hành Tinh Thượng Đế.

296. In earlier Commentaries, we have discussed the relativity of the planes. We did this in relation to the four factors: vibration, light, sound and color. The same plane may hold one type of function for a given Entity, and a much higher function for an entity lower in development.

296. Trong các Cổ Luận trước đây, chúng ta đã bàn về tính tương đối của các cõi. Chúng ta đã làm điều này trong liên hệ với bốn nhân tố: rung động, ánh sáng, âm thanh và màu sắc. Cùng một cõi có thể giữ một loại chức năng đối với một Thực Thể nhất định, và một chức năng cao hơn nhiều đối với một thực thể thấp hơn về phát triển.

297. If, as VSK suggests, the buddhic plane can be characterized by different colors for the Solar Logos, the Planetary Logos and for

297. Nếu, như VSK gợi ý, cõi Bồ đề có thể được đặc trưng bởi những màu sắc khác nhau đối với Thái dương Thượng đế, Đức

the microcosm, (violet, blue and yellow respectively), we have a piece of evidence to support the relativity of the planes with respect to different orders of beings.

Hành Tinh Thượng Đế và đối với tiểu thiên địa, (lần lượt là tím, lam và vàng), thì chúng ta có một bằng chứng hỗ trợ cho tính tương đối của các cõi đối với những cấp bậc hữu thể khác nhau.

Through the ideas here imparted it may be possible for the student to think out, for himself, some aspects of **the [Page 401] place of manas in cosmic evolution.**

Qua những ý tưởng được truyền đạt ở đây, có thể đạo sinh sẽ tự mình suy nghĩ ra một vài phương diện của **vị trí của manas trong tiến hoá vũ trụ.[Page 401]**

298. It is possible to conceive of the entire text, *A Treatise on Cosmic Fire,* as dedicated principally to the discussion of manas in cosmos, the system and in the microcosm. This is certainly one of the principal themes.

298. Có thể quan niệm toàn bộ bản văn, *Luận về Lửa Vũ Trụ,* như chủ yếu dành cho việc bàn về manas trong vũ trụ, trong hệ thống và trong tiểu thiên địa. Đây chắc chắn là một trong những chủ đề chính.

299. What do we mean by "cosmic evolution"? The Solar Logos is called a *cosmic* being, and the Planetary Logos as well (in at least one reference).

299. Chúng ta muốn nói gì bởi "tiến hoá vũ trụ"? Thái dương Thượng đế được gọi là một hữu thể *vũ trụ*, và Đức Hành Tinh Thượng Đế cũng vậy (ít nhất trong một chỗ dẫn).

300. Probably, however, that which is *cosmic* is that which is extra-systemic and about such levels of the Divine Life, not much is said.

300. Tuy nhiên, có lẽ điều gì là *vũ trụ* thì là điều gì vượt ngoài hệ thống, và về những cấp độ như thế của Sự Sống thiêng liêng, không có nhiều điều được nói ra.

301. By extrapolating from what has thus far been given, we may, perhaps, develop some intelligent speculation about the manner of the divine creativity of a Cosmic Logos, and the various subsidiary entities which are incorporated into this creativity.

301. Bằng cách ngoại suy từ những gì đã được ban ra cho đến nay, có lẽ chúng ta có thể phát triển một số suy đoán thông minh về cách thức sáng tạo thiêng liêng của một Thượng đế Vũ Trụ, và các thực thể phụ thuộc khác nhau được bao hàm trong sự sáng tạo này.

It necessitates a somewhat synthetic viewpoint, and the steady holding of the thought of PURPOSE in all activity, whether cosmic, systemic, planetary, or microcosmic.

Điều này đòi hỏi một quan điểm phần nào tổng hợp, và sự giữ vững tư tưởng về MỤC ĐÍCH trong mọi hoạt động, dù là vũ trụ, hệ thống, hành tinh hay vi mô.

302. One point has been driven home repeatedly: the true nature of manas is inseparable from *purpose* (and/or *will*). The

302. Một điểm đã được nhấn mạnh lặp đi lặp lại: bản chất chân thực của manas không thể tách rời khỏi *mục đích* (và/hoặc *ý chí*). Cung

first and third rays are resonant and work closely together. In short, the will works through mind. This is demonstrated by the fact that the monadic ray is reflected in the mind;

một và cung ba cộng hưởng với nhau và hoạt động chặt chẽ cùng nhau. Nói ngắn gọn, ý chí vận hành qua trí tuệ. Điều này được chứng minh bởi sự kiện cung chân thần được phản chiếu trong trí tuệ;

The Monadic Ray influences the mental body, after integration of the personality has been brought about. It causes the mind nature to achieve that clear vision [hence the relationship of the envisioning ajna center to the fourth initiation] which finds its consummation at the fourth initiation, and releases the man from the limitations of form. (EP I 406)

Cung chân thần ảnh hưởng đến thể trí, sau khi sự tích hợp của phàm ngã đã được thực hiện. Nó khiến bản chất trí tuệ đạt được **tầm nhìn** rõ ràng [do đó có mối liên hệ của trung tâm ajna hình dung với lần điểm đạo thứ tư] mà đạt đến sự viên mãn ở lần điểm đạo thứ tư, và giải thoát con người khỏi những giới hạn của hình tướng. (EP I 406)

It is the fire of divine impulse permeating all forms and driving those forms to certain action and achievement.

Đó là lửa của xung lực thiêng liêng thấm nhuần mọi hình tướng và thúc đẩy những hình tướng ấy đến hành động và thành tựu nhất định.

303. Here we have an excellent definition of *manas* when correlated with purpose.

303. Ở đây chúng ta có một định nghĩa tuyệt hảo về *manas* khi được liên hệ với mục đích.

The fire of matter earlier dealt with is the **dynamic fire of motion**, which keeps in activity each atom of matter.

Lửa của vật chất đã được bàn đến trước đây là **ngọn lửa động lực của chuyển động**, giữ cho mỗi nguyên tử của vật chất ở trong hoạt động.

304. Matter and motion are inseparable. From another perspective, fire and motion are inseparable.

304. Vật chất và chuyển động không thể tách rời. Từ một góc nhìn khác, lửa và chuyển động cũng không thể tách rời.

305. Here also, we have an excellent definition of fire by friction or the "fire of matter".

305. Ở đây nữa, chúng ta có một định nghĩa tuyệt hảo về Lửa ma sát hay "lửa của vật chất".

The fire of mind is the coherent impulse and purpose, driving the forms (built up of active matter) in a specific direction, and along certain destined paths.

Lửa của trí tuệ là xung lực và mục đích kết hợp, thúc đẩy các hình tướng (được xây dựng từ vật chất hoạt động) theo một hướng xác định, và dọc theo những con đường đã được định sẵn.

306. Another brilliant definition. In this definition we can see a great deal of the first ray—drive and directionality. We could say that mind intelligently executes purpose.

306. Một định nghĩa xuất sắc khác. Trong định nghĩa này chúng ta có thể thấy rất nhiều của cung một—sự thúc đẩy và tính định hướng. Chúng ta có thể nói rằng trí tuệ thực thi mục đích một cách thông minh.

It is consequently karmic impulse, originating cause, and operating will. It is likewise the result or the effect of this action in time, and **only as the Triad comes into play, via the esoteric four**, are the fires of both mind and matter burnt out and the fire of Spirit set free.

Do đó, nó là xung lực nghiệp quả, nguyên nhân khởi phát, và ý chí vận hành. Cũng vậy, nó là kết quả hay hiệu quả của hành động này trong thời gian, và **chỉ khi Tam nguyên tinh thần đi vào hoạt động, qua bốn nội môn**, thì các ngọn lửa của cả trí tuệ lẫn vật chất mới bị đốt cạn và lửa của Tinh thần được giải phóng.

307. It must be obvious that we are dealing with very occult statement.

307. Hiển nhiên là chúng ta đang xử lý một phát biểu rất huyền bí.

308. Let us tabulate these meanings of manas which DK is giving in summation:

308. Hãy lập bảng những ý nghĩa này của manas mà Chân sư DK đang đưa ra như một sự tổng kết:

a. Karmic impulse

a. Xung lực nghiệp quả

b. Originating cause

b. Nguyên nhân khởi phát

c. Operating will

c. Ý chí vận hành

d. The result of these three actions in time

d. Kết quả của ba hành động này trong thời gian

309. We will repeat the idea that in this solar system, *will* and *purpose* cannot be defined solely in terms of the first ray. The highest level of the mental plane (whether systemic or cosmic) is involved in their expression.

309. Chúng tôi sẽ lặp lại ý tưởng rằng trong hệ mặt trời này, *ý chí* và *mục đích* không thể được định nghĩa chỉ bằng những thuật ngữ của cung một. Cấp độ cao nhất của cõi trí (dù là hệ thống hay vũ trụ) có liên quan đến sự biểu lộ của chúng.

310. Mind or manas is "karmic impulse" because all things are arranged according to the manipulations of mentation. According to these arrangements, so will be their

310. Trí tuệ hay manas là "xung lực nghiệp quả" vì mọi sự vật đều được sắp xếp theo những thao tác của tiến trình tư duy. Theo những sự sắp xếp này, chúng sẽ hoặc hài hòa

harmonization with or deviation from the archetype (which the Lords of Karma serve). It is karma which adjusts created arrangements to the archetype—in time.

với nguyên mẫu hoặc lệch khỏi nguyên mẫu (mà các Đấng Nghiệp Quả phụng sự). Chính nghiệp quả điều chỉnh những sắp xếp đã được tạo ra cho phù hợp với nguyên mẫu—trong thời gian.

311. Manas is "originating cause" because it operates from the causal levels of the mental plane. Incarnation begins on the higher mental plane. The Monad sustains the egoic lotus, but the egoic lotus acts as a semi-autonomous center for millions of years of human evolution and is thus the origin of causes felt in the three lower worlds.

311. Manas là "nguyên nhân khởi phát" vì nó vận hành từ các cấp nguyên nhân của cõi trí. Sự nhập thể bắt đầu trên Cõi thượng trí. Chân thần duy trì Hoa Sen Chân Ngã, nhưng Hoa Sen Chân Ngã hành động như một trung tâm bán tự trị trong hàng triệu năm tiến hoá của nhân loại và do đó là nguồn gốc của những nguyên nhân được cảm nhận trong ba cõi thấp.

312. As for *will*, in a certain respect, manas is *will in action*—or should we say, 'will in intelligent action'.

312. Còn về *ý chí*, trong một phương diện nào đó, manas là *ý chí trong hành động*—hay nên nói là, "ý chí trong hành động thông minh".

313. In relation to time, when manas is transmuted into buddhi, the normal sense of time is also transcended, and the Eternal Now begins to be meaningful because experienced.

313. Xét trong liên hệ với thời gian, khi manas được chuyển hoá thành Bồ đề, cảm thức bình thường về thời gian cũng được siêu vượt, và Hiện Tại Vĩnh Cửu bắt đầu trở nên có ý nghĩa vì được kinh nghiệm.

314. This "esoteric four" is enigmatical. We could be speaking of an occultly concealed chakra with four major parts.

314. "Bốn huyền bí" này thật khó hiểu. Chúng ta có thể đang nói đến một luân xa được che giấu một cách huyền bí với bốn phần chính.

315. We could correlate the esoteric four with the spiritual triad and the Monad (four in all). This grouping would be a higher tetrahedron.

315. Chúng ta có thể liên hệ bốn huyền bí với Tam Nguyên Tinh Thần và chân thần (tổng cộng là bốn). Nhóm này sẽ là một tứ diện cao hơn.

316. The burning out of the fires of matter and of mind occurs at the *fourth* initiation and surely the "esoteric four" has something to do with this process. What do the spiritual triad and the Monad (four in all)

316. Sự đốt cạn các lửa của vật chất và của trí tuệ xảy ra vào lần điểm đạo thứ *tư*, và chắc chắn "bốn huyền bí" có điều gì đó liên quan đến tiến trình này. Tam Nguyên Tinh Thần và chân thần (tổng cộng là bốn) đóng

contribute to the relative liberation into Spirit at the time of the fourth degree?

317. We might also say that the four Rays of Attribute are involved in this liberation as are the Lords of Karma (of which there are *four* concerned at this point of development).

318. The ajna center is also a four and at a certain point of evolution is the conduit for triadal energies. Thus, the spiritual triad would come into play via this mediating center. The fourfold ajna is necessarily of great importance during the processes of the fourth initiation.

319. It would seem that we are skirting around the edges of a profound mystery which requires the kind of penetration we cannot bring to the subject.

III. THE PRESENT STAGE OF MANASIC DEVELOPMENT IN THE THREE GROUPS

320. When we speak of "the three groups" what do we mean? Text that follows suggest we are speaking of Planetary Logoi, Solar Logoi and Cosmic Logoi.

Literally, should we paraphrase this sentence, we might express it in the form of

αν ενθυιρψ ασ το τηε ποιντ αττα ινεδ ιν τηε αχτιωε ωορκινγ ουτ οφ τηε πυρποσεσ οφ τηε γρεατ Εντιτιεσ ινωολωεδ ιν χοσμιχ ανδ σψστεμιχ μανιφεστατιον;

321. Here cosmic and systemic Entities are mentioned. We are examining Their

góp gì cho sự giải thoát tương đối vào trong tinh thần vào lúc cấp độ thứ tư?

317. Chúng ta cũng có thể nói rằng bốn Các Cung Thuộc Tính có liên quan đến sự giải thoát này, cũng như các Đấng Nghiệp Quả (trong số đó có *bốn* vị liên hệ ở điểm phát triển này).

318. Trung tâm ajna cũng là một bốn và ở một điểm tiến hoá nào đó là ống dẫn cho các năng lượng tam nguyên tinh thần. Vì vậy, Tam Nguyên Tinh Thần sẽ đi vào hoạt động qua trung tâm trung gian này. Ajna tứ phân tất yếu có tầm quan trọng lớn lao trong các tiến trình của lần điểm đạo thứ tư.

319. Dường như chúng ta đang lướt quanh các rìa của một huyền nhiệm sâu xa, đòi hỏi một loại xuyên thấu mà chúng ta không thể đem đến cho đề tài này.

III. GIAI ĐOẠN HIỆN NAY CỦA SỰ PHÁT TRIỂN MANAS TRONG BA NHÓM

320. Khi chúng ta nói về "ba nhóm" thì chúng ta muốn nói gì? Phần văn bản tiếp theo gợi ý rằng chúng ta đang nói về các Hành Tinh Thượng Đế, các Thái dương Thượng đế và các Vũ trụ Thượng đế.

Theo nghĩa đen, nếu diễn giải lại câu này, chúng ta có thể trình bày nó dưới hình thức

một sự khảo cứu về điểm đã đạt được trong việc triển khai tích cực các mục đích của những Thực Thể vĩ đại liên quan đến sự biểu hiện vũ trụ và hệ thống;

321. Ở đây các Thực Thể vũ trụ và hệ thống được nhắc đến. Chúng ta đang khảo sát các

purposes and the degree to which They have worked out these purposes.

mục đích của Các Ngài và mức độ mà Các Ngài đã triển khai những mục đích ấy.

ωε μιγητ αλσο ενθυιρε ιφ τηε ιντελλιγεντ ωιλλ οφ τηε χοσμιχ Λογοσ ανδ οφ τηε σολαρ Λογοσ ανδ εθυαλλψ (ωιτηιν τηε σψστεμ) οφ τηε διφφερεντ πλανεταρψ Λογοι, προχεεδεδ σατισφαχτοριλψ το α σταγε ωηερε ιτ χαν βε βοτη αππρεχιατεδ ανδ σομεωηατ χομπρεηενδεδ.

chúng ta cũng có thể khảo cứu xem **ý chí thông minh** của Vũ trụ Thượng đế và của Thái dương Thượng đế và cũng vậy (trong hệ thống) của các Hành Tinh Thượng Đế khác nhau, có tiến triển thỏa đáng đến **một giai đoạn mà nó có thể vừa được cảm nhận vừa được phần nào thấu hiểu hay không.**

322. In the preceding section DK speaks of "purposes" and here of "intelligent will". There is a difference. Purpose is related far more to destined pattern and intelligent will to dynamic execution of purpose.

322. Trong phần trước, Chân sư DK nói về "các mục đích", còn ở đây là "ý chí thông minh". Có một sự khác biệt. Mục đích liên hệ nhiều hơn đến mô hình đã được định sẵn, còn ý chí thông minh liên hệ đến sự thực thi năng động của mục đích.

323. It is likely that such exalted purposes are so remote from our understanding that we would not be able to detect anything about the degree towards which such purposes have progressed towards manifestation. With the help of the Master's far broader understanding we may, however, learn something.

323. Có khả năng là những mục đích cao siêu như thế quá xa vời đối với sự thấu hiểu của chúng ta đến nỗi chúng ta sẽ không thể nhận ra điều gì về mức độ mà những mục đích ấy đã tiến tới sự biểu hiện. Tuy nhiên, với sự trợ giúp của hiểu biết rộng lớn hơn rất nhiều của Chân sư, chúng ta có thể học được đôi điều.

324. Appreciation precedes comprehension. We may appreciate something about the grandeur and beauty of the manifestation in progress without really understanding the design and details of the process.

324. Sự cảm nhận đi trước sự thấu hiểu. Chúng ta có thể cảm nhận được phần nào sự hùng vĩ và vẻ đẹp của sự biểu hiện đang diễn ra mà không thực sự hiểu được thiết kế và các chi tiết của tiến trình.

These thoughts are involved in the consideration of this point, and open up for us much of very real interest. It should here be pointed out that the **manasic principle (whether cosmic, systemic, or human) manifests in five ways,**

Những tư tưởng này có liên quan đến việc xem xét điểm này, và mở ra cho chúng ta nhiều điều thật sự đáng quan tâm. Ở đây cần chỉ ra rằng **nguyên khí manas (dù là vũ trụ, hệ thống hay nhân loại) biểu lộ theo năm cách,**

325. These five ways take us to the brahmic level of attainment.

325. Năm cách này đưa chúng ta đến cấp độ brahmic của thành tựu.

326. From one perspective, Saturn, the Head of the brahmic development, is the fifth factor counting from below. He (correlated with the Rays of Aspect) supervises the development of four lesser factors correlated with the Rays of Attribute.

326. Từ một góc nhìn, Sao Thổ, Đấng Đứng Đầu sự phát triển brahmic, là yếu tố thứ năm tính từ dưới lên. Ngài (được liên hệ với Các Cung Trạng Thái) giám sát sự phát triển của bốn yếu tố nhỏ hơn được liên hệ với Các Cung Thuộc Tính.

is transmuted into wisdom after its fivefold manifestation,

được chuyển hoá thành minh triết sau sự biểu lộ ngũ phân của nó,

327. The number *six* is properly correlated with buddhi which is the *sixth* principle. So often buddhi is related to the principle of *love* but it can just as legitimately be related to *wisdom*. The Buddha (conditioned naturally by buddhi) is the "Lord of Wisdom".

327. Con số *sáu* được liên hệ đúng đắn với Bồ đề, vốn là nguyên khí thứ *sáu*. Bồ đề thường được liên hệ với nguyên khí của *bác ái*, nhưng cũng hoàn toàn chính đáng khi liên hệ nó với *minh triết*. Đức Phật (được Bồ đề tác động một cách tự nhiên) là "Chúa Tể của Minh Triết".

2. The Buddha, the Lord of Wisdom, bringing spiritual light to the Hierarchy and revealing what is the divine purpose. (EXH 464)

2. Đức Phật, Chúa Tể của Minh Triết, mang ánh sáng tinh thần đến cho Thánh đoàn và mặc khải đâu là mục đích thiêng liêng. (EXH 464)

and eventually is resolved into pure will or power.

và cuối cùng được phân giải thành ý chí hay quyền năng thuần túy.

328. This is the seventh factor and we may consider it to be an atmic demonstration. Atma is the plane of spiritual will and spiritual power.

328. Đây là yếu tố thứ bảy và chúng ta có thể xem đó là một biểu hiện atma. Atma là cõi của ý chí tinh thần và quyền năng tinh thần.

329. We remember that there is a difference between atma and the Atman. Principles are seven expression of the Monad which is, essentially, the Atman. Atma is the first such expression, but sometimes called the *seventh* principle.

329. Chúng ta nhớ rằng có một sự khác biệt giữa atma và Atman. Các nguyên khí là bảy biểu hiện của chân thần, vốn về bản chất là Atman. Atma là biểu hiện đầu tiên như thế, nhưng đôi khi được gọi là nguyên khí thứ *bảy*.

Herein lies the clue; all the objective display we see around us in connection with the Heavenly Men, and with the cells of Their bodies, [Page 402] lies hidden in this.

Chính trong đây có đầu mối; toàn bộ sự phô bày khách quan mà chúng ta thấy quanh mình liên quan đến các Đấng Thiên Nhân,

và với các tế bào trong thể của Các Ngài, [Page 402] đều ẩn giấu trong điều này.

330. We move through the five, to the sixth and then the seventh.

330. Chúng ta đi qua năm, đến sáu rồi đến bảy.

331. From another perspective, we can think of moving progressively from the five-pointed star, to the six-pointed star (a higher interpretation of this star than merely representing form) and to the seven-pointed star.

331. Từ một góc nhìn khác, chúng ta có thể nghĩ đến việc tiến dần từ ngôi sao năm cánh, đến ngôi sao sáu cánh (một cách giải thích cao hơn về ngôi sao này chứ không chỉ đơn thuần là biểu tượng của hình tướng), rồi đến ngôi sao bảy cánh.

Herein may be found the mystery of the five Kumaras,

Chính trong đây có thể tìm thấy huyền nhiệm của năm Kumaras,

332. Are these intra-planetary or systemic (i.e., *planetary*) Kumaras? When dealing with Kumaras on our planet it is easier to think of *four* of them. When thinking of Kumaras within the solar system, *five* is a number easily cognized—Saturn and the lesser four. From another perspective, we deal with one Ray of Aspect and four Rays of Attribute.

332. Đây là các Kumaras nội hành tinh hay hệ thống (tức là *hành tinh*)? Khi bàn về các Kumaras trên hành tinh của chúng ta, sẽ dễ hơn nếu nghĩ đến *bốn* vị trong số các Ngài. Khi nghĩ đến các Kumaras trong hệ mặt trời, *năm* là một con số dễ nhận thức—Sao Thổ và bốn vị nhỏ hơn. Từ một góc nhìn khác, chúng ta xử lý một Cung Trạng Thái và bốn Các Cung Thuộc Tính.

333. It is likely in this section that the focus is specifically upon the Kumaras Who are five of the Heavenly Men.

333. Có khả năng trong phần này trọng tâm đặc biệt đặt vào các Kumaras là năm vị trong số các Đấng Thiên Nhân.

Who are awaiting the final resolution,

Đấng đang chờ đợi sự phân giải cuối cùng,

334. That resolution is the stage of obscuration, synthesis and absorption through which they pass. They are synthesized or absorbed into the two remaining synthesizing planets—Neptune and Uranus.

334. Sự phân giải ấy là giai đoạn mờ khuất, tổng hợp và hấp thu mà các Ngài đi qua. Các Ngài được tổng hợp hay hấp thu vào hai hành tinh tổng hợp còn lại—Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương.

335. When se think of synthesis in relation to the Planetary Logoi, there are two perspectives:

335. Khi chúng ta nghĩ đến sự tổng hợp liên hệ với các Hành Tinh Thượng Đế, có hai góc nhìn:

a. The synthesizing by the Logos of a particular planet of all life within His planetary system

a. Sự tổng hợp bởi Thượng đế của một hành tinh nhất định đối với mọi sự sống trong hệ hành tinh của Ngài

b. The synthesising of a particular Planetary Logos *into* one of the Planetary Logoi Who expresses through a *synthesizing* planet.

b. Sự tổng hợp của một Hành Tinh Thượng Đế nhất định *vào* một trong các Hành Tinh Thượng Đế biểu lộ qua một hành tinh *tổng hợp*.

336. If we wish to speak of five kumaras on the *intra*-planetary level (for instance in relation to our Planetary Logos), then one of the Esoteric Kumaras would have to be chosen. This would be a veiled line of inquiry. Further, so much that transpires on our planet resonates to the number four because we are in focussed in the fourth chain and fourth globe of our Earth-scheme and because we are in the fourth round of that fourth chain. We may, as well, be experiencing the fourth *scheme* round.

336. Nếu chúng ta muốn nói về năm kumaras ở cấp độ *nội*-hành tinh (chẳng hạn liên hệ với Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta), thì một trong các Kumaras Huyền Bí sẽ phải được chọn. Đây sẽ là một đường khảo cứu được che giấu. Hơn nữa, quá nhiều điều diễn ra trên hành tinh chúng ta cộng hưởng với con số bốn vì chúng ta đang tập trung trong dãy thứ tư và bầu hành tinh thứ tư của hệ hành tinh Địa Cầu, và vì chúng ta đang ở trong cuộc tuần hoàn thứ tư của dãy thứ tư ấy. Chúng ta cũng có thể đang trải qua cuộc tuần hoàn thứ tư của *hệ hành tinh*.

and **herein is secreted the knowledge of divine alchemy, which is based on the five elements,**

và **chính trong đây được cất giấu tri thức về thuật luyện kim thiêng liêng, vốn dựa trên năm nguyên tố,**

337. Perhaps something of Chinese alchemy (with its *five* elements) is suggested. If not, the aether will represent the fifth element. The aether correlates with Saturn, the atmic plane, and the first of the five brahmic Planetary Logoi.

337. Có lẽ một điều gì đó của thuật luyện kim Trung Hoa (với *năm* nguyên tố của nó) được gợi ra. Nếu không, dĩ thái sẽ đại diện cho nguyên tố thứ năm. Dĩ thái tương ứng với Sao Thổ, cõi atma, và vị đầu tiên trong năm Hành Tinh Thượng Đế brahmic.

338. Five is a number often associated with alchemy; Venus (soul-bearer of the five) is an alchemical and transmutative planet.

338. Năm là một con số thường được gắn với thuật luyện kim; Sao Kim (đấng mang linh hồn của số năm) là một hành tinh luyện kim và chuyển hoá.

and is concerned with **their transformation into a primal element** through the medium of an intermediate stage.

và liên quan đến **sự chuyển đổi chúng thành một nguyên tố nguyên sơ** qua trung gian của một giai đoạn trung gian.

339. VSK inquires: “The Pisces, Aries, Taurus, Gemini, and Cancer Kumaras?”

339. VSK hỏi: “Các Kumaras Song Ngư, Bạch Dương, Kim Ngưu, Song Tử và Cự Giải chăng?”

340. It is evident that we are not certain about whether we are speaking on a planetary level or of a certain number of the Sons of Brahma—the Divine Manasaputras.

340. Rõ ràng là chúng ta không chắc liệu mình đang nói ở cấp độ hành tinh hay đang nói về một số nhất định các Con của Brahma —các Manasaputras Thiêng Liêng.

341. If we think in terms of the sub-planes of the cosmic physical planes, the five elements can accord with each of the first five planes numbering from below and ending with the atmic plane. In this case the intermediate stage would be the akasha and would correlate with the monadic plane. The “primal element” would be the “Sea of Fire”.

341. Nếu chúng ta suy nghĩ theo các cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ, năm nguyên tố có thể tương ứng với mỗi một trong năm cõi đầu tiên tính từ dưới lên và kết thúc ở cõi atma. Trong trường hợp này, giai đoạn trung gian sẽ là akasha và sẽ tương ứng với cõi chân thần. “Nguyên tố nguyên sơ” sẽ là “Biển Lửa”.

342. If we wish to remain within the fivefold realm of Brahma, which is useful (if somewhat compressed)—

342. Nếu chúng ta muốn vẫn ở trong lĩnh vực ngũ phân của Brahma, điều này hữu ích (dù có phần cô đọng)—

a. The five will take us into the realm of the soul

a. Năm sẽ đưa chúng ta vào lĩnh vực của linh hồn

b. The sixth or intermediate stage will be buddhic

b. Giai đoạn thứ sáu hay trung gian sẽ là Bồ đề

c. The primal element will be encountered on the nirvanic plane—i.e., the atmic plane.

c. Nguyên tố nguyên sơ sẽ được gặp trên cõi Niết Bàn—tức là cõi atma.

343. This latter approach might be appropriate for the microcosm and for those at our particular level of evolution. We are not about to reach unto the logoic plane.

343. Cách tiếp cận sau này có thể thích hợp cho tiểu thiên địa và cho những ai ở cấp độ tiến hoá đặc thù của chúng ta. Chúng ta chưa sắp vươn tới cõi logoic.

344. However, when speaking of a "primal element" in relation to the cosmic physical plane, it is hard to avoid the impression that it must be correlated with the "Sea of Fire" on the logoic plane.

344. Tuy nhiên, khi nói về một "nguyên tố nguyên sơ" liên hệ với cõi hồng trần vũ trụ, thật khó tránh khỏi ấn tượng rằng nó phải tương ứng với "Biển Lửa" trên cõi logoic.

1. In the Planets.

1. Trong các Hành Tinh.

Occult students need, in considering these points, to remember very clearly the distinction between transmutation and the final resolution;

Các đạo sinh huyền bí học cần, khi xem xét những điểm này, phải nhớ thật rõ sự phân biệt giữa chuyển hoá và sự phân giải cuối cùng;

345. Transmutation is a transitional process; once it is completed the final resolution can occur. Transmutation precedes synthesis.

345. Chuyển hoá là một tiến trình chuyển tiếp; một khi nó hoàn tất thì sự phân giải cuối cùng mới có thể xảy ra. Chuyển hoá đi trước tổng hợp.

between the process of transforming the five elements, esoterically understood, and the final resolution of the transmuted essences into their synthesis.

giữa tiến trình chuyển đổi năm nguyên tố, được hiểu theo nghĩa huyền bí, và **sự phân giải cuối cùng của các tinh chất đã được chuyển hoá vào trong sự tổng hợp của chúng**.

346. We can speak of this process in relation to a human being, a Planetary Logos or a Solar Logos and beyond.

346. Chúng ta có thể nói về tiến trình này trong liên hệ với một con người, một Hành Tinh Thượng Đế hay một Thái dương Thượng đế và vượt hơn nữa.

347. When we speak of elements, we tend to think of chemistry and physics, but even great Entities can be discussed in terms of the elements (qualities) They represent.

347. Khi nói đến các nguyên tố, chúng ta có xu hướng nghĩ đến hóa học và vật lý, nhưng ngay cả các Thực Thể vĩ đại cũng có thể được bàn đến theo các nguyên tố (phẩm tính) mà Các Ngài biểu hiện.

This has a vital bearing upon our subject, for resolution is as yet by no means possible, and the process of transmutation is only just beginning in the majority of cases.

Điều này có liên hệ thiết yếu đến đề tài của chúng ta, vì sự phân giải hiện vẫn hoàn toàn chưa thể có, và tiến trình chuyển hoá chỉ mới bắt đầu trong đa số trường hợp.

348. DK is realistic about where we stand—as the microcosm. The Planetary Logoi and

348. Chân sư DK rất thực tế về vị trí của chúng ta—với tư cách tiểu thiên địa. Các

Solar Logoi are also nowhere near the completion of Their process.

Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế cũng còn rất xa mới hoàn tất tiến trình của Các Ngài.

349. To be quite practical, mankind, as a whole, is just learning what transmutation is. The imminent first initiation for a significant number of the Sons of Men will signal that transmutation has begun in earnest.

349. Nói một cách thật thực tiễn, nhân loại nói chung chỉ mới đang học chuyển hoá là gì. Lần điểm đạo thứ nhất sắp đến đối với một số lượng đáng kể những người con của nhân loại sẽ báo hiệu rằng sự chuyển hoá đã thực sự bắt đầu.

In studying these subjects **we have necessarily to confine ourselves to the Heavenly Men**, for the human units—as cells in Their body—are of course included in all that is posited about Them,

Khi nghiên cứu những đề tài này, **chúng ta tất yếu phải giới hạn mình vào các Đấng Thiên Nhân**, vì các đơn vị nhân loại—với tư cách là những tế bào trong thể của Các Ngài—dĩ nhiên đã được bao hàm trong tất cả những gì được khẳng định về Các Ngài,

350. Again the practical and deliberately self-limiting approach. There is probably much that can be said about our Solar Logos and even about Cosmic Logoi, but no experience of these processes in relation to those levels is possible for us.

350. Lại một lần nữa, đây là cách tiếp cận thực tiễn và cố ý tự giới hạn. Có lẽ có nhiều điều có thể được nói về Thái dương Thượng đế của chúng ta và thậm chí về các Vũ trụ Thượng đế, nhưng đối với chúng ta, không thể có kinh nghiệm nào về các tiến trình này trong liên hệ với những cấp độ ấy.

and until it is known which cosmic Logos recognises our solar Logos as a centre in His body, and which six other systems are affiliated with ours, it will not be possible to touch upon the systemic stage of manasic development.

và cho đến khi biết được Vũ trụ Thượng đế nào nhìn nhận Thái dương Thượng đế của chúng ta như một trung tâm trong thân thể của Ngài, và sáu hệ thống nào khác liên kết với hệ của chúng ta, thì sẽ không thể chạm đến giai đoạn hệ thống của sự phát triển manas.

351. It is sometimes debated whether our Solar Logos is a chakra in a Cosmic Logos or in the One About Whom Naught May Be Said. Whereas the Teaching speaks only of one One About Whom Naught May Be Said, it references seven Cosmic Logoi. Consult TCF 293. It may be inferred that there are a number of Cosmic Logoi, but only in one of Them is our Solar Logos a chakra. Although it can reasonably be inferred that there are

351. Đôi khi người ta tranh luận liệu Thái dương Thượng đế của chúng ta là một luân xa trong một Vũ trụ Thượng đế hay trong Đấng Bất Khả Tư Nghị. Trong khi Giáo Huấn chỉ nói đến *một* Đấng Bất Khả Tư Nghị, thì nó lại nhắc đến bảy Vũ trụ Thượng đế. Hãy tham khảo TCF 293. Có thể suy ra rằng có một số Vũ trụ Thượng đế, nhưng chỉ trong *một* trong số Các Ngài thì Thái dương Thượng đế của chúng ta mới là một luân xa.

seven Ones About Whom Naught May Be Said, the Teaching only speaks of one. The inference, then, is that a Cosmic Logos is different from the One About Whom Naught May Be Said or a One About Whom Naught May Be Said, and that our Solar Logos is a chakra in only one of the seven Cosmic Logoi.

Mặc dù có thể suy ra một cách hợp lý rằng có *bảy Đấng* Bất Khả Tư Nghị, Giáo Huấn chỉ nói đến một Đấng. Do đó, suy luận là một Vũ trụ Thượng đế *khác với* Đấng Bất Khả Tư Nghị hay *một* Đấng Bất Khả Tư Nghị, và rằng Thái dương Thượng đế của chúng ta là một luân xa chỉ trong *một* trong bảy Vũ trụ Thượng đế.

352. To recognize which six other systems are affiliated with ours is a challenge. Some of us have attempted to determine the constituents of our 'local' Cosmic Logos. We have hypothesized stars/Solar Logoi which may represent some of His chakras.

352. Việc nhận ra sáu hệ thống nào khác liên kết với hệ của chúng ta là một thách thức. Một số người trong chúng ta đã cố gắng xác định các thành phần của Vũ trụ Thượng đế 'địa phương' của chúng ta. Chúng tôi đã giả thuyết về các ngôi sao/các Thái dương Thượng đế có thể đại diện cho một số luân xa của Ngài.

353. Among them have been:

353. Trong số đó có:

a. Sirius

a. Sirius

b. Procyon

b. Procyon

c. Vega

c. Vega

d. Sol (our Sun)

d. Sol (Mặt Trời của chúng ta)

e. Fomalhaut

e. Fomalhaut

f. Alpha Centauri

f. Alpha Centauri

g. Altair

g. Altair

354. The Cosmic Logos embracing these seven as major chakras could be called the Sirian Logos.

354. Vũ trụ Thượng đế bao gồm bảy trung tâm lớn này có thể được gọi là Sirian Logos.

355. This proposal may or may not be correct, but it gets us thinking.

355. Đề xuất này có thể đúng hoặc không đúng, nhưng nó khiến chúng ta suy nghĩ.

356. Some have suggested that "Royal Stars" should not be included and that lesser known stars closer at hand should find their place in the enumeration. The matter is open for careful, intuitive, astronomical research.

356. Một số người đã gợi ý rằng không nên bao gồm các "Ngôi Sao Hoàng Gia", và rằng những ngôi sao ít được biết đến hơn nhưng gần hơn nên có chỗ trong sự liệt kê này. Vấn đề này vẫn để ngỏ cho sự nghiên cứu cẩn trọng, trực giác và thiên văn học.

357. What is the "systemic stage of manasic development"? May we say that it involves the Source or Sources of manas to our solar system and six affiliated solar systems? As well, it may involve the manner in which that manas expresses 'coordinatively' through our solar system. If planetary lore is veiled to us, how much more so is solar systemic lore!

357. "Giai đoạn hệ thống của sự phát triển manas" là gì? Chúng ta có thể nói rằng nó liên quan đến Nguồn hay các Nguồn của manas đối với hệ mặt trời của chúng ta và sáu hệ mặt trời liên kết khác chăng? Đồng thời, nó cũng có thể liên quan đến cách thức manas ấy biểu lộ một cách 'phối hợp' qua hệ mặt trời của chúng ta. Nếu tri thức hành tinh còn bị che giấu đối với chúng ta, thì tri thức hệ mặt trời lại càng như thế hơn biết bao!

358. Despite what DK says here, it seems that He *does* somewhat touch upon manasic development in the system (beginning with TCF 408)

358. Bất chấp điều Chân sư DK nói ở đây, dường như Ngài *quả thật* có phần chạm đến sự phát triển manas trong hệ thống (bắt đầu từ TCF 408)

359. In the section above DK speaks of six other "systems" affiliated with ours. This seems reasonable. Elsewhere He speaks of six other "constellations" associated with our solar system—but then, much depends on what is meant by the term "solar system". As we have elaborated in other Commentaries, a "solar system" may be a constellation which is, after all, a *system* of *stars* (all of these stars, naturally being *solar*).

359. Trong phần trên, Chân sư DK nói về sáu "hệ thống" khác liên kết với hệ của chúng ta. Điều này có vẻ hợp lý. Ở nơi khác, Ngài nói về sáu "chòm sao" khác liên kết với hệ mặt trời của chúng ta—nhưng rồi, nhiều điều phụ thuộc vào ý nghĩa của thuật ngữ "hệ mặt trời". Như chúng tôi đã khai triển trong các Cổ Luận khác, một "hệ mặt trời" có thể là một chòm sao, vốn rốt cuộc là một *hệ thống* của các *ngôi sao* (mà tất cả những ngôi sao này, dĩ nhiên, đều là *thái dương*).

Scientists have not yet admitted into their calculations the fact that our solar system is revolving around a cosmic centre **along with six other constellations of even greater magnitude in the majority of cases than ours, only one being approximately of**

Các nhà khoa học vẫn chưa đưa vào các tính toán của họ sự kiện rằng hệ mặt trời của chúng ta đang quay quanh một trung tâm vũ trụ **cùng với sáu chòm sao khác, trong đa số trường hợp có tầm vóc còn lớn hơn hệ của chúng ta, chỉ có một chòm sao xấp xỉ**

the same magnitude as our solar system. (TCF 1084)

But in connection with the Heavenly Men certain facts are possible of theoretical comprehension, even though not as yet demonstrable to the scientific mind.

360. It is evident that we are working ahead of the possibility of scientific confirmation in the present day. The day will come, however, but will we have to wait for such confirmation until the fifth round?

361. Perhaps, what we are discussing is somewhat demonstrable to the *intuitive* mind, and if scientists possess such a mind, it will be somewhat demonstrable to them as well.

We will, as usual, tabulate our premises, and thus keep clearly in mind, and visualised, the points under investigation:

362. We follow text-book methods.

First. It might first be said that the third aspect, combined with the second, or Brahma and Vishnu allied, go to the totality of the Divine Manasaputras.

363. The Heavenly Men are Divine Manasaputras or extra-planetary/systemic Kumaras. They are the higher octave of our intra-planetary Kumaras.

364. The Kumaras of which we are speaking are Divine Manasaputras.

cùng tầm vóc với hệ mặt trời của chúng ta mà thôi. (TCF 1084)

Nhưng liên quan đến các Đấng Thiên Nhân thì một số sự kiện có thể được thấu hiểu trên phương diện lý thuyết, dù hiện nay vẫn chưa thể chứng minh đối với trí tuệ khoa học.

360. Rõ ràng là hiện nay chúng ta đang đi trước khả năng xác nhận của khoa học. Tuy nhiên, ngày ấy sẽ đến, nhưng liệu chúng ta có phải chờ đến cuộc tuần hoàn thứ năm mới có được sự xác nhận ấy không?

361. Có lẽ điều chúng ta đang bàn đến phần nào có thể được chứng minh đối với trí tuệ *trực giác*, và nếu các nhà khoa học sở hữu một trí tuệ như thế, thì nó cũng sẽ phần nào có thể được chứng minh đối với họ.

Như thường lệ, chúng ta sẽ lập bảng các tiền đề của mình, và nhờ đó giữ rõ ràng trong tâm trí, và được hình dung, những điểm đang được khảo sát:

362. Chúng ta theo các phương pháp của sách giáo khoa.

Thứ nhất. Trước hết có thể nói rằng phương diện thứ ba, kết hợp với phương diện thứ hai, hay Brahma và Vishnu liên kết, tạo nên tổng thể các Manasaputras Thiêng Liêng.

363. Các Đấng Thiên Nhân là các Manasaputras Thiêng Liêng hay các Kumaras ngoại hành tinh/hệ thống. Các Ngài là quãng tám cao hơn của các Kumaras nội hành tinh của chúng ta.

364. Các Kumaras mà chúng ta đang nói đến là các Manasaputras Thiêng Liêng.

365. They are not yet "Lions of Cosmic Will" as is the Grand Heavenly Man. In many respects They have mastered Mind (third aspect) and are expressions of Love (second aspect). They have not yet dealt *fully* with the first aspect and in some of them it is relatively latent.

365. Các Ngài chưa phải là "Những Sư Tử của Ý Chí Vũ Trụ" như Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại. Trong nhiều phương diện, Các Ngài đã làm chủ Trí Tuệ (phương diện thứ ba) và là những biểu hiện của Bác Ái (phương diện thứ hai). Các Ngài vẫn chưa đề cập *trọn vẹn* đến phương diện thứ nhất, và trong một số vị, nó còn tương đối tiềm ẩn.

They are Will utilising matter, or active intelligent substance, in order to demonstrate Love-Wisdom; all this is based on purpose, and has causation as a fundamental.

Các Ngài là Ý Chí sử dụng vật chất, hay chất liệu thông minh hoạt động, để biểu lộ Bác Ái – Minh Triết; tất cả điều này đều dựa trên mục đích, và lấy nhân quả làm nền tảng.

366. Compared to the microcosm, Their experience with Will is vast, but on Their own cosmic level, Their experience with Will is relatively nascent.

366. So với tiểu thiên địa, kinh nghiệm của Các Ngài với Ý Chí là bao la, nhưng trên cấp độ vũ trụ riêng của Các Ngài, kinh nghiệm ấy với Ý Chí còn tương đối sơ khai.

This [Page 403] Brahma aspect is fivefold and, with the Vishnu aspect, makes the six, or the pentagon, having Mahadeva or Will in the centre of all manifestation.

Phương diện Brahma này là ngũ phân và, cùng với phương diện Vishnu, tạo thành sáu, hay ngũ giác, với Mahadeva hay Ý Chí ở trung tâm của mọi biểu hiện.

367. The pentagon is fivefold. With Vishnu, it seems more correct to speak of the hexagon. Mahadeva, or Will, will occupy the center of the hexagon.

367. Ngũ giác là ngũ phân. Cùng với Vishnu, có vẻ đúng hơn khi nói đến lục giác. Mahadeva, hay Ý Chí, sẽ chiếm trung tâm của lục giác.

368. Definitely, seven divisions are mentioned so it is curious to see the word "pentagon" following the phrase, "makes the six". Are we dealing with a misprint or an unusual wording?

368. Rõ ràng có nhắc đến bảy phân chia, nên thật lạ khi thấy từ "ngũ giác" theo sau cụm từ "tạo thành sáu". Chúng ta đang đối diện với một lỗi in hay một cách diễn đạt bất thường?

Second. This fivefold Brahma aspect or the five Kumaras, are in full manifestation, and, with **the reflection of the other two aspects**, make the seven of our manifested system.

Thứ hai. Phương diện Brahma ngũ phân này hay năm Kumaras đang ở trong sự biểu hiện trọn vẹn, và cùng với **sự phản chiếu của hai phương diện kia**, tạo thành bảy của hệ thống biểu hiện của chúng ta.

369. It is certainly clear that at this point we are speaking of systemic Kumaras or Divine Heavenly Man.

369. Chắc chắn rõ ràng rằng ở điểm này chúng ta đang nói về các Kumaras hệ thống hay Đấng Thiên Nhân Thiêng Liêng.

370. The other two aspects are the first and second.

370. Hai phương diện kia là phương diện thứ nhất và thứ hai.

371. Brahma is in full manifestation. We are still transiting through that aspect of solar systemic development which is correlated with the quality of the previous (brahmic) solar system, but the second aspect is rapidly emerging.

371. Brahma đang ở trong sự biểu hiện trọn vẹn. Chúng ta vẫn đang quá cảnh qua phương diện phát triển hệ mặt trời tương ứng với phẩm tính của hệ mặt trời trước đó (brahmic), nhưng phương diện thứ hai đang nhanh chóng xuất hiện.

372. The two other aspects are not fully in manifestation. Perhaps that is why only the *reflection* of the two other aspects is numbered with the five which are in full manifestation.

372. Hai phương diện kia chưa biểu hiện trọn vẹn. Có lẽ đó là lý do chỉ có *sự phản chiếu* của hai phương diện kia được tính cùng với năm phương diện đang biểu hiện trọn vẹn.

373. VSK asks: "In the SD we are told that the two Kumaras who fell, the rose and orange, are from the top two subplanes of the cosmic astral. Are they the reflections referred to?"

373. VSK hỏi: "Trong Giáo Lý Bí Nhiệm, chúng ta được cho biết rằng hai Kumaras sa ngã, màu hồng và cam, đến từ hai cõi phụ cao nhất của cõi cảm dục vũ trụ. Có phải họ là những sự phản chiếu được nhắc đến không?"

374. I would suggest we ponder on VSK's question. It is a difficult one. Do we find that the colors rose and orange could reasonably correlate with the first and second sub-planes of the cosmic astral plane?

374. Tôi xin gợi ý rằng chúng ta hãy suy ngẫm về câu hỏi của VSK. Đó là một câu hỏi khó. Chúng ta có thấy rằng các màu hồng và cam có thể tương ứng một cách hợp lý với cõi phụ thứ nhất và thứ hai của cõi cảm dục vũ trụ không?

375. The other "two aspects" may relate to the cosmic astral plane and the cosmic mental plane; only their "reflections" would be found upon the cosmic physical plane. Neptune and Uranus may be involved in this reflecting process (cf. TCF 406).

375. Hai "phương diện" kia có thể liên hệ với cõi cảm dục vũ trụ và cõi trí vũ trụ; chỉ những "sự phản chiếu" của chúng mới được tìm thấy trên cõi hồng trần vũ trụ. Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương có thể có liên quan đến tiến trình phản chiếu này (xem TCF 406).

376. Are Venus and Mercury also to be considered as “reflections” of the other two aspects or are the Logoi of these schemes numbered among the five Kumaras in full manifestation?

376. Sao Kim và Sao Thủy cũng có được xem là những “sự phản chiếu” của hai phương diện kia không, hay các Thượng đế của những hệ hành tinh này được tính trong số năm Kumaras đang biểu hiện trọn vẹn?

377. When dealing with “reflections” we have to ask, “In what medium do the reflections occur”? Are the “reflections” lesser Planetary Logoi related to the two aspects which cannot yet be in full manifestation? Are Neptune and Uranus to be considered “reflections” of the first and second Logoi (surrounding the Solar Logos) and is Saturn the “reflection” of the third Logos? These are deep and difficult questions and demand a considerable understanding of solar systemic structure.

377. Khi xử lý các “sự phản chiếu”, chúng ta phải hỏi, “Các sự phản chiếu ấy xảy ra trong môi trường nào?” Các “sự phản chiếu” có phải là những Hành Tinh Thượng Đế nhỏ hơn liên hệ với hai phương diện chưa thể biểu hiện trọn vẹn không? Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương có được xem là những “sự phản chiếu” của Logos thứ nhất và thứ hai (bao quanh Thái dương Thượng đế) không, và Sao Thổ có phải là “sự phản chiếu” của Logos thứ ba không? Đây là những câu hỏi sâu xa và khó khăn, đòi hỏi một sự thấu hiểu đáng kể về cấu trúc hệ mặt trời.

378. It could be that each of the Three Logoi (surrounding the Solar Logos) expresses through one of the lower three *cosmic* planes —etheric-physical, astral and mental.

378. Có thể là mỗi một trong Ba Logos (bao quanh Thái dương Thượng đế) biểu lộ qua một trong ba cõi *vũ trụ* thấp hơn—hồng trần-dĩ thái, cảm dục và trí.

Third. Mercury and Venus are in process of transmutation,

Thứ ba. Sao Thủy và Sao Kim đang trong tiến trình chuyển hoá,

379. Not yet of absorption. These are the two planets most advanced in their unfoldment.

379. chứ chưa phải hấp thu. Đây là hai hành tinh tiến bộ nhất trong sự khai mở của chúng.

380. They are, however, close to obscuration as we learn in the text. The time referenced below is the "Judgment Day".

380. Tuy nhiên, như chúng ta biết trong đoạn văn, Các Ngài đang tiến gần đến sự che khuất. Thời điểm được nhắc đến dưới đây là “Ngày Phán Xét”.

They might be roughly described as embracing that period in the system which began for us in the middle of the third root-race of this round and continues until the period called "the Judgment" [Page 390] in the coming fifth round. [in the middle of

Có thể mô tả đại khái rằng các Ngài bao trùm giai đoạn trong hệ thống đã bắt đầu đối với chúng ta vào giữa giống dân gốc thứ ba của cuộc tuần hoàn này và tiếp tục cho đến giai đoạn được gọi là “cuộc Phán Xét” [Page 390] trong cuộc tuần hoàn thứ năm sắp đến. [ở

that round, we are told] When that time comes our planetary Logos will have attained the initiation which is His present goal; the fifth round of the Venusian scheme will be closing, and the Venus scheme will begin to pass into obscuration, preparatory to transferring her life to the synthesising planet with which she is connected; (TCF 389-390)

giữa cuộc tuần hoàn ấy, như chúng ta được cho biết] Khi thời điểm đó đến, Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta sẽ đạt được điểm đạo vốn là mục tiêu hiện tại của Ngài; cuộc tuần hoàn thứ năm của hệ hành tinh Kim Tinh sẽ khép lại, và hệ Kim Tinh sẽ bắt đầu đi vào sự che khuất, để chuẩn bị chuyển sự sống của mình sang hành tinh tổng hợp mà nó có liên hệ; (TCF 389-390)

6. Mercurian life will begin to synthesise, and to be transferred to its synthesising planet. In the case of Mercury this synthesising planet is not Saturn, but one of the other two higher major centres. (TCF 392)

6. Sự sống của Thủy Tinh sẽ bắt đầu tổng hợp và được chuyển sang hành tinh tổng hợp của nó. Trong trường hợp của Thủy Tinh, hành tinh tổng hợp này không phải là Thổ Tinh, mà là một trong hai trung tâm lớn cao hơn kia. (TCF 392)

and the manasic principle in both these schemes, having reached a high stage of development, is being transmuted into Love-Wisdom.

và nguyên khí manas trong cả hai hệ này, sau khi đã đạt đến một giai đoạn phát triển cao, đang được chuyển hoá thành Bác Ái – Minh Triết.

381. Hence the relation of Mercury and Venus to the buddhic principle. Love-Wisdom is buddhi.

381. Do đó có mối liên hệ của Thủy Tinh và Kim Tinh với nguyên khí Bồ đề. Bác Ái – Minh Triết là Bồ đề.

382. Given their relation to buddhi, it is hard to conceive of them as among the strictly *manasic* planets related to the lower quaternary of Brahma. They are planets in transition related in growing measure to Vishnu.

382. Xét theo mối liên hệ của chúng với Bồ đề, thật khó hình dung chúng thuộc về các hành tinh *manas* nghiêm ngặt liên hệ với bộ tứ thấp của Brahma. Chúng là những hành tinh đang trong giai đoạn chuyển tiếp, ngày càng liên hệ nhiều hơn với Vishnu.

383. They are certainly planets in which cosmic mind and cosmic love could be *reflected,* just as is the case with Uranus and Neptune on a higher turn of the spiral.

383. Chắc chắn chúng là những hành tinh trong đó trí tuệ vũ trụ và bác ái vũ trụ có thể được *phản chiếu,* cũng như trường hợp của Uranus và Neptune ở một vòng xoắn cao hơn.

When three fifths of the units (deva and human) that go to the composition of the vehicles of any planetary Logos are

Khi ba phần năm các đơn vị (thiên thần và nhân loại) cấu thành nên các vận cụ của bất kỳ Hành Tinh Thượng Đế nào đang bước

entering upon the Path, then the process of transmutation is entered upon.

384. We have recently been told that at the "Judgment Day" occurring in the fifth round of the fourth chain of the Earth-scheme three fifth of humanity will be upon the Probationary Path or the Path of Initiation. (cf. TCF 390).

385. Because the number three fifths includes some units on the Path of Initiation, we may infer than the process of transmutation as applied to our Earth-scheme will begin *before* the "Judgment Day". Perhaps it has already begun as suggested below..

386. The term “transmutation” as it is here used seems to refer to entrance into the fifth kingdom of nature which begins with entrance upon the Path.

The faculty of MIND is then an instrument for creative use, and not the "slayer of the real," and a barrier to the free life of the Spirit.

387. VSK alerts us to the same reference: “Notice the three fifths is the same proportion mentioned on pages 390-391, that of the number of human units who will be mentally polarized at the time of Judgment”.

388. It is especially the *concrete* mind that is the “slayer of the real”. Once transmutation begins to occur the mind is increasingly permeated by soul light which begins to *reveal* the possibilities of triadal and monadic life—i.e., the “life of the Spirit”.

vào Con Đường, thì tiến trình chuyển hoá được khởi sự.

384. Gần đây chúng ta đã được cho biết rằng vào “Ngày Phán Xét” xảy ra trong cuộc tuần hoàn thứ năm của dãy thứ tư của hệ Địa Cầu, ba phần năm nhân loại sẽ ở trên Con Đường Dự Bị hoặc Con Đường Điểm Đạo. (xem TCF 390).

385. Bởi vì con số ba phần năm bao gồm một số đơn vị trên Con Đường Điểm Đạo, chúng ta có thể suy ra rằng tiến trình chuyển hoá, khi áp dụng cho hệ Địa Cầu của chúng ta, sẽ bắt đầu *trước* “Ngày Phán Xét”. Có lẽ nó đã bắt đầu rồi như được gợi ý dưới đây..

386. Thuật ngữ “chuyển hoá” như được dùng ở đây dường như chỉ việc bước vào giới thứ năm của thiên nhiên, điều bắt đầu bằng việc bước vào Con Đường.

Khi ấy năng lực của TRÍ TUỆ là một công cụ để sử dụng một cách sáng tạo, chứ không phải là “kẻ sát hại cái thực”, và là một rào cản đối với sự sống tự do của tinh thần.

387. VSK lưu ý chúng ta đến cùng một chỗ tham chiếu: “Hãy chú ý rằng ba phần năm là cùng một tỷ lệ được nhắc đến ở các trang 390-391, tức là số lượng các đơn vị nhân loại sẽ phân cực trí tuệ vào thời điểm Phán Xét”.

388. Chính *trí cụ thể* đặc biệt là “kẻ sát hại cái thực”. Một khi sự chuyển hoá bắt đầu xảy ra, trí tuệ ngày càng được ánh sáng linh hồn thấm nhuần, và ánh sáng ấy bắt đầu *mặc khải* những khả năng của sự sống tam nguyên tinh thần và chân thần—tức là “sự sống của tinh thần”.

Again, it must be noted that Earth, Mars, Jupiter, Saturn, and Vulcan are as yet developing manas, and **the stage achieved in each varies, and is not for exoteric publication.**

Một lần nữa, cần lưu ý rằng Trái Đất, Sao Hỏa, Sao Mộc, Sao Thổ và Vulcan hiện vẫn đang phát triển manas, và **giai đoạn đạt được nơi mỗi vị là khác nhau, và không dành cho việc công bố ngoại môn.**

389. We have here three sacred planets and two non-sacred. Three of these planets (the sacred ones) are only focussed in their third chain, fourth globe. Lesser entities develop or mature sooner than the greater ones. This is true of our chakras and it also true of the Planetary Logoi considered as center/ chakras within the body of the Solar Logos.

389. Ở đây chúng ta có ba hành tinh thiêng liêng và hai hành tinh không thiêng liêng. Ba hành tinh này (các hành tinh thiêng liêng) chỉ mới được tập trung trong dãy thứ ba, bầu hành tinh thứ tư của Các Ngài. Những thực thể nhỏ hơn phát triển hay chín muồi sớm hơn những thực thể lớn hơn. Điều này đúng với các luân xa của chúng ta, và cũng đúng với các Hành Tinh Thượng Đế khi được xem như những trung tâm/luân xa trong thân thể của Thái dương Thượng đế.

390. DK tells us that the degree of development is not for exoteric publication, but shortly below He gives some pretty strong hints revealing the degree of development.

390. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng mức độ phát triển không dành cho việc công bố ngoại môn, nhưng ngay bên dưới Ngài lại đưa ra một số gợi ý khá mạnh, tiết lộ mức độ phát triển ấy.

391. Because Mars and Earth are focussed in their fourth chain, fourth globe, we might presume that the development of manas is more advanced than in Their superiors—Vulcan, Jupiter and Saturn. This presumption, however, turns out to be incorrect in relation to Vulcan.

391. Bởi vì Sao Hỏa và Trái Đất được tập trung trong dãy thứ tư, bầu hành tinh thứ tư của Các Ngài, chúng ta có thể giả định rằng sự phát triển của manas nơi Các Ngài tiến bộ hơn nơi các Đấng cao hơn—Vulcan, Sao Mộc và Sao Thổ. Tuy nhiên, giả định này hóa ra không đúng đối với Vulcan.

392. We might wonder what we could do with such information if it were published; probably, we do not yet realize what could be done, but the Tibetan does.

392. Chúng ta có thể tự hỏi mình sẽ làm gì với thông tin như thế nếu nó được công bố; có lẽ chúng ta chưa nhận ra được có thể làm gì, nhưng Chân sư Tây Tạng thì biết.

The Heavenly Men of these schemes have not yet succeeded in bringing Their bodies to the stage where transmutation on a large scale is possible.

Các Đấng Thiên Nhân của các hệ này vẫn chưa thành công trong việc đưa các thể của Các Ngài đến giai đoạn mà sự chuyển hoá trên quy mô lớn là khả hữu.

393. Transmutation on a *large* scale has occurred within Venus and Mercury.

393. Sự chuyển hoá trên quy mô *lớn* đã xảy ra trong Kim Tinh và Thủy Tinh.

They are approaching it, and when the necessary **three fifths** is reached, then They will begin to transmute on a larger scale.

Các Ngài đang tiến gần đến điều đó, và khi đạt đến mức **ba phần năm** cần thiết, thì Các Ngài sẽ bắt đầu chuyển hoá trên quy mô lớn hơn.

394. We begin to realize the importance of the three fifth mark. The process really speeds along at that point. Venus and Mercury have, no doubt, passed that point, and are well along in transmuting manas into buddhi.

394. Chúng ta bắt đầu nhận ra tầm quan trọng của mốc ba phần năm. Tiến trình thực sự tăng tốc tại điểm đó. Không nghi ngờ gì, Kim Tinh và Thủy Tinh đã vượt qua điểm ấy, và đang tiến xa trong việc chuyển hoá manas thành Bồ đề.

395. Mercury is far 'older' than Venus (as the Buddha is 'older' than the Christ). The progress of Venus seems unparalleled among His planetary Confreres, just as the progress of the Christ is unparalleled in the present human race.

395. Thủy Tinh "già" hơn Kim Tinh rất nhiều (cũng như Đức Phật "già" hơn Đức Christ). Sự tiến bộ của Kim Tinh dường như vô song giữa các Huynh Đệ hành tinh của Ngài, cũng như sự tiến bộ của Đức Christ là vô song trong nhân loại hiện nay.

396. VSK asks: "What is it about Earth, Mars, Jupiter, Saturn and Vulcan – as distinct from Mercury and Venus – in which we can find hints?"

396. VSK hỏi: "Điều gì nơi Trái Đất, Sao Hỏa, Sao Mộc, Sao Thổ và Vulcan—phân biệt với Thủy Tinh và Kim Tinh—mà chúng ta có thể tìm thấy những gợi ý?"

397. We might say that the planets Venus and Mercury have not the *essential spiritual status* of Vulcan, Jupiter and Saturn, but greater spiritual status than Earth and Mars. Their speed relative to Their Confreres is remarkable. Mercury we know is always *swift.* In the case of Venus, we find, as always, that *love* is the fastest way to achievement.

397. Chúng ta có thể nói rằng các hành tinh Kim Tinh và Thủy Tinh không có *địa vị tinh thần cốt yếu* của Vulcan, Sao Mộc và Sao Thổ, nhưng có địa vị tinh thần lớn hơn Trái Đất và Sao Hỏa. Tốc độ của Các Ngài so với các Huynh Đệ của Các Ngài thật đáng chú ý. Chúng ta biết Thủy Tinh luôn luôn *nhanh chóng.* Trong trường hợp của Kim Tinh, như mọi khi, chúng ta thấy rằng *bác ái* là con đường nhanh nhất dẫn đến thành tựu.

The Earth scheme has about **one fifth** in process of transmutation in one or other of the globes at this time and Vulcan has very nearly **two fifths.**

Hệ Địa Cầu hiện có khoảng **một phần năm** đang trong tiến trình chuyển hoá trên bầu hành tinh này hay bầu hành tinh khác vào lúc này và Vulcan có gần **hai phần năm.**

398. We see that transmutation is going on upon globes other than the Earth-globe, the fourth. We are not told whether the process is occurring on *all* the seven or ten globes.

398. Chúng ta thấy rằng sự chuyển hoá đang diễn ra trên những bầu hành tinh khác ngoài Địa Cầu, tức bầu thứ tư. Chúng ta không được cho biết liệu tiến trình này có đang xảy ra trên *tất cả* bảy hay mười bầu hành tinh hay không.

399. The process of transmutation implies entrance into the fifth kingdom (and, within our scheme at least, illuminative, loving contact with the fifth Creative Hierarchy).

399. Tiến trình chuyển hoá hàm ý việc bước vào giới thứ năm (và, ít nhất trong hệ của chúng ta, là sự tiếp xúc soi sáng, đầy bác ái với Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm).

400. In our transmutative process, we, within the Earth-scheme,are far from the attainment of Venus and Mercury. The Logoi of these two planets assist much in promoting the transmutative process within the Earth-scheme.

400. Trong tiến trình chuyển hoá của chúng ta, chúng ta, bên trong hệ Địa-Cầu,đang còn rất xa thành tựu của Kim Tinh và Thủy Tinh. Các Thượng đế của hai hành tinh này trợ giúp rất nhiều trong việc thúc đẩy tiến trình chuyển hoá trong hệ Địa Cầu.

401. We see that the Logos of Vulcan is in advance of the Logos of Earth, but presumably less advanced that the Logoi of Venus and Mercury, though we might infer that the *essential spiritual status* of Vulcan (so closely associated with the Solar Logos) is higher than that of both Venus and Mercury.

401. Chúng ta thấy rằng Thượng đế của Vulcan đi trước Thượng đế của Trái Đất, nhưng có lẽ kém tiến bộ hơn các Thượng đế của Kim Tinh và Thủy Tinh, dù chúng ta có thể suy ra rằng *địa vị tinh thần cốt yếu* của Vulcan (vốn liên hệ rất mật thiết với Thái dương Thượng đế) cao hơn cả Kim Tinh lẫn Thủy Tinh.

402. The number three fifths suggests the third initiation or, perhaps, in planetary terms, a fifth lesser initiation which is not, per se, a cosmic initiation (though it may occur simultaneously with one).

402. Con số ba phần năm gợi ý lần điểm đạo thứ ba hoặc, có lẽ theo thuật ngữ hành tinh, một lần điểm đạo nhỏ thứ năm mà chính nó không phải là một điểm đạo vũ trụ (dù nó có thể xảy ra đồng thời với một điểm đạo như vậy).

403. All Planetary Logoi are engaged in the initiatory process and have certain objectives and goals. (cf. TCF 384)

403. Mọi Hành Tinh Thượng Đế đều đang tham dự vào tiến trình điểm đạo và có những mục tiêu và cứu cánh nhất định. (xem TCF 384)

We might here point out that though we are concerned primarily with manas in the human cells in the body of a planetary

Ở đây chúng ta có thể chỉ ra rằng dù chúng ta chủ yếu quan tâm đến manas trong các tế bào nhân loại trong thân thể của một Hành

Logos, yet we must remember **that the deva units in some schemes preponderate.**

Tinh Thượng Đế, tuy nhiên chúng ta phải nhớ **rằng trong một số hệ, các đơn vị thiên thần chiếm ưu thế.**

404. VSK states: "We note that the ratio of deva to human units in the Earth Scheme predominates, but this is not the case in all".

404. VSK nói: "Chúng ta lưu ý rằng tỷ lệ các đơn vị thiên thần so với các đơn vị nhân loại trong Hệ Địa Cầu là trội hơn, nhưng không phải trong mọi hệ đều như vậy".

405. Would we naturally think that within the Earth-scheme, deva units would preponderate? Is it so?

405. Liệu chúng ta có tự nhiên nghĩ rằng trong hệ Địa Cầu, các đơn vị thiên thần sẽ chiếm ưu thế không? Có phải vậy không?

406. When we are given the two numbers—sixty billion and one hundred forty billion—to represent human and deva units respectively, are we sure that these numbers refer *only to our scheme*?

406. Khi chúng ta được cho hai con số—sáu mươi tỷ và một trăm bốn mươi tỷ—để biểu thị các đơn vị nhân loại và thiên thần tương ứng, liệu chúng ta có chắc rằng các con số này chỉ quy chiếu *đến hệ của chúng ta* hay không?

407. The following reference from *Esoteric Healing,* might make us think that these numbers have a *solar systemic* reference:

407. Đoạn tham chiếu sau đây từ *Trị Liệu Huyền Môn,* có thể khiến chúng ta nghĩ rằng các con số này có quy chiếu *thuộc hệ mặt trời*:

2. In the present **system**, the second, there are two dominant evolutions, the human and the deva; there are—as earlier stated—sixty thousand million human monads. Add to this the feminine evolution of the devas, consisting of 140 thousand million, and you have the necessary two hundred thousand million. This elucidates my statement anent this being a **feminine system**. (EH 109)

2. Trong **hệ** hiện tại, hệ thứ hai, có hai cuộc tiến hoá trội hơn, nhân loại và thiên thần; có —như đã nói trước đây—sáu mươi ngàn triệu chân thần nhân loại. Cộng thêm vào đó cuộc tiến hoá nữ tính của các thiên thần, gồm 140 ngàn triệu, và các bạn có con số cần thiết là hai trăm ngàn triệu. Điều này làm sáng tỏ phát biểu của tôi liên quan đến đây là một **hệ nữ tính**. (EH 109)

408. As stated earlier, the number seems too small for the solar system and perhaps quite large for the planet.

408. Như đã nói trước đó, con số này dường như quá nhỏ đối với hệ mặt trời và có lẽ khá lớn đối với hành tinh.

409. Other references seem to hint that the numbers apply to our planet.

409. Những chỗ tham chiếu khác dường như gợi ý rằng các con số này áp dụng cho hành tinh của chúng ta.

410. In any case, DK refers the number "140. thousand million" to our solar system, telling us that this indicates a "feminine system". This statement hardly sounds like He is speaking of our planet only.

410. Dù sao đi nữa, Chân sư DK quy chiếu con số "140 ngàn triệu" cho hệ mặt trời của chúng ta, và cho biết rằng điều này chỉ ra một "hệ nữ tính". Phát biểu này hầu như không giống như Ngài chỉ đang nói về hành tinh của chúng ta mà thôi.

411. The matter will have to be thought through carefully. We have tried to determine the numbers of human beings individualization on the Moon-chain using the sixty billion figure as the base from which to calculate. Obviously, if the number has a solar systemic reference, we will not know the base number of Monads/souls inhabiting our Earth-scheme.

411. Vấn đề này sẽ phải được suy xét cẩn thận. Chúng ta đã cố gắng xác định số lượng những con người được biệt ngã hóa trên Dãy Mặt Trăng bằng cách dùng con số sáu mươi tỷ làm cơ sở để tính toán. Hiển nhiên, nếu con số ấy có một quy chiếu thuộc hệ mặt trời, chúng ta sẽ không biết con số cơ sở của các chân thần/linh hồn cư ngụ trong hệ Địa Cầu của chúng ta.

As often I have told you, it is not possible in any way in this work to do more than widely generalise. **Sixty thousand million souls in process of evolving, each following certain rounds of lives totally different from those of others,** offer a wide field to choose from, and no one experience is exactly the same as another. (LOM 289)

Như tôi thường đã nói với các bạn, trong công việc này không thể làm gì hơn ngoài việc khái quát hóa rộng rãi. **Sáu mươi ngàn triệu linh hồn đang trong tiến trình tiến hoá, mỗi linh hồn theo những chu kỳ sống nhất định hoàn toàn khác với những linh hồn khác,** tạo nên một lĩnh vực rộng lớn để lựa chọn, và không một kinh nghiệm nào hoàn toàn giống một kinh nghiệm nào khác. (LOM 289)

412. We have a real complication when confronted with the statement that of the total number of Solar Logoi one seventh expresses through stars and six-sevenths are waiting opportunity for incarnation.

412. Chúng ta gặp một sự phức tạp thực sự khi đối diện với phát biểu rằng trong tổng số các Thái dương Thượng đế, một phần bảy biểu lộ qua các ngôi sao và sáu phần bảy đang chờ cơ hội để nhập thể.

Go out on some clear starlit night and seek to realise that in the many thousands of suns and constellations visible to the unaided eye of man, and in the tens of millions which the modern telescope reveals there is seen the physical manifestation of as many millions of intelligent existences; this infers that what is visible is simply those existences who are in incarnation. **But only**

Hãy ra ngoài vào một đêm quang đãng đầy sao và cố chứng nghiệm rằng trong hàng ngàn mặt trời và chòm sao có thể thấy được bằng mắt thường của con người, và trong hàng chục triệu mà kính thiên văn hiện đại phơi bày, người ta thấy sự biểu hiện hồng trần của cũng ngần ấy triệu hiện hữu thông tuệ; điều này suy ra rằng cái có thể thấy chỉ đơn giản là những hiện hữu đang lâm phàm.

one-seventh of the possible appearances are incarnating. Six-sevenths are out of incarnation, waiting their turn to manifest, and holding back from incarnation until, in the turning of the great wheel, suitable and better conditions may eventuate. (TCF 1059)

Nhưng chỉ một phần bảy trong số những sắc tướng khả hữu là đang nhập thể. Sáu phần bảy ở ngoài nhập thể, chờ đến lượt mình biểu lộ, và trì hoãn việc nhập thể cho đến khi, trong sự xoay chuyển của bánh xe lớn, những điều kiện thích hợp và tốt đẹp hơn có thể xuất hiện. (TCF 1059)

413. If what is true of Solar Logoi is true of human beings, then, give the spark of mind six billion incarnating human beings, thirty six billion are out of incarnation. If there are only sixty billion human units in the entire solar system, we seem to have a numbers problem in supplying the remaining planetary schemes with a reasonable number of human units.

413. Nếu điều đúng với các Thái dương Thượng đế cũng đúng với con người, thì với mỗi tia lửa trí tuệ có sáu tỷ con người đang nhập thể, sẽ có ba mươi sáu tỷ ở ngoài nhập thể. Nếu chỉ có sáu mươi tỷ đơn vị nhân loại trong toàn bộ hệ mặt trời, thì dường như chúng ta gặp một vấn đề về số lượng khi phải cung cấp cho các hệ hành tinh còn lại một số lượng hợp lý các đơn vị nhân loại.

Although from the standpoint of a human being the devas are in no way considered as coming under the influence of manas, as we understand it, yet from another angle they are manas itself, the active creative force, the fifth and the sixth [Page 404] Hierarchies in full display.

Mặc dù từ quan điểm của con người, các thiên thần hoàn toàn không được xem là chịu ảnh hưởng của manas, như chúng ta hiểu nó, tuy nhiên **từ một góc độ khác các vị ấy chính là manas, mãnh lực sáng tạo hoạt động, Huyền Giai thứ năm và thứ sáu [Page 404] đang biểu lộ trọn vẹn.**

414. VSK notes: "The fifth and sixth devic hierarchies being Capricorn and Sagittarius, inclusive of all rays except the second."

414. VSK ghi chú: "Huyền giai thiên thần thứ năm và thứ sáu là Capricorn và Sagittarius, bao gồm mọi cung ngoại trừ cung hai."

415. There is a difference between "coming under the influence of manas" and *being* manas itself.

415. Có một sự khác biệt giữa "chịu ảnh hưởng của manas" và *là* chính manas.

416. The devas here referenced are the Solar Angels and the Lunar Lords.

416. Các thiên thần được nhắc đến ở đây là các Thái dương Thiên Thần và các nguyệt tinh quân.

417. There are many other and higher kinds of devas within our solar system, but DK

417. Có nhiều loại thiên thần khác và cao hơn trong hệ mặt trời của chúng ta, nhưng

chooses to focus on these as they are the devas most concerned in the manifestation of man.

Chân sư DK chọn tập trung vào các vị này vì đó là những thiên thần liên hệ nhiều nhất đến sự biểu hiện của con người.

418. We have another definition of manas as an "active creative force". Can we say that the devas are the willing agents of the Divine Mind. They obey the force of Mind of Entities greater than themselves.

418. Chúng ta có thêm một định nghĩa khác về manas như một "mãnh lực sáng tạo hoạt động". Chúng ta có thể nói rằng các thiên thần là những tác nhân tự nguyện của Trí của Thượng đế chăng. Các vị ấy tuân theo mãnh lực của Trí của những Thực Thể lớn hơn chính mình.

We should ponder upon the relationship (a necessarily close relationship) between the fifth deva Hierarchy and the fifth logoic principle, and we should also bear in mind that—viewing the whole matter from the angle of vision of a Heavenly Man—**the devas are a corporate part of His nature, and He is a Manasaputra, a creative Builder, and the fivefold aspect of Brahma.**

Chúng ta nên suy ngẫm về mối liên hệ (một mối liên hệ tất yếu là mật thiết) giữa Huyền Giai thiên thần thứ năm và nguyên khí logoi thứ năm, và chúng ta cũng nên ghi nhớ rằng —khi nhìn toàn bộ vấn đề từ góc độ tầm nhìn của một Đấng Thiên Nhân—**các thiên thần là một phần tập thể trong bản chất của Ngài, và Ngài là một Manasaputra, một đấng kiến tạo sáng tạo, và phương diện ngũ phân của Brahma.**

419. Heavenly Men are both man and deva. They are Divine Androgenes, Divine Hermaphrodites.

419. Các Đấng Thiên Nhân vừa là người vừa là thiên thần. Các Ngài là những Androgenes thiêng liêng, những lưỡng tính thiêng liêng.

420. It would seem that we could related Aphrodite to the devas and Mercury to man.

420. Dường như chúng ta có thể liên hệ Aphrodite với các thiên thần và Thủy Tinh với con người.

421. The fifth deva Hierarchy is the Creative Hierarchy of Solar Angels, Manasaputras, Agnishvattas—the names are many. At that Hierarchy is *dual* there may be an aspect of it which is less easily recognized and related to the human personality.

421. Huyền Giai thiên thần thứ năm là Huyền Giai Sáng Tạo của các Thái dương Thiên Thần, Manasaputras, Agnishvattas—có rất nhiều tên gọi. Vì Huyền Giai ấy có tính *kép* nên có thể có một phương diện của nó khó được nhận ra hơn và liên hệ với phàm ngã con người.

422. They—the Solar Angels—embody manas for the human family.

422. Các vị ấy—các Thái dương Thiên Thần —là hiện thân của manas cho gia đình nhân loại.

423. If the Divine Manasaputra is a "creative Builder", He has a direct line of resonance with the devas who, also, on a lesser scale, are *builders.*

423. Nếu Manasaputra thiêng liêng là một "đấng kiến tạo sáng tạo", thì Ngài có một tuyến cộng hưởng trực tiếp với các thiên thần, những vị cũng vậy, trên một quy mô nhỏ hơn, là các *đấng kiến tạo.*

424. The factor of creative building correlates with the third aspect of Divinity. Divine Manasaputras, as Their name suggests, are the embodiment of manas.

424. Yếu tố kiến tạo sáng tạo tương ứng với phương diện thứ ba của thiên tính. Các Manasaputras thiêng liêng, như chính tên gọi của Các Ngài gợi ý, là hiện thân của manas.

425. The combination of the third and second divine aspects expresses potently through both the Divine Manasaputras and Solar Angels.

425. Sự kết hợp của phương diện thiêng liêng thứ ba và thứ hai biểu lộ mạnh mẽ qua cả các Manasaputras thiêng liêng lẫn các Thái dương Thiên Thần.

The sumtotal of manas is pure deva essence, and it is only as union is made between this fivefold third aspect and the other two aspects that what we understand as MAN—whether Heavenly Man or human—comes into being.

Tổng thể của manas là tinh chất thiên thần thuần túy, và chỉ khi có sự hợp nhất giữa phương diện thứ ba ngũ phân này với hai phương diện kia thì điều mà chúng ta hiểu là CON NGƯỜI—dù là Đấng Thiên Nhân hay con người—mới xuất hiện.

426. DK is telling us something significant about the composition "MAN"—whether Heavenly Man, Solar Man or the human being.

426. Chân sư DK đang nói với chúng ta điều gì đó quan trọng về thành phần cấu tạo của "CON NGƯỜI"—dù là Đấng Thiên Nhân, Con Người Thái Dương hay con người.

427. Manas is *devic.* Manas is pure deva essence. This is an alternative way of understanding the nature of manas.

427. Manas là *thiên thần.* Manas là tinh chất thiên thần thuần túy. Đây là một cách khác để hiểu bản chất của manas.

428. Manas alone, however, will not make a *man*—whether *heavenly* or *human.* The *higher principles* must be added—the second and first aspects.

428. Tuy nhiên, chỉ riêng manas sẽ không tạo nên một *con người*—dù là *thiên* hay *nhân.* Các *nguyên khí cao hơn* phải được thêm vào—phương diện thứ hai và thứ nhất.

429. Man, essentially, is *subjectivity.* The devas (though every unit of life is *essentially* subjective) manifest as the principle of *objectivity*.

429. Con người, về bản chất, là *tính chủ quan.* Các thiên thần (dù mọi đơn vị sự sống về *bản chất* đều là chủ quan) biểu lộ như nguyên khí của *tính khách quan.*

430. We remember, however, that the devas are related to "cohesive attractive power" as well as to the third aspect of divinity.

430. Tuy nhiên, chúng ta nhớ rằng các thiên thần liên hệ với "quyền năng hấp dẫn kết dính" cũng như với phương diện thứ ba của thiên tính.

The devas are united with these other two factors and the result is:

Các thiên thần được hợp nhất với hai yếu tố kia và kết quả là:

a. A solar Logos.

a. Một Thái dương Thượng đế.

b. A Heavenly Man.

b. Một Đấng Thiên Nhân.

c. A human being.

c. Một con người.

431. We are speaking of what makes a *man*—whether a Solar Logos, a Planetary Logos or a human being. The formula is: the devas plus two additional divine aspects create MAN.

431. Chúng ta đang nói về điều tạo nên một *con người*—dù là một Thái dương Thượng đế, một Hành Tinh Thượng Đế hay một con người. Công thức là: các thiên thần cộng với hai phương diện thiêng liêng bổ sung tạo nên CON NGƯỜI.

432. Another way of saying this is that 'fivefold manas, plus two additional divine aspects, creates MAN'.

432. Một cách khác để nói điều này là: 'manas ngũ phân, cộng với hai phương diện thiêng liêng bổ sung, tạo nên CON NGƯỜI'.

This is a great mystery and is allied to the mystery of electricity (or of fohatic life) which H. P. B.[42] refers to.

Đây là một huyền nhiệm lớn và có liên hệ với huyền nhiệm của điện lực (hay của sự sống fohat) mà H. P. B.42 nhắc đến.

433. We are dealing with the blending of Fohat with the Son and the Father.

433. Chúng ta đang bàn đến sự hòa trộn của Fohat với Con và Cha.

434. We have to remember that, in this solar system, the Father and Son are united. Because this is the solar system of the "Divine Son", the first aspect of divinity cannot express in isolation from that Son.

434. Chúng ta phải nhớ rằng, trong hệ mặt trời này, Cha và Con hợp nhất với nhau. Bởi vì đây là hệ mặt trời của "Thiêng Tử", phương diện thứ nhất của thiên tính không thể biểu lộ tách rời khỏi Con ấy.

The Messengers, the Builders, **the devas, are flaming fire, radiant electric matter,** and only in time and space, only during manifestation and only through the cycles

Các Sứ Giả, các đấng kiến tạo, **các thiên thần, là lửa bừng cháy, là vật chất điện rực sáng,** và chỉ trong thời gian và không gian, chỉ trong thời kỳ biểu hiện và chỉ qua các chu kỳ

of objectivity, is such an entity as man possible, or can a Heavenly Man come into existence.

435. Let us look at these equivalences:

a. The Messengers

b. The Builders

c. The devas

436. When we read the word, "Messengers" we think of both Gemini and Mercury. Mercury, we known is winged. Can this planet have a close relationship to the deva kingdom?

437. From another perspective, Gemini is the source of the Solar Angels just as Sagittarius is related to animal man.

438. *When* is it possible for there to be such a being as man?:

a. Only in time and space

b. Only during manifestation

c. Only through cycles of objectivity

439. If manas is "pure deva essence" and if the devas are "flaming fire, and radiant electric matter", then we may conclude that manas can be describe as "flaming fire and radiant electric matter".

440. When we think of devas it is reasonable to conclude that they have bodies of flame. This is, we are told, certainly true of Solar

khách quan tính, một thực thể như con người mới có thể có được, hay một Đấng Thiên Nhân mới có thể hiện hữu.

435. Chúng ta hãy xem các tương đương này:

a. Các Sứ Giả

b. Các đấng kiến tạo

c. Các thiên thần

436. Khi chúng ta đọc từ "Sứ Giả", chúng ta nghĩ đến cả Gemini lẫn Thủy Tinh. Chúng ta biết Thủy Tinh có cánh. Liệu hành tinh này có thể có mối liên hệ mật thiết với giới thiên thần không?

437. Từ một góc nhìn khác, Gemini là nguồn gốc của các Thái dương Thiên Thần cũng như Sagittarius liên hệ với người thú.

438. Khi nào thì một hữu thể như con người có thể hiện hữu?:

a. Chỉ trong thời gian và không gian

b. Chỉ trong thời kỳ biểu hiện

c. Chỉ qua các chu kỳ khách quan tính

439. Nếu manas là "tinh chất thiên thần thuần túy" và nếu các thiên thần là "lửa bừng cháy, và vật chất điện rực sáng", thì chúng ta có thể kết luận rằng manas có thể được mô tả là "lửa bừng cháy và vật chất điện rực sáng".

440. Khi nghĩ về các thiên thần, thật hợp lý để kết luận rằng các vị ấy có những thể bằng lửa. Chúng ta được cho biết điều này chắc

Angels. Master Morya also speaks of "fiery beings"; they seem to fit this description of the devas.

chắn đúng với các Thái dương Thiên Thần. Chân sư Morya cũng nói đến "những hữu thể rực lửa"; dường như họ phù hợp với mô tả này về các thiên thần.

Outside a solar ring-pass-not, for instance, and as far as our evolution is concerned, we have radiant electric substance, active, intelligent ether, ensouled by the deva evolution.43

Bên ngoài một vòng-giới-hạn mặt trời, chẳng hạn, và xét theo mức độ liên quan đến tiến hoá của chúng ta, **chúng ta có chất liệu điện rực sáng, dĩ thái hoạt động, thông tuệ, được phú linh bởi tiến hoá thiên thần**.43

441. This is a fascinating statement. Does DK mean beyond our solar ring-pass-not *on the physical-etheric plane,* or does "outside the solar system" mean, as it so often does, 'on the higher cosmic planes'.

441. Đây là một phát biểu thật hấp dẫn. Chân sư DK có muốn nói vượt ra ngoài vòng-giới-hạn mặt trời của chúng ta *trên cõi hồng trần-dĩ thái,* hay "bên ngoài hệ mặt trời" có nghĩa, như rất thường xảy ra, là 'trên các cõi vũ trụ cao hơn'.

442. If DK is taking about the constitution of space, as it were, 'between' the manifestations of 'men', we can link what is said here about the requirements necessary to produce such a being as man—on whatever level.

442. Nếu Chân sư DK đang nói về cấu tạo của không gian, có thể nói như vậy, 'giữa' các biểu hiện của 'con người', thì chúng ta có thể liên kết điều được nói ở đây về những điều kiện cần thiết để tạo ra một hữu thể như con người—ở bất kỳ cấp độ nào.

443. Perhaps in the space which forms the matrix in which 'men' take shape we have "radiant electric substance, active intelligent ether, ensouled by the deva evolution".

443. Có lẽ trong không gian tạo thành khuôn mẫu mà trong đó 'con người' thành hình, chúng ta có "chất liệu điện rực sáng, dĩ thái hoạt động thông tuệ, được phú linh bởi tiến hoá thiên thần".

444. As we do not 'see' the devas per se (but we do see 'men' in the three grades of them we most usually discuss), we will have to exert great cautious in discussing these devas so that our conceptions may be clear and conform as much as possible to reality.

444. Vì chúng ta không 'thấy' các thiên thần chính chúng (nhưng chúng ta có thấy 'con người' trong ba cấp độ của họ mà chúng ta thường bàn đến nhất), nên chúng ta sẽ phải hết sức thận trọng khi bàn về các thiên thần này để các quan niệm của chúng ta được rõ ràng và phù hợp với thực tại nhiều nhất có thể.

43: Pitris.

43: Pitris.

"What I called spirituo-ideal constitution is what is known as swarga in our Sanscrit works and the entities that are functioning there are called the Pitris, which of course means fathers.

“Điều tôi gọi là cấu tạo tinh thần-lý tưởng chính là cái được biết là swarga trong các tác phẩm Sanskrit của chúng tôi và các thực thể đang hoạt động ở đó được gọi là các Pitris, dĩ nhiên có nghĩa là những người cha.

445. Pitris are “fathers”. There are two principle kinds of fathers and they father different aspects of the human nature.

445. Pitris là “những người cha”. Có hai loại cha chính yếu và họ làm cha những phương diện khác nhau của bản chất con người.

446. The “spirituo-ideal constitution” may relate to the subtle body and the soul body” *or* it may relate only to the soul body.

446. “Cấu tạo tinh thần-lý tưởng” có thể liên hệ với thể vi tế và “thể linh hồn” *hoặc* nó có thể chỉ liên hệ với thể linh hồn mà thôi.

These Pitris are often 'heard of in a sort of antithetical way to the Devas in our puranas and this has led some of our Hindoos, many theosophists included, to think that the Pitris and Devas are in two distinct spheres of life. Now Pitris and Devas always exist together, the Devas giving the consciousness and the Pitris forming the body.

Các Pitris này thường được ‘nghe nói đến theo một cách nào đó đối lập với các Devas trong các Purana của chúng tôi và điều này đã khiến một số người Hindu của chúng tôi, kể cả nhiều nhà Thông Thiên Học, nghĩ rằng Pitris và Devas ở trong hai lĩnh vực sự sống riêng biệt. Nay Pitris và Devas luôn luôn hiện hữu cùng nhau, các Devas ban cho tâm thức còn các Pitris tạo thành thể.

447. T. Subba Row distinguishes between Devas and Pitris, relating one to the second aspect, or consciousness, and the other to the third aspect.

447. T. Subba Row phân biệt giữa Devas và Pitris, liên hệ một bên với phương diện thứ hai, hay tâm thức, và bên kia với phương diện thứ ba.

448. This distinction does not always hold up in the ways these two terms are used (at least in DK’s Teaching).

448. Sự phân biệt này không phải lúc nào cũng đứng vững trong cách hai thuật ngữ này được sử dụng (ít nhất là trong Giáo Huấn của Chân sư DK).

449. When, for instance, DK speaks of “Solar Pitris”, it is not evident that He distinguishes them from “Solar Angels”.

449. Chẳng hạn, khi Chân sư DK nói đến “Thái dương tổ phụ”, không rõ là Ngài có phân biệt họ với “các Thái dương Thiên Thần” hay không.

The two are relative terms. If the Pitris be water the Devas are the fire in the water. If the Pitris be fire, the Devas are the flame in

Hai thuật ngữ này là tương đối. Nếu Pitris là nước thì Devas là lửa trong nước. Nếu Pitris là lửa thì Devas là ngọn lửa trong lửa ấy. Nếu

that fire. If the Pitris be the flame, the Devas are the conscious principle that actuates the flame' and gives to the flame the power of illumining the world and making it exist as a factor of our consciousness.

Pitris là ngọn lửa thì Devas là nguyên khí hữu thức làm cho ngọn lửa hoạt động và ban cho ngọn lửa quyền năng soi sáng thế giới và làm cho nó hiện hữu như một yếu tố trong tâm thức của chúng ta.

450. In the estimation of T. Subba Row, the Devas are always more subjective than the Pitris.

450. Theo đánh giá của T. Subba Row, Devas luôn luôn chủ quan hơn Pitris.

451. Often, however, when *DK* speaks of Solar Pitris, He means precisely, Solar Devas.

451. Tuy nhiên, thường khi *Chân sư DK* nói về Thái dương tổ phụ, Ngài muốn nói chính xác là các Thái dương thiên thần.

452. According to the descriptions here given, we may think of Purusha and Prakriti —Purusha as equivalent to the Devas and Prakriti (matter) to the Pitris.

452. Theo các mô tả được đưa ra ở đây, chúng ta có thể nghĩ đến Purusha và Prakriti —Purusha tương đương với Devas và Prakriti (vật chất) tương đương với Pitris.

From the highest to the lowest plane of life, the Pitris furnish the objective aspect and the Devas the subjective aspect and life itself is a stream that forms the middle line....

Từ cõi cao nhất đến cõi thấp nhất của sự sống, các Pitri cung ứng phương diện khách quan và các Deva cung ứng phương diện chủ quan, còn chính sự sống là một dòng tuôn chảy tạo thành đường trung tuyến....

453. “Life” as here described is being itself. The Devas are the ensouling factor and the Pitris, that which is ensouled. And yet it cannot be said that any Deva is purely immaterial nor any Pitri without its own subjective consciousness.

453. “Sự sống” như được mô tả ở đây chính là bản thể. Các Deva là yếu tố phú linh, còn các Pitri là cái được phú linh. Tuy vậy, không thể nói rằng bất kỳ Deva nào hoàn toàn phi vật chất, cũng không thể nói rằng bất kỳ Pitri nào lại không có tâm thức chủ quan riêng của nó.

454. Is the distinction made, therefore, valid?

454. Vậy thì, sự phân biệt được nêu ra có xác đáng chăng?

When instead of three lokas the cosmos is divided more accurately into seven lokas, you may assort the three higher lokas to the Devas, the three lower to the Pitris and the middle to the life stream which may be conceived as the point in which the Deva essence is changed into Pitric essence

Khi thay vì ba loka, vũ trụ được phân chia chính xác hơn thành bảy loka, bạn có thể xếp ba loka cao vào về phía các Deva, ba loka thấp về phía các Pitri, và phần giữa vào về phía dòng sự sống, có thể được quan niệm như điểm tại đó tinh chất deva được chuyển đổi thành tinh chất Pitri

455. This is a very interesting description and one that does not accord completely with the manner in which we are taught to think about these matters in the works of the Tibetan.

455. Đây là một mô tả rất thú vị, và là một mô tả không hoàn toàn phù hợp với cách chúng ta được dạy để suy nghĩ về những vấn đề này trong các tác phẩm của Chân sư Tây Tạng.

456. As here understood, the Devas are high beings found upon the logoic, monadic and atmic planes. The Pitris are found upon the mental, astral and etheric-physical planes.

456. Theo cách hiểu ở đây, các Deva là những hữu thể cao được tìm thấy trên các cõi logoic, chân thần và atma. Các Pitri được tìm thấy trên các cõi trí, cảm dục và dĩ thái-hồng trần.

457. The sphere of transmutation is the buddhic plane where "Deva essence is changed into Pitric essence" in the process of precipitation. There must also, necessarily, be a reversal of the transmutation. The act of transmutation can be directed both 'downward' and 'upward'.

457. Khối cầu chuyển hoá là cõi Bồ đề, nơi "tinh chất Deva được chuyển đổi thành tinh chất Pitri" trong tiến trình ngưng tụ. Tất yếu cũng phải có một sự đảo ngược của sự chuyển hoá ấy. Hành vi chuyển hoá có thể được định hướng cả "đi xuống" lẫn "đi lên".

458. It is illuminating to think of the buddhic plane as an area of transmutation or transformation between to orders of subtle lives.

458. Thật soi sáng khi nghĩ về cõi Bồ đề như một khu vực chuyển hoá hay chuyển đổi giữa hai trật tự của các sự sống vi tế.

459. Speaking of transmutation: DK does not discuss the transmutation of pitris into devas, but He *does* discuss the transmutation of *elemental* life into devic life.

459. Nói về sự chuyển hoá: Chân sư DK không bàn đến sự chuyển hoá của các pitri thành các deva, nhưng Ngài *quả thật* có bàn đến sự chuyển hoá của sự sống *hành khí* thành sự sống deva.

The fiery essences of this plane are more difficult for us to comprehend, having not, as yet, the seeing eye upon that plane. They are in themselves the warmth and heat of

Các tinh chất rực lửa của cõi này khó cho chúng ta thấu hiểu hơn, vì cho đến nay chúng ta chưa có con mắt thấy trên cõi ấy. Tự nơi chúng, chúng là sự ấm áp và nhiệt lực

the emotional body, and of the body of feeling. They are of a low order when upon the path of desire, and of a high order **when upon the path of aspiration, for the elemental is then transmuted into the deva.** (TCF 67)

460. Continuing with the footnote from "Some Thoughts on the Gita".

or the no loka is made fit to appear as a loka down below or the unmanifested becomes the manifested."—Some Thoughts on the Gita, p. 56.

461. VSK remarks: "Man, therefore, as the 'middle to the life stream'?"

462. The way of describing the relationship between the arupa and rupa planes is interesting.

463. If the cosmos is to be divided into seven lokas, one would think that the higher lokas are to be found upon the higher three planes and they are, indeed, "lokas" rather than "no loka[s]".

464. The idea, however, is clear; Devas resident on the higher three planes are downwardly transmuted or transformed into Pitris; the arupa worlds become rupa; 'non-locality' become locality; substance becomes matter (for, to the Solar Logos, the higher four levels of the cosmic physical plane are substance and the lower three, matter).

These [the devic evolution] [Page 405] work blindly and under the laws of cosmic electricity. (We must differentiate with care between cosmic electricity, and the electrical akasha of the system, which is electrical

của thể cảm xúc và của thể cảm thọ. Chúng thuộc một trật tự thấp khi ở trên con đường dục vọng, và thuộc một trật tự cao **khi ở trên con đường khát vọng, vì khi ấy hành khí được chuyển hoá thành deva.** (TCF 67)

460. Tiếp tục với chú thích từ "Some Thoughts on the Gita".

hoặc no loka được làm cho thích hợp để xuất hiện như một loka ở bên dưới, hoặc cái không biểu hiện trở thành cái biểu hiện." — Some Thoughts on the Gita, tr. 56.

461. VSK nhận xét: "Vậy thì con người, như là 'phần giữa của dòng sự sống' chăng?"

462. Cách mô tả mối liên hệ giữa các cõi arupa và các cõi rupa thật thú vị.

463. Nếu vũ trụ được chia thành bảy loka, người ta sẽ nghĩ rằng các loka cao hơn được tìm thấy trên ba cõi cao hơn, và quả thật chúng là "loka" chứ không phải là "no loka".

464. Tuy nhiên, ý tưởng thì rõ ràng; các Deva cư ngụ trên ba cõi cao hơn được chuyển hoá hay chuyển đổi theo chiều đi xuống thành các Pitri; các thế giới arupa trở thành rupa; "phi định xứ" trở thành định xứ; chất liệu trở thành vật chất (vì, đối với Thái dương Thượng đế, bốn cấp cao hơn của cõi hồng trần vũ trụ là chất liệu, còn ba cấp thấp hơn là vật chất).

Những [sự tiến hoá deva] [Page 405] hoạt động một cách mù quáng và dưới các định luật của điện vũ trụ. (**Chúng ta phải phân biệt cẩn thận giữa điện vũ trụ** và **akasha điện của hệ, tức chất liệu điện bị giới hạn**

substance confined and brought under another set of laws through the instrumentality of another factor, that of pure Spirit.)

và được đặt dưới một hệ định luật khác nhờ công cụ của một yếu tố khác, đó là Tinh thần thuần túy.)

465. We are dealing with matters definitive to the understanding of the devas (considered generally, and not in relation to the distinction put forth by T. Subba Row).

465. Chúng ta đang đề cập đến những vấn đề có tính quyết định đối với sự thấu hiểu về các deva (được xét một cách tổng quát, chứ không phải trong liên hệ với sự phân biệt do T. Subba Row nêu ra).

466. We seem to be dealing with the one and the six; with monadic essence and with elemental essence.

466. Dường như chúng ta đang đề cập đến cái một và cái sáu; đến tinh chất chân thần và tinh chất hành khí.

467. Cosmic electricity is fohatic and impulsive; electrical akasha, on the other hand, can be understood, by comparison, as receptive and material and impelled by cosmic electricity.

467. Điện vũ trụ là fohatic và có tính xung động; trái lại, akasha điện có thể được hiểu, bằng cách so sánh, là có tính tiếp nhận và vật chất, và bị điện vũ trụ thúc đẩy.

468. Usually, the akashic plane is considered to be the monadic plane. From another perspective, however, akasha is related to *all* types of matter below and including the monadic plane.

468. Thông thường, cõi akashic được xem là cõi chân thần. Tuy nhiên, từ một góc nhìn khác, akasha liên hệ với *mọi* loại vật chất ở dưới và bao gồm cả cõi chân thần.

469. By “pure Spirit” does DK mean Monad? If so, we can relate “pure Spirit”, Monad and the akashic plane.

469. Bởi “Tinh thần thuần túy”, Chân sư DK có muốn nói đến Chân thần không? Nếu vậy, chúng ta có thể liên hệ “Tinh thần thuần túy”, Chân thần và cõi akashic.

Outside the ring-pass-not, we have that abstraction which we call pure Spirit.

Bên ngoài vòng-giới-hạn, chúng ta có sự trừu tượng mà chúng ta gọi là Tinh thần thuần túy.

470. The ring-pass-not is the boundary of the solar system considered vertically and not horizontally. We are speaking of a boundary between the cosmic physical plane and the cosmic astral plane.

470. Vòng-giới-hạn là ranh giới của hệ mặt trời được xét theo chiều dọc chứ không phải chiều ngang. Chúng ta đang nói đến một ranh giới giữa cõi hồng trần vũ trụ và cõi cảm dục vũ trụ.

This "pure Spirit," or abstract, conscious Being, **through conscious karma** periodically seeks to manifest, and wills to work out a purpose under the laws of Its Own being,

“Tinh thần thuần túy” này, hay Hữu thể trừu tượng, có ý thức, **thông qua nghiệp quả có ý thức**, theo chu kỳ tìm cách biểu hiện, và muốn thực hiện một mục đích dưới các định luật của Chính Bản Thể của Nó,

471. What does it meant that “pure Spirit” “through conscious karma periodically seeks to manifest…”?

471. Điều đó có nghĩa là gì khi nói rằng “Tinh thần thuần túy” “thông qua nghiệp quả có ý thức, theo chu kỳ tìm cách biểu hiện…”?

472. “Karma” can mean, simply, “action”. Does it have that meaning here? Or does some vestige of past irresolution attach itself to “pure Spirit”?

472. “Nghiệp quả” có thể đơn giản có nghĩa là “hành động”. Ở đây nó có mang nghĩa ấy không? Hay một dấu vết nào đó của sự bất quyết trong quá khứ vẫn gắn với “Tinh thần thuần túy”?

473. “Pure Spirit” is following the “laws of Its Own Being” when it moves towards manifestation.

473. “Tinh thần thuần túy” đang tuân theo “các định luật của Chính Bản Thể của Nó” khi nó tiến về phía biểu hiện.

and is thus impelled by the attractive quality of its opposite pole, intelligent substance, to blend with it.

và do đó bị thúc đẩy bởi phẩm tính hấp dẫn của cực đối nghịch của nó, tức chất liệu thông tuệ, để hòa trộn với nó.

474. This is the principle magnetism which creates the manifest worlds.

474. Đây là từ điện nguyên sơ tạo ra các thế giới biểu hiện.

475. The deva evolution is intelligent substance: “flaming fire and radiant electric matter”.

475. Sự tiến hoá deva là chất liệu thông tuệ: “lửa bừng cháy và vật chất điện rạng ngời”.

The meeting of these two polarities, and their point of merging, causes that flash in the cosmic universe which we call a sun, and results in light or objectivity.

Sự gặp gỡ của hai cực tính này, và điểm hợp nhất của chúng, gây ra tia chớp ấy trong vũ trụ vũ trụ mà chúng ta gọi là một mặt trời, và dẫn đến ánh sáng hay tính khách quan.

476. This is the story often repeated of the coming of light or objectivity through the merging of the poles.

476. Đây là câu chuyện thường được lặp lại về sự xuất hiện của ánh sáng hay tính khách quan thông qua sự hợp nhất của các cực.

477. What is the "cosmic universe"? Are these two words juxtaposed for some good reason? Perhaps there is a universe which is not yet cosmic—i.e., not containing precipitated forms.

477. "Vũ trụ vũ trụ" là gì? Hai từ này được đặt cạnh nhau vì một lý do chính đáng nào chăng? Có lẽ có một vũ trụ chưa phải là vũ trụ tính—tức là chưa chứa các hình tướng đã ngưng tụ.

Within the ring-pass-not, therefore, **the electric fire of pure Spirit can only manifest through merging or union with electrical substance, and is, therefore, during evolution and for the major portion of the process, limited by it.**

Bên trong vòng-giới-hạn, vì vậy, **Lửa Điện của Tinh thần thuần túy chỉ có thể biểu hiện thông qua sự hòa nhập hay hợp nhất với chất liệu điện, và do đó, trong tiến hoá và trong phần lớn của tiến trình, bị nó giới hạn.**

478. Now we have the clarification we need: electrical substance is, as suspected, the confined "electrical akasha" mentioned at the top of TCF 405. "Electric fire of pure Spirit" is "cosmic electricity—the ideational, impulsive factor.

478. Giờ đây chúng ta có sự làm sáng tỏ cần thiết: chất liệu điện, như đã ngờ đoán, là "akasha điện" bị giới hạn được nhắc đến ở đầu TCF 405. "Lửa Điện của Tinh thần thuần túy" là "điện vũ trụ"—yếu tố ý niệm, xung động.

In fact, little as it is realised, **the deva evolution controls for the greater portion of manifestation up to the beginning of the transmutative process. They build incessantly the confining form.**

Thật ra, dù ít được chứng nghiệm đến đâu, **sự tiến hoá deva kiểm soát trong phần lớn thời kỳ biểu hiện cho đến khi bắt đầu tiến trình chuyển hoá. Chúng không ngừng xây dựng hình tướng giam hãm.**

479. It is well known that the representatives of the third aspect of divinity operate for a far longer time than the representatives of the second and first aspects.

479. Điều ai cũng biết là các đại diện của phương diện thứ ba của thiên tính hoạt động trong một thời gian dài hơn rất nhiều so với các đại diện của phương diện thứ hai và thứ nhất.

480. When thinking of the thousands of lives or incarnations taken by the human being, perhaps only fifty or less express a growing degree of freedom from the deva kingdom.

480. Khi nghĩ đến hàng ngàn kiếp sống hay lần lâm phàm mà con người đã trải qua, có lẽ chỉ năm mươi hoặc ít hơn biểu lộ một mức độ tự do ngày càng tăng khỏi giới deva.

481. When can we say that the transmutative process begins—linking it, as DK does, to the number five? Perhaps, when the fifth petal of the egoic lotus is receiving attention, the consciousness reorients to the

481. Khi nào chúng ta có thể nói rằng tiến trình chuyển hoá bắt đầu—liên kết nó, như Chân sư DK đã làm, với số năm? Có lẽ, khi cánh hoa thứ năm của hoa sen chân ngã đang được chú ý, tâm thức tái định hướng về

fifth factor in the human constitution, the soul or Solar Angel. Even though this reorientation is followed by lives of conflict and contradictory pulls between solar and lunar devas, we might say that the transmutative process begins then, even though it does not receive its initial consummation until the first initiation.

yếu tố thứ năm trong cấu tạo con người, tức linh hồn hay Thái dương Thiên Thần. Dù sự tái định hướng này được tiếp nối bởi những kiếp sống xung đột và những lực kéo trái ngược giữa các deva thái dương và thái âm, chúng ta vẫn có thể nói rằng tiến trình chuyển hoá bắt đầu từ đó, dù nó chưa đạt đến sự hoàn tất ban đầu cho đến lần điểm đạo thứ nhất.

482. We note the words "confining form" and relate them to the words "electrical substance confined". The confining forms are built of "electrical akasha", "electrical substance".

482. Chúng ta lưu ý các từ "hình tướng giam hãm" và liên hệ chúng với các từ "chất liệu điện bị giới hạn". Các hình tướng giam hãm được xây dựng bằng "akasha điện", "chất liệu điện".

483. One can understand what it means to be bound by the devas, forever seeking to confine consciousness to form. This gives a new *devically-related* meaning to the terms "bondage" and "vice". Moksha or freedom is liberation from the confining tendencies of the deva kingdom (again using the word "deva" in a general rather than specific sense as did T. Subba Row.)

483. Người ta có thể hiểu việc bị các deva trói buộc có nghĩa là gì, khi chúng luôn tìm cách giam hãm tâm thức vào hình tướng. Điều này đem lại một ý nghĩa mới, liên hệ với deva, cho các thuật ngữ "nô lệ" và "thói xấu". Moksha hay tự do là sự giải thoát khỏi các khuynh hướng giam hãm của giới deva (một lần nữa dùng từ "deva" theo nghĩa tổng quát chứ không theo nghĩa chuyên biệt như T. Subba Row đã dùng).

When the process of transmutation is effected by the five Heavenly Men, then the whole system is reaching a very high stage of evolution, and with the two schemes which will be entering into the stage of obscuration, **the resolving process will commence.**

Khi tiến trình chuyển hoá được thực hiện bởi năm Đấng Thiên Nhân, thì toàn bộ hệ đang đạt đến một giai đoạn tiến hoá rất cao, và cùng với hai hệ hành tinh sẽ bước vào giai đoạn che khuất, **tiến trình phân giải sẽ bắt đầu.**

484. The five Heavenly Man are probably those mentioned as in the process of developing manas: Vulcan, Earth, Mars, Jupiter and Saturn.

484. Năm Đấng Thiên Nhân có lẽ là những Đấng được nhắc đến như đang trong tiến trình phát triển manas: Vulcan, Trái Đất, Sao Hỏa, Sao Mộc và Sao Thổ.

485. The two schemes soon to be entering the stage of obscuration are Venus and Mercury. This makes seven. Uranus and Neptune are not yet included, for they

485. Hai hệ hành tinh sắp bước vào giai đoạn che khuất là Sao Kim và Sao Thủy. Như vậy thành bảy. Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương chưa được kể vào, vì chúng góp phần

contribute to the obscuration, synthesizing and absorption of the others.

vào sự che khuất, tổng hợp và hấp thu những hệ khác.

486. In terms of the process of our solar system, we have not yet reached that high point in which the process of transmutation in the five planetary schemes is being effected. In fact, it would seem we have a very long way to go.

486. Xét theo tiến trình của hệ mặt trời chúng ta, chúng ta vẫn chưa đạt đến điểm cao ấy, nơi tiến trình chuyển hoá trong năm hệ hành tinh đang được thực hiện. Thật ra, dường như chúng ta còn một quãng đường rất dài phải đi.

487. Our Solar Logos has for His goal the third cosmic initiation, but within this solar system will take the fourth and perhaps the fifth (suggested in at least one reference).

487. Thái dương Thượng đế của chúng ta lấy lần điểm đạo vũ trụ thứ ba làm mục tiêu của Ngài, nhưng trong hệ mặt trời này sẽ trải qua lần thứ tư và có lẽ cả lần thứ năm nữa (được gợi ý trong ít nhất một tham chiếu).

The 5th Mahamanvantara (or solar system) The solar Logos achieves His fifth major Initiation. (TCF 605)

Đại giai kỳ sinh hóa thứ 5 (hay hệ mặt trời) Thái dương Thượng đế đạt lần Điểm đạo lớn thứ năm của Ngài. (TCF 605)

488. The other important reference along these lines suggest that our Logos will take the fourth major initiation.

488. Tham chiếu quan trọng khác theo hướng này gợi ý rằng Thượng đế của chúng ta sẽ trải qua lần điểm đạo lớn thứ tư.

Then, in a dual synthesis, they will pass on into the third system, that in which the Power aspect is developed, and the head centres will be complete. **This achieved, our Logos has triumphed, and measured up to the sixth cosmic Initiation, just as He should measure up in this system to the fourth.** (TCF 590)

Rồi, trong một tổng hợp nhị nguyên, các Ngài sẽ đi vào hệ thứ ba, hệ trong đó phương diện Quyền năng được phát triển, và các trung tâm đầu sẽ hoàn tất. **Khi điều này đạt được, Thượng đế của chúng ta đã toàn thắng, và đã đạt đến lần Điểm đạo vũ trụ thứ sáu, cũng như trong hệ này Ngài phải đạt đến lần thứ tư.** (TCF 590)

The plan, viewed largely, will be as follows:

Thiên Cơ, xét trên đại thể, sẽ như sau:

The four schemes which form the logoic Quaternary [Page 406] will merge into their synthesising scheme, that of Saturn, while Venus and Mercury will merge into Uranus and Neptune.

Bốn hệ hành tinh tạo thành Bộ Tứ logoic [Page 406] sẽ hợp nhất vào hệ hành tinh tổng hợp của chúng, tức Sao Thổ, trong khi Sao Kim và Sao Thủy sẽ hợp nhất vào Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương.

489. We recall Chart VI. Venus and Mercury are among those planetary schemes grouped

489. Chúng ta nhớ lại Biểu đồ VI. Sao Kim và Sao Thủy nằm trong số những hệ hành tinh

within what we have called 'greater Saturn', and so, still have a brahmic association although they are breaking into the field of buddhi.

490. We have already tried to fathom which four schemes will merge into Saturn. They are:

a. Jupiter

b. Vulcan

c. Earth

d. Mars

491. The fate of Pluto remains undetermined, and, as well, there are many other planets in our solar system (both objectified and still etheric) which also must be absorbed.

492. Yet the four, Jupiter, Vulcan, Earth and Mars do not correlate with the four Rays of Attribute which should be subservient to Saturn wielding the third Ray of Aspect.

493. In relation to the dynamics of absorption, there is not a perfect symmetry between the ray model and the planetary model. This has to be sorted out and it will not be easy. Several attempts have been made in the body of these Commentaries, but there are a number of possible arrangements.

494. VSK states: "Venus therefore is not considered in the quaternary. Compare this with page 300, where it states that Venus IS in the quaternary, etc."

được nhóm vào trong cái mà chúng ta gọi là 'Sao Thổ lớn hơn', và vì vậy vẫn còn một liên hệ brahmic dù chúng đang đột nhập vào lĩnh vực của Bồ đề.

490. Chúng ta đã cố gắng dò thấu bốn hệ hành tinh nào sẽ hợp nhất vào Sao Thổ. Chúng là:

a. Sao Mộc

b. Vulcan

c. Trái Đất

d. Sao Hỏa

491. Số phận của Sao Diêm Vương vẫn chưa được xác định, và ngoài ra còn có nhiều hành tinh khác trong hệ mặt trời của chúng ta (cả đã khách quan hóa lẫn vẫn còn dĩ thái) cũng phải được hấp thu.

492. Tuy nhiên, bốn hành tinh Sao Mộc, Vulcan, Trái Đất và Sao Hỏa không tương ứng với bốn Các Cung Thuộc Tính, vốn lẽ ra phải phụ thuộc vào Sao Thổ đang vận dụng Cung Trạng Thái thứ ba.

493. Liên quan đến động lực học của sự hấp thu, không có một tính đối xứng hoàn hảo giữa mô hình cung và mô hình hành tinh. Điều này cần được phân định, và sẽ không dễ dàng. Một số nỗ lực đã được thực hiện trong phần nội dung của các bộ Bình Giải này, nhưng có một số cách sắp xếp khả dĩ.

494. VSK nói: "Vì vậy Sao Kim không được xét trong bộ tứ. Hãy so sánh điều này với trang 300, nơi nói rằng Sao Kim CÓ ở trong bộ tứ, v.v."

495. May it be suggested that the planets to be absorbed into 'central Saturn' or 'greater Saturn'(Jupiter, Vulcan, Earth and Mars—cf. Chart VI, TCF 373) are not (all of them) in the quaternary of the Solar Logos. Jupiter and Vulcan are not; Earth and probably Mars are. Venus we are told is. This does not mean that it cannot be absorbed by Neptune. It is not stated that Saturn must absorb the logoic quaternary—only that Saturn would absorb those planets included within the range of Brahma or Manas. Saturn, the Father, includes them all.

495. Có thể gợi ý rằng các hành tinh sẽ được hấp thu vào 'Sao Thổ trung tâm' hay 'Sao Thổ lớn hơn' (Sao Mộc, Vulcan, Trái Đất và Sao Hỏa—x. Biểu đồ VI, TCF 373) không phải (tất cả chúng) đều nằm trong bộ tứ của Thái dương Thượng đế. Sao Mộc và Vulcan thì không; Trái Đất và có lẽ Sao Hỏa thì có. Chúng ta được cho biết Sao Kim thì có. Điều này không có nghĩa là nó không thể được Sao Hải Vương hấp thu. Không hề nói rằng Sao Thổ phải hấp thu bộ tứ logoic—chỉ nói rằng Sao Thổ sẽ hấp thu những hành tinh nằm trong phạm vi của Brahma hay Manas. Sao Thổ, Người Cha, bao gồm tất cả chúng.

496. But Mercury and Venus, although manasic, have progressed to a buddhic phase, breaking free of manas in a sense, and hence it is not fitting that they be absorbed by manasic Saturn, even though in their soul nature they represent rays which are considered brahmic (the fourth and the fifth respectively).

496. Nhưng Sao Thủy và Sao Kim, dù thuộc manas, đã tiến đến một giai đoạn Bồ đề, theo một nghĩa nào đó đã thoát khỏi manas, và vì thế không thích hợp để chúng bị Sao Thổ manas hấp thu, dù trong bản chất linh hồn của mình chúng biểu hiện những cung được xem là brahmic (lần lượt là cung bốn và cung năm).

497. There are apparently contradictory references with respect to this subject as we are told that, eventually, Saturn will absorb all the seven. As it is not likely that Uranus and Neptune are involved in this absorption, Mercury and Venus would have to be, which prompted me to ask if planets retain their integrity when absorbed, and if Venus and Mercury could *first* be absorbed by Saturn and (maintaining their planetary integrity) *then* be absorbed by Uranus and Neptune respectively.

497. Rõ ràng có những tham chiếu mâu thuẫn liên quan đến chủ đề này, vì chúng ta được cho biết rằng cuối cùng Sao Thổ sẽ hấp thu cả bảy. Vì không có khả năng Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương dính líu vào sự hấp thu này, thì Sao Thủy và Sao Kim hẳn phải có, điều này khiến tôi đặt câu hỏi liệu các hành tinh có giữ được tính toàn vẹn của mình khi bị hấp thu hay không, và liệu Sao Kim và Sao Thủy có thể *trước hết* bị Sao Thổ hấp thu rồi (vẫn duy trì tính toàn vẹn hành tinh của mình) *sau đó* lần lượt bị Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương hấp thu hay không.

498. We will not solve this puzzle to our complete satisfaction at this time.

498. Hiện nay chúng ta sẽ không giải được câu đố này một cách hoàn toàn thỏa đáng.

499. Let us study the following words found in the section above.

499. Chúng ta hãy nghiên cứu những lời sau đây được tìm thấy trong phần trên.

500. We can see a method of blinding of revelation simultaneously at work.

500. Chúng ta có thể thấy một phương pháp làm mù sự mặc khải đang đồng thời vận hành.

No importance need be attached to the sequence of these names. The dual fact is all that is necessary to grasp.

Không cần gán tầm quan trọng nào cho trình tự của các tên này. Sự kiện nhị nguyên là tất cả những gì cần nắm bắt.

501. Note the order in which DK lists the planets: first Venus and then Mercury. But when speaking of the synthesizing planets, He lists first Uranus and then Neptune.

501. Hãy lưu ý thứ tự mà Chân sư DK liệt kê các hành tinh: trước hết là Sao Kim rồi đến Sao Thủy. Nhưng khi nói về các hành tinh tổng hợp, Ngài lại liệt kê trước Sao Thiên Vương rồi đến Sao Hải Vương.

502. If we did not know any better (and we followed the suggested order) we could think that Venus would be absorbed into Uranus and Mercury into Neptune.

502. Nếu chúng ta không biết rõ hơn (và làm theo thứ tự được gợi ý), chúng ta có thể nghĩ rằng Sao Kim sẽ được hấp thu vào Sao Thiên Vương và Sao Thủy vào Sao Hải Vương.

503. But DK tells us not to pay attention to the order, which is a hint that the order is exactly reversed from what it appears to be.

503. Nhưng Chân sư DK bảo chúng ta đừng chú ý đến thứ tự, đó là một gợi ý rằng thứ tự thực ra hoàn toàn đảo ngược với vẻ bề ngoài của nó.

504. In fact, Venus will be absorbed into Neptune and Mercury into Uranus.

504. Thật ra, Sao Kim sẽ được hấp thu vào Sao Hải Vương và Sao Thủy vào Sao Thiên Vương.

505. Other knowledge helps us with this assessment, for it has long been known in relation to astrology that Neptune is the "higher octave" of Venus. Mercury and Uranus, similarly, are astrologically allied.

505. Những tri thức khác giúp chúng ta trong sự đánh giá này, vì từ lâu trong liên hệ với chiêm tinh học người ta đã biết rằng Sao Hải Vương là "quãng tám cao hơn" của Sao Kim. Tương tự, Sao Thủy và Sao Thiên Vương có liên hệ chiêm tinh với nhau.

506. All this goes to show that one must watch what Master DK say *most carefully.*

506. Tất cả điều này cho thấy rằng người ta phải theo dõi điều Chân sư DK nói *hết sức cẩn thận.*

Neptune, Uranus, and Saturn

Sao Hải Vương, Sao Thiên Vương và Sao Thổ

507. Why this order? Is Neptune the final resolver in this second ray solar system? We must be alert for hints.

507. Tại sao lại theo thứ tự này? Phải chăng Sao Hải Vương là đấng phân giải tối hậu trong hệ mặt trời cung hai này? Chúng ta phải tỉnh táo trước các gợi ý.

will, therefore, have absorbed the essence of manifestation

vì vậy, sẽ hấp thu tinh chất của biểu hiện

508. What is absorbed is *not* the *form* but the *essence*. Exactly what is meant by essence is not clear, but we might think of the destruction of the causal body and of the spiritual triad which absorbs the liberated essence.

508. Điều được hấp thu *không* phải là *hình tướng* mà là *tinh chất*. Chính xác tinh chất có nghĩa là gì thì chưa rõ, nhưng chúng ta có thể nghĩ đến sự hủy diệt của thể nguyên nhân và của Tam Nguyên Tinh Thần, vốn hấp thu tinh chất đã được giải thoát.

509. The synthesizing planets are like the spiritual triad.

509. Các hành tinh tổng hợp giống như Tam Nguyên Tinh Thần.

and (in connection with the solar Logos) they correspond to the three permanent atoms in the causal body of a man.

và (liên hệ với Thái dương Thượng đế) chúng tương ứng với ba nguyên tử trường tồn trong thể nguyên nhân của một con người.

510. The triangle of atoms found within the causal body of man are not all permanent atoms. Two of them are and one of them is a mental unit.

510. Tam giác các nguyên tử được tìm thấy trong thể nguyên nhân của con người không phải tất cả đều là nguyên tử trường tồn. Hai trong số đó là như vậy, còn một là đơn vị hạ trí.

We say "correspond" for the analogy is not in detail. Uranus and Neptune are **reflections of the logoic astral and mental permanent atoms**.

Chúng ta nói “tương ứng” vì phép loại suy không đi vào chi tiết. Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương là **những phản chiếu của các nguyên tử trường tồn cảm dục và trí tuệ logoic**.

511. Here again the sequence is off. It would not make sense for Neptune to be a reflection of the logoic manasic permanent atom, nor Uranus of the astral permanent atom. The reverse is the case.

511. Ở đây một lần nữa trình tự lại sai. Sẽ không hợp lý nếu Sao Hải Vương là phản chiếu của nguyên tử trường tồn manas logoic, hay Sao Thiên Vương là phản chiếu của nguyên tử trường tồn cảm dục. Trường hợp ngược lại mới đúng.

512. Refer to the section above in which we spoke of the word "reflection" in relation to the follow quotation.

512. Hãy tham khảo phần trên, nơi chúng ta đã nói về từ "phản chiếu" liên hệ với trích dẫn sau.

Second. This fivefold Brahma aspect or the five Kumaras, are in full manifestation, and, with **the reflection of the other two aspects**, make the seven of our manifested system.

Thứ hai. Phương diện Brahma ngũ phân này hay năm Kumaras đang ở trong biểu hiện trọn vẹn, và, cùng với **sự phản chiếu của hai phương diện kia**, tạo thành số bảy của hệ biểu hiện của chúng ta.

513. It would seem that Neptune and Uranus are "the reflection of the other two aspects"—Neptune the reflection of the second aspect and Uranus ("home of electric fire") of the first.

513. Dường như Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương là "sự phản chiếu của hai phương diện kia"—Sao Hải Vương là phản chiếu của phương diện thứ hai và Sao Thiên Vương ("ngôi nhà của Lửa Điện") là phản chiếu của phương diện thứ nhất.

514. The true aspects are found within the solar logoic causal body on the higher levels of the cosmic mental plane, but are naturally related to the cosmic astral plane and the cosmic mental plane.

514. Các phương diện chân thực được tìm thấy trong thể nguyên nhân logoic thái dương trên các cấp cao hơn của cõi trí vũ trụ, nhưng dĩ nhiên có liên hệ với cõi cảm dục vũ trụ và cõi trí vũ trụ.

515. When dealing with the atomic unit in man (and perhaps in a larger "Man") we must realize that the mental unit is not the manasic permanent atom. So we must ask: "In our solar system, is Uranus the correspondence to a kind of solar logoic mental unit, or of the actual manasic permanent atom?"

515. Khi đề cập đến đơn vị nguyên tử trong con người (và có lẽ trong một "Con Người" lớn hơn), chúng ta phải nhận ra rằng đơn vị hạ trí không phải là nguyên tử trường tồn manas. Vì vậy chúng ta phải hỏi: "Trong hệ mặt trời của chúng ta, Sao Thiên Vương là sự tương ứng với một loại đơn vị trí tuệ logoic thái dương, hay với nguyên tử trường tồn manas thực sự?"

516. We have to fathom whether the split which exists between the mental unit and manasic permanent atom in the microcosm

516. Chúng ta phải dò thấu liệu sự phân tách tồn tại giữa đơn vị hạ trí và nguyên tử trường tồn manas trong con người tiểu thiên

man (and perhaps within the energy system of the Planetary Logos of the Earth-scheme), exists also within our solar system.

517. We might have basis for thinking so, as there is a close parallel between man, the Planetary Logos and the Solar Logos—the closest parallel being between man and the Solar Logos.

518. How such large structures as planets can be "reflections" of permanent atoms, or, even, *actual* permanent atoms (as seems to be the case with Saturn) is a problem to solve.

Saturn is in fact the correspondence to the logoic physical permanent atom.

519. Because Saturn is a "correspondence to the logoic physical permanent atom" does this mean that Saturn *actually is* the logoic physical permanent atom.

520. Saturn may also be a correspondence to one of the chakras of the Solar Logos. How a planet can be both a chakra and a permanent atom (or a "correspondence" to a permanent atom) is a problem to solve.

521. When we look at the human being, we find the chakra to be a relatively large structure and the permanent atom to be utterly tiny.

522. One can envision courses in cosmic astrology taught millennia in the future, in which these matters can receive the

địa (và có lẽ trong hệ thống năng lượng của Đức Hành Tinh Thượng Đế của hệ Địa Cầu) có tồn tại cả trong hệ mặt trời của chúng ta hay không.

517. Chúng ta có thể có cơ sở để nghĩ như vậy, vì có một sự song hành chặt chẽ giữa con người, Đức Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế—sự song hành gần gũi nhất là giữa con người và Thái dương Thượng đế.

518. Làm thế nào những cấu trúc lớn như các hành tinh có thể là "những phản chiếu" của các nguyên tử trường tồn, hay thậm chí là các nguyên tử trường tồn *thực sự* (như dường như là trường hợp của Sao Thổ), là một vấn đề cần giải quyết.

Thật ra, Sao Thổ là sự tương ứng với nguyên tử trường tồn hồng trần logoic.

519. Bởi vì Sao Thổ là một "sự tương ứng với nguyên tử trường tồn hồng trần logoic", điều đó có nghĩa là Sao Thổ *thực sự là* nguyên tử trường tồn hồng trần logoic chăng.

520. Sao Thổ cũng có thể là sự tương ứng với một trong các luân xa của Thái dương Thượng đế. Làm thế nào một hành tinh có thể vừa là một luân xa vừa là một nguyên tử trường tồn (hay một "sự tương ứng" với một nguyên tử trường tồn) là một vấn đề cần giải quyết.

521. Khi nhìn vào con người, chúng ta thấy luân xa là một cấu trúc tương đối lớn còn nguyên tử trường tồn thì vô cùng nhỏ bé.

522. Người ta có thể hình dung những khóa học về chiêm tinh học vũ trụ được giảng dạy trong hàng thiên niên kỷ tương lai, trong đó

attention they deserve and in which real clarification can come.

những vấn đề này có thể nhận được sự chú ý xứng đáng và trong đó sự làm sáng tỏ thực sự có thể xuất hiện.

523. We have to contrast the words "reflection" and "correspondence". The suggestion is that the true correspondence of which Uranus and Neptune are reflections are 'located' on planes higher than the cosmic physical plane--on which the planets manifest. But then, aspects of Neptune and Uranus are *also* found on the cosmic astral plane and the cosmic mental plane.

523. Chúng ta phải đối chiếu các từ "phản chiếu" và "tương ứng". Gợi ý ở đây là sự tương ứng chân thực mà Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương là những phản chiếu của nó được "đặt" trên những cõi cao hơn cõi hồng trần vũ trụ—nơi các hành tinh biểu hiện. Nhưng rồi, các phương diện của Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương *cũng* được tìm thấy trên cõi cảm dục vũ trụ và cõi trí vũ trụ.

524. Because the logoic physical permanent atom is found on the cosmic physical plane, and Saturn (along with the other planets) is found there as well, Saturn can be called a "correspondence" to the logoic physical permanent atom rather than simply a reflection.

524. Bởi vì nguyên tử trường tồn hồng trần logoic được tìm thấy trên cõi hồng trần vũ trụ, và Sao Thổ (cùng với các hành tinh khác) cũng được tìm thấy ở đó, nên Sao Thổ có thể được gọi là một "sự tương ứng" với nguyên tử trường tồn hồng trần logoic hơn là chỉ đơn thuần là một phản chiếu.

525. As with all permanent atoms in the atomic triangle there is a mystery—how a permanent atom can be found on a plane like the etheric, astral and lower mental and still be *within* the causal body. Again, this is not easy to solve. Perhaps the notion of 'causal encompassment' can help us.

525. Cũng như với mọi nguyên tử trường tồn trong tam giác nguyên tử, ở đây có một huyền nhiệm—làm thế nào một nguyên tử trường tồn có thể được tìm thấy trên một cõi như dĩ thái, cảm dục và hạ trí mà vẫn ở *bên trong* thể nguyên nhân. Một lần nữa, điều này không dễ giải quyết. Có lẽ khái niệm 'bao hàm nhân quả' có thể giúp chúng ta.

This is an occult mystery and must not be separated from its allied truth in the cosmic scheme.

Đây là một huyền nhiệm huyền bí học và không được tách rời khỏi chân lý tương liên của nó trong hệ vũ trụ.

526. What is the cosmic scheme? A planetary scheme exists within the solar system of a Solar Logos. Does a solar system (if considered analogous to a *chain*) exist within a cosmic scheme?

526. Hệ vũ trụ là gì? Một hệ hành tinh tồn tại trong hệ mặt trời của một Thái dương Thượng đế. Vậy một hệ mặt trời (nếu được xem là tương tự với một *Dãy*) có tồn tại trong một hệ vũ trụ không?

527. DK seems to be recommending that we think of the structure of the cosmic planes and of the nature of a Cosmic Logos in order to solve these correspondences.

527. Dường như Chân sư DK đang khuyến nghị chúng ta suy nghĩ về cấu trúc của các cõi vũ trụ và về bản chất của một Cosmic Logos để giải quyết những sự tương ứng này.

528. If we carry the analogy further, there will be three Solar Logoi in the cosmic scheme which will be the three synthesizing Solar Logoi. Our Solar Logos is probably not one. We are told that He is not one of the greater three, which means that He holds place within the cosmic logoic quaternary.

528. Nếu chúng ta đẩy phép loại suy đi xa hơn, sẽ có ba Thái dương Thượng đế trong hệ vũ trụ, là ba Thái dương Thượng đế tổng hợp. Thái dương Thượng đế của chúng ta có lẽ không phải là một trong số đó. Chúng ta được cho biết rằng Ngài không phải là một trong ba Đấng lớn hơn, điều đó có nghĩa là Ngài giữ vị trí trong bộ tứ logoic vũ trụ.

529. Sirius (hypothetically representing one of the higher centers within our Cosmic Logos—higher than the heart center, that is) almost certainly *is* one of the three. Although Sirius expresses through all three synthesizing planets, which of them is its lower correspondence? Probably not Saturn—at least not now. Sirius was more manasic in relation to the last solar system. It would probably be Uranus or Neptune. Much depends upon which center in the Cosmic Logos we deem Sirius to be. Best options are the head center or the ajna center. The head center would provide a correspondence to Uranus and the ajna to Neptune.

529. Sirius (theo giả thuyết biểu hiện một trong những trung tâm cao hơn trong Cosmic Logos của chúng ta—cao hơn trung tâm tim, tức là như vậy) gần như chắc chắn *là* một trong ba. Mặc dù Sirius biểu hiện qua cả ba hành tinh tổng hợp, sự tương ứng thấp hơn của nó là hành tinh nào? Có lẽ không phải Sao Thổ—ít nhất không phải hiện nay. Sirius mang tính manas hơn trong liên hệ với hệ mặt trời trước. Có lẽ đó là Sao Thiên Vương hoặc Sao Hải Vương. Nhiều điều tùy thuộc vào việc chúng ta xem Sirius là trung tâm nào trong Cosmic Logos. Những khả năng tốt nhất là trung tâm đầu hoặc trung tâm ajna. Trung tâm đầu sẽ cung ứng một sự tương ứng với Sao Thiên Vương và ajna với Sao Hải Vương.

Viewing manas as the vibratory activity of all atoms and narrowing our concept down to our own scheme it is interesting to note that some correspondences can be traced as we study this fifth principle during the present round, the fourth.

Xét manas như hoạt động rung động của mọi nguyên tử và thu hẹp khái niệm của chúng ta xuống hệ hành tinh riêng của mình, thật thú vị khi lưu ý rằng có thể truy ra một số sự tương ứng khi chúng ta nghiên cứu nguyên khí thứ năm này trong cuộc tuần hoàn hiện tại, tức cuộc tuần hoàn thứ tư.

530. We narrow the field and learn thereby. We move from a consideration of the solar

530. Chúng ta thu hẹp phạm vi và nhờ đó mà học hỏi. Chúng ta chuyển từ việc xem xét

system (and even of the “cosmic scheme”) to a consideration of our own scheme.

hệ mặt trời (và thậm chí cả “hệ vũ trụ”) sang việc xem xét chính hệ hành tinh của mình.

The manasic principle is the basis of the coming into activity and the mental recognition of the following facts in nature.

Nguyên khí manas là nền tảng cho sự đi vào hoạt động và sự nhận biết bằng trí tuệ về các sự kiện sau đây trong bản chất.

The fifth spirilla within the atom of matter will become active.

Loa tuyến thứ năm bên trong nguyên tử của vật chất sẽ trở nên hoạt động.

531. With the intensification of the manasic principle in our solar system, the fifth spirilla (even of the tiny atom of matter) will be activated. The greatest affects the smallest if there is a numerical resonance connecting them.

531. Với sự tăng cường của nguyên khí manas trong hệ mặt trời của chúng ta, loa tuyến thứ năm (ngay cả của nguyên tử vật chất nhỏ bé) sẽ được hoạt hóa. Cái lớn nhất tác động đến cái nhỏ nhất nếu có một cộng hưởng số học nối kết chúng.

532. We realize that the manasic principle is not fully activated in our Heavenly Man. It will be moreso in the fifth round of this fourth chain, and even more so, presumably, in the fifth chain or scheme round.

532. Chúng ta nhận ra rằng nguyên khí manas chưa được hoạt hóa trọn vẹn trong Đấng Thiên Nhân của chúng ta. Nó sẽ nhiều hơn moreso trong cuộc tuần hoàn thứ năm của dãy thứ tư này, và còn nhiều hơn nữa, có lẽ vậy, trong cuộc tuần hoàn của dãy thứ năm hay của hệ hành tinh.

This fifth spirilla is beginning faintly to vibrate, while **the fourth spirilla in this fourth round is assuming a vibration that will cause the intense vitalisation of the vehicles, and eventually bring about the shattering of the form**,

Loa tuyến thứ năm này đang bắt đầu rung động một cách mờ nhạt, trong khi **loa tuyến thứ tư trong cuộc tuần hoàn thứ tư này đang đảm nhận một rung động sẽ gây ra sự tiếp sinh lực mãnh liệt cho các vận cụ, và cuối cùng dẫn đến sự tan vỡ của hình tướng**

533. Our scheme, we see is not yet very manasic.

533. Hệ hành tinh của chúng ta, như ta thấy, vẫn chưa thật sự rất manas.

534. The fourth spirilla in this chain round is highly activated.

534. Loa tuyến thứ tư trong cuộc tuần hoàn của dãy này được hoạt hóa rất cao.

535. If the intense vibration of the fourth spirilla is leading eventually to the “shattering of the form” it would seem reasonable to relate this activation to the process of the fourth initiation—whether in

535. Nếu rung động mãnh liệt của loa tuyến thứ tư rốt cuộc dẫn đến “sự phá vỡ hình tướng”, thì có vẻ hợp lý khi liên hệ sự hoạt hóa này với tiến trình của lần điểm đạo thứ tư—dù nơi con người, Chúa Tể của Dãy hay

man, the Chain Lord or the Planetary Logos. It is at that initiation that the fourfold lower form is shattered as is the form of the causal body.

Đức Hành Tinh Thượng Đế. Chính ở lần điểm đạo ấy mà hình tướng thấp tứ phân bị phá vỡ, cũng như hình tướng của thể nguyên nhân.

536. If we wish to know the causes of the fourth initiation, we cannot dismiss this type of planetary activation. The fourth degree to be taken by many human beings in the immediate future owes much to the taking of the fourth degree by our Planetary Logos through the fourth Chain Lord, and the intense vitalization of the vehicles of form leading to their destruction.

536. Nếu chúng ta muốn biết các nguyên nhân của lần điểm đạo thứ tư, chúng ta không thể gạt bỏ loại hoạt hóa hành tinh này. Cấp điểm đạo thứ tư sẽ được nhiều người trong giới nhân loại tiếp nhận trong tương lai gần mắc nợ rất nhiều nơi việc Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta tiếp nhận cấp thứ tư qua Chúa Tể của Dãy thứ tư, và nơi sự tiếp sinh lực mãnh liệt cho các vận cụ của hình tướng dẫn đến sự hủy diệt của chúng.

and the subsequent escape of the Spirit into a form composed of matter which responds to the vibration of the fifth spirilla.

và sự thoát ra tiếp theo của tinh thần vào một hình tướng được cấu thành bằng vật chất đáp ứng với rung động của loa tuyến thứ năm.

537. The form to be shattered is the form comprised of the matter of the eighteen lower sub-planes, as well as the causal vehicle.

537. Hình tướng sẽ bị phá vỡ là hình tướng được cấu thành từ vật chất của mười tám cõi phụ thấp, cũng như vận cụ nguyên nhân.

538. Is DK, then, relating the vibration of the spiritual triad to the vibration of the fifth spirilla, because after the shattering of the causal body, the Spirit/Jiva escapes into the spiritual triad before eventually making its way to the Monad?

538. Vậy thì, phải chăng Chân sư DK đang liên hệ rung động của Tam nguyên tinh thần với rung động của loa tuyến thứ năm, bởi vì sau khi thể nguyên nhân bị phá vỡ, Tinh thần/Jiva thoát vào Tam nguyên tinh thần trước khi cuối cùng tiến đến chân thần?

539. The spiritual triad, we must remember, is the 'unsheathed soul', the *real* soul, and, thus, it would be reasonable to think of it as responding to the fifth spirilla.

539. Chúng ta phải nhớ rằng Tam nguyên tinh thần là "linh hồn không còn vỏ bọc", là linh hồn *thực sự*, và do đó, sẽ là hợp lý nếu nghĩ rằng nó đáp ứng với loa tuyến thứ năm.

540. Would the Monad, then, respond to the sixth spirilla?

540. Vậy thì chân thần có đáp ứng với loa tuyến thứ sáu chăng?

The fourth ether is coming into recognition, and along with it will come the knowledge of the lives which it embodies.

Dĩ thái thứ tư đang được nhận biết, và cùng với nó sẽ đến tri thức về những sự sống mà nó bao hàm.

541. DK seems to be speaking of the *systemic* fourth ether and not the buddhic plane which is the *cosmic* fourth ether.

541. Đúng vậy, rõ ràng chúng ta đang nói về cõi dĩ thái hệ thống và về các thực thể không còn nhập thể (gần với cõi trần thế) sẵn lòng tạo tiếp xúc.

Hence the success of spiritualistic endeavour, for the larger number of the average discarnate entities at this stage who are willing to make contact with the physical plane are clothed in matter of this ether.

Do đó sự thành công của nỗ lực thông linh học, vì phần lớn các thực thể đã rời khỏi thể xác ở giai đoạn này, vốn sẵn sàng tiếp xúc với cõi hồng trần, được khoác trong chất liệu của loại dĩ thái này.

542. Yes, we are definitely speaking of the systemic etheric plane and of the discarnate entities (close to the earthly plane) who are willing to make contact.

542. Đúng vậy, rõ ràng chúng ta đang nói về cõi dĩ thái của hệ mặt trời và về các thực thể đã rời khỏi thể xác (gần với cõi trần thế) vốn sẵn sàng tiếp xúc.

543. Spiritualism, we remember, is ruled by the seventh ray, now coming prominently to the fore. Spiritualism functions, specifically, in relation to the systemic etheric-physical plane.

543. Chúng ta nhớ rằng thần linh học được cung bảy cai quản, và hiện nay cung này đang nổi bật tiến ra tiền cảnh. Cụ thể, thần linh học hoạt động trong liên hệ với cõi dĩ thái-hồng trần của hệ thống.

The devas [Page 407] of this ether will also come to be known **before the end of this round**,

Các thiên thần [Page 407] của dĩ thái này cũng sẽ được biết đến **trước khi cuộc tuần hoàn này chấm dứt**,

544. We see that DK uses the term devas differently from T. Subba Row. DK speaks of devas on even so low a plane as the fourth etheric. Row spoke of them only in relation to the higher three planes.

544. Chúng ta thấy rằng Chân sư DK dùng thuật ngữ thiên thần khác với T. Subba Row. Chân sư DK nói đến thiên thần ngay cả trên một cõi thấp như dĩ thái thứ tư. Row chỉ nói về họ trong liên hệ với ba cõi cao hơn.

545. Of course, another way of interpreting Row is that he divided each plane into seven parts and considered that devas existed on the higher three sub-planes, and pitris on

545. Dĩ nhiên, một cách khác để diễn giải Row là ông chia mỗi cõi thành bảy phần và cho rằng thiên thần hiện hữu trên ba cõi phụ cao hơn, còn pitris ở ba cõi phụ thấp hơn, với cõi phụ chuyển hoá là cõi phụ thứ tư.

the lower three, with the transmutative sub-plane being the fourth.

546. The fourth round reveals the devas of the fourth etheric sub-plane. We might also expect that much anent the buddhic plane would also be revealed.

546. Cuộc tuần hoàn thứ tư mặc khải các thiên thần của cõi phụ dĩ thái thứ tư. Chúng ta cũng có thể chờ đợi rằng nhiều điều liên quan đến cõi Bồ đề cũng sẽ được mặc khải.

and alliance will be made between the fourth Creative Hierarchy of men, and the devas of the fourth ether.

và một liên minh sẽ được thiết lập giữa Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư là loài người, và các thiên thần của dĩ thái thứ tư.

547. This will be an alliance numerologically sanctioned.

547. Đây sẽ là một liên minh được số học chuẩn nhận.

548. VSK asks: "What are the lives of the fourth ether?"

548. VSK hỏi: "Những sự sống của dĩ thái thứ tư là gì?"

549. We are speaking of the "devas of the shadows" which are discussed ahead in the text. Discarnate entities have also been mentioned.

549. Chúng ta đang nói về "các thiên thần của bóng tối" sẽ được bàn đến ở phần sau của bản văn. Các thực thể không còn nhập thể cũng đã được nhắc đến.

550. The alliance will bring about a far greater mastery of lower matter than is now possible to us. DK discusses this at length in TCF.

550. Liên minh này sẽ đem lại sự làm chủ vật chất thấp lớn lao hơn rất nhiều so với điều hiện nay chúng ta có thể đạt được. Chân sư DK bàn rất dài về điều này trong Luận về Lửa Vũ Trụ.

551. As well, man the magician will make his appearance. The power of magical precipitation from etheric levels will be solidly in his possession.

551. Ngoài ra, con người là nhà huyền thuật sẽ xuất hiện. Quyền năng ngưng tụ huyền thuật từ các cấp dĩ thái sẽ được nắm vững chắc trong tay y.

The fourth plane, the buddhic, by the aid of manas, will gradually be realised.

Cõi thứ tư, cõi Bồ đề, nhờ sự trợ giúp của manas, sẽ dần dần được chứng nghiệm.

552. This is a reasonable correspondence. Those men who are ready to appreciate the nature of buddhi will have access to it.

552. Đây là một tương ứng hợp lý. Những người đã sẵn sàng để đánh giá đúng bản chất của buddhi sẽ có thể tiếp cận nó.

553. We see how progress in rounds is numerologically determined. This gives us a method of predictive understanding.

553. Chúng ta thấy tiến bộ qua các cuộc tuần hoàn được xác định theo số học như thế nào. Điều này cho chúng ta một phương pháp thấu hiểu có tính tiên đoán.

This will be done as manas is transmuted into wisdom.

Điều này sẽ được thực hiện khi manas được chuyển hoá thành minh triết.

554. We are speaking of the transition from focus upon the fifth systemic plane to focus upon the fourth. Presumably a number will take the fourth initiation before the end of this (fourth) round.

554. Chúng ta đang nói về sự chuyển tiếp từ sự tập trung vào cõi thứ năm của hệ thống sang sự tập trung vào cõi thứ tư. Có lẽ một số người sẽ tiếp nhận lần điểm đạo thứ tư trước khi cuộc tuần hoàn này (cuộc tuần hoàn thứ tư) chấm dứt.

By a few in this round the fifth principle will be superseded by the principle of buddhi.

Bởi một số ít người trong cuộc tuần hoàn này, nguyên khí thứ năm sẽ được thay thế bằng nguyên khí buddhi.

555. This superseding would signal the taking of the fourth degree.

555. Sự thay thế này sẽ báo hiệu việc tiếp nhận cấp thứ tư.

556. We cannot predict an entire raft of fourth degree initiates, although elsewhere, DK tells of the many Masters soon to be made.

556. Chúng ta không thể dự đoán cả một số lượng lớn các điểm đạo đồ cấp thứ tư, mặc dù ở nơi khác, Chân sư DK có nói đến nhiều Chân sư sẽ sớm được thành tựu.

Right on **from now till the middle of the next round there will be an overlapping of the four and the five**—manas and the buddhic principle—thus making the nine, or perfected man, the initiate.

Ngay **từ bây giờ cho đến giữa cuộc tuần hoàn kế tiếp sẽ có một sự chồng lấn giữa bốn và năm**—manas và nguyên khí buddhi—nhờ đó tạo thành số chín, hay con người hoàn thiện, điểm đạo đồ.

557. VSK asks: "With the statement, 'By a few …' is DK referring to a few human individuals?"

557. VSK hỏi: "Với phát biểu 'Bởi một số ít người…', phải chăng Chân sư DK đang nói đến một số ít cá nhân con người?"

558. We recall that earlier in this Commentary we read of the perfect blending of the four and five making the nine which signaled the taking a certain major initiation, probably the fourth.

558. Chúng ta nhớ rằng trước đó trong phần Bình Luận này, chúng ta đã đọc về sự hòa trộn hoàn hảo của bốn và năm tạo thành chín, báo hiệu việc tiếp nhận một lần điểm đạo lớn nào đó, có lẽ là lần thứ tư.

559. Perfected man is man of the fourth degree. The blending of buddhic with manas is the work of the remaining period of the fourth round and the period (up to the "Judgment Day") in the fifth.

559. Con người hoàn thiện là con người ở cấp thứ tư. Sự hòa trộn của buddhi với manas là công việc của thời kỳ còn lại của cuộc tuần hoàn thứ tư và của thời kỳ trong cuộc tuần hoàn thứ năm (cho đến "Ngày Phán Xét").

560. The nine and the four go together. The goal of the ninth Creative Hierarchy (the human Creative Hierarchy) will be fulfilled when man takes the fourth degree and then polarize upon the buddhic plane.

560. Số chín và số bốn đi cùng nhau. Mục tiêu của Huyền Giai Sáng Tạo thứ chín (Huyền Giai Sáng Tạo nhân loại) sẽ được hoàn thành khi con người tiếp nhận cấp thứ tư rồi phân cực trên cõi Bồ đề.

561. Many of us can learn to participate in this overlapping, as we achieve increasing soul infusion and both build and master the antahkarana technique.

561. Nhiều người trong chúng ta có thể học cách tham dự vào sự chồng lấn này, khi chúng ta đạt đến mức được linh hồn thấm nhuần ngày càng nhiều hơn và vừa xây dựng vừa làm chủ kỹ thuật antahkarana.

It might also be remarked that more and more will the control of the fourth Kumara be evidenced and felt. On this I cannot enlarge, being only permitted to make the statement.

Cũng có thể nhận xét rằng ngày càng nhiều hơn sự kiểm soát của Kumara thứ tư sẽ được biểu lộ và cảm nhận. Về điều này tôi không thể nói rộng hơn, vì chỉ được phép đưa ra phát biểu ấy.

562. VSK asks: "By the fourth Kumara, does DK refer to the Gemini Kumara, of the 6th ray on the astral subplane of the cosmic astral, or to Aries, the Fourth Ray Kumara?" (ref., EA, p. 34)

562. VSK hỏi: "Bởi Kumara thứ tư, phải chăng Chân sư DK muốn nói đến Gemini Kumara, thuộc cung 6th trên cõi phụ cảm dục của cõi cảm dục vũ trụ, hay Aries, Kumara Cung bốn?" (tham chiếu, Chiêm Tinh Học Nội Môn, tr. 34)

563. Quite often in the Teaching, Sanat Kumara is known as the "fourth Kumara". He is also known as the "first Kumara".

563. Khá thường xuyên trong Giáo Huấn, Đức Sanat Kumara được biết đến như "Kumara thứ tư". Ngài cũng được biết đến như "Kumara thứ nhất".

564. We know that the influence of Sanat Kumara will be profound by the time of the "Judgment Day". We are speaking of the period leading to the "Judgment Day". It is thus fitting to consider Sanat Kumara as the "fourth Kumara" in this context. His control will grow from this time forth until that decisive planetary moment.

564. Chúng ta biết rằng ảnh hưởng của Đức Sanat Kumara sẽ sâu xa vào thời điểm của "Ngày Phán Xét". Chúng ta đang nói về thời kỳ dẫn đến "Ngày Phán Xét". Vì thế, trong bối cảnh này, thật thích hợp khi xem Đức Sanat Kumara là "Kumara thứ tư". Sự kiểm soát của Ngài sẽ tăng trưởng từ thời điểm này trở đi cho đến khoảnh khắc hành tinh quyết định ấy.

The consciousness of the mass of the human family will gradually pass on to the fourth subplane of the mental plane, and be more and more controlled by purely concrete mind.

Tâm thức của đại đa số gia đình nhân loại sẽ dần dần chuyển sang cõi phụ thứ tư của cõi trí, và ngày càng bị kiểm soát nhiều hơn bởi trí cụ thể thuần túy.

565. This will mean that more and more human beings will express as *personalities.* Personality expression is directly related to the fourth sub-plane of the mental plane. This polarization will not mean necessarily that they have mastered the astral body.

565. Điều này sẽ có nghĩa là ngày càng nhiều con người sẽ biểu lộ như những *phàm ngã.* Sự biểu lộ của phàm ngã liên hệ trực tiếp với cõi phụ thứ tư của cõi trí. Sự phân cực này không nhất thiết có nghĩa là họ đã làm chủ thể cảm dục.

566. It is interesting that this sub-plane should be correlated by DK with the "purely concrete mind". Is there a degree of freedom on this level from any admixture with astralism—freedom from kama manas? Given the process to occur at the judgment day, it can be reasoned that such freedom would be far from complete.

566. Điều thú vị là cõi phụ này lại được Chân sư DK liên hệ với "trí cụ thể thuần túy". Có phải ở cấp này có một mức độ tự do nào đó khỏi mọi pha trộn với tính cảm dục—tự do khỏi trí-cảm chăng? Xét theo tiến trình sẽ xảy ra vào ngày phán xét, có thể suy luận rằng sự tự do ấy còn rất xa mới hoàn toàn.

Unless this is paralleled by a steady influx of egos on to the buddhic plane in conscious activity, and thus out of the control of manas pure and simple, a very serious condition will have to be handled by the Hierarchy.

Trừ phi điều này được song hành bởi một dòng tuôn đổ đều đặn của các chân ngã lên cõi Bồ đề trong hoạt động hữu thức, và nhờ đó thoát khỏi sự kiểm soát của manas thuần túy và đơn giản, nếu không Thánh đoàn sẽ phải xử lý một tình trạng rất nghiêm trọng.

567. VSK asks: "Does this imply that the mass of humanity is now on the *fifth* subplane of the mental?"

567. VSK hỏi: "Điều này có hàm ý rằng đại đa số nhân loại hiện nay đang ở trên cõi phụ *thứ năm* của cõi trí không?"

568. May it be suggested that the mass of humanity is not there yet, but that the intelligentsia is. As for kama-manasic mind, it would seem that they would focus on the sixth sub-plane of the mental (counting from above). They can, after all think, but with what degree of emotional engagement do they think?

568. Có thể gợi ý rằng đại đa số nhân loại chưa ở đó, nhưng giới trí thức thì có. Còn đối với trí trí-cảm, có vẻ như họ sẽ tập trung trên cõi phụ thứ sáu của cõi trí (đếm từ trên xuống). Rốt cuộc họ vẫn có thể suy nghĩ, nhưng họ suy nghĩ với mức độ dấn dự cảm xúc đến đâu?

The work of the four Maharajahs who apportion karma within the ring-pass-not will reach its culminating point during the fourth round.

Công việc của bốn Maharajah phân phối nghiệp quả trong vòng-giới-hạn sẽ đạt đến điểm tột đỉnh trong cuộc tuần hoàn thứ tư.

569. We are living in a very karmic round. There is much precipitation of karma and much subjection to the *cross,* as an instrument of karmic imposition. The buddhic plane (as we have learned) is involved in this dispensation of karma.

569. Chúng ta đang sống trong một cuộc tuần hoàn rất nặng tính nghiệp quả. Có nhiều sự ngưng tụ của nghiệp quả và nhiều sự bị đặt dưới *thập giá,* như một công cụ áp đặt nghiệp quả. Cõi Bồ đề (như chúng ta đã học) có liên quan đến sự phân phối nghiệp quả này.

570. When a human being is a fully mature member of the fifth kingdom of nature (i.e., as a Master) much of his earthly karma has been balanced.

570. Khi một con người là một thành viên hoàn toàn trưởng thành của giới thứ năm trong thiên nhiên (tức là, với tư cách một Chân sư), phần lớn nghiệp quả trần thế của ông đã được quân bình.

In the next round, the work of the Lipikas who handle affairs in connection with our system outside the ring-pass-not will become more prominent.

Trong cuộc tuần hoàn kế tiếp, công việc của các Lipika xử lý những vấn đề liên hệ với hệ thống của chúng ta ở ngoài vòng-giới-hạn sẽ trở nên nổi bật hơn.

571. The number five accords with the Sirian vibration. Affairs which relate to our system are handled in great measure from Sirius and these particular Lipikas will emerge as more powerful under these more advanced conditions.

571. Số năm phù hợp với rung động Sirian. Những vấn đề liên hệ với hệ thống của chúng ta phần lớn được xử lý từ Sirius, và các Lipika đặc biệt này sẽ xuất hiện như mạnh mẽ hơn dưới những điều kiện tiến hóa cao hơn ấy.

572. But what round does DK mean? Does He simply mean another round of the Earth-

572. Nhưng Chân sư DK muốn nói đến cuộc tuần hoàn nào? Phải chăng Ngài chỉ muốn nói đến một cuộc tuần hoàn khác của Dãy

chain, or does He mean a greater type of round?

573. Why should Lipikas Who handle affairs in relation to our entire solar system, become more prominent in the small amount of time necessary for the Earth-chain to pass through another chain round —not even a scheme round?

This is necessarily so, as the Lipika Lords dispense the law to those who have merged themselves with their divine principle, and are no longer held by the material forms of the three worlds.

574. The Maharajas, then, by inference, dispense the law to those who have *not* merged themselves with their divine principle and who *are* held by material forms of the three worlds.

575. The Lipikas work with a higher grade of human being—a more liberated human being who is polarized within the solar principle, minimally and perhaps with the principle conditioned by fire electric.

The Lords of Karma, or the Maharajahs, work with the sons of men in the three worlds, and through manasic principle.

576. As stated. DK is very clear on this point and we have much to ponder when comparing the relative influence of these two types of Karmic Lords.

577. In this case we see the preeminence of the three over the four. This is not always the case as the four control the three.

Địa Cầu, hay Ngài muốn nói đến một loại cuộc tuần hoàn lớn hơn?

573. Tại sao các Lipika xử lý những vấn đề liên hệ với toàn bộ hệ mặt trời của chúng ta lại trở nên nổi bật hơn chỉ trong khoảng thời gian nhỏ cần thiết để Dãy Địa Cầu đi qua thêm một cuộc tuần hoàn của dãy—thậm chí chưa phải một cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh?

Điều này tất yếu là như vậy, vì các Chúa Tể Lipika phân phối định luật cho những ai đã hòa nhập chính mình với nguyên khí thiêng liêng của họ, và không còn bị giữ lại bởi các hình tướng vật chất của ba cõi thấp.

574. Vậy thì, theo suy luận, các Maharajah phân phối định luật cho những ai *chưa* hòa nhập chính mình với nguyên khí thiêng liêng của họ và *vẫn* bị giữ lại bởi các hình tướng vật chất của ba cõi thấp.

575. Các Lipika làm việc với một hạng người cao hơn—một con người được giải thoát hơn, được phân cực trong nguyên khí thái dương, ít nhất là như vậy, và có lẽ với nguyên khí ấy được tác động bởi lửa điện.

Các Chúa Tể Nghiệp Quả, hay các Maharajah, làm việc với những người con của nhân loại trong ba cõi thấp, và thông qua nguyên khí manas.

576. Đúng như đã nói. Chân sư DK rất rõ ràng ở điểm này và chúng ta có nhiều điều để suy ngẫm khi so sánh ảnh hưởng tương đối của hai loại Chúa Tể Nghiệp Quả này.

577. Trong trường hợp này chúng ta thấy sự trội vượt của ba trên bốn. Điều này không phải lúc nào cũng đúng vì bốn kiểm soát ba.

TCF 408-417: S4S8

19 January – 2 February 2007

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

[Page 408]

2. [MANAS] In the System.

We have now for consideration some further points on the subject of manasic development within the system and then we can proceed to discuss the future of manas, our final subheading.

1. We recall that DK said it was not really possible to discuss manas in the solar system, but it appears that some attempt will be made to do so.

It will be apparent to all of us that the vastness of the subject and the **enormous cycles of time** involved tend to obscurity and lack of definiteness.

19 Tháng Một – 2 Tháng Hai 2007

(Phần lớn bản văn của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của Luận về Lửa Vũ Trụ được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Có đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *Luận về Lửa Vũ Trụ* đặt sẵn bên cạnh,** để bảo đảm tính liên tục. Khi việc phân tích bản văn được tiếp tục, nhiều đoạn văn bị chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.

[Page 408]

2. [MANAS] Trong Hệ Thống.

Bây giờ chúng ta sẽ xem xét thêm một số điểm nữa về chủ đề phát triển manas trong hệ thống, rồi sau đó có thể tiếp tục bàn đến tương lai của manas, là tiểu mục cuối cùng của chúng ta.

1. Chúng ta nhớ rằng Chân sư DK đã nói rằng thật ra không thể bàn về manas trong hệ mặt trời, nhưng có vẻ như một nỗ lực nào đó sẽ được thực hiện để làm điều ấy.

Tất cả chúng ta đều sẽ thấy rõ rằng tính bao la của chủ đề này và những **chu kỳ thời gian khổng lồ** liên quan đến nó có khuynh hướng tạo ra sự mơ hồ và thiếu tính xác định.

2. This is definitely the case. We can *speak* of millions and even billions and trillions of years, but experientially such concepts are meaningless to us.

2. Điều này chắc chắn đúng. Chúng ta có thể *nói* đến hàng triệu, thậm chí hàng tỷ và hàng nghìn tỷ năm, nhưng về mặt kinh nghiệm, những khái niệm như thế không có ý nghĩa gì đối với chúng ta.

3. Modern science has a conception of the duration of the solar system which is much compressed when compared with the view put forth in the Ageless Wisdom, yet even the spans proposed by science are immense.

3. Khoa học hiện đại có một quan niệm về thời lượng của hệ mặt trời bị nén lại rất nhiều khi so với quan điểm được nêu ra trong Minh Triết Ngàn Đời, tuy nhiên ngay cả những khoảng thời gian do khoa học đề xuất cũng vẫn mênh mông.

4. Yet, thinking in these terms is part of creating a 'cosmo-conception' which is, at least, somewhat accurate in its outlines. This is necessary for a stable understanding of our place within the system and cosmos.

4. Tuy vậy, suy nghĩ theo những thuật ngữ này là một phần của việc tạo ra một "vũ trụ quan" ít nhất cũng phần nào chính xác trong các đường nét tổng quát của nó. Điều này là cần thiết cho một sự thấu hiểu vững chắc về vị trí của chúng ta trong hệ thống và vũ trụ.

Only the high lights stand out, and only broad general concepts, and the impartation of fundamental facts (to the exclusion of detail) are in any way possible in this treatise.

Chỉ những điểm nổi bật mới hiện ra, và chỉ những khái niệm tổng quát rộng lớn, cùng sự truyền đạt các sự kiện căn bản (loại trừ chi tiết) mới có thể được thực hiện phần nào trong bộ luận này.

5. We may think we are witnessing the impartation of detail, but it is not the case—compared with the detail which *could* be imparted. Our manasic limitations prevent a true grasp of what DK is attempting to convey. That is why this book, *A Treatise on Cosmic Fire,* "evades understanding by all except those with initiate consciousness" (R&I 82). Nevertheless, we *try* to understand.

5. Chúng ta có thể nghĩ rằng mình đang chứng kiến sự truyền đạt chi tiết, nhưng không phải vậy—so với những chi tiết *có thể* được truyền đạt. Những giới hạn manas của chúng ta ngăn cản sự nắm bắt chân thực điều mà Chân sư DK đang cố gắng truyền đạt. Đó là lý do vì sao quyển sách này, *Luận về Lửa Vũ Trụ,* "né tránh sự thấu hiểu của tất cả mọi người ngoại trừ những ai có tâm thức điểm đạo đồ" (R&I 82). Tuy vậy, chúng ta vẫn *cố gắng* thấu hiểu.

Certain ideas stand out clearly against the background of intricate plans, against the apparent confusion caused by the overlapping of cycles, both great and lesser, and against accumulation of chaotic detail.

Một số ý tưởng nhất định nổi bật rõ ràng trên nền của những thiên cơ phức tạp, trên nền của sự rối rắm bề ngoài do sự chồng lấn của các chu kỳ, cả lớn lẫn nhỏ, và trên nền của sự tích lũy chi tiết hỗn độn.

6. DK knows what a staggering task of mental organization we face when reading TCF. Here is what we have to contend with:

6. Chân sư DK biết chúng ta phải đối diện với một nhiệm vụ tổ chức trí tuệ choáng ngợp như thế nào khi đọc Luận về Lửa Vũ Trụ. Đây là những gì chúng ta phải đương đầu:

a. The intricate plans which provide the background of all we read

a. Những thiên cơ phức tạp tạo nên bối cảnh cho mọi điều chúng ta đọc

b. Confusion caused by the necessity of understanding overlapping cycles, greater and lesser

b. Sự rối rắm do nhu cầu phải thấu hiểu các chu kỳ chồng lấn, lớn và nhỏ

c. Chaotic detail which we continue to accumulate as we read

c. Những chi tiết hỗn độn mà chúng ta tiếp tục tích lũy khi đọc

d. Seeming contradiction

d. Sự mâu thuẫn bề ngoài

7. We have noticed that there is a tremendous amount of detail in *A Treatise on Cosmic Fire.* Even while immersed in the detail, we must hold the main structural outline in mind.

7. Chúng ta đã nhận thấy rằng có một lượng chi tiết vô cùng lớn trong *Luận về Lửa Vũ Trụ.* Ngay cả khi đang chìm trong chi tiết, chúng ta vẫn phải giữ trong trí đường nét cấu trúc chính yếu.

This apparent chaos, and even seeming contradiction, is the result of our imperfect evolution, the result of our entire lack of perspective incident upon our place in the planetary scheme, and the result of the shortness of our vision.

Sự hỗn độn bề ngoài này, và ngay cả sự mâu thuẫn dường như có đó, là kết quả của sự tiến hoá chưa hoàn hảo của chúng ta, là kết quả của sự hoàn toàn thiếu viễn quan do vị trí của chúng ta trong hệ hành tinh, và là kết quả của tầm nhìn ngắn ngủi của chúng ta.

8. Let us tabulate the shortcomings which make that which we read appear chaotic and contradictory:

8. Hãy liệt kê thành bảng những thiếu sót khiến điều chúng ta đọc có vẻ hỗn độn và mâu thuẫn:

a. Our imperfect evolution

a. Sự tiến hoá chưa hoàn hảo của chúng ta

b. Our entire lack of perspective due to our limited vantage point within the scheme

b. Sự hoàn toàn thiếu viễn quan của chúng ta do điểm nhìn hạn hẹp trong hệ hành tinh

c. Our shortness of vision.

c. Tầm nhìn ngắn ngủi của chúng ta.

9. This is a sobering picture of what we bring to the study of such a great work; yet as a result of what is learned through sober, realistic assessment, a program of improvement can be instituted.

9. Đây là một bức tranh khiến ta tỉnh táo về những gì chúng ta mang vào việc nghiên cứu một tác phẩm vĩ đại như thế; tuy nhiên, từ những gì được học qua sự đánh giá tỉnh táo và thực tế, một chương trình cải thiện có thể được thiết lập.

Broad outstanding generalisations are all that we can appreciate at our present state, and they might be summed up as three in number:

Những khái quát hóa rộng lớn nổi bật là tất cả những gì chúng ta có thể đánh giá đúng ở trạng thái hiện nay của mình, và chúng có thể được tóm lại thành ba điều:

10. These are the three outstanding generalisations: *Position, Relation (TCF. 410), Limitation (TCF. 411).*

10. Đây là ba khái quát hóa nổi bật: *Vị trí, Tương quan (TCF. 410), Giới hạn (TCF. 411).*

Position or the place of the system within its greater whole, and the corporate nature of all manifestation.

Vị trí hay chỗ đứng của hệ thống trong toàn thể lớn hơn của nó, và bản chất tập thể của mọi biểu hiện.

11. The "system" is, of course, our solar system.

11. "Hệ thống" ở đây dĩ nhiên là hệ mặt trời của chúng ta.

12. "Its [immediately] greater whole" is the sphere of the Cosmic Logos in which our solar system finds its place.

12. "Toàn thể lớn hơn [trực tiếp] của nó" là khối cầu của Thượng đế Vũ trụ mà trong đó hệ mặt trời của chúng ta tìm thấy vị trí của mình.

13. Of the ultimate "Greater Whole" we cannot speak meaningfully.

13. Về "Toàn Thể Lớn Hơn" tối hậu, chúng ta không thể nói một cách có ý nghĩa.

This involves the concept of:

Điều này bao hàm khái niệm về:

A cosmic system, involving lesser systems and holding them together by the power of a unified life.[44]

Một hệ thống vũ trụ, bao gồm các hệ thống nhỏ hơn và giữ chúng lại với nhau bằng quyền năng của một sự sống hợp nhất.44

14. A “cosmic system” (cf. TCF 293) consists of seven major Solar Logoi and, presumably, a number of others, just as our solar system, has seven major Planetary Logoi (or ten) and a number of others (discovered and undiscovered)

14. Một “hệ thống vũ trụ” (xem TCF 293) gồm bảy Thái dương Thượng đế chính và, có lẽ, một số vị khác, cũng như hệ mặt trời của chúng ta có bảy Đức Hành Tinh Thượng Đế chính (hay mười) và một số vị khác nữa (đã được khám phá và chưa được khám phá)

Diversity from Unity.

Biến phân từ Hợp nhất.

"Now, according to the Adepts of ancient Aryavarta, seven principles are evolved out of these three primary entities.

“Theo các chân sư của Aryavarta cổ xưa, bảy nguyên khí được tiến hóa ra từ ba thực thể sơ khởi này.

15. The method of deriving the ray constituents of the four Rays of Attribute from combinations of the three Rays of Aspect is related to this method.

15. Phương pháp rút ra các thành phần cung của bốn Cung Thuộc Tính từ các tổ hợp của ba Các Cung Trạng Thái có liên hệ với phương pháp này.

Algebra teaches us that the number of combinations of things, taken one at a time, two at a time, three at a time, and so forth = 2n - 1. Applying this formula to the present case, the number of entities evolved from different combinations of these three primary causes amount to 23 - 1 = 8 - 1 = 7.

Đại số dạy chúng ta rằng số lượng các tổ hợp của các vật, lấy từng cái một, từng hai cái một, từng ba cái một, v.v. = 2n - 1. Áp dụng công thức này vào trường hợp hiện tại, số thực thể được tiến hóa từ các tổ hợp khác nhau của ba nguyên nhân sơ khởi này là 23 - 1 = 8 - 1 = 7.

16. The exponent “n” is determined by the number of “things” under consideration. In this example, three things (three primary entities) are under consideration. The number of combinations is, therefore, seven.

16. Số mũ “n” được xác định bởi số lượng “vật” đang được xét đến. Trong ví dụ này, ba vật (ba thực thể sơ khởi) đang được xét đến. Vì vậy số lượng tổ hợp là bảy.

As a general rule whenever seven entities are mentioned in the ancient occult sciences of India in any connection whatsoever, you must suppose that these seven entities come into existence from three primary entities; and that these three entities, again, are evolved out of a single entity or Monad."—The Theosophist, Vol. VIII, p 449.

Theo một quy luật tổng quát, bất cứ khi nào bảy thực thể được nhắc đến trong các khoa học huyền bí cổ xưa của Ấn Độ trong bất kỳ mối liên hệ nào, bạn phải giả định rằng bảy thực thể này đi vào hiện hữu từ ba thực thể sơ khởi; và ba thực thể này, đến lượt chúng, lại được tiến hóa ra từ một thực thể duy nhất hay chân thần.” —The Theosophist, Tập VIII, tr. 449.

17. The method of evolution of the three from the one is not given and is fundamentally mysterious.

17. Phương pháp tiến hoá của ba từ một không được nêu ra và về căn bản là huyền nhiệm.

18. If seven are derived from three, the question with which we are always presented is: "are the seven extraneous to the three from which they are derived, or are the original three incorporated within the final seven?"

18. Nếu bảy được rút ra từ ba, thì câu hỏi luôn luôn được đặt ra cho chúng ta là: "bảy có ở ngoài ba mà từ đó chúng được rút ra không, hay ba nguyên thủy được bao hàm trong bảy cuối cùng?"

19. Esoterically, every seven implies a ten. This we have seen over and over again.

19. Về mặt huyền bí, mọi số bảy đều hàm ý một số mười. Điều này chúng ta đã thấy lặp đi lặp lại.

20. It would seem when looking at the tenfold structure of the Tree of Life, that the lower *seven* Sephiroth were derived from the supernal *three.*

20. Khi nhìn vào cấu trúc thập phân của Cây Sự Sống, có vẻ như bảy Sephiroth *thấp* được rút ra từ ba Sephiroth *thiên thượng.*

A solar **system**, a portion of that greater **system** of manifestation, [Page 409] equally involving lesser forms of objectivity, and holding them likewise unified by the power of its own life.

Một **hệ thống** mặt trời, là một phần của [Page 409] hệ thống biểu hiện lớn hơn ấy, cũng bao gồm những hình thức khách quan nhỏ hơn, và cũng giữ chúng hợp nhất bằng quyền năng của chính sự sống của nó.

21. A solar *system* is part of a cosmic logoic *system. Both* however, are really ***solar*** *systems* —i.e., systems of stars (or aggregates of stars).

21. Một *hệ thống* mặt trời là một phần của một *hệ thống* logoi vũ trụ. *Cả hai* tuy nhiên thật ra đều là các ***hệ mặt trời*** —tức là các hệ thống sao (hay các tập hợp sao).

22. The planetary schemes are, in this context, the "lesser forms of objectivity".

22. Trong bối cảnh này, các hệ hành tinh là "những hình thức khách quan nhỏ hơn".

23. If planetary schemes are unified, it is because a Solar Logos holds them in coherency.

23. Nếu các hệ hành tinh được hợp nhất, đó là vì một Thái dương Thượng đế giữ chúng trong tính cố kết.

A planetary scheme, or subdivision of that solar system. This likewise persists as a unit by itself, **yet has no existence apart from other units.**

Một hệ hành tinh, hay một phân bộ của hệ mặt trời ấy. Nó cũng tồn tại như một đơn vị tự thân, **nhưng không có hiện hữu tách rời khỏi các đơn vị khác.**

24. A planetary scheme persists in its individuality and yet has no real existence apart from other planetary schemes within the same solar system.

24. Một hệ hành tinh vẫn tồn tại trong tính cá biệt của nó, nhưng không có hiện hữu thực sự tách rời khỏi các hệ hành tinh khác trong cùng một hệ mặt trời.

25. We are engaged in understanding the dynamics of *holism*.

25. Chúng ta đang tham gia vào việc thấu hiểu động lực học của *tính toàn thể*.

Groups or unified bodies within the scheme. These are again individualised, yet at the same time are a part of the greater whole.

Các nhóm hay các thể hợp nhất trong hệ hành tinh. Chúng lại được biệt ngã hóa, nhưng đồng thời cũng là một phần của toàn thể lớn hơn.

Congeries or aggregations of cells, the subdivisions of groups. These must be similarly interpreted.

Các tập hợp hay những kết tụ của các tế bào, là những phân bộ của các nhóm. Chúng cũng phải được diễn giải tương tự.

26. Every group is divided into many parts. We are dealing with the subsidiary groups within groups (which themselves are lesser groups). 'Organs' are such subsidiary groups.

26. Mỗi nhóm được chia thành nhiều phần. Chúng ta đang xét đến các nhóm phụ trong các nhóm (mà bản thân chúng cũng là những nhóm nhỏ hơn). "Các cơ quan" là những nhóm phụ như thế.

The cells, or the individualised units, within the groups. Each of these is a conscious entity, yet each has no existence apart from its groups.

Các tế bào, hay các đơn vị biệt ngã hóa, trong các nhóm. Mỗi đơn vị trong số này là một thực thể có tâm thức, nhưng mỗi đơn vị cũng không có hiện hữu tách rời khỏi các nhóm của nó.

27. Finally we arrive at the smallest unit in relation to a particular group. That smallest unit will, of course, vary depending on the group. The cells, actually, are groups in their own right, until we reach that which can no longer be subdivided—the 'ultimate particle event' (the UPE) as I have referred to it in *Infinitization of Selfhood.*

27. Cuối cùng chúng ta đi đến đơn vị nhỏ nhất trong liên hệ với một nhóm nhất định. Dĩ nhiên đơn vị nhỏ nhất ấy sẽ thay đổi tùy theo nhóm. Thật ra, các tế bào tự chúng cũng là những nhóm, cho đến khi chúng ta đạt đến cái không còn có thể phân chia nữa —"biến cố hạt tối hậu" (UPE) như tôi đã gọi nó trong *Sự Vô Hạn Hóa của Tự Tính.*

28. Let us tabulate the divisions which have been listed:

28. Hãy lập bảng các phân chia đã được liệt kê:

a. Cosmic Systems

a. Các Hệ Thống Vũ Trụ

b. Solar Systems

b. Các Hệ Mặt Trời

i. Creative Hierarchies

i. Các Huyền Giai Sáng Tạo

ii. Kingdoms of Nature

ii. Các Giới trong Thiên Nhiên

iii. Groupings within Kingdoms

iii. Các Nhóm trong các Giới

c. Planetary Systems or Planetary Schemes

c. Các Hệ Hành Tinh hay các Hệ Hành Tinh

d. Groups or unified bodies within a scheme

d. Các nhóm hay các thể hợp nhất trong một hệ hành tinh

i. Chains

i. Các Dãy

ii. Globes

ii. Các bầu hành tinh

iii. Creative Hierarchies manifesting through schemes

iii. Các Huyền Giai Sáng Tạo biểu hiện qua các hệ hành tinh

iv. Kingdoms manifesting through schemes

iv. Các giới biểu hiện qua các hệ hành tinh

v. Centers or chakras in a Globe Lord

v. Các trung tâm hay luân xa trong một Chúa Tể của một bầu hành tinh

e. Congeries of aggregations of cells

e. Những tập hợp của các kết tụ tế bào

f. The cells, or the individualized units, within the groups

f. Các tế bào, hay các đơn vị đã được biệt ngã hóa, bên trong các nhóm

Each of these divisions is characterised by:

Mỗi phân bộ này được đặc trưng bởi:

29. We have a list which extends from a cosmic system to a cell. Note the words

29. Chúng ta có một danh sách trải dài từ một hệ thống vũ trụ đến một tế bào. Hãy lưu

"cosmic system" suggesting the parallel to a "solar system".

ý các từ "hệ thống vũ trụ" gợi ý sự song hành với một "hệ mặt trời".

30. To keep the matter clear, we will list the factors by which each of divisions is characterized and then discuss them.

30. Để giữ cho vấn đề được rõ ràng, chúng ta sẽ liệt kê các yếu tố mà nhờ đó mỗi phân bộ được đặc trưng, rồi sau đó bàn đến chúng.

a. An ensouling life

a. Một sự sống phú linh

b. Intelligent activity

b. Hoạt động thông tuệ

c. Power to evolve or progress

c. Năng lực tiến hoá hay tiến bộ

d. Capacity to cohere

d. Khả năng kết dính

e. Relation

e. Tương quan

f. Limitation

f. Sự giới hạn

An ensouling life, which—as far as we are concerned, emanates from the ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID,

Một sự sống phú linh, mà—xét theo phạm vi liên hệ của chúng ta—phát xạ từ ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ,

31. We should note carefully the word "emanates"—for this "ensouling life" is said to emanate from the One About Whom Naught May Be Said. This means we may consider it to be one of the seven soul-emanations each of which ensouls a Cosmic Logos.

31. Chúng ta nên lưu ý cẩn thận từ "phát xạ"—vì "sự sống phú linh" này được nói là phát xạ từ Đấng Bất Khả Tư Nghị. Điều này có nghĩa là chúng ta có thể xem nó như một trong bảy phát xạ linh hồn, mỗi phát xạ trong đó phú linh một Cosmic Logos.

32. It would seem that we are *not* speaking of the Cosmic Soul of the One About Whom Naught May Be Said, Himself, but of an "ensouling life" which *emanates* from that One. This is an important distinction.

32. Có vẻ như chúng ta *không* đang nói về Đại Hồn Vũ Trụ của chính Đấng Bất Khả Tư Nghị, mà là về một "sự sống phú linh" *phát xạ* từ Đấng ấy. Đây là một phân biệt quan trọng.

33. Even the tiniest unit is fundamentally *ensouled* by the One About Whom Naught May Be Said through its multitudinous extensions.

33. Ngay cả đơn vị nhỏ bé nhất, về căn bản, cũng được *phú linh* bởi Đấng Bất Khả Tư Nghị thông qua vô số sự mở rộng của Ngài.

34. The term One About Whom Naught May Be Said is applicable to a multitude of Beings ever greater than the One of which we speak.

34. Thuật ngữ Đấng Bất Khả Tư Nghị có thể áp dụng cho vô số Đấng luôn luôn vĩ đại hơn Đấng mà chúng ta đang nói đến.

35. We note DK's use of the phrase "as far as we are concerned", because we can only be concerned with processes occurring within a certain ring-pass-not—the ring-pass-not of the One About Whom Naught May Be Said. Beyond that ring-pass-not our comprehension would fail utterly.

35. Chúng ta lưu ý cách Chân sư DK dùng cụm từ "xét theo phạm vi liên hệ của chúng ta", vì chúng ta chỉ có thể quan tâm đến các tiến trình diễn ra bên trong một vòng-giới-hạn nhất định—vòng-giới-hạn của Đấng Bất Khả Tư Nghị. Vượt ra ngoài vòng-giới-hạn ấy, sự thấu hiểu của chúng ta sẽ hoàn toàn thất bại.

36. The term "One About Whom Naught May Be Said" is usually used to indicate a "Super-Cosmic Logos" rather than a Cosmic Logos, and yet is the Cosmic Logos which ensouls the Seven Solar Systems of Which Ours is One (itself, according to our theory, ensouled by the Super-Cosmic Logos) a kind of One About Whom Naught May Be Said.

36. Thuật ngữ "Đấng Bất Khả Tư Nghị" thường được dùng để chỉ một "Super-Cosmic Logos" hơn là một Cosmic Logos, tuy nhiên Cosmic Logos phú linh Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là một trong đó (bản thân Ngài, theo giả thuyết của chúng ta, được phú linh bởi Super-Cosmic Logos) có phải là một loại Đấng Bất Khả Tư Nghị hay không.

Who ensouls the seven solar systems, down through the Lord of a solar system, through the **cosmic Entities we call the Heavenly Men,** and the solar Entities ensouling groups and through that peculiar central manifestation we call a human being to the little cell within the body of that human being, and **the atom which is the basic material whereof all forms in all the kingdoms of nature are made.**

Đấng phú linh bảy hệ mặt trời, đi xuống qua Chúa Tể của một hệ mặt trời, qua các **Thực Thể vũ trụ mà chúng ta gọi là các Đấng Thiên Nhân,** và các Thực Thể thái dương phú linh các nhóm, rồi qua biểu hiện trung tâm đặc thù mà chúng ta gọi là một con người cho đến tế bào nhỏ bé trong thân thể của con người ấy, và **nguyên tử là vật chất căn bản mà từ đó mọi hình tướng trong mọi giới của bản chất được tạo thành.**

37. It is noteworthy that Planetary Logoi are *cosmic* Entities. They do have higher principles on the cosmic planes and man does not.

37. Điều đáng lưu ý là các Hành Tinh Thượng Đế là những *Thực Thể* vũ trụ. Các Ngài quả thật có những nguyên khí cao hơn trên các cõi vũ trụ, còn con người thì không.

38. Let us tabulate the ensoulments for clarity: The "ensouling life" emanating from The One About Whom Naught May Be Said ensouls:

38. Để rõ ràng, chúng ta hãy lập bảng các sự phú linh: "sự sống phú linh" phát xạ từ Đấng Bất Khả Tư Nghị phú linh:

a. The seven solar systems

b. The lord of a solar system

c. The cosmic Entities called Heavenly Men.

d. The solar Entities ensouling groups. These are interesting beings and not much is known about them. They are mentioned on TCF 533-534. which contains a major list of many powerful entities lower than a Solar Logos and usually not named. If we want to understand more about a wide range of entities expressing within our solar system and planets, a study of these pages is indispensable.

e. A human being

f. A cell within the body of the a human being

g. The atom within the cell

39. A careful study of this list will show that a number of steps are omitted. The first great omission is the “Cosmic Logos”, which, presumably, is not a One About Whom Naught May Be Said, unless we consider it a lower order One About Whom Naught May Be Said.

40. If however, we consider that “ensouling life” to be the Cosmic Logos, then it is the One About Whom Naught May Be Said, Itself, that is omitted.

a. Bảy hệ mặt trời

b. Chúa tể của một hệ mặt trời

c. Các Thực Thể vũ trụ được gọi là các Đấng Thiên Nhân.

d. Các Thực Thể thái dương phú linh các nhóm. Đây là những hữu thể đáng chú ý và người ta biết không nhiều về các vị ấy. Các vị ấy được nhắc đến trong TCF 533-534, nơi có một danh sách quan trọng về nhiều thực thể quyền năng thấp hơn một Thái dương Thượng đế và thường không được nêu tên. Nếu chúng ta muốn hiểu thêm về một phạm vi rộng các thực thể biểu lộ trong hệ mặt trời và các hành tinh của chúng ta, thì việc nghiên cứu các trang này là điều không thể thiếu.

e. Một con người

f. Một tế bào trong thân thể của một con người

g. Nguyên tử bên trong tế bào

39. Một nghiên cứu cẩn thận về danh sách này sẽ cho thấy rằng một số bước đã bị bỏ qua. Sự bỏ sót lớn đầu tiên là “Cosmic Logos”, mà có lẽ không phải là một Đấng Bất Khả Tư Nghị, trừ phi chúng ta xem đó là một Đấng Bất Khả Tư Nghị thuộc trật tự thấp hơn.

40. Tuy nhiên, nếu chúng ta xem “sự sống phú linh” ấy là Cosmic Logos, thì chính Đấng Bất Khả Tư Nghị đã bị bỏ qua.

41. Chúng ta tiếp tục lưu ý các đặc tính của các thực thể được liệt kê—từ một hệ thống

41. We continue noting the characteristics of the entities listed—from a cosmic system down to "cells or…individualised units"

vũ trụ xuống đến "các tế bào hay…các đơn vị đã được biệt ngã hóa"

Intelligent activity, or the display of purpose or manas, the fifth principle in every type of manifestation.

Hoạt động thông tuệ, hay sự biểu lộ của mục đích hay manas, nguyên khí thứ năm trong mọi loại biểu hiện.

42. Again we see the inseparability of manas from purpose. Another way of thinking about this is that mind contains will (or purpose).

42. Một lần nữa chúng ta thấy tính bất khả phân của manas với mục đích. Một cách khác để suy nghĩ về điều này là trí tuệ chứa đựng ý chí (hay mục đích).

This, as earlier pointed out, is the **intelligent plan of the Entity concerned working out in time and space.**

Điều này, như đã được chỉ ra trước đây, là **Thiên Cơ thông tuệ của Thực Thể liên hệ đang được triển khai trong thời gian và không gian.**

43. All of the beings listed have an "intelligent plan" which is to be worked out in time and space.

43. Tất cả các hữu thể được liệt kê đều có một "Thiên Cơ thông tuệ" phải được triển khai trong thời gian và không gian.

44. We remember the close association of manas with the deva kingdom and the deva kingdom with "flaming fire, radiant electric matter,…" (TCF 404)

44. Chúng ta nhớ đến mối liên hệ chặt chẽ của manas với giới thiên thần và giới thiên thần với "lửa bốc cháy, vật chất điện rực sáng,…" (TCF 404)

Power to evolve or progress. This is literally the **distinctive ability of the ensouling life within the form to progress intelligently from lower to higher forms of manifestation.** This is above all the peculiar and perfected attribute of the fifth principle.

Năng lực tiến hoá hay tiến bộ. Đây theo nghĩa đen là **khả năng đặc thù của sự sống phú linh bên trong hình tướng để tiến triển một cách thông tuệ từ những hình thức biểu hiện thấp hơn đến cao hơn.** Trên hết, đây là thuộc tính đặc biệt và hoàn thiện của nguyên khí thứ năm.

45. As the ensouling life progresses, ever higher forms of manifestation through which that life may express are required.

45. Khi sự sống phú linh tiến triển, những hình thức biểu hiện ngày càng cao hơn mà qua đó sự sống ấy có thể biểu lộ sẽ được đòi hỏi.

46. The fifth principle is ever improving the quality of the forms through which it

46. Nguyên khí thứ năm luôn luôn cải thiện phẩm tính của các hình tướng mà qua đó nó

expresses. The human being, considered as a soul on its own plane, is ever arranging for the improvement of the personality forms through which it expresses. In this the human being focussed between lives on the higher mental plane is assisted by the far greater wisdom of the Solar Angel associated with it.

biểu lộ. Con người, được xét như một linh hồn trên cõi riêng của mình, luôn luôn sắp xếp để cải thiện các hình tướng phàm ngã mà qua đó nó biểu lộ. Trong việc này, con người tập trung giữa các kiếp sống trên Cõi thượng trí được trợ giúp bởi minh triết lớn lao hơn nhiều của Thái dương Thiên Thần liên kết với nó.

47. The manner in which the human being (re-elevating between incarnations to full consciousness within the causal body) and the Solar Angel interplay is mysterious and can probably only be understood directly and on the higher mental plane—for most, when between incarnations, but for initiates, even whilst in physical incarnation. It would seem to be a matter of great subtlety.

47. Cách thức mà con người (được nâng trở lại giữa các lần nhập thể đến tâm thức trọn vẹn trong thể nguyên nhân) và Thái dương Thiên Thần tương tác với nhau thì huyền nhiệm, và có lẽ chỉ có thể được thấu hiểu trực tiếp trên Cõi thượng trí—đối với đa số là khi ở giữa các lần nhập thể, nhưng đối với các điểm đạo đồ thì ngay cả khi đang lâm phàm trên cõi hồng trần. Điều đó dường như là một vấn đề hết sức vi tế.

Capacity to cohere. This is the ability of all intelligent, active Lives during evolution to conform to the Law of Attraction and Repulsion, and thus form a conscious, intelligent part of a greater life.

Khả năng kết dính. Đây là **khả năng của mọi Sự Sống thông tuệ, hoạt động trong tiến hoá, tuân theo Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi, và nhờ đó tạo thành một phần hữu thức, thông tuệ của một sự sống lớn hơn**.

48. It is the Law of Attraction and Repulsion which engineers coherence within any system. To conform to this Law is to cohere within the system.

48. Chính Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi kiến tạo sự kết dính trong bất kỳ hệ thống nào. Tuân theo Định luật này là kết dính trong hệ thống ấy.

49. To conform is to be held within the general attraction, and yet positioned through the assistance of not only attraction but of repulsion. We group with those to whom we are attracted and not with those from whom we are repelled.

49. Tuân theo là được giữ trong lực hấp dẫn chung, nhưng đồng thời được định vị nhờ không chỉ hấp dẫn mà còn cả đẩy lùi. Chúng ta nhóm lại với những người mà chúng ta bị thu hút, chứ không với những người mà chúng ta bị đẩy lùi.

50. The Law of Attraction and Repulsion causes, therefore, 'patterned distribution in space'.

50. Vì vậy, Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi gây ra "sự phân bố có mô hình trong không gian".

It is literally [Page 410] the transmutation of manas into wisdom.

Theo nghĩa đen, đó là [Page 410] sự chuyển hoá manas thành minh triết.

51. The transmutation of manas into wisdom expresses the developmental relationship between the fifth and the second rays.

51. Sự chuyển hoá manas thành minh triết biểu lộ mối liên hệ phát triển giữa cung năm và cung hai.

52. Venus is a planet of transmutation, possessing both the fifth and second rays; it cooperates in the transmutation of manas into wisdom. Venus is one of those planets intimately related to the Law of Attraction.

52. Sao Kim là một hành tinh chuyển hoá, sở hữu cả cung năm lẫn cung hai; nó hợp tác trong sự chuyển hoá manas thành minh triết. Sao Kim là một trong những hành tinh có liên hệ mật thiết với Định luật Hấp Dẫn.

He needs to grasp the spiritual side of Venus which emphasises that the Son of God who is the Son of mind is the instrument of God's love; he must learn, therefore, **to transmute knowledge into wisdom**. (EA 394)

Y cần nắm bắt phương diện tinh thần của Sao Kim, phương diện nhấn mạnh rằng Con của Thượng đế, Đấng là Con của Trí Tuệ, là khí cụ của tình thương của Thượng đế; vì vậy y phải học **chuyển hoá tri thức thành minh triết**. (EA 394)

Though all that IS exists in form yet little is as yet brought under the intelligent control of the entity within the form.

Dù mọi cái ĐANG HIỆN HỮU đều tồn tại trong hình tướng, nhưng cho đến nay vẫn còn ít điều được đặt dưới sự kiểm soát thông tuệ của thực thể bên trong hình tướng.

53. This is quite an amazing statement. It is as if to say, 'To BE is to be *in form*'. Of course, the universe in its entirety (on all levels) is, actually, a *Form* (the greatest of all possible forms)—though it 'contains' what we call the "formless worlds". Only that which is 'extra-universal' doest not exist in form, but then, we have to question whether that which is extra-universal can be said to *exist.* In other words, does 'BE-NESS' *exist*?

53. Đây quả là một phát biểu đáng kinh ngạc. Dường như muốn nói rằng, 'HIỆN HỮU là hiện hữu *trong hình tướng*'. Dĩ nhiên, vũ trụ trong toàn thể của nó (trên mọi cấp độ) thực ra là một *Hình Tướng* (hình tướng lớn nhất trong mọi hình tướng có thể có)—dù nó "chứa đựng" cái mà chúng ta gọi là "các thế giới vô tướng". Chỉ cái gì "ngoài-vũ-trụ" mới không tồn tại trong hình tướng, nhưng khi ấy chúng ta phải đặt câu hỏi liệu cái ngoài-vũ-trụ có thể được nói là *tồn tại* hay không. Nói cách khác, 'TÍNH-HIỆN-HỮU' có *tồn tại* không?

Only the Heavenly Men and Their superior embracing lives

Chỉ các Đấng Thiên Nhân và những sự sống bao trùm cao hơn Các Ngài

54. Shall we say that the Solar Logoi are the "superior embracing lives" of the Heavenly Men?

54. Chúng ta có thể nói rằng các Thái dương Thượng đế là những "sự sống bao trùm cao hơn" của các Đấng Thiên Nhân chăng?

are consciously and intelligently working through and dominating the form, for only They, as yet, are perfected manas.

mới đang làm việc một cách hữu thức và thông tuệ xuyên qua và chi phối hình tướng, **vì chỉ Các Ngài, cho đến nay, mới là manas hoàn thiện**.

55. We are being told that the Heavenly Men and Solar Logoi are "perfected manas". This is both true and yet, not true. Solar Logoi and Planetary Logoi have yet something to gain in the development of manas—*cosmically* speaking.

55. Chúng ta được bảo rằng các Đấng Thiên Nhân và các Thái dương Thượng đế là "manas hoàn thiện". Điều này vừa đúng lại vừa không đúng. Các Thái dương Thượng đế và các Hành Tinh Thượng Đế vẫn còn điều gì đó phải đạt được trong sự phát triển của manas—nói theo nghĩa *vũ trụ*.

56. Man, however, is far from being perfected manas.

56. Tuy nhiên, con người còn xa mới là manas hoàn thiện.

57. Although the Solar Logoi, for instance, is "perfected manas", He is still working on the acquisition of "cosmic mind". We can see that manas comes in many strata.

57. Chẳng hạn, mặc dù các Thái dương Thượng đế là "manas hoàn thiện", Ngài vẫn đang nỗ lực để đạt được "trí tuệ vũ trụ". Chúng ta có thể thấy rằng manas có nhiều tầng bậc.

Beneath them come many grades of consciousness.

Bên dưới Các Ngài là nhiều cấp độ tâm thức.

58. And these grades of consciousness, as we have seen from our tabulations, are often far in advance of the grade exemplified by man.

58. Và như chúng ta đã thấy từ các bảng liệt kê của mình, những cấp độ tâm thức này thường vượt xa cấp độ được biểu hiện bởi con người.

Man is gradually achieving that conscious control over matter in the three worlds which his divine Prototypes, the Heavenly Men, have already achieved.

Con người đang dần dần đạt được sự kiểm soát hữu thức đối với vật chất trong ba cõi thấp mà các Nguyên Mẫu thiêng liêng của y, các Đấng Thiên Nhân, đã đạt được rồi.

59. This is a good way of thinking of the Heavenly Men—as the "divine Prototypes" of man. If many of us are on our way to become

59. Đây là một cách hay để suy nghĩ về các Đấng Thiên Nhân—như những "Nguyên Mẫu thiêng liêng" của con người. Nếu nhiều

Solar Angels, then many of us (eventually in *corporate* form) are on their way to becoming Planetary Logoi.

người trong chúng ta đang trên đường trở thành các Thái dương Thiên Thần, thì nhiều người trong chúng ta (cuối cùng trong hình thức *tập thể*) cũng đang trên đường trở thành các Hành Tinh Thượng Đế.

60. Even a Master, it seems, has achieved such conscious control of the matter in the three worlds.

60. Dường như ngay cả một Chân sư cũng đã đạt được sự kiểm soát hữu thức như thế đối với vật chất trong ba cõi thấp.

They are attaining a similar control on higher levels.

Các Ngài đang đạt đến một sự kiểm soát tương tự trên các cấp độ cao hơn.

61. Some references point to the spiritual triad as the levels on which control by the Heavenly Men is being achieved.

61. Một số tài liệu dẫn chiếu đến Tam Nguyên Tinh Thần như những cấp độ mà trên đó sự kiểm soát của các Đấng Thiên Nhân đang được đạt tới.

62. If analogy is to hold, it would seem that the sub-planes of the cosmic astral and even cosmic mental plane must be involved to some extent. We have already been instructed of the struggles of our Planetary Logos on the fourth sub-plane of the cosmic astral plane.

62. Nếu định luật tương đồng còn giữ vững, thì dường như các cõi phụ của cõi cảm dục vũ trụ và thậm chí cả cõi trí vũ trụ cũng phải được bao hàm ở một mức độ nào đó. Chúng ta đã được chỉ dạy về những cuộc đấu tranh của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta trên cõi phụ thứ tư của cõi cảm dục vũ trụ.

Below man come many lives who are blind and unconscious of the congery or subdivision of which they form part.

Bên dưới con người là nhiều sự sống mù quáng và không hữu thức về tập hợp hay phân bộ mà chúng tạo thành một phần.

63. These lesser lives cohere, but they are unaware of themselves as centers of consciousness and of the nature of their coherence. They are held in coherence by Conscious Entities far in advance of their stage of evolution.

63. Những sự sống nhỏ hơn này kết dính với nhau, nhưng chúng không tự nhận biết mình như những trung tâm tâm thức và cũng không nhận biết bản chất của sự kết dính ấy. Chúng được giữ trong sự kết dính bởi những Thực Thể Hữu thức vượt xa giai đoạn tiến hoá của chúng.

Thus can be seen, in general outline, the place of manas at the present stage.

Như vậy, có thể thấy, trong nét đại cương, vị trí của manas ở giai đoạn hiện nay.

Relation. Another outstanding feature that is the result of our studies is that of relation.

Tương quan. Một đặc điểm nổi bật khác là kết quả từ các nghiên cứu của chúng ta, đó là tương quan.

64. It would seem that the concepts of "relation" and "coherence" are closely connected.

64. Dường như các khái niệm "tương quan" và "kết dính" có liên hệ rất chặt chẽ.

65. The idea to be brought forward: if "relation" is to be understood, then the polarity of that which relates must be understood.

65. Ý tưởng cần được nêu ra là: nếu "tương quan" phải được thấu hiểu, thì tính phân cực của cái đang liên hệ phải được thấu hiểu.

The realisation of this in future years will lead to the study of the different polarities of the different spheres (from a planetary scheme to an atom) within the solar ring-pass-not, and of the relation existing between:

Sự chứng nghiệm điều này trong những năm tương lai sẽ dẫn đến việc nghiên cứu các cực tính khác nhau của các khối cầu khác nhau (từ một hệ hành tinh đến một nguyên tử) bên trong vòng-giới-hạn thái dương, và về mối tương quan hiện hữu giữa:

66. We can begin this study with a close examination of *esoteric* psychology.

66. Chúng ta có thể bắt đầu nghiên cứu này bằng một khảo sát kỹ lưỡng về *Tâm Lý Học* Nội Môn.

67. Human beings are "spheres" of a given polarity; from the interplay between human beings much can be learned about the dynamics of polar interaction. This can then be generalized to greater spheres—communities, nations, root races and sub-races.

67. Con người là những "khối cầu" có một cực tính nhất định; từ sự tương tác giữa con người với nhau, có thể học được nhiều điều về động lực của sự tương tác cực tính. Điều này sau đó có thể được khái quát hóa lên những khối cầu lớn hơn—cộng đồng, quốc gia, các giống dân gốc và các giống dân phụ.

a. A scheme and the totality of schemes.

a. Một hệ hành tinh và tổng thể các hệ hành tinh.

68. Each scheme is related to the totality of schemes. Our planetary scheme has a particular place in relation to the entire solar system as a whole. This is the 'part-whole' relationship.

68. Mỗi hệ hành tinh đều có tương quan với tổng thể các hệ hành tinh. Hệ hành tinh của chúng ta có một vị trí đặc thù trong tương quan với toàn bộ hệ mặt trời. Đây là mối tương quan 'bộ phận-toàn thể'.

b. Scheme and scheme.

69. Schemes interplay as members of a group. Each scheme has a unique relation to every other scheme within the entirety of our solar system.

70. Each type of entity listed below can also be related to the wholeness that contains it. For instance, a given planetary chain can be related to the entire group of planetary chains in which it holds place.

71. The relation of a unit to its containing whole is to be considered a *vertical* relationship; the relation of a unit to the other units within its containing whole is to be considered horizontal.

c. Chain and chain.

d. Globe and globe.

e. Group and group.

f. Subdivision and subdivision.

g. Unit and unit.[45]

h. Cell and cell.

72. This is a most useful list and reveals how DK names the constituent entities within a solar system. Some of the divisions are multiple (and large) and their multiple constituents are unnamed.

b. Hệ hành tinh và hệ hành tinh.

69. Các hệ hành tinh tương tác như những thành viên của một nhóm. Mỗi hệ hành tinh có một tương quan độc đáo với mọi hệ hành tinh khác trong toàn thể hệ mặt trời của chúng ta.

70. Mỗi loại thực thể được liệt kê dưới đây cũng có thể được liên hệ với toàn thể bao chứa nó. Chẳng hạn, một dãy hành tinh nhất định có thể được liên hệ với toàn bộ nhóm các dãy hành tinh mà trong đó nó giữ một vị trí.

71. Tương quan của một đơn vị với toàn thể bao chứa nó được xem là một tương quan *theo chiều dọc*; tương quan của một đơn vị với các đơn vị khác bên trong toàn thể bao chứa nó được xem là theo chiều ngang.

c. Dãy và dãy.

d. Bầu hành tinh và bầu hành tinh.

e. Nhóm và nhóm.

f. Phân bộ và phân bộ.

g. Đơn vị và đơn vị.45

h. Tế bào và tế bào.

72. Đây là một danh sách rất hữu ích và cho thấy cách Chân sư DK gọi tên các thực thể cấu thành bên trong một hệ mặt trời. Một số phân bộ là đa hợp (và lớn), còn các thành phần đa hợp của chúng thì không được nêu tên.

[45]: I use the word "unit" in connection with all that is in any degree self-conscious, or individualised. **It must, therefore, be remembered that this phrase refers to nothing below the human kingdom.**

45: Tôi dùng từ "đơn vị" liên hệ với mọi cái ở bất kỳ mức độ nào có ngã thức, hay đã được biệt ngã hóa. **Vì vậy, cần phải nhớ rằng cụm từ này không chỉ đến bất cứ điều gì dưới giới nhân loại.**

73. DK uses the term "unit" in a specific manner. This term cannot apply to any form of life that has *not* been individualized.

73. Chân sư DK dùng thuật ngữ "đơn vị" theo một cách chuyên biệt. Thuật ngữ này không thể áp dụng cho bất kỳ hình thức sự sống nào *chưa* được biệt ngã hóa.

74. When we encounter this term in the Teaching, we will have to remember this definition and also see whether there has been consistency in its use.

74. Khi gặp thuật ngữ này trong Giáo Huấn, chúng ta sẽ phải nhớ định nghĩa này và cũng phải xem liệu việc sử dụng nó có nhất quán hay không.

75. A "cell" need not be self-consciousness. *Some* cells are units; yet *all* units can be seen as cells.

75. Một "tế bào" không nhất thiết phải có ngã thức. *Một số* tế bào là các đơn vị; tuy nhiên *mọi* đơn vị đều có thể được xem như các tế bào.

The interrelation of all these factors and their profound interdependence is one of the most important points for us to grasp;

Sự tương liên của tất cả các yếu tố này và tính phụ thuộc lẫn nhausâu xa của chúng là một trong những điểm quan trọng nhất mà chúng ta phải nắm bắt;

76. A partial list of beings comprising a Solar Logos has been offered.

76. Một danh sách bộ phận các hữu thể cấu thành một Thái dương Thượng đế đã được đưa ra.

77. We are never to consider such beings in strict isolation but always in terms of interrelation and interdependence.

77. Chúng ta tuyệt đối không được xem những hữu thể như thế trong sự cô lập nghiêm ngặt, mà luôn luôn phải xét theo tương liên và phụ thuộc lẫn nhau.

though this whole relation is governed by the law of Attraction and Repulsion, and [Page 411] therefore comes more under what we call the second aspect,

mặc dù toàn bộ mối tương quan này được chi phối bởi Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi, và do đó [Page 411] thuộc nhiều hơn vào cái mà chúng ta gọi là phương diện thứ hai,

78. Concepts which must be related in thought are:

a. The second aspect

b. Relation

c. Attraction and Repulsion

79. That *relation* should be governed by the Law of Attraction and Repulsion should seem very reasonable to us. Magnetic ties are created between us and those to whom we are attracted; cleavages are created between us and those from whom we are repelled.

yet self consciousness itself is the result of the manasic principle,

80. The manasic principle creates isolation and distinction—two factors required in the execution of the process of individualization —a process which creates self-consciousness —consciousness of a distinct and apparently separated *self.*

81. We can think of the energy of the sign Leo (a fifth ray/first ray sign) intimately related to individualization and self-consciousness.

and the close co-operation between these two factors of mind and love-wisdom, or the two laws of Attraction and Synthesis, must ever be carefully remembered.

82. The Law of Synthesis is related to the first ray; manas is related to the third ray (though it, too, is possessed of three aspects, just as are the other two cosmic laws).

78. Những khái niệm phải được liên hệ với nhau trong tư tưởng là:

a. Phương diện thứ hai

b. Tương quan

c. Hấp Dẫn và Đẩy Lùi

79. Việc *tương quan* được chi phối bởi Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi hẳn phải có vẻ rất hợp lý đối với chúng ta. Những mối liên kết từ tính được tạo ra giữa chúng ta và những người mà chúng ta bị thu hút; những sự phân cách được tạo ra giữa chúng ta và những người mà chúng ta bị đẩy lùi.

tuy nhiên chính ngã thức lại là kết quả của nguyên khí manas,

80. Nguyên khí manas tạo ra sự cô lập và sự phân biệt—hai yếu tố cần thiết trong việc thực hiện tiến trình biệt ngã hóa—một tiến trình tạo ra ngã thức—tâm thức về một *bản ngã* riêng biệt và dường như tách rời.

81. Chúng ta có thể nghĩ đến năng lượng của dấu hiệu Leo (một dấu hiệu cung năm/cung một) có liên hệ mật thiết với biệt ngã hóa và ngã thức.

và sự hợp tác chặt chẽ giữa hai yếu tố này là trí tuệ và bác ái – minh triết, hay hai định luật Hấp Dẫn và Tổng Hợp, phải luôn luôn được ghi nhớ cẩn thận.

82. Định luật Tổng Hợp có liên hệ với cung một; manas có liên hệ với cung ba (mặc dù nó cũng có ba phương diện, cũng như hai định luật vũ trụ kia).

83. Yet mind and love-wisdom are related to the third and second aspects of divinity respectively. Then why does DK speak in terms of the two Laws of Attraction and Synthesis (second and first ray laws) as if they were related to the *third* and *second* aspects.

83. Tuy nhiên, trí tuệ và bác ái – minh triết lần lượt liên hệ với phương diện thứ ba và thứ hai của thiên tính. Vậy tại sao Chân sư DK lại nói theo hai Định luật Hấp Dẫn và Tổng Hợp (các định luật cung hai và cung một) như thể chúng liên hệ với các phương diện *thứ ba* và *thứ hai*?

84. Is He suggesting the relationship between manas and synthesis (a third ray/ first ray connection)? Can the third ray be considered to bring about a type of *synthesis* in the three worlds? After all, the seventh ray (an aspect of the third ray) is said to be a *synthetic* ray—synthetic especially upon the lowest planet (etheric-physical) and to a lesser though significant extent, within the three worlds.

84. Ngài có đang gợi ý mối liên hệ giữa manas và tổng hợp (một liên hệ cung ba/ cung một) chăng? Có thể xem cung ba là đem lại một loại *tổng hợp* nào đó trong ba cõi thấp chăng? Rốt cuộc, cung bảy (một phương diện của cung ba) được nói là một cung *tổng hợp*—tổng hợp đặc biệt trên hành tinh thấp nhất (dĩ thái-hồng trần) và ở mức độ ít hơn nhưng vẫn đáng kể trong ba cõi thấp.

85. Or is He simply suggesting that we must bear in mind two different things?

85. Hay Ngài chỉ đơn giản gợi ý rằng chúng ta phải ghi nhớ hai điều khác nhau?

a. The close cooperation between mind and love-wisdom

a. Sự hợp tác chặt chẽ giữa trí tuệ và bác ái – minh triết

b. *And* the interplay between the two laws of Attraction and Synthesis.

b. *Và* sự tương tác giữa hai định luật Hấp Dẫn và Tổng Hợp.

86. We have been listing the factors which characterize the divisions of life from the cosmic system to the cell. The span could be extended in both directions.

86. Chúng ta đã liệt kê các yếu tố đặc trưng cho các phân bộ của sự sống từ hệ thống vũ trụ đến tế bào. Phạm vi ấy có thể được mở rộng theo cả hai hướng.

Limitation. This is a prime factor to be borne in mind in considering a cosmos, a system, a scheme, a chain, or any form of limiting sphere down through them all to the physical atom of the scientist.

Sự giới hạn. Đây là một yếu tố chủ yếu cần được ghi nhớ khi xem xét một **vũ trụ**, một hệ thống, một hệ hành tinh, một dãy, hay bất kỳ hình thức khối cầu giới hạn nào, xuyên suốt từ chúng xuống đến nguyên tử hồng trần của nhà khoa học.

87. All spheres are “limiting” and are to be conceived as limitations upon the ubiquity of life.

87. Mọi khối cầu đều là “giới hạn” và phải được quan niệm như những sự giới hạn đối với tính hiện diện khắp nơi của sự sống.

88. The term “cosmos” can be used in various ways. In the manner here used, “cosmos” can indicate the sphere of expression of a Cosmic Logos. It also, of course, can mean the ultimate ‘Grand Entirety’.

88. Thuật ngữ “vũ trụ” có thể được dùng theo nhiều cách khác nhau. Theo cách dùng ở đây, “vũ trụ” có thể chỉ khối cầu biểu lộ của một Cosmic Logos. Dĩ nhiên, nó cũng có thể có nghĩa là ‘Toàn Thể Vĩ Đại Tối Hậu’.

It presupposes:

Nó giả định:

a. Capacity beyond that manifested.

a. Năng lực vượt quá cái đã biểu hiện.

89. Every sphere except the ‘Final Sphere’ presupposes a greater sphere of greater scope and capacity.

89. Mọi khối cầu ngoại trừ ‘Khối Cầu Tối Hậu’ đều giả định một khối cầu lớn hơn với phạm vi và năng lực lớn hơn.

b. Duality, or that which is limited and the limiting substance.

b. Nhị nguyên tính, hay cái bị giới hạn và chất liệu giới hạn.

90. We are speaking of boundaries. That which is limited is a particular sphere and its content. The limiting substance is the substance of the enclosing sphere against which the circumference of the limited sphere is juxtaposed.

90. Chúng ta đang nói về các ranh giới. Cái bị giới hạn là một khối cầu nhất định và nội dung của nó. Chất liệu giới hạn là chất liệu của khối cầu bao bọc, mà chu vi của khối cầu bị giới hạn được đặt kề vào đó.

c. Purpose, for in an ordered scheme of existence,

c. Mục đích, vì trong một hệ thống hiện hữu có trật tự,

91. And here, DK does not mean a *planetary* “scheme” technically considered—i.e., a center within the expression of a Solar Logos.

91. Và ở đây, Chân sư DK không có ý nói đến một “hệ hành tinh” theo nghĩa kỹ thuật—tức là một trung tâm trong biểu hiện của một Thái dương Thượng đế.*hành tinh.*

the limitation persists just as long as it is required in order to attain certain ends.

sự giới hạn tồn tại đúng chừng nào nó còn cần thiết để đạt đến những cứu cánh nhất định.

92. An enforced limitation is the servant of purpose.

92. Một sự giới hạn bị áp đặt là người phụng sự của mục đích.

It is succeeded by "abstraction" occultly understood, and in its literal sense.

Tiếp theo nó là “trừu xuất” theo nghĩa huyền bí học, và theo nghĩa đen của từ này.

93. Limitation (engineered by Saturn) ends with the application of abstraction (through Neptune and Uranus).

93. Sự giới hạn (do Sao Thổ kiến tạo) chấm dứt với việc áp dụng sự trừu xuất (qua Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương).

94. Abstraction (understood in relation to the first ray) ends confinement in form and, thus, brings freedom.

94. Sự trừu xuất (được hiểu trong liên hệ với cung một) chấm dứt sự giam hãm trong hình tướng và nhờ đó mang lại tự do.

When these three factors:

Khi ba yếu tố này:

Position,

Vị trí,

Relation,

Tương quan,

Limitation,

Sự giới hạn,

are studied within the system, the close connection of all the groups within the whole will be evidenced, and the need of each part for all other parts will be brought out.

được nghiên cứu bên trong hệ thống, mối liên hệ chặt chẽ của mọi nhóm trong toàn thể sẽ được chứng tỏ, và nhu cầu của mỗi phần đối với mọi phần khác sẽ được làm nổi bật.

95. The study of these three factors will convey to us a due appreciation of the function and value of all parts constituent to the whole.

95. Việc nghiên cứu ba yếu tố này sẽ truyền đạt cho chúng ta một sự đánh giá đúng đắn về chức năng và giá trị của mọi phần cấu thành toàn thể.

96. The three factors can be assigned to rays or divine aspects:

96. Ba yếu tố này có thể được quy cho các cung hay các phương diện thiêng liêng:

a. Position—first ray, first aspect

a. Vị trí—cung một, phương diện thứ nhất

b. Relation—second ray, second aspect

b. Tương quan—cung hai, phương diện thứ hai

c. Limitation—third ray, third aspect.

As regards cosmic position, relation and limitation, little can be said, as e'en to the Heavenly Men Themselves the matter is obscure.

97. Another fascinating statement. It would seem that the position of our Solar Logos with respect to the spherical expression of a Cosmic Logos is a matter obscure to Planetary Logoi. What, then, can *we* hope to understand?

98. And yet we hypothesize concerning the members of the group of suns in which our Solar Logos holds place and the 'qualitative position' of these suns.

That this is necessarily so must be apparent when Their place in the scheme of things is realised and Their relative unimportance is considered.

99. Our task is to develop a sense of proportion. Obviously, we do not know too much about a Cosmic Logos for the reason that, compared to such a Logos, our Planetary Logoi are of relative unimportance.

100. One of the greatest values of studying *A Treatise on Cosmic Fire* is to learn (concerning a number of entities) their *place within the scheme of things.*

Therefore, we can do no more than accept the fact of the inconceivable magnitude of that EXISTENCE which is manifesting through seven solar systems,

c. Sự giới hạn—cung ba, phương diện thứ ba.

Về vị trí, tương quan và sự giới hạn vũ trụ, rất ít điều có thể được nói ra, vì ngay cả đối với chính các Đấng Thiên Nhân, vấn đề này cũng mờ tối.

97. Lại thêm một phát biểu hấp dẫn khác. Dường như vị trí của Thái dương Thượng đế của chúng ta đối với biểu hiện hình cầu của một Cosmic Logos là một vấn đề mờ tối đối với các Hành Tinh Thượng Đế. Vậy thì *chúng ta* có thể hy vọng hiểu được gì?

98. Tuy nhiên, chúng ta vẫn giả thuyết về các thành viên của nhóm các mặt trời mà trong đó Thái dương Thượng đế của chúng ta giữ một vị trí và về 'vị trí phẩm tính' của các mặt trời này.

Điều này tất yếu phải như vậy hẳn là hiển nhiên khi vị trí của Các Ngài trong sơ đồ của vạn vật được chứng nghiệm và tầm quan trọng tương đối nhỏ bé của Các Ngài được xét đến.

99. Nhiệm vụ của chúng ta là phát triển Ý thức về tỉ lệ. Hiển nhiên, chúng ta không biết quá nhiều về một Cosmic Logos vì lý do là, so với một Logos như thế, các Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta có tầm quan trọng tương đối nhỏ bé.

100. Một trong những giá trị lớn nhất của việc nghiên cứu *Luận về Lửa Vũ Trụ* là học biết (liên quan đến một số thực thể) *vị trí của chúng trong sơ đồ của vạn vật.*

Vì vậy, chúng ta không thể làm gì hơn ngoài việc chấp nhận sự kiện về tầm vóc không thể quan niệm nổi của HỮU THỂ đang biểu lộ qua bảy hệ mặt trời,

101. Presumably a Cosmic Logos, but possibly the One About Whom Naught May Be Said, if the word "solar systems" can be related to 'cosmic systems'. Study Chart V, TCF 344, and reacquaint yourself with the fact that the term "solar system" has been shown to indicate a Life far greater than a life expressing through a single sun.

101. Có lẽ là một Cosmic Logos, nhưng cũng có thể là Đấng Bất Khả Tư Nghị, nếu từ "hệ mặt trời" có thể được liên hệ với "hệ thống' vũ trụ". Hãy nghiên cứu Biểu đồ V, TCF 344, và tự làm quen lại với sự kiện rằng thuật ngữ "hệ mặt trời" đã được cho thấy là chỉ một Sự Sống lớn lao hơn rất nhiều so với một sự sống biểu lộ qua một mặt trời đơn lẻ.

102. We remember that method of blinding which calls different things by the same name.

102. Chúng ta nhớ đến phương pháp che mờ gọi những sự vật khác nhau bằng cùng một tên.

and the extension of this concept of Being to [Page 412] embrace the entire vault of the Heavens.

và sự mở rộng của khái niệm Bản Thể này đến [Page 412] bao trùm toàn bộ vòm trời.

103. The "entire vault of the Heavens" is what we might call the 'Grand Entirety' and has, from our limited perspective, an unfathomable extension.

103. "Toàn bộ vòm trời" là điều mà chúng ta có thể gọi là "Toàn Thể Vĩ Đại" và, từ phối cảnh hạn hẹp của chúng ta, có một sự mở rộng không thể dò thấu.

104. As we 'rise' towards the "vault of the Heavens"—the boundary of our present COSMOS—we are ever contained within One Being manifesting as One Soul and One Form throughout the 'Grand Entirety'.

104. Khi chúng ta "vươn lên" về phía "vòm trời"—ranh giới của COSMOS hiện tại của chúng ta—chúng ta luôn luôn được bao hàm trong Một Bản Thể biểu hiện như Một Linh Hồn và Một Hình Tướng xuyên suốt "Toàn Thể Vĩ Đại".

It is interesting to bear in mind in this connection that all that is seen, being objective forms or Beings in manifestation through certain spheres of light, may not be all that IS, but that there may lie back of everything visible a vast realm or realms of Existences.

Điều đáng quan tâm là nên ghi nhớ, trong mối liên hệ này, rằng **mọi điều được thấy,** vốn là những hình tướng khách quan hay những Bản Thể đang biểu hiện qua những khối cầu ánh sáng nhất định, **có thể không phải là tất cả những gì HIỆN HỮU**, mà đằng sau mọi điều hữu hình có thể còn có một cõi hay nhiều cõi rộng lớn của các Hiện Hữu.

105. In relation to the foregoing, the following reference has application:

105. Liên hệ với điều vừa trình bày, đoạn tham chiếu sau đây có thể được áp dụng:

But only one-seventh of the possible appearances are incarnating. Six-sevenths are out of incarnation, waiting their turn to manifest, and holding back from incarnation until, in the turning of the great wheel, suitable and better conditions may eventuate. (TCF 1059)

106. DK seems to be saying that that which we see through entified stellar forms represents only a small portion of that which lies back of such Beings (who are expressing through "spheres of light")

107. Further, not only are there many Solar Logoi out of incarnation, but there are many more inclusive existences, abstracted from any possibility of so low a manifestation as a solar sphere of light.

108. This is the *universal* analogy to the many beings on the higher planes of the cosmic physical plane who do not manifest through any form physically visible or visible even on the eighteen lower sub-planes.

109. In emanation theory, there are some Beings Whose spiritual nature can never be contained in any kind of physical manifestation. Some remain forever abstract, manifesting (if we can call it that) only through Their emanated extensions.

The very brain of man reels in contemplation of such a concept.

Nhưng chỉ một phần bảy trong những sắc tướng khả hữu là đang lâm phàm. Sáu phần bảy ở ngoài lâm phàm, chờ đến lượt biểu hiện, và trì hoãn việc lâm phàm cho đến khi, trong sự xoay chuyển của đại luân, những điều kiện thích hợp và tốt đẹp hơn có thể xuất hiện. (TCF 1059)

106. Chân sư DK dường như muốn nói rằng điều mà chúng ta thấy qua những hình tướng tinh tú entified chỉ biểu hiện một phần nhỏ của điều nằm phía sau những Bản Thể như thế (những Đấng đang biểu lộ qua "những khối cầu ánh sáng")

107. Hơn nữa, không những có nhiều Thái dương Thượng đế ở ngoài lâm phàm, mà còn có nhiều hiện hữu bao gồm hơn nữa, được trừu xuất khỏi bất kỳ khả năng biểu hiện thấp kém nào như một khối cầu ánh sáng thái dương.

108. Đây là sự tương đồng *phổ quát* với nhiều bản thể trên các cõi cao của cõi hồng trần vũ trụ, những vị không biểu hiện qua bất kỳ hình tướng nào có thể thấy được về mặt vật lý, hay thậm chí thấy được trên mười tám cõi phụ thấp hơn.

109. Trong lý thuyết xuất lộ, có những Bản Thể mà bản chất tinh thần của Các Ngài không bao giờ có thể bị chứa đựng trong bất kỳ loại biểu hiện hồng trần nào. Một số vẫn mãi mãi ở trạng thái trừu xuất, chỉ biểu hiện (nếu ta có thể gọi như vậy) qua những sự mở rộng được phát xạ của Các Ngài.

Chính bộ não của con người cũng quay cuồng khi chiêm ngưỡng một khái niệm như thế.

110. As we study *A Treatise on Cosmic Fire,* we become accustomed to 'reeling brains'!

111. At our low level of 'prakritic immersion' we are awakening to the vastness of that which "stands around". This is an eternally repeated process (a process which has been and will be repeated *forever*) as each 'universe-in-extension' awakens to Its own Nature.

112. One day we will not have to work through the limitations of a physical brain as we contemplate these subjects.

113. We remember that we have been questioning the number of human Monads to be found within our planetary scheme. We have wondered whether the sixty billion figure is *solar* systemic or *planetary*.

114. If there are, let us say, six billion human beings incarnating on our planet at any one time and this figure represents only six sevenths of those who could incarnate, then we are already up to some forty-two billion (in the Ex alone), leaving very few Monads for the remainder of the solar system! Such are some of the apparent enigmas which we must eventually solve.

110. Khi chúng ta nghiên cứu *Luận về Lửa Vũ Trụ,* chúng ta trở nên quen với những "bộ não quay cuồng"!

111. Ở cấp độ thấp của chúng ta trong "sự chìm đắm prakriti", chúng ta đang thức tỉnh trước sự bao la của điều "đứng chung quanh". Đây là một tiến trình lặp lại vĩnh hằng (một tiến trình đã được và sẽ được lặp lại *mãi mãi*) khi mỗi "vũ trụ-trong-sự-mở-rộng" thức tỉnh đối với Bản Chất riêng của Nó.

112. Một ngày nào đó chúng ta sẽ không còn phải làm việc qua những giới hạn của bộ não hồng trần khi chiêm ngưỡng các chủ đề này.

113. Chúng ta nhớ rằng mình đã đặt câu hỏi về số lượng các chân thần nhân loại được tìm thấy trong hệ hành tinh của chúng ta. Chúng ta đã tự hỏi liệu con số sáu mươi tỉ ấy là của hệ *mặt trời* hay của *hành tinh*.

114. Nếu có, giả sử, sáu tỉ con người đang lâm phàm trên hành tinh chúng ta vào bất kỳ thời điểm nào và con số này chỉ đại diện cho sáu phần bảy của những ai có thể lâm phàm, thì chúng ta đã lên đến khoảng bốn mươi hai tỉ (chỉ riêng trong Ex), để lại rất ít chân thần cho phần còn lại của hệ mặt trời! Đó là một số bí ẩn bề ngoài mà rốt cuộc chúng ta phải giải quyết.

Yet just as there are tens of millions of human beings out of objective manifestation, or discarnate, on the subtler planes of the solar system, **so there may be cosmic entities, in rank equal to the ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID, Who are in a similar sense discarnate, and found in realms subtler than that of the manifestation of light.**

Tuy nhiên, cũng như có hàng chục triệu con người ở ngoài biểu hiện khách quan, hay đã lìa xác, trên các cõi vi tế hơn của hệ mặt trời, **thì cũng có thể có những thực thể vũ trụ, có cấp bậc ngang với Đấng Bất Khả Tư Nghị, theo một ý nghĩa tương tự cũng ở trạng thái lìa xác, và hiện diện trong những cõi vi tế hơn cõi của sự biểu hiện ánh sáng.**

115. In Chart V, we find a minimum of seven and a maximum of forty-nine *Ones* About Whom Naught May Be Said (depending on our mode of interpretation). We do not know whether all of these are manifesting simultaneously, at least in any physical way.

115. Trong Biểu Đồ V, chúng ta thấy tối thiểu bảy và tối đa bốn mươi chín *Đấng* Bất Khả Tư Nghị (tùy theo cách diễn giải của chúng ta). Chúng ta không biết liệu tất cả các Đấng này có đang biểu hiện đồng thời hay không, ít nhất là theo bất kỳ cách hồng trần nào.

116. Some chakras, for instance, are found on the higher three etheric levels and not on the more obvious fourth level. They would not *seem* to be in incarnation.

116. Chẳng hạn, một số luân xa được tìm thấy trên ba cấp dĩ thái cao hơn chứ không ở cấp thứ tư rõ rệt hơn. Chúng sẽ không *dường như* đang lâm phàm.

117. It would seem that not only are there are number of *manifesting* Ones About Whom Naught May Be Said, but for each one of Them, there could be six others than are not manifesting or expressing through "the manifestation of light".

117. Dường như không những có một số *Đấng* Bất Khả Tư Nghị đang biểu hiện, mà với mỗi một Đấng trong Các Ngài, có thể có sáu Đấng khác không biểu hiện hay không biểu lộ qua "sự biểu hiện của ánh sáng".

118. It would seem, however, that since the Ones About Whom Naught May Be Said are chakras, that at least seven of Them would have to be manifesting simultaneously, perhaps giving way (through abstractions) to others "as the Great Wheel turns".

118. Tuy nhiên, dường như vì các Đấng Bất Khả Tư Nghị là các luân xa, nên ít nhất bảy Đấng trong Các Ngài sẽ phải biểu hiện đồng thời, có lẽ nhường chỗ (qua những sự trừu xuất) cho những Đấng khác "khi Đại Luân xoay chuyển".

119. Our universe is far more complex than we may usually imagine and indeed, the ordinary human mind is staggered by such a contemplation.

119. Vũ trụ của chúng ta phức tạp hơn rất nhiều so với điều chúng ta thường hình dung, và quả thật, trí tuệ nhân loại thông thường bị choáng váng trước một sự chiêm ngưỡng như thế.

120. We will have to question ourselves: "What sort of realms could be subtler than those characterized by the manifestation of light?"

120. Chúng ta sẽ phải tự hỏi: "Những loại cõi nào có thể vi tế hơn những cõi được đặc trưng bởi sự biểu hiện của ánh sáng?"

121. We might ask is realms of Spirit are, relatively, realms which transcend the manifestation of light, since the light breaks forth when Spirit and matter engage?

121. Chúng ta có thể hỏi liệu các cõi của tinh thần, một cách tương đối, có phải là những cõi vượt lên trên sự biểu hiện của ánh sáng hay không, vì ánh sáng bừng phát khi tinh thần và vật chất giao tiếp?

122. We may begin to gather that there are non-objectified Entities (purely subjective) which have never entered 'lighted embodiment'. Every embodiment occurs through a 'vesture of light'.

122. Chúng ta có thể bắt đầu nhận ra rằng có những Thực Thể không được khách thể hóa (thuần túy chủ quan) chưa bao giờ đi vào "sự nhập thể được soi sáng". Mọi sự nhập thể đều diễn ra qua một "y phục ánh sáng".

3. [Manas] On the Earth.

3. [Manas] Trên Trái Đất.

123. We are now considering the development of manas on the Earth, probably considered as our *globe.* We have already considered manas in relation to the planets considered in relation to each other and, as we did so, the Earth-*scheme* was discussed.

123. Hiện nay chúng ta đang xem xét sự phát triển của manas trên Trái Đất, có lẽ được xét như *bầu hành tinh* của chúng ta. Chúng ta đã xem xét manas trong liên hệ với các hành tinh được xét trong tương quan với nhau, và khi làm như vậy, hệ Địa Cầu-*hành tinh* đã được bàn đến.

a. The five Kumaras.

a. Năm Kumaras.

We might now consider briefly the subject of the five Kumaras, Who are the sum total of manas **on the Earth.**

Giờ đây chúng ta có thể ngắn gọn xem xét chủ đề về năm Kumaras, là tổng thể của manas **trên Trái Đất.**

124. If we were speaking at the *scheme* level, we would have said, "within the scheme"; we could not say, '*on* the scheme'.

124. Nếu chúng ta đang nói ở cấp độ *hệ hành tinh*, chúng ta sẽ nói "trong hệ hành tinh"; chúng ta không thể nói "*trên* hệ hành tinh".

125. The Kumaras here discussed are, we may infer, *reflections* of the Divine Manasaputras—the Planetary Logoi.

125. Các Kumaras được bàn đến ở đây, như chúng ta có thể suy ra, là những *phản chiếu* của các Manasaputras Thiêng Liêng—các Hành Tinh Thượng Đế.

I have stated that the Lord of the World, the first Kumara, is the planetary Logos of our scheme in physical incarnation,

Tôi đã nói rằng Đức Chúa Tể Thế Giới, Kumara thứ nhất, là Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh chúng ta đang lâm phàm về mặt hồng trần,

126. The Lord of the World is called variously the "first Kumara" and the "fourth Kumara". He is preeminent among the Kumaras, so He is the "first Kumara". In relation to the manifesting Kumaras, He is *fourth,* with the Buddhas of Activity occupying the other three posts among the four (and is, technically, one of the four Exoteric Kumaras). Four is the number central within the seven, and the Great Kumara occupies a post *central* between the three Buddhas of Activity and the three Esoteric Kumaras.

126. Đức Chúa Tể Thế Giới được gọi theo nhiều cách là "Kumara thứ nhất" và "Kumara thứ tư". Ngài nổi trội giữa các Kumaras, nên Ngài là "Kumara thứ nhất". Trong liên hệ với các Kumaras đang biểu hiện, Ngài là *thứ tư,* với các Đức Phật Hoạt Động chiếm ba vị trí còn lại trong nhóm bốn (và về mặt kỹ thuật, Ngài là một trong bốn Kumaras Ngoại Môn). Bốn là con số trung tâm trong bảy, và Đại Kumara chiếm một vị trí *trung tâm* giữa ba Đức Phật Hoạt Động và ba Kumaras Nội Môn.

127. We recall that the "first Kumara" *is* the Planetary Logos and yet He is *not*.

127. Chúng ta nhớ rằng "Kumara thứ nhất" *là* Hành Tinh Thượng Đế, nhưng đồng thời Ngài *không* phải như vậy.

but nowhere has the impression been conveyed that the three Kumaras, associated with Him, are three other planetary Logoi. This is in no way the case.

nhưng ở đâu cũng không hề tạo ra ấn tượng rằng ba Kumaras liên kết với Ngài là ba Hành Tinh Thượng Đế khác. Điều này hoàn toàn không phải như vậy.

128. The three Buddhas of Activity *were* Planetary Logoi in a previous solar system.

128. Ba Đức Phật Hoạt Động *đã từng là* các Hành Tinh Thượng Đế trong một hệ mặt trời trước.

In the last solar system **They were the planetary Logoi of three planets in which the mind principle reached its highest stage of development;** They embody in Themselves in a most peculiar manner the wisdom aspect of the second ray, as it expresses itself primarily through what has been called in the Bhagavad Gita "skill in action." Hence Their name, the Buddhas of Activity. (R&I 267-268)

Trong hệ mặt trời trước **Các Ngài là các Hành Tinh Thượng Đế của ba hành tinh trong đó nguyên khí trí tuệ đã đạt đến giai đoạn phát triển cao nhất;** Các Ngài hiện thân trong Chính Mình, theo một cách rất đặc biệt, phương diện minh triết của cung hai, khi nó biểu lộ chủ yếu qua điều đã được gọi trong Bhagavad Gita là "thiện xảo trong hành động". Vì thế nên có danh xưng của Các Ngài là các Đức Phật Hoạt Động. (R&I 267-268)

129. This fact makes Their exclusive localization upon our globe a relatively unlikely prospect, and yet it is there (on the Earth-globe) that They are apparently localized. (cf. TCF 878). If They were Planetary Logoi in the previous solar system, how could They be confined to a globe in this later solar system.

129. Sự kiện này khiến cho khả năng Các Ngài chỉ được định vị riêng biệt trên bầu hành tinh của chúng ta trở nên tương đối khó xảy ra, thế nhưng dường như chính tại đó (trên bầu hành tinh Địa Cầu) mà Các Ngài được định vị. (xem TCF 878). Nếu Các Ngài là các Hành Tinh Thượng Đế trong hệ mặt trời trước, làm sao Các Ngài có thể bị giới hạn trong một bầu hành tinh ở hệ mặt trời sau này.

130. One solution would be to consider Them, essentially, as the three EXISTENCES of Whom the Buddhas of Activity are simply emanations. Sanat Kumara, too, would then be of the status of the Planetary Logos.

130. Một giải pháp là xem Các Ngài, về bản chất, như ba HIỆN HỮU mà các Đức Phật Hoạt Động chỉ đơn thuần là những phát xạ của Các Ngài. Khi đó, Đức Sanat Kumara cũng sẽ có địa vị của Hành Tinh Thượng Đế.

131. We must be careful not to confuse the four Kumaras associated with the fourth globe of the Earth-chain with the five Kumaras Who are much greater Entities, being the five Divine Manasaputras of our solar system.

131. Chúng ta phải cẩn thận đừng nhầm lẫn bốn Kumaras liên kết với bầu hành tinh thứ tư của Dãy Địa Cầu với năm Kumaras là những Thực Thể lớn lao hơn nhiều, tức là năm Manasaputras Thiêng Liêng của hệ mặt trời chúng ta.

These three, called the "Buddhas of Activity," are but the vicegerents upon our planet of those three planetary Logoi, Who, with our planetary Logos, make the sum total of the logoic Quaternary.

Ba Đấng này, được gọi là "các Đức Phật Hoạt Động", chỉ là những vị phó nhiếp chính trên hành tinh chúng ta của **ba Hành Tinh Thượng Đế ấy, là những Đấng cùng với Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta tạo thành tổng thể của Bộ Tứ logoic.**

132. As vicegerents, we could consider these Buddhas of Activity as emanations of three great EXISTENCES Who focus, with Sanat Kumara, at the planetary scheme level.

132. Với tư cách là các vị phó nhiếp chính, chúng ta có thể xem các Đức Phật Hoạt Động này như những phát xạ của ba HIỆN HỮU vĩ đại, là những Đấng cùng với Sanat Kumara tập trung ở cấp độ hệ hành tinh.

133. The idea presented in this section is that Sanat Kumara and the Three Buddhas reflect three Planetary Logoi in the logoic quaternary.

133. Ý tưởng được trình bày trong phần này là Sanat Kumara và Ba Đức Phật phản chiếu ba Hành Tinh Thượng Đế trong bộ tứ logoic.

134. The Planetary Logos of Earth is one such Being, and it may be said that Sanat Kumara both *is* that Being and *reflects* that Being.

134. Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất là một Bản Thể như vậy, và có thể nói rằng Sanat Kumara vừa *là* Bản Thể ấy vừa *phản chiếu* Bản Thể ấy.

135. Another Buddhas of Activity would reflect Venus and another Mars. Would another reflect Pluto? These three non-sacred planets are the best candidates for participation in the logoic quaternary along with Venus.

135. Một Đức Phật Hoạt Động khác sẽ phản chiếu Sao Kim và một vị khác phản chiếu Sao Hỏa. Liệu một vị khác nữa sẽ phản chiếu Sao Diêm Vương chăng? Ba hành tinh không thiêng liêng này là những ứng viên thích hợp nhất để tham gia vào bộ tứ logoic cùng với Sao Kim.

136. As Sanat Kumara is the "Lord of Venusian Love", one would wonder why He would not be the representative of Venus. Certainly He is intimately related to the Venus energy. Yet there are many references which show His as an extension of our Planetary Logos.

136. Vì Sanat Kumara là "Chúa Tể của Bác Ái Kim Tinh", người ta sẽ tự hỏi tại sao Ngài lại không là đại diện của Sao Kim. Chắc chắn Ngài có liên hệ mật thiết với năng lượng Kim Tinh. Tuy nhiên, có nhiều tham chiếu cho thấy Ngài là một sự mở rộng của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

Associated with them are the three esoteric Kumaras [mentioned in the Secret Doctrine,46 S. D., I, 493.] Who represent the three other Logoi, and so make focal points for all the logoic forces within our chain.

Liên kết với Các Ngài là ba Kumaras Nội Môn [được nhắc đến trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*,46 S. D., I, 493.] là những Đấng đại diện cho ba Logoi khác, và như thế tạo thành **những điểm tập trung cho mọi mãnh lực logoic trong dãy của chúng ta.**

137. We have to watch the Tibetan's wording carefully. Now He appears to be speaking about the *chain* level, relating the three Buddhas of Activity, Sanat Kumara, and the

137. Chúng ta phải theo dõi cách dùng từ của Chân sư Tây Tạng thật cẩn thận. Giờ đây Ngài dường như đang nói về cấp độ *dãy*, liên hệ ba Đức Phật Hoạt Động, Sanat Kumara, và

three Esoteric Kumaras to the *chain*. This would be so *unless,* as is sometimes the case, the word "chain" is used to mean "scheme".

ba Kumaras Nội Môn với *dãy*. Điều này sẽ đúng *trừ phi,* như đôi khi xảy ra, từ "dãy" được dùng với nghĩa là "hệ hành tinh".

138. The logoic forces here discussed can be found in Chart VI, TCF 373. The planets concerned are: Vulcan, Venus, Mars, Earth, Mercury, and Jupiter.

138. Các mãnh lực logoic được bàn đến ở đây có thể được tìm thấy trong Biểu Đồ VI, TCF 373. Các hành tinh liên quan là: Vulcan, Sao Kim, Sao Hỏa, Trái Đất, Sao Thủy và Sao Mộc.

139. The inclusion of Pluto is problematic—useful from one point of view and extraneous from another.

139. Việc bao gồm Sao Diêm Vương là điều có vấn đề—hữu ích từ một quan điểm và thừa ra từ một quan điểm khác.

140. We have to find the higher planetary correspondence for the three Buddhas of Activity. Then it will be possible to find the planetary correspondence for the three Esoteric Kumaras.

140. Chúng ta phải tìm sự tương ứng hành tinh cao hơn cho ba Đức Phật Hoạt Động. Khi đó sẽ có thể tìm ra sự tương ứng hành tinh cho ba Kumaras Nội Môn.

141. We need planets within the logoic quaternary to serve as higher correspondences to Sanat Kumara and the three Buddhas of Activity. We have, certainly, Earth, Venus and Mars. But, as stated, Pluto is problematic because it is not listed in Chart VI.

141. Chúng ta cần các hành tinh trong bộ tứ logoic để làm những tương ứng cao hơn cho Sanat Kumara và ba Đức Phật Hoạt Động. Chắc chắn chúng ta có Trái Đất, Sao Kim và Sao Hỏa. Nhưng như đã nói, Sao Diêm Vương là điều có vấn đề vì nó không được liệt kê trong Biểu Đồ VI.

142. Mercury, because He is so closely related to kundalini could serve as a substitute for Pluto, but it is difficult to see Mercury (an old and advanced planet not much related to centers below the diaphragm except the base of the spine center) as related to the logoic quaternary. Yet the Mercurian link to Pluto is there; Mercury and Pluto even share (with Mars) the rulership of Scorpio. Further, one of the glyphs of Pluto is very much like that of Mercury, differentiated by the reversed placement of the circle and the receiving crescent.

142. Sao Thủy, vì Ngài có liên hệ rất mật thiết với kundalini, có thể làm vật thay thế cho Sao Diêm Vương, nhưng khó có thể thấy Sao Thủy (một hành tinh cổ xưa và tiến hóa cao, không liên hệ nhiều với các trung tâm dưới cơ hoành ngoại trừ trung tâm đáy cột sống) là có liên hệ với bộ tứ logoic. Tuy nhiên, mối liên kết giữa Sao Thủy và Sao Diêm Vương là có thật; Sao Thủy và Sao Diêm Vương thậm chí còn cùng chia sẻ (với Sao Hỏa) quyền cai quản Hổ Cáp. Hơn nữa, một trong các ký hiệu của Sao Diêm Vương rất giống với ký hiệu của Sao Thủy, được phân biệt bởi vị trí đảo ngược của vòng tròn và lưỡi liềm tiếp nhận.

143. The sheer mobility of Mercury makes Him difficult to pin down. If He is related to the ajna center, that center in only a temporary evocation and through the power of projection seems able to place itself as a presence in many centers. If one visualizes another center, one is, as it were, there.

143. Chính tính động thuần túy của Sao Thủy khiến Ngài khó bị cố định vào một vị trí. Nếu Ngài có liên hệ với trung tâm ajna, thì trung tâm ấy chỉ trong một sự gợi lên tạm thời và qua quyền năng phóng chiếu dường như có thể đặt chính nó như một sự hiện diện trong nhiều trung tâm. Nếu người ta hình dung một trung tâm khác, thì người ta, theo một nghĩa nào đó, đang ở đó.

144. If we make Mercury a special case, just as the ajna center is a special case, then the planets remaining within 'greater Saturn'—remaining to inspire the Esoteric Kumaras are Vulcan, Jupiter and Saturn.

144. Nếu chúng ta xem Sao Thủy là một trường hợp đặc biệt, cũng như trung tâm ajna là một trường hợp đặc biệt, thì những hành tinh còn lại trong "Thổ Tinh lớn hơn"—còn lại để truyền cảm hứng cho các Kumaras Nội Môn—là Vulcan, Sao Mộc và Thổ Tinh.

145. Saturn has a definite connection with our Earth (as the mental body of a great supra-planetary Entity which includes the planets Saturn, Mars and Earth). In another way, Saturn is closely related to Sanat Kumara—the Ancient of Days, as the name assigned to this great Kumara (Sanat) suggests Saturn.

145. Thổ Tinh có một liên hệ xác định với Trái Đất của chúng ta (như thể trí của một Thực Thể siêu-hành tinh vĩ đại bao gồm các hành tinh Thổ Tinh, Sao Hỏa và Trái Đất). Theo một cách khác, Thổ Tinh có liên hệ mật thiết với Sanat Kumara—Đấng Thái Cổ, vì danh xưng gán cho Đại Kumara này (Sanat) gợi ý đến Thổ Tinh.

146. A triangle of planets—Saturn, Venus and Earth—seem the planetary source of inspiration for Sanat Kumara.

146. Một tam giác hành tinh—Thổ Tinh, Sao Kim và Trái Đất—dường như là nguồn cảm hứng hành tinh cho Sanat Kumara.

147. If we wish to exempt Saturn from rulership of one of the Esoteric Kumaras, then we will have to assign slightly different planets to the three Buddhas of Activity, (perhaps Venus, Mars and Pluto) and move Mercury to the rulership of one of the Esoteric Kumaras. The three Logoi inspiring the Esoteric Kumaras would *then* be Vulcan, Mercury and Jupiter. Saturn would be reserved for special and higher inspiration in relation to Sanat Kumara.

147. Nếu chúng ta muốn miễn cho Thổ Tinh khỏi việc cai quản một trong các Kumaras Nội Môn, thì chúng ta sẽ phải gán những hành tinh hơi khác cho ba Đức Phật Hoạt Động, (có lẽ là Sao Kim, Sao Hỏa và Sao Diêm Vương) và chuyển Sao Thủy sang quyền cai quản một trong các Kumaras Nội Môn. Khi đó ba Logoi truyền cảm hứng cho các Kumaras Nội Môn *sẽ* là Vulcan, Sao Thủy và Sao Mộc. Thổ Tinh sẽ được dành riêng cho sự truyền cảm hứng đặc biệt và cao hơn liên hệ với Sanat Kumara.

148. We see that Mercury's mobility and His ability to serve usefully in a number of contexts make any final arrangement difficult to confirm.

148. Chúng ta thấy rằng tính động của Sao Thủy và khả năng của Ngài phụng sự hữu ích trong nhiều bối cảnh khiến bất kỳ sự sắp xếp chung cuộc nào cũng khó được xác nhận.

149. Further, the Esoteric Kumaras and Buddhas of Activity, we are told, sometimes exchange places, so no final solution is possible, unless we consider that the Buddhas of Activity and Esoteric Kumaras simply fulfill *posts*—and that the posts, themselves, have for prototypes different Planetary Logoi.

149. Hơn nữa, như chúng ta được cho biết, các Kumaras Nội Môn và các Đức Phật Hoạt Động đôi khi hoán đổi vị trí cho nhau, nên không thể có giải pháp cuối cùng nào, trừ phi chúng ta xem các Đức Phật Hoạt Động và các Kumaras Nội Môn chỉ đơn giản đảm nhiệm những *chức vị*—và chính các chức vị ấy có những nguyên mẫu là các Hành Tinh Thượng Đế khác nhau.

It might here be stated that the seven **Kumaras** (the four exoteric and the three esoteric) cooperate with this Law, **and work exoterically, or esoterically according to the Ray in power**, with the exception of the first Kumara, the Logos of our scheme, Who —being the synthesizing point for all— **remains ever in objective activity.** (TCF 440)

Ở đây có thể nói rằng bảy **Kumaras** (bốn ngoại môn và ba nội môn) hợp tác với Định luật này, **và hoạt động một cách ngoại môn hay nội môn tùy theo cung đang nắm quyền**, ngoại trừ Kumara thứ nhất, Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh chúng ta, Đấng—vì là điểm tổng hợp cho tất cả—**luôn luôn ở trong hoạt động khách quan.** (TCF 440)

150. From what is given here, we may note that which Kumaras are exoteric or esoteric at any one time depends upon ray cycles and, perhaps, upon the developmental processes proceeding in relation to the Heavenly Men.

150. Từ điều được nêu ở đây, chúng ta có thể lưu ý rằng việc Kumaras nào là ngoại môn hay nội môn vào bất kỳ thời điểm nào tùy thuộc vào các chu kỳ cung và, có lẽ, vào các tiến trình phát triển đang diễn ra liên hệ với các Đấng Thiên Nhân.

151. If the Buddhas of Activity and Esoteric Kumaras are *chain*-related, rather than simply *globe* related, we have to see which chains could accord with Them. For this, we would consult Chart VII, TCF 385, for a diagram of the chains of the Earth-scheme. It is, however, difficult to say too much about chain structure, as the functions of the Neptune-chain (the first) and the Jupiter-chain (the seventh are not even

151. Nếu các Đức Phật Hoạt Động và các Kumaras Nội Môn có liên hệ với *dãy*, thay vì chỉ đơn giản liên hệ với *bầu hành tinh*, thì chúng ta phải xem những dãy nào có thể tương ứng với Các Ngài. Để làm điều này, chúng ta sẽ tham khảo Biểu Đồ VII, TCF 385, để có sơ đồ các dãy của hệ Địa Cầu. Tuy nhiên, rất khó nói quá nhiều về cấu trúc dãy, vì các chức năng của dãy Hải Vương Tinh (thứ nhất) và dãy Mộc Tinh (thứ bảy) thậm

suggested by the diagram (except that they, with the Venus chain) are central.

chí còn không được sơ đồ gợi ý đến (ngoại trừ việc chúng, cùng với dãy Kim Tinh, là trung tâm).

152. There are, however, *seven* chains and seven Kumaras, and somehow there must be a correct assignment. The most esoteric chains (at least if we go on the basis of their names) would be Neptune, Jupiter and Saturn (perhaps the new name of the Moon-chain, or, at least, a chain now taking the place once occupied by the Moon-chain). Sanat Kumara would, as usual, be assigned to the Earth-chain. This would leave Mercury, Venus and Mars for the chains related to the three Buddhas of Activity.

152. Tuy nhiên, có *bảy* dãy và bảy Kumaras, và bằng cách nào đó phải có một sự phân bổ đúng đắn. Những dãy nội môn nhất (ít nhất nếu chúng ta căn cứ vào tên gọi của chúng) sẽ là Hải Vương Tinh, Mộc Tinh và Thổ Tinh (có lẽ là tên mới của Dãy Mặt Trăng, hoặc ít nhất là một dãy hiện đang thay thế vị trí từng do Dãy Mặt Trăng chiếm giữ). Sanat Kumara, như thường lệ, sẽ được gán cho Dãy Địa Cầu. Điều này sẽ để lại Sao Thủy, Sao Kim và Sao Hỏa cho các dãy liên hệ với ba Đức Phật Hoạt Động.

153. If we check the various functions of the Buddhas of Activity, we are likely to have a better idea of the particular planetary chain within the Earth-scheme with which each of them accords. This requires additional research.

153. Nếu chúng ta kiểm tra các chức năng khác nhau của các Đức Phật Hoạt Động, có khả năng chúng ta sẽ có ý niệm rõ hơn về dãy hành tinh đặc thù trong hệ Địa Cầu mà mỗi vị trong Các Ngài tương ứng. Điều này đòi hỏi nghiên cứu thêm.

154. The word “chain” is problematic, as sometimes the Earth-scheme is called a “scheme” and sometimes a “chain”. Which does DK mean in this context?

154. Từ “dãy” là điều có vấn đề, vì đôi khi hệ Địa Cầu được gọi là một “hệ hành tinh” và đôi khi là một “dãy”. Trong ngữ cảnh này Chân sư DK muốn nói điều nào?

155. The phrase “focal points for all the logoic forces within our chain” is also problematic.

155. Cụm từ “những điểm tập trung cho mọi mãnh lực logoic trong dãy của chúng ta” cũng là điều có vấn đề.

a. We could be dealing with the “logoic forces” considered as emanating from Planetary Logoi; for these Logoi the seven intra-planetary Kumaras would provide focal points—within the planetary *scheme*.

a. Chúng ta có thể đang đề cập đến “các mãnh lực logoic” được xét như phát ra từ các Hành Tinh Thượng Đế; đối với các Logoi này, bảy Kumaras nội-hành-tinh sẽ cung cấp những điểm tập trung—trong *hệ hành tinh* hành tinh.

b. Or we could be thinking of the chains of the Earth-scheme as planetary *logoic* forces, for each of which each of the seven Kumaras

b. Hoặc chúng ta có thể đang nghĩ đến các dãy của hệ Địa Cầu như những mãnh lực *logoic* hành tinh, mà đối với mỗi mãnh lực

(of our *chain*) provide a focal points because each of Them is most related to the Lord of one of the chains within the scheme.

ấy, mỗi một trong bảy Kumaras (của *dãy* chúng ta) cung cấp một điểm tập trung vì mỗi Đấng trong Các Ngài có liên hệ mật thiết nhất với Chúa Tể của một trong các dãy trong hệ hành tinh.

c. As the names (and perhaps qualities) of the seven schemes are not the same as the names and qualities of the seven chains within the Earth-scheme, there is not a one-to-one correspondence.

c. Vì tên gọi (và có lẽ cả phẩm tính) của bảy hệ hành tinh không giống với tên gọi và phẩm tính của bảy dãy trong hệ Địa Cầu, nên không có sự tương ứng một-một.

d. Each of the seven Kumaras (on our globe) could be related to a specific *planetary scheme* but, to which *chain* in the Earth-scheme would each be related?

d. Mỗi một trong bảy Kumaras (trên bầu hành tinh của chúng ta) có thể có liên hệ với một *hệ hành tinh* đặc thù, nhưng mỗi vị sẽ liên hệ với *dãy* nào trong hệ Địa Cầu?

e. If the seven Kumaras are to be considered as Beings expressive on the scheme level, the question would still arise, "to which *chain* in the Earth-scheme is each of the seven related?"

e. Nếu bảy Kumaras được xem là những Bản Thể biểu lộ ở cấp độ hệ hành tinh, thì câu hỏi vẫn sẽ nảy sinh: "mỗi một trong bảy vị liên hệ với *dãy* nào trong hệ Địa Cầu?"

156. In general we might say that there are Kumaras at the globe level, the chain level and the scheme level, and that the specialized energies which emanate them are emanated from the seven major planetary schemes of the solar system. A further emanatory source behind the whole chain of relationships would be the Solar Logoi of the Seven Solar Systems of Which Ours is One.

156. Nói chung, chúng ta có thể nói rằng có các Kumaras ở cấp độ bầu hành tinh, cấp độ dãy và cấp độ hệ hành tinh, và những năng lượng chuyên biệt phát xạ ra Các Ngài được phát xạ từ bảy hệ hành tinh lớn của hệ mặt trời. Một nguồn phát xạ sâu xa hơn đứng sau toàn bộ chuỗi quan hệ sẽ là các Thái dương Thượng đế của Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là một trong số đó.

157. The Kumaras are the globe level can be considered as emanations of Kumaras at the chain level, and those at the chain level, as emanations of those at the scheme level.

157. Các Kumaras ở cấp độ bầu hành tinh có thể được xem là những phát xạ của các Kumaras ở cấp độ dãy, và các vị ở cấp độ dãy là những phát xạ của các vị ở cấp độ hệ hành tinh.

In each chain such representatives are found, six focal points embraced by the seventh, the planetary Logos of the

Trong mỗi dãy đều có những vị đại diện như thế, sáu điểm tập trung được bao hàm bởi điểm thứ bảy, tức Hành Tinh Thượng

scheme, Who holds them all within His aura.

158. Let us be certain of the meaning of the word "chain". In the literature of the Theosophical Society, the term "scheme" was rarely if ever used, and the term "chain" meant "scheme".

159. If "chain" means "chain" then we are speaking of six Kumaras on each chain with the seventh representing the Planetary Logos. In a way Sanat Kumara (representing the Planetary Logos) is to be found on *each* of the chains as the principal Kumara.

160. In such a structure (if we are speaking at the chain level), it would be as if each Kumara were associated with one of the globes of the chain.

161. If, however, "chain" means "scheme", then each Kumara would be associated with a particular one of the seven chains of the scheme. Sanat Kumara would be the representative on our Earth-chain. The Planetary Logos would have His place on and through each of the chains. One chain would be focal at any particular time, and through it the Planetary Logos would express most focally.

162. What about confining our attention to a single *globe* such as the Earth-globe? On our globe the Planetary Logos expresses particularly through Sanat Kumara, and six other Planetary Logoi express through the six other Kumaras (each of which must be associated with a monadic grouping or, even a major ray Ashram).

Đế của hệ hành tinh, Đấng giữ tất cả họ trong hào quang của Ngài.

158. Chúng ta hãy xác định chắc chắn ý nghĩa của từ "dãy". Trong văn liệu của Hội Thông Thiên Học, thuật ngữ "hệ hành tinh" hiếm khi, nếu từng, được dùng, và thuật ngữ "dãy" có nghĩa là "hệ hành tinh".

159. Nếu "dãy" có nghĩa là "dãy" thì chúng ta đang nói đến sáu Kumaras trên mỗi dãy, với vị thứ bảy đại diện cho Hành Tinh Thượng Đế. Theo một nghĩa nào đó, Sanat Kumara (đại diện cho Hành Tinh Thượng Đế) được tìm thấy trên *mỗi* dãy như Kumara chính yếu.

160. Trong một cấu trúc như thế (nếu chúng ta đang nói ở cấp độ dãy), sẽ như thể mỗi Kumara được liên kết với một trong các bầu hành tinh của dãy.

161. Tuy nhiên, nếu "dãy" có nghĩa là "hệ hành tinh", thì mỗi Kumara sẽ được liên kết với một dãy đặc thù trong bảy dãy của hệ hành tinh. Sanat Kumara sẽ là vị đại diện trên Dãy Địa Cầu của chúng ta. Hành Tinh Thượng Đế sẽ có vị trí của Ngài trên và qua mỗi dãy. Một dãy sẽ là tiêu điểm vào bất kỳ thời điểm đặc thù nào, và qua dãy ấy Hành Tinh Thượng Đế sẽ biểu lộ một cách tập trung nhất.

162. Còn việc giới hạn sự chú ý của chúng ta vào một *bầu hành tinh* đơn lẻ như bầu hành tinh Địa Cầu thì sao? Trên bầu hành tinh của chúng ta, Hành Tinh Thượng Đế biểu lộ đặc biệt qua Sanat Kumara, và sáu Hành Tinh Thượng Đế khác biểu lộ qua sáu Kumaras khác (mỗi vị trong số đó hẳn phải liên kết với một nhóm chân thần hoặc thậm chí một ashram cung lớn).

163. In the last analysis, for the Earth-scheme, there may be *only one* Sanat Kumara and *only* Three Major Buddhas and *only* Three Esoteric Kumaras. Each of these fundamental seven may have what we might call 'chain-emanations or extensions' and 'globe emanations or extensions'.

163. Xét đến cùng, đối với hệ Địa Cầu, có thể *chỉ* có *một* Sanat Kumara và *chỉ* Ba Đức Phật Chính và *chỉ* Ba Kumaras Nội Môn. Mỗi một trong bảy Đấng nền tảng này có thể có điều mà chúng ta có thể gọi là "các phát xạ hay sự mở rộng ở cấp độ dãy" và "các phát xạ hay sự mở rộng ở cấp độ bầu hành tinh".

164. We might make a mistake if we think that all these chain and globe Kumaras are really *different* and distinct from their higher counterparts on the scheme level. In fact, They may be "mind-born", and thus merely extensions of the Kumaras as the scheme level.

164. Chúng ta có thể sai lầm nếu nghĩ rằng tất cả các Kumaras ở cấp độ dãy và bầu hành tinh này thực sự *khác biệt* và tách biệt với các đối phần cao hơn của Các Ngài ở cấp độ hệ hành tinh. Thật ra, Các Ngài có thể là "do trí sinh ra", và do đó chỉ đơn thuần là những sự mở rộng của các Kumaras ở cấp độ hệ hành tinh.

165. By attempting to interpret the Kumaras found throughout our planetary scheme according to emanation theory, many inconsistencies and troubling puzzles may be overcome

165. Bằng cách cố gắng diễn giải các Kumaras được tìm thấy xuyên suốt hệ hành tinh của chúng ta theo lý thuyết xuất lộ, nhiều điểm bất nhất và những câu đố gây bối rối có thể được vượt qua

[Page 413]

[Page 413]

Their [the Buddhas of Activity] work is threefold:

Công việc của Các Ngài [các Đức Phật Hoạt Động] là tam phân:

First. They are the centres in the body of the planetary Logos.

Thứ nhất. Các Ngài là các trung tâm trong thân thể của Hành Tinh Thượng Đế.

166. According to the stature we assign to a Buddhas of Activity we will determine whether they are:

166. Tùy theo tầm vóc mà chúng ta gán cho các Đức Phật Hoạt Động, chúng ta sẽ xác định liệu Các Ngài là:

a. Major centers

a. các trung tâm lớn

b. Minor centers

b. các trung tâm nhỏ

c. Minute centers.

c. các trung tâm cực vi.

Each chain corresponds to one centre, and the globes are but the lesser wheels within any particular centre.

167. We are being told of *three* different kinds of centers in a Planetary Logos:

a. Buddhas of Activity

b. Chains

c. Globes

168. Are Kumaras (some of them at least, former Planetary Logoi) at once—

a. Subsidiary Scheme-Lords

b. Chains Lords or subsidiary Chain Lords

c. Globe Lords or subsidiary Globe Lords

169. Our problem is that without considering the dynamics of emanation theory, we do not know whether we are speaking of seven Beings, forty-nine Beings, or three hundred forty three Beings.

170. Essentially, I would say we are speaking of *seven* planetary Beings.

171. The entire problem of 'Identity within Cosmos' cannot be solved without a solid understanding of emanation theory.

Mỗi Dãy tương ứng với một trung tâm, và các bầu hành tinh chỉ là những bánh xe nhỏ hơn bên trong bất kỳ trung tâm đặc thù nào.

167. Chúng ta đang được cho biết về *ba* loại trung tâm khác nhau trong một Hành Tinh Thượng Đế:

a. các Đức Phật Hoạt Động

b. các Dãy

c. các bầu hành tinh

168. Phải chăng các Kumara (ít nhất là một số vị trong Các Ngài, vốn là các Hành Tinh Thượng Đế trước kia) đồng thời là—

a. các Chúa Tể phụ của hệ hành tinh

b. các Chúa Tể của Dãy hay các Chúa Tể phụ của Dãy

c. các Chúa Tể của bầu hành tinh hay các Chúa Tể phụ của bầu hành tinh

169. Vấn đề của chúng ta là, nếu không xét đến động lực học của lý thuyết xuất lộ, chúng ta không biết liệu mình đang nói đến bảy Hữu Thể, bốn mươi chín Hữu Thể, hay ba trăm bốn mươi ba Hữu Thể.

170. Về bản chất, tôi muốn nói rằng chúng ta đang nói đến *bảy* Hữu Thể hành tinh.

171. Toàn bộ vấn đề về "Bản Sắc trong Vũ Trụ" không thể được giải quyết nếu không có một sự thấu hiểu vững chắc về lý thuyết xuất lộ.

The life of the Logos in this incarnation on the Earth is flowing through three centres and beginning to stimulate a fourth, hence four globes are involved and the three Kumaras (so called for lack of a better term) are vitally intelligently active; three are in abeyance and one is beginning to function.

Sự sống của Thượng đế trong lần lâm phàm này trên Địa Cầu đang tuôn chảy qua ba trung tâm và bắt đầu kích thích một trung tâm thứ tư, do đó bốn bầu hành tinh có liên quan và ba Kumara (được gọi như vậy vì thiếu một thuật ngữ tốt hơn) đang hoạt động một cách sống động và thông tuệ; **ba vị đang ở trong trạng thái tiềm chỉ và một vị đang bắt đầu hoạt động.**

172. Here we seem to be speaking of a Planetary Logos, even though the name "Logos" is used. When the term "Logos" is used, per se, it is usually reserved to mean the Solar Logos.

172. Ở đây dường như chúng ta đang nói về một Hành Tinh Thượng Đế, dù danh xưng "Thượng đế" được dùng. Khi thuật ngữ "Thượng đế" được dùng, chính nó, thì thường được dành để chỉ Thái dương Thượng đế.

173. When speaking of "the Earth" we need to know what level of the Earth-scheme is meant. It seems to be the *chain* level, because DK immediately begins speaking of "globes" which are constituents of chains but only minor constituents of schemes.

173. Khi nói về "Địa Cầu", chúng ta cần biết cấp độ nào của hệ hành tinh Địa Cầu được hàm ý. Dường như đó là cấp độ *Dãy*, bởi vì Chân sư DK ngay lập tức bắt đầu nói về "các bầu hành tinh", vốn là những thành phần cấu tạo của các Dãy nhưng chỉ là những thành phần nhỏ của các hệ hành tinh.

174. The phrase, "this incarnation on the Earth", seems to mean 'this incarnation on the Earth-chain' (and we do realize that the Planetary Logos is presently incarnated not only on the Earth-globe but through the Earth-chain).

174. Cụm từ "lần lâm phàm này trên Địa Cầu" dường như có nghĩa là "lần lâm phàm này trên Dãy Địa Cầu" (và chúng ta nhận ra rằng Hành Tinh Thượng Đế hiện nay đang lâm phàm không chỉ trên bầu Địa Cầu mà còn qua Dãy Địa Cầu).

175. Each of the Kumaras (considering the Kumaras at the interim or *chain* level) is involved with the administration of one of the globes of that chain.

175. Mỗi Kumara (xét các Kumara ở cấp độ trung gian hay cấp độ *Dãy*) đều có liên hệ với việc quản trị một trong các bầu hành tinh của Dãy ấy.

176. Emanated chain-level extensions of Sanat Kumara and three Kumaras (not here called Buddhas of Activity) are concerned with *four* of the globes of the Earth-chain. Are we dealing with the first four globes?

176. Các sự mở rộng ở cấp độ Dãy được xuất lộ của Đức Sanat Kumara và ba Kumara (ở đây không được gọi là các Đức Phật Hoạt Động) có liên quan đến *bốn* bầu hành tinh của Dãy Địa Cầu. Phải chăng chúng ta đang xét bốn bầu hành tinh đầu tiên?

177. We are told that of the three Esoteric Kumaras (or their chain level Representatives) that these three are "in abeyance", yet *one* is beginning to function. Would this one be found functioning in relation to the Mercury-globe of the Earth-chain?

177. Chúng ta được cho biết rằng trong ba Kumara Nội Môn (hay các Đại Diện của Các Ngài ở cấp độ Dãy), ba vị này đang "ở trong trạng thái tiềm chỉ", nhưng *một* vị đang bắt đầu hoạt động. Phải chăng vị này được thấy đang hoạt động trong liên hệ với bầu Sao Thủy của Dãy Địa Cầu?

178. We have five Kumaras who are Divine Manasaputras.

178. Chúng ta có năm Kumara là các Manasaputras thiêng liêng.

179. We now seem to be talking about four intra-chain Kumaras (each of them associated with a globe of the Earth-chain) and one intra-chain Kumara Who is "beginning to function".

179. Giờ đây dường như chúng ta đang nói về bốn Kumara nội Dãy (mỗi vị liên kết với một bầu hành tinh của Dãy Địa Cầu) và một Kumara nội Dãy đang "bắt đầu hoạt động".

180. The number *five* seems very much associated with Mercury, either at the scheme level (cf. Chart VI—TCF 373) or at the chain and globe levels (cf. Chart VII—TCF 385).

180. Con số *năm* dường như gắn liền rất nhiều với Sao Thủy, hoặc ở cấp độ hệ hành tinh (xem Biểu đồ VI—TCF 373) hoặc ở các cấp độ Dãy và bầu hành tinh (xem Biểu đồ VII—TCF 385).

181. It is easy to become confused about which of the three possible planetary levels is our focus. We have just been focusing within our planetary chain, the Earth-chain, and noticed that there are, apparently seven Chain-Kumaras active at the chain level.

181. Rất dễ trở nên lẫn lộn về việc cấp độ hành tinh nào trong ba cấp độ khả hữu là trọng tâm của chúng ta. Vừa rồi chúng ta đã tập trung trong Dãy hành tinh của mình, Dãy Địa Cầu, và nhận thấy rằng dường như có bảy Chain-Kumaras hoạt động ở cấp độ Dãy.

182. There are also, according to emanation theory, kumaric extensions at the *globe* level —with seven such extensions focussed on

182. Theo lý thuyết xuất lộ, cũng có những sự mở rộng kumaric ở cấp độ *bầu hành tinh* —với bảy sự mở rộng như thế tập trung trên

our Earth-globe. The Buddhas of Activity are such extensions.

183. The section quoted above may give evidence that one of the Esoteric Kumaras (at least at the chain level) is beginning to function in relation to the Mercury-globe of the Earth-chain.

184. This may be the case because one of the Scheme-Kumaras (the One associated with the Mercury-chain) may also be emerging.

185. As a result, one of the Globe-Kumaras of our Earth-globe—may also be receiving stimulation.

186. We are dealing with puzzles related to the "Many and the One". We must avoid excessive subdivisions of the One, and also, the inability to divide the One when necessary.

The globes correspond to the chains.

187. This is a fundamental thought parallel to the idea that the chains correspond to the schemes.

This fourth Kumara is as yet practically unrealised, but as hinted at earlier His day is about to dawn.

188. Let us proceed carefully. The "fourth Kumara" (here referenced) may well be one of the Esoteric Kumaras, and not Sanat Kumara at all. Usually, Sanat Kumara is considered the "fourth Kumara"—*fourth* if the three Buddhas of Activity are counted.

bầu Địa Cầu của chúng ta. Các Đức Phật Hoạt Động là những sự mở rộng như vậy.

183. Đoạn được trích dẫn ở trên có thể cho thấy rằng một trong các Kumara Nội Môn (ít nhất ở cấp độ Dãy) đang bắt đầu hoạt động trong liên hệ với bầu Sao Thủy của Dãy Địa Cầu.

184. Điều này có thể là như vậy vì một trong các Scheme-Kumaras (Đấng liên kết với Dãy Sao Thủy) cũng có thể đang xuất hiện.

185. Do đó, một trong các Globe-Kumaras của bầu Địa Cầu của chúng ta cũng có thể đang nhận được sự kích thích.

186. Chúng ta đang xử lý những câu đố liên quan đến "Nhiều và Một". Chúng ta phải tránh việc phân chia quá mức Đấng Duy Nhất, và cũng phải tránh sự bất lực trong việc phân chia Đấng Duy Nhất khi cần thiết.

Các bầu hành tinh tương ứng với các Dãy.

187. Đây là một tư tưởng căn bản song hành với ý niệm rằng các Dãy tương ứng với các hệ hành tinh.

Kumara thứ tư này cho đến nay hầu như chưa được chứng nghiệm, nhưng như đã được ám chỉ trước đó, ngày của Ngài sắp rạng lên.

188. Chúng ta hãy tiến hành cẩn trọng. "Kumara thứ tư" (được nhắc đến ở đây) rất có thể là một trong các Kumara Nội Môn, chứ hoàn toàn không phải Đức Sanat Kumara. Thông thường, Đức Sanat Kumara được xem là "Kumara thứ tư"—thứ *tư* nếu ba Đức Phật Hoạt Động được tính.

189. We have the second decanate of the Age of Aquarius ruled by Mercury, and a possible correlation of this *fourth* really *fifth* Kumara with Mercury. Could His day dawn during the Mercury decanate?

189. Chúng ta có thập độ thứ hai của Kỷ Nguyên Bảo Bình do Sao Thủy cai quản, và một sự tương quan khả dĩ của Kumara thứ *tư* mà thật ra là thứ *năm* này với Sao Thủy. Phải chăng ngày của Ngài có thể rạng lên trong thập độ Sao Thủy?

190. We continue to speak of the Kumaras of the Earth-scheme and of the subsidiary Kumaras found on the chain and globe levels —all of which may be simply extensions of the seven scheme-level Kumaras.

190. Chúng ta tiếp tục nói về các Kumara của hệ hành tinh Địa Cầu và các Kumara phụ được tìm thấy ở các cấp độ Dãy và bầu hành tinh—tất cả những vị này có thể chỉ đơn giản là những sự mở rộng của bảy Kumara ở cấp độ hệ hành tinh.

191. OR—we could interpret the statement as if Sanat Kumara were the "fourth Kumara", and was just beginning to function. This might seem improbable, however, since He has been extremely active in subjective ways for millions of years.

191. HOẶC—chúng ta có thể diễn giải phát biểu này như thể Đức Sanat Kumara là "Kumara thứ tư", và Ngài chỉ mới bắt đầu hoạt động. Tuy nhiên, điều này có vẻ khó xảy ra, vì Ngài đã cực kỳ hoạt động theo những cách chủ quan trong hàng triệu năm.

192. These then, are the questions:

192. Vậy thì, đây là những câu hỏi:

a. Are we saying that one of the Three in abeyance is beginning to function?

a. Phải chăng chúng ta đang nói rằng một trong Ba vị đang ở trạng thái tiềm chỉ đang bắt đầu hoạt động?

b. Or are we saying that Sanat Kumara, as the "fourth Kumara" is beginning to function?

b. Hay chúng ta đang nói rằng Đức Sanat Kumara, với tư cách là "Kumara thứ tư", đang bắt đầu hoạt động?

c. Or are we saying that one of the Buddhas of Activity is not yet fully functioning whereas Sanat Kumara is and has been? This would leave the Three Esoteric Kumaras to continue in latency, with one of the Buddhas of Activity just beginning to emerge more prominently. One of these Buddhas of Activity does, indeed, have a very esoteric function related to initiation.

c. Hay chúng ta đang nói rằng một trong các Đức Phật Hoạt Động vẫn chưa hoạt động trọn vẹn, trong khi Đức Sanat Kumara thì có và đã như vậy? Điều này sẽ để cho Ba Kumara Nội Môn tiếp tục ở trong trạng thái tiềm ẩn, với một trong các Đức Phật Hoạt Động chỉ mới bắt đầu xuất hiện nổi bật hơn. Quả thật, một trong các Đức Phật Hoạt Động này có một chức năng rất huyền bí liên hệ với điểm đạo.

193. From what is said by DK, we can arrive at no firm conclusion, and must hold the matter up to the intuition, seeking to evoke resolution through intuitive insight.

193. Từ những gì Chân sư DK nói, chúng ta không thể đi đến một kết luận chắc chắn nào, và phải để vấn đề này cho trực giác, tìm cách gợi lên sự giải quyết qua linh thị trực giác.

194. Naturally, we are interested in which of the globes of the Earth-chain are involved. The globes most clearly delineated are the Mars, Earth and Mercury globes and so, these three, could well be involved. Certainly the Earth-globe is involved. Three globes, preceding the Earth-globe, may already be strongly involved. The question is—has the process of unfoldment within our Earth-chain reached as far as the fifth or Mercury-globe?

194. Đương nhiên, chúng ta quan tâm đến việc những bầu hành tinh nào của Dãy Địa Cầu có liên quan. Những bầu hành tinh được phân định rõ nhất là các bầu Sao Hỏa, Địa Cầu và Sao Thủy, và vì vậy ba bầu này rất có thể có liên quan. Chắc chắn bầu Địa Cầu có liên quan. Ba bầu hành tinh đi trước bầu Địa Cầu có thể đã liên quan mạnh mẽ rồi. Câu hỏi là—tiến trình khai mở trong Dãy Địa Cầu của chúng ta đã tiến xa đến tận bầu thứ năm hay bầu Sao Thủy chưa?

195. We continue to speak of intra-planetary Kumaras at the *chain* level.

195. Chúng ta tiếp tục nói về các Kumara nội hành tinh ở cấp độ *Dãy*.

Second. They act as transmitters of a particular type of force to those units who go to the content of any particular centre. **They are, in fact, the agents for the Lords of the Rays to the Monads of any ray in incarnation in any particular chain and on any particular globe.**

Thứ hai. Các vị hoạt động như những đấng truyền đạt một loại mãnh lực đặc thù đến những đơn vị đi vào nội dung của bất kỳ trung tâm đặc thù nào. **Thật vậy, Các Ngài là những tác nhân của các Đấng Chúa Tể các Cung đối với các Chân thần thuộc bất kỳ cung nào đang lâm phàm trong bất kỳ Dãy đặc thù nào và trên bất kỳ bầu hành tinh đặc thù nào.**

196. In this section the Kumaras are related to the Lords of the Rays.

196. Trong phần này các Kumara được liên hệ với các Đấng Chúa Tể các Cung.

197. The Lords of the Rays can be considered as Planetary Logoi.

197. Các Đấng Chúa Tể các Cung có thể được xem như các Hành Tinh Thượng Đế.

198. From an intra-planetary perspective, it *may* be that the Kumaras act as Ray Lords. Yet we have shown that within Shamballa, the Seven Ray Lords are distinct from the Seven Kumaras.

198. Từ một viễn cảnh nội hành tinh, *có thể* là các Kumara hoạt động như các Chúa Tể Cung. Tuy nhiên, chúng ta đã chỉ ra rằng trong Shamballa, Bảy Chúa Tể Cung phân biệt với Bảy Kumara.

199. Therefore, it is likely that the intra-planetary Ray Lords form an additional shamballic septenate, making with the seven Kumaras, fourteen Beings related to the transmission of the seven rays.

199. Do đó, có khả năng là các Chúa Tể Cung nội hành tinh tạo thành một bộ bảy shamballic bổ sung, hợp với bảy Kumara thành mười bốn Hữu Thể liên hệ với việc truyền dẫn bảy cung.

200. The whole matter presented here is most intricate. We can judge from the section above that there are seven types of Monads as the seven Kumaras are Representatives of the seven Lords of the Rays and transmit ray quality to the Monads. There are *not* as we have come to realize, seven types of *major* monadic rays. Only three rays can express as the *major* ray a Monad—the first three rays.

200. Toàn bộ vấn đề được trình bày ở đây là cực kỳ phức tạp. Từ phần trên, chúng ta có thể phán đoán rằng có bảy loại Chân thần vì bảy Kumara là các Đại Diện của bảy Đấng Chúa Tể các Cung và truyền phẩm tính cung đến các Chân thần. Như chúng ta đã đi đến chỗ nhận ra, không có *bảy* loại cung chân thần *chính yếu*. Chỉ có ba cung có thể biểu lộ như cung *chính yếu* của một Chân thần—ba cung đầu tiên.

201. There is the possibility that (within a planetary scheme) on some chain or on some globe, Monads upon *each* of the rays will be found.

201. Có khả năng là (trong một hệ hành tinh) trên một Dãy nào đó hay trên một bầu hành tinh nào đó, các Chân thần thuộc *mỗi* cung sẽ được tìm thấy.

202. Yet there is also an implication that the ray types of Monads in incarnation on any particular chain or globe may be controlled by chain or globe cycles or requirements.

202. Tuy nhiên, cũng có một hàm ý rằng các loại cung của các Chân thần đang lâm phàm trên bất kỳ Dãy hay bầu hành tinh đặc thù nào có thể bị kiểm soát bởi các chu kỳ hay các nhu cầu của Dãy hoặc của bầu hành tinh.

203. We know that with regard to the Earth-globe, only four types of soul rays are in incarnation at any one time. This is the *fourth* globe and it is part of the *fourth* chain. Can it be that monadic types are not *all* in incarnation simultaneously? We would have to know a lot more about monadic cycles to answer this with accuracy.

203. Chúng ta biết rằng liên quan đến bầu Địa Cầu, chỉ có bốn loại cung linh hồn đang lâm phàm tại bất kỳ một thời điểm nào. Đây là bầu hành tinh thứ *tư* và nó là một phần của Dãy thứ *tư*. Phải chăng các loại chân thần không phải *tất cả* đều lâm phàm đồng thời? Chúng ta sẽ phải biết nhiều hơn nữa về các chu kỳ chân thần mới có thể trả lời điều này một cách chính xác.

204. One of the major points to emerge is that there is a sequence of transmission:

204. Một trong những điểm chính nổi lên là có một trình tự truyền dẫn:

a. Planetary Ray Lords—Divine Manasaputras

b. Intra-planetary Kumaras

c. (Perhaps, intra-planetary Ray Lords, also shamballic Beings).

d. The Monads of human beings.

205. In the above sequence we are leaving out all the differentiations caused by scheme/chain/globe divisions and are proposing that within the entirety of the scheme, there are only seven Kumaras, seven Ray Lords and seven types of Monads (really, *three major* types of Monads).

206. We continue to discuss the functions of the intra-planetary Kumaras found within the Earth-scheme.

Third. They are the agents for:

207. We continue to discuss the intra-planetary Kumaras (at the *chain* level) as Intermediaries and Agents.

208. Every being is an intermediary of some kind.

a. The Lord of a Ray as stated above.

209. The Lord of a Ray (in the present context) is a Planetary Logos. There are also, as we have realized, lesser intra-planetary Ray Lords just as there are lesser intra-planetary Kumaras associated with chains and globes.

a. Các Chúa Tể Cung hành tinh—các Manasaputras thiêng liêng

b. các Kumara nội hành tinh

c. (Có lẽ, các Chúa Tể Cung nội hành tinh, cũng là các Hữu Thể shamballic).

d. Các Chân thần của con người.

205. Trong trình tự trên, chúng ta bỏ qua mọi sự biến phân do các phân chia hệ hành tinh/Dãy/bầu hành tinh gây ra và đề xuất rằng trong toàn thể hệ hành tinh, chỉ có bảy Kumara, bảy Chúa Tể Cung và bảy loại Chân thần (thật ra là *ba loại chính yếu* của Chân thần).

206. Chúng ta tiếp tục bàn đến các chức năng của các Kumara nội hành tinh được tìm thấy trong hệ hành tinh Địa Cầu.

Thứ ba. Các Ngài là những tác nhân cho:

207. Chúng ta tiếp tục bàn về các Kumara nội hành tinh (ở cấp độ *Dãy*) như những Đấng Trung Gian và những Tác Nhân.

208. Mọi hữu thể đều là một loại trung gian nào đó.

a. Chúa Tể của một Cung như đã nói ở trên.

209. Chúa Tể của một Cung (trong ngữ cảnh hiện tại) là một Hành Tinh Thượng Đế. Cũng có, như chúng ta đã nhận ra, những Chúa Tể Cung nội hành tinh nhỏ hơn, cũng như có những Kumara nội hành tinh nhỏ hơn liên kết với các Dãy và các bầu hành tinh.

210. The chain-level Kumaras each receives, most focally, the ray of a particular Ray Lord.

210. Mỗi Kumara ở cấp độ Dãy tiếp nhận, một cách tập trung nhất, cung của một Chúa Tể Cung đặc thù.

b. The four Maharajahs.

b. Bốn Maharaja.

211. The "four Maharajas" are (for the time) solar systemic Beings Who are agents of the Lipika Lords.

211. "Bốn Maharaja" là (trong thời kỳ hiện nay) những Hữu Thể thuộc hệ mặt trời, là các tác nhân của các Đấng Lipika.

212. The intra-planetary Kumaras at the chain-level, each transmits potencies from the "four Maharajas". As stated earlier, it is the *Exoteric* Kumaras Who are most related to the "four Maharajas", just as the Lipika Lords are most related to the Three *Esoteric* Kumaras.

212. Mỗi Kumara nội hành tinh ở cấp độ Dãy truyền các tiềm lực từ "bốn Maharaja". Như đã nói trước đó, chính các Kumara *Ngoại Môn* liên hệ nhiều nhất với "bốn Maharaja", cũng như các Đấng Lipika liên hệ nhiều nhất với Ba Kumara *Nội Môn*.

c. The planetary Logos of Their own scheme.

c. Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh riêng của Các Ngài.

213. While each intra-planetary Kumara represents that one of the Planetary Logoi expressing the same ray as the Kumara, each intra-planetary Kumara is also the agent for the Planetary Logos of the particular scheme on which They are serving.

213. Trong khi mỗi Kumara nội hành tinh đại diện cho một trong các Hành Tinh Thượng Đế biểu lộ cùng cung với Kumara ấy, thì mỗi Kumara nội hành tinh cũng là tác nhân cho Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh đặc thù mà Các Ngài đang phụng sự trên đó.

214. For instance, our seven intra-planetary Kumaras serve (and thus are agents for) the Logos of the Earth-scheme, even though six of these Kumaras will be allied to six Planetary Logoi *other than* the Planetary Logos of the Earth-scheme.

214. Chẳng hạn, bảy Kumara nội hành tinh của chúng ta phụng sự (và do đó là tác nhân cho) Thượng đế của hệ hành tinh Địa Cầu, mặc dù sáu trong số các Kumara này sẽ liên kết với sáu Hành Tinh Thượng Đế *khác với* Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh Địa Cầu.

d. The great Deva of the Earth planet.

d. Đại thiên thần của hành tinh Địa Cầu.

215. We do not know which Deva is referenced, but we realize that this Deva will

215. Chúng ta không biết thiên thần nào được nhắc đến, nhưng chúng ta nhận ra rằng thiên thần này sẽ bao gồm toàn bộ sự

include all the devic life manifested through and upon our fourth globe.

sống thiên thần được biểu lộ xuyên qua và trên bầu hành tinh thứ tư của chúng ta.

216. It is important to know what is meant by "Earth planet". We are assuming that the fourth globe is meant, but the entire Earth-scheme could be meant, and this great structure would also have a "great Deva" embodying all its devic life.

216. Điều quan trọng là phải biết "hành tinh Địa Cầu" có nghĩa là gì. Chúng ta giả định rằng bầu hành tinh thứ tư được hàm ý, nhưng cũng có thể toàn bộ hệ hành tinh Địa Cầu được hàm ý, và cấu trúc vĩ đại này cũng sẽ có một "đại thiên thần" hiện thân cho toàn bộ sự sống thiên thần của nó.

217. Devic life is also conditioned by emanation theory. If Kumaras can appear in various degrees so can devas.

217. Sự sống thiên thần cũng bị tác động bởi lý thuyết xuất lộ. Nếu các Kumara có thể xuất hiện ở nhiều cấp độ khác nhau thì các thiên thần cũng vậy.

They work with the law; They are the cognizers of the intelligent purpose of the planetary Logos, and know His plans;

Các Ngài hoạt động với định luật; **Các Ngài là những thức giả về mục đích thông tuệ của Hành Tinh Thượng Đế,** và biết các kế hoạch của Ngài;

218. We seem to be saying that the seven intra-planetary Kumaras are related to the intelligence aspect of our Planetary Logos. This, we have been told, is particularly the case with the three Buddhas of Activity in relation to our globe, and probably in relation to the chain level and scheme level (if we consider the higher Prototypes of these Buddhas).

218. Dường như chúng ta đang nói rằng bảy Kumara nội hành tinh có liên hệ với phương diện trí tuệ của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta. Chúng ta đã được cho biết rằng điều này đặc biệt đúng với ba Đức Phật Hoạt Động trong liên hệ với bầu hành tinh của chúng ta, và có lẽ cũng đúng trong liên hệ với cấp độ Dãy và cấp độ hệ hành tinh (nếu chúng ta xét đến các Nguyên Mẫu cao hơn của các Đức Phật này).

219. It is being said the intra-planetary Kumaras are "cognizers of the intelligent purpose of the planetary Logos".

219. Điều đang được nói là các Kumara nội hành tinh là "những thức giả về mục đích thông tuệ của Hành Tinh Thượng Đế".

220. We seem to have been focusing on the *chain* level and upon Chain-Kumaras, but we may have noticed that DK switches with facility between referencing Chain-Kumaras and Scheme-Kumaras. The three Buddhas of Activity are *Globe*-Kumaras and so the

220. Dường như chúng ta đã tập trung vào cấp độ *Dãy* và vào các Chain-Kumaras, nhưng có lẽ chúng ta đã nhận thấy rằng Chân sư DK chuyển đổi rất dễ dàng giữa việc nhắc đến Chain-Kumaras và Scheme-Kumaras. Ba Đức Phật Hoạt Động là các *Globe*-Kumaras và vì vậy cấp độ tương đối

relatively lowly level of the globe cannot be left out of the field of kumaric influence.

thấp của bầu hành tinh không thể bị loại ra khỏi phạm vi ảnh hưởng kumaric.

They are the vital activity of the planet, and in a subtle sense **they are not only the Ray representatives but likewise the link between the chain and the scheme.**

Các Ngài là hoạt động sống động của hành tinh, và theo một nghĩa vi tế **Các Ngài không chỉ là các đại diện Cung mà còn là mối liên kết giữa Dãy và hệ hành tinh.**

221. The Kumaras (at least six or three of them) seem linked with the first and third rays. Vitality is related to the first ray and activity to the third.

221. Các Kumara (ít nhất là sáu hay ba vị trong số Các Ngài) dường như liên kết với cung một và cung ba. Sinh lực liên hệ với cung một và hoạt động liên hệ với cung ba.

222. The function of the Kumaras as "Ray representatives" must be held in mind.

222. Chức năng của các Kumara như những "đại diện Cung" phải được ghi nhớ.

223. The following may suggest that the seven Kumaras and the seven intra-planetary Ray Lords are different Beings. The quotation tells us of the Beings Who 'live' within the Council Chamber of the Lord:

223. Điều sau đây có thể gợi ý rằng bảy Kumara và bảy Chúa Tể Cung nội hành tinh là những Hữu Thể khác nhau. Trích dẫn này cho chúng ta biết về những Hữu Thể "sống" trong Phòng Hội Đồng của Đức Chúa Tể:

Few of the great Lives Who form the inner group of the Council Chamber at Shamballa are now of [Page 142] greater advancement than he; the **"Supernal Three,"** the **"Radiant Seven,"** the "Lives embodying the forty-nine Fires," the **"Buddhas of Activity,"** and certain "Eternal Spirits" from such centres of dynamic spiritual life as Sirius, or from the constellation which at any one time forms a triangle with our Sun and Sirius" and a Representative from Venus are of greater—far greater—advancement. (R&I 141-142)

Ít có Sự Sống vĩ đại nào tạo thành nhóm nội tại của Phòng Hội Đồng tại Shamballa hiện nay có mức tiến bộ lớn hơn ông; **"Ba Đấng Thiên Thượng," "Bảy Đấng Rạng Ngời,"** "những Sự Sống hiện thân cho bốn mươi chín Ngọn Lửa," **"các Đức Phật Hoạt Động,"** và một số "Tinh Thần Vĩnh Cửu" đến từ những trung tâm của sự sống tinh thần năng động như Sirius, hoặc từ chòm sao mà vào bất kỳ thời điểm nào tạo thành một tam giác với Mặt Trời của chúng ta và Sirius" cùng một Đại Diện từ Sao Kim thì có mức tiến bộ lớn hơn—lớn hơn rất nhiều. (R&I 141-142)

224. From this paragraph we may hypothesize the following:

224. Từ đoạn này chúng ta có thể giả thuyết như sau:

a. The "Supernal Three" are the three Esoteric Kumaras

a. "Ba Đấng Thiên Thượng" là ba Kumara Nội Môn

b. The "Buddhas of Activity" are the three major shamballic Buddhas of the Earth-globe.

b. "các Đức Phật Hoạt Động" là ba Đức Phật shamballic lớn của bầu Địa Cầu.

c. The "Radiant Seven" are the Seven Ray Lords.

c. "Bảy Đấng Rạng Ngời" là Bảy Chúa Tể Cung.

225. When thinking of Shamballa, it may not be wise to confine ourselves to our *globe*. There is probably a Shamballa on *all* the chains and *one great Shamballa* at the scheme level. There are many Shamballas, therefore, and yet only *one,* just as (within our scheme) there a many Buddhas related to the Buddhas of Activity and yet only *three*; hypothetically, there could be many Sanat Kumaras and yet only *one*.

225. Khi suy nghĩ về Shamballa, có lẽ không khôn ngoan nếu chỉ giới hạn mình vào bầu hành tinh *của chúng ta*. Có lẽ có một Shamballa trên *mọi* Dãy và *một Shamballa vĩ đại* ở cấp độ hệ hành tinh. Vì vậy có nhiều Shamballa, nhưng lại chỉ có *một,* cũng như (trong hệ hành tinh của chúng ta) có nhiều Đức Phật liên hệ với các Đức Phật Hoạt Động nhưng lại chỉ có *ba*; theo giả thuyết, có thể có nhiều Đức Sanat Kumara nhưng lại chỉ có *một*.

226. If we say that the intra-planetary Kumaras as the "link between the chain and the scheme, what do we mean? Is not the Planetary Logos surrounded by six (three exoteric and three esoteric) even as is Sanat Kumara?

226. Nếu chúng ta nói rằng các Kumara nội hành tinh là "mối liên kết giữa Dãy và hệ hành tinh", thì chúng ta có ý gì? Chẳng phải Hành Tinh Thượng Đế được bao quanh bởi sáu vị (ba ngoại môn và ba nội môn) cũng như Đức Sanat Kumara đó sao?

227. On every chain there are intra-planetary Kumaras (just as, apparently, there are on globes). We must infer Kumaras on globes because the Buddhas of Activity are Kumaras and are focussed on the Earth-globe.

227. Trên mỗi Dãy đều có các Kumara nội hành tinh (cũng như, dường như, có trên các bầu hành tinh). Chúng ta phải suy ra có các Kumara trên các bầu hành tinh vì các Đức Phật Hoạt Động là các Kumara và tập trung trên bầu Địa Cầu.

228. These Chain-Kumaras would link up with Their higher *scheme correspondences.* The position of intra-planetary Kumaras is not *between* globes and chains, or *between* chains and the scheme, but *on* globes, *within* chains, and *within* the scheme.

228. Các Chain-Kumaras này sẽ liên kết với các *tương ứng hệ hành tinh* cao hơn của Các Ngài. Vị trí của các Kumara nội hành tinh không phải là *giữa* các bầu hành tinh và các Dãy, hay *giữa* các Dãy và hệ hành tinh, mà là

trên các bầu hành tinh, *trong* các Dãy, và *trong* hệ hành tinh.

229. The Chain-Kumaras work through groups of seven 'lower' Globe Kumaras; the Seven Scheme-Kumaras each work through a group of seven 'lower' Chain-Kumaras.

229. Các Chain-Kumaras hoạt động qua những nhóm bảy Globe-Kumaras "thấp" hơn; mỗi một trong Bảy Scheme-Kumaras hoạt động qua một nhóm bảy Chain-Kumaras "thấp" hơn.

230. We may infer that the higher the type of Kumara, the higher its planar focus. Yet, ultimately, all the 'lower' Kumaras, as extensions of the Seven Scheme-Kumaras, are focussed on the same level as the Scheme-Kumaras (once They, the 'lower Ones', are 'retracted'

230. Chúng ta có thể suy ra rằng loại Kumara càng cao thì tiêu điểm cõi giới của nó càng cao. Tuy nhiên, rốt cuộc, tất cả các Kumara "thấp" hơn, với tư cách là những sự mở rộng của Bảy Scheme-Kumaras, đều tập trung trên cùng cấp độ như các Scheme-Kumaras (một khi Các Ngài, các "Đấng thấp hơn", được "thu hồi"

231. Because the lowest of such Kumaras are hypothesized as emanations of the higher, and the higher of still higher, *They are all linked*, and it possible to move from the highest to the lowest and from the lowest to the highest via the Kumaras of one level and the other Kumaras of other levels to which the first are resonant.

231. Bởi vì những Kumara thấp nhất như thế được giả thuyết là những sự xuất lộ của các Kumara cao hơn, và các Kumara cao hơn lại là của những Kumara còn cao hơn nữa, nên *Các Ngài đều được liên kết với nhau*, và có thể đi từ cao nhất xuống thấp nhất và từ thấp nhất lên cao nhất qua các Kumara của một cấp độ và các Kumara khác của những cấp độ khác mà các vị đầu tiên cộng hưởng với.

232. The complication comes because we do not understand Emanation Theory and how one Being can become many and how many can re-become one. Or how all these Beings can appear as distinct and individual and yet be, in fact, *only one Being.*

232. Sự phức tạp phát sinh vì chúng ta không hiểu Thuyết Phát Xạ và cách một Hữu thể có thể trở thành nhiều, và cách nhiều có thể lại trở thành một. Hoặc cách tất cả các Hữu thể này có thể xuất hiện như riêng biệt và cá thể, nhưng trên thực tế lại là *chỉ một Hữu thể duy nhất.*

It might here be stated that the **relative** failure that was the fate of the Moon chain in our scheme has greatly handicapped Their work,

Có thể nói ở đây rằng sự thất bại **tương đối** vốn là số phận của Dãy Mặt Trăng trong hệ hành tinh của chúng ta đã gây cản trở rất lớn cho công việc của Các Ngài,

233. The work of the intra-planetary Kumaras...

234. Further we note that the failure on the Moon-chain was "relative" and not 'complete'.

and made it imperative for Them to employ drastic measures in order to offset that failure. Herein lies another clue to the world turmoil.

235. Often we look for the reason of the present world turmoil. It is often attributed to changes in cycles, or to the attack of the Black Lodge.

236. Here we are given another reason—the work done by the intra-planetary Kumaras to offset the terrible results of the Moon-chain failure.

237. Our Planetary Logos, through the agency of the intra-planetary Kumaras Who represent Him, is correcting His 'mis-step', and the *forms* through which He expresses, are suffering as a result of this enforced correction.

[Page 414]

b. The Moon chain. It might be of interest here, if, before passing on to other matters, we took up the very difficult subject of the moon chain and answer certain pertinent questions that may have arisen in the minds of students.

233. Công việc của các Kumaras nội hành tinh...

234. Hơn nữa, chúng ta lưu ý rằng sự thất bại trên Dãy Mặt Trăng là "tương đối" chứ không phải "hoàn toàn".

và khiến Các Ngài buộc phải sử dụng những biện pháp quyết liệt để hóa giải sự thất bại ấy. Chính trong đây có một đầu mối khác về cơn hỗn loạn của thế giới.

235. Chúng ta thường tìm kiếm lý do của cơn hỗn loạn hiện nay trên thế giới. Nó thường được quy cho những thay đổi trong các chu kỳ, hoặc cho cuộc tấn công của Hắc đoàn.

236. Ở đây chúng ta được trao cho một lý do khác—công việc do các Kumaras nội hành tinh thực hiện để hóa giải những hậu quả khủng khiếp của sự thất bại của Dãy Mặt Trăng.

237. Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, thông qua tác nhân là các Kumaras nội hành tinh đại diện cho Ngài, đang sửa chữa "bước lầm" của Ngài, và các *hình tướng* mà qua đó Ngài biểu lộ đang phải chịu đau khổ do sự sửa chữa cưỡng bách này.

[Page 414]

b. Dãy Mặt Trăng. Có lẽ điều này sẽ đáng quan tâm ở đây, nếu trước khi chuyển sang những vấn đề khác, chúng ta bàn đến chủ đề rất khó là dãy Mặt Trăng và trả lời một số câu hỏi thích đáng có thể đã nảy sinh trong tâm trí các đạo sinh.

238. We may think we know about what happened 'there' but, truly, it is veiled in mystery.

238. Chúng ta có thể nghĩ rằng mình biết điều gì đã xảy ra "ở đó", nhưng thật ra, nó bị che phủ trong huyền nhiệm.

239. There is the Mystery of the Makara and the Mystery of the Moon-chain: these two mysteries are related, one concerning solar beings and the other the lunar lords.

239. Có Huyền Nhiệm của Makara và Huyền Nhiệm của Dãy Mặt Trăng: hai huyền nhiệm này có liên hệ với nhau, một liên quan đến các hữu thể thái dương và một liên quan đến các nguyệt tinh quân.

The enumeration of the chains and of the schemes as given in the two charts is entirely for the present, and covers a period comparatively recent, carrying forward the history of evolution to the middle of the next round in our chain.

Việc liệt kê các dãy và các hệ hành tinh như được nêu trong hai biểu đồ hoàn toàn chỉ dành cho hiện tại, và bao quát một giai đoạn tương đối gần đây, đưa lịch sử tiến hoá tiến tới giữa cuộc tuần hoàn kế tiếp trong dãy của chúng ta.

240. This idea has now been repeated a number of times; we understand the principle that the function of any entity within a given context varies over time. One of the main reasons for this variance is the principle of progression.

240. Ý tưởng này nay đã được lặp lại nhiều lần; chúng ta hiểu nguyên lý rằng chức năng của bất kỳ thực thể nào trong một bối cảnh nhất định đều thay đổi theo thời gian. Một trong những lý do chính của sự biến đổi này là nguyên lý tiến trình.

Had we been given the charts embracing pre-Lemurian days,

Nếu chúng ta được trao cho các biểu đồ bao quát những thời kỳ tiền-Lemuria,

241. We remember that the information in the charts applied from mid-Lemurian days until the "Judgment Day".

241. Chúng ta nhớ rằng thông tin trong các biểu đồ áp dụng từ giữa thời Lemuria cho đến "Ngày Phán Xét".

and extending back a distance into the (humanly speaking) unfathomable past, we would have seen the moon chain portrayed with the Neptune chain omitted.

và kéo lùi về một khoảng cách trong quá khứ không thể dò thấu được (xét theo con người), chúng ta hẳn đã thấy dãy Mặt Trăng được mô tả với dãy Neptune bị lược bỏ.

242. Neptune and the Moon are, of course, related. Both are closely related to the sign Cancer, which they rule, and both are strong influences in relation to the astral plane.

242. Dĩ nhiên, Neptune và Mặt Trăng có liên hệ với nhau. Cả hai đều liên hệ mật thiết với dấu hiệu hoàng đạo Cự Giải, mà chúng cai quản, và cả hai đều có ảnh hưởng mạnh đối với cõi cảm dục.

243. In this case, what would have become of the Saturn-chain? Would it still have been represented within the Earth-scheme? Or would it have been a subjective chain, not yet emerged?

243. Trong trường hợp này, dãy Saturn sẽ ra sao? Nó vẫn sẽ được biểu hiện trong hệ Địa Cầu chăng? Hay nó sẽ là một dãy chủ quan, chưa xuất hiện?

In the chart as given two chains are apparently lacking, the moon chain and the Uranus chain.

Trong biểu đồ như đã cho, dường như thiếu hai dãy, dãy Mặt Trăng và dãy Uranus.

244. We remember that the Moon is often a veil for Uranus.

244. Chúng ta nhớ rằng Mặt Trăng thường là một bức màn che cho Uranus.

245. Here is a quotation for *Esoteric Astrology* relating Uranus and the Moon to the third ray:

245. Đây là một trích dẫn từ *Chiêm Tinh Học Nội Môn* liên hệ Uranus và Mặt Trăng với cung ba:

Water being the symbol of substance and of material expression plus emotional motivation, Aquarius is consequently dual in its activity, and the **third ray expresses itself powerfully through this sign, reaching our planet through Uranus and the Moon which hides or veils Uranus symbolically in this case.** (EA 138)

Nước là biểu tượng của chất liệu và của biểu hiện vật chất cộng với động lực cảm xúc, vì thế Bảo Bình có tính nhị nguyên trong hoạt động của nó, và **cung ba biểu lộ một cách mạnh mẽ qua dấu hiệu này, đến hành tinh chúng ta qua Uranus và Mặt Trăng, mà trong trường hợp này che giấu hay phủ màn cho Uranus một cách biểu tượng.** (EA 138)

246. We recall that the Moon-chain was the *third* chain and, therefore, a powerful expression of the third ray. One of the rays of Uranus, probably its personality ray, is the third.

246. Chúng ta nhớ rằng Dãy Mặt Trăng là dãy *thứ ba* và do đó là một biểu hiện mạnh mẽ của cung ba. Một trong các cung của Uranus, có lẽ là cung phàm ngã của nó, là cung ba.

The reasons are abstruse, but something may be hinted at as follows:

Những lý do thì thâm áo, nhưng có thể gợi ý đôi điều như sau:

247. VSK inquires: "Would the Moon Chain have been in the first (or Neptune) position per Chart VII on page 385?"

247. VSK hỏi: "Liệu Dãy Mặt Trăng có ở vị trí thứ nhất (hay vị trí Neptune) theo Biểu đồ VII ở trang 385 không?"

248. May it be suggested that we cannot know this? However, consider that although

248. Có thể gợi ý rằng chúng ta không thể biết điều này chăng? Tuy nhiên, hãy xét rằng

the Planetary Logos is presently much focussed in the Earth-chain, that Earth-chain is *not* in the first position of the present chain arrangement.

mặc dù Đức Hành Tinh Thượng Đế hiện nay tập trung rất nhiều trong dãy Địa Cầu, dãy Địa Cầu ấy *không* ở vị trí thứ nhất trong sự sắp xếp các dãy hiện tại.

The Moon chain with the Earth chain formed two units, or two polarities, negative and positive.

Dãy Mặt Trăng cùng với dãy Địa Cầu tạo thành hai đơn vị, hay hai cực tính, âm và dương.

249. To be "negative" is to be receptive. It seems as if the Moon-chain was the positive pole and the Earth-chain, the negative.

249. "Âm" có nghĩa là tiếp nhận. Dường như Dãy Mặt Trăng là cực dương còn dãy Địa Cầu là cực âm.

The point of merging was reached,

Điểm dung nhập đã đạt tới,

250. This likely occurred when the "seeds of life" sent into pralaya at the lunar disruption were transferred to the Earth-chain—later.

250. Điều này có lẽ xảy ra khi "các hạt giống sự sống" được đưa vào giai kỳ qui nguyên trong cuộc tan rã nguyệt cầu được chuyển sang dãy Địa Cầu—về sau.

and the Earth chain absorbed or synthesised the moon chain

và dãy Địa Cầu đã hấp thu hay tổng hợp dãy Mặt Trăng

251. The Earth-chain, therefore, plays the *temporary* role of a synthesizing chain.

251. Vì vậy, dãy Địa Cầu đảm nhận vai trò *tạm thời* của một dãy tổng hợp.

252. This raises a question concerning the nature of the present third chain—the Saturn-chain.

252. Điều này làm nảy sinh một câu hỏi liên quan đến bản chất của dãy thứ ba hiện nay—dãy Saturn.

in the same sense as certain of the schemes will merge until only three will apparently be left.

theo cùng ý nghĩa như một số hệ hành tinh sẽ dung nhập cho đến khi chỉ còn lại ba hệ **dường như**.

253. We have an analogy here: the synthesis or absorption that occurs amongst the schemes is paralleled on the chain level.

253. Ở đây chúng ta có một phép tương đồng: sự tổng hợp hay hấp thu xảy ra giữa các hệ hành tinh được song hành ở cấp độ dãy.

254. We note the word "apparently". After absorption of certain of the schemes into a remaining three, do the schemes absorbed

254. Chúng ta lưu ý từ "dường như". Sau khi một số hệ hành tinh bị hấp thu vào ba hệ còn lại, liệu các hệ bị hấp thu vẫn bảo tồn được

still preserve their original integrity in the absorbed state? The word "apparently" seems to point in this direction.

tính toàn vẹn nguyên thủy của chúng trong trạng thái bị hấp thu không? Từ "dường như" dường như chỉ theo hướng này.

255. As previously stated, if certain schemes are later to emerge and continue their development in a third major solar system, they must preserve their planetary integrity in the stage of absorption.

255. Như đã nói trước đây, nếu về sau một số hệ hành tinh sẽ xuất hiện trở lại và tiếp tục sự phát triển của chúng trong một hệ mặt trời lớn thứ ba, thì chúng phải bảo tồn tính toàn vẹn hành tinh của mình trong giai đoạn hấp thu.

Therefore the **Earth chain is essentially dual in its nature, being the sumtotal of a male and a female chain.**

Vì vậy **dãy Địa Cầu về bản chất là nhị nguyên, là tổng thể của một dãy nam và một dãy nữ.**

256. Interestingly, the Moon (for all the feminine imagery that has been associated with it) very likely represents the male polarity of the two, and the Earth-chain the female polarity.

256. Điều thú vị là Mặt Trăng (bất chấp mọi hình ảnh nữ tính gắn với nó) rất có thể tượng trưng cho cực tính nam trong hai cực ấy, còn dãy Địa Cầu là cực tính nữ.

257. Since the Earth-chain *absorbed* the seeds of life from the Moon-chain, that act of reception designates a feminine or receptive role for the Earth-chain.

257. Vì dãy Địa Cầu đã *hấp thu* các hạt giống sự sống từ dãy Mặt Trăng, nên hành vi tiếp nhận ấy chỉ định một vai trò nữ tính hay tiếp thụ cho dãy Địa Cầu.

258. This thought must be accepted at face value because we are told that presently, the Heavenly Man of the Earth is in a "masculine incarnation". If that incarnation is taking place largely through the Earth-chain and the Earth-globe, we have to ask if, in some manner, masculinity is associated with either the Earth-chain or the Earth-globe?

258. Tư tưởng này phải được chấp nhận theo đúng mặt chữ vì chúng ta được cho biết rằng hiện nay, Đấng Thiên Nhân của Địa Cầu đang ở trong một "kiếp lâm phàm nam tính". Nếu kiếp lâm phàm ấy diễn ra phần lớn qua dãy Địa Cầu và bầu hành tinh Địa Cầu, thì chúng ta phải hỏi liệu, theo một cách nào đó, tính nam có liên hệ với dãy Địa Cầu hay với bầu hành tinh Địa Cầu chăng?

259. Graduates of the Earth School are called "adjudicators between the pairs of opposites". The dual nature of our chain—lunar and earthly—may contribute to the emphasis of the opposites in relation to which the graduates must adjudicate.

259. Những người tốt nghiệp Trường Địa Cầu được gọi là "những vị phân xử giữa các cặp đối cực". Bản chất nhị nguyên của dãy chúng ta—nguyệt và địa—có thể góp phần tạo nên sự nhấn mạnh vào các đối cực mà liên hệ với chúng những người tốt nghiệp phải phân xử.

This is a mystery impossible to elucidate further, but it is dealt with in certain occult books [and hinted at by H. P. B.47 47: S. D., I, Section IX, Vol. I, 176-200.]

Đây là một huyền nhiệm không thể làm sáng tỏ thêm, nhưng nó được bàn đến trong một số sách huyền bí [và được H. P. B. gợi ý.47 47: Giáo Lý Bí Nhiệm, I, Phần IX, Tập I, 176-200.]

260. VSK states: "The wording here makes it appear that the merging was reached as a natural point of merging – not as the result of failure?"

260. VSK nói: "Cách diễn đạt ở đây khiến người ta có cảm giác rằng điểm dung nhập đã đạt tới như một điểm dung nhập tự nhiên —chứ không phải là kết quả của thất bại?"

261. May it be suggested that there is no reason to assume this conclusion? The point of merging could easily have followed the lunar disruption and the subsequent pralaya.

261. Có thể gợi ý rằng không có lý do gì để giả định kết luận này chăng? Điểm dung nhập hoàn toàn có thể đã theo sau sự tan rã nguyệt cầu và giai kỳ qui nguyên tiếp theo.

262. **What does seem clear is that the Moon-chain and the Earth-chain existed *simultaneously*, and that the Earth-chain was not created *after* the Moon-chain disruption.**

262. **Điều dường như rõ ràng là Dãy Mặt Trăng và dãy Địa Cầu đã hiện hữu *đồng thời*, và dãy Địa Cầu không được tạo ra *sau* sự tan rã của Dãy Mặt Trăng.**

263. **As chakras within the Earth-scheme, it would seem that all chains must exist simultaneously**. Other proofs of this simultaneity have also been shown.

263. **Là các luân xa trong hệ Địa Cầu, dường như mọi dãy đều phải hiện hữu đồng thời**. Những bằng chứng khác về tính đồng thời này cũng đã được nêu ra.

In due course of time another merging in the scheme will eventuate and then Uranus (the chain of that name in our scheme) will flash into objectivity.

Đến đúng thời điểm, một sự dung nhập khác trong hệ hành tinh sẽ xảy ra và khi đó Uranus (dãy mang tên ấy trong hệ của chúng ta) sẽ lóe vào tính khách quan.

264. This is quite an extraordinary idea. The Uranus-chain already exists, but it is in a subjective state.

264. Đây quả là một ý tưởng hết sức phi thường. Dãy Uranus đã tồn tại rồi, nhưng nó ở trong trạng thái chủ quan.

265. We are not told the nature of the merging which will occur simultaneously with the emergence into objectivity of the Uranus-chain.

265. Chúng ta không được cho biết bản chất của sự dung nhập sẽ xảy ra đồng thời với sự xuất hiện vào tính khách quan của dãy Uranus.

266. There are already seven chains and the Uranus-chain would make eight, but a merging might keep the *objective* number to seven.

266. Đã có sẵn bảy dãy và dãy Uranus sẽ làm thành tám, nhưng một sự dung nhập có thể giữ con số *khách quan* ở mức bảy.

267. We have to ask:

267. Chúng ta phải hỏi:

a. Are there times in the life of the scheme when *ten* chains exist simultaneously?

a. Có những thời kỳ nào trong sự sống của hệ hành tinh khi *mười* dãy hiện hữu đồng thời không?

b. Are there times in the life of the scheme when only *seven* chains exist simultaneously?

b. Có những thời kỳ nào trong sự sống của hệ hành tinh khi chỉ có *bảy* dãy hiện hữu đồng thời không?

c. Are there times in the life of the scheme (when, as in the life of the solar system) only *three* chains exist simultaneously.

c. Có những thời kỳ nào trong sự sống của hệ hành tinh (cũng như trong sự sống của hệ mặt trời) khi chỉ có *ba* dãy hiện hữu đồng thời không.

d. And are there interim or transitional times, when different numbers of chains may exist simultaneously?

d. Và có những thời kỳ trung gian hay chuyển tiếp nào, khi những số lượng dãy khác nhau có thể hiện hữu đồng thời không?

268. We see that the Neptune-chain likely emerged into objectivity *after* the middle the Lemurian period. Sometime ahead, the Uranus chain will do the same.

268. Chúng ta thấy rằng dãy Neptune có lẽ đã xuất hiện vào tính khách quan *sau* giữa thời kỳ Lemuria. Vào một lúc nào đó trong tương lai, dãy Uranus cũng sẽ làm như vậy.

269. Let us tabulate the number of chains over the course of these two periods:

269. Hãy lập bảng số lượng các dãy trong suốt hai thời kỳ này:

a. The Moon-chain.

a. Dãy Mặt Trăng.

b. The Neptune-chain (appearing, we may infer, as the Moon-chain disappeared).

b. Dãy Neptune (có thể suy ra là xuất hiện khi Dãy Mặt Trăng biến mất).

c. The Venus-chain

c. Dãy Venus

d. The Saturn-chain

d. Dãy Saturn

e. The Earth-chain

f. The Mercury-chain

g. The Mars-chain

h. The Jupiter-chain

i. The Uranus-chain

270. However many of these chains may have existed simultaneously during different developmental periods, we see that over the course of two periods, nine chains have existed.

271. We might have to add to this grouping a possible 'X-Chain', if there were to be seven chains during the time the Moon-chain existed. This would all depend on whether the Saturn-chain was manifesting during the period of manifestation of the Moon-chain or whether the Saturn-chain in some way emerged to 'replace' the Moon-chain. There is more along this line further on in the Commentary.

272. The only chain visibly missing (considering the date at which this book was written) is the Vulcan chain. We could wonder whether it does exist and, if so, whether it would be part of the absorptive process.

273. Pluto was not discovered at the time of the writing and so the matter of whether there is or will be a Pluto-chain is left in obscurity.

274. In any case, we see that the three chains which bear the names of the synthesizing

e. Dãy Địa Cầu

f. Dãy Mercury

g. Dãy Mars

h. Dãy Jupiter

i. Dãy Uranus

270. Dù bao nhiêu dãy trong số này có thể đã hiện hữu đồng thời trong những thời kỳ phát triển khác nhau, chúng ta vẫn thấy rằng trong suốt hai thời kỳ, đã có chín dãy hiện hữu.

271. Có lẽ chúng ta phải thêm vào nhóm này một "Dãy-X" khả hữu, nếu có bảy dãy trong thời kỳ Dãy Mặt Trăng hiện hữu. Tất cả điều này sẽ tùy thuộc vào việc dãy Saturn có đang biểu hiện trong thời kỳ biểu hiện của Dãy Mặt Trăng hay không, hoặc liệu dãy Saturn theo một cách nào đó đã xuất hiện để "thay thế" Dãy Mặt Trăng. Phần Bình Luận sau này còn nói thêm theo hướng ấy.

272. Dãy duy nhất vắng mặt một cách hữu hình (xét theo thời điểm cuốn sách này được viết) là dãy Vulcan. Chúng ta có thể tự hỏi liệu nó có tồn tại không, và nếu có, liệu nó có là một phần của tiến trình hấp thu không.

273. Pluto chưa được khám phá vào thời điểm bản văn này được viết, nên vấn đề liệu có hay sẽ có một dãy Pluto vẫn còn bị che khuất.

274. Dù sao đi nữa, chúng ta thấy rằng ba dãy mang tên các hành tinh tổng hợp chỉ bắt

planets only began appearing *after* the Moon-chain was absorbed.

đầu xuất hiện *sau* khi Dãy Mặt Trăng đã bị hấp thu.

a. We are told that the Neptune-chain appeared only once the Moon-chain was absorbed or perhaps, *as* it was being absorbed.

a. Chúng ta được cho biết rằng dãy Neptune chỉ xuất hiện khi Dãy Mặt Trăng đã bị hấp thu hoặc có lẽ *ngay khi* nó đang được hấp thu.

b. We are told that the Uranus-chain has not yet flashed into objectivity, and so, obviously then, its time of appearance is long after the Moon-chain has disappeared.

b. Chúng ta được cho biết rằng dãy Uranus vẫn chưa lóe vào tính khách quan, và vì thế hiển nhiên thời điểm xuất hiện của nó là rất lâu sau khi Dãy Mặt Trăng đã biến mất.

c. As of the Saturn-chain, it is presently taking the 'position' of the Moon-chain, and so we could wonder if it existed when the Moon-chain was becoming a part of the Earth-scheme.

c. Còn đối với dãy Saturn, hiện nay nó đang giữ "vị trí" của Dãy Mặt Trăng, nên chúng ta có thể tự hỏi liệu nó có tồn tại khi Dãy Mặt Trăng đang trở thành một phần của hệ Địa Cầu hay không.

275. The more spiritually advanced spheres (whether schemes or chains, or perhaps globes) seem to unfold later in the process than do the less spiritually advanced spheres. If this pattern is correct, it would stand to reason that the Saturn, Neptune and Uranus chains would be the last to emerge.

275. Những khối cầu tiến bộ hơn về mặt tinh thần (dù là các hệ hành tinh hay các dãy, hoặc có lẽ là các bầu hành tinh) dường như khai mở muộn hơn trong tiến trình so với những khối cầu kém tiến bộ hơn về mặt tinh thần. Nếu mô hình này là đúng, thì hợp lý khi cho rằng các dãy Saturn, Neptune và Uranus sẽ là những dãy xuất hiện sau cùng.

276. We are still assuming that there is something that can be learned from the names of these chains, even if there is a recommendation that the chains and globes be designated by number rather than planetary name.

276. Chúng ta vẫn đang giả định rằng có điều gì đó có thể học được từ tên gọi của các dãy này, dù có khuyến nghị rằng các dãy và các bầu hành tinh nên được chỉ định bằng số thay vì bằng tên hành tinh.

Forget not that the schemes manifest as seven, as ten, as three from the angle of the Eternal Now, or—from the point of view of a Heavenly Man—the manifestation may be written as (3|7) [put a circle around the 3|7—ed.].

Đừng quên rằng các hệ hành tinh biểu hiện thành bảy, thành mười, thành ba từ góc độ của Hiện Tại Vĩnh Cửu, hoặc—từ quan điểm của một Đấng Thiên Nhân—sự biểu hiện có thể được viết là (3|7) [put a circle around the 3|7—ed.].

277. If this is so of the schemes, analogically, it may well be so of the chains.

277. Nếu điều này đúng với các hệ hành tinh, thì theo phép tương đồng, rất có thể cũng đúng với các dãy.

278. From the perspective of the Eternal now, all phases of the process are 'seen' as if occurring at once.

278. Từ quan điểm của Hiện Tại Vĩnh Cửu, mọi giai đoạn của tiến trình đều được "thấy" như thể xảy ra cùng một lúc.

279. There may be phases in the process of scheme development within the solar system when seven, ten or three chains exist.

279. Có thể có những giai đoạn trong tiến trình phát triển của hệ hành tinh trong hệ mặt trời khi bảy, mười hoặc ba dãy hiện hữu.

280. Can we make anything of the sequence —seven, ten, three? It would seem that the sequence should be ten, seven, three, as at earlier stages of solar systemic development, it is likely that *more* chains would exist rather than fewer. But DK will have something so say about this immediately.

280. Chúng ta có thể rút ra điều gì từ chuỗi—bảy, mười, ba—không? Dường như chuỗi ấy phải là mười, bảy, ba, vì ở những giai đoạn sớm hơn của sự phát triển hệ mặt trời, có lẽ *nhiều* dãy sẽ hiện hữu hơn là ít hơn. Nhưng Chân sư DK sẽ nói điều gì đó về việc này ngay sau đây.

281. If we look at the figure (3|7) (encircled) we see all three numbers suggested—the three, the seven and the ten. The three and the seven are enclosed within the circle divided by a vertical—the symbol of the ten.

281. Nếu chúng ta nhìn vào hình (3|7) (được khoanh tròn), chúng ta thấy cả ba con số đều được gợi ra—ba, bảy và mười. Ba và bảy được bao trong vòng tròn bị chia bởi một đường thẳng đứng—biểu tượng của mười.

In time and space the order might be stated to be 7-3-10, and at certain stages 10-7-3.

Trong thời gian và không gian, trật tự có thể được nói là 7-3-10, và ở một số giai đoạn là 10-7-3.

282. The latter sequence is relatively easy to understand. As we move towards synthesis through obscuration and absorption, we are moving towards simplicity, towards a reduction in number.

282. Chuỗi sau tương đối dễ hiểu. Khi chúng ta tiến tới tổng hợp thông qua sự che khuất và hấp thu, chúng ta đang tiến tới sự đơn giản, tiến tới sự giảm bớt về số lượng.

283. The first sequence suggests that the seven simplify into three, but that, at length, *ten* exist subjectively. If there are an original seven and they become three, then a greater three amongst the seven had to be the

283. Chuỗi đầu gợi ý rằng bảy đơn giản hóa thành ba, nhưng rốt cuộc *mười* hiện hữu một cách chủ quan. Nếu có bảy nguyên thủy và chúng trở thành ba, thì phải có một bộ ba lớn hơn ở giữa bảy đóng vai trò hấp thu bốn.

absorbers of four. Then that which demonstrates as a three is really (subjectively) a seven. It will require that three more be added to this three (which is really a seven) in order to make the final ten. This could happen if the three (which is really a seven) were absorbed into a still greater three.

Khi đó cái biểu hiện như một bộ ba thật ra lại là một bộ bảy (một cách chủ quan). Sẽ cần thêm ba nữa được cộng vào bộ ba này (vốn thật ra là một bộ bảy) để tạo thành mười cuối cùng. Điều này có thể xảy ra nếu bộ ba ấy (vốn thật ra là một bộ bảy) được hấp thu vào một bộ ba còn lớn hơn nữa.

284. What might DK mean by “at certain stages”?

284. Chân sư DK có thể muốn nói gì qua cụm từ “ở một số giai đoạn”?

285. Could the real sequence be something like this: 10—7—3—10. In other words, when the three becomes the one, that one really carries all ten.

285. Liệu chuỗi thực sự có thể là đại loại như thế này chăng: 10—7—3—10. Nói cách khác, khi bộ ba trở thành cái một, thì cái một ấy thật ra mang theo cả mười.

286. The two sequences which suggest different stages could be written like this:

286. Hai chuỗi gợi ý những giai đoạn khác nhau có thể được viết như sau:

10—7—3.

10—7—3.

.....7—3—10

.....7—3—10

287. What we see is an overlap, which (if the entire developmental process were displayed) would look like: 10—7—3—1=10

287. Điều chúng ta thấy là một sự chồng lấn, mà nếu toàn bộ tiến trình phát triển được trình bày, sẽ có dạng: 10—7—3—1=10

288. This sequence would represent the process from the time that evolution began. This is important. Below we shall consider the involutionary process and our sequence will expand.

288. Chuỗi này sẽ tượng trưng cho tiến trình kể từ khi tiến hoá bắt đầu. Điều này quan trọng. Dưới đây chúng ta sẽ xét đến tiến trình giáng hạ tiến hoá và chuỗi của chúng ta sẽ mở rộng.

289. The phase 10—7—3. is simply an early phase than 7—3—10.

289. Giai đoạn 10—7—3 chỉ đơn giản là một giai đoạn sớm hơn so với 7—3—10.

290. At least this is one solution, because it makes sense to move from an objective multiplicity, towards simplification and finally to an all-inclusive synthesis in which nothing is lost.

290. Ít nhất đây là một giải pháp, vì thật hợp lý khi đi từ tính đa tạp khách quan, tiến tới sự đơn giản hóa và cuối cùng tới một sự tổng hợp bao gồm tất cả, trong đó không điều gì bị mất đi.

As [Page 415] the opposites merge the ten become the seven and the three,

291. We note that it is the opposites which merge, so in seeking to track which planets merge into which, we must determine which planets are "opposites" in the sense here given.

292. Let us consider some possible "opposites". It appears that

a. Pluto and Mars are opposites (Mars is Pluto's alter ego)

b. Mars and Earth are opposites (or at least complementary)

c. Earth and Venus are opposites (Venus is Earth's alter ego)

d. Venus and Mercury are opposites

e. Jupiter and Saturn are opposites

f. Neptune and Uranus are opposites.

293. We might be able to make a case for Vulcan and Pluto as opposites, because they represent two poles (one planet closest to the Sun and one, until recent discoveries, farthest).

294. But, while it does seem likely that Pluto may merge into Mars, it does not seem likely that, as a preamble, Vulcan would merge into Pluto.

295. Above, what we have listed is planetary pairs, and they are paired for various reasons.

Khi [Page 415] các đối cực dung nhập, mười trở thành bảy và ba,

291. Chúng ta lưu ý rằng chính các đối cực dung nhập, vì thế khi tìm cách theo dõi hành tinh nào dung nhập vào hành tinh nào, chúng ta phải xác định hành tinh nào là "đối cực" theo ý nghĩa được nêu ở đây.

292. Hãy xét một số "đối cực" khả dĩ. Dường như

a. Pluto và Mars là các đối cực (Mars là đối ngã của Pluto)

b. Mars và Địa Cầu là các đối cực (hoặc ít nhất là bổ sung cho nhau)

c. Địa Cầu và Venus là các đối cực (Venus là đối ngã của Địa Cầu)

d. Venus và Mercury là các đối cực

e. Jupiter và Saturn là các đối cực

f. Neptune và Uranus là các đối cực.

293. Chúng ta có thể biện luận cho Vulcan và Pluto là các đối cực, vì chúng tượng trưng cho hai cực (một hành tinh gần Mặt Trời nhất và một hành tinh, cho đến những khám phá gần đây, là xa nhất).

294. Nhưng dù dường như khá có khả năng Pluto sẽ dung nhập vào Mars, thì dường như không có khả năng rằng, như một bước mở đầu, Vulcan sẽ dung nhập vào Pluto.

295. Ở trên, điều chúng ta đã liệt kê là các cặp hành tinh, và chúng được ghép cặp vì nhiều lý do khác nhau.

296. The entire system of absorption is complicated by the idea that Venus is absorbed into Neptune and Mercury into Uranus. This is why I floated the idea that both Mercury and Venus could be *first* absorbed into Saturn (and, *maintaining their planetary integrity*) then be absorbed into Uranus and Venus respectively). But this is a mere speculation designed to keep some continuity to the absorption process. If it is true, it is a concealed process. There is no mention of it.

296. Toàn bộ hệ thống hấp thu trở nên phức tạp bởi ý tưởng rằng Venus được hấp thu vào Neptune và Mercury vào Uranus. Đây là lý do tôi đã nêu ra ý tưởng rằng cả Mercury lẫn Venus trước hết có thể được *đầu tiên* hấp thu vào Saturn (và, *vẫn duy trì tính toàn vẹn hành tinh của chúng*) rồi sau đó được hấp thu lần lượt vào Uranus và Venus). Nhưng đây chỉ là một suy đoán nhằm duy trì một mức độ liên tục nào đó cho tiến trình hấp thu. Nếu điều đó đúng, thì đó là một tiến trình che giấu. Không có chỗ nào đề cập đến nó.

297. Our question is whether Venus and Mercury are *directly* absorbed into Neptune and Uranus or, whether they, hypothetically, go through *a series of absorptions* (prior to their final absorption into Neptune and Uranus). The model could look something like the following:

297. Câu hỏi của chúng ta là liệu Venus và Mercury có được hấp thu *trực tiếp* vào Neptune và Uranus hay không, hoặc liệu theo giả thuyết, chúng có đi qua *một chuỗi các sự hấp thu* (trước khi được hấp thu cuối cùng vào Neptune và Uranus) hay không. Mô hình có thể trông đại loại như sau:

a. Pluto → Mars

b. Mars → Earth

c. Earth → Venus

d. Venus → Mercury

e. Mercury → Vulcan

f. Vulcan → Jupiter

g. Jupiter → Saturn

h. Saturn → Uranus or, Saturn → Neptune

i. Neptune → Uranus or. Uranus → Neptune

j. The final synthesizing planet → Sol

a. Pluto → Mars

b. Mars → Địa Cầu

c. Địa Cầu → Venus

d. Venus → Mercury

e. Mercury → Vulcan

f. Vulcan → Jupiter

g. Jupiter → Saturn

h. Saturn → Uranus hoặc, Saturn → Neptune

i. Neptune → Uranus hoặc. Uranus → Neptune

j. Hành tinh tổng hợp cuối cùng planet → Sol

298. In the types of absorptions suggested above, the greater of two absorbing planets remains outwardly as itself and no new identity is formed. For instance if Venus absorbs the Earth, what remains is Venus and not a new Entity called Venus/Earth. Below, however, we suggest the alternative.

298. Trong các kiểu hấp thụ được gợi ý ở trên, hành tinh hấp thụ lớn hơn trong hai hành tinh vẫn bề ngoài là chính nó và không có bản sắc mới nào được hình thành. Thí dụ, nếu Sao Kim hấp thụ Trái Đất, điều còn lại là Sao Kim chứ không phải một Thực Thể mới gọi là Sao Kim/Trái Đất. Tuy nhiên, dưới đây chúng tôi gợi ý một phương án khác.

299. There are over 115. planets in our solar system (so we are told—TCF 793), and all of them will have to be absorbed into the 10, 7. or 3. at some point in the process.

299. Có hơn 115 hành tinh trong hệ mặt trời của chúng ta (người ta nói với chúng ta như vậy—TCF 793), và tất cả chúng sẽ phải được hấp thụ vào 10, 7 hay 3 ở một thời điểm nào đó trong tiến trình.

300. From another perspective, we could have a Hierarchy of absorption depicted in the following manner working from the final absorber downwards.

300. Từ một góc nhìn khác, chúng ta có thể có một Thánh Đoàn hấp thụ được mô tả theo cách sau, vận hành từ đấng hấp thụ cuối cùng đi xuống.

a. Sol

a. Sol

b. Uranus, Neptune

b. Sao Thiên Vương, Sao Hải Vương

c. Saturn,

c. Sao Thổ,

d. Jupiter

d. Sao Mộc

e. Vulcan, Mercury

e. Vulcan, Sao Thủy

f. Venus, Earth

f. Sao Kim, Trái Đất

g. Mars, Pluto

g. Sao Hỏa, Sao Diêm Vương

301. Mars and Pluto would become Mars/Pluto

301. Sao Hỏa và Sao Diêm Vương sẽ trở thành Sao Hỏa/Sao Diêm Vương

302. Either simultaneously, or shortly afterwards, Venus and Earth would become Venus/Earth

302. Hoặc đồng thời, hoặc ngay sau đó không lâu, Sao Kim và Trái Đất sẽ trở thành Sao Kim/Trái Đất

303. Mars/Pluto and Venus/Earth would merge becoming Mars/Pluto/Venus/Earth

303. Sao Hỏa/Sao Diêm Vương và Sao Kim/Trái Đất sẽ hợp nhất, trở thành Sao Hỏa/Sao Diêm Vương/Sao Kim/Trái Đất

304. Vulcan and Mercury would merge.

304. Vulcan và Sao Thủy sẽ hợp nhất.

305. Mars/Pluto/Venus/Earth and Vulcan/Mercury would merge becoming Mars/Pluto/Venus/Earth/Vulcan/Mercury

305. Sao Hỏa/Sao Diêm Vương/Sao Kim/Trái Đất và Vulcan/Sao Thủy sẽ hợp nhất, trở thành Sao Hỏa/Sao Diêm Vương/Sao Kim/Trái Đất/Vulcan/Sao Thủy

306. Mars/Pluto/Venus/Earth/Vulcan/Mercury would merge with Jupiter becoming Jupiter/Mars/Pluto/Venus/Earth/Vulcan/Mercury/

306. Sao Hỏa/Sao Diêm Vương/Sao Kim/Trái Đất/Vulcan/Sao Thủy sẽ hợp nhất với Sao Mộc, trở thành Sao Mộc/Sao Hỏa/Sao Diêm Vương/Sao Kim/Trái Đất/Vulcan/Sao Thủy/

307. Jupiter/Mars/Pluto/Venus/Earth/Vulcan/Mercury would merge with Saturn becoming Saturn/Jupiter/Mars/Pluto/Venus/Earth/Vulcan/Mercury.

307. Sao Mộc/Sao Hỏa/Sao Diêm Vương/Sao Kim/Trái Đất/Vulcan/Sao Thủy sẽ hợp nhất với Sao Thổ, trở thành Sao Thổ/Sao Mộc/Sao Hỏa/Sao Diêm Vương/Sao Kim/Trái Đất/Vulcan/Sao Thủy.

308. Any probability of correctness for this proposal would depend upon whether Mercury and Venus could *maintain their planetary integrity* through various mergings. At some point they would have to leave Saturn/Jupiter/Mars/Pluto/Venus/Earth/Vulcan/Mercury and merge into Uranus and Neptune (as suggested on TCF 406).

308. Bất kỳ xác suất đúng đắn nào của đề xuất này sẽ tùy thuộc vào việc Sao Thủy và Sao Kim có thể *duy trì tính toàn vẹn hành tinh của chúng* qua nhiều lần hợp nhất hay không. Đến một lúc nào đó, chúng sẽ phải rời khỏi Sao Thổ/Sao Mộc/Sao Hỏa/Sao Diêm Vương/Sao Kim/Trái Đất/Vulcan/Sao Thủy và hợp nhất vào Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương (như được gợi ý ở TCF 406).

309. When that was complete, then Saturn/Jupiter/Mars/Pluto/Earth/Vulcan would all merge into either Neptune or Uranus—depending on which we consider to be the last planet remaining before absorption into the Sun.

309. Khi điều đó hoàn tất, thì Sao Thổ/Sao Mộc/Sao Hỏa/Sao Diêm Vương/Trái Đất/Vulcan sẽ đều hợp nhất vào hoặc Sao Hải Vương hoặc Sao Thiên Vương—tùy theo chúng ta xem hành tinh nào là hành tinh cuối cùng còn lại trước khi bị hấp thụ vào Mặt Trời.

310. While Uranus is monadically upon the first ray and thus, in a way, the final

310. Trong khi Sao Thiên Vương về mặt chân thần thuộc cung một và do đó, theo

synthesizer, Neptune is monadically upon the second ray, and may remain preeminent in a second ray solar system such as ours.

một nghĩa nào đó, là đấng tổng hợp cuối cùng, thì Sao Hải Vương về mặt chân thần thuộc cung hai, và có thể vẫn giữ vị thế nổi trội trong một hệ mặt trời cung hai như hệ của chúng ta.

311. We can see that it is not easy to speculate upon how absorption/synthesis would occur. Several areas remain obscure:

311. Chúng ta có thể thấy rằng không dễ suy đoán về cách sự hấp thụ/sự tổng hợp sẽ xảy ra. Một số lĩnh vực vẫn còn mờ tối:

a. Timing

a. Thời điểm

b. Sequence

b. Trình tự

c. The preservation of planetary integrity in relation to absorbed planets.

c. Sự bảo toàn tính toàn vẹn hành tinh liên hệ với các hành tinh bị hấp thụ.

and it is during this process that entire chains and globes, and eventually schemes, will apparently vanish from objectivity, and drop out of sight. They will be simply absorbed.

và chính trong tiến trình này mà toàn bộ các dãy và các bầu hành tinh, và cuối cùng là các hệ hành tinh, dường như sẽ biến mất khỏi tính khách quan và khuất khỏi tầm nhìn. Chúng đơn giản sẽ bị hấp thụ.

312. Whether we are speaking of schemes, chains or globes, the general movement seems to be from complexity to simplicity to unity, and yet the unity would contain the complexity.

312. Dù chúng ta đang nói về các hệ hành tinh, các dãy hay các bầu hành tinh, vận động tổng quát dường như là từ phức tạp đến đơn giản đến hợp nhất, tuy nhiên sự hợp nhất ấy sẽ chứa đựng tính phức tạp.

During the twofold process of evolution, it might be numerically expressed as:

Trong tiến trình nhị phân của tiến hoá, điều này có thể được biểu thị bằng số như sau:

During involution the sequence is seen as three, then seven and finally ten.

Trong giáng hạ tiến hoá, trình tự được thấy là ba, rồi bảy và cuối cùng là mười.

313. Above we considered the evolutionary sequence 10—7—3—1=10

313. Ở trên chúng ta đã xét trình tự tiến hoá 10—7—3—1=10

314. The involutionary sequence could be considered 10=1—3—7—10

314. Trình tự giáng hạ tiến hoá có thể được xem là 10=1—3—7—10

315. If we combine the two, we shall arrive at a sequence like the following:

315. Nếu chúng ta kết hợp cả hai, chúng ta sẽ đi đến một trình tự như sau:

10=1—3—7—10—7—3—1=10.

10=1—3—7—10—7—3—1=10.

316. We begin with the 10=1. and end with the 1=10. We start with an unarticulated perfection and end with an articulated perfection—both perfections, of course, being *relative.*

316. Chúng ta bắt đầu với 10=1 và kết thúc với 1=10. Chúng ta khởi đầu với một sự toàn hảo chưa được phân minh và kết thúc với một sự toàn hảo đã được phân minh—dĩ nhiên cả hai sự toàn hảo đều là *tương đối.*

317. At the beginning, 10. to emerge are present in the initial 1. At the end, the 10. which have emerged are implicate in the final 1.

317. Lúc ban đầu, 10 sẽ xuất hiện đều hiện diện trong 1 ban đầu. Lúc kết thúc, 10 đã xuất hiện lại hàm tàng trong 1 cuối cùng.

During evolution the sequence is ten, then seven and finally three.

Trong tiến hoá, trình tự là mười, rồi bảy và cuối cùng là ba.

318. The idea is as stated above.

318. Ý tưởng là như đã nêu ở trên.

The involutionary process is over practically and the **evolutionary is approximately midway through.**

Tiến trình giáng hạ tiến hoá trên thực tế hầu như đã kết thúc và tiến trình **tiến hoá thì xấp xỉ ở điểm giữa.**

319. Since progress within the solar system and progress with the Earth-scheme are parallel (cf. TCF 384), we can be speaking of either a solar system or the Earth-scheme.

319. Vì sự tiến bộ trong hệ mặt trời và sự tiến bộ trong hệ hành tinh Địa Cầu là song song (xem TCF 384), chúng ta có thể đang nói về hoặc một hệ mặt trời hoặc hệ hành tinh Địa Cầu.

320. If the evolutionary process is midway through and the involutionary process is "over practically" we can see that the evolutionary process begins before the involutionary process ends.

320. Nếu tiến trình tiến hoá ở điểm giữa và tiến trình giáng hạ tiến hoá "trên thực tế đã kết thúc", chúng ta có thể thấy rằng tiến trình tiến hoá bắt đầu trước khi tiến trình giáng hạ tiến hoá chấm dứt.

This will be marked by the disappearance or absorption of certain chains as they find their polar opposites,

Điều này sẽ được đánh dấu bằng sự biến mất hay hấp thụ của một số dãy khi chúng tìm thấy các đối cực của mình,

321. The method of absorption is suggested. Merging occurs between polar opposites, so it is most important to discover what a polar opposite really is.

321. Phương pháp hấp thụ được gợi ý. Sự hợp nhất xảy ra giữa các đối cực, vì vậy điều hết sức quan trọng là khám phá xem một đối cực thực sự là gì.

322. This, for instance, is difficult in the case of Saturn:

322. Thí dụ, điều này khó trong trường hợp của Sao Thổ:

a. Saturn can be seen opposing Mars

a. Sao Thổ có thể được xem là đối nghịch với Sao Hỏa

b. Saturn can be seen opposing Jupiter

b. Sao Thổ có thể được xem là đối nghịch với Sao Mộc

c. Saturn can be seen opposing Neptune

c. Sao Thổ có thể được xem là đối nghịch với Sao Hải Vương

d. Saturn can be seen opposing Uranus.

d. Sao Thổ có thể được xem là đối nghịch với Sao Thiên Vương.

323. Various planetary pairs, however, are suggested above, and there may be good reason to believe that mergings can occur between the pairs suggested.

323. Tuy nhiên, nhiều cặp hành tinh đã được gợi ý ở trên, và có thể có lý do chính đáng để tin rằng các lần hợp nhất có thể xảy ra giữa các cặp được gợi ý.

324. The same planet may be involved in more than one pair:

324. Cùng một hành tinh có thể liên quan đến hơn một cặp:

a. Pluto—Mars—Earth

a. Sao Diêm Vương—Sao Hỏa—Trái Đất

b. Mars—Earth—Venus

b. Sao Hỏa—Trái Đất—Sao Kim

c. Earth—Venus—Mercury etc.

c. Trái Đất—Sao Kim—Sao Thủy v.v.

325. Planetary pairs, as astrology usually suggests them, are as follows, but it would be difficult to derive absorption patterns from *all* of them:

325. Các cặp hành tinh, như chiêm tinh học thường gợi ý, là như sau, nhưng sẽ khó rút ra các mô hình hấp thụ từ *tất cả* chúng:

a. Uranus and Neptune

a. Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương

b. Saturn and Jupiter

c. Earth and Mars

d. Venus and Mercury

e. Vulcan and Pluto

326. With these several speculations, one could say we are preparing the field of thought for a future well-reasoned or intuitively derived conclusion. Presently, there are several reasonable possibilities, but simply because they are *reasonable* does mean they are accurate. Accuracy depends upon the accuracy of one's premises.

327. If Venus and Mercury merge with Neptune and Uranus (respectively) *before* the mergings within 'greater Saturn' are complete, the implications are several:

Although it would seem reasonable for Earth to Merge with Venus, Venus would then carry the Earth into Neptune, when we are told that Earth must merge, eventually, into Saturn (probably in a composite)

328. If Venus and Mercury are removed from the possibility of merging into Saturn before they are extracted into Neptune and Venus, the following might result:

a. Pluto and Mars become either Mars/Pluto or MARS/Pluto (Remember that Pluto is not listed in Chart VI, so it is as if we are beginning with Mars but with Pluto already absorbed).

b. Sao Thổ và Sao Mộc

c. Trái Đất và Sao Hỏa

d. Sao Kim và Sao Thủy

e. Vulcan và Sao Diêm Vương

326. Với một số suy đoán này, có thể nói rằng chúng ta đang chuẩn bị trường tư tưởng cho một kết luận tương lai được lý luận chặt chẽ hoặc được rút ra bằng trực giác. Hiện nay có một số khả năng hợp lý, nhưng chỉ vì chúng *hợp lý* không có nghĩa là chúng chính xác. Tính chính xác tùy thuộc vào tính chính xác của các tiền đề của một người.

327. Nếu Sao Kim và Sao Thủy hợp nhất với Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương (theo thứ tự) *trước* khi các lần hợp nhất bên trong 'đại Sao Thổ' hoàn tất, thì có một số hàm ý như sau:

Mặc dù có vẻ hợp lý khi Trái Đất hợp nhất với Sao Kim, nhưng khi đó Sao Kim sẽ mang Trái Đất vào Sao Hải Vương, trong khi chúng ta được cho biết rằng Trái Đất cuối cùng phải hợp nhất vào Sao Thổ (có lẽ trong một tổ hợp)

328. Nếu Sao Kim và Sao Thủy bị loại khỏi khả năng hợp nhất vào Sao Thổ trước khi chúng được tách ra vào Sao Hải Vương và Sao Kim, thì điều sau đây có thể xảy ra:

a. Sao Diêm Vương và Sao Hỏa trở thành hoặc Sao Hỏa/Sao Diêm Vương hoặc SAO HỎA/Sao Diêm Vương (Hãy nhớ rằng Sao Diêm Vương không được liệt kê trong Biểu Đồ VI, vì vậy dường như chúng ta bắt đầu với

Sao Hỏa nhưng với Sao Diêm Vương đã được hấp thụ sẵn).

b. Mars/Pluto or MARS/Pluto and Earth become Earth/Mars/Pluto or EARTH/Mars/Pluto

b. Sao Hỏa/Sao Diêm Vương hoặc SAO HỎA/Sao Diêm Vương và Trái Đất trở thành Trái Đất/Sao Hỏa/Sao Diêm Vương hoặc TRÁI ĐẤT/Sao Hỏa/Sao Diêm Vương

c. Jupiter and Vulcan become Jupiter/Vulcan or JUPITER/Vulcan

c. Sao Mộc và Vulcan trở thành Sao Mộc/Vulcan hoặc SAO MỘC/Vulcan

d. EARTH/Mars/Pluto (or Earth/Mars/Pluto) and JUPITER/Vulcan (or Jupiter/Vulcan) become JUPITER/Vulcan/Earth./Mars/Pluto or Jupiter/Vulcan/Earth/Mars/Pluto

d. TRÁI ĐẤT/Sao Hỏa/Sao Diêm Vương (hoặc Trái Đất/Sao Hỏa/Sao Diêm Vương) và SAO MỘC/Vulcan (hoặc Sao Mộc/Vulcan) trở thành SAO MỘC/Vulcan/Trái Đất./Sao Hỏa/Sao Diêm Vương hoặc Sao Mộc/Vulcan/Trái Đất/Sao Hỏa/Sao Diêm Vương

e. JUPITER/Vulcan/Earth/Mars/Pluto or Jupiter/Vulcan/Earth/Mars/Pluto and Saturn Become SATURN/Jupiter/Vulcan/Earth/Mars/Pluto or Saturn/ Jupiter/Vulcan/Earth/Mars/Pluto

e. SAO MỘC/Vulcan/Trái Đất/Sao Hỏa/Sao Diêm Vương hoặc Sao Mộc/Vulcan/Trái Đất/Sao Hỏa/Sao Diêm Vương và Sao Thổ trở thành SAO THỔ/Sao Mộc/Vulcan/Trái Đất/Sao Hỏa/Sao Diêm Vương hoặc Sao Thổ/ Sao Mộc/Vulcan/Trái Đất/Sao Hỏa/Sao Diêm Vương

f. The merging continues into either Neptune first and then Uranus or Uranus first and then Neptune

f. Sự hợp nhất tiếp tục vào hoặc Sao Hải Vương trước rồi đến Sao Thiên Vương hoặc Sao Thiên Vương trước rồi đến Sao Hải Vương

g. OR— Uranus and Neptune (having absorbed Mercury and Venus respectively) merge with each other and become either URANUS /Neptune (or Uranus/Neptune) OR NEPTUNE/Uranus (or Neptune/Uranus)

g. HOẶC— Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương (đã hấp thụ lần lượt Sao Thủy và Sao Kim) hợp nhất với nhau và trở thành hoặc SAO THIÊN VƯƠNG /Sao Hải Vương (hoặc Sao Thiên Vương/Sao Hải Vương) HOẶC SAO HẢI VƯƠNG/Sao Thiên Vương (hoặc Sao Hải Vương/Sao Thiên Vương)

h. Then all that SATURN contains merges with either URANUS/Neptune (or Uranus/Neptune) OR with NEPTUNE/Uranus (or Neptune/ Uranus)

h. Sau đó tất cả những gì SAO THỔ chứa đựng sẽ hợp nhất với hoặc SAO THIÊN VƯƠNG/Sao Hải Vương (hoặc Sao Thiên Vương/Sao Hải Vương) HOẶC với SAO HẢI

VƯƠNG/Sao Thiên Vương (hoặc Sao Hải Vương/ Sao Thiên Vương)

i. The final result is that all planets which have been synthesized are gathered into one super amalgamation which will be either identifiable as URANUS or NEPTUNE or as something entirely new composed of all the constituent planets.

i. Kết quả cuối cùng là tất cả các hành tinh đã được tổng hợp được gom vào một siêu tổ hợp duy nhất, tổ hợp này hoặc sẽ có thể được nhận diện là SAO THIÊN VƯƠNG hoặc SAO HẢI VƯƠNG hoặc là một cái gì hoàn toàn mới được cấu thành từ tất cả các hành tinh thành phần.

j. Whatever remains, whether a planet identifiable principally as URANUS or NEPTUNE, or some amalgamation, is absorbed into Sol.

j. Bất cứ điều gì còn lại, dù là một hành tinh được nhận diện chủ yếu là SAO THIÊN VƯƠNG hay SAO HẢI VƯƠNG, hay một tổ hợp nào đó, đều bị hấp thụ vào Sol.

329. These quite complex speculations are offered because we do not know whether, when absorption occurs,

329. Những suy đoán khá phức tạp này được đưa ra vì chúng ta không biết liệu, khi sự hấp thụ xảy ra,

a. The absorbing planet remains paramount with all the other planets latent and subsidiary

a. Hành tinh hấp thụ vẫn giữ vị thế tối thượng với tất cả các hành tinh khác ở trạng thái tiềm ẩn và phụ thuộc

b. *Something entirely new* results from the absorption

b. *Một cái gì hoàn toàn mới* phát sinh từ sự hấp thụ

330. If I were to speculate, I would say that the absorbing planet remains paramount with the absorbed planets latent and subsidiary, but definitely present, having preserved their planetary integrity.

330. Nếu tôi suy đoán, tôi sẽ nói rằng hành tinh hấp thụ vẫn giữ vị thế tối thượng với các hành tinh bị hấp thụ ở trạng thái tiềm ẩn và phụ thuộc, nhưng chắc chắn hiện diện, vì đã bảo toàn tính toàn vẹn hành tinh của chúng.

and a simultaneous appearance of the **more subtle chains or globes as the manasic principle enables man to see them.**

và sự xuất hiện đồng thời của các **dãy hay bầu hành tinh tinh tế hơn khi nguyên khí manas khiến con người có thể thấy chúng.**

331. We are talking here of chains and globes and not of schemes. While there are presently ten planetary schemes, there are only seven chains and seven globes displayed. Yet we are told that there *are*

331. Ở đây chúng ta đang nói về các dãy và các bầu hành tinh chứ không phải các hệ hành tinh. Trong khi hiện nay có mười hệ hành tinh, chỉ có bảy dãy và bảy bầu hành tinh được biểu lộ. Tuy nhiên, chúng ta được

subtle chains and globes and so the number of chains and globes (when the process is completed) will probably be *ten,* just as in the case of schemes.

cho biết rằng *có* các dãy và các bầu hành tinh tinh tế, và vì vậy số lượng các dãy và các bầu hành tinh (khi tiến trình hoàn tất) có lẽ sẽ là *mười,* cũng như trong trường hợp các hệ hành tinh.

332. If the *manasic* principle allows man to see subtle chains and globes, then it will take the power of mind to detect them.

332. Nếu nguyên khí *manas* cho phép con người thấy các dãy và các bầu hành tinh tinh tế, thì sẽ cần đến năng lực của trí tuệ để nhận biết chúng.

333. Subtle chains and globes become objectified chains and globes: in this process do ten ever exist at once? And if they exist at once, do they *all* exist in the objective state or do they exist—some objective and some subjective—though simultaneously. The subjective globes, because detected, would seem both real and present.

333. Các dãy và các bầu hành tinh tinh tế trở thành các dãy và các bầu hành tinh được khách thể hóa: trong tiến trình này có bao giờ mười cái cùng tồn tại một lúc không? Và nếu chúng cùng tồn tại một lúc, thì có phải chúng *đều* tồn tại trong trạng thái khách quan hay chúng tồn tại—một số khách quan và một số chủ quan—dù đồng thời. Các bầu hành tinh chủ quan, vì được nhận biết, dường như vừa thực vừa hiện diện.

334. We know that ten planetary schemes now exist *objectively* and we are at the midway point of evolution with involution ending. Can the same ever be said of chains and globes—that there is ever a time when ten chains exist *objectively* and ten globes exist *objectively*—just as ten *schemes* (and really many more) now exist objectively?

334. Chúng ta biết rằng hiện nay mười hệ hành tinh tồn tại một cách *khách quan* và chúng ta đang ở điểm ở giữa của tiến hoá với giáng hạ tiến hoá đang kết thúc. Điều tương tự có bao giờ có thể được nói về các dãy và các bầu hành tinh không—rằng có bao giờ có một thời điểm khi mười dãy tồn tại một cách *khách quan* và mười bầu hành tinh tồn tại một cách *khách quan*—cũng như hiện nay mười *hệ hành tinh* (và thực ra còn nhiều hơn nữa) đang tồn tại một cách khách quan?

The moon chain is in process of disappearance, and only a decaying body is left; the life of the second and the first Logos has been withdrawn from it, and only the latent life of matter itself remains.

Dãy Mặt Trăng đang trong tiến trình biến mất, và chỉ còn lại một thể đang phân rã; **sự sống của Thượng đế thứ hai và thứ nhất đã được rút khỏi nó, và chỉ còn lại sự sống tiềm ẩn của chính vật chất.**

335. While it can be said that the chain as a vehicle is in process of disappearing, what of the Chain Lord Who ensouled the Chain?

335. Trong khi có thể nói rằng dãy như một vận cụ đang trong tiến trình biến mất, vậy

còn Chúa Tể của Dãy, Đấng đã phú linh cho Dãy, thì sao?

336. Has He merged psychically with the Earth-chain Lord? A Chain Lord cannot simply disappear from the expression of the Planetary Logos.

336. Ngài đã hợp nhất về mặt thông linh với Chúa Tể của Dãy Địa Cầu chưa? Một Chúa Tể của Dãy không thể đơn giản biến mất khỏi sự biểu lộ của Đức Hành Tinh Thượng Đế.

337. It would seem that the life of the Third Logos is still informing the decaying body of the Moon-chain Lord.

337. Dường như sự sống của Thượng đế thứ ba vẫn đang thấm nhuần thể đang phân rã của Chúa Tể Dãy Mặt Trăng.

338. Where, then, is the Lord of the Saturn-chain? It would seem that He may be manifesting through subtle globes but not though any physically objective globe. Does His lowest globe have an etheric vehicle?

338. Vậy thì Chúa Tể của dãy Sao Thổ ở đâu? Dường như Ngài có thể đang biểu lộ qua các bầu hành tinh tinh tế nhưng không qua bất kỳ bầu hành tinh nào khách quan về mặt hồng trần. Bầu hành tinh thấp nhất của Ngài có một vận cụ dĩ thái không?

339. In short, it would seem that the former vehicle of the Moon-chain Lord is simply a decaying form, while the Saturn-Chain Lord (once subjective) has taken the functional position of the former Moon-chain Lord and the Moon-chain Lord has been psychically absorbed into the consciousness of the Earth-chain Lord—and they are now *both* expressing through the vehicle we call the Earth-chain.

339. Tóm lại, dường như vận cụ trước đây của Chúa Tể Dãy Mặt Trăng chỉ đơn giản là một hình tướng đang phân rã, trong khi Chúa Tể Dãy Sao Thổ (trước kia là chủ quan) đã đảm nhận vị trí chức năng của Chúa Tể Dãy Mặt Trăng trước đây, và Chúa Tể Dãy Mặt Trăng đã được hấp thụ về mặt thông linh vào tâm thức của Chúa Tể Dãy Địa Cầu—và giờ đây *cả hai* đang biểu lộ qua vận cụ mà chúng ta gọi là dãy Địa Cầu.

Simultaneously Neptune arose over the horizon, and took its place as one of the seven manifesting chains of the planetary Logos. We are here dealing with the Neptune chain of the earth scheme.

Đồng thời Sao Hải Vương mọc lên trên chân trời, và chiếm vị trí của nó như một trong bảy dãy đang biểu lộ của Hành Tinh Thượng Đế. Ở đây chúng ta đang bàn đến dãy Sao Hải Vương của hệ hành tinh Địa Cầu.

340. It is not that the Neptune chain replaced the Moon-chain Lord for we can see that their position in the Earth-scheme is different.

340. Không phải là dãy Sao Hải Vương thay thế Chúa Tể Dãy Mặt Trăng, vì chúng ta có thể thấy rằng vị trí của chúng trong hệ hành tinh Địa Cầu là khác nhau.

341. Khi dãy Mặt Trăng tồn tại, có phải đã có bảy dãy đầy đủ đang biểu lộ trong hệ hành

341. When the Moon-chain existed were there seven full chains manifesting in the Earth-scheme? If so, what were the seven?

tinh Địa Cầu không? Nếu vậy, bảy dãy ấy là những dãy nào?

a. X-chain

a. Dãy X

b. Venus-chain

b. Dãy Sao Kim

c. Moon-chain

c. Dãy Mặt Trăng

d. Earth-chain

d. Dãy Địa Cầu

e. Mercury-chain

e. Dãy Sao Thủy

f. Mars-chain

f. Dãy Sao Hỏa

g. Jupiter-chain

g. Dãy Sao Mộc

342. What then, was the X-chain? Was it the Saturn-chain *in a position different* from its present position as the third chain?

342. Vậy thì dãy X là gì? Có phải đó là dãy Sao Thổ *ở một vị trí khác* với vị trí hiện nay của nó là dãy thứ ba không?

343. Was the Saturn-chain in the first position and did it give way to the Neptune-chain and then take the place of the Moon-chain, the Chain Lord of which had been absorbed by the Earth-chain Logos?

343. Có phải dãy Sao Thổ ở vị trí thứ nhất và đã nhường chỗ cho dãy Sao Hải Vương rồi sau đó chiếm vị trí của dãy Mặt Trăng, mà Chúa Tể của dãy này đã bị Hành Tinh Thượng Đế của dãy Địa Cầu hấp thụ?

344. All these questions are predicated on the idea that at the time of the Moon-chain failure and absorption, there were at least seven objectified chains in the Earth-scheme.

344. Tất cả những câu hỏi này đều dựa trên ý tưởng rằng vào thời điểm dãy Mặt Trăng thất bại và bị hấp thụ, đã có ít nhất bảy dãy được khách thể hóa trong hệ hành tinh Địa Cầu.

345. We realize, of course, that this need not have been the case, as, at different times of the history of a scheme, different numbers of chains are objectively present.

345. Dĩ nhiên, chúng ta nhận ra rằng điều này không nhất thiết đã là như vậy, vì vào những thời điểm khác nhau trong lịch sử của một hệ hành tinh, những số lượng dãy khác nhau hiện diện một cách khách quan.

The Moon chain has in itself a curious occult history, not yet to be disclosed.

Dãy Mặt Trăng tự thân có một lịch sử huyền bí kỳ lạ, chưa thể được tiết lộ.

346. So we are still very much in the dark.

346. Vì vậy chúng ta vẫn còn rất mù mờ.

This differentiates it from the other chains in the scheme and even from any other chain in any scheme.

Điều này phân biệt nó với các dãy khác trong hệ hành tinh và ngay cả với bất kỳ dãy nào khác trong bất kỳ hệ hành tinh nào.

347. It has been speculated that the chain itself may have extra-systemic origins, but if it was an expression of the Planetary Logos (as a Chain Lord) expressing through the Moon-chain, then the extra-systemic hypothesis would seem doubtful.

347. Người ta đã suy đoán rằng bản thân dãy này có thể có nguồn gốc ngoài hệ mặt trời, nhưng nếu nó là một biểu hiện của Hành Tinh Thượng Đế (với tư cách một Chúa Tể của Dãy) biểu lộ qua dãy Mặt Trăng, thì giả thuyết ngoài hệ mặt trời dường như đáng ngờ.

An analogous situation or correspondence will be found in another planetary scheme within the solar system.

Một tình huống tương tự hay sự tương ứng sẽ được tìm thấy trong một hệ hành tinh khác trong hệ mặt trời.

348. Could it be the Mars-scheme? Could it be the Pluto-scheme? Much more will have to be known to solve this question. Mars seems to have two Moons, though it is remarked that Mars has “no right” to them.

348. Có thể đó là hệ Sao Hỏa chăng? Có thể đó là hệ Sao Diêm Vương chăng? Sẽ cần phải biết nhiều hơn nữa để giải quyết câu hỏi này. Sao Hỏa dường như có hai Mặt Trăng, dù có nhận xét rằng Sao Hỏa “không có quyền” đối với chúng.

All this is hidden in the history of one of the solar systems which is united to ours within a cosmic ring-pass-not.

Tất cả điều này được che giấu trong lịch sử của một trong các hệ mặt trời được hợp nhất với hệ của chúng ta bên trong một vòng-giới-hạn vũ trụ.

349. We are presumably dealing with the ring-pass-not of our Cosmic Logos.

349. Có lẽ chúng ta đang bàn đến vòng-giới-hạn của Đấng Thượng đế Vũ trụ của chúng ta.

350. Presumably the other planetary scheme in which an analogous situation exists has had problems similar to ours which would mean that, as a planetary scheme, it had not

350. Có lẽ hệ hành tinh kia, trong đó tồn tại một tình huống tương tự, đã có những vấn đề giống như của chúng ta, điều này có nghĩa là với tư cách một hệ hành tinh, nó

yet triumphed as has Venus, or, perhaps, as have the other advanced sacred planets, like Mercury. Some of the planets of the highest spiritual status in our solar system have not yet reached a sufficient point of manasic development where victory or defeat are issues.

chưa chiến thắng như Sao Kim đã chiến thắng, hoặc có lẽ như các hành tinh thiêng liêng tiến bộ khác, như Sao Thủy. Một số hành tinh có địa vị tinh thần cao nhất trong hệ mặt trời của chúng ta vẫn chưa đạt đến một điểm phát triển manas đủ để chiến thắng hay thất bại trở thành vấn đề.

351. The star Alpha Centauri is very close to Sol and very similar in absolute magnitude (to use the astronomical term). Alpha Centauri is speculated to be related to the sacral center of the Cosmic Logos. It is in relation to such lower centers and the planetary schemes which represent them within our solar system, that we would expect to find problems similar to the one experienced by the Planetary Logos of the Earth-scheme.

351. Ngôi sao Alpha Centauri ở rất gần Sol và rất giống về cấp sao tuyệt đối (dùng thuật ngữ thiên văn học). Alpha Centauri được suy đoán là có liên hệ với trung tâm xương cùng của Đấng Thượng đế Vũ trụ. Chính trong mối liên hệ với các trung tâm thấp như thế và các hệ hành tinh đại diện cho chúng trong hệ mặt trời của chúng ta mà chúng ta có thể mong đợi tìm thấy những vấn đề tương tự với vấn đề mà Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh Địa Cầu đã trải qua.

Hence the impossibility of yet enlarging upon it.

Do đó hiện chưa thể khai triển thêm về điều này.

352. We think in this direction speculatively as an exercise. The result may be far from accurate, yet a beginning will have been made.

352. Chúng ta suy nghĩ theo hướng này một cách suy đoán như một bài tập. Kết quả có thể còn xa mới chính xác, tuy nhiên một sự khởi đầu sẽ được thực hiện.

Each Heavenly Man of a scheme is a focal point for the force and power and vibratory life of seven stupendous ENTITIES in exactly the same sense [Page 416] as the seven centres in a human being are the focal points for the influence of a corresponding heavenly Prototype.

Mỗi Đấng Thiên Nhân của một hệ hành tinh là một tiêu điểm cho mãnh lực, quyền năng và sự sống rung động của bảy THỰC THỂ vĩ đại đúng theo cùng một nghĩa [Page 416] như bảy trung tâm trong một con người là các tiêu điểm cho ảnh hưởng của một Nguyên Mẫu thiên giới tương ứng.

353. This is a powerful analogy. We are being told that our chakras are not only influenced by intra-planetary ray sources (such as Ray Ashrams or intra-planetary Kumaras), but actually by Planetary Logoi. It is quite a leap.

353. Đây là một sự tương đồng đầy uy lực. Chúng ta được cho biết rằng các luân xa của chúng ta không chỉ chịu ảnh hưởng bởi các nguồn cung nội hành tinh (như các ashram Cung hay các Kumara nội hành tinh), mà thực sự còn bởi các Hành Tinh Thượng Đế. Đó quả là một bước nhảy rất lớn.

354. Similarly, the Heavenly Man of our solar system, are not only influenced by intra-systemic ray sources but by Logoi within the Seven Solar Systems of Which Ours is One (the seven Logoi informed by our Cosmic Logos).

354. Tương tự như vậy, Đấng Thiên Nhân của hệ mặt trời chúng ta không chỉ chịu ảnh hưởng bởi các nguồn cung nội hệ thống mà còn bởi các Thượng đế bên trong Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một Trong Đó (bảy Thượng đế được Thượng đế Vũ Trụ của chúng ta thấm nhuần).

355. We also know that the Heavenly Men have a special relationship to the seven major stars (or Logoi) of the Great Bear and the seven major stars (or Logoi) of the constellation Sirius (speculatively, the Seven Solar Systems of Which Ours is One).

355. Chúng ta cũng biết rằng các Đấng Thiên Nhân có một mối liên hệ đặc biệt với bảy ngôi sao chính (hay các Thượng đế) của Đại Hùng Tinh và bảy ngôi sao chính (hay các Thượng đế) của chòm Sirius (theo suy đoán, là Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một Trong Đó).

356. Speculatively—

356. Theo suy đoán—

a. The Seven Rishis influence the Seven Heavenly Men along the Will line.

a. Bảy Rishi ảnh hưởng đến Bảy Đấng Thiên Nhân theo đường Ý Chí.

b. The Seven major Pleiades influence the Seven Heavenly Man along the Manasic line

b. Bảy sao chính của Pleiades ảnh hưởng đến Bảy Đấng Thiên Nhân theo đường manas

c. And the Seven Solar Systems of Which Ours is One influence the Seven Heavenly Men along the Love-Wisdom line. (The seven major stars of Orion, may be higher Prototypes in this particular type of Love-Wisdom functioning).

c. Và Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một Trong Đó ảnh hưởng đến Bảy Đấng Thiên Nhân theo đường Bác Ái – Minh Triết. (Bảy ngôi sao chính của Orion có thể là các nguyên mẫu cao hơn trong loại hoạt động Bác Ái – Minh Triết đặc thù này).

Our Heavenly Man, therefore, is esoterically allied to one of the seven solar systems, and in this mysterious alliance is hidden the mystery of the moon chain.

Vì vậy, Đấng Thiên Nhân của chúng ta một cách huyền bí được liên kết với một trong bảy hệ mặt trời, và chính trong sự liên minh huyền nhiệm này ẩn giấu bí ẩn của Dãy Mặt Trăng.

357. Amazing occultism is being hinted.

357. Ở đây đang có sự gợi ý về một huyền bí học đáng kinh ngạc.

358. Our Heavenly Man is a certain chakra within the Solar Logos. He is definitely

358. Đấng Thiên Nhân của chúng ta là một luân xa nhất định bên trong Thái dương

connected with the base of the spine center, but we are not yet sure whether He is functioning in that role *at this time*.

Thượng đế. Ngài chắc chắn có liên hệ với trung tâm đáy cột sống, nhưng chúng ta vẫn chưa chắc liệu Ngài có đang hoạt động trong vai trò ấy *vào lúc này* hay không.

359. According to His role within the solar system, so will be associated one particular star of the Seven Solar Systems of Which Ours is One.

359. Tùy theo vai trò của Ngài trong hệ mặt trời, sẽ có liên hệ với một ngôi sao đặc thù trong Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một Trong Đó.

360. Sexual misery comes from the Moon-chain. This would be a sacral problem. If Alpha Centauri is, indeed, the sacral center of the Cosmic Logos, then Alpha Centauri may be the star involved.

360. Khổ đau tính dục phát sinh từ Dãy Mặt Trăng. Đây hẳn là một vấn đề của trung tâm xương cùng. Nếu Alpha Centauri quả thực là trung tâm xương cùng của Thượng đế Vũ Trụ, thì Alpha Centauri có thể là ngôi sao liên hệ.

361. The problem is that our Planetary Logos can be easily associated with the

361. Vấn đề là Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta có thể dễ dàng được liên hệ với

a. Base of the spine center

a. trung tâm đáy cột sống

b. Splenic center

b. trung tâm lá lách

c. Sacral center

c. trung tâm xương cùng

d. Lower point within the solar plexus center

d. điểm thấp bên trong trung tâm tùng thái dương

e. Mental Unit

e. đơn vị hạ trí

362. Until we can with certainty pinpoint which center in our Solar Logos correlates with which one of the six other Suns, and until we know with certainty which actually *are* the six other Suns, then we will not know which of these Suns is allied to our Heavenly Man and why that alliance relates to the “mystery of the moon chain”.

362. Cho đến khi chúng ta có thể xác định một cách chắc chắn trung tâm nào trong Thái dương Thượng đế của chúng ta tương ứng với một trong sáu Mặt Trời kia, và cho đến khi chúng ta biết chắc sáu Mặt Trời kia thực sự *là* những Mặt Trời nào, thì chúng ta sẽ không biết Mặt Trời nào trong số đó liên kết với Đấng Thiên Nhân của chúng ta và vì sao sự liên kết ấy lại liên hệ đến “bí ẩn của dãy mặt trăng”.

363. Nevertheless, although we cannot ascertain the relationship, we can *think* in that direction.

363. Tuy nhiên, dù chúng ta không thể xác định mối liên hệ ấy, chúng ta vẫn có thể *suy nghĩ* theo hướng đó.

Certain brief hints may be given for the due consideration of students:

Một vài gợi ý ngắn gọn có thể được đưa ra để các đạo sinh suy xét thích đáng:

The Moon chain was a chain wherein a systemic failure was to be seen.

Dãy Mặt Trăng là một dãy trong đó có thể thấy một sự thất bại mang tính hệ thống.

364. This is very interesting. We note that the Moon-chain was not a chain wherein only 'schemic' failure was to be seen—i.e., through the debacle on the Moon-chain, not only our Planetary Logos failed but (through Him) so did our Solar Logos. This deserves to be pondered.

364. Điều này rất thú vị. Chúng ta lưu ý rằng Dãy Mặt Trăng không phải là một dãy trong đó chỉ có thể thấy sự thất bại "của hệ hành tinh"—nghĩa là, qua sự sụp đổ trên Dãy Mặt Trăng, không chỉ Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta thất bại mà (thông qua Ngài) cả Thái dương Thượng đế của chúng ta cũng vậy. Điều này đáng để suy ngẫm.

It is connected with the lower principles, which H.P.B. has stated are now superseded.

Nó liên hệ với các nguyên khí thấp, mà H.P.B. đã nói là nay đã bị vượt bỏ.

365. The Moon-chain is connected with the lower principles (let us say, enumerated from the lowest possible perspective)

365. Dãy Mặt Trăng liên hệ với các nguyên khí thấp (chúng ta hãy nói rằng, được liệt kê từ quan điểm thấp nhất có thể)

a. The dense physical body

a. thể xác đậm đặc

b. The etheric body

b. thể dĩ thái

c. Prana

c. prana

d. Kama-rupa (cf. TCF 264)

d. Kama-rupa (x. TCF 264)

366. Just as the Moon is superseded so are these lower or 'irrational' principles superseded.

366. Cũng như Mặt Trăng đã bị vượt bỏ, các nguyên khí thấp hay "phi lý trí" này cũng bị vượt bỏ như vậy.

The sexual misery of this planet finds its origin in the moon failure.

Khổ đau tính dục của hành tinh này bắt nguồn từ sự thất bại của mặt trăng.

367. This is a significant hint to which we have already referred. When looking for the prototypical, extra-systemic Sun related to our Planetary Logos, this hint should be borne in mind. It will not be one of the *higher* prototypical Suns in the Cosmic Logos.

367. Đây là một gợi ý đầy thâm nghĩa mà chúng ta đã đề cập đến. Khi tìm kiếm Mặt Trời nguyên mẫu ngoài hệ thống liên hệ với Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, cần ghi nhớ gợi ý này. Nó sẽ không phải là một trong những Mặt Trời nguyên mẫu *cao hơn* trong Thượng đế Vũ Trụ.

The progress of evolution on the moon was abruptly disturbed and arrested by the timely interference of the solar Logos.

Sự tiến hoá trên mặt trăng đã bị xáo trộn đột ngột và đình chỉ bởi sự can thiệp kịp thời của Thái dương Thượng đế.

368. We note that first the Solar Logos disrupted the evolution on the Moon-chain and then arrested or stopped it altogether.

368. Chúng ta lưu ý rằng trước hết Thái dương Thượng đế đã làm gián đoạn sự tiến hoá trên Dãy Mặt Trăng, rồi sau đó đình chỉ hay chấm dứt hẳn nó.

369. This thought fits with the idea that the Moon-chain failure was really a *systemic* failure.

369. Ý tưởng này phù hợp với quan niệm rằng sự thất bại của Dãy Mặt Trăng thực sự là một sự thất bại *mang tính hệ thống*.

The secret of the suffering in the Earth chain, which makes it merit the name of the Sphere of Suffering, and the mystery of the long and painful watch kept by the SILENT WATCHER,48 has its origin in the events which brought the moon chain to a terrific culmination.

Bí mật của đau khổ trong Dãy Địa Cầu, khiến nó xứng đáng với danh xưng Khối Cầu Đau Khổ, và huyền nhiệm của sự canh giữ lâu dài và đau đớn của ĐẤNG QUAN SÁT THẦM LẶNG,48 bắt nguồn từ những biến cố đã đưa Dãy Mặt Trăng đến một cực điểm khủng khiếp.

370. Earth-chain suffering is directly related to the Moon-chain failure.

370. Đau khổ của Dãy Địa Cầu liên hệ trực tiếp với sự thất bại của Dãy Mặt Trăng.

371. Who is the “SILENT WATCHER”? Do we think of Him as Sanat Kumara? Do we think of Him as the Planetary Logos? Do we think of Him as Sanat Kumara in His highest role as Planetary Logos?

371. “ĐẤNG QUAN SÁT THẦM LẶNG” là ai? Chúng ta có nghĩ đến Ngài như Đức Sanat Kumara không? Chúng ta có nghĩ đến Ngài như Hành Tinh Thượng Đế không? Chúng ta có nghĩ đến Ngài như Đức Sanat Kumara trong vai trò cao nhất của Ngài là Hành Tinh Thượng Đế không?

372. We note that the watch of the SILENT WATCHER is “long and painful”. If the watch

372. Chúng ta lưu ý rằng sự canh giữ của ĐẤNG QUAN SÁT THẦM LẶNG là “lâu dài và

is related to Sanat Kumara, we see the sacrifice for which He is renowned.

373. Perhaps, in Moon-chain days there was not enough watchful attentiveness (on the part of the Planetary Logos) to the processes proceeding on that chain. Perhaps the utmost vigilance is now required.

374. One day we will be able to read the record and see what transpired on the Moon-chain as if it were a film. For now, we simply are given to understand that the climax of the solar logoic intervention was terrific, probably horrendous. Terror was probably involved and that terror has been transplanted on our Earth-chain in the form in fearful instinctual reactions.

Conditions of agony and of distress such as are found on our planet are found in no such degree in any other scheme.

375. When form lags far behind intention, agony and distress are to be found. We may say that conditions on our planet are far behind what they should be, and now a painful forcing process in progress. We learned a little while ago that the intra-planetary Kumaras (of our Earth-scheme) are applying great pressure which distresses the form.

[Page 417]

The misuse of the vibratory power of a certain centre, and the perversion, or distortion of force to certain erroneous ends,

đau đớn". Nếu sự canh giữ ấy liên hệ với Đức Sanat Kumara, chúng ta thấy sự hi sinh mà Ngài nổi danh.

373. Có lẽ trong những ngày của Dãy Mặt Trăng đã không có đủ sự chú tâm canh chừng (về phía Hành Tinh Thượng Đế) đối với các tiến trình diễn ra trên dãy ấy. Có lẽ hiện nay cần đến sự cảnh giác tối đa.

374. Một ngày nào đó chúng ta sẽ có thể đọc hồ sơ và thấy điều gì đã xảy ra trên Dãy Mặt Trăng như thể đó là một cuốn phim. Hiện giờ, chúng ta chỉ được cho hiểu rằng cực điểm của sự can thiệp của Thái dương Thượng đế là khủng khiếp, có lẽ kinh hoàng. Có lẽ nỗi kinh hoàng đã can dự, và nỗi kinh hoàng ấy đã được cấy chuyển sang Dãy Địa Cầu của chúng ta dưới hình thức những phản ứng bản năng đầy sợ hãi.

Những điều kiện thống khổ và khốn cùng như được thấy trên hành tinh chúng ta không được thấy ở mức độ như thế trong bất kỳ hệ hành tinh nào khác.

375. Khi hình tướng tụt lại quá xa phía sau ý định, thống khổ và khốn cùng sẽ xuất hiện. Chúng ta có thể nói rằng các điều kiện trên hành tinh chúng ta còn ở rất xa phía sau mức đáng lẽ phải có, và hiện nay một tiến trình cưỡng bức đau đớn đang diễn ra. Cách đây không lâu chúng ta đã biết rằng các Kumara nội hành tinh (của hệ Địa Cầu chúng ta) đang tạo áp lực lớn khiến hình tướng khốn đốn.

[Page 417]

Sự lạm dụng quyền năng rung động của một trung tâm nào đó, và sự làm sai lệch, hay bóp méo mãnh lực vào những mục đích sai lầm nhất định, không theo con đường tiến hoá,

not along the line of evolution, account for much of the moon mystery.

376. If we read between the lines, it seems we can see the misuse of the sacral center and the perversion of sexual energy.

377. One may suppose that monstrosities were created within the Moon-chain through the misuse of this energy. The origin of the diseased imagination (the signature of lunacy) is found here.

Certain results, such as the finding of its polar opposite, were hastened unduly on the moon chain, and the consequence was an uneven development and a retardation of the evolution of a certain number of deva and human groups.

378. This is quite an extraordinary statement. The polar opposite of the Moon-chain was *what* chain? As the Moon-chain or rather the life principles of the Moon-chain were absorbed into the Earth-chain, is the Earth-chain to be considered the Moon-chain's polar opposite?

379. On the other hand, the Mars-chain (the sixth) is (in Chart VII) *opposite* the place where the Moon-chain would now be found had there been no disaster. We are told that Mars has two satellites to which He has no right; their names are "Fear" and "Hatred". The names sound related to Moon-chain process.

380. There is an certain similarity between the Moon and Mars (on the schemic level). Interestingly, they are both associated directly with the *lunar lords.* They deal with the same group of unconscious elemental

giải thích phần lớn huyền nhiệm của mặt trăng.

376. Nếu đọc giữa các dòng, dường như chúng ta có thể thấy sự lạm dụng trung tâm xương cùng và sự làm sai lệch năng lượng tính dục.

377. Người ta có thể giả định rằng những quái thể đã được tạo ra trong Dãy Mặt Trăng qua sự lạm dụng năng lượng này. Nguồn gốc của sự tưởng tượng bệnh hoạn (dấu hiệu của chứng loạn trí) nằm ở đây.

Một số kết quả nào đó, chẳng hạn như việc tìm ra cực đối nghịch của nó, đã bị thúc đẩy quá mức trên dãy mặt trăng, và hậu quả là một sự phát triển không đồng đều và sự trì hoãn tiến hoá của một số nhóm thiên thần và nhân loại nhất định.

378. Đây là một phát biểu hết sức phi thường. Cực đối nghịch của Dãy Mặt Trăng là dãy *nào*? Vì Dãy Mặt Trăng, hay đúng hơn là các nguyên khí sự sống của Dãy Mặt Trăng, đã được hấp thụ vào Dãy Địa Cầu, liệu Dãy Địa Cầu có được xem là cực đối nghịch của Dãy Mặt Trăng không?

379. Mặt khác, Dãy Sao Hỏa (dãy thứ sáu) trong Biểu Đồ VII lại *đối nghịch* với vị trí mà Dãy Mặt Trăng hiện nay sẽ ở đó nếu không có tai họa. Chúng ta được cho biết rằng Sao Hỏa có hai vệ tinh mà Ngài không có quyền có; tên của chúng là "Sợ Hãi" và "Thù Hận". Những cái tên ấy nghe có vẻ liên hệ với tiến trình của Dãy Mặt Trăng.

380. Có một sự tương tự nhất định giữa Mặt Trăng và Sao Hỏa (ở cấp độ hệ hành tinh). Điều thú vị là cả hai đều liên hệ trực tiếp với các *nguyệt tinh quân.* Chúng đề cập đến cùng

lives who were the product of the Moon-chain.

381. It is hard to fit the lunar elementals into the scheme of evolutionary process undertaken on the Earth-chain. This may be so because their origin was really on the Moon-chain. Planet Earth is the scene of a fusion of Moon-chain and Earth-chain groupings and sometimes their relationship is strained, just as the relationship between Moon-chain Monads and Earth-chain Monads is often strained.

The origin of the feud between the Lords of the Dark Face and the Brotherhood of Light, which found scope for activity in Atlantean days, and during the present root race, can be traced back to the moon chain.

382. This is a most significant statement. The Atlantean War and the recent War in Aryan times (the Great War) were recrudescences of difficulties with the Lords of the Dark Face on the Moon-chain. Other references take the members of the Black Lodge back to the first solar system.

Forget not that the black magicians of today were the initiates of a previous solar system. (R&I 350)

48: "...it is He [The Silent Watcher], again, who holds spiritual sway over the initiated Adepts throughout the whole world. He is, as said, the "Nameless One" who has so many names, and yet whose names and whose very nature are unknown. He is the 'Initiator,' called the 'Great Sacrifice.'

một nhóm các sự sống hành khí vô thức vốn là sản phẩm của Dãy Mặt Trăng.

381. Thật khó để đặt các hành khí nguyệt cầu vào trong sơ đồ của tiến trình tiến hoá được đảm nhận trên Dãy Địa Cầu. Có thể là như vậy vì nguồn gốc của chúng thực sự ở trên Dãy Mặt Trăng. Hành tinh Trái Đất là hiện trường của một sự dung hợp giữa các tập hợp của Dãy Mặt Trăng và Dãy Địa Cầu, và đôi khi mối quan hệ của chúng căng thẳng, cũng như mối quan hệ giữa các Chân thần của Dãy Mặt Trăng và các Chân thần của Dãy Địa Cầu thường căng thẳng vậy.

Nguồn gốc của mối thù địch giữa các Chúa Tể của Khuôn Mặt Tối và Huynh Đệ Đoàn Ánh Sáng, vốn đã tìm được phạm vi hoạt động trong thời Atlantis và trong giống dân gốc hiện nay, có thể được truy nguyên về Dãy Mặt Trăng.

382. Đây là một phát biểu cực kỳ thâm nghĩa. Cuộc Chiến Atlantis và cuộc Chiến gần đây trong thời Arya (Đại Chiến) là những sự tái phát của các khó khăn với các Chúa Tể của Khuôn Mặt Tối trên Dãy Mặt Trăng. Những tham chiếu khác lại truy nguyên các thành viên của Hắc đoàn về hệ mặt trời thứ nhất.

Đừng quên rằng các nhà hắc thuật ngày nay là các điểm đạo đồ của một hệ mặt trời trước. (R&I 350)

48: "...chính Ngài [Đấng Quan Sát Thầm Lặng], một lần nữa, là Đấng nắm quyền chi phối tinh thần đối với các chân sư được điểm đạo trên khắp thế giới. Như đã nói, Ngài là "Đấng Vô Danh", Đấng có rất nhiều danh xưng, nhưng các danh xưng ấy và chính bản chất của Ngài vẫn không được biết đến. Ngài là 'Đấng Điểm đạo', được gọi là 'Đại Hi Sinh'.

383. Under the name “Silent Watcher” it is clear that we are speaking of Sanat Kumara.

383. Dưới danh xưng “Đấng Quan Sát Thầm Lặng”, rõ ràng là chúng ta đang nói về Đức Sanat Kumara.

384. In the Teaching there are well over thirty names referencing the Great Kumara.

384. Trong Giáo Huấn có hơn ba mươi danh xưng quy chiếu đến Đại Kumara.

385. He may be the “Nameless One”, but learning the letters and syllables of His Name is considered a great achievement for those higher souls advancing upon the Way.

385. Ngài có thể là “Đấng Vô Danh”, nhưng việc học được các chữ cái và âm tiết của Danh Ngài được xem là một thành tựu lớn đối với những linh hồn cao cả đang tiến bước trên Con đường.

For, sitting at the Threshold of Light, he looks into it from within the Circle of Darkness,

Vì, ngồi nơi Ngưỡng Cửa của Ánh Sáng, y nhìn vào đó từ bên trong Vòng Tròn Bóng Tối,

386. We are speaking of the “dark light of Shamballa”. To lower perception, Shamballa is blackness.

386. Chúng ta đang nói về “ánh sáng tối của Shamballa”. Đối với tri giác thấp, Shamballa là bóng tối.

which he will not cross;

mà y sẽ không vượt qua;

387. He remains ever within Shamballa at His post.

387. Ngài mãi ở trong Shamballa tại vị trí của Ngài.

nor will he quit his post till the last Day of this Life-Cycle.

Ngài cũng sẽ không rời bỏ vị trí của mình cho đến Ngày cuối cùng của Chu Kỳ Sự Sống này.

388. Will this be the "Judgment Day" or beyond? It has seemed that the physical incarnation of the Planetary Logos (which is one way of defining Sanat Kumara) ends at that point.

388. Đó sẽ là “Ngày Phán Xét” hay còn vượt quá điểm ấy? Dường như sự nhập thể hồng trần của Hành Tinh Thượng Đế (một cách định nghĩa Đức Sanat Kumara) chấm dứt tại điểm đó.

Why does the Solitary Watcher remain at his self-chosen post?

Vì sao Đấng Quan Sát Cô Độc vẫn ở lại nơi vị trí do chính mình chọn?

389. The “Solitary Watcher”, the “Silent Watcher”—solitary and silent—the indications of the first ray.

389. “Đấng Quan Sát Cô Độc”, “Đấng Quan Sát Thầm Lặng”—cô độc và thầm lặng—những dấu hiệu của cung một.

Why does he sit by the Fountain of Primeval Wisdom,

Vì sao y ngồi bên Suối Nguồn Minh Triết Nguyên Sơ,

390. He both “sits” and “stands”.

390. Ngài vừa “ngồi” vừa “đứng”.

391. The Fountain of Primeval Wisdom is found within Shamballa. Can it be related to the One Fundamental School of Occultism?

391. Suối Nguồn Minh Triết Nguyên Sơ nằm trong Shamballa. Liệu nó có thể liên hệ với Trường Huyền Bí Học Căn Bản Duy Nhất không?

of which he drinks no longer, for he has naught to learn which he does not know—aye, neither on this Earth, nor in its Heaven?

mà y không còn uống từ đó nữa, vì không có gì để học mà y chưa biết—đúng vậy, không phải trên Trái Đất này, cũng không phải trong cõi trời của nó?

392. He is an Avatar. An Avatar does not gain from the sphere where He serves.

392. Ngài là một Đấng Hoá Thân. Một Đấng Hoá Thân không thu đạt gì từ khối cầu nơi Ngài phụng sự.

Because the lonely, sore-footed Pilgrims, on their journey back to their Home,

Bởi vì những Người Hành Hương cô độc, đau chân, trên hành trình trở về Nhà của họ,

393. The monadic plane…

393. cõi chân thần…

are never sure, to the last moment, of not losing their way, in this limitless desert of Illusion and Matter called Earth-Life.

không bao giờ chắc chắn, cho đến giây phút cuối cùng, rằng họ sẽ không lạc đường trong sa mạc vô biên của Ảo Tưởng và Vật Chất được gọi là Đời Sống Trái Đất này.

394. The desert, the seas, and the fires…

394. Sa mạc, biển cả và lửa…

Because he would fain show the way to that region of freedom and light, from which he is a voluntary exile himself,

Bởi vì Ngài muốn chỉ đường đến miền tự do và ánh sáng ấy, từ đó chính Ngài là một kẻ lưu đày tự nguyện,

395. This region is probably beyond (or ‘above’) the solar system itself and found on

higher cosmic planes—for instance, the cosmic mental plane.

395. Miền này có lẽ ở ngoài (hay "trên") chính hệ mặt trời và được tìm thấy trên các cõi vũ trụ cao hơn—chẳng hạn cõi trí vũ trụ.

to every prisoner who has succeeded in liberating himself from the bonds of flesh and illusion. Because, in short, he has sacrificed himself for the sake of Mankind, though but a few elect may profit by the Great Sacrifice."—S. D., I, 229.

cho mọi tù nhân đã thành công trong việc tự giải thoát mình khỏi xiềng xích của xác thân và ảo tưởng. Tóm lại, bởi vì Ngài đã hi sinh chính mình vì nhân loại, dù chỉ một số ít được tuyển chọn mới có thể hưởng lợi từ Đại Hi Sinh."—S. D., I, 229.

396. This is simply a beautiful section penned by HPB. Here one of His foremost names is presented: "The Great Sacrifice". This is the name which correlates with the constellation Pisces.

396. Đây đơn giản là một đoạn tuyệt đẹp do HPB chấp bút. Ở đây một trong những danh xưng nổi bật nhất của Ngài được trình bày: "Đại Hi Sinh". Đây là danh xưng tương ứng với chòm Pisces.

We have here all that it is possible to give out at this time, and much that has hitherto not been permitted publication.

Ở đây chúng ta có tất cả những gì có thể được tiết lộ vào lúc này, và nhiều điều mà trước đây chưa được phép công bố.

397. The Tibetan always and only releases Teaching if permission has been granted to do so.

397. Chân sư Tây Tạng luôn luôn và chỉ công bố Giáo Huấn khi đã được cho phép làm như vậy.

398. Do we see that a Master is still subjected of "occult obedience"?

398. Chúng ta có thấy rằng một Chân sư vẫn còn phải tuân phục "sự vâng phục huyền bí" không?

It is necessary again to emphasise the need of attaching no importance to the names of the chains and globes, and the necessity of a numerical enumeration;

Cần phải nhấn mạnh مرة nữa **sự cần thiết không gán tầm quan trọng nào cho tên gọi của các dãy và các bầu hành tinh, và sự cần thiết của việc đánh số bằng số;**

399. That Master DK says this is almost certainly a blind. We have seen too many coincidences to take His statement *literally*. However, those who would fall into hopeless confusion by analyzing the chains and globes according to name are thereby spared a hopeless attempt. Perhaps we are among them!

399. Việc Chân sư DK nói điều này gần như chắc chắn là một bức màn che. Chúng ta đã thấy quá nhiều sự trùng hợp để có thể hiểu phát biểu của Ngài theo nghĩa *đen*. Tuy nhiên, những ai sẽ rơi vào sự rối loạn vô vọng nếu phân tích các dãy và các bầu hành tinh theo tên gọi thì nhờ đó được tránh khỏi

một nỗ lực vô vọng. Có lẽ chúng ta nằm trong số đó!

at the same time should the student decide to number the chains, and globes, he must carefully bear in mind that the sequence of numbers has no reference or relation to place or time, nor to sequence of appearance, or order of manifestation.

đồng thời, nếu đạo sinh quyết định đánh số các dãy và các bầu hành tinh, y phải cẩn thận ghi nhớ rằng chuỗi số không có quy chiếu hay liên hệ nào với vị trí hay thời gian, cũng không với trình tự xuất hiện, hay trật tự biểu hiện.

400. If chains and globes are numbered rather than named, what are potential traps requiring wariness?

400. Nếu các dãy và các bầu hành tinh được đánh số thay vì gọi tên, thì những cạm bẫy tiềm tàng nào đòi hỏi phải cảnh giác?

a. The student must bear in mind that the sequence of numbers has no reference or relation to place or time

a. Đạo sinh phải ghi nhớ rằng chuỗi số không có quy chiếu hay liên hệ nào với vị trí hay thời gian

b. The student must bear in mind that the sequence of numbers has no reference or relation to sequence of appearance

b. Đạo sinh phải ghi nhớ rằng chuỗi số không có quy chiếu hay liên hệ nào với trình tự xuất hiện

c. The student must bear in mind that the sequence of numbers has no reference or relation to order of manifestation

c. Đạo sinh phải ghi nhớ rằng chuỗi số không có quy chiếu hay liên hệ nào với trật tự biểu hiện

401. Throughout this Commentary it would seem that we have proceeded with sufficient caution and have stated our recognition of these realizations.

401. Xuyên suốt phần Cổ Luận này, dường như chúng ta đã tiến hành với sự thận trọng đầy đủ và đã nêu rõ sự nhận biết của mình về những chứng nghiệm này.

402. The chains and globes may

402. Các dãy và các bầu hành tinh có thể

a. Be related to place and time

a. liên hệ với vị trí và thời gian

b. Have a sequence of appearance

b. có một trình tự xuất hiện

c. Have an order of manifestation

c. có một trật tự biểu hiện

But the *sequential numbering* of the chains and globes will not reveal the truth concerning these factors.

Nhưng việc *đánh số tuần tự* các dãy và các bầu hành tinh sẽ không tiết lộ chân lý liên quan đến các yếu tố này.

403. We have already demonstrated that the names do bear a relation to the numbers, but it is not always a straightforward relation.

403. Chúng ta đã chứng minh rằng các tên gọi quả thực có liên hệ với các con số, nhưng đó không phải lúc nào cũng là một mối liên hệ trực tiếp.

404. We have but a skeleton outline of schemic, chain and globe relationships—a few mere hints, really. We have enough however to begin to see the beauty of the design and to realize that much, much more of vital moment lies concealed behind the few patterns which we have been able to discern.

404. Chúng ta chỉ có một phác thảo bộ xương về các mối liên hệ của hệ hành tinh, dãy và bầu hành tinh—thực ra chỉ là vài gợi ý ít ỏi. Tuy nhiên, chúng ta có đủ để bắt đầu thấy vẻ đẹp của mô hình và nhận ra rằng còn rất, rất nhiều điều có tầm quan trọng thiết yếu đang ẩn giấu phía sau vài mô thức mà chúng ta đã có thể phân biện.

TCF 417-428: S4S9

2 – 18 February 2007

2 – 18 tháng 2 năm 2007

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16 để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và tham chiếu từ các sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận được trình bày bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

Có đề nghị rằng phần Cổ Luận này nên được **đọc với cuốn *TCF* ở bên cạnh,** vì mục đích liên tục mạch văn. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính cuốn sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.

1. We take up the fourth section regarding Manas listed on page 343. The outline of the subjects we are pursuing is to be found on physical plane. 342. and 343.

1. Chúng ta bắt đầu phần thứ tư liên quan đến Manas được liệt kê ở trang 343. Dàn ý của các chủ đề chúng ta đang theo đuổi được tìm thấy ở cõi hồng trần. 342. và 343.

IV. THE FUTURE OF MANAS

IV. TƯƠNG LAI CỦA MANAS

It is only intended to handle this immense subject primarily in its relation to MAN, leaving the student to work out for himself much of what might be said, and to expand the concept from the unit to the group, and from the group to the totality of groups within the solar system.

Chỉ dự định xử lý chủ đề bao la này chủ yếu trong mối liên hệ của nó với CON NGƯỜI, để lại cho đạo sinh tự mình triển khai nhiều điều có thể được nói ra, và mở rộng khái niệm từ đơn vị đến nhóm, và từ nhóm đến tổng thể các nhóm trong hệ mặt trời.

2. We are dealing with manas in relation to man. Here are the possible applications:

2. Chúng ta đang bàn đến manas trong mối liên hệ với con người. Đây là những ứng dụng có thể có:

a. To Man—the unit within the group

a. Đối với Con Người—đơn vị trong nhóm

b. To the group—which we might consider the planetary logoic level

b. Đối với nhóm—điều mà chúng ta có thể xem là cấp độ hành tinh thượng đế

c. To the totality of groups within the solar system.

c. Đối với tổng thể các nhóm trong hệ mặt trời.

3. We can attempt to understand how all of these units and congeries of units are correlated with one another and how, together, they serve the Purpose of the "One in Whom they live and move and have their being".

3. Chúng ta có thể cố gắng thấu hiểu cách tất cả các đơn vị này và các tập hợp đơn vị này tương quan với nhau như thế nào và cách chúng cùng nhau phụng sự Mục Đích của "Đấng mà trong Ngài chúng sống, chuyển động và hiện hữu".

We will only touch upon the development of the mind in man and hint at some probable developments;

Chúng ta sẽ chỉ chạm đến sự phát triển của trí tuệ nơi con người và gợi ý một vài sự phát triển có thể xảy ra;

4. There will be a prominent manasic development in the second decanate of the Aquarian Age under Mercury. Additionally, regarding the development of manas in the relatively immediate future, the following is of moment:

4. Sẽ có một sự phát triển manas nổi bật trong thập độ thứ hai của Kỷ Nguyên Bảo Bình dưới Sao Thủy. Ngoài ra, liên quan đến sự phát triển của manas trong tương lai tương đối gần, điều sau đây là quan trọng:

it is worth while to note particularly that as far as the evolution of manas in this round is concerned **its highest efflorescence may be**

điều đặc biệt đáng lưu ý là xét theo sự tiến hoá của manas trong cuộc tuần hoàn này thì **sự nở rộ cao nhất của nó có thể được trông đợi trong năm trăm năm tới.** (EP I 498)

looked for during the next five hundred years. (EP I 498)

we shall endeavour to show that manas, as it evolves, leads to certain distinct characteristics, which [Page 418] distinguish it from other developments which may be seen.

chúng ta sẽ cố gắng chỉ ra rằng manas, khi tiến hoá, dẫn đến một số đặc tính rõ rệt, những đặc tính này [Page 418] phân biệt nó với những sự phát triển khác có thể được thấy.

5. So we shall distinguish the development of manas from other parallel developments.

5. Vì vậy, chúng ta sẽ phân biệt sự phát triển của manas với những sự phát triển song song khác.

The subject therefore will be discussed under the following subheadings:

Do đó, chủ đề sẽ được bàn dưới các tiểu mục sau:

1. The characteristics of manas.

1. Các đặc tính của manas.

2. Probable developments of the human mind.

2. Những sự phát triển có thể có của trí tuệ con người.

3. Manas in the final rounds.

3. Manas trong các cuộc tuần hoàn cuối cùng.

In studying all these points the emphasis is, of course, to be laid upon the future, and I enlarge not upon that which is already developed.

Khi nghiên cứu tất cả những điểm này, dĩ nhiên, sự nhấn mạnh phải được đặt vào tương lai, và tôi không khai triển về điều đã được phát triển rồi.

6. This has already been amply done.

6. Điều này đã được thực hiện hết sức đầy đủ rồi.

1. Characteristics of manas.

1. Các đặc tính của manas.

The main characteristics of manas might be summed up under three heads:

Các đặc tính chính của manas có thể được tóm lược dưới ba đề mục:

a. Discrimination.

a. Sự phân biện.

b. Ordered activity.

b. Hoạt động có trật tự.

c. Adaptability.

7. When we attempt to assign these characteristics to the appropriate rays, it is reasonable to conclude—

a. Discrimination—ray five

b. Ordered activity—ray seven

c. Adaptability—ray three

8. Interestingly these qualities have a relation to be found in EP I, 150, when the characteristics of *the* or *a* One About Whom Naught May Be Said are described:

1. Impulse towards activity. [R3]

2. Active impulse towards organisation. [R3. and R7]

3. Active organised impulse towards a definite purpose. [R3. and R7. and R1] (EP I 150)

Let us study these a little and note wherein in days and cycles to come they will be seen working out.

9. The observational approach is recommended.

a. Discrimination. This is necessarily almost the statement of a platitude. All students recognise the **discriminative quality** of manas and its **selective capacity**; all recognise the faculty in man which enables him to distinguish intelligently between the Self and the Not-Self. What we are apt to

c. Tính thích ứng.

7. Khi chúng ta cố gắng quy các đặc tính này cho những cung thích hợp, thật hợp lý để kết luận rằng—

a. Sự phân biện—cung năm

b. Hoạt động có trật tự—cung bảy

c. Tính thích ứng—cung ba

8. Điều thú vị là các phẩm tính này có một mối liên hệ được tìm thấy trong EP I, 150, khi các đặc tính của *Đấng* hay *một* Đấng Bất Khả Tư Nghị được mô tả:

1. Xung lực hướng tới hoạt động. [R3]

2. Xung lực hoạt động hướng tới tổ chức. [R3. and R7]

3. Xung lực hoạt động có tổ chức hướng tới một mục đích xác định. [R3. and R7. and R1] (EP I 150)

Chúng ta hãy nghiên cứu chúng đôi chút và lưu ý cách chúng sẽ được thấy vận hành trong những ngày và chu kỳ sắp tới.

9. Phương pháp quan sát được khuyến nghị.

a. Sự phân biện. Điều này hầu như tất yếu chỉ là một lời khẳng định hiển nhiên. Mọi đạo sinh đều nhận ra **phẩm tính phân biện** của manas và **năng lực chọn lọc** của nó; mọi người đều nhận ra nơi con người năng lực giúp y phân biệt một cách thông minh giữa Chân ngã và Không-Phải-Chân-ngã. Điều

forget is that this faculty persists on all planes, and is threefold in manifestation:

chúng ta dễ quên là năng lực này tồn tại trên mọi cõi, và có biểu hiện tam phân:

10. Let us list the three factors of discrimination brought forth in the section above:

10. Chúng ta hãy liệt kê ba yếu tố của sự phân biện được nêu ra trong phần trên:

a. Discriminative quality

a. Phẩm tính phân biện

b. Selective capacity

b. Năng lực chọn lọc

c. Intelligent distinguishing between Self and Not-Self

c. Sự phân biệt một cách thông minh giữa Chân ngã và Không-Phải-Chân-ngã

11. The faculty of discrimination is based upon the detection of difference; its result is the ability to say, 'This is not That'.

11. Năng lực phân biện dựa trên việc phát hiện sự khác biệt; kết quả của nó là khả năng nói rằng, 'Cái này không phải Cái kia'.

12. We note that this thought is exactly contrary to the ancient Indian Wisdom which proclaims, "Thou art That".

12. Chúng ta lưu ý rằng tư tưởng này hoàn toàn trái ngược với Minh triết Ấn Độ cổ xưa vốn tuyên bố: "Ngươi là Cái Đó".

First. **Discrimination between the I-consciousness, and that which is cognised in the external world.** This is the ability to distinguish between oneself and all other forms extant. It is universally developed and has reached a fairly high stage of evolution.

Thứ nhất. **Sự phân biện giữa ngã thức, và điều được nhận biết trong thế giới bên ngoài.** Đây là khả năng phân biệt giữa chính mình và mọi hình tướng khác đang tồn tại. Khả năng này được phát triển một cách phổ quát và đã đạt đến một giai đoạn tiến hoá khá cao.

13. We will note that the manner in which discrimination is described is applied to the realm of consciousness and involves the participation of the "I-consciousness". Many acts of discrimination do not take the discriminator (the "I") into consideration.

13. Chúng ta sẽ lưu ý rằng cách thức sự phân biện được mô tả ở đây được áp dụng cho lĩnh vực tâm thức và bao hàm sự tham dự của "ngã thức". Nhiều hành vi phân biện không xét đến người phân biện (cái "Tôi").

14. This is the first level of discrimination and relates to the personality level of consciousness. The observing self or "I" is distinguished from that (within the external world) which is observed. This is the first

14. Đây là cấp độ phân biện thứ nhất và liên hệ đến cấp độ tâm thức của phàm ngã. Bản ngã quan sát hay cái "Tôi" được phân biệt với điều được quan sát (trong thế giới bên ngoài). Đây là cấp độ phân biện đầu tiên giữa

level of discrimination between subject and object. The object is found within the world of the senses.

chủ thể và khách thể. Khách thể được tìm thấy trong thế giới của các giác quan.

Second. Discrimination between the Ego and the Personality.

Thứ hai. Sự phân biện giữa Chân ngã và phàm nhân.

15. This is a higher level of discrimination.

15. Đây là một cấp độ phân biện cao hơn.

This narrows the concept down to the sphere of a man's own consciousness, and enables him to differentiate between his subjective self or soul, and the bodies which hold that soul enshrined.

Điều này thu hẹp khái niệm vào phạm vi tâm thức riêng của một người, và giúp y phân biệt giữa bản ngã chủ quan hay linh hồn của mình, với các thể đang giữ linh hồn ấy như trong một điện thờ.

16. People functioning at the first level often regard their bodies or vehicles as the self. This of course is a fundamental error to which a higher form of discrimination needs to be applied.

16. Những người hoạt động ở cấp độ thứ nhất thường xem các thể hay các vận cụ của mình là bản ngã. Dĩ nhiên đây là một sai lầm căn bản mà một hình thức phân biện cao hơn cần được áp dụng vào.

17. Once one is disidentified from one's vehicles, there arises a growing ability to identify *as the soul.* A virtuous circle is created as the more easily one identifies as a soul, the more easily one continues to disidentify from all that is not that soul.

17. Một khi người ta không còn đồng hoá với các vận cụ của mình, thì xuất hiện một khả năng ngày càng tăng để đồng hoá *như linh hồn.* Một vòng tròn thiện lành được tạo ra vì càng dễ đồng hoá như một linh hồn bao nhiêu, người ta càng tiếp tục dễ dàng không đồng hoá với tất cả những gì không phải là linh hồn ấy bấy nhiêu.

This is not [Page 419] by any means so universally developed.

Điều này hoàn toàn không được phát triển phổ quát đến thế.

18. While the ability to distinguish between the "I" and the external world is considerably developed among modern humanity, the ability to know oneself as a soul as distinct from the personality and its vehicles is far rarer.

18. Trong khi khả năng phân biệt giữa cái "Tôi" và thế giới bên ngoài được phát triển đáng kể nơi nhân loại hiện đại, thì khả năng biết chính mình là một linh hồn, khác với phàm ngã và các vận cụ của nó, lại hiếm hơn rất nhiều.

Most men do not as yet distinguish with accuracy between themselves as the THINKER, persistent in time and space, and

Đa số người ta vẫn chưa phân biệt một cách chính xác giữa chính mình như **ĐẤNG TƯ DUY, bền vững trong thời gian và không**

the vehicle through which they think, which is ephemeral and transient.

19. Let as look at some equivalences. There are three terms which describe man as a subjective being:

a. The soul

b. The Ego

c. The Thinker

20. We see a very important realization: the Thinker is "persistent in time and space". Thus is stated the *continuity of soul consciousness*; this continuity is undisrupted by that which is experienced.

21. Each of us must ask within: "Do I know myself as a *soul* distinct from myself as a *personality*?"

The real recognition of this essential duality, and the scientific appreciation of it is to be seen in the mystics, the advanced thinkers of the race, the conscious aspirants, and those nearing the Portal of Initiation.

22. Four types of human beings are mentioned as capable of this recognition of essential duality:

a. The mystics

b. The advanced thinkers of the race

c. The conscious aspirants

gian, và vận cụ mà qua đó họ tư duy, vốn phù du và tạm bợ.

19. Hãy xem một vài tương đương. Có ba thuật ngữ mô tả con người như một hữu thể chủ quan:

a. Linh hồn

b. Chân ngã

c. Đấng Tư Duy

20. Chúng ta thấy một sự chứng nghiệm rất quan trọng: Đấng Tư Duy thì "bền vững trong thời gian và không gian". Như thế, *sự liên tục của tâm thức linh hồn* được phát biểu; sự liên tục này không bị gián đoạn bởi điều được kinh nghiệm.

21. Mỗi chúng ta phải tự hỏi bên trong: "Tôi có biết chính mình như một *linh hồn* khác với chính mình như một *phàm ngã* không?"

Sự nhận biết thực sự về tính nhị nguyên thiết yếu này, và sự đánh giá một cách khoa học về nó, được thấy nơi các nhà thần bí, các nhà tư tưởng tiến bộ của nhân loại, những người chí nguyện hữu thức, và những ai đang tiến gần Cửa Điểm Đạo.

22. Bốn loại người được nêu ra là có khả năng nhận biết tính nhị nguyên thiết yếu này:

a. Các nhà thần bí

b. Các nhà tư tưởng tiến bộ của nhân loại

c. Những người chí nguyện hữu thức

d. Those nearing the Portal of Initiation

23. We note that the term "scientific" is applied even to the mystics, which is interesting. By "scientific", in this context, we may mean *produced by a specific method* and *replicable.*

24. There is also some overlap in these categories and it is possible for a human being to fit into all categories simultaneously.

25. These internal 'recognitions of distinction' are signals of the degree of spiritual advancement of the perceiver.

Third. Discrimination between soul and Spirit, or the realisation by the man that not only can he say, *"I am"*; not only can he realise that *"I am That"*; but that he can advance to a still further realisation, and say, *"I am That I am."*

26. There are three categories of realization and identification of which the human being is capable:

a. The "I am" consciousness appears when he can discriminated between the "I" and the external environment.

b. The "I am That" consciousness appears when he can discriminate between himself as an Ego and himself as a personality.

d. Những ai đang tiến gần Cửa Điểm Đạo

23. Chúng ta lưu ý rằng thuật ngữ "khoa học" được áp dụng ngay cả cho các nhà thần bí, điều này thật thú vị. Trong ngữ cảnh này, "khoa học" có thể được hiểu là *được tạo ra bởi một phương pháp xác định* và *có thể lặp lại.*

24. Cũng có một số chồng lấn giữa các loại này và một con người có thể đồng thời thuộc vào tất cả các loại ấy.

25. Những "sự nhận biết về khác biệt" nội tại này là những dấu hiệu cho thấy mức độ tiến bộ tinh thần của người tri giác.

Thứ ba. Sự phân biện giữa linh hồn và tinh thần, hay sự chứng nghiệm của con người rằng không những y có thể nói, *"Tôi là"*; không những y có thể chứng nghiệm rằng *"Tôi là Cái Đó"*; mà y còn có thể tiến đến một sự chứng nghiệm xa hơn nữa, và nói, *"Tôi là Cái Đó mà Tôi là."*

26. Có ba loại chứng nghiệm và đồng hoá mà con người có khả năng đạt được:

a. Tâm thức "Tôi là" xuất hiện khi y có thể phân biện giữa cái "Tôi" và môi trường bên ngoài.

b. Tâm thức "Tôi là Cái Đó" xuất hiện khi y có thể phân biện giữa chính mình như một Chân ngã và chính mình như một phàm ngã.

c. The “I am That I am” consciousness appears when he can discriminate between himself as Spirit or “pure being” and himself as a soul, united to all other souls.

c. Tâm thức “Tôi là Cái Đó mà Tôi là” xuất hiện khi y có thể phân biện giữa chính mình như Tinh thần hay “bản thể thuần tuý” và chính mình như một linh hồn, hợp nhất với mọi linh hồn khác.

27. We will recognize these three mantrams as associated with the three stages of expression of the sign Leo.

27. Chúng ta sẽ nhận ra ba mantram này gắn liền với ba giai đoạn biểu hiện của dấu hiệu Sư Tử.

In all these expansions and appreciations the discriminative faculty of manas is utilised.

Trong mọi sự mở rộng và đánh giá này, năng lực phân biện của manas được sử dụng.

28. We have been given a list of “expansions” and “appreciations”.

28. Chúng ta đã được trao cho một danh sách những “sự mở rộng” và “sự đánh giá”.

29. They are “expansions” because the meaning of the “I” is progressively enlarged through the successive stages.

29. Chúng là những “sự mở rộng” vì ý nghĩa của cái “Tôi” được mở rộng dần qua các giai đoạn kế tiếp.

30. They are “appreciations” because each new realization is accompanied by ‘spiritual delight’. The term “appreciation” also suggests *acquisition.* That which is acquired with each progressive realization is light and wisdom. “Appreciation”, as well, denotes re-cognition.

30. Chúng là những “sự đánh giá” vì mỗi chứng nghiệm mới đều đi kèm với ‘niềm hoan hỉ tinh thần’. Thuật ngữ “đánh giá” cũng gợi ý *sự thủ đắc.* Điều được thủ đắc với mỗi chứng nghiệm tiến bộ là ánh sáng và minh triết. “Đánh giá”, đồng thời, cũng hàm ý sự nhận biết lại.

Therefore, we can see for ourselves the future development, and whereto it will lead mankind.

Do đó, chúng ta có thể tự mình thấy được sự phát triển tương lai, và nó sẽ dẫn nhân loại đến đâu.

31. DK speaks of how we shall progress into higher states of consciousness through the exercise of ‘psycho-spiritual discrimination’.

31. Chân sư DK nói về cách chúng ta sẽ tiến vào những trạng thái tâm thức cao hơn qua việc vận dụng ‘sự phân biện tâm lý-tinh thần’.

Man now knows himself as a separated unit of consciousness; **he NOW distinguishes between himself and all other materialised selves**;

Con người hiện nay biết mình như một đơn vị tâm thức tách biệt; **GIỜ ĐÂY y phân biệt giữa chính mình và mọi bản ngã đã hiện hình khác**;

32. This is a distinction which is not specifically discussed in relation to the three levels of discrimination.

32. Đây là một sự phân biệt không được bàn đến một cách chuyên biệt trong liên hệ với ba cấp độ phân biện.

33. In short, the human being knows himself to be distinct from other human beings.

33. Nói ngắn gọn, con người biết mình là khác biệt với những con người khác.

34. The capitalization of the word "NOW" suggests that this was not always the case. Under the spell of tribal consciousness this is less the case.

34. Việc viết hoa từ "GIỜ ĐÂY" gợi ý rằng điều này không phải lúc nào cũng như vậy. Dưới ảnh hưởng của tâm thức bộ lạc, điều này ít đúng hơn.

he now realises himself as distinct from every other functioning sphere of matter from the materialised Logos to the cell in his own physical body, and the cell in all bodies on the physical plane.

giờ đây y **chứng nghiệm mình là khác biệt** với mọi khối cầu vật chất đang hoạt động khác, từ Thượng đế đã hiện hình cho đến tế bào trong chính thể xác của y, và tế bào trong mọi thể trên cõi hồng trần.

35. Within the world of manifestation we have "functioning spheres of matter" ensouled by a wide range of intelligences—conscious and unconscious.

35. Trong thế giới biểu hiện, chúng ta có những "khối cầu vật chất đang hoạt động" được phú linh bởi một phạm vi rộng lớn các trí tuệ—hữu thức và vô thức.

36. The "I" knows that it is different from any type of being manifesting through any sphere or matter.

36. Cái "Tôi" biết rằng nó khác với bất kỳ loại hữu thể nào đang biểu hiện qua bất kỳ khối cầu hay vật chất nào.

This separative instinct, this distinguishing self-centredness has been the nursery wherein the infant, man, has segregated himself until he is of full strength, and able to take his share in the work of his group.

Bản năng phân ly này, **sự tập trung vào bản thân có tính phân biệt này** đã là vườn ươm trong đó con người, như một hài nhi, đã tự tách mình ra cho đến khi đủ mạnh, và có thể đảm nhận phần việc của mình trong công việc của nhóm y.

37. The "separative instinct" provides a necessary condition of limitation in which

37. "Bản năng phân ly" cung cấp một điều kiện giới hạn cần thiết trong đó tâm thức

the infant consciousness can grow to a degree of strength sufficient to participate in group work.

non trẻ có thể tăng trưởng đến một mức sức mạnh đủ để tham gia vào công việc nhóm.

38. Separation induces self-reliance.

38. Sự tách biệt tạo ra tính tự lực.

39. In seeking to understand the quality of energy involved in this type of early consciousness, we find the prominence of Leo and of the Sun (considered in its lower expression).

39. Khi tìm cách thấu hiểu phẩm tính của năng lượng liên hệ đến loại tâm thức sơ khai này, chúng ta thấy sự nổi bật của Sư Tử và của Mặt Trời (được xét trong biểu hiện thấp của nó).

40. Self-consciousness must be protected before the human being can become correctly group conscious.

40. Ngã thức phải được bảo vệ trước khi con người có thể trở nên có tâm thức nhóm một cách đúng đắn.

Only the voluntary merging of interest and of aim is of value, and only that is seen in man as he nears the final part of the path of evolution.

Chỉ có **sự hoà nhập tự nguyện về lợi ích và mục tiêu** mới có giá trị, và chỉ điều đó mới được thấy nơi con người khi y tiến gần phần cuối của con đường tiến hoá.

41. We understand that many millions of years of human evolution must occur before there can be a “voluntary merging of interest and of aim”.

41. Chúng ta hiểu rằng phải có nhiều triệu năm tiến hoá nhân loại trước khi có thể có một “sự hoà nhập tự nguyện về lợi ích và mục tiêu”.

42. We might say that this subjugation of self begins with the unfoldment of the sixth petal of the egoic lotus; perhaps during the later unfoldment of the fifth petal it can be visioned.

42. Chúng ta có thể nói rằng sự khuất phục bản ngã này bắt đầu với sự khai mở của cánh hoa thứ sáu của hoa sen chân ngã; có lẽ trong giai đoạn khai mở muộn hơn của cánh hoa thứ năm, điều đó có thể được linh thị.

43. The overcoming of selfishness and the growth of the social consciousness is required to produce this merging.

43. Việc vượt thắng tính ích kỷ và sự tăng trưởng của tâm thức xã hội là điều cần thiết để tạo ra sự hoà nhập này.

It is incident upon an earlier stage of intense self-assertion and intense self-realisation. This stage is with us now; it marks all manifestation, and is the basis of the preservation of identity.

Nó là hệ quả của một giai đoạn sớm hơn của **sự tự khẳng định mãnh liệt và sự tự chứng nghiệm mãnh liệt. Giai đoạn này hiện đang ở cùng chúng ta**; nó đánh dấu mọi biểu hiện, và là nền tảng của việc bảo tồn bản sắc.

44. The phase of focussed personality development lies before the majority of humanity.

44. Giai đoạn phát triển phàm ngã tập trung còn ở phía trước đối với đa số nhân loại.

45. Let us ponder this: the "stage of intense self-assertion and intense self-realization" precedes the stage of the "voluntary merging of interest and of aim".

45. Hãy suy ngẫm điều này: "giai đoạn tự khẳng định mãnh liệt và tự chứng nghiệm mãnh liệt" đi trước giai đoạn "hoà nhập tự nguyện về lợi ích và mục tiêu".

46. There must be a clarification and reinforcement of that which is to be merged before the merging can begin, otherwise a true group with semi-autonomous contributing centers of quality cannot be created.

46. Phải có sự làm sáng tỏ và củng cố điều sẽ được hoà nhập trước khi sự hoà nhập có thể bắt đầu; nếu không, một nhóm chân chính với những trung tâm phẩm tính đóng góp bán tự trị sẽ không thể được tạo ra.

47. Without passage through a prolonged stage of apparent separativeness, distinctiveness of identity cannot be fostered. In this instance, separativeness is literally *self*-protection.

47. Nếu không trải qua một giai đoạn kéo dài của tính tách biệt bề ngoài, thì tính khác biệt của bản sắc không thể được nuôi dưỡng. Trong trường hợp này, tính tách biệt theo nghĩa đen là *sự tự*-bảo vệ.

48. We see the Leo theme evident.

48. Chúng ta thấy chủ đề Sư Tử hiển nhiên ở đây.

49. DK seems to be telling us that this state of self-assertion and self-realization is with us at this particular stage of humanity's development.

49. Chân sư DK dường như đang nói với chúng ta rằng trạng thái tự khẳng định và tự chứng nghiệm này hiện diện nơi chúng ta ở chính giai đoạn phát triển đặc biệt này của nhân loại.

50. Underlying the stage of the separative consciousness is a deep insecurity regarding potential loss of identity or loss of center. It is fundamentally the return to un-centered animal consciousness is feared.

50. Nằm bên dưới giai đoạn tâm thức phân ly là một sự bất an sâu xa liên quan đến khả năng mất bản sắc hay mất trung tâm. Về căn bản, điều bị sợ hãi là sự quay trở lại tâm thức thú vật không có trung tâm.

It distinguishes:

Nó phân biệt:

[Page 420]

[Page 420]

The Logos and all forms within His body.

Thượng đế và mọi hình tướng bên trong thân thể của Ngài.

The planetary Logoi and all forms within Their bodies.

Các Hành Tinh Thượng Đế và mọi hình tướng bên trong các thể của Các Ngài.

Man and all forms within his body.

Con người và mọi hình tướng bên trong thể của y.

51. This type of consciousness is highly discriminative and clarifies the distinction of one thing from another.

51. Loại tâm thức này có tính phân biện rất cao và làm sáng tỏ sự khác biệt giữa vật này với vật khác.

52. Without this type of consciousness, consciousness would become a sphere of confusion. Subject and object would be hopelessly mixed.

52. Nếu không có loại tâm thức này, tâm thức sẽ trở thành một khối cầu hỗn loạn. Chủ thể và khách thể sẽ bị trộn lẫn một cách tuyệt vọng.

That which must be emphasised is the little realised concept that this assertion of "I am" distinguishes not only man, but is the mantric word which preserves the integrity of all groups likewise.

Điều cần phải được nhấn mạnh là khái niệm ít được nhận ra rằng sự khẳng định "Tôi là" này không chỉ phân biệt con người, mà còn là *linh từ mantram bảo tồn tính toàn vẹn của mọi nhóm* nữa.

53. This is an important statement: groups, too, have an identity which must be strengthened and preserved. Groups can become egoistic just as the individual human being can. Groups, too, must perhaps pass through that separative stage during which they are able to assure themselves of their identity and strengthen it.

53. Đây là một phát biểu quan trọng: các nhóm cũng có một bản sắc cần được tăng cường và bảo tồn. Các nhóm có thể trở nên vị kỷ cũng như cá nhân con người có thể như vậy. Có lẽ các nhóm cũng phải đi qua giai đoạn phân ly ấy, trong đó chúng có thể tự xác nhận bản sắc của mình và củng cố nó.

54. 'Group-conscious groups' are those recognizing and expressing unity between themselves and other groups. This is far rarer than the expression of soul-inspired unity between individuals.

54. Những 'nhóm có tâm thức nhóm' là những nhóm nhận biết và biểu lộ sự hợp nhất giữa chính mình với các nhóm khác. Điều này hiếm hơn rất nhiều so với sự biểu lộ hợp nhất do linh hồn cảm hứng giữa các cá nhân.

When man can say "I am That" he is beginning to sense his oneness with his group.

Khi con người có thể nói "Tôi là Cái Đó", y bắt đầu cảm nhận sự nhất thể của mình với nhóm của y.

55. This is the second of the Leo phrases, and rather than being ruled by the isolative "Sun", it is ruled by Neptune (veiled by the Sun)—the energy which overcomes the distinction between boundaries. There is a close connection between Neptune and the realization of Oneness.

55. Đây là câu thứ hai trong các câu của Sư Tử, và thay vì được cai quản bởi "Mặt Trời" có tính cô lập, nó được cai quản bởi Sao Hải Vương (được Mặt Trời che giấu)—năng lượng vượt qua sự phân biệt giữa các ranh giới. Có một mối liên hệ chặt chẽ giữa Sao Hải Vương và sự chứng nghiệm Nhất Thể.

When groups make a similar assertion they are beginning to realise their identity with all other groups.

Khi các nhóm đưa ra một khẳng định tương tự, chúng bắt đầu chứng nghiệm bản sắc của mình với mọi nhóm khác.

56. They then become cooperative groups—soul-inspired.

56. Khi ấy chúng trở thành những nhóm hợp tác—được linh hồn cảm hứng.

When a planetary Logos echoes the words "I am That" He is approaching the hour of synthesis, or of absorption.

Khi một Hành Tinh Thượng Đế vang lên những lời "Tôi là Cái Đó", Ngài đang tiến gần giờ tổng hợp, hay hấp thụ.

57. This would mean that the stage of soul-infusion is almost completed in the life of the Planetary Logos. This stage of soul-infusion precedes the stage of synthesis or absorption governed by the Spirit.

57. Điều này có nghĩa là giai đoạn được linh hồn thấm nhuần hầu như đã hoàn tất trong sự sống của Hành Tinh Thượng Đế. Giai đoạn được linh hồn thấm nhuần này đi trước giai đoạn tổng hợp hay hấp thụ do Tinh thần chi phối.

58. Under the mantram "I am That" the Planetary Logos (Himself a group) realizes His unity with other Planetary Logoi and other groups of Planetary Logoi.

58. Dưới mantram "Tôi là Cái Đó", Hành Tinh Thượng Đế (bản thân Ngài là một nhóm) chứng nghiệm sự hợp nhất của Ngài với các Hành Tinh Thượng Đế khác và các nhóm khác của các Hành Tinh Thượng Đế.

When a solar Logos utters the words, a year of Brahma will be drawing to a close, and the hour of conscious merging with His greater group will be approaching.

Khi một Thái dương Thượng đế thốt ra những lời ấy, **một năm của Brahma** sẽ **sắp kết thúc**, và giờ hoà nhập hữu thức với nhóm lớn hơn của Ngài sẽ đang đến gần.

59. This is a fascinating statement. A "year of Brahma" is one one-hundredth of an occult century (which represents the full life of a Solar Logos as He manifests through a single solar system).

59. Đây là một phát biểu đầy hấp dẫn. Một "năm của Brahma" là một phần một trăm của một thế kỷ huyền bí (đại diện cho toàn bộ sự sống của một Thái dương Thượng đế khi Ngài biểu hiện qua một hệ mặt trời duy nhất).

60. Given that soul consciousness occurs very *late* in the life cycle of entities, it is surprising that only a *year* of Brahma should have elapsed when the soul realization of "I am That" is achieved. The time scale seems entirely out of proportion.

60. Vì tâm thức linh hồn xuất hiện rất *muộn* trong chu kỳ sống của các thực thể, nên thật đáng ngạc nhiên khi chỉ một *năm* của Brahma đã trôi qua vào lúc sự chứng nghiệm linh hồn "Tôi là Cái Đó" được đạt đến. Thang thời gian dường như hoàn toàn không cân xứng.

61. The Solar Logos' greater group is the group which constitutes the expression of a Cosmic Logos.

61. Nhóm lớn hơn của Thái dương Thượng đế là nhóm cấu thành sự biểu lộ của một Vũ Trụ Thượng đế.

62. Are we to understand that the period during which the Solar Logos actually begins to merge with other Solar Logoi in His Cosmic Logos and eventually into the Cosmic Logos, itself, requires ninety-nine one hundredths of the solar logoic life cycle? One senses that the information given is blinded.

62. Chúng ta có nên hiểu rằng giai đoạn trong đó Thái dương Thượng đế thực sự bắt đầu hoà nhập với các Thái dương Thượng đế khác trong Vũ Trụ Thượng đế của Ngài và cuối cùng vào chính Vũ Trụ Thượng đế, đòi hỏi chín mươi chín phần một trăm của chu kỳ sống thái dương logoic chăng? Người ta cảm thấy rằng thông tin được đưa ra đã bị che mờ.

63. What does not make sense about the statement (given what we know) is that, presently, the Solar Logos is half way through His incarnation (cf. TCF 282, 384, 415) or a bit more.

63. Điều không hợp lý trong phát biểu này (xét theo điều chúng ta biết) là hiện nay Thái dương Thượng đế đang ở nửa chặng đường của sự lâm phàm của Ngài (x. TCF 282, 384, 415) hoặc hơn một chút.

The involutionary process is over practically and the **evolutionary is approximately midway through. (TCF 415)**

Tiến trình giáng hạ tiến hoá thực tế đã chấm dứt và tiến trình **thăng thượng tiến hoá xấp xỉ ở giữa chặng. (TCF 415)**

Second. Both are at their point of deepest involution. (TCF 282)

Thứ hai. Cả hai đều ở điểm giáng hạ sâu nhất của chúng. (TCF 282)

64. And there are other references to this point. In a Solar Logos Who has lived half an occult century, some fifty years of Brahma will have elapsed.

64. Và còn có những dẫn chiếu khác về điểm này. Trong một Thái dương Thượng đế đã sống nửa thế kỷ huyền bí, khoảng năm mươi năm của Brahma sẽ đã trôi qua.

65. The only way around this apparent contradiction is to interpret the words, "a year of Brahma will be drawing to a close", as allowing that many years of Brahma had preceded the one that is drawing to a close. This would mean that when *a certain one* of many years of Brahma is drawing to a close, the Solar Logos will have achieved. From this perspective, we will not know ***which*** *particular year of Brahma* in the long life cycle of the Solar Logos is drawing to a close, but we will know that it is a particular one (or to be found in a particular period of Brahma's life when the hour of "conscious merging" can occur).

65. Cách duy nhất để vượt qua mâu thuẫn bề ngoài này là diễn giải những lời "một năm của Brahma sẽ sắp kết thúc" theo nghĩa cho phép rằng nhiều năm của Brahma đã đi trước năm đang sắp kết thúc ấy. Điều này có nghĩa là khi *một năm nào đó* trong nhiều năm của Brahma đang sắp kết thúc, Thái dương Thượng đế sẽ đã đạt được điều này. Từ góc nhìn ấy, chúng ta sẽ không biết ***năm*** *Brahma đặc biệt nào* trong chu kỳ sống dài của Thái dương Thượng đế đang sắp kết thúc, nhưng chúng ta sẽ biết rằng đó là một năm đặc biệt (hay được tìm thấy trong một giai đoạn đặc biệt của đời sống Brahma khi giờ "hoà nhập hữu thức" có thể xảy ra).

Broadly (in relation to man) it might be stated that:

Nói rộng ra (liên hệ đến con người), có thể phát biểu rằng:

"I am" refers to the personality consciousness on three lower planes, or to all that is considered as inferior to the causal body. It concerns a man's realisation of his place upon the globe within a chain.

"Tôi là" liên hệ đến tâm thức phàm ngã trên ba cõi thấp, hay đến tất cả những gì được xem là thấp hơn thể nguyên nhân. Nó liên hệ đến sự chứng nghiệm của con người về vị trí của mình trên bầu hành tinh trong một Dãy.

66. We are given the context in which the "I am" realization is conceived.

66. Chúng ta được cho biết bối cảnh trong đó sự chứng nghiệm "Tôi là" được hình thành.

67. The "I am" realization requires at least some degree of mentality, which should go to prove that, if this realization is achieved upon the fourth globe of the Earth-chain, that globe cannot be a strictly dense, material globe.

67. Sự chứng nghiệm "Tôi là" đòi hỏi ít nhất một mức độ trí tuệ nào đó, điều này hẳn chứng minh rằng nếu sự chứng nghiệm này đạt được trên bầu hành tinh thứ tư của Dãy Địa Cầu, thì bầu hành tinh ấy không thể là một bầu hành tinh vật chất đậm đặc thuần tuý.

68. If we look at a planetary scheme, the globe level is related to the personality, the

68. Nếu chúng ta nhìn vào một hệ hành tinh, thì cấp độ bầu hành tinh liên hệ đến

chain level to the soul and the scheme level to the Monad.

phàm ngã, cấp độ dãy liên hệ đến linh hồn, và cấp độ hệ hành tinh liên hệ đến chân thần.

"I am That" refers to his egoic consciousness, and to the planes of the Triad.

"Tôi là Cái Đó" liên hệ đến tâm thức chân ngã của y, và đến các cõi của Tam nguyên tinh thần.

69. This statement is important; it tells us that the "I am That" realization is not limited to the higher mental planes and to the causal body. The true soul or Ego is focussed upon the planes of the spiritual triad. This statement suggests this fact.

69. Phát biểu này rất quan trọng; nó cho chúng ta biết rằng sự chứng nghiệm "Tôi là Cái Đó" không bị giới hạn trong các cõi thượng trí và thể nguyên nhân. Linh hồn đích thực hay Chân ngã được tập trung trên các cõi của tam nguyên tinh thần. Phát biểu này gợi ra sự kiện ấy.

It concerns a man's realisation of his place within the chain, and his relationship to the group of which he forms a part.

Nó liên hệ đến sự chứng nghiệm của con người về vị trí của mình trong dãy, và mối liên hệ của y với nhóm mà y là một phần trong đó.

70. The "I am That" realization concerns not man's place upon a *globe* within a chain, but his place within the *chain* itself. Presumably those who have achieved this realization have greater freedom within a chain than do those who have achieved the first realization (who may be more confined to a globe)

70. Sự chứng nghiệm "Tôi là Cái Đó" không liên hệ đến vị trí của con người trên một *bầu hành tinh* trong một dãy, mà đến vị trí của y trong chính *dãy* ấy. Có lẽ những ai đã đạt được sự chứng nghiệm này có tự do lớn hơn trong một dãy so với những ai đã đạt được sự chứng nghiệm thứ nhất (những người có thể bị giới hạn nhiều hơn vào một bầu hành tinh)

71. We must not imagine that a planetary chain is as depicted in the theosophical diagrams. We really have no idea concerning the spatial distribution of the globes of a chain or whether they are distributed at all.

71. Chúng ta không được tưởng tượng rằng một dãy hành tinh là như được mô tả trong các sơ đồ Thông Thiên Học. Thực ra chúng ta không hề biết gì về sự phân bố không gian của các bầu hành tinh trong một dãy, hay liệu chúng có thực sự được phân bố hay không.

72. All globes may be super-imposed, and distinguished principally by the rate of frequency of the matter of which they are composed and by polarity.

72. Mọi bầu hành tinh có thể chồng lên nhau, và được phân biệt chủ yếu bởi tần số của vật chất cấu thành chúng và bởi cực tính.

"I am That I am" refers to a man's **monadic consciousness**, and his relationship to the planes of abstraction. It concerns his realisation of his position in the scheme.

"Tôi là Cái Đó mà Tôi là" liên hệ đến **tâm thức chân thần** của con người, và mối liên hệ của y với các cõi trừu tượng. Nó liên hệ đến sự chứng nghiệm của y về vị trí của mình trong hệ hành tinh.

73. The progression continues and predictably the "I am That I am" realization concerns what DK calls "monadic consciousness" and realization of position within a scheme.

73. Sự tiến triển tiếp tục và có thể dự đoán được rằng sự chứng nghiệm "Tôi là Cái Đó mà Tôi là" liên hệ đến điều Chân sư DK gọi là "tâm thức chân thần" và sự chứng nghiệm vị trí trong một hệ hành tinh.

74. Is this suggesting that those who have achieved monadic consciousness have scheme-wide consciousness? This would embrace consciousness of all chains found in the scheme.

74. Điều này có gợi ý rằng những ai đã đạt được tâm thức chân thần thì có tâm thức bao trùm toàn hệ hành tinh không? Điều này sẽ bao gồm tâm thức về mọi dãy được tìm thấy trong hệ hành tinh ấy.

75. It is noteworthy that the Monad does, indeed, have *consciousness.* There are other references in which "consciousness" is said to be a term which does not apply to the Monad or the life aspect.

75. Đáng lưu ý là Chân thần quả thực có *tâm thức.* Có những dẫn chiếu khác trong đó "tâm thức" được nói là một thuật ngữ không áp dụng cho Chân thần hay phương diện sự sống.

When the initiate can say "I am That I am," then he has merged himself with his divine essence, and is freed from form.

Khi điểm đạo đồ có thể nói "Tôi là Cái Đó mà Tôi là", thì y đã **hoà nhập chính mình với tinh túy thiêng liêng của mình**, và được giải thoát khỏi hình tướng.

76. The third Leo mantram, "I am That and That I am" is akin to "I am That I am". This mantram can be pronounced when the high initiate responds to Uranus as the ruler of Leo.

76. Mantram thứ ba của Sư Tử, "Tôi là Cái Đó và Cái Đó là Tôi", tương cận với "Tôi là Cái Đó mà Tôi là". Mantram này có thể được xướng lên khi điểm đạo đồ cao cấp đáp ứng với Sao Thiên Vương như chủ tinh của Sư Tử.

77. If anything, "I am That I am" seems a more advanced mantram than "I am That and That I am".

77. Nếu có gì khác, thì "Tôi là Cái Đó mà Tôi là" dường như là một mantram cao cấp hơn "Tôi là Cái Đó và Cái Đó là Tôi".

78. Both, however, related to the essence of selfhood (which is Selfhood or SELFHOOD).

78. Tuy nhiên, cả hai đều liên hệ đến tinh túy của tính tự ngã (vốn là Tự Ngã hay TỰ NGÃ).

79. Below is given another perspective on these three mantrams.

79. Dưới đây là một góc nhìn khác về ba mantram này.

The first occult assertion marks his emancipation from the three lower kingdoms, and his conscious [Page 421] functioning in the three worlds. This occurred at individualisation through the instrumentality of manas.

Sự khẳng định huyền bí thứ nhất đánh dấu sự giải phóng của y khỏi ba giới thấp, và sự hoạt động [Page 421] hữu thức của y trong ba cõi giới. Điều này đã xảy ra vào lúc biệt ngã hóa qua công cụ của manas.

80. The "I am" realization, however vague (and it may have been vague for a *long* time), became effective at individualization. Through this mantram, man achieved his first separation from animal consciousness. He entered the fourth or human kingdom.

80. Tuy nhiên mơ hồ đến đâu đi nữa (và nó có thể đã mơ hồ trong một thời gian *dài*), sự chứng nghiệm "Tôi là" đã trở nên hữu hiệu vào lúc biệt ngã hóa. Qua mantram này, con người đạt được sự tách biệt đầu tiên của mình khỏi tâm thức động vật. Y bước vào giới thứ tư hay giới nhân loại.

The second occult assertion marks the gradual emancipation of man from the lower three kingdoms, and his complete freeing from lower form domination at the fifth initiation.

Sự khẳng định huyền bí thứ hai đánh dấu sự giải phóng dần dần của con người khỏi ba giới thấp, **và sự giải thoát hoàn toàn của y khỏi sự thống trị của hình tướng thấp ở lần điểm đạo thứ năm**.

81. The "I am That" realization begins with the first initiation (with entrance into the Kingdom of Souls) and culminates at the fifth.

81. Sự chứng nghiệm "Tôi là Cái Đó" bắt đầu với lần điểm đạo thứ nhất (khi bước vào Thiên Giới của các linh hồn) và đạt tột đỉnh ở lần thứ năm.

82. At the fifth initiation, man is freed from "lower form domination" but perhaps not from the domination of the 'forms' of the spiritual triad.

82. Ở lần điểm đạo thứ năm, con người được giải thoát khỏi sự thống trị của hình tướng "thấp", nhưng có lẽ chưa thoát khỏi sự thống trị của các 'hình tướng' của tam nguyên tinh thần.

83. It is curious that we are told in relation to assertion one, that man achieves "emancipation from the three lower kingdom" and, in assertion two, "the gradual emancipation from the three lower kingdoms". It would seem as if the two types of emancipation should be reversed for

83. Thật lạ là liên hệ với khẳng định thứ nhất, chúng ta được bảo rằng con người đạt được "sự giải phóng khỏi ba giới thấp", còn trong khẳng định thứ hai là "sự giải phóng dần dần khỏi ba giới thấp". Dường như hai loại giải phóng này nên được đảo lại, vì "giải

"emancipation" is more complete and decisive than "gradual emancipation".

phóng" thì trọn vẹn và dứt khoát hơn "giải phóng dần dần".

84. At the fifth initiation the man stands at the top of *five* kingdoms, the three lower; and the human kingdom; *and* the Kingdom of Souls.

84. Ở lần điểm đạo thứ năm, con người đứng trên đỉnh của *năm* giới, ba giới thấp; và giới nhân loại; *và* Thiên Giới của các linh hồn.

85. At least with assertion two there is complete freedom from lower form domination. The Master stands as *master* of the three lower worlds.

85. Ít nhất với khẳng định thứ hai, có sự tự do hoàn toàn khỏi sự thống trị của hình tướng thấp. Chân sư đứng như *chủ nhân* của ba cõi thấp.

At the final assertion, the initiate not only distinguishes between the Self, and all other forms of manifestation; he not only distinguishes between his own identity and the soul, as well as matter in form, but he can discriminate between the three—Spirit, Soul, and Matter—and with this realisation he is entirely liberated from manifestation for this greater cycle.

Ở khẳng định cuối cùng, điểm đạo đồ không những phân biệt giữa Bản Ngã và mọi hình tướng biểu hiện khác; y không những phân biệt giữa bản sắc riêng của mình và linh hồn, cũng như vật chất trong hình tướng, **mà y còn có thể phân biện giữa cả ba—Tinh thần, Linh hồn, và Vật chất**—và với sự chứng nghiệm này, y được giải thoát hoàn toàn khỏi biểu hiện trong đại chu kỳ lớn hơn này.

86. The final assertion is "I am That I am".

86. Khẳng định cuối cùng là "Tôi là Cái Đó mà Tôi là".

87. While the initiate distinguishes between the Self and all other forms of manifestation, he does not distinguish between the Self and all other Selves, for they are known to be one.

87. Trong khi điểm đạo đồ phân biệt giữa Bản Ngã và mọi hình tướng biểu hiện khác, y không phân biệt giữa Bản Ngã và mọi bản ngã khác, vì tất cả được biết là một.

88. This type of initiate realizes that his true identity is not that of the soul. It is the Monad or Spirit.

88. Loại điểm đạo đồ này chứng nghiệm rằng bản sắc chân thực của y không phải là của linh hồn. Đó là Chân thần hay Tinh thần.

89. It is no easy matter to discriminate *experientially* between Spirit, Soul and Matter. This is progressively the achievement of the monadically conscious initiate at initiations higher than the fifth, though starting at the fifth.

89. Không phải là việc dễ để phân biện *trên phương diện kinh nghiệm* giữa Tinh thần, Linh hồn và Vật chất. Đây dần dần là thành tựu của điểm đạo đồ có tâm thức chân thần ở những lần điểm đạo cao hơn lần thứ năm, dù bắt đầu từ lần thứ năm.

90. His liberation is from manifestation, not only in the three lower worlds but in the *five* lower worlds—the worlds of human *and* super-human evolution.

90. Sự giải thoát của y là khỏi biểu hiện, không chỉ trong ba cõi thấp mà còn trong *năm* cõi thấp—các cõi của tiến hoá nhân loại *và* siêu nhân loại.

This inherent discriminative faculty of manas, displayed on ever higher spirals leads a man

Năng lực phân biện cố hữu này của manas, được biểu lộ trên những vòng xoắn ngày càng cao hơn, dẫn con người

Into matter and form,

Vào vật chất và hình tướng,

91. This phase sounds involutionary. Spirit on high is led (emanatively) into the lower worlds of matter and form.

91. Giai đoạn này nghe có vẻ thuộc tiến trình giáng hạ tiến hoá. Tinh thần ở trên cao được dẫn (một cách phát xạ) vào các thế giới thấp của vật chất và hình tướng.

92. From another perspective, the first stage of early man's self-conscious development relates to an increasing experience and exploration of matter and concrete form.

92. Từ một góc nhìn khác, giai đoạn đầu của sự phát triển ngã thức nơi con người sơ khai liên hệ đến việc ngày càng kinh nghiệm và thăm dò vật chất và hình tướng cụ thể.

Through all forms of matter on all planes

Qua mọi hình tướng của vật chất trên mọi cõi

93. As the Path of Evolution ascends, the rising consciousness proceeds *through* all forms of matter on all systemic planes—this, over a very long period of time.

93. Khi Con Đường Tiến Hoá đi lên, tâm thức đang thăng tiến tiến hành *qua* mọi hình tướng của vật chất trên mọi cõi của hệ thống —điều này diễn ra trong một thời gian rất dài.

94. The experiencing consciousness is exposed to one vibratory level after another and achieves some degree of skill-in-action in relation to every vibratory level encountered.

94. Tâm thức đang kinh nghiệm được đặt vào hết cấp độ rung động này đến cấp độ rung động khác và đạt được một mức độ kỹ năng trong hành động đối với mọi cấp độ rung động mà nó gặp phải.

and

và

Finally brings about his eventual abstraction *from* all forms and matter, plus the aggregate of **transmuted knowledge** which the evolutionary process has procured for him.

Cuối cùng mang lại sự trừu xuất chung cuộc của y *khỏi* mọi hình tướng và vật chất, cộng với tổng thể của **tri thức đã được chuyển hoá** mà tiến trình tiến hoá đã mang lại cho y.

95. The final or third level of discrimination is an act of *abstraction*. The Monad or Spirit within is abstracted from all forms and from matter on the lower five levels of the cosmic physical plane.

95. Cấp độ phân biện cuối cùng hay thứ ba là một hành vi *trừu xuất*. Chân thần hay Tinh thần bên trong được trừu xuất khỏi mọi hình tướng và khỏi vật chất trên năm cấp độ thấp của cõi hồng trần vũ trụ.

96. This abstraction brings with it, however, the entire wealth of transmuted knowledge he has acquired on his pilgrimage.

96. Tuy nhiên, sự trừu xuất này mang theo toàn bộ sự phong phú của tri thức đã được chuyển hoá mà y đã thủ đắc trong cuộc hành hương của mình.

97. We note that while there is no recollection, memory rules. The knowledge he brings with him is not in the form acquired; rather it is transmuted knowledge applicable on higher planes.

97. Chúng ta lưu ý rằng tuy không có sự hồi tưởng, ký ức vẫn chi phối. Tri thức mà y mang theo không ở hình thức đã được thủ đắc; đúng hơn, đó là tri thức đã được chuyển hoá, có thể áp dụng trên các cõi cao hơn.

98. The transmutation of knowledge into soul faculty begins with individualization and the presence of a causal body. The further transmutation of knowledge occurs with the destruction of the causal body. All that is accumulated is 'translated' into the spiritual triad. Eventually that which is stored within the spiritual triad is raised into the monad which is the final transmutation in relation to the Monad's pilgrimage through lower matter/form.

98. Sự chuyển hoá tri thức thành năng lực của linh hồn bắt đầu với biệt ngã hóa và sự hiện diện của thể nguyên nhân. Sự chuyển hoá sâu hơn của tri thức xảy ra cùng với sự huỷ diệt của thể nguyên nhân. Tất cả những gì được tích luỹ đều được 'chuyển dịch' vào tam nguyên tinh thần. Cuối cùng, điều được lưu giữ trong tam nguyên tinh thần được nâng lên vào chân thần; đó là sự chuyển hoá cuối cùng liên hệ đến cuộc hành hương của Chân thần qua vật chất/hình tướng thấp.

99. We now take up the second characteristic of manas.

b. Ordered activity. Here comes in the concept of intelligent purpose, pursuing a fixed and settled plan, and working out a preconceived ideal in time and space.

100. DK defines "ordered activity" in a threefold manner:

a. Intelligent purpose

b. Pursuing a fixed and settled plan

c. Working out a preconceived ideal in time and space

101. We gather the impression that the plan is not forever changing, but exists in the form which must be expressed.

102. While plans do change (related as they are to the third ray—the 'Ray of Change', the plans of the Hierarchy are based upon the Divine Plan which is characterized (relative to man's ever-changing life) but a degree of stability.

The Microcosm comes into incarnation through impulse based on intelligent purpose originating in his case on the mental plane—the plane of the manasic principle.

103. From the higher mental plane, the impulse towards incarnation originates. This is an Aretian impulse.

99. Giờ đây chúng ta bàn đến đặc tính thứ hai của manas.

b. Hoạt động có trật tự. Ở đây xuất hiện khái niệm về mục đích thông minh, theo đuổi một kế hoạch cố định và ổn định, và triển khai một lý tưởng đã được hình dung trước trong thời gian và không gian.

100. Chân sư DK định nghĩa "hoạt động có trật tự" theo ba cách:

a. Mục đích thông minh

b. Theo đuổi một kế hoạch cố định và ổn định

c. Triển khai một lý tưởng đã được hình dung trước trong thời gian và không gian

101. Chúng ta có ấn tượng rằng kế hoạch không thay đổi mãi mãi, mà tồn tại trong hình thức phải được biểu lộ.

102. Trong khi các kế hoạch quả có thay đổi (vì chúng liên hệ với cung ba—'Cung của Sự Thay Đổi'), các kế hoạch của Thánh Đoàn lại dựa trên Thiên Cơ thiêng liêng, vốn được đặc trưng (so với đời sống luôn thay đổi của con người) bởi một mức độ ổn định nào đó.

Tiểu thiên địa đi vào lâm phàm qua xung lực dựa trên mục đích thông minh, trong trường hợp của y, phát sinh trên cõi trí—cõi của nguyên khí manas.

103. Từ Cõi thượng trí, xung lực hướng tới sự nhập thể phát sinh. Đây là một xung lực Aretian.

104. Every incarnation has "intelligent purpose" behind it and a pre-conceived ideal that is to be achieved in time and space.

104. Mỗi lần nhập thể đều có một "mục đích thông tuệ" đứng sau nó và một lý tưởng được hình thành từ trước cần phải đạt được trong thời gian và không gian.

105. Let us think of our incarnation in these terms.

105. Chúng ta hãy nghĩ về sự nhập thể của mình theo những thuật ngữ này.

106. The word "impulse" suggests the *will* to incarnate.

106. Từ "xung lực" gợi ý *ý chí* nhập thể.

107. The incarnation may be intelligently purposeful and planned, but will the incarnation within the three worlds be pursued through intelligent, ordered activity?

107. Sự nhập thể có thể có mục đích thông tuệ và được hoạch định, nhưng liệu sự nhập thể trong ba cõi thấp có được theo đuổi bằng hoạt động thông tuệ, có trật tự hay không?

An interesting point might here be indicated. The fifth plane, the mental, may be considered on a large scale as holding, in the case of a Heavenly Man, a position symbolically analogous to that held by the causal bodies of the units on His Ray.

Một điểm thú vị có thể được nêu ra ở đây. **Cõi thứ năm, cõi trí, có thể được xem xét trên quy mô lớn như giữ, trong trường hợp của một Đấng Thiên Nhân, một vị trí tương tự về mặt biểu tượng với vị trí do các thể nguyên nhân của các đơn vị trên Cung của Ngài nắm giữ.**

108. This is not easy to interpret. What is being compared? The entire fifth plane is compared to certain causal bodies of units on the Ray of the Heavenly Man.

108. Điều này không dễ giải thích. Điều gì đang được so sánh? Toàn bộ cõi thứ năm được so sánh với một số thể nguyên nhân của các đơn vị trên Cung của Đấng Thiên Nhân.

109. The words, "on a large scale" may well refer to the fifth plane, the mental, as it manifests throughout the solar system.

109. Những từ "trên quy mô lớn" rất có thể ám chỉ cõi thứ năm, cõi trí, như nó biểu hiện khắp hệ mặt trời.

110. The systemic fifth plane is especially conditioned by the Heavenly Men working upon that fifth plane. The conditioning of the system-wide fifth plane is one thing, but each Heavenly Man modifies the fifth plane as He expresses through it.

110. Cõi thứ năm của hệ thống đặc biệt được tác động bởi các Đấng Thiên Nhân hoạt động trên cõi thứ năm ấy. Việc tác động lên cõi thứ năm trên toàn hệ thống là một điều, nhưng mỗi Đấng Thiên Nhân lại biến đổi cõi thứ năm khi Ngài biểu lộ qua đó.

111. What is the Ray of our Heavenly Man? In this solar system, the second. In the next solar system, the first. As the monadic ray of the Logos of a non-sacred planet is non-effective, during this solar system we must be dealing with the second ray when we consider the words "His Ray" in relation to *our* Planetary Logos.

111. Cung của Đấng Thiên Nhân của chúng ta là gì? Trong hệ mặt trời này, là cung hai. Trong hệ mặt trời kế tiếp, là cung một. Vì cung chân thần của Logos của một hành tinh không thiêng liêng là không hữu hiệu, nên trong hệ mặt trời này chúng ta hẳn phải đề cập đến cung hai khi xét những từ "Cung của Ngài" liên hệ với *Đức* Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

112. One way of throwing light on this is to consider that the causal bodies of the units on the same Ray of a Heavenly Man especially condition that portion of the solar systemic fifth plane through which He, the Planetary Logos, expresses.

112. Một cách soi sáng điều này là xem rằng các thể nguyên nhân của các đơn vị trên cùng một Cung của một Đấng Thiên Nhân đặc biệt tác động lên phần của cõi thứ năm của hệ mặt trời mà qua đó Ngài, Đức Hành Tinh Thượng Đế, biểu lộ.

113. That portion of the solar systemic mental plane through which a Planetary Logos expresses will hold a type of relationship to the entire systemic mental plane, and that type of relationship will be largely conditioned by the processes of the causal bodies on the same ray as the ray of that particular Planetary Logos.

113. Phần của cõi trí của hệ mặt trời mà qua đó một Đức Hành Tinh Thượng Đế biểu lộ sẽ giữ một loại quan hệ nào đó với toàn bộ cõi trí của hệ thống, và loại quan hệ ấy phần lớn sẽ được tác động bởi các tiến trình của các thể nguyên nhân trên cùng một cung với cung của Đức Hành Tinh Thượng Đế đặc thù ấy.

114. From another perspective, we may consider that the entire solar systemic mental plane is conditioned by the Ray of the Solar Logos—in this case His *Soul* Ray. That ray quality of the mental plane will naturally be modified (in certain 'systemic locales') by the Ray quality of the various Planetary Logoi.

114. Từ một góc nhìn khác, chúng ta có thể xem rằng toàn bộ cõi trí của hệ mặt trời được tác động bởi Cung của Thái dương Thượng đế—trong trường hợp này là Cung *Linh hồn* của Ngài. Phẩm tính cung đó của cõi trí dĩ nhiên sẽ được biến đổi (trong một số 'địa phương hệ thống') bởi phẩm tính cung của các Hành Tinh Thượng Đế khác nhau.

115. One other approach to shedding light may be worthy of consideration. We know the monadic ray is particularly related to the mental plane of any entity. The term "His Ray" could, in fact, mean the monadic ray (even if, in the case of non-sacred planets, the monadic ray is not yet effective). The conditioning of that portion of the solar

115. Một cách tiếp cận khác để soi sáng có lẽ đáng được xem xét. Chúng ta biết rằng cung chân thần đặc biệt liên hệ với cõi trí của bất kỳ thực thể nào. Thuật ngữ "Cung của Ngài" thật ra có thể có nghĩa là cung chân thần (dù trong trường hợp các hành tinh không thiêng liêng, cung chân thần ấy chưa hữu hiệu). Việc tác động lên phần của cõi trí của

systemic mental plane through which a particular Planetary Logos expresses could be particularly conditioned by the monadic ray of that Planetary Logos.

hệ mặt trời mà qua đó một Đức Hành Tinh Thượng Đế đặc thù biểu lộ có thể đặc biệt được tác động bởi cung chân thần của Đức Hành Tinh Thượng Đế ấy.

116. In our planetary scheme, the second ray causal bodies hold a special position. In another planetary scheme the causal bodies on the same ray as the Planetary Logos of that scheme would hold a predominant position.

116. Trong hệ hành tinh của chúng ta, các thể nguyên nhân cung hai giữ một vị trí đặc biệt. Trong một hệ hành tinh khác, các thể nguyên nhân trên cùng một cung với Đức Hành Tinh Thượng Đế của hệ ấy sẽ giữ vị trí trội hơn.

117. The analogy that DK has proposed is not yet thoroughly interpreted in the foregoing, nor are some subtle enigmas penetrated. More pondering will be required.

117. Sự tương đồng mà Chân sư DK đã đề xuất vẫn chưa được giải thích thấu đáo trong phần trên, và một số bí ẩn vi tế cũng chưa được xuyên thấu. Sẽ cần suy ngẫm thêm.

Some causal bodies are on the third and some on the second subplanes,

Một số thể nguyên nhân ở trên cõi phụ thứ ba và một số ở trên cõi phụ thứ hai,

118. The causal bodies of advanced men and those beyond the stage of initiate of the first degree are found on the second sub-plane; all other causal bodies are found upon the third.

118. Các thể nguyên nhân của những người nam và nữ tiến hóa cao và của những ai vượt quá giai đoạn điểm đạo đồ bậc một được tìm thấy trên cõi phụ thứ hai; tất cả các thể nguyên nhân khác được tìm thấy trên cõi phụ thứ ba.

119. We note, interestingly, that the planes on which causal bodies can be found (on our planet) correlate with two of the rays prominent in the expression of our Planetary Logos—the third and second.

119. Thật thú vị, chúng ta lưu ý rằng các cõi mà trên đó có thể tìm thấy các thể nguyên nhân (trên hành tinh của chúng ta) tương ứng với hai trong các cung nổi bật trong sự biểu lộ của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta—cung ba và cung hai.

and the intricacy is excessive and various,

và sự phức tạp thì quá mức và đa dạng,

120. We are beginning to get an idea about what excessive intricacy is. The second, third and fifth rays together are useful in dealing with such intricacy; the first, sixth and fourth rays would not wish to have much to do with it.

120. Chúng ta đang bắt đầu có một ý niệm về sự phức tạp quá mức là gì. Cung hai, cung ba và cung năm cùng nhau hữu ích trong việc xử lý sự phức tạp như thế; cung một, cung sáu và cung bốn sẽ không muốn dính dáng nhiều đến nó.

producing geometrical forms allied somewhat to those portrayed upon the charts.

tạo ra những hình thể hình học phần nào tương tự với những hình được mô tả trên các biểu đồ.

121. We are gathering that the relations between causal bodies located on different subplanes produce geometrical forms.

121. Chúng ta đang hiểu rằng các quan hệ giữa các thể nguyên nhân nằm trên những cõi phụ khác nhau tạo ra các hình thể hình học.

122. The geometry portrayed on Charts VI and VII is fairly straightforward. It is difficult to imagine how relationships between causal bodies could be portrayed by such geometrical forms.

122. Hình học được mô tả trên Biểu đồ VI và VII khá đơn giản. Thật khó hình dung làm sao các quan hệ giữa các thể nguyên nhân có thể được mô tả bằng những hình thể hình học như vậy.

123. It is possible that relations between different members of an egoic group are laid out geometrically. The group around 'greater Saturn' is as an Ashram. At the time this book was written, there were Ashrams upon the higher mental plane, and perhaps geometrical relationship characterized the relations in such Ashrams just as geometry characterizes the relationships within the solar system (between schemes) and within the planetary schemes (between chains).

123. Có thể các quan hệ giữa những thành viên khác nhau của một nhóm chân ngã được bố trí theo hình học. Nhóm quanh 'Saturn lớn hơn' giống như một ashram. Vào thời điểm cuốn sách này được viết, đã có các ashram trên Cõi thượng trí, và có lẽ quan hệ hình học đặc trưng cho các quan hệ trong những ashram như thế, cũng như hình học đặc trưng cho các quan hệ trong hệ mặt trời (giữa các hệ hành tinh) và trong các hệ hành tinh (giữa các Dãy).

All is ordered activity of the units (each pursuing [Page 422] his own self-centred purpose and following the inclination of the lower self, whose slogan is "I am").

Tất cả đều là hoạt động có trật tự của các đơn vị (mỗi đơn vị theo đuổi [Page 422] mục đích tập trung vào bản thân riêng của y và đi theo khuynh hướng của phàm ngã, khẩu hiệu của nó là "Ta là").

124. DK seems to be speaking of ordered activity originating on the systemic higher mental plane.

124. Chân sư DK dường như đang nói về hoạt động có trật tự phát sinh trên cõi thượng trí của hệ thống.

125. Initially, this ordered activity emanating from the higher mental plane results (on the eighteen lower sub-planes) as the expression of self-centered purpose.

125. Ban đầu, hoạt động có trật tự phát ra từ cõi thượng trí dẫn đến (trên mười tám cõi phụ thấp) sự biểu lộ của mục đích tập trung vào bản thân.

126. It would seem that this would especially be the case if the causal bodies of those concerned were focussed on the third sub-plane of the higher mental plane rather than the second.

126. Có vẻ như điều này đặc biệt đúng nếu các thể nguyên nhân của những người liên hệ được tập trung trên cõi phụ thứ ba của Cõi thượng trí hơn là cõi phụ thứ hai.

127. The initial expression of man (before group consciousness has been achieved) is selfish and separative.

127. Sự biểu lộ ban đầu của con người (trước khi tâm thức nhóm được đạt tới) là ích kỷ và phân ly.

128. This selfish activity is the *first* kind of ordered activity.

128. Hoạt động ích kỷ này là loại hoạt động có trật tự *thứ nhất*.

This will gradually give place to the **ordered activity of the groups** in which the units recognise the **oneness of their self-interest,** and therefore intelligently, actively, and with conscious purpose work for the good of the body corporate.

Điều này sẽ dần dần nhường chỗ cho **hoạt động có trật tự của các nhóm** trong đó các đơn vị nhận ra **tính nhất thể của quyền lợi riêng của mình,** và do đó một cách thông tuệ, tích cực, và với mục đích hữu thức, hoạt động vì lợi ích của toàn thể tập đoàn.

129. This is the second kind of "ordered activity" and represents a later evolutionary stage—one in which the causal bodies of those concerned are focussed on the second sub-plane of the mental plane.

129. Đây là loại "hoạt động có trật tự" thứ hai và tượng trưng cho một giai đoạn tiến hoá muộn hơn—một giai đoạn trong đó các thể nguyên nhân của những người liên hệ được tập trung trên cõi phụ thứ hai của cõi trí.

130. At earlier stages of evolution self-interest seems a divergent factor—divergent from the self-interest of others. Later it is realized that to consider the self-interest of another as one's own self-interest leads to the good of the body corporate.

130. Ở các giai đoạn tiến hoá sớm hơn, quyền lợi riêng dường như là một yếu tố phân kỳ—phân kỳ với quyền lợi riêng của người khác. Về sau người ta nhận ra rằng xem quyền lợi riêng của người khác như quyền lợi riêng của mình sẽ dẫn đến lợi ích của toàn thể tập đoàn.

131. The soul-infused human being becomes the "man for others".

131. Con người được linh hồn thấm nhuần trở thành "con người vì người khác".

132. Causal bodies on the second sub-plane of the mental plane enter a new type of magnetic relationship distinguished from causal relationships on the third sub-plane.

132. Các thể nguyên nhân trên cõi phụ thứ hai của cõi trí bước vào một loại quan hệ từ tính mới, khác với các quan hệ nguyên nhân trên cõi phụ thứ ba. Những thể nguyên nhân

These causal bodies related under the “Law of Magnetic Impulse”—the second law of soul.

này liên hệ dưới “Định luật Xung Động Từ Tính”—định luật thứ hai của linh hồn.

The vibration which occultly accompanies the sounding of the words "I am That" by the units on the physical plane is only very faintly beginning to make itself felt.

Rung động một cách huyền bí đi kèm với việc xướng lên những lời "Ta là Cái Đó" bởi các đơn vị trên cõi hồng trần chỉ mới rất mờ nhạt bắt đầu làm cho chính nó được cảm nhận.

133. The phrase “I am That” is sounded by those who are members of the Kingdom of Souls (the fifth kingdom) and fully sounded by the Master of the Wisdom.

133. Cụm từ “Ta là Cái Đó” được xướng lên bởi những ai là thành viên của Thiên Giới của các linh hồn (giới thứ năm) và được xướng trọn vẹn bởi Chân sư Minh triết.

134. Although the number of initiates of the first degree is rapidly increasing and will soon increase tremendously, the sound of the “I am That” mantram is presently quite faint upon the physical plane. Perhaps it is sounded more strongly in the subtle worlds.

134. Mặc dù số lượng những điểm đạo đồ bậc một đang tăng nhanh và sẽ sớm tăng lên rất lớn, âm thanh của mantram “Ta là Cái Đó” hiện nay vẫn còn khá mờ nhạt trên cõi hồng trần. Có lẽ nó được xướng mạnh hơn trong các cõi vi tế.

Units here and there are sounding it forth by their lives, and are thus passing on the vibration, and setting it in motion against the cruder, coarser one of "I am."

Các đơn vị đây đó đang xướng nó ra bằng chính đời sống của họ, và nhờ vậy truyền rung động ấy đi, đặt nó vào chuyển động chống lại rung động thô nặng hơn của "Ta là."

135. From the perspective of the Words of Power, the “I am That” mantram is correlated with the O.M. and the “I am” mantram with the A.U.M.

135. Từ góc độ của các Quyền năng từ, mantram “Ta là Cái Đó” tương ứng với O.M. và mantram “Ta là” tương ứng với A.U.M.

136. Planetarily, “I am That” can be correlated with Venus and “I am” with Mars.

136. Về mặt hành tinh, “Ta là Cái Đó” có thể tương ứng với Sao Kim và “Ta là” với Sao Hỏa.

137. Or from another perspective, “I am That” can be correlated with the Ascendant and “I am” with the Sun-sign (in its lower expression).

137. Hoặc từ một góc nhìn khác, “Ta là Cái Đó” có thể tương ứng với dấu hiệu mọc và “Ta là” với dấu hiệu Mặt Trời (trong biểu lộ thấp của nó).

138. We note that when a unit sounds "I am That", the vibration is passed on to others, presumably gathering them into a greater likelihood of soul expression in their lives.

138. Chúng ta lưu ý rằng khi một đơn vị xướng "Ta là Cái Đó", rung động ấy được truyền sang những người khác, hẳn là tập hợp họ vào khả năng lớn hơn để biểu lộ linh hồn trong đời sống của họ.

The time for the sounding of the final mantric phrase by ordered active groups lies ahead in the sixth and seventh rounds, and will not reach its full vibration in this solar system at all.

Thời điểm để xướng lên cụm từ mantram cuối cùng bởi các nhóm có trật tự và tích cực còn ở phía trước trong cuộc tuần hoàn thứ sáu và thứ bảy, và hoàn toàn sẽ không đạt tới rung động trọn vẹn của nó trong hệ mặt trời này.

139. This is a prophetic statement. The sounding of "I am That I am" will not even sound fully in the sixth and seven root races of our round; not even fully in the sixth and seventh rounds of our chain. According to what is said, even the completion of the Earth-scheme process will not see the full sounding of the "final mantric phrase".

139. Đây là một phát biểu tiên tri. Việc xướng "Ta là Cái Đó Ta là" sẽ không vang lên trọn vẹn ngay cả trong giống dân gốc thứ sáu và thứ bảy của cuộc tuần hoàn chúng ta; cũng không trọn vẹn ngay cả trong cuộc tuần hoàn thứ sáu và thứ bảy của Dãy chúng ta. Theo điều được nói ở đây, ngay cả sự hoàn tất tiến trình của hệ Địa Cầu cũng sẽ không chứng kiến sự xướng trọn vẹn của "cụm từ mantram cuối cùng".

140. We may perhaps wonder whether DK is speaking of the sixth and seventh scheme rounds rather than the rounds related to our chain.

140. Có lẽ chúng ta có thể tự hỏi liệu Chân sư DK đang nói về cuộc tuần hoàn thứ sáu và thứ bảy của hệ hành tinh thay vì các cuộc tuần hoàn liên hệ với Dãy của chúng ta hay không.

141. Our Heavenly Man cannot expect to see His monadic energy activated in this solar system. Because He is presently a non-sacred planet, His monadic ray is "occultly non-effective" (EA 363)

141. Đấng Thiên Nhân của chúng ta không thể mong thấy năng lượng chân thần của Ngài được hoạt hóa trong hệ mặt trời này. Bởi vì hiện nay Ngài là một hành tinh không thiêng liêng, cung chân thần của Ngài "một cách huyền bí là không hữu hiệu" (EA 363)

142. The sixth and seventh rounds of our Earth-chain are, however, 'rounds of abstraction' and are related to the Monad, so some degree of this sounding will eventuate even upon this chain, the Earth-chain.

142. Tuy nhiên, cuộc tuần hoàn thứ sáu và thứ bảy của Dãy Địa Cầu chúng ta là những 'cuộc tuần hoàn trừu xuất' và có liên hệ với chân thần, nên một mức độ nào đó của sự xướng này sẽ xảy ra ngay cả trên Dãy này, Dãy Địa Cầu.

143. Ordered, active group process occurs in relation to the sounding of both "I am That" and "I am That I am". We gather that these mantrams are sounded not so much by individuals as by groups and congeries of groups.

143. Tiến trình nhóm có trật tự, tích cực xảy ra liên hệ với việc xướng cả "Ta là Cái Đó" lẫn "Ta là Cái Đó Ta là". Chúng ta hiểu rằng những mantram này không được xướng nhiều bởi các cá nhân cho bằng bởi các nhóm và các tập hợp nhóm.

144. If it seems that an individual is sounding these mantrams, it must be remembered that, in terms of identification, that *individual* is a *group.*

144. Nếu có vẻ như một cá nhân đang xướng những mantram này, cần nhớ rằng, xét theo phương diện đồng hoá với, *cá nhân* ấy là một *nhóm.*

145. Just as "I Am" correlates with the energy of the Sun-sign, and "I Am That" with the Rising-sign, so "I Am That I Am" correlates with the energy of the sign opposite the Sun-sign.

145. Cũng như "Ta Là" tương ứng với năng lượng của dấu hiệu Mặt Trời, và "Ta Là Cái Đó" tương ứng với năng lượng của dấu hiệu mọc, thì "Ta Là Cái Đó Ta Là" tương ứng với năng lượng của dấu hiệu đối diện với dấu hiệu Mặt Trời.

"I am That" will peal forth fully consummated in this system of duality, for **the third initiation sees the initiate comprehending its mantric force.**

"Ta là Cái Đó" sẽ vang lên trọn vẹn trong hệ thống nhị nguyên tính này, vì **lần điểm đạo thứ ba cho thấy điểm đạo đồ thấu hiểu mãnh lực mantram của nó.**

146. It is predicted that the Solar Logos will take not only the third *cosmic* initiation, but the fourth and, perhaps, even the fifth. This suggests that in this second solar system, the third initiation (which sees the definite emergence into prominence of the second aspect of divinity) will frequently be seen. Fourth and fifth degree initiates will also appear in significant numbers.

146. Người ta tiên đoán rằng Thái dương Thượng đế sẽ không chỉ nhận lần điểm đạo *vũ trụ* thứ ba, mà còn lần thứ tư và có lẽ cả lần thứ năm. Điều này gợi ý rằng trong hệ mặt trời thứ hai này, lần điểm đạo thứ ba (lần cho thấy sự xuất hiện rõ rệt của phương diện thứ hai của thiên tính) sẽ thường xuyên được thấy. Các điểm đạo đồ bậc bốn và bậc năm cũng sẽ xuất hiện với số lượng đáng kể.

147. The Solar Logos will fully consummate His present goal of the third cosmic initiation (cf. TCF 384)

147. Thái dương Thượng đế sẽ hoàn tất trọn vẹn mục tiêu hiện tại của Ngài là lần điểm đạo vũ trụ thứ ba (x. TCF 384)

148. For the human being, access to the "I am That" mantram *begins* at the first initiation, is *comprehended* at the third and *fully realized* at the fifth, when the Master is freed entirely from the lower three worlds, having *mastered* them.

148. Đối với con người, việc tiếp cận mantram "Ta là Cái Đó" *bắt đầu* ở lần điểm đạo thứ nhất, được *thấu hiểu* ở lần điểm đạo thứ ba và *được chứng nghiệm trọn vẹn* ở lần điểm đạo thứ năm, khi Chân sư được giải thoát hoàn toàn khỏi ba cõi thấp, vì đã *làm chủ* chúng.

Nevertheless, initiates of the sixth and seventh Initiations will not preponderate in this system.

Tuy nhiên, các điểm đạo đồ của lần điểm đạo thứ sáu và thứ bảy sẽ không chiếm ưu thế trong hệ thống này.

149. As stated, the sixth and seventh initiations are initiations of abstraction and are associated with the Monad (sixth) or with the fiery essence of the Monad (seventh).

149. Như đã nói, lần điểm đạo thứ sáu và thứ bảy là những lần điểm đạo trừu xuất và gắn liền với chân thần (thứ sáu) hoặc với tinh chất lửa của chân thần (thứ bảy).

150. Our Solar Logos will not express His monadic ray at all fully in this solar system. In fact, only in the next solar system will He take the sixth cosmic initiation (we are told) and perhaps the fifth if He does not complete it in this solar system. Thus (in reflection of the limitations of the Solar Logos) sixth and seventh initiations for the microcosm, for other life units and for Planetary Logoi will not preponderate in this solar system.

150. Thái dương Thượng đế của chúng ta sẽ không biểu lộ trọn vẹn cung chân thần của Ngài trong hệ mặt trời này. Thật ra, chỉ trong hệ mặt trời kế tiếp Ngài mới nhận lần điểm đạo vũ trụ thứ sáu (như chúng ta được cho biết) và có lẽ lần thứ năm nếu Ngài không hoàn tất nó trong hệ mặt trời này. Vì vậy (phản ánh những giới hạn của Thái dương Thượng đế), các lần điểm đạo thứ sáu và thứ bảy đối với tiểu thiên địa, đối với các đơn vị sự sống khác và đối với các Hành Tinh Thượng Đế sẽ không chiếm ưu thế trong hệ mặt trời này.

151. Since, microcosmically, it is initiates of the sixth degree and beyond that escape, eventually, from this solar system and make their way via the "Way of Higher Evolution" towards other starry systems, it can be presumed that the majority of human

151. Vì, ở cấp độ tiểu thiên địa, chính các điểm đạo đồ bậc sáu trở lên cuối cùng thoát khỏi hệ mặt trời này và đi theo "Con đường Tiến Hóa Cao Siêu" hướng tới các hệ sao khác, nên có thể giả định rằng đa số nhân loại vẫn còn một định mệnh liên hệ với hệ mặt trời kế tiếp.

beings, still have a destiny in relation to the next solar system.

After the fifth round **and the passing into temporary obscuration of two fifths of the human family**, the remaining units will achieve an approximate standing as follows:

152. The fifth round sees the "Judgment Day". During the fifth round two fifths of humanity will pass into temporary obscuration (which is not their final obscuration) in order to be transferred to another planet (perhaps Mars) for further development because conditions within the Earth-scheme would be too advanced to promote their further development.

153. Three fifths of Earth humanity will remain with the Earth-scheme.

154. The divisions below seem to suggest how these remaining three fifths (remaining after the "Judgment Day") will achieve by the close of the round.

155. The word “after”, however, is ambiguous because we do not know whether the achievements listed below will occur *immediately after* the fifth round or *during* the subsequent two rounds which is a time period also occurring “after” the fifth round.

156. When we focus on the words, “will achieve an approximate standing” and relate these words to the word, “after”, we may be led to two options:

a. That at the end of the fifth round the level of attainment will be as listed below, with one fifth sounding the mantram “I Am That I Am”; two-fifths achieving the degree of

Sau cuộc tuần hoàn thứ năm **và sự đi vào che khuất tạm thời của hai phần năm gia đình nhân loại**, các đơn vị còn lại sẽ đạt được một vị thế xấp xỉ như sau:

152. Cuộc tuần hoàn thứ năm chứng kiến "Ngày Phán Xét". Trong cuộc tuần hoàn thứ năm, hai phần năm nhân loại sẽ đi vào che khuất tạm thời (không phải là sự che khuất cuối cùng của họ) để được chuyển sang một hành tinh khác (có lẽ là Sao Hỏa) nhằm tiếp tục phát triển, vì các điều kiện trong hệ Địa Cầu sẽ quá tiến bộ để thúc đẩy sự phát triển thêm của họ.

153. Ba phần năm nhân loại Trái Đất sẽ ở lại với hệ Địa Cầu.

154. Những phân chia dưới đây dường như gợi ý cách mà ba phần năm còn lại này (còn lại sau "Ngày Phán Xét") sẽ đạt được vào lúc kết thúc cuộc tuần hoàn.

155. Tuy nhiên, từ “sau” thì mơ hồ vì chúng ta không biết liệu những thành tựu được liệt kê dưới đây sẽ xảy ra *ngay sau* cuộc tuần hoàn thứ năm hay *trong* hai cuộc tuần hoàn tiếp theo, vốn cũng là một khoảng thời gian xảy ra “sau” cuộc tuần hoàn thứ năm.

156. Khi chúng ta tập trung vào những từ “sẽ đạt được một vị thế xấp xỉ” và liên hệ những từ này với từ “sau”, chúng ta có thể được dẫn đến hai khả năng:

a. Rằng vào cuối cuộc tuần hoàn thứ năm, mức độ thành tựu sẽ như được liệt kê dưới đây, với một phần năm xướng mantram “Ta Là Cái Đó Ta Là”; hai phần năm đạt tới bậc

Mastership; three-tenths achieving the third degree; and one tenth beginning to tread the Path.

Chân sư; ba phần mười đạt tới bậc ba; và một phần mười bắt đầu bước trên Con Đường.

b. OR, that these developments occur gradually "after" the fifth round is concluded, perhaps extending to the conclusion of the seventh round.

b. HOẶC, rằng những phát triển này xảy ra dần dần "sau" khi cuộc tuần hoàn thứ năm kết thúc, có lẽ kéo dài đến khi kết thúc cuộc tuần hoàn thứ bảy.

157. Ambiguity of language makes a clear decision on these matters difficult. The whole matter would have been easy to understand had these words been used—"at the end of the fifth round"—instead of the word "after".

157. Tính mơ hồ của ngôn ngữ khiến việc quyết định rõ ràng về những vấn đề này trở nên khó khăn. Toàn bộ vấn đề hẳn đã dễ hiểu nếu những từ này được dùng—"vào cuối cuộc tuần hoàn thứ năm"—thay cho từ "sau".

158. We have to hold both options open, not discounting the thought that, indeed, the achievements listed below may have occurred once the fifth round has reached its termination.

158. Chúng ta phải giữ cả hai khả năng để ngỏ, không loại trừ ý nghĩ rằng quả thật những thành tựu được liệt kê dưới đây có thể đã xảy ra khi cuộc tuần hoàn thứ năm đi đến chấm dứt.

159. We can see that the Tibetan is rather careful not to give us a 'concrete anchor' in designating the specific timing of the "Judgment Day" or condition of humanity at the end of the fifth round.

159. Chúng ta có thể thấy rằng Chân sư Tây Tạng khá cẩn trọng khi không cho chúng ta một 'mỏ neo cụ thể' trong việc chỉ định thời điểm chính xác của "Ngày Phán Xét" hay tình trạng của nhân loại vào cuối cuộc tuần hoàn thứ năm.

160. From this section can we tell anything about when the "Judgment Day" actually occurs? We know that at the "Judgment Day" two-fifths of the human family will pass into a temporary obscuration. But we also see from this section that the passing of two-fifths into obscuration seems to be linked with the *end* of the round—or at least, such a passing will have occurred by that time. Could it be possible then, that the "Judgment Day" occurs not in the middle of the fifth round but more towards the end?

160. Từ phần này, liệu chúng ta có thể biết điều gì về thời điểm "Ngày Phán Xét" thực sự xảy ra không? Chúng ta biết rằng vào "Ngày Phán Xét", hai phần năm gia đình nhân loại sẽ đi vào một sự che khuất tạm thời. Nhưng chúng ta cũng thấy từ phần này rằng việc hai phần năm đi vào che khuất dường như gắn với *cuối* cuộc tuần hoàn—hoặc ít nhất, sự đi vào như thế sẽ đã xảy ra vào thời điểm đó. Vậy có thể nào "Ngày Phán Xét" không xảy ra ở giữa cuộc tuần hoàn thứ năm mà gần về cuối hơn chăng?

161. While we might be tempted to entertain such a thought, we will have to reckon with opposing evidence in the following statement:

"from the middle of the Third Root Race, at the fourth Found to the 'Judgment Day' **in the middle of the Fifth Round**." (TCF 373—under Chart VI)

One fifth will mantrically sound the words "I am That I am. "

162. This one fifth of the remaining three fifths will have achieved the sixth or seventh initiation. They will be focussed within monadic consciousness.

Two fifths will achieve the fifth Initiation and will know themselves as "I am That." They will also be cultivating response to the higher note.

163. Again we see that the full realization of the mantram, "I am That", occurs at the fifth initiation, presumably ruled by Leo and the first ray, and displaying that quality of realization known as "Isolated Unity".

164. We note that this group will also be cultivating monadic consciousness.

One fifth and a half will attain the third Initiation, and **will know themselves as "I am That" in full consciousness.**

165. Three tenths of the remaining three fifths will take the third initiation. Earlier we learned that the third initiation sees the initiate "comprehending" the mantram "I am That". Here it seems that not only does

161. Dù chúng ta có thể bị cám dỗ để chấp nhận một ý nghĩ như vậy, chúng ta sẽ phải tính đến bằng chứng đối nghịch trong phát biểu sau đây:

"từ giữa Giống dân gốc thứ ba, ở Found thứ tư đến 'Ngày Phán Xét' **ở giữa Cuộc Tuần Hoàn Thứ Năm**." (TCF 373—dưới Biểu đồ VI)

Một phần năm sẽ xướng theo mantram những lời "Ta là Cái Đó Ta là. "

162. Một phần năm này của ba phần năm còn lại sẽ đã đạt tới lần điểm đạo thứ sáu hoặc thứ bảy. Họ sẽ được tập trung trong tâm thức chân thần.

Hai phần năm sẽ đạt lần điểm đạo thứ năm và sẽ biết mình là "Ta là Cái Đó." Họ cũng sẽ vun bồi sự đáp ứng với âm điệu cao hơn.

163. Một lần nữa chúng ta thấy rằng sự chứng nghiệm trọn vẹn của mantram "Ta là Cái Đó" xảy ra ở lần điểm đạo thứ năm, hẳn là do Sư Tử và cung một cai quản, và biểu lộ phẩm tính chứng nghiệm được biết đến như "Hợp Nhất Cô Lập".

164. Chúng ta lưu ý rằng nhóm này cũng sẽ vun bồi tâm thức chân thần.

Một phần năm rưỡi sẽ đạt lần điểm đạo thứ ba, và **sẽ biết mình là "Ta là Cái Đó" trong tâm thức trọn vẹn.**

165. Ba phần mười của ba phần năm còn lại sẽ nhận lần điểm đạo thứ ba. Trước đây chúng ta đã học rằng lần điểm đạo thứ ba cho thấy điểm đạo đồ "thấu hiểu" mantram "Ta là Cái Đó". Ở đây dường như không chỉ

the initiate comprehend I am That" but that he *knows* himself as "I am That" *in full consciousness.*

166. We have to realize that the third and fifth initiations during the fifth round may require higher attainments of their initiates than the third and fifth initiations in this, the fourth, round.

167. Those taking the third initiation will not be in a position to cultivate the "higher note" as will those who have taken the fifth degree.

The remaining units will be those who are treading the Path, and beginning to know themselves as the group.

168. The remaining units are one tenth of the three fifths remaining in the Earth-scheme following the "Judgment Day".

169. When we say that they are beginning to know themselves "as a group", it tells us that they are candidates for the second initiation, ruled, in part, by the group sign Aquarius—the sign, Masonically, of the "Fellowcraft".

170. When we read of the conflicts surrounding the "Judgment Day" and the strife to be found upon the mental plane at that time, let us relate what is said here about the kinds of achievement which will result by the end of the fifth round. It may illuminate the nature of the contest occurring at the time of the "Judgment Day".

171. When will the remaining units achieve as indicated above? It will be *after* the fifth

điểm đạo đồ thấu hiểu "Ta là Cái Đó" mà y còn *biết* mình là "Ta là Cái Đó" *trong tâm thức trọn vẹn.*

166. Chúng ta phải nhận ra rằng lần điểm đạo thứ ba và thứ năm trong cuộc tuần hoàn thứ năm có thể đòi hỏi nơi các điểm đạo đồ của chúng những thành tựu cao hơn so với lần điểm đạo thứ ba và thứ năm trong cuộc tuần hoàn thứ tư này của chúng ta.

167. Những ai nhận lần điểm đạo thứ ba sẽ không ở vào vị thế để vun bồi "âm điệu cao hơn" như những ai đã nhận bậc thứ năm.

Các đơn vị còn lại sẽ là những người đang bước trên Con Đường, và bắt đầu biết mình là nhóm.

168. Các đơn vị còn lại là một phần mười của ba phần năm còn lại trong hệ Địa Cầu sau "Ngày Phán Xét".

169. Khi chúng ta nói rằng họ đang bắt đầu biết mình "như một nhóm", điều đó cho biết họ là những ứng viên cho lần điểm đạo thứ hai, được cai quản một phần bởi dấu hiệu nhóm Bảo Bình—dấu hiệu, theo Masonically, của "Người Thợ Bạn".

170. Khi chúng ta đọc về những xung đột bao quanh "Ngày Phán Xét" và sự tranh đấu được thấy trên cõi trí vào thời điểm ấy, hãy liên hệ với điều được nói ở đây về những loại thành tựu sẽ xuất hiện vào cuối cuộc tuần hoàn thứ năm. Điều đó có thể soi sáng bản chất của cuộc tranh chấp xảy ra vào thời "Ngày Phán Xét".

171. Khi nào các đơn vị còn lại sẽ đạt được như đã chỉ ra ở trên? Chúng ta được bảo rằng điều đó sẽ là *sau* cuộc tuần hoàn thứ năm, và

round, we are told, and, perhaps, not until the seventh round has elapsed.

172. The type of attainment preponderating at the "Judgment Day" will probably be the third initiation.

[Page 423]

In reference to what has been said anent the second characteristic of manas, a very interesting development may be looked for during the coming century.

173. We are speaking of the twenty-first century, our present century.

This is the **intensification of business organisation,** and the bringing (under law and order), of the entire life of:

Families and groups of families,

Cities and groups of cities,

Nations and groups of nations,

174. This means the growth of the expression of the seventh ray during the twenty-first century.

175. There will be, according to prediction, ordered activity in relation to the groups mentioned above, families, cities and nations (as well as groups of all these groups).

176. It is said that the seventh ray will be in complete expression; thus, the following reference correlates well with what is said above:

có lẽ không cho đến khi cuộc tuần hoàn thứ bảy đã trôi qua.

172. Loại thành tựu chiếm ưu thế vào "Ngày Phán Xét" có lẽ sẽ là lần điểm đạo thứ ba.

[Page 423]

Liên quan đến điều đã được nói về đặc tính thứ hai của manas, có thể chờ đợi một sự phát triển rất thú vị trong thế kỷ sắp tới.

173. Chúng ta đang nói về thế kỷ hai mươi mốt, thế kỷ hiện tại của chúng ta.

Đó là **sự tăng cường tổ chức kinh doanh,** và việc đưa (dưới luật pháp và trật tự), toàn bộ đời sống của:

Các gia đình và các nhóm gia đình,

Các thành phố và các nhóm thành phố,

Các quốc gia và các nhóm quốc gia,

174. Điều này có nghĩa là sự tăng trưởng của biểu lộ cung bảy trong thế kỷ hai mươi mốt.

175. Theo lời tiên đoán, sẽ có hoạt động có trật tự liên hệ với các nhóm được nhắc đến ở trên, các gia đình, các thành phố và các quốc gia (cũng như các nhóm của tất cả những nhóm này).

176. Người ta nói rằng cung bảy sẽ biểu lộ hoàn toàn; vì vậy, lời dẫn sau đây tương ứng tốt với điều đã được nói ở trên:

"**Next century, when the seventh ray has achieved complete manifestation** and the Piscean influence is entirely removed, the seventh ray Avatar will appear." (EXH289)

"**Trong thế kỷ tới, khi cung bảy đã đạt được sự biểu hiện hoàn toàn** và ảnh hưởng Song Ngư được loại bỏ hoàn toàn, Đấng Hoá Thân cung bảy sẽ xuất hiện." (EXH289)

until the human race in every department of its exoteric life will conform to rule,—this voluntarily, and with manasic realisation of group need.

cho đến khi nhân loại trong mọi bộ phận của đời sống ngoại môn của mình sẽ tuân theo quy luật,—một cách tự nguyện, và với sự chứng nghiệm manas về nhu cầu nhóm.

177. The influences of the seventh ray will combine with the two more strictly manasic rays, three and five.

177. Những ảnh hưởng của cung bảy sẽ kết hợp với hai cung manas chặt chẽ hơn, cung ba và cung năm.

178. It would seem that the "I am That" mantram will be sounding more strongly than at present.

178. Có vẻ như mantram "Ta là Cái Đó" sẽ được xướng mạnh hơn hiện nay.

The whole trend of mental effort during the next subraces will be towards the synthesis of endeavour, thus ensuring the good of the corporate body involved.

Toàn bộ xu hướng của nỗ lực trí tuệ trong các giống dân phụ kế tiếp sẽ hướng về **sự tổng hợp của nỗ lực, nhờ đó bảo đảm lợi ích của toàn thể tập đoàn liên hệ.**

179. We are on the verge of the sixth subrace, which, with the seventh, is a subrace of abstraction and synthesis.

179. Chúng ta đang ở bên bờ giống dân phụ thứ sáu, giống dân này cùng với giống dân phụ thứ bảy là giống dân phụ của sự trừu xuất và tổng hợp.

180. We seem to be witnessing the last ditch stand of selfish individualism.

180. Chúng ta dường như đang chứng kiến sự kháng cự cuối cùng của chủ nghĩa cá nhân ích kỷ.

181. The section above seems to suggest that soul culture will definitely be on the increase during the final two root races of our round.

181. Phần trên dường như gợi ý rằng sự vun bồi linh hồn chắc chắn sẽ gia tăng trong hai giống dân gốc cuối cùng của cuộc tuần hoàn chúng ta.

Many interesting events will occur and many experiments will necessarily be made (some to prove successful and some failures), before **manas, or purposeful, ordered, intelligent activity,** will control in

Nhiều biến cố thú vị sẽ xảy ra và nhiều thử nghiệm nhất thiết sẽ được thực hiện (một số thành công và một số thất bại), trước khi **manas, hay hoạt động có mục đích, có trật tự, thông tuệ,** sẽ kiểm soát trong đời sống

the life of the peoples of this world. It is not possible to enter into this in greater detail, as the subject is too vast.

182. Again, DK turns to prophecy.

183. The definition of manas given here is much in line with a number of definitions past: "purposeful, ordered, intelligent, activity". It would seem that *all* the hard-line rays are represented.

184. DK prophesies the growth of manas in such a way that it leads to a fuller expression of the "I am That" mantram. Manas will lead to a fuller representation amongst humanity of the Kingdom of the Soul.

Let us now take the third attribute of manas and its future demonstration.

c. Adaptability. This is, as we know, the prime attribute ascribed to the third Ray, or the Brahma aspect.

185. We have discussed the fifth ray attribute of manas (Discrimination) and the seventh ray attribute (Ordered Activity).

186. Now we turn to the third ray for which "adaptability" is the prime attribute.

Therefore, fundamentally **it may be considered as the attribute of intelligence which adapts the matter aspect to the Spirit aspect, and is a characteristic inherent in matter itself.**

187. We are being told that "adaptability" is a characteristic inherent in matter itself. It

của các dân tộc trên thế giới này. Không thể đi vào chi tiết hơn về điều này, vì chủ đề quá rộng lớn.

182. Một lần nữa, Chân sư DK chuyển sang lời tiên tri.

183. Định nghĩa về manas được đưa ra ở đây rất phù hợp với một số định nghĩa trước đó: "hoạt động có mục đích, có trật tự, thông tuệ". Có vẻ như *tất cả* các cung cứng rắn đều được biểu hiện.

184. Chân sư DK tiên tri về sự tăng trưởng của manas theo cách dẫn đến sự biểu lộ đầy đủ hơn của mantram "Ta là Cái Đó". Manas sẽ dẫn đến sự hiện diện đầy đủ hơn giữa nhân loại của Thiên Giới của Linh Hồn.

Bây giờ chúng ta hãy xét thuộc tính thứ ba của manas và sự biểu hiện tương lai của nó.

c. Tính thích ứng. Đây là, như chúng ta biết, thuộc tính chủ yếu được quy cho cung ba, hay phương diện Brahma.

185. Chúng ta đã bàn về thuộc tính cung năm của manas (Sự phân biện) và thuộc tính cung bảy (Hoạt động Có Trật Tự).

186. Giờ đây chúng ta chuyển sang cung ba, mà "tính thích ứng" là thuộc tính chủ yếu của nó.

Do đó, về căn bản **nó có thể được xem là thuộc tính của trí tuệ thích ứng phương diện vật chất với phương diện Tinh thần, và là một đặc tính vốn có trong chính vật chất.**

187. Chúng ta được bảo rằng "tính thích ứng" là một đặc tính vốn có trong chính vật

seems, therefore, to be a kind of 'unconscious intelligence'.

chất. Vì vậy, dường như nó là một loại 'trí tuệ vô thức'.

188. Of course, behind all response within matter lies the huge Intelligence of the Third Logos (universally considered) and so, from this perspective, we cannot consider such adaptation as *unconscious.*

188. Dĩ nhiên, đằng sau mọi đáp ứng trong vật chất là Trí Tuệ To Lớn của Logos thứ ba (xét một cách phổ quát), và vì thế, từ góc nhìn này, chúng ta không thể xem sự thích ứng như thế là *vô thức.*

189. Adaptability has so many kinds of expressions. We seek to understand its most important expression—adapting matter to Spirit.

189. Tính thích ứng có rất nhiều loại biểu lộ. Chúng ta tìm cách hiểu biểu lộ quan trọng nhất của nó—thích ứng vật chất với Tinh thần.

190. What this means is the arranging of matter so that it reflects the Fixed Design characteristic of Spirit's Purpose.

190. Điều này có nghĩa là sự sắp xếp vật chất sao cho nó phản ánh Thiết Kế Cố Định, đặc trưng của Mục Đích của Tinh thần.

It works under the two laws of Economy, and of Attraction and Repulsion; the work of the Mahachohan being primarily along this line.

Nó hoạt động dưới hai định luật Tiết Kiệm, và Hấp Dẫn cùng Đẩy Lùi; công việc của Đức Mahachohan chủ yếu theo đường lối này.

191. It is interesting that the characteristic of adaptability works under *two* laws—not just under the Law of Economy. Adaptability functions in relation to the Law of Attraction as well. This second cosmic law is a *second ray* law.

191. Thật thú vị khi đặc tính thích ứng hoạt động dưới *hai* định luật—không chỉ dưới Định luật Tiết Kiệm. Tính thích ứng cũng vận hành liên hệ với Định luật Hấp Dẫn. Định luật vũ trụ thứ hai này là một định luật *cung hai*.

192. The magnetism of the Law of Attraction and Repulsion draws all things, through wise love, into right relationship, repelling that which does not belong in such relationship. Magnetism characterizes the Law of Attraction and *intelligent movement or arrangement* the Law of Economy.

192. Từ điện của Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi kéo mọi sự, qua bác ái minh triết, vào đúng quan hệ, đồng thời đẩy lùi điều không thuộc về quan hệ như thế. Từ điện đặc trưng cho Định luật Hấp Dẫn và *chuyển động thông tuệ hay sự sắp xếp* đặc trưng cho Định luật Tiết Kiệm.

193. Within the realm of Spirit 'resides' the Fixed Design. Relationships which reflect the Fixed Design are "*right* relationships". The Law of Attraction and Repulsion gathers all things into right relationships reflective of the Fixed Design.

193. Trong lĩnh vực của Tinh thần 'ngự' Thiết Kế Cố Định. Những quan hệ phản ánh Thiết Kế Cố Định là những quan hệ "*đúng đắn*". Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi tập hợp mọi sự vào những quan hệ đúng đắn phản ánh Thiết Kế Cố Định.

Consequently the four lesser Rays of Attribute which are synthesised into the third Ray of Aspect, Adaptability, or Active Intelligence, are fundamentally concerned, and the **future of manas is therefore involved in the growing influence of these four Rays:**

Do đó bốn Các Cung Thuộc Tính thấp hơn được tổng hợp vào cung ba của Các Cung Trạng Thái, Tính Thích Ứng, hay Trí Tuệ Hoạt Động, về căn bản đều có liên quan, và vì vậy **tương lai của manas gắn liền với ảnh hưởng ngày càng tăng của bốn Cung này:**

194. In relation to adaptability, the four Rays of Attribute are involved as well as their synthesis, the third ray, a Ray of Aspect. The third ray impresses the lesser four with its quality of adaptability.

194. Liên hệ với tính thích ứng, bốn Các Cung Thuộc Tính cũng tham dự, cùng với sự tổng hợp của chúng là cung ba, một Cung Trạng Thái. Cung ba gây ấn tượng lên bốn cung thấp hơn bằng phẩm tính thích ứng của nó.

195. The factors of harmony, knowledge, idealism and order (to use but four of many possible qualities associated with these rays) are all involved in supporting the process of adaptability.

195. Các yếu tố hài hòa, tri thức, lý tưởng và trật tự (chỉ dùng bốn trong nhiều phẩm tính có thể gắn với các cung này) đều tham dự vào việc hỗ trợ tiến trình thích ứng.

196. It is interesting that the future of manas requires for its fulfillment all four Rays of Attribute as well as the most manasic of the Rays of Aspect.

196. Thật thú vị khi tương lai của manas đòi hỏi để được hoàn tất cả bốn Các Cung Thuộc Tính cũng như cung manas nhất trong Các Cung Trạng Thái.

197. The planet Mercury is particularly related to the factor of adaptability. Perhaps during the Mercury decanate of the Aquarian Age we will see these four Rays of Attribute emerge into prominence along with the third ray, so closely related to Mercury.

197. Hành tinh Sao Thủy đặc biệt liên hệ với yếu tố thích ứng. Có lẽ trong thập độ Sao Thủy của Kỷ Nguyên Bảo Bình, chúng ta sẽ thấy bốn Các Cung Thuộc Tính này nổi bật lên cùng với cung ba, vốn liên hệ rất chặt với Sao Thủy.

[Page 424]

[Page 424]

1. Harmony, Beauty, Art or Unity.

2. Concrete Science or Knowledge.

3. Abstract Idealism.

4. Ceremonial Magic.

2. Development of the Human Mind.

When the future results brought about by the four types of force mentioned above are somewhat realised, and their relationship to the adaptation of matter to Spirit (through the building into form), is studied, much of profound significance will be sensed by the student.

198. The four Rays of Attribute are active in building matter into forms—forms which are responsive to the Purpose of Spirit.

199. Such forms are beautiful, revelatory of knowledge, ideal in that they are reflective of higher worlds, and incorporated into the divinely intended order.

200. We are speaking of the future development of the human mind. We are speaking of manasic developments within the *fourth* kingdom of nature, and of *four* forces related to the *four* Rays of Attribute which will assist with this development.

In the foretelling of mental developments along these four lines and the prophesying of definite achievement, indications may be given of the path which concrete science may follow.

1. Hài Hòa, Mỹ Đẹp, Nghệ Thuật hay Hợp Nhất.

2. Khoa Học Cụ Thể hay Tri Thức.

3. Lý Tưởng Trừu Tượng.

4. Huyền thuật Nghi Lễ.

2. Sự Phát Triển của Trí Tuệ Con Người.

Khi những kết quả tương lai do bốn loại mãnh lực được nhắc đến ở trên mang lại được chứng nghiệm phần nào, và khi mối liên hệ của chúng với sự thích ứng vật chất với Tinh thần (thông qua việc xây dựng vào hình tướng) được nghiên cứu, nhiều thâm nghĩa sâu xa sẽ được đạo sinh cảm nhận.

198. Bốn Các Cung Thuộc Tính hoạt động trong việc xây dựng vật chất vào các hình tướng—những hình tướng đáp ứng với Mục Đích của Tinh thần.

199. Những hình tướng như thế thì đẹp đẽ, mặc khải tri thức, lý tưởng ở chỗ chúng phản chiếu các cõi cao hơn, và được kết hợp vào trật tự do thiêng liêng chủ định.

200. Chúng ta đang nói về sự phát triển tương lai của trí tuệ con người. Chúng ta đang nói về những phát triển manas trong *giới thứ tư* của thiên nhiên, và về *bốn* mãnh lực liên hệ với *bốn* Các Cung Thuộc Tính sẽ hỗ trợ cho sự phát triển này.

Khi tiên báo những phát triển trí tuệ theo bốn đường này và dự ngôn về sự thành tựu xác định, **có thể đưa ra những chỉ dẫn về con đường mà khoa học cụ thể có thể đi theo.**

201. DK indicates the relationship between fifth ray science and the four types of forces with which science may work.

201. Chân sư DK chỉ ra mối liên hệ giữa khoa học cung năm và bốn loại mãnh lực mà khoa học có thể làm việc cùng.

Let us, therefore, **take these four types of force,** or these four planetary influences, and study them separately, bearing ever in mind that:

Do đó, chúng ta hãy **xét bốn loại mãnh lực này,** hay bốn ảnh hưởng hành tinh này, và nghiên cứu riêng từng loại, luôn luôn ghi nhớ rằng:

202. DK calls these four types of forces four planetary influences. The planets involved are:

202. Chân sư DK gọi bốn loại mãnh lực này là bốn ảnh hưởng hành tinh. Các hành tinh liên hệ là:

a. Mercury—fourth ray

a. Sao Thủy—cung bốn

b. Venus—fifth ray

b. Sao Kim—cung năm

c. Mars or Neptune—sixth ray

c. Sao Hỏa hoặc Sao Hải Vương—cung sáu

d. Uranus—seventh ray

d. Sao Thiên Vương—cung bảy

a. Each of them has swung into power during earlier world cycles.

a. Mỗi loại trong số đó đã từng đi vào quyền lực trong các chu kỳ thế giới trước đây.

203. This we take for granted. During millions of years, all the rays have been in dominant positions at one time or another.

203. Điều này chúng ta xem như hiển nhiên. Trong hàng triệu năm, mọi cung đều đã ở vào vị trí chi phối vào lúc này hay lúc khác.

204. The four Rays of Attribute were especially related to the early development of man, as all souls took incarnation on one of these four rays and, when personalities, began to appear, all personalities were initially found on one or other of these four rays.

204. Bốn Các Cung Thuộc Tính đặc biệt liên hệ với sự phát triển ban đầu của con người, vì mọi linh hồn đều nhập thể trên một trong bốn cung này và, khi các phàm ngã bắt đầu xuất hiện, mọi phàm ngã ban đầu đều được thấy ở trên cung này hay cung kia trong bốn cung ấy.

During these earlier periods all human beings were conditioned by the four Rays of Attribute; both as souls and as incarnated persons they were upon one of these four rays. (R&I 560)

Trong các thời kỳ trước kia ấy, mọi con người đều bị bốn Các Cung Thuộc Tính tác động; cả với tư cách linh hồn lẫn với tư cách những con người đang lâm phàm, họ đều ở trên một trong bốn cung này. (R&I 560)

b. **One of them, being the influence of our own planetary Logos**, is ever present with us, and is the **major influence or vibration on the planet.**

205. If DK had included the Ray of Adaptability (the third ray), this section would be easy to understand because that ray is the personality ray of the Earth-scheme, but in what way is any one of the four Rays of Attribute the "influence of our planetary Logos"?

206. The only ray within the Rays of Attribute with which the energy/force of our Planetary Logos accords is the *fourth* Ray of Harmony Through Conflict. Our planet is *fourth* from the Sun (of the major planets) if Vulcan is counted, and its symbol includes the cross. Further the Planetary Logos is presently focussed in His fourth chain (which is in its fourth round) and His fourth globe (and perhaps in His fourth 'scheme round') making that fourth energy much more prominent than would be at other times in planetary developmental history.

207. But the major rays of our Earth-scheme are the third, second and first, and not any of the Rays of Attribute.

208. One can wonder if the personality ray of the Earth-scheme (assuming it existed in the last solar system) was the *fourth,* making that influence *basic* in its present incarnation.

209. But, from another perspective, our planetary scheme is certainly part of the

b. **Một trong số đó, vì là ảnh hưởng của chính Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta,** luôn hiện diện với chúng ta, và là **ảnh hưởng hay rung động chủ yếu trên hành tinh này.**

205. Nếu Chân sư DK đã bao gồm Cung Thích Ứng (cung ba), thì phần này sẽ dễ hiểu vì cung đó là cung phàm ngã của hệ hành tinh Địa Cầu, nhưng theo cách nào thì một trong bốn Các Cung Thuộc Tính lại là "ảnh hưởng của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta"?

206. Cung duy nhất trong Các Cung Thuộc Tính mà năng lượng/mãnh lực của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta tương hợp là cung *bốn* của Hài Hòa Qua Xung Đột. Hành tinh của chúng ta là hành tinh thứ *tư* tính từ Mặt Trời (trong các hành tinh chính) nếu tính cả Vulcan, và biểu tượng của nó bao gồm thập giá. Hơn nữa, Hành Tinh Thượng Đế hiện đang tập trung trong dãy thứ tư của Ngài (đang ở cuộc tuần hoàn thứ tư) và bầu hành tinh thứ tư của Ngài (và có lẽ trong "cuộc tuần hoàn hệ hành tinh" thứ tư của Ngài), khiến năng lượng thứ tư ấy nổi bật hơn nhiều so với những thời điểm khác trong lịch sử phát triển hành tinh.

207. Nhưng các cung chính của hệ hành tinh Địa Cầu chúng ta là cung ba, cung hai và cung một, chứ không phải bất kỳ Cung Thuộc Tính nào.

208. Người ta có thể tự hỏi liệu cung phàm ngã của hệ hành tinh Địa Cầu (giả sử nó đã tồn tại trong hệ mặt trời trước) có phải là cung *bốn,* khiến ảnh hưởng ấy trở thành *căn bản* trong lần lâm phàm hiện nay của nó hay không.

209. Nhưng, từ một góc nhìn khác, hệ hành tinh của chúng ta chắc chắn là một phần của

logoic quaternary and is one of the fundamentally manasic planets, and so, from this perspective, can be understood as included within the lower four of the Planetary Logoi who embody the Rays of Attribute.

bộ tứ logoic và là một trong những hành tinh căn bản manas, nên từ góc nhìn này có thể được hiểu là nằm trong bốn thấp của các Hành Tinh Thượng Đế, những Đấng hiện thân cho Các Cung Thuộc Tính.

c. Certain of them are passing out of power at this present time, and others are coming in.

c. Một số trong đó hiện đang đi ra khỏi quyền lực vào lúc này, và những số khác đang đi vào.

210. The fourth ray is coming into power and the sixth is passing out. The fifth ray has been deliberately abstracted for the time being due to the unexpectedly rapid scientific development it fostered, and the seventh ray, since 1675, has been steadily increasing in strength, and will be, we are told, at full strength during the twenty-first century.

210. Cung bốn đang đi vào quyền lực và cung sáu đang đi ra. Cung năm đã tạm thời bị rút đi một cách có chủ ý do sự phát triển khoa học nhanh bất ngờ mà nó đã thúc đẩy, và cung bảy, kể từ năm 1675, đã đều đặn gia tăng sức mạnh, và như chúng ta được cho biết, sẽ đạt trọn vẹn sức mạnh trong thế kỷ hai mươi mốt.

d. During the **remainder of this round and the entire fifth round** these four rays of attribute will circulate into and out of power ceaselessly;

d. Trong **phần còn lại của cuộc tuần hoàn này và toàn bộ cuộc tuần hoàn thứ năm** thì bốn cung thuộc tính này sẽ luân chuyển vào và ra khỏi quyền lực không ngừng;

211. There is no reason why we would not expect this to be the case.

211. Không có lý do gì để chúng ta không mong đợi điều này sẽ là như vậy.

212. This circulation is a build-up to conditions at the end of the fifth round.

212. Sự luân chuyển này là một sự tích lũy dẫn đến các điều kiện vào cuối cuộc tuần hoàn thứ năm.

213. But is DK saying that the four Rays of Aspect will *not* be circulating in a similar way?

213. Nhưng Chân sư DK có đang nói rằng bốn Các Cung Trạng Thái sẽ *không* luân chuyển theo cách tương tự hay không?

towards the end of the fifth round the third Ray of Aspect will

về cuối cuộc tuần hoàn thứ năm, cung ba của Các Cung Trạng Thái sẽ chiếm

predominate, having begun its work of synthesising

214. We would expect that the fifth ray would be prominent throughout the fifth round of our Earth-chain.

215. The prominence of the third ray could be correlated with those conditions (measured mostly in *fifths*) to be experienced following the "Judgment Day" and extending to the end of the fifth round (if, indeed, the "Judgment Day" occurs “in the middle of the fifth round”).

216. This would make sense if all but one tenth of the remaining three-fifths of humanity will be working on initiations beyond and including the third following the "Judgment Day" and, perhaps, reaching a period of achievement at the end of the "Judgment Day".

217. The Third Ray Lord is called the “Discriminating Essential Life” and the “Divine Separator”. These qualities would seem correlated with the great separation of the “sheep” and the “goats” which occurs at the "Judgment Day".

218. The third ray, then, would seem an important influence at the "Judgment Day" and an influence which is expected to intensify as the end of the fifth round is approached.

219. At the point when so many, nine tenths really, will be oriented towards seventh, sixth, fifth or third initiations (with at least some of those initiations being achieved), the “third Ray of Aspect will predominate”.

ưu thế, bắt đầu công việc tổng hợp của nó

214. Chúng ta sẽ mong đợi rằng cung năm sẽ nổi bật trong suốt cuộc tuần hoàn thứ năm của Dãy Địa Cầu chúng ta.

215. Sự nổi bật của cung ba có thể được liên hệ với những điều kiện ấy (được đo phần lớn theo *các số năm*) sẽ được trải nghiệm sau “Ngày Phán Xét” và kéo dài đến cuối cuộc tuần hoàn thứ năm (nếu quả thực “Ngày Phán Xét” xảy ra “ở giữa cuộc tuần hoàn thứ năm”).

216. Điều này sẽ hợp lý nếu tất cả trừ một phần mười của ba phần năm còn lại của nhân loại sẽ làm việc trên các lần điểm đạo từ lần thứ ba trở lên, kể cả lần thứ ba, sau “Ngày Phán Xét” và, có lẽ, đạt đến một thời kỳ thành tựu vào cuối “Ngày Phán Xét”.

217. Đấng Chúa Tể Cung ba được gọi là “Sự Sống Cốt Yếu Phân Biện” và “Đấng Phân Ly Thiêng Liêng”. Những phẩm tính này dường như tương ứng với sự phân ly lớn giữa “chiên” và “dê” xảy ra vào “Ngày Phán Xét”.

218. Khi ấy, cung ba dường như là một ảnh hưởng quan trọng vào “Ngày Phán Xét” và là một ảnh hưởng được mong đợi sẽ tăng cường khi tiến gần đến cuối cuộc tuần hoàn thứ năm.

219. Vào thời điểm mà rất nhiều người, thực sự là chín phần mười, sẽ được định hướng về các lần điểm đạo thứ bảy, thứ sáu, thứ năm hoặc thứ ba (với ít nhất một số trong các lần điểm đạo ấy được đạt tới), thì “cung ba của Các Cung Trạng Thái sẽ chiếm ưu thế”.

220. In this section we are not told what will be the level of achievement to be expected at the end of the sixth and seventh rounds.

220. Trong phần này chúng ta không được cho biết mức độ thành tựu nào sẽ được mong đợi vào cuối các cuộc tuần hoàn thứ sáu và thứ bảy.

221. It will be a time of great achievement for the manasic aspect and those who represent it.

221. Đó sẽ là một thời kỳ thành tựu lớn lao cho phương diện manas và cho những ai đại diện cho nó.

222. The final achievement of the fifth round, therefore, will be more under the third ray than the fifth, though naturally, the fifth will be very important.

222. Do đó, thành tựu cuối cùng của cuộc tuần hoàn thứ năm sẽ thuộc về cung ba nhiều hơn là cung năm, dù dĩ nhiên cung năm sẽ rất quan trọng.

and its influence will be paralleled in the sixth round by the gradually growing power of the second Ray of Aspect,—the **two types of influence overlapping**.

và ảnh hưởng của nó sẽ song hành trong cuộc tuần hoàn thứ sáu với quyền lực tăng trưởng dần dần của cung hai của Các Cung Trạng Thái,—**hai loại ảnh hưởng chồng lấn lên nhau**.

223. Second ray Monads achieve in the sixth root race of our round (cf. EP I 317-318) and presumably, on a much greater scale during the sixth round of this Earth-chain.

223. Các chân thần cung hai đạt thành tựu trong giống dân gốc thứ sáu của cuộc tuần hoàn chúng ta (x. EP I 317-318) và có lẽ, trên một quy mô lớn hơn nhiều trong cuộc tuần hoàn thứ sáu của Dãy Địa Cầu này.

224. As the two types of force—the third ray and the second ray—overlap during the fifth and sixth rounds, it can be expected (as a reduced reflection) that the same will be the case during the fifth and sixth root races.

224. Khi hai loại mãnh lực—cung ba và cung hai—chồng lấn trong các cuộc tuần hoàn thứ năm và thứ sáu, có thể mong đợi (như một phản chiếu giảm thiểu) rằng điều tương tự cũng sẽ xảy ra trong các giống dân gốc thứ năm và thứ sáu.

225. We are to gather that the influence of the third ray will continue into the sixth round, which, presumably, many will continue to achieve along the lines of manas.

225. Chúng ta phải hiểu rằng ảnh hưởng của cung ba sẽ tiếp tục sang cuộc tuần hoàn thứ sáu, trong đó, có lẽ, nhiều người sẽ tiếp tục đạt thành tựu theo các đường của manas.

In the seventh round, t**he power of the second Ray will predominate** and the influence of the third will weaken.

Trong cuộc tuần hoàn thứ bảy, t**hì quyền lực của cung hai sẽ chiếm ưu thế** và ảnh hưởng của cung ba sẽ suy yếu.

226. What starts in a round the number of which is correlated with the second ray (namely, the sixth round) will reach an advanced stage of development in the seventh round.

226. Điều bắt đầu trong một cuộc tuần hoàn mà con số của nó tương ứng với cung hai (tức là cuộc tuần hoàn thứ sáu) sẽ đạt đến một giai đoạn phát triển cao trong cuộc tuần hoàn thứ bảy.

227. The numbers two and seven are closely allied. The seventh initiation is sponsored by the second Ray of Love-Wisdom.

227. Các số hai và bảy liên hệ mật thiết với nhau. Lần điểm đạo thứ bảy được bảo trợ bởi cung hai của Bác Ái – Minh Triết.

228. When the higher synthetic rays come into prominence the power of the third ray is reduced.

228. Khi các cung tổng hợp cao hơn trở nên nổi bật thì quyền lực của cung ba bị giảm xuống.

229. This is suggested in the manner in which planetary schemes are absorbed or synthesized. Once Saturn, representing the third ray, has absorbed those planets which are destined to be absorbed by it, Neptune and Uranus (as higher synthesizing schemes) emerge into prominence—Neptune probably first (but we cannot be absolutely sure).

229. Điều này được gợi ý qua cách các hệ hành tinh được hấp thu hay tổng hợp. Một khi Sao Thổ, đại diện cho cung ba, đã hấp thu những hành tinh được định để bị nó hấp thu, thì Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương (như các hệ hành tinh tổng hợp cao hơn) nổi lên thành nổi bật—có lẽ Sao Hải Vương trước (nhưng chúng ta không thể hoàn toàn chắc chắn).

230. By analogy it can be thought that when the Uranus scheme emerges into prominence (Uranus being monadically upon the first ray) then the Saturn Scheme with all that it has absorbed will become weaker in its influence and will begin to be absorbed—perhaps into Uranus, as the ray numbers of those two planets correlate well.

230. Theo định luật tương đồng, có thể nghĩ rằng khi hệ Sao Thiên Vương nổi lên thành nổi bật (Sao Thiên Vương thuộc chân thần trên cung một) thì Hệ Sao Thổ cùng với tất cả những gì nó đã hấp thu sẽ trở nên yếu hơn trong ảnh hưởng của nó và sẽ bắt đầu bị hấp thu—có lẽ vào Sao Thiên Vương, vì các con số cung của hai hành tinh ấy tương ứng khá tốt.

231. It is possible that an absorption into Uranus of the 'greater Saturn scheme' (and all the planets that it—Saturn—has absorbed) would occur *before* Neptune was absorbed into Uranus (*or*, Uranus into Neptune—if the prominence of the second ray in our solar system makes Neptune the last of the planets to be absorbed by the Sun).

231. Có thể là sự hấp thu vào Sao Thiên Vương của "đại hệ Sao Thổ" (và tất cả các hành tinh mà nó—Sao Thổ—đã hấp thu) sẽ xảy ra *trước khi* Sao Hải Vương bị hấp thu vào Sao Thiên Vương (*hoặc*, Sao Thiên Vương vào Sao Hải Vương—nếu sự nổi bật của cung hai trong hệ mặt trời chúng ta khiến Sao Hải Vương là hành tinh cuối cùng bị Mặt Trời hấp thu).

The first Ray will make itself felt. The first Ray, that of [Page 425] Mahadeva49 or the Destroyer, will set its second great impulse upon our planetary evolution by the obscuration of two fifths of the human family.

Cung một sẽ làm cho chính nó được cảm nhận. Cung một, cung của [Page 425] Mahadeva49 hay Đấng Hủy Diệt, **sẽ đặt xung lực lớn thứ hai của nó lên tiến hoá hành tinh của chúng ta bằng sự che khuất hai phần năm gia đình nhân loại**.

232. Does this "second great impulse" occur at the time we are discussing—namely at the period of the seventh round? If so what was its *first* great impulse? Could it be considered the taking of two fifths of humanity into temporary pralaya at the time of the "Judgment Day" and following? We remember that the period we are now discussing *follows* the "Judgment Day" in the fifth round of the fourth chain.

232. "Xung lực lớn thứ hai" này có xảy ra vào thời kỳ chúng ta đang bàn đến—tức là vào giai đoạn của cuộc tuần hoàn thứ bảy—hay không? Nếu vậy thì xung lực lớn *thứ nhất* của nó là gì? Có thể xem đó là việc đưa hai phần năm nhân loại vào giai kỳ qui nguyên tạm thời vào lúc "Ngày Phán Xét" và sau đó hay không? Chúng ta nhớ rằng giai đoạn hiện đang được bàn đến *diễn ra sau* "Ngày Phán Xét" trong cuộc tuần hoàn thứ năm của dãy thứ tư.

233. Does this mean that another *two fifths of those remaining* within the Earth-scheme will at that time be abstracted into obscuration, just as earlier a different two fifths were separated from those who would thereafter remain with the Earth-scheme for further development?

233. Điều này có nghĩa là vào lúc ấy, một *hai phần năm khác của những người còn lại* trong hệ hành tinh Địa Cầu sẽ bị rút vào sự che khuất, cũng như trước đó một hai phần năm khác đã bị tách khỏi những người về sau còn ở lại với hệ hành tinh Địa Cầu để tiếp tục phát triển hay không?

234. If two fifths of the human family (will that number mean 2/5. x 36,000,000,000) are taken into obscuration, does that mean that they will need no further development in the fifth, sixth and seventh chains of the Earth-scheme? Does that mean that some

234. Nếu hai phần năm gia đình nhân loại (liệu con số đó có nghĩa là 2/5 x 36.000.000.000 hay không) bị đưa vào sự che khuất, điều đó có nghĩa là họ sẽ không cần phát triển thêm trong các dãy thứ năm, thứ sáu và thứ bảy của hệ hành tinh Địa Cầu

14. billion plus will be abstracted, but that some 21. billion plus will continue evolution within the Earth-scheme?

hay không? Điều đó có nghĩa là hơn 14 tỷ sẽ bị rút đi, nhưng hơn 21 tỷ sẽ tiếp tục tiến hoá trong hệ hành tinh Địa Cầu hay không?

235. Naturally, the figures involved are all secrets of initiation and the best we can feebly do is to approximate.

235. Dĩ nhiên, các con số liên hệ đều là những bí mật của điểm đạo và điều tốt nhất mà chúng ta có thể yếu ớt làm là ước lượng gần đúng.

236. Much depends on whether we concluded that the 60,000,000,000. figure, often associated with the number of human Monads, relates to our *planetary* scheme or to the *entire solar system*! The problems connected with either of these options have been discussed.

236. Nhiều điều tùy thuộc vào việc chúng ta có kết luận rằng con số 60.000.000.000, thường gắn với số lượng các chân thần nhân loại, liên hệ với hệ hành tinh *của hành tinh chúng ta* hay với *toàn bộ hệ mặt trời*! Những vấn đề gắn với cả hai khả năng này đã được bàn đến.

49: The Trinity. "Maha-Vishnu presides over the summation and totality of all this. In every Brahmanda the activity is fourfold, and the chief functionaries are Brahma, Vishnu, and Shiva. Subdivisions of their functions give rise to the names and offices of Narayana, etc.

49: Ba Ngôi/Tam Vị. “Maha-Vishnu chủ trì sự tổng hợp và toàn thể của tất cả điều này. Trong mỗi Brahmanda, hoạt động là tứ phân, và các chức năng viên chính là Brahma, Vishnu, và Shiva. Những phân bộ trong các chức năng của các Ngài làm phát sinh các danh xưng và chức vụ của Narayana, v.v.

237. One definition of “Brahmanda” is as follows:

237. Một định nghĩa của “Brahmanda” như sau:

Brahmanda - (Sanskrit) "Egg of God," or "Cosmic egg." The cosmos; inner and outer universe. See: loka, three worlds, world. - Source: H.A.

Brahmanda - (Phạn ngữ) “Trứng của Thượng đế,” hay “trứng vũ trụ.” Vũ trụ; vũ trụ bên trong và bên ngoài. Xem: loka, ba cõi giới, thế giới. - Nguồn: H.A.

238. We might consider that Maha–Vishnu rules over Brahma, Vishnu and Shiva because He represents the great second ray of our Solar Logos.

238. Chúng ta có thể xem rằng Maha–Vishnu cai quản Brahma, Vishnu và Shiva vì Ngài đại diện cho cung hai vĩ đại của Thái dương Thượng đế chúng ta.

"Among these functions, that of making or creating goes with action and belongs to Brahma.

“Trong các chức năng này, chức năng tạo tác hay sáng tạo đi cùng với hành động và thuộc về Brahma.

239. Brahma is the Creator but also the Lord of Knowledge.

239. Brahma là Đấng Sáng Tạo nhưng cũng là Chúa Tể của Tri Thức.

Again, "that which has been made is maintained by knowledge;" this maintenance or preservation is the work of Vishnu.

Lại nữa, “điều đã được tạo ra thì được duy trì bằng tri thức;” sự duy trì hay bảo tồn này là công việc của Vishnu.

240. Vishnu may be the Preserver, but it would seem that the knowledge with which He preserves must be supplied by Brahma.

240. Vishnu có thể là Đấng Bảo Tồn, nhưng dường như tri thức mà Ngài dùng để bảo tồn phải được Brahma cung cấp.

Further, because it is necessary that what has appeared should disappear,

Hơn nữa, bởi vì điều đã xuất hiện thì nhất thiết phải biến mất,

241. Note this inexorable necessity. All aggregations are destined for de-aggregation.

241. Hãy lưu ý sự tất yếu không thể cưỡng này. Mọi tập hợp đều được định cho sự giải tập hợp.

therefore is there a destroyer, and he is Shiva, connected with desire,

vì thế có một đấng hủy diệt, và đó là Shiva, liên hệ với dục vọng,

242. This suggests the relationship between the first ray of destruction and the sixth ray of desire.

242. Điều này gợi ra mối liên hệ giữa cung một của hủy diệt và cung sáu của dục vọng.

243. This can be understood through a connection of sixth ray Neptune with first ray Shiva—via the “Trident” (symbol of both Neptune and Shiva).

243. Điều này có thể được hiểu qua mối liên hệ của Sao Hải Vương cung sáu với Shiva cung một—thông qua “Cây Đinh Ba” (biểu tượng của cả Sao Hải Vương lẫn Shiva).

which first affirms and next denies, acts and reacts, now attracts and then repels, begins with craving for, and, after satiety, revolts from its object and casts it off.

đấng trước hết khẳng định rồi kế đó phủ định, hành động rồi phản ứng, lúc này thu hút rồi sau đó đẩy lùi, bắt đầu bằng sự thèm khát đối với, và sau khi bão hòa thì nổi loạn chống lại đối tượng của mình và vứt bỏ nó.

244. It is suggested that the desire aspect related to Shiva is also relate to the Law of Attraction and Repulsion.

244. Có ý cho rằng phương diện dục vọng liên hệ với Shiva cũng liên hệ với Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi.

It precedes action, or Brahma, as longing for manifestation; and it succeeds knowledge or Vishnu, after maintenance or enjoyment of that manifestation, as a sense of fatigue, a growth of inertness, a need for rest by winding up the manifestation."

Nó đi trước hành động, hay Brahma, như sự khao khát biểu hiện; và nó đến sau tri thức hay Vishnu, sau sự duy trì hay hưởng thụ biểu hiện ấy, như một cảm giác mệt mỏi, một sự tăng trưởng của quán tính, một nhu cầu nghỉ ngơi bằng cách kết thúc biểu hiện."

245. Shiva exists before Brahma and comes into full force after the reign of both Brahma and Vishnu.

245. Shiva tồn tại trước Brahma và đi vào toàn lực sau triều đại của cả Brahma lẫn Vishnu.

246. Perhaps the sequence (both involutionary and evolutionary is Shiva—Vishnu—Brahma—Vishnu—Shiva.

246. Có lẽ trình tự (cả giáng hạ tiến hoá lẫn thăng thượng tiến hoá) là Shiva—Vishnu—Brahma—Vishnu—Shiva.

247. This sequence would have the same shape as the 10=1—3—7—10—7—3—1=10. which we discussed in relation to the appearance of chains in a planetary scheme.

247. Trình tự này sẽ có cùng hình dạng như 10=1—3—7—10—7—3—1=10 mà chúng ta đã bàn đến liên quan đến sự xuất hiện của các dãy trong một hệ hành tinh.

—From Pranava-Vada, pp. 82-84, 311. [note that the Pranava Vada is available on the www.makara.us website, courtesy of Dr. Guy Pettitt]

—Trích từ Pranava-Vada, tr. 82-84, 311. [lưu ý rằng Pranava Vada có sẵn trên trang web www.makara.us, nhờ sự hỗ trợ của Tiến sĩ Guy Pettitt]

The impress to be set by the first Ray upon our human family on this globe might be considered as threefold:

Sự in dấu mà cung một sẽ đặt lên gia đình nhân loại chúng ta trên bầu hành tinh này có thể được xem là tam phân:

248. We need to be cautious about where the impress of the rays is making impact. At this point we are speaking of a *globe* and not of a chain or scheme.

248. Chúng ta cần thận trọng về nơi sự in dấu của các cung đang tạo tác động. Ở điểm này chúng ta đang nói về một *bầu hành tinh* chứ không phải một dãy hay hệ hành tinh.

First. At human individualisation in the middle of the third rootrace.

Thứ nhất. Vào lúc biệt ngã hóa của con người ở giữa giống dân gốc thứ ba.

249. The word "middle" is slightly vague. It is the impression of the esoteric historian Phillip Lindsay that this event occurred in the third subrace of the third root race. We

249. Từ "giữa" hơi mơ hồ. Theo cảm nhận của sử gia huyền bí Phillip Lindsay, biến cố này xảy ra trong giống dân phụ thứ ba của giống dân gốc thứ ba. Chúng ta đang tìm sự

are seeking confirmation. In any case, it surely must have been the third or fourth subrace.

250. Note that a first ray impress is occurring upon a *globe* and that the process called individualization is the result. It must be clear that individualization occurred on the fourth globe of the Earth-chain (and not on other globes) and that, consequently, the fourth globe cannot be strictly physical, but must certainly contain emotional and mental strata at the very least.

This was produced by a vast destruction of the forms we call animal-man. This point has seldom been brought out in teaching

251. This is rarely suspected but fascinating. Any change of kingdoms, or the elevation of one kingdom into another, is apparently not a smooth process—especially for the forms involved.

252. The mode of this destruction is not specified, though a great "electrical storm" is mentioned immediately below.

. The advent of the Lords of the Flame, the electrical storm which ushered in the period of man, was distinguished by disaster, chaos, and the destruction of many in the third kingdom of nature.

253. Is the "electrical storm" subjective or objective? Was it taking place amidst the elements of nature or was it an 'internal' storm produced by the relationship between the members of the fifth Creative Hierarchy and those members of the fourth Creative Hierarchy who were, as yet, animal men. Or was it both subjective and objective?

xác nhận. Dù sao đi nữa, chắc hẳn nó phải là giống dân phụ thứ ba hoặc thứ tư.

250. Hãy lưu ý rằng một sự in dấu cung một đang xảy ra trên một *bầu hành tinh* và tiến trình được gọi là biệt ngã hóa là kết quả. Phải rõ rằng biệt ngã hóa đã xảy ra trên bầu hành tinh thứ tư của Dãy Địa Cầu (chứ không phải trên các bầu hành tinh khác) và do đó, bầu hành tinh thứ tư không thể hoàn toàn là hồng trần, mà chắc chắn phải chứa ít nhất các tầng cảm xúc và trí tuệ.

Điều này được tạo ra bởi một **sự hủy diệt to lớn của những hình tướng mà chúng ta gọi là người thú**. Điểm này hiếm khi được nêu ra trong giáo huấn

251. Điều này hiếm khi bị nghi ngờ nhưng thật hấp dẫn. Bất kỳ sự thay đổi giới nào, hay sự nâng một giới lên thành giới khác, rõ ràng không phải là một tiến trình êm thuận—đặc biệt đối với các hình tướng liên hệ.

252. Phương thức của sự hủy diệt này không được nêu rõ, dù một "cơn bão điện" lớn được nhắc đến ngay bên dưới.

. Sự giáng lâm của các Đấng Chúa Tể của Lửa, cơn bão điện mở đầu thời kỳ của con người, được đánh dấu bằng tai họa, hỗn loạn, và sự hủy diệt của nhiều sinh thể trong giới thứ ba của thiên nhiên.

253. "Cơn bão điện" này là chủ quan hay khách quan? Nó diễn ra giữa các nguyên tố của thiên nhiên hay là một cơn bão "nội tại" được tạo ra bởi mối liên hệ giữa các thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm và những thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư vốn khi ấy vẫn còn là người thú? Hay là vừa chủ quan vừa khách quan?

254. DK seems to be relating "the electrical storm" to the outer destruction of animal forms.

The spark of mind was implanted and the strength of its vibration, and the immediate effect of its presence caused the death of the animal form,

255. Here we have specificity. The animal form could not bear the presence of the implanted spark. The spark was not only a mental phenomenon but had its impact upon the physical brain, and thus upon the body of animal man. We may gather this fact from the following reference:

As a sphere of radiant fire, linked with the initiate standing before it by that **magnetic thread of fire which passes through all his bodies and terminates within the centre of the physical brain.** (IHS 116)

Contact must be made by the soul between the lower aspect of its triple nature and **the aspect which has already found lodgment in the brain of man.** (TWM 89) [This suggests contact between the knowledge petals and the spark of mind].

thus producing the immediate possibility of the newly vitalised causal bodies vibrating to such purpose that new physical vehicles were taken.

256. Death and destruction ensued and many lost their physical vehicles, but quickly, through the processes of reincarnation, regained a new physical vehicle.

254. Chân sư DK dường như đang liên hệ "cơn bão điện" với sự hủy diệt bên ngoài của các hình thể động vật.

Tia lửa trí tuệ đã được cấy vào và sức mạnh của rung động của nó, cùng hiệu quả tức thời của sự hiện diện của nó, đã gây ra cái chết của hình thể động vật,

255. Ở đây chúng ta có sự xác định cụ thể. Hình thể động vật không thể chịu nổi sự hiện diện của tia lửa được cấy vào. Tia lửa ấy không chỉ là một hiện tượng trí tuệ mà còn tạo tác động lên bộ não hồng trần, và do đó lên thể của người thú. Chúng ta có thể rút ra sự kiện này từ đoạn tham chiếu sau:

Như một khối cầu lửa rạng ngời, được nối với điểm đạo đồ đứng trước nó bằng **sợi dây lửa từ tính đi xuyên qua mọi thể của y và chấm dứt trong trung tâm của bộ não hồng trần.** (IHS 116)

Sự tiếp xúc phải được linh hồn tạo ra giữa phương diện thấp của bản chất tam phân của nó và **phương diện đã tìm được chỗ trú trong bộ não của con người.** (TWM 89) [Điều này gợi ý sự tiếp xúc giữa các cánh hoa tri thức và tia lửa trí tuệ].

như thế tạo ra khả năng tức thời để **các thể nguyên nhân vừa được tiếp sinh lực** rung động một cách hữu hiệu đến mức các vận cụ hồng trần mới đã được tiếp nhận.

256. Cái chết và sự hủy diệt đã xảy ra và nhiều sinh thể mất các vận cụ hồng trần của mình, nhưng nhanh chóng, qua các tiến trình tái sinh, lại có được một vận cụ hồng trần mới.

257. It seems clear that the vitalization of the causal bodies (vibrating to purpose) is equivalent to an incarnational impulse.

257. Dường như rõ ràng rằng sự tiếp sinh lực cho các thể nguyên nhân (rung động có mục đích) tương đương với một xung lực nhập thể.

That was the Will aspect manifesting in the fourth round in connection with the human family.

Đó là phương diện Ý Chí biểu hiện trong cuộc tuần hoàn thứ tư liên hệ với gia đình nhân loại.

258. The spark of mind carried *all three aspects*, even though the third aspect was the first to unfold. We are told that the "Will aspect" worked through the spark and that mass destruction was the result.

258. Tia lửa trí tuệ mang *cả ba phương diện*, dù phương diện thứ ba là phương diện đầu tiên khai mở. Chúng ta được cho biết rằng "phương diện Ý Chí" đã hoạt động qua tia lửa và kết quả là sự hủy diệt hàng loạt.

259. Let us think of the transition that advanced humanity is making into the fifth kingdom. What sort of destruction do we think will accompany that transition?

259. Hãy nghĩ đến sự chuyển tiếp mà nhân loại tiến bộ đang thực hiện vào giới thứ năm. Chúng ta nghĩ loại hủy diệt nào sẽ đi kèm với sự chuyển tiếp ấy?

260. We are told that the planets Vulcan and Pluto (both first ray planets of destruction) are active before the first initiation (which is the transition of members of the fourth or human kingdom into the fifth kingdom of nature, the "Kingdom of God", the "Kingdom of the Soul"). The physically destructive effect of these planets is inevitable, though it will be felt in all aspects of the personality.

260. Chúng ta được cho biết rằng các hành tinh Vulcan và Sao Diêm Vương (đều là các hành tinh cung một của hủy diệt) hoạt động trước lần điểm đạo thứ nhất (là sự chuyển tiếp của các thành viên của giới thứ tư hay giới nhân loại vào giới thứ năm của thiên nhiên, "Thiên Giới", "Giới của Linh Hồn"). Hiệu quả hủy diệt về mặt thể xác của các hành tinh này là không thể tránh khỏi, dù nó sẽ được cảm nhận trong mọi phương diện của phàm ngã.

261. We can say that at that time, for animal man, there was no personality, and his elemental vehicles were, of course, far less developed. Probably, there was also an astral impact as animals (especially higher animals) are equipped with a responsive astral body.

261. Chúng ta có thể nói rằng vào thời ấy, đối với người thú, chưa có phàm ngã, và các vận cụ hành khí của y dĩ nhiên kém phát triển hơn nhiều. Có lẽ cũng có một tác động cảm dục, vì động vật (đặc biệt là động vật cao cấp) được trang bị một thể cảm dục có khả năng đáp ứng.

Second. In the fifth round, at the so-called Judgment. This will bring about the apparent destruction of two-fifths of the human family,

Thứ hai. Trong cuộc tuần hoàn thứ năm, vào *cái gọi là Ngày Phán Xét*. Điều này sẽ mang lại **sự hủy diệt bề ngoài của hai phần năm gia**

and the translation of the indwelling units of consciousness to other spheres,

đình nhân loại, và **sự chuyển dịch** các đơn vị tâm thức nội tại sang các khối cầu khác,

262. This is the temporary pralaya of which we have been speaking.

262. Đây là giai kỳ qui nguyên tạm thời mà chúng ta đã bàn đến.

263. We note that the destruction to be experienced by two-fifths of the human family is only an "apparent" destruction.

263. Chúng ta lưu ý rằng sự hủy diệt mà hai phần năm gia đình nhân loại sẽ trải qua chỉ là một sự hủy diệt "bề ngoài".

264. On the way to a hypothesized transfer to the Mars-scheme, could the transference of these units be made first to the Mars-chain of the Earth-scheme or, perhaps, to the Mars-globe of the Earth-chain?

264. Trên đường đến một sự chuyển dịch được giả định sang hệ Sao Hỏa, liệu sự chuyển dịch các đơn vị này trước hết có thể được thực hiện đến dãy Sao Hỏa của hệ hành tinh Địa Cầu hay, có lẽ, đến bầu hành tinh Sao Hỏa của Dãy Địa Cầu hay không?

265. In relation to the final two impulses of Will, we have to consider the following reference which we encountered shortly before:

265. Liên hệ đến hai xung lực cuối cùng của Ý Chí, chúng ta phải xét đoạn tham chiếu sau mà chúng ta đã gặp ngay trước đó:

In the seventh round, the power of the second Ray will predominate and the influence of the third will weaken. **The first Ray will make itself felt.** The first Ray, that of Mahadeva[49] or the Destroyer, will set **its second great impulse** upon our planetary evolution by the obscuration of two fifths of the human family. (TCF 425-426)

Trong cuộc tuần hoàn thứ bảy, quyền lực của cung hai sẽ chiếm ưu thế và ảnh hưởng của cung ba sẽ suy yếu. **Cung một sẽ làm cho chính nó được cảm nhận.** Cung một, cung của Mahadeva49 hay Đấng Hủy Diệt, sẽ đặt **xung lực lớn thứ hai của nó** lên tiến hoá hành tinh của chúng ta bằng sự che khuất hai phần năm gia đình nhân loại. (TCF 425-426)

266. Up to and including the fifth round it would seem that two great impulses of Will had affected humanity—the second of them during the fifth round, if we count the first as the destruction of animal forms.

266. Cho đến và kể cả cuộc tuần hoàn thứ năm, dường như có hai xung lực lớn của Ý Chí đã tác động đến nhân loại—xung lực thứ hai trong số đó diễn ra trong cuộc tuần hoàn thứ năm, nếu chúng ta tính xung lực thứ nhất là sự hủy diệt các hình thể động vật.

a. The first ray impulse which destroyed animal forms at the time of individualization

a. Xung lực cung một đã hủy diệt các hình thể động vật vào lúc biệt ngã hóa

b. The hypothesized first ray impulse which will bring about great destruction and separation at the time of the "Judgment Day"

b. Xung lực cung một được giả định sẽ mang lại sự hủy diệt lớn và sự phân ly vào lúc "Ngày Phán Xét"

c. The first ray impulse which will (in the seventh round) lead to the obscuration of two-fifths of the human family. Note, that that which will in the fifth round is not an obscuration but a translation into a temporary pralaya. An obscuration is more final than a temporary pralaya, for relative to the place of departure, an obscuration admits of no return—*yet,* in a way, all pralayas are temporary, even apparently final ones.

c. Xung lực cung một mà (trong cuộc tuần hoàn thứ bảy) sẽ dẫn đến sự che khuất hai phần năm gia đình nhân loại. Lưu ý rằng điều sẽ xảy ra trong cuộc tuần hoàn thứ năm không phải là sự che khuất mà là một sự chuyển dịch vào một giai kỳ qui nguyên tạm thời. Sự che khuất có tính chung cuộc hơn một giai kỳ qui nguyên tạm thời, vì xét theo nơi xuất phát, một sự che khuất không cho phép quay trở lại—*tuy nhiên,* theo một cách nào đó, mọi giai kỳ qui nguyên đều là tạm thời, ngay cả những giai kỳ có vẻ chung cuộc.

267. Yet the mode of counting may not include the impact (via the spark of mind) which destroyed so many animal forms, because it seems that (according to DK's numbering) the *second* great impulse is connected with the *seventh round.*

267. Tuy vậy, cách tính có thể không bao gồm tác động (qua tia lửa trí tuệ) đã hủy diệt rất nhiều hình thể động vật, vì dường như (theo cách đánh số của Chân sư DK) xung lực lớn *thứ hai* được liên hệ với *cuộc tuần hoàn thứ bảy.*

more [Page 426] suited to their stage of evolution.

phù hợp hơn với [Page 426] giai đoạn tiến hoá của họ.

268. We have been hypothesizing that conditions within the Mars-scheme will be more suited to their stage of evolution.

268. Chúng ta đã giả định rằng các điều kiện trong hệ Sao Hỏa sẽ phù hợp hơn với giai đoạn tiến hoá của họ.

269. In one way, one could call these transferees the "failures" of the Earth-scheme, but we know that the experience through which they will pass does not really represent "failure". Their retardation is simply incident to the lesser amount of time that most of them have spent in the evolutionary process.

269. Theo một cách nào đó, người ta có thể gọi những người được chuyển dịch này là những "kẻ thất bại" của hệ hành tinh Địa Cầu, nhưng chúng ta biết rằng kinh nghiệm mà họ sẽ trải qua thực ra không biểu thị "thất bại". Sự chậm tiến của họ chỉ đơn giản là hệ quả của khoảng thời gian ít hơn mà phần lớn họ đã trải qua trong tiến trình tiến hoá.

This event will be regarded at the time as a catastrophe,

Biến cố này **sẽ được xem vào lúc ấy như một thảm họa**,

270. This is an important statement and informs us that we cannot always judge the true meaning or value of that which occurs —especially if the occurrence is dramatically destructive of form.

270. Đây là một phát biểu quan trọng và cho chúng ta biết rằng chúng ta không phải lúc nào cũng có thể phán đoán ý nghĩa hay giá trị đích thực của điều xảy ra—đặc biệt nếu biến cố ấy hủy diệt hình tướng một cách dữ dội.

but the Knowers will see and know, and **three fifths** of the human family will understand the reason.

nhưng các thức giả sẽ thấy và biết, và **ba phần năm** gia đình nhân loại sẽ thấu hiểu lý do.

271. The implication is that the two fifths going into pralaya (and who are not yet on the Path) will not understand.

271. Hàm ý là hai phần năm đi vào giai kỳ qui nguyên (và chưa ở trên Con Đường) sẽ không thấu hiểu.

272. Those who will, at that time, "understand the reason" will be close (in their development) to the acquisition of pure reason.

272. Những người vào lúc ấy sẽ "thấu hiểu lý do" sẽ ở gần (trong sự phát triển của họ) với việc đạt được lý trí thuần túy.

Third. At the final reabsorption of the perfected monads into their emanating source in the seventh round.

Thứ ba. Vào lúc tái hấp thu cuối cùng của các chân thần đã hoàn thiện vào nguồn phát xạ của chúng trong cuộc tuần hoàn thứ bảy.

273. Here the Will will makes its impact again. We recall that this is considered the *second* great impulse of Will or of the Ray of the Destroyer—at least according to the statement given above.

273. Ở đây Ý Chí sẽ lại tạo tác động. Chúng ta nhớ rằng điều này được xem là xung lực lớn *thứ hai* của Ý Chí hay của Cung của Đấng Hủy Diệt—ít nhất theo phát biểu đã nêu ở trên.

274. The numbers seven and one are closely related. The completion of a seventh and final developmental stage signals the emergence in power of the first divine aspect.

274. Các số bảy và một liên hệ chặt chẽ với nhau. Sự hoàn tất một giai đoạn phát triển thứ bảy và cuối cùng báo hiệu sự xuất hiện đầy quyền lực của phương diện thiêng liêng thứ nhất.

275. What is the "emanating source" of the "perfected monads"? Shall we say that it is one of the chakras or centers of the

275. "Nguồn phát xạ" của "các chân thần đã hoàn thiện" là gì? Chúng ta có nên nói rằng đó là một trong các luân xa hay trung tâm

Planetary Logos through which the Monad is presently manifesting?

276. How many Monads will be "perfected monads" at that time? We are not told but we can be sure that no all Monads evolving through the Earth-chain will be perfected.

This will be marked by obscuration and the destruction of the form.

277. This will be the fate of *all* human forms at that time, and, presumably, of all other forms embodied in the substance of the lower worlds.

Suffering will be practically nil, as the human units involved will have reached a stage where they can consciously co-operate in the process of abstraction.

278. This means that they will be able to slip out of their embodiments at will, and that the focus of their identity is much above the level of lower form.

It is evident therefore that as regards the human family (the manasaputras in incarnation),

279. Here is another definition of the human being as a *manasaputra*—"in incarnation". The Solar Angel's are manasaputras and the Planetary Logoi are Divine Manasaputras.

the fourth, fifth, and seventh rounds hold hid the key to the first aspect.

của Hành Tinh Thượng Đế mà qua đó Chân thần hiện đang biểu hiện hay không?

276. Vào lúc ấy sẽ có bao nhiêu Chân thần là "các chân thần đã hoàn thiện"? Chúng ta không được cho biết nhưng có thể chắc chắn rằng không phải mọi Chân thần tiến hoá qua Dãy Địa Cầu đều sẽ được hoàn thiện.

Điều này sẽ được đánh dấu bằng sự che khuất và sự hủy diệt của hình tướng.

277. Đó sẽ là số phận của *mọi* hình tướng con người vào lúc ấy, và có lẽ của mọi hình tướng khác được hiện thân trong chất liệu của các cõi thấp.

Khổ đau hầu như sẽ bằng không, vì các đơn vị nhân loại liên hệ sẽ đạt đến một giai đoạn mà họ có thể hợp tác một cách hữu thức trong tiến trình rút ra.

278. Điều này có nghĩa là họ sẽ có thể rời khỏi các hiện thể của mình theo ý muốn, và tiêu điểm bản sắc của họ ở cao hơn rất nhiều so với cấp độ của hình tướng thấp.

Do đó hiển nhiên rằng xét về gia đình nhân loại (các manasaputra đang lâm phàm),

279. Đây là một định nghĩa khác về con người như một *manasaputra*—"đang lâm phàm". Các Thái dương Thiên Thần là các manasaputra và các Hành Tinh Thượng Đế là các Manasaputra Thiêng Liêng.

cuộc tuần hoàn thứ tư, thứ năm và thứ bảy che giấu chìa khóa của phương diện thứ nhất.

280. We note that the sixth round is *not* included. It will relate very much to the development of the buddhic energy.

280. Chúng ta lưu ý rằng cuộc tuần hoàn thứ sáu *không* được bao gồm. Nó sẽ liên hệ rất nhiều đến sự phát triển của năng lượng Bồ đề.

281. Interestingly enough, the fourth, fifth and seventh rounds are listed as "major" rounds in the following reference:

281. Điều thú vị là các cuộc tuần hoàn thứ tư, thứ năm và thứ bảy được liệt kê là các cuộc tuần hoàn "chính" trong đoạn tham chiếu sau:

7 Rounds Major (TCF 600)

7 Cuộc Tuần Hoàn Chính (TCF 600)

282. The number *four* is closely related to the number *one*. For instance, we can see how much demonstration of the *first* ray occurs during the *fourth* initiation.

282. Con số *bốn* có liên hệ mật thiết với con số *một*. Chẳng hạn, chúng ta có thể thấy biết bao biểu hiện của cung *một* xảy ra trong lần điểm đạo *thứ tư*.

For the devas it is the first, second and sixth. For the involutionary entity, whom we call the "spirit of the planet" it is simply the third.

Đối với các thiên thần, đó là thứ nhất, thứ hai và thứ sáu. Đối với thực thể giáng hạ tiến hoá, mà chúng ta gọi là "tinh linh linh địa cầu", thì đó đơn giản là thứ ba.

283. Fascinating information is shared with us. We can understand the relation of the deva kingdom to the numbers two and six—numbers especially representative of the soft-line rays. The number four is composed of *both* the first and second rays as the derivation of the four Rays of Attribute from combinations of the three Rays of Aspect will show.

283. Nhiều thông tin hấp dẫn được chia sẻ với chúng ta. Chúng ta có thể hiểu mối liên hệ của giới thiên thần với các số hai và sáu—những con số đặc biệt tiêu biểu cho các cung thuộc đường mềm. Số bốn được cấu thành từ *cả* cung một lẫn cung hai, như sự phát sinh của bốn Các Cung Thuộc Tính từ những tổ hợp của ba Các Cung Trạng Thái sẽ cho thấy.

284. It makes sense that the involutionary, material entity called the "spirit of the planet" would be associated with the material number *three*—in a way, the most material ray.

284. Thật hợp lý khi thực thể vật chất, giáng hạ tiến hoá được gọi là "tinh linh linh địa cầu" lại gắn liền với con số vật chất *ba*—theo một nghĩa nào đó, là cung vật chất nhất.

285. Let us tabulate for the sake of clarity:

285. Vì sự minh bạch, chúng ta hãy lập bảng:

a. Key to the first aspect is held by rounds four, five and seven

a. Chìa khóa của phương diện thứ nhất được nắm giữ bởi các cuộc tuần hoàn bốn, năm và bảy

b. Key to the devas (which represent the "Divine Feminine") is held by rounds one, two and six. We can easily related this "feminine" evolution to the second ray. The devas, we must remember, are also the *law.*

b. Chìa khóa của các thiên thần (đại diện cho "Nữ Tính Thiêng Liêng") được nắm giữ bởi các cuộc tuần hoàn một, hai và sáu. Chúng ta có thể dễ dàng liên hệ sự tiến hoá "nữ tính" này với cung hai. Chúng ta phải nhớ rằng các thiên thần cũng là *định luật.*

c. The key to the "sprit of the planet" and to the third aspect held by the third round.

c. Chìa khóa của "tinh linh linh địa cầu" và của phương diện thứ ba được nắm giữ bởi cuộc tuần hoàn thứ ba.

286. If we examine carefully what is said, we shall see that the human kingdom (which parallels the deva kingdom) is identified with the *first* aspect. Man achieves liberation through destruction.

286. Nếu khảo sát cẩn thận điều được nói ra, chúng ta sẽ thấy rằng giới nhân loại (song hành với giới thiên thần) được đồng nhất với phương diện *thứ nhất*. Con người đạt giải thoát thông qua sự hủy diệt.

The third Ray holds sway all the time, for the second Ray only came into power in the second round.

Cung ba giữ quyền chi phối suốt mọi lúc, vì cung hai chỉ đi vào quyền lực trong cuộc tuần hoàn thứ hai.

287. Does one thought really follow the other? One would think so until examining what is said carefully. Is the implication that throughout the first round the third ray held sway?.

287. Có thật là ý này nối tiếp ý kia không? Người ta hẳn sẽ nghĩ như vậy cho đến khi khảo sát kỹ điều được nói ra. Hàm ý ở đây có phải là trong suốt cuộc tuần hoàn thứ nhất, cung ba giữ quyền chi phối không?

288. If we identify the devas, at least partially, with the second aspect, we shall have difficulty with the implication that the second ray is not present in the first round but only begins in the second.

288. Nếu chúng ta đồng nhất các thiên thần, ít nhất là phần nào, với phương diện thứ hai, chúng ta sẽ gặp khó khăn với hàm ý rằng cung hai không hiện diện trong cuộc tuần hoàn thứ nhất mà chỉ bắt đầu trong cuộc tuần hoàn thứ hai.

289. The progression would be three, two one—with the implication that the first aspect or ray was somehow expressive in the third round.

289. Sự tiến triển sẽ là ba, hai, một—với hàm ý rằng phương diện hay cung thứ nhất bằng cách nào đó đã biểu lộ trong cuộc tuần hoàn thứ ba.

290. One reason why the third ray "holds sway all the time" is that the personality ray (well established in relation to our Planetary Logos) is the third.

290. Một lý do khiến cung ba "giữ quyền chi phối suốt mọi lúc" là vì cung phàm ngã (được thiết lập vững chắc trong liên hệ với Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta) là cung ba.

291. As the second ray (the soul ray of our Planetary Logos) becomes better established, it will be possible to say that the second ray 'holds sway all the time'.

291. Khi cung hai (cung linh hồn của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta) được thiết lập vững chắc hơn, sẽ có thể nói rằng cung hai "giữ quyền chi phối suốt mọi lúc".

It holds sway simultaneously with the second Ray until the end of the age, when it begins gradually to obscure as the first Ray swings into influence again.

Nó giữ quyền chi phối đồng thời với cung hai cho đến cuối thời đại, khi nó bắt đầu dần dần bị che mờ khi cung một lại chuyển vào ảnh hưởng.

292. This, we have seen above when thinking about the seventh round, at which time the Will *again* comes in strongly and the third ray begins to weaken.

292. Điều này, như chúng ta đã thấy ở trên khi suy nghĩ về cuộc tuần hoàn thứ bảy, là lúc Ý Chí *một lần nữa* đi vào mạnh mẽ và cung ba bắt đầu suy yếu.

293. What is the meaning of the "end of the age"? In this context, we are speaking about an "age" of seven rounds.

293. "Cuối thời đại" có nghĩa là gì? Trong ngữ cảnh này, chúng ta đang nói về một "thời đại" gồm bảy cuộc tuần hoàn.

294. The third ray may be related to the third round, but it seems to have been present from the time the second ray came into power in the second round, and probably in the first. Often the *third* ray is the *first* (of the greater three) to manifest.

294. Cung ba có thể liên hệ với cuộc tuần hoàn thứ ba, nhưng dường như nó đã hiện diện từ lúc cung hai đi vào quyền lực trong cuộc tuần hoàn thứ hai, và có lẽ cả trong cuộc tuần hoàn thứ nhất. Thường thì cung *ba* là cung *đầu tiên* (trong bộ ba lớn hơn) biểu hiện.

295. In an overall sense, it seems that the third ray is always present (from the first round) but has a special relation to the third round. This third ray fades out in the seventh round.

295. Theo nghĩa tổng quát, dường như cung ba luôn hiện diện (từ cuộc tuần hoàn thứ nhất) nhưng có một liên hệ đặc biệt với cuộc tuần hoàn thứ ba. Cung ba này mờ dần trong cuộc tuần hoàn thứ bảy.

296. The second ray or aspect comes in at the time of the second round and abides through the seventh.

296. Cung hay phương diện thứ hai đi vào vào thời cuộc tuần hoàn thứ hai và tồn tại cho đến cuộc tuần hoàn thứ bảy.

297. The first ray makes an impact in the middle of the fourth round (was the Great War in Atlantis an example?) and again during the fifth, at the "Judgment Day". It is also responsible for the obscuration to be found in the seventh round.

297. Cung một tạo tác động vào giữa cuộc tuần hoàn thứ tư (Đại Chiến ở Atlantis có phải là một ví dụ không?) và lại một lần nữa trong cuộc tuần hoàn thứ năm, vào "Ngày Phán Xét". Nó cũng chịu trách nhiệm cho sự che mờ được tìm thấy trong cuộc tuần hoàn thứ bảy.

Remember, nevertheless, that all three are at all times present. It is simply a question of degree and of cyclic evolution.

Tuy nhiên, hãy nhớ rằng cả ba luôn hiện diện ở mọi lúc. Chỉ là vấn đề mức độ và tiến hoá theo chu kỳ.

298. This is an important statement. The Trinity ever abides. We are looking for the predominating emphases as they are related to the rounds.

298. Đây là một phát biểu quan trọng. Ba Ngôi luôn tồn tại. Chúng ta đang tìm kiếm những điểm nhấn nổi trội khi chúng liên hệ với các cuộc tuần hoàn.

We might now take the four minor Rays, which, with the third, make the sumtotal of manas, and see wherein their influence may be expected. The subject is so stupendous that we cannot possibly do more than touch upon certain points,

Giờ đây chúng ta có thể xét đến bốn cung phụ, những cung này cùng với cung ba tạo nên tổng số của manas, và xem ảnh hưởng của chúng có thể được mong đợi ở đâu. Chủ đề này quá đồ sộ đến nỗi chúng ta không thể làm gì hơn ngoài việc chỉ chạm đến một vài điểm,

299. What would it be like if the capacity of our minds were such that we could recognize a "stupendous" subject when confronted with one?

299. Sẽ ra sao nếu năng lực của trí tuệ chúng ta đến mức có thể nhận ra một chủ đề "đồ sộ" khi đối diện với nó?

nor can we enlarge along the line of the mechanistic development of forms to utilise the force. This is all hidden in the science of electricity,

cũng không thể khai triển theo đường lối phát triển cơ giới của các hình tướng để sử dụng mãnh lực. Tất cả điều này đều được ẩn giấu trong khoa học về điện,

300. The means of applying the great principles about which are learning will be worked out over the intervening millions of years.

300. Những phương tiện để áp dụng các nguyên lý lớn lao mà chúng ta đang học hỏi sẽ được khai triển trong hàng triệu năm xen giữa.

301. We can see that the fifth ray will be most necessary in the acquisition of the knowledge just hinted.

301. Chúng ta có thể thấy rằng cung năm sẽ hết sức cần thiết trong việc tiếp thu tri thức vừa được gợi ý.

and as exoteric science discovers how:

và khi khoa học ngoại môn khám phá ra cách:

To utilise **the power in the air**, or to reduce electrical phenomena to the uses of man;

Để sử dụng **quyền năng trong không khí**, hay quy giảm các hiện tượng điện vào việc sử dụng của con người;

302. We fly through the air and speak of harnessing the wind, but we are not cognizant of that which DK calls the "power in the air".

302. Chúng ta bay trong không khí và nói đến việc chế ngự gió, nhưng chúng ta chưa nhận biết điều mà Chân sư DK gọi là "quyền năng trong không khí".

303. It is interesting, however, to think of electrical phenomena as "the power in the air".

303. Tuy nhiên, thật thú vị khi nghĩ đến các hiện tượng điện như là "quyền năng trong không khí".

304. Although we may not yet understand the relation of electrical phenomena to what DK calls the "power in the air" we have at least bent a certain relatively low category of electrical phenomena to man's use.

304. Dù có thể chúng ta chưa hiểu mối liên hệ giữa các hiện tượng điện với điều mà Chân sư DK gọi là "quyền năng trong không khí", ít nhất chúng ta đã uốn một loại hiện tượng điện tương đối thấp nào đó vào việc sử dụng của con người.

305. The plane of "air" is the buddhic plane and its correspondence on the lowest of the systemic planes is the fourth ether—the sub-plane from which stems that aspect of electricity about which we understand a little and which we have been able to apply to human living.

305. Cõi của "không khí" là cõi Bồ đề và đối ứng của nó trên cõi thấp nhất trong các cõi của hệ là dĩ thái thứ tư—cõi phụ mà từ đó phát sinh phương diện điện lực mà chúng ta hiểu được đôi chút và đã có thể áp dụng vào đời sống con người.

306. Interestingly, the buddhic plane is the plane of expression for the Raja Deva Lord, "Indra", in many respects a "storm god". He is the "god of thunder" and the "thunder bolt" is His weapon.

306. Điều thú vị là cõi Bồ đề là cõi biểu hiện của Chúa Tể thiên thần Raja, "Indra", về nhiều phương diện là một "thần bão tố". Ngài là "thần sấm" và "tia sét" là vũ khí của Ngài.

307. The buddhic plane is also related to Uranus ('god of electric fire') Who is also 'god of lightning'. Uranus promotes precipitation from the buddhic plane into the lower three sub-planes of the cosmic physical plane.

307. Cõi Bồ đề cũng liên hệ với Sao Thiên Vương ("thần của Lửa Điện"), Đấng cũng là "thần của chớp". Sao Thiên Vương thúc đẩy sự ngưng tụ từ cõi Bồ đề xuống ba cõi phụ thấp hơn của cõi hồng trần vũ trụ.

To build forms, and create machines to contain and distribute the electrical forces of the atmosphere;

Để xây dựng các hình tướng, và tạo ra các máy móc để chứa đựng và phân phối các mãnh lực điện của khí quyển;

308. This is on its way. One suspects that an incredible source of free energy is everywhere present. The reasons why the secrets have not been generally released is the moral condition of man. Give the present state of the human psyche, the energy would almost certainly be applied towards human destruction rather than human betterment.

308. Điều này đang trên đường thành tựu. Người ta ngờ rằng một nguồn năng lượng tự do đáng kinh ngạc hiện diện ở khắp nơi. Lý do khiến các bí mật ấy chưa được công bố rộng rãi là tình trạng đạo đức của con người. Với trạng thái hiện nay của tâm lý nhân loại, năng lượng ấy gần như chắc chắn sẽ được áp dụng vào việc hủy diệt con người hơn là cải thiện con người.

[Page 427]

[Page 427]

To harness the activity of matter, and to drive it towards certain ends;

Để chế ngự hoạt động của vật chất, và thúc đẩy nó hướng đến những mục đích nhất định;

309. This, humanity has already accomplished in some measure through what is called the "release of atomic energy".

309. Điều này, nhân loại đã hoàn thành ở một mức độ nào đó qua điều được gọi là "sự giải phóng năng lượng nguyên tử".

To employ the electrical force in the air to vitalise, rebuild, and heal the physical body;

Để sử dụng mãnh lực điện trong không khí nhằm tiếp sinh lực, tái tạo và chữa lành thể xác;

310. In this context, the "electrical force in the air" means *prana.* The beginning of this science has already been born in the human mind, and some understanding and consequent application are occurring.

310. Trong ngữ cảnh này, "mãnh lực điện trong không khí" có nghĩa là *prana.* Khởi đầu của khoa học này đã được sinh ra trong trí tuệ con người, và một số hiểu biết cùng sự áp dụng hệ quả đang diễn ra.

then the phenomena of the Rays, working in cycles, will be comprehended, and vast

khi đó các hiện tượng của các cung, vận hành theo chu kỳ, sẽ được thấu hiểu, và con

opportunities will be seized by man to bring about specific ends during specific cycles.

người sẽ nắm lấy những cơ hội rộng lớn để mang lại những mục đích đặc thù trong những chu kỳ đặc thù.

311. Man will know not only *how* to work with energy but *when* to do it. As things now stand, he cannot apply what knowledge he has at cyclic moments which reinforce his intentions.

311. Con người sẽ biết không chỉ *cách* làm việc với năng lượng mà còn biết *khi nào* phải làm như vậy. Trong tình trạng hiện nay, y không thể áp dụng tri thức mình có vào những thời điểm chu kỳ củng cố các ý định của y.

a. Ray effects. The Ray of Harmony, Beauty and Art, or the second manasic aspect (adaptability being the third) will work out in the following ways:

a. Các hiệu ứng của cung. Cung Hài Hòa, Mỹ Đẹp và Nghệ Thuật, hay phương diện manas thứ hai (khả năng thích ứng là thứ ba) sẽ biểu lộ theo những cách sau:

312. Manas, itself, can be divided into three aspects. The fourth ray accords with the second and sixth, and, thus, represents within manas, the second aspect. This may also be said of the sixth ray which is one of the manasic rays.

312. Bản thân manas có thể được chia thành ba phương diện. Cung bốn tương ứng với cung hai và cung sáu, và do đó, đại diện trong manas cho phương diện thứ hai. Điều này cũng có thể nói về cung sáu, vốn là một trong các cung manas.

313. Following this enumeration, the first manasic aspect pertains to the third ray.

313. Theo cách liệt kê này, phương diện manas thứ nhất thuộc về cung ba.

- In the development of the intuition **by the means of the knowledge of sound vibration, and the higher mathematics.** This is being already touched upon exoterically.

- Trong sự phát triển của trực giác **bằng phương tiện tri thức về rung động âm thanh, và toán học cao cấp.** Điều này đã đang được chạm đến theo lối ngoại môn.

314. In this context, it is important to remember that the fourth ray is the "ray of mathematical exactitude" (EP I 49)

314. Trong ngữ cảnh này, điều quan trọng là phải nhớ rằng cung bốn là "cung của sự chính xác toán học" (EP I 49)

315. The intuition is buddhi and is an expression of the fourth or buddhic plane.

315. Trực giác là Bồ đề và là một biểu hiện của cõi thứ tư hay cõi Bồ đề.

316. The statement is remarkable, because two unsuspected means of developing intuition are given:

316. Phát biểu này thật đáng chú ý, vì hai phương tiện không ngờ tới để phát triển trực giác được nêu ra:

a. By means of “the knowledge of “sound vibration”

a. Bằng phương tiện “tri thức về “rung động âm thanh”

b. By means of the “higher mathematics”

b. Bằng phương tiện “toán học cao cấp”

317. In the first instance, we might wonder what apparatus may be constructed to subject the microcosm to that type of sound vibration which will induce in him the emergence of intuition.

317. Trong trường hợp thứ nhất, chúng ta có thể tự hỏi loại dụng cụ nào có thể được chế tạo để đặt tiểu thiên địa dưới loại rung động âm thanh sẽ gây ra nơi y sự xuất hiện của trực giác.

318. We could also wonder whether the application of sound vibration could be instrumental in furthering the growth of the antahkarana.

318. Chúng ta cũng có thể tự hỏi liệu việc áp dụng rung động âm thanh có thể là công cụ giúp thúc đẩy sự tăng trưởng của antahkarana hay không.

319. The musical use of the Sacred Word and other Words of Power would contribute to such development.

319. Việc sử dụng âm nhạc của Linh từ Thiêng Liêng và các Quyền năng từ khác sẽ góp phần vào sự phát triển như thế.

- Music, as a means to be employed in building and destroying, will be recognised, and the laws of levitation and of rhythmic movement in all forms, from an atom to a solar system, will be studied.

- Âm nhạc, như một phương tiện được dùng trong xây dựng và hủy diệt, sẽ được công nhận, và các định luật về sự bay lên và về chuyển động nhịp điệu trong mọi hình tướng, từ một nguyên tử đến một hệ mặt trời, sẽ được nghiên cứu.

320. It will not be long before the fourth ray cycles again into expression. Even in 1924, one year before *A Treatise on Cosmic Fire* was published, the fourth ray had made a significant (though unspecified) impact. (cf. 428).

320. Sẽ không lâu nữa trước khi các chu kỳ cung bốn lại đi vào biểu hiện. Ngay cả vào năm 1924, một năm trước khi *Luận về Lửa Vũ Trụ* được xuất bản, cung bốn đã tạo ra một tác động đáng kể (dù không xác định rõ). (x. 428).

321. Really, the year 1925. may have been the beginning of “coming into power of the fourth ray” discussed in the cited reference. The centennial cycles occurring in 1725, 1825, 1925, 2025, etc. have a fourth ray resonance to them as well as, obviously, a first.

321. Thật ra, năm 1925 có thể đã là khởi đầu của “sự đi vào quyền lực của cung bốn” được bàn đến trong tài liệu dẫn chiếu. Các chu kỳ trăm năm xảy ra vào 1725, 1825, 1925, 2025, v.v. cũng có cộng hưởng cung bốn nơi chúng, cũng như hiển nhiên là cung một.

322. It would seem that the laws of levitation and of rhythmic movement are both related to the inherent nature of the fourth etheric sub-plane.

322. Dường như các định luật về sự bay lên và về chuyển động nhịp điệu đều liên hệ với bản chất cố hữu của cõi phụ dĩ thái thứ tư.

323. Levitation occurs, as it were, 'into the air' and the fourth ether is most 'airy', as it is the reflection of the buddhic plane which is, elementally, the systemic plane of air.

323. Sự bay lên xảy ra, có thể nói, "vào trong không khí" và dĩ thái thứ tư là "khí" nhất, vì nó là phản chiếu của cõi Bồ đề, vốn về mặt nguyên tố là cõi không khí của hệ.

324. One would think that the Law of Attraction and Repulsion is very much connected to the laws of levitation. The factor of repulsion seems especially involved, though if the body rises, towards *what* is it rising?

324. Người ta hẳn sẽ nghĩ rằng Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi có liên hệ rất nhiều với các định luật về sự bay lên. Yếu tố đẩy lùi dường như đặc biệt liên can, dù nếu thể xác bay lên, thì nó đang bay lên hướng về *điều gì*?

325. Rhythmic movement is usually the province of the seventh ray, but those whose souls are upon the fourth ray also learn through rhythm, as well as through music and painting.

325. Chuyển động nhịp điệu thường thuộc phạm vi của cung bảy, nhưng những người có linh hồn thuộc cung bốn cũng học qua nhịp điệu, cũng như qua âm nhạc và hội họa.

When the egoic note is sounded in harmony with other egos, the result is the shattering of the causal body, dissociation from the lower and the attainment of perfection. **Its exponents develop along the line of music, rhythm and painting**. (LOM 16)

Khi âm điệu chân ngã được xướng lên trong hòa điệu với các chân ngã khác, kết quả là sự phá vỡ thể nguyên nhân, sự phân ly khỏi cái thấp hơn và sự đạt đến hoàn hảo. **Những người biểu hiện cung này phát triển theo đường lối âm nhạc, nhịp điệu và hội họa**. (LOM 16)

- The manipulation of matter of all kinds by the means of sound will be practised on the two lower planes, and when the synthesis of the four rays into the third is in process of accomplishment, then a similar knowledge will be displayed on the mental plane.

- Sự vận dụng vật chất thuộc mọi loại bằng phương tiện âm thanh sẽ được thực hành trên hai cõi thấp, và khi sự tổng hợp của bốn cung vào cung ba đang trong tiến trình hoàn thành, khi đó một tri thức tương tự sẽ được biểu lộ trên cõi trí.

326. The two lower planes are the etheric-physical and astral planes.

326. Hai cõi thấp là cõi dĩ thái-hồng trần và cõi cảm dục.

327. Manipulation is a quality of manas and the power of sound (also associated with the third ray—vibration, light, sound, colour) is a primary agent of manipulation.) Manipulation occurs via sound.

327. Sự vận dụng là một phẩm tính của manas và quyền năng của âm thanh (cũng gắn với cung ba—rung động, ánh sáng, âm thanh, màu sắc) là một tác nhân sơ khởi của sự vận dụng.) Sự vận dụng diễn ra qua âm thanh.

328. The fifth ray will also be involved in the process as the exact frequency of the sound (and probably timbre) to be applied must be understood in relation to the effect to be achieved.

328. Cung năm cũng sẽ tham gia vào tiến trình này vì tần số chính xác của âm thanh (và có lẽ cả âm sắc) được áp dụng phải được thấu hiểu trong liên hệ với hiệu quả cần đạt tới.

- The laws of fire will be gradually permitted exoteric publication; there are twenty-seven occult laws which are only revealed after initiation at this stage of evolution.

- Các định luật của lửa sẽ dần dần được cho phép công bố ra ngoại môn; có hai mươi bảy định luật huyền bí chỉ được tiết lộ sau điểm đạo ở giai đoạn tiến hoá này.

329. Are there twenty seven “laws of fire” or are the “laws of fire” amongst the twenty-seven?

329. Có phải có hai mươi bảy “định luật của lửa” hay “các định luật của lửa” nằm trong số hai mươi bảy định luật ấy?

330. Each one of the first nine integers is, itself, threefold (so it would seem).

330. Mỗi một trong chín số nguyên đầu tiên, tự nó, đều là tam phân (dường như là vậy).

331. Nine is, from many respects, the number of completeness, of Shiva and of the solar system to come. The number twenty-seven expresses complete unfoldment as it will be experienced in the next solar system.

331. Số chín, trên nhiều phương diện, là con số của sự hoàn tất, của Shiva và của hệ mặt trời sẽ đến. Con số hai mươi bảy biểu thị sự khai mở trọn vẹn như nó sẽ được kinh nghiệm trong hệ mặt trời kế tiếp.

332. Interestingly, 5. + 7. + 9. = 21, which is the number based on the septenate and which we have been comparing with the 27. (based upon the figure nine).

332. Điều thú vị là 5. + 7. + 9. = 21, là con số dựa trên bộ bảy mà chúng ta đã so sánh với 27. (dựa trên hình số chín).

333. The Seed Groups express the number twenty-seven through the assembled personnel of the tenth seed group. From each of the previous nine Seed Groups, three representatives are to be gathered for the

333. Các Nhóm hạt giống biểu hiện con số hai mươi bảy qua nhân sự tập hợp của nhóm hạt giống thứ mười. Từ mỗi một trong chín Nhóm hạt giống trước đó, ba đại diện sẽ được tập hợp cho nhóm thứ mười. Điều này

tenth. This seems to confirm the threefoldness of each one of the nine.

dường như xác nhận tính tam phân của mỗi một trong chín nhóm.

334. 21/7. = 27/9. (not literally), but symbolically. The system of sevens expresses the triune nature of each of the seven through the number twenty-one. The system of nines expresses the triune nature of each of the nine through the number twenty-seven.

334. 21/7. = 27/9. (không theo nghĩa đen), nhưng theo biểu tượng. Hệ thống các số bảy biểu hiện bản chất tam vị của mỗi một trong bảy qua con số hai mươi mốt. Hệ thống các số chín biểu hiện bản chất tam vị của mỗi một trong chín qua con số hai mươi bảy.

335. The climactic number of the septenate is twenty-two—one of the major mystical numbers. The climactic number of the series of nine is twenty-eight—the number of the Sacred Word and, interestingly, of four sevens.

335. Con số cao trào của bộ bảy là hai mươi hai—một trong những con số thần bí lớn. Con số cao trào của chuỗi chín là hai mươi tám—con số của Linh từ Thiêng Liêng và, điều thú vị là, của bốn số bảy.

- In them are summed up the basic laws of color and of music and rhythm.

- Trong chúng được tổng kết các định luật căn bản của màu sắc và của âm nhạc và nhịp điệu.

336. It becomes necessary to relate the twenty-seven to the four. One association may be of interest. Twenty-seven is a nine (2. + 7. = 9) The *nine* and the *four* are the numbers of the *fourth* Creative Hierarchy which we call the Hierarchy of Humanity.

336. Trở nên cần thiết phải liên hệ số hai mươi bảy với số bốn. Một liên tưởng có thể đáng quan tâm. Hai mươi bảy là một số chín (2. + 7. = 9) Số *chín* và số *bốn* là các con số của Huyền Giai Sáng Tạo *thứ tư* mà chúng ta gọi là Thánh Đoàn Nhân Loại.

337. It would seem that humanity will one day be a great creative force upon our planet and, through this creativity, will unite the three higher systemic planes with the three lower. This will be done through an understanding of the laws or fire, the laws of color and of music and rhythm.

337. Dường như một ngày kia nhân loại sẽ là một mãnh lực sáng tạo lớn trên hành tinh của chúng ta và, qua tính sáng tạo này, sẽ hợp nhất ba cõi cao của hệ với ba cõi thấp. Điều này sẽ được thực hiện qua sự thấu hiểu các định luật của lửa, các định luật của màu sắc và của âm nhạc và nhịp điệu.

338. One would suspect that the “laws of fire” will be inclusive of many other laws as fire is the synthetic element.

338. Người ta hẳn sẽ ngờ rằng “các định luật của lửa” sẽ bao gồm nhiều định luật khác vì lửa là nguyên tố tổng hợp.

- When music produces warmth or stimulation, and when pictures, for

- Khi âm nhạc tạo ra sự ấm áp hay kích thích, và khi các bức tranh, chẳng hạn, **rực sáng**

instance, **glow or reveal the subjective within the objective**, then will this fourth Ray of Harmony be coming to fruition.

hay bộc lộ cái chủ quan bên trong cái khách quan, khi đó cung bốn của Hài Hòa này sẽ đi đến kết quả viên mãn.

339. Already, deep appreciators of music and notice warmth or stimulation. We seem to be speaking of music as a stimulator of *solar* fire—which is a 'warm' fire rather than a hot or destructive.

339. Ngay từ bây giờ, những người thưởng thức âm nhạc sâu sắc đã nhận thấy sự ấm áp hay kích thích. Dường như chúng ta đang nói về âm nhạc như một tác nhân kích thích Lửa *Thái dương*—một ngọn lửa "ấm" hơn là nóng hay hủy diệt.

340. The soul, itself, is the *glow* of the subjective within the objective. This effect to be look for in "pictures" or paintings, also suggest the emerging interiority of solar fire.

340. Bản thân linh hồn là sự *rực sáng* của cái chủ quan bên trong cái khách quan. Hiệu quả cần tìm kiếm này trong các "bức tranh" hay hội họa cũng gợi ý tính nội tại đang xuất hiện của Lửa Thái dương.

341. The word "glow" is, especially, a word descriptive of solar fire.

341. Từ "rực sáng" đặc biệt là một từ mô tả Lửa Thái dương.

342. The fourth ray again enters expression in the year 2025. The nature of its entry is described in the following:

342. Cung bốn lại đi vào biểu hiện vào năm 2025. Bản chất của sự đi vào ấy được mô tả như sau:

The fourth ray will come into manifestation before many generations have passed, but **only from the angle of its incarnating Monad**, and not from the angle of its active Ashram. (EXH 581)

Cung bốn sẽ đi vào biểu hiện trước khi nhiều thế hệ trôi qua, nhưng **chỉ từ góc độ của Chân thần đang lâm phàm của nó**, chứ không từ góc độ của Ashram đang hoạt động của nó. (EXH 581)

Let us keep the numbering of the Rays clearly in mind.

Chúng ta hãy ghi nhớ rõ cách đánh số các cung.

The numbers preceding the names have to do with the sevenfold manifestation, and the numbers succeeding the names concern the fivefold manifestation of Brahma.

Các con số đứng trước tên gọi liên quan đến biểu hiện thất phân, và các con số đứng sau tên gọi liên quan đến biểu hiện ngũ phân của Brahma.

343. We are comparing numbers associated with Vishnu (the seven) with those associated with Brahma (the five).

343. Chúng ta đang so sánh các con số gắn với Vishnu (bảy) với các con số gắn với Brahma (năm).

[Page 428]

1. Will or Power.

Rays of Aspect: 2. Love or Wisdom.

3. Adaptability or active intelligence 1.

4. Harmony, Beauty or Art 2.

5. Concrete Knowledge or Science 3.

Rays of Attribute:6. Abstract Idealism 4.

7. Ceremonial Magic 5.

344. From comparing the brahmic list and the list correlated with Vishnu, we learn of some important correlations between rays:

345. There are correlations between:

a. Rays 3. and 1

b. Rays 4. and 2

c. Rays 5. and 3

d. Rays 6. and 4

e. Rays 7. and 5

346. We are already familiar with how these coupled rays work together in some instances.

[Page 428]

1. Ý Chí hay Quyền Năng.

Các Cung Trạng Thái: 2. Bác Ái hay Minh Triết.

3. Khả năng thích ứng hay trí tuệ linh hoạt 1.

4. Hài Hòa, Mỹ Đẹp hay Nghệ Thuật 2.

5. Tri Thức Cụ Thể hay Khoa Học 3.

Các Cung Thuộc Tính:6. Lý Tưởng Trừu Tượng 4.

7. Huyền Thuật Nghi Lễ 5.

344. Từ việc so sánh danh sách brahmic và danh sách tương quan với Vishnu, chúng ta học được một số tương quan quan trọng giữa các cung:

345. Có những tương quan giữa:

a. Cung 3. và 1.

b. Cung 4. và 2.

c. Cung 5. và 3.

d. Cung 6. và 4.

e. Cung 7. và 5.

346. Chúng ta đã quen thuộc với cách các cặp cung này cùng hoạt động trong một số trường hợp.

a. Rays three and one are descriptive of Saturn and the atmic plane. In the many descriptions of manas, will and mind are constantly linked, and purpose and manas. There is a naturally resonant line between these two.

a. Cung ba và cung một mô tả Sao Thổ và cõi atma. Trong nhiều mô tả về manas, ý chí và trí tuệ luôn được nối kết, và mục đích cùng manas cũng vậy. Có một đường cộng hưởng tự nhiên giữa hai cung này.

b. Rays four and two suggest buddhi. The second aspect of divinity expresses through buddhi (the sixth principle) on the fourth plane. DK tells of the relationship between these two.

b. Cung bốn và cung hai gợi ý Bồ đề. Phương diện thứ hai của thiên tính biểu hiện qua Bồ đề (nguyên khí thứ sáu) trên cõi thứ tư. Chân sư DK nói về mối liên hệ giữa hai cung này.

Curiously enough, there is a close relation between the third and the sixth rays, just as there is between the first and the second rays, and the second and the fourth. (EP II 373)

Điều khá lạ là có một mối liên hệ mật thiết giữa cung ba và cung sáu, cũng như giữa cung một và cung hai, và cung hai và cung bốn. (EP II 373)

c. The five and the three are related to the manner of counting the seven planes. The third plane from whatever perspective is the fifth from the opposing perspective and vice versa.

c. Cung năm và cung ba liên hệ với cách đếm bảy cõi. Cõi thứ ba từ bất kỳ góc nhìn nào cũng là cõi thứ năm từ góc nhìn đối nghịch và ngược lại.

d. The *five* Rays of Brahma express the *third* aspect of divinity.

d. Năm Cung của Brahma biểu hiện phương diện *thứ ba* của thiên tính.

e. As well, we learn that the fifth and third rays share certain characteristics in common:

e. Đồng thời, chúng ta học được rằng cung năm và cung ba có chung một số đặc tính:

Between the third and the fifth rays there is a close relationship. [Page 212] In the search after knowledge, for example, **the most laborious and minute study of detail is the path that will be followed,** whether in philosophy, the higher mathematics or in the pursuit of practical science. (EP I 211-212)

Giữa cung ba và cung năm có một mối liên hệ mật thiết. [Page 212] Chẳng hạn, trong việc truy cầu tri thức, **con đường sẽ được theo đuổi là sự nghiên cứu chi tiết cần lao và tỉ mỉ nhất,** dù trong triết học, toán học cao cấp hay trong việc theo đuổi khoa học thực tiễn. (EP I 211-212)

f. The sixth and fourth rays are both related to the astral plane. The astral plane is the sixth (counting from above) and is also the plane whereon the dual forces are to be found.

f. Cung sáu và cung bốn đều liên hệ với cõi cảm dục. Cõi cảm dục là cõi thứ sáu (đếm từ trên xuống) và cũng là cõi nơi các mãnh lực kép được tìm thấy.

RULE SEVEN

QUY LUẬT BẢY

The dual forces of the plane whereon the vital power must be sought are seen; the two paths face the solar Angel; the poles vibrate. A choice confronts the one who meditates. (TCF xiii)

Các mãnh lực kép của cõi mà trên đó quyền năng thiết yếu phải được tìm kiếm được nhìn thấy; hai con đường đối diện với Thái Dương Thiên Thần; các cực rung động. Một sự lựa chọn đối mặt với người đang tham thiền. (TCF xiii)

g. Interestingly, the Atlantean root race was the *fourth* root race and in that root race, the sixth or astral plane was the focus of consciousness.

g. Điều thú vị là giống dân gốc Atlantis là giống dân gốc *thứ tư* và trong giống dân gốc ấy, cõi thứ sáu hay cõi cảm dục là tiêu điểm của tâm thức.

h. The following quotation further confirms the relationship between the six and the four:

h. Trích dẫn sau đây càng xác nhận thêm mối liên hệ giữa số sáu và số bốn:

It should be remembered that numbers of the old Atlanteans (fourth rootrace men) will respond to [Page 431] the stimulation and will find their way into incarnation at that time, for **the four and the six are always closely allied.** (TCF 430-431)

Cần nhớ rằng những con số của người Atlantis cổ xưa (con người của giống dân gốc thứ tư) sẽ đáp ứng với [Page 431] sự kích thích và sẽ tìm đường đi vào lâm phàm vào thời điểm đó, vì **bốn và sáu luôn luôn liên minh chặt chẽ.** (TCF 430-431)

i. The relationship between the seven and five is interesting.

i. Mối liên hệ giữa bảy và năm thật thú vị.

i. We have been told that the Master of the seventh ray and of the fifth ray work closely together.

i. Chúng ta đã được cho biết rằng Chân sư của cung bảy và của cung năm làm việc rất chặt chẽ với nhau.

ii. Uranus expresses itself potently through both rays seven and five—the seventh ray being is probable soul ray and the fifth ray

ii. Sao Thiên Vương biểu hiện mạnh mẽ qua cả cung bảy lẫn cung năm—cung bảy có lẽ là cung linh hồn của nó và cung năm được giả

hypothetically assigned to either its personality or mental rays.

iii. When the astrological signs are compared via the *rays* they express, the signs ruled by planets expressing the seventh and fifth rays stand alone.

iv. The Seventh Seed Group is the group of Scientific Servers. In the functioning of this group the seventh and fifth rays work together closely (along with the first).

định là hoặc cung phàm ngã hoặc cung thể trí của nó.

iii. Khi các dấu hiệu hoàng đạo được so sánh qua các *cung* mà chúng biểu hiện, các dấu hiệu do những hành tinh biểu hiện cung bảy và cung năm cai quản đứng riêng biệt.

iv. Nhóm hạt giống Thứ Bảy là nhóm những Người Phụng Sự Khoa Học. Trong hoạt động của nhóm này, cung bảy và cung năm làm việc chặt chẽ với nhau (cùng với cung một).

TCF 428-440: S4S10

18 February – 4 March 2007

18 tháng Hai – 4 tháng Ba 2007

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và tham chiếu từ các sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

Đề nghị đọc phần Bình Luận này **với quyển *TCF* đặt sẵn bên cạnh,** vì tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ ra, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.

We must now continue with our consideration of the four types of force [the 4th, 5th, 6th, and 7th rays], emanating from certain great Entities,

Giờ đây chúng ta phải tiếp tục việc xem xét bốn loại mãnh lực [các cung thứ 4th, 5th, 6th, và 7th], phát ra từ một số Thực Thể Vĩ Đại,

1. We are sure of the names of these Entities (in one respect)—Mercury, Venus, Mars/Neptune, and Uranus.

1. Chúng ta chắc chắn về tên của các Thực Thể này (theo một phương diện)—Sao Thủy, Sao Kim, Sao Hỏa/Sao Hải Vương, và Sao Thiên Vương.

2. From another perspective, these four Planetary Logoi are not necessarily to be

2. Từ một góc nhìn khác, bốn Đức Hành Tinh Thượng Đế này không nhất thiết phải

correlated with the planets which are strictly brahmic or manasic.

được tương quan với các hành tinh vốn hoàn toàn brahmic hay manas.

and the future results that may be expected from their effect upon man, remembering ever that these four influences (with their synthesis, the third Ray of Aspect) sum up, in themselves, the fifth logoic principle of manas.

và những kết quả tương lai có thể được mong đợi từ tác động của Các Ngài lên con người, luôn nhớ rằng bốn ảnh hưởng này (cùng với sự tổng hợp của chúng, cung ba của Các Cung Trạng Thái) tự chúng tạo thành nguyên khí logoi thứ năm của manas.

3. The correlation is to remain in our minds: four Rays of Attribute and one Ray of Aspect embrace the "fifth logoic principle of manas".

3. Sự tương quan này phải được giữ trong tâm trí chúng ta: bốn Các Cung Thuộc Tính và một Cung Trạng Thái bao trùm "nguyên khí logoi thứ năm của manas".

4. The fifth logoic principle of manas is the distinguishing characteristic of the third aspect of divinity—Brahma.

4. Nguyên khí logoi thứ năm của manas là đặc tính phân biệt của phương diện thứ ba của thiên tính—Brahma.

They are, literally, the radiatory effects of the Divine Manasaputras.

Theo nghĩa đen, chúng là các hiệu ứng bức xạ của các Manasaputra Thiêng Liêng.

5. Divine Manasaputras are Planetary Logoi. We are specifically speaking of five of them (but other subsidiary, non-sacred Planetary Logoi will have to be added).

5. Các Manasaputra Thiêng Liêng là các Đức Hành Tinh Thượng Đế. Chúng ta đang nói riêng về năm vị trong số Các Ngài (nhưng sẽ phải thêm vào các Đức Hành Tinh Thượng Đế phụ thuộc khác, không thiêng liêng).

We are concerned primarily with the results to be brought about in the units in Their bodies.

Chúng ta chủ yếu quan tâm đến những kết quả sẽ được tạo ra trong các đơn vị trong các thể của Các Ngài.

6. Human units are as cells in the bodies of these Planetary Logoi. All of these Logoi have human units through which They express.

6. Các đơn vị nhân loại giống như các tế bào trong các thể của các Đức Hành Tinh Thượng Đế này. Tất cả các Thượng đế này đều có các đơn vị nhân loại qua đó Các Ngài biểu hiện.

The coming into power of this fourth Ray at any time (and such an advent may be looked for towards the close of this lesser cycle, which ended in 1924) **will produce a corresponding activity in connection with**

Sự đi vào quyền lực của cung bốn này vào bất kỳ lúc nào (và có thể trông đợi sự xuất hiện như thế vào gần cuối chu kỳ nhỏ này, vốn kết thúc vào năm 1924) **sẽ tạo ra một hoạt động tương ứng liên hệ với cõi phụ**

the fourth subplane in each plane, beginning with the fourth physical ether;

thứ tư trên mỗi cõi, bắt đầu từ dĩ thái hồng trần thứ tư;

7. Here is the reference which suggests that a cycle, which will see the fourth ray emerging into power, ended in 1924. Perhaps it would be accurate to say that this emergence into power began with definiteness in 1925. One may gather that the fourth ray began to phase in "towards the close" of the cycle and, thus, a little before 1925.

7. Đây là đoạn tham chiếu gợi ý rằng một chu kỳ, sẽ chứng kiến cung bốn xuất hiện vào quyền lực, đã kết thúc vào năm 1924. Có lẽ sẽ chính xác nếu nói rằng sự xuất hiện vào quyền lực này bắt đầu một cách rõ rệt vào năm 1925. Người ta có thể suy ra rằng cung bốn bắt đầu đi vào biểu hiện "về cuối" chu kỳ và như vậy, sớm hơn năm 1925 một chút.

8. Major developments related to the fourth ray occurred in 1925. At that time (we may hypothesize) the Ashrams normally found upon the higher mental plane were transferred to the fourth or buddhic plane.

8. Những phát triển lớn liên hệ với cung bốn đã xảy ra vào năm 1925. Vào lúc ấy (chúng ta có thể giả định), các ashram thường được tìm thấy trên Cõi thượng trí đã được chuyển sang cõi thứ tư hay cõi Bồ đề.

9. We might also suppose that the fourth ether was especially activated at that point. The discoveries in atomic science are a likely result of this stimulation.

9. Chúng ta cũng có thể giả định rằng dĩ thái thứ tư đã được hoạt hóa đặc biệt vào thời điểm đó. Những khám phá trong khoa học nguyên tử có lẽ là kết quả của sự kích thích này.

this will result in the following effects:

điều này sẽ dẫn đến các hiệu quả sau đây:

First, physical plane scientists will be able to speak with authority anent the fourth ether, even though they may not recognise it as the lowest of the four etheric grades of substance:

Trước hết, các nhà khoa học cõi hồng trần sẽ có thể nói một cách có thẩm quyền về dĩ thái thứ tư, mặc dù họ có thể không nhận ra nó là cấp thấp nhất trong bốn cấp dĩ thái của chất liệu:

10. Its forces will be understood even if its true nature in a larger context will not yet be appreciated. The fact that there are three higher grades of related substance may not be recognized.

10. Các mãnh lực của nó sẽ được thấu hiểu dù bản chất đích thực của nó trong một bối cảnh lớn hơn vẫn chưa được đánh giá đúng. Sự kiện rằng có ba cấp cao hơn của chất liệu liên hệ có thể sẽ không được nhận ra.

its sphere of influence and its utilisation will be comprehended, and **"force" as a factor in matter, or the electrical manifestation of**

khối cầu ảnh hưởng của nó và việc sử dụng nó sẽ được thấu hiểu, và **"mãnh lực" như một yếu tố trong vật chất, hay biểu hiện điện của năng lượng trong những giới hạn**

energy within definite limits, will be as well understood as is hydrogen at this time.

xác định, sẽ được hiểu rõ cũng như hydro hiện nay.

11. An analogy is offered. Hydrogen has been well understood by chemists for well over a hundred years.

11. Một phép tương đồng được đưa ra. Hydro đã được các nhà hóa học hiểu rõ trong hơn một trăm năm.

12. During the twentieth century, humanity made tremendous strides in understanding "force" as a factor in matter. Matter is now widely understood as energy.

12. Trong thế kỷ hai mươi, nhân loại đã đạt những bước tiến to lớn trong việc hiểu "mãnh lực" như một yếu tố trong vật chất. Vật chất hiện nay được hiểu rộng rãi là năng lượng.

13. This factor of force is an "electrical manifestation", but a very limited one compared to other and higher possible manifestations of electricity.

13. Yếu tố mãnh lực này là một "biểu hiện điện", nhưng rất giới hạn so với những biểu hiện điện khác và cao hơn có thể có.

Indications of this can already be seen in the discovery of radium, and the study of radioactive substances and of electronic demonstration.

Những dấu hiệu của điều này đã có thể thấy trong việc khám phá radium, và việc nghiên cứu các chất phóng xạ cùng biểu diễn điện tử.

14. VSK asks: "May we assume this is the identification and use of the electromagnetic spectrum?"

14. VSK hỏi: "Chúng ta có thể giả định đây là sự nhận diện và sử dụng phổ điện từ chăng?"

15. A Treatise on Cosmic Fire was published in 1925. and written during several preceding years. We may marvel at everything the fifth ray Ashram has delivered to man's understanding concerning matter, force, radioactivity and "electronic demonstration".

15. Luận về Lửa Vũ Trụ được xuất bản vào năm 1925, và được viết trong vài năm trước đó. Chúng ta có thể kinh ngạc trước mọi điều mà ashram cung năm đã trao cho sự hiểu biết của con người liên quan đến vật chất, mãnh lực, tính phóng xạ và "biểu diễn điện tử".

16. If we think back to those days, about eighty years ago, all that we have since achieved in these fields was simply incipient. At the time this was written, the fifth ray was not yet subject to withdrawal due to the excessive progress of its exponents.

16. Nếu chúng ta nhớ lại những ngày ấy, khoảng tám mươi năm trước, thì tất cả những gì từ đó đến nay chúng ta đã đạt được trong các lĩnh vực này chỉ mới ở giai đoạn phôi thai. Vào lúc điều này được viết ra, cung năm vẫn chưa bị rút lui do sự tiến bộ quá mức của những người biểu hiện nó.

This knowledge will revolutionise the life of man; it will put into his hands that which occultists call **"power of the fourth order"** (on the physical plane).

Tri thức này sẽ cách mạng hóa đời sống con người; nó sẽ đặt vào tay y điều mà các nhà huyền bí học gọi là **"quyền năng của bậc thứ tư"** (trên cõi hồng trần).

17. We are in process of this revolution. We think of Uranus, the planet of revolution and its relation to all electrical phenomena (Uranus is the "home of electric fire"), and we can see that the revolution in human living will come through the application of this energy which reflects the buddhic plane.

17. Chúng ta đang ở trong tiến trình của cuộc cách mạng này. Chúng ta nghĩ đến Sao Thiên Vương, hành tinh của cách mạng, và mối liên hệ của nó với mọi hiện tượng điện (Sao Thiên Vương là "quê hương của Lửa Điện"), và chúng ta có thể thấy rằng cuộc cách mạng trong đời sống nhân loại sẽ đến qua việc áp dụng năng lượng này, năng lượng phản chiếu cõi Bồ đề.

18. It is suggested that power of the third, second and first orders may be related to the power to be released on the super-etheric, sub-atomic and atomic ethers, respectively.

18. Có gợi ý rằng quyền năng của bậc thứ ba, thứ hai và thứ nhất có thể liên hệ với quyền năng sẽ được giải phóng lần lượt trên các dĩ thái siêu dĩ thái, hạ nguyên tử và nguyên tử.

It will enable him to [Page 429] utilise electrical energy for the regulation of his everyday life in a way as yet incomprehensible;

Nó sẽ cho phép y [Page 429] sử dụng năng lượng điện để điều chỉnh đời sống hằng ngày của mình theo một cách hiện còn không thể hiểu nổi;

19. Our present utilization of electrical energy is primitive compared with that which DK predicts. These coming developments are all part of the destined wonder of the New Age.

19. Việc sử dụng năng lượng điện hiện nay của chúng ta còn nguyên sơ so với điều mà Chân sư DK tiên đoán. Những phát triển sắp đến này đều là một phần của điều kỳ diệu đã được định sẵn của Kỷ Nguyên Mới.

it will produce new methods of illuminating, and of heating the world at a small cost and with practically no initial outlay.

nó sẽ tạo ra những phương pháp mới để chiếu sáng và sưởi ấm thế giới với chi phí nhỏ và hầu như không cần vốn đầu tư ban đầu.

20. VSK remarks: "Electrical lights are obviously a prevalent example."

20. VSK nhận xét: "Đèn điện hiển nhiên là một ví dụ phổ biến."

21. This transition to abundant, inexpensive energy is part of the gift which the Age of

21. Sự chuyển tiếp này sang nguồn năng lượng dồi dào, rẻ tiền là một phần của món

Aquarius is waiting to bestow upon humanity and the planet.

quà mà Thời Đại Bảo Bình đang chờ để ban cho nhân loại và hành tinh.

The fact of the existence of the etheric body will be established, and the healing of the dense physical body, via the etheric body, by force utilisation and solar radiation, will take the place of the present methods.

Sự kiện tồn tại của thể dĩ thái sẽ được xác lập, và việc chữa lành thể xác đậm đặc, thông qua thể dĩ thái, bằng việc sử dụng mãnh lực và bức xạ mặt trời, sẽ thay thế các phương pháp hiện nay.

22. VSK states: "Has this happened? Certainly not in terms of an energetic body, per medical science, per se."

22. VSK nói: "Điều này đã xảy ra chưa? Chắc chắn là chưa, xét theo một thể năng lượng, theo khoa học y học, chính nó."

23. We may say that, among progressive scientists and health practitioners, it is happening.

23. Chúng ta có thể nói rằng, nơi các nhà khoa học tiến bộ và những người hành nghề sức khỏe tiến bộ, điều đó đang xảy ra.

24. Two distinct methods of healing are mentioned:

24. Hai phương pháp chữa lành riêng biệt được nêu ra:

a. Force utilization

a. Sử dụng mãnh lực

b. Solar radiation.

b. Bức xạ mặt trời.

25. Perhaps the first method relates to the manipulation of the internal fires and the second, to the active or radiant fires.

25. Có lẽ phương pháp thứ nhất liên hệ với sự vận dụng các hỏa nội tại và phương pháp thứ hai liên hệ với các hỏa hoạt động hay bức xạ.

26. We must also distinguish between the utilization of planetary prana (absorbed through the pores) and that of solar prana (absorbed through the splenic center and then the spleen).

26. Chúng ta cũng phải phân biệt giữa việc sử dụng prana hành tinh (được hấp thu qua các lỗ chân lông) và prana mặt trời (được hấp thu qua trung tâm lá lách rồi đến lá lách).

Healing will then fall practically into two departments:

Việc chữa lành khi ấy trên thực tế sẽ thuộc vào hai bộ phận:

1. Vitalisation, by means of:

1. Tiếp sinh lực, bằng các phương tiện:

a. Electricity.

a. Điện.

b. Solar and planetary radiation.

27. Electricity is correlated to the Pleiades and (as here discussed) is the more material expression of force, though it naturally has a correlation with electric fire (which is, in a sense, a fire higher than solar fire.)

It might here be useful to point out that magnetism is the effect of the divine ray in manifestation in the same sense that electricity is the manifested effect of the primordial ray of active intelligence. It would be well to ponder on this for it holds hid a mystery. (TCF 44)

28. We may think of electricity (as the term is used here) as matter-force.

29. Solar and planetary radiation is definitely associated with "active heat" rather than "latent heat".

2. Definite curative processes, through the occult knowledge of:

a. The force centres.

b. The work of the devas of the fourth ether.

30. VSK states: "Again, it does not appear that this is overtly admitted, or, what are the examples of such?"

31. Knowledge of the force centers is rapidly gaining credence. Conscious, scientific work with the devas of the fourth ether, however, lags behind.

b. Bức xạ mặt trời và hành tinh.

27. Điện có tương quan với Pleiades và (như được bàn đến ở đây) là biểu hiện vật chất hơn của mãnh lực, dù dĩ nhiên nó có tương quan với Lửa Điện (vốn, theo một nghĩa nào đó, là một loại lửa cao hơn Lửa Thái dương.)

Ở đây có lẽ hữu ích khi chỉ ra rằng từ điện là hiệu quả của cung thiêng liêng trong biểu hiện cũng theo cùng ý nghĩa như điện là hiệu quả biểu hiện của cung nguyên thủy của trí tuệ linh hoạt. Sẽ là điều tốt nếu suy ngẫm về điều này vì trong đó ẩn giấu một huyền nhiệm. (TCF 44)

28. Chúng ta có thể nghĩ về điện (theo cách thuật ngữ này được dùng ở đây) như mãnh lực-vật chất.

29. Bức xạ mặt trời và hành tinh rõ ràng gắn liền với "nhiệt hoạt động" hơn là "nhiệt tiềm ẩn".

2. Những tiến trình chữa trị xác định, thông qua tri thức huyền bí về:

a. Các trung tâm mãnh lực.

b. Công việc của các thiên thần của dĩ thái thứ tư.

30. VSK nói: "Một lần nữa, dường như điều này không được công khai thừa nhận, hoặc những ví dụ về điều ấy là gì?"

31. Tri thức về các trung tâm mãnh lực đang nhanh chóng được tin nhận. Tuy nhiên, công việc hữu thức, khoa học với các thiên thần của dĩ thái thứ tư vẫn còn chậm trễ.

Transportation on sea and land will be largely superseded by the utilisation of air routes

Sự vận chuyển trên biển và trên bộ phần lớn sẽ được thay thế bởi việc sử dụng các tuyến đường hàng không

32. This is happening and to a large measure has happened.

32. Điều này đang xảy ra và ở mức độ lớn đã xảy ra rồi.

and the transit of large bodies through the air, by means of the instantaneous use of the force or energy inherent in the ether itself, will take the place of the present methods.

và sự chuyên chở những khối lượng lớn qua không trung, bằng việc sử dụng tức thời mãnh lực hay năng lượng vốn có trong chính dĩ thái, sẽ thay thế các phương pháp hiện nay.

33. VSK states: "Certainly air travel is prevalent and has superseded sea and land travel."

33. VSK nói: "Chắc chắn việc đi lại bằng đường hàng không là phổ biến và đã thay thế việc đi lại bằng đường biển và đường bộ."

34. The second part of the sentence, however, speaks of achievements with which we are familiar only through (predictive) science fiction.

34. Tuy nhiên, phần thứ hai của câu nói đến những thành tựu mà chúng ta chỉ quen thuộc qua khoa học viễn tưởng (mang tính tiên đoán).

35. From what is here discussed, it seems that one of our impending (and necessary) discoveries is the discovery of "the force or energy inherent in the ether itself". This is, of course, different to the tremendous energy of matter which has been liberated through atomic energy technology.

35. Từ điều được bàn đến ở đây, dường như một trong những khám phá sắp đến (và cần thiết) của chúng ta là khám phá "mãnh lực hay năng lượng vốn có trong chính dĩ thái". Dĩ nhiên, điều này khác với năng lượng to lớn của vật chất đã được giải phóng qua công nghệ năng lượng nguyên tử.

Religious students will study the side of manifestation we call the "life side" just as the scientist studies that called "matter," and both will come to a realisation of the close relation existing between the two, and thus the old gap and the ancient warfare between science and religion will be in temporary abeyance.

Các đạo sinh tôn giáo sẽ nghiên cứu phương diện biểu hiện mà chúng ta gọi là "phương diện sự sống" cũng như nhà khoa học nghiên cứu điều được gọi là "vật chất," và cả hai sẽ đi đến một sự chứng nghiệm về mối liên hệ mật thiết hiện hữu giữa hai điều ấy, và như vậy khoảng cách cũ và cuộc chiến lâu đời giữa khoa học và tôn giáo sẽ ở trong tình trạng tạm thời đình chỉ.

36. It is curious that DK speaks of the "temporary abeyance" of ancient warfare

36. Thật kỳ lạ khi Chân sư DK nói về sự "tạm thời đình chỉ" của cuộc chiến lâu đời giữa

between the religious and scientific points of view. Of what cycles ahead does He know?

quan điểm tôn giáo và khoa học. Ngài biết những chu kỳ nào ở phía trước?

37. When speaking of this warfare we are dealing with the age-old struggle between Spirit and Matter. Religion represents Spirit, and science, Matter.

37. Khi nói về cuộc chiến này, chúng ta đang bàn đến cuộc đấu tranh lâu đời giữa tinh thần và vật chất. Tôn giáo đại diện cho tinh thần, còn khoa học đại diện cho vật chất.

38. The two will not be brought into final adjustment and harmonization until the end of earthly manifestation, or at least (relatively) until the seventh round of our present fourth chain.

38. Hai điều này sẽ không được đưa đến sự điều chỉnh và hài hòa cuối cùng cho đến hết biểu hiện địa cầu, hay ít nhất (một cách tương đối) cho đến cuộc tuần hoàn thứ bảy của dãy thứ tư hiện nay của chúng ta.

39. It would seem that the emergence of the sixth subrace of the fifth root race would offer the opportunity for these two rays (the sixth and fifth) to combine cooperatively

39. Dường như sự xuất hiện của giống dân phụ thứ sáu của giống dân gốc thứ năm sẽ đem lại cơ hội để hai cung này (cung sáu và cung năm) kết hợp một cách hợp tác

Definite methods of demonstrating the fact that life persists after the death of the physical body will be followed, and the etheric web will be recognised as a factor in the case.

Những phương pháp xác định để chứng minh sự kiện rằng sự sống vẫn tiếp diễn sau cái chết của thể xác sẽ được theo đuổi, và màng dĩ thái sẽ được nhận ra như một yếu tố trong trường hợp này.

40. There are now those who claim to have ‘recordings’ from those who have passed over. Very sensitive microphones are used and ‘whispers from beyond’ are touted as authentic.

40. Hiện nay có những người tuyên bố có các “bản ghi âm” từ những người đã qua đời. Những microphone rất nhạy được sử dụng và những “tiếng thì thầm từ bên kia” được quảng bá là xác thực.

41. It would seem that if there is to be communication between the “living” and the, so-called, “dead”, the etheric plane will figure into the process. Perhaps those who have “passed on” and are still ‘resident’ upon the etheric plane will be those who can best communicate with those who are fully incarnated in a physical body.

41. Dường như nếu có sự giao tiếp giữa người “sống” và cái gọi là người “chết”, thì cõi dĩ thái sẽ tham gia vào tiến trình ấy. Có lẽ những người đã “qua bên kia” và vẫn còn “cư trú” trên cõi dĩ thái sẽ là những người có thể giao tiếp tốt nhất với những người đang hoàn toàn nhập thể trong một thể xác hồng trần.

The connection between the different planes will be sought, and the analogy between the fourth etheric subplane and the fourth or

Mối liên hệ giữa các cõi khác nhau sẽ được tìm kiếm, và phép tương đồng giữa cõi phụ

buddhic plane (the fourth cosmic ether) will be studied,

dĩ thái thứ tư và cõi thứ tư hay cõi Bồ đề (dĩ thái vũ trụ thứ tư) sẽ được nghiên cứu,

42. As we do now, but far more widely and with a view towards applying that which is learned…

42. Như hiện nay chúng ta đang làm, nhưng rộng rãi hơn nhiều và với mục đích áp dụng điều được học…

43. The planes which we normally study will be hypothesized as real. By "connection between the different planes", does DK mean the capacity for those focussed on a given plane to come in contact with a plane or planes still higher?

43. Những cõi mà chúng ta thường nghiên cứu sẽ được giả định là có thực. Bởi "mối liên hệ giữa các cõi khác nhau", Chân sư DK có muốn nói đến khả năng để những ai tập trung trên một cõi nhất định có thể tiếp xúc với một hay nhiều cõi còn cao hơn chăng?

for it will be realised that the life of those Entities, Whom we recognise as the planetary Logoi, pours [Page 430] through our scheme from the fourth cosmic plane, the cosmic buddhic, and thus in a very special sense through all lesser correspondences.

vì sẽ chứng nghiệm rằng sự sống của những Thực Thể mà chúng ta nhận ra là các Hành Tinh Thượng Đế, tuôn [Page 430] qua hệ hành tinh của chúng ta từ cõi vũ trụ thứ tư, cõi Bồ đề vũ trụ, và như vậy theo một ý nghĩa rất đặc biệt qua mọi tương ứng nhỏ hơn.

44. Here is a significant reference relating the Planetary Logoi to the cosmic buddhic plane. There is no question but that Planetary Logoi are *cosmic* Beings. The cosmic buddhic plane does, however, represent a very high contact for these Logoi.

44. Đây là một tham chiếu quan trọng liên hệ các Hành Tinh Thượng Đế với cõi Bồ đề vũ trụ. Không có nghi ngờ gì rằng các Hành Tinh Thượng Đế là những Hữu thể *vũ trụ*. Tuy nhiên, cõi Bồ đề vũ trụ quả thực biểu thị một tiếp xúc rất cao đối với các Thượng đế này.

45. The cosmic buddhic plane is a level upon which Cosmic Logoi also focus, perhaps using that plane as the Solar Logoi use the systemic buddhic plane.

45. Cõi Bồ đề vũ trụ là một cấp độ mà trên đó các Thượng đế Vũ Trụ cũng tập trung, có lẽ sử dụng cõi ấy theo cách các Thái dương Thượng đế sử dụng cõi Bồ đề hệ thống.

46. We are speaking in this reference of the "life" of the Planetary Logoi. This makes sense as buddhic planes are always planes where the energy of "life" begins, relative to the three lesser planes which they surmount.

46. Trong tham chiếu này, chúng ta đang nói về "sự sống" của các Hành Tinh Thượng Đế. Điều này hợp lý vì các cõi Bồ đề luôn là những cõi nơi năng lượng của "sự sống" bắt đầu, tương đối với ba cõi thấp hơn mà chúng vượt lên trên.

The alignment will be as follows:

a. The fourth cosmic plane, the cosmic buddhic.

b. The fourth cosmic ether, the fourth plane of the system, the buddhic.

c. The fourth etheric subplane of our physical plane.

47. Usually we speak of our fourth systemic ether as correlated with our systemic buddhic plane. In this alignment the range of connection is greatly extended to the cosmic buddhic plane.

48. References to the cosmic buddhic plane are few:

a. We are told of the relationship of the Pleiades to the cosmic buddhi (TCF 1162)

b. We are shown the Seven Rishis of the Great Bear in relation to the Cosmic Parabrahman in Chart V.

c. It is inferred that Cosmic Logoi have a relationship to the cosmic buddhic plane (cf. tabulation on TCF 293) and that Super-Cosmic Logoi have a relationship to the cosmic atmic plane.

d. We are told that our Solar Logos is destined (as He treads the Path of the Solar Logoi) to reach the cosmic buddhic plane, for His Cosmic Path terminates there.

e. Here the life energy of Planetary Logoi is correlated to the cosmic buddhic plane.

Sự chỉnh hợp sẽ như sau:

a. Cõi vũ trụ thứ tư, cõi Bồ đề vũ trụ.

b. Dĩ thái vũ trụ thứ tư, cõi thứ tư của hệ thống, cõi Bồ đề.

c. Cõi phụ dĩ thái thứ tư của cõi hồng trần chúng ta.

47. Thông thường chúng ta nói dĩ thái hệ thống thứ tư của chúng ta có tương quan với cõi Bồ đề hệ thống. Trong sự chỉnh hợp này, phạm vi liên kết được mở rộng rất nhiều đến cõi Bồ đề vũ trụ.

48. Những tham chiếu đến cõi Bồ đề vũ trụ rất ít:

a. Chúng ta được cho biết về mối liên hệ của Pleiades với Bồ đề vũ trụ (TCF 1162)

b. Chúng ta được chỉ cho thấy Bảy Rishi của Đại Hùng Tinh liên hệ với Parabrahman Vũ Trụ trong Biểu đồ V.

c. Người ta suy ra rằng các Thượng đế Vũ Trụ có một mối liên hệ với cõi Bồ đề vũ trụ (xem bảng ở TCF 293) và rằng các Thượng đế Siêu Vũ Trụ có một mối liên hệ với cõi atma vũ trụ.

d. Chúng ta được cho biết rằng Thái dương Thượng đế của chúng ta được định sẵn (khi Ngài bước trên Con đường của các Thái dương Thượng đế) sẽ đạt đến cõi Bồ đề vũ trụ, vì Con Đường Vũ Trụ của Ngài chấm dứt tại đó.

e. Ở đây năng lượng sự sống của các Hành Tinh Thượng Đế được tương quan với cõi Bồ

Perhaps, this is one of the reasons that They are called "Dragons of Wisdom", for Draco the Dragon is a foundational Source of cosmic buddhi.

There is thus a line of least resistance from the planes of the cosmos, producing a special activity in connection with the Heavenly Men, demonstrating on Their Own plane, and sequentially in connection with the units in Their bodies on lower levels.

49. This section discusses the line of transmission of energy from the highest conceivable Sources to the planes closer to the area whereon we, as human beings, manifest.

50. The "line of least resistance" is numerologically based.

51. What is the plane of the Heavenly Men —"Their Own plane"? This depends on how They are viewed. They certainly have a strong connection to the monadic plane, as human Monads are as cells within Their centers. Chart V on TCF 344. graphically demonstrates the connection of Planetary Logoi to the systemic monadic plane.

52. From another perspective, the buddhic plane is important to the Heavenly Men, as the various Ashrams and aggregations of Ashrams are as centers within Their 'bodies' and are largely focussed on the solar buddhic plane.

Lines of force, extending from our scheme extra-systemically, will be a recognised fact, and will be interpreted by scientists in terms of **electrical phenomena**, and by the

để vũ trụ. Có lẽ đây là một trong những lý do Các Ngài được gọi là "Những Con Rồng của Minh triết", vì Draco Con Rồng là một Nguồn nền tảng của Bồ đề vũ trụ.

Như vậy có một con đường ít trở ngại nhất từ các cõi của vũ trụ, tạo ra một hoạt động đặc biệt liên hệ với các Đấng Thiên Nhân, **biểu hiện trên Chính cõi của Các Ngài**, và tuần tự liên hệ với các đơn vị trong các thể của Các Ngài ở những cấp thấp hơn.

49. Phần này bàn đến đường truyền năng lượng từ những Nguồn cao nhất có thể hình dung được đến các cõi gần hơn với khu vực nơi chúng ta, với tư cách con người, biểu hiện.

50. "Con đường ít trở ngại nhất" được đặt nền trên số học huyền bí.

51. Cõi của các Đấng Thiên Nhân—"Chính cõi của Các Ngài"—là gì? Điều này tùy thuộc vào cách Các Ngài được nhìn nhận. Chắc chắn Các Ngài có một liên hệ mạnh với cõi chân thần, vì các Chân thần nhân loại như những tế bào trong các trung tâm của Các Ngài. Biểu đồ V trong TCF 344 minh họa bằng hình ảnh mối liên hệ của các Hành Tinh Thượng Đế với cõi chân thần hệ thống.

52. Từ một góc nhìn khác, cõi Bồ đề quan trọng đối với các Đấng Thiên Nhân, vì các ashram khác nhau và các tập hợp ashram như những trung tâm trong "thể" của Các Ngài và phần lớn tập trung trên cõi Bồ đề thái dương.

Các đường mãnh lực, kéo dài từ hệ hành tinh của chúng ta ra ngoài hệ thống, sẽ là một sự kiện được nhận ra, và sẽ được các nhà khoa học giải thích theo các **hiện tượng**

religious man in terms of life,—the life force of certain Entities.

điện, còn bởi **người tôn giáo theo phương diện sự sống**,—mãnh lực sự sống của một số Thực Thể.

53. As we study Chart VII (TCF 385) we see these extending lines of force.

53. Khi chúng ta nghiên cứu Biểu đồ VII (TCF 385), chúng ta thấy những đường mãnh lực kéo dài này.

54. For us, at the moment, they are theoretical, but DK speaks of a time not far ahead (presumably during the Aquarian Age) when they will be recognized 'facts'.

54. Đối với chúng ta, vào lúc này, chúng còn là lý thuyết, nhưng Chân sư DK nói về một thời gian không xa phía trước (có lẽ trong Thời Đại Bảo Bình) khi chúng sẽ được nhận ra như những "sự kiện".

55. What the religious man interprets as 'life—of a certain quality', the scientist interprets as "electrical phenomena". Regardless of the description, they are speaking of the same energy. We will understand that "life" and "energy" can be considered equivalent.

55. Điều mà người tôn giáo diễn giải là "sự sống—có một phẩm tính nhất định", thì nhà khoa học diễn giải là "các hiện tượng điện". Bất kể cách mô tả nào, họ đang nói về cùng một năng lượng. Chúng ta sẽ hiểu rằng "sự sống" và "năng lượng" có thể được xem là tương đương.

56. The union of religion and science is a most necessary process and will eliminate many issues of present contention in the human race.

56. Sự hợp nhất của tôn giáo và khoa học là một tiến trình hết sức cần thiết và sẽ loại bỏ nhiều vấn đề tranh chấp hiện nay trong nhân loại.

Philosophic students will endeavour simultaneously to link these two schools of thought,

Các đạo sinh triết học sẽ đồng thời cố gắng nối kết hai trường phái tư tưởng này,

57. As we do in our study of occultism…

57. Như chúng ta làm trong việc nghiên cứu huyền bí học…

and to demonstrate the factor of the intelligent adaptation of the electrical phenomena which we call matter—of that energised active material we call substance—to the life purpose of a cosmic Being.

và chứng minh yếu tố của sự thích ứng thông minh của **các hiện tượng điện mà chúng ta gọi là vật chất—của chất liệu hoạt động đã được tiếp năng lượng mà chúng ta gọi là chất liệu**—với mục đích sự sống của một Hữu thể vũ trụ.

58. We are being given three approaches: of religious types, of scientists and of

58. Chúng ta đang được trao cho ba cách tiếp cận: của các loại người tôn giáo, của các nhà

philosophical students. All are necessarily interrelated.

59. Through the term "intelligent adaptation" we recognize the presence of the third ray in philosophical inquiry.

60. The distinction between "matter" and "substance" is fundamental to our understanding of occultism. Immediately above is one of the best definitions of the distinction—the first related to "latent heat" and the second to "active heat".

61. Is "matter" being differentiated from "substance"? It would seem that "electrical phenomena" and "energised active material" are very close. We note that the word "material" (so closely related to "matter") is used when describing "substance".

In these three lines of thought, therefore—scientific, religious, and philosophic—**we have the beginning of the conscious building, or construction of the antaskarana of that group which we call the fifth rootrace.**

62. Advanced thinkers in each of these three fields—scientific, religious and philosophic—are all building the antahkarana. Their work may be, at this point, incipient, but by following their pursuits (even if the technical, occult methods are not in their possession), they will achieve completion of the bridge.

On the fourth subplane of the astral plane, a similar activity will be noted as in process.

khoa học và của các đạo sinh triết học. Tất cả đều nhất thiết liên hệ với nhau.

59. Qua thuật ngữ "sự thích ứng thông minh", chúng ta nhận ra sự hiện diện của cung ba trong việc truy cứu triết học.

60. Sự phân biệt giữa "vật chất" và "chất liệu" là nền tảng đối với sự hiểu biết của chúng ta về huyền bí học. Ngay phía trên là một trong những định nghĩa hay nhất về sự phân biệt này—điều thứ nhất liên hệ với "nhiệt tiềm ẩn" và điều thứ hai với "nhiệt hoạt động".

61. Có phải "vật chất" đang được phân biệt với "chất liệu" không? Dường như "các hiện tượng điện" và "chất liệu hoạt động đã được tiếp năng lượng" rất gần nhau. Chúng ta lưu ý rằng từ "material" (gần gũi đến thế với "matter") được dùng khi mô tả "substance".

Vì vậy, trong ba đường tư tưởng này—khoa học, tôn giáo và triết học—**chúng ta có sự khởi đầu của việc xây dựng hữu thức, hay kiến tạo antaskarana của nhóm mà chúng ta gọi là giống dân gốc thứ năm.**

62. Những nhà tư tưởng tiến bộ trong mỗi một trong ba lĩnh vực này—khoa học, tôn giáo và triết học—đều đang xây dựng antahkarana. Công việc của họ có thể, ở thời điểm này, còn phôi thai, nhưng bằng cách theo đuổi các công trình của mình (ngay cả khi các phương pháp kỹ thuật, huyền bí chưa nằm trong tay họ), họ sẽ đạt đến sự hoàn tất của cây cầu.

Trên cõi phụ thứ tư của cõi cảm dục, một hoạt động tương tự cũng sẽ được ghi nhận là đang diễn ra.

63. This through numerical resonance…

The inflowing force will cause an astral stimulation in the bodies of many of the human family who are still on that subplane,

64. This is the lower reflection of that sub-plane on the cosmic astral plane upon which our Planetary Logos has been wrestling and in relation to which He is achieving victory. It is necessarily a plane of conflict on which there is an attempt to achieve harmony.

65. Who are those in the human family whose astral bodies are still focussed on the fourth sub-plane? We would imagine that they are those who have not yet begun to commune with the third sub-plane of the mental plane.

When it is realised that the physical body is not a principle but that the kama-manasic principle (or desire-mind principle) is one of the most vital to man then the period or cycle in which a man functions on the fifth subplane of the astral (the fundamentally kama-manasic plane) will assume its rightful place. (TCF 303)

that the fourth subplane of the astral plane is the normal functioning ground of the average man… (TCF 115)

and will bring about an awakening of the desire for harmony in a new manner.

66. This is a development which we may expect with the incoming of the fourth ray (in its monadic aspect).

63. Điều này thông qua cộng hưởng số học…

Mãnh lực tuôn vào sẽ gây nên một sự kích thích cảm dục trong các thể của nhiều người trong gia đình nhân loại vẫn còn ở trên cõi phụ ấy,

64. Đây là phản chiếu thấp hơn của cõi phụ ấy trên cõi cảm dục vũ trụ, nơi Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đã đang vật lộn và trong liên hệ với đó Ngài đang đạt đến chiến thắng. Nhất thiết đây là một cõi xung đột, nơi có nỗ lực đạt đến hài hòa.

65. Những ai trong gia đình nhân loại mà các thể cảm dục vẫn còn tập trung trên cõi phụ thứ tư là ai? Chúng ta có thể hình dung rằng họ là những người chưa bắt đầu giao cảm với cõi phụ thứ ba của cõi trí.

Khi người ta chứng nghiệm rằng thể xác không phải là một nguyên khí mà nguyên khí trí-cảm (hay nguyên khí dục vọng-trí tuệ) là một trong những nguyên khí thiết yếu nhất đối với con người, thì thời kỳ hay chu kỳ trong đó một người hoạt động trên cõi phụ thứ năm của cõi cảm dục (cõi căn bản là trí-cảm) sẽ đảm nhận vị trí đúng đắn của nó. (TCF 303)

rằng cõi phụ thứ tư của cõi cảm dục là nền tảng hoạt động bình thường của con người trung bình… (TCF 115)

và **sẽ mang lại một sự thức tỉnh của khát vọng hòa hợp theo một cách mới**.

66. Đây là một sự phát triển mà chúng ta có thể mong đợi với sự đi vào của cung bốn (trong phương diện chân thần của nó).

The fourth ray will come into manifestation before many generations have passed, but only from the angle of its incarnating Monad, and not from the angle of its active Ashram. (EXH 582)

Cung bốn sẽ đi vào biểu hiện trước khi nhiều thế hệ trôi qua, nhưng chỉ từ góc độ của Chân thần đang nhập thể của nó, chứ không phải từ góc độ của ashram hoạt động của nó. (EXH 582)

67. While human beings should not be focussed on the sixth sub-plane of the astral plane, one would wonder whether some fanatical idealists do not have substance of this level prominent in their astral bodies.

67. Trong khi con người không nên tập trung trên cõi phụ thứ sáu của cõi cảm dục, người ta vẫn có thể tự hỏi liệu một số nhà lý tưởng cuồng tín có phải không có chất liệu của cấp này nổi trội trong các thể cảm dục của họ.

68. From another perspective, "emotional idealism" is related to the first sub-plane of the astral plane.

68. Từ một góc nhìn khác, "chủ nghĩa lý tưởng cảm xúc" liên hệ với cõi phụ thứ nhất của cõi cảm dục.

This will work out relatively well in the sixth subrace.

Điều này sẽ diễn ra tương đối tốt trong giống dân phụ thứ sáu.

69. Again, as indicated above, we have a relation between the numbers six and four and between the sixth ray and the fourth.

69. Một lần nữa, như đã chỉ ra ở trên, chúng ta có một mối liên hệ giữa các số sáu và bốn và giữa cung sáu với cung bốn.

70. This relation between six and four is particularly evident when the seven Rays of Vishnu are compared with the five Rays of Brahma (the first Ray of Brahma is the third Ray of Vishnu).

70. Mối liên hệ giữa sáu và bốn này đặc biệt hiển nhiên khi bảy cung của Vishnu được so sánh với năm cung của Brahma (cung thứ nhất của Brahma là cung ba của Vishnu).

71. The sixth subrace will bring to humanity an increasing harmony. The advent of the fourth ray in its monadic aspect will not, however, bring harmony and pleasantness initially. We are told that because disciples are entering the sign Aquarius under the planet Saturn, we shall have centuries of difficulty.

71. Giống dân phụ thứ sáu sẽ mang đến cho nhân loại một sự hài hòa ngày càng tăng. Tuy nhiên, sự xuất hiện của cung bốn trong phương diện chân thần của nó sẽ không mang đến sự hài hòa và dễ chịu ngay từ đầu. Chúng ta được cho biết rằng vì các đệ tử đang đi vào dấu hiệu Bảo Bình dưới hành tinh Sao Thổ, chúng ta sẽ có nhiều thế kỷ khó khăn.

It should be remembered that numbers of the old Atlanteans (fourth rootrace men)

Cần nhớ rằng nhiều người Atlantis xưa (những người của giống dân gốc thứ tư) sẽ

will respond to [Page 431] the stimulation and will find their way into incarnation at that time, for the four and the six are always closely allied.

đáp ứng với [Page 431] sự kích thích và sẽ tìm đường vào lâm phàm vào thời điểm đó, vì bốn và sáu luôn luôn liên minh chặt chẽ.

72. Again, confirmation of the four and the six.

72. Một lần nữa, sự xác nhận của bốn và sáu.

73. During these days, we seem to see the entry of the "old Atlanteans" in the growth of psychism in the human race.

73. Trong những ngày này, dường như chúng ta thấy sự đi vào của "những người Atlantis xưa" trong sự tăng trưởng của tính thông linh trong nhân loại.

74. It may be that, for all the impending growth of science, we face the recrudescence of the mystical consciousness in many members of the human race.

74. Có thể là, bất chấp mọi sự tăng trưởng sắp đến của khoa học, chúng ta đang đối diện với sự tái bùng phát của tâm thức thần bí nơi nhiều thành viên của nhân loại.

75. In all the foregoing discussion we must remember that we are discussing the emergence of the fourth ray into greater expression.

75. Trong toàn bộ cuộc bàn luận trên, chúng ta phải nhớ rằng chúng ta đang bàn đến sự xuất hiện của cung bốn vào biểu hiện lớn hơn.

76. We are also given a hint as to how certain ray types "find their way into incarnation"—according to the rays either in power or emerging into power.

76. Chúng ta cũng được cho một gợi ý về cách một số loại cung "tìm đường vào lâm phàm"—theo các cung hoặc đang nắm quyền lực hoặc đang xuất hiện vào quyền lực.

77. We must remember that there are still may fourth ray souls who will seek incarnation on the fourth ray. The majority of human beings are still on the fourth, fifth, sixth and seventh rays egoically.

77. Chúng ta phải nhớ rằng vẫn còn nhiều linh hồn cung bốn sẽ tìm cách nhập thể trên cung bốn. Đa số con người vẫn còn thuộc các cung bốn, năm, sáu và bảy về phương diện chân ngã.

We have another suggestive analogy in the fact that the devas of the fourth ether will be soon swinging into recognised utility and that in the sixth subrace the deva evolution will be exceedingly prominent.

Chúng ta có một phép tương đồng gợi ý khác trong sự kiện rằng các thiên thần của dĩ thái thứ tư chẳng bao lâu nữa sẽ **đi vào công dụng được nhận ra** và rằng **trong giống dân phụ thứ sáu, tiến hóa thiên thần sẽ cực kỳ nổi bật.**

78. This is an important piece of information. Man is meant to achieve a degree of reconciliation with the deva evolution on the buddhic plane—a plane which will achieve increasing recognition during the sixth root race.

78. Đây là một mẩu thông tin quan trọng. Con người được định để đạt đến một mức độ hòa giải với tiến hóa thiên thần trên cõi Bồ đề—một cõi sẽ đạt được sự nhận biết ngày càng tăng trong giống dân gốc thứ sáu.

Further, the two great evolutions (human and deva) find their group unity on the buddhic plane, and portions of both hierarchies blend and merge so as to form the body of the divine Hermaphrodite.[24,25] Earlier, at certain fixed points, they may temporarily approximate each [Page 329] other. On the buddhic plane definite and permanent alliance may be seen. (TCF 328-329)

Hơn nữa, hai cuộc tiến hóa lớn (nhân loại và thiên thần) tìm thấy sự hợp nhất nhóm của mình trên cõi Bồ đề, và những phần của cả hai Huyền Giai hòa lẫn và dung hợp để tạo thành thể của Đấng Lưỡng Tính thiêng liêng.24,25 Trước đó, tại một số điểm cố định nhất định, chúng có thể tạm thời xích lại gần nhau [Page 329]. Trên cõi Bồ đề có thể thấy một sự liên minh xác định và thường trực. (TCF 328-329)

Approach between the two lines of evolution becomes possible on the plane of buddhi, but then it is an approach of two essences, and not an approach of the concrete to the essence. (TCF 473)

Sự tiếp cận giữa hai đường tiến hóa trở nên có thể trên cõi Bồ đề, nhưng khi ấy đó là sự tiếp cận của hai tinh chất, chứ không phải sự tiếp cận của cái cụ thể với tinh chất. (TCF 473)

79. The emergence of the fourth ether is a process parallel to increasing buddhic recognition.

79. Sự xuất hiện của dĩ thái thứ tư là một tiến trình song song với sự nhận biết Bồ đề ngày càng tăng.

80. In relation to the devas of the fourth ether (among which are certain shades of the "violet devas") we are dealing not only with recognition but with "utility". The forces expressed by these devas will be able to be *used* by humanity.

80. Liên hệ với các thiên thần của dĩ thái thứ tư (trong số đó có một số sắc thái của "các thiên thần tím"), chúng ta đang bàn không chỉ đến sự nhận biết mà còn đến "công dụng". Các mãnh lực được biểu lộ bởi các thiên thần này sẽ có thể được nhân loại *sử dụng*.

81. We have been told that the sixth round is important for the expression of the deva kingdom: in reflection of this, the sixth root race will be a race in which the deva kingdom will be prominent in its relation to humanity.

81. Chúng ta đã được cho biết rằng cuộc tuần hoàn thứ sáu quan trọng đối với sự biểu lộ của giới thiên thần: như một phản chiếu của điều này, giống dân gốc thứ sáu sẽ là một nhân loại trong đó giới thiên thần sẽ nổi bật trong mối liên hệ của nó với nhân loại.

82. We remember that *six* is the number of form and is related to the sixth center (the sacral center) which the deva kingdom represents.

82. Chúng ta nhớ rằng *sáu* là con số của hình tướng và liên hệ với trung tâm thứ sáu (trung tâm xương cùng) mà giới thiên thần đại diện.

VI. Sacral centre... Deva evolution... 7th ray... 2nd root-race... Responsiveness; the goal.

VI. Trung tâm xương cùng... tiến hóa thiên thần... cung 7... giống dân gốc thứ 2... tính đáp ứng; mục tiêu.

The energy of Magnetism. Power to build.

Năng lượng của Từ điện. Quyền năng kiến tạo.

Two centres functioning; heart and sacral centres.

Hai trung tâm hoạt động; trung tâm tim và trung tâm xương cùng.

Focal point of vibratory response to the "eye of God." (EA 456)

Tiêu điểm của đáp ứng rung động đối với “mắt của Thượng đế.” (EA 456)

The fourth plane is the plane of at-one-ment for certain deva and human units, and certain groups (the fourth Creative Hierarchy and the sixth Deva Hierarchy) have a pronounced karma to work out together.

Cõi thứ tư là cõi của sự hợp nhất đối với một số đơn vị thiên thần và nhân loại, và một số nhóm (Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư và Huyền Giai Thiên thần thứ sáu) có một nghiệp quả rõ rệt phải cùng nhau giải quyết.

83. DK continues to elaborate the relationship between the four and the six.

83. Chân sư DK tiếp tục khai triển mối liên hệ giữa bốn và sáu.

84. In the section immediately above, He seems to be speaking of the a “sixth Deva Hierarchy” within our Earth-scheme.

84. Trong đoạn ngay phía trên, dường như Ngài đang nói về một “Huyền Giai Thiên thần thứ sáu” trong hệ Địa Cầu của chúng ta.

85. We must remember that when the human kingdom was created on our planet, the Sixth Deva Hierarchy on Venus was involved in the process.

85. Chúng ta phải nhớ rằng khi giới nhân loại được tạo ra trên hành tinh chúng ta, Huyền Giai Thiên thần thứ sáu trên Sao Kim đã tham gia vào tiến trình ấy.

The coming in of the Venusian influence to our chain, and to our planet, with the subsequent stimulation of certain groups in the fourth Creative Hierarchy, the human, caused a paralleling event of even greater

Sự đi vào của ảnh hưởng Kim Tinh đến dãy của chúng ta, và đến hành tinh của chúng ta, cùng với sự kích thích tiếp theo của một số nhóm trong Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, tức nhân loại, đã gây ra một biến cố song hành

magnitude in the Venus scheme. **This affected the sixth Hierarchy, one of the deva Hierarchies, dwelling in the Venus scheme.** (TCF 378)

còn lớn lao hơn trong hệ hành tinh Kim Tinh. **Điều này đã ảnh hưởng đến Huyền Giai thứ sáu, một trong các Huyền Giai thiên thần, cư ngụ trong hệ hành tinh Kim Tinh.** (TCF 378)

86. The sixth Deva Hierarchy (mentioned above) with which humanity is to have much to do is, so we may gather, a Hierarchy found within our Earth-scheme, and yet there must be a resonance to the sixth Hierarchy on Venus. From one perspective, this Hierarchy is the Hierarchy of Lunar Lords.

86. Huyền Giai Thiên thần thứ sáu (được nhắc đến ở trên) mà nhân loại sẽ có nhiều liên hệ, theo như chúng ta có thể suy ra, là một Huyền Giai được tìm thấy trong hệ Địa Cầu của chúng ta, tuy nhiên hẳn phải có một cộng hưởng với Huyền Giai thứ sáu trên Sao Kim. Từ một góc nhìn, Huyền Giai này là Huyền Giai của các nguyệt tinh quân.

87. Can this karma have something to do with the sending of so many of the Sons of Men onto the Path to Sirius (the *fourth*), whereon they become "blissful dancing points of fanatical devotion" (suggesting the number six—the number of devotion)?

87. Nghiệp quả này có thể có liên quan gì đến việc gửi rất nhiều những người con của nhân loại lên Con Đường đến Sirius (Con Đường *thứ tư*), nơi họ trở thành "những điểm nhảy múa chí phúc của lòng sùng tín cuồng nhiệt" (gợi ý số sáu—con số của sùng tín) chăng?

One can now see the supreme importance of the human Hierarchy, the fourth in this sequence of planes and ideas.

Giờ đây người ta có thể thấy tầm quan trọng tối thượng của Huyền Giai nhân loại, thứ tư trong chuỗi cõi và ý niệm này.

88. Now that the period of the fourth ray prominence is almost upon us, the importance of the fourth Creative Hierarchy, the "human Hierarchy", can be more readily seen

88. Giờ đây khi thời kỳ nổi bật của cung bốn hầu như đã ở trước mắt chúng ta, tầm quan trọng của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, "Huyền Giai nhân loại", có thể được thấy dễ dàng hơn

Second Cosmic Plane Seven Cosmic Logoi.

Cõi Vũ Trụ Thứ Hai Bảy Thượng đế Vũ Trụ.

89. This takes us back to Chart V. (TCF 344) and our interpretation of the cosmic monadic plane. We may recall that the "Cosmic Logoi" to be found on this plane proved to be *larger* and more encompassing than the type of Cosmic Logoi Who express through seven principal suns.

89. Điều này đưa chúng ta trở lại Biểu đồ V. (TCF 344) và cách giải thích của chúng ta về cõi chân thần vũ trụ. Chúng ta có thể nhớ rằng các "Thượng đế Vũ Trụ" được tìm thấy trên cõi này đã tỏ ra *lớn hơn* và bao trùm hơn loại Thượng đế Vũ Trụ biểu hiện qua bảy mặt trời chính.

90. In fact, we determined that the Cosmic Logoi *expressing* on the cosmic monadic plane, were either Ones About Whom Naught May Be Said or Their Superiors—sub-Parabrahmic Logoi.

90. Thực ra, chúng ta đã xác định rằng các Thượng đế Vũ Trụ *biểu hiện* trên cõi chân thần vũ trụ hoặc là các Đấng Bất Khả Tư Nghị hoặc là các Đấng cao hơn Các Ngài—các Thượng đế Parabrahmic hạ.

91. The reasons have been given in Commentary s4s2.

91. Các lý do đã được nêu trong Cổ Luận s4s2.

Fourth Cosmic Plane Seven Rishis of the Great Bear.

Cõi Vũ Trụ Thứ Tư Bảy Rishi của Đại Hùng Tinh.

92. In relation to this subject, it was hypothesized that the cosmic atmic plane may be the *truer* area of expression of the Seven Rishis than the cosmic buddhic plane. Some degree of expression may, however, be achieved on the cosmic buddhic plane, veiled by the Pleiadian energy which belongs especially to the cosmic buddhic plane.

92. Liên hệ với chủ đề này, người ta đã giả định rằng cõi atma vũ trụ có thể là khu vực biểu hiện *đúng hơn* của Bảy Rishi so với cõi Bồ đề vũ trụ. Tuy nhiên, một mức độ biểu hiện nào đó có thể đạt được trên cõi Bồ đề vũ trụ, được che phủ bởi năng lượng Pleiades vốn đặc biệt thuộc về cõi Bồ đề vũ trụ.

93. We must realize that the Seven Rishis (taken together) *are* a Cosmic Logos.

93. Chúng ta phải chứng nghiệm rằng Bảy Đấng Rishi (được xét chung) *là* một Thượng đế Vũ Trụ.

94. It will be correct, I think, to relate the Pleiades (in their entirety) to the cosmic monadic plane. The Pleiades in Their entirety are far more than a Cosmic Logos as that term is used in the tabulation on TCF 293

94. Theo tôi, sẽ là đúng khi liên hệ Pleiades (trong toàn thể của Chúng) với cõi chân thần vũ trụ. Pleiades trong toàn thể của Các Ngài còn hơn rất nhiều một Thượng đế Vũ Trụ theo cách thuật ngữ ấy được dùng trong bảng ở TCF 293

Second Solar Plane Seven Heavenly Men.

Cõi Thái Dương thứ hai Bảy Đấng Thiên Nhân.

95. This is a familiar thought. The Seven Heavenly Men are expressing on what for them, cosmically, is hypothesized to be the *first cosmic ether,* even though for the Solar Logos it is the *second*. We recall the idea of the possibility of assigning a different

95. Đây là một ý tưởng quen thuộc. Bảy Đấng Thiên Nhân đang biểu lộ trên điều mà đối với Các Ngài, về mặt vũ trụ, được giả định là *dĩ thái vũ trụ thứ nhất,* mặc dù đối với Thái dương Thượng đế thì đó là *thứ hai*. Chúng ta nhớ lại ý tưởng về khả năng gán một vị trí và

position and function to the same vibratory level.

chức năng khác nhau cho cùng một cấp độ rung động.

Fourth Solar Plane Seven centres of the seven Heavenly Men in the fourth cosmic ether.

Cõi Thái Dương thứ tư Bảy trung tâm của bảy Đấng Thiên Nhân trong dĩ thái vũ trụ thứ tư.

96. The question here is: "Of which category of Heavenly Men are we speaking?" The groupings on the fourth cosmic ether, depending on their scope and degree of aggregation, may (we propose) be centers in three types of Heavenly Men:

96. Câu hỏi ở đây là: "Chúng ta đang nói đến loại Đấng Thiên Nhân nào?" Các nhóm trên dĩ thái vũ trụ thứ tư, tùy theo phạm vi và mức độ kết tập của chúng, có thể (chúng tôi đề nghị) là các trung tâm trong ba loại Đấng Thiên Nhân:

a. Planetary Logoi

a. Các Hành Tinh Thượng Đế

b. Chain Lords

b. Các Chúa Tể Dãy

c. Globe Lords

c. Các Chúa Tể Bầu Hành Tinh

97. If we think carefully and analogize from the human being to the Heavenly Man (considered as a Planetary Logos) we shall see that all the ethers of a human being have chakras expressing through them.

97. Nếu chúng ta suy nghĩ cẩn thận và vận dụng định luật tương đồng từ con người đến Đấng Thiên Nhân (được xem như một Hành Tinh Thượng Đế), chúng ta sẽ thấy rằng mọi dĩ thái của một con người đều có các luân xa biểu lộ qua chúng.

98. Should this not be the case with a Heavenly Men?

98. Chẳng phải điều này cũng đúng với một Đấng Thiên Nhân sao?

a. Upon the first ether the head center expresses

a. Trên dĩ thái thứ nhất, trung tâm đầu biểu lộ

b. Upon the second ether the heart center expresses

b. Trên dĩ thái thứ hai, trung tâm tim biểu lộ

c. Upon the third ether the throat center expresses

c. Trên dĩ thái thứ ba, trung tâm cổ họng biểu lộ

d. Upon the fourth ether the solar plexus center, the sacral center, the splenic center and the base of the spine center express.

d. Trên dĩ thái thứ tư, trung tâm tùng thái dương, trung tâm xương cùng, trung tâm lá lách và trung tâm đáy cột sống biểu lộ.

99. May it be that because of 'planer transposition' the head center of the Planetary Logos is to be found upon the monadic plane (on which the human Monads are focussed), and that lesser centers are found on planes below.

99. Có thể chăng vì "sự chuyển vị theo cõi" mà trung tâm đầu của Hành Tinh Thượng Đế được tìm thấy trên cõi chân thần (nơi các chân thần nhân loại được tập trung), và các trung tâm nhỏ hơn được tìm thấy trên các cõi thấp hơn.

100. Much depends upon whether it is legitimate to name different planes as different ethers for different categories of beings. In other words, what are ethers of certain numbers for a Solar Logos may be ethers of different numbers for a Planetary Logos. The matter is intricate and, presently, confirmation depends for us upon analogy and inference.

100. Nhiều điều tùy thuộc vào việc có chính đáng hay không khi gọi các cõi khác nhau là các dĩ thái khác nhau đối với các loại hữu thể khác nhau. Nói cách khác, những gì là các dĩ thái với những số nhất định đối với một Thái dương Thượng đế có thể là các dĩ thái với những số khác đối với một Hành Tinh Thượng Đế. Vấn đề này phức tạp, và hiện nay, sự xác nhận đối với chúng ta tùy thuộc vào phép loại suy và suy luận.

Fourth subplane of

the solar physical Seven centres of the human unit in

ether of the fourth order.

Cõi phụ thứ tư của

dĩ thái hồng trần thái dương Bảy trung tâm của đơn vị nhân loại trong

dĩ thái bậc thứ tư.

101. This is the most familiar level of expression—theoretically, at least.

101. Đây là cấp độ biểu lộ quen thuộc nhất—ít nhất là về mặt lý thuyết.

102. We also realize, from the charts with which we have been presented, that the human being has his three major chakras on the first, second and third sub-planes respectively. This is true of the Solar Logos as well.

102. Chúng ta cũng nhận ra, từ các biểu đồ đã được trình bày, rằng con người có ba luân xa chính của y lần lượt ở cõi phụ thứ nhất, thứ hai và thứ ba. Điều này cũng đúng với Thái dương Thượng đế.

103. It is true to say that there is a closer analogy between the human being and the

103. Có thể nói đúng rằng có một sự tương đồng gần gũi hơn giữa con người và Thái

Solar Logos than between the human being and the Planetary Logos.

dương Thượng đế so với giữa con người và Hành Tinh Thượng Đế.

The beauty of the interlocking system will be apparent, even though it may not be so immediately understandable wherein lies the relation between these complexities of entities.

Vẻ đẹp của hệ thống đan xen này sẽ trở nên hiển nhiên, dù có thể chưa dễ hiểu ngay chính trong đâu có mối liên hệ giữa những phức hợp hữu thể này.

104. At least the beauty of the system should make an impression upon us. The exact relations will emerge in clarity as we study and meditate further and as we actually experience the energies of which we are speaking.

104. Ít nhất, vẻ đẹp của hệ thống này cũng nên gây ấn tượng nơi chúng ta. Các mối liên hệ chính xác sẽ hiện ra rõ ràng khi chúng ta học hỏi và tham thiền thêm nữa, và khi chúng ta thực sự kinh nghiệm các năng lượng mà chúng ta đang nói đến.

We must ever remember that we are considering the force or life-energy of these entities as it pours into, and works through definite, material, substantial forms.

Chúng ta phải luôn nhớ rằng chúng ta đang xét đến mãnh lực hay năng lượng sự sống của các hữu thể này khi nó tuôn vào, và hoạt động qua những hình tướng vật chất, chất liệu xác định.

105. We have life, substance and matter. We have already differentiated between substance and matter. They are distinct and yet inseparable.

105. Chúng ta có sự sống, chất liệu và vật chất. Chúng ta đã phân biệt giữa chất liệu và vật chất. Chúng khác biệt mà vẫn bất khả phân ly.

106. Through them both pours that indefinable something we call “life”.

106. Qua cả hai, cái gì đó không thể định nghĩa mà chúng ta gọi là “sự sống” tuôn đổ vào.

On the fourth subplane of the mental plane there will be, in the immediate future, a period of intensified evolution for the units of the fifth rootrace, prior to their passing out of and into another race, globe, chain, or scheme.

Trên cõi phụ thứ tư của cõi trí sẽ có, trong tương lai gần, **một giai đoạn tiến hoá tăng cường đối với các đơn vị của giống dân gốc thứ năm, trước khi họ chuyển ra khỏi và đi vào một nhân loại, bầu hành tinh, dãy, hay hệ hành tinh khác.**

107. We note how DK is continuing to discuss the number four and its impact (via the great Fourth Ray) on the fourth sub-planes of one plane after another.

107. Chúng ta lưu ý cách Chân sư DK đang tiếp tục bàn đến con số bốn và tác động của nó (qua cung bốn vĩ đại) lên các cõi phụ thứ tư của hết cõi này đến cõi khác.

108. We have already discussed the fourth ether and the fourth sub-plane of the astral plane in relation to the re-entrance of the "old Atlanteans". I suppose we are *all* in some measure "old Atlanteans", but DK must be speaking of those who still retain the Atlantean consciousness.

108. Chúng ta đã bàn về dĩ thái thứ tư và cõi phụ thứ tư của cõi cảm dục liên hệ với sự tái nhập của những "người Atlantis xưa". Tôi cho rằng *tất cả* chúng ta ở một mức độ nào đó đều là "người Atlantis xưa", nhưng Chân sư DK hẳn đang nói về những người vẫn còn giữ tâm thức Atlantis.

109. Above we have an amazing statement relating to the fourth sub-plane of the systemic mental plane.

109. Ở trên chúng ta có một phát biểu đáng kinh ngạc liên hệ đến cõi phụ thứ tư của cõi trí hệ thống.

110. There will be a concentration of evolutionary process on this fourth sub-plane.

110. Sẽ có một sự tập trung của tiến trình tiến hoá trên cõi phụ thứ tư này.

111. What is surprising is the different levels onto which the fourth sub-plane issues:

111. Điều đáng ngạc nhiên là những cấp độ khác nhau mà cõi phụ thứ tư này dẫn ra:

a. Issuing into the sixth subrace

a. Dẫn vào giống dân phụ thứ sáu

b. Issuing into the sixth root race

b. Dẫn vào giống dân gốc thứ sáu

c. Issuing onto another globe

c. Dẫn sang một bầu hành tinh khác

d. Issuing onto another chain

d. Dẫn sang một dãy khác

e. Even issuing onto another scheme

e. Thậm chí dẫn sang một hệ hành tinh khác

112. We can correlate the fourth sub-plane of the mental plane with the development of personality which is, in a way, the fourth developmental factor in man, followed by soul development as the fifth developmental factor.

112. Chúng ta có thể liên hệ cõi phụ thứ tư của cõi trí với sự phát triển của phàm ngã, vốn theo một cách nào đó là yếu tố phát triển thứ tư trong con người, tiếp theo là sự phát triển linh hồn như yếu tố phát triển thứ năm.

113. Intensive personality culture must precede focus upon soul culture.

113. Việc vun bồi phàm ngã một cách mãnh liệt phải đi trước sự tập trung vào việc vun bồi linh hồn.

114. But how can there be issue into or onto another globe, chain or scheme from this fourth vibratory level?

114. Nhưng làm sao có thể có sự dẫn vào hay dẫn sang một bầu hành tinh, dãy hay hệ hành tinh khác từ cấp độ rung động thứ tư này?

115. We do remember that the fourth sub-plane of the mental plane is the goal for one fourth of humanity.

115. Chúng ta quả có nhớ rằng cõi phụ thứ tư của cõi trí là mục tiêu của một phần tư nhân loại.

We have on the fourth subplane of the fifth plane the centre of interest for the present race and the day of its opportunity.

Chúng ta có trên cõi phụ thứ tư của cõi thứ năm trung tâm quan tâm đối với nhân loại hiện nay và ngày cơ hội của nó.

116. As the fifth root race cultivates *personality* consciousness…

116. Khi giống dân gốc thứ năm vun bồi tâm thức *phàm ngã*…

Here can be seen the awakening of the higher consciousness, and the first ripple of perception of, and vibratory response to, the causal body.

Ở đây có thể thấy sự thức tỉnh của tâm thức cao hơn, và gợn sóng đầu tiên của sự tri giác về, và đáp ứng rung động đối với, thể nguyên nhân.

117. The fourth sub-plane adjoins the third sub-plane where on the causal bodies of most human beings are focussed.

117. Cõi phụ thứ tư tiếp giáp cõi phụ thứ ba, nơi các thể nguyên nhân của phần lớn con người được tập trung.

118. Moreover, the fourth sub-plane is resonant with buddhi (which is the principle which, generically, characterizes the soul within the causal body).

118. Hơn nữa, cõi phụ thứ tư cộng hưởng với Bồ đề (là nguyên khí, theo nghĩa tổng quát, đặc trưng cho linh hồn bên trong thể nguyên nhân).

119. If we wish to begin to be soul consciousness, it seems that fourth sub-plane focus is a preliminary.

119. Nếu chúng ta muốn bắt đầu trở thành tâm thức linh hồn, dường như sự tập trung trên cõi phụ thứ tư là bước sơ bộ.

120. This suggest that one must be a personality, integrated through fourth sub-plane processes, before it is possible to enter seriously into the cultivation of soul consciousness.

120. Điều này gợi ý rằng một người phải là một phàm ngã, được tích hợp qua các tiến trình của cõi phụ thứ tư, trước khi có thể thực sự bước vào việc vun bồi tâm thức linh hồn.

In this [Page 432] connection, we must ever remember that the periphery of the causal body encloses the permanent atoms.

Trong [Page 432] mối liên hệ này, chúng ta phải luôn nhớ rằng chu vi của thể nguyên nhân bao bọc các nguyên tử trường tồn.

121. This we remember, but how it does so is a matter for occult physics to solve.

121. Chúng ta nhớ điều này, nhưng nó làm như thế nào là vấn đề để vật lý học huyền bí giải quyết.

122. The term "periphery" is important and the assertion re enclosure can be visualized. However, it cannot be said that the permanent atoms are, any of them, *on* the higher mental plane whereon the causal body is focussed.

122. Thuật ngữ "chu vi" là quan trọng và khẳng định về sự bao bọc này có thể được hình dung. Tuy nhiên, không thể nói rằng bất kỳ nguyên tử trường tồn nào *ở trên* cõi thượng trí nơi thể nguyên nhân được tập trung.

It is the plane of testing, of the **major initiations of the Threshold**;

Đó là cõi của sự thử thách, của **những lần điểm đạo lớn của Ngưỡng Cửa**;

123. Are initiations of the Threshold to be considered the first two initiations, in relation to which the disciple is a "probationary initiate"?

123. Có phải các lần điểm đạo của Ngưỡng Cửa nên được xem là hai lần điểm đạo đầu tiên, liên hệ với đó đệ tử là một "điểm đạo đồ dự bị" chăng?

124. If so, it would suggest that to be a probationary initiate one must be an integrating personality, utilizing the forces of the fourth sub-plane to promote this integration. This seems reasonable.

124. Nếu vậy, điều đó gợi ý rằng để là một điểm đạo đồ dự bị, người ta phải là một phàm ngã đang tích hợp, sử dụng các mãnh lực của cõi phụ thứ tư để thúc đẩy sự tích hợp này. Điều này có vẻ hợp lý.

125. Because DK uses the term "major" initiations of the Threshold, such initiations are likely the first and second of the major manasic initiations—the Birth and the Baptism.

125. Bởi vì Chân sư DK dùng thuật ngữ những lần điểm đạo "lớn" của Ngưỡng Cửa, những lần điểm đạo ấy có lẽ là lần thứ nhất và thứ hai trong các lần điểm đạo manas lớn —Giáng Sinh và Thanh Tẩy.

it is the battleground in man, and from this plane he must secure the right to enter the Path, and procure that control over his lower bodies which will make him a master, and not a slave.

đó là chiến trường trong con người, và từ cõi này y phải giành được quyền bước vào Con Đường, và đạt được sự kiểm soát đối với các thể thấp của mình, điều sẽ làm cho y thành một chân sư, chứ không phải một nô lệ.

126. The true Path begins at the first initiation. The battles preceding the Path are fought upon the fourth sub-plane of the mental plane.

126. Con Đường đích thực bắt đầu ở lần điểm đạo thứ nhất. Những trận chiến đi trước Con Đường được chiến đấu trên cõi phụ thứ tư của cõi trí.

127. It would seem that a fourth ray mind is important in this battle.

127. Có vẻ như một trí tuệ cung bốn là quan trọng trong trận chiến này.

128. The number four is the number of battle. We can imagine that the fourth ray planet Mercury (in one of its levels of expression) is very important on this fourth sub-plane of the mental plane, and that it contributes significantly to the integration of that personality which is undergoing the Initiations of the Threshold.

128. Số bốn là con số của chiến đấu. Chúng ta có thể hình dung rằng Sao Thủy cung bốn, hành tinh cung bốn (trong một trong những cấp độ biểu lộ của nó), rất quan trọng trên cõi phụ thứ tư của cõi trí, và rằng nó góp phần đáng kể vào sự tích hợp của phàm ngã đang trải qua những lần điểm đạo của Ngưỡng Cửa.

Thus one could progress the idea and fill many books with suggestions as to that which may be expected during the next few centuries but it does not serve any useful purpose to enlarge further.

Do đó người ta có thể triển khai ý tưởng này và lấp đầy nhiều sách bằng những gợi ý về điều có thể được mong đợi trong vài thế kỷ tới, nhưng việc mở rộng thêm nữa không phục vụ mục đích hữu ích nào.

129. DK is a Master Who knows so much and can prophesy so much that we can see He is choosing the method of brevity in presenting the teaching found in TCF.

129. Chân sư DK là một Chân sư biết rất nhiều và có thể tiên tri rất nhiều, đến nỗi chúng ta có thể thấy Ngài đang chọn phương pháp ngắn gọn khi trình bày giáo huấn được tìm thấy trong TCF.

I might, in summing up these ideas, point out that **the immediate future achievement consists in the utilisation of force and of electrical energy for the more harmonious adjustment of the life of man.**

Tôi có thể, khi tóm lược những ý tưởng này, chỉ ra rằng **thành tựu trước mắt gồm ở việc sử dụng mãnh lực và điện năng để điều chỉnh đời sống con người một cách hài hòa hơn.**

130. This is a summary statement and we can see that it relates to the force and electrical energy which are generated from the fourth ether and to the utilization of that fourth kind of physical force for the harmonization of human living. The

130. Đây là một phát biểu tóm lược và chúng ta có thể thấy rằng nó liên hệ đến mãnh lực và điện năng được tạo ra từ dĩ thái thứ tư và đến việc sử dụng loại mãnh lực hồng trần thứ tư ấy để hài hòa hóa đời sống con người. Con số *bốn* vang dội xuyên suốt phần tóm lược này.

number *four* resounds through this summary.

131. Our utilization of these forces and energies is rapidly increasing but this utilization is not yet characterized by an overall harmony in relation to the life of humanity. Various groups are benefiting from this utilization, but the growth of much destructive potential has accompanied the growth of knowledge concerning these energies and forces.

131. Việc chúng ta sử dụng các mãnh lực và năng lượng này đang tăng nhanh, nhưng việc sử dụng ấy vẫn chưa được đặc trưng bởi một sự hài hòa tổng thể liên hệ với đời sống của nhân loại. Nhiều nhóm khác nhau đang được hưởng lợi từ việc sử dụng này, nhưng sự tăng trưởng của nhiều tiềm năng hủy diệt cũng đã đi kèm với sự tăng trưởng của tri thức liên quan đến các năng lượng và mãnh lực này.

One or two more suggestions might be made anent the influence of this fourth Ray of mind,

Có thể đưa ra thêm một hay hai gợi ý nữa liên quan đến ảnh hưởng của cung trí tuệ thứ tư này,

132. He calls the fourth ray the "fourth Ray of mind" because it is one of the five Rays of Brahma—Brahma, the Lord of Mind.

132. Ngài gọi cung bốn là "cung trí tuệ thứ tư" vì nó là một trong năm Cung Thuộc Tính của Brahma—Brahma, Chúa Tể của Trí Tuệ.

and primarily it might be pointed out that more time has been given to the consideration of this Ray than will be possible with most of the others on account of its holding a place of such importance in this fourth chain of the earth scheme, and on the fourth globe, our earthly planet.

và trước hết có thể chỉ ra rằng đã dành nhiều thời gian hơn để xem xét cung này so với điều có thể làm với hầu hết các cung khác **vì nó giữ một vị trí quan trọng đến thế trong dãy thứ tư này của hệ hành tinh địa cầu, và trên bầu hành tinh thứ tư, hành tinh địa cầu của chúng ta.**

133. There is no question that within the life of humanity in this scheme, and chain and on this globe, the energy of the number *four* is paramount.

133. Không còn nghi ngờ gì rằng trong đời sống của nhân loại trong hệ hành tinh này, trong dãy này và trên bầu hành tinh này, năng lượng của con số *bốn* là tối thượng.

Each planetary Logos pours forth His influence in different rounds, planes, chains, globes, races, and subraces according to their numerical relationship to the scheme of which He is the vitalising Life.

Mỗi Hành Tinh Thượng Đế tuôn đổ ảnh hưởng của Ngài trong những cuộc tuần hoàn, cõi, dãy, bầu hành tinh, giống dân và giống dân phụ khác nhau theo mối liên hệ số học của chúng với hệ hành tinh mà Ngài là Sự Sống tiếp sinh lực của nó.

134. The importance of the number four is suggested as strongly related to the energy of our Planetary Logos, even though the three major rays of our Planetary Logos do not include the fourth ray.

134. Tầm quan trọng của con số bốn được gợi ra như có liên hệ mạnh mẽ với năng lượng của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, dù ba cung chính của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta không bao gồm cung bốn.

135. As earlier stated, the fourth ray may be firmly established in His present expression because of a strong previous expression upon this ray.

135. Như đã nói trước đây, cung bốn có thể được thiết lập vững chắc trong biểu lộ hiện nay của Ngài vì một biểu lộ mạnh mẽ trước đó trên cung này.

Temporarily, and as the cycle progresses, **these forms become receptive and negative,** and are thus responsive to the positive influence of the planetary Logos.

Tạm thời, và khi chu kỳ tiến triển, **những hình tướng này trở nên tiếp nhận và âm tính,** và do đó đáp ứng với ảnh hưởng dương tính của Hành Tinh Thượng Đế.

136. The forms which the Planetary Logos seeks to influence are not easily influenced at the very start of His manifestation. There must arise (over the course of many cycles) a sensitization in the potentially receptive lesser lives which are included within the life demonstration of the Planetary Logos.

136. Những hình tướng mà Hành Tinh Thượng Đế tìm cách ảnh hưởng không dễ bị ảnh hưởng ngay lúc khởi đầu biểu lộ của Ngài. Phải xuất hiện (trong tiến trình của nhiều chu kỳ) một sự nhạy cảm hóa nơi các sự sống nhỏ hơn có khả năng tiếp nhận, vốn được bao gồm trong sự biểu hiện sự sống của Hành Tinh Thượng Đế.

137. The Planetary Logos, too, must learn to master the tendencies of the lesser lives who live and move and have their being within Him.

137. Hành Tinh Thượng Đế cũng phải học cách làm chủ các khuynh hướng của những sự sống nhỏ hơn đang sống, vận động và tồn tại trong Ngài.

One further point I would make, and as it is of an esoteric and occult nature, it can be but hinted at. At the fourth Initiation, the force of the Logos of the fourth Ray is a vital factor in the initiation.

Tôi xin nêu thêm một điểm nữa, và vì nó có bản chất huyền bí và bí truyền, nên chỉ có thể được gợi ý. Ở lần điểm đạo thứ tư, **mãnh lực của Thượng đế của cung bốn là một yếu tố thiết yếu trong lần điểm đạo ấy.**

138. Which is this Logos? Is it Mercury? Is it Vulcan as well? Both of them have a prominent fourth ray in Their constitution?

138. Đây là Thượng đế nào? Có phải là Sao Thủy không? Có phải cả Vulcan nữa không? Cả hai đều có một cung bốn nổi bật trong cấu tạo của Các Ngài?

139. We have already been told that Mercury and Saturn are influential at the fourth initiation (EA 71). We have been told, too, that Vulcan promotes the experience of isolation at the fourth initiation. It would seem that rays one and four, which pour through these planets, are potently expressive at that degree.

139. Chúng ta đã được cho biết rằng Sao Thủy và Sao Thổ có ảnh hưởng ở lần điểm đạo thứ tư (EA 71). Chúng ta cũng đã được cho biết rằng Vulcan thúc đẩy kinh nghiệm cô lập ở lần điểm đạo thứ tư. Có vẻ như cung một và cung bốn, tuôn qua các hành tinh này, biểu lộ mạnh mẽ ở cấp độ ấy.

Vulcan is the ray or planet of isolation for, in a peculiar sense, it governs the fourth initiation wherein the depths of aloneness are plumbed and the man stands completely isolated. He stands detached from "that which is above and this which is below." (EA 392)

Vulcan là cung hay hành tinh của sự cô lập vì, theo một nghĩa đặc biệt, nó cai quản lần điểm đạo thứ tư, trong đó những chiều sâu của sự cô độc được dò đến và con người đứng hoàn toàn cô lập. Y đứng tách rời khỏi "điều ở trên và điều ở dưới." (EA 392)

It is through the application of the Rod of Initiation that His Life energy is applied to the initiate, or the electrical force that emanates from Him is geometrically circulated through certain [Page 433] centres, producing the necessitated stimulation.

Chính qua việc áp dụng Thần Trượng Điểm đạo mà năng lượng sự sống của Ngài được áp dụng cho điểm đạo đồ, hay mãnh lực điện phát ra từ Ngài được lưu chuyển theo hình học qua một số trung tâm nhất định, tạo ra sự kích thích cần thiết.

140. This is a frequently stated truth. **One of the chief centers involved in this initiation is the *heart***. (cf. R&I 340) [4]

140. Đây là một chân lý thường được phát biểu. **Một trong những trung tâm chính liên quan trong lần điểm đạo này là *tim***. (x. R&I 340) [4]

Initation 1. Birth	Sacral center	7th ray	Physical plane	Beginnings	Relationship	Sex Magic
Initiation 2. Baptism	Solar plexus center	6th ray	Astral plane	Dedication	Glamor	Devotion
Initiation 3. Transfiguration	Ajna center	5th ray	Mental plane	Integration	Direction	Science

Initiation 4. Renunciation	Heart center	4th ray	Buddhic plane	Crucifixion	Sacrifice	Harmony
Initiation 5. Revelation	Base of spine	1st ray	Atmic plane	Emergence	Will	Purpose
Initiation 6. Decision	Throat center	3rd ray	Monadic plane	Fixation	Intelligent cooperation	Creativity
Initiation 7. Resurrection	Head center	2nd ray	Logoic plane	The Eternal Pilgrim	Love-Wisdom	Attraction
Initiation 8. Transition	Hierarchy	Four minor rays	Planetary	Choice	Consciousness	Sensitivity
Initiation 9. Refusal	Shamballa	Three major rays	Systemic	Seven Paths	Being	Existence

141. The ajna center, ruled during certain cycles by fourth ray Mercury, may also be involved as well as the head center. The ajna is one of the “two many-petalled lotuses”.

141. Trung tâm ajna, được Sao Thủy cung bốn cai quản trong một số chu kỳ nhất định, cũng có thể liên quan, cũng như trung tâm đầu. Ajna là một trong “hai hoa sen nhiều cánh”.

142. All the seven head centers hypothetically ruled by Vulcan are involved.

142. Cả bảy trung tâm đầu, được giả định là do Vulcan cai quản, đều liên quan.

143. We see that the Initiator may tap the energy of various Planetary Logoi which are distributed through His Rod at the time of the initiation ceremony.

143. Chúng ta thấy rằng Đấng Điểm đạo có thể khai thác năng lượng của nhiều Hành Tinh Thượng Đế khác nhau, những năng lượng này được phân phối qua Thần Trượng của Ngài vào lúc nghi lễ điểm đạo diễn ra.

144. It would be fascinating to study which systemic and extra-systemic energies may be distributed via the Rods of Initiation.

144. Sẽ thật hấp dẫn nếu nghiên cứu những năng lượng hệ thống và ngoài hệ thống nào có thể được phân phối qua các Thần Trượng Điểm đạo.

At the fifth Initiation similarly the force of the third Logos may be felt, and at the sixth that of the second Logos, while at the seventh the dynamic fire of the first Logos circulates through the body of the Chohan.

Tương tự, ở lần điểm đạo thứ năm có thể cảm nhận được mãnh lực của Thượng đế thứ ba, và ở lần thứ sáu là của Thượng đế thứ hai, trong khi ở lần thứ bảy lửa động của Thượng đế thứ nhất lưu chuyển qua thể của vị Chohan.

145. We are being given important information regarding which Planetary Logoi pour Their force into which initiatory process:

145. Chúng ta đang được cung cấp thông tin quan trọng về việc những Hành Tinh Thượng Đế nào tuôn mãnh lực của Các Ngài vào tiến trình điểm đạo nào:

a. The Fourth Logos at the fourth initiation.

a. Thượng đế thứ tư ở lần điểm đạo thứ tư.

b. The Third Logos at the fifth initiation. We must also remember that the fifth initiation is ruled by the *first* ray.

b. Thượng đế thứ ba ở lần điểm đạo thứ năm. Chúng ta cũng phải nhớ rằng lần điểm đạo thứ năm được cai quản bởi cung *một*.

c. The Second Logos at the sixth initiation. This is an initiation also ruled by the third ray.

c. Thượng đế thứ hai ở lần điểm đạo thứ sáu. Đây cũng là một lần điểm đạo được cai quản bởi cung ba.

d. The First Logos at the seventh initiation. This is an initiation also ruled by the second ray.

d. Thượng đế thứ nhất ở lần điểm đạo thứ bảy. Đây cũng là một lần điểm đạo được cai quản bởi cung hai.

e. These alternative rulerships of initiations may be found on R&I 340.

e. Những sự cai quản thay thế này của các lần điểm đạo có thể được tìm thấy ở R&I 340.

It might be tabulated thus:

Có thể lập bảng như sau:

1. The magical force of the seventh Logos is felt at the first Initiation.

1. Mãnh lực huyền thuật của Thượng đế thứ bảy được cảm nhận ở lần điểm đạo thứ nhất.

146. It is this ray which correlates with the etheric body, focus within which (through concentration) helps to subdue the waywardness of the dense physical vehicle. The sacral center, ruled in part by the seventh ray, is one of the foci of attention.

146. Chính cung này tương quan với thể dĩ thái, mà sự tập trung bên trong nó (qua sự nhất tâm) giúp chế ngự tính bất kham của vận cụ hồng trần đậm đặc. Trung tâm xương cùng, được cai quản một phần bởi cung bảy, là một trong những tiêu điểm chú ý.

147. When we deal with magic we deal with "magical controls", i.e., with rules and regulations. The sacral center is subdued through the application of correct rhythms.

147. Khi chúng ta đề cập đến huyền thuật, chúng ta đề cập đến "những sự kiểm soát huyền thuật", tức là các quy luật và quy định. Trung tâm xương cùng được chế ngự qua việc áp dụng các nhịp điệu đúng đắn.

148. At this initiation the one (of the first initiation) and seven are correlated.

148. Ở lần điểm đạo này, một (của lần điểm đạo thứ nhất) và bảy được tương quan.

2. The aggressive fire of the sixth Logos is felt at the second Initiation.

2. Lửa xung kích của Thượng đế thứ sáu được cảm nhận ở lần điểm đạo thứ hai.

149. There are three planets often associated with the second initiation (Venus, Jupiter and Neptune) and two with the sixth ray (Mars and Neptune). Neptune is not an aggressive planet but Mars is, and it is, necessarily, to Mars that we are referring.

149. Có ba hành tinh thường được liên kết với lần điểm đạo thứ hai (Sao Kim, Sao Mộc và Sao Hải Vương) và hai hành tinh với cung sáu (Sao Hỏa và Sao Hải Vương). Sao Hải Vương không phải là một hành tinh xung kích nhưng Sao Hỏa thì có, và tất yếu, chính Sao Hỏa là điều chúng ta đang nói đến.

150. At this initiation, the passionate idealist ruled by the sixth ray and Mars learns to subjugate his idealism to the energy of love.

150. Ở lần điểm đạo này, nhà lý tưởng đầy nhiệt tình được cung sáu và Sao Hỏa cai quản học cách đặt chủ nghĩa lý tưởng của mình dưới năng lượng của bác ái.

151. At this initiation the two (of the second initiation) and the six are correlated.

151. Ở lần điểm đạo này, hai (của lần điểm đạo thứ hai) và sáu được tương quan.

3. The illuminating light of the fifth Logos is felt at the third Initiation.

3. Ánh sáng soi sáng của Thượng đế thứ năm được cảm nhận ở lần điểm đạo thứ ba.

152. The fifth ray is instrumental in achieving the results necessary for the passing of the third initiation.

152. Cung năm là công cụ để đạt được những kết quả cần thiết cho việc vượt qua lần điểm đạo thứ ba.

153. The planet especially involved is Venus with its fifth ray soul.

153. Hành tinh đặc biệt liên quan là Sao Kim với cung linh hồn thứ năm của nó.

154. One way of conceiving the transition from the second initiation to the third is as the transition from 'heat' to 'light'.

154. Một cách để quan niệm sự chuyển tiếp từ lần điểm đạo thứ hai sang lần điểm đạo

thứ ba là như sự chuyển tiếp từ 'nhiệt' sang 'ánh sáng'.

155. The lower eighteen sub-planes are illuminated at this initiation and especially the plane of mind, aiding in the conquest of illusion through illumination.

155. Mười tám cõi phụ thấp được soi sáng ở lần điểm đạo này và đặc biệt là cõi trí, hỗ trợ việc chinh phục ảo tưởng qua sự soi sáng.

156. At this initiation the five and the three (of the third initiation) are correlated.

156. Ở lần điểm đạo này, năm và ba (của lần điểm đạo thứ ba) được tương quan.

4. The harmonising life of the fourth Logos is felt at the fourth Initiation.

4. Sự sống hài hòa hóa của Thượng đế thứ tư được cảm nhận ở lần điểm đạo thứ tư.

157. The fourth ray is instrumental at the fourth initiation. The fourth ray is, as we know, the 'Ray of Hamonization' and works powerfully in relation to the buddhic plane —the 'Plane of Harmonization'.

157. Cung bốn là công cụ ở lần điểm đạo thứ tư. Cung bốn, như chúng ta biết, là 'Cung của Sự Hài Hòa Hóa' và hoạt động mạnh mẽ liên hệ với cõi Bồ đề—'Cõi của Sự Hài Hòa Hóa'.

158. The dispenser of the fourth ray is probably Mercury (with its hypothesized fourth ray soul), a planet correlated with the buddhic plane to which the focus of consciousness is transferred at the fourth degree. Mercury with Saturn are said to be prominent at the fourth initiation, when access to the intuition ensures the overcoming of illusion.

158. Đấng phân phối cung bốn có lẽ là Sao Thủy (với cung linh hồn thứ tư được giả định của nó), một hành tinh tương quan với cõi Bồ đề, nơi tiêu điểm tâm thức được chuyển đến ở cấp độ thứ tư. Sao Thủy cùng với Sao Thổ được nói là nổi bật ở lần điểm đạo thứ tư, khi sự tiếp cận trực giác bảo đảm việc vượt thắng ảo tưởng.

159. Thus far, the planets involved in the first four initiations have been Uranus, Mars, Venus and Mercury, respectively. Only Mars is a non-sacred planet.

159. Cho đến nay, các hành tinh liên quan trong bốn lần điểm đạo đầu tiên lần lượt là Sao Thiên Vương, Sao Hỏa, Sao Kim và Sao Thủy. Chỉ có Sao Hỏa là một hành tinh không thiêng liêng.

5. The blending power of the third Logos is felt at the fifth Initiation.

5. Quyền năng dung hợp của Thượng đế thứ ba được cảm nhận ở lần điểm đạo thứ năm.

160. The numbers three and five are united.

160. Các số ba và năm được hợp nhất.

161. At Mastership, the curriculum of the Brahma aspect of divinity is completed and this aspect is, as we know, the *third,* hence the importance of the "third Logos" at the initiation of Mastership.

161. Ở Chân sư quả vị, chương trình học của phương diện Brahma của thiên tính được hoàn tất và phương diện này, như chúng ta biết, là phương diện *thứ ba,* do đó tầm quan trọng của "Thượng đế thứ ba" ở lần điểm đạo Chân sư quả vị.

162. It is the first ray that is usually associated with the fifth initiation because the power of atma (the highest of the brahmic planes becomes prominent).

162. Chính cung một thường được liên kết với lần điểm đạo thứ năm vì quyền năng của atma (cao nhất trong các cõi brahmic trở nên nổi bật).

163. The "third Logos" is closely correlated with Saturn (Who *is,* in one respect, Brahma). Perhaps we had not thought of the relation of Saturn to the fifth degree. Usually, Jupiter and Uranus are associated with this degree. Saturn, however, brings finality to the development of the human being within the fifth Kingdom of Nature. After the fifth degree, when a man becomes a Chohan, He is no longer a man as are the Masters.

163. "Thượng đế thứ ba" có tương quan chặt chẽ với Sao Thổ (Đấng *là,* theo một phương diện, Brahma). Có lẽ chúng ta đã không nghĩ đến mối liên hệ của Sao Thổ với cấp độ thứ năm. Thông thường, Sao Mộc và Sao Thiên Vương được liên kết với cấp độ này. Tuy nhiên, Sao Thổ đem lại tính chung kết cho sự phát triển của con người trong giới thứ năm của bản chất. Sau cấp độ thứ năm, khi một người trở thành một Chohan, Ngài không còn là một con người như các Chân sư nữa.

164. Had we thought of the third ray as the "Discriminating Essential Life", as associated with the capacity for "blending"? What is "blending"? It is not the same as harmonizing. Rather (at this higher stage of evolution) it suggests the bringing together of many threads of energy in a masterful synthesis signaling the summation of all work done in relation to the energies of the first solar system.

164. Chúng ta đã từng nghĩ về cung ba như là "Sự Sống Cốt Yếu Phân Biện", như được liên kết với năng lực "dung hợp" chưa? "Dung hợp" là gì? Nó không giống như hài hòa hóa. Đúng hơn (ở giai đoạn tiến hoá cao hơn này) nó gợi ý việc quy tụ nhiều sợi dây năng lượng trong một tổng hợp đầy uy lực, báo hiệu sự tổng kết của mọi công việc đã được thực hiện liên hệ với các năng lượng của hệ mặt trời thứ nhất.

165. At the fifth initiation the understanding Isolated Unity emerges in fulness and also, in fulness, the realization of the meaning of "the use of the Many for the One". "Blending power" certainly assists this capacity to bring together the Many as instruments of the One.

165. Ở lần điểm đạo thứ năm, sự thấu hiểu Hợp Nhất Cô Lập xuất hiện trọn vẹn và cũng trọn vẹn là sự chứng nghiệm ý nghĩa của "việc sử dụng Cái Nhiều cho Đấng Duy Nhất". "Quyền năng dung hợp" chắc chắn hỗ trợ năng lực này trong việc quy tụ Cái Nhiều như những công cụ của Đấng Duy Nhất.

6. The unifying heat of the second Logos is felt at the sixth Initiation.

166. Again the related numbers two and six work together.

167. We may imagine that the *second* ray is important at this sixth initiation but so is the *third* as the major energy of Libra at this Initiation of Decision. Libra, however, is also a sign expressive of the second ray.

168. What is *unified* or made as one? At this initiation the Pilgrimage of the Monad is completed and all experience in the lower five (or brahmic) worlds is synthesized.

169. This "unifying heat" seems related to the solar fire of the Solar Logos, even though we are dealing with electric fire once we reach the monadic plane. Solar fire, however, is the outstanding energy of our solar system, and even the electric fire that we find expressive of the monadic plane is as a subset of solar fire.

170. The Monad is that which finds its home within the Sun (cf. IHS 196) and so at the sixth degree, there is a unification with solar quality, and perhaps a realization of the manner in which the Christ is a direct disciple of Sanat Kumara and Sanat Kumara of the Solar Logos. The astral-buddhic nature of our Solar Logos is more fully appreciated and perhaps a deeper understanding of the relationship between desire and love (numbers six and two).

6. Nhiệt hợp nhất của Thượng đế thứ hai được cảm nhận ở lần điểm đạo thứ sáu.

166. Một lần nữa, các số tương quan hai và sáu cùng hoạt động.

167. Chúng ta có thể hình dung rằng cung *hai* là quan trọng ở lần điểm đạo thứ sáu này nhưng cung *ba* cũng vậy, như năng lượng chính của Libra ở Cuộc Điểm Đạo Quyết Định này. Tuy nhiên, Libra cũng là một dấu hiệu hoàng đạo biểu lộ cung hai.

168. Điều gì được *hợp nhất* hay được làm thành một? Ở lần điểm đạo này, Cuộc Hành Hương của chân thần được hoàn tất và mọi kinh nghiệm trong năm thế giới thấp hơn (hay brahmic) được tổng hợp.

169. "Nhiệt hợp nhất" này dường như liên hệ với Lửa Thái dương của Thái dương Thượng đế, dù chúng ta đang xử lý Lửa Điện một khi đạt đến cõi chân thần. Tuy nhiên, Lửa Thái dương là năng lượng nổi bật của hệ mặt trời chúng ta, và ngay cả Lửa Điện mà chúng ta thấy biểu lộ nơi cõi chân thần cũng là một tập con của Lửa Thái dương.

170. Chân thần là điều tìm thấy ngôi nhà của nó trong Mặt Trời (x. IHS 196) và vì vậy ở cấp độ thứ sáu, có một sự hợp nhất với phẩm tính thái dương, và có lẽ là một sự chứng nghiệm về cách Đức Christ là một đệ tử trực tiếp của Đức Sanat Kumara và Đức Sanat Kumara là đệ tử trực tiếp của Thái dương Thượng đế. Bản chất cảm dục-Bồ đề của Thái dương Thượng đế của chúng ta được đánh giá đầy đủ hơn và có lẽ có một sự thấu hiểu sâu hơn về mối liên hệ giữa dục vọng và bác ái (các số sáu và hai).

171. The Monad is recognized as unified with its logoic Source.

171. Chân thần được nhận biết là hợp nhất với Nguồn cội logoic của nó.

172. The planet to be associated is probably Jupiter (planet of the second ray and ruler of the monadic plane).

172. Hành tinh được liên kết có lẽ là Sao Mộc (hành tinh của cung hai và chủ tinh của cõi chân thần).

173. The contribution of Neptune is also likely.

173. Sự đóng góp của Sao Hải Vương cũng có khả năng hiện diện.

174. Both Jupiter and Neptune are second ray planets (Jupiter egoically and Neptune, monadically) and both have sixth ray components (Neptune more obviously than Jupiter). This correlates these planets well with the second plane which is the sixth from another perspective.

174. Cả Sao Mộc và Sao Hải Vương đều là các hành tinh cung hai (Sao Mộc về mặt chân ngã và Sao Hải Vương, về mặt chân thần) và cả hai đều có các thành phần cung sáu (Sao Hải Vương rõ ràng hơn Sao Mộc). Điều này tương quan tốt các hành tinh này với cõi thứ hai, vốn là cõi thứ sáu từ một góc nhìn khác.

7. The dynamic electricity of the first Logos is felt at the seventh Initiation.

7. Điện năng động của Thượng đế thứ nhất được cảm nhận ở lần điểm đạo thứ bảy.

175. The first and seventh rays are again related as they were in the first initiation.

175. Cung một và cung bảy lại được liên hệ như chúng đã được ở lần điểm đạo thứ nhất.

176. The plane involved is the first or seventh (depending upon the direction of counting)—the "Sea of Fire" characterized by "dynamic electricity" or the dynamic aspect of electricity.

176. Cõi liên quan là cõi thứ nhất hay thứ bảy (tùy theo hướng đếm)—"Biển Lửa" được đặc trưng bởi "điện năng động" hay phương diện động của điện.

177. One can see that both rays one and seven are to be related to the seventh degree even if the principle ray (cf. R&I 340) is the second—the ray of Love-Wisdom.

177. Người ta có thể thấy rằng cả cung một lẫn cung bảy đều phải được liên hệ với cấp độ thứ bảy dù cung nguyên khí (x. R&I 340) là cung hai—cung Bác Ái – Minh Triết.

178. We might say that the Love-Wisdom energy of the Solar Logos is fully appreciated at this degree.

178. Chúng ta có thể nói rằng năng lượng Bác Ái – Minh Triết của Thái dương Thượng đế được đánh giá đầy đủ ở cấp độ này.

179. The planets involved are Uranus, Vulcan and Jupiter.

179. Các hành tinh liên quan là Sao Thiên Vương, Vulcan và Sao Mộc.

180. Uranus is the first ray planet, monadically, and is the “home of electric fire”. It is, therefore, especially the planet of “dynamic electricity”.

180. Sao Thiên Vương là hành tinh cung một, về mặt chân thần, và là “ngôi nhà của lửa điện”. Vì vậy, nó đặc biệt là hành tinh của “điện năng động”.

181. The Sun is a primary ruler of the first plane (through which the Leo Creative Hierarchy expresses) and the Sun is veiled by first ray Vulcan.

181. Mặt Trời là một chủ tinh chính của cõi thứ nhất (qua đó Huyền Giai Sáng Tạo Leo biểu lộ) và Mặt Trời được che khuất bởi Vulcan cung một.

182. We can see that the first ray is prominent in both Uranus and Vulcan and hence correlated with the first Logos.

182. Chúng ta có thể thấy rằng cung một nổi bật trong cả Sao Thiên Vương lẫn Vulcan và do đó tương quan với Thượng đế thứ nhất.

183. We can see that the three synthesizing planets, Uranus, Neptune and Saturn are being correlated with the first three planes and the first three Logoi.

183. Chúng ta có thể thấy rằng ba hành tinh tổng hợp, Sao Thiên Vương, Sao Hải Vương và Sao Thổ, đang được tương quan với ba cõi đầu tiên và ba Thượng đế đầu tiên.

184. Because Jupiter is now (so we hypothesize—cf. TCF 299) the principal expression among the Planetary Logoi of the second ray of Love-Wisdom, and because He is (as “Guru”) a planet of Wisdom, He will be especially active at this most synthetic initiation which prepares the liberation of the consciousness from the cosmic physical plane.

184. Bởi vì Sao Mộc hiện nay (như chúng ta giả định—x. TCF 299) là biểu lộ chính yếu giữa các Hành Tinh Thượng Đế của cung hai Bác Ái – Minh Triết, và bởi vì Ngài (như “Guru”) là một hành tinh của minh triết, Ngài sẽ đặc biệt hoạt động ở lần điểm đạo tổng hợp nhất này, vốn chuẩn bị cho sự giải thoát của tâm thức khỏi cõi hồng trần vũ trụ.

Let us now pass on to the brief consideration of the future influence of the third manasic ray of "Concrete Knowledge or Science."

Bây giờ chúng ta hãy chuyển sang việc xem xét ngắn gọn ảnh hưởng tương lai của cung manas thứ ba của "Tri Thức Cụ Thể hay Khoa Học."

185. This is an alternative way of looking at the fifth ray. Every one of the Rays of Attribute can be named as one in a series of manasic rays.

185. Đây là một cách khác để nhìn vào cung năm. Mỗi Cung Thuộc Tính đều có thể được gọi là một cung trong một chuỗi các cung manas.

a. R3, the first manasic ray

a. C3, cung manas thứ nhất

b. R4, the second manasic ray

c. R5, the third manasic ray

d. R6., the fourth manasic ray

e. R7, the fifth manasic ray

As I have elsewhere pointed out this ray concerns itself with the building of form, with the utilisation of matter, with the embodying of ideas, or of entities, whether cosmic, systemic, lunar, or subhuman.

186. Let us tabulate in listed format the focus of the third manasic ray—the fifth Ray of Concrete Knowledge. It concerns—

a. The building of form

b. The utilization of matter

c. The embodying of ideas

d. The embodying of entities (cosmic, systemic, lunar or subhuman)

187. Some of what is said of the third manasic ray is related to the concerns and methods of the fifth manasic ray—the seventh ray.

The planetary Logos of this fifth systemic Ray holds a peculiar position in the scheme of things.

188. Note that this ray is called the "fifth systemic Ray" and not cosmic Ray. This is the case when a Planetary Logos is considered its distributor.

b. C4, cung manas thứ hai

c. C5, cung manas thứ ba

d. C6., cung manas thứ tư

e. C7, cung manas thứ năm

Như tôi đã chỉ ra ở nơi khác, cung này liên quan đến việc xây dựng hình tướng, việc sử dụng vật chất, việc nhập thể các ý tưởng, hay các hữu thể, dù là vũ trụ, hệ thống, thái âm, hay dưới nhân loại.

186. Chúng ta hãy lập bảng theo dạng liệt kê tiêu điểm của cung manas thứ ba—cung năm của Tri Thức Cụ Thể. Nó liên quan đến —

a. Việc xây dựng hình tướng

b. Việc sử dụng vật chất

c. Việc nhập thể các ý tưởng

d. Sự nhập thể của các thực thể (vũ trụ, hệ thống, thái âm hay dưới nhân loại)

187. Một phần những gì được nói về cung manas thứ ba có liên hệ với các mối quan tâm và phương pháp của cung manas thứ năm—cung bảy.

Đức Hành Tinh Thượng Đế của Cung hệ thống thứ năm này giữ một vị trí đặc biệt trong hệ sự vật.

188. Lưu ý rằng cung này được gọi là "Cung hệ thống thứ năm" chứ không phải cung vũ trụ. Đây là trường hợp khi một Hành Tinh

Thượng Đế được xét như đấng phân phối của nó.

He is the embodiment of the fifth logoic principle of manas.

Ngài là hiện thân của nguyên khí logoic thứ năm của manas.

189. We would normally think that this Planetary Logos would be the Logos of Venus, but certain things said in the passages ahead may give us pause.

189. Thông thường chúng ta sẽ nghĩ rằng Hành Tinh Thượng Đế này là Thượng đế của Sao Kim, nhưng một số điều được nói trong các đoạn tiếp theo có thể khiến chúng ta phải ngập ngừng.

190. Mercury, however, is even more deeply manasic than Venus, at least from the monadic perspective.

190. Tuy nhiên, Sao Thủy còn manas sâu sắc hơn cả Sao Kim, ít nhất từ quan điểm chân thần.

His is the synthesising scheme for the five schemes of the five Kumaras Who are Brahma, when viewed as the sum total of the third logoic aspect, though He is not the synthesising factor for the seven schemes which are the sum total of logoic manifestation considered as the union of the second and third aspects. This is a point of prime importance to bear in mind.

Của Ngài là hệ hành tinh tổnghợp hóa cho năm hệ hành tinh của năm Đấng Kumaras là Brahma, khi được nhìn như tổng thể của phương diện logoic thứ ba, dù Ngài không phải là nhân tố tổng hợp cho **bảy hệ hành tinh là tổng thể của biểu hiện logoic khi được xét như sự hợp nhất của phương diện thứ hai và thứ ba.** Đây là một điểm tối quan trọng cần ghi nhớ.

191. We can see how the matter grows more complicated and the subject is purposefully veiled. Thus, we must proceed very carefully here.

191. Chúng ta có thể thấy vấn đề trở nên phức tạp hơn và chủ đề này được cố ý che phủ. Vì vậy, ở đây chúng ta phải tiến hành hết sức cẩn trọng.

192. If this Logos is the Logos of Venus, we are being told something of considerable importance about Venus—namely that the Venusian Logos is, in His own sphere, a *synthesizer*.

192. Nếu Thượng đế này là Thượng đế của Sao Kim, thì chúng ta đang được cho biết một điều hết sức quan trọng về Sao Kim—cụ thể là Thượng đế Sao Kim, trong phạm vi riêng của Ngài, là một *đấng tổng hợp*.

193. The "five Kumaras Who are Brahma" are not necessarily the Lords of the five planets that express the third, fourth, fifth, sixth and seventh rays. Neptune and Uranus express the sixth and seventh rays, respectively, but we cannot conceive of them

193. "Năm Đấng Kumaras là Brahma" không nhất thiết là các Chúa Tể của năm hành tinh biểu hiện các cung ba, bốn, năm, sáu và bảy. Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương lần lượt biểu hiện cung sáu và cung bảy, nhưng chúng ta không thể hình dung các Ngài được

as included within the brahmic sphere—and herein lies a problem of trying to correlate the strictly brahmic planets with those planets which distribute the Rays of Attribute (and the one Ray of Aspect) usually associated with Brahma.

bao gồm trong phạm vi brahma—và chính trong đó có một vấn đề khi cố gắng liên hệ các hành tinh thuần brahma với những hành tinh phân phối Các Cung Thuộc Tính (và một Cung Trạng Thái) thường gắn với Brahma.

194. We can conceive of Venus as responsible for the synthesis of Earth, Mars and Pluto, but not of Mercury, nor, really, any other of the well known planets.

194. Chúng ta có thể hình dung Sao Kim chịu trách nhiệm cho sự tổng hợp của Trái Đất, Sao Hỏa và Sao Diêm Vương, nhưng không phải của Sao Thủy, cũng không thật sự là của bất kỳ hành tinh quen thuộc nào khác.

195. Fifth ray Mercury (fifth ray, monadically), too, must be considered a potential synthesizer, but not of Venus.

195. Sao Thủy cung năm (cung năm, xét theo chân thần) cũng phải được xem là một đấng tổng hợp tiềm năng, nhưng không phải của Sao Kim.

196. The "seven schemes" here mentioned as the "sum total of logoic manifestation considered as the union of the second and third aspects" would seem to be the seven schemes portrayed in Chart VI, TCF 373. We can hypothesize them as the schemes connected with what we have called 'greater Saturn'.

196. "Bảy hệ hành tinh" được nhắc đến ở đây như là "tổng thể của biểu hiện logoic khi được xét như sự hợp nhất của phương diện thứ hai và thứ ba" dường như là bảy hệ hành tinh được trình bày trong Biểu Đồ VI, TCF 373. Chúng ta có thể giả thuyết rằng đó là các hệ hành tinh liên kết với điều chúng ta đã gọi là 'Sao Thổ lớn hơn'.

197. (When looking for the analogy to 'greater Saturn' and lesser or 'central Saturn' in the human chakric system, we might consider that 'central Saturn' represents the throat center and 'greater Saturn' the alta major center, which according to the Hindu books has six times as many petals as the throat center.)

197. (Khi tìm kiếm sự tương đồng với 'Sao Thổ lớn hơn' và 'Sao Thổ trung tâm' hay nhỏ hơn trong hệ thống luân xa của con người, chúng ta có thể xem 'Sao Thổ trung tâm' tượng trưng cho trung tâm cổ họng và 'Sao Thổ lớn hơn' tượng trưng cho trung tâm alta major, mà theo các sách Ấn giáo thì có số cánh hoa gấp sáu lần trung tâm cổ họng.)

198. If the Logos is question is not the Logos of Venus, it would have to be the Logos of Saturn, but Saturn is not an expression of the fifth ray (except indirectly).

198. Nếu Thượng đế được nói đến không phải là Thượng đế của Sao Kim, thì đó hẳn phải là Thượng đế của Sao Thổ, nhưng Sao Thổ không phải là một biểu hiện của cung năm (ngoại trừ gián tiếp).

199. As we look for the planetary source of this Logos, we must not forget to consider Uranus, a synthesizing planet closely associated with electricity and with the fifth ray.

199. Khi tìm kiếm nguồn hành tinh của Thượng đế này, chúng ta không được quên xét đến Sao Thiên Vương, một hành tinh tổng hợp gắn bó chặt chẽ với điện lực và với cung năm.

200. At this time, there will be no easy solution to the problem, as the paths of absorption are complex and many are the possibilities.

200. Hiện nay, sẽ không có giải pháp dễ dàng nào cho vấn đề này, vì các con đường hấp thu thì phức tạp và có rất nhiều khả năng.

His is the influence that leads to the scientific adaptation of matter to form, [Page 434] and His is the life that unifies ever the three and the five.

Của Ngài là ảnh hưởng dẫn đến sự thích ứng khoa học của vật chất với hình tướng, [Page 434] và của Ngài là sự sống luôn hợp nhất bộ ba và bộ năm.

201. Does He unify the third and fifth rays, or does he unify eight units—one unit of three and one of five?

201. Ngài có hợp nhất cung ba và cung năm không, hay Ngài hợp nhất tám đơn vị—một đơn vị gồm ba và một đơn vị gồm năm?

202. From the foregoing, there is much to suggest adaptable Mercury, Whose sub-monadic ray is hypothesized as ray *five* while His monadic ray is hypothesized as ray *three.*

202. Từ những điều đã trình bày, có nhiều điều gợi ý về Sao Thủy thích ứng linh hoạt, Đấng mà cung phụ dưới chân thần của Ngài được giả thuyết là cung *năm* trong khi cung chân thần của Ngài được giả thuyết là cung *ba.*

Let us see if, by illustration, we can make this idea more simple.

Hãy xem liệu bằng minh họa, chúng ta có thể làm cho ý tưởng này đơn giản hơn không.

203. This would be welcome if possible.

203. Điều này hẳn sẽ rất đáng hoan nghênh nếu có thể.

He is, as we know, the embodiment of the fifth principle. His influence, therefore, may ever be felt in His numerical correspondences, for He is the Lord of the fifth Ray in the system, and Ruler of the third Manasic Ray when considering only the third aspect.

Như chúng ta biết, Ngài là hiện thân của nguyên khí thứ năm. Vì vậy, ảnh hưởng của Ngài luôn có thể được cảm nhận trong các tương ứng số học của Ngài, vì Ngài là Chúa Tể của cung năm trong hệ thống, và là chủ tinh của cung Manas thứ ba khi chỉ xét phương diện thứ ba.

204. The influence of this Planetary Logos resonates through all structures and processes in our system that resonate to the number *five*—rays, chains, globes, rounds, root races, etc.

204. Ảnh hưởng của Hành Tinh Thượng Đế này vang dội qua mọi cấu trúc và tiến trình trong hệ thống chúng ta vốn cộng hưởng với con số *năm*—các cung, các dãy, các bầu hành tinh, các cuộc tuần hoàn, các giống dân gốc, v.v.

205. Remember, in this respect, the association of Mercury with the number five (on the scheme, chain and globe level).

205. Trong phương diện này, hãy nhớ mối liên hệ của Sao Thủy với số năm (ở cấp độ hệ hành tinh, dãy và bầu hành tinh).

At individualisation, or at the coming into incarnation of the self-conscious units, the fifth principle linked the higher three and the lower four.

Vào lúc biệt ngã hóa, hay vào lúc các đơn vị ngã thức đi vào lâm phàm, nguyên khí thứ năm đã nối kết ba cao với bốn thấp.

206. Thus is He called "The great Connector" (EP I 77)

206. Vì thế Ngài được gọi là "Đấng Kết Nối vĩ đại" (EP I 77)

207. Mercury rules the connective antahkarana.

207. Sao Thủy cai quản antahkarana kết nối.

This took place in the third rootrace and produced a form wherein dwelt Spirit on the third subplane of the fifth plane.

Điều này đã diễn ra trong giống dân gốc thứ ba và tạo ra một hình tướng trong đó Tinh thần ngự trên cõi phụ thứ ba của cõi thứ năm.

208. We are speaking of the creation of the causal bodies of the newly formed human race (on the Earth-globe, presumably).

208. Chúng ta đang nói về việc tạo ra các thể nguyên nhân của nhân loại mới được hình thành (có lẽ trên bầu Địa Cầu).

All these analogies will bear pondering upon and the numerical relationship is not by chance.

Tất cả những sự tương đồng này đều đáng để suy ngẫm, và mối liên hệ số học ấy không phải là ngẫu nhiên.

209. We see the numbers *three* and *five* constantly repeated, and together.

209. Chúng ta thấy các con số *ba* và *năm* liên tục được lặp lại, và lại đi cùng nhau.

His was the power that acted via certain schemes, chains, and globes, and produced

Của Ngài là quyền năng đã tác động qua một số hệ hành tinh, dãy và bầu hành tinh nhất định, và tạo ra các kết quả trong các tế bào và các nhóm tế bào trong thân thể của

results in the cells and groups of cells in the body of our particular planetary Logos.

210. If this Logos were the Logos of Venus, can we see Him active in relation to chains, globes, cells and groups of cells in the body of the Logos of the Earth-scheme?

211. Can we see this Logos active in relation to other schemes? If Venus, was the Mars-scheme involved as it was *animal*-man that was stimulated?

212. Was Mercury involved, and, if so, would the Logos of Venus have the strength to bring about a stimulation in that older and still more occult planet?

213. As we are asking these questions, we have to have the Logoi of Saturn and Uranus in the back of our minds, because They, too, were stimulated by logoic kundalini and, in ways about which we are not yet clear, may have been involved in the individualization process in the Earth-scheme.

214. As we have been working with the thought that the Planetary Logos of the fifth ray may be Mercury, we must note that He, too, was very active at the time of human individualization.

This is given by way of elucidation, and by way of indicating the relative importance of the influence of a planetary Logos upon another planetary Logos during different stages of evolution.

215. When a given planetary Logos affects another Planetary Logos, does the affecting

Hành Tinh Thượng Đế đặc thù của chúng ta.

210. Nếu Thượng đế này là Thượng đế của Sao Kim, chúng ta có thể thấy Ngài hoạt động trong liên hệ với các dãy, các bầu hành tinh, các tế bào và các nhóm tế bào trong thân thể của Thượng đế của hệ Địa Cầu không?

211. Chúng ta có thể thấy Thượng đế này hoạt động trong liên hệ với các hệ hành tinh khác không? Nếu là Sao Kim, thì hệ Sao Hỏa có liên quan chăng vì chính *người*-thú đã được kích thích?

212. Sao Thủy có liên quan không, và nếu có, thì Thượng đế của Sao Kim có đủ sức mạnh để tạo ra một sự kích thích nơi hành tinh cổ xưa hơn và còn huyền bí hơn ấy không?

213. Khi đặt ra những câu hỏi này, chúng ta phải giữ trong hậu cảnh tâm trí mình các Thượng đế của Sao Thổ và Sao Thiên Vương, vì Các Ngài cũng đã được kích thích bởi kundalini logoic và, theo những cách mà chúng ta chưa rõ, có thể đã tham dự vào tiến trình biệt ngã hóa trong hệ Địa Cầu.

214. Vì chúng ta đã làm việc với ý tưởng rằng Hành Tinh Thượng Đế của cung năm có thể là Sao Thủy, nên chúng ta phải lưu ý rằng Ngài cũng rất hoạt động vào thời điểm biệt ngã hóa của nhân loại.

Điều này được đưa ra để làm sáng tỏ, và để chỉ ra tầm quan trọng tương đối của ảnh hưởng của một Hành Tinh Thượng Đế lên một Hành Tinh Thượng Đế khác trong những giai đoạn tiến hoá khác nhau.

215. Khi một Hành Tinh Thượng Đế nhất định tác động lên một Hành Tinh Thượng

Planetary Logos have to be superior to the affected Planetary Logos?

Đế khác, Hành Tinh Thượng Đế tác động có nhất thiết phải cao hơn Hành Tinh Thượng Đế bị tác động không?

216. Not necessarily. While the Planetary Logos of Venus affected the Earth-chain and particularly the Earth-globe in a powerful manner, the Logos of the Earth-scheme, in a reciprocal relationship with the Logos of Venus, affected an entire chain in the Venus-scheme.

216. Không nhất thiết. Trong khi Hành Tinh Thượng Đế của Sao Kim đã tác động mạnh mẽ lên Dãy Địa Cầu và đặc biệt là bầu Địa Cầu, thì Thượng đế của hệ Địa Cầu, trong một mối tương quan hỗ tương với Thượng đế của Sao Kim, đã tác động lên toàn bộ một dãy trong hệ Sao Kim.

217. Thus a Planetary Logos, like the Logos of Venus, *could* affect other Planetary Logoi Who, in terms of spiritual status, are the superior of the Logos of Venus.

217. Vì vậy một Hành Tinh Thượng Đế, như Thượng đế của Sao Kim, *có thể* tác động lên các Hành Tinh Thượng Đế khác, là những Đấng xét về địa vị tinh thần thì cao hơn Thượng đế của Sao Kim.

This influence has waxed and waned since that time, dying down during the fourth rootrace, and waxing steadily greater during this fifth or Aryan.

Ảnh hưởng này đã tăng rồi giảm kể từ thời đó, suy giảm trong giống dân gốc thứ tư, và tăng đều đặn hơn trong giống dân thứ năm hay Arya này.

218. We can understand how the fifth ray would have been more important in Lemurian and Aryan times than in the Atlantean period. The numerical resonances determine the degree of influence.

218. Chúng ta có thể hiểu vì sao cung năm lại quan trọng hơn trong thời Lemuria và Arya so với thời Atlantis. Các cộng hưởng số học quyết định mức độ ảnh hưởng.

219. If the Logos concerned were the Logos of Venus, we are well familiar with the role of Venus in the individualization process during middle Lemurian times. We also realize the importance of the growth of Venusian influence in the present Aryan race as the presence and potency of the fifth ray/second ray Solar Angels comes into increasing recognition.

219. Nếu Thượng đế liên hệ là Thượng đế của Sao Kim, thì chúng ta đã rất quen thuộc với vai trò của Sao Kim trong tiến trình biệt ngã hóa vào thời Lemuria trung kỳ. Chúng ta cũng nhận ra tầm quan trọng của sự gia tăng ảnh hưởng của Sao Kim trong nhân loại Arya hiện nay khi sự hiện diện và uy lực của các Thái dương Thiên Thần cung năm/cung hai ngày càng được nhận biết rõ hơn.

220. However, the potency of Mercury in the Aryan root race is not to be denied.

220. Tuy nhiên, uy lực của Sao Thủy trong giống dân gốc Arya không thể bị phủ nhận.

The planetary Logos Whose influence it is has not yet reached the zenith of His power, in this race.

221. If we are speaking of the Logos of Venus, this would make sense, for humanity has not taken its first initiation at which time the Venus-impelled Solar Angel emergences into increasing prominence.

222. By "this race" does DK mean the *fifth* root race? He could. Ahead in our fifth root race lies much opportunity for soul growth and expression. During this fifth root race, a number of those in the fourth kingdom (humanity) are preparing to enter the *fifth* kingdom—the Kingdom of Souls.

223. Of course, from another perspective, the Planetary Logos of Mercury has not yet reached the zenith of His power in relation to our present race.

For a period immediately ahead **His electrical energising force will pour on to our planet, and will bring about fresh discoveries anent matter and form, and fresh revelations concerning energy in matter.**

224. If we consider what is here said, Venus, because it is a fifth ray planet, *could* be indicated, however, the qualities of Uranus as an electrical planet and planet of discovery, especially relate to the "energy in matter" must also be held in mind.

225. The fifth ray nature of Uranus is not to be ignored.

Hành Tinh Thượng Đế mà ảnh hưởng này thuộc về vẫn chưa đạt đến đỉnh cao quyền năng của Ngài trong nhân loại này.

221. Nếu chúng ta đang nói về Thượng đế của Sao Kim, điều này sẽ hợp lý, vì nhân loại chưa trải qua lần điểm đạo thứ nhất, vào lúc đó Thái dương Thiên Thần do Sao Kim thúc đẩy sẽ xuất hiện ngày càng nổi bật hơn.

222. Bởi "nhân loại này", Chân sư DK có muốn nói đến giống dân gốc *thứ năm* không? Có thể. Phía trước trong giống dân gốc thứ năm của chúng ta còn rất nhiều cơ hội cho sự tăng trưởng và biểu hiện của linh hồn. Trong giống dân gốc thứ năm này, một số người trong giới thứ tư (nhân loại) đang chuẩn bị bước vào giới *thứ năm*—Thiên Giới của các linh hồn.

223. Dĩ nhiên, từ một góc nhìn khác, Hành Tinh Thượng Đế của Sao Thủy cũng chưa đạt đến đỉnh cao quyền năng của Ngài trong liên hệ với nhân loại hiện nay của chúng ta.

Trong một thời kỳ ngay phía trước **mãnh lực tiếp sinh lực điện lực của Ngài sẽ tuôn xuống hành tinh chúng ta, và sẽ đem lại những khám phá mới liên quan đến vật chất và hình tướng, cùng những mặc khải mới về năng lượng trong vật chất.**

224. Nếu xét điều được nói ở đây, Sao Kim, vì là một hành tinh cung năm, *có thể* được chỉ ra; tuy nhiên, các phẩm tính của Sao Thiên Vương như một hành tinh điện lực và hành tinh của khám phá, đặc biệt liên hệ đến "năng lượng trong vật chất", cũng phải được ghi nhớ.

225. Bản chất cung năm của Sao Thiên Vương không thể bị bỏ qua.

226. It may be that all planets have monadic sub-rays. Mercury, it would appear, has a fifth monadic sub-ray and a major monadic ray focussed upon the third ray. Could Uranus have a *fifth* monadic sub-ray (even though its major monadic ray is unquestionably the first)?

226. Có thể mọi hành tinh đều có các cung phụ chân thần. Dường như Sao Thủy có một cung phụ chân thần thứ năm và một cung chân thần chính tập trung vào cung ba. Liệu Sao Thiên Vương có thể có một cung phụ chân thần *thứ năm* không (dù cung chân thần chính của nó chắc chắn là cung một)?

227. If Uranus had a fifth monadic sub-ray, one could easily conceive Him as a Planetary Logos of the fifth ray. All this remains to be substantiated.

227. Nếu Sao Thiên Vương có một cung phụ chân thần thứ năm, người ta có thể dễ dàng hình dung Ngài như một Hành Tinh Thượng Đế của cung năm. Tất cả điều này vẫn còn cần được chứng thực.

228. Yet, in all this, the fifth ray nature of intelligent Mercury is ever to be held in mind.

228. Tuy vậy, trong tất cả điều này, bản chất cung năm của Sao Thủy thông tuệ luôn phải được ghi nhớ.

During the coming subraces His cycle will begin to pass out, and the influence of His Brother, the fourth Logos of Harmony, will reach its zenith for this round.

Trong các giống dân phụ sắp tới, chu kỳ của Ngài sẽ bắt đầu qua đi, và ảnh hưởng của Huynh Đệ của Ngài, Thượng đế thứ tư của Hài Hòa, sẽ đạt đến đỉnh cao trong cuộc tuần hoàn này.

229. When seeking to ascertain the Logos of the Fourth Ray, or Harmony, we have few choices. While the Moon is said to distribute the fourth ray, the Moon is not suitable in this context. Only Mercury fulfills the requirements.

229. Khi tìm cách xác định Thượng đế của Cung Bốn, hay Hài Hòa, chúng ta có rất ít lựa chọn. Dù Mặt Trăng được nói là phân phối cung bốn, Mặt Trăng không thích hợp trong bối cảnh này. Chỉ có Sao Thủy đáp ứng các yêu cầu.

230. Mercury is certainly related to Venus but also to Uranus, for Mercury is to be absorbed into Uranus during the synthesizing process. In relation to Venus, Mercury is considered the buddhic companion of the manas which Venus demonstrates. Their glyphs are similar but Mercury relates more to the Moon and the past (the crescent Moon atop the circle in the Mercury glyph) and so does Uranus (relate to the Moon and the past).

230. Sao Thủy chắc chắn có liên hệ với Sao Kim nhưng cũng với Sao Thiên Vương, vì Sao Thủy sẽ được hấp thu vào Sao Thiên Vương trong tiến trình tổng hợp. Trong liên hệ với Sao Kim, Sao Thủy được xem là người bạn đồng hành Bồ đề của manas mà Sao Kim biểu hiện. Các biểu tượng của chúng tương tự nhau nhưng Sao Thủy liên hệ nhiều hơn với Mặt Trăng và quá khứ (lưỡi liềm Mặt Trăng ở trên vòng tròn trong biểu tượng Sao Thủy), và Sao Thiên Vương cũng vậy (liên hệ với Mặt Trăng và quá khứ).

231. If Mercury is to be considered the "fourth Logos of Harmony", it will not do to consider Him as the *fifth* Logos (in this context).

231. Nếu Sao Thủy được xem là "Thượng đế thứ tư của Hài Hòa", thì sẽ không thể xem Ngài là Thượng đế *thứ năm* (trong bối cảnh này).

During the fifth round the power or electrical radiation of the fifth Logos will again be strongly felt, for it is His round, and just as He was largely responsible for the manasic stimulation of animal man in the third rootrace, so in [Page 435] the fifth round will he be instrumental in causing that great separation which we call the "Judgment."

Trong cuộc tuần hoàn thứ năm, **quyền năng hay bức xạ điện lực của Thượng đế thứ năm sẽ lại được cảm nhận mạnh mẽ,** vì đó là cuộc tuần hoàn của Ngài, và cũng như Ngài phần lớn chịu trách nhiệm cho sự kích thích manas của người thú trong giống dân gốc thứ ba, thì trong [Page 435] cuộc tuần hoàn thứ năm, y sẽ là tác nhân gây ra cuộc phân ly lớn mà chúng ta gọi là "Phán Xét".

232. It is clear that Master DK is not readily revealing the identity of the "fifth Logos".

232. Rõ ràng là Chân sư DK không dễ dàng tiết lộ căn tính của "Thượng đế thứ năm".

233. We can understand how the "fifth Logos" was involved in the manasic stimulation of animal man in the third root race. We can also prevision His involvement at the separative "Judgment Day", when the "Sheep" will be separated from the "Goats".

233. Chúng ta có thể hiểu cách "Thượng đế thứ năm" đã tham dự vào sự kích thích manas của người thú trong giống dân gốc thứ ba. Chúng ta cũng có thể hình dung trước sự tham dự của Ngài trong "Ngày Phán Xét" mang tính phân ly, khi "Chiên" sẽ được tách khỏi "Dê".

234. We know that Venus was active at individualization in Lemuria, but was Uranus as well. We remember the electrical implantation of the "spark of mind" and

234. Chúng ta biết rằng Sao Kim đã hoạt động trong sự biệt ngã hóa ở Lemuria, nhưng Sao Thiên Vương cũng vậy chăng. Chúng ta nhớ đến sự cấy ghép điện lực của

how destructive that turned out to be. We also remember the huge "electrical storms" (clearly a Uranian matter) which accompanied the process of individualization.

"tia lửa trí tuệ" và điều đó đã trở nên có tính hủy diệt như thế nào. Chúng ta cũng nhớ đến những "cơn bão điện lực" khổng lồ (rõ ràng là một vấn đề của Sao Thiên Vương) đã đi kèm tiến trình biệt ngã hóa.

235. Above we studied the "illuminating power of the fifth Logos". This factor of illumination correlates well with Venus. Does it correlated with Uranus? The blinding flash of light brings illumination of the darkness. This is Uranian.

235. Ở trên chúng ta đã nghiên cứu "quyền năng soi sáng của Thượng đế thứ năm". Yếu tố soi sáng này tương ứng rất tốt với Sao Kim. Nó có tương ứng với Sao Thiên Vương không? Tia chớp lòa sáng mang lại sự soi sáng cho bóng tối. Điều này thuộc về Sao Thiên Vương.

Remember in this connection that these Logoi—when pouring Their influence through a scheme or other septenary—work through Their numerical correspondence in the chains and globes.

Hãy nhớ trong mối liên hệ này rằng các Thượng đế này—khi tuôn ảnh hưởng của Các Ngài qua một hệ hành tinh hay một thất phân khác—thì hoạt động qua sự tương ứng số học của Các Ngài trong các dãy và các bầu hành tinh.

236. This is a fundamental principle and we have been working with it as we thread our way through the intricacy of the presented subjects.

236. Đây là một nguyên lý căn bản và chúng ta đã làm việc với nó khi lần theo con đường của mình qua sự phức tạp của các chủ đề được trình bày.

In the fifth round, for instance, the fifth chain (a centre in the body of the Heavenly Man) will be the recipient of this fifth type of force and will transmit and circulate it to the other chains via their fifth globe.

Chẳng hạn, trong cuộc tuần hoàn thứ năm, dãy thứ năm (một trung tâm trong thân thể của Đấng Thiên Nhân) sẽ là nơi tiếp nhận loại mãnh lực thứ năm này và sẽ truyền dẫn, lưu chuyển nó đến các dãy khác qua bầu hành tinh thứ năm của chúng.

237. We may be speaking of the fifth round of the fourth chain--the Earth-chain. If so, while the fifth round is progressing, the fifth chain will be stimulated.

237. Có thể chúng ta đang nói về cuộc tuần hoàn thứ năm của dãy thứ tư--Dãy Địa Cầu. Nếu vậy, trong khi cuộc tuần hoàn thứ năm đang diễn ra, dãy thứ năm sẽ được kích thích.

238. We might also be speaking of a *scheme* round, which would emphasize the fifth chain which stimulated (probably from the

238. Chúng ta cũng có thể đang nói về một cuộc tuần hoàn của *hệ hành tinh*, điều này sẽ nhấn mạnh rằng dãy thứ năm được kích

fifth scheme) would transmit it to other chains via their fifth globe.

thích (có lẽ từ hệ hành tinh thứ năm) sẽ truyền nó đến các dãy khác qua bầu hành tinh thứ năm của chúng.

239. The process described, by the way, goes to confirm again, the simultaneity of the chains.

239. Nhân tiện, tiến trình được mô tả lại một lần nữa xác nhận tính đồng thời của các dãy.

240. As well, there is confirmation that a chain is a center in a Heavenly Man.

240. Đồng thời, cũng có sự xác nhận rằng một dãy là một trung tâm trong một Đấng Thiên Nhân.

241. Simultaneously with our fifth round process in our fourth chain, fifth chain stimulation will be occurring and the transmitting of the fifth type of force to other chains (probably, most focally, in our Earth-scheme) via the fifth globe in these chains. Whether this transmission is at all extra-planetary (affecting schemes other than our own) we are not here told.

241. Đồng thời với tiến trình cuộc tuần hoàn thứ năm của chúng ta trong dãy thứ tư, sự kích thích dãy thứ năm sẽ xảy ra và việc truyền loại mãnh lực thứ năm đến các dãy khác (có lẽ tập trung nhất trong hệ Địa Cầu của chúng ta) qua bầu hành tinh thứ năm trong các dãy này. Liệu sự truyền dẫn này có mang tính ngoài hành tinh nào không (tác động đến các hệ hành tinh khác ngoài hệ của chúng ta) thì ở đây không được cho biết.

Until the race has further evolved the mystery lies securely hid,

Cho đến khi nhân loại tiến hoá thêm nữa, huyền nhiệm này vẫn được che giấu an toàn,

242. Our study of these difficult matters tends to confirm DK's statement.

242. Việc nghiên cứu những vấn đề khó khăn này của chúng ta có xu hướng xác nhận lời phát biểu của DK.

and the **inability of man to find out the enumeration of the schemes, chains, and globes, or to discover whether they are counted from within outwards, or vice versa, conceals that which must be hid.**

và **sự bất lực của con người trong việc tìm ra cách đánh số các hệ hành tinh, các dãy và các bầu hành tinh, hay khám phá xem chúng được đếm từ trong ra ngoài hay ngược lại, che giấu điều phải được che giấu.**

243. How does the blinding of the matter occur?

243. Sự che mờ vấn đề này diễn ra như thế nào?

a. We cannot detect the true enumeration of the schemes, chains and globes

a. Chúng ta không thể phát hiện cách đánh số thật sự của các hệ hành tinh, các dãy và các bầu hành tinh

b. We cannot tell whether they are to be counted from within outwards or from outwards within.

b. Chúng ta không thể biết liệu chúng phải được đếm từ trong ra ngoài hay từ ngoài vào trong.

c. Concerning the matter of “within” and “without”, we notice that the diagrams of certain chains (Chart VII) definitely display a “within” and a “without”. In these diagrams there are interior globes (larger) and exterior globes (smaller).

c. Liên quan đến vấn đề “bên trong” và “bên ngoài”, chúng ta nhận thấy rằng các sơ đồ của một số dãy nhất định (Biểu Đồ VII) rõ ràng cho thấy một “bên trong” và một “bên ngoài”. Trong các sơ đồ này có các bầu hành tinh nội tại (lớn hơn) và các bầu hành tinh ngoại vi (nhỏ hơn).

d. The same can be said of certain schemes (for instance, the Earth-scheme) seen on Chart VI, TCF 373.

d. Điều tương tự có thể nói về một số hệ hành tinh nhất định (chẳng hạn, hệ Địa Cầu) được thấy trong Biểu Đồ VI, TCF 373.

e. If we check the numbering of the schemes, chains and globes (especially in Chart VII) we find that there is no identifiable, systematic pattern of numbering. When looking at interior and exterior globes, the numbering does not proceed smoothly from interior to exterior or from exterior to interior.

e. Nếu chúng ta kiểm tra cách đánh số các hệ hành tinh, các dãy và các bầu hành tinh (đặc biệt trong Biểu Đồ VII), chúng ta thấy rằng không có mô hình đánh số có hệ thống nào có thể nhận diện được. Khi xem các bầu hành tinh nội tại và ngoại vi, việc đánh số không tiến hành trôi chảy từ trong ra ngoài hay từ ngoài vào trong.

f. When it comes to a number of the chains, there is no numbering at all, even if, as in the Mars-chain, the pattern of interior and exterior globes is clearly delineated.

f. Khi nói đến một số dãy, hoàn toàn không có đánh số nào cả, dù như trong Dãy Sao Hỏa, mô hình các bầu hành tinh nội tại và ngoại vi được phân định rõ ràng.

g. Clearly, in this matter, we are faced with our present limitations. The penetrative power of our mind is not adequate.

g. Rõ ràng, trong vấn đề này, chúng ta đang đối diện với những giới hạn hiện tại của mình. năng lực xuyên thấu của trí tuệ chúng ta không đủ.

The influence of this fifth Logos will be felt very considerably now on the fifth subplane of all the planes, specially in the three worlds of human endeavour, and as we are here dealing with man we can count from what is erroneously termed "the bottom up."

Ảnh hưởng của Thượng đế thứ năm này hiện nay sẽ được cảm nhận rất đáng kể trên cõi phụ thứ năm của mọi cõi, đặc biệt trong ba cõi thấp của nỗ lực nhân loại, và vì ở đây chúng ta đang bàn đến con người nên chúng ta có thể đếm từ điều bị gọi sai là “từ dưới lên trên”.

244. In counting from 'below' to 'above', we find ourselves focussing on the third plane or sub-plane.

244. Khi đếm từ 'dưới' lên 'trên', chúng ta thấy mình tập trung vào cõi hay cõi phụ thứ ba.

245. This fifth or third sub-plane, located amongst the higher three, suggests the influence of the soul factor, which expresses the fifth principle on the third sub-plane.

245. Cõi phụ thứ năm hay thứ ba này, nằm trong ba cõi cao, gợi ra ảnh hưởng của yếu tố linh hồn, vốn biểu hiện nguyên khí thứ năm trên cõi phụ thứ ba.

246. In the three worlds of human endeavor, therefore, the following sub-planes are involved:

246. Vì vậy, trong ba cõi thấp của nỗ lực nhân loại, các cõi phụ sau đây có liên quan:

a. The super-etheric sub-plane of the etheric-physical plane

a. Cõi phụ siêu dĩ thái của cõi hồng trần-dĩ thái

b. The third sub-plane (from the top) of the astral plane, through which plane the psychic faculty of clairvoyance is expressed.

b. Cõi phụ thứ ba (tính từ trên xuống) của cõi cảm dục, qua cõi này năng lực thông linh là thông nhãn được biểu hiện.

c. The third sub-plane (from the top) of the mental plane, and, thus, the lowest level of the higher mental plane, through which field the psychic faculty of "spiritual discernment" is expressed.

c. Cõi phụ thứ ba (tính từ trên xuống) của cõi trí, và như vậy là cấp thấp nhất của Cõi thượng trí, qua lĩnh vực này năng lực thông linh là "phân biện tinh thần" được biểu hiện.

Therefore, the mental unit of men in this fifth subrace will receive increased stimulation,

Vì vậy, đơn vị hạ trí của những người nam và nữ trong giống dân phụ thứ năm này sẽ nhận được sự kích thích gia tăng,

247. This is the case, although the mental unit of man is found upon the *fourth* sub-plane of the mental plane.

247. Đây là trường hợp như vậy, dù đơn vị hạ trí của con người được tìm thấy trên cõi phụ *thứ tư* của cõi trí.

248. The fifth subrace, however, pertains much to Mercury and Mercury is the particular ruler of the fourth sub-plane of the mental plane and of the mental unit.

248. Tuy nhiên, giống dân phụ thứ năm liên hệ rất nhiều với Sao Thủy, và Sao Thủy là chủ tinh đặc biệt của cõi phụ thứ tư của cõi trí và của đơn vị hạ trí.

enabling man to vibrate on the fifth subplane which literally is the third

giúp con người rung động trên cõi phụ thứ năm, vốn theo nghĩa đen là cõi phụ thứ ba

subplane on the abstract level of the mental plane, on which the causal body is found.

249. We are speaking of the manner in which the application of this fifth force assists man to penetrate into the causal body and gain increasing focus upon the higher mental plane.

250. Venus would certainly assist with this as would Uranus. The power of Mercury, as well, is not to be denied.

251. It can be hypothesized that Saturn rules the four lower sub-planes of the mental plane, and that Venus or Uranus the higher three sub-planes.

252. Mercury, as well, will have a close connection with the highest of the sub-planes of the mental plane, the plane, per se, of abstract mind.

The fifth spirilla will, consequently, become active and the electrical force, or the fohatic current, will pour through it, and enable those men who are at the right stage to utilise this force in order to take the first initiation.

253. What contributes to the possibility of taking the first initiation (which signals the entry into the fifth kingdom)?

a. Electrical force

b. Fohatic current

c. The stimulation of the fifth spirilla

As this fifth influence becomes more and more felt, its effects will be seen on the astral

trên cấp độ trí trừu tượng của cõi trí, nơi thể nguyên nhân được tìm thấy.

249. Chúng ta đang nói về cách thức mà việc áp dụng mãnh lực thứ năm này giúp con người thâm nhập vào thể nguyên nhân và đạt được sự tập trung ngày càng lớn trên Cõi thượng trí.

250. Sao Kim chắc chắn sẽ hỗ trợ điều này, và Sao Thiên Vương cũng vậy. Quyền năng của Sao Thủy cũng không thể bị phủ nhận.

251. Có thể giả thuyết rằng Sao Thổ cai quản bốn cõi phụ thấp của cõi trí, còn Sao Kim hay Sao Thiên Vương cai quản ba cõi phụ cao hơn.

252. Sao Thủy cũng sẽ có một liên hệ chặt chẽ với cõi phụ cao nhất của cõi trí, tức chính cõi, per se, của trí trừu tượng.

Loa tuyến thứ năm do đó sẽ trở nên hoạt động, và mãnh lực điện lực, hay dòng fohat, sẽ tuôn qua nó, và giúp những người đang ở đúng giai đoạn sử dụng mãnh lực này để đạt lần điểm đạo thứ nhất.

253. Điều gì góp phần vào khả năng đạt lần điểm đạo thứ nhất (đánh dấu sự bước vào giới thứ năm)?

a. Mãnh lực điện lực

b. Dòng fohat

c. Sự kích thích loa tuyến thứ năm

Khi ảnh hưởng thứ năm này ngày càng được cảm nhận nhiều hơn, các hiệu quả của nó sẽ

plane in an intelligent conscious control which will be based not so much on the desire for harmony as on a desire for a scientific, intelligent manipulation of astral matter. When this is the case, the higher psychism will begin to make itself felt.

được thấy trên cõi cảm dục **trong một sự kiểm soát hữu thức thông tuệ, sẽ dựa không nhiều vào khát vọng hài hòa cho bằng vào khát vọng thao tác một cách khoa học và thông tuệ đối với vật chất cảm dục.** Khi điều này xảy ra, thông linh cao hơn sẽ bắt đầu biểu lộ ảnh hưởng của nó.

254. In a very clear way we see here the contrast between the energies of the fourth and fifth sub-planes of the astral plane (the fifth being the third from above and the fifth from below).

254. Ở đây chúng ta thấy rất rõ sự tương phản giữa các năng lượng của cõi phụ thứ tư và thứ năm của cõi cảm dục (cõi phụ thứ năm là thứ ba từ trên xuống và thứ năm từ dưới lên).

255. The energy of the fourth sub-plane is clearly given as "desire for harmony".

255. Năng lượng của cõi phụ thứ tư được nêu rõ là "khát vọng hài hòa".

256. The energy of the fifth sub-plane (the third from above) is given as a "desire for scientific intelligent manipulation of astral matter".

256. Năng lượng của cõi phụ thứ năm (thứ ba từ trên xuống) được nêu là "khát vọng thao tác một cách khoa học và thông tuệ đối với vật chất cảm dục".

257. The higher psychism, we see, is that which is resonantly stimulated from the lowest level of the causal body—the third sub-plane of the mental plane in relation to the third sub-plane (from above) of the astral.

257. Chúng ta thấy rằng thông linh cao hơn là điều được kích thích cộng hưởng từ cấp thấp nhất của thể nguyên nhân—cõi phụ thứ ba của cõi trí trong liên hệ với cõi phụ thứ ba (từ trên xuống) của cõi cảm dục.

258. If we wish to know where (in relation to the astral plane) higher psychism begins, it is on the fifth or third sub-plane of the astral plane.

258. Nếu chúng ta muốn biết thông linh cao hơn bắt đầu ở đâu (trong liên hệ với cõi cảm dục), thì đó là ở cõi phụ thứ năm hay thứ ba của cõi cảm dục.

On the physical plane a great deal of interesting electrical phenomena will be seen, and the opportunity of the [Page 436] Manu to separate races, to segregate types, and to submerge and detach continents will be great.

Trên cõi hồng trần sẽ thấy rất nhiều hiện tượng điện lực lý thú, và cơ hội của [Page 436] Đức Manu để phân tách các giống dân, phân ly các loại hình, và làm chìm cũng như tách rời các lục địa sẽ rất lớn.

259. The electrical phenomena are those correlated to the super-etheric sub-plane

and not with the fourth or etheric sub-plane.

259. Các hiện tượng điện lực là những hiện tượng tương ứng với cõi phụ siêu dĩ thái chứ không phải với cõi phụ thứ tư hay cõi dĩ thái.

260. All the processes listed above are related to the number five:

260. Tất cả các tiến trình được liệt kê ở trên đều liên hệ với số năm:

a. Separation

a. Sự phân tách

b. Segregation

b. Sự phân ly

261. The fifth ray is associated with the "Law of Cleavage" or the "Law of Cleavages" (cf. EP I 376)

261. Cung năm gắn với "Định luật Phân Cắt" hay "Định luật của các Sự Phân Cắt" (x. EP I 376)

262. It would seem that the submergence of continents is related to the detachment of continents or portions of them.

262. Dường như việc làm chìm các lục địa có liên hệ với sự tách rời các lục địa hay các phần của chúng.

263. We remember the close relation of the fifth ray to the first ray which the Manu wields. He also must work in a most scientific manner with certain mantrams to see this accomplished.

263. Chúng ta nhớ mối liên hệ chặt chẽ của cung năm với cung một mà Đức Manu sử dụng. Ngài cũng phải làm việc một cách hết sức khoa học với một số mantram nhất định để hoàn thành điều này.

264. This kind of process does not sound Venusian, but more Vulcanian.

264. Loại tiến trình này không có vẻ thuộc Sao Kim, mà giống Vulcan hơn.

265. Uranus, too, is a planet much related to the principle of cleavage.

265. Sao Thiên Vương cũng là một hành tinh liên hệ rất nhiều với nguyên khí phân cắt.

This is the ray of separative force, and its place, as a factor in the erection and destruction of forms, is very interesting.

Đây là cung của mãnh lực phân ly, và vị trí của nó, như một yếu tố trong việc dựng lập và phá hủy các hình tướng, là điều rất lý thú.

266. Although the fifth ray is prominent in the planet Venus, as its soul ray, Venus is, above all, a *magnetic* planet powerfully related to the second ray.

266. Dù cung năm nổi bật trong hành tinh Sao Kim như cung linh hồn của nó, nhưng trên hết Sao Kim là một hành tinh *từ tính* gắn bó mạnh mẽ với cung hai.

267. It must be stated, however, that loving something tends to separate the lover from that which is not loved—hence the repulsive aspect of the Law of Attraction and Repulsion.

267. Tuy nhiên, phải nói rằng yêu một điều gì đó có khuynh hướng tách người yêu ra khỏi điều không được yêu—do đó có phương diện đẩy lùi của Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi.

268. Uranus, however, would fit well into this process of erection and destruction of forms.

268. Tuy nhiên, Sao Thiên Vương sẽ rất phù hợp với tiến trình dựng lập và phá hủy các hình tướng này.

269. In the submergence of continents, Uranian earthquakes do play their role.

269. Trong việc làm chìm các lục địa, các trận động đất kiểu Sao Thiên Vương quả có đóng vai trò của chúng.

It may be asked wherein this can all be interpreted in terms of fire, and thus the integrity of the thought-form of this book be preserved.

Người ta có thể hỏi điều này có thể được diễn giải như thế nào theo thuật ngữ của lửa, để nhờ đó tính toàn vẹn của hình tư tưởng của cuốn sách này được bảo tồn.

270. This book is about *fire,* and all phenomena described must a length seen in terms of this fundamental factor.

270. Cuốn sách này nói về *lửa,* và mọi hiện tượng được mô tả rốt cuộc đều phải được nhìn theo thuật ngữ của yếu tố căn bản này.

Whenever the words influence, radiation, or the power of a ray, are used, we are dealing inferentially with electrical phenomena, or with energy of some kind.

Bất cứ khi nào các từ ảnh hưởng, bức xạ, hay quyền năng của một cung được dùng, thì theo suy luận chúng ta đang bàn đến các hiện tượng điện lực, hay một loại năng lượng nào đó.

271. Electrical phenomena and energy are signaled through the use of the following concepts:

271. Các hiện tượng điện lực và năng lượng được báo hiệu qua việc sử dụng các khái niệm sau:

a. Influence

a. Ảnh hưởng

b. Radiation

b. Bức xạ

c. The power of a ray.

c. Quyền năng của một cung.

This energy, or electrical manifestation, this "mystery of electricity" to which H. P. B. refers [50: S. D., I, 107] is the foundation of

Năng lượng này, hay biểu hiện điện lực này, “huyền nhiệm của điện lực” mà H. P. B. nhắc

all manifestations, and lies back of all evolution.

đến [50: S. D., I, 107] là nền tảng của mọi biểu hiện, và nằm phía sau mọi tiến hoá.

272. The whole subject of electricity is intimately related to the fifth ray (and, in a way, to the third and first). Fundamentally, as well, there would be no electricity if not for duality. The second ray, as well, is also involved in the phenomenon of electricity.

272. Toàn bộ chủ đề điện lực có liên hệ mật thiết với cung năm (và theo một cách nào đó, với cung ba và cung một). Về căn bản, cũng sẽ không có điện lực nếu không có nhị nguyên tính. Cung hai cũng có liên quan đến hiện tượng điện lực.

273. Electrical manifestation is foundational to the appearance and evolution of that which exists.

273. Biểu hiện điện lực là nền tảng cho sự xuất hiện và tiến hoá của mọi điều đang hiện hữu.

274. The "mystery of electricity" is the great Mystery to be solved in the study of occultism.

274. "Huyền nhiệm của điện lực" là Đại Huyền Nhiệm cần được giải quyết trong việc nghiên cứu huyền bí học.

275. In this regard we remember that Uranus is the 'Planet of Occultism' and is also the 'Planet of Electricity'. It is a far more *electric* planet than Venus.

275. Về phương diện này, chúng ta nhớ rằng Sao Thiên Vương là 'Hành Tinh của Huyền Bí Học' và cũng là 'Hành Tinh của Điện Lực'. Nó là một hành tinh *điện lực* hơn Sao Kim rất nhiều.

276. We remember that we are seeking to understand (in the presence of many occult blinds) *which* may be the Logos of the Fifth Ray as that Logos is described in the foregoing passages.

276. Chúng ta nhớ rằng mình đang tìm cách thấu hiểu (trong sự hiện diện của nhiều màn che huyền bí) *đâu* có thể là Thượng đế của Cung Năm như Thượng đế ấy được mô tả trong các đoạn trên.

277. A Planetary Logos may have a strong fifth ray component and yet not be designated as the Logos of the Fifth Ray (in the terms used by DK).

277. Một Hành Tinh Thượng Đế có thể có một thành phần cung năm mạnh mà vẫn không được chỉ định là Thượng đế của Cung Năm (theo cách dùng của DK).

278. In the section below we are given some idea of the vast importance of electricity or electrical manifestation.

278. Trong phần dưới đây, chúng ta được cho một vài ý niệm về tầm quan trọng bao la của điện lực hay biểu hiện điện lực.

It produces light in ever-growing brilliancy;

Nó tạo ra ánh sáng với độ rực rỡ ngày càng tăng;

279. It is related to the generation of light.

279. Nó có liên hệ với việc phát sinh ánh sáng.

it builds and moulds the form to the need of the indwelling Entity;

nó xây dựng và nắn đúc hình tướng theo nhu cầu của Thực Thể ngự bên trong;

280. It is related to the form-building process. This aspect of electrical phenomena correlates with the seventh and second rays.

280. Nó có liên hệ với tiến trình xây dựng hình tướng. Phương diện này của các hiện tượng điện lực tương ứng với cung bảy và cung hai.

it brings about coherence and group activity;

nó mang lại sự cố kết và hoạt động nhóm;

281. It has its second ray demonstration.

281. Nó có sự biểu hiện cung hai của mình.

it is the warmth that causes all growth, and that fosters not only the manifestations of the vegetable and animal kingdoms but induces interaction between the human units, and lies behind all human relationships.

đó là sự ấm áp gây ra mọi tăng trưởng, và nuôi dưỡng không chỉ các biểu hiện của giới thực vật và giới động vật mà còn tạo ra sự tương tác giữa các đơn vị nhân loại, và nằm sau mọi mối quan hệ nhân loại.

282. We could see this process as electricity manifesting as the warmth of solar fire.

282. Chúng ta có thể thấy tiến trình này như điện biểu hiện thành sự ấm áp của Lửa Thái dương.

283. In speaking of human relationships we frequently speak of “electricity between people”.

283. Khi nói về các mối quan hệ nhân loại, chúng ta thường nói đến “điện giữa con người với nhau”.

284. It is also internal heat or latent fire.

284. Nó cũng là nhiệt nội tại hay lửa tiềm ẩn.

It is magnetism, radiation, attraction and repulsion, life, death, and all things;

Nó là từ điện, bức xạ, hấp dẫn và đẩy lui, sự sống, cái chết, và mọi sự;

285. Electricity or electrical phenomena are ubiquitous. Nothing that occurs can occur independently of electrical demonstration.

285. Điện hay các hiện tượng điện hiện diện khắp nơi. Không điều gì xảy ra có thể xảy ra độc lập với sự biểu hiện điện.

286. In the statement immediately above we see particularly the first and second ray expressions of electricity.

286. Trong phát biểu ngay trên, chúng ta đặc biệt thấy các biểu hiện cung một và cung hai của điện.

287. The great Pairs of Opposites are seen as that which produces coherence and that which produces the destruction of coherence.

287. Các Cặp Đối Cực lớn được thấy như điều tạo ra sự kết dính và điều tạo ra sự phá hủy sự kết dính.

it is conscious purpose and essential will in objective manifestation, and he who has solved what lies back of electrical phenomena has solved not only the secret of his own Being,

đó là mục đích có ý thức và ý chí cốt yếu trong biểu hiện khách quan, và **y là người đã giải được điều nằm sau các hiện tượng điện** thì không chỉ đã giải được bí mật của chính Bản Thể mình,

288. Here DK relates electrical phenomena to will and manifestation.

288. Ở đây Chân sư DK liên hệ các hiện tượng điện với ý chí và sự biểu hiện.

289. The very secret of Being is related to electricity and is revealed to the one who "has solved what lies back of electrical phenomena".

289. Chính bí mật của Bản Thể có liên hệ với điện và được mặc khải cho người "đã giải được điều nằm sau các hiện tượng điện".

290. We may presume that that "which lies back of electrical phenomena" is the "mystery of electricity".

290. Chúng ta có thể giả định rằng điều "nằm sau các hiện tượng điện" là "bí nhiệm của điện".

291. Perhaps we can think of this as the mystery of the Trinity or of the One Who is the Three.

291. Có lẽ chúng ta có thể nghĩ về điều này như bí nhiệm của Tam Vị hay của Đấng là Ba.

but knows his place within his greater sphere, a planetary Logos, is conscious of the Identity of that cosmic Existence we call a solar Logos, and realises somewhat the place of our system and its electrical relationship with the seven constellations.

mà còn biết vị trí của mình trong khối cầu lớn hơn của mình, một Hành Tinh Thượng Đế, có ý thức về Bản Sắc của Sự Tồn Tại vũ trụ mà chúng ta gọi là một Thái dương Thượng đế, và chứng nghiệm phần nào vị trí của hệ chúng ta cùng mối quan hệ điện của nó với bảy chòm sao.

292. The one solving that which lies back of electrical phenomena knows his place within

a. His Planetary Logos

b. His Solar Logos

c. His Cosmic Logos? (not mentioned)

d. Within the One About Whom Naught May Be Said, which is Being manifesting through the "seven constellations". A Cosmic Logos manifests through seven Solar Logoi.

293. So, then, before taking up the sixth ray, have we come closer to determining whether this Fifth Logos is Venus or Uranus (*or* Mercury). Although Saturn is an important synthesizer, there is no fifth ray in Saturn's make up, whereas in the case of both Venus and Uranus there definitely is.

294. The most problematic statement in determining His planetary association is the following statement:

His is the synthesising scheme for the five schemes of the five Kumaras Who are Brahma, when viewed as the sum total of the third logoic aspect, though He is not the synthesising factor for **the seven schemes which are the sum total of logoic manifestation considered as the union of the second and third aspects.** This is a point of prime importance to bear in mind.

295. This is simply not easy to solve.

292. Người giải được điều nằm sau các hiện tượng điện biết vị trí của mình trong

a. Hành Tinh Thượng Đế của mình

b. Thái dương Thượng đế của mình

c. Thượng đế Vũ Trụ của mình? (không được nhắc đến)

d. Trong Đấng Bất Khả Tư Nghị, là Bản Thể biểu hiện qua "bảy chòm sao". Một Thượng đế Vũ Trụ biểu hiện qua bảy Thái dương Thượng đế.

293. Vậy thì, trước khi bàn đến cung sáu, liệu chúng ta đã tiến gần hơn đến việc xác định xem Thượng đế thứ Năm này là Sao Kim hay Sao Thiên Vương (*hay* Sao Thủy) chưa? Mặc dù Sao Thổ là một đấng tổng hợp quan trọng, không có cung năm nào trong cấu tạo của Sao Thổ, trong khi ở cả Sao Kim lẫn Sao Thiên Vương thì chắc chắn có.

294. Phát biểu gây khó khăn nhất trong việc xác định sự liên hệ hành tinh của Ngài là phát biểu sau đây:

Ngài là hệ hành tinh tổnghợphóa cho năm hệ hành tinh của năm Đấng Kumara là Brahma, khi được nhìn như tổng thể của phương diện thượng đế thứ ba, mặc dù Ngài không phải là nhân tố tổng hợp cho **bảy hệ hành tinh là tổng thể của biểu hiện thượng đế khi được xét như sự hợp nhất của phương diện thứ hai và thứ ba.** Đây là một điểm tối quan trọng cần ghi nhớ.

295. Điều này đơn giản là không dễ giải.

296. In one way, Saturn (not a fifth ray planet) is the synthesizing scheme "for the five schemes of the five Kumaras Who are Brahma".

296. Theo một cách nào đó, Sao Thổ (không phải là một hành tinh cung năm) là hệ hành tinh tổng hợp "cho năm hệ hành tinh của năm Đấng Kumara là Brahma".

297. If we look within what we have called 'greater Saturn' we will find seven schemes, once of which is 'central Saturn'. Among those planetary schemes are those which represent the third aspect and those, like Venus and Jupiter, which represent the second aspect. Thus, within 'greater Saturn' we find a union of the second and third aspects.

297. Nếu chúng ta nhìn vào bên trong điều mà chúng ta gọi là 'Sao Thổ lớn hơn', chúng ta sẽ thấy bảy hệ hành tinh, một trong số đó là 'Sao Thổ trung tâm'. Trong các hệ hành tinh ấy có những hệ biểu hiện phương diện thứ ba và những hệ, như Sao Kim và Sao Mộc, biểu hiện phương diện thứ hai. Vì vậy, trong 'Sao Thổ lớn hơn', chúng ta thấy một sự hợp nhất của phương diện thứ hai và thứ ba.

298. We have laboured from a number of perspectives to determine the five *schemes* which are Brahma. It is no problem to determine the five *rays* which are Brahma, but the brahmic rays do not easily correlate with the *usually mentioned* brahmic schemes (because two planets providing brahmic rays are synthesizing planets higher than Saturn—the major brahmic synthesizer).

298. Chúng ta đã nỗ lực từ nhiều góc độ để xác định năm *hệ hành tinh* là Brahma. Không khó để xác định năm *cung* là Brahma, nhưng các cung brahma không dễ tương ứng với các hệ hành tinh *thường được nhắc đến* brahma (bởi vì hai hành tinh cung cấp các cung brahma là những hành tinh tổng hợp cao hơn Sao Thổ—đấng tổng hợp brahma chính yếu).

299. Venus, can only synthesize Earth, Mars, and Pluto—not Mercury. It is also not conceivable that it could synthesize either Vulcan or Jupiter (both planets, essentially, of a higher essential spiritual status than Venus).

299. Sao Kim chỉ có thể tổng hợp Trái Đất, Sao Hỏa và Sao Diêm Vương—không phải Sao Thủy. Cũng không thể hình dung rằng nó có thể tổng hợp cả Vulcan lẫn Sao Mộc (cả hai hành tinh này, về bản chất, đều có địa vị tinh thần cốt yếu cao hơn Sao Kim).

300. Venus, though so involved in fifth ray matters, does not seem like an ideal planet to fit into the synthesizing role here described.

300. Sao Kim, dù liên hệ sâu xa đến các vấn đề cung năm, dường như không phải là một hành tinh lý tưởng để phù hợp với vai trò tổng hợp được mô tả ở đây.

301. Saturn, an important synthesizer is not a fifth ray planet.

301. Sao Thổ, một đấng tổng hợp quan trọng, không phải là một hành tinh cung năm.

302. Uranus is a possibility, but in what way does it synthesize *five* schemes which are Brahma? In a way, it would seem necessary for Uranus to synthesize 'greater Saturn', as long as 'greater Saturn' (when synthesized by Uranus) did not contain Venus!

302. Sao Thiên Vương là một khả năng, nhưng bằng cách nào nó tổng hợp *năm* hệ hành tinh là Brahma? Theo một cách nào đó, dường như cần thiết để Sao Thiên Vương tổng hợp 'Sao Thổ lớn hơn', miễn là 'Sao Thổ lớn hơn' (khi được Sao Thiên Vương tổng hợp) không chứa Sao Kim!

303. Mercury (with its hypothesized sub-monadic ray) could synthesize a number of the brahmic schemes (Pluto, Mars, Earth), but we would be hard pressed to see it synthesizing Venus (as Venus is now more rapidly entering obscuration that Mercury), nor is it conceivable to think of Mercury synthesizing Vulcan and Jupiter—Jupiter is too 'big', too great, and Vulcan represents the seven logoic head centers while Mercury, hypothetically, represents the logoic ajna center. Yet, perhaps there are *unnamed brahmic schemes* (veiled, for instance, by the Sun and Moon) which could be synthesized into Mercury. We will think about this.

303. Sao Thủy (với cung phụ chân thần được giả thuyết của nó) có thể tổng hợp một số hệ hành tinh brahma (Sao Diêm Vương, Sao Hỏa, Trái Đất), nhưng thật khó để thấy nó tổng hợp Sao Kim (vì Sao Kim hiện đang đi vào sự che khuất nhanh hơn Sao Thủy), cũng không thể hình dung Sao Thủy tổng hợp Vulcan và Sao Mộc—Sao Mộc quá 'lớn', quá vĩ đại, và Vulcan biểu hiện bảy trung tâm đầu thượng đế trong khi Sao Thủy, theo giả thuyết, biểu hiện trung tâm ajna thượng đế. Tuy vậy, có lẽ có những trung tâm đầu thượng đế*hệ hành tinh brahma vô danh* (chẳng hạn được Mặt Trời và Mặt Trăng che giấu) có thể được tổng hợp vào Sao Thủy. Chúng ta sẽ suy nghĩ về điều này.

304. Some of the mystery may hinge on the relationship between 'central Saturn' (in the midst of the six, in Chart VI, TCF 373) and 'greater Saturn' Who seems to embrace the seven, including 'central Saturn'.

304. Một phần bí nhiệm có thể tùy thuộc vào mối quan hệ giữa 'Sao Thổ trung tâm' (ở giữa sáu, trong Biểu đồ VI, TCF 373) và 'Sao Thổ lớn hơn', Đấng dường như bao trùm cả bảy, kể cả 'Sao Thổ trung tâm'.

305. If there is a 'central Saturn' distinct from a 'greater Saturn', do these two absorb *different planets*?

305. Nếu có một 'Sao Thổ trung tâm' phân biệt với một 'Sao Thổ lớn hơn', thì hai vị này có hấp thu *những hành tinh khác nhau* không?

306. Could 'greater Saturn' absorb Mars, Earth, Vulcan, Jupiter *and* 'central Saturn'? We could also count Pluto into this absorption.

306. Liệu 'Sao Thổ lớn hơn' có thể hấp thu Sao Hỏa, Trái Đất, Vulcan, Sao Mộc *và* 'Sao Thổ trung tâm' không? Chúng ta cũng có thể tính cả Sao Diêm Vương vào sự hấp thu này.

307. Venus would then be left free to pursue its way to Neptune.

307. Khi đó Sao Kim sẽ được tự do tiếp tục con đường của nó đến Sao Hải Vương.

308. But what of Mercury, destined for absorption into Uranus? Is not Mercury potently manasic and Jupiter potently buddhic?

308. Nhưng còn Sao Thủy, được định mệnh để được hấp thu vào Sao Thiên Vương thì sao? Chẳng phải Sao Thủy có tính manas mạnh mẽ và Sao Mộc có tính Bồ đề mạnh mẽ sao?

309. Is it possible that Jupiter, too, would be absorbed by Neptune? There is nothing to indicate this except *quality*—for between Venus, Jupiter and Neptune, there is one great quality in common—notably the second ray.

309. Có thể nào Sao Mộc cũng sẽ được hấp thu bởi Sao Hải Vương? Không có gì chỉ ra điều này ngoại trừ *phẩm tính*—vì giữa Sao Kim, Sao Mộc và Sao Hải Vương, có một phẩm tính lớn chung—đặc biệt là cung hai.

310. Give the proposed ray structures of Jupiter, there is no manasic content; rather there is buddhic content and (if Jupiter is conceived as having a seventh ray/first ray Monad, then *will* or atmic content).

310. Với các cấu trúc cung được đề xuất của Sao Mộc, không có nội dung manas; đúng hơn là có nội dung Bồ đề và (nếu Sao Mộc được quan niệm là có chân thần cung bảy/cung một, thì có nội dung *ý chí* hay atma).

311. On its way to being absorbed by Uranus, is Mercury first absorbed by Saturn —perhaps by 'central Saturn'?

311. Trên đường được hấp thu bởi Sao Thiên Vương, liệu Sao Thủy trước hết có được hấp thu bởi Sao Thổ—có lẽ bởi 'Sao Thổ trung tâm' không?

312. If so, then 'central Saturn' would absorb Mars, Earth, Vulcan, and Mercury (and Pluto?—not mentioned in the charts), and Uranus would be that one of the higher synthesizers, which would absorb 'central Saturn' (along with the planets 'central Saturn' had absorbed—Mars, Earth, Vulcan and Mercury). Uranus could also absorb 'greater Saturn' if it were divested of the buddhic planet or planets which were destined for absorption into Neptune.

312. Nếu vậy, thì 'Sao Thổ trung tâm' sẽ hấp thu Sao Hỏa, Trái Đất, Vulcan và Sao Thủy (và Sao Diêm Vương?—không được nhắc trong các biểu đồ), và Sao Thiên Vương sẽ là một trong những đấng tổng hợp cao hơn, đấng sẽ hấp thu 'Sao Thổ trung tâm' (cùng với các hành tinh mà 'Sao Thổ trung tâm' đã hấp thu—Sao Hỏa, Trái Đất, Vulcan và Sao Thủy). Sao Thiên Vương cũng có thể hấp thu 'Sao Thổ lớn hơn' nếu nó được tách khỏi hành tinh hay các hành tinh Bồ đề vốn được định để hấp thu vào Sao Hải Vương.

313. Dĩ nhiên, phải xử lý Sao Diêm Vương theo cách nào đó (không được liệt kê trong

313. Something must be done with Pluto, of course (not listed on Chart VI) and Pluto can be considered, essentially, a *manasic* planet.

Biểu đồ VI) và Sao Diêm Vương có thể được xem, về bản chất, là một hành tinh *manas*.

314. Pausing to assess our progress in deciphering this mystery, there seems to be a Saturn related to *five* and a Saturn related to *seven.*

314. Tạm dừng để đánh giá tiến bộ của chúng ta trong việc giải mã bí nhiệm này, dường như có một Sao Thổ liên hệ với *năm* và một Sao Thổ liên hệ với *bảy.*

315. The question of what we might call 'direct absorption' contrasted with 'mediated or delayed absorption' also figures into the problem.

315. Vấn đề về điều mà chúng ta có thể gọi là 'hấp thu trực tiếp' đối lập với 'hấp thu trung gian hay trì hoãn' cũng góp phần vào bài toán này.

316. The intricacy is staggering and DK warned us that we would not be able to solve the matter.

316. Sự phức tạp này thật choáng ngợp và Chân sư DK đã cảnh báo chúng ta rằng chúng ta sẽ không thể giải được vấn đề này.

317. If we were to look *among the known planets* for planets with a definitely manasic component we would have:

317. Nếu chúng ta nhìn *trong số các hành tinh đã biết* để tìm các hành tinh có một thành phần manas rõ rệt, chúng ta sẽ có:

a. Pluto—hypothesized R3. Monad

a. Sao Diêm Vương—chân thần cung ba được giả thuyết

b. Mars—hypothesized R5. (sub-monadic ray)

b. Sao Hỏa—cung năm được giả thuyết. (cung phụ chân thần)

c. Earth—definite R3. personality

c. Trái Đất—phàm ngã cung ba xác định.

d. Mercury—hypothesized R3. personality, R5. sub-monadic ray, R3. major monadic ray

d. Sao Thủy—phàm ngã cung ba được giả thuyết, cung phụ chân thần cung năm, cung chân thần chính yếu cung ba

e. Saturn—hypothesized R3. soul (though perhaps it is R1) and definite R3. Monad.

e. Sao Thổ—linh hồn cung ba được giả thuyết (dù có lẽ là cung một) và chân thần cung ba xác định.

318. Venus with its fifth ray soul has been left out of the enumeration, but could be included if it is possible to be absorbed into

318. Sao Kim với linh hồn cung năm của nó đã bị bỏ ra khỏi sự liệt kê, nhưng có thể được bao gồm nếu có thể được hấp thu vào Sao Thổ (Sao Thổ nào?) rồi sau đó, theo cách nào

Saturn (which Saturn?) and then, in some manner 'extruded' and delivered to Neptune.

319. Uranus, with its likely R3. personality and proposed R5. sub-monadic ray, could be the synthesizer for the five schemes of the Five Kumaras Who are Brahma. There is a close relation between Saturn and Uranus—Uranus is the Father of Saturn! When speaking of Saturn here, we may be speaking of 'central Saturn'. Still, for all its fifth ray content, it is hard to conceive of Uranus as the Logos of the Fifth Ray; He is far more identified with the seventh and the first ray.

320. As for absorbing the other two planets related to Saturn, it may be that 'greater Saturn' absorbs them—i.e., Jupiter, Vulcan. As for Venus, does it go *directly* to Neptune, and does Jupiter (even if absorbed by 'greater Saturn') somehow find its way to Neptune (before 'greater Saturn' would be absorbed into Uranus) as would Venus?

321. Are planets and groups of planets once absorbed, again *separable* as the final absorption into the two remaining synthesizing planets is prepared?

322. Speculating reasonably about absorption patterns depends much on which planet (of Uranus and Neptune) we consider to be the *final* absorber.

323. We know that, as for any final absorption into Uranus

đó, được 'đẩy ra' và chuyển đến Sao Hải Vương.

319. Sao Thiên Vương, với phàm ngã cung ba có khả năng của nó và cung phụ chân thần cung năm được đề xuất, có thể là đấng tổng hợp cho năm hệ hành tinh của Năm Đấng Kumara là Brahma. Có một mối liên hệ gần gũi giữa Sao Thổ và Sao Thiên Vương—Sao Thiên Vương là Cha của Sao Thổ! Khi nói về Sao Thổ ở đây, có thể chúng ta đang nói về 'Sao Thổ trung tâm'. Tuy nhiên, dù có toàn bộ nội dung cung năm ấy, thật khó hình dung Sao Thiên Vương là Thượng đế của Cung năm; Ngài được đồng hoá với cung bảy và cung một nhiều hơn hẳn.

320. Còn về việc hấp thu hai hành tinh kia liên hệ với Sao Thổ, có thể 'Sao Thổ lớn hơn' hấp thu chúng—tức là, Sao Mộc, Vulcan. Còn về Sao Kim, liệu nó có đi *trực tiếp* đến Sao Hải Vương không, và liệu Sao Mộc (ngay cả nếu được hấp thu bởi 'Sao Thổ lớn hơn') bằng cách nào đó có tìm được đường đến Sao Hải Vương (trước khi 'Sao Thổ lớn hơn' được hấp thu vào Sao Thiên Vương) như Sao Kim hay không?

321. Một khi đã được hấp thu, các hành tinh và các nhóm hành tinh có lại *tách rời được* không khi sự hấp thu cuối cùng vào hai hành tinh tổng hợp còn lại đang được chuẩn bị?

322. Việc suy đoán hợp lý về các mô hình hấp thu phụ thuộc nhiều vào việc chúng ta xem hành tinh nào (trong hai hành tinh Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương) là đấng hấp thu *cuối cùng*.

323. Chúng ta biết rằng, đối với bất kỳ sự hấp thu cuối cùng nào vào Sao Thiên Vương

a. The content of a lesser Saturn or 'central Saturn' could be absorbed, because it would have, itself, absorbed only strictly manasic planets. We are hypothesizing that planets with a strong buddhic content would *not* be absorbed into lesser or 'central Saturn'.

a. Nội dung của một Sao Thổ nhỏ hơn hay 'Sao Thổ trung tâm' có thể được hấp thu, bởi vì chính nó chỉ hấp thu các hành tinh thuần túy manas. Chúng ta đang giả thuyết rằng các hành tinh có nội dung Bồ đề mạnh sẽ *không* được hấp thu vào Sao Thổ nhỏ hơn hay 'Sao Thổ trung tâm'.

b. But the full content of a 'greater Saturn' could probably *not* be absorbed, *if*, 'greater Saturn' would have hypothetically absorbed such planets as Jupiter and, *perhaps*, Venus, which have such a buddhic content. This is certainly true of Venus. If Jupiter, however, has a *hard-line* monadic ray, its final absorption into Uranus is not so problematic.

b. Nhưng toàn bộ nội dung của một 'Sao Thổ lớn hơn' có lẽ *không* thể được hấp thu, *nếu* 'Sao Thổ lớn hơn' theo giả thuyết đã hấp thu những hành tinh như Sao Mộc và, *có lẽ*, Sao Kim, vốn có nội dung Bồ đề như thế. Điều này chắc chắn đúng với Sao Kim. Tuy nhiên, nếu Sao Mộc có một cung chân thần *thuần tuyến cứng*, thì sự hấp thu cuối cùng của nó vào Sao Thiên Vương không quá nan giải.

c. As for Vulcan, while it is not a manasic planet (and though its Monad could by hypothesized as on the "soft line"), it could certainly be related to both Saturn and Uranus without much difficulty.

c. Còn về Vulcan, tuy nó không phải là một hành tinh manas (và dù chân thần của nó có thể được giả thuyết là thuộc "tuyến mềm"), nó chắc chắn có thể liên hệ với cả Sao Thổ lẫn Sao Thiên Vương mà không gặp nhiều khó khăn.

d. Vulcan could be considered *somewhat* manasic through its relation to the concretizing aspect of the fifth ray and, thus, to the mineral kingdom.

d. Vulcan có thể được xem là *phần nào* manas qua mối liên hệ của nó với phương diện cụ thể hóa của cung năm và do đó với giới kim thạch.

e. As a possible method of emerging from the impasse in which we find ourselves, we could also remember that there are non-sacred planets not listed in the diagram on TCF 373: the Sun veils one of them and the Moon another. If they, with Pluto, are numbered among the strictly manasic planets then certainly manasic Mercury could absorb them, and so could Venus, though Mercury being more essentially manasic than Venus is a stronger possibility.

e. Như một phương pháp khả dĩ để thoát khỏi thế bế tắc mà chúng ta đang gặp, chúng ta cũng có thể nhớ rằng có những hành tinh không thiêng liêng không được liệt kê trong sơ đồ ở TCF 373: Mặt Trời che giấu một hành tinh trong số đó và Mặt Trăng che giấu một hành tinh khác. Nếu chúng, cùng với Sao Diêm Vương, được tính vào số các hành tinh thuần túy manas thì chắc chắn Sao Thủy manas có thể hấp thu chúng, và Sao Kim cũng có thể, dù Sao Thủy, vì có tính manas cốt yếu hơn Sao Kim, là một khả năng mạnh hơn.

324. At least we have, over the course of several of these commentaries, laid out the problems surrounding the absorption and synthesizing process. Any final (definitely dependable) solution evades our best efforts, but the different possibilities can be retained in consciousness until some shaft of intuition brings us closer to solution.

324. Ít nhất thì, trong suốt một số phần bình giải này, chúng ta đã trình bày các vấn đề xoay quanh tiến trình hấp thu và tổng hợp. Bất kỳ giải pháp cuối cùng nào (thật sự đáng tin cậy) đều lẩn tránh những nỗ lực tốt nhất của chúng ta, nhưng các khả năng khác nhau có thể được giữ trong tâm thức cho đến khi một tia trực giác nào đó đưa chúng ta đến gần lời giải hơn.

325. The subject of obscuration, final synthesis and absorption/resolution is extremely specialized and its final processes lie billions if not trillions of years ahead (at least according to *occult* chronology).

325. Chủ đề về sự che khuất, sự tổng hợp cuối cùng và sự hấp thu/phân giải là cực kỳ chuyên biệt và các tiến trình cuối cùng của nó còn ở phía trước hàng tỉ, nếu không muốn nói là hàng nghìn tỉ năm (ít nhất theo niên đại học *huyền bí*).

326. The whole process is a very interesting intellectual exercise, and its pursuit reveals many things about the planets involved, but the final solution must necessarily be a secret relating to the higher initiations.

326. Toàn bộ tiến trình là một bài tập trí tuệ rất thú vị, và việc theo đuổi nó làm lộ ra nhiều điều về các hành tinh liên quan, nhưng lời giải cuối cùng tất yếu phải là một bí mật liên hệ đến các lần điểm đạo cao hơn.

327. We can close this section by stating that the Logos of Uranus is a Being we cannot dismiss as possibly related to the Fifth Logos, and must be considered alongside of Venus and Mercury. Objections to *all* of them can, however, be found.

327. Chúng ta có thể kết thúc phần này bằng cách nói rằng Thượng đế của Sao Thiên Vương là một Bản Thể mà chúng ta không thể gạt bỏ như không thể có liên hệ với Thượng đế thứ Năm, và phải được xem xét cùng với Sao Kim và Sao Thủy. Tuy nhiên, vẫn có thể tìm thấy những phản bác đối với *tất cả* họ.

328. One of the things we must learn to act when seeking to identify the *Fifth* Logos, (or any other Logos) is—'the Fifth Logos *when*'! One planet may serve in the function of Fifth Logos at one developmental stage of the Solar Logos and another planet at another stage.

328. Một trong những điều chúng ta phải học để hành động khi tìm cách nhận diện Thượng đế *thứ Năm* (hay bất kỳ Thượng đế nào khác) là—Thượng đế thứ Năm *khi nào*! Một hành tinh có thể phục vụ trong chức năng Thượng đế thứ Năm ở một giai đoạn phát triển của Thái dương Thượng đế và một hành tinh khác ở một giai đoạn khác.

We have now to deal with the influence of a force that is waning and passing out of

Giờ đây chúng ta phải đề cập đến ảnh hưởng của một mãnh lực đang suy giảm và rời khỏi

dominance, that of the sixth Ray of Devotion or Idealism.

329. The sixth ray force was the major ray force during the Piscean Age now passing.

It will not be possible to predicate much anent it, beyond pointing out certain general ideas which **may be of value in the contemplation of Ray cycles in general.**

330. Some of the most important information about ray cycles is veiled. We must slowly gather the evidence if we want to understand which rays are influential, the degree to which they are influential and what may be their full cycles and sub-cycles.

[Page 437]

These Ray influences work through their focal points in all cases (macrocosmic and microcosmic) and these are the etheric centres.

331. Rays express through etheric centers, microcosmic and macrocosmic.

332. They also express through centers in the other and higher vehicles. But centers in other and higher vehicles can *also* be considered *etheric* within respect to those vehicles. The higher four sub-planes on which chakras are always found are in relation to any plane, *etheric*.

The centres, in the case of all Beings, are ever seven in number, and are composed of deva and human units in group activity,

vị thế chi phối, đó là cung sáu của Sùng tín hay Duy tâm.

329. Mãnh lực cung sáu là mãnh lực cung chủ yếu trong Kỷ nguyên Song Ngư hiện đang qua đi.

Sẽ không thể khẳng định nhiều về nó, ngoài việc chỉ ra một số ý tưởng tổng quát có thể **có giá trị trong việc chiêm ngưỡng các chu kỳ cung nói chung.**

330. Một số thông tin quan trọng nhất về các chu kỳ cung bị che giấu. Chúng ta phải từ từ thu thập chứng cứ nếu muốn thấu hiểu những cung nào có ảnh hưởng, mức độ ảnh hưởng của chúng, và các chu kỳ cùng tiểu chu kỳ đầy đủ của chúng có thể là gì.

[Page 437]

Các ảnh hưởng cung này trong mọi trường hợp (đại thiên địa và tiểu thiên địa) đều hoạt động qua các tiêu điểm của chúng, và đó là các trung tâm dĩ thái.

331. Các cung biểu lộ qua các trung tâm dĩ thái, ở cả tiểu thiên địa lẫn đại thiên địa.

332. Chúng cũng biểu lộ qua các trung tâm trong các vận cụ khác và cao hơn. Nhưng các trung tâm trong các vận cụ khác và cao hơn *cũng* có thể được xem là *dĩ thái* đối với các vận cụ ấy. Bốn cõi phụ cao hơn, nơi các luân xa luôn được tìm thấy, trong tương quan với bất kỳ cõi nào, đều là *dĩ thái*.

Các trung tâm, trong trường hợp của mọi Bản Thể, luôn luôn là bảy về số lượng, và được cấu thành bởi các đơn vị thiên thần và nhân loại trong hoạt động nhóm,

333. What may be the analogy to "deva and human units" when considering the etheric chakras of man?

333. Điều gì có thể là sự tương đồng với "các đơn vị thiên thần và nhân loại" khi xét đến các luân xa dĩ thái của con người?

334. We recall that the term "unit" can only be applied to a self-consciousness entity.

334. Chúng ta nhớ rằng thuật ngữ "đơn vị" chỉ có thể được áp dụng cho một thực thể ngã thức.

335. In this context we are speaking of centers within greater Beings such as Planetary Logoi.

335. Trong ngữ cảnh này, chúng ta đang nói về các trung tâm bên trong những Bản Thể lớn hơn như các Hành Tinh Thượng Đế.

or of force vortices which contain in latency, and hold in ordered activity, **cells with the potentiality of human manifestation**. **Forget not the occult truism that all forms of existence pass at one stage of their career through the human kingdom.**

hay các xoáy lực chứa trong trạng thái tiềm ẩn, và giữ trong hoạt động có trật tự, **các tế bào có tiềm năng biểu hiện nhân loại**. **Đừng quên chân lý huyền bí rằng mọi hình thức tồn tại đều đi qua giới nhân loại ở một giai đoạn nào đó trong tiến trình của chúng.**

336. The centers in a Planetary Logos may contain *more* than simply human and deva units, but also those which will *become* human.

336. Các trung tâm trong một Hành Tinh Thượng Đế có thể chứa *nhiều hơn* không chỉ các đơn vị nhân loại và thiên thần, mà còn cả những gì sẽ *trở thành* con người.

337. Usually the presence of such beings in the chakras of a Planetary Logos are not discussed.

337. Thông thường, sự hiện diện của những hữu thể như thế trong các luân xa của một Hành Tinh Thượng Đế không được bàn đến.

338. What does it mean to "pass…through the human kingdom". It cannot mean that every atom (per se and in isolation) will *become* a human being.

338. "Đi qua… giới nhân loại" có nghĩa là gì? Điều đó không thể có nghĩa rằng mọi nguyên tử (chính nó và trong cô lập) sẽ *trở thành* một con người.

339. From one perspective, many lesser forms of existence form parts of the vehicles of the human kingdom, but this is probably not what the Tibetan means.

339. Từ một góc nhìn, nhiều hình thức tồn tại thấp hơn tạo thành các phần của các vận cụ của giới nhân loại, nhưng có lẽ đó không phải là điều Chân sư Tây Tạng muốn nói.

340. From another perspective, it could mean that all lower forms of existence have a fundamental relationship to the monadic identity of the human CH kingdom and will

340. Từ một góc nhìn khác, điều đó có thể có nghĩa rằng mọi hình thức tồn tại thấp hơn đều có một mối liên hệ căn bản với bản sắc chân thần của giới CH nhân loại và một ngày

one day find themselves as that which individualizes as a human being. The matter is far more abstruse than may appear on the surface.

nào đó sẽ thấy mình là điều biệt ngã hóa thành một con người. Vấn đề này huyền vi hơn nhiều so với vẻ bề ngoài của nó.

Cosmic, or extra-systemic rays, impinge upon or circulate via centres found on the second cosmic ether, but which, at the present stage of objectivity, become **systemically visible** in the fourth cosmic ether, the buddhic.

Các cung vũ trụ, hay ngoài hệ, tác động vào hoặc lưu chuyển qua các trung tâm được tìm thấy trên dĩ thái vũ trụ thứ hai, nhưng ở giai đoạn khách quan hiện tại, lại trở nên **khả kiến một cách hệ thống** trong dĩ thái vũ trụ thứ tư, tức cõi Bồ đề.

341. We are speaking of the high influences which impact the monadic level—cosmic or extra-systemic rays.

341. Chúng ta đang nói về các ảnh hưởng cao tác động lên cấp độ chân thần—các cung vũ trụ hay ngoài hệ.

342. Systemic visibility is related to the buddhic plane. These rays, in whatever manner, become "systemically visible" on that plane. Compared to the highest three planes of the cosmic physical plane, the buddhic plane is *objective.*

342. Tính khả kiến trong hệ liên hệ với cõi Bồ đề. Các cung này, theo bất cứ cách nào, trở nên "khả kiến một cách hệ thống" trên cõi đó. So với ba cõi cao nhất của cõi hồng trần vũ trụ, cõi Bồ đề là *khách quan.*

343. We can gather that the Monad is the recipient of very high energies. The energies of the twelve zodiacal constellations are cosmic or extra-systemic.

343. Chúng ta có thể suy ra rằng chân thần là kẻ tiếp nhận các năng lượng rất cao. Các năng lượng của mười hai chòm sao hoàng đạo là vũ trụ hay ngoài hệ.

One permanent cosmic Ray is the ray of our Logos Himself, and the subrays of this ray permeate His entire system.

Một cung vũ trụ trường tồn là cung của chính Thượng đế của chúng ta, và các cung phụ của cung này thấm nhuần toàn bộ hệ của Ngài.

344. The Solar Logos is a *cosmic* Being and is, in a way, extra-systemic, although He embodies this solar system.

344. Thái dương Thượng đế là một Bản Thể *vũ trụ* và theo một nghĩa nào đó là ngoài hệ, dù Ngài hiện thân hệ mặt trời này.

Six other cosmic Rays, animating other systems, influence ours, finding their reflections in the subrays of our logoic Ray.

Sáu cung vũ trụ khác, tiếp sinh lực cho các hệ khác, ảnh hưởng đến hệ của chúng ta, tìm thấy các phản chiếu của chúng trong các cung phụ của cung thượng đế của chúng ta.

345. We are talking of the six solar systems of our Cosmic Logos.

345. Chúng ta đang nói về sáu hệ mặt trời của Thượng đế Vũ Trụ của chúng ta.

346. We can see how these six systems could be related to the hexagon found in Chart VI (TCF 373)

346. Chúng ta có thể thấy sáu hệ này có thể liên hệ thế nào với hình lục giác được tìm thấy trong Biểu đồ VI (TCF 373)

347. The subrays of our Solar Logos are correlated to the six cosmic rays coming from the Seven Solar Systems of Which Ours is One.

347. Các cung phụ của Thái dương Thượng đế của chúng ta tương quan với sáu cung vũ trụ đến từ Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là một trong đó.

348. As logoic subrays reach the different parts of the solar system and eventually humanity, it is the energies of the Seven Solar Systems of Which Ours is One which are also reaching these destinations.

348. Khi các cung phụ thượng đế đến các phần khác nhau của hệ mặt trời và cuối cùng đến nhân loại, thì chính các năng lượng của Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là một trong đó cũng đang đến các đích ấy.

To these six cosmic influences our Heavenly Men respond.

Đối với sáu ảnh hưởng vũ trụ này, các Đấng Thiên Nhân của chúng ta đáp ứng.

349. The Heavenly Men of our solar system are correlated with the subrays of our Solar Logos and with the six cosmic rays of the six other Solar Logoi in the Seven Solar Systems of Which Ours is One.

349. Các Đấng Thiên Nhân của hệ mặt trời chúng ta tương quan với các cung phụ của Thái dương Thượng đế của chúng ta và với sáu cung vũ trụ của sáu Thái dương Thượng đế khác trong Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là một trong đó.

They absorb the influence, being centres in the body logoic, pass it through Their schemes, circulate it through Their own centres (chains), and transmit it on to other schemes, coloring it with Their Own peculiar shade and qualifying it by Their own peculiar tone or note.

Các Ngài hấp thu ảnh hưởng, là các trung tâm trong thể thượng đế, chuyển nó qua các hệ hành tinh của Các Ngài, lưu chuyển nó qua các trung tâm riêng của Các Ngài (các Dãy), và truyền nó sang các hệ hành tinh khác, nhuốm nó bằng sắc thái đặc thù riêng của Các Ngài và định tính nó bằng thanh điệu hay âm điệu đặc thù riêng của Các Ngài.

350. Here we have a picture of solar systemic circulation. Through this pattern of circulation, the energies of the Seven Solar Systems of Which Ours is One reach all aspects of *our* solar system.

350. Ở đây chúng ta có một bức tranh về sự lưu chuyển trong hệ mặt trời. Qua mô hình lưu chuyển này, các năng lượng của Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là một trong đó

đến được mọi phương diện của *hệ mặt trời* chúng ta.

The whole system of ray influence, or radiatory warmth, considered both physically and psychically, is one of an intricate circulation and interaction.

Toàn bộ hệ thống ảnh hưởng cung, hay sự ấm áp bức xạ, được xét cả về mặt hồng trần lẫn thông linh, là một sự lưu chuyển và tương tác hết sức phức tạp.

351. We can only imagine the intricacy of the passage of the energies

351. Chúng ta chỉ có thể hình dung sự phức tạp của sự vận hành của các năng lượng

352. Ray influence is, interestingly, called "radiatory warmth". This suggests the close relation of *solar* fire (relatively a 'warm' fire) with ray influence.

352. Thật thú vị, ảnh hưởng cung được gọi là "sự ấm áp bức xạ". Điều này gợi ý mối liên hệ gần gũi của Lửa *Thái dương* (tương đối là một thứ lửa 'ấm') với ảnh hưởng cung.

The radiation or vibration passes in ordered cycles from its originating source, the One Ray, or systemic Logos, to the different centres in His body.

Bức xạ hay rung động **đi qua trong các chu kỳ có trật tự** từ nguồn phát sinh của nó, Cung Duy Nhất, hay Thượng đế hệ thống, đến các trung tâm khác nhau trong thân thể của Ngài.

353. The "systemic Logos" is considered the "One Ray". In our solar system (and at this time), that Ray is the Ray of Love-Wisdom, the Indigo Ray.

353. "Thượng đế hệ thống" được xem là "Cung Duy Nhất". Trong hệ mặt trời của chúng ta (và vào thời điểm này), cung đó là Cung Bác Ái – Minh Triết, Cung Chàm.

354. There is nothing random or chaotic about the passage of the differentiations of the One Ray through all aspects of His solar system. The passage is controlled by numerical resonance.

354. Không có gì ngẫu nhiên hay hỗn loạn trong sự vận hành của các biến phân của Cung Duy Nhất qua mọi phương diện của hệ mặt trời của Ngài. Sự vận hành ấy được kiểm soát bởi cộng hưởng số học.

Viewed from the physical standpoint this ray force is the energising factor in matter.

Được nhìn từ quan điểm hồng trần, mãnh lực cung này là nhân tố tiếp năng lượng trong vật chất.

355. This—despite the fact that it is the *second* Ray of Love-Wisdom.

355. Điều này—mặc dù thực tế rằng nó là Cung *hai* của Bác Ái – Minh Triết.

356. From a certain perspective, buddhi (ray two) energies matter and is found at the heart of every atom.

356. Từ một góc nhìn nào đó, các năng lượng Bồ đề (cung hai) là vật chất và được tìm thấy ở trung tâm của mọi nguyên tử.

Viewed from the psychical point of view it is the qualitative faculty.

Được nhìn từ quan điểm thông linh, nó là năng lực phẩm tính.

357. The second ray is especially related to quality. All that is qualitative in our solar system has its root in the second Ray of Love-Wisdom.

357. Cung hai đặc biệt liên hệ với phẩm tính. Mọi điều có tính phẩm tính trong hệ mặt trời của chúng ta đều có cội rễ trong Cung Bác Ái – Minh Triết thứ hai.

From scheme to scheme, from chain to chain, and from globe to globe, this force or quality passes and circulates,

Từ hệ hành tinh này sang hệ hành tinh khác, từ dãy này sang dãy khác, và từ bầu hành tinh này sang bầu hành tinh khác, mãnh lực hay phẩm tính này đi qua và lưu chuyển,

358. We are speaking of the circulation of the One Ray through the entire solar system.

358. Chúng ta đang nói về sự lưu chuyển của Cung Duy Nhất qua toàn bộ hệ mặt trời.

359. It is clear that schemes, chains and globes (even if we cannot easily conceive of their spatial arrangement of chains and globes relative to each other) are definitely centers of qualified energy and force and part of the “Divine Circulatory Flow” of our solar system.

359. Rõ ràng là các hệ hành tinh, các dãy và các bầu hành tinh (dù chúng ta không dễ hình dung sự sắp xếp không gian của các dãy và các bầu hành tinh tương quan với nhau) chắc chắn là các trung tâm của năng lượng và mãnh lực đã được định tính, và là một phần của “Dòng Lưu Chuyển Thiêng Liêng” của hệ mặt trời chúng ta.

both adding, and at the same time abstracting, and returns to its focal point with two noticeable differences:

vừa thêm vào, đồng thời lại trừu xuất, và trở về tiêu điểm của nó với hai khác biệt đáng chú ý:

360. The One Ray and its differentiations both endows (or qualifies) and abstracts and absorbs (that which is ready to be absorbed).

360. Cung Duy Nhất và các biến phân của nó vừa ban cho (hay định tính) vừa trừu xuất và hấp thu (điều gì đã sẵn sàng để được hấp thu).

361. To ‘abstractable’ units (or collective units) the One Ray acts as a great magnet ‘inviting’ them to merge with it.

361. Đối với các đơn vị (hay đơn vị tập thể) ‘có thể bị trừu xuất’, Cung Duy Nhất hoạt động như một nam châm lớn ‘mời gọi’ chúng hòa nhập với nó.

[Page 438]

[Page 438]

a. The radiatory heat is intensified.

a. Nhiệt bức xạ được tăng cường.

b. The qualitative character or colour is increased.

b. Tính chất phẩm tính hay màu sắc được gia tăng.

362. These two effects suggest the developmental result of the circulation of the One Ray throughout its solar system. In general, the heat of the Ray is intensified and the color characterizing its quality increases.

362. Hai hiệu quả này gợi ý kết quả phát triển của sự lưu chuyển của Cung Duy Nhất khắp hệ mặt trời của nó. Nói chung, nhiệt của Cung được tăng cường và màu sắc đặc trưng cho phẩm tính của nó được gia tăng.

363. We can see that the circulation of the One Ray throughout its system is not only a bestowal but an acquisition.

363. Chúng ta có thể thấy rằng sự lưu chuyển của Cung Duy Nhất khắp hệ của nó không chỉ là một sự ban phát mà còn là một sự thu nhận.

The effect on the form side is equally noticeable, and the warmth or quality of a Ray not only affects the psyche of a man, a planetary Logos, and a solar Logos, but has a **definite effect on material substance itself.**

Hiệu quả trên phương diện hình tướng cũng đáng chú ý không kém, và sự ấm áp hay phẩm tính của một cung không chỉ ảnh hưởng đến tâm thức của một con người, một Hành Tinh Thượng Đế, và một Thái dương Thượng đế, mà còn có một **ảnh hưởng xác định lên chính chất liệu vật chất.**

364. The One Ray (and its differentiations circulating with it) is enhanced; as well, all that is touched by this circulation is also affected and enhanced.

364. Cung Duy Nhất (và các biến phân của nó lưu chuyển cùng với nó) được tăng cường; đồng thời, mọi điều được chạm đến bởi sự lưu chuyển này cũng bị ảnh hưởng và được tăng cường.

365. It is significant to note that “material substance” is affected by a qualitative vibration.

365. Cần lưu ý rằng “chất liệu vật chất” bị ảnh hưởng bởi một rung động phẩm tính.

366. We note that the One Ray has bestows *qualitative* enhancement and *material* enhancement.

366. Chúng ta lưu ý rằng Cung Duy Nhất ban cho sự tăng cường *phẩm tính* và sự tăng cường *vật chất*.

367. We note the equivalence of the words "warmth" and "quality", both of these terms relating to solar fire.

367. Chúng ta lưu ý sự tương đương của các từ "sự ấm áp" và "phẩm tính", cả hai thuật ngữ này đều liên hệ đến Lửa Thái dương.

Ray influences work equally on the deva and human Hierarchies, as they function in a planetary or logoic body.

Các ảnh hưởng cung tác động như nhau lên các Huyền Giai thiên thần và nhân loại, khi chúng hoạt động trong một thể hành tinh hay thượng đế.

368. It is not only the human Creative Hierarchy that is influenced by the circulation of the One Ray (and its subsidiaries) but the deva Creative Hierarchies as well.

368. Không chỉ Huyền Giai Sáng Tạo nhân loại chịu ảnh hưởng bởi sự lưu chuyển của Cung Duy Nhất (và các cung phụ của nó) mà cả các Huyền Giai Sáng Tạo thiên thần cũng vậy.

369. Ray cycles are nourishing and transforming in relation to all the types of lives which are touched by the circulation.

369. Các chu kỳ cung nuôi dưỡng và chuyển đổi đối với mọi loại sự sống được chạm đến bởi sự lưu chuyển ấy.

370. The cycles are analogous to the breathing process. There is vitalization but also absorption as well as the expulsion of that which is not needed.

370. Các chu kỳ này tương tự với tiến trình hô hấp. Có sự tiếp sinh lực nhưng cũng có sự hấp thu cũng như sự tống xuất điều không cần thiết.

Clarity of thought might eventuate if we ever bear in mind that all forms are dual, both in evolution and in essential nature.

Sự sáng tỏ của tư tưởng có thể xuất hiện nếu chúng ta luôn ghi nhớ rằng mọi hình tướng đều là kép, cả trong tiến hoá lẫn trong bản chất cốt yếu.

371. By this duality, DK seems to mean the psychical and the material. We recall the duality existing between electricity (relating to the physical plane) and magnetism (relating to the astral plane and to quality in general).

371. Bởi nhị nguyên tính này, Chân sư DK dường như muốn nói đến phương diện thông linh và vật chất. Chúng ta nhớ lại nhị nguyên tính tồn tại giữa điện lực (liên hệ với cõi hồng trần) và từ điện (liên hệ với cõi cảm dục và với phẩm tính nói chung).

They are the product of the work of the Builders (deva forces) and of active

Chúng là sản phẩm của công việc của các đấng kiến tạo (các mãnh lực thiên thần) và

intelligence (the human units) and **the two are indivisible in the Divine Hermaphrodite, or Man.** They are stimulated in both aspects of their Being by the ray influence.

của trí tuệ hoạt động (các đơn vị nhân loại), và **hai phương diện ấy là bất khả phân trong Đấng Lưỡng Tính Thiêng Liêng, hay Con Người.** Cả hai phương diện hiện thể của các Ngài đều được kích thích bởi ảnh hưởng của cung.

372. Forms are the product of both devic and human efforts:

372. Các hình tướng là sản phẩm của cả nỗ lực thiên thần lẫn nỗ lực nhân loại:

a. The devas *build*

a. Các thiên thần *xây dựng*

b. Human beings contribute active intelligence.

b. Con người đóng góp trí tuệ hoạt động.

373. "Active intelligence" is also easily associated with the devic units. We have especially, connected with man, active *conscious* intelligence.

373. "Trí tuệ hoạt động" cũng dễ dàng được liên kết với các đơn vị thiên thần. Đặc biệt, nơi con người, chúng ta có trí tuệ hoạt động *hữu thức*.

374. Usually devas and men are considered parallel kingdoms, but by the time we reach the level of a Heavenly Man or Divine Hermaphrodite, devas and men are "indivisible". This indivisibility seems to relate to the level of the Monad, on the second plane or plane of *unification.*

374. Thông thường, thiên thần và con người được xem là các giới song hành, nhưng đến khi chúng ta đạt tới cấp độ của một Đấng Thiên Nhân hay Đấng Lưỡng Tính Thiêng Liêng, thiên thần và con người là "bất khả phân". Tính bất khả phân này dường như liên hệ đến cấp độ của chân thần, trên cõi thứ hai hay cõi của *sự hợp nhất.*

375. If the "second Logos" dispenses "unifying heat" some of that heat is destined to unify the two once parallel kingdoms and render them "indivisible".

375. Nếu "Logos thứ hai" phân phát "nhiệt hợp nhất", thì một phần nhiệt ấy được định để hợp nhất hai giới vốn song hành này và làm cho chúng trở nên "bất khả phân".

Let us now tabulate these ideas somewhat:

Giờ đây, chúng ta hãy lập bảng các ý tưởng này phần nào như sau:

Entity	*Force Centres*	*Psychical Manifestation*	*Physical Manifestation*
1. Solar Logos	Heavenly Men. They energise and are active life.	Deva Builders. They work in matter and hold the life.	A solar system
2. Planetary Logos	Human group units	Deva Builders	A Scheme.
3. A Man	Seven etheric centres	Elemental builders	Bodies.

376. What of the lesser types of men who express within the sphere of a Solar Logos? Are they, too, not part of His "Psychical Manifestation"?

376. Còn những loại người thấp hơn biểu lộ trong khối cầu của một Thái dương Thượng đế thì sao? Chẳng phải họ cũng là một phần trong "Biểu hiện Thông linh" của Ngài sao?

377. Presumably, the type of "Deva Builders" referenced above are *Greater* Builders.

377. Có lẽ loại "Thiên thần Kiến tạo" được nhắc đến ở trên là các đấng kiến tạo *Đại*.

378. Perhaps by the term "psychical" we mean "qualitative".

378. Có lẽ bởi từ "thông linh", chúng ta muốn nói đến "phẩm tính".

379. We can compare this tabulation, in part, with the tabulation on TCF 293.

379. Chúng ta có thể so sánh bảng này, phần nào, với bảng ở TCF 293.

380. When considering the function of the deva builders, the phrase "hold the life" may be pondered. The devas confine the life aspect which seeks, later, to break through its devic confinement.

380. Khi xem xét chức năng của các thiên thần kiến tạo, có thể chiêm ngưỡng cụm từ "giữ sự sống". Các thiên thần giam giữ phương diện sự sống, phương diện về sau tìm cách xuyên phá sự giam hãm thiên thần ấy.

381. Objectivity temporarily limits subjectivity which, eventually, considers the objectivity with which it is associated as a prison.

381. Tính khách quan tạm thời giới hạn tính chủ quan, mà rốt cuộc xem tính khách quan gắn liền với nó như một nhà tù.

2. Planetary .....Human group.....Deva Builders.....A Scheme.
Logos units

382. We see that, in this tabulation, the devas are associated with "Psychical Manifestation"

382. Chúng ta thấy rằng, trong bảng này, các thiên thần được liên kết với "Biểu hiện Thông linh"

383. The psychical manifestation is considered distinct from the force centers themselves.

383. Biểu hiện thông linh được xem là khác biệt với chính các trung tâm lực.

384. The centers in a Planetary Logos are called "human group units". What of the chains and globes which are also centers? Are they not also "force centers"? The "human group units" must be as lesser centers.

384. Các trung tâm trong một Đức Hành Tinh Thượng Đế được gọi là "các đơn vị nhóm nhân loại". Còn các dãy và các bầu hành tinh, vốn cũng là các trung tâm, thì sao? Chẳng phải chúng cũng là "các trung tâm lực" sao? Các "đơn vị nhóm nhân loại" hẳn phải là những trung tâm nhỏ hơn.

385. Are we arriving at the conclusion that 'psyche *holds* life'?

385. Có phải chúng ta đang đi đến kết luận rằng 'psyche *giữ* sự sống'?

386. We note that the chain level and globe level are skipped, just as they are in the tabulation on TCF 293.

386. Chúng ta lưu ý rằng cấp độ dãy và cấp độ bầu hành tinh bị lược qua, cũng như trong bảng ở TCF 293.

3. A Man.....Seven etheric.....Elemental.....Bodies.
centres builders

387. "Human group units" are as chakras within the Planetary Logos. How big are these group units? Ashrams can be considered "human group units", but there are groups of Ashrams if the many globes in various chains are to be considered.

387. "Các đơn vị nhóm nhân loại" giống như các luân xa trong Đức Hành Tinh Thượng Đế. Những đơn vị nhóm này lớn đến mức nào? Các ashram có thể được xem là "các đơn vị nhóm nhân loại", nhưng còn có những nhóm ashram nếu nhiều bầu hành tinh trong các dãy khác nhau được xét đến.

388. Thus there is a graduated scale of "human group units".

388. Vì vậy, có một thang bậc tuần tự của "các đơn vị nhóm nhân loại".

389. The “elemental builders” are the lower parallel to the “deva builders”. The deva builders within a Solar Logos or Planetary Logos may be considered “units”, i.e., self-consciousness; not so the “elemental builders”.

389. “Các hành khí kiến tạo” là đối ứng thấp hơn của “các thiên thần kiến tạo”. Các thiên thần kiến tạo trong một Thái dương Thượng đế hay Đức Hành Tinh Thượng Đế có thể được xem là các “đơn vị”, tức là ngã thức; còn “các hành khí kiến tạo” thì không phải vậy.

Each of these divisions can be studied separately and in due course of time (when it may be safe to transmit information more freely anent the devas) it will be seen that a deva Lord of a plane, for instance, works through force centres, manifests objectively through the colour which is His psychical display, and ensouls the matter of [Page 439] a plane just as a Heavenly Man ensouls His scheme.

Mỗi phân bộ này có thể được nghiên cứu riêng biệt, và theo thời gian thích hợp (khi việc truyền đạt thông tin về các thiên thần một cách tự do hơn có thể là an toàn) **người ta sẽ thấy rằng một Chúa Tể thiên thần của một cõi, chẳng hạn, hoạt động qua các trung tâm lực, biểu lộ khách quan qua màu sắc là sự phô bày thông linh của Ngài, và phú linh cho vật chất của [Page 439] một cõi cũng như một Đấng Thiên Nhân phú linh cho hệ hành tinh của Ngài.**

390. Here we have an important parallel. What does a Raja Deva Lord do?

390. Ở đây chúng ta có một sự song hành quan trọng. Một Chúa Tể Raja Deva làm gì?

a. He works through force centers (just as force centers are found within a Solar Logos, a Planetary Logos or a man). As to what may be the force centers of such a Deva Lord, they have not been revealed, but they are probably to be found on specific sub-planes. One wonder if such force centers are only to be found on the higher sub-planes of a plane (as in the case of a man or Solar Logos), or if the *lower* sub-planes, too are included.

a. Ngài hoạt động qua các trung tâm lực (cũng như các trung tâm lực được tìm thấy trong một Thái dương Thượng đế, một Đức Hành Tinh Thượng Đế hay một con người). Về việc các trung tâm lực của một Chúa Tể thiên thần như thế có thể là gì, điều đó chưa được tiết lộ, nhưng có lẽ chúng được tìm thấy trên những cõi phụ đặc thù. Người ta tự hỏi liệu các trung tâm lực như thế chỉ được tìm thấy trên các cõi phụ cao của một cõi (như trong trường hợp con người hay Thái dương Thượng đế), hay các cõi phụ *thấp* cũng được bao gồm.

b. He “manifests objectively through the colour which is His psychical display”. By the word “psychical”, we may mean “qualitative”.

b. Ngài “biểu lộ khách quan qua màu sắc là sự phô bày thông linh của Ngài”. Bởi từ “thông linh”, chúng ta có thể muốn nói đến “phẩm tính”.

c. Such a Deva Lord is also a “Great Soul” and He ensouls the matter of the plane just as a

c. Một Chúa Tể thiên thần như thế cũng là một “Đại Hồn”, và Ngài phú linh cho vật chất

Heavenly Man ensouls His Scheme. In many respect the Deva Lord and the Heavenly Man are parallel Beings.

của cõi cũng như một Đấng Thiên Nhân phú linh cho Hệ của Ngài. Trên nhiều phương diện, Chúa Tể thiên thần và Đấng Thiên Nhân là những Hữu thể song hành.

391. It is necessary to study the parallel between the Heavenly Man and the Raja Deva Lords Who cooperate with Them.

391. Cần phải nghiên cứu sự song hành giữa Đấng Thiên Nhân và các Chúa Tể Raja Deva hợp tác với Các Ngài.

The idea can be extended likewise to chains, globes, races, and rounds.

Ý tưởng này cũng có thể được mở rộng tương tự đến các dãy, các bầu hành tinh, các nhân loại và các cuộc tuần hoàn.

392. How shall we do this? Certainly there will be a representative of the major Raja Deva Lord of a systemic plane on the chains, globes and races—i.e., on those portions of systemic planes *confined* by chains, globes and root races.

392. Chúng ta sẽ làm điều này như thế nào? Chắc chắn sẽ có một đại diện của Chúa Tể Raja Deva chính yếu của một cõi hệ thống trên các dãy, các bầu hành tinh và các nhân loại—tức là trên những phần của các cõi hệ thống *bị giới hạn* bởi các dãy, các bầu hành tinh và các giống dân gốc.

Duality always will be seen,—human and deva manifestation forming the sumtotal, **and always will energy and quality progress in parallel lines.**

Nhị nguyên tính sẽ luôn luôn được thấy,—biểu hiện nhân loại và thiên thần tạo thành tổng thể, **và năng lượng cùng phẩm tính sẽ luôn luôn tiến triển theo những đường song hành.**

393. Here we have an important clarification:

393. Ở đây chúng ta có một sự làm sáng tỏ quan trọng:

a. Humans are correlated with *energy*

a. Con người tương quan với *năng lượng*

b. Devas are correlated with *quality.* As stated before, that which is "psychical" is related to "quality"

b. Các thiên thần tương quan với *phẩm tính.* Như đã nói trước đây, điều gì là "thông linh" thì liên hệ với "phẩm tính"

As the ray influence passes away from a race or a planet, a scheme or a solar system, it must not be supposed that it is completely abrogated;

Khi ảnh hưởng của cung rút đi khỏi một nhân loại hay một hành tinh, một hệ hành tinh hay một hệ mặt trời, không nên cho rằng nó bị bãi bỏ hoàn toàn;

394. This is an important point related to ray cycles; a ray in abstraction is not abrogated, not nullified.

394. Đây là một điểm quan trọng liên hệ đến các chu kỳ cung; một cung trong sự trừu xuất không bị bãi bỏ, không bị vô hiệu hóa.

it has simply passed beyond the periphery of whatever ring-pass-not it was energising, and the force of its influence is being focussed elsewhere.

nó chỉ đơn giản vượt ra ngoài chu vi của bất cứ vòng-giới-hạn nào mà nó đã tiếp năng lượng cho, và mãnh lực ảnh hưởng của nó đang được tập trung ở nơi khác.

395. So when a ray is abstracted, it is simply "focussed elsewhere" and is temporarily ineffective in relation to the field which it was previously influencing.

395. Vì vậy, khi một cung bị trừu xuất, nó chỉ đơn giản là "được tập trung ở nơi khác" và tạm thời không còn hiệu lực đối với trường mà trước đây nó đã ảnh hưởng.

The original recipient becomes a channel, or transmitting agent, and not so much an absorber or container.

Đối tượng tiếp nhận ban đầu trở thành một kênh, hay tác nhân truyền dẫn, chứ không còn nhiều là một kẻ hấp thụ hay vật chứa nữa.

396. It is as if the ray simply passes *through* the original recipient; the ray quality is not contained or absorbed.

396. Điều đó như thể cung chỉ đơn giản đi *xuyên qua* đối tượng tiếp nhận ban đầu; phẩm tính của cung không bị chứa giữ hay hấp thụ.

Words again are handicapping us, and proving their inadequacy to express an idea. What the student should recognise is that during a cycle of ray influence, the object of its immediate attention receives and absorbs it, and transmutes it according to its need, and not so much therefore is available for transmission.

Một lần nữa, ngôn từ đang cản trở chúng ta và chứng tỏ sự bất toàn của chúng trong việc diễn đạt một ý tưởng. Điều mà đạo sinh nên nhận ra là trong một chu kỳ ảnh hưởng của cung, đối tượng được nó chú ý trực tiếp sẽ tiếp nhận và hấp thụ nó, rồi chuyển hoá nó theo nhu cầu của mình, và vì vậy không còn nhiều để truyền dẫn nữa.

397. Every center is both an absorber and container and also a transmitter.

397. Mỗi trung tâm vừa là một kẻ hấp thụ và vật chứa, vừa là một bộ truyền dẫn.

398. When a center acts as an absorber/ container it is not as effective as a transmitter. When it allows passage through (and thus transmission) it does not absorb and contain.

398. Khi một trung tâm hoạt động như một kẻ hấp thụ/vật chứa, nó không hữu hiệu bằng khi là một bộ truyền dẫn. Khi nó cho phép đi xuyên qua (và do đó truyền dẫn), nó không hấp thụ và chứa giữ.

When the cycle is drawing to a close more and more of the ray influence or magnetism will be felt elsewhere, until practically all of it will be passed on unabsorbed.

Khi chu kỳ đang đi đến chỗ kết thúc, ngày càng nhiều ảnh hưởng hay từ điện của cung sẽ được cảm nhận ở nơi khác, cho đến khi thực tế hầu như toàn bộ nó sẽ được chuyển đi mà không bị hấp thụ.

399. This tells us very much about the dynamics of a ray going out of incarnation with respect to a specific field. It simply passes through and is not absorbed.

399. Điều này cho chúng ta biết rất nhiều về động lực của một cung đang ra khỏi lâm phàm đối với một trường đặc thù. Nó chỉ đơn giản đi xuyên qua và không bị hấp thụ.

400. This is an entirely different perspective and one that carries a most valuable and assimilable conception.

400. Đây là một quan điểm hoàn toàn khác và là một quan điểm mang theo một quan niệm vô cùng giá trị và có thể đồng hóa được.

This is what is beginning to happen in relation to this sixth Ray of Devotion.

Đây là điều đang bắt đầu xảy ra liên hệ với cung sáu Sùng Tín này.

401. Here we have a much more sophisticated conception of what it means for a ray to cycle out of incarnation. It is simply increasingly transmitted instead of absorbed and contained.

401. Ở đây chúng ta có một quan niệm tinh vi hơn nhiều về ý nghĩa của việc một cung đi ra khỏi lâm phàm. Nó chỉ đơn giản ngày càng được truyền dẫn thay vì bị hấp thụ và chứa giữ.

Egos who are on that particular Ray will take form elsewhere on other globes, and in other chains, and not so much on our planet.

Các chân ngã thuộc cung đặc thù ấy sẽ nhập thể ở nơi khác trên các bầu hành tinh khác, và trong các dãy khác, chứ không nhiều trên hành tinh của chúng ta.

402. This tells us *where* sixth ray Egos will 'go' in approximately one hundred and thirty years when they are (almost) completely out of incarnation (on our globe).

402. Điều này cho chúng ta biết *nơi* các chân ngã cung sáu sẽ 'đi' đến trong khoảng một trăm ba mươi năm nữa khi họ (gần như) hoàn toàn ra khỏi lâm phàm (trên bầu hành tinh của chúng ta).

403. It is a very valuable reference. We note that they go to other globes in their own chain. For instance, sixth ray Egos are about to enter a state of pralaya with respect to the Earth-globe, but they may go to other globes in the Earth-chain.

403. Đây là một tham chiếu rất có giá trị. Chúng ta lưu ý rằng họ đi đến các bầu hành tinh khác trong chính dãy của mình. Chẳng hạn, các chân ngã cung sáu sắp đi vào một trạng thái Giai kỳ qui nguyên đối với bầu Địa

Cầu, nhưng họ có thể đi đến các bầu hành tinh khác trong Dãy Địa Cầu.

404. They may also go to other chains, still probably within our Earth-scheme.

404. Họ cũng có thể đi đến các dãy khác, tuy vẫn có lẽ trong hệ Địa Cầu của chúng ta.

405. Or if we are speaking in general about any type of ray going out of incarnation in relation to a globe in any chain of any scheme, then the Egos connected with that ray will change globes within their own chain or change chains within their own scheme, but will probably not change schemes—though this to is temporarily possible.

405. Hoặc nếu chúng ta đang nói một cách tổng quát về bất kỳ loại cung nào đi ra khỏi lâm phàm liên hệ với một bầu hành tinh trong bất kỳ dãy nào của bất kỳ hệ hành tinh nào, thì các chân ngã gắn với cung ấy sẽ đổi bầu hành tinh trong chính dãy của mình hoặc đổi dãy trong chính hệ hành tinh của mình, nhưng có lẽ sẽ không đổi hệ hành tinh —dù điều này cũng tạm thời có thể xảy ra.

The vibrations of that Ray will quiet down as far as we are concerned, and find increased activity elsewhere.

Các rung động của cung ấy sẽ lắng xuống đối với chúng ta, và tìm thấy hoạt động gia tăng ở nơi khác.

406. This we may expect in relation to our globe as far as the sixth ray is concerned.

406. Đây là điều chúng ta có thể chờ đợi liên hệ với bầu hành tinh của chúng ta xét về cung sáu.

407. Further we see another confirmation that our globe is necessarily far more than a *thoroughly physical globe.* Sixth ray Egos (in *all* their vehicles of expression) are located on our globe and they transfer to other globes with all or most of their vehicles of expression—perhaps not their strictly etheric-physical vehicles.

407. Hơn nữa, chúng ta thấy thêm một sự xác nhận rằng bầu hành tinh của chúng ta tất yếu còn hơn rất nhiều một *bầu hành tinh thuần túy hồng trần.* Các chân ngã cung sáu (trong *mọi* vận cụ biểu hiện của họ) đều tọa lạc trên bầu hành tinh của chúng ta và họ chuyển dịch sang các bầu hành tinh khác với tất cả hay hầu hết các vận cụ biểu hiện của mình—có lẽ không bao gồm các vận cụ dĩ thái-hồng trần nghiêm ngặt của họ.

To phrase it otherwise, our planet and all thereon will become positive and non-receptive, and will temporarily repulse this particular type of force.

Nói cách khác, hành tinh của chúng ta và mọi sự trên đó sẽ trở nên dương tính và không tiếp nhận, và sẽ tạm thời đẩy lùi loại mãnh lực đặc thù này.

408. When a ray cycles out of incarnation, then the sphere which it had been influencing, and which had been negative

408. Khi một cung đi ra khỏi lâm phàm, thì khối cầu mà nó đã ảnh hưởng, và vốn đã âm tính nên tiếp nhận cung ấy, trở nên "dương

and, thus, receptive to the ray, becomes "positive and non-receptive" to the ray and, thus, repulses it.

tính và không tiếp nhận" đối với cung, và do đó đẩy lùi nó.

409. There is also the possibility (as suggested above) that the ray in question will pass through the field in which it used to demonstrate and simply not be absorbed.

409. Cũng có khả năng (như đã gợi ý ở trên) rằng cung đang xét sẽ đi xuyên qua trường mà trước đây nó từng biểu lộ và đơn giản là không bị hấp thụ.

A psychical manifestation of this can be seen in the dying down of what is called Christian enthusiasm.

Một biểu hiện thông linh của điều này có thể được thấy trong sự suy giảm của điều được gọi là nhiệt thành Cơ Đốc giáo.

410. Here, DK will speak of the sixth ray which is passing out of incarnation *with respect to our globe.*

410. Ở đây, Chân sư DK sẽ nói về cung sáu đang đi ra khỏi lâm phàm *xét theo bầu hành tinh của chúng ta.*

This Ray, on which the Chohan Jesus may be found, will no longer pour its force to the same extent into the form He built,

Cung này, cung mà Chohan Jesus có thể được tìm thấy trên đó, sẽ không còn tuôn đổ mãnh lực của nó vào cùng mức độ như trước vào hình tướng mà Ngài đã xây dựng,

411. This form being the Christian Church…

411. Hình tướng này là Giáo hội Cơ Đốc…

and it will necessarily slowly but surely disintegrate, having served its purpose [Page 440] for close on two thousand years.

và tất yếu nó sẽ từ từ nhưng chắc chắn tan rã, vì đã phụng sự mục đích của nó [Page 440] trong gần hai ngàn năm.

412. This is the predicted disintegration of the Christian Church (at least in its present form).

412. Đây là sự tan rã đã được tiên báo của Giáo hội Cơ Đốc (ít nhất trong hình thức hiện tại của nó).

Later again the same force will be felt returning, and a new form will be found slowly coming into being, but along more adequate lines.

Về sau nữa, chính mãnh lực ấy sẽ được cảm nhận như đang quay trở lại, và một hình tướng mới sẽ được thấy đang từ từ đi vào hiện hữu, nhưng theo những đường lối thích đáng hơn.

413. We do not know when the sixth ray in its racial cycle (to use the terminology of ray theorist Stephen Pugh) will again return. It

413. Chúng ta không biết khi nào cung sáu trong chu kỳ nhân loại của nó (dùng thuật ngữ của nhà lý thuyết cung Stephen Pugh)

would seem that it may be in as many as fifteen hundred years.

sẽ lại quay về. Có vẻ như điều đó có thể là trong khoảng một ngàn năm trăm năm nữa.

414. In any case the numbers "1" and "5" (as SDP points out) are very closely related to the sixth ray cycle.

414. Dù sao đi nữa, các con số "1" và "5" (như SDP chỉ ra) có liên hệ rất mật thiết với chu kỳ cung sáu.

It will consequently be apparent how the knowledge of these cycles, and of the force manifestation or obscuration of a Ray will eventually lead to a working with the Law, and to an intelligent co-operation with the plan of evolution.

Do đó, sẽ hiển nhiên rằng tri thức về các chu kỳ này, và về sự biểu hiện hay sự che khuất của mãnh lực cung, rốt cuộc sẽ dẫn đến việc hoạt động phù hợp với Định luật, và đến sự hợp tác thông minh với thiên cơ tiến hoá.

415. We need to know how to act and when to act. The how is determined by the ray effect we wish to achieve according to Divine Purpose.

415. Chúng ta cần biết cách hành động và khi nào hành động. Cách được quyết định bởi hiệu quả cung mà chúng ta muốn đạt tới theo Thiên Ý.

416. The *when* is determined by what ray energies may be available at the proposed time of acting. Better, we can choose to act when we are *sure* the necessary energy is available and in the measure needed.

416. *Khi nào* được quyết định bởi những năng lượng cung nào có thể sẵn có vào thời điểm hành động được đề xuất. Đúng hơn, chúng ta có thể chọn hành động khi chúng ta *chắc chắn* rằng năng lượng cần thiết đang sẵn có và ở mức độ cần dùng.

It might here be stated that the seven Kumaras (the four exoteric and the three esoteric) cooperate with this Law, and work exoterically, or esoterically **according to the Ray in power**, with the exception of the **first Kumara, the Logos of our scheme,** Who—being the synthesizing point for all—remains ever in objective activity.

Ở đây có thể nói rằng bảy Kumaras (bốn vị ngoại môn và ba vị nội môn) hợp tác với Định luật này, và hoạt động ngoại môn, hay nội môn **theo Cung đang nắm quyền**, ngoại trừ **Kumara thứ nhất, Logos của hệ hành tinh chúng ta,** Đấng—vì là điểm tổng hợp cho tất cả—vẫn luôn ở trong hoạt động khách quan.

417. This reveals that the Esoteric Kumaras are active in the planetary process, working with the major Ray in power, on or through the planet.

417. Điều này tiết lộ rằng các Kumaras Nội Môn hoạt động trong tiến trình hành tinh, làm việc với Cung chính đang nắm quyền, trên hay xuyên qua hành tinh.

418. A particular one of the Kumaras will be active according to which subrays of the major "Ray in power" are active.

418. Một vị Kumara đặc thù sẽ hoạt động tùy theo những cung phụ nào của "Cung đang nắm quyền" chính đang hoạt động.

419. The "first Kumara" is both Sanat Kumara and the Planetary Logos. This is one of those examples of equivalence between the two Entities.

419. "Kumara thứ nhất" vừa là Đức Sanat Kumara vừa là Đức Hành Tinh Thượng Đế. Đây là một trong những ví dụ về sự tương đương giữa hai Thực Thể này.

420. It is important to realize that the Planetary Logos is never out of incarnation —incarnation meaning "objective activity".

420. Điều quan trọng là nhận ra rằng Đức Hành Tinh Thượng Đế không bao giờ ra khỏi lâm phàm—lâm phàm ở đây có nghĩa là "hoạt động khách quan".

421. Certain of the Kumaras may remain, for certain cycles, *subjective*—i.e., out of objective activity.

421. Một số Kumaras có thể vẫn ở trạng thái *chủ quan* trong một số chu kỳ—tức là ra ngoài hoạt động khách quan.

It is this Ray [the Ray in power] activity which governs the obscuration or manifestation of a system, and a scheme with all that is included in these manifestations.

Chính hoạt động của Cung này [the Ray in power] chi phối sự che khuất hay biểu hiện của một hệ thống, và của một hệ hành tinh cùng mọi điều được bao gồm trong các biểu hiện ấy.

422. Manifestation and obscuration within the life cycle of a Planetary Logos are determined by which ray or rays are in power and when.

422. Biểu hiện và sự che khuất trong chu kỳ sống của một Đức Hành Tinh Thượng Đế được quyết định bởi cung hay các cung nào đang nắm quyền và vào lúc nào.

423. There is never a time in which only *one* ray is in power. In our planetary scheme, so focussed through the number *four,* there are usually four rays simultaneously in power.

423. Không bao giờ có thời điểm chỉ *một* cung nắm quyền. Trong hệ hành tinh của chúng ta, vốn được tập trung qua con số *bốn,* thường có bốn cung đồng thời nắm quyền.

424. This will change in future rounds in which, conceivably, more rays could be in power until, at last, in the seventh round, *all* rays would be in power.

424. Điều này sẽ thay đổi trong các cuộc tuần hoàn tương lai, trong đó, có thể hình dung, nhiều cung hơn có thể nắm quyền cho đến khi, rốt cuộc, trong cuộc tuần hoàn thứ bảy, *mọi* cung đều sẽ nắm quyền.

Hence the emphasis laid in all occult books on the study of cycles, and on the

Do đó có sự nhấn mạnh được đặt trong mọi sách huyền bí học vào việc nghiên cứu các

differentiation of the one hundred years of Brahma into its component parts.

chu kỳ, và vào sự phân biệt một trăm năm của Brahma thành các phần cấu thành của nó.

425. There will be an extraordinary number of parts; the subdivisions will be of the greatest intricacy when one considers the uniqueness of the planetary schemes and their distinct cycles, different from those of the other Planetary Logoi.

425. Sẽ có một số lượng phi thường các phần; các phân chia phụ sẽ cực kỳ phức tạp khi người ta xét đến tính độc đáo của các hệ hành tinh và các chu kỳ riêng biệt của chúng, khác với các chu kỳ của những Đức Hành Tinh Thượng Đế khác.

In this knowledge lies hid the mystery of Being itself, of electrical force, and of fohatic synthesis.

Chính trong tri thức này ẩn giấu huyền nhiệm của chính Bản Thể, của điện lực, và của sự tổng hợp fohat.

426. In the knowledge of cycles throughout the occult century of one hundred years of Brahma lies hid:

426. Trong tri thức về các chu kỳ xuyên suốt thế kỷ huyền bí một trăm năm của Brahma ẩn giấu:

a. Knowledge of the mystery of Being

a. Tri thức về huyền nhiệm của Bản Thể

b. Knowledge of electrical force

b. Tri thức về điện lực

c. Knowledge of fohatic synthesis

c. Tri thức về sự tổng hợp fohat

427. We are considering the possibility of a grand synthesis of knowledge. We are taking our first faltering steps towards this synthesis.

427. Chúng ta đang xem xét khả năng của một sự tổng hợp tri thức vĩ đại. Chúng ta đang bước những bước chập chững đầu tiên hướng tới sự tổng hợp này.

428. By learning how to subdivide an occult century, one learns much about the manner in which a solar system is created, how it evolves and how it is absorbed.

428. Bằng cách học cách phân chia một thế kỷ huyền bí, người ta học được nhiều điều về cách một hệ mặt trời được tạo ra, cách nó tiến hoá và cách nó được hấp thu.

I will make no more comments on the future effects of the Ray which is passing into temporary obscuration as far as we are concerned.

Tôi sẽ không bình luận thêm về các hiệu quả tương lai của cung đang đi vào sự che khuất tạm thời xét theo chúng ta.

429. Điều thú vị là Chân sư DK đã không bàn nhiều về các phẩm tính của cung sáu cũng

429. It is interesting that DK did not much discuss the qualities of the sixth ray nor the duration of its particular cycle or cycles.

430. The obscuration into which it is passing is “temporary”, as we realize, and involves refocalization on other globes in our chain and other chains in our scheme.

We shall later take up at greater length than has been possible with the other Rays, the subject of the seventh type of force now coming into power, and which is therefore **a vital factor in the immediate evolution of man**.

431. We shall do this because the seventh ray is of such immediate importance.

432. Thus far, in this section, we have dealt with three of the Rays of Attribute as ‘Rays of Manas’. We have studied the fourth and fifth ray in some detail; the sixth ray cursorily. We are about to undertake the study of the seventh ray.

như thời lượng của chu kỳ hay các chu kỳ đặc thù của nó.

430. Sự che khuất mà nó đang đi vào là “tạm thời”, như chúng ta nhận ra, và bao hàm sự tái tập trung trên các bầu hành tinh khác trong dãy của chúng ta và các dãy khác trong hệ hành tinh của chúng ta.

Về sau, chúng ta sẽ bàn dài hơn nhiều so với các Cung khác, về chủ đề loại mãnh lực thứ bảy hiện đang đi vào quyền lực, và vì vậy là **một nhân tố thiết yếu trong tiến hoá trước mắt của con người**.

431. Chúng ta sẽ làm điều này vì cung bảy có tầm quan trọng trực tiếp như thế.

432. Cho đến nay, trong phần này, chúng ta đã bàn đến ba Cung Thuộc Tính như những ‘Cung của Manas’. Chúng ta đã nghiên cứu cung bốn và cung năm khá chi tiết; cung sáu thì lướt qua. Chúng ta sắp bắt đầu nghiên cứu cung bảy.

TCF 440-453: S4S11

4 - 18 March 2007

(Most of the Tibetan’s text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy**, for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact

4 - 18 tháng 3 năm 2007

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và tham chiếu từ các sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh**, để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình

presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

bày cô đọng trong chính cuốn sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.

1. After describing the fourth, fifth and sixth rays in their relation to manas, we undertake a discussion of the fifth manasic ray—the seventh ray of Ceremonial Magic and Order.

1. Sau khi mô tả các cung bốn, năm và sáu trong mối liên hệ của chúng với manas, chúng ta bắt đầu bàn về cung manas thứ năm—cung bảy của Huyền Thuật Nghi Lễ và Trật Tự.

The fifth principle of manas is at this time beginning to demonstrate mainly through the seventh type of force (or the fifth when considering only the Brahma aspect of manifestation).

Nguyên khí thứ năm của manas vào lúc này đang bắt đầu biểu lộ chủ yếu qua loại mãnh lực thứ bảy (hay thứ năm nếu chỉ xét phương diện Brahma của biểu hiện).

2. The seventh of the ray forces is the fifth of the brahmic forces. Will it be considered the ninth of the 'shivic' forces?

2. Thứ bảy trong các mãnh lực cung là thứ năm trong các mãnh lực brahmic. Liệu nó có được xem là thứ chín trong các mãnh lực 'shivic' không?

3. It is important to realize how much of *mind* is transmitted through this seventh ray.

3. Điều quan trọng là nhận ra có bao nhiêu *trí tuệ* được truyền qua cung bảy này.

It will be immediately apparent, therefore, that this incoming Ray is peculiarly situated at this time, and that its influence will be manifested under very favorable conditions. It is pouring its force out upon the [Page 441] seventh plane, the physical, during the fifth rootrace and the fifth subrace, and consequently the opportunity is great.

Do đó, sẽ lập tức hiển nhiên rằng Cung đang đi vào này **ở vào một vị thế đặc biệt vào lúc này**, và rằng **ảnh hưởng của nó sẽ được biểu lộ trong những điều kiện rất thuận lợi.** Nó đang tuôn đổ mãnh lực của mình lên [Page 441] cõi thứ bảy, cõi hồng trần, trong giống dân gốc thứ năm và giống dân phụ thứ năm, và vì vậy cơ hội là rất lớn.

4. Through the blending of the numbers five and seven the favorable conditions are created.

4. Qua sự hòa trộn của các con số năm và bảy, các điều kiện thuận lợi được tạo ra.

5. The coincidence of the seventh ray with the incoming Aquarian cycle (Aquarius being a sign expressive of the *fifth* ray) strengthens the expression of the seventh ray.

5. Sự trùng hợp của cung bảy với chu kỳ Bảo Bình đang đi vào (Bảo Bình là một dấu hiệu biểu lộ cung *năm*) làm mạnh thêm sự biểu hiện của cung bảy.

6. The seventh plane (the etheric-physical plane) is numerologically resonant to the seventh ray, already strengthened by its association with the sign Aquarius, the Creative Hierarchy of which is expressive on the seventh plane.

6. Cõi thứ bảy (cõi dĩ thái-hồng trần) cộng hưởng về mặt số học với cung bảy, vốn đã được tăng cường bởi sự liên kết của nó với dấu hiệu Bảo Bình, Huyền Giai Sáng Tạo của dấu hiệu này biểu lộ trên cõi thứ bảy.

7. We are analyzing why the conditions for the expression of the seventh ray are so favorable at this time.

7. Chúng ta đang phân tích vì sao các điều kiện cho sự biểu hiện của cung bảy lại thuận lợi đến thế vào lúc này.

In all that has been said anent the Rays it will be apparent that from the present standpoint two are paramountly concerned with the evolution of man: *the fourth Ray of Harmony,* which is the dominant ray of **the greater cycle which includes the fourth round and globe,**

Trong tất cả những gì đã được nói về các Cung, sẽ hiển nhiên rằng từ quan điểm hiện tại có hai cung đặc biệt liên quan tối cao đến sự tiến hoá của con người: *cung bốn của Hài Hòa,* là cung chi phối của **chu kỳ lớn hơn bao gồm cuộc tuần hoàn thứ tư và bầu hành tinh thứ tư,**

8. DK defines "the greater cycle" as inclusive of the fourth round and fourth globe.

8. Chân sư DK định nghĩa "chu kỳ lớn hơn" là bao gồm cuộc tuần hoàn thứ tư và bầu hành tinh thứ tư.

9. The fourth ray is the ray of the Fourth Creative Hierarchy, the Creative Hierarchy which includes the Human Kingdom, as well as the Kingdom of Souls, the fifth kingdom.

9. Cung bốn là cung của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, Huyền Giai Sáng Tạo bao gồm giới nhân loại, cũng như giới các linh hồn, giới thứ năm.

10. Man (considered as a Creative Hierarchy) is to achieve full expression on the fourth plane, the buddhic plane.

10. Con người (được xem như một Huyền Giai Sáng Tạo) sẽ đạt được sự biểu lộ trọn vẹn trên cõi thứ tư, cõi Bồ đề.

and the seventh Ray of Ceremonial Magic, which is one of the foremost influences concerned in all objective manifestations.

và *cung bảy của Huyền Thuật Nghi Lễ,* là một trong những ảnh hưởng hàng đầu liên quan đến mọi biểu hiện khách quan.

11. The seventh ray must be involved if the evolution of man is to involve the seventh or physical plane, and if that evolution is to be achieved through the process of *initiation* which, in most circumstances, necessitates a physical body and brain.

11. Cung bảy phải được bao hàm nếu sự tiến hoá của con người liên quan đến cõi thứ bảy hay cõi hồng trần, và nếu sự tiến hoá ấy được đạt tới qua tiến trình *điểm đạo*, vốn trong phần lớn hoàn cảnh đòi hỏi một thể xác và bộ não hồng trần.

12. These two rays, together, suggest etheric potency, for there are *four* ethers and they are responsible for precipitation upon dense levels of the *seventh* systemic plane—in fact they form a *fourfold* part of the *seventh* plane.

12. Hai cung này, cùng nhau, gợi ý năng lực dĩ thái, vì có *bốn* dĩ thái và chúng chịu trách nhiệm cho sự ngưng tụ trên các cấp độ đậm đặc của cõi hệ thống *thứ bảy*—thật ra chúng tạo thành một phần *tứ phân* của cõi *thứ bảy*.

13. Taken together the fourth and seventh rays are rays of beauty and artistry—of perfected consummation upon the physical plane, for both the four and the seven relate to physicality.

13. Khi được xét cùng nhau, cung bốn và cung bảy là các cung của vẻ đẹp và nghệ thuật—của sự viên mãn hoàn hảo trên cõi hồng trần, vì cả số bốn lẫn số bảy đều liên hệ với tính hồng trần.

These two Rays, or the force of these two planetary Logoi, are largely instrumental in bringing about coherency in our chain, the fourth of the fourth scheme, and on our physical globe, the Earth.

Hai Cung này, hay mãnh lực của hai Đức Hành Tinh Thượng Đế này, phần lớn **là công cụ mang lại sự cố kết trong dãy của chúng ta**, dãy thứ tư của hệ thứ tư, và trên bầu hành tinh hồng trần của chúng ta, Trái Đất.

14. What are these two Planetary Logoi? Mercury can be conceived as the Logos of the Fourth Ray (though monadically, Mercury can well be considered the Logos of the Fifth Ray). Can Uranus be conceived as the Logos of the Seventh Ray? Uranus, we hypothesize, has a seventh ray soul; throughout the Teaching the seventh ray is directly associated with Uranus.

14. Hai Đức Hành Tinh Thượng Đế này là ai? Sao Thủy có thể được quan niệm là Logos của Cung Bốn (dù về mặt chân thần, Sao Thủy hoàn toàn có thể được xem là Logos của Cung Năm). Liệu Sao Thiên Vương có thể được quan niệm là Logos của Cung Bảy không? Chúng tôi giả thuyết rằng Sao Thiên Vương có linh hồn cung bảy; xuyên suốt Giáo Huấn, cung bảy được liên kết trực tiếp với Sao Thiên Vương.

15. Since in our solar system it the *soul* of the Solar Logos which is in process of expression, the influence of the Planetary Logoi can be judged according to Their *soul* ray. Mercury, we may presume with reason, has a fourth ray soul and Uranus and seventh ray soul.

15. Vì trong hệ mặt trời của chúng ta, chính *linh hồn* của Thái dương Thượng đế đang trong tiến trình biểu lộ, nên ảnh hưởng của các Đức Hành Tinh Thượng Đế có thể được đánh giá theo cung *linh hồn* của Các Ngài. Chúng ta có thể giả định một cách hợp lý rằng Sao Thủy có linh hồn cung bốn và Sao Thiên Vương có linh hồn cung bảy.

16. The seventh ray is *a* 'Ray of Coherency'—of 'integrity in form', as is the second ray.

16. Cung bảy là *một* 'Cung của Sự Cố Kết'—của 'tính toàn vẹn trong hình tướng', cũng như cung hai.

17. The fourth ray applies to every level of our fourth scheme, fourth chain and fourth (physical) globe.

17. Cung bốn áp dụng cho mọi cấp độ của hệ thứ tư, dãy thứ tư và bầu hành tinh (hồng trần) thứ tư của chúng ta.

The fourth and the seventh interact, one acting temporarily as a negative force and the other as a positive.

Cung bốn và cung bảy tương tác với nhau, một cung tạm thời hoạt động như mãnh lực âm và cung kia như mãnh lực dương.

18. We are not told which is which, but as the seven ray rules a lower plane than the fourth, perhaps the seventh ray is receptive.

18. Chúng ta không được cho biết cung nào là cung nào, nhưng vì cung bảy cai quản một cõi thấp hơn cung bốn, có lẽ cung bảy là cung tiếp nhận.

19. On the other hand, the seventh ray will be very active, even proactive, during the Aquarian Age (having begun its emergence into power in 1675), and the fourth ray has not even come into power in any full sense. This is destined to occur in and following the year 2025.

19. Mặt khác, cung bảy sẽ rất hoạt động, thậm chí chủ động, trong Kỷ Nguyên Bảo Bình (đã bắt đầu xuất hiện vào quyền lực từ năm 1675), còn cung bốn thì thậm chí chưa đi vào quyền lực theo bất kỳ ý nghĩa trọn vẹn nào. Điều này được định sẽ xảy ra vào và sau năm 2025.

The fifth Kumara, the Lord of the seventh Ray (for it is necessary to keep in mind His dual position as one of the points of the five-pointed Star of Brahma, **and as one of the Triangles in the sevenfold logoic body**)

Kumara thứ năm, Đấng Chúa Tể Cung bảy (vì cần ghi nhớ vị trí kép của Ngài như một trong các điểm của Ngôi Sao Năm Cánh của Brahma, **và như một trong các Tam Giác trong thể logoic thất phân**)

20. There is a five-pointed Star of Brahma; we can associate this Star with the 'Star of Initiation'. A Master (symbolized in part by the five-pointed star) represents the completion of the brahmic cycles of development.

20. Có một Ngôi Sao Năm Cánh của Brahma; chúng ta có thể liên kết Ngôi Sao này với 'Ngôi Sao Điểm Đạo'. Một Chân sư (được biểu tượng phần nào bằng ngôi sao năm cánh) tượng trưng cho sự hoàn tất các chu kỳ phát triển brahmic.

21. In relation to the five-pointed star, the Lord of the Seventh Ray is a "point". In relation to the "sevenfold logoic body" He is a *Triangle*. This sounds like one of the secrets of Sacred Geometry.

21. Liên hệ với ngôi sao năm cánh, Đấng Chúa Tể Cung bảy là một "điểm". Liên hệ với "thể logoi thất phân", Ngài là một *tam giác*. Điều này nghe như một trong những bí mật của Hình Học Thiêng Liêng.

22. Each ray, however, is represented by a triangle of zodiacal constellations, and it

22. Tuy nhiên, mỗi cung được biểu hiện bằng một tam giác các chòm sao hoàng đạo,

may be of this that DK speaks. For instance, the seventh ray is transmitted by the constellations Aries, Cancer and Capricorn.

và có thể chính điều này là điều Chân sư DK đang nói đến. Chẳng hạn, cung bảy được truyền dẫn qua các chòm sao Bạch Dương, Cự Giải và Ma Kết.

23. Is DK also hinting that every ray is represented by a triangle of chakras?

23. Phải chăng Chân sư DK cũng đang gợi ý rằng mỗi cung đều được biểu hiện bằng một tam giác các luân xa?

24. We know that each ray is represented by a triangle of zodiacal signs. What if every ray had a justifiable triangular expression through the chakric system? Constellations are as chakras (or as petals) in a greater system, and one Greater Ray expresses through them in groups of threes.

24. Chúng ta biết rằng mỗi cung được biểu hiện bằng một tam giác các dấu hiệu hoàng đạo. Nếu mỗi cung đều có một biểu hiện tam giác chính đáng qua hệ thống luân xa thì sao? Các chòm sao giống như các luân xa (hoặc như các cánh hoa) trong một hệ thống lớn hơn, và một Cung Vĩ Đại biểu hiện qua chúng theo từng nhóm ba.

25. With respect to the human being, the seventh ray, for instance, has a prominent role in the sacral center, the throat center and (numerologically) at the base of the spine. From an astral perspective, the ajna center must be included as an expression of the seventh ray (cf. EH 51).

25. Chẳng hạn, đối với con người, cung bảy có một vai trò nổi bật trong trung tâm xương cùng, trung tâm cổ họng và (xét về số học) ở đáy cột sống. Từ góc độ cảm dục, trung tâm ajna phải được bao gồm như một biểu hiện của cung bảy (x. EH 51).

has a unique position as the "Ruler of the Building Devas" of the physical plane, the devas of the ethers, in cooperation with their Deva Lord.

có một vị trí độc đáo với tư cách là "Đấng Cai Quản các thiên thần kiến tạo" của cõi hồng trần, các thiên thần của các cõi dĩ thái, trong sự hợp tác với Đấng Chúa Tể Deva của các ngài.

26. The "devas of the ethers" are the "violet devas" and the Deva Lord of the systemic etheric-physical plane is known as Kshiti.

26. "Các thiên thần của các cõi dĩ thái" là "các thiên thần tím", và Đấng Chúa Tể Deva của cõi dĩ thái-hồng trần hệ thống được biết đến là Kshiti.

27. We must always remember the seventh ray as one of the major *building* rays.

27. Chúng ta phải luôn ghi nhớ cung bảy như một trong những cung *kiến tạo* chính.

28. From this perspective, Jupiter, which (as the "Ceremonialist") expresses so much of the seventh ray is a *building* planet.

28. Từ góc nhìn này, Sao Mộc, vốn (với tư cách "Nhà Nghi Lễ") biểu hiện rất nhiều cung bảy, là một hành tinh *kiến tạo*.

He guides and directs the production of the form by means of certain occult words.

Ngài hướng dẫn và điều khiển sự tạo thành hình tướng bằng những linh từ huyền bí nhất định.

29. The seventh ray is particularly associated with mantra, with magical words with guide the Building Devas in their work.

29. Cung bảy đặc biệt gắn liền với mantra, với những linh từ huyền thuật hướng dẫn các thiên thần kiến tạo trong công việc của họ.

30. It is interesting how much the seventh ray is associated with speech. At a certain point in human development, the seventh ray is said to rule the throat center.

30. Thật thú vị khi thấy cung bảy gắn liền nhiều đến thế với lời nói. Ở một giai đoạn nhất định trong sự phát triển của con người, cung bảy được nói là cai quản trung tâm cổ họng.

The throat centre of the average integrated personality is governed by the third ray and is strongly energised by third ray energies (again seven in number), whilst the throat centre of the spiritual aspirant, of disciples and initiates below the third initiation is responding primarily to seventh ray influence, and this is peculiarly the case now as the seventh ray is in incarnation. (TEV 137)

Trung tâm cổ họng của Phàm ngã tích hợp trung bình được cai quản bởi cung ba và được các năng lượng cung ba (lại gồm bảy loại) tiếp năng lượng mạnh mẽ, trong khi trung tâm cổ họng của người chí nguyện tinh thần, của các đệ tử và các điểm đạo đồ dưới lần điểm đạo thứ ba chủ yếu đáp ứng với ảnh hưởng của cung bảy, và điều này đặc biệt đúng vào lúc này vì cung bảy đang lâm phàm. (TEV 137)

He works, therefore, through the etheric body of all forms and it is through His inflowing force that we may look for that increased stimulation of the matter of the etheric brain which will make the physical brain receptive to the higher revealing truth, and will put into the hands of scientists the secrets of the fourth and third ethers.

Vì vậy, Ngài hoạt động qua thể dĩ thái của mọi hình tướng, và chính nhờ mãnh lực tuôn vào của Ngài mà chúng ta có thể mong đợi sự kích thích gia tăng đối với vật chất của bộ não dĩ thái, điều sẽ làm cho bộ não hồng trần tiếp nhận được chân lý mặc khải cao hơn, và sẽ đặt vào tay các nhà khoa học những bí mật của cõi dĩ thái thứ tư và thứ ba.

31. The seventh ray is influential in relation to the etheric body of all forms.

31. Cung bảy có ảnh hưởng mạnh mẽ liên hệ với thể dĩ thái của mọi hình tướng.

32. How shall the physical brain become receptive to the "higher revealing truth"? By means of the stimulation imparted to it by the etheric brain which the seventh ray has stimulated.

32. Bộ não hồng trần sẽ trở nên tiếp nhận "chân lý mặc khải cao hơn" như thế nào? Bằng sự kích thích được truyền cho nó bởi bộ não dĩ thái mà cung bảy đã kích thích.

33. The influence of the etheric plane gradually impresses the physical brain; not only the lowest of the ethers, the fourth, will reveal its secrets, but the third as well.

33. Ảnh hưởng của cõi dĩ thái dần dần in dấu lên bộ não hồng trần; không chỉ cõi dĩ thái thấp nhất, tức cõi thứ tư, sẽ tiết lộ các bí mật của nó, mà cả cõi thứ ba cũng vậy.

34. The implication is that the ethers are far more capable of carrying the vibration of the "higher revealing truth" than is dense physical substance.

34. Hàm ý ở đây là các cõi dĩ thái có khả năng mang rung động của "chân lý mặc khải cao hơn" lớn hơn rất nhiều so với chất liệu hồng trần đậm đặc.

35. The third ether is particularly related to the throat center and to intelligence.

35. Cõi dĩ thái thứ ba đặc biệt liên hệ với trung tâm cổ họng và với trí tuệ.

The development of the matter of the brain parallels the stage of development of its atomic correspondence,

Sự phát triển của vật chất của bộ não song hành với giai đoạn phát triển của đối phần nguyên tử của nó,

36. Is DK speaking of the etheric brain or of the atomic portions of the etheric brain?

36. Phải chăng Chân sư DK đang nói về bộ não dĩ thái hay về các phần nguyên tử của bộ não dĩ thái?

37. We may assume that the greater the proportion of atomic matter in the etheric brain, the greater will be the quality and responsiveness of the physical brain. The quality of dense physical matter is upgraded with the upgrading of the etheric body.

37. Chúng ta có thể giả định rằng tỷ lệ vật chất nguyên tử trong bộ não dĩ thái càng lớn thì phẩm tính và khả năng đáp ứng của bộ não hồng trần càng cao. Phẩm tính của vật chất hồng trần đậm đặc được nâng cao cùng với sự nâng cao của thể dĩ thái.

and in the vitalisation of the fifth spirilla and the consequent reflex action of the seventh,

và trong sự tiếp sinh lực cho loa tuyến thứ năm cùng tác động phản xạ kéo theo của loa tuyến thứ bảy,

38. Here again, the numbers seven and five are united.

38. Ở đây một lần nữa, các số bảy và năm được hợp nhất.

39. The fifth spirilla correlates with the fifth principle, with the causal body and with the Kingdom of Souls.

39. Loa tuyến thứ năm tương ứng với nguyên khí thứ năm, với thể nguyên nhân và với Thiên Giới của các linh hồn.

40. The seventh spirilla is higher than the fifth and correlates with the substance of the atomic sub-plane and the physical permanent atom (really the *etheric* permanent atom).

40. Loa tuyến thứ bảy cao hơn loa tuyến thứ năm và tương ứng với chất liệu của cõi phụ nguyên tử và nguyên tử trường tồn hồng trần (thật ra là nguyên tử trường tồn *dĩ thái*).

41. The numbering of the spirillae occurs from lower numbers to higher. The numbering of the rays occurs from higher numbers to lower.

41. Việc đánh số các loa tuyến diễn ra từ số thấp lên số cao. Việc đánh số các cung diễn ra từ số cao xuống số thấp.

we may look to see the mind of man assume proportions, and attain achievement, as yet unthought and undreamt.

chúng ta có thể mong thấy trí tuệ của con người đạt đến tầm vóc và thành tựu mà cho đến nay vẫn chưa từng được nghĩ tới hay mơ tới.

42. When the fifth spirilla is influenced by the reflex action of the seventh, the atmic permanent atom makes its impression upon the manasic permanent atom. There arises the possibility of beginning that sequence of initiations which has been called “solar”.

42. Khi loa tuyến thứ năm chịu ảnh hưởng bởi tác động phản xạ của loa tuyến thứ bảy, nguyên tử trường tồn atma gây ấn tượng lên nguyên tử trường tồn manas. Từ đó nảy sinh khả năng bắt đầu chuỗi điểm đạo đã được gọi là “thái dương”.

43. The physical permanent atom can be seen in eventual relationship not only to the manasic permanent atom but to the atmic permanent atom, remembering the atmic plane to be a plane of intelligence as well as will.

43. Có thể thấy nguyên tử trường tồn hồng trần rốt cuộc có liên hệ không chỉ với nguyên tử trường tồn manas mà còn với nguyên tử trường tồn atma, nếu nhớ rằng cõi atma là một cõi của trí tuệ cũng như ý chí.

44. Just as the awakening of the fifth spirilla correlates with entry into the Kingdom of Souls, so we may propose that the sixth spirilla signals the engagement of the spiritual triad and the seventh, the Monad.

44. Cũng như sự thức tỉnh của loa tuyến thứ năm tương ứng với việc bước vào Thiên Giới của các linh hồn, chúng ta có thể đề xuất rằng loa tuyến thứ sáu báo hiệu sự tham dự của Tam Nguyên Tinh Thần và loa tuyến thứ bảy báo hiệu chân thần.

45. From another perspective (more numerologically linear) the activation of the sixth spirilla should correlated with monadic influence and with some degree of influence from the Kingdom of Planetary Lives and the activation of the seventh with a degree of influence from the Kingdom of Solar Lives.

45. Từ một góc nhìn khác (tuyến tính hơn về mặt số học), sự hoạt hóa loa tuyến thứ sáu nên tương ứng với ảnh hưởng chân thần và với một mức độ ảnh hưởng nào đó từ giới Các Sự Sống Hành tinh, còn sự hoạt hóa loa tuyến thứ bảy tương ứng với một mức độ ảnh hưởng từ giới Các Sự sống Thái Dương.

The Personality Ray deals with the first four spirillae, and is the source of their stimulation. Note here the correspondence to the lower quaternary and its stimulation by the ego. The Egoic Ray concerns itself with the fifth spirilla and with the sixth, and is the cause of their emerging from latency and potentiality into power and activity. The Monadic Ray is the source of the stimulation of the seventh spirilla. (TCF 71-72)

Cung phàm ngã đề cập đến bốn loa tuyến đầu tiên, và là nguồn kích thích của chúng. Hãy lưu ý ở đây sự tương ứng với bộ tứ thấp và sự kích thích của nó bởi chân ngã. Cung chân ngã liên quan đến loa tuyến thứ năm và thứ sáu, và là nguyên nhân khiến chúng từ trạng thái tiềm ẩn và tiềm năng bước vào quyền năng và hoạt động. Cung chân thần là nguồn kích thích loa tuyến thứ bảy. (TCF 71-72)

46. To experience nirvanic consciousness within the physical brain suggests the impress of the atmic permanent atom upon the physical permanent atom. Under such circumstances, the mind of man would be elevated to the condition described above. Was the Buddha's mind of this nature?

46. Việc trải nghiệm tâm thức Niết Bàn trong bộ não hồng trần gợi ý sự in dấu của nguyên tử trường tồn atma lên nguyên tử trường tồn hồng trần. Trong những hoàn cảnh như vậy, trí tuệ của con người sẽ được nâng lên đến trạng thái được mô tả ở trên. Phải chăng trí tuệ của Đức Phật có bản chất như thế?

47. It is important to understand the relationship between the greater three spirillae and the lesser seven.

47. Điều quan trọng là phải thấu hiểu mối liên hệ giữa ba loa tuyến lớn hơn và bảy loa tuyến nhỏ hơn.

[Page 442]

[Page 442]

We might consider the effect of this incoming force along three lines:

Chúng ta có thể xem xét tác động của mãnh lực đang đi vào này theo ba đường:

First. The type of force, or the logoic quality, with its function and aim.

Thứ nhất. Loại mãnh lực, hay phẩm tính logoi, cùng chức năng và mục đích của nó.

Second. Its work in relation to:

Thứ hai. Công việc của nó liên hệ với:

a. The animal kingdom.

b. The human kingdom.

c. The deva kingdom.

Third. The results to be looked for during the coming centuries.

48. The outline is given offering insights from the logoic perspective, from the point of view of the Kingdoms of Nature, and from the point of view of future developments.

The type of force, or the nature of the Heavenly Man of the seventh Ray, is fundamentally constructive.

49. Can we assume that Uranus is this Heavenly Man? He is the only Planetary Logos to which DK assigns the seventh ray, although there are a greater number of Heavenly Men in our solar system, and surely some of them are characterized majorly by the seventh ray.

50. For the time being, Uranus is our only option. Jupiter has its important seventh ray component (and so may Saturn and Vulcan), but the predominant nature of Jupiter *at this time* is clearly the second ray. Yet Jupiter is definitely an "constructive" planet.

51. If the nature of the Seventh Ray Lord is "fundamentally constructive" we are referring to the seventh ray as a *building* ray, and perhaps to Uranus as a constructive planet.

a. giới động vật.

b. giới nhân loại.

c. giới thiên thần.

Thứ ba. Những kết quả có thể được mong đợi trong các thế kỷ sắp tới.

48. Dàn ý này được đưa ra nhằm cung cấp những hiểu biết từ góc nhìn logoi, từ quan điểm của các Giới trong Thiên Nhiên, và từ quan điểm của những phát triển tương lai.

Loại mãnh lực, hay bản chất của **Đấng Thiên Nhân** của cung bảy, **về căn bản là có tính kiến tạo.**

49. Chúng ta có thể giả định rằng Sao Thiên Vương là Đấng Thiên Nhân này chăng? Đây là Đức Hành Tinh Thượng Đế duy nhất mà Chân sư DK gán cho cung bảy, mặc dù trong hệ mặt trời của chúng ta có nhiều Đấng Thiên Nhân hơn, và hẳn nhiên một số trong Các Ngài được đặc trưng chủ yếu bởi cung bảy.

50. Hiện thời, Sao Thiên Vương là lựa chọn duy nhất của chúng ta. Sao Mộc có thành phần cung bảy quan trọng của nó (và có thể Sao Thổ và Vulcan cũng vậy), nhưng bản chất chủ yếu của Sao Mộc *vào lúc này* rõ ràng là cung hai. Tuy vậy, Sao Mộc chắc chắn là một hành tinh "có tính kiến tạo".

51. Nếu bản chất của Đấng Chúa Tể Cung bảy là "về căn bản có tính kiến tạo" thì chúng ta đang nói đến cung bảy như một cung *kiến tạo*, và có lẽ nói đến Sao Thiên Vương như một hành tinh có tính kiến tạo.

52. Uranus is certainly constructive in that it ensures that the building process will proceed along archetypal lines. Yet, in order to do so, it will at times exert a disruptive or destructive influence.

52. Chắc chắn Sao Thiên Vương có tính kiến tạo ở chỗ nó bảo đảm rằng tiến trình kiến tạo sẽ diễn ra theo những đường nét nguyên mẫu. Tuy nhiên, để làm được điều đó, đôi khi nó sẽ tác động một ảnh hưởng gây xáo trộn hoặc hủy diệt.

It will be necessary here to touch somewhat upon His character and His place in the logoic scheme, calling attention to the need of refraining from personalisation and externalisation.

Ở đây cần phải đề cập đôi chút đến tính cách của Ngài và vị trí của Ngài trong hệ hành tinh logoi, đồng thời lưu ý sự cần thiết phải tránh cá nhân hóa và ngoại hiện hóa.

53. DK wishes us to refrain from considering the Heavenly Men as great Personalities. We are also to refrain from considering Them in a manner too exoteric.

53. Chân sư DK muốn chúng ta tránh xem các Đấng Thiên Nhân như những Phàm ngã vĩ đại. Chúng ta cũng phải tránh xem xét Các Ngài theo một cách quá ngoại môn.

54. We note the use of the word "scheme" in relation to a Solar Logos. Just as a Planetary Logos has a "scheme" which we call a "planetary scheme", so a Solar Logos has a "scheme" which we know as His solar system. At times we may call the solar system the "solar scheme".

54. Chúng ta lưu ý việc dùng từ "hệ hành tinh" trong liên hệ với một Thái dương Thượng đế. Cũng như một Hành Tinh Thượng Đế có một "hệ hành tinh" mà chúng ta gọi là một "hệ hành tinh", thì một Thái dương Thượng đế cũng có một "hệ hành tinh" mà chúng ta biết là hệ mặt trời của Ngài. Đôi khi chúng ta có thể gọi hệ mặt trời là "thái dương hệ hành tinh".

The Heavenly Man of the scheme in which the Ray of Ceremonial Magic is embodied is one of the **main transmitters of radiation from the Sun to the system and has a close connection with logoic kundalini**. Herein lies a hint.

Đấng Thiên Nhân của hệ hành tinh mà trong đó Cung Huyền Thuật Nghi Lễ được nhập thể là một trong những **đấng truyền dẫn chính bức xạ từ Mặt Trời đến hệ thống và có liên hệ mật thiết với kundalini logoi**. Chính trong đây có một gợi ý.

55. The base of the spine center is the *seventh* chakra and the root of kundalini is associated with this chakra.

55. Trung tâm đáy cột sống là luân xa *thứ bảy* và gốc của kundalini gắn liền với luân xa này.

56. From one perspective, the planet Uranus can be linked with the base of the spine center (along with numerous other planets). In one way, if we wish to assign the three

56. Từ một góc nhìn, hành tinh Sao Thiên Vương có thể được liên kết với trung tâm đáy cột sống (cùng với nhiều hành tinh khác). Theo một cách nào đó, nếu chúng ta muốn

synthesizing planets to three pairs of chakras, Uranus seems to rule the crown and the base, Saturn, the throat and sacral center and Neptune the heart and the solar plexus center. The ajna center has no 'opposing' chakra and can be considered related to Mercury, but also to Neptune at a later stage of evolution. Ajna, heart and solar plexus can all be related to Neptune.

gán ba hành tinh tổng hợp cho ba cặp luân xa, thì Sao Thiên Vương dường như cai quản đỉnh đầu và đáy cột sống, Sao Thổ cai quản trung tâm cổ họng và trung tâm xương cùng, còn Sao Hải Vương cai quản trung tâm tim và trung tâm tùng thái dương. Trung tâm ajna không có luân xa nào "đối ứng" và có thể được xem là liên hệ với Sao Thủy, nhưng cũng liên hệ với Sao Hải Vương ở một giai đoạn tiến hoá muộn hơn. Ajna, tim và tùng thái dương đều có thể liên hệ với Sao Hải Vương.

57. The word "radiation" is another hint that Uranus (the planet of radioactivity) may be the planet in question. Consider the names of two prominent radioactive elements —"radium" and "uranium".

57. Từ "bức xạ" là một gợi ý khác cho thấy Sao Thiên Vương (hành tinh của tính phóng xạ) có thể là hành tinh đang được nói đến. Hãy xét tên của hai nguyên tố phóng xạ nổi bật—"radium" và "uranium".

58. If we substantiate this, then what shall we say of Uranus' relation to the Logos of the Fifth Ray. Is that Logos Venus (despite all the difficulties of placing Venus in that position) or Uranus? Or is it Mercury? Certainly, in the case of Uranus, both the fifth and seventh rays are prominent.

58. Nếu chúng ta xác nhận điều này, thì sẽ nói gì về mối liên hệ của Sao Thiên Vương với Logos của Cung năm? Logos đó là Sao Kim chăng (bất chấp mọi khó khăn khi đặt Sao Kim vào vị trí ấy) hay là Sao Thiên Vương? Hay là Sao Thủy? Chắc chắn rằng, trong trường hợp của Sao Thiên Vương, cả cung năm lẫn cung bảy đều nổi bật.

59. We are well aware the Mercury has a close connection to the kundalini; it is called "kundalini in intelligent activity" (cf. TCF 181). We note the very close connection of Mercury to Uranus and of their mutual connection to the kundalini.

59. Chúng ta hoàn toàn biết rõ rằng Sao Thủy có liên hệ mật thiết với kundalini; nó được gọi là "kundalini trong hoạt động trí tuệ" (x. TCF 181). Chúng ta lưu ý mối liên hệ rất mật thiết của Sao Thủy với Sao Thiên Vương và mối liên hệ chung của cả hai với kundalini.

The Raja-Lord of the etheric levels of the physical plane works in close alliance with Him and this will be apparent if we bear in mind that the Lord of a plane is its embodied activity.

Raja-Lord của các cấp độ dĩ thái của cõi hồng trần hoạt động trong sự liên minh mật thiết với Ngài, và điều này sẽ trở nên hiển nhiên nếu chúng ta ghi nhớ rằng **Chúa Tể của một cõi là hoạt động được nhập thể của cõi ấy**.

60. The Raja Lord Kshiti seems particularly related to the *etheric* levels of the physical plane and not to the dense levels.

60. Raja Lord Kshiti dường như đặc biệt liên hệ với các cấp độ *dĩ thái* của cõi hồng trần chứ không phải với các cấp độ đậm đặc.

61. Can we say that Uranus (as, possibly, the Heavenly Man in question) is closely related to the Raja Lord, Kshiti?

61. Chúng ta có thể nói rằng Sao Thiên Vương (với tư cách, có thể, là Đấng Thiên Nhân đang được nói đến) có liên hệ mật thiết với Raja Lord Kshiti chăng?

62. If we look closely at the physical plane, we shall find Uranus related to its etheric aspect and Saturn more closely related to its dense aspect (the lower three sub-planes).

62. Nếu quan sát kỹ cõi hồng trần, chúng ta sẽ thấy Sao Thiên Vương liên hệ với phương diện dĩ thái của nó, còn Sao Thổ liên hệ mật thiết hơn với phương diện đậm đặc của nó (ba cõi phụ thấp hơn).

63. The Raja Lord of a plane is definitely associated with the activity aspect of divinity—the third aspect (no matter what the plane in question).

63. Raja Lord của một cõi chắc chắn gắn liền với phương diện hoạt động của thiên tính—phương diện thứ ba (bất kể đó là cõi nào).

He is the energising force that expresses itself as a unified Identity in the matter of a plane,

Ngài là mãnh lực tiếp năng lượng tự biểu hiện như một Bản Sắc Hợp Nhất trong vật chất của một cõi,

64. The Raja Lord of a plane is a “unified identity” expressing itself in the matter of a particular plane.

64. Raja Lord của một cõi là một “bản sắc hợp nhất” tự biểu hiện trong vật chất của một cõi nhất định.

65. All substance within any particular plane works together for the ultimate expression of the aims of that Entity—the Raja Lord. The substance of a plane does not move chaotically or without purpose.

65. Mọi chất liệu trong bất kỳ cõi nào đều cùng hoạt động vì sự biểu hiện tối hậu của các mục đích của Thực Thể ấy—Raja Lord. Chất liệu của một cõi không vận động hỗn loạn hay vô mục đích.

and we might therefore get some idea of the coherency of Their mutual work if we bear in mind that:

và vì vậy chúng ta có thể có được một ý niệm nào đó về tính nhất quán trong công việc chung của Các Ngài nếu ghi nhớ rằng:

- The Raja-Lord of a plane is the sum total of the substance of that plane.

- Raja-Lord của một cõi là tổng thể chất liệu của cõi ấy.

66. We note the word “substance” rather than “matter”. Substance substands matter. Substance is really substance-energy, or substance-force. It is that which acts upon matter.

66. Chúng ta lưu ý từ “chất liệu” thay vì “vật chất”. Chất liệu là nền tảng của vật chất. Chất liệu thật ra là chất liệu-năng lượng, hay chất liệu-mãnh lực. Đó là cái tác động lên vật chất.

67. Will this mean that a Raja Deva Lord is more directly related to the higher four (i.e., etheric) sub-planes of any particular systemic plane rather than to its lower three?

67. Điều này có nghĩa rằng một Raja Deva Lord liên hệ trực tiếp hơn với bốn cõi phụ cao hơn (tức các cõi dĩ thái) của bất kỳ cõi hệ thống nào hơn là với ba cõi phụ thấp hơn của nó chăng?

- The planetary Logos Who is most closely connected with any particular plane is its quality and colouring.

- Hành Tinh Thượng Đế có liên hệ mật thiết nhất với bất kỳ cõi nào chính là phẩm tính và sắc thái của cõi ấy.

68. Earlier we read that the Raja Deva Lord of a plane provided its quality. The Lord of a plane “works through the colour which is His psychical display” (TCF 438)

68. Trước đây chúng ta đã đọc rằng Raja Deva Lord của một cõi cung cấp phẩm tính của cõi ấy. Chúa Tể của một cõi “hoạt động qua màu sắc là sự biểu lộ thông linh của Ngài” (TCF 438)

69. Now we are being told that the Planetary Logos most closely connected with a plane provides its quality and colouring.

69. Giờ đây chúng ta được bảo rằng Hành Tinh Thượng Đế có liên hệ mật thiết nhất với một cõi sẽ cung cấp phẩm tính và sắc thái của cõi ấy.

70. Perhaps both are simultaneously true.

70. Có lẽ cả hai điều đều đồng thời đúng.

71. Let us consider some Planetary Logoi and their potential relations to the four planes for which the names of Raja Deva Lords are given. Let us hypothesize:

71. Hãy xét một số Hành Tinh Thượng Đế và các mối liên hệ tiềm năng của Các Ngài với bốn cõi mà tên các Raja Deva Lords đã được nêu ra. Chúng ta hãy giả thuyết:

a. Uranus, Saturn, Vulcan and Earth are most closely related to Kshiti

a. Sao Thiên Vương, Sao Thổ, Vulcan và Trái Đất có liên hệ mật thiết nhất với Kshiti

b. Mars and, especially, Neptune are most closely related to Varuna

b. Sao Hỏa và đặc biệt là Sao Hải Vương có liên hệ mật thiết nhất với Varuna

c. Mars, Venus and Uranus are most closely related to Agni

c. Sao Hỏa, Sao Kim và Sao Thiên Vương có liên hệ mật thiết nhất với Agni

d. Mercury, Jupiter and Neptune are most closely related to Indra.

d. Sao Thủy, Sao Mộc và Sao Hải Vương có liên hệ mật thiết nhất với Indra.

By the united action and work of these two Entities all is accomplished—the Lord of the Builders constructing [Page 443] the forms which the Lord of Life utilises to develop consciousness within.

Nhờ hành động và công việc hợp nhất của hai Thực Thể này mà mọi sự được hoàn thành—Chúa Tể của các đấng kiến tạo xây dựng [Page 443] các hình tướng mà Chúa Tể của Sự sống sử dụng để phát triển tâm thức bên trong.

72. We have some important definitions here:

72. Ở đây chúng ta có một số định nghĩa quan trọng:

a. The Raja Deva Lord is the "Lord of the Builders"

a. Raja Deva Lord là "Chúa Tể của các đấng kiến tạo"

b. The Heavenly Man is considered a "Lord of Life".

b. Đấng Thiên Nhân được xem là một "Chúa Tể của Sự sống".

73. The great dichotomy is Life and Form:

73. Đại nhị nguyên là Sự sống và hình tướng:

a. The Raja Deva Lord is the great Lord of Form

a. Raja Deva Lord là vị Chúa Tể Vĩ Đại của Hình Tướng

b. The Heavenly Man is a great Lord of Life.

b. Đấng Thiên Nhân là một vị Chúa Tể Vĩ Đại của Sự sống.

74. These two define a fundamental duality.

74. Hai vị này xác định một nhị nguyên tính căn bản.

The force or **vibration of any Ray** might be summed up as:

Mãnh lực hay **rung động của bất kỳ cung nào** có thể được tóm lược như sau:

a. The intelligent purpose of an Entity, a planetary Logos.

a. Mục đích trí tuệ của một Thực Thể, một Hành Tinh Thượng Đế.

75. Một rung động cung vừa có mục đích vừa có tính trí tuệ vì nó là "mục đích trí tuệ

75. A ray vibration is both purposeful and intelligent because it is the "intelligent purpose of an Entity, a planetary Logos".

của một Thực Thể, một Hành Tinh Thượng Đế".

76. We remember that a ray affects both men and devas, and, thus, both Heavenly Men and Raja Deva Lords.

76. Chúng ta nhớ rằng một cung tác động lên cả những người nam và nữ lẫn các thiên thần, và do đó tác động lên cả các Đấng Thiên Nhân lẫn các Raja Deva Lords.

b. His life energy working in, through, and upon His body of manifestation.

b. Năng lượng sự sống của Ngài hoạt động trong, xuyên qua và lên thể biểu hiện của Ngài.

77. The "vibration of any Ray" is *life* energy and it affects the body of manifestation of that Ray Life. Let us remember that a Planetary Logos is considered a Ray Life and, from one perspective, a "Ray Lord".

77. "Rung động của bất kỳ cung nào" là năng lượng *sự sống* và nó tác động lên thể biểu hiện của Sự sống Cung ấy. Hãy nhớ rằng một Hành Tinh Thượng Đế được xem là một Sự sống Cung và, từ một góc nhìn, là một "Đấng Chúa Tể Cung".

78. Here we are speaking of the first aspect of divinity—the "*life* aspect".

78. Ở đây chúng ta đang nói về phương diện thứ nhất của thiên tính—phương diện "*sự sống*".

79. The vibration of a Ray (considered as *life* energy) is *imposed* upon the body of manifestation of the Planetary Logos in question.

79. Rung động của một cung (được xem như năng lượng *sự sống*) được *áp đặt* lên thể biểu hiện của Hành Tinh Thượng Đế đang được nói đến.

c. His magnetic radiation as it affects (though in lesser degree) His Brothers in manifestation.

c. Bức xạ từ tính của Ngài khi nó tác động (dù ở mức độ thấp hơn) lên các Huynh Đệ của Ngài trong biểu hiện.

80. There is "life energy" (first aspect) and "magnetic radiation" (second aspect).

80. Có "năng lượng sự sống" (phương diện thứ nhất) và "bức xạ từ tính" (phương diện thứ hai).

81. Magnetic radiation relates to the phenomenon of brotherhood. The magnetic radiation of a Planetary Logos affects His fellow Planetary Logoi.

81. Bức xạ từ tính liên hệ với hiện tượng huynh đệ. Bức xạ từ tính của một Hành Tinh Thượng Đế tác động lên các Hành Tinh Thượng Đế đồng đẳng của Ngài.

82. Magnetism is not imposition.

82. Từ điện không phải là sự áp đặt.

d. **His peculiar colouring or quality, His main psychological aspect,** demonstrating through His own activities within His own scheme.

d. **Sắc thái đặc thù hay phẩm tính của Ngài, phương diện tâm lý chính của Ngài,** được biểu lộ qua chính các hoạt động của Ngài trong hệ hành tinh riêng của Ngài.

83. Coloring, quality and psychological aspect go together. These three demonstrate through the scheme through which a Planetary Logos expresses Himself.

83. Sắc thái, phẩm tính và phương diện tâm lý đi cùng nhau. Cả ba điều này biểu lộ qua hệ hành tinh mà qua đó một Hành Tinh Thượng Đế biểu hiện chính Ngài.

84. The "vibration of any Ray" has a peculiar colouring, quality and main psychological aspect.

84. "Rung động của bất kỳ cung nào" có một sắc thái, phẩm tính và phương diện tâm lý chính đặc thù.

85. It is probably true to say the same of a Raja Deva Lord.

85. Có lẽ cũng đúng khi nói như vậy về một Raja Deva Lord.

86. In section "d." we are speaking of the manner in which the peculiar colouring, quality and psychological aspect of a Heavenly Man or Ray Lord affects the scheme through which it manifests.

86. Trong mục "d.", chúng ta đang nói về cách mà sắc thái, phẩm tính và phương diện tâm lý đặc thù của một Đấng Thiên Nhân hay Đấng Chúa Tể Cung tác động lên hệ hành tinh mà qua đó vị ấy biểu hiện.

87. We are also dealing here with the "activity aspect" rather than with "life" and "magnetism".

87. Ở đây chúng ta cũng đang đề cập đến "phương diện hoạt động" hơn là "sự sống" và "từ điện".

e. The effect of the same as it influences His Brothers within the body corporate of the solar Logos.

e. Tác động của chính điều đó khi nó ảnh hưởng đến các Huynh Đệ của Ngài trong tổng thể của Thái dương Thượng đế.

88. In section "e." we are speaking of the manner in which the peculiar colouring, quality or psychological aspect affects other Planetary Logoi.

88. Trong mục "e.", chúng ta đang nói về cách mà sắc thái, phẩm tính hay phương diện tâm lý đặc thù ảnh hưởng đến các Hành Tinh Thượng Đế khác.

f. His life force as it radiates beyond His own periphery as active energy and stimulating

f. Sinh lực của Ngài khi nó bức xạ vượt ra ngoài chu vi riêng của Ngài như năng lượng

activity—being literally one of the aspects of Fohat.

89. The life force of a Planetary Logos or Ray Lord is considered "one of the aspects of Fohat".

90. We may correlate this aspect of energy with the third aspect of the Planetary Logos or Ray Lord.

The activity aspect of a Heavenly Man is as much an aspect of Fohat as **Brahma is the sumtotal of Fohat. The Heavenly Men are, by virtue of physical manifestation, Fohat and His Brothers.**

91. If "Brahma is the sumtotal of Fohat", then the Heavenly Men (Who are aspects of Brahma—the "Mindborn Sons of Brahma") are also "aspects of Fohat".

92. When dealing with the Heavenly Man as Beings in *physical* manifestation, we are dealing with Fohat and His Brothers.

93. The Heavenly Men are Brahma, Vishnu and Shiva, depending upon which of Their three aspects is being referenced.

94. At Their present stage of evolution, the Heavenly Men are Brahma-Vishnu rather than Brahma-Vishnu-Shiva. Their first aspect is not yet fully in expression.

hoạt động và hoạt động kích thích—thật sự là một trong những phương diện của Fohat.

89. Sinh lực của một Hành Tinh Thượng Đế hay Đấng Chúa Tể Cung được xem là "một trong những phương diện của Fohat".

90. Chúng ta có thể tương ứng phương diện năng lượng này với phương diện thứ ba của Hành Tinh Thượng Đế hay Đấng Chúa Tể Cung.

Phương diện hoạt động của một Đấng Thiên Nhân cũng là một phương diện của Fohat chẳng khác nào **Brahma là tổng thể của Fohat. Các Đấng Thiên Nhân, do biểu hiện hồng trần, là Fohat và các Huynh Đệ của Ngài.**

91. Nếu "Brahma là tổng thể của Fohat", thì các Đấng Thiên Nhân (là các phương diện của Brahma—các "Người Con do Trí sinh" của Brahma) cũng là "các phương diện của Fohat".

92. Khi đề cập đến Đấng Thiên Nhân như những Hữu Thể trong biểu hiện *hồng trần*, chúng ta đang đề cập đến Fohat và các Huynh Đệ của Ngài.

93. Các Đấng Thiên Nhân là Brahma, Vishnu và Shiva, tùy theo phương diện nào trong ba phương diện của Các Ngài đang được nói đến.

94. Ở giai đoạn tiến hoá hiện nay của Các Ngài, các Đấng Thiên Nhân là Brahma-Vishnu hơn là Brahma-Vishnu-Shiva. Phương diện thứ nhất của Các Ngài vẫn chưa biểu hiện trọn vẹn.

95. We can look at three orders of lives in relation to the aspects or rays They represent:

95. Chúng ta có thể nhìn vào ba cấp sự sống liên hệ với các phương diện hay các cung mà Các Ngài biểu hiện:

a. Planetary Logoi represent the third aspect

a. Các Hành Tinh Thượng Đế biểu hiện phương diện thứ ba

b. The Solar Logoi represent the second aspect

b. Các Thái dương Thượng đế biểu hiện phương diện thứ hai

c. The Cosmic Logoi represent the first aspect.

c. Các Thượng đế Vũ Trụ biểu hiện phương diện thứ nhất.

96. Naturally all these types of lives are possessed of *all three* aspects.

96. Dĩ nhiên tất cả các loại sự sống này đều sở hữu *cả ba* phương diện.

97. This series is upwardly transposable; how would we assign the three aspects if the One About Whom Naught May Be Said represented the first aspect? Then Solar Logoi would represent the third aspect.

97. Chuỗi này có thể được chuyển vị theo chiều đi lên; chúng ta sẽ gán ba phương diện như thế nào nếu Đấng Bất Khả Tư Nghị biểu hiện phương diện thứ nhất? Khi đó các Thái dương Thượng đế sẽ biểu hiện phương diện thứ ba.

98. From another perspective, the Raja Deva Lord of the entire cosmic physical plane is Fohat and His brothers are the seven Raja Deva Lords of the systemic planes.

98. Từ một góc nhìn khác, Raja Deva Lord của toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ là Fohat, và các Huynh Đệ của Ngài là bảy Raja Deva Lords của các cõi hệ thống.

99. We have just reviewed the expression of a Heavenly Man or Ray Lord, describing that expression in six ways. We see that the expression of a Heavenly Man involves all three aspects of divinity.

99. Chúng ta vừa xem xét biểu hiện của một Đấng Thiên Nhân hay Đấng Chúa Tể Cung, mô tả biểu hiện ấy theo sáu cách. Chúng ta thấy rằng biểu hiện của một Đấng Thiên Nhân bao hàm cả ba phương diện của thiên tính.

100. We have also learned of the intimate relationship between the Heavenly Men and the Raja Deva Lords.

100. Chúng ta cũng đã học được về mối liên hệ mật thiết giữa các Đấng Thiên Nhân và các Raja Deva Lords.

When this is borne in mind it will be seen that each of the planetary Logoi, equally with a solar Logos, and with Their

Khi ghi nhớ điều này, sẽ thấy rằng mỗi Hành Tinh Thượng Đế, cũng như một Thái dương

reflections, human beings, demonstrate through the aspects.

Thượng đế, và các phản chiếu của Các Ngài là con người, đều biểu lộ qua các phương diện.

101. Each of these three types of "units" demonstrates through the three aspects.

101. Mỗi một trong ba loại "đơn vị" này đều biểu lộ qua ba phương diện.

102. In relation to each other:

102. Trong tương quan với nhau:

a. The Solar Logos represents the first aspect

a. Thái dương Thượng đế biểu hiện phương diện thứ nhất

b. The Planetary Logoi the second aspect

b. Các Hành Tinh Thượng Đế biểu hiện phương diện thứ hai

c. Man, the third aspect.

c. Con người, phương diện thứ ba.

In their totality all these are the expression of the incarnating Logos;

Trong tổng thể của mình, tất cả những điều này là biểu hiện của Thượng đế đang lâm phàm;

103. We are speaking of the Planetary Logoi, the Raja Deva Lords and man as expressions of the incarnating Solar Logos.

103. Chúng ta đang nói về các Hành Tinh Thượng Đế, các Raja Deva Lords và con người như những biểu hiện của Thái dương Thượng đế đang lâm phàm.

104. The following is summation of how the three aspects of divinity express in relation to a Solar Logos.

104. Điều sau đây là phần tổng kết về cách ba phương diện của thiên tính biểu hiện trong liên hệ với một Thái dương Thượng đế.

in the one case His fohatic energy builds the kingdoms of nature, giving them Body;

trong một trường hợp, năng lượng fohat của Ngài xây dựng các giới trong thiên nhiên, ban cho chúng Thể;

105. This is the expression of the third aspect and is especially related to the function of the Raja Deva Lord and His numerous subdivisions.

105. Đây là biểu hiện của phương diện thứ ba và đặc biệt liên hệ với chức năng của Raja Deva Lord cùng vô số phân bộ của Ngài.

106. It is interesting to note that “fohatic energy” is considered a *builder* rather than simply an energizer.

106. Thật đáng lưu ý khi thấy “năng lượng fohat” được xem là một *đấng kiến tạo* chứ không chỉ đơn thuần là một tác nhân tiếp năng lượng.

107. It is well to remember than each of the three aspects of divinity includes the other two. Three are, in fact, nine.

107. Nên nhớ rằng mỗi một trong ba phương diện của thiên tính đều bao hàm hai phương diện kia. Ba, thật ra, là chín.

108. The Kingdoms of Nature exist throughout the solar system. They all have “Body”, as well as “psychical value”.

108. Các Giới trong Thiên Nhiên tồn tại khắp hệ mặt trời. Tất cả đều có “Thể”, cũng như “giá trị thông linh”.

in the other He gives them their psychical value,

trong trường hợp kia, Ngài ban cho chúng giá trị thông linh của chúng,

109. This is the expression of the second aspect, for the second aspect is psyche or quality. When three types of Beings are being compared, the Heavenly Man is related to the middle or psychical position.

109. Đây là biểu hiện của phương diện thứ hai, vì phương diện thứ hai là psyche hay phẩm tính. Khi ba loại Hữu Thể được đem ra so sánh, Đấng Thiên Nhân liên hệ với vị trí trung gian hay vị trí thông linh.

and finally through them all He demonstrates as Existence or Being.

và sau cùng qua tất cả chúng, Ngài biểu lộ như Hiện Hữu hay Bản Thể.

110. This is the expression of the first aspect, the aspect of Life, Existence or Being.

110. Đây là biểu hiện của phương diện thứ nhất, phương diện của Sự sống, Hiện Hữu hay Bản Thể.

111. The Solar Logos assumes the role of expressing Will or Being when compared with the Planetary Logoi and the Raja Deva Lords.

111. Thái dương Thượng đế đảm nhận vai trò biểu hiện Ý Chí hay Bản Thể khi được so sánh với các Hành Tinh Thượng Đế và các Raja Deva Lords.

112. The Solar Logos expresses through all these types of beings—the Heavenly Men, the Raja Deva Lords and, even, tiny man.

112. Thái dương Thượng đế biểu hiện qua tất cả các loại hữu thể này—các Đấng Thiên Nhân, các Raja Deva Lords và cả con người nhỏ bé.

113. The three aspects are represented as:

113. Ba phương diện được biểu hiện như sau:

a. Body (bestowed by Fohat)

b. Soul (bestowed by the "Son")

c. Existence/Being (the expression of the "Father")

Similar tables can be worked out for a Heavenly Man and a human being, laying the emphasis always upon the development of the middle or psychic aspect.

114. Each of these lesser Beings (Heavenly Man and man) likewise expresses through three aspects.

115. If the Heavenly Man represents the Spirit, Existence or Being aspect, then the planetary chains represent the psychical aspect and perhaps the planetary globes the third aspect.

116. The Raja Deva Lords work constructively with the Heavenly Men just as They work constructively with a Solar Logos.

117. It would seem that the Raja Deva Lords are included within the body of manifestation of the Planetary Logos just as the Planetary Logoi are included within the body of manifestation of the Solar Logos.

[Page 444]

TABULATION III

a. Thể (được Fohat ban cho)

b. Linh hồn (được "Người Con" ban cho)

c. Hiện Hữu/Bản Thể (biểu hiện của "Người Cha")

Những bảng tương tự có thể được lập ra cho một Đấng Thiên Nhân và một con người, luôn luôn nhấn mạnh vào sự phát triển của phương diện trung gian hay phương diện thông linh.

114. Mỗi một trong các Hữu Thể nhỏ hơn này (Đấng Thiên Nhân và con người) cũng biểu hiện qua ba phương diện.

115. Nếu Đấng Thiên Nhân biểu hiện phương diện Tinh thần, Hiện Hữu hay Bản Thể, thì các dãy hành tinh biểu hiện phương diện thông linh và có lẽ các bầu hành tinh biểu hiện phương diện thứ ba.

116. Các Raja Deva Lords làm việc một cách kiến tạo với các Đấng Thiên Nhân cũng như Các Ngài làm việc một cách kiến tạo với một Thái dương Thượng đế.

117. Có vẻ như các Raja Deva Lords được bao gồm trong thể biểu hiện của Hành Tinh Thượng Đế cũng như các Hành Tinh Thượng Đế được bao gồm trong thể biểu hiện của Thái dương Thượng đế.

[Page 444]

BẢNG III

TABULATION III
THE ASPECTS AND EVOLUTION

Aspect	*Manifestation*	*Objectively*	*Subjectively*	Evolutionary Aspect
Activity	The Seven Brothers	Seven etheric centres	Seven types of force	Involution and evolution of the kingdoms of nature.
Sumtotal	Fire by friction. The Mother.		The Brahma or Matter aspect.	

118. We are dealing here with Fohat and His Seven Sons. The Seven Brothers are the Raja Deva Lords.

118. Ở đây chúng ta đang đề cập đến Fohat và Bảy Người Con của Ngài. Bảy Huynh Đệ là các Raja Deva Lords.

119. The Raja Deva Lords are the builders of the kingdoms of nature.

119. Các Raja Deva Lords là những đấng kiến tạo của các giới trong thiên nhiên.

120. The fohatic aspect of the Monad (whichever category of Monad it may be) creates the etheric centers of whirlpools.

120. Phương diện fohat của chân thần (thuộc bất kỳ loại chân thần nào) tạo ra các trung tâm dĩ thái của những xoáy nước.

121. Fohat and His Seven Sons are particularly related to the Mother. In one way Brahma and the Mother are one. In another way, they are distinct, with Brahma playing the role of the Holy Spirit.

121. Fohat và Bảy Người Con của Ngài đặc biệt liên hệ với Mẹ. Theo một cách, Brahma và Mẹ là một. Theo một cách khác, các Ngài là riêng biệt, với Brahma đảm nhận vai trò của Chúa Thánh Thần.

122. The necessity for this distinction has caused much confusion; sometimes Brahma is united to the Mother aspect (which then includes the Holy Spirit) and sometimes Brahma is said to represent only the Holy Spirit and not Mother/Matter.

122. Sự cần thiết của sự phân biệt này đã gây ra nhiều nhầm lẫn; đôi khi Brahma được hợp nhất với phương diện Mẹ (khi ấy bao gồm cả Chúa Thánh Thần) và đôi khi Brahma được nói là chỉ tượng trưng cho Chúa Thánh Thần chứ không phải Mẹ/Vật chất.

123. Let us recall that in one way the Seven Heavenly Men (in Their material/physical aspect) are the Seven Brothers of Fohat, but in another way They are not.

123. Chúng ta hãy nhớ rằng theo một phương diện, Bảy Đấng Thiên Nhân (trong phương diện vật chất/hồng trần của Các Ngài) là Bảy Huynh Đệ của Fohat, nhưng theo một phương diện khác thì Các Ngài không phải như vậy.

124. Fohat in His entirety is contained within the Solar Logos, but only when the

124. Fohat trong toàn thể của Ngài được chứa đựng bên trong Thái dương Thượng đế,

Logos is considered in His material/physical aspect.

nhưng chỉ khi Thượng đế ấy được xét trong phương diện vật chất/hồng trần của Ngài.

Love-Wisdom	Seven Heavenly Men	Seven schemes	Seven Rays	Seven types of deva and human Monads.
Dragon of Wisdom.				
Sumtotal	Solar fire.	Vishnu aspect.	subjectivity or	

125. Here it is confirmed that the Seven Heavenly Men represent *particularly* the second aspect of divinity in relation to the life demonstration of a Solar Logos.

125. Ở đây xác nhận rằng Bảy Đấng Thiên Nhân tượng trưng *đặc biệt* cho phương diện thứ hai của thiên tính trong liên hệ với sự biểu lộ sự sống của một Thái dương Thượng đế.

126. The Seven Heavenly Men are "Dragons of Wisdom".

126. Bảy Đấng Thiên Nhân là "Các Rồng Minh Triết".

127. The Seven Heavenly Men are the Divine Son in manifestation.

127. Bảy Đấng Thiên Nhân là Con thiêng liêng đang biểu hiện.

128. The Five Heavenly Men are Brahma in manifestation.

128. Năm Đấng Thiên Nhân là Brahma đang biểu hiện.

129. The monadic aspect of *both* humans and devas are inherent in the Heavenly Men, and not in the Seven Brothers or "Sons of Fohat"—i.e., in the Raja Deva Lords.

129. Phương diện chân thần của *cả* con người lẫn thiên thần đều cố hữu trong các Đấng Thiên Nhân, chứ không ở trong Bảy Huynh Đệ hay "Các Con của Fohat"—tức là trong các Raja Deva Lords.

Will	Seven Cosmic Entities	Seven Heavenly Men	Seven qualities	Seven Hierarchies.
Sumtotal	Electric Fire, the One Life.	Mahadeva.	Spirit	

130. The Seven Cosmic Entities are actually Solar Logoi. Even a Heavenly Man can be considered a "cosmic" entity.

130. Bảy Thực Thể Vũ Trụ thực ra là các Thái dương Thượng đế. Ngay cả một Đấng Thiên Nhân cũng có thể được xem là một thực thể "vũ trụ".

131. Perhaps the way to learn the most from this tabulation is to compare the entries in the *vertical* column

131. Có lẽ cách học hỏi nhiều nhất từ bảng này là so sánh các mục trong cột *dọc*.

132. We are comparing Seven Cosmic Entities (or Solar Logoi) with seven systemic Entities (or Heavenly Men/Planetary Logoi), with the Seven Brothers (Who also are found throughout the solar system as the Rulers of all systemic planes) but attention seems to be given to Their role within the planetary schemes.

132. Chúng ta đang so sánh Bảy Thực Thể Vũ Trụ (hay các Thái dương Thượng đế) với bảy Thực Thể hệ thống (hay các Đấng Thiên Nhân/Đức Hành Tinh Thượng Đế), với Bảy Huynh Đệ (Các Ngài cũng hiện diện khắp hệ mặt trời như các chủ tinh của mọi cõi hệ thống), nhưng dường như sự chú ý được dành cho vai trò của Các Ngài bên trong các hệ hành tinh.

133. The objective demonstration of these Entities is as follows:

133. Sự biểu lộ khách quan của các Thực Thể này như sau:

a. Seven Heavenly Men represent each Solar Logos in objectivity. But it would take forty-nine Heavenly Men to represent seven Solar Logoi (or "Seven Cosmic Entities")

a. Bảy Đấng Thiên Nhân tượng trưng cho mỗi Thái dương Thượng đế trong tính khách quan. Nhưng sẽ cần bốn mươi chín Đấng Thiên Nhân để tượng trưng cho bảy Thái dương Thượng đế (hay "Bảy Thực Thể Vũ Trụ").

b. Can "seven schemes" represent the seven Heavenly Men, or should we be reading 'seven chains' in order to keep the parallel with the manner in which "Seven Cosmic Entities" are said to be represented by "Seven Heavenly Men"?

b. Liệu "bảy hệ hành tinh" có thể tượng trưng cho bảy Đấng Thiên Nhân, hay chúng ta nên đọc là bảy Dãy để giữ sự song hành với cách mà "Bảy Thực Thể Vũ Trụ" được nói là được tượng trưng bởi "Bảy Đấng Thiên Nhân"?

c. "seven etheric Centers" represent each of the Seven Brothers.

c. "bảy Trung tâm dĩ thái" tượng trưng cho mỗi một trong Bảy Huynh Đệ.

134. There seems to be something asymmetrical about the column entitled "Objectively"—at least less symmetrical than the column entitled "Manifestation".

134. Dường như có điều gì đó bất đối xứng trong cột mang tiêu đề "Một cách khách quan"—ít nhất là kém đối xứng hơn cột mang tiêu đề "Biểu hiện".

135. The fourth column speaks of the subjective manifestation of the Entities in question:

135. Cột thứ tư nói về sự biểu hiện chủ quan của các Thực Thể đang được bàn đến:

a. Each of the Seven Cosmic Entities manifests through Seven Heavenly Men each

a. Mỗi một trong Bảy Thực Thể Vũ Trụ biểu hiện qua Bảy Đấng Thiên Nhân, mỗi Đấng có

of which has a particular *quality* making seven in all.

b. Each of the Seven Heavenly Man manifests through seven chains (or all of the Seven Heavenly Men manifest through seven schemes); instead of "Seven Qualities" (which we find as the subjective manifestation of the Seven Cosmic Entities) we have "Seven Rays".

c. What is the difference between a "Quality" and a "Ray"? In this context, the "Quality" seems superior to the "Ray". It is as if each Cosmic Entity has one major Quality (a Ray, really) and each of these major Qualities expresses through seven subsidiary Rays.

d. Each of the Seven Brothers expresses through "seven types of force" (which we might call a kind of 'sub-ray')

e. So we have in terms of subjective expression:

i. Seven Qualities (each a Major Ray)

ii. Seven Rays (each a subsidiary Ray elaborating the Quality of the Major Ray in seven *psychical* ways)

iii. Seven Types of Force (each a still more subsidiary Ray, elaborating the Quality of the Major ray in seven *fohatic/material* ways).

f. In this threefold division:

i. "Seven Qualities" refer to the first aspect

một *phẩm tính* đặc thù, tạo thành bảy phẩm tính tất cả.

b. Mỗi một trong Bảy Đấng Thiên Nhân biểu hiện qua bảy dãy (hoặc tất cả Bảy Đấng Thiên Nhân biểu hiện qua bảy hệ hành tinh); thay vì "Bảy Phẩm Tính" (mà chúng ta thấy là sự biểu hiện chủ quan của Bảy Thực Thể Vũ Trụ), chúng ta có "Bảy Cung".

c. Sự khác biệt giữa một "Phẩm Tính" và một "Cung" là gì? Trong ngữ cảnh này, "Phẩm Tính" dường như cao hơn "Cung". Như thể mỗi Thực Thể Vũ Trụ có một Phẩm Tính chính (thực ra là một cung), và mỗi một trong các Phẩm Tính chính này biểu lộ qua bảy cung phụ.

d. Mỗi một trong Bảy Huynh Đệ biểu lộ qua "bảy loại mãnh lực" (mà chúng ta có thể gọi là một loại 'cung phụ').

e. Vậy nên, xét theo sự biểu lộ chủ quan, chúng ta có:

i. Bảy Phẩm Tính (mỗi phẩm tính là một Cung Chính)

ii. Bảy Cung (mỗi cung là một cung phụ khai triển Phẩm Tính của Cung Chính theo bảy cách *thông linh*)

iii. Bảy Loại Mãnh Lực (mỗi loại là một cung phụ thuộc hơn nữa, khai triển Phẩm Tính của Cung Chính theo bảy cách *fohatic/vật chất*).

f. Trong sự phân chia tam phân này:

i. "Bảy Phẩm Tính" quy chiếu đến phương diện thứ nhất

ii. “Seven Rays” refer to the second aspect

ii. “Bảy Cung” quy chiếu đến phương diện thứ hai

iii. “Seven types of Force” refer to the third aspect

iii. “Bảy loại Mãnh Lực” quy chiếu đến phương diện thứ ba

136. The final and fifth column shows the “Evolutionary Aspect”

136. Cột cuối cùng và thứ năm cho thấy “Phương diện Thăng thượng tiến hoá”.

a. Seven Cosmic Entities expressing through Seven Hierarchies (presumably Creative Hierarchies). The Creative Hierarchy are impulsed from the Solar Center.

a. Bảy Thực Thể Vũ Trụ biểu lộ qua Bảy Huyền Giai (hẳn là các Huyền Giai Sáng Tạo). Các Huyền Giai Sáng Tạo được thúc đẩy từ Trung tâm Thái dương.

b. Seven Planetary Entities expressing through “seven types of deva and human Monads”.

b. Bảy Thực Thể Hành Tinh biểu lộ qua “bảy loại chân thần thiên thần và nhân loại”.

c. The Seven Brothers express through the “involution and evolution of the kingdoms of nature”

c. Bảy Huynh Đệ biểu lộ qua “sự giáng hạ tiến hoá và tiến hoá của các giới trong thiên nhiên”.

137. We have been dealing with a more detailed expression of the three aspects as they relate to three type of Entities:

137. Chúng ta đã bàn đến một sự biểu lộ chi tiết hơn của ba phương diện khi chúng liên hệ với ba loại Thực Thể:

a. Solar

a. Thái dương

b. Planetary

b. Hành tinh

c. Fohatic

c. Fohatic

138. The major asymmetry in the chart appears as follows:

138. Sự bất đối xứng chính trong biểu đồ dường như như sau:

a. While Seven Heavenly Men do express through Seven Planetary Schemes and “Seven Brothers” can be conceived as manifesting through “seven etheric centers” (or through seven planes)…

a. Trong khi Bảy Đấng Thiên Nhân quả thật biểu lộ qua Bảy Hệ Hành Tinh và “Bảy Huynh Đệ” có thể được quan niệm là biểu hiện qua “bảy trung tâm dĩ thái” (hay qua bảy cõi)…

b. Seven Cosmic Entities (Solar Logoi) ***each*** express through Seven Heavenly Men! (There is, of course, one particular Heavenly Man through which any one of the Logoi in the "Seven Solar Systems of Which Ours is One" expresses, but it does not seem that DK is referencing this possibility.)

b. Bảy Thực Thể Vũ Trụ (các Thái dương Thượng đế) ***mỗi vị*** đều biểu lộ qua Bảy Đấng Thiên Nhân! (Dĩ nhiên, có một Đấng Thiên Nhân đặc thù qua đó bất kỳ một Thượng đế nào trong "Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một" biểu lộ, nhưng dường như Chân sư DK không quy chiếu đến khả năng này.)

c. Each Heavenly Man expresses through seven chains (but these are not listed in the chart).

c. Mỗi Đấng Thiên Nhân biểu lộ qua bảy dãy (nhưng các dãy này không được liệt kê trong biểu đồ).

d. Column three would only make sense if "Seven Heavenly Men" really meant "Seven *Grand* Heavenly Men". Then the symmetry would be preserved.

d. Cột thứ ba sẽ chỉ có ý nghĩa nếu "Bảy Đấng Thiên Nhân" thực sự có nghĩa là "Bảy Đấng Thiên Nhân *Vĩ Đại*". Khi ấy sự đối xứng sẽ được giữ nguyên.

139. Every member of a triangle is itself threefold.

139. Mỗi thành viên của một tam giác tự nó cũng là tam phân.

140. In the expression of a Solar Logos, the Solar Logos represents the first aspect, the Planetary Logoi the second and the Sons of Fohat (or Raja Deva Lords) the third.

140. Trong sự biểu lộ của một Thái dương Thượng đế, Thái dương Thượng đế tượng trưng cho phương diện thứ nhất, các Đức Hành Tinh Thượng Đế tượng trưng cho phương diện thứ hai và các Con của Fohat (hay các Raja Deva Lords) tượng trưng cho phương diện thứ ba.

141. BUT, the Planetary Logoi and Raja Deva Lords can *also* express in three aspects:

141. NHƯNG, các Đức Hành Tinh Thượng Đế và các Raja Deva Lords *cũng có thể* biểu lộ trong ba phương diện:

142. In relation to the Planetary Logoi:

142. Liên hệ với các Đức Hành Tinh Thượng Đế:

a. The Planetary Logoi as Scheme Lords represent the first aspect

a. Các Đức Hành Tinh Thượng Đế với tư cách các Chúa Tể của Hệ Hành Tinh tượng trưng cho phương diện thứ nhất

b. The Chain Lords represent the second aspect

b. Các Chúa Tể của Dãy tượng trưng cho phương diện thứ hai

c. The Globe Lords represent the third aspect

c. Các Chúa Tể của Bầu Hành Tinh tượng trưng cho phương diện thứ ba

143. In relation to the Sons of Fohat:

143. Liên hệ với các Con của Fohat:

a. The Raja Deva Lord of a cosmic plane represents the first aspect

a. Raja Deva Lord của một cõi vũ trụ tượng trưng cho phương diện thứ nhất

b. The Raja Deva Lords of the systemic planes represent the second aspect

b. Các Raja Deva Lords của các cõi hệ thống tượng trưng cho phương diện thứ hai

c. The Sub-Lords of the sub-planes of the systemic planes represent the third aspect.

c. Các Tiểu Chúa Tể của các cõi phụ thuộc các cõi hệ thống tượng trưng cho phương diện thứ ba.

144. The symmetry of these divisions is relatively *neat* compared to that which the Tibetan has presented, but hidden in His presentation are a number of occult hints which must be followed. It is precisely in the apparent asymmetries that the hints may be concealed.

144. Tính đối xứng của các phân chia này tương đối *gọn ghẽ* so với điều mà Chân sư Tây Tạng đã trình bày, nhưng ẩn trong cách trình bày của Ngài là một số gợi ý huyền bí cần phải được theo đuổi. Chính trong những bất đối xứng bề ngoài mà các gợi ý ấy có thể được che giấu.

With these thoughts in mind it should be possible to [Page 445] see more clearly what the coming in of a Ray, such as the present one, or its passing out, may involve.

Với những tư tưởng này trong tâm trí, hẳn sẽ có thể [Page 445] thấy rõ hơn điều mà sự đi vào của một cung, như cung hiện nay, hay sự rút ra của nó, có thể bao hàm.

145. There is far more to the "coming in" or "passing out" of a Ray than we may usually suppose. DK is attempting to present the larger picture and show the role of greater and lesser entities in this process. The Ray will affect all three aspects of their expression.

145. Có nhiều điều hơn rất nhiều trong "sự đi vào" hay "sự rút ra" của một cung so với điều chúng ta thường giả định. Chân sư DK đang cố gắng trình bày bức tranh lớn hơn và cho thấy vai trò của các thực thể lớn hơn và nhỏ hơn trong tiến trình này. Cung sẽ ảnh hưởng đến cả ba phương diện của sự biểu lộ của họ.

146. We recall from the preceding Commentary, that the passing out of ray was

146. Chúng ta nhớ từ Cổ Luận trước đó rằng sự rút ra của một cung là kết quả của một

the result of a type of occult deflection emanating from the field which previously absorbed and contained the ray. The field turned positive to the ray and no longer remained negative and receptive.

loại sự làm lệch hướng huyền bí phát ra từ trường vốn trước đây hấp thu và chứa đựng cung ấy. Trường đó trở nên dương đối với cung và không còn giữ tính âm và tiếp nhận nữa.

In the particular case under discussion, we have the coming in of a Ray that is intimately connected with the plane of manifestation, the physical plane,

Trong trường hợp đặc biệt đang được bàn đến, chúng ta có sự đi vào của một cung gắn bó mật thiết với cõi biểu hiện, cõi hồng trần,

147. We are speaking of the seventh ray and its relation to the seventh plane.

147. Chúng ta đang nói về cung bảy và mối liên hệ của nó với cõi thứ bảy.

148. From the strictly brahmic perspective, the number *five* represents the most material level, because the *fifth* brahmic Ray is the same as the *seventh* Ray of Vishnu.

148. Từ quan điểm brahmic nghiêm ngặt, con số *năm* tượng trưng cho cấp độ vật chất nhất, bởi vì Cung *thứ năm* brahmic cũng chính là Cung *thứ bảy* của Vishnu.

which is (within the greater cycle) responsible for man's very existence, and the source of his future hope.

vốn là điều (bên trong chu kỳ lớn hơn) chịu trách nhiệm cho chính sự hiện hữu của con người, và là nguồn gốc của niềm hy vọng tương lai của y.

149. DK is emphasizing the value of the physical plane in relation to man's existence and his future hopes.

149. Chân sư DK đang nhấn mạnh giá trị của cõi hồng trần trong liên hệ với sự hiện hữu của con người và những hy vọng tương lai của y.

150. The physical plane must be transformed according to the inner archetypal pattern (Uranus, conveying the "Fixed Design") and the seventh ray is largely responsible for this transformation.

150. Cõi hồng trần phải được chuyển đổi theo mô hình nguyên mẫu bên trong (Uranus, truyền đạt "Thiết Kế Cố Định") và cung bảy phần lớn chịu trách nhiệm cho sự chuyển đổi này.

This seventh Ray (fifth) ever manifests in a period of transition from one kingdom to another, and this holds hid the mystery of the particular form of service of its planetary Logos.

Cung bảy này (thứ năm) luôn luôn biểu hiện trong một thời kỳ chuyểntiếp từ giới này sang giới khác, và điều này che giấu huyền nhiệm về **hình thức phụng sự đặc thù của Hành Tinh Thượng Đế của nó.**

151. We are certainly in such a time. A significant number of units in the fourth

151. Chúng ta chắc chắn đang ở trong một thời kỳ như thế. Một số lượng đáng kể các

kingdom is about to make a transition into the fifth kingdom (five being the other number associated with the seventh ray).

đơn vị trong giới thứ tư sắp thực hiện một sự chuyển tiếp vào giới thứ năm (năm là con số kia gắn liền với cung bảy).

152. In more general terms, this is a transformation and Uranus is clearly a major planet of transformation.

152. Nói tổng quát hơn, đây là một sự chuyển đổi và Uranus rõ ràng là một hành tinh lớn của sự chuyển đổi.

153. It is well to remember that DK had not been entirely specific about which rays were associated with which Planetary Logoi when the book, *A Treatise on Cosmic Fire* was written.

153. Cần nhớ rằng Chân sư DK đã không hoàn toàn nói rõ những cung nào gắn với những Đức Hành Tinh Thượng Đế nào khi cuốn sách *Luận về Lửa Vũ Trụ* được viết.

154. Armed with the knowledge of what He wrote in *Esoteric Astrology* we can read *A Treatise on Cosmic Fire* in a new way, sealed to those who have not read the astrology book.

154. Được trang bị bằng tri thức về điều Ngài đã viết trong *Chiêm Tinh Học Nội Môn*, chúng ta có thể đọc *Luận về Lửa Vũ Trụ* theo một cách mới, bị niêm phong đối với những ai chưa đọc cuốn sách chiêm tinh ấy.

155. From the above we can gather that Uranus, a major Lord of the Seventh Ray, is assisting our Planetary Logos with a major 'kingdom-transition' at this particular time of planetary history.

155. Từ điều trên, chúng ta có thể suy ra rằng Uranus, một Chúa Tể lớn của Cung bảy, đang trợ giúp Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta trong một cuộc 'chuyển tiếp giới' lớn vào đúng thời điểm này của lịch sử hành tinh.

156. The fact that the seventh ray is again cycling in during a precessional Age ruled by the sign Aquarius (and this for the seventh time during the fifth root race) strengthen the ability of the Planetary Logos to achieve success in the engineering of this transition.

156. Sự kiện rằng cung bảy lại đang chu kỳ đi vào trong một Kỷ nguyên tuế sai do dấu hiệu hoàng đạo Bảo Bình cai quản (và đây là lần thứ bảy trong giống dân gốc thứ năm) củng cố khả năng của Đức Hành Tinh Thượng Đế trong việc đạt thành công trong công trình kiến tạo sự chuyển tiếp này.

157. When thinking of the relation between our Planetary Logos and the Planetary Logos of the seventh ray, it is well to remember that the symbolic number for our Planetary Logos is 777!

157. Khi suy nghĩ về mối liên hệ giữa Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta và Đức Hành Tinh Thượng Đế của cung bảy, cần nhớ rằng con số biểu tượng của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta là 777!

He governs the processes of:

Ngài cai quản các tiến trình của:

Transmutation

Incarnation

Transference.

158. The seventh ray governs these three processes.

a. Transmutation—the improvement of the vibratory capacity of matter followed by the elevation of consciousness of those expressing through that matter. Transmutation, eventually, also involves the release into freedom of the life captivated by matter.

b. Incarnation—the provision of vehicles of expression upon the seventh or etheric-physical plane

c. Transference—the refocussing of consciousness from a lower level to a higher —through the agency of fire.

159. Does it seem that the qualities of Uranus could account for these three processes? In many ways, it does.

In these three words His life-work is summed up; in these three words is embodied the nature of this great Entity, Who presides over the processes of blending and merging and adaptation;

160. Let us tabulate some of these related concepts:

a. Transmutation

Sự chuyển hoá

Sự lâm phàm

Sự chuyển dịch.

158. Cung bảy cai quản ba tiến trình này.

a. Sự chuyển hoá—sự cải thiện năng lực rung động của vật chất, tiếp theo là sự nâng cao tâm thức của những ai biểu lộ qua vật chất ấy. Cuối cùng, sự chuyển hoá cũng bao hàm việc giải phóng vào tự do sự sống bị vật chất giam giữ.

b. Sự lâm phàm—sự cung ứng các vận cụ biểu lộ trên cõi thứ bảy hay cõi dĩ thái-hồng trần

c. Sự chuyển dịch—sự tái tập trung của tâm thức từ một cấp độ thấp lên một cấp độ cao hơn—thông qua tác nhân của lửa.

159. Có phải dường như các phẩm tính của Uranus có thể giải thích cho ba tiến trình này không? Theo nhiều phương diện, quả là như vậy.

Trong ba từ này công việc sự sống của Ngài được tóm lược; trong ba từ này hàm chứa **bản chất của Thực Thể vĩ đại này**, Đấng chủ trì các tiến trình của **sự pha trộn** và **sự hợp nhất** và **sự thích ứng**;

160. Chúng ta hãy lập bảng một số khái niệm liên hệ này:

a. Sự chuyển hoá

b. Incarnation

c. Transference

d. Blending

e. Merging

f. Adaptation

161. These are all processes we may anticipate in the coming Seventh Ray Age.

162. One begins to think that at least a triangle of planets is required to express the life and quality of any of the Ray Lords.

163. In relation to how many of the six processes mentioned above can we think of the influence of Uranus, the major seventh ray planet at this time. Perhaps in relation to some, but not necessarily all.

164. Yet Uranus is a *synthetic* planet even as the seventh ray is a synthetic ray. Perhaps the processes of blending and merging are, thus, justified.

Who, through His knowledge of cosmic Sound, guides the life forces of certain solar and lunar entities from form to form, and is the link between the soul awaiting incarnation, and its body of manifestation.

165. Can we say this not only of the Seventh Ray Lord but of the Lord of the planet Uranus:

b. Sự lâm phàm

c. Sự chuyển dịch

d. Sự pha trộn

e. Sự hợp nhất

f. Sự thích ứng

161. Tất cả những điều này đều là các tiến trình mà chúng ta có thể dự liệu trong Kỷ nguyên Cung Bảy sắp đến.

162. Người ta bắt đầu nghĩ rằng ít nhất cần một tam giác hành tinh để biểu lộ sự sống và phẩm tính của bất kỳ một Chúa Tể Cung nào.

163. Liên hệ với bao nhiêu trong sáu tiến trình được nêu trên, chúng ta có thể nghĩ đến ảnh hưởng của Uranus, hành tinh lớn của cung bảy vào thời điểm này? Có lẽ liên hệ với một số, nhưng không nhất thiết là tất cả.

164. Tuy nhiên Uranus là một hành tinh *tổng hợp* cũng như cung bảy là một cung tổng hợp. Vì vậy, có lẽ các tiến trình pha trộn và hợp nhất là điều chính đáng.

Đấng, nhờ tri thức của Ngài về Âm Thanh vũ trụ, hướng dẫn các mãnh lực sự sống của một số thực thể thái dương và thái âm từ hình tướng này sang hình tướng khác, và là mối liên kết giữa linh hồn đang chờ lâm phàm và thể biểu hiện của nó.

165. Chúng ta có thể nói điều này không chỉ về Đấng Chúa Tể Cung bảy mà còn về Chúa Tể của hành tinh Uranus chăng:

a. That They both have a knowledge of "cosmic Sound"

a. Rằng cả hai Đấng đều có tri thức về "Âm Thanh vũ trụ"

b. That They both guide the life forces of certain solar and lunar entities from form to form

b. Rằng cả hai Đấng đều hướng dẫn các mãnh lực sự sống của một số thực thể thái dương và thái âm từ hình tướng này sang hình tướng khác

c. That They both are the link between the soul awaiting incarnation and its body of manifestation

c. Rằng cả hai Đấng đều là mối liên kết giữa linh hồn đang chờ lâm phàm và thể biểu hiện của nó

166. With respect to Uranus, it may be said:

166. Liên hệ với Uranus, có thể nói rằng:

a. That it is associated with mantra and its rhythms. The seventh ray we know comes to rule the throat center. Can this be said of Uranus?

a. Rằng nó gắn liền với mantram và các nhịp điệu của chúng. Chúng ta biết cung bảy đi đến chỗ cai quản trung tâm cổ họng. Điều này có thể được nói về Uranus chăng?

b. Uranus is a planet of mobility and governs *migrations.* Are we speaking of migrations "from form to form".

b. Uranus là một hành tinh của tính động và cai quản các *sự di cư.* Phải chăng chúng ta đang nói về những sự di cư "từ hình tướng này sang hình tướng khác"?

c. Does Uranus provide the electrical link which binds the sutratma to the outer form? In a way the sutratma is an *electrical* process. The impulse into incarnation may be considered Uranian, as this planet is linked to Aries where the impulse to incarnate begins.

c. Uranus có cung cấp mối liên kết điện lực gắn kết sutratma với hình tướng bên ngoài không? Theo một cách nào đó, sutratma là một tiến trình *điện lực*. Xung lực đi vào lâm phàm có thể được xem là mang tính Uranus, vì hành tinh này liên kết với Bạch Dương, nơi xung lực nhập thể bắt đầu.

167. In relation to the seventh ray we may say with justification, "The Highest and the Lowest Meet"? Can the same be said in relation to Uranus and its processes? It would seem so. That which links the highest and the lowest is, ultimately, "electric fire" of which Uranus is the "home".

167. Liên hệ với cung bảy, chúng ta có thể nói một cách chính đáng rằng, "Cao Nhất và Thấp Nhất Gặp Nhau" chăng? Điều tương tự có thể được nói liên hệ với Uranus và các tiến trình của nó chăng? Dường như là vậy. Điều nối kết cao nhất và thấp nhất, rốt cuộc, là "Lửa Điện" mà Uranus là "quê nhà" của nó.

168. The "great Entity" here discussed has a profound knowledge of "cosmic Sound". This

168. "Thực Thể vĩ đại" được bàn đến ở đây có một tri thức sâu xa về "Âm Thanh vũ trụ". Ý

idea fits well with the Logos of the Seventh Ray, as sound is so essential to the magical processes (and magical *words* and *mantra*) ruled by the seventh ray. It is also illuminating to consider the Logos of Uranus in relation to "cosmic Sound".

tưởng này rất phù hợp với Thượng đế của Cung bảy, vì âm thanh rất thiết yếu đối với các tiến trình huyền thuật (và các *linh từ* huyền thuật và *mantra*) do cung bảy cai quản. Cũng rất soi sáng khi xét Thượng đế của Uranus trong liên hệ với "Âm Thanh vũ trụ".

This is equally true whether we are considering the incarnation of a man, of a group, of an idea, or of all entities of lesser grade **to the solar Being Who manifests through a globe**,

Điều này cũng đúng như nhau dù chúng ta đang xét sự lâm phàm của một con người, của một nhóm, của một ý tưởng, hay của mọi thực thể có cấp bậc thấp hơn **Đấng Thái dương đang biểu lộ qua một bầu hành tinh**,

169. Are we considering the relationship of the Seventh Ray Lord and Uranus to a broad range of incarnational possibilities?

169. Phải chăng chúng ta đang xét mối liên hệ của Đấng Chúa Tể Cung bảy và Uranus với một phạm vi rộng lớn các khả năng lâm phàm?

a. The incarnation of a man

a. Sự lâm phàm của một con người

b. The incarnation of a group

b. Sự lâm phàm của một nhóm

c. The incarnation of an idea

c. Sự lâm phàm của một ý tưởng

d. The incarnation of many entities of lesser grade

d. Sự lâm phàm của nhiều thực thể có cấp bậc thấp hơn

e. The incarnation of a Globe Lord—here defined as "the solar Being Who manifests through a globe".

e. Sự lâm phàm của một Chúa Tể Bầu Hành Tinh—ở đây được định nghĩa là "Đấng Thái dương đang biểu lộ qua một bầu hành tinh".

170. It must be realized that sometimes when the term "Seventh Ray Lord" is use, it is precisely the Logos of Uranus that is meant. At other time the term "Seventh Ray Lord" may mean something other, lesser or even greater.

170. Cần nhận ra rằng đôi khi khi thuật ngữ "Đấng Chúa Tể Cung bảy" được dùng, chính Thượng đế của Uranus là điều được hàm ý. Vào những lúc khác, thuật ngữ "Đấng Chúa Tể Cung bảy" có thể có nghĩa là một điều gì khác, nhỏ hơn hay thậm chí lớn hơn.

or the regent of the globe under the planetary Logos.

hay vị nhiếp chính của bầu hành tinh dưới quyền Đức Hành Tinh Thượng Đế.

171. Is a Globe Lord (presumably "a Solar Being Who manifests through a globe", as above stated), the same as "the regent of a globe under the planetary Logos"?

171. Một Chúa Tể Bầu Hành Tinh (hẳn là "một Đấng Thái dương đang biểu lộ qua một bầu hành tinh", như đã nói ở trên) có phải là cùng một vị với "vị nhiếp chính của một bầu hành tinh dưới quyền Đức Hành Tinh Thượng Đế" không?

172. Or is such a "regent" a Manu?

172. Hay một "vị nhiếp chính" như thế là một Đức Manu?

All entities of higher rank than this great evolutionary Being come into incarnation through the linking work of an extra-systemic Being.

Mọi thực thể có cấp bậc cao hơn Thực Thể thăng thượng tiến hoá vĩ đại này đều đi vào lâm phàm thông qua công việc nối kết của một Thực Thể ngoài hệ thống.

173. What is the meaning of "this great evolutionary Being"? Do we think DK is speaking of a Globe Lord or of the Seventh Ray Lord we have been discussing?

173. Ý nghĩa của "Thực Thể thăng thượng tiến hoá vĩ đại này" là gì? Chúng ta có nghĩ rằng Chân sư DK đang nói về một Chúa Tể Bầu Hành Tinh hay về Đấng Chúa Tể Cung bảy mà chúng ta đang bàn đến không?

174. We are speaking of the *linking* function of the seventh ray. Linking is one of the major properties of this ray.

174. Chúng ta đang nói về chức năng *nối kết* của cung bảy. Nối kết là một trong những đặc tính chính của cung này.

175. It would seem that incarnation (on no matter what level) is achieved through the intermediation of a 'linking Being'.

175. Dường như sự lâm phàm (ở bất cứ cấp độ nào) đều đạt được thông qua sự trung gian của một 'Thực Thể nối kết'.

176. The Seventh Ray Lord (as we usually understand this Ray Lord) is an *intra*-systemic Being and oversees various kinds of linkages within the system. DK here mentions "an extra-systemic Being" Who has a similar function when providing for the incarnation of Beings greater than… what? Greater than a Globe Lord? Or does He actually mean than an "extra systemic Being" is involved in providing the linking work that allows even a Planetary Ray Lord (a Planetary Logos) to come into manifestation?

176. Đấng Chúa Tể Cung bảy (theo cách chúng ta thường hiểu về Đấng Chúa Tể Cung này) là một Thực Thể *nội*-hệ thống và giám quản nhiều loại liên kết khác nhau bên trong hệ thống. Ở đây Chân sư DK nhắc đến "một Thực Thể ngoài hệ thống" có chức năng tương tự khi cung ứng cho sự lâm phàm của các Đấng lớn hơn… điều gì? Lớn hơn một Chúa Tể Bầu Hành Tinh chăng? Hay Ngài thực sự muốn nói rằng "một Thực Thể ngoài hệ thống" tham gia vào việc cung cấp công tác nối kết cho phép ngay cả một Chúa Tể

Cung Hành Tinh (một Đức Hành Tinh Thượng Đế) đi vào biểu hiện?

177. However we choose to answer this, the general principle is clear. A seventh ray, linking Being is required to bring entities lesser than itself into incarnation.

177. Dù chúng ta chọn trả lời điều này thế nào, nguyên lý chung vẫn rõ ràng. Một Thực Thể nối kết cung bảy là cần thiết để đưa các thực thể thấp hơn chính nó vào lâm phàm.

In all periods of the transference of the life from:

Trong mọi thời kỳ chuyển dịch lớn của sự sống từ:

System to system,

Hệ này sang hệ khác,

Scheme to scheme,

Hệ hành tinh này sang hệ hành tinh khác,

Chain to chain,

Dãy này sang dãy khác,

this cosmic Deity pours forth His power and influence.

Thượng đế vũ trụ này tuôn đổ quyền năng và ảnh hưởng của Ngài.

178. Life is to be transferred from spherical field to spherical field.

178. Sự sống sẽ được chuyển dịch từ trường hình cầu này sang trường hình cầu khác.

179. The Seventh Ray Lord is considered a "cosmic Deity". The Planetary Logoi are cosmic Beings.

179. Đấng Chúa Tể Cung bảy được xem là một "Thượng đế vũ trụ". Các Đức Hành Tinh Thượng Đế là các Đấng vũ trụ.

180. Yet, perhaps, DK is here referencing that "extra systemic Being" (of a linking nature). Uranus is intra-intra-systemic.

180. Tuy nhiên, có lẽ ở đây Chân sư DK đang quy chiếu đến "Thực Thể ngoài hệ thống" ấy (mang bản chất nối kết). Uranus là nội-nội-hệ thống.

181. Could this Being be the Logos of Draco, Who has so much to do with the Kundalini of the One About Whom Naught May Be Said?

181. Thực Thể này có thể là Thượng đế của Draco chăng, Đấng có liên hệ rất nhiều với Kundalini của Đấng Bất Khả Tư Nghị?

The energy centres of the solar Logos are themselves in the form of vast lotuses[24] or wheels, at the centre of which lies hidden that central cosmic Life, we call a planetary Logos. (TCF 1161-1162)

Các trung tâm năng lượng của Thái dương Thượng đế tự chúng ở trong hình thức những hoa sen bao la24 hay những bánh xe, tại trung tâm của chúng ẩn giấu Sự sống vũ

trụ trung tâm mà chúng ta gọi là một Đức Hành Tinh Thượng Đế. (TCF 1161-1162)

Who ensouls the seven solar systems, down through the Lord of a solar system, through the cosmic Entities we call the Heavenly Men,...(TCF 409)

Đấng phú linh cho bảy hệ mặt trời, đi xuống qua Chúa Tể của một hệ mặt trời, qua các Thực Thể vũ trụ mà chúng ta gọi là các Đấng Thiên Nhân,...(TCF 409)

182. Whenever life is transferred in a manner horizontal or vertical, the Seventh Ray Lord (or the Logos of the Seventh Ray) or a still greater seventh ray Being, wields power and influence.

182. Bất cứ khi nào sự sống được chuyển dịch theo chiều ngang hay chiều dọc, Đấng Chúa Tể Cung bảy (hay Thượng đế của Cung bảy) hoặc một Thực Thể cung bảy còn lớn hơn nữa đều vận dụng quyền năng và ảnh hưởng.

In all periods of lesser transition of the life from

Trong mọi thời kỳ chuyển tiếp nhỏ hơn của sự sống từ

[Page 446]

[Page 446]

Globe to globe,

Bầu hành tinh này sang bầu hành tinh khác,

Plane to plane,

Cõi này sang cõi khác,

Kingdom of nature to another kingdom,

Giới trong thiên nhiên này sang giới khác,

the Lord of the seventh Ray plays a similar part.

Chúa Tể của cung bảy đóng một vai trò tương tự.

183. The seventh ray is a bridging ray, just as the fourth is. We began this discussion by noting the importance of the fourth and seventh rays to man (and his evolution) and to the planet.

183. Cung bảy là một cung bắt cầu, cũng như cung bốn. Chúng ta đã bắt đầu cuộc thảo luận này bằng cách lưu ý tầm quan trọng của cung bốn và cung bảy đối với con người (và sự tiến hoá của y) và đối với hành tinh.

184. We are dealing with the "transition of the life". Let us list for the sake of clarity and comprehensiveness the type of transferences which occur—transferences of greater and lesser scope. There are transferences from—

184. Chúng ta đang bàn đến "sự chuyển tiếp của sự sống". Vì mục đích rõ ràng và toàn diện, chúng ta hãy liệt kê các loại chuyển dịch xảy ra—những sự chuyển dịch có phạm vi lớn hơn và nhỏ hơn. Có những sự chuyển dịch từ—

a. System to system,

b. From scheme to scheme

c. From chain to chain

d. From globe to globe

e. From plane to plane

f. From one kingdom of nature to another

185. At this point we should remember the definition of transmutation: "the passage across from one state of being to another through the agency of fire" (TCF 476)

Herein lies the reason for His inflowing force at this time, for a profound movement is in order of accomplishment, and a transference is in progress which calls for His particular type of energy. A transference is being effected of certain groups of human and deva Monads out of the human kingdom into the fifth or spiritual kingdom.

186. This is one of the most important events on our planets. Notice (interestingly) that we are speaking of the transfer of Monads and not of souls.

187. The section conveys some quite amazing information. It would seem that there are *devas* which could be said to be *in* the human kingdom and about to

a. Hệ này sang hệ khác,

b. Từ hệ hành tinh này sang hệ hành tinh khác

c. Từ dãy này sang dãy khác

d. Từ bầu hành tinh này sang bầu hành tinh khác

e. Từ cõi này sang cõi khác

f. Từ giới trong thiên nhiên này sang giới khác

185. Lúc này chúng ta nên nhớ định nghĩa về sự chuyển hoá: "sự đi qua từ trạng thái hiện hữu này sang trạng thái khác thông qua tác nhân của lửa" (TCF 476)

Chính trong đây có lý do cho mãnh lực tuôn vào của Ngài vào lúc này, vì một chuyển động sâu xa đang theo thứ tự hoàn thành, và một sự chuyển dịch đang diễn ra đòi hỏi loại năng lượng đặc thù của Ngài. Một sự chuyển dịch đang được thực hiện đối với một số nhóm chân thần người và thiên thần ra khỏi giới nhân loại để vào giới thứ năm hay giới tinh thần.

186. Đây là một trong những biến cố quan trọng nhất trên hành tinh chúng ta. Hãy lưu ý (một cách thú vị) rằng chúng ta đang nói về sự chuyển dịch của các chân thần chứ không phải của các linh hồn.

187. Phần này truyền đạt một số thông tin thật đáng kinh ngạc. Dường như có những *thiên thần* có thể được nói là đang *ở trong* giới nhân loại và sắp được chuyển vào giới thứ năm hay giới tinh thần!

transferred into the fifth or spiritual kingdom!

188. Human and deva Monad are being transferred from the fourth kingdom to the fifth kingdom *together,* and for this the ministrations of the Lord of the Seventh Ray are needed.

188. Các chân thần người và thiên thần đang được chuyển từ giới thứ tư sang giới thứ năm *cùng nhau,* và vì điều này cần đến sự phụng sự của Đấng Chúa Tể Cung bảy.

189. Upon and within our planet this transference can be conceived as assisted by the Seventh *intra*-planetary Ray Lord (in Shamballa), Who responds to a greater *extra*-planetary Ray Lord (perhaps the Logos of the planet Uranus).

189. Trên và trong hành tinh chúng ta, sự chuyển dịch này có thể được quan niệm là được trợ giúp bởi Đấng Chúa Tể Cung *nội*-hành tinh thứ bảy (ở Shamballa), Đấng đáp ứng với một Đấng Chúa Tể Cung *ngoại*-hành tinh lớn hơn (có lẽ là Thượng đế của hành tinh Uranus).

During **His cycle of close on two thousand five hundred years,** a specific number of men will pass on to the Path of Initiation,

Trong **chu kỳ gần hai ngàn năm trăm năm của Ngài,** một số lượng người nhất định sẽ tiến lên Con Đường Điểm Đạo,

190. This is not to say that the usual cycle of the Logos of the Seventh Ray is twenty five hundred years, but that this particular cycle, in which the seventh ray is again associated with the incoming sign Aquarius, will be close to two thousand five hundred years in duration.

190. Điều này không có nghĩa rằng chu kỳ thông thường của Thượng đế của Cung bảy là hai ngàn năm trăm năm, mà là chu kỳ đặc biệt này, trong đó cung bảy lại gắn với dấu hiệu hoàng đạo Bảo Bình đang đi vào, sẽ có thời lượng gần hai ngàn năm trăm năm.

191. The number of men to pass onto the Path of Initiation is not given. We presume DK means that even at the first initiation, the human being passes onto that Path.

191. Số lượng người sẽ tiến lên Con Đường Điểm Đạo không được nêu ra. Chúng ta giả định Chân sư DK muốn nói rằng ngay cả ở lần điểm đạo thứ nhất, con người cũng tiến lên Con Đường ấy.

192. Often the real Path of Initiation is said to begin with the third degree, and the period from the first degree could be called the 'Path of Probationary Initiation'.

192. Thường thì Con Đường Điểm Đạo thực sự được nói là bắt đầu từ cấp thứ ba, và giai đoạn từ cấp thứ nhất có thể được gọi là 'Con Đường Điểm Đạo Dự Bị'.

and take at least the first Initiation, thus transferring their **centres of consciousness**

và nhận ít nhất lần điểm đạo thứ nhất, nhờ đó chuyển các **trung tâm tâm thức** của họ ra

out of the purely human into the early stages of the spiritual.

193. The fourth kingdom of nature is the "purely human". By taking the first initiation, one enters into the early stages of the spiritual kingdom, but one does indeed enter that kingdom.

194. It also becomes clear that when DK speaks of passing onto the "Path of Initiation" (above) He does indeed mean the first of the first five initiations and not the third initiation.

195. Note again that Monads are called "centres of consciousness" just as in EP I 168-169. they are called "Divine Centres of Consciousness".

196. If it had been doubted, this tends to substantiate that Monad have consciousness.

During this same cycle,

197. Apparently DK does mean the present cycle of 2500. years.

a transference of units from out of the animal kingdom into the human will proceed in the fifth chain [the Mercury or 5th chain] and from thence on to another chain, thus producing a period of even greater activity than on our own globe.

198. We have (until this moment) been speaking of developments within the fourth round of the fourth chain. We are being told that while these processes (to occur during the present and coming cycle of the Seventh Ray Logos—a period of some 2500. years)

khỏi cái thuần túy nhân loại để đi vào các giai đoạn đầu của giới tinh thần.

193. Giới thứ tư trong thiên nhiên là cái "thuần túy nhân loại". Bằng việc nhận lần điểm đạo thứ nhất, người ta đi vào các giai đoạn đầu của giới tinh thần, và quả thật người ta đi vào giới ấy.

194. Cũng trở nên rõ ràng rằng khi Chân sư DK nói về việc tiến lên "Con Đường Điểm Đạo" (ở trên), Ngài quả thật muốn nói đến lần thứ nhất trong năm lần điểm đạo đầu tiên chứ không phải lần điểm đạo thứ ba.

195. Hãy lưu ý lần nữa rằng các chân thần được gọi là "các trung tâm tâm thức" cũng như trong EP I 168-169, chúng được gọi là "Các Trung Tâm Tâm Thức thiêng liêng".

196. Nếu điều này từng bị nghi ngờ, thì điều ấy có khuynh hướng xác thực rằng chân thần có tâm thức.

Trong cùng chu kỳ này,

197. Rõ ràng Chân sư DK quả thật muốn nói đến chu kỳ hiện tại 2500 năm.

sự chuyển dịch các đơn vị từ giới động vật vào giới nhân loại sẽ tiếp diễn trong dãy thứ năm [dãy Sao Thủy hay dãy thứ 5th] và **từ đó sang một dãy khác nữa**, nhờ vậy **tạo ra một thời kỳ hoạt động còn lớn lao hơn cả trên chính bầu hành tinh của chúng ta**.

198. Cho đến lúc này, chúng ta đã bàn đến những sự phát triển bên trong cuộc tuần hoàn thứ tư của dãy thứ tư. Chúng ta được cho biết rằng trong khi các tiến trình này (xảy ra trong chu kỳ hiện tại và sắp đến của Đấng Thượng đế Cung bảy—một giai đoạn

are taking place, fifth chain processes will *also* be taking place.

199. This again, confirms the hypothesis of the simultaneous demonstration of the chains. It suggests, also, that it is not far-fetched to consider that in very ancient the third chain or Moon-chain and the Earth-chain existed *simultaneously*.

200. We are being told that on the Mercury-chain there is an animal kingdom, units of which will be transferring into a human kingdom. Such units will then be transferred to another chain.

201. This suggests that yet another chain is simultaneously operative with the fourth and fifth.

202. Within our planetary scheme, we are told that there is greater activity at least on one other globe than on our own. Truly, we little suspect all that may be transpiring within that vast set of relationships we call our planetary scheme.

203. If the animal-human transference is occurring in relation to a globe other than our own, such a globe (per se) must be able to sustain both animal and human life. This means that that globe (and by inference all others) cannot be completely homogeneous, because no homogeneous globe could possibly support all the principles required to sustain the expression of animal and human life.

khoảng 2500 năm) đang diễn ra, thì các tiến trình của dãy thứ năm *cũng* sẽ diễn ra.

199. Điều này, một lần nữa, xác nhận giả thuyết về sự biểu hiện đồng thời của các dãy. Điều đó cũng gợi ý rằng không phải là quá gượng ép khi cho rằng trong thời rất cổ xưa, dãy thứ ba hay Dãy Mặt Trăng và Dãy Địa Cầu đã tồn tại *đồng thời*.

200. Chúng ta được cho biết rằng trên Dãy Sao Thủy có một giới động vật, mà các đơn vị của giới ấy sẽ chuyển dịch vào một giới nhân loại. Những đơn vị ấy sau đó sẽ được chuyển sang một dãy khác.

201. Điều này gợi ý rằng còn có một dãy khác nữa đang hoạt động đồng thời với dãy thứ tư và thứ năm.

202. Trong hệ hành tinh của chúng ta, chúng ta được cho biết rằng có hoạt động lớn hơn ít nhất trên một bầu hành tinh khác so với bầu hành tinh của chúng ta. Quả thật, chúng ta hầu như không ngờ được tất cả những gì có thể đang diễn ra trong toàn bộ mạng lưới quan hệ rộng lớn mà chúng ta gọi là hệ hành tinh của mình.

203. Nếu sự chuyển dịch động vật-người đang xảy ra liên hệ với một bầu hành tinh khác ngoài bầu hành tinh của chúng ta, thì chính bầu hành tinh ấy phải có khả năng duy trì cả sự sống động vật lẫn sự sống con người. Điều này có nghĩa là bầu hành tinh ấy (chính nó) và theo suy luận là tất cả các bầu hành tinh khác, không thể hoàn toàn đồng nhất, bởi vì không một bầu hành tinh đồng nhất nào có thể hỗ trợ mọi nguyên khí cần thiết để duy trì sự biểu lộ của sự sống động vật và con người.

Similarly I may point out (even though it is not possible to give more than a hint) that the force of the cosmic Transferrer is being called into activity by the transference during this cycle of a special group of highly advanced units of the human and deva kingdoms (members of the occult Hierarchy) to another scheme altogether.

Tương tự, tôi có thể chỉ ra (dù không thể nói hơn một gợi ý) rằng mãnh lực của Đấng Chuyển Dịch vũ trụ đang được gọi vào hoạt động bởi sự chuyển dịch trong chu kỳ này của một nhóm đặc biệt gồm những đơn vị rất tiến hóa của giới nhân loại và giới thiên thần (các thành viên của Thánh Đoàn huyền bí) sang hẳn một hệ hành tinh khác.

204. By "cosmic Transferrer" do we mean the Lord of the planet Uranus, for such an advanced Heavenly Man is, indeed, a *cosmic* Being? Or do we mean a still higher Prototype, called above an "extra-systemic Being"?

204. Bởi "Đấng Chuyển Dịch vũ trụ", chúng ta có muốn nói đến Chúa Tể của hành tinh Sao Thiên Vương chăng, vì một Đấng Thiên Nhân tiến hóa cao như thế quả thật là một Hữu thể *vũ trụ*? Hay chúng ta muốn nói đến một Nguyên Mẫu còn cao hơn nữa, được gọi ở trên là một "Hữu thể ngoài hệ"?

205. Could we, in fact, mean the Lord of the Constellation, Draco, Who is closely associated with the seventh ray and with Cosmic Kundalini in the life expression of the One About Whom Naught May Be Said?

205. Thực ra, liệu chúng ta có thể muốn nói đến Chúa Tể của Chòm sao Draco, Đấng có liên hệ mật thiết với cung bảy và với Kundalini Vũ Trụ trong sự biểu lộ sự sống của Đấng Bất Khả Tư Nghị?

206. When we speak of "another scheme altogether" are we speaking of only *one* scheme or more?

206. Khi chúng ta nói đến "hẳn một hệ hành tinh khác", chúng ta đang nói đến chỉ *một* hệ hành tinh hay nhiều hệ hành tinh?

207. This type of transfer is a less usual event that transfers occurring within a particular planetary scheme.

207. Loại chuyển dịch này là một biến cố ít thông thường hơn những sự chuyển dịch xảy ra trong một hệ hành tinh nhất định.

208. We do not know what the term "this cycle" means. Can it mean the twenty five hundred year ray-seven cycle which accompanies the Aquarian Age and its periods of fading in and out? Or is a still larger cycle indicated?

208. Chúng ta không biết thuật ngữ "chu kỳ này" có nghĩa là gì. Liệu nó có thể có nghĩa là chu kỳ cung bảy kéo dài hai ngàn năm trăm năm đi kèm với Kỷ Nguyên Bảo Bình và các thời kỳ mờ dần rồi hiện ra của nó không? Hay là một chu kỳ còn lớn hơn nữa được chỉ ra?

209. We do see that members of the Occult Hierarchy are to be transferred to another scheme altogether. Could this scheme be the Venus-scheme? There is reason to believe

209. Chúng ta quả có thấy rằng các thành viên của Thánh Đoàn Huyền Bí sẽ được chuyển sang hẳn một hệ hành tinh khác. Liệu hệ hành tinh này có thể là hệ Sao Kim

that before treading the Path to Sirius, the School on Venus may be a temporary, educative 'stop' along the "Way".

chăng? Có lý do để tin rằng trước khi bước trên Con đường đến Sirius, Trường học trên Sao Kim có thể là một điểm "dừng" tạm thời, có tính giáo dục, dọc theo "Con Đường".

210. On the "Way of Higher Evolution", transferences are made to other planetary schemes before transferences to other solar systems or constellations.

210. Trên "Con đường Tiến Hóa Cao Siêu", các sự chuyển dịch được thực hiện sang các hệ hành tinh khác trước khi có những sự chuyển dịch sang các hệ mặt trời khác hay các chòm sao khác.

211. As we reflect upon DK's statements we are led to wonder whether kundalini (on whatever level it may be manifesting) is not an agent of transference.

211. Khi suy ngẫm về những phát biểu của Chân sư DK, chúng ta được dẫn đến chỗ tự hỏi liệu kundalini (ở bất cứ cấp độ nào mà nó có thể đang biểu hiện) có phải không là một tác nhân chuyển dịch.

Certain units also—from among the Lipika Lords—are taking advantage of this cosmic influence to transfer their activity to another system, giving place to others Who will work out the karma of the new age.

Một số đơn vị nhất định nữa—trong số các Đấng Lipika—cũng đang tận dụng ảnh hưởng vũ trụ này để chuyển hoạt động của mình sang một hệ mặt trời khác, nhường chỗ cho những Đấng khác sẽ giải quyết nghiệp quả của kỷ nguyên mới.

212. This is a very advanced piece of information. Its only purpose is to extend our understanding of the many transferences underway. It would seem that transference of this advanced nature would have to rely upon the mediation of a Being greater than an intra-systemic Ray Lord or Planetary Logos. Thus, it is implied that the "Cosmic Transferrer" referenced above is, indeed, an "extra-systemic Being".

212. Đây là một mẩu thông tin rất cao siêu. Mục đích duy nhất của nó là mở rộng sự thấu hiểu của chúng ta về nhiều sự chuyển dịch đang diễn ra. Có vẻ như sự chuyển dịch thuộc bản chất cao siêu này hẳn phải dựa vào sự trung gian của một Hữu thể vĩ đại hơn một Đấng Chúa Tể Cung nội hệ hay một Hành Tinh Thượng Đế. Vì vậy, điều này hàm ý rằng "Đấng Chuyển Dịch vũ trụ" được nhắc đến ở trên quả thật là một "Hữu thể ngoài hệ".

213. We are being told that a new group of Lipikas is coming into our solar system. Their work, *as far as our planet is concerned*, is to "work out the karma of the new age". One would assume that they will also have work to do in relation to other planetary schemes. Is there a "new age" occurring solar systemically? If so, what types of solar

213. Chúng ta được cho biết rằng một nhóm mới các Lipika đang đi vào hệ mặt trời của chúng ta. Công việc của các Ngài, *xét theo phương diện hành tinh chúng ta*, là "giải quyết nghiệp quả của kỷ nguyên mới". Người ta có thể giả định rằng các Ngài cũng sẽ có công việc phải làm liên hệ với các hệ hành tinh khác. Có phải đang có một "kỷ nguyên mới"

alignments are responsible for bringing it in?

xảy ra ở cấp độ hệ mặt trời không? Nếu vậy, những loại chỉnh hợp mặt trời nào chịu trách nhiệm đem nó vào?

214. We see that inter-systemic transference (transference between solar systems) is a process parallel to the processes of transfer going on within our planetary scheme and within our solar system.

214. Chúng ta thấy rằng sự chuyển dịch liên-hệ (sự chuyển dịch giữa các hệ mặt trời) là một tiến trình song song với các tiến trình chuyển dịch đang diễn ra trong hệ hành tinh của chúng ta và trong hệ mặt trời của chúng ta.

215. All L/lives move "on and up". All this contributes to a dynamic we might call 'relativity of function'. Any B/being is capable of changing functions within a system or by transferring to other systems, and still maintain its integrity.

215. Mọi S/sự sống đều vận động "tiến lên và đi lên". Tất cả điều này góp phần vào một động lực mà chúng ta có thể gọi là 'tính tương đối của chức năng'. Bất kỳ H/hữu thể nào cũng có khả năng thay đổi chức năng trong một hệ thống hoặc bằng cách chuyển sang các hệ thống khác, mà vẫn duy trì được tính toàn vẹn của mình.

The power of these agencies permeates the entire globe and extends throughout the chains and schemes which lie in the line of its path.

Quyền năng của các tác nhân này thấm khắp toàn bộ bầu hành tinh và trải rộng xuyên qua các dãy và các hệ hành tinh nằm trên đường đi của nó.

216. DK is speaking of the power of the these Karmic Lords—Lipikas of a certain kind. Their effect will permeate all kingdoms within our planetary scheme and on other planetary schemes as well.

216. Chân sư DK đang nói về quyền năng của các Đấng Nghiệp Quả này—các Lipika thuộc một loại nhất định. Ảnh hưởng của các Ngài sẽ thấm khắp mọi giới trong hệ hành tinh của chúng ta và cả trên các hệ hành tinh khác nữa.

It will fundamentally affect the vegetable kingdom, obscuring old types and bringing in new;

Nó sẽ tác động một cách căn bản đến giới thực vật, làm lu mờ các loại cũ và đưa vào các loại mới;

217. We have been told that blue flowers will begin to disappear and that those of a violet hue will take their place.

217. Chúng ta đã được cho biết rằng các loài hoa màu xanh lam sẽ bắt đầu biến mất và những loài mang sắc tím sẽ thay thế chúng.

Many of the flowers in which you now rejoice are passing out, the bluebell, the hyacinth and the olive for example; the

Nhiều loài hoa mà hiện nay các bạn đang vui thích sẽ dần biến mất, chẳng hạn như hoa chuông xanh, dạ lan hương và ô liu; ngọc

sapphire will become scarce and the turquoise will lose its hue. **Flowers of violet colour, of lavender and of purple will come into favour.** Behind all this lies a purpose profound. (EP I 122)

bích lam sẽ trở nên hiếm, và ngọc lam sẽ mất màu sắc của nó. **Những loài hoa màu tím, màu oải hương và màu tía sẽ trở nên được ưa chuộng.** Đằng sau tất cả điều này có một mục đích sâu xa. (EP I 122)

218. Why the vegetable kingdom? Can it be that because the second ray soul of our planet is emergent, that the kingdom most correlated with this second ray, the vegetable kingdom, will receive special attention from Sirian Beings (Lipika Lords) —Beings closely associated with the vibration of Venus, a planet intimately associated not only with our Earth but with the vegetable kingdom on our Earth.

218. Tại sao lại là giới thực vật? Có thể chăng vì cung linh hồn cung hai của hành tinh chúng ta đang xuất hiện, nên giới tương ứng nhiều nhất với cung hai này, tức giới thực vật, sẽ nhận được sự chú ý đặc biệt từ các Hữu thể Sirian (các Đấng Lipika)—những Hữu thể có liên hệ mật thiết với rung động của Sao Kim, một hành tinh gắn bó mật thiết không chỉ với Trái Đất của chúng ta mà còn với giới thực vật trên Trái Đất của chúng ta.

it will work in the mineral kingdom and give a new impetus to the chemical processes, causing incidentally [Page 447] a setting loose of radioactive units, and a consequent accretion of knowledge by the scientist.

nó sẽ hoạt động trong giới kim thạch và tạo một xung lực mới cho các tiến trình hóa học, đồng thời gây ra [Page 447] sự giải phóng các đơn vị phóng xạ, **và do đó làm tăng thêm tri thức cho nhà khoa học.**

219. It is as if the radioactive units already existed and have simply to be set loose.

219. Dường như các đơn vị phóng xạ đã tồn tại sẵn và chỉ cần được giải phóng ra.

220. We know that when radioactive elements were discovered, it caused a revolution in the scientific field—an entire reassessment of the nature of matter.

220. Chúng ta biết rằng khi các nguyên tố phóng xạ được khám phá, điều đó đã gây ra một cuộc cách mạng trong lĩnh vực khoa học—một sự đánh giá lại toàn bộ bản chất của vật chất.

221. Scientists do not take into account a possible heightened activation of chemical elements and processes, but as we all know, great changes can be induced in *any* kingdom. The nature of the mineral kingdom has been studied seriously for only a few centuries and so dogmatic claims can be made that its present conditions and properties are permanent and unchanging.

221. Các nhà khoa học không tính đến khả năng có một sự hoạt hóa cao hơn của các nguyên tố và tiến trình hóa học, nhưng như tất cả chúng ta đều biết, những thay đổi lớn có thể được gây ra trong *bất kỳ* giới nào. Bản chất của giới kim thạch mới chỉ được nghiên cứu nghiêm túc trong vài thế kỷ, nên không thể đưa ra những khẳng định giáo điều rằng các điều kiện và đặc tính hiện tại của nó là thường hằng và bất biến.

222. Considering that we have been speaking of the seven ray Lord(s), and by implication of Uranus, we might expect even greater response from the mineral kingdom (the seventh by one mode of counting) than from the vegetable kingdom.

222. Xét rằng chúng ta đã nói về (các) Đấng Chúa Tể cung bảy, và theo hàm ý là về Sao Thiên Vương, chúng ta có thể mong đợi một sự đáp ứng còn lớn hơn từ giới kim thạch (giới thứ bảy theo một cách đếm) so với từ giới thực vật.

In the elemental kingdoms and the group souls found therein, it produces **facility in the transference of atoms.**

Trong các giới hành khí và các hồn nhóm được tìm thấy trong đó, nó tạo ra **sự dễ dàng trong việc chuyển dịch các nguyên tử.**

223. The "elemental kingdoms" lie 'below' the mineral kingdom. At least they are considered to function at a stage *earlier* than the functioning of the mineral kingdom.

223. "Các giới hành khí" nằm 'bên dưới' giới kim thạch. Ít nhất, chúng được xem là hoạt động ở một giai đoạn *sớm hơn* so với hoạt động của giới kim thạch.

224. It appears that group souls express in the elemental kingdoms before entering the specifically evolutionary kingdoms beginning with the mineral kingdom.

224. Có vẻ như các hồn nhóm biểu lộ trong các giới hành khí trước khi đi vào các giới tiến hóa chuyên biệt bắt đầu với giới kim thạch.

225. The "atoms" referenced might be considered the tiny atom of the chemist or physicist, but we could also be speaking of the transference of the lower permanent atoms into more advanced 'evolutionary positions'.

225. "Các nguyên tử" được nhắc đến có thể được xem là nguyên tử nhỏ bé của nhà hóa học hay nhà vật lý, nhưng chúng ta cũng có thể đang nói đến sự chuyển dịch các nguyên tử trường tồn thấp vào những 'vị trí tiến hóa' cao hơn.

So far-reaching are the effects of this Ray, both on the **deva and human units in their different kingdoms** that entirely new environments will evolve for the utilisation of the new types and entirely new characteristics will be found emerging in the race of men.

Ảnh hưởng của Cung này sâu rộng đến mức, cả trên **các đơn vị thiên thần và nhân loại trong những giới khác nhau của họ** mà những môi trường hoàn toàn mới sẽ tiến hóa để sử dụng các loại mới, và những đặc tính hoàn toàn mới sẽ được thấy đang xuất hiện trong nhân loại.

226. We are dealing with a tremendous transformation to be brought about through the Logos of the Seventh Ray.

226. Chúng ta đang bàn đến một sự chuyển đổi to lớn sẽ được thực hiện thông qua Đấng Thượng đế của Cung bảy.

227. Những loại chuyển đổi được bàn đến ở đây tương ứng rất tốt với các kết quả có thể

227. The kinds of transformation here discussed correlate well with the results to be expected from the Uranian influence.

mong đợi từ ảnh hưởng của Sao Thiên Vương.

228. A considerable change in the pattern of form expression is predicted.

228. Một sự thay đổi đáng kể trong mô hình biểu lộ hình tướng được tiên báo.

229. We notice, as well, that deva and human units can be found in different kingdoms. We expect this of the different types of deva units. Do we expect this of the human units?

229. Chúng ta cũng lưu ý rằng các đơn vị thiên thần và nhân loại có thể được tìm thấy trong những giới khác nhau. Chúng ta mong đợi điều này nơi các loại đơn vị thiên thần khác nhau. Chúng ta có mong đợi điều này nơi các đơn vị nhân loại không?

230. Human units are, indeed, to be found in different kingdoms. To give one example, both within the fourth kingdom of nature and the spiritual kingdom, or Kingdom of Souls, human units are to be found.

230. Quả thật, các đơn vị nhân loại được tìm thấy trong những giới khác nhau. Nêu một ví dụ, cả trong giới thứ tư của thiên nhiên lẫn giới tinh thần, hay Hồn giới, đều có thể tìm thấy các đơn vị nhân loại.

231. When a unit becomes a Planetary Life (sixth kingdom) and, thus, a Chohan, it may not be proper to call that unit a "human" unit, and, yet, it is still a member of the Fourth Creative Hierarchy.

231. Khi một đơn vị trở thành một Sự Sống Hành tinh (giới thứ sáu) và như vậy là một Chohan, có thể không còn thích hợp để gọi đơn vị ấy là một đơn vị "nhân loại", nhưng tuy vậy, nó vẫn là một thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư.

We have somewhat considered the type of force which expresses itself by means of the seventh Ray and have seen that it is the great transmuting, and transferring agent of the Logos.

Chúng ta đã phần nào xem xét loại mãnh lực tự biểu lộ qua cung bảy và đã thấy rằng đó là tác nhân chuyển hoá và chuyển dịch vĩ đại của Thượng đế.

232. Our Solar Logos uses the Logos of the Seventh Ray as a "great transmuting and transferring agent…"

232. Thái dương Thượng đế của chúng ta sử dụng Đấng Thượng đế của Cung bảy như một "tác nhân chuyển hoá và chuyển dịch vĩ đại…"

a. Material expression is elevated

a. Sự biểu lộ vật chất được nâng cao

b. The locale of expression is altered

b. Nơi chốn biểu lộ được thay đổi

233. There is also an extra-systemic seventh Ray force which can be conceived as a Being so great that it *uses* our Logos.

233. Cũng có một mãnh lực cung bảy ngoài hệ có thể được quan niệm như một Hữu thể vĩ đại đến mức nó *sử dụng* Thượng đế của chúng ta.

We have seen that it has a powerful effect both on deva and human units; we have found that the prime function of the Logos of the seventh Ray is beyond all else, that of adaptation, or the moulding of the form and the rendering of it suitable to the needs of any particular Entity.

Chúng ta đã thấy rằng nó có một ảnh hưởng mạnh mẽ trên cả các đơn vị thiên thần lẫn nhân loại; chúng ta đã nhận thấy rằng chức năng chủ yếu của Đấng Thượng đế của cung bảy, vượt lên trên mọi điều khác, là sự thích ứng, hay sự uốn nắn hình tướng và làm cho nó thích hợp với nhu cầu của bất kỳ Thực Thể nào.

234. Adaptation is a quality of action shared by both the third and the seventh ray. In the case of the seventh ray, adaptation is related more to the form than to the realm of thought and idea.

234. Sự thích ứng là một phẩm tính hành động được chia sẻ bởi cả cung ba lẫn cung bảy. Trong trường hợp cung bảy, sự thích ứng liên hệ nhiều hơn đến hình tướng hơn là đến lĩnh vực tư tưởng và ý tưởng.

235. In summary concerning the seventh ray (the energy of the Seventh Ray Lord)

235. Tóm lại về cung bảy (năng lượng của Đấng Chúa Tể Cung bảy)

a. It is transmutative

a. Nó có tính chuyển hoá

b. It is a transferring energy

b. Nó là một năng lượng chuyển dịch

c. It powerfully affects both humans and devas

c. Nó ảnh hưởng mạnh mẽ đến cả con người lẫn thiên thần

d. It adapts and moulds the form rendering it suitable to the needs of the indwelling entity or Entity

d. Nó thích ứng và uốn nắn hình tướng, làm cho nó thích hợp với nhu cầu của thực thể hay Thực Thể nội tại

236. Let us review in tabulation the processes associated with the Seven Ray Lord

236. Chúng ta hãy điểm lại dưới dạng bảng các tiến trình gắn liền với Đấng Chúa Tể Bảy Cung

a. Transmutation

a. Chuyển hoá

b. Incarnation

b. Lâm phàm

c. Transference

d. Blending

e. Merging

f. Adaptation

g. Let us add, “Moulding”

237. When we think of the potentials of the seventh ray, we see that we will, indeed, be expressing through a world transformed —“a new Heaven and new Earth”.

In all **the constructive work of form-building**, certain factors enter in which must here be enumerated as they concern vitally **this particular Heavenly Man**,

238. The Seventh Ray Lord (in this context) is *indeed* a Heavenly Man.

239. The Seventh Ray, however, is really an immense, foundational Super-Cosmic Energy expressing through various entities closer to our possibility of apprehension—intra-planetary Ray Lords, Planetary Ray Lords and extra-systemic Ray Lords—all of these being relatively ‘close to home’—but also through Entities of such great scope that we cannot conceive of Their natures.

and the particular plane, the physical, on which we undergo experience. These are:

c. Chuyển dịch

d. Pha trộn

e. Hợp nhất

f. Thích ứng

g. Chúng ta hãy thêm, “Uốn nắn”

237. Khi nghĩ đến các tiềm năng của cung bảy, chúng ta thấy rằng quả thật chúng ta sẽ biểu lộ qua một thế giới đã được chuyển đổi —“một Trời mới và một Đất mới”.

Trong mọi **công việc kiến tạo của việc xây dựng hình tướng**, có những yếu tố nhất định tham dự vào mà ở đây phải được liệt kê ra vì chúng liên hệ thiết yếu đến **Đấng Thiên Nhân đặc biệt này**,

238. Đấng Chúa Tể Cung bảy (trong văn cảnh này) quả *thật* là một Đấng Thiên Nhân.

239. Tuy nhiên, Cung bảy thực ra là một Năng Lượng Siêu Vũ Trụ mênh mông, nền tảng, biểu lộ qua nhiều thực thể gần với khả năng lĩnh hội của chúng ta hơn—các Đấng Chúa Tể Cung nội hành tinh, các Đấng Chúa Tể Cung hành tinh và các Đấng Chúa Tể Cung ngoài hệ—tất cả những vị này đều tương đối ‘gần nhà’—nhưng cũng biểu lộ qua những Thực Thể có tầm mức vĩ đại đến nỗi chúng ta không thể quan niệm được bản chất của Các Ngài.

và cõi đặc biệt, cõi hồng trần, nơi chúng ta trải qua kinh nghiệm. Đó là:

240. We are speaking of the processes of form building, particularly related to the constructive energy of the seventh ray.

240. Chúng ta đang nói về các tiến trình xây dựng hình tướng, đặc biệt liên hệ với năng lượng kiến tạo của cung bảy.

First. The will or the one-pointed purpose of some entity.

Thứ nhất. Ý chí hay mục đích nhất tâm của một thực thể nào đó.

241. Will and purpose must substand the forms which are to be built. Will and purpose represent the deepest subjective factor in the manifestation process.

241. Ý chí và mục đích phải làm nền cho những hình tướng sẽ được xây dựng. Ý chí và mục đích tượng trưng cho yếu tố chủ quan sâu xa nhất trong tiến trình biểu hiện.

242. The will and purpose of this seventh Ray Lord is above all else "that of adaptation, or the moulding of the form and the rendering of it suitable to the needs of any particular Entity".

242. Ý chí và mục đích của Đấng Chúa Tể Cung bảy này, trên hết mọi điều khác, là "sự thích ứng, hay sự uốn nắn hình tướng và làm cho nó thích hợp với nhu cầu của bất kỳ Thực Thể nào".

243. The energy of the seventh ray is a more concrete expression of first ray energy—the energy of Will.

243. Năng lượng của cung bảy là một biểu lộ cụ thể hơn của năng lượng cung một—năng lượng của Ý chí.

Second. The material through which the life proposes to manifest. This material, as we know, is found within the ring-pass-not in seven grades, and in forty-nine subgrades.

Thứ hai. Chất liệu mà qua đó sự sống dự định biểu lộ. Chất liệu này, như chúng ta biết, được tìm thấy bên trong vòng-giới-hạn theo bảy cấp, và bốn mươi chín cấp phụ.

244. Those engaged in the process of construction must carefully take into account the material they intend to use in the building process.

244. Những ai tham gia vào tiến trình kiến tạo phải cẩn thận lưu ý đến chất liệu mà họ dự định sử dụng trong tiến trình xây dựng.

245. All forty-nine sub-planes of the cosmic physical plane can be considered such *material.*

245. Tất cả bốn mươi chín cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ đều có thể được xem là loại *chất liệu* ấy.

Third. The Builders who are the vehicle for the divine purpose, and who mould matter upon a particular plan. **These Builders evolve the forms out of their own nature and substance.**

Thứ ba. Các đấng kiến tạo là vận cụ cho mục đích thiêng liêng, và là những vị uốn nắn vật chất theo một kế hoạch nhất định. **Các đấng kiến tạo này tiến hóa các hình tướng từ chính bản chất và chất liệu của các vị.**

246. Along with will/purpose and material must come the consideration of the Builders who are to build.

246. Cùng với ý chí/mục đích và chất liệu, phải xét đến các đấng kiến tạo là những vị sẽ xây dựng.

247. In a way the Builders *become* that which is to be built. They do not so much act upon that which is external, but, under law, *mould* themselves into the shape of the intended form.

247. Theo một cách nào đó, các đấng kiến tạo *trở thành* chính cái sẽ được xây dựng. Các vị không hẳn tác động lên cái gì đó ở bên ngoài, mà dưới định luật, các vị *uốn nắn* chính mình thành hình dạng của hình tướng được dự định.

248. In this respect, the vehicles of the Builders are *suppliant.*

248. Về phương diện này, các vận cụ của các đấng kiến tạo là *mềm dẻo thuận ứng.*

Fourth. A plan by which the work is carried out and which is imparted to the Builders, being latent in their consciousness.

Thứ tư. Một kế hoạch nhờ đó công việc được thực hiện và được truyền đạt cho các đấng kiến tạo, vốn tiềm ẩn trong tâm thức của các vị.

249. Instructions for the building task arise from deep within the consciousness of the Builders. Greater Builders can convey these plans to lesser builders. The plan as conceived by the different types of 'men' associated with the Builders also conveys the Plan to be followed..

249. Những chỉ dẫn cho nhiệm vụ xây dựng phát sinh từ sâu bên trong tâm thức của các đấng kiến tạo. Các đấng đại kiến tạo có thể truyền những kế hoạch này cho các vị tiểu kiến tạo. Kế hoạch như được quan niệm bởi các loại 'người' khác nhau liên hệ với các đấng kiến tạo cũng chuyển đạt Thiên Cơ phải được tuân theo..

250. Thus far we have four factors necessary to the constructive work of the Logos of the Seventh Ray (working as it does in close alliance with the energy of the Builders of many categories.).

250. Cho đến đây, chúng ta có bốn yếu tố cần thiết cho công việc kiến tạo của Đấng Thượng đế Cung bảy (hoạt động trong sự liên minh mật thiết với năng lượng của các đấng kiến tạo thuộc nhiều loại).

They evolve the form of the Grand Heavenly Man, of the Heavenly Men, of the human units, [Page 448] and of all forms from within outwards,

Các vị tiến hóa hình tướng của Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại, của các Đấng Thiên Nhân, của các đơn vị nhân loại, [Page 448] và của mọi hình tướng **từ bên trong ra bên ngoài**,

251. We are speaking of Builders of all grades, because the forms to be created for a

251. Chúng ta đang nói về các đấng kiến tạo thuộc mọi cấp bậc, bởi vì những hình tướng được tạo ra cho một Thái dương Thượng đế

Solar Logos or Heavenly Man would require advanced types of Builders.

hay một Đấng Thiên Nhân sẽ đòi hỏi những loại đấng kiến tạo cao cấp.

252. The method of building is to be carefully noted:

252. Phương pháp xây dựng này cần được lưu ý cẩn thận:

a. Forms are evolved out of the nature and substance of the Builders

a. Các hình tướng được tiến hóa từ bản chất và chất liệu của các đấng kiến tạo

b. Forms are created "from within outwards".

b. Các hình tướng được tạo ra "từ bên trong ra bên ngoài".

253. The process of building is all based upon pliancy and suppliancy.

253. Toàn bộ tiến trình xây dựng đều dựa trên tính mềm dẻo và tính thuận ứng.

and produce the self-identified Existences as a mother builds and produces a conscious Son out of the matter of her own body, carrying certain racial earmarks yet independent, self-conscious, self-willed and threefold in manifestation.

và **tạo ra những Hiện Hữu tự đồng nhất hóa như một người mẹ xây dựng và sinh ra một Người Con có tâm thức từ vật chất của chính thân thể mình,** mang những dấu ấn chủng tộc nhất định nhưng độc lập, tự ý thức, có ý chí riêng và tam phân trong biểu lộ.

254. We have a most important analogy. The Builders of the deva kingdom build as a mother builds—producing "a conscious Son out of the matter of her own body".

254. Chúng ta có một phép loại suy hết sức quan trọng. Các đấng kiến tạo của giới thiên thần xây dựng như một người mẹ xây dựng —tạo ra "một Người Con có tâm thức từ vật chất của chính thân thể mình".

255. The mother provides the body but does not provide the consciousness. The body may carry certain hereditary qualities or "earmarks", but the consciousness is independent of the body.

255. Người mẹ cung cấp thể xác nhưng không cung cấp tâm thức. Thể xác có thể mang những phẩm tính di truyền nhất định hay "dấu ấn", nhưng tâm thức thì độc lập với thể xác.

256. The deva Builders 'shape themselves' according to a higher will. They embody out of their own nature and substance the intended ideation.

256. Các đấng kiến tạo thiên thần 'tự định hình mình' theo một ý chí cao hơn. Các vị hiện thân từ chính bản chất và chất liệu của mình thành ý niệm được dự định.

The fact of the identity of the deva evolution with the essence they manipulate must ever be borne in mind.

257. This is a key sentence and reveals the protean nature of the deva kingdom. From "within outwards" the devas *become* the forms intended.

258. They are as much the 'built' and the Builders.

Finally. Certain Words or Mantric Sounds,51 which—[Page 449] uttered by a greater Life—can ever drive the lesser lives to the fulfillment of constructive purpose.

259. Mantric words and sounds impel the 'self-shaping' of the members of the deva kingdom. The words and mantra are uttered with purpose by the one who is the 'custodian of the will' in relation to the building process.

51: They have in an ancient system of psychical teaching called Yoga, in which the recitation of certain mantrams, or verses of Sanskrit, is prescribed.

260. This is Mantra-Yoga.

Especially important is said to be the way in which the mystical syllable, or Aum, is pronounced. Learned Brahmans tell me that the illimitable psychic potentiality of the Sanskrit charms, or mantrams is only drawn out by the adoption of a certain very accurate rule of pronunciation (swara).

Sự kiện rằng tiến hóa thiên thần đồng nhất với tinh chất mà họ thao tác phải luôn luôn được ghi nhớ.

257. Đây là một câu then chốt và tiết lộ bản chất biến hóa đa dạng của giới thiên thần. "Từ bên trong ra bên ngoài", các thiên thần *trở thành* những hình tướng được dự định.

258. Các vị vừa là cái được 'xây dựng' vừa là các đấng kiến tạo.

*Sau cùng. Một số Linh từ hay Âm thanh Mantric nhất định,*51 mà—[Page 449] khi được một Sự sống lớn hơn phát ra—luôn có thể thúc đẩy các sự sống nhỏ hơn hoàn thành mục đích kiến tạo.

259. Những linh từ và âm thanh mantric thúc đẩy sự 'tự định hình' của các thành viên trong giới thiên thần. Những linh từ và mantra được phát ra với mục đích bởi đấng là 'người gìn giữ ý chí' liên hệ với tiến trình xây dựng.

51: Chúng có trong một hệ thống cổ xưa về giáo huấn thông linh gọi là Yoga, trong đó việc tụng đọc một số mantram, hay các câu tiếng Phạn, được quy định.

260. Đây là Mantra-Yoga.

Điều được nói là đặc biệt quan trọng là cách mà âm tiết thần bí, hay Aum, được phát âm. Các Bà-la-môn uyên bác nói với tôi rằng tiềm năng thông linh vô hạn của các bùa chú tiếng Phạn, hay các mantram, chỉ được rút ra nhờ áp dụng một quy tắc phát âm (swara) nhất định thật chính xác.

261. Here the accuracy in execution associated with the seventh ray is applied to the throat center.

261. Ở đây, sự chính xác trong thực hiện gắn liền với cung bảy được áp dụng vào trung tâm cổ họng.

They say that by formulating the words correctly a vibration is set up in the akaz, or that part of the ether of space which enwraps our globe,

Họ nói rằng bằng cách cấu tạo các từ cho đúng, một rung động được thiết lập trong akaz, hay phần dĩ thái của không gian bao bọc bầu hành tinh của chúng ta,

262. We are speaking not so much of the akasha of the monadic plane but, at least at first, of the etheric levels proximate to the physical.

262. Chúng ta đang nói không hẳn về akasha của cõi chân thần mà, ít nhất lúc đầu, là về các cấp dĩ thái gần với cõi hồng trần.

which makes man the master over all the spirit denizens of the various kingdoms of nature.

điều này làm cho con người trở thành chủ nhân của mọi cư dân tinh thần trong các giới khác nhau của thiên nhiên.

263. These forms of life are controlled by the word or mantram, properly pronounced.

263. Những hình thức sự sống này được kiểm soát bởi linh từ hay mantram, khi được phát âm đúng.

It first re-acts upon the astral double or ethereal body of the man himself, purifying its grossness, stimulating its psychic powers out of the normal state of latency, and gradually fortifying them up to the point of mastery over nature's finer forces.—*The Theosophist*, Vol. XIII, pp. 229, 613.

Trước hết, nó phản ứng trở lại trên đối phần cảm dục hay thể dĩ thái của chính con người, thanh lọc tính thô trược của nó, kích thích các năng lực thông linh của nó ra khỏi trạng thái tiềm ẩn bình thường, và dần dần củng cố chúng cho đến mức làm chủ được các mãnh lực tinh tế hơn của thiên nhiên.—*The Theosophist*, Tập XIII, tr. 229, 613.

264. The “astral double or ethereal body” is what we call the etheric body. When we are told that this body possesses psychic powers, we may also be saying that when it is sufficiently pure and stimulated it can transmit into the physical world the psychic powers resident upon the higher planes.

264. “Đối phần cảm dục hay thể dĩ thái” là điều mà chúng ta gọi là thể dĩ thái. Khi chúng ta được bảo rằng thể này sở hữu các năng lực thông linh, chúng ta cũng có thể đang nói rằng khi nó đủ thanh khiết và được kích thích, nó có thể truyền vào thế giới hồng trần các năng lực thông linh cư ngụ trên các cõi cao hơn.

"The primal single sound (Aum or) is the highest uttered word of power and knowledge.

"Âm thanh đơn nhất nguyên sơ (Aum hay) là linh từ quyền năng và tri thức được phát ra cao nhất.

265. Yet, DK calls this a symbolic sound.

265. Tuy vậy, Chân sư DK gọi đây là một âm thanh biểu tượng.

b. **The Sound heard of which the O.M. is a symbol.** This is the first letter of the sevenfold Name of the planetary Logos. More upon this subject may not be given, nor am I in a position to give it. (R&I 263)

b. **Âm Thanh được nghe mà O.M. là một biểu tượng của nó.** Đây là chữ cái đầu tiên của Danh xưng thất phân của Hành Tinh Thượng Đế. Không thể nói thêm về chủ đề này, và tôi cũng không ở vào vị trí để nói ra. (R&I 263)

It is verily as Brahman itself.

Quả thật, nó chính là Brahman.

266. “Brahman” is not Brahma. “Brahman” is the ABSOLUTE REALITY.

266. “Brahman” không phải là Brahma. “Brahman” là THỰC TẠI TUYỆT ĐỐI.

The regulation of the breath is the chiefest tapas-discipline. Higher than the Savitri is no mantra. Higher than silence is truth.

Sự điều hòa hơi thở là kỷ luật tapas chủ yếu nhất. Không có mantra nào cao hơn Savitri. Không có gì cao hơn chân lý ngoài im lặng.

267. In this Brahmanic approach lies the knowledge of how the worlds were produced by sound and by the retention of sound.

267. Chính trong cách tiếp cận Brahmanic này có tri thức về cách các thế giới được tạo ra bằng âm thanh và bằng sự lưu giữ âm thanh.

The Creator stored the veritable essences of the Three Vedas in the three letters that make up the Sacred Word, in the three utterances that name and form the three worlds, and in the three parts of the veda-verse that invokes the sun. Each part He milked from one Veda. Who so ponders on these, morning and evening, after having learnt the Vedas previously, he verily studies the whole of the Vedas every day. These are the gateway unto Brahman.

Đấng Sáng Tạo đã cất giữ những tinh chất chân thực của Ba bộ Veda trong ba chữ tạo thành Linh từ Thiêng Liêng, trong ba lời phát ngôn gọi tên và tạo hình ba cõi giới, và trong ba phần của bài kệ Veda khẩn cầu mặt trời. Mỗi phần Ngài đã vắt ra từ một bộ Veda. Ai suy ngẫm về những điều này vào buổi sáng và buổi chiều, sau khi trước đó đã học các bộ Veda, thì quả thật mỗi ngày người ấy học toàn bộ các bộ Veda. Đây là cánh cổng dẫn đến Brahman.

268. The A.U.M. (or AUM) is considered the gateway to Absolute Reality.

By repeated dwelling on their significance, and tuning his desire and modelling his thought to that significance, the seeker after Brahman shall, without fail, attain all perfection, whether he discharge any other duty or not;

269. We see a method of spiritual advancement which runs the risk (if it is a risk) of complete detachment from the lower worlds.

for the very name of the Brahmana is 'the friend of All creatures' (and the Gayatri is the prayer for the blessing of all creatures by our radiant Father in Heaven, the Sun)."—Unknown.

270. The words just offered are profound and belong to a different manner of training than we are presently pursuing.

271. We grasp in relation to this mode of thought the spiritual importance of the Sun and the relation of the A.U.M. to the Sun.

272. The “triple Word” of the Solar Logos is the AUM.

These seven Words of the solar system, which form the logoic Word which we only know in its triple form as AUM, are revealed at the seven initiations. (IHS 160)

268. A.U.M. (hay AUM) được xem là cánh cổng dẫn đến Thực Tại Tuyệt Đối.

Bằng cách lặp đi lặp lại việc an trụ vào ý nghĩa của chúng, và điều chỉnh dục vọng của mình cũng như uốn nắn tư tưởng của mình theo ý nghĩa ấy, người tìm cầu Brahman chắc chắn sẽ đạt đến mọi sự hoàn hảo, dù y có chu toàn bất kỳ bổn phận nào khác hay không;

269. Chúng ta thấy một phương pháp thăng tiến tinh thần có nguy cơ (nếu đó là nguy cơ) là hoàn toàn tách rời khỏi các cõi thấp.

vì chính danh xưng của Brahmana là 'người bạn của Mọi tạo vật' (và Gayatri là lời cầu nguyện xin phúc lành cho mọi tạo vật từ Người Cha rạng ngời của chúng ta trên Trời, Mặt Trời)."—Khuyết danh.

270. Những lời vừa được đưa ra thật sâu sắc và thuộc về một phương thức huấn luyện khác với phương thức mà hiện nay chúng ta đang theo đuổi.

271. Liên hệ với lối tư tưởng này, chúng ta nắm bắt được tầm quan trọng tinh thần của Mặt Trời và mối liên hệ của A.U.M. với Mặt Trời.

272. “Linh từ” tam phân của Thái dương Thượng đế là AUM.

Bảy Linh từ này của hệ mặt trời, tạo thành Linh từ logoic mà chúng ta chỉ biết trong hình thức tam phân của nó là AUM, được mặc khải trong bảy lần điểm đạo. (IHS 160)

273. Chúng ta rút ra rằng việc nghiên cứu các bộ Veda phần lớn chính là việc nghiên

273. We gather that the study of the Vedas is very much the study of the Divine Word—perhaps the logoic Word.

cứu Linh từ thiêng liêng—có lẽ là Linh từ logoic.

There are **specific formulae** known to all initiates of a certain grade (and even to many who have not attained that grade, a number have become known and are used—sometimes in ways that result in no good to the insufficiently instructed user), some one or other of which is **specially adapted to produce nearly every possible effect that can be imagined**....

Có **những công thức đặc thù** được biết đến đối với mọi điểm đạo đồ ở một cấp bậc nhất định (và ngay cả đối với nhiều người chưa đạt đến cấp bậc ấy, một số công thức đã trở nên được biết đến và được sử dụng—đôi khi theo những cách không đem lại điều tốt lành nào cho người sử dụng chưa được chỉ dạy đầy đủ), mà một công thức nào đó trong số ấy **được đặc biệt thích hợp để tạo ra gần như mọi hiệu quả có thể tưởng tượng được**....

274. We are speaking here of the magical process, The "specific formulae" referenced are verbal formulae and, according to this author, are monumentally effective.

274. Ở đây chúng ta đang nói về tiến trình huyền thuật. "Những công thức đặc thù" được nhắc đến là các công thức ngôn từ và, theo tác giả này, chúng có hiệu lực vô cùng to lớn.

275. We gather that if a mantram is to be used, the consciousness of the user must be appropriate to the power and potential effect of the mantram used.

275. Chúng ta rút ra rằng nếu một mantram được sử dụng, tâm thức của người sử dụng phải tương xứng với quyền năng và hiệu quả tiềm tàng của mantram được dùng.

Well may Isis Unveiled (p. 514) tell us that 'sounds and colors' are all spiritual numerals; nor is that all, for odors, metals and planets are equally spiritual numerals.

Quả thật Isis Unveiled (tr. 514) có thể cho chúng ta biết rằng 'âm thanh và màu sắc' đều là những con số tinh thần; và không chỉ có thế, vì mùi hương, kim loại và các hành tinh cũng đều là những con số tinh thần như vậy.

276. Through numeric processes, one can determine all relations.

276. Qua các tiến trình số học, người ta có thể xác định mọi mối liên hệ.

277. Let us tabulate what are known in *Isis Unveiled* as "spiritual numerals":

277. Chúng ta hãy lập bảng những gì được biết trong *Isis Unveiled* như là "những con số tinh thần":

a. Sounds

a. Âm thanh

b. Colors

c. Odors

d. Metals

e. Planets

278. Through the use of these “spiritual numerals” one can invoke the Builders and recreate the worlds.

Each planet (or spiritual plane) has relation to a metal and a color. These again are in co-relation with a corresponding odor and sound.

279. Tables of Correspondences giving these relations already exist. Whether they are always entirely accurate is another matter.

280. The utilization of these “spiritual numerals” invokes or summons the corresponding devas. The application in any situation of the energy needed to improve that situation is achieved through the correct use of these numerals.

The sphere of aura that surrounds every human being has one very important 'fold' or 'layer,' which invariably bears the color of the metal and planet to which that particular individual has most affinity,

281. Is this layer correlated to the personality nature of the individual or to his higher nature? It would seem that both the personality ray and soul ray could be determined by a ‘fold’ or ‘layer’ that bore the imprint of these rays.

b. Màu sắc

c. Mùi hương

d. Kim loại

e. Các hành tinh

278. Qua việc sử dụng những “con số tinh thần” này, người ta có thể khẩn cầu các đấng kiến tạo và tái tạo các thế giới.

Mỗi hành tinh (hay cõi tinh thần) đều có liên hệ với một kim loại và một màu sắc. Những điều này lại tương quan với một mùi hương và một âm thanh tương ứng.

279. Những bảng Tương Ứng nêu ra các mối liên hệ này đã tồn tại. Liệu chúng có luôn hoàn toàn chính xác hay không lại là chuyện khác.

280. Việc sử dụng những “con số tinh thần” này khẩn cầu hay triệu gọi các thiên thần tương ứng. Việc áp dụng trong bất kỳ tình huống nào năng lượng cần thiết để cải thiện tình huống ấy được thực hiện qua việc sử dụng đúng đắn các con số này.

Khối cầu hào quang bao quanh mỗi con người có một 'nếp' hay 'lớp' rất quan trọng, lớp này **luôn luôn mang màu sắc của kim loại và hành tinh mà cá nhân đặc biệt ấy có nhiều tương hợp nhất**,

281. Lớp này có tương quan với bản chất phàm ngã của cá nhân hay với bản chất cao hơn của y chăng? Có vẻ như cả cung phàm ngã lẫn cung linh hồn đều có thể được xác định bởi một ‘nếp’ hay ‘lớp’ mang dấu ấn của các cung này.

and it is on this layer that the magnetic part of odors and all sound vibrations impinges. —*The Theosophist,* Vol. VII,

282. There are not only odors and sounds, but there is a magnetic part of different odors and sounds.

283. We are speaking of identifying every unit according to its quality. The quality is revealed by the spiritual numerals most closely associated with the unit.

284. Those who are correctly clairvoyant can 'read' the numerals within the aura of the unit.

These Words are uttered by

A solar Logos. The threefold Word gives rise to a sevenfold vibration.

285. After the long footnote, we are returning to a consideration of the mantric words or sounds which are uttered by a greater Life and which drive the lesser lives to a fulfillment of constructive purpose.

286. In terms of sound, we have the three creating the seven and, thus, resulting in the *ten.*

287. Each of the vibrations in the sevenfold vibration can be correlated with one of the principle Planetary Logoi.

288. Will each letter of the "threefold Word" be correlated with one of the synthesizing planets or (on a higher turn of the spiral) with one of the three principle sub-Logoi

và chính trên lớp này mà phần từ tính của các mùi hương và mọi rung động âm thanh tác động vào.—*The Theosophist,* Tập VII,

282. Không chỉ có mùi hương và âm thanh, mà còn có một phần từ tính của các mùi hương và âm thanh khác nhau.

283. Chúng ta đang nói về việc nhận diện mọi đơn vị theo phẩm tính của nó. Phẩm tính ấy được tiết lộ bởi những con số tinh thần gắn bó mật thiết nhất với đơn vị đó.

284. Những ai thông nhãn đúng đắn có thể 'đọc' các con số trong hào quang của đơn vị ấy.

Những Linh từ này được xướng lên bởi

Một Thái dương Thượng đế. Linh từ tam phân làm phát sinh một rung động thất phân.

285. Sau phần cước chú dài, chúng ta quay lại việc xem xét các linh từ hay âm thanh mantram được một Sự sống lớn hơn xướng lên và thúc đẩy các sự sống nhỏ hơn đi đến sự hoàn thành mục đích kiến tạo.

286. Xét theo phương diện âm thanh, chúng ta có ba tạo ra bảy và như vậy dẫn đến *mười.*

287. Mỗi rung động trong rung động thất phân có thể được tương liên với một trong các Hành Tinh Thượng Đế chính yếu.

288. Phải chăng mỗi chữ của "Linh từ tam phân" sẽ được tương liên với một trong các hành tinh tổng hợp, hoặc (ở một vòng xoắn cao hơn) với một trong ba vị phụ-Thượng đế

Who are expressive of the three aspects of the Planetary Logos?

chính yếu là những Đấng biểu lộ ba phương diện của Hành Tinh Thượng Đế?

A Heavenly Man, Who—through utterance—sweeps into evolutionary objectivity His scheme and all that is therein.

Một Đấng Thiên Nhân, Đấng—thông qua sự xướng lên—quét vào tính khách quan tiến hoá hệ hành tinh của Ngài và mọi sự trong đó.

289. In this case, too, (although it is now mentioned) can we hypothesize that a threefold word will give rise to a sevenfold vibration?

289. Trong trường hợp này cũng vậy, (dù giờ đây mới được nhắc đến) liệu chúng ta có thể giả thuyết rằng một linh từ tam phân sẽ làm phát sinh một rung động thất phân chăng?

The Monad, whose threefold word gives rise to a sevenfold vibration.

Chân thần, mà linh từ tam phân của nó làm phát sinh một rung động thất phân.

290. The Monad parallels (in its creation through sound) the Solar Logos and (it would be reasonable to assume), the Planetary Logos.

290. Chân thần song hành (trong sự sáng tạo bằng âm thanh của nó) với Thái dương Thượng đế và (có thể hợp lý để giả định) với Hành Tinh Thượng Đế.

291. The threefold world of the Monad may be conceived as resonating to the three monadic qualities—Will, Wisdom and Activity.

291. Thế giới tam phân của chân thần có thể được quan niệm như đang cộng hưởng với ba phẩm tính chân thần—Ý Chí, Minh Triết và Hoạt Động.

292. We can imagine that the sevenfold vibration resonates through the seven principles which are expressions of the Monad.

292. Chúng ta có thể hình dung rằng rung động thất phân cộng hưởng xuyên qua bảy nguyên khí là những biểu lộ của chân thần.

The Ego, who—through sonorous utterance—produces a human being in the three worlds.

Chân ngã, kẻ—thông qua sự xướng lên có âm vang—tạo ra một con người trong ba cõi thấp.

293. When the Ego thus acts, it does not seem that there is need for a sevenfold vibration. That which is produced in the lower worlds is threefold, working through the threefold atomic triangle.

293. Khi chân ngã hành động như vậy, dường như không cần đến một rung động thất phân. Điều được tạo ra trong các cõi thấp là tam phân, hoạt động thông qua tam giác nguyên tử tam phân.

The analogy existing between these four should be carefully noted.

294. That there is an analogy is clear. It does not seem exact in all cases, especially when the word uttered by the Ego is compared with the solar logoic, planetary logoic and monadic words.

Certain Words belong to the different aspects, and the Words of the first aspect set in vibration the matter that evolves through the seven cycles of solar systems.

295. We are noting that each divine aspect has certain Words belonging to it.

296. We note the plural, "solar systems". DK appears to be discussing processes which go on in all the Seven Solar Systems of Which Ours is One.

297. Although it is often considered that there are ten planetary schemes, there are seven cycles in a solar system.

298. There seems to be implied the idea that there is a cosmic logoic scheme of seven solar systems through which there also pass seven cycles.

299. This Word of the first aspect, it would seem, has a Vulcanian correlation for Vulcan (expressive of the first ray) is directly related to the systemic Law of Vibration.

300. It is significant to note that there are seven cycles in a solar system. Can we say that these cycles correspond to chain rounds

Sự tương đồng hiện hữu giữa bốn điều này cần được lưu ý cẩn thận.

294. Rõ ràng là có một sự tương đồng. Dường như nó không hoàn toàn chính xác trong mọi trường hợp, đặc biệt khi linh từ do chân ngã xướng lên được so sánh với các linh từ của Thái dương Thượng đế, Hành Tinh Thượng Đế và chân thần.

Một số Linh từ thuộc về các phương diện khác nhau, và các Linh từ của phương diện thứ nhất làm rung động vật chất tiến hoá xuyên qua **bảy chu kỳ của các hệ mặt trời.**

295. Chúng ta đang ghi nhận rằng mỗi phương diện thiêng liêng đều có những Linh từ nhất định thuộc về nó.

296. Chúng ta lưu ý số nhiều, "các hệ mặt trời". Chân sư DK dường như đang bàn đến những tiến trình diễn ra trong cả Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của chúng ta là một trong đó.

297. Dù thường được xem là có mười hệ hành tinh, nhưng trong một hệ mặt trời có bảy chu kỳ.

298. Dường như ở đây hàm ý ý tưởng rằng có một hệ hành tinh vũ trụ của Thượng đế gồm bảy hệ mặt trời mà xuyên qua đó cũng diễn ra bảy chu kỳ.

299. Linh từ của phương diện thứ nhất này, dường như, có một tương liên với Vulcan vì Vulcan (biểu lộ cung một) liên hệ trực tiếp với Định luật Rung Động của hệ thống.

300. Điều đáng lưu ý là trong một hệ mặt trời có bảy chu kỳ. Chúng ta có thể nói rằng các chu kỳ này tương ứng với các cuộc tuần hoàn của dãy và các cuộc tuần hoàn của hệ

and scheme rounds and may be called 'systemic rounds'?

hành tinh, và có thể được gọi là 'các cuộc tuần hoàn hệ thống' chăng?

301. This first Word may be uttered from the logoic plane whereon the physical permanent atom is located. This position, again, would link the Word to Vulcan.

301. Linh từ thứ nhất này có thể được xướng lên từ cõi thượng đế, nơi nguyên tử trường tồn hồng trần tọa lạc. Vị trí này, một lần nữa, sẽ nối kết Linh từ với Vulcan.

302. Implied may be an extra-systemic, greater Word, which sets in motion the matter of seven solar systems.

302. Có thể hàm ý một Linh từ lớn hơn, ngoài hệ thống, làm chuyển động vật chất của bảy hệ mặt trời.

Their relation to the Words of the present solar system is analogous to the primordial substance which lies back of our present creation.

Mối liên hệ của chúng với các Linh từ của hệ mặt trời hiện tại tương tự như chất liệu nguyên sơ nằm phía sau sáng tạo hiện tại của chúng ta.

303. The "Fire Mist" or the "Sea of Fire" is abstracted from the formal evolutionary processes occurring on the lower six planes of our solar system.

303. "Sương Lửa" hay "Biển Lửa" được trừu xuất khỏi các tiến trình tiến hoá hình tướng diễn ra trên sáu cõi thấp của hệ mặt trời chúng ta.

304. Yet, usually, the term "primordial substance" relates more to the third aspect and the "Primordial Ray".

304. Tuy nhiên, thông thường, thuật ngữ "chất liệu nguyên sơ" liên hệ nhiều hơn đến phương diện thứ ba và "Cung Nguyên Sơ".

305. In this context, the words "primordial substance" may be given a different meaning, and may, indeed, refer to the substance of the "Sea of Fire" from which all planar, molecular combinations are derived.

305. Trong ngữ cảnh này, các từ "chất liệu nguyên sơ" có thể được trao cho một ý nghĩa khác, và quả thực có thể quy chiếu đến chất liệu của "Biển Lửa" mà từ đó mọi tổ hợp phân tử theo cõi đều được rút ra.

306. We might say that Words related to the first aspect are impulsive but not 'formative' in the same sense as Words that follow.

306. Chúng ta có thể nói rằng các Linh từ liên hệ với phương diện thứ nhất có tính thúc động nhưng không 'tạo hình' theo cùng ý nghĩa như các Linh từ tiếp theo.

The Words of the second aspect concern us closely,

Các Linh từ của phương diện thứ hai liên hệ mật thiết với chúng ta,

307. Because we are engaged in the second major solar system which has the purpose of expressing, principally, the second aspect…

307. Bởi vì chúng ta đang dấn thân trong hệ mặt trời lớn thứ hai, hệ có mục đích chủ yếu là biểu lộ phương diện thứ hai…

308. These Words correlated with the "Divine Ray", the Great Second Ray of Love-Wisdom.

308. Các Linh từ này tương liên với "Thiêng Cung", Cung Hai Vĩ Đại của Bác Ái – Minh Triết.

but the Words of Brahma are at the present stage more closely connected with our work upon the physical plane.

nhưng các Linh từ của Brahma ở giai đoạn hiện nay lại gắn bó mật thiết hơn với công việc của chúng ta trên cõi hồng trần.

309. Because the consciousness of humanity is materially focussed in large measure, the Words of Brahma are most impactful.

309. Bởi vì tâm thức nhân loại phần lớn tập trung vào vật chất, nên các Linh từ của Brahma có tác động mạnh nhất.

These Words, where the three worlds are concerned, very largely fall into a group of mantrams, hidden in the consciousness of the Lords of the fifth and seventh Rays;

Các Linh từ này, xét về ba cõi thấp, phần lớn thuộc vào một nhóm mantram, ẩn giấu trong tâmthức của các Đấng Chúa Tể cung năm và cung bảy;

310. We are speaking of the Words of Brahma; the Rays Lords of the fifth and seventh rays are the custodians of these mantrams.

310. Chúng ta đang nói về các Linh từ của Brahma; các Đấng Chúa Tể của cung năm và cung bảy là những vị gìn giữ các mantram này.

311. The Words of Brahma (because Brahma rules five systemic planes) also concern planes and sub-planes higher than those relating to the three lower worlds.

311. Các Linh từ của Brahma (vì Brahma cai quản năm cõi của hệ thống) cũng liên hệ đến các cõi và cõi phụ cao hơn những cõi liên quan đến ba cõi thấp.

312. The importance of the fifth and seventh Ray Lords in this process suggests the importance of *precise* utterance.

312. Tầm quan trọng của các Đấng Chúa Tể Cung năm và cung bảy trong tiến trình này gợi ra tầm quan trọng của sự xướng lên *chính xác*.

313. We may remember that as far as the human being is concerned, the astral throat center is ruled by the *fifth* ray. The etheric chakra of disciples below the third degree is ruled by the *seventh* ray.

313. Chúng ta có thể nhớ rằng xét theo con người, trung tâm cổ họng cảm dục được cai quản bởi cung *năm*. Luân xa dĩ thái của các đệ tử dưới điểm đạo thứ ba được cai quản bởi cung *bảy*.

by their intelligent utterance the third aspect (the Brahma or manasic aspect) is brought into contact with the first aspect and produces that which we call the "Conscious Son" or Sun.

bằng **sự xướng lên thông tuệ** của các Ngài, phương diện thứ ba (phương diện Brahma hay manas) được đưa vào tiếp xúc với phương diện thứ nhất và tạo ra điều mà chúng ta gọi là "Con Hữu Thức" hay Mặt Trời.

314. We are given a mode of creating the "Conscious Son". It seems that the engagement between the third and first aspects (resulting in the production of the "Conscious Son") is initiated from the World of Brahma through the use of the Words of Brahma. This process necessarily involves the engagement of the fifth and seventh Ray Lords.

314. Chúng ta được trao cho một phương thức tạo ra "Con Hữu Thức". Dường như sự giao hội giữa phương diện thứ ba và phương diện thứ nhất (dẫn đến việc tạo ra "Con Hữu Thức") được khởi xướng từ Thế giới của Brahma thông qua việc sử dụng các Linh từ của Brahma. Tiến trình này tất yếu bao hàm sự tham dự của các Đấng Chúa Tể Cung năm và cung bảy.

315. If we think back to Lemurian times (the Lemurian race being closely connected to the fifth and seventh rays) we may learn something about the method of inducing individualization.

315. Nếu chúng ta hồi tưởng về thời Lemuria (nhân loại Lemuria gắn bó chặt chẽ với cung năm và cung bảy), chúng ta có thể học được điều gì đó về phương pháp gây ra biệt ngã hóa.

316. The planets Venus (fifth ray) and Uranus (seventh ray, electrically linking idea with form) were necessarily involved.

316. Các hành tinh Sao Kim (cung năm) và Sao Thiên Vương (cung bảy, nối kết bằng điện giữa ý tưởng và hình tướng) tất yếu đã tham dự.

Upon the mental plane they are sounded by the Lord of the fifth Ray, causing a vibration not only in what we might call "the lower levels" but producing response on the first or archetypal [Page 450] plane and on the cosmic mental plane likewise.

Trên cõi trí, chúng được xướng lên bởi Đấng Chúa Tể Cung năm, gây ra một rung động không chỉ trong điều mà chúng ta có thể gọi là "các cấp độ thấp hơn" mà còn tạo ra đáp ứng trên cõi thứ nhất hay cõi nguyên mẫu [Page 450] và cũng trên cõi trí vũ trụ.

317. We continue to speak of the utterance of the Words of Brahma.

317. Chúng ta tiếp tục nói về sự xướng lên các Linh từ của Brahma.

318. The Lord of the Fifth Ray utters them on the mental plane. Interestingly, the utterance in influential in two 'directions'—'above' and 'below'.

318. Đấng Chúa Tể Cung Năm xướng lên chúng trên cõi trí. Điều đáng chú ý là sự xướng lên này có ảnh hưởng theo hai 'hướng'—'lên trên' và 'xuống dưới'.

319. The individualization process on Earth probably involved the utterance of a Word by the Fifth Ray Lord in relation to the systemic mental plane and probably in relation to the cosmic mental plane.

319. Tiến trình biệt ngã hóa trên Trái Đất có lẽ đã bao hàm việc Đấng Chúa Tể Cung Năm xướng lên một Linh từ liên hệ với cõi trí của hệ thống và có lẽ cũng liên hệ với cõi trí vũ trụ.

320. We would anticipate that this utterance would affect the concrete mental levels and also the still lower planes in the three worlds, but it extends also to the systemic logoic plane and the cosmic mental plane.

320. Chúng ta sẽ dự đoán rằng sự xướng lên này sẽ ảnh hưởng đến các cấp độ trí cụ thể và cả các cõi còn thấp hơn trong ba cõi thấp, nhưng nó cũng vươn đến cõi thượng đế của hệ thống và cõi trí vũ trụ.

321. The principle involved is that all vibration emanating from any source is both 'upwardly' and 'downwardly impactful'.

321. Nguyên lý liên quan ở đây là mọi rung động phát xạ từ bất kỳ nguồn nào đều có tác động cả 'hướng thượng' lẫn 'hướng hạ'.

322. We note that the logoic plane is known as the "archetypal plane". Elsewhere in the Teaching the monadic plane is seen as archetypal and other lesser planes are also to be understood in this way.

322. Chúng ta lưu ý rằng cõi thượng đế được biết đến như "cõi nguyên mẫu". Ở nơi khác trong Giáo Huấn, cõi chân thần được xem là nguyên mẫu và các cõi thấp hơn khác cũng cần được hiểu theo cách này.

323. Cosmically, all that we are and all that we do takes place within the World of Brahma. This World includes at least the lower portion of the cosmic mental plane and the two cosmic planes below. From a still higher perspective, even the higher levels of the cosmic mental plane are part of the Cosmic World of Brahma.

323. Xét theo vũ trụ, tất cả những gì chúng ta là và tất cả những gì chúng ta làm đều diễn ra trong Thế giới của Brahma. Thế giới này bao gồm ít nhất phần thấp của cõi trí vũ trụ và hai cõi vũ trụ bên dưới nó. Từ một viễn tượng còn cao hơn nữa, ngay cả các cấp độ cao hơn của cõi trí vũ trụ cũng là một phần của Thế giới Brahma Vũ Trụ.

324. A very occult alignment is suggested between the Fifth Ray Lord, the concrete mental plane, the Creative Hierarchy of Divine Lives under Leo (the fifth sign) expressive on the systemic logoic plane, and the cosmic mental plane and its lives (from which source the Fifth Creative Hierarchy is inspired).

324. Một sự chỉnh hợp rất huyền bí được gợi ra giữa Đấng Chúa Tể Cung Năm, cõi trí cụ thể, Huyền Giai Sáng Tạo của các Sự Sống thiêng liêng dưới Leo (dấu hiệu thứ năm) biểu lộ trên cõi thượng đế của hệ thống, và cõi trí vũ trụ cùng các sự sống của nó (nguồn mà từ đó Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm được truyền cảm hứng).

On the physical plane the words, uttered by the seventh Logos, produce the following results:

325. We see that the Logoi utter Their Words on planes which are resonant to Their number.

326. We remember from numerous examples how closely the Logoi of the fifth and seventh rays work together.

327. In an earlier Commentary it was speculated whether Uranus could serve (at least in part) as the Logos of the Fifth Ray as well as Logos of the Seventh. So many characteristics of the Fifth Ray Logos are Uranian, even though Venus, with its fifth ray soul, cannot be dismissed from this consideration.

First. The **anchoring** of the permanent atoms within their group soul, or the union of matter and consciousness.

328. The constituents of the atomic triangle are definitely related to the group soul and between this lower triangle and the higher triangle of permanent atoms there are definitely subtle (though initially unconscious) lines of connection.

329. Perhaps the energy of the seventh ray ensures that the physical permanent atom is connected with all the other physical permanent atoms involved in the group soul phenomenon.

Trên cõi hồng trần, các linh từ, được xướng lên bởi Thượng đế thứ bảy, tạo ra các kết quả sau:

325. Chúng ta thấy rằng các Thượng đế xướng lên các Linh từ của Các Ngài trên những cõi cộng hưởng với con số của Các Ngài.

326. Chúng ta nhớ từ nhiều ví dụ rằng các Thượng đế của cung năm và cung bảy làm việc với nhau chặt chẽ đến mức nào.

327. Trong một Cổ Luận trước đây, người ta đã suy đoán liệu Sao Thiên Vương có thể đảm nhiệm (ít nhất phần nào) vai trò Thượng đế của Cung Năm cũng như Thượng đế của Cung Bảy hay không. Rất nhiều đặc tính của Thượng đế Cung Năm mang tính Uranus, dù Sao Kim, với cung linh hồn cung năm của nó, không thể bị loại khỏi sự xem xét này.

Thứ nhất. **Sự neo giữ** các nguyên tử trường tồn bên trong hồn nhóm của chúng, hay sự hợp nhất của vật chất và tâm thức.

328. Các thành phần của tam giác nguyên tử rõ ràng liên hệ với hồn nhóm, và giữa tam giác thấp này với tam giác cao của các nguyên tử trường tồn rõ ràng có những đường nối kết vi tế (dù ban đầu vô thức).

329. Có lẽ năng lượng của cung bảy bảo đảm rằng nguyên tử trường tồn hồng trần được nối kết với tất cả các nguyên tử trường tồn hồng trần khác liên quan đến hiện tượng hồn nhóm.

330. Whenever a process of *anchoring* is involved, we may suspect the presence of the seventh ray.

330. Bất cứ khi nào có một tiến trình *neo giữ*, chúng ta có thể nghi ngờ sự hiện diện của cung bảy.

331. What is the sub-planar 'location' of the group soul? It would seem to vary with the development of the kingdom concerned.

331. 'Vị trí' theo cõi phụ của hồn nhóm là gì? Dường như nó thay đổi tùy theo sự phát triển của giới liên hệ.

Second. The **guidance of the stream of life** into any particular kingdom, or the blending of form and consciousness.

Thứ hai. **Sự hướng dẫn dòng sự sống** đi vào bất kỳ giới đặc thù nào, hay sự hòa trộn của hình tướng và tâm thức.

332. The "stream of life" emanates from Spirit. It would seem that the Monad is carried along by the "stream of life". Perhaps, emanation *from* the Monad is that which is called the "stream of life".

332. "Dòng sự sống" phát ra từ tinh thần. Dường như chân thần được mang đi theo "dòng sự sống". Có lẽ sự phát xạ *từ* chân thần chính là điều được gọi là "dòng sự sống".

333. Under the second point we have the triplicity of life, consciousness and form. The seventh ray energy ensures the alignment of these three.

333. Dưới điểm thứ hai, chúng ta có bộ ba sự sống, tâm thức và hình tướng. Năng lượng cung bảy bảo đảm sự chỉnh hợp của ba điều này.

334. Here the particular focus is on the blending of the lower two aspects (form and consciousness), but that blending is supported or impulsed by the highest aspect —that of "life".

334. Ở đây trọng tâm đặc biệt là sự hòa trộn của hai phương diện thấp hơn (hình tướng và tâm thức), nhưng sự hòa trộn đó được nâng đỡ hay thúc động bởi phương diện cao nhất—đó là "sự sống".

335. The seventh ray is always concerned with *position*; in the type of guidance here mentioned, the stream of life is to be guided to its proper 'position' within the whole.

335. Cung bảy luôn liên hệ với *vị trí*; trong loại hướng dẫn được nhắc đến ở đây, dòng sự sống phải được hướng dẫn đến 'vị trí' thích hợp của nó trong toàn thể.

Third. The **transference** of the conscious, sentient life from form to form, from group to group, from kingdom to kingdom within the hierarchies.

Thứ ba. **Sự chuyển dịch** của sự sống hữu thức, cảm nhận từ hình tướng này sang hình tướng khác, từ nhóm này sang nhóm khác, từ giới này sang giới khác bên trong các huyền giai.

336. Thus far we have discussed two processes in which the Seventh Ray Lord

336. Cho đến nay chúng ta đã bàn đến hai tiến trình trong đó Đấng Chúa Tể Cung Bảy

plays a significant part: *anchoring* and *guidance*.

giữ một vai trò quan trọng: *neo giữ* và *hướng dẫn*.

337. The third process is *transference.* The seventh ray provides a linking, bridging energy which allows the "conscious, sentient life" to be transferred within the Creative Hierarchies in which they are expressing (and, eventually, perhaps *between* the Creative Hierarchies).

337. Tiến trình thứ ba là *chuyển dịch.* Cung bảy cung cấp một năng lượng nối kết, bắt cầu cho phép "sự sống hữu thức, cảm nhận" được chuyển dịch bên trong các Huyền Giai Sáng Tạo mà chúng đang biểu lộ (và cuối cùng, có lẽ *giữa* các Huyền Giai Sáng Tạo).

338. In the incarnational process there is a change of forms from cycle to cycle. The Seventh Ray Lord is involved.

338. Trong tiến trình nhập thể, có sự thay đổi hình tướng từ chu kỳ này sang chu kỳ khác. Đấng Chúa Tể Cung Bảy có tham dự.

339. When there is a change of egoic groups or Ashrams, the implication is that the Seventh Ray Lord will facilitate the process.

339. Khi có sự thay đổi các nhóm chân ngã hay các ashram, hàm ý là Đấng Chúa Tể Cung Bảy sẽ tạo điều kiện cho tiến trình ấy.

340. At the moment there is a large-scale transference occurring between the fourth and fifth kingdoms. We have already been told that the Seventh Ray Lord is instrumental in facilitating this transfer.

340. Hiện nay đang có một sự chuyển dịch quy mô lớn diễn ra giữa giới thứ tư và giới thứ năm. Chúng ta đã được cho biết rằng Đấng Chúa Tể Cung Bảy là nhân tố giúp tạo thuận lợi cho sự chuyển dịch này.

In connection with the human kingdom, **the fifth Ray had to function or pour forth its influence in order to produce self-consciousness within the conscious form.**

Liên quan đến giới nhân loại, **cung năm đã phải hoạt động hay tuôn đổ ảnh hưởng của nó để tạo ra ngã thức bên trong hình tướng có tâm thức.**

341. Without the influence of the fifth ray, there would have been no possibility of instilling self-consciousness in animal man.

341. Nếu không có ảnh hưởng của cung năm, đã không thể có khả năng truyền ngã thức vào người thú.

342. The necessity for the activity of the fifth ray was probably present even on the Moon-chain when self-consciousness was achieved in a slow and more natural manner. Divine intervention was not involved.

342. Sự cần thiết của hoạt động cung năm có lẽ đã hiện diện ngay cả trên Dãy Mặt Trăng khi ngã thức đạt được theo một cách chậm hơn và tự nhiên hơn. Không có sự can thiệp thiêng liêng nào liên quan.

343. On the Earth-chain, self-consciousness was produced through divine intervention

343. Trên Dãy Địa Cầu, ngã thức được tạo ra thông qua sự can thiệp thiêng liêng, và

and those who intervened (the Solar Angels) were Beings powerfully conditioned by the fifth ray.

những Đấng can thiệp (các Thái dương Thiên Thần) là các Hữu thể được tác động mạnh mẽ bởi cung năm.

It will consequently be seen that the utterance of sound along the line of force by the trained adept can both utilize deva activity to effect certain results in connection with the form side of manifestation, and can drive the life within to definite action.

Do đó, cần lưu ý rằng sự xướng âm thanh dọc theo đường lực bởi chân sư đã được huấn luyện có thể vừa sử dụng hoạt động của thiên thần để tạo ra những kết quả nhất định liên quan đến phương diện hình tướng của sự biểu hiện, vừa có thể thúc đẩy sự sống bên trong đi đến hành động xác định.

344. We have been discussing the uttering of the Words of Brahma, especially as those Words relate to the Logoi of the Fifth and Seventh Rays.

344. Chúng ta đã bàn về việc xướng lên các Linh từ của Brahma, đặc biệt là khi các Linh từ ấy liên hệ với các Thượng đế của Cung Năm và Cung Bảy.

345. We have seen the dramatic effectiveness of sound as expressed in the Words of Brahma or words related to those major Brahmic Words, when such Words or related words are uttered by the Seventh and Fifth Ray Lords. Their utterances will be fifth ray or seventh ray adaptations of the Words of Brahma and will have a strong result in connection with the form side of manifestation.

345. Chúng ta đã thấy hiệu quả mạnh mẽ của âm thanh như được biểu lộ trong các Linh từ của Brahma hay các linh từ liên hệ với những Linh từ Brahma lớn ấy, khi các Linh từ hay linh từ liên hệ ấy được các Đấng Chúa Tể Cung Bảy và Cung Năm xướng lên. Những sự xướng lên của Các Ngài sẽ là những thích ứng cung năm hay cung bảy của các Linh từ của Brahma và sẽ có kết quả mạnh mẽ liên quan đến phương diện hình tướng của sự biểu hiện.

346. On a lower turn of the spiral, a Master or adept can also utter fifth ray and seventh ray adaptations of the Great Words of Brahma (initially uttered by Ray Lords) and achieve potent results.

346. Ở một vòng xoắn thấp hơn, một Chân sư hay chân sư cũng có thể xướng lên những thích ứng cung năm và cung bảy của các Linh từ Vĩ Đại của Brahma (ban đầu được các Đấng Chúa Tể Cung xướng lên) và đạt được những kết quả mãnh liệt.

347. The fifth ray is related to the seventh plane, as one can reach the seventh plane from the atmic plane through five 'downward' steps.

347. Cung năm liên hệ với cõi thứ bảy, vì người ta có thể đạt đến cõi thứ bảy từ cõi atma qua năm bước 'đi xuống'.

348. Both the fifth and seventh rays are potent for manifestation.

348. Cả cung năm lẫn cung bảy đều mạnh mẽ đối với sự biểu hiện.

Hence the extreme danger—as has been frequently pointed out—of the knowledge of these mantrams and the need to safeguard them from interference and misuse.

Do đó có sự nguy hiểm cực độ—như đã thường xuyên được chỉ ra—của tri thức về các mantram này và nhu cầu phải bảo vệ chúng khỏi sự can thiệp và lạm dụng.

349. The mantrams we are discussing are among the well-guarded secrets of initiation. They can only be entrusted to members of the Hierarchy Who are (from the human perspective) totally unselfish and Who know the Divine Plan sufficiently to be trusted to create in alignment with it.

349. Các mantram mà chúng ta đang bàn đến nằm trong số những bí mật được canh giữ cẩn mật của điểm đạo. Chúng chỉ có thể được giao phó cho các thành viên của Thánh đoàn là những Đấng (theo quan điểm nhân loại) hoàn toàn vô ngã và biết đủ về Thiên Cơ để có thể được tin cậy mà sáng tạo trong sự chỉnh hợp với Thiên Cơ ấy.

Power over form and over force lies always ready in the hand of **those who have done three things:**

Quyền năng trên hình tướng và trên mãnh lực luôn sẵn sàng trong tay **những ai đã làm được ba điều:**

350. We are discussing the requirements for those who wish to have "power over form and force". Many might like to have such power but have not fulfilled the requirements.

350. Chúng ta đang bàn đến các yêu cầu đối với những ai muốn có "quyền năng trên hình tướng và mãnh lực". Nhiều người có thể muốn có quyền năng ấy nhưng chưa hoàn thành các yêu cầu.

First. Developed the consciousness of the group in which they themselves find place.

Thứ nhất. Phát triển tâm thức của nhóm mà chính họ tìm thấy vị trí của mình trong đó.

351. Group consciousness is related to the second aspect of divinity. It can only arise when there is a requisite measure of soul consciousness. Soul consciousness is *group* consciousness.

351. Tâm thức nhóm liên hệ với phương diện thứ hai của thiên tính. Nó chỉ có thể phát sinh khi có một mức độ cần thiết của tâm thức linh hồn. Tâm thức linh hồn là tâm thức *nhóm*.

352. When such consciousness exists, such Words will only be uttered for the welfare of the group.

352. Khi tâm thức như vậy hiện hữu, những Linh từ như thế sẽ chỉ được xướng lên vì phúc lợi của nhóm.

Second. **Learned the secret of the notes and tones to which that group responds.**

Thứ hai. **Học được bí mật của các âm điệu và thanh điệu mà nhóm ấy đáp ứng.**

353. It begins to sound like "power over form and force" is to be wielded by the group (or certainly in cooperation with the group).

353. Bắt đầu có vẻ như "quyền năng trên hình tướng và mãnh lực" sẽ được nhóm vận dụng (hoặc chắc chắn là trong sự hợp tác với nhóm).

354. Each group can become an effective instrument in the exercise of a certain kind of power over certain kinds of forms and forces.

354. Mỗi nhóm có thể trở thành một công cụ hữu hiệu trong việc vận dụng một loại quyền năng nhất định trên những loại hình tướng và mãnh lực nhất định.

355. Each group has notes and tones to which it responds; members of such groups must eventually learn, with accuracy, the nature of these notes and tones, so that they may cooperate with the group as it seeks, under law, to wield power over forms and forces (eventually in cooperation with other groups).

355. Mỗi nhóm đều có những âm điệu và thanh điệu mà nó đáp ứng; các thành viên của những nhóm như vậy cuối cùng phải học, một cách chính xác, bản chất của các âm điệu và thanh điệu này, để họ có thể hợp tác với nhóm khi nhóm tìm cách, dưới quy luật, vận dụng quyền năng trên các hình tướng và mãnh lực (cuối cùng là trong sự hợp tác với các nhóm khác).

Third. **Apprehended certain set words and phrases and the due method of chanting and intonation.**

Thứ ba. **Lĩnh hội được một số từ ngữ và cụm từ cố định cùng phương pháp tụng niệm và ngữ điệu thích đáng.**

356. We are dealing here with specific practice and with definite concrete knowledge connected to this practice.

356. Ở đây chúng ta đang đề cập đến thực hành cụ thể và tri thức cụ thể xác định gắn liền với thực hành này.

357. Rhythm and intonation will be important if the hierarchically sanctioned set words and phrases are to be chanted effectively.

357. Nhịp điệu và ngữ điệu sẽ rất quan trọng nếu các từ ngữ và cụm từ cố định được Thánh đoàn chuẩn thuận muốn được tụng niệm một cách hữu hiệu.

They cannot bring about results outside the periphery of the group whose consciousness is theirs. For instance, an adept can work with forms and force within [Page 451] the ring-pass-not of his own planetary Logos within the three worlds, within the ring-pass-not of the polar opposite of his Logos, or within the ring-pass-not of three planetary Logoi who form a systemic triangle. He cannot exhibit this power in the

Họ không thể tạo ra kết quả bên ngoài chu vi của nhóm mà tâm thức của nhóm ấy là của họ. Chẳng hạn, một chân sư có thể làm việc với các hình tướng và mãnh lực bên trong [Page 451] vòng-giới-hạn của chính Hành Tinh Thượng Đế của y trong ba cõi thấp, bên trong vòng-giới-hạn của cực đối nghịch phân cực của Thượng đế của y, hoặc bên trong vòng-giới-hạn của ba Hành Tinh Thượng Đế tạo thành một tam giác hệ

higher planes nor within the spheres of the synthesising and neutral schemes.

thống. Y không thể biểu lộ quyền năng này trên các cõi cao hơn cũng không bên trong các khối cầu của các hệ hành tinh tổnghợp và trung hòa.

358. DK is telling us that there are limitations to power. Every occultly trained group has a ring-pass-not of effectiveness.

358. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng quyền năng có những giới hạn. Mỗi nhóm được huấn luyện huyền bí đều có một vòng-giới-hạn hiệu quả.

359. The "higher planes" on which an Adept cannot exhibit His full power include, interestingly, the buddhic and atmic planes.

359. Các "cõi cao hơn" mà trên đó một chân sư không thể biểu lộ trọn vẹn quyền năng của Ngài, điều thú vị là bao gồm cõi Bồ đề và cõi atma.

360. What is the scope of effectiveness of an Adept in relation to the use of sound and mantra?

360. Phạm vi hiệu quả của một chân sư liên hệ với việc sử dụng âm thanh và mantra là gì?

a. He can work within the ring-pass-not of His own Planetary Logos

a. Y có thể làm việc bên trong vòng-giới-hạn của chính Hành Tinh Thượng Đế của Ngài

b. He can work within the ring-pass-not of the polar opposite of His Logos; in our case this ring-pass-not would probably be the ring-pass-not of Venus.

b. Y có thể làm việc bên trong vòng-giới-hạn của cực đối nghịch phân cực của Thượng đế của Ngài; trong trường hợp của chúng ta, vòng-giới-hạn này có lẽ là vòng-giới-hạn của Sao Kim.

c. He can work within the ring-pass-not of the three Planetary Logoi Who form with Him a systemic triangle. In the case of an Adept on planet earth, this would probably include Mars along with Venus—both in relation to the Earth.

c. Y có thể làm việc bên trong vòng-giới-hạn của ba Hành Tinh Thượng Đế tạo thành với Ngài một tam giác hệ thống. Trong trường hợp một chân sư trên hành tinh Trái Đất, điều này có lẽ sẽ bao gồm Sao Hỏa cùng với Sao Kim—cả hai đều trong liên hệ với Trái Đất.

361. We are probably told that an Adept within our Earth-scheme can work in relation to Venus and Mars. But He cannot work in relation to the "synthesizing and neutral schemes".

361. Có lẽ chúng ta được cho biết rằng một chân sư trong hệ hành tinh Địa Cầu của chúng ta có thể làm việc trong liên hệ với Sao Kim và Sao Hỏa. Nhưng Ngài không thể làm việc trong liên hệ với các "hệ hành tinh tổng hợp và trung hòa".

362. We may propose that the synthesizing schemes are the schemes of Saturn, Neptune and Uranus.

362. Chúng ta có thể đề nghị rằng các hệ hành tinh tổng hợp là các hệ hành tinh của Sao Thổ, Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương.

363. As for the "neutral" schemes, perhaps we are dealing with sacred planets in general, or, especially those, who are not attracted to the Earth-scheme. The factor of attraction must play into the picture, as Venus is a sacred planet, much attracted to the Earth.

363. Còn về các hệ hành tinh "trung hòa", có lẽ chúng ta đang đề cập đến các hành tinh thiêng liêng nói chung, hoặc đặc biệt là những hành tinh không bị hút về hệ hành tinh Địa Cầu. Yếu tố hấp dẫn hẳn phải tham gia vào bức tranh này, vì Sao Kim là một hành tinh thiêng liêng, rất bị hút về Trái Đất.

364. From another perspective, "neutral schemes" may be those in which no positive or negative polarity is pronounced, or in which the positive and negative polarity are balanced. The term "neutral" seems to refer to a third type of electrical phenomenon related more to solar fire than to fire electric or fire by friction.

364. Từ một góc nhìn khác, "các hệ hành tinh trung hòa" có thể là những hệ trong đó không có cực tính dương hay âm nào nổi trội, hoặc trong đó cực tính dương và âm được quân bình. Thuật ngữ "trung hòa" dường như quy chiếu đến một loại hiện tượng điện thứ ba liên hệ nhiều hơn với Lửa Thái dương hơn là với Lửa Điện hay Lửa ma sát.

After the sixth Initiation his power extends to the two planes beyond the three worlds, the buddhic and the atmic, and within the spheres of the entire Brahma aspect as we visualise it as the totality of the schemes of the five Kumaras who are Brahma.

Sau lần điểm đạo thứ sáu quyền năng của y mở rộng đến hai cõi vượt quá ba cõi thấp, tức cõi Bồ đề và cõi atma, và bên trong các khối cầu của toàn bộ phương diện Brahma như chúng ta hình dung nó là tổng thể các hệ hành tinh của năm Đấng Kumara là Brahma.

365. We just studied the extent of the power of an Adept.

365. Chúng ta vừa nghiên cứu phạm vi quyền năng của một chân sư.

366. Now we consider the same for a Chohan.

366. Giờ đây chúng ta xét điều tương tự đối với một Chohan.

367. The Chohan can apply His abilities within the following range:

367. Chohan có thể áp dụng các năng lực của Ngài trong phạm vi sau đây:

a. Upon the buddhic and atmic planes as well as the within the lower three worlds

a. Trên cõi Bồ đề và cõi atma cũng như trong ba cõi thấp

b. In relation to the five schemes of Brahma and not only in relation to the planet which is the polar opposite and the one that is the complementary planet.

b. Trong liên hệ với năm hệ hành tinh của Brahma chứ không chỉ trong liên hệ với hành tinh là cực đối nghịch phân cực và hành tinh bổ sung.

368. We must remember that the atmic and buddhic planes are (from the planar perspective) included within the "Brahma aspect".

368. Chúng ta phải nhớ rằng cõi atma và cõi Bồ đề (xét theo quan điểm các cõi) được bao gồm trong "phương diện Brahma".

369. If we refer to the chart on TCF 373, we shall see six planetary schemes surrounding a central Saturn Scheme. It may be that a Chohan can apply His powers within these seven schemes (i.e., within the greater Saturn circle).

369. Nếu chúng ta tham chiếu biểu đồ ở TCF 373, chúng ta sẽ thấy sáu hệ hành tinh bao quanh một Hệ Sao Thổ trung tâm. Có thể một Chohan có thể áp dụng các quyền năng của Ngài trong bảy hệ hành tinh này (tức là trong vòng tròn Sao Thổ lớn hơn).

370. His powers, however, probably to not extend to the monadic an logoic planes of the schemes within this greater circle, nor would they extend to the two remaining synthesizing planets—Uranus and Neptune.

370. Tuy nhiên, các quyền năng của Ngài có lẽ không mở rộng đến các cõi chân thần và cõi thượng đế của các hệ hành tinh trong vòng tròn lớn hơn này, và cũng không mở rộng đến hai hành tinh tổng hợp còn lại—Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương.

At the seventh Initiation he has power on all the seven planes and within the entire number of schemes; all the Sacred Words are then his and he can work in matter of all grades, sound all notes, and control all types of force. He stands ready then to guide the life to regions outside the solar sphere of influence.

Ở lần điểm đạo thứ bảy y có quyền năng trên cả bảy cõi và trong toàn bộ số lượng các hệ hành tinh; khi ấy tất cả các Linh từ Thiêng liêng đều là của y và y có thể làm việc trong vật chất của mọi cấp độ, xướng lên mọi âm điệu, và kiểm soát mọi loại mãnh lực. **Khi ấy y đứng sẵn để hướng dẫn sự sống đến những vùng bên ngoài khối cầu ảnh hưởng của hệ mặt trời.**

371. We are speaking of the powers which Adepts, Chohans and Chohans of the seventh initiation can apply. We are not speaking of *mastery* on all the planes where *power* can be applied.

371. Chúng ta đang nói về những quyền năng mà các chân sư, các Chohan và các Chohan của lần điểm đạo thứ bảy có thể áp dụng. Chúng ta không nói về *sự làm chủ* trên mọi cõi nơi *quyền năng* có thể được áp dụng.

372. The Chohan of the seventh initiation has even greater powers than the Adept or the normal Chohan:

372. Chohan của lần điểm đạo thứ bảy có những quyền năng còn lớn hơn cả chân sư hay Chohan thông thường:

373. His powers may be applied as follows:

373. Các quyền năng của y có thể được áp dụng như sau:

a. On all the seven planes, including the monadic and logoic

a. Trên cả bảy cõi, bao gồm cõi chân thần và cõi thượng đế

b. Within the entire number of schemes

b. Bên trong toàn bộ số lượng các hệ hành tinh

c. All sacred words relating to all the seven systemic planes are His. The matter of all grades in which He can work is the matter of the cosmic physical plane. The notes He can sound are notes pertaining to the cosmic physical plane.

c. Mọi linh từ thiêng liêng liên hệ với cả bảy cõi của hệ thống đều là của Ngài. Vật chất của mọi cấp độ mà Ngài có thể làm việc trong đó là vật chất của cõi hồng trần vũ trụ. Những âm điệu Ngài có thể xướng lên là những âm điệu thuộc về cõi hồng trần vũ trụ.

374. A seventh degree Chohan can begin to be a guide to the cosmic astral plane.

374. Một Chohan cấp bảy có thể bắt đầu trở thành người hướng dẫn đến cõi cảm dục vũ trụ.

375. The cosmic astral plane is considered to be “outside the solar sphere of influence”. It is, not, however, outside the sphere of influence of a Solar Logos.

375. Cõi cảm dục vũ trụ được xem là “bên ngoài khối cầu ảnh hưởng của hệ mặt trời”. Tuy nhiên, nó không ở bên ngoài khối cầu ảnh hưởng của một Thái dương Thượng đế.

But on the physical plane he works primarily with the Words of the seventh Logos, which fall naturally into five groups:

Nhưng trên cõi hồng trần y làm việc chủ yếu với các Linh từ của Thượng đế thứ bảy, các Linh từ này tự nhiên rơi vào năm nhóm:

376. The Chohan of the seventh initiation has exalted powers, but works with the Lord of the Seventh Ray (probably the Logos of Uranus) in relation to the physical plane.

376. Chohan của lần điểm đạo thứ bảy có những quyền năng cao cả, nhưng làm việc với Đấng Chúa Tể Cung Bảy (có lẽ là Thượng đế của Sao Thiên Vương) trong liên hệ với cõi hồng trần.

377. If this is true, does the normal Chohan work primarily with the Words of the Sixth

377. Nếu điều này đúng, phải chăng Chohan thông thường làm việc chủ yếu với các Linh

Logos, and the Adept with the Words of the Fifth Logos?

378. The following is a tabulation related to the Words of the Seventh Logos:

1. Mantrams which deal with etheric matter, and control the devas of the ethers.

379. This, we would expect according to numerical resonance.

2. Mantrams which deal with dense physical matter and control the sub-human evolution through certain groups of devas.

380. These Words affect a level of matter lower than the four systemic ethers.

381. On the evolutionary arc there are three types of sub-human evolution—mineral, vegetable and animal. These mantrams, it seems, control the dense physical bodies of the lives enclosed within these lower kingdoms.

3. Words specifically connected with the human Hierarchy, and which are very carefully guarded from the knowledge of man himself.

382. We are speaking of work being done primarily on the seventh and lowest plane by the Chohans of the seventh initiation.

383. These words affect the "human Hierarchy" as a whole. They are reserved for those who are not members of the fourth kingdom. Such higher beings have sufficient

từ của Thượng đế thứ sáu, còn chân sư thì với các Linh từ của Thượng đế thứ năm?

378. Sau đây là bảng liệt kê liên hệ với các Linh từ của Thượng đế thứ bảy:

1. Các mantram đề cập đến chất liệu dĩ thái, và kiểm soát các thiên thần của các dĩ thái.

379. Đây là điều chúng ta sẽ mong đợi theo sự cộng hưởng số học.

2. Các mantram đề cập đến vật chất hồng trần đậm đặc và kiểm soát sự tiến hoá dưới nhân loại thông qua một số nhóm thiên thần nhất định.

380. Các Linh từ này ảnh hưởng đến một cấp độ vật chất thấp hơn bốn dĩ thái của hệ thống.

381. Trên cung tiến hoá có ba loại tiến hoá dưới nhân loại—giới kim thạch, giới thực vật và giới động vật. Dường như các mantram này kiểm soát các thể xác hồng trần đậm đặc của các sự sống được bao bọc trong các giới thấp này.

3. Các Linh từ đặc biệt liên hệ với Huyền Giai nhân loại, và được gìn giữ rất cẩn mật khỏi tri thức của chính con người.

382. Chúng ta đang nói về công việc được thực hiện chủ yếu trên cõi thứ bảy và thấp nhất bởi các Chohan của lần điểm đạo thứ bảy.

383. Các linh từ này ảnh hưởng đến "Huyền Giai nhân loại" như một toàn thể. Chúng được dành riêng cho những Đấng không phải là thành viên của giới thứ tư. Những

objectivity to work upon humanity in alignment with the Divine Plan. These Chohans can carry out the Will of Sanat Kumara, Who is focussed etherically on the logoic plane.

hữu thể cao hơn như vậy có đủ tính khách quan để tác động lên nhân loại trong sự chỉnh hợp với Thiên Cơ. Các Chohan này có thể thực hiện Ý Chí của Đức Sanat Kumara, Đấng được tập trung về mặt dĩ thái trên cõi thượng đế.

4. Words concerning the deva evolution which control, and bring different groups of devas into the line of the will of the utterer.

4. Các Linh từ liên quan đến sự tiến hoá thiên thần, kiểm soát và đưa các nhóm thiên thần khác nhau vào đường hướng ý chí của người xướng lên chúng.

384. We are speaking of the manner in which various groups of devas are made to serve the words of the one who utters them.

384. Chúng ta đang nói về cách thức mà các nhóm thiên thần khác nhau được khiến phải phụng sự các linh từ của người xướng lên chúng.

385. The devas here concerned are probably those who are expressive on the lower eighteen sub-planes.

385. Các thiên thần được nói đến ở đây có lẽ là những vị biểu lộ trên mười tám cõi phụ thấp hơn.

These are in many ways the most dangerous and all knowledge of them is withheld from men below the rank of initiates of the third order.

Những linh từ này theo nhiều cách là nguy hiểm nhất và mọi tri thức về chúng đều được giữ lại khỏi những người nam và nữ dưới cấp bậc các điểm đạo đồ của cấp thứ ba.

386. These are *words of fulfillment*. The devas who can carry out the word are brought to and made to obey the one who wills and who utters his will in words.

386. Đây là những *linh từ hoàn thành*. Các thiên thần có thể thực hiện linh từ được đưa đến và bị buộc phải tuân lệnh người có ý chí và xướng ý chí của mình thành lời.

387. The third degree initiate is the first *solar* initiate and can be trusted with the preliminaries of such knowledge.

387. Điểm đạo đồ cấp ba là điểm đạo đồ *thái dương* đầu tiên và có thể được tin cậy để tiếp nhận những phần sơ khởi của tri thức như vậy.

388. That which would allow ordinary man to interfere with the creative process is withheld from him. If he is selfish and ignorant of higher plans and purposes (as before the third initiation he almost certainly is) he will interfere.

388. Điều có thể cho phép con người bình thường can thiệp vào tiến trình sáng tạo bị giữ lại khỏi y. Nếu y ích kỷ và không biết các kế hoạch và mục đích cao hơn (mà trước lần điểm đạo thứ ba hầu như chắc chắn là như vậy) thì y sẽ can thiệp.

5. Words which affect the life side of manifestation and which drive it into, or out of, form.

389. These, it would seem, are words of 'life' (and death). They are words of 'engagement' and 'abstraction'.

390. Let us remember that all these five examples are of words uttered by a seventh degree Chohan in relation to the physical plane. Primarily, they are words related to the Words of the Seventh Logos.

[Page 452]

There is a sixth group intimately connected with electrical manifestation, which is beginning to work out in the formula of scientists, and students of radio-activity and electrical phenomena, but fortunately for themselves **they remain formulas on paper and are not as yet embodied in sound.**

391. We are given a hint concerning a sixth group of words which have modern, scientific import, relating as they do to electrical manifestation.

392. These words concern the fourth ether as a reflection of the buddhic plane. They concern the strides which have been made in the de-materialization of science during the past one hundred years.

393. We also learn that the formulas of the scientist can be expressed in sound. This would render them immediately potent and effective. Certain devas would become immediately responsive to such 'sound-formulas'.

5. Các Linh từ ảnh hưởng đến phương diện sự sống của sự biểu hiện và thúc đẩy nó đi vào, hoặc đi ra khỏi, hình tướng.

389. Dường như đây là những linh từ của 'sự sống' (và cái chết). Chúng là những linh từ của 'sự tham dự' và 'sự trừu xuất'.

390. Chúng ta hãy nhớ rằng cả năm ví dụ này đều là những lời được một Chohan cấp bảy thốt ra liên hệ với cõi hồng trần. Trước hết, đó là những lời liên hệ với các Linh từ của Đấng Logos thứ Bảy.

[Page 452]

Có một nhóm thứ sáu gắn bó mật thiết với sự biểu hiện điện lực, đang bắt đầu được triển khai trong các công thức của các nhà khoa học, và của những đạo sinh nghiên cứu phóng xạ và các hiện tượng điện, nhưng may mắn cho chính họ là **chúng vẫn còn là những công thức trên giấy và chưa được thể hiện thành âm thanh.**

391. Chúng ta được gợi ý về một nhóm thứ sáu của các lời, mang ý nghĩa khoa học hiện đại, vì chúng liên hệ đến sự biểu hiện điện lực.

392. Những lời này liên quan đến dĩ thái thứ tư như một phản ánh của cõi Bồ đề. Chúng liên quan đến những bước tiến đã đạt được trong sự phi vật chất hóa của khoa học trong một trăm năm qua.

393. Chúng ta cũng biết rằng các công thức của nhà khoa học có thể được biểu đạt bằng âm thanh. Điều này sẽ khiến chúng lập tức trở nên hữu hiệu và hiệu lực. Một số thiên thần nào đó sẽ lập tức đáp ứng với những "công thức-âm thanh" như thế.

In dealing very briefly with the question of mantrams, it is to be recognised that "The time is not yet" for their general publication.

Khi đề cập rất vắn tắt đến vấn đề mantram, cần phải nhận ra rằng "Thời điểm vẫn chưa đến" để công bố chúng một cách phổ biến.

394. We may regret that this is the case, but the greater wisdom of the Masters knows what "impermissible fray" would break out if such knowledge were prematurely released.

394. Chúng ta có thể lấy làm tiếc rằng sự việc là như vậy, nhưng minh triết lớn lao hơn của các Chân sư biết rõ sự "xung đột không thể cho phép" nào sẽ bùng nổ nếu tri thức ấy được tiết lộ quá sớm.

No purpose would be immediately served by the impartation of mantric forms.

Sự truyền đạt các hình thức mantram sẽ không ngay lập tức phục vụ mục đích nào.

395. The impartation of knowledge unaccompanied by purpose is either dangerous or useless.

395. Sự truyền đạt tri thức mà không đi kèm mục đích thì hoặc nguy hiểm hoặc vô ích.

Inevitably the time will come when they will be known, but at this time no one would be benefited by the knowledge of them for the following reasons:

Không thể tránh khỏi, thời gian sẽ đến khi chúng được biết đến, nhưng vào lúc này sẽ không ai được lợi ích nhờ tri thức về chúng vì những lý do sau đây:

396. Let us listen with care to what is said below:

396. Chúng ta hãy lắng nghe cẩn trọng điều được nói dưới đây:

- Knowledge of things occult does not suffice for their wise utilisation.

- Tri thức về những điều huyền bí không đủ để sử dụng chúng một cách minh triết.

397. The correct context for the use of these mantrams does not yet exist.

397. Bối cảnh đúng đắn cho việc sử dụng các mantram này vẫn chưa hiện hữu.

- The development of the intuition by means of aspiration, endeavour, failure, and renewed effort ending in success is of far more profit to the Ego than the quick results brought about by the use of sound.

- Sự phát triển trực giác bằng khát vọng, nỗ lực, thất bại, và cố gắng mới kết thúc trong thành công thì có ích cho Chân ngã hơn nhiều so với những kết quả mau chóng do việc dùng âm thanh mang lại.

398. By the refusal to release these mantrams, the Hierarchy is guarding humanity from premature, outer, superficial progress. An external progress in the

398. Bằng việc từ chối tiết lộ các mantram này, Thánh đoàn đang bảo vệ nhân loại khỏi sự tiến bộ sớm sủa, bên ngoài và hời hợt. Một sự tiến bộ bên ngoài trong việc thực hiện các

realization of desires often has little to do with true spiritual progress.

ham muốn thường ít liên quan đến sự tiến bộ tinh thần chân chính.

399. We can see that a form of beneficent "occult blindness" is being imposed by Hierarchy upon a humanity, eager for knowledge yet unable, as yet, to use it wisely.

399. Chúng ta có thể thấy rằng một hình thức "mù lòa huyền bí" đầy từ ái đang được Thánh đoàn áp đặt lên một nhân loại khao khát tri thức nhưng vẫn chưa thể sử dụng nó một cách minh triết.

400. The intuition is to be developed. This is more important than the achievement of quick results. How is the intuition to be developed? In the following manner:

400. Trực giác phải được phát triển. Điều này quan trọng hơn việc đạt được những kết quả mau chóng. Trực giác phải được phát triển như thế nào? Theo cách sau đây:

a. By means of aspiration

a. Bằng khát vọng

b. By means of endeavour

b. Bằng nỗ lực

c. By means of failure

c. Bằng thất bại

d. By means of renewed effort leading to eventual success

d. Bằng sự cố gắng mới dẫn đến thành công sau cùng

401. Had we conceived that so rigorous and painful a method was useful in the development of the intuition?

401. Liệu chúng ta có từng nghĩ rằng một phương pháp nghiêm khắc và đau đớn đến thế lại hữu ích trong việc phát triển trực giác hay không?

- The "Words" are used for the manipulation of matter and its bending into form along the line of evolution. Until the inner faculty of clairvoyance is somewhat developed, this knowledge of mantrams remains practically useless and may be even a menace.

- Các "Lời" được dùng để điều khiển vật chất và uốn nó thành hình tướng theo con đường tiến hoá. Chừng nào năng lực bên trong của thông nhãn còn chưa được phát triển phần nào, tri thức về các mantram này trên thực tế vẫn vô dụng và thậm chí còn có thể là một mối đe dọa.

402. The would-be user of these mantrams is insufficiently 'sighted' to use them with accuracy. One must *see* that which one proposes to manipulate.

402. Người muốn sử dụng các mantram này chưa đủ "thị lực" để dùng chúng một cách chính xác. Người ta phải *thấy* điều mà mình dự định điều khiển.

- When a man can see a need for correction and for adjustment in a brother's vehicle, and can awaken in his brother a desire to adjust that which is amiss, wise assistance can be given by the one who sees and sounds.

403. Such a cognizant individual would be a true healer or therapist—a friend of man, possessed of knowledge and, thus, really able to help.

404. He would also be gifted with the atmic faculty of "Active Service".

- Think this out, for it holds the key to the reason for the safeguarding of the words.

405. So far, man is selfish, unable to endure sufficiently in the pursuit of that which is valuable, insufficiently wise to utilize power rightly, and lacking sight. I think we can understand why the words are not lightly imparted.

- Selflessness, sight, and sincerity of purpose must all three exist before the sounds can be imparted. Selflessness and sincerity are sometimes found but the occult use of the inner vision is still rare.

406. We are given a mnemonic to assist us in the assimilation of the requirements for the right use of powerful mantrams.

a. Selflessness

b. Sight

- Khi một người có thể thấy nhu cầu cần sửa chữa và điều chỉnh trong vận cụ của một huynh đệ, và có thể đánh thức nơi huynh đệ ấy một ước muốn điều chỉnh điều gì sai lệch, thì sự trợ giúp minh triết có thể được ban ra bởi người thấy và xướng.

403. Một cá nhân có nhận biết như thế sẽ là một nhà chữa lành hay trị liệu gia chân chính—một người bạn của nhân loại, sở hữu tri thức và do đó thực sự có thể giúp đỡ.

404. Y cũng sẽ được phú cho năng lực atma của "Phụng sự Tích cực".

- Hãy suy nghĩ điều này, vì nó nắm giữ chìa khóa cho lý do của việc bảo vệ các lời.

405. Cho đến nay, con người vẫn ích kỷ, không thể kiên trì đủ trong việc theo đuổi điều có giá trị, không đủ minh triết để sử dụng quyền năng một cách đúng đắn, và thiếu thị lực. Tôi nghĩ chúng ta có thể hiểu vì sao các lời ấy không được truyền dạy một cách dễ dãi.

- Vô kỷ, thị lực, và sự chân thành của mục đích phải cùng hiện hữu cả ba trước khi các âm thanh có thể được truyền dạy. Vô kỷ và chân thành đôi khi có thể tìm thấy, nhưng việc sử dụng huyền bí của linh thị bên trong vẫn còn hiếm.

406. Chúng ta được cho một phương tiện ghi nhớ để giúp đồng hóa các yêu cầu cho việc sử dụng đúng đắn những mantram đầy quyền năng.

a. Vô kỷ

b. Thị lực

c. Sincerity

407. It is the second ray virtue of "sight" which is often missing. One must be able to "see what one is doing", otherwise, even with the best of intentions, one will do harm.

408. Selflessness, Sight and Sincerity lead to the impartation of ***Sound***

We must keep closely in mind (as we take up this matter of the incoming Ray and the effects to be looked for from its influence) that we are only considering the mind [Page 453] aspect in the three evolutions.

409. We are being reminded of the major focus of this book; we are studying, largely, the fires of mind.

410. The seventh ray does have a powerful *mental* effect as it is the *fifth* ray in the brahmic series of rays.

c. Chân thành

407. Chính đức tính cung hai là "thị lực" thường bị thiếu. Người ta phải có khả năng "thấy mình đang làm gì", nếu không, ngay cả với ý định tốt nhất, người ta cũng sẽ gây hại.

408. Vô kỷ, Thị lực và Chân thành dẫn đến sự truyền dạy ***Âm thanh***

Chúng ta phải luôn ghi nhớ chặt chẽ (khi bàn đến vấn đề cung đang đi vào và những hiệu quả được chờ đợi từ ảnh hưởng của nó) rằng chúng ta chỉ đang xét đến phương diện trí tuệ [Page 453] trong ba cuộc tiến hoá.

409. Chúng ta đang được nhắc nhở về trọng tâm chính của quyển sách này; phần lớn chúng ta đang nghiên cứu các lửa của trí tuệ.

410. Cung bảy quả thật có một tác động *trí tuệ* mạnh mẽ vì nó là cung *thứ năm* trong chuỗi cung brahmic.

TCF 453 – 465: S4S12

19 March – 3 April 2007

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy**, for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact

19 March – 3 April 2007

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Có đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh**, để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô

presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

1. We continue with our consideration of the incoming seventh ray and its effect on the mind in the three evolutions.

[p. 453]

I do not purpose to say much anent human development as much has been already hinted at in the preceding pages, and a hint suffices for the true student,

2. The true student catches the 'scent' of a possibility and follows that scent unaided. As students, we are not simply repositories of that which has been stated in the Teaching. We use what we receive as 'directional impulses', i.e., "hints", to venture into fields of knowledge which have not yet been presented.

but it may be possible to state in **broad outline the coming developments** and to tabulate the results to be expected. Suggestions only are possible.

3. DK carefully reiterates His contention that that which He presents to us is merely in outline form.

4. We are speaking of developments or unfoldments which may be expected within humanity, coincident with the emergence into prominence of the seventh ray.

Development of etheric vision universally. This will be due to two causes:

động trong chính quyển sách sẽ chuyển tải *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.

1. Chúng ta tiếp tục xem xét cung bảy đang đi vào và ảnh hưởng của nó lên trí tuệ trong ba cuộc tiến hoá.

[p. 453]

Tôi không chủ ý nói nhiều về sự phát triển của con người vì nhiều điều đã được gợi ý trong các trang trước, và một gợi ý là đủ đối với đạo sinh chân chính,

2. Đạo sinh chân chính nắm bắt "mùi hương" của một khả năng và tự mình lần theo mùi hương ấy. Với tư cách đạo sinh, chúng ta không chỉ đơn thuần là những kho chứa điều đã được phát biểu trong Giáo Huấn. Chúng ta dùng điều mình tiếp nhận như những "xung lực định hướng", tức là những "gợi ý", để dấn bước vào những lĩnh vực tri thức chưa được trình bày.

nhưng có lẽ có thể trình bày **đại cương những phát triển sắp đến** và lập bảng các kết quả có thể được mong đợi. Chỉ có thể đưa ra những gợi ý mà thôi.

3. DK cẩn trọng nhắc lại quan điểm của Ngài rằng điều Ngài trình bày cho chúng ta chỉ đơn thuần ở dạng đại cương.

4. Chúng ta đang nói về những phát triển hay sự khai mở unfoldments có thể được mong đợi trong nhân loại, trùng hợp với sự xuất hiện nổi bật của cung bảy.

Sự phát triển phổ quát của dĩ thái thị giác. Điều này sẽ do hai nguyên nhân:

5. This is to be expected due to the vitalization of the ethers and the general sensitization of the eye.

5. Điều này được mong đợi do sự tiếp sinh lực cho các dĩ thái và sự nhạy cảm hóa chung của mắt.

First, the scientific recognition of the existence of the etheric levels, thereby freeing people from the onus of adverse public opinion, and enabling them to reveal what they have individually long realised.

Thứ nhất, sự công nhận khoa học về sự hiện hữu của các cấp độ dĩ thái, nhờ đó giải phóng con người khỏi gánh nặng của dư luận công chúng bất lợi, và cho phép họ tiết lộ điều mà cá nhân họ từ lâu đã chứng nghiệm.

6. This development is in process; people discuss this 'field of vision' openly.

6. Sự phát triển này đang trong tiến trình; con người công khai thảo luận về "trường thị giác" này.

Etheric vision is comparatively common even now. But comment concerning it is rare, owing to the fear of criticism.

Dĩ thái thị giác tương đối phổ biến ngay cả hiện nay. Nhưng lời bình luận về nó thì hiếm, do nỗi sợ bị chỉ trích.

7. Much has changed in the last eighty years. The matter is discussed widely and publicly. The concept of the aura and its potential visibility has permeated the public consciousness.

7. Nhiều điều đã thay đổi trong tám mươi năm qua. Vấn đề này được thảo luận rộng rãi và công khai. Khái niệm về hào quang và khả năng có thể nhìn thấy của nó đã thấm vào tâm thức công chúng.

8. The fear of criticism, however, still persists. A true disciple is neither the source of criticism nor is he afraid to face it.

8. Tuy nhiên, nỗi sợ bị chỉ trích vẫn còn tồn tại. Một đệ tử chân chính không phải là nguồn gốc của sự chỉ trích, cũng không sợ phải đối diện với nó.

Secondly, the increased activity of the devas of the ethers, which throws the matter of the etheric levels into more active vibration, with consequent reflex action on the eye of man.

Thứ hai, hoạt động gia tăng của các thiên thần của các dĩ thái, khiến chất liệu của các cấp độ dĩ thái rung động tích cực hơn, và do đó gây phản ứng ngược lên mắt của con người.

9. We have here a description of the activation of the ethers 'from within'. The etheric field is more active, more vibrant and its impact upon the human perceptual mechanism more forceful.

9. Ở đây chúng ta có một mô tả về sự hoạt hóa các dĩ thái "từ bên trong". Trường dĩ thái hoạt động hơn, rung động hơn và tác động của nó lên bộ máy tri giác của con người mạnh mẽ hơn.

10. There is a direct connection between the ethers and the eye. The structural/ functional nature of the etheric-physical eye is wholly adequate to perceive the factual nature of the ethers.

10. Có một liên hệ trực tiếp giữa các dĩ thái và mắt. Bản chất cấu trúc/chức năng của mắt dĩ thái-hồng trần hoàn toàn thích hợp để tri giác bản chất thực tế của các dĩ thái.

Increased mental activity and the spread of education (of the concrete mental kind) everywhere.

Hoạt động trí tuệ gia tăng và sự lan rộng của giáo dục (thuộc loại trí cụ thể) ở khắp nơi.

11. The sign Aquarius is strongly conditioned by the fifth ray of mind and closely related, as well, to the third (to which the seventh ray of the Age is also closely related).

11. Dấu hiệu Bảo Bình được tác động mạnh bởi cung năm của trí tuệ và cũng liên hệ chặt chẽ với cung ba (mà cung bảy của Kỷ Nguyên cũng liên hệ mật thiết).

12. Aquarius is an *air* sign. The other two air signs will increase in strength with the growth of the Aquarian influence. Air signs are closely related to mentality and represent the three aspects of mind:

12. Bảo Bình là một dấu hiệu *hành khí*. Hai dấu hiệu hành khí kia sẽ gia tăng sức mạnh cùng với sự tăng trưởng của ảnh hưởng Bảo Bình. Các dấu hiệu hành khí liên hệ chặt chẽ với trí tuệ và biểu hiện ba phương diện của trí tuệ:

1. Gemini, the Twins Mind Cause of duality.

1. Song Tử, Cặp Song Sinh Trí Tuệ Nguyên nhân của nhị nguyên tính.

2. Libra, the Balances Supermind Cause of synthesis.

2. Thiên Bình, Cán Cân Siêu trí Nguyên nhân của tổng hợp.

3. Aquarius, the Water- Carrier Universal Mind Soul. (EA 242)

3. Bảo Bình, Người Mang Nước Trí Tuệ Vũ Trụ Linh hồn. (EA 242)

This will result in:

Điều này sẽ dẫn đến:

Increased competition between units and between groups.

Sự cạnh tranh gia tăng giữa các đơn vị và giữa các nhóm.

13. The growth of mind and the growth of egoism are, at first, coincident. The concrete mind is, initially, a separative factor emphasizing the differences between people. The Leo factor (related to egoism and

13. Sự tăng trưởng của trí tuệ và sự tăng trưởng của tính vị ngã lúc đầu diễn ra đồng thời. Trí cụ thể, ban đầu, là một yếu tố phân ly nhấn mạnh những khác biệt giữa con người. Yếu tố Sư Tử (liên hệ với tính vị ngã

individualism) is also closely related (through the fifth ray) to the strengthening of the individualistic mind.

và chủ nghĩa cá nhân) cũng liên hệ chặt chẽ (qua cung năm) với sự tăng cường của trí tuệ cá nhân chủ nghĩa.

14. Personalities compete; souls cooperate.

14. Các phàm ngã cạnh tranh; các linh hồn hợp tác.

The organization of business on lines hitherto undreamt of.

Sự tổ chức kinh doanh theo những đường lối từ trước đến nay chưa từng được mơ tới.

15. This development emerges with the increasing strength of the seventh ray. Already, trans-national business patterns are the norm. The ubiquitous Internet has contributed significantly to the transformation of business models.

15. Sự phát triển này xuất hiện cùng với sức mạnh ngày càng tăng của cung bảy. Ngay từ bây giờ, các mô hình kinh doanh xuyên quốc gia đã là chuẩn mực. Internet hiện diện khắp nơi đã góp phần đáng kể vào sự chuyển đổi các mô hình kinh doanh.

The foundation of groups and aggregations of groups whose sole purpose will be to synthesise all the lines of human endeavour, and thus bring about unification of effort, and economy of force in the scientific, business, philosophic, educational, and religious worlds.

Sự thành lập các nhóm và các tập hợp nhóm mà mục đích duy nhất sẽ là tổng hợp mọi đường lối nỗ lực của con người, và nhờ đó mang lại sự hợp nhất nỗ lực, và sự tiết kiệm mãnh lực trong các thế giới khoa học, kinh doanh, triết học, giáo dục và tôn giáo.

16. Such groups are presently conceived but are not yet beneficently active. There are groups, however, tending in this direction.

16. Những nhóm như thế hiện đang được hình dung nhưng chưa hoạt động một cách hữu ích. Tuy nhiên, có những nhóm đang có khuynh hướng theo hướng này.

17. We must realize that Master R. (upon the seventh and third rays) is an expert at this type of synthesis.

17. Chúng ta phải nhận ra rằng Chân sư R. (trên cung bảy và cung ba) là một chuyên gia về loại tổng hợp này.

18. We notice how the factor of synthesis accords well with the Law of Economy. The seventh ray will bring increasing efficiency in all human undertakings.

18. Chúng ta lưu ý cách yếu tố tổng hợp rất phù hợp với Định luật Tiết Kiệm. Cung bảy sẽ mang lại hiệu quả ngày càng tăng trong mọi công cuộc của con người.

The foundation of schools of medicine along new lines, whose purpose will be to **study the etheric body, its relation to the dense physical body,** and its function [Page 454] as

Sự thành lập các trường y khoa theo những đường lối mới, mà mục đích sẽ là **nghiên cứu thể dĩ thái, mối liên hệ của nó với thể xác đậm đặc,** và chức năng của nó [Page 454]

the receiver, storer, and transmitter of the vital fluids of the system.

như là kẻ tiếp nhận, lưu trữ và truyền dẫn các lưu chất sinh lực của hệ thống.

19. The development of etheric medicine is already incipient among progressive physicians and health practitioners.

19. Sự phát triển của y học dĩ thái đã bắt đầu manh nha nơi các bác sĩ và người thực hành sức khỏe tiến bộ.

20. This development is natural with the emergence of the seventh ray; the seventh ray is directly correlated with the etheric body as is the sign Aquarius, now emerging into increasing prominence.

20. Sự phát triển này là tự nhiên cùng với sự xuất hiện của cung bảy; cung bảy tương quan trực tiếp với thể dĩ thái cũng như dấu hiệu Bảo Bình, hiện đang nổi bật ngày càng tăng.

21. We remind ourselves of three of the major functions of the etheric body in relation to the vital fluids of the system:

21. Chúng ta nhắc mình về ba chức năng chính của thể dĩ thái liên hệ với các lưu chất sinh lực của hệ thống:

a. To receive

a. Tiếp nhận

b. To store

b. Lưu trữ

c. To transmit

c. Truyền dẫn

The foundation of the new church, which will be no longer along devotional and idealistic lines but which will be an outgrowth of the old idealism, demonstrating through mental forms.

Sự thành lập giáo hội mới, sẽ không còn theo những đường lối sùng tín và duy tâm nữa mà sẽ là sự phát triển từ chủ nghĩa duy tâm cũ, biểu hiện qua các hình thức trí tuệ.

22. The sixth ray approach to religion will be outgrown, but idealism will not be entirely abrogated but, rather, expressed through mental forms. Aquarius, we must remember, is, in its own right, a sign of great *idealism*.

22. Cách tiếp cận tôn giáo của cung sáu sẽ bị vượt qua, nhưng chủ nghĩa duy tâm sẽ không hoàn toàn bị bãi bỏ mà đúng hơn sẽ được biểu hiện qua các hình thức trí tuệ. Chúng ta phải nhớ rằng Bảo Bình, tự thân nó, là một dấu hiệu của *chủ nghĩa duy tâm* lớn lao.

23. It must be realize how very much the seventh ray is, among other things, a mental ray. We can see this in its relation to the third ray of intellect, for Master R., with a

23. Phải nhận ra cung bảy, trong nhiều phương diện khác, rất là một cung trí tuệ. Chúng ta có thể thấy điều này trong mối liên hệ của nó với cung ba của trí năng, vì Chân

number of His initiates, transferred onto the third ray.

When, for instance, the Master R. assumed the task of Mahachohan or Lord of Civilisation, His Ashram was shifted from the seventh Ray of Ceremonial Order to the third Ray of Active Intelligence; the majority of those who have taken the second and the third initiations were transferred with Him under what might be called a "special dispensation"; the rest of the members of His Ashram remained for tuition and training in service under that Master Who took His place as the central point of the seventh ray Ashram. (DINA II 383)

24. As well, the placement of the seventh ray as the *fifth* ray of Brahman emphasizes its relation to mentality.

25. The seventh ray, really, is a *synthetic* ray, related significantly to all three major rays:

a. Like the first ray it is strong and firm in the execution of will.

b. Like the second ray it promotes linking and coherence.

c. Like the third ray it excels in the art and science of manifestation. This requires the intelligent coordination of forces.

It will have for its basis the scientific recognition of the unseen world and its due appreciation and apprehension by means of accurate scientific ceremonial.

26. We note that we are not dealing only with the recognition of the unseen worlds

sư R., cùng với một số điểm đạo đồ của Ngài, đã chuyển sang cung ba.

Chẳng hạn, khi Chân sư R. đảm nhận nhiệm vụ Mahachohan hay Chúa Tể của Văn Minh, Ashram của Ngài đã được chuyển từ cung bảy của Trật Tự Nghi Lễ sang cung ba của Trí Tuệ Hoạt Động; đa số những người đã nhận lần điểm đạo thứ hai và thứ ba được chuyển cùng với Ngài theo điều có thể gọi là một "đặc ân đặc biệt"; số thành viên còn lại trong Ashram của Ngài ở lại để được giáo huấn và huấn luyện phụng sự dưới quyền Chân sư đã thay thế vị trí của Ngài như điểm trung tâm của ashram cung bảy. (DINA II 383)

24. Ngoài ra, vị trí của cung bảy như cung *thứ năm* của Brahman nhấn mạnh mối liên hệ của nó với trí tuệ.

25. Thực ra, cung bảy là một cung *tổng hợp*, liên hệ đáng kể với cả ba cung chính:

a. Giống như cung một, nó mạnh mẽ và kiên định trong việc thực thi ý chí.

b. Giống như cung hai, nó thúc đẩy sự liên kết và tính cố kết.

c. Giống như cung ba, nó xuất sắc trong nghệ thuật và khoa học của sự biểu hiện. Điều này đòi hỏi sự phối hợp thông minh các mãnh lực.

Nó sẽ lấy làm nền tảng **sự công nhận khoa học về thế giới vô hình và sự đánh giá cùng lĩnh hội đúng đắn về nó bằng nghi lễ khoa học chính xác.**

26. Chúng ta lưu ý rằng chúng ta không chỉ đề cập đến sự công nhận các thế giới vô hình

but with the "scientific recognition" of those worlds.

27. We see again the blending of the fifth and seventh rays, for the ceremonial in which the seventh ray excels will be executed with scientific accuracy.

28. The words are arresting and point the way to the future: "accurate scientific ceremonial".

29. Let us envision the eventual nature of the New World Religion according to Master DK's prophesies.

This ceremonial of the universal church—being founded on **the mental unity of all peoples**—will not be ceremonial as it is now understood, as it will be the guarded, guided, scientific utilisation of sound and color to bring about certain desired ends, such as

30. We will have a "universal church", meaning that it will apply to all human beings. It will also reflect the universality of the sign Aquarius (in which sign it will be founded).

31. The unity of all peoples will be appreciated mentally (Venus, Mercury) and not merely *felt.* Today, many people *feel* their unitive relations with other, but do not *understand* the factual nature of the unity they feel.

mà còn đến sự công nhận "khoa học" về các thế giới ấy.

27. Chúng ta lại thấy sự hòa trộn của cung năm và cung bảy, vì nghi lễ mà cung bảy xuất sắc sẽ được thực hiện với độ chính xác khoa học.

28. Những lời này thật nổi bật và chỉ đường cho tương lai: "nghi lễ khoa học chính xác".

29. Chúng ta hãy hình dung bản chất sau cùng của Tôn Giáo Thế Giới Mới theo những lời tiên tri của Chân sư DK.

Nghi lễ này của giáo hội phổ quát—được đặt nền trên **sự hợp nhất trí tuệ của mọi dân tộc**—sẽ không phải là nghi lễ như hiện nay được hiểu, vì nó sẽ là sự *sử dụng* âm thanh và màu sắc một cách được bảo vệ, được hướng dẫn, và khoa học để đạt đến những mục đích mong muốn nào đó, như

30. Chúng ta sẽ có một "giáo hội phổ quát", nghĩa là nó sẽ áp dụng cho mọi con người. Nó cũng sẽ phản ánh tính phổ quát của dấu hiệu Bảo Bình (dấu hiệu trong đó nó sẽ được đặt nền).

31. Sự hợp nhất của mọi dân tộc sẽ được đánh giá bằng trí tuệ (Kim Tinh, Thủy Tinh) chứ không chỉ đơn thuần được *cảm thấy.* Ngày nay, nhiều người *cảm thấy* các mối liên hệ hợp nhất của họ với người khác, nhưng không *thấu hiểu* bản chất thực tế của sự hợp nhất mà họ cảm thấy.

32. We can see that initiates and, perhaps, even Masters will be involved in the preparation and presentation of such scientific ceremonies, as the ceremonies will be both “guarded and guided”.

32. Chúng ta có thể thấy rằng các điểm đạo đồ và có lẽ ngay cả các Chân sư sẽ tham gia vào việc chuẩn bị và trình bày những nghi lễ khoa học như thế, vì các nghi lễ ấy sẽ vừa “được bảo vệ vừa được hướng dẫn”.

33. Nothing will be left to chance in the utilization of those “spiritual numerals”, sound and color.

33. Sẽ không có gì bị phó mặc cho ngẫu nhiên trong việc sử dụng những “con số tinh thần” ấy, tức âm thanh và màu sắc.

34. We can see how the fourth ray (also a linking ray and directly related to the appreciation and utilization of sound and color) will play into the performance of such ceremonies.

34. Chúng ta có thể thấy cung bốn (cũng là một cung liên kết và liên hệ trực tiếp với việc đánh giá và sử dụng âm thanh cùng màu sắc) sẽ tham gia vào việc thực hiện những nghi lễ như thế như thế nào.

35. The fifth ray approach will also be indispensable as those who prepare and perform these ceremonies will have to know exactly what they are doing.

35. Cách tiếp cận của cung năm cũng sẽ không thể thiếu vì những người chuẩn bị và thực hiện các nghi lễ này sẽ phải biết chính xác mình đang làm gì.

36. We can understand that the ‘religion’ practiced in the “universal church” will be an approach combining buddhi and manas, and will not be an astral religion (touched in its best moments by buddhi).

36. Chúng ta có thể hiểu rằng “tôn giáo” được thực hành trong “giáo hội phổ quát” sẽ là một cách tiếp cận kết hợp Bồ đề và manas, và sẽ không phải là một tôn giáo cảm dục (được Bồ đề chạm đến trong những khoảnh khắc tốt đẹp nhất của nó).

- The aligning of the Ego,

- Sự chỉnh hợp của Chân ngã,

37. Properly executed ceremonial work has this often unrealized potential.

37. Công việc nghi lễ được thực hiện đúng đắn có tiềm năng này, dù thường không được nhận ra.

38. Correct alignment depends upon the utilization of proper frequencies and the invocation of the Ego through sounds and colors attuned to its quality. We all know that certain vibrations invoke the higher Ego and others definitely militate against contact with its influence.

38. Sự chỉnh hợp đúng đắn tùy thuộc vào việc sử dụng các tần số thích hợp và sự khẩn cầu Chân ngã qua những âm thanh và màu sắc được điều chỉnh theo phẩm tính của nó. Tất cả chúng ta đều biết rằng một số rung động nào đó khẩn cầu chân ngã cao hơn, còn những rung động khác thì rõ ràng chống lại sự tiếp xúc với ảnh hưởng của nó.

- The influencing of groups,

39. Group energies are marshaled in properly executed ceremonial work and these energies can be transmitted to other groups.

40. A group resonance created can be entrained, and other groups can be induced to fall into new and useful rhythms.

41. The groups practicing 'religious ceremonial' will, *themselves* be powerfully influenced as the higher energies pour into the group aura. Those who have participated in ritual work (somewhat along the lines suggested) know this influence to be both factual and powerful.

- The making of contact with the Occult Hierarchy,

42. Today this is done largely through meditation, but if to meditation, scientific ceremonial procedures are added, the vehicular interference which so often prevents direct contact can be negated.

43. Through ceremonial work, the necessary vacuum to evoke higher energies can be created.

44. Scientific ceremonial work is much based upon the utilization of admissible frequencies and the expulsion of that which is not formally appropriate. It is a process which enhances resonance between the invocative group and the higher group being invoked—in this case, the Spiritual Hierarchy.

- Sự tác động lên các nhóm,

39. Các năng lượng nhóm được tập hợp trong công việc nghi lễ được thực hiện đúng đắn và những năng lượng này có thể được truyền sang các nhóm khác.

40. Một cộng hưởng nhóm được tạo ra có thể được cuốn theo, và các nhóm khác có thể được dẫn dắt để rơi vào những nhịp điệu mới và hữu ích.

41. Các nhóm thực hành "nghi lễ tôn giáo" sẽ, *chính họ*, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ khi các năng lượng cao hơn tuôn vào hào quang nhóm. Những ai đã tham gia công việc nghi lễ (phần nào theo những đường lối được gợi ý) đều biết ảnh hưởng này là thực tế và mạnh mẽ.

- Sự tiếp xúc với Thánh đoàn Huyền bí,

42. Ngày nay điều này phần lớn được thực hiện qua tham thiền, nhưng nếu thêm vào tham thiền những thủ tục nghi lễ khoa học, thì sự cản trở của các hiện thể vốn thường ngăn cản tiếp xúc trực tiếp có thể được hóa giải.

43. Qua công việc nghi lễ, khoảng chân không cần thiết để gợi lên các năng lượng cao hơn có thể được tạo ra.

44. Công việc nghi lễ khoa học phần lớn dựa trên việc sử dụng các tần số được phép và sự trục xuất điều gì không thích hợp về mặt hình thức. Đó là một tiến trình làm tăng cộng hưởng giữa nhóm khẩn cầu và nhóm cao hơn được khẩn cầu—trong trường hợp này là Thánh đoàn tinh thần.

- The co-operation with the devas in order to further the constructive ends of evolution,

- Sự hợp tác với các thiên thần để thúc đẩy những mục đích kiến tạo của tiến hoá,

45. The devas respond immediately to sound and color. The correct pitch and key will be musically applied to invoke and sustain cooperation with certain groups of devas. The correct shade and hue of color will be similarly utilized.

45. Các thiên thần đáp ứng ngay lập tức với âm thanh và màu sắc. Cao độ và chủ âm đúng sẽ được áp dụng một cách âm nhạc để khẩn cầu và duy trì sự hợp tác với một số nhóm thiên thần nào đó. Sắc độ và màu sắc đúng cũng sẽ được sử dụng tương tự.

46. Clearly, scientific knowledge of the nature of particular kinds of devas will be indispensable.

46. Rõ ràng, tri thức khoa học về bản chất của những loại thiên thần đặc thù sẽ là điều không thể thiếu.

47. Occult ceremonial will be a method through which the Builders—deva and human—can successfully work.

47. Nghi lễ huyền bí sẽ là một phương pháp qua đó các đấng kiến tạo—thiên thần và con người—có thể làm việc thành công.

- and many other objects which will grow out of the scientific comprehension of the constitution of man, the nature of vibration or radioactivity, and the demonstrated reality of the hitherto metaphysical hypothesis and religious dogma of the unseen world of thought and of spiritual existence.

- và nhiều mục tiêu khác sẽ phát sinh từ sự thấu hiểu khoa học về cấu tạo của con người, bản chất của rung động hay phóng xạ, và thực tại đã được chứng minh của giả thuyết siêu hình học từ trước đến nay và giáo điều tôn giáo về thế giới vô hình của tư tưởng và của sự tồn tại tinh thần.

48. The beneficent results will arise because of the following:

48. Những kết quả hữu ích sẽ phát sinh vì những điều sau đây:

a. Scientific comprehension of the constitution of man

a. Sự thấu hiểu khoa học về cấu tạo của con người

b. Understanding of the nature of vibration

b. Sự thấu hiểu bản chất của rung động

c. Understanding of the nature of radioactivity

c. Sự thấu hiểu bản chất của phóng xạ

d. The demonstration of the reality of the unseen worlds.

d. Sự chứng minh thực tại của các thế giới vô hình.

49. We can see that the seven rays will be responsible for the 'lifting of the veil' which, presently, prevents general acknowledgement of that which the occultist considers as real. Humanity's attention has been confined mostly to the sphere of the lowest senses. Human consciousness has lived in a circumscribed prison of limited perception. All this is soon destined to change and with this change will come entirely new methods of relating to the dense physical plane and to what we customarily call 'normal living'.

49. Chúng ta có thể thấy rằng bảy cung sẽ chịu trách nhiệm cho việc "vén bức màn" hiện đang ngăn cản sự thừa nhận phổ quát đối với điều mà nhà huyền bí học xem là thực tại. Sự chú ý của nhân loại phần lớn bị giới hạn trong phạm vi của những giác quan thấp nhất. Tâm thức con người đã sống trong một nhà tù chật hẹp của tri giác hạn chế. Tất cả điều này sắp được định mệnh thay đổi, và cùng với sự thay đổi ấy sẽ đến những phương pháp hoàn toàn mới để liên hệ với cõi hồng trần đậm đặc và với điều mà chúng ta thường gọi là "đời sống bình thường".

50. So far the main results of the incoming seventh ray have been listed as:

50. Cho đến nay các kết quả chính của cung bảy đang đi vào đã được liệt kê như sau:

a. Development of etheric vision universally

a. Sự phát triển phổ quát của dĩ thái thị giác

b. Increased mental activity

b. Hoạt động trí tuệ gia tăng

51. These categories have been sub-divided and further results related to each have been examined.

51. Những phạm trù này đã được chia nhỏ và những kết quả khác liên hệ với từng phạm trù đã được khảo sát thêm.

52. The third major result relates to the way in which the Path may be approached. "Increased facility in approaching the Path".

52. Kết quả lớn thứ ba liên hệ đến cách mà Con Đường có thể được tiếp cận. "Sự dễ dàng gia tăng trong việc tiếp cận Con Đường".

Increased facility in approaching the Path. This will be based on the fact that so many of the then existent humanity will have personal knowledge of the ruling powers and forces,

Sự dễ dàng gia tăng trong việc tiếp cận Con Đường. Điều này sẽ dựa trên sự kiện là rất nhiều người trong nhân loại tồn tại khi ấy sẽ có tri thức cá nhân về các quyền lực và mãnh lực cai quản,

53. Under the influence of the seventh ray, the Spiritual Hierarchy of our planet will be a personally experienced reality to many. The Spiritual Hierarchy and the initiates and devas associated with Them are "the ruling powers and forces".

53. Dưới ảnh hưởng của cung bảy, Thánh đoàn tinh thần của hành tinh chúng ta sẽ là một thực tại được nhiều người đích thân kinh nghiệm. Thánh đoàn tinh thần cùng các điểm đạo đồ và thiên thần liên kết với

Các Ngài chính là "các quyền lực và mãnh lực cai quản".

54. We all know the seventh ray is a ray of *rules* and (as a reflection of the first ray) is a ray of *power* as well.

54. Tất cả chúng ta đều biết cung bảy là một cung của các *quy luật* và (như một phản ánh của cung một) cũng là một cung của *quyền năng*.

55. We are speaking of the cycle in which the seventh ray is expressing during the Aquarian Age.

55. Chúng ta đang nói về chu kỳ trong đó cung bảy đang biểu hiện trong Kỷ Nguyên Bảo Bình.

will perhaps be on the Probationary Path, or will be initiates of the first degree.

có lẽ sẽ ở trên Con Đường Dự Bị, hoặc sẽ là các điểm đạo đồ cấp một.

56. This is the spiritual status that may be expected for many during the coming Age.

56. Đây là địa vị tinh thần có thể được mong đợi nơi nhiều người trong Kỷ Nguyên sắp đến.

57. On the basis of references alone, it is difficult to determine whether the Probationary Path begins with the first initiation or somewhat precedes it. We might say that an early phase of the Path of Probation must necessarily precede the first initiation but that that Path begins in earnest with the first degree, at which time one becomes a probationary disciple. A true disciple is an accepted disciple (a stage usually entered a number of lives after the first degree has been taken).

57. Chỉ dựa trên các tham chiếu, thật khó xác định liệu Con Đường Dự Bị bắt đầu với lần điểm đạo thứ nhất hay có phần đi trước nó. Chúng ta có thể nói rằng một giai đoạn sớm của Con Đường Dự Bị tất yếu phải đi trước lần điểm đạo thứ nhất, nhưng Con Đường ấy thực sự bắt đầu với cấp thứ nhất, vào lúc người ta trở thành một đệ tử dự bị. Một đệ tử chân chính là một đệ tử được chấp nhận (một giai đoạn thường chỉ bước vào sau lần điểm đạo thứ nhất một số kiếp sống).

Thus the present scepticism will become non-existent.

Như vậy sự hoài nghi hiện nay sẽ trở nên không còn nữa.

58. It is the seventh ray, influencing many towards materialism, which can also be instrumental in its destruction.

58. Chính cung bảy, vốn ảnh hưởng khiến nhiều người hướng về chủ nghĩa vật chất, cũng có thể là công cụ trong việc phá hủy nó.

The dangers then will be along other lines—those incident to the very influence of this ray itself:

Khi ấy các nguy hiểm sẽ nằm ở những đường lối khác—những nguy hiểm phát sinh từ chính ảnh hưởng của cung này:

59. Always there will be dangers. Dangers present themselves in the form of forces which are uncontrolled and which therefore menace valued structures and relationships.

59. Luôn luôn sẽ có những nguy hiểm. Các nguy hiểm tự biểu lộ dưới hình thức những mãnh lực không được kiểm soát và do đó đe dọa những cấu trúc và mối liên hệ có giá trị.

the dangers of crystallisation into form so that the **true spiritual devotee may become rare**, and the scientific aspirant will take his place.

những nguy hiểm của sự kết tinh vào hình tướng đến mức **người sùng tín tinh thần chân chính có thể trở nên hiếm hoi**, và người chí nguyện khoa học sẽ thay thế vị trí của y.

60. To be a "spiritual devotee" is of value, but may necessitate the presence of the sixth ray (which will become increasingly rare)—though not necessarily in its influence upon *personalities*.

60. Là một "người sùng tín tinh thần" thì có giá trị, nhưng có thể đòi hỏi sự hiện diện của cung sáu (vốn sẽ ngày càng hiếm)—dù không nhất thiết trong ảnh hưởng của nó lên các *phàm ngã*.

61. The seventh ray may be called the 'Ray of Crystallization'. Not only is Uranian energy involved in seventh ray processes, but Saturnian energy (ruling the entire cosmic physical plane—the seventh cosmic plane—*and* the systemic physical plane—again the seventh, *and* Vulcanian energy associated with the mineral kingdom—a kingdom which, by one method of counting, is the *seventh*.)

61. Cung bảy có thể được gọi là "Cung của Sự Kết Tinh". Không chỉ năng lượng Thiên Vương Tinh tham dự vào các tiến trình cung bảy, mà còn có năng lượng Thổ Tinh (cai quản toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ—cõi vũ trụ thứ bảy—*và* cõi hồng trần của hệ thống—lại là cõi thứ bảy, *và* năng lượng Vulcan liên hệ với giới kim thạch—một giới mà, theo một cách đếm, là giới *thứ bảy*.)

62. There is nothing wrong about the development of the scientific aspirant unless the energies of love and rightful reverence become excessively suppressed, thus creating an imbalance.

62. Không có gì sai trong sự phát triển của người chí nguyện khoa học trừ phi các năng lượng của tình thương và lòng tôn kính đúng đắn bị đè nén quá mức, do đó tạo ra sự mất quân bình.

63. The Tibetan has attempted to assure that the cultivation of *white* magic will proceed in such a manner as to balance the inevitable growth of magic quite devoid of 'heart'. The danger involved in this kind of magic (and it almost inevitably *will* be practiced given the nature and general point of development of the incoming seventh ray souls) must be obvious.

63. Chân sư Tây Tạng đã cố gắng bảo đảm rằng việc vun bồi *chánh* thuật sẽ tiến hành theo cách quân bình sự tăng trưởng tất yếu của loại huyền thuật hoàn toàn thiếu "tâm". Mối nguy liên quan đến loại huyền thuật này (và gần như chắc chắn nó *sẽ* được thực hành, xét theo bản chất và điểm phát triển chung của các linh hồn cung bảy đang đi vào) hẳn phải là điều hiển nhiên.

[Page 455]

[Page 455]

The true occultist is a scientist and a devotee, and where these two are not merged, we have the mystic and the man in danger of black magic, being governed by the intellect and not by selflessness;

Nhà huyền bí học chân chính là một nhà khoa học và một người sùng tín, và ở đâu hai điều này không được dung hợp, ở đó chúng ta có nhà thần bí và con người đang ở trong nguy cơ rơi vào Hắc thuật, bị trí năng chi phối chứ không phải bởi tính vô tư;

64. This is the danger of dichotomization. The mystic is unbalanced in his approach to divinity, but so is the strictly intellectual aspirant.

64. Đây là nguy cơ của sự phân đôi. Nhà thần bí mất quân bình trong cách tiếp cận của mình đối với thiên tính, nhưng người chí nguyện thuần trí năng cũng vậy.

65. As we well know, aspirants can deviate from the "Good Path" and veer off in the direction of black magic if heart development does not wean them from selfishness.

65. Như chúng ta đều biết rõ, những người chí nguyện có thể lệch khỏi "Con Đường Thiện" và chuyển sang hướng của Hắc thuật nếu sự phát triển của tim không cai y khỏi tính ích kỷ.

66. The intellect alone (supporting, as it does, *egoism*) tends to be the enemy of selflessness.

66. Chỉ riêng trí năng (vì nó nâng đỡ *tính vị ngã*) có khuynh hướng trở thành kẻ thù của tính vô tư.

67. So, we see that a balance will be much needed in coming centuries. May we expect that the relative prominence of the air sign Libra will assist in developing the necessary balance?

67. Vì vậy, chúng ta thấy rằng sự quân bình sẽ rất cần thiết trong các thế kỷ sắp tới. Liệu chúng ta có thể mong đợi rằng sự nổi bật tương đối của dấu hiệu hành khí Thiên Bình sẽ giúp phát triển sự quân bình cần thiết ấy chăng?

there are dangers incident also upon contact with the deva evolution and the knowledge of the powers and forces made available through their agency.

cũng có những nguy hiểm phát sinh từ việc tiếp xúc với tiến hoá deva và tri thức về các quyền năng và mãnh lực được cung cấp qua trung gian của họ.

68. Contact with the devas may be achieved, but will the contact be wisely handled? Will men direct the devic forces they can control into lines of activity sanctioned by the Divine Plan? Will they, perhaps, fall under the sway of stronger devas which they cannot control? Not all devas are spiritually oriented.

68. Có thể đạt được sự tiếp xúc với các deva, nhưng liệu sự tiếp xúc ấy có được xử lý một cách minh triết không? Liệu những người nam và nữ có hướng các mãnh lực deva mà họ có thể kiểm soát vào những đường hoạt động được Thiên Cơ chuẩn thuận không? Hay có lẽ họ sẽ rơi dưới quyền chi phối của những deva mạnh hơn mà họ không thể kiểm soát? Không phải mọi deva đều có định hướng tinh thần.

69. There will be many temptations and not a few tragedies arising from premature or insufficiently regulated interplay with the deva kingdom.

69. Sẽ có nhiều cám dỗ và không ít bi kịch phát sinh từ sự tương tác quá sớm hoặc không được điều hòa đầy đủ với giới deva.

The coming into incarnation of numbers of old magicians and occultists, and the rapid growth therefore of recognised psychic powers among the people.

***Sự đi vào lâm phàm* của nhiều nhà huyền thuật và nhà huyền bí học xưa,** và vì thế sự tăng trưởng nhanh chóng của các năng lực thông linh được thừa nhận nơi quần chúng.

70. This is the fourth major result which relates to human development as it is inspired by the strengthening presence of the seventh ray.

70. Đây là kết quả lớn thứ tư liên hệ đến sự phát triển của con người khi được truyền cảm hứng bởi sự hiện diện ngày càng mạnh của cung bảy.

71. These incoming magicians and occultists are possessed of psychic powers long ago developed.

71. Những nhà huyền thuật và nhà huyền bí học đang đi vào này sở hữu những năng lực thông linh đã được phát triển từ lâu.

72. Already the recognition of psychic powers is growing amongst the masses and are certainly recognized as real amongst the progressive intelligentsia.

72. Ngay từ bây giờ, sự công nhận các năng lực thông linh đang gia tăng trong quần chúng và chắc chắn được giới trí thức tiến bộ thừa nhận là có thật.

73. We must remind ourselves that psychism is not equivalent to spirituality.

73. Chúng ta phải tự nhắc mình rằng thông linh không tương đương với tinh thần tính.

This psychism, being tinged with mentality and not being of a purely astral quality, will be even more dangerous than in Atlantean days, for back of it will be some degree of will, conscious purpose, and intellectual apprehension,

Tính thông linh này, vì nhuốm màu trí tuệ và không thuần túy có phẩm tính cảm dục, sẽ còn nguy hiểm hơn cả trong thời Atlantis, vì đằng sau nó sẽ có một mức độ nào đó của ý chí, mục đích hữu thức, và sự lĩnh hội trí năng,

74. We are discussing the appearance of a 'new' kind of psychism—not just the old, astrally impulsed psychism common in Atlantean days.

74. Chúng ta đang bàn đến sự xuất hiện của một loại thông linh 'mới'—không chỉ là loại thông linh cũ do cảm dục thúc đẩy vốn phổ biến trong thời Atlantis.

75. DK tells us that this new psychism will be "tinged with mentality". The mind nature is resonant with the will nature. From one perspective, mind is will.

75. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng loại thông linh mới này sẽ "nhuốm màu trí tuệ". Bản chất trí tuệ cộng hưởng với bản chất ý chí. Từ một góc nhìn, trí tuệ là ý chí.

76. Will, consciousness purpose and intellect will be involved in the presentation of this more advanced form of psychism. This is no guarantee that it will be selflessly expressed. In fact, quite the opposite is a strong possibility.

76. Ý chí, mục đích hữu thức và trí năng sẽ tham dự vào sự biểu lộ của hình thức thông linh tiến bộ hơn này. Điều đó không bảo đảm rằng nó sẽ được biểu lộ một cách vô tư. Thật ra, điều ngược lại là một khả năng rất mạnh.

77. We can see that the seventh ray must be balanced by the second. These two rays have several points of cooperation and so their constructive interplay may be anticipated—at least among the wise.

77. Chúng ta có thể thấy rằng cung bảy phải được quân bình bởi cung hai. Hai cung này có một số điểm hợp tác, và vì vậy có thể dự đoán sự tương tác xây dựng của chúng—ít nhất là nơi những người minh triết.

and unless this is paralleled by the growth of spiritual realisation, and by the steady grip of the Ego upon the lower personality, a period of real danger may ensue.

và trừ phi điều này được song hành bởi **sự tăng trưởng của chứng nghiệm tinh thần,** và bởi sự nắm giữ vững chắc của Chân ngã đối với phàm ngã thấp, một giai đoạn nguy hiểm thực sự có thể tiếp theo.

78. We are speaking of a period of real danger which may ensue during the Aquarian Age, a period about which speculation may be both practical and profitable.

78. Chúng ta đang nói đến một giai đoạn nguy hiểm thực sự có thể xảy ra trong Kỷ Nguyên Bảo Bình, một giai đoạn mà sự suy đoán về nó có thể vừa thực tiễn vừa hữu ích.

79. Psychism, again, is not "spiritual realization". The presence of psychic abilities is no guarantee that the Ego is gripping the lower personality.

79. Một lần nữa, thông linh không phải là "chứng nghiệm tinh thần". Sự hiện diện của các khả năng thông linh không bảo đảm rằng Chân ngã đang nắm giữ phàm ngã thấp.

80. To distinguish psychism from spirituality is a most necessary step and one hardly taken by many of those interested in the unseen worlds.

80. Phân biệt thông linh với tinh thần tính là một bước hết sức cần thiết, nhưng hầu như không được nhiều người quan tâm đến các thế giới vô hình thực hiện.

81. True spirituality pertains to the formless (arupa) levels of the cosmic physical plane; psychism, as usually encountered, does not.

81. Tinh thần tính chân chính thuộc về các cấp độ vô tướng (arupa) của cõi hồng trần vũ trụ; còn thông linh, như thường gặp, thì không.

Hence the need of pointing out and of realising the menace, so that the truth of the inner life and the need of serving the race as an essential to advancement may be proclaimed far and wide.

Do đó cần phải chỉ ra và chứng nghiệm mối đe dọa ấy, để chân lý của đời sống bên trong và nhu cầu phụng sự nhân loại như một điều thiết yếu cho sự tiến bộ có thể được công bố rộng khắp.

82. DK is interested in the propagation of these thoughts—

82. Chân sư DK quan tâm đến việc truyền bá những tư tưởng này—

a. Thoughts concerning the reality of the truly *inner* life, which is not the psychic life

a. Những tư tưởng liên quan đến thực tại của đời sống thực sự *bên trong*, vốn không phải là đời sống thông linh

b. Thoughts concerning the necessity for service. Those possessed of apparently unusual powers are not necessarily oriented towards service.

b. Những tư tưởng liên quan đến sự cần thiết của phụng sự. Những ai sở hữu các năng lực có vẻ khác thường không nhất thiết có định hướng phụng sự.

c. The psychic magician needs to understand that there is no true spiritual advancement without service to humanity.

c. Nhà huyền thuật thông linh cần hiểu rằng không có sự tiến bộ tinh thần chân chính nào nếu không phụng sự nhân loại.

Paralleling the incoming of this large band of seventh Ray magicians (**some linked to the Brotherhood and some to the purely manasic groups**)

Song song với sự đi vào của nhóm lớn các nhà huyền thuật cung bảy này (**một số liên kết với Huynh đệ Đoàn và một số với các nhóm thuần manas**)

83. We hear of two kinds of magicians coming into incarnation:

83. Chúng ta nghe nói đến hai loại nhà huyền thuật đi vào lâm phàm:

a. Those linked to the Brotherhood will be unselfish in expression

a. Những người liên kết với Huynh đệ Đoàn sẽ vô tư trong biểu hiện

b. The purely manasic groups (which, so it seems) carry the taint of selfishness. There is nothing wrong with manas, but if the groups concerned are *purely* manasic, there is the suggestion of imbalance and an insufficient development of the love nature.

b. Các nhóm thuần manas (dường như là vậy) mang dấu vết của tính ích kỷ. Không có gì sai với manas, nhưng nếu các nhóm liên hệ là thuần *manas*, thì có hàm ý về sự mất quân bình và sự phát triển chưa đầy đủ của bản chất bác ái.

is the proposed advent of certain members of the Hierarchy (initiates below the fourth Initiation)

là sự giáng lâm được dự kiến của một số thành viên của Thánh đoàn (các điểm đạo đồ dưới lần điểm đạo thứ tư)

84. We note that if one is a third degree initiate, one is considered to be a member of the Hierarchy. Other lesser initiates may also be included as "members of the Hierarchy".

84. Chúng ta lưu ý rằng nếu một người là điểm đạo đồ bậc ba, người ấy được xem là một thành viên của Thánh đoàn. Những điểm đạo đồ thấp hơn khác cũng có thể được kể vào như "các thành viên của Thánh đoàn".

and of certain disciples and probationers,

và của một số đệ tử và người dự bị,

85. These would be largely initiates of the first two degrees

85. Đây phần lớn sẽ là các điểm đạo đồ của hai bậc đầu tiên

all on this Ray and all true psychics,

tất cả đều thuộc cung này và đều là những người thông linh chân chính,

86. These affiliates of the Lodge (initiates, disciples and probationers) are all upon the seventh ray and are all true psychics.

86. Những người liên hệ này của Thánh đoàn (các điểm đạo đồ, đệ tử và người dự bị) đều thuộc cung bảy và đều là những người thông linh chân chính.

87. Do we understand why the seventh ray should be associated with psychism; usually, the sixth ray is thus associated, because the sixth ray rules the solar plexus which gives access to the astral plane in relation to

87. Chúng ta có hiểu vì sao cung bảy lại nên được liên kết với thông linh không; thông thường, cung sáu được liên kết như vậy, bởi vì cung sáu cai quản tùng thái dương, trung tâm cho phép tiếp cận cõi cảm dục, vốn là cõi

which the majority of psychic experiences occur.

88. Yet, the seventh ray is a major *linking* ray, encouraging inter-planar exchange—experiencing the phenomena common to certain planes (for instance, the astral or mental) while focussed in consciousness upon the physical.

who hope through their endeavours to offset the vibrations, and ward off the menace incident to the advent of the other group.

89. We have something like a 'battle of the magicians' shaping up.

90. When DK uses a word like "menace", He is not speaking lightly. A purely manasic orientation is a threat.

The arranging of this and the preparing of the way for them in the different countries, specially in Europe and North, is occupying the attention at this time of the Master R— and the Master H—.[52]

91. This is as we would expect. Master R (though now focussed through His third ray monadic nature) has been for centuries a prominent seventh ray soul, and Master H. is focussed upon the fifth ray. Again we find these two rays working together.

92. These two Masters will be instrumental in promoting the European Branch of the One Fundamental School of Occultism in Shamballa.

mà đa số các kinh nghiệm thông linh xảy ra trong liên hệ với nó.

88. Tuy nhiên, cung bảy là một cung lớn có tính *liên kết*, khuyến khích sự trao đổi liên cõi—kinh nghiệm các hiện tượng thông thường của một số cõi nhất định (thí dụ, cõi cảm dục hay cõi trí) trong khi tâm thức vẫn tập trung nơi cõi hồng trần.

những người hy vọng qua các nỗ lực của mình sẽ hóa giải các rung động ấy, và ngăn chặn mối đe dọa phát sinh từ sự giáng lâm của nhóm kia.

89. Chúng ta có một điều gì đó giống như một 'trận chiến của các nhà huyền thuật' đang hình thành.

90. Khi Chân sư DK dùng một từ như "mối đe dọa", Ngài không nói một cách nhẹ nhàng. Một định hướng thuần manas là một mối đe dọa.

Việc sắp đặt điều này và chuẩn bị con đường cho họ tại các quốc gia khác nhau, đặc biệt ở châu Âu và phương Bắc, hiện đang chiếm sự chú ý của Chân sư R— và Chân sư H—.52

91. Điều này đúng như chúng ta mong đợi. Chân sư R. (dù hiện nay tập trung qua bản chất chân thần cung ba của Ngài) đã là một linh hồn cung bảy nổi bật trong nhiều thế kỷ, và Chân sư H. tập trung trên cung năm. Một lần nữa chúng ta thấy hai cung này cùng hoạt động với nhau.

92. Hai Chân sư này sẽ là những vị có vai trò công cụ trong việc xúc tiến Chi nhánh châu Âu của Trường Huyền Bí Học Căn Bản Duy Nhất tại Shamballa.

52: The Master R. or Rakoczi, is the Hungarian Master, living at this time in, and is the Regent of and, under the "great Brotherhood."

52: Chân sư R. hay Rakoczi là vị Chân sư người Hungary, hiện đang sống tại, và là Nhiếp Chính của và, dưới "Huynh đệ Đoàn vĩ đại."

The Master R.— and one of the English Masters are concerning Themselves with the gradual founding of the fourth branch of the school, **with the assistance of the Master Hilarion**. Ponder on these imparted facts, for the significance is of profound importance. (LOM 305)

Chân sư R.— và một trong các Chân sư người Anh đang quan tâm đến việc dần dần thành lập chi nhánh thứ tư của trường, **với sự trợ giúp của Chân sư Hilarion**. Hãy suy ngẫm về những sự kiện được truyền đạt này, vì thâm nghĩa của chúng hết sức sâu xa. (LOM 305)

93. We read in an earlier Commentary of a "Regent of a Globe". We can compare the idea with the fact that Master R. is the Regent of Europe and America.

93. Chúng ta đọc trong một Cổ Luận trước đó về một "Nhiếp Chính của một bầu hành tinh". Chúng ta có thể so sánh ý tưởng ấy với sự kiện rằng Chân sư R. là Nhiếp Chính của châu Âu và châu Mỹ.

94. Whether Master R. now 'lives' in Hungary is up for discussion.

94. Việc Chân sư R. hiện nay có 'sống' ở Hungary hay không vẫn còn để bàn luận.

He works through various organisations and movements including Masonry.

Ngài hoạt động thông qua nhiều tổ chức và phong trào khác nhau, kể cả Hội Tam Điểm.

95. The Masonic Movement is ruled by the first, seventh and fourth rays.

95. Phong trào Tam Điểm được cai quản bởi cung một, cung bảy và cung bốn.

He is one of the Masters who take pupils.

Ngài là một trong các Chân sư nhận đệ tử.

96. This may have been somewhat modified since Master R. became Mahachohan, which may not yet have been the case when *A Treatise of Cosmic Fire* was written.

96. Điều này có thể đã được điều chỉnh phần nào kể từ khi Chân sư R. trở thành Đức Mahachohan, điều có thể chưa xảy ra khi *Luận về Lửa Vũ Trụ* được viết.

97. Further, we have been told that the Chohans are not, at this time, working through dictation (so serious is the world situation).

97. Hơn nữa, chúng ta đã được cho biết rằng các Chohan hiện nay không làm việc qua sự đọc truyền (vì tình hình thế giới quá nghiêm trọng).

98. Yet, for all that, the statement stands.

98. Tuy vậy, bất chấp điều đó, phát biểu ấy vẫn đứng vững.

The Master H. or Hilarion, is a Cretan Master, is interested in the Spiritualistic Movement and is responsible for *Light on the Path*.

Chân sư H. hay Hilarion là một Chân sư người Crete, quan tâm đến Phong trào Thần linh học và chịu trách nhiệm về *Ánh sáng trên Đường Đạo*.

99. The quality of Light on the Path is very militant and not much of the quality of the fifth ray is to be felt.

99. Phẩm tính của Ánh sáng trên Đường Đạo rất chiến đấu, và không cảm thấy nhiều phẩm tính của cung năm trong đó.

100. Could this be due to the quality of the transmitter—Mabel Collins?

100. Liệu điều này có thể là do phẩm tính của người truyền đạt—Mabel Collins chăng?

101. Perhaps this little treatise carries much of the first ray—the hypothesized monadic ray of Master H.

101. Có lẽ tiểu luận này mang nhiều cung một—cung chân thần được giả định của Chân sư H.

102. The following is the fifth major result of the incoming of the seventh ray.

102. Sau đây là kết quả lớn thứ năm của sự đi vào của cung bảy.

A group of scientists will come into incarnation on the [Page 456] physical plane during the next seventy-five years who will be the medium for the revelation of the next three truths concerning electrical phenomena.

Một nhóm các nhà khoa học sẽ đi vào lâm phàm trên [Page 456] cõi hồng trần trong bảy mươi lăm năm tới, những người sẽ là **trung gian cho sự mặc khải ba chân lý kế tiếp liên quan đến các hiện tượng điện.**

103. We are in a position to see whether some of these prophesies have been fulfilled.

103. Chúng ta đang ở vào vị thế để xem liệu một số lời tiên tri này đã được ứng nghiệm hay chưa.

A formula of truth concerning this aspect of manifestation

Một công thức chân lý liên quan đến phương diện này của sự biểu hiện

104. The electrical aspect…

104. Phương diện điện…

105. The formula, we will learn, was partial when compared with what remains to be revealed.

105. Chúng ta sẽ biết rằng công thức ấy chỉ là từng phần khi so với điều còn lại sẽ được mặc khải.

was prepared by initiates on the fifth Ray at the close of the last century,

đã được các điểm đạo đồ trên cung năm chuẩn bị vào cuối thế kỷ trước,

106. We note that these scientists are called "initiates". It would seem that Maxell and Rutherford were among them, and, perhaps, Marie Curie and Roentgen. One would be tempted to include Einstein, whose major work began during the very first part of the twentieth century.

106. Chúng ta lưu ý rằng các nhà khoa học này được gọi là "các điểm đạo đồ". Có vẻ như Maxwell và Rutherford nằm trong số đó, và có lẽ Marie Curie và Roentgen cũng vậy. Người ta sẽ có khuynh hướng kể cả Einstein, người mà công trình lớn bắt đầu ngay trong phần đầu tiên của thế kỷ hai mươi.

107. We are told, however, that Marie Curie (and perhaps Pierre) was upon the seventh ray and it difficult to avoid the conclusion that Einstein was deeply upon the third. The fifth ray, however, had a profound influence upon both of them.

107. Tuy nhiên, chúng ta được cho biết rằng Marie Curie (và có lẽ Pierre) thuộc cung bảy và khó tránh khỏi kết luận rằng Einstein thuộc sâu sắc cung ba. Tuy nhiên, cung năm đã có ảnh hưởng sâu xa trên cả hai người.

being part of the usual attempt of the Hierarchy to promote evolutionary development at the close of every cycle of one hundred years.

là một phần của nỗ lực thông thường của Thánh đoàn nhằm thúc đẩy sự phát triển tiến hoá vào cuối mỗi chu kỳ một trăm năm.

108. We have just completed the close of the twentieth century. Are we in a position to detect the manner in which evolutionary developments may have been promoted during the 1980's and 1990's?

108. Chúng ta vừa hoàn tất cuối thế kỷ hai mươi. Liệu chúng ta có ở vào vị thế để nhận ra cách thức mà các phát triển tiến hoá có thể đã được thúc đẩy trong các thập niên 1980 và 1990 không?

109. Such attempts are indicative of the synthetic period of the one hundred year cycles—presumably a cycle of ten years, the last tenth of any one hundred year period.

109. Những nỗ lực như vậy cho thấy giai đoạn tổng hợp của các chu kỳ một trăm năm —có lẽ là một chu kỳ mười năm, tức một phần mười cuối cùng của bất kỳ giai đoạn một trăm năm nào.

Certain parts (two fifths) of that formula have worked out through the achievements of such men as and those who participate in his type of endeavour, and through the work of those who have dealt with the subject of radium and radioactivity.

Một số phần (hai phần năm) của công thức ấy đã được triển khai qua những thành tựu của những người như và những người tham gia vào loại nỗ lực của ông, và qua công trình của những người đã bàn đến đề tài radium và tính phóng xạ.

110. We see that the discoveries related strictly to what we call electricity were part of the attempted revelation of the formula.

110. Chúng ta thấy rằng những khám phá liên hệ chặt chẽ với điều chúng ta gọi là điện là một phần của sự mặc khải công thức đã được cố gắng thực hiện.

111. The workers in the area of radioactivity and, presumably, in the area atomic physics participated in the same revelation.

111. Những người hoạt động trong lĩnh vực phóng xạ và, có lẽ, trong lĩnh vực vật lý nguyên tử đã tham gia vào cùng một sự mặc khải.

112. Probably, Tesla should be listed along with Edison.

112. Có lẽ Tesla nên được liệt kê cùng với Edison.

Three more parts of the same formula have still to come, and will embody all that it is possible or safe for man to know anent the physical plane manifestation of electricity during the fifth subrace.

Ba phần nữa của cùng công thức ấy vẫn còn phải đến, và sẽ bao hàm tất cả những gì con người có thể hoặc an toàn để biết liên quan đến sự biểu hiện của điện trên cõi hồng trần trong giống dân phụ thứ năm.

113. We are not, however, told when this revelation will emerge. We may presume that some of it must necessarily emerge in the Aquarian Age (strongly expressive of the fifth ray).

113. Tuy nhiên, chúng ta không được cho biết khi nào sự mặc khải này sẽ xuất hiện. Chúng ta có thể giả định rằng một phần nào đó của nó nhất thiết phải xuất hiện trong Kỷ Nguyên Bảo Bình (biểu lộ mạnh mẽ cung năm).

114. It is interesting that we are dealing with *fifths* and with scientific revelations related to the fifth ray (and to the seventh ray considered as the fifth aspect of the brahmic series of rays).

114. Thật thú vị khi chúng ta đang bàn đến các *con số năm* và những sự mặc khải khoa học liên hệ với cung năm (và với cung bảy được xem như phương diện thứ năm của chuỗi cung brahmic).

115. We can wonder if some of the revelations of quantum physics fit into this category and concern the formula under discussion.

115. Chúng ta có thể tự hỏi liệu một số mặc khải của vật lý lượng tử có phù hợp với loại này và liên quan đến công thức đang được bàn đến hay không.

All that we have here considered covers the time till the coming in of the new subrace.

Tất cả những gì chúng ta đã xem xét ở đây bao trùm thời gian cho đến khi giống dân phụ mới đi vào.

116. The expected subrace is the *sixth*.

116. Giống dân phụ được mong đợi là giống dân phụ thứ *sáu*.

This [sub] race will summarise and carry to a temporary conclusion the manasic effort of the fifth rootrace of mental growth, and will cause results of stupendous import.

Giống dân [phụ] này sẽ **tổng kết và đưa đến một kết luận tạm thời** nỗ lực manas của giống dân gốc thứ năm về sự tăng trưởng trí tuệ, và sẽ gây ra những kết quả có tầm quan trọng phi thường.

117. It seems there will be a hiatus in relation to strictly manasic effort (following a summarization). Such effort, we might predict, would resume in fullness with the advent of the seventh subrace since the numbers five and seven are in resonant accord.

117. Có vẻ như sẽ có một khoảng gián đoạn liên quan đến nỗ lực thuần manas (sau một sự tổng kết). Chúng ta có thể dự đoán rằng nỗ lực ấy sẽ lại tiếp tục trọn vẹn với sự xuất hiện của giống dân phụ thứ bảy vì các con số năm và bảy cộng hưởng hài hòa với nhau.

During the sixth subrace, the emphasis will not be so much on the development of mind, as it will be on the utilisation of the concrete mind, and its acquired faculty, for the development of the powers of abstract thought.

Trong giống dân phụ thứ sáu, trọng tâm sẽ không đặt nhiều vào sự phát triển của trí tuệ, mà vào việc sử dụng trí cụ thể, và năng lực đã đạt được của nó, để phát triển các quyền năng của tư tưởng trừu tượng.

118. We see in this prediction the blending of the fifth and third rays. The third ray is, in a way, the 'higher octave' of the fifth. As well, the number *three* is closely related to the number *six*.

118. Chúng ta thấy trong dự đoán này sự hòa trộn của cung năm và cung ba. Cung ba, theo một nghĩa nào đó, là 'quãng tám cao hơn' của cung năm. Đồng thời, con số *ba* có liên hệ chặt chẽ với con số *sáu*.

119. It is the *manner* in which the concrete mind is to be used that will make progress in the sixth subrace unlike mental development in former cycles.

119. Chính *cách thức* mà trí cụ thể sẽ được sử dụng sẽ làm cho sự tiến bộ trong giống dân phụ thứ sáu khác với sự phát triển trí tuệ trong các chu kỳ trước.

120. The formulations of the abstract mind are far more useful and convincing when based upon solid, rational concrete thinking.

120. Những công thức của trí trừu tượng hữu ích và thuyết phục hơn nhiều khi được đặt trên nền tảng của tư duy cụ thể vững chắc và hợp lý.

Perhaps too much importance has been attached to the statement of some occult writers that the sixth subrace will be

Có lẽ quá nhiều tầm quan trọng đã được gán cho phát biểu của một số tác giả huyền bí học rằng giống dân phụ thứ sáu sẽ có trực

intuitive. The intuition will be awakening, and will be more prominent than now, but the outstanding characteristic will be the ability of the units of the sixth subrace to think in abstract terms, and to use the abstract mind.

giác. Trực giác sẽ thức tỉnh, và sẽ nổi bật hơn hiện nay, nhưng đặc tính nổi bật sẽ là khả năng của các đơn vị trong giống dân phụ thứ sáu suy nghĩ bằng những thuật ngữ trừu tượng, và sử dụng trí trừu tượng.

121. This is an important caveat; intuition will wax during the sixth subrace of the fifth root race, but the number six is one of the abstract rays (Abstract Idealism), and is thus influential in promoting abstract mentality.

121. Đây là một sự dè dặt quan trọng; trực giác sẽ tăng trưởng trong giống dân phụ thứ sáu của giống dân gốc thứ năm, nhưng số sáu là một trong các cung trừu tượng (Chủ nghĩa Duy Tâm trừu tượng), và vì vậy có ảnh hưởng trong việc thúc đẩy trí tuệ trừu tượng.

122. Thought will become comprehensive, encompassing. Groups of related factors will be related to other groups of related factors.

122. Tư tưởng sẽ trở nên toàn diện, bao quát. Những nhóm yếu tố có liên hệ sẽ được liên hệ với những nhóm yếu tố có liên hệ khác.

123. Instead of relating things to each other, there will develop a capacity to *relate relationships.*

123. Thay vì liên hệ các sự vật với nhau, sẽ phát triển một khả năng *liên hệ các mối liên hệ.*

124. The true occultist is reserved in his expectations. DK has presented us with a reservation which must be contemplated.

124. Nhà huyền bí học chân chính dè dặt trong các kỳ vọng của mình. Chân sư DK đã trình bày cho chúng ta một sự dè dặt cần phải được chiêm ngưỡng.

125. Regardless of our present racial form, do we find ourselves entering into the process described—the utilization of the acquired faculty of the concrete mind as the basis for the cultivation of abstract thought?

125. Bất kể hình thể nhân loại hiện nay của chúng ta ra sao, liệu chúng ta có thấy mình đang bước vào tiến trình được mô tả—sử dụng năng lực đã đạt được của trí cụ thể làm nền tảng cho việc vun bồi tư tưởng trừu tượng hay không?

Their function will be to perfect (as far as may be in this round) [Page 457] the group antaskarana,53 or the link between the mental and the buddhic.

Chức năng của họ sẽ là hoàn thiện (xa đến mức có thể trong cuộc tuần hoàn này) [Page 457] antahkarana nhóm,53 hay chiếc cầu nối giữa cõi trí và cõi Bồ đề.

126. The initial task is the perfection of the *first* aspect of the *second* phase of antahkaranic development. We might call

126. Nhiệm vụ ban đầu là sự hoàn thiện phương diện *thứ nhất* của giai đoạn *thứ hai* trong sự phát triển antahkarana. Chúng ta

the first phase simply the link with the soul within the causal body.

có thể gọi giai đoạn thứ nhất đơn giản là sự nối kết với linh hồn bên trong thể nguyên nhân.

127. The second and third phases of antahkaranic development relate to contact with the buddhic permanent atom and the atmic permanent atom, and consequently, increasing access to those triadal faculties.

127. Giai đoạn thứ hai và thứ ba của sự phát triển antahkarana liên hệ đến sự tiếp xúc với nguyên tử trường tồn Bồ đề và nguyên tử trường tồn atma, và do đó là sự tiếp cận ngày càng tăng đối với các năng lực của Tam nguyên tinh thần ấy.

128. There is no true abstract thinking unless the antahkarana is functioning.

128. Không có tư tưởng trừu tượng chân chính nào nếu antahkarana không hoạt động.

129. But the task demanded actually goes farther. True *group* consciousness is an aspect of *soul* consciousness. The essence of soul consciousness is buddhic. If group consciousness is to be cultivated and expanded, it must be nourished by the buddhic energy.

129. Nhưng nhiệm vụ được đòi hỏi thực ra còn đi xa hơn. Tâm thức *nhóm* chân chính là một phương diện của tâm thức *linh hồn*. Tinh túy của tâm thức linh hồn là Bồ đề. Nếu tâm thức nhóm phải được vun bồi và mở rộng, nó phải được nuôi dưỡng bởi năng lượng Bồ đề.

130. Therefore, the work during the sixth subrace will demand the extension of the antahkarana from the manasic permanent atom to the buddhic permanent atom—really the cultivation of buddhi-manas. This suggests the transition from the building and use of the 'individual' antahkarana to the building and use of the *group* antahkarana.

130. Do đó, công việc trong giống dân phụ thứ sáu sẽ đòi hỏi sự mở rộng antahkarana từ nguyên tử trường tồn manas đến nguyên tử trường tồn Bồ đề—thực sự là sự vun bồi buddhi-manas. Điều này gợi ý sự chuyển tiếp từ việc xây dựng và sử dụng antahkarana 'cá nhân' sang việc xây dựng và sử dụng antahkarana *nhóm*.

131. Buddhi is the sixth principle and the buddhic permanent atom is the second or sixth permanent atom (depending on how we count).

131. Bồ đề là nguyên khí thứ sáu và nguyên tử trường tồn Bồ đề là nguyên tử trường tồn thứ hai hay thứ sáu (tùy theo cách chúng ta đếm).

132. It is possible for the group together to access the manasic permanent atom and achieve a type of 'abstract group mind', but group consciousness must be nourished by buddhi.

132. Nhóm có thể cùng nhau tiếp cận nguyên tử trường tồn manas và đạt được một loại 'trí tuệ nhóm trừu tượng', nhưng tâm thức nhóm phải được nuôi dưỡng bởi Bồ đề.

133. So, individually, the members of the sixth subrace cultivate abstract thought and utilize the manasic permanent atom; collectively and within their soul-inspired groups, the member of the sixth subrace cultivate the relationship between higher manas and buddhi.

133. Vì vậy, về mặt cá nhân, các thành viên của giống dân phụ thứ sáu vun bồi tư tưởng trừu tượng và sử dụng nguyên tử trường tồn manas; về mặt tập thể và trong các nhóm được linh hồn truyền cảm hứng của họ, thành viên của giống dân phụ thứ sáu vun bồi mối liên hệ giữa thượng manas và Bồ đề.

134. Thus, are the numbers five, six, three and two blended in the destined achievements of the sixth subrace.

134. Như thế, các con số năm, sáu, ba và hai được hòa trộn trong những thành tựu đã được định sẵn của giống dân phụ thứ sáu.

a. Five—the concrete mind is the basis for the work undertaken—the antahkaranic work. The sixth subrace is the sixth subrace of the *fifth* root race.

a. Năm—trí cụ thể là nền tảng cho công việc được đảm nhận—công việc antahkarana. Giống dân phụ thứ sáu là giống dân phụ thứ sáu của giống dân gốc *thứ năm*.

b. Six—we are dealing with the sixth subrace and with the influence of the sixth principle —the buddhic principle

b. Sáu—chúng ta đang bàn đến giống dân phụ thứ sáu và ảnh hưởng của nguyên khí thứ sáu—nguyên khí Bồ đề

c. Three—the abstract mind (which will be cultivated during the sixth subrace of the fifth root race) is the triadal vehicle generically expressive of the third ray.

c. Ba—trí trừu tượng (sẽ được vun bồi trong giống dân phụ thứ sáu của giống dân gốc thứ năm) là vận cụ tam nguyên tinh thần biểu lộ một cách tổng quát cung ba.

d. Two—the number two suggests group consciousness, and thus the group approach to the building of the antahkarana.

d. Hai—con số hai gợi ý tâm thức nhóm, và do đó gợi ý cách tiếp cận theo nhóm đối với việc xây dựng antahkarana.

53: Antahkarana is the lower manas, the path of communication between the personality and the higher manas, or human soul.—H. P. Blavatsky.

53: Antahkarana là hạ manas, con đường thông giao giữa phàm ngã và thượng manas, hay linh hồn con người.—H. P. Blavatsky.

135. HPB may be speaking of the first phrase of antahkarana development. The soul within the causal body is, in some measure, an expression of higher manas. The atomic sub-plane of the mental plane and the manasic permanent atom must, however, be accessed before higher manas, per se,

135. HPB có thể đang nói về giai đoạn đầu tiên của sự phát triển antahkarana. Linh hồn bên trong thể nguyên nhân, ở một mức độ nào đó, là một biểu hiện của thượng manas. Tuy nhiên, cõi phụ nguyên tử của cõi trí và nguyên tử trường tồn manas phải được tiếp cận trước khi chính thượng manas trở thành

becomes part of the disciple's accessible faculties.

một phần trong các năng lực mà đệ tử có thể tiếp cận được.

This bridge will be of a usable nature during the sixth rootrace in which the intuition will show real and general signs of existing.

Chiếc cầu này sẽ có tính khả dụng trong giống dân gốc thứ sáu, trong đó trực giác sẽ cho thấy những dấu hiệu thực sự và phổ biến của sự hiện hữu.

136. The antahkaranic bridge is not yet generally of a useable nature. This will change in the sixth subrace.

136. Chiếc cầu antahkarana hiện nay chưa có tính khả dụng một cách phổ biến. Điều này sẽ thay đổi trong giống dân phụ thứ sáu.

137. Limitations are placed on our expectations with regard to expression of intuition. Intuition in fullness will not appear during the sixth subrace, but during the sixth *root race*, real (and general) signs of its existence will be noted.

137. Những giới hạn được đặt ra cho các kỳ vọng của chúng ta liên quan đến sự biểu lộ của trực giác. Trực giác trong sự viên mãn sẽ không xuất hiện trong giống dân phụ thứ sáu, mà trong giống dân gốc thứ sáu, những dấu hiệu thực sự (và phổ biến) về sự hiện hữu của nó sẽ được ghi nhận.

In this rootrace, units only show signs here and there of real intuition, having built the necessary bridge in their individual selves.

Trong giống dân gốc này, chỉ các đơn vị riêng lẻ mới cho thấy đây đó những dấu hiệu của trực giác thực sự, vì đã xây dựng chiếc cầu cần thiết trong bản thân cá nhân của họ.

138. DK is telling us that (in our present subrace) the construction and utilization of the group antahkarana is rare.

138. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng (trong giống dân phụ hiện nay của chúng ta) việc xây dựng và sử dụng antahkarana nhóm là hiếm hoi.

139. Some individuals have built the bridge to manas and even to buddhi (and so, for those, there will be signs of intuition).

139. Một số cá nhân đã xây dựng chiếc cầu đến manas và thậm chí đến Bồ đề (và vì vậy, nơi những người ấy, sẽ có những dấu hiệu của trực giác).

In the sixth rootrace small groups will be intuitive.

Trong giống dân gốc thứ sáu, các nhóm nhỏ sẽ có trực giác.

140. If we are to look for a real expression of group intuition, we will, it seems have to wait until the sixth *root race* (not subrace)

140. Nếu chúng ta muốn tìm kiếm một biểu hiện thực sự của trực giác nhóm, thì có vẻ như chúng ta sẽ phải chờ đến giống dân gốc thứ sáu (không phải giống dân phụ) và các

and the groups demonstrating intuition will be small.

nhóm biểu lộ trực giác sẽ là những nhóm nhỏ.

It is needless to say more here anent the influence of the seventh Ray upon the sons of men. More later may be available but enough has been suggested to form the basis of useful speculation.

Không cần nói thêm ở đây về ảnh hưởng của cung bảy đối với những người con của nhân loại. Về sau có thể sẽ có thêm điều được cung cấp, nhưng những gì đã được gợi ra là đủ để hình thành nền tảng cho sự suy đoán hữu ích.

141. And speculation is expected of us. What is speculation as it applies to the field of occultism? We might say that the student of occultism, based upon any knowledge or wisdom with respect to which he feels a degree of certainty, projects hypotheses concerning that about which he knows less, little or nothing.

141. Và chúng ta được mong đợi phải suy đoán. Suy đoán là gì khi áp dụng vào lĩnh vực huyền bí học? Chúng ta có thể nói rằng đạo sinh huyền bí học, dựa trên bất kỳ tri thức hay minh triết nào mà y cảm thấy có một mức độ chắc chắn, phóng chiếu các giả thuyết về điều mà y biết ít hơn, rất ít, hoặc không biết gì cả.

142. Reasonable certainty is his platform; following the laws of reason and analogy, he formulates that which may be possible in relation to other spheres of experience into which he cannot yet enter experientially.

142. Sự chắc chắn hợp lý là nền tảng của y; theo các định luật của lý trí và tương đồng, y hình thành điều có thể có liên quan đến những lĩnh vực kinh nghiệm khác mà y chưa thể bước vào bằng kinh nghiệm trực tiếp.

b. Animals and human beings and the Rays.

b. Động vật và con người và các cung.

143. VSK observes: "[note that point *a. Ray Effects,* was on page 427 – review the Division B table of contents on p. 343, IV the *Future of Manas,* to refresh our context.]"

143. VSK nhận xét: "[lưu ý rằng mục *a. Các Hiệu Ứng của Cung,* ở trang 427 – hãy xem lại mục lục Phân bộ B ở trang 343, IV *Tương Lai của Manas,* để làm mới lại bối cảnh của chúng ta.]"

We will now take up two points and study the effect of the incoming force on the human and animal kingdoms.

Bây giờ chúng ta sẽ đề cập đến hai điểm và nghiên cứu hiệu quả của mãnh lực đang đi vào trên giới nhân loại và giới động vật.

144. We have considered principally the human kingdom and are now to include the animal kingdom *and* the deva evolution.

144. Chúng ta đã xem xét chủ yếu giới nhân loại và giờ đây sẽ bao gồm cả giới động vật *và* tiến hoá deva.

These points are of profound interest to the occult student for two reasons. The topic we have now to consider is the effect of the incoming seventh Ray during the coming centuries upon the animal kingdom and the deva evolution.

Những điểm này có mối quan tâm sâu xa đối với đạo sinh huyền bí học vì hai lý do. Chủ đề mà giờ đây chúng ta phải xem xét là hiệu quả của cung bảy đang đi vào trong các thế kỷ sắp tới trên giới động vật và tiến hoá deva.

145. There are certain devic lives who pursue the path to self-consciousness through initial entry into the animal kingdom. (cf. TCF 844)

145. Có một số sự sống deva theo đuổi con đường đến ngã thức qua việc bước vào ban đầu trong giới động vật. (x. TCF 844)

The profundity of the interest lies in the fact that

Tính sâu xa của mối quan tâm nằm ở chỗ

in the one case we are dealing with the evolution immediately behind the human and from which man is not as yet wholly emancipated, and

trong trường hợp thứ nhất chúng ta đang bàn đến tiến hoá ở ngay phía sau con người và từ đó con người vẫn chưa hoàn toàn giải thoát, và

146. This is an important point. At the third initiation a tremendous struggle arises in the life of the would-be initiate because of the influences of Mars and the Moon in relation to the more progressive forces which are attempting to 'win' his consciousness.

146. Đây là một điểm quan trọng. Ở lần điểm đạo thứ ba, một cuộc đấu tranh to lớn phát sinh trong đời sống của người sắp trở thành điểm đạo đồ vì các ảnh hưởng của Sao Hỏa và Mặt Trăng trong liên hệ với những mãnh lực tiến bộ hơn đang cố gắng 'chiếm lấy' tâm thức của y.

147. Mars and the Moon are two 'planets' (at least one of them is), closely related to the animal kingdom.

147. Sao Hỏa và Mặt Trăng là hai 'hành tinh' (ít nhất một trong hai là như vậy), có liên hệ chặt chẽ với giới động vật.

148. The personality of man, with its four lunar elementals, is very much the *animal* in man. Both Mars and the Moon are rulers of these four elementals.

148. Phàm ngã của con người, với bốn hành khí nguyệt tinh quân của nó, rất nhiều là phần *động vật* trong con người. Cả Sao Hỏa lẫn Mặt Trăng đều là các chủ tinh của bốn hành khí này.

149. Two of the elementals, the physical and astral elementals, are strictly animal in their nature and represent faculties which

149. Hai trong số các hành khí ấy, hành khí thể xác và hành khí cảm dục, có bản chất hoàn toàn động vật và biểu hiện những năng

belonged to the animal before he was individualized.

lực vốn thuộc về con vật trước khi nó được biệt ngã hóa.

150. At the third degree we become, in large measure, emancipated from the animal kingdom within us—interestingly the third kingdom.

150. Ở bậc ba, chúng ta phần lớn được giải thoát khỏi giới động vật bên trong mình—điều thú vị là giới thứ ba.

in the other we are concerning ourselves with a paralleling evolution, and one that is of vast importance in the scheme of things.

trong trường hợp kia chúng ta đang quan tâm đến một tiến hoá song hành, và **một tiến hoá có tầm quan trọng to lớn trong hệ thống sự vật.**

151. We are going to focus on two evolutions in relation to man (using for our context the effects of the incoming seventh ray which will affect these two evolutions *and* the human evolution as well).

151. Chúng ta sẽ tập trung vào hai tiến hoá trong liên hệ với con người (lấy làm bối cảnh cho chúng ta các hiệu quả của cung bảy đang đi vào, vốn sẽ ảnh hưởng đến hai tiến hoá này *và* cả tiến hoá nhân loại nữa).

152. DK mentions the "vast importance" of the deva kingdom—an importance to which humanity is only now awakening.

152. Chân sư DK nhắc đến "tầm quan trọng to lớn" của giới deva—một tầm quan trọng mà nhân loại chỉ mới đang thức tỉnh để nhận ra.

Let us take up first this *seventh Ray and its effect upon the animal kingdom.*

Trước hết, chúng ta hãy đề cập đến *cung bảy này và hiệu quả của nó trên giới động vật.*

Practically little is known to man concerning this kingdom of nature, save what science has vouchsafed anent the physical organisms, and a few occult statements which have been given out at various times; **the development of the animal consciousness and its immediate future is as yet but little understood.**

Trên thực tế, con người biết rất ít về giới tự nhiên này, ngoại trừ những gì khoa học đã ban cho liên quan đến các cơ thể hồng trần, và một vài phát biểu huyền bí học đã được đưa ra vào nhiều thời điểm khác nhau; **sự phát triển của tâm thức động vật và tương lai gần của nó cho đến nay vẫn còn rất ít được thấu hiểu.**

153. The animal kingdom is the kingdom closest to us. In fact we incorporate the animal within our nature analogously to the incorporation of the Moon-chain (the former third) within our Earth-chain (the present fourth).

153. Giới động vật là giới gần chúng ta nhất. Thật vậy, chúng ta bao hàm phần động vật trong bản chất mình, tương tự như việc bao hàm Dãy Mặt Trăng (dãy thứ ba trước đây) trong Dãy Địa Cầu của chúng ta (dãy thứ tư hiện nay).

154. For all our apparent familiarity with the animal kingdom, our knowledge of it is actually superficial.

154. Dù bề ngoài chúng ta có vẻ rất quen thuộc với giới động vật, tri thức của chúng ta về giới này thật ra vẫn hời hợt.

The most important of the occult facts concerning this [Page 458] third kingdom as they relate to our present subject, may be enumerated as follows:

Những sự kiện huyền bí quan trọng nhất liên quan đến [Page 458] giới thứ ba này, xét theo mối liên hệ của nó với chủ đề hiện tại của chúng ta, có thể được liệt kê như sau:

1. **The animal kingdom holds the same relation to the human kingdom as the dense physical body does to the seven principles** and still finds its connecting link with man through the close correspondence between their bodies of objectivity.

1. **Giới động vật giữ cùng một mối liên hệ với giới nhân loại như thể xác đậm đặc đối với bảy nguyên khí** và vẫn tìm thấy mối liên kết của nó với con người qua sự tương ứng chặt chẽ giữa các thể khách quan của họ.

155. This statement elevates the human kingdom far above the animal.

155. Khẳng định này nâng giới nhân loại lên rất cao so với giới động vật.

156. (Interestingly, in astrology, the Moon stands occultly for the dense *physical* body—though it has other meanings).

156. (Điều thú vị là, trong chiêm tinh học, Mặt Trăng một cách huyền bí tượng trưng cho thể *hồng trần* đậm đặc—dù nó còn có những ý nghĩa khác).

157. The physical body (his animal body in the strictest sense) is not a principle and, in relation to the human kingdom the animal kingdom is not a principle.

157. Thể xác (thể động vật của y theo nghĩa nghiêm ngặt nhất) không phải là một nguyên khí, và trong tương quan với giới nhân loại, giới động vật cũng không phải là một nguyên khí.

158. Animals and humans are directly related through the animal body of the human being which is very similar to the physical body of the animal—as comparative anatomy will reveal.

158. Động vật và con người liên hệ trực tiếp với nhau qua thể động vật của con người, vốn rất giống với thể xác của động vật—như giải phẫu học so sánh sẽ cho thấy.

159. We remind ourselves that we are here speaking of *kingdoms* and their relation. We are not speaking of specific forms.

159. Chúng ta hãy tự nhắc mình rằng ở đây chúng ta đang nói về các *giới* và mối liên hệ của chúng. Chúng ta không nói về những hình tướng cụ thể.

2. The animal kingdom is the third of the kingdoms and is (from the esoteric point of view and as regards its relation to mankind) the mother aspect, prior to the overshadowing by the Holy Spirit, the manas aspect.

2. Giới động vật là giới thứ ba trong các giới và (xét từ quan điểm huyền bí và về mối liên hệ của nó với nhân loại) là phương diện mẹ, trước khi được Chúa Thánh Thần phủ bóng, tức phương diện manas.

160. The Holy Spirit and Mother are often but not always differentiated.

160. Chúa Thánh Thần và Mẹ thường được phân biệt với nhau, nhưng không phải lúc nào cũng vậy.

161. It is possible to relate the Holy Spirit to the etheric body and the mother aspect to the strictly material aspect of man.

161. Có thể liên hệ Chúa Thánh Thần với thể dĩ thái và phương diện mẹ với phương diện vật chất thuần túy của con người.

162. Here another step is taken and the Holy Spirit is related to the "manas aspect".

162. Ở đây có thêm một bước nữa, và Chúa Thánh Thần được liên hệ với "phương diện manas".

163. The coming of the Solar Angels, then, was like the overshadowing of the Holy Spirit.

163. Vì vậy, sự giáng lâm của các Thái dương Thiên Thần giống như sự phủ bóng của Chúa Thánh Thần.

164. From the animal kingdom (acting as mother) the human kingdom is born, through the addition of manas facilitated by the intervention of the overshadowing Solar Angels (the Holy Spirit aspect, in this case).

164. Từ giới động vật (hoạt động như mẹ), giới nhân loại được sinh ra, nhờ sự bổ sung của manas được tạo điều kiện bởi sự can thiệp của các Thái dương Thiên Thần phủ bóng (trong trường hợp này là phương diện Chúa Thánh Thần).

165. It is fascinating to think of the resemblance between the Solar Angels and the Holy Spirit. The connection is via manas.

165. Thật hấp dẫn khi suy nghĩ về sự tương đồng giữa các Thái dương Thiên Thần và Chúa Thánh Thần. Mối liên hệ là qua manas.

Think out this resemblance, and trace the analogy between the cosmic mother, the systemic mother, and the same mother aspect as seen in the animal kingdom as a basis for the evolution of man.

Hãy suy xét sự tương đồng này, và truy tìm phép loại suy giữa người mẹ vũ trụ, người mẹ hệ thống, và chính phương diện mẹ ấy như được thấy trong giới động vật như một nền tảng cho sự tiến hoá của con người.

166. From the cosmic mother the Cosmic Son is born (the Cosmic Logos is His soul

166. Từ người mẹ vũ trụ, Đứa Con Vũ Trụ được sinh ra (Đấng Logos Vũ Trụ là phương

aspect). From the systemic mother the 'Solar Son' is born—our Solar Logos considered as a Grand Heavenly Man.

diện linh hồn của Ngài). Từ người mẹ hệ thống, "Đứa Con Thái Dương" được sinh ra—Thái dương Thượng đế của chúng ta được xem như một Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại.

167. What is the cosmic kingdom (analogous to the animal kingdom) that precedes the emergence of the Cosmic Man? What is the solar systemic kingdom (equally analogous) that precedes the emergence of 'Solar Man'?

167. Giới vũ trụ nào (tương tự với giới động vật) đi trước sự xuất hiện của Con Người Vũ Trụ? Giới hệ thống thái dương nào (cũng tương tự như vậy) đi trước sự xuất hiện của "Con Người Thái Dương"?

168. The eighteen lower cosmic sub-planes, or perhaps even the lower fourteen cosmic sub-planes, must play a role in the emergence of the 'Solar Son' (in His cosmic causal body), analogous to the role of the eighteen or fourteen lower systemic sub-planes in the emergence of a human being in his causal body on the systemic higher mental plane).

168. Mười tám cõi phụ vũ trụ thấp hơn, hoặc có lẽ ngay cả mười bốn cõi phụ vũ trụ thấp hơn, hẳn phải giữ một vai trò trong sự xuất hiện của "Đứa Con Thái Dương" (trong thể nguyên nhân vũ trụ của Ngài), tương tự với vai trò của mười tám hay mười bốn cõi phụ hệ thống thấp hơn trong sự xuất hiện của một con người trong thể nguyên nhân của y trên Cõi thượng trí của hệ thống).

169. The implication is that there is a 'Solar Animal' Kingdom preceding the 'Solar Human Kingdom in which the Grand Heavenly Man is a 'Man') just as there is an animal kingdom preceding the fourth systemic kingdom in which a human being is a man.

169. Hàm ý ở đây là có một giới "Động Vật Thái Dương" đi trước "Giới Nhân Loại Thái Dương" (trong đó Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại là một "Con Người"), cũng như có một giới động vật đi trước giới thứ tư của hệ thống, trong đó một con người là một con người.

170. There is obviously a *cosmic* extension, but at what level shall we pitch the word "cosmic"?

170. Hiển nhiên có một sự mở rộng *vũ trụ*, nhưng chúng ta nên đặt từ "vũ trụ" ở cấp độ nào?

171. It is possible to conceive of a 'Cosmic Animal' Kingdom which utilizes fourteen or (possibly eighteen) *cosmic planes* (not just cosmic *sub-planes*—which are equivalent in scope to our systemic planes) but actual *cosmic* planes. This would naturally take us into *super-cosmic* planes, in relation to which what we call *cosmic* planes are actually sub-planes.

171. Có thể hình dung một giới "Động Vật Vũ Trụ" sử dụng mười bốn hoặc (có thể là mười tám) *cõi vũ trụ* (không chỉ là các *cõi phụ* vũ trụ—vốn tương đương về phạm vi với các cõi hệ thống của chúng ta) mà là những cõi *vũ trụ* thực sự. Điều này tự nhiên sẽ đưa chúng ta vào các cõi *siêu vũ trụ*, mà xét theo đó, những gì chúng ta gọi là các cõi *vũ trụ* thật ra chỉ là các cõi phụ.

172. The individualization of the Planetary Logos (*as* a *Planetary Logos* and *not* as a human being) and the individualization of the Solar Logos (*as* a *Solar Logos* and *not* as a human being) must be related to Their emergence from that particular greater Kingdom (expressing through certain cosmic planes) which could be called (in relation to Them) a 'predecessory' Animal Kingdom.

172. Sự biệt ngã hóa của Đức Hành Tinh Thượng Đế (*với tư cách* là một *Hành Tinh Thượng Đế* chứ *không* phải như một con người) và sự biệt ngã hóa của Thái dương Thượng đế (*với tư cách* là một *Thái dương Thượng đế* chứ *không* phải như một con người) hẳn phải liên hệ với sự xuất hiện của Các Ngài từ giới lớn hơn đặc thù ấy (biểu lộ qua những cõi vũ trụ nhất định), giới có thể được gọi (trong tương quan với Các Ngài) là một giới động vật "tiền nhiệm".

173. We need to think in terms of—

173. Chúng ta cần suy nghĩ theo các thuật ngữ sau—

a. The Cosmic Animal and its Kingdom

a. Động Vật Vũ Trụ và giới của nó

b. The Systemic Animal and its Kingdom

b. Động Vật Hệ Thống và giới của nó

c. The terrestrial animal (and what we customarily call the "Third Kingdom in Nature")

c. động vật địa cầu (và điều mà chúng ta thường gọi là "Giới Thứ Ba trong Thiên Nhiên")

174. Perhaps some clue will come to us if we think of individualization as a kind of "first recognition" of participation within a new type of consciousness. For the Planetary Logos, individualization our a predecessory animal kingdom would mean His first recognition of Himself *as a group.* For a Solar Logos, individualization would mean His first recognition of Himself as a systemic Being—Whom we call "the One" (the Microcosm).

174. Có lẽ một đầu mối nào đó sẽ đến với chúng ta nếu chúng ta nghĩ về biệt ngã hóa như một loại "sự nhận biết đầu tiên" về việc tham dự vào một loại tâm thức mới. Đối với Đức Hành Tinh Thượng Đế, sự biệt ngã hóa trong một giới động vật tiền nhiệm sẽ có nghĩa là sự nhận biết đầu tiên của Ngài về chính Ngài *như một nhóm.* Đối với một Thái dương Thượng đế, sự biệt ngã hóa sẽ có nghĩa là sự nhận biết đầu tiên của Ngài về chính Ngài như một Hữu thể hệ thống—Đấng mà chúng ta gọi là "Đấng Duy Nhất" (Tiểu thiên địa).

Each of the kingdoms of nature acts as the mother to the succeeding one in the evolutionary process.

Mỗi giới trong thiên nhiên hoạt động như người mẹ đối với giới kế tiếp trong tiến trình tiến hoá.

175. A mother produces the vehicle of her child out of her very own substance.

175. Một người mẹ tạo ra vận cụ của con mình từ chính chất liệu của mình.

176. Can we utilize this analogy (so evident between the third and fourth kingdoms) in relation to the birth of the fifth kingdom from the fourth, or the birth of the sixth from the fifth?

176. Chúng ta có thể vận dụng phép loại suy này (rõ ràng giữa giới thứ ba và thứ tư) vào sự sinh ra của giới thứ năm từ giới thứ tư, hay sự sinh ra của giới thứ sáu từ giới thứ năm hay không?

177. The members of the fifth kingdom still utilize the inner vehicles of the members of the fourth, but those vehicles are subtly changed and vitalized by the fifth factor which characterizes the members of the fifth kingdom—higher manas in the form of solar fire.

177. Các thành viên của giới thứ năm vẫn sử dụng các vận cụ bên trong của các thành viên giới thứ tư, nhưng những vận cụ ấy được thay đổi một cách vi tế và được tiếp sinh lực bởi yếu tố thứ năm vốn đặc trưng cho các thành viên của giới thứ năm—thượng manas dưới hình thức lửa Thái dương.

178. The members of the sixth kingdom of nature (Planetary Lives) still utilize the inner vehicles of the members of the fifth (vehicles made of triadal substance) but those vehicles are subtly changed and vitalized by factor which distinguished the Planetary Lives—namely, the presence of the Monad as an expressive factor.

178. Các thành viên của giới thứ sáu trong thiên nhiên (Các Sự Sống Hành tinh) vẫn sử dụng các vận cụ bên trong của các thành viên giới thứ năm (những vận cụ được tạo bằng chất liệu tam nguyên tinh thần), nhưng những vận cụ ấy được thay đổi một cách vi tế và được tiếp sinh lực bởi yếu tố phân biệt Các Sự Sống Hành tinh—tức là sự hiện diện của chân thần như một yếu tố biểu đạt.

179. Of course members of the sixth kingdom can drop their triadal vehicles, too, and still remain members of the sixth kingdom. Similarly, members of the fifth kingdom can drop their animal body and still remain members of the fifth kingdom—as many Masters do.

179. Dĩ nhiên, các thành viên của giới thứ sáu cũng có thể bỏ các vận cụ tam nguyên tinh thần của mình mà vẫn là thành viên của giới thứ sáu. Tương tự, các thành viên của giới thứ năm có thể bỏ thể động vật của mình mà vẫn là thành viên của giới thứ năm—như nhiều Chân sư vẫn làm.

Any group, which may be under consideration, should in due course of evolution give birth to offspring, who will—in themselves—embody some ideal, and who receive their objective forms on some plane from the earlier group.

Bất kỳ nhóm nào đang được xem xét, **đến đúng tiến trình tiến hoá của nó sẽ sinh ra hậu duệ,** những hậu duệ mà—tự nơi chính mình—sẽ thể hiện một lý tưởng nào đó, và **những kẻ nhận được các hình tướng khách**

quan của mình trên một cõi nào đó từ nhóm đi trước.

180. The offspring are higher then the parent which gave birth to them. The offspring receive their "objective forms" from the parent, who in this case is a member of an earlier group—earlier than the group to which the offspring (now) belongs.

180. Hậu duệ cao hơn cha mẹ đã sinh ra chúng. Hậu duệ nhận được "các hình tướng khách quan" của mình từ cha mẹ, mà trong trường hợp này là một thành viên của một nhóm đi trước—đi trước nhóm mà hậu duệ ấy (nay) thuộc về.

181. It is interesting—the egg gives birth to the chicken, but perhaps the reptile laid the egg! The principle of mutation must be understood.

181. Điều này thật thú vị—trứng sinh ra gà, nhưng có lẽ loài bò sát đã đẻ ra trứng! Nguyên lý đột biến phải được thấu hiểu.

From the third kingdom springs the fourth, and from this fourth will emerge the fifth,

Từ giới thứ ba nảy sinh giới thứ tư, và từ giới thứ tư này sẽ xuất hiện giới thứ năm,

182. As suggested…

182. Như đã gợi ý…

each receiving

mỗi giới đều nhận được

a. Germ protection,

a. Sự bảo vệ mầm sống,

183. This is the protection of that which germinates, eventually, into the destined form. The embryo is protected within the mother for a certain duration before birth into the external world.

183. Đây là sự bảo vệ dành cho điều đang nảy mầm, cuối cùng thành hình tướng đã được định sẵn. Bào thai được bảo vệ trong người mẹ một thời gian nhất định trước khi sinh vào thế giới bên ngoài.

b. Form,

b. Hình tướng,

184. This is the *lunar* factor related to the signs Cancer and Virgo, both ruled by the Moon (Virgo esoterically).

184. Đây là yếu tố *nguyệt* liên hệ với các dấu hiệu Cự Giải và Xử Nữ, cả hai đều do Mặt Trăng cai quản (Xử Nữ theo nghĩa huyền bí).

c. Gradual development,

c. Sự phát triển dần dần,

185. This the mother oversees often at great sacrifice to herself.

185. Người mẹ giám sát điều này, thường với sự hy sinh lớn lao cho chính mình.

d. Nourishment,

186. This, the mother provides, at first from her own substance.

187. We see how the origin (i.e., the mother) provides the vehicle for the offspring and sustains that vehicle until it is sufficiently independent to sustain itself.

until in each case the human child, or the Christ child, is brought to the birth.

188. We are speaking of two kinds of birth, one physical and one metaphysical. Both types emerge from a mother:

a. The physical child emerges from the mother's body.

b. The metaphysical "Christ child" emerges from the personality considered as a kind of "mother".

This is a very occult truth, and though the facts have been recognised and taught anent the fourth and fifth kingdoms, the work and place of the animal has not received its due recognition.

189. We are long familiar with the idea that from the fourth kingdom the fifth is eventually born.

190. The role of the animal kingdom as "mother", however, has not been sufficiently appreciated.

d. Sự nuôi dưỡng,

186. Điều này, lúc đầu người mẹ cung cấp từ chính chất liệu của mình.

187. Chúng ta thấy nguồn gốc (tức người mẹ) cung cấp vận cụ cho hậu duệ và duy trì vận cụ ấy cho đến khi nó đủ độc lập để tự duy trì chính mình.

cho đến khi trong mỗi trường hợp, đứa con người hay đứa trẻ Christ được đưa đến chỗ sinh ra.

188. Chúng ta đang nói về hai loại sinh ra, một loại hồng trần và một loại siêu hình. Cả hai loại đều xuất hiện từ một người mẹ:

a. Đứa trẻ hồng trần xuất hiện từ thân thể người mẹ.

b. "Đứa trẻ Christ" siêu hình xuất hiện từ phàm ngã được xem như một loại "người mẹ".

Đây là một chân lý huyền bí sâu xa, và dù các sự kiện đã được nhận biết và giảng dạy liên quan đến giới thứ tư và thứ năm, công việc và vị trí của động vật vẫn chưa nhận được sự công nhận xứng đáng.

189. Từ lâu chúng ta đã quen thuộc với ý tưởng rằng từ giới thứ tư, giới thứ năm cuối cùng được sinh ra.

190. Tuy nhiên, vai trò của giới động vật như "người mẹ" vẫn chưa được đánh giá đúng mức.

191. How would we treat the members of the animal kingdom were this fact to be in the forefront of our consciousness.

191. Chúng ta sẽ đối xử với các thành viên của giới động vật như thế nào nếu sự kiện này ở ngay tiền cảnh của tâm thức chúng ta?

192. It is important to consider (in relation to the animal kingdom) the specialized evolution of 'man' during the first two and a half root races. Man's eventual, huge animal body had, we are told, resemblance to a huge ape-like form generated in the *third* round, even though man appeared in the *fourth*.

192. Điều quan trọng là phải xem xét (liên quan đến giới động vật) sự tiến hoá chuyên biệt của "con người" trong hai giống dân gốc rưỡi đầu tiên. Thể động vật khổng lồ về sau của con người, như chúng ta được cho biết, có nét giống với một hình thể khổng lồ giống vượn được tạo ra trong cuộc tuần hoàn *thứ ba*, dù con người xuất hiện trong cuộc tuần hoàn *thứ tư*.

3. During the third rootrace, animal individualisation took place, and the self-conscious unit, called Man, came into being.

3. Trong giống dân gốc thứ ba, sự biệt ngã hóa động vật đã diễn ra, và đơn vị ngã thức, được gọi là Con Người, đã xuất hiện.

193. Individualization is often called simply that—"individualization". To call it "animal individualization" points the consciousness towards that form of life which became individualized. We are speaking of the individualization of 'animal man', or of the 'prepared' man-like animal of the period.

193. Biệt ngã hóa thường được gọi đơn giản là như vậy—"biệt ngã hóa". Gọi nó là "sự biệt ngã hóa động vật" là hướng tâm thức về hình thái sự sống đã được biệt ngã hóa. Chúng ta đang nói về sự biệt ngã hóa của "người thú", hay của động vật giống người đã được "chuẩn bị" của thời kỳ ấy.

194. We have seen above that we can speak of individualization of Beings much greater than man, and the nature of such individualization has points analogically in common but the parallel processes are not identical.

194. Ở trên chúng ta đã thấy rằng có thể nói đến sự biệt ngã hóa của những Hữu thể lớn lao hơn con người rất nhiều, và bản chất của sự biệt ngã hóa như thế có những điểm tương đồng theo phép loại suy, nhưng các tiến trình song song ấy không đồng nhất.

I have somewhat dealt with the question of [Page 459] individualisation elsewhere and seek not here to enlarge upon it.

Tôi đã phần nào bàn đến vấn đề biệt ngã hóa ở nơi khác và ở đây không tìm cách khai triển thêm về nó.

195. DK and HPB have given this subject extensive treatment, but everything they have said should be collected and studied topically so that the greatest synthesis of

195. Chân sư DK và HPB đã khảo luận rộng rãi về chủ đề này, nhưng mọi điều các vị ấy đã nói nên được tập hợp lại và nghiên cứu theo chủ đề để có thể đạt được sự tổng hợp tư tưởng lớn nhất liên quan đến đề tài này.

thought in relation to this subject may be achieved.

I would only point out a correspondence that holds hid the key to the mystery of individualisation.

196. There is a "mystery of individualization". It is, no doubt, related to the greater "Mystery of the Makara".

In this chain, individualisation took place during the third rootrace and in the fourth round, speaking in this connection of a round through a chain of globes, and not the life force of a planetary Logos circulating through the seven chains in a scheme.

197. We are not told precisely during which subrace of the third root race individualization occurred but it can be inferred, as Phillip Lindsay has done, to be the third.

198. We have long sought to substantiate the differentiation between chain rounds and scheme rounds. This section goes a long way towards confirming that differentiation.

199. A chain round is a "round through a chain of globes"—simple enough.

200. A scheme round is created by "the life force of a planetary Logos circulating through the seven chains in a scheme" (whatever may be the exact modus operandi —different models have been offered).

Tôi chỉ muốn chỉ ra một sự tương ứng đang che giấu chiếc chìa khóa của bí ẩn về biệt ngã hóa.

196. Có một "bí ẩn của biệt ngã hóa". Không nghi ngờ gì, nó có liên hệ với "Bí Nhiệm của Makara" lớn hơn.

Trong dãy này, sự biệt ngã hóa đã diễn ra trong giống dân gốc thứ ba và trong cuộc tuần hoàn thứ tư, ở đây nói đến một cuộc tuần hoàn qua một dãy các bầu hành tinh, chứ không phải sinh lực của một Đức Hành Tinh Thượng Đế lưu chuyển qua bảy dãy trong một hệ hành tinh.

197. Chúng ta không được cho biết chính xác sự biệt ngã hóa đã xảy ra trong giống dân phụ nào của giống dân gốc thứ ba, nhưng có thể suy ra, như Phillip Lindsay đã làm, rằng đó là giống dân phụ thứ ba.

198. Từ lâu chúng ta đã tìm cách xác chứng sự phân biệt giữa các cuộc tuần hoàn của dãy và các cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh. Phần này tiến rất xa trong việc xác nhận sự phân biệt ấy.

199. Một cuộc tuần hoàn của dãy là "một cuộc tuần hoàn qua một dãy các bầu hành tinh"—đủ đơn giản.

200. Một cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh được tạo ra bởi "sinh lực của một Đức Hành Tinh Thượng Đế lưu chuyển qua bảy dãy trong một hệ hành tinh" (dù phương thức vận hành chính xác có thể là gì—nhiều mô hình khác nhau đã được đề xuất).

It is of peculiar interest at this time that we are in the fourth round in a chain as well as in the fourth round as regards the scheme of seven chains.

Hiện nay điều đặc biệt đáng quan tâm là chúng ta đang ở trong cuộc tuần hoàn thứ tư trong một dãy **đồng thời cũng ở trong cuộc tuần hoàn thứ tư xét theo hệ hành tinh gồm bảy dãy.**

201. This is a section even more confirmatory than the last. Two types of rounds are clearly delineated—one occurring through the globes of a chain and the other through the chains of a planetary scheme.

201. Đây là một đoạn còn xác nhận mạnh hơn đoạn trước. Hai loại cuộc tuần hoàn được phân định rõ ràng—một loại diễn ra qua các bầu hành tinh của một dãy và loại kia qua các dãy của một hệ hành tinh.

It has led to evolutionary possibilities of great import.

Điều này đã dẫn đến những khả năng tiến hoá có tầm quan trọng lớn lao.

202. The coincidence of fourth rounds (of these two types) has led to these possibilities.

202. Sự trùng hợp của các cuộc tuần hoàn thứ tư (thuộc hai loại này) đã dẫn đến những khả năng ấy.

203. The extraordinary numerological emphasis has opened a door.

203. Sự nhấn mạnh số học phi thường này đã mở ra một cánh cửa.

204. The occurrences on within our planetary scheme in relation to the number *four* are parallelled within the Venus-scheme in relation to the number *five.*

204. Những diễn biến trong hệ hành tinh của chúng ta liên quan đến con số *bốn* được song hành trong hệ Kim Tinh liên quan đến con số *năm.*

On the moon chain individualisation took place during the fifth race of the third round, and in the next chain [Mercury chain] to ours on the evolutionary arc individualisation will take place during the sixth race of the second round,—**in each case this refers to a planetary round through a chain of globes.**

Trên Dãy Mặt Trăng sự biệt ngã hóa đã diễn ra trong giống dân thứ năm của cuộc tuần hoàn thứ ba, và trong dãy kế tiếp [Dãy Mercury] so với dãy của chúng ta trên cung tiến hoá, sự biệt ngã hóa sẽ diễn ra trong giống dân thứ sáu của cuộc tuần hoàn thứ hai,—**trong mỗi trường hợp, điều này đều chỉ một cuộc tuần hoàn hành tinh qua một dãy các bầu hành tinh.**

205. This section is pregnant with occult information.

205. Đoạn này hàm chứa rất nhiều thông tin huyền bí.

206. Upon the third round of the moon chain in its fifth race, individualization occurred—*without* the intervention of Solar Angels, so we are told.

206. Trong cuộc tuần hoàn thứ ba của Dãy Mặt Trăng, ở giống dân thứ năm của nó, sự biệt ngã hóa đã xảy ra—*không có* sự can thiệp của các Thái dương Thiên Thần, như chúng ta được cho biết.

207. The higher manasic apparatus, the causal body (or egoic lotus) such as it was, was evolved from the animal nature.

207. Bộ máy thượng manas, thể nguyên nhân (hay Hoa Sen Chân Ngã) theo cách thức khi ấy của nó, đã được tiến hoá từ bản chất động vật.

208. The Mercury-chain (already existent as we have been told) will be the field for a future type of individualization, in the sixth race of the second round.

208. Dãy Mercury (như chúng ta đã được cho biết, đã hiện hữu) sẽ là trường hoạt động cho một loại biệt ngã hóa tương lai, trong giống dân thứ sáu của cuộc tuần hoàn thứ hai.

209. As for the present existence and activity of the fifth or Mercury-chain, the following which speaks of the fifth round of the Earth-chain confirms it.

209. Về sự hiện hữu và hoạt động hiện nay của dãy thứ năm hay Dãy Mercury, đoạn sau đây nói về cuộc tuần hoàn thứ năm của Dãy Địa Cầu xác nhận điều đó.

In the fifth round, for instance, the fifth chain (a centre in the body of the Heavenly Man) will be the recipient of this fifth type of force and will transmit and circulate it to the other chains via their fifth globe. (TCF 435)

Trong cuộc tuần hoàn thứ năm, chẳng hạn, dãy thứ năm (một trung tâm trong thân thể của Đấng Thiên Nhân) sẽ là nơi tiếp nhận loại mãnh lực thứ năm này và sẽ truyền đạt và lưu chuyển nó đến các dãy khác qua bầu hành tinh thứ năm của chúng. (TCF 435)

210. We see that (in the case above) the term "planetary round" is equivalent to a chain round and not to a scheme round.

210. Chúng ta thấy rằng (trong trường hợp trên) thuật ngữ "cuộc tuần hoàn hành tinh" tương đương với một cuộc tuần hoàn của dãy chứ không phải một cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh.

211. There are other instances in which the idea of a "planetary round" could represent what we have been calling a 'scheme round'.

211. Có những trường hợp khác trong đó ý niệm về một "cuộc tuần hoàn hành tinh" có thể biểu thị điều mà chúng ta đã gọi là một 'cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh'.

212. That individualization took place in the third round in relation to the Moon-chain

212. Việc sự biệt ngã hóa đã diễn ra trong cuộc tuần hoàn thứ ba liên quan đến Dãy

and in the fourth round in relation to the Earth-chain could lead one to believe that scheme rounds were involved, but since the next type of individualization (on the Mercury-chain) will take place in the "second round", the pattern is broken, because the second 'scheme round' would have had to taken place *before* the third or the fourth, and yet the term "second round" is used to describe a future development. Thus, the term "planetary round" must, in this instance, refer to a "chain round".

Mặt Trăng và trong cuộc tuần hoàn thứ tư liên quan đến Dãy Địa Cầu có thể khiến người ta tin rằng các cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh đã được hàm ý, nhưng vì loại biệt ngã hóa kế tiếp (trên Dãy Mercury) sẽ diễn ra trong "cuộc tuần hoàn thứ hai", nên mô thức bị phá vỡ, bởi vì cuộc tuần hoàn 'hệ hành tinh' thứ hai hẳn phải diễn ra *trước* cuộc tuần hoàn thứ ba hay thứ tư, thế mà thuật ngữ "cuộc tuần hoàn thứ hai" lại được dùng để mô tả một sự phát triển tương lai. Do đó, trong trường hợp này, thuật ngữ "cuộc tuần hoàn hành tinh" hẳn phải chỉ một "cuộc tuần hoàn của dãy".

213. The kind of individualization (in the Mercury-chain) will differ much from the much earlier Moon-chain individualization because both the number of the root race involved and the number of the round in which this process occurs are *soft-line* numbers.

213. Loại biệt ngã hóa (trong Dãy Mercury) sẽ khác rất nhiều với sự biệt ngã hóa của Dãy Mặt Trăng xảy ra sớm hơn nhiều, bởi vì cả số của giống dân gốc liên hệ lẫn số của cuộc tuần hoàn trong đó tiến trình này xảy ra đều là những con số *thuộc đường mềm*.

214. Let us compare the numbers:

214. Chúng ta hãy so sánh các con số:

a. On the Moon-chain, individualization occurred in the third round fifth root race. Both numbers are mental and hard line

a. Trên Dãy Mặt Trăng, sự biệt ngã hóa xảy ra trong cuộc tuần hoàn thứ ba, giống dân gốc thứ năm. Cả hai con số đều thuộc trí tuệ và đường cứng

b. On the Earth-chain, individualization occurred in the fourth round, third root race. One number is even and the other odd.

b. Trên Dãy Địa Cầu, sự biệt ngã hóa xảy ra trong cuộc tuần hoàn thứ tư, giống dân gốc thứ ba. Một con số là chẵn và con số kia là lẻ.

c. On the Mercury-chain, individualization will occur in the second round, sixth root race. It would seem that the buddhic factor will be prominent in this type of individualization. We remember the fourth ray soul of the planet Mercury (a fact likely reflected in the Mercury-chain of our Earth-scheme).

c. Trên Dãy Mercury, sự biệt ngã hóa sẽ xảy ra trong cuộc tuần hoàn thứ hai, giống dân gốc thứ sáu. Có vẻ như yếu tố Bồ đề sẽ nổi bật trong loại biệt ngã hóa này. Chúng ta nhớ đến cung linh hồn cung bốn của hành tinh Mercury (một sự kiện có lẽ được phản ánh trong Dãy Mercury của hệ Địa Cầu chúng ta).

4. In the fourth rootrace the "door" (as it is called) between the two kingdoms became closed, and no more of the animal kingdom passed into the human. [although mention is made elsewhere that the door is 'ajar'.]

215. VSK mentions that the door had been left ajar.

The door of individualisation or of entrance into the human kingdom has been closed since Atlantean times, but under the new influence it will be partially opened; it will be set ajar, **so that a few animals will respond to soul stimulation and discover that their rightful place is on the human side of the dividing door.** (EP I 371)

216. We may suspect that when Moon-chain humanity emerged from pralaya to take up its evolution on the Earth-chain's fourth globe and within its fourth round, it was during the third subrace of the fourth root race that this emergence occurred. This is Phillip Lindsay's reasoned hypothesis and, I think, a good one.

217. It may also be true that the door upon the animal kingdom was shut to individualization at that time. The numbers are convincing for the animal kingdom is the *third* kingdom and the root race was in its *third* phase.

218. We can conceive that when there was such an influx of human beings from the pralayic state following the Moon-chain debacle, further augmentation of the number of human beings through individualization may have been an overload on the global system.

4. Trong giống dân gốc thứ tư, "cánh cửa" (như nó được gọi) giữa hai giới đã khép lại, và không còn gì từ giới động vật đi vào giới nhân loại nữa. [mặc dù ở nơi khác có nhắc rằng cánh cửa ấy vẫn 'hé mở'.]

215. VSK có nhắc rằng cánh cửa đã được để hé mở.

Cánh cửa biệt ngã hóa hay cánh cửa đi vào giới nhân loại đã khép lại từ thời Atlantis, nhưng dưới ảnh hưởng mới nó sẽ được mở ra phần nào; nó sẽ được để hé mở, **để một số ít động vật đáp ứng với sự kích thích của linh hồn và khám phá rằng chỗ đứng chính đáng của chúng là ở phía nhân loại của cánh cửa phân chia.** (EP I 371)

216. Chúng ta có thể ngờ rằng khi nhân loại của Dãy Mặt Trăng xuất hiện từ giai kỳ qui nguyên để tiếp tục sự tiến hoá của mình trên bầu hành tinh thứ tư của Dãy Địa Cầu và trong cuộc tuần hoàn thứ tư của nó, thì sự xuất hiện này đã xảy ra trong giống dân phụ thứ ba của giống dân gốc thứ tư. Đây là giả thuyết được Phillip Lindsay suy luận, và tôi nghĩ đó là một giả thuyết tốt.

217. Cũng có thể đúng rằng cánh cửa đối với giới động vật đã bị đóng lại đối với sự biệt ngã hóa vào thời điểm ấy. Các con số rất thuyết phục vì giới động vật là giới *thứ ba* và giống dân gốc khi ấy ở trong giai đoạn *thứ ba* của nó.

218. Chúng ta có thể hình dung rằng khi có một làn sóng lớn con người từ trạng thái giai kỳ qui nguyên tràn vào sau sự sụp đổ của Dãy Mặt Trăng, thì việc gia tăng thêm số lượng con người qua biệt ngã hóa có thể đã là một sự quá tải đối với hệ thống toàn cầu.

Their cycle temporarily ended and—to express it in terms of fire or of electrical phenomena—the animal kingdom and the human became positive to each other, and repulsion instead of attraction supervened.

Chu kỳ của chúng tạm thời chấm dứt và—nói theo ngôn ngữ của lửa hay của các hiện tượng điện—giới động vật và giới nhân loại trở nên dương đối với nhau, và sự đẩy lùi thay vì hấp dẫn đã xuất hiện.

219. Prior to this moment, it was as if the human kingdom was negative to the animal kingdom. The human kingdom received into its midst the newly individualized human beings from the animal kingdom.

219. Trước thời điểm này, dường như giới nhân loại là âm đối với giới động vật. Giới nhân loại đã tiếp nhận vào giữa mình những con người mới được biệt ngã hóa từ giới động vật.

220. We can see that flows and interchanges are controlled by changes in electrical polarity.

220. Chúng ta có thể thấy rằng các dòng chảy và sự trao đổi được kiểm soát bởi những thay đổi trong cực tính điện.

All this was brought about by the swinging into power of a profoundly long cycle of the fifth Ray.

Tất cả điều này được mang lại bởi sự vươn lên nắm quyền của một **chu kỳ vô cùng dài của cung năm**.

221. We may wonder *how* long and from whence the fifth ray impulse came?

221. Chúng ta có thể tự hỏi *bằng cách nào* và từ đâu xung lực cung năm đã đến trong một thời gian dài như vậy?

222. It does seem that the duration of ray cycles is somewhat elastic being based on the needs of the system through which the ray is manifesting.

222. Quả thật có vẻ như thời lượng của các chu kỳ cung phần nào co giãn, dựa trên nhu cầu của hệ thống qua đó cung đang biểu lộ.

223. On the other hand, as Stephen D. Pugh suggests, the very long period could have been based upon the number 350.

223. Mặt khác, như Stephen D. Pugh gợi ý, thời kỳ rất dài ấy có thể đã dựa trên con số 350.

This was necessitated by the need of man to develop along the manasic line, and resulted in a period of repulsion of the animal units, leaving their consciousness to be stimulated on astral lines.

Điều này là cần thiết do nhu cầu con người phải phát triển theo đường manas, và đã dẫn đến một thời kỳ đẩy lùi các đơn vị động vật, để tâm thức của chúng được kích thích theo các đường cảm dục.

224. Animals still received stimulation, we are told, but not *mental* stimulation.

224. Chúng ta được cho biết rằng động vật vẫn nhận được sự kích thích, nhưng không phải sự kích thích *trí tuệ*.

225. There was need for astral stimulation as some degree of harmonization was needed between these two kingdoms. They had been inimical (it seems) in Lemurian days.

225. Có nhu cầu về sự kích thích cảm dục vì cần một mức độ hài hòa nào đó giữa hai giới này. Dường như chúng đã đối nghịch nhau trong thời Lemuria.

226. The profoundly long cycle of the fifth ray allowed considerable manasic development for man. The implication is that if the animals of that period continued to individualize, the manasic development slated for the human beings of the period could not have been accomplished.

226. Chu kỳ vô cùng dài của cung năm đã cho phép con người phát triển manas đáng kể. Hàm ý ở đây là nếu các động vật của thời kỳ ấy tiếp tục biệt ngã hóa, thì sự phát triển manas đã được dành cho con người của thời kỳ ấy không thể hoàn thành được.

Owing to this repulsion, we have one reason (and one of the least fundamental) for the destructive war and the long cycle of cruelty that has been waged between man and the animals.

Do sự đẩy lùi này, chúng ta có một lý do (và là một trong những lý do ít căn bản nhất) cho cuộc chiến hủy diệt và chu kỳ dài của sự tàn ác đã diễn ra giữa con người và động vật.

227. An explanation for the poor relations between the animal and human kingdoms is given—but it is not the fundamental reason. The repulsion of the period (bringing the possibility of animal individualization to an end) was the cause here cited.

227. Một lời giải thích cho mối quan hệ tồi tệ giữa giới động vật và giới nhân loại được đưa ra—nhưng đó không phải là lý do căn bản. Sự đẩy lùi của thời kỳ ấy (chấm dứt khả năng biệt ngã hóa động vật) là nguyên nhân được nêu ở đây.

228. It would seem that the conflict between men and animals raged in Lemuria as well as in Atlantis. However, if human civilization were to be drastically reduced in quality and in its capacity to protect the human being, we might see a return to the days when animals preyed liberally upon humans.

228. Có vẻ như xung đột giữa con người và động vật đã bùng phát ở Lemuria cũng như ở Atlantis. Tuy nhiên, nếu nền văn minh nhân loại bị suy giảm nghiêm trọng về phẩm chất và về khả năng bảo vệ con người, chúng ta có thể thấy sự trở lại của những ngày mà động vật tự do săn mồi trên con người.

229. Perhaps human beings are cruel to the animals for two reasons:

229. Có lẽ con người tàn nhẫn với động vật vì hai lý do:

a. They feel threatened by the animals (moreso in the past than in our present civilization, with its abundant weaponry).

a. Họ cảm thấy bị động vật đe dọa (nhiều hơn trong quá khứ so với nền văn minh hiện nay của chúng ta, với kho vũ khí dồi dào của nó).

b. They did not wish to fall back into the animal state, and so unconsciously repelled the forms with which they no longer sought to identify.

b. Họ không muốn rơi trở lại trạng thái động vật, và vì thế một cách vô thức đẩy lùi những hình tướng mà họ không còn tìm cách đồng hoá với nữa.

It can be evidenced in the terror of man in connection with wild animals of the jungles and the deserts, and in the terrible toll of life that such animals have exacted during the centuries. This must not [Page 460] be forgotten.

Điều này có thể được chứng minh qua nỗi kinh hoàng của con người liên quan đến các thú hoang trong rừng rậm và sa mạc, và qua **số sinh mạng khủng khiếp mà những loài thú ấy đã cướp đi trong suốt nhiều thế kỷ.** Điều này không được [Page 460] quên lãng.

230. We are speaking of the long cycle of cruelty waged between men and animals.

230. Chúng ta đang nói về chu kỳ dài của sự tàn ác đã diễn ra giữa con người và động vật.

231. Man may now be the hunter but there was a time when he was the hunted.

231. Hiện nay con người có thể là kẻ săn đuổi, nhưng đã có một thời y là kẻ bị săn đuổi.

232. Yet these statements must be considered in relation to the purportedly huge stature of the human beings of earlier root races. Were animals as large as man, when man towered (in some cases we are told) to heights of fifty feet or even a hundred?

232. Tuy nhiên, những phát biểu này phải được xem xét trong liên hệ với tầm vóc được cho là khổng lồ của con người trong các giống dân gốc trước đây. Động vật có lớn bằng con người không, khi con người cao vượt trội (trong một số trường hợp, như chúng ta được cho biết) đến năm mươi bộ hay thậm chí một trăm bộ?

233. When it becomes possible, investigation must be made into the relations between these two kingdoms when the stature of man was tremendous; what was his stature in relation to the animals of the times and how did this affect their relations?

233. Khi có thể, phải điều tra mối quan hệ giữa hai giới này vào thời tầm vóc con người còn rất lớn; tầm vóc của y khi ấy so với động vật thời đó như thế nào và điều đó đã ảnh hưởng ra sao đến mối quan hệ của họ?

234. The factor of “terror” describes the relationship well. Some animals have been cruel (so it seems) to man.

234. Yếu tố “kinh hoàng” mô tả mối quan hệ ấy rất đúng. Một số động vật đã tàn ác với con người (dường như là vậy).

235. One of the satellites of Mars has the name “Terror”. Mars is the most potent ruler of the animal kingdom.

235. Một trong các vệ tinh của Sao Hỏa mang tên “Kinh Hoàng”. Sao Hỏa là chủ tinh mạnh nhất của giới động vật.

For thousands of years, wild animals have —specially before the coming in of firearms—destroyed the defenseless, and during those years, had statistics been taken, the numbers of human beings killed would reach a stupendous figure.

Trong hàng ngàn năm, thú hoang—đặc biệt trước khi súng đạn xuất hiện—đã hủy diệt những kẻ không tự vệ, và trong những năm ấy, nếu có thống kê, số người bị giết sẽ đạt đến một con số khổng lồ.

236. DK can read the record and speaks of times which we human beings have been only too happy to forget.

236. Chân sư DK có thể đọc hồ sơ và nói về những thời kỳ mà chúng ta, những con người, đã quá đỗi vui mừng khi quên đi.

237. The modern hunter is (unconsciously) redressing the balance.

237. Người thợ săn hiện đại đang (một cách vô thức) tái lập thế cân bằng.

238. But one is forced to think of weaponry in the heyday of great civilizations such as the Atlantean. Surely, with the advanced technology supposedly available (flying ships, “Vimanas”, we are told) there must have been a capacity to hold the animals at bay.

238. Nhưng người ta buộc phải nghĩ đến vũ khí trong thời cực thịnh của những nền văn minh lớn như Atlantis. Chắc chắn, với kỹ thuật tiên tiến được cho là sẵn có (tàu bay, “Vimanas”, như chúng ta được biết), hẳn phải có khả năng ngăn chặn động vật.

239. However, civilizations come and go and human conditions degenerate after having reached spectacular heights. With the loss of technological knowledge, it would seem that man once again became vulnerable.

239. Tuy nhiên, các nền văn minh đến rồi đi, và điều kiện của con người suy thoái sau khi đã đạt đến những đỉnh cao ngoạn mục. Khi tri thức kỹ thuật bị mất đi, dường như con người một lần nữa trở nên dễ bị tổn thương.

Now, in this age, the balancing is taking place and in the slaughter of animals equilibrium is being reached.

Hiện nay, trong thời đại này, sự quân bình đang diễn ra và **trong việc giết mổ động vật, trạng thái cân bằng đang được đạt tới.**

240. The animals slaughtered are for the most part cattle, sheep, chickens and other

240. Những động vật bị giết mổ phần lớn là gia súc, cừu, gà và các loài chim khác dùng

birds used for food. The slaughter is not wanton, but for the purposes of nourishment.

làm thực phẩm. Việc giết mổ không phải là vô cớ, mà nhằm mục đích nuôi dưỡng.

241. We see how Nature works. Even if those participating in a karmic process are unaware of its cause, the process is inexorable.

241. Chúng ta thấy Thiên Nhiên vận hành như thế nào. Dù những kẻ tham dự vào một tiến trình nghiệp quả không biết nguyên nhân của nó, tiến trình ấy vẫn không thể cưỡng lại được.

242. Are we saying that the group souls incarnated within the types of animals usually slaughtered were slaughterers in earlier days? Lions and tigers are hunted and slaughtered, and we can think of these animals as having still more ferocious antecedents. But what of cows and sheep? Were their antecedents dangerous to man?

242. Có phải chúng ta đang nói rằng các hồn nhóm nhập thể trong những loại động vật thường bị giết mổ trước kia đã từng là những kẻ giết chóc? Sư tử và hổ bị săn và bị giết, và chúng ta có thể nghĩ về những loài này như từng có những tiền thân còn hung dữ hơn. Nhưng còn bò và cừu thì sao? Những tiền thân của chúng có nguy hiểm cho con người không?

I do not refer to the wanton cruelties practised under the name of science, nor to certain practices which take place under religious guise in different lands.

Tôi không nói đến những sự tàn ác vô cớ được thực hành dưới danh nghĩa khoa học, cũng không nói đến một số tập tục diễn ra dưới vỏ bọc tôn giáo ở nhiều xứ sở khác nhau.

243. DK is speaking of vivisection and also ritual slaughter of certain animals such as bulls and lambs.

243. Chân sư DK đang nói đến giải phẫu sinh thể và cả việc hiến tế theo nghi lễ đối với một số động vật như bò đực và cừu non.

The source of these enormities must be sought for elsewhere.

Nguồn gốc của những điều ghê tởm này phải được tìm ở nơi khác.

244. The types of animal slaughter just mentioned are called “enormities”. There is no question about DK’s opinion about them.

244. Những kiểu giết mổ động vật vừa nêu được gọi là “những điều ghê tởm”. Không có gì phải nghi ngờ về quan điểm của Chân sư DK đối với chúng.

245. Perhaps the enormities can be traced as far back as the Moon-chain.

245. Có lẽ những điều ghê tởm ấy có thể được truy nguyên xa đến tận Dãy Mặt Trăng.

It is hidden in the karma of that Being, Who for a period—during the moon chain—held

Nó ẩn trong nghiệp quả của Hữu thể ấy, Đấng trong một thời kỳ—trong Dãy Mặt

office as the Entity Who is the informing evolutionary Life of the animal kingdom. This is a point of view needing careful pondering.

Trăng—đã giữ chức vụ là Thực Thể vốn là **Sự sống tiến hoá phú linh cho giới động vật.** Đây là một quan điểm cần được suy ngẫm cẩn trọng.

246. There are many *offices* to be held in the administration of a planet. One such office is here called "the informing evolutionary Life of the animal kingdom". It seems that more than one Entity can hold such an occult office.

246. Có nhiều *chức vụ* phải đảm nhiệm trong việc quản trị một hành tinh. Một chức vụ như thế ở đây được gọi là "Sự sống tiến hoá thấm nhuần của giới động vật". Dường như có hơn một Thực Thể có thể đảm nhiệm một chức vụ huyền bí như vậy.

247. The enormities are related to His karma.

247. Những sự tàn bạo cực độ có liên hệ với nghiệp quả của Ngài.

248. As well the crucifixion of the animal body may be related to His karma.

248. Sự đóng đinh thể động vật cũng có thể liên hệ với nghiệp quả của Ngài.

249. If we think astrologically about the bloodshed involve and the source of these practices as the Moon-chain, we can see how Mars and the Moon together are related to these processes. We can also see why Mars and the Moon, together, are such an important dual force in the battle which liberates human beings of a certain initiatory level from the animal kingdom. This is accomplished at the third initiation.

249. Nếu chúng ta suy nghĩ theo chiêm tinh học về sự đổ máu có liên quan và nguồn gốc của các thực hành này là Dãy Mặt Trăng, chúng ta có thể thấy Sao Hỏa và Mặt Trăng cùng nhau liên hệ với các tiến trình này như thế nào. Chúng ta cũng có thể thấy vì sao Sao Hỏa và Mặt Trăng, cùng nhau, lại là một lực nhị nguyên quan trọng đến thế trong cuộc chiến giải thoát những con người ở một cấp độ điểm đạo nhất định ra khỏi giới động vật. Điều này được hoàn thành ở lần điểm đạo thứ ba.

250. We might wonder (from the evolutionary perspective) whether an Entity informing such a kingdom of nature as an animal kingdom could eventually inform a kingdom like the human? All evolves an progresses.

250. Chúng ta có thể tự hỏi (từ quan điểm tiến hoá) liệu một Thực Thể thấm nhuần một giới tự nhiên như giới động vật rốt cuộc có thể thấm nhuần một giới như giới nhân loại hay không? Mọi sự đều tiến hoá và tiến triển.

Each of the kingdoms of nature is the expression of a Life or Being;

Mỗi giới trong các giới tự nhiên là biểu hiện của một Sự sống hay một Hữu thể;

251. These are the informing Lives of the kingdoms of nature.

252. Since the words “Life” and “Being” are capitalized, one would think that these Lives or Beings must be self-conscious, but this assertion is put into question below.

man, for instance, being the expression of one or other of the Heavenly Men; the sumtotal of humanity (the fourth Hierarchy) being found, with the deva evolution, as the centres of the solar Logos.

253. The sumtotal of humanity *within our planetary scheme*, (along with the devas) function as the centers in our Planetary Logos.

254. The sumtotal of humanity *within the solar system* (along with the devas of the solar system) function as the centers of a Solar Logos. We would assume, in the attempt to preserve scale, that we are speaking of minor centers.

255. The same thought (re *minor* centers) would also be true in relation to a Planetary Logos, because, as we know, chains and globes are both centers in the Planetary Logos, and, therefore, human and deva groupings would have to represent much smaller centers.

The animal kingdom likewise is the expression of the life of a Being Who is a part of the body of the Logos or of the planetary Logos, but not a centre of conscious energy.

251. Đây là những Sự sống thấm nhuần của các giới tự nhiên.

252. Vì các từ “Sự sống” và “Hữu thể” được viết hoa, người ta sẽ nghĩ rằng các Sự sống hay Hữu thể này hẳn phải có ngã thức, nhưng sự khẳng định này bị đặt thành vấn đề ở bên dưới.

con người, chẳng hạn, là biểu hiện của một hay một Đấng Thiên Nhân khác; tổng thể nhân loại (Huyền Giai thứ tư) được thấy, cùng với tiến hoá thiên thần, như các trung tâm của Thái dương Thượng đế.

253. Tổng thể nhân loại *trong hệ hành tinh của chúng ta*, (cùng với các thiên thần) hoạt động như các trung tâm trong Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

254. Tổng thể nhân loại *trong hệ mặt trời* (cùng với các thiên thần của hệ mặt trời) hoạt động như các trung tâm của một Thái dương Thượng đế. Chúng ta sẽ giả định, trong nỗ lực bảo toàn tỉ lệ, rằng chúng ta đang nói đến các trung tâm nhỏ.

255. Cùng một ý tưởng (liên quan đến các trung tâm *nhỏ*) cũng đúng trong tương quan với một Đức Hành Tinh Thượng Đế, bởi vì, như chúng ta biết, các Dãy và các bầu hành tinh đều là những trung tâm trong Đức Hành Tinh Thượng Đế, và do đó, các nhóm người và thiên thần hẳn phải tượng trưng cho những trung tâm nhỏ hơn nhiều.

Giới động vật cũng vậy, là biểu hiện của sự sống của một Hữu thể là một phần của thân thể của Thượng đế hay của Đức Hành Tinh Thượng Đế, **nhưng không phải là một trung tâm của năng lượng hữu thức.**

256. This is a very important statement. A great Life informs the animal kingdom, but it is not (apparently) a *conscious* life, *not* a "center of conscious energy".

256. Đây là một phát biểu rất quan trọng. Một Sự sống vĩ đại thấm nhuần giới động vật, nhưng nó không phải (dường như vậy) là một sự sống *hữu thức*, *không* phải là một "trung tâm của năng lượng hữu thức".

257. This means that the Life informing the human kingdom as a whole *is* a center of conscious energy.

257. Điều này có nghĩa là Sự sống thấm nhuần giới nhân loại như một toàn thể *là* một trung tâm của năng lượng hữu thức.

258. We might question, however, how a great "Life" or "Being" could inform an entire kingdom (presumably directing its instinctual processes) and not be *conscious.*

258. Tuy nhiên, chúng ta có thể đặt câu hỏi làm sao một "Sự sống" hay "Hữu thể" vĩ đại lại có thể thấm nhuần toàn bộ một giới (hẳn là điều khiển các tiến trình bản năng của nó) mà lại không *hữu thức.*

(A correspondence is found in the human body, which has its seven centres of force or energy, but also other organs upon which objective manifestation depends in lesser degree.)

(Một tương ứng được tìm thấy trong thể người, vốn có bảy trung tâm lực hay năng lượng, nhưng cũng có những **cơ quan** khác mà sự biểu hiện khách quan tùy thuộc vào ở mức độ thấp hơn.)

259. It would seem that the Entity informing the animal kingdom has a correspondence to the physical organs of the human body, where as the Entity informing the human kingdom corresponds to the etheric centers.

259. Dường như Thực Thể thấm nhuần giới động vật có một tương ứng với các cơ quan hồng trần của thể người, trong khi Thực Thể thấm nhuần giới nhân loại tương ứng với các trung tâm dĩ thái.

260. In the interplay between the human kingdom and the animal kingdom we have an interplay between that which is essentially etheric and that which is densely physical.

260. Trong sự tương tác giữa giới nhân loại và giới động vật, chúng ta có sự tương tác giữa điều vốn cốt yếu là dĩ thái và điều vốn đậm đặc hồng trần.

261. The animal kingdom, therefore, is symbolized by the Moon (which we know, is the "mother") and the human kingdom by the Holy Spirit (and, in a way, the planet Uranus, ruler of the etheric body).

261. Vì vậy, giới động vật được tượng trưng bởi Mặt Trăng (mà chúng ta biết là "người mẹ") và giới nhân loại bởi Chúa Thánh Thần (và, theo một cách nào đó, hành tinh Sao Thiên Vương, chủ tinh của thể dĩ thái).

Such an Entity finds expression through the animal kingdom, of which He is the informing Soul, and He has definite place in the planetary or logoic body. This is a hint which has hitherto not been exoteric and is to be commended to the consideration of students.

Một Thực Thể như vậy tìm thấy sự biểu hiện qua giới động vật, mà Ngài là Linh hồn thấm nhuần của giới ấy, và Ngài có một vị trí xác định trong thể hành tinh hay thể logoi. Đây là một gợi ý cho đến nay vẫn chưa được ngoại truyền và đáng được khuyến nghị cho sự suy ngẫm của các đạo sinh.

262. DK is offering an occult revelation; there are many things He discloses in the Teaching which had not been disclosed *prior* to His writing.

262. Chân sư DK đang đưa ra một mặc khải huyền bí; có nhiều điều Ngài tiết lộ trong Giáo Huấn mà trước khi Ngài viết vẫn chưa được tiết lộ.

263. If the various Heavenly Man inform the totality of the various types of humanity (found on different planets), then these types of Entities inform the various types of animal lives (found on the different planets).

263. Nếu các Đấng Thiên Nhân khác nhau thấm nhuần toàn thể các loại nhân loại khác nhau (được tìm thấy trên các hành tinh khác nhau), thì các loại Thực Thể này thấm nhuần các loại sự sống động vật khác nhau (được tìm thấy trên các hành tinh khác nhau).

264. Could we be talking of that Entity called the "Planetary Entity" or of a certain sub-division of that Entity?

264. Có phải chúng ta đang nói về Thực Thể được gọi là "Thực Thể Hành Tinh" hay về một phân bộ nào đó của Thực Thể ấy chăng?

265. On a system wide basis, we have the Grand Heavenly Man informing all humanities, and, hypothetically, a system-wide 'Systemic Entity' informing all the sub-human kingdoms.

265. Trên bình diện toàn hệ, chúng ta có Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại thấm nhuần mọi nhân loại, và theo giả thuyết, một 'Thực Thể Hệ Thống' trên quy mô toàn hệ thấm nhuần mọi giới dưới nhân loại.

266. When the Planetary Logos or the Solar Logos individualizes (on the cosmic planes), is it such a system-wide Entity (or a portion of it) from which these Logoi are differentiating themselves through a process of systemic or cosmic individualization?

266. Khi Đức Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế biệt ngã hóa (trên các cõi vũ trụ), có phải đó là một Thực Thể toàn hệ như vậy (hay một phần của nó) mà từ đó các Thượng đế này đang tự biến phân qua một tiến trình biệt ngã hóa hệ thống hay vũ trụ chăng?

267. When DK speaks of the "definite place" occupied by the Entity informing the animal kingdom in relation to the "planetary or logoic body", is He speaking of the *physical*

267. Khi Chân sư DK nói về "vị trí xác định" mà Thực Thể thấm nhuần giới động vật chiếm giữ trong tương quan với "thể hành tinh hay thể logoi", có phải Ngài đang nói về

body of the Planetary Logos or the Solar Logos? It would seem we could make a case for this supposition.

thể *hồng trần* của Đức Hành Tinh Thượng Đế hay của Thái dương Thượng đế không? Dường như chúng ta có thể đưa ra một lập luận cho giả thuyết này.

I would add that some of the tragedies underlying existence at this time are karmically incident upon temporarily faulty relations between an entity who dominated at one period of the third or moon-chain, and the one holding analogous position in this the fourth or earth chain.

Tôi xin nói thêm rằng một số bi kịch làm nền cho sự tồn tại vào lúc này là những hệ quả nghiệp quả xảy đến **do những quan hệ tạm thời sai lệch** giữa một thực thể đã chi phối vào một giai đoạn của dãy thứ ba hay Dãy Mặt Trăng, và thực thể giữ vị trí tương tự trong dãy thứ tư này hay Dãy Địa Cầu.

268. We note that in this section the word "entity" is not capitalized.

268. Chúng ta lưu ý rằng trong phần này từ "thực thể" không được viết hoa.

269. As we learn below, the status of these entities is not that high. That they were *dominant* at certain periods may have been the result of imbalance.

269. Như chúng ta sẽ biết ở dưới, địa vị của các thực thể này không cao đến thế. Việc chúng đã *chi phối* trong những giai đoạn nhất định có thể là kết quả của sự mất quân bình.

270. Tragedies cannot be avoided. They are inherent in the structure of the one they befall, despite the struggles (or decisions) of that one against the developing tragedy.

270. Không thể tránh được các bi kịch. Chúng vốn cố hữu trong cấu trúc của kẻ mà chúng giáng xuống, bất chấp những đấu tranh (hay quyết định) của kẻ ấy chống lại bi kịch đang phát triển.

271. We find that our globe (and, perhaps, our chain) is often in the throes of unhappiness. DK is tracing such unhappiness to the faulty relations between two dominating entities.

271. Chúng ta thấy rằng bầu hành tinh của chúng ta (và có lẽ cả Dãy của chúng ta) thường ở trong cơn quằn quại của bất hạnh. Chân sư DK truy nguyên sự bất hạnh ấy về những quan hệ sai lệch giữa hai thực thể chi phối.

272. We recall that there are stars in the Great Bear and Pleiades which, relative to each other, are out of adjustment and, thereby, responsible for much of cosmic evil.

272. Chúng ta nhớ rằng có những ngôi sao trong Đại Hùng Tinh và Pleiades, tương đối với nhau, đang ở trong tình trạng không điều chỉnh, và do đó chịu trách nhiệm cho phần lớn điều ác vũ trụ.

273. We must also ask whether the idea of *domination* requires self-consciousness or

273. Chúng ta cũng phải hỏi liệu ý niệm *chi phối* có đòi hỏi ngã thức hay không, hay nó

whether it simply reflects *power* (whether that power is wielded consciously or unconsciously).

274. The sections of text with which DK is presenting us contain, it seems, a number of implications or hints.

275. Underlying the information given in the section above is an implied relation existing between the Chain-Lord of the Moon-chain and the Chain-Lord of the Earth-chain. The earlier Chain-Lord may have been mysteriously absorbed into the vehicle of planetary logoic expression we now call the Earth-chain.

276. There may also be implied a faulty relationship between the E/entity who ensouled the animal kingdom *on the Moon-chain,* and the E/entity who now ensouls the animal kingdom on the Earth-chain.

277. We may also infer that things are out of adjustment between the Life informing the human kingdom (on the Earth-chain) and the Life now informing the animal kingdom (also on the Earth-chain).

278. Faulty relations between even lower "entities" is also quite explicitly suggested.

279. These are deep mysteries. We see from TCF 844. that the "informing life of a kingdom of nature" is a Being of greater status than a Solar Pitri (Who most definitely is self-conscious). So there are mysteries to be solved regarding the type of conscious of these informing Lives—are they *conscious* as the chart suggests, or are they (the Lives informing lower kingdoms) *not* centers of conscious energy?

chỉ đơn giản phản ánh *quyền năng* (dù quyền năng ấy được vận dụng một cách hữu thức hay vô thức).

274. Những phần văn bản mà Chân sư DK đang trình bày cho chúng ta dường như chứa đựng một số hàm ý hay gợi ý.

275. Nằm bên dưới thông tin được đưa ra trong phần trên là một mối liên hệ hàm ẩn tồn tại giữa Chúa Tể Dãy của Dãy Mặt Trăng và Chúa Tể Dãy của Dãy Địa Cầu. Chúa Tể Dãy trước đó có thể đã được hấp thu một cách huyền nhiệm vào vận cụ biểu hiện logoi hành tinh mà nay chúng ta gọi là Dãy Địa Cầu.

276. Cũng có thể hàm ý một mối quan hệ sai lệch giữa Thực thể/thực thể phú linh giới động vật *trên Dãy Mặt Trăng,* và Thực thể/thực thể hiện nay phú linh giới động vật trên Dãy Địa Cầu.

277. Chúng ta cũng có thể suy ra rằng có điều gì đó không được điều chỉnh giữa Sự sống thấm nhuần giới nhân loại (trên Dãy Địa Cầu) và Sự sống hiện đang thấm nhuần giới động vật (cũng trên Dãy Địa Cầu).

278. Những quan hệ sai lệch giữa cả những "thực thể" thấp hơn cũng được gợi ý khá minh nhiên.

279. Đây là những huyền nhiệm sâu xa. Chúng ta thấy từ TCF 844 rằng "sự sống thấm nhuần của một giới tự nhiên" là một Hữu thể có địa vị cao hơn một thái dương tổ phụ (Đấng chắc chắn là có ngã thức). Vì vậy có những huyền nhiệm cần được giải quyết liên quan đến loại tâm thức của các Sự sống thấm nhuần này—liệu chúng có *hữu thức* như biểu đồ gợi ý, hay chúng (các Sự sống

thấm nhuần các giới thấp hơn) *không* phải là những trung tâm của năng lượng hữu thức?

280. We will now receive further clarification on the nature of these entities whose relationship is out of adjustment.

280. Giờ đây chúng ta sẽ nhận được sự làm sáng tỏ thêm về bản chất của các thực thể này, mà mối quan hệ của chúng đang ở trong tình trạng không điều chỉnh.

This latter is the sumtotal of the [Page 461] **lowest human principle, if we count the dense physical or animal body of man as a principle.** In their lack of agreement lies the clue to the cruelties practised on animals by man.

Thực thể sau này là tổng thể của [Page 461] **nguyên khí thấp nhất của con người, nếu chúng ta tính thể hồng trần đậm đặc hay thể động vật của con người như một nguyên khí.** Chính trong sự bất đồng của chúng có đầu mối giải thích những sự tàn ác mà con người thực hành đối với loài vật.

281. The entity in question (at least with respect to the Earth-chain) is the entity informing the dense physical body of all men.

281. Thực thể được nói đến (ít nhất là xét theo Dãy Địa Cầu) là thực thể thấm nhuần thể hồng trần đậm đặc của mọi người.

282. The physical body is not a principle yet is here so considered.

282. Thể xác không phải là một nguyên khí, tuy nhiên ở đây lại được xem như vậy.

283. We are dealing with very *physical* entities, at least in the case of the entity expressing itself through the Earth-chain. The same may be suspected of the one formerly expressing in relation to the Moon-chain.

283. Chúng ta đang bàn đến những thực thể rất *hồng trần*, ít nhất trong trường hợp của thực thể biểu hiện qua Dãy Địa Cầu. Điều tương tự có thể được nghi ngờ đối với thực thể trước đây biểu hiện trong liên hệ với Dãy Mặt Trăng.

284. We may suppose that the entity who, on the Moon-chain, was the subtotal of the physical body of the animal kingdom (on that chain) is presently experiencing "faulty relations" with the entity who (on the Earth-chain) is the sumtotal of the physical body of man.

284. Chúng ta có thể giả định rằng thực thể, trên Dãy Mặt Trăng, là tổng thể của các thể hồng trần của giới động vật (trên dãy ấy) hiện đang trải qua "những quan hệ sai lệch" với thực thể, trên Dãy Địa Cầu, là tổng thể của thể hồng trần của con người.

285. But there is room for other interpretations.

285. Nhưng vẫn còn chỗ cho những cách giải thích khác.

286. The matter is intricate and somewhat obscure. We have, potentially, four types of entities involved:

a. The entity who was the sumtotal of animal physical bodies on the Moon-chain.

b. The entity who was the sumtotal of the physical bodies of man as he was on the Moon-chain.

c. The entity who is the sumtotal of animal physical bodies on the Earth-chain.

d. The entity who is the sumtotal of the physical bodies of man, now on the Earth-chain.

287. While there are four possibilities here, there may be only *two* entities involved.

288. We also have to compare the Lives or Beings Who ensouled the animal and human kingdoms on the Moon-chain and the Lives or Being who presently ensoul the animal and human kingdoms on the Earth-chain. These latter are "**E**ntities" whereas those who are the sumtotal of animal and human physical bodies are "**e**ntities".

289. Can it be that man's *physical* body (his "animal body") is really part of an entity more related to the animal kingdom than to the human? For man is an "animal plus a god"—as HPB tells us. If so, this would show how *two* entities may comprise the *four* possibilities.

290. From a much larger perspective, the whole 'disagreement' or quarrel seems to be

286. Vấn đề này phức tạp và phần nào mơ hồ. Theo tiềm năng, chúng ta có bốn loại thực thể liên quan:

a. Thực thể đã là tổng thể của các thể hồng trần động vật trên Dãy Mặt Trăng.

b. Thực thể đã là tổng thể của các thể hồng trần của con người như con người đã là trên Dãy Mặt Trăng.

c. Thực thể là tổng thể của các thể hồng trần động vật trên Dãy Địa Cầu.

d. Thực thể là tổng thể của các thể hồng trần của con người, hiện nay trên Dãy Địa Cầu.

287. Dù ở đây có bốn khả năng, có thể chỉ có *hai* thực thể liên quan.

288. Chúng ta cũng phải so sánh các Sự sống hay Hữu thể đã phú linh các giới động vật và nhân loại trên Dãy Mặt Trăng với các Sự sống hay Hữu thể hiện đang phú linh các giới động vật và nhân loại trên Dãy Địa Cầu. Những vị sau này là "**T**hực thể" trong khi những vị là tổng thể của các thể hồng trần động vật và con người là "**t**hực thể".

289. Có thể nào thể *hồng trần* của con người (thể "động vật" của y) thực sự là một phần của một thực thể liên hệ với giới động vật nhiều hơn là với giới nhân loại chăng? Vì con người là "một con vật cộng với một vị thần"—như HPB nói với chúng ta. Nếu vậy, điều này sẽ cho thấy làm sao *hai* thực thể có thể bao gồm *bốn* khả năng.

290. Từ một quan điểm rộng lớn hơn nhiều, toàn bộ sự 'bất đồng' hay tranh chấp dường như diễn ra giữa các "thực thể hành tinh"—

between “planetary entities”—large but low-grade forms of life.

những hình thái sự sống lớn nhưng cấp thấp.

We have enumerated six occult statements anent the animal kingdom, the third kingdom of nature. They related to the past, and we will now add one further statement to them and then proceed to consider the present and to foretell certain eventualities that may be looked for in the future.

Chúng ta đã liệt kê sáu phát biểu huyền bí liên quan đến giới động vật, giới thứ ba của tự nhiên. Chúng liên hệ đến quá khứ, và giờ đây chúng ta sẽ thêm vào đó một phát biểu nữa rồi tiếp tục xem xét hiện tại và tiên báo một số khả năng có thể được trông đợi trong tương lai.

291. Four of these statements have been enumerated on pages 458-459. The other two statements must be extracted from the text.

291. Bốn trong số các phát biểu này đã được liệt kê ở các trang 458-459. Hai phát biểu còn lại phải được rút ra từ văn bản.

a. The animal kingdom is to the human kingdom as the dense physical vehicle is to the seven principles

a. Giới động vật đối với giới nhân loại cũng như vận cụ hồng trần đậm đặc đối với bảy nguyên khí

b. The animal kingdom is the third kingdom and the mother aspect in relation to the human kingdom.

b. Giới động vật là giới thứ ba và là phương diện mẹ trong tương quan với giới nhân loại.

c. Animal individualization in our chain took place in the third root race.

c. Sự biệt ngã hóa động vật trong dãy của chúng ta đã diễn ra trong giống dân gốc thứ ba.

d. The “door” from the animal kingdom into the human kingdom closed in the fourth root race of the fourth round as that round transited our globe. (See also below.)

d. “Cánh cửa” từ giới động vật vào giới nhân loại đã khép lại trong giống dân gốc thứ tư của cuộc tuần hoàn thứ tư khi cuộc tuần hoàn ấy quá cảnh bầu hành tinh của chúng ta. (Xem thêm bên dưới.)

292. The last two statements would seem to refer to the relationship between the Entity informing the animal kingdom and the Entity informing the human kingdom. Then, there is the question of the relationship between the entity/entities informing the dense physical body of the human kingdom (or animal kingdom) on the

292. Hai phát biểu cuối này dường như nói đến mối quan hệ giữa Thực Thể thấm nhuần giới động vật và Thực Thể thấm nhuần giới nhân loại. Rồi còn có vấn đề về mối quan hệ giữa thực thể/các thực thể thấm nhuần thể hồng trần đậm đặc của giới nhân loại (hay giới động vật) trên Dãy Địa Cầu và một thực thể/các thực thể song hành trên Dãy Mặt Trăng.

Earth-chain and a parallel entity/entities on the Moon-chain.

As we have seen, during the third rootrace, opportunity for the animal kingdom occurred and many individualised. In the fourth rootrace this cycle of opportunity ceased temporarily, and something happened which is analogous to what will occur in the fifth rootrace in connection with man, at the so-called "Judgment Day."

Như chúng ta đã thấy, trong giống dân gốc thứ ba, cơ hội đã đến cho giới động vật và nhiều đơn vị đã biệt ngã hóa. Trong giống dân gốc thứ tư, chu kỳ cơ hội này tạm thời chấm dứt, và một điều gì đó đã xảy ra tương tự với điều sẽ xảy ra trong giống dân gốc thứ năm liên quan đến con người, vào cái gọi là "Ngày Phán Xét."

293. We can understand the analogy if DK is speaking of the *true* "Judgment Day". At the "Judgment Day", two fifths of Earth humanity will be occultly rejected. They will be transferred into a temporary pralaya and later moved to another scheme.

293. Chúng ta có thể hiểu sự tương tự này nếu Chân sư DK đang nói về "Ngày Phán Xét" *đích thực*. Vào "Ngày Phán Xét", hai phần năm nhân loại Trái Đất sẽ bị loại bỏ theo huyền bí học. Họ sẽ được chuyển vào một giai kỳ qui nguyên tạm thời và sau đó được chuyển sang một hệ hành tinh khác.

294. When the "door" was closed upon the animal kingdom in Atlantean days, it constituted a kind of rejection. In relation to the animals who could not enter the human kingdom, there were two methods of treatment suggested below.

294. Khi "cánh cửa" khép lại đối với giới động vật trong thời Atlantis, điều đó cấu thành một loại sự loại bỏ. Liên quan đến những con vật không thể đi vào giới nhân loại, có hai phương pháp xử lý được gợi ý ở dưới.

295. But, now, let us be cautious: is DK speaking of the *true* "Judgment Day" in the fifth round of the Earth-chain or is He speaking of the "so-called Judgment Day" due to occur in the fifth root race of this present fourth round—a kind of "Judgment Day" which is simply a weak anticipation of the future "Judgment Day".

295. Nhưng giờ đây, hãy thận trọng: có phải Chân sư DK đang nói về "Ngày Phán Xét" *đích thực* trong cuộc tuần hoàn thứ năm của Dãy Địa Cầu hay Ngài đang nói về "cái gọi là Ngày Phán Xét" sẽ xảy ra trong giống dân gốc thứ năm của cuộc tuần hoàn thứ tư hiện nay này—một loại "Ngày Phán Xét" chỉ đơn giản là sự báo trước yếu ớt của "Ngày Phán Xét" trong tương lai.

296. Or is He giving us a hint that when the "Judgment Day" will occur in the middle of the fifth round that it will occur during a *fifth* root race of that round (presumably on our globe). If so, it would be a very important hint.

296. Hay Ngài đang cho chúng ta một gợi ý rằng khi "Ngày Phán Xét" xảy ra vào giữa cuộc tuần hoàn thứ năm thì nó sẽ xảy ra trong một giống dân gốc thứ *năm* của cuộc tuần hoàn ấy (hẳn là trên bầu hành tinh của

chúng ta). Nếu vậy, đó sẽ là một gợi ý rất quan trọng.

In Atlantean days the lives which composed the third kingdom of nature were divided into two groups:

Trong thời Atlantis, các sự sống cấu thành giới thứ ba của tự nhiên được chia thành hai nhóm:

297. We note that this parallels the treatment of humanity at the "Judgment Day", when humanity will be divided into two groups.

297. Chúng ta lưu ý rằng điều này song hành với cách xử lý nhân loại vào "Ngày Phán Xét", khi nhân loại sẽ được chia thành hai nhóm.

- A number of these lives were "passed," and the tide of life sweeps through them, permitting of their **incarnating in animal form on earth**, and their gradual evolution.

- Một số các sự sống này đã được "thông qua," và làn sóng sự sống tràn qua chúng, cho phép chúng **nhập thể trong hình tướng động vật trên Trái Đất**, và tiến hoá dần dần.

298. Some of the members of the then animal kingdom were allowed to continue on our planet, just as some of the human kingdom at the "Judgment Day" (three fifths, in fact) will be allowed to continue their evolution on planet Earth.

298. Một số thành viên của giới động vật khi ấy đã được phép tiếp tục trên hành tinh của chúng ta, cũng như một số của giới nhân loại vào "Ngày Phán Xét" (thực ra là ba phần năm) sẽ được phép tiếp tục tiến hoá trên hành tinh Trái Đất.

- The remainder were rejected, and as a group they became temporarily quiescent, **and will not manifest in physical form until the next round.**

- Số còn lại bị loại bỏ, và với tư cách một nhóm, chúng trở nên tạm thời tĩnh lặng, **và sẽ không biểu hiện trong hình tướng hồng trần cho đến cuộc tuần hoàn kế tiếp.**

299. Others were not allowed to continue their evolution on our planet (at that time). We are speaking of incarnation on our dense planet; they obviously continued to be part of our planetary scheme.

299. Những đơn vị khác đã không được phép tiếp tục tiến hoá trên hành tinh của chúng ta (vào thời điểm đó). Chúng ta đang nói về sự nhập thể trên hành tinh đậm đặc của chúng ta; hiển nhiên chúng vẫn tiếp tục là một phần của hệ hành tinh của chúng ta.

300. These were the rejected ones and must wait until the fifth round before continuing their evolution, apparently, on our Earth.

300. Đây là những đơn vị bị loại bỏ và phải chờ đến cuộc tuần hoàn thứ năm mới tiếp tục tiến hoá, dường như là trên Trái Đất của chúng ta.

301. The range of modern animal forms is so great, that one wonders which types of

301. Phạm vi các hình tướng động vật hiện đại lớn đến mức người ta tự hỏi những loại

animals were rejected. Their rejection does not necessarily mean that they constituted the very lowest animal forms.

động vật nào đã bị loại bỏ. Việc chúng bị loại bỏ không nhất thiết có nghĩa rằng chúng cấu thành những hình tướng động vật thấp nhất.

302. We must be careful in our consideration. We are speaking not only of the transit of animals into the human kingdom. We are speaking of dividing the animal kingdom (in Atlantean days) into two parts, one part of which could continue *as animals* on Earth and the other part of which could not.

302. Chúng ta phải cẩn trọng trong sự xem xét của mình. Chúng ta không chỉ nói về sự chuyển tiếp của động vật vào giới nhân loại. Chúng ta đang nói về việc chia giới động vật (trong thời Atlantis) thành hai phần, một phần trong đó có thể tiếp tục *như động vật* trên Trái Đất và phần kia thì không thể.

303. This is very different from the kind of division (also in Atlantean days) which discriminated between those higher forms of animals (some of which were passed into the human kingdom and others of which will have to wait for their individualization until another round (unless they are among those for whom the “Door” was left slightly ajar.

303. Điều này rất khác với loại phân chia (cũng trong thời Atlantis) đã phân biện giữa những hình tướng động vật cao hơn ấy (một số trong đó đã được chuyển vào giới nhân loại và những số khác sẽ phải chờ sự biệt ngã hóa của chúng cho đến một cuộc tuần hoàn khác (trừ phi chúng thuộc số những đơn vị mà “Cánh Cửa” đã được để hơi hé mở cho).

In the fifth round, a corresponding division will take place in the fourth kingdom, and the lives in that kingdom will be subjected to an analogous test; some will be passed and will continue their evolution on this planet, while others will be rejected, and will go into temporary pralaya.

Trong cuộc tuần hoàn thứ năm, một sự phân chia tương ứng sẽ diễn ra trong giới thứ tư, và các sự sống trong giới ấy sẽ chịu một phép thử tương tự; một số sẽ được thông qua và sẽ tiếp tục tiến hoá trên hành tinh này, trong khi những số khác sẽ bị loại bỏ, và sẽ đi vào giai kỳ qui nguyên tạm thời.

304. DK has described this at various points when reviewing the nature of the "Judgment Day". The proportion is: three fifths are to be passed; two fifths are to be rejected.

304. Chân sư DK đã mô tả điều này ở nhiều chỗ khác nhau khi điểm lại bản chất của “Ngày Phán Xét”. Tỉ lệ là: ba phần năm sẽ được thông qua; hai phần năm sẽ bị loại bỏ.

305. So, in the past, some animals continued to incarnate, and some did not. Where they ‘went’ or what became (or would become) of them (in the interim between that time and their future opportunity) is not given.

305. Vì vậy, trong quá khứ, một số động vật tiếp tục nhập thể, và một số thì không. Chúng đã ‘đi’ đâu hay điều gì đã xảy ra (hay sẽ xảy ra) với chúng (trong khoảng thời gian giữa lúc đó và cơ hội tương lai của chúng) thì không được cho biết.

306. In the future (the fifth round (of our Earth-chain) some humans will continue to incarnate on our plane, and some will not. Of their fate we are told somewhat more. They will be transferred (it appears) into a pralayic state and thence to another planetary scheme (perhaps temporarily, we do not know).

306. Trong tương lai (cuộc tuần hoàn thứ năm của Dãy Địa Cầu chúng ta) một số con người sẽ tiếp tục nhập thể trên cõi của chúng ta, và một số thì không. Về số phận của họ, chúng ta được cho biết nhiều hơn đôi chút. Họ sẽ được chuyển (dường như vậy) vào một trạng thái qui nguyên và từ đó sang một hệ hành tinh khác (có lẽ là tạm thời, chúng ta không biết).

307. The proportion of animal units passed and rejected is contrasted below with the proportion as it will apply to the human kingdom.

307. Tỉ lệ các đơn vị động vật được thông qua và bị loại bỏ được đối chiếu ở dưới với tỉ lệ như nó sẽ áp dụng cho giới nhân loại.

After the rejection in the fourth rootrace of three-fourths of the animal units, the remaining triads (or one-fourth) proceeded on their way holding the promise of opportunity for all in time, and the guarantee of their [Page 462] own attainment in the next round.

Sau sự loại bỏ trong giống dân gốc thứ tư của ba phần tư các đơn vị động vật, các tam nguyên còn lại (hay một phần tư) tiếp tục trên con đường của chúng mang theo lời hứa về cơ hội cho tất cả theo thời gian, và sự bảo đảm về [Page 462] thành tựu của chính chúng trong cuộc tuần hoàn kế tiếp.

308. The proportion in relation to the animal kingdom is: three-fourths rejected; one-fourth passed.

308. Tỉ lệ liên quan đến giới động vật là: ba phần tư bị loại bỏ; một phần tư được thông qua.

309. This is a very different proportion from what may be expected at the "Judgment Day". At that time, the majority will be passed.

309. Đây là một tỉ lệ rất khác với điều có thể được mong đợi vào “Ngày Phán Xét”. Vào lúc đó, đa số sẽ được thông qua.

310. Animals, we note, are considered to be “triads”. Their identity can be expressed as ‘triads within a group soul’. Of what does such a triad consist: of a physical permanent atom, an astral permanent atom and an incipient mental unit? As well, animals are “triads” on the triadal planes, just as human beings are. There is a distinct difference between being a spiritual triad inherently and being a developed, conscious spiritual triad.

310. Chúng ta lưu ý rằng động vật được xem là những “tam nguyên”. Bản sắc của chúng có thể được diễn tả là ‘những tam nguyên trong một hồn nhóm’. Một tam nguyên như vậy gồm những gì: một nguyên tử trường tồn hồng trần, một nguyên tử trường tồn cảm dục và một đơn vị hạ trí phôi thai chăng? Ngoài ra, động vật cũng là những “tam nguyên” trên các cõi tam nguyên tinh thần, cũng như con người vậy. Có một sự khác biệt rõ rệt giữa việc vốn là một Tam

Nguyên Tinh Thần một cách cố hữu và việc là một Tam Nguyên Tinh Thần đã phát triển, hữu thức.

311. The text seems to be saying that the animals who were passed will attain in the next round, and that, in time, those who were rejected will also achieve individualization (at length). That is what attainment seems to mean in this context—*individualization*.

311. Văn bản dường như đang nói rằng những con vật đã được thông qua sẽ đạt thành tựu trong cuộc tuần hoàn kế tiếp, và rằng, theo thời gian, những đơn vị đã bị loại bỏ cũng sẽ đạt được biệt ngã hóa (về lâu dài). Đó dường như là điều mà thành tựu có nghĩa trong ngữ cảnh này—*sự biệt ngã hóa*.

312. We note that the denominator in the fractions used are four for the animal kingdom and five for the human kingdom. The division into three fifths and two fifths occurs because we are dividing intelligent, self-conscious units from each other. The four, in relation to the animal kingdom suggests a division among those who are not yet self-conscious.

312. Chúng ta lưu ý rằng mẫu số trong các phân số được dùng là bốn đối với giới động vật và năm đối với giới nhân loại. Sự phân chia thành ba phần năm và hai phần năm xảy ra vì chúng ta đang phân chia các đơn vị thông minh, có ngã thức với nhau. Số bốn, trong liên hệ với giới động vật, gợi ý một sự phân chia giữa những đơn vị chưa có ngã thức.

313. If we count the physical body as a principle, followed by the etheric body, prana and kama, we shall have the 'irrational' four which characterized the animals.

313. Nếu chúng ta tính thể xác như một nguyên khí, tiếp theo là thể dĩ thái, prana và kama, chúng ta sẽ có bộ bốn 'phi lý trí' vốn đặc trưng cho động vật.

Just as the human Monads, who are passed in the fifth round, will enter into the fifth kingdom, or respond to its vibration before the climax of the seventh,

Cũng như các chân thần nhân loại, những vị được thông qua trong cuộc tuần hoàn thứ năm, sẽ đi vào giới thứ năm, hay đáp ứng với rung động của giới ấy trước cực điểm của cuộc tuần hoàn thứ bảy,

314. We recall the fivefold differentiation regarding the fate of those who would remain on Earth *after* the "Judgment Day". The following, which we have studied, is a more complete picture of the destiny of those human beings who remain with the Earth-scheme following the "Judgment Day".

314. Chúng ta nhớ lại sự biến phân ngũ phân liên quan đến số phận của những người sẽ ở lại Trái Đất *sau* "Ngày Phán Xét". Điều sau đây, mà chúng ta đã nghiên cứu, là một bức tranh đầy đủ hơn về định mệnh của những con người còn ở lại với hệ hành tinh Địa Cầu sau "Ngày Phán Xét".

One fifth will mantrically sound the words "I am That I am."

Một phần năm sẽ xướng bằng mantram những lời "Ta là Cái Đó mà Ta là."

Two fifths will achieve the fifth Initiation and will know themselves as "I am That." They will also be cultivating response to the higher note.

Hai phần năm sẽ đạt lần điểm đạo thứ năm và sẽ biết mình là "Ta là Cái Đó." Họ cũng sẽ vun bồi sự đáp ứng với âm điệu cao hơn.

One fifth and a half will attain the third Initiation, and will know themselves as "I am That" in full consciousness.

Một phần năm rưỡi sẽ đạt lần điểm đạo thứ ba, và sẽ biết mình là "Ta là Cái Đó" trong tâm thức trọn vẹn.

The remaining units will be those who are treading the Path, and beginning to know themselves as the group. (TCF 422)

Những đơn vị còn lại sẽ là những người đang bước trên Con Đường, và bắt đầu biết mình là nhóm. (TCF 422)

315. The lowest group of those remaining ("those who will enter into the fifth kingdom or respond to its vibration before the climax of the seventh" round) are contained in the fourth of the four categories listed immediately above.

315. Nhóm thấp nhất trong số những người còn lại ("những người sẽ đi vào giới thứ năm hay đáp ứng với rung động của giới ấy trước cực điểm của cuộc tuần hoàn thứ bảy") được bao gồm trong nhóm thứ tư của bốn loại được liệt kê ngay bên trên.

so the animal monads (if I may employ such a term) who were passed in this round will achieve individualisation during the fifth and enter the fourth kingdom.

vì vậy các chân thần động vật (nếu tôi có thể dùng một thuật ngữ như vậy) đã được thông qua trong cuộc tuần hoàn này sẽ đạt biệt ngã hóa trong cuộc tuần hoàn thứ năm và đi vào giới thứ tư.

316. The destiny of the 'successful' animals, passed during the fourth root race to continue their animal evolution on our planet, is given as individualization in the fifth round of our present chain. At that time they will enter the fourth kingdom.

316. Định mệnh của những động vật 'thành công', được thông qua trong giống dân gốc thứ tư để tiếp tục tiến hoá động vật của chúng trên hành tinh chúng ta, được nêu là sự biệt ngã hóa trong cuộc tuần hoàn thứ năm của dãy hiện tại của chúng ta. Vào lúc đó chúng sẽ đi vào giới thứ tư.

317. Presumably the three quarters who were rejected will individualize at a later time.

317. Hẳn là ba phần tư đã bị loại bỏ sẽ biệt ngã hóa vào một thời điểm muộn hơn.

This will be brought about by the **strong manasic impulse** which will characterise the whole cycle of the fifth round, and **will thus be effected normally and as the result of due evolutionary growth.** An **electrical stimulation** of the nature of the occurrence in Lemurian days will not be required.

Điều này sẽ được mang lại bởi **xung lực manas mạnh mẽ** vốn sẽ đặc trưng cho toàn bộ chu kỳ của cuộc tuần hoàn thứ năm, và **do đó sẽ được thực hiện một cách bình thường và như kết quả của sự tăng trưởng tiến hoá thích đáng.** Một **sự kích thích điện** có bản chất như biến cố trong thời Lemuria sẽ không cần thiết.

318. We are discussing the manner of individualization to be expected in the fifth round of our chain for the one fourth of the animal kingdom that was "passed" in Atlantean days.

318. Chúng ta đang bàn về cách thức biệt ngã hóa được mong đợi trong cuộc tuần hoàn thứ năm của dãy chúng ta đối với một phần tư của giới động vật đã được "thông qua" trong thời Atlantis.

319. The manasic impulse in the fifth round will be very strong and will prompt the *normal* growth of manas, sufficient to bring about individualization in a normal manner. The manner of individualization in Lemuria was abnormal and intensely electrical.

319. Xung lực manas trong cuộc tuần hoàn thứ năm sẽ rất mạnh và sẽ thúc đẩy sự tăng trưởng *bình thường* của manas, đủ để mang lại sự biệt ngã hóa theo một cách bình thường. Cách thức biệt ngã hóa ở Lemuria là bất thường và cực kỳ điện lực.

320. Perhaps, at that time, and because it was the *fourth* round and also, due to the Moon-chain failure, the act of individualization required such an extreme electrical stimulation.

320. Có lẽ, vào lúc đó, và bởi vì đó là cuộc tuần hoàn thứ *tư* và cũng do sự thất bại của Dãy Mặt Trăng, hành động biệt ngã hóa đòi hỏi một sự kích thích điện cực độ như vậy.

321. We can see that every round carries the quality which correlates to its number. The fifth round will carry a strong manasic impulse; the sixth round a strong buddhic impulse; and presumably, the seventh round, a strong atmic impulse.

321. Chúng ta có thể thấy rằng mỗi cuộc tuần hoàn đều mang phẩm tính tương ứng với số của nó. Cuộc tuần hoàn thứ năm sẽ mang một xung lực manas mạnh; cuộc tuần hoàn thứ sáu một xung lực Bồ đề mạnh; và hẳn là cuộc tuần hoàn thứ bảy, một xung lực atma mạnh.

322. The fourth round has carried and is carrying the note of conflict and astralism with some buddhic resonance probable.

322. Cuộc tuần hoàn thứ tư đã mang và đang mang âm điệu của xung đột và cảm dục tính, với một sự cộng hưởng Bồ đề nào đó có thể có.

Since the great division in the fourth rootrace, the animal kingdom has been

Kể từ sự phân chia lớn trong giống dân gốc thứ tư, giới động vật chủ yếu bận rộn với sự

primarily occupied with the stimulation and development of. This is the basis of the endeavour being made by the Brotherhood by the aid of man to fan the emotional instinct (or the embryo love aspect) through the segregating of the domestic animals, and the consequent play made upon the third spirilla in the animal atoms by human magnetism or radiatory energy.

kích thích và phát triển của. **Đây là nền tảng của nỗ lực mà Huynh đệ Đoàn Chánh đạo đang thực hiện, với sự trợ giúp của con người, để khơi bùng bản năng cảm xúc (hay phương diện bác ái phôi thai) qua việc tách riêng các động vật thuần dưỡng,** và tác động tiếp theo lên loa tuyến thứ ba trong các nguyên tử động vật bằng từ điện hay năng lượng bức xạ của con người.

323. DK tells us of the work being done by animals who were "passed"—at least, it seems that He is speaking specifically of those, as the rejected ones were not in physical incarnation after their rejection.

323. Chân sư DK cho chúng ta biết về công việc đang được thực hiện bởi những động vật đã được "thông qua"—ít nhất dường như Ngài đang nói riêng về những đơn vị ấy, vì những đơn vị bị loại bỏ đã không ở trong nhập thể hồng trần sau khi bị loại bỏ.

324. If those that were "passed" could not receive manasic stimulation in the continuation of the fourth root race of the fourth round, at least they received 'kamic' stimulation.

324. Nếu những đơn vị đã được "thông qua" không thể nhận được kích thích manas trong phần tiếp diễn của giống dân gốc thứ tư của cuộc tuần hoàn thứ tư, thì ít nhất chúng đã nhận được kích thích 'kama'.

325. There are many animals, we realize, devoid of the emotional instinct—at least in any form we would recognize it. But in the domestic animals, the embryo love aspect is certainly to be noticed.

325. Chúng ta nhận ra rằng có nhiều loài động vật không có bản năng cảm xúc—ít nhất là dưới bất kỳ hình thức nào mà chúng ta có thể nhận ra. Nhưng nơi các động vật thuần dưỡng, phương diện bác ái phôi thai chắc chắn có thể được nhận thấy.

326. These are the animals that are coming under the close supervision of humanity and which experience the greatest impact from human energy.

326. Đây là những động vật đang chịu sự giám sát chặt chẽ của nhân loại và trải nghiệm tác động lớn nhất từ năng lượng con người.

327. Human beings supervising domestic animals are stimulating the third spirilla, which can be correlated with animal intelligence. Their intelligence is growing along with their emotional sensitivity.

327. Những con người giám sát các động vật thuần dưỡng đang kích thích loa tuyến thứ ba, vốn có thể được tương quan với trí tuệ động vật. Trí tuệ của chúng đang tăng trưởng cùng với sự nhạy cảm cảm xúc của chúng.

328. One wonders if the segregating of the domestic animals began in the fifth subrace of the fourth root race, as the number five rules separation and the Law of Cleavages in general.

328. Người ta tự hỏi liệu việc tách riêng các động vật thuần dưỡng có bắt đầu trong giống dân phụ thứ năm của giống dân gốc thứ tư hay không, vì số năm cai quản sự phân ly và Định luật về các Sự Phân Cắt nói chung.

329. We are not told what happened to the rejected three-fourths; only that they became "temporarily quiescent" and that they will not manifest *physically* until the next round. We may wonder concerning what type of animals they were (in Atlantean days) and whether we would recognize them as similar to any animals today.

329. Chúng ta không được cho biết điều gì đã xảy ra với ba phần tư bị loại bỏ; chỉ biết rằng chúng trở nên "tạm thời tĩnh lặng" và rằng chúng sẽ không biểu hiện *về mặt hồng trần* cho đến cuộc tuần hoàn kế tiếp. Chúng ta có thể tự hỏi chúng là loại động vật nào (trong thời Atlantis) và liệu chúng ta có nhận ra chúng là tương tự với bất kỳ loài vật nào ngày nay hay không.

330. We much realize that, presently, incarnated animals cover a huge range of development, from a worm to an elephant.

330. Chúng ta phải nhận ra rằng hiện nay các động vật nhập thể bao trùm một phạm vi phát triển rất lớn, từ một con giun đến một con voi.

331. When DK speaks of the segregation of the animal types in Atlantean days, is He speaking only of relatively higher animals? Or is He including the huge range. One ponders on the nature of the rejected ones and how they may have differed from some of the lower animal types found today. There are mysteries here.

331. Khi Chân sư DK nói về sự phân ly các loại động vật trong thời Atlantis, phải chăng Ngài chỉ nói đến những loài động vật tương đối cao hơn? Hay Ngài bao gồm cả một phạm vi rất rộng? Người ta suy ngẫm về bản chất của những loài bị loại bỏ ấy và về cách chúng có thể đã khác với một số loài động vật thấp hơn được thấy ngày nay. Ở đây có những huyền nhiệm.

The sumtotal of the domestic animals—the animal units brought into closest connection with man—form the heart centre in the body of that great Entity Who is the life of the animal kingdom.

Tổng thể các động vật thuần dưỡng—những đơn vị động vật được đưa vào mối liên hệ gần gũi nhất với con người—tạo thành trung tâm tim trong thể của Thực Thể vĩ đại là sự sống của giới động vật ấy.

332. This is an "**E**ntity" and not the "**e**ntity" who was in enmity with the "entity" embodying the lowest principle of the human race. We are speaking of a Life ensouling a great kingdom of nature. Given

332. Đây là một "**T**hực Thể" chứ không phải "**t**hực thể" đã từng thù nghịch với "thực thể" hiện thân cho nguyên khí thấp nhất của nhân loại. Chúng ta đang nói về một Sự sống phú linh cho một giới lớn của thiên nhiên.

the chart on TCF 844, it would seem that such Entities (placed in their development, so it would seem, 'above' Solar Pitris) must necessarily be self-conscious—maybe *highly* so.

Căn cứ vào biểu đồ ở TCF 844, dường như những Thực Thể như thế (xét theo sự phát triển của Các Ngài, có vẻ như ở "trên" thái dương tổ phụ) tất yếu phải có ngã thức—có lẽ là ở mức *rất cao* nữa.

333. We are presented with a very beautiful idea—that the domestic animals are related to the heart center.

333. Chúng ta được trình bày một ý tưởng rất đẹp—rằng các động vật thuần dưỡng có liên hệ với trung tâm tim.

334. We may think of the planet Venus as related to domestication. It also has a close relation to the heart center, but can also be considered a kind of heart center in relation to the three major chakras below the diaphragm, where the animal nature is focussed.

334. Chúng ta có thể nghĩ đến hành tinh Sao Kim như có liên hệ với sự thuần dưỡng. Nó cũng có liên hệ mật thiết với trung tâm tim, nhưng cũng có thể được xem như một loại trung tâm tim trong tương quan với ba luân xa chính dưới cơ hoành, nơi bản chất động vật được tập trung.

335. Venus means something of great significance to man, but also to the higher lives of the animal kingdom.

335. Sao Kim mang một ý nghĩa có thâm nghĩa lớn lao đối với con người, nhưng cũng đối với các sự sống cao hơn của giới động vật.

From the heart flow all the influences which will eventually permeate the entire body. **These units are those which will be finally separated from the group soul at the reopening of the door into the human kingdom in the next round.**

Từ tim tuôn ra mọi ảnh hưởng mà cuối cùng sẽ thấm khắp toàn thể. **Những đơn vị này là những đơn vị rốt cuộc sẽ được tách ra khỏi hồn nhóm vào lúc cánh cửa đi vào giới nhân loại được mở lại trong cuộc tuần hoàn kế tiếp.**

336. We are not told during which human root race of the next round this will occur. But as mentioned before, the term "fifth root race" is used in relation to the "Judgment Day", and if DK is actually talking of the actual "Judgment Day" of the next round, then He is telling us that it will occur in the fifth root race of that round.

336. Chúng ta không được cho biết điều này sẽ xảy ra trong giống dân gốc nào của nhân loại ở cuộc tuần hoàn kế tiếp. Nhưng như đã đề cập trước đây, thuật ngữ "giống dân gốc thứ năm" được dùng liên hệ với "Ngày Phán Xét", và nếu Chân sư DK thực sự đang nói về "Ngày Phán Xét" thực sự của cuộc tuần hoàn kế tiếp, thì Ngài đang cho chúng ta biết rằng điều đó sẽ xảy ra trong giống dân gốc thứ năm của cuộc tuần hoàn ấy.

337. We are given the important hint that when individualization is about to occur, the

337. Chúng ta được trao cho một gợi ý quan trọng rằng khi biệt ngã hóa sắp xảy ra,

animal units ripe for individualization will be separated form the group soul. They are not, technically, "units" (as that term is technically used), because they are not yet self-conscious, but their separation from the group soul is the beginning of their self-consciousness.

những đơn vị động vật đã chín muồi cho biệt ngã hóa sẽ được tách ra khỏi hồn nhóm. Về mặt kỹ thuật, chúng không phải là những "đơn vị" (theo cách dùng kỹ thuật của thuật ngữ ấy), bởi vì chúng chưa có ngã thức, nhưng sự tách rời của chúng khỏi hồn nhóm là khởi đầu của ngã thức nơi chúng.

338. The power of the heart center, even in relation to the animal kingdom, is suggested.

338. Quyền năng của trung tâm tim, ngay cả trong tương quan với giới động vật, được gợi ra.

339. Such an animal as the dog, found upon the second and sixth rays, must have a very considerable heart center development and will make quite a 'human being' in future cycles.

339. Một loài vật như chó, thuộc cung hai và cung sáu, hẳn phải có sự phát triển trung tâm tim rất đáng kể và sẽ trở thành một 'con người' khá đúng nghĩa trong các chu kỳ tương lai.

340. It is evident that despite the general ray types of those animals called "dog", subray types are discernable. There is a significant difference between a Doberman or a German Shepherd and a spaniel.

340. Hiển nhiên là bất chấp các loại cung tổng quát của những động vật được gọi là "chó", vẫn có thể phân biệt được các loại cung phụ. Có một khác biệt đáng kể giữa một con Doberman hay một con German Shepherd với một con spaniel.

Let us now consider the immediate present, and the advent of this seventh ray of ceremonial magic. The effect upon the animal kingdom of the force of this ray will be far less than upon the human, for it is not yet ready to respond to the vibration of this planetary Logos,

Bây giờ chúng ta hãy xét đến **hiện tại trước mắt,** và sự xuất hiện của cung bảy này của huyền thuật nghi lễ. **Ảnh hưởng lên giới động vật của mãnh lực thuộc cung này sẽ nhỏ hơn rất nhiều so với ảnh hưởng lên giới nhân loại,** vì giới ấy chưa sẵn sàng đáp ứng với rung động của Hành Tinh Thượng Đế này,

341. We propose that the Planetary Logos in question is the Logos of Uranus.

341. Chúng tôi cho rằng Hành Tinh Thượng Đế được nói đến ở đây là Thượng đế của Sao Thiên Vương.

342. In some of the *training* offered to the animal kingdom by humanity, we may see the seventh ray making a degree of impact. In this instance, however, the planet Saturn

342. Trong một số sự *huấn luyện* mà nhân loại dành cho giới động vật, chúng ta có thể thấy cung bảy tạo ra một mức độ tác động nào đó. Tuy nhiên, trong trường hợp này,

(also reasonably associated with the seventh ray) is operative.

343. Uranus is a planet of individualization (the creator of separated identity), and the animals are not yet individualized and so are unable to respond.

and will not be until the sixth round when His influence will bring about great events. Nevertheless, **certain effects might here be noticed.**

344. The prediction is that the members of the animal kingdom will be ready to respond to the Logos of the Seventh Ray during the *sixth* round.

345. By that time, those animals which have been "passed" during the fourth root race of the fourth round will long have been human beings. The other animals, however, may benefit from the increased impact.

[Page 463]

Owing to the increased activity of the deva evolution, and specially of the devas of the ethers, the lesser builders will be stimulated to build, with greater facility, bodies of a more responsive nature, and the etheric bodies of both men and animals and also their responsiveness to force or prana will be more adequate.

346. In the "immediate present" the seventh ray will promote devic stimulation and especially the stimulation of the devas of the ethers—found upon a portion of the seventh plane (i.e., upon the system etheric planes).

hành tinh Sao Thổ (cũng có thể được liên hệ hợp lý với cung bảy) đang hoạt động.

343. Sao Thiên Vương là một hành tinh của biệt ngã hóa (đấng sáng tạo bản sắc biệt lập), và các động vật chưa được biệt ngã hóa nên không thể đáp ứng.

và sẽ chưa thể cho đến cuộc tuần hoàn thứ sáu khi ảnh hưởng của Ngài sẽ mang lại những biến cố lớn lao. Tuy nhiên, **ở đây có thể nhận thấy một số hiệu quả nhất định.**

344. Dự đoán là các thành viên của giới động vật sẽ sẵn sàng đáp ứng với Thượng đế của Cung bảy trong cuộc tuần hoàn thứ *sáu*.

345. Vào lúc đó, những động vật đã được "vượt qua" trong giống dân gốc thứ tư của cuộc tuần hoàn thứ tư từ lâu sẽ đã là con người. Tuy nhiên, các động vật khác có thể được hưởng lợi từ tác động gia tăng ấy.

[Page 463]

Do hoạt động gia tăng của tiến trình tiến hoá thiên thần, và đặc biệt là của các thiên thần của các cõi dĩ thái, các vị tiểu kiến tạo sẽ được kích thích để kiến tạo, một cách dễ dàng hơn, những thể có bản chất đáp ứng hơn, và **thể dĩ thái của cả những người nam và nữ lẫn động vật, cũng như khả năng đáp ứng của chúng đối với mãnh lực hay prana, sẽ thích đáng hơn.**

346. Trong "hiện tại trước mắt", cung bảy sẽ thúc đẩy sự kích thích thiên thần và đặc biệt là sự kích thích các thiên thần của các cõi dĩ thái—được tìm thấy trên một phần của cõi thứ bảy (tức là trên các cõi dĩ thái của hệ).

347. Better and more responsive etheric bodies will thus be built for both men and animals. There will be a better processing of prana for both.

347. Nhờ đó, những thể dĩ thái tốt hơn và đáp ứng hơn sẽ được kiến tạo cho cả những người nam và nữ lẫn động vật. Sẽ có sự xử lý prana tốt hơn cho cả hai.

During the sixth subrace, disease as we know it in both kingdoms will be materially lessened owing to the pranic response of the etheric bodies.

Trong giống dân phụ thứ sáu, bệnh tật như chúng ta biết trong cả hai giới sẽ giảm đi đáng kể nhờ sự đáp ứng prana của các thể dĩ thái.

348. The connection of the seventh ray with the lessening of disease can easily be understood. The seventh ray is connected with etheric vibration, and during the next subrace of the fifth root race the pranic neutralization of disease will be successfully practiced.

348. Mối liên hệ của cung bảy với sự giảm bớt bệnh tật có thể dễ dàng được hiểu. Cung bảy liên hệ với rung động dĩ thái, và trong giống dân phụ kế tiếp của giống dân gốc thứ năm, sự trung hòa bệnh tật bằng prana sẽ được thực hành thành công.

349. We are dealing with the union of the numbers six and seven. The *six* emerges from the sixth subrace and the seven through the expression of the seventh ray.

349. Chúng ta đang bàn đến sự kết hợp của các số sáu và bảy. Số *sáu* xuất hiện từ giống dân phụ thứ sáu và số bảy qua sự biểu hiện của cung bảy.

350. Prana is, by many means of reckoning, the sixth principle, and the etheric body the seventh, so we can see how etheric improvement can be expected from the union of these two numbers.

350. Theo nhiều cách tính, prana là nguyên khí thứ sáu, còn thể dĩ thái là nguyên khí thứ bảy, vì vậy chúng ta có thể thấy vì sao có thể mong đợi sự cải thiện dĩ thái từ sự kết hợp của hai con số này.

351. There are other forms of disease of which we are not aware, but disease "as we know it" will be at least *materially* lessened.

351. Có những dạng bệnh tật khác mà chúng ta không biết đến, nhưng bệnh tật "như chúng ta biết" ít nhất sẽ được giảm đi *đáng kể.*

This will likewise bring about changes in the dense physical body and the **bodies of both men and animals will be smaller, more refined, more finely attuned to vibration,** and consequently more fitted to express essential purpose.

Điều này cũng sẽ mang lại những thay đổi trong thể xác đậm đặc và **thể của cả những người nam và nữ lẫn động vật sẽ nhỏ hơn, tinh luyện hơn, được điều chỉnh tinh tế hơn với rung động,** và do đó thích hợp hơn để biểu lộ mục đích cốt yếu.

352. Whether this predicts the coming of 'Yoda' types, we cannot say, but gigantism will be on the wane.

352. Liệu điều này có dự báo sự xuất hiện của những kiểu 'Yoda' hay không, chúng ta không thể nói, nhưng chứng khổng lồ sẽ suy giảm.

353. Will these developments already be seen in the Aquarian Age when the seventh ray is prominent for perhaps twenty five hundred years?

353. Liệu những phát triển này đã có thể được thấy trong Kỷ Nguyên Bảo Bình khi cung bảy nổi trội trong có lẽ hai ngàn năm trăm năm hay chưa?

354. We are looking then, for an increasing refinement of the vehicles of both men and animals, and the reduction in the size of these vehicles. It seems the two developments go together.

354. Như vậy, chúng ta trông đợi sự tinh luyện ngày càng tăng của các vận cụ của cả những người nam và nữ lẫn động vật, và sự giảm kích thước của các vận cụ này. Dường như hai sự phát triển ấy đi cùng nhau.

Owing to the recognition by man of the value of mantrams, and his gradual comprehension of the true ceremonial of evolution, coupled with the use of sound and colour, the animal kingdom will be better understood, and better trained, considered and utilised.

Do con người nhận ra giá trị của các mantram, và dần dần thấu hiểu **nghi lễ chân chính của tiến hoá,** cùng với việc sử dụng âm thanh và màu sắc, giới động vật sẽ được hiểu rõ hơn, và được huấn luyện, quan tâm và sử dụng tốt hơn.

355. This is a prediction that mantrams, ceremonial work and the use of sound and color will lead to an increased understanding of the animal kingdom and better methods of training its members.

355. Đây là một dự đoán rằng các mantram, công việc nghi lễ và việc sử dụng âm thanh cùng màu sắc sẽ dẫn đến sự thấu hiểu gia tăng về giới động vật và những phương pháp huấn luyện tốt hơn đối với các thành viên của giới này.

356. We already use mantrams (or simple "words of power") in the training of animals, and the *rhythmic* approach (under the seventh ray) in such training is considered indispensable.

356. Chúng ta đã sử dụng mantram (hay những "quyền năng từ" đơn giản) trong việc huấn luyện động vật, và phương pháp tiếp cận có tính *nhịp điệu* (dưới cung bảy) trong sự huấn luyện ấy được xem là không thể thiếu.

357. As for the use of sound and colour, perhaps progressive trainers already are applying these.

357. Còn về việc sử dụng âm thanh và màu sắc, có lẽ những người huấn luyện tiến bộ đã đang áp dụng chúng rồi.

358. The concept of the "true ceremonial of evolution" indicates that it an orderly and rhythmic process of which humanity can become cognizant, thus altering for the better its approach to the animal kingdom.

358. Khái niệm về "nghi lễ chân chính của tiến hoá" cho thấy đó là một tiến trình có trật tự và nhịp điệu mà nhân loại có thể nhận biết, nhờ đó cải thiện cách tiếp cận của mình đối với giới động vật.

359. Our attitude to the members of the animal kingdom should be:

359. Thái độ của chúng ta đối với các thành viên của giới động vật nên là:

a. Understand them

a. Thấu hiểu chúng

b. Train them

b. Huấn luyện chúng

c. Consider them

c. Quan tâm đến chúng

d. Utilize them

d. Sử dụng chúng

360. There are some progressive people, even today, who wisely and successfully undertake all four of these requirements.

360. Có một số người tiến bộ, ngay cả ngày nay, khôn ngoan và thành công đảm nhận cả bốn yêu cầu này.

Indications of this already can be seen; for instance, in all our current magazines at this time, stories which deal with the psychology of animals,

Những dấu hiệu của điều này đã có thể được thấy; chẳng hạn, trong tất cả các tạp chí hiện nay của chúng ta vào lúc này, những câu chuyện bàn đến tâm lý học của động vật,

361. We have but to think of the popularity of that approach which is called "horse whispering".

361. Chúng ta chỉ cần nghĩ đến mức độ phổ biến của phương pháp được gọi là "horse whispering".

362. The annals of "animal stories" are filled with examples of dogs who save their masters. I read about an older couple who was awakened during a raging fire due to the persistence of their German Shepherd. They escaped with their lives; she did not.

362. Biên niên của những "câu chuyện về động vật" đầy những ví dụ về những con chó cứu chủ của chúng. Tôi đã đọc về một cặp vợ chồng lớn tuổi được đánh thức trong một đám cháy dữ dội nhờ sự kiên trì của con German Shepherd của họ. Họ thoát chết; còn nó thì không.

and with their mental attitude to man, are constantly appearing, and by the means of these and through the force of the incoming Ray, man may (if he cares to do so) come to a

và về thái độ trí tuệ của chúng đối với con người, liên tục xuất hiện, và nhờ những điều này cùng với mãnh lực của Cung đang đi vào, **con người có thể (nếu y muốn làm như**

much wider sympathy with his brothers of less degree.

vậy) đạt đến một sự cảm thông rộng lớn hơn nhiều với những huynh đệ thấp hơn mình.

363. This is a beautiful way of thinking about the animal kingdom—"brothers of less degree". Native Americans (many of them probably members of our true Earth humanity) think of the animals as "little brothers".

363. Đây là một cách nghĩ rất đẹp về giới động vật—"những huynh đệ thấp hơn". Người Mỹ bản địa (nhiều người trong số họ có lẽ là thành viên của nhân loại Trái Đất đích thực của chúng ta) nghĩ về động vật như "những tiểu đệ".

364. DK indicates that human beings need "a much wider sympathy" for the animal kingdom. Now that much of the adverse karma is rapidly in process of clearing, this will be possible.

364. Chân sư DK chỉ ra rằng con người cần có "một sự cảm thông rộng lớn hơn nhiều" đối với giới động vật. Giờ đây khi phần lớn nghiệp quả bất lợi đang nhanh chóng trong tiến trình được thanh toán, điều này sẽ trở nên khả hữu.

365. The seventh ray rules the etheric-physical body, that vehicle which animals and humans have in common. Through the ministrations of the seventh ray, human beings may come to identify with animals (not in any degrading manner, as has been unconsciously and commonly the case) but in the spirit of planetary brotherhood, with good results for both.

365. Cung bảy cai quản thể dĩ thái-hồng trần, vận cụ mà động vật và con người cùng chia sẻ. Qua sự phụng sự của cung bảy, con người có thể đi đến chỗ đồng hoá với động vật (không phải theo bất kỳ cách hạ thấp nào, như đã vô thức và thường xảy ra) mà trong tinh thần huynh đệ hành tinh, với kết quả tốt cho cả hai.

366. Animals and humans do, after all, share a 'principle' related to the number *seven*—an animal physical body.

366. Rốt cuộc, động vật và con người quả thật cùng chia sẻ một 'nguyên khí' liên hệ với số *bảy*—một thể xác động vật.

Thus by the turning by man of his thought force upon the animals, stimulation of their latent mentality will ensue,

Như vậy, nhờ con người hướng mãnh lực tư tưởng của mình vào động vật, sự kích thích trí tuệ tiềm ẩn của chúng sẽ xảy ra,

367. This means the stimulation of the third spirilla.

367. Điều này có nghĩa là sự kích thích loa tuyến thứ ba.

leading in due course of time to the crisis in the next round.

dẫn theo thời gian đến cuộc khủng hoảng trong cuộc tuần hoàn kế tiếp.

368. This will be the crisis of individualization accompanying the activation of the fourth spirillae. We human beings are those for whom the fourth spirilla has been activated. The activation of the fifth spirilla coincides with our entry into the fifth kingdom—the Kingdom of Souls.

368. Đây sẽ là cuộc khủng hoảng của biệt ngã hóa đi kèm với sự hoạt hóa các loa tuyến thứ tư. Chúng ta, loài người, là những kẻ mà loa tuyến thứ tư đã được hoạt hóa. Sự hoạt hóa loa tuyến thứ năm trùng với việc chúng ta bước vào giới thứ năm—Thiên Giới.

369. We wonder about the relationship in the next round to the individualization of the capable animals and its relation to the "Judgment Day". We are not told of the timing of this crisis, but we are told that a type of “individualisation” will occur in the fourth root race of that round for those who are now our present aboriginal races and who, although apparently men, do not have the “spark of mind”

369. Chúng ta tự hỏi về mối liên hệ trong cuộc tuần hoàn kế tiếp giữa sự biệt ngã hóa của những động vật có khả năng và mối liên hệ của nó với "Ngày Phán Xét". Chúng ta không được cho biết về thời điểm của cuộc khủng hoảng này, nhưng chúng ta được cho biết rằng một loại “biệt ngã hóa” sẽ xảy ra trong giống dân gốc thứ tư của cuộc tuần hoàn ấy đối với những người hiện nay là các chủng tộc thổ dân hiện tại của chúng ta và những người, tuy bề ngoài là người, nhưng không có “tia lửa trí tuệ”

In the next round, during the fourth root race, and for a very brief period, a fresh cycle will reach its zenith, and will again open the door of individualisation in order to permit the entry of certain very advanced Egos who are seeking [Page 719] **incarnation in order to carry out a special piece of work.** This round will provide no bodies adequate to their need. The next round may do so if the plans proceed as anticipated. **In this case the Manasadevas concerned will not individualise animal men as in the previous round, but will stimulate the mental germ in those members of the present human family who—as H. P. B. says—though apparently men, are without the spark of mind.**[40] **During the next seven hundred years, these low aboriginal races will practically die out and will not—in this round—reincarnate.** They will be rejected. In the next round opportunity will again occur, and the Manasadevas will again renew their work of

Trong cuộc tuần hoàn kế tiếp, trong giống dân gốc thứ tư, và trong một thời kỳ rất ngắn, một chu kỳ mới sẽ đạt đến đỉnh điểm của nó, và sẽ lại mở cánh cửa biệt ngã hóa để cho phép sự nhập vào của một số Chân ngã rất tiến bộ đang tìm kiếm [Page 719] **sự lâm phàm nhằm thực hiện một công việc đặc biệt.** Cuộc tuần hoàn này sẽ không cung cấp những thể thích đáng với nhu cầu của họ. Cuộc tuần hoàn kế tiếp có thể làm được điều đó nếu các kế hoạch diễn tiến như dự liệu. **Trong trường hợp này, các Manasadevas liên hệ sẽ không biệt ngã hóa những người thú như trong cuộc tuần hoàn trước, mà sẽ kích thích mầm trí tuệ nơi những thành viên của gia đình nhân loại hiện nay mà—như H. P. B. nói—tuy bề ngoài là người, nhưng không có tia lửa trí tuệ.40 Trong bảy trăm năm tới, những chủng tộc thổ dân thấp kém này trên thực tế sẽ chết dần và sẽ không—trong cuộc tuần hoàn này—tái sinh.** Họ sẽ bị loại bỏ. Trong cuộc tuần hoàn kế tiếp, cơ hội sẽ lại

forming individualistic nuclei for the development of self-consciousness. (TCF 718-719)

xuất hiện, và các Manasadevas sẽ lại tiếp tục công việc của mình là hình thành các hạt nhân biệt ngã cho sự phát triển của ngã thức. (TCF 718-719)

More attention should be paid by occult students to the effect of the consciousness of one group upon another group, and the advancement of the lesser, by the means of the stimulating power of the greater, should be studied.

Các đạo sinh huyền bí học nên chú ý nhiều hơn đến ảnh hưởng của tâm thức của một nhóm lên một nhóm khác, và nên nghiên cứu sự tiến bộ của nhóm thấp hơn bằng mãnh lực kích thích của nhóm cao hơn.

370. This type of advancement is seen in the relationship between the members of the fifth and fourth kingdoms, resulting in the advancement of those in the fourth kingdom.

370. Loại tiến bộ này được thấy trong mối liên hệ giữa các thành viên của giới thứ năm và giới thứ tư, dẫn đến sự tiến bộ của những kẻ ở trong giới thứ tư.

371. The parallel is obvious; when human beings as members of the fourth kingdom concentrate on the welfare of the animal kingdom, and associate with them (preferably benevolently), the members of that lower kingdom advance towards the higher.

371. Sự tương đồng là hiển nhiên; khi con người với tư cách là thành viên của giới thứ tư tập trung vào phúc lợi của giới động vật, và giao tiếp với chúng (tốt nhất là một cách nhân từ), các thành viên của giới thấp hơn ấy sẽ tiến lên hướng về giới cao hơn.

372. In occultism there is always a helping hand offered by the immediately superior kingdom to the kingdom immediately below it.

372. Trong huyền bí học, luôn luôn có một bàn tay trợ giúp được giới cao hơn ngay liền kề trao cho giới ngay bên dưới nó.

373. Sometimes, a more dramatic intervention may occur in which kingdoms or Creative Hierarchies higher than the next kingdom immediately above may offer their assistance. Was this the case with regard to the relationship between the Solar Angels and the members of the Fourth Creative Hierarchy? We may question, "Who really *are* the Solar Angels?" and "Are they truly represented in a way we man discern on the tables to be found on *Esoteric Astrology* 34. and 35?"

373. Đôi khi, có thể xảy ra một sự can thiệp kịch tính hơn, trong đó các giới hay các Huyền Giai Sáng Tạo cao hơn giới kế cận ngay phía trên cũng có thể trao sự trợ giúp của mình. Có phải đây là trường hợp liên quan đến mối liên hệ giữa các Thái dương Thiên Thần và các thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo Thứ Tư không? Chúng ta có thể đặt câu hỏi, "Các Thái dương Thiên Thần thực sự *là* ai?" và "Liệu các Ngài có thực sự được trình bày theo cách mà con người có

thể phân biện trên các bảng được tìm thấy ở *Chiêm Tinh Học Nội Môn* 34 và 35 không?"

The following facts should be realised:

Những sự kiện sau đây cần được chứng nghiệm:

a. The powerful vibration of the Lords of the three Rays, and of Their radiation, stimulates the four Heavenly [Page 464] Men and develops Their apprehension, enabling Them to expand Their consciousness.

a. Rung động mãnh liệt của các Đấng Chúa Tể của ba Cung, và của sự bức xạ của Các Ngài, kích thích bốn Đấng Thiên Nhân [Page 464] và phát triển sự lĩnh hội của Các Ngài, giúp Các Ngài mở rộng tâm thức của mình.

374. We are speaking of the interaction between the Lords of the Rays of Aspect and the Lords of the Rays of Attribute. The Triad stimulates the Quaternary; the Triangle stimulates the Square.

374. Chúng ta đang nói về sự tương tác giữa các Đấng Chúa Tể của Các Cung Trạng Thái và các Đấng Chúa Tể của Các Cung Thuộc Tính. Tam nguyên tinh thần kích thích Tứ nguyên; Tam giác kích thích Hình vuông.

b. The consciousness of the Heavenly Men stimulates all the units in Their bodies, but causes specialised response from those who are actively and intelligently working at the development of group consciousness.

b. Tâm thức của các Đấng Thiên Nhân kích thích mọi đơn vị trong các thể của Các Ngài, nhưng gây ra sự đáp ứng chuyên biệt nơi những ai đang tích cực và thông minh làm việc cho sự phát triển của tâm thức nhóm.

375. This is because the Planetary Logoi are, Themselves, high examples of *group* consciousness.

375. Điều này là vì các Hành Tinh Thượng Đế, chính Các Ngài, là những tấm gương cao cả của tâm thức *nhóm*.

a. Man is the individual

a. Con người là cá nhân

b. The Planetary Logos is the group

b. Hành Tinh Thượng Đế là nhóm

c. The Solar Logos is the One

c. Thái dương Thượng đế là Đấng Duy Nhất

376. Naturally, we are speaking in relative terms.

376. Dĩ nhiên, chúng ta đang nói theo nghĩa tương đối.

The vibration, for instance, of a planetary Logos has a peculiar effect upon all those who are initiates, adepts and chohans, and brings their three major spirillae to the necessitated vibration.

Chẳng hạn, rung động của một Hành Tinh Thượng Đế có một hiệu quả đặc biệt lên tất cả những ai là điểm đạo đồ, chân sư và chohan, và đưa ba loa tuyến chính của họ đến rung động cần thiết.

377. Initiates, Adept and Chohans work through permanent atoms of the spiritual triad which have only the three major spirillae, as we see in a quotation below.

377. Các điểm đạo đồ, chân sư và chohan hoạt động qua các nguyên tử trường tồn của Tam Nguyên Tinh Thần, vốn chỉ có ba loa tuyến chính, như chúng ta thấy trong một trích dẫn bên dưới.

378. Initiates, Adepts and Chohans are all *group* conscious.

378. Các điểm đạo đồ, chân sư và chohan đều có tâm thức *nhóm*.

379. The fifth spirilla refers to the stage of Adept and all that leads to that stage starting form the point of the first initiation.

379. Loa tuyến thứ năm chỉ đến giai đoạn chân sư và tất cả những gì dẫn đến giai đoạn ấy bắt đầu từ điểm của lần điểm đạo thứ nhất.

380. The stimulation of the sixth spirilla refers to Chohans and to the Monad.

380. Sự kích thích loa tuyến thứ sáu chỉ đến các chohan và đến chân thần.

381. As for the seventh spirilla, perhaps initiates of the seventh initiation (who know, presumably, somewhat about the Kingdom of Solar Lives) may experience this stimulation.

381. Còn về loa tuyến thứ bảy, có lẽ các điểm đạo đồ của lần điểm đạo thứ bảy (những vị, theo giả định, biết phần nào về giới của Các Sự sống Thái Dương) có thể trải nghiệm sự kích thích này.

382. The stimulation of the spirillae is correlated with the rounds which correlate with the number designating the spirillae.

382. Sự kích thích các loa tuyến tương quan với các cuộc tuần hoàn, mà các cuộc tuần hoàn ấy tương quan với con số chỉ định các loa tuyến.

383. We are being told that the Planetary Logos is responsible for the stimulation of the three major spirillae. Planetary process itself will determine the stimulation of the four lower.

383. Chúng ta đang được cho biết rằng Hành Tinh Thượng Đế chịu trách nhiệm về sự kích thích ba loa tuyến chính. Bản thân tiến trình hành tinh sẽ quyết định sự kích thích bốn loa tuyến thấp hơn.

384. However, a type of divine intervention by the Solar Angels aided greatly in the stimulation of the fourth spirilla for certain units of animal man on the fourth globe of the fourth chain in the fourth scheme.

384. Tuy nhiên, một loại can thiệp thiêng liêng của các Thái dương Thiên Thần đã trợ giúp rất nhiều trong việc kích thích loa tuyến thứ tư cho một số đơn vị người thú trên bầu hành tinh thứ tư của dãy thứ tư trong hệ hành tinh thứ tư.

385. There are not only seven spirillae but three major spirillae and a lesser seven. The following is of interest in this regard:

385. Không chỉ có bảy loa tuyến mà còn có ba loa tuyến chính và một nhóm bảy nhỏ hơn. Điều sau đây đáng chú ý về phương diện này:

7. The closer the approach to reality the simpler will be found the arrangement of the spirilla. **These streams of force show a septenary arrangement in the lower three permanent atoms of man, while the higher three contain but three spirillae—the major three. (TCF 531-532)**

7. Càng đến gần thực tại, sự sắp xếp của các loa tuyến sẽ được thấy là càng đơn giản. **Những dòng mãnh lực này cho thấy một sự sắp xếp thất phân trong ba nguyên tử trường tồn thấp hơn của con người, trong khi ba nguyên tử cao hơn chỉ chứa ba loa tuyến—ba loa tuyến chính. (TCF 531-532)**

386. We note that, in this context, the members of the atomic triangle are *all* called permanent atoms and the mental unit is not differentiated by name.

386. Chúng ta lưu ý rằng, trong ngữ cảnh này, các thành viên của tam giác nguyên tử *đều* được gọi là nguyên tử trường tồn và đơn vị hạ trí không được phân biệt bằng tên gọi.

This, of course, is in connection with the physical atom in a man's body. This coloring manifests as the vibration setting the measure of the major three spirillae and the minor seven. (TCF 252-253)

Điều này, dĩ nhiên, liên hệ với nguyên tử hồng trần trong thân thể của một người. Sự tô màu này biểu lộ như rung động đặt ra mức độ của ba loa tuyến chính và bảy loa tuyến nhỏ. (TCF 252-253)

4. The spirillae are literally ten in number, three major and seven minor. But from the unity point of view, they are the four and the major three, the remaining lesser three being counted as one with their major, inasmuch as they are direct reflections. (TCF 531)

4. **Các loa tuyến thực sự có số lượng là mười, ba chính và bảy phụ.** Nhưng xét từ quan điểm hợp nhất, chúng là bốn và ba chính, **ba loa tuyến nhỏ còn lại được tính là một với loa tuyến chính của chúng, vì chúng là những phản chiếu trực tiếp.** (TCF 531)

387. From all this we may gather, that the spirillae five, six and seven are reflections of the major spirillae, three, two and one.

387. Từ tất cả điều này, chúng ta có thể suy ra rằng các loa tuyến năm, sáu và bảy là những phản chiếu của các loa tuyến chính ba, hai và một.

388. Yet, the activation of the fifth spirilla does not necessarily correlate with the activation of the third major spirilla, as we see immediately below.

388. Tuy nhiên, sự hoạt hóa loa tuyến thứ năm không nhất thiết tương quan với sự hoạt hóa loa tuyến chính thứ ba, như chúng ta thấy ngay bên dưới.

This work is begun when the sixth spirilla (in the minor group of seven) is active.

389. We are speaking of the manner in which the stimulation of the three major spirillae is prepared. The sixth spirilla of the lower group of seven prepares the way for the stimulation of the higher three.

390. An analogy is suggested. The monadic plane is the doorway to a higher trinity. Are there really *ten* planes and not seven?

391. The discussion of major and minor spirillae is very interesting but may present us with some problems. Humanity exists because the fourth spirilla is active; the Kingdom of Souls exists because the fifth spirilla is active; what of the Kingdom of Planetary Lives and the Kingdom of Solar Lives? Are we dealing with the sixth and seventh spirillae or with some of the major spirillae? Are the major spirillae stimulated simultaneously with the stimulation of the highest of the lower seven spirillae? It would seem so.

392. There may be an analogy here between the stimulation of the nine petals of the egoic lotus and the stimulation of the final three or synthesizing petals.

393. Of course, one would think that the petals of the egoic lotus would be destroyed long before the sixth spirilla would be activated, yet the following indicates otherwise:

2. The fifth and sixth spirillae are more specifically under the egoic Ray, whatever that Ray may be. (TCF 531)

Công việc này được bắt đầu khi loa tuyến thứ sáu (trong nhóm bảy nhỏ) hoạt động.

389. Chúng ta đang nói về cách thức mà sự kích thích ba loa tuyến chính được chuẩn bị. Loa tuyến thứ sáu của nhóm bảy thấp hơn dọn đường cho sự kích thích ba loa tuyến cao hơn.

390. Một sự tương đồng được gợi ra. Cõi chân thần là cánh cửa dẫn vào một tam vị cao hơn. Có thật sự là có *mười* cõi chứ không phải bảy không?

391. Cuộc thảo luận về các loa tuyến chính và phụ rất thú vị nhưng có thể đặt ra cho chúng ta một số vấn đề. Nhân loại tồn tại vì loa tuyến thứ tư hoạt động; Thiên Giới tồn tại vì loa tuyến thứ năm hoạt động; còn giới của Các Sự Sống Hành tinh và giới của Các Sự sống Thái Dương thì sao? Chúng ta đang bàn đến loa tuyến thứ sáu và thứ bảy hay một số loa tuyến chính? Có phải các loa tuyến chính được kích thích đồng thời với sự kích thích loa tuyến cao nhất trong bảy loa tuyến thấp hơn không? Có vẻ là như vậy.

392. Ở đây có thể có một sự tương đồng giữa sự kích thích chín cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã và sự kích thích ba cánh hoa cuối cùng hay các cánh hoa tổng hợp.

393. Dĩ nhiên, người ta sẽ nghĩ rằng các cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã sẽ bị hủy diệt rất lâu trước khi loa tuyến thứ sáu được hoạt hóa, tuy nhiên điều sau đây cho thấy khác đi:

2. Các loa tuyến thứ năm và thứ sáu đặc biệt nằm dưới cung chân ngã, bất kể cung ấy là cung nào. (TCF 531)

394. Yet, we must remember that the "egoic Ray" is really the Ray of the spiritual triad, and this ray may indeed be the concern of those approaching Mastership (even though the monadic ray is their preoccupying concern).

394. Tuy nhiên, chúng ta phải nhớ rằng "cung chân ngã" thực ra là cung của Tam Nguyên Tinh Thần, và cung này quả thật có thể là mối quan tâm của những ai đang tiến gần đến Chân sư quả (dù cung chân thần mới là mối bận tâm chủ yếu của họ).

c. The consciousness of man is stimulated and developed when—at a certain stage—he can respond to the vibration of members of the Occult Hierarchy, and is thus nearing the portal into the fifth kingdom. **This coincides with the vibratory activity of the fifth spirilla.**

c. Tâm thức của con người được kích thích và phát triển khi—ở một giai đoạn nhất định—y có thể đáp ứng với rung động của các thành viên của Thánh Đoàn Huyền Bí, và do đó đang tiến gần cánh cửa vào giới thứ năm. **Điều này trùng với hoạt động rung động của loa tuyến thứ năm.**

395. This is a natural and predictable correspondence.

395. Đây là một sự tương ứng tự nhiên và có thể dự đoán được.

396. In this case, we understand the members of the Occult Hierarchy approaching humanity just as a human being would approach a member of the animal kingdom.

396. Trong trường hợp này, chúng ta hiểu các thành viên của Thánh Đoàn Huyền Bí đang tiếp cận nhân loại cũng như một con người sẽ tiếp cận một thành viên của giới động vật.

397. As stated, entry into the fifth kingdom coincides with the stimulation of the fifth spirilla.

397. Như đã nói, việc bước vào giới thứ năm trùng với sự kích thích loa tuyến thứ năm.

398. Similarly, Chohans will approach Adepts, and Chohans of the seventh initiation will approach Chohans of the sixth degree.

398. Tương tự như vậy, các chohan sẽ tiếp cận các chân sư, và các chohan của lần điểm đạo thứ bảy sẽ tiếp cận các chohan của cấp thứ sáu.

d. In like manner, the less evolved units of the race, who are scarcely more than animals, are brought to the necessary stage of vibration by the play upon their mental bodies of the combined vibrations of men, whose fourth spirilla is functioning adequately.

d. Cũng theo cách ấy, những đơn vị kém tiến hoá hơn của nhân loại, hầu như không hơn động vật là bao, được đưa đến giai đoạn rung động cần thiết nhờ tác động lên các thể trí của họ bởi những rung động kết hợp của những con người mà loa tuyến thứ tư đang hoạt động đầy đủ.

399. We are not only speaking of how human beings stimulate those who are still animals, but of how more advanced human beings stimulate those among humanity who are so little evolved that DK considers them "scarcely more than animals".

399. Chúng ta không chỉ nói về cách con người kích thích những kẻ vẫn còn là động vật, mà còn về cách những con người tiến bộ hơn kích thích những người trong nhân loại còn tiến hoá ít đến mức Chân sư DK xem họ là "hầu như không hơn động vật là bao".

400. Such a view of humanity and its types (widely separated in their development) may be factually correct from the occult perspective, but it is not considered "politically correct" according to present standards.

400. Một quan điểm như thế về nhân loại và các loại hình của nó (cách biệt rất xa nhau trong sự phát triển) có thể đúng về mặt sự kiện theo quan điểm huyền bí học, nhưng không được xem là "đúng đắn về chính trị" theo các tiêu chuẩn hiện nay.

401. These will be people who individualized in Atlantis (the second of two types of individualization on Earth).

401. Đây sẽ là những người đã biệt ngã hóa trong Atlantis (loại biệt ngã hóa thứ hai trong hai loại trên Trái Đất).

402. Those members of the human kingdom who have the fourth spirilla functioning will influence the activation of the fourth spirilla in those who are still close in their development to the animal kingdom.

402. Những thành viên của giới nhân loại có loa tuyến thứ tư đang hoạt động sẽ ảnh hưởng đến sự hoạt hóa loa tuyến thứ tư nơi những người vẫn còn gần với giới động vật trong sự phát triển của họ.

In these last two cases we are dealing with the spirillae of the mental permanent atom.

Trong hai trường hợp cuối này, chúng ta đang bàn đến các loa tuyến của nguyên tử trường tồn trí tuệ.

403. When the fourth spirilla of the *mental* permanent atom is fully functioning the unit involved is fully a human being, i.e., the mental unit.

403. Khi loa tuyến thứ tư của nguyên tử trường tồn *trí tuệ* hoạt động đầy đủ, đơn vị liên hệ hoàn toàn là một con người, tức là đơn vị hạ trí.

404. We cannot be speaking of the spirillae of the manasic permanent atom, per se, because like the other permanent atoms of the spiritual triad, it has only the three major spirillae, as we have just read in the reference from TCF 531-532)

404. Chúng ta không thể đang nói về các loa tuyến của nguyên tử trường tồn manas, chính nó, bởi vì giống như các nguyên tử trường tồn khác của Tam Nguyên Tinh Thần, nó chỉ có ba loa tuyến chính, như chúng ta vừa đọc trong trích dẫn từ TCF 531-532)

405. When the fourth spirilla of the mental permanent atom is sufficiently stimulated, the unit involved can begin to orient himself consciously towards the third sub-plane of the higher mental plane and eventually to the manasic permanent atom itself. This would involve the stimulation of the third spirilla of the manasic permanent atom (which only has three spirillae). When compared to the mental unit, the third spirilla of the manasic permanent atom is like the fifth spirilla in relation to the fourth of the mental unit.

405. Khi loa tuyến thứ tư của nguyên tử trường tồn trí tuệ được kích thích đầy đủ, đơn vị liên hệ có thể bắt đầu tự định hướng một cách hữu thức về phía cõi phụ thứ ba của Cõi thượng trí và cuối cùng hướng đến chính nguyên tử trường tồn manas. Điều này sẽ bao hàm sự kích thích loa tuyến thứ ba của nguyên tử trường tồn manas (vốn chỉ có ba loa tuyến). So với đơn vị hạ trí, loa tuyến thứ ba của nguyên tử trường tồn manas giống như loa tuyến thứ năm trong tương quan với loa tuyến thứ tư của đơn vị hạ trí.

In the other two we are dealing with occult mysteries, bound up in the vivification of solar and not human permanent atoms.

Trong hai trường hợp kia, chúng ta đang bàn đến những huyền nhiệm huyền bí học, gắn liền với sự tiếp sinh lực cho các nguyên tử trường tồn thái dương chứ không phải nhân loại.

406. The first two examples, points “a.” and “b.” relate to relations between Ray Lords (point “a.”) and between the Heavenly Man and those Who are actively engaged in the development of group consciousness (i.e., the members of the Spiritual Hierarchy).

406. Hai ví dụ đầu tiên, các điểm “a.” và “b.” liên hệ đến các mối quan hệ giữa các Đấng Chúa Tể Cung (điểm “a.”) và giữa Đấng Thiên Nhân với những Đấng đang tích cực tham gia vào sự phát triển của tâm thức nhóm (tức là các thành viên của Thánh đoàn tinh thần).

407. When we speak of “solar” permanent atoms, are we speaking of the permanent atoms of the Solar Logos or of *other* solar Beings.

407. Khi chúng ta nói đến các nguyên tử trường tồn “thái dương”, phải chăng chúng ta đang nói đến các nguyên tử trường tồn của Thái dương Thượng đế hay của các Hữu thể thái dương *khác*.

408. The Solar Logos, Planetary Logoi and Chain Lords have but one permanent atom on the cosmic physical plane. Do They have what could be considered a “solar” permanent atom?

408. Thái dương Thượng đế, các Hành Tinh Thượng Đế và các Chúa Tể Dãy chỉ có một nguyên tử trường tồn trên cõi hồng trần vũ trụ. Các Ngài có cái gì có thể được xem là một nguyên tử trường tồn “thái dương” không?

I. One permanent atom... the physical.

I. Một nguyên tử trường tồn... nguyên tử hồng trần.

1. A solar Logos.

2. The three major Rays, or Lords of Aspect.

3. The seven Heavenly Men.

4. The forty-nine Regents of the planetary chains. (TCF 533)

409. Further, need the solar permanent atoms be limited to the cosmic physical plane? Perhaps the developments of which we are speaking, especially in point "a." can involve some of the higher permanent atoms of the Solar Logos.

410. The solar permanent atom of the Solar Logos on the cosmic physical plane would certainly be effective in the stimulation of Shamballa.

411. But as DK has told us, these are occult mysteries and, apparently, deep ones well beyond our ken.

e. The fourth Creative Hierarchy, viewed as a unit functioning on this planet (and leaving out of consideration its manifestation in other schemes) works in a magnetic manner, and in a stimulative capacity upon the animal kingdom, the force of its vibration pouring on to the astral bodies of the animals, and producing response.

412. Here we have the interplay of the numbers four, six and two.

1. Một Thái dương Thượng đế.

2. Ba Cung chính, hay các Đấng Chúa Tể Trạng Thái.

3. Bảy Đấng Thiên Nhân.

4. Bốn mươi chín Đấng Nhiếp Chính của các dãy hành tinh. (TCF 533)

409. Hơn nữa, các nguyên tử trường tồn thái dương có nhất thiết phải bị giới hạn trong cõi hồng trần vũ trụ không? Có lẽ những phát triển mà chúng ta đang bàn đến, đặc biệt ở điểm "a.", có thể liên quan đến một số nguyên tử trường tồn cao hơn của Thái dương Thượng đế.

410. Nguyên tử trường tồn thái dương của Thái dương Thượng đế trên cõi hồng trần vũ trụ chắc chắn sẽ có hiệu quả trong việc kích thích Shamballa.

411. Nhưng như Chân sư DK đã nói với chúng ta, đây là những huyền nhiệm huyền bí học và, rõ ràng, là những huyền nhiệm sâu xa vượt xa tầm hiểu biết của chúng ta.

e. **Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư,** được nhìn như một đơn vị đang hoạt động trên hành tinh này (và không xét đến sự biểu hiện của nó trong các hệ hành tinh khác) hoạt động theo cách từ tính, và với năng lực kích thích lên giới động vật, **mãnh lực rung động của nó tuôn xuống các thể cảm dục của động vật,** và tạo ra sự đáp ứng.

412. Ở đây chúng ta có sự tương tác của các số bốn, sáu và hai.

413. Chúng ta có thể thấy số bốn (của Huyền Giai Sáng Tạo Thứ Tư) sẽ tương tác với số sáu

413. We can see how the four (of the Fourth Creative Hierarchy) would interplay with the six or two represented by the astral nature.

hay số hai được biểu thị bởi bản chất cảm dục như thế nào.

414. The effect of the human Hierarchy upon the animal kingdom would be *kamic* rather than *manasic.* This effect would arise simply because the Fourth Creative Hierarchy is what it is, and not because of a specialized focus upon the animal kingdom.

414. Ảnh hưởng của Thánh Đoàn nhân loại lên giới động vật sẽ mang tính *cảm dục* hơn là *manas.* Ảnh hưởng này sẽ phát sinh đơn giản vì Huyền Giai Sáng Tạo Thứ Tư là như thế, chứ không phải vì có một sự tập trung chuyên biệt vào giới động vật.

415. This section, incidentally, confirms the idea of the presence of members of the "fourth Creative Hierarchy" in other schemes, and, as well, the presence of members of the animal kingdom in other schemes.

415. Nhân tiện, phần này xác nhận ý tưởng về sự hiện diện của các thành viên của "Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư" trong các hệ hành tinh khác, và đồng thời cả sự hiện diện của các thành viên của giới động vật trong các hệ hành tinh khác.

416. Humanity is magnetic because it is essentially buddhic.

416. Nhân loại có tính từ tính vì về bản chất nó là Bồ đề.

This awakens to a more effective apprehension all the units of the animal kingdom.

Điều này đánh thức nơi mọi đơn vị của giới động vật một sự lĩnh hội hữu hiệu hơn.

417. We are speaking of *all* the animal kingdom and not only of the domestic animals.

417. Chúng ta đang nói về *toàn bộ* giới động vật chứ không chỉ các động vật thuần dưỡng.

418. The occult interdependence of the kingdoms of nature is something which needs close examination.

418. Sự tương thuộc huyền bí giữa các giới trong thiên nhiên là điều cần được khảo sát kỹ lưỡng.

Hence it can be seen how close is the interplay, and the interdependence, and how closely united all these greater and lesser lives are with each other.

Do đó có thể thấy sự tương tác và tương thuộc gần gũi đến mức nào, và tất cả những sự sống lớn hơn và nhỏ hơn này liên kết mật thiết với nhau đến mức nào.

419. This is the realization with which DK would leave us when considering the interplay of the kingdoms and especially of

419. Đây là sự chứng nghiệm mà Chân sư DK muốn để lại cho chúng ta khi xem xét sự tương tác của các giới và đặc biệt của giới thứ

the third and fourth kingdoms, which has been the subject of the foregoing pages.

ba và giới thứ tư, vốn là chủ đề của các trang vừa qua.

Growth and development in one part of the [Page 465] body logoic produces a corresponding advance in the whole.

Sự tăng trưởng và phát triển trong một phần của [Page 465] thể logoic tạo ra một sự tiến bộ tương ứng trong toàn thể.

420. This is a general principle. It applies to intra-kingdom affairs (for instance, *within* the human kingdom) and also to all parts of the body logoic (*inter*-kingdom interplay_

420. Đây là một nguyên lý tổng quát. Nó áp dụng cho các vấn đề nội giới (thí dụ, *bên trong* giới nhân loại) và cũng áp dụng cho mọi phần của thể logoic (*liên*-giới tương tác_

421. When one part of that vast body rises in quality, all other parts rise. Rising in quality is not the same as being victorious in limited circumstances. A victory may result from a temporary degradation of quality.

421. Khi một phần của thể bao la ấy thăng cao về phẩm tính, mọi phần khác cũng thăng cao. Sự thăng cao về phẩm tính không đồng nghĩa với việc chiến thắng trong những hoàn cảnh hạn hẹp. Một chiến thắng có thể là kết quả của sự suy thoái tạm thời về phẩm tính.

No man, for instance, can make definite and specialised progress without his brother benefiting,—this benefiting taking the form of:

Thí dụ, không ai có thể đạt được sự tiến bộ rõ rệt và chuyên biệt mà không làm cho huynh đệ của mình được lợi ích,—lợi ích này biểu lộ dưới hình thức:

422. Here is the example which pertains to the human kingdom. Instinctively, we know it to be true.

422. Đây là thí dụ liên quan đến giới nhân loại. Theo bản năng, chúng ta biết điều đó là đúng.

The increase of the total consciousness of the group.

Sự gia tăng của tổng tâm thức của nhóm.

423. Our expansions of consciousness contribute to the expansions of consciousness of all fellow group members.

423. Những sự mở rộng tâm thức của chúng ta góp phần vào những sự mở rộng tâm thức của mọi thành viên đồng nhóm.

The stimulation of units in the group.

Sự kích thích các đơn vị trong nhóm.

424. Elevation in vibratory frequency elevates the vibratory frequency of fellow units. The reverse is also the case.

424. Sự nâng cao tần số rung động sẽ nâng cao tần số rung động của các đơn vị đồng nhóm. Điều ngược lại cũng đúng.

The group magnetism producing increased healing or blending effects upon allied groups.

425. The group rendered more magnetic by the increasing magnetism of its members affects other groups in a magnetic manner. Let us think of the magnetic effect of the Spiritual Hierarchy upon other groups, including the human group. The established members of Hierarchy are all higher initiates or Master and are part of Hierarchy because of their lovingly wise magnetism—this regardless of their ray type.

In this thought lies, for the servant of the Master, incentive to effort;

426. Our incentive is that we help not only ourselves and those individuals closely allied to us, but other groups, other congeries of groups, and, in fact, the whole of which we may be aware—and perhaps the greater whole of which we will not be aware.

no man who strives for mastery, who struggles to attain, and who aims at expansion of consciousness but is having some effect—in ever widening spirals—upon all whom he contacts, devas, men, and animals.

427. We are responsible to the whole of Creation—for better or for worse.

428. Our impact is not only on our fellowmen (in terms of whom we most often think) but upon members of the deva and animal kingdoms—and, according to this theory, upon other lower and higher kingdoms.

Từ tính của nhóm tạo ra những hiệu quả chữa lành hay dung hợp gia tăng trên các nhóm liên hệ.

425. Nhóm trở nên có từ tính hơn nhờ từ tính gia tăng của các thành viên sẽ tác động lên các nhóm khác theo cách từ tính. Hãy nghĩ đến hiệu quả từ tính của Thánh đoàn tinh thần đối với các nhóm khác, kể cả nhóm nhân loại. Những thành viên đã được xác lập của Thánh đoàn đều là các điểm đạo đồ cao cấp hơn hoặc các Chân sư, và là một phần của Thánh đoàn vì từ tính đầy bác ái minh triết của họ—bất kể loại cung của họ là gì.

Chính trong tư tưởng này có, đối với người phụng sự của Chân sư, động lực để nỗ lực;

426. Động lực của chúng ta là chúng ta không chỉ giúp chính mình và những cá nhân gắn bó mật thiết với mình, mà còn giúp các nhóm khác, những tập hợp nhóm khác, và thật ra là toàn thể mà chúng ta có thể nhận biết—và có lẽ cả toàn thể lớn hơn mà chúng ta sẽ không nhận biết.

không ai nỗ lực đạt quyền làm chủ, tranh đấu để thành tựu, và nhắm đến sự mở rộng tâm thức mà lại không gây một số ảnh hưởng—trong những vòng xoắn ngày càng mở rộng—lên tất cả những ai y tiếp xúc, thiên thần, con người, và động vật.

427. Chúng ta có trách nhiệm đối với toàn thể Sáng Tạo—dù tốt hơn hay xấu đi.

428. Tác động của chúng ta không chỉ lên đồng loại của mình (xét theo phương diện này chúng ta thường nghĩ nhất) mà còn lên các thành viên của giới thiên thần và giới động vật—và, theo lý thuyết này, còn lên các giới thấp hơn và cao hơn khác nữa.

That he knows it not, and that he may be totally unaware of the subtle stimulating emanation which proceeds from him may be true, but nevertheless the law works.

Việc y không biết điều đó, và việc y có thể hoàn toàn không ý thức được sự phát xạ kích thích vi tế phát ra từ y có thể là đúng, nhưng tuy vậy định luật vẫn vận hành.

429. DK assures us that our influence extends beyond the range of our knowledge. This means that we are constantly supported by those we have never met and do not know, and, equally, reduced in capacity by others who we do not know and will never meet.

429. Chân sư DK bảo đảm với chúng ta rằng ảnh hưởng của chúng ta vượt ra ngoài phạm vi hiểu biết của mình. Điều này có nghĩa là chúng ta liên tục được nâng đỡ bởi những người mình chưa từng gặp và không biết, và đồng thời cũng bị suy giảm năng lực bởi những người mình không biết và sẽ không bao giờ gặp.

The third effect of the coming in of this [Seventh] ray is one that may at first repel—it will cause a great destruction in the animal kingdom.

Hiệu quả thứ ba của sự đi vào của cung [Seventh] này là một điều thoạt đầu có thể gây phản cảm—nó sẽ gây ra một sự hủy diệt lớn trong giới động vật.

430. DK has said that the animal kingdom would not react as responsively as the human kingdom because they could not respond to the Heavenly Man of the seventh ray. Yet, the effect of destruction will occur, we are told.

430. Chân sư DK đã nói rằng giới động vật sẽ không đáp ứng nhạy bén như giới nhân loại vì chúng không thể đáp ứng với Đấng Thiên Nhân của cung bảy. Tuy nhiên, chúng ta được bảo rằng hiệu quả hủy diệt vẫn sẽ xảy ra.

431. Some of the extinction of present animal species (often through the predations or ignorant behavior of humanity) may fit into this category.

431. Một phần sự tuyệt chủng của các loài động vật hiện nay (thường do sự săn bắt hay hành vi ngu dốt của nhân loại) có thể thuộc vào loại này.

During the next few hundred years many of the old animal forms will die out and become extinct.

Trong vài trăm năm tới, nhiều hình tướng động vật cũ sẽ chết đi và tuyệt chủng.

432. We already see this in progress. Man is in the ascendancy and easily controls most members of the animal kingdom.

432. Chúng ta đã thấy điều này đang diễn ra. Con người đang ở thế thượng phong và dễ dàng kiểm soát hầu hết các thành viên của giới động vật.

To supply the wants of man, through disease, and through causes latent in the

Để cung ứng các nhu cầu của con người, qua bệnh tật, và qua những nguyên nhân tiềm

animal kingdom itself, much destruction will be brought about.

433. Let us tabulate the three causes of destruction within the animal kingdom (under the incoming seventh ray):

a. Destruction as man preys upon the animal kingdom to supply his own wants

b. Destruction through disease

c. Destruction through causes latent within the animal kingdom itself

434. "New form" is a concept ever associated with the Seventh Ray Lord, and in order for new forms to emerge, old forms must be destroyed.

435. Those who understand astrology will see the close connection between the idea of "New Form", the seventh ray, and the planet Uranus (with its seventh ray soul—so we hypothesize).

It must ever be borne in mind that a building force is likewise a destroying one, and new forms for the animal evolution are, at this time, one of the recognized needs.

436. As stated. Building up and tearing down must occur simultaneously.

437. It is impossible to successfully put new wine in old bottles.

438. Destruction may also occur within the human kingdom for the same reasons—new human forms are needed. This of course is a

ẩn trong chính giới động vật, nhiều sự hủy diệt sẽ được gây ra.

433. Chúng ta hãy lập bảng ba nguyên nhân của sự hủy diệt trong giới động vật (dưới cung bảy đang đi vào):

a. Sự hủy diệt khi con người săn bắt giới động vật để đáp ứng các nhu cầu riêng của mình

b. Sự hủy diệt do bệnh tật

c. Sự hủy diệt do những nguyên nhân tiềm ẩn trong chính giới động vật

434. "Hình tướng mới" là một khái niệm luôn gắn liền với Đấng Chúa Tể Cung bảy, và để những hình tướng mới xuất hiện, những hình tướng cũ phải bị hủy diệt.

435. Những ai hiểu chiêm tinh học sẽ thấy mối liên hệ chặt chẽ giữa ý tưởng "Hình Tướng Mới", cung bảy, và hành tinh Uranus (với cung linh hồn bảy của nó—ít nhất chúng ta giả thuyết như vậy).

Cần luôn ghi nhớ rằng một mãnh lực kiến tạo cũng đồng thời là một mãnh lực hủy diệt, và những hình tướng mới cho sự tiến hoá động vật, vào lúc này, là một trong những nhu cầu đã được nhìn nhận.

436. Như đã nói. Sự xây dựng và sự phá hủy phải diễn ra đồng thời.

437. Không thể nào thành công khi đổ rượu mới vào bầu da cũ.

438. Sự hủy diệt cũng có thể xảy ra trong giới nhân loại vì những lý do tương tự—những hình tướng nhân loại mới là điều cần

sensitive matter as human beings are all brothers and sisters in one great family; that some are occupying forms that, for the sake of the race, must be destroyed is for many a terrible thought.

thiết. Dĩ nhiên đây là một vấn đề nhạy cảm vì con người đều là huynh đệ và tỷ muội trong một đại gia đình; việc một số người đang chiếm giữ những hình tướng mà, vì lợi ích của nhân loại, phải bị hủy diệt là một ý nghĩ khủng khiếp đối với nhiều người.

The immense slaughter in is part of the working out of the plan.

Sự tàn sát to lớn trong là một phần của sự vận hành của Thiên Cơ.

439. This must mean the slaughter which occurs through such destructive processes as the meat-packing industry and in general, the butchery of animals to satiate an appetite for the taste of flesh.

439. Điều này hẳn phải có nghĩa là sự tàn sát xảy ra qua những tiến trình hủy diệt như kỹ nghệ đóng gói thịt và nói chung là việc giết mổ động vật để thỏa mãn khẩu vị đối với vị thịt.

The inner life or fire which animates the animal groups, and which is **the life expression of an Entity**, will, under this seventh influence, **blaze up and burn out the old**, and permit the escape of the life, to newer and better forms.

Sự sống bên trong hay lửa làm sinh động các nhóm động vật, và là **biểu hiện sự sống của một Thực Thể**, dưới ảnh hưởng cung bảy này, sẽ **bùng cháy lên và thiêu rụi cái cũ**, và cho phép sự sống thoát ra, đi vào những hình tướng mới hơn và tốt đẹp hơn.

440. The life aspect of the Entity indwelling the third kingdom will be sufficiently stimulated by the incoming seventh ray to arise and destroy as by fire the old forms.

440. Phương diện sự sống của Thực Thể ngụ bên trong giới thứ ba sẽ được kích thích đầy đủ bởi cung bảy đang đi vào để trỗi dậy và hủy diệt, như bằng lửa, những hình tướng cũ.

441. This is a transmutative process involving the liberation of a vital essence. Had we thought of the destructive aspect of transmutation? The seventh ray is the major ray of transmutation.

441. Đây là một tiến trình chuyển hoá bao hàm sự giải phóng một tinh chất sinh lực. Chúng ta đã từng nghĩ đến phương diện hủy diệt của sự chuyển hoá chưa? cung bảy là cung chủ yếu của sự chuyển hoá.

442. The Seventh Ray Lord is the "Divine Alchemical Worker". Do we not see the work of alchemy in the "escape of the life to newer and better forms"?

442. Đấng Chúa Tể Cung bảy là "Người Hoạt Động Luyện Kim Thiêng Liêng". Chúng ta chẳng thấy công việc luyện kim trong "sự thoát ra của sự sống vào những hình tướng mới hơn và tốt đẹp hơn" đó sao?

443. The volatile essence escapes into freedom from its condition of confinement

443. Tinh chất dễ bay hơi thoát vào tự do khỏi tình trạng bị giam hãm của nó chỉ để

only to find a new and more expressive confinement in a more suitable form.

tìm thấy một sự giam hãm mới và biểu đạt hơn trong một hình tướng thích hợp hơn.

Study Questions for pp. 378-417

A Treatise on Cosmic Fire

Fourth Semester - Section 1

I. Manas and the Earth Chain

1. p. 379: Please explain how, in your opinion, the principle of "numerical resonance" works.

2. p. 379: The Tibetan speaks of a certain vitalized systemic triangle of which Venus and the Earth are two points. What do you suppose is the third point of the triangle and why?

3. p. 379: What, in your opinion, is "logoic kundalini"? Do you think it has a particular point of origin or "residence" within our solar system? If so, what and why?

4. p. 379: What has the stimulation of manas in our chain to do with the coming of the Solar Angels?

5. p. 379: The Tibetan speaks of the individualisation of those within the human Hierarchy who "form a particular centre in the body of the planetary Logos"? Do you think He is speaking of all members of the human Hierarchy? Or just certain units? Of which center do you think He may be speaking and why?

Luận về Lửa Vũ Trụ

Học kỳ Bốn - Phần 1

I. Manas và Dãy Địa Cầu

1. tr. 379: Xin giải thích, theo ý các bạn, nguyên lý "cộng hưởng số học" vận hành như thế nào.

2. tr. 379: Chân sư Tây Tạng nói đến một tam giác hệ thống được tiếp sinh lực, trong đó Sao Kim và Trái Đất là hai điểm. Các bạn cho rằng điểm thứ ba của tam giác là gì và vì sao?

3. tr. 379: Theo ý các bạn, "kundalini logoic" là gì? Các bạn có nghĩ nó có một điểm xuất phát hay "nơi cư ngụ" đặc biệt nào trong hệ mặt trời của chúng ta không? Nếu có, đó là gì và vì sao?

4. tr. 379: Sự kích thích manas trong dãy của chúng ta có liên hệ gì với sự đến của các Thái dương Thiên Thần?

5. tr. 379: Chân sư Tây Tạng nói về sự biệt ngã hóa của những vị trong Huyền Giai nhân loại là những vị "tạo thành một trung tâm đặc biệt trong thân thể của Hành Tinh Thượng Đế"? Các bạn có nghĩ Ngài đang nói về tất cả các thành viên của Huyền Giai nhân loại không? Hay chỉ một số đơn vị nhất định? Các bạn nghĩ Ngài có thể đang nói đến trung tâm nào và vì sao?

6. p. 379: What is an ego and why is it called an ego?

6. tr. 379: Chân ngã là gì và vì sao nó được gọi là chân ngã?

7. p. 379: The term "world period" is an interesting and somewhat ambiguous one. What do you think the meaning of "world period" is as the term is used on this page.

7. tr. 379: Thuật ngữ “thời kỳ thế giới” là một thuật ngữ thú vị và phần nào mơ hồ. Các bạn nghĩ ý nghĩa của “thời kỳ thế giới” là gì khi thuật ngữ này được dùng trên trang này.

8. p. 379: A certain group of units within the fourth Creative Hierarchy received manasic stimulation upon the Moon Chain. What thoughts come to you as you read the following with respect to this group: "The last named group can be seen incarnating in all those who tread the Probationary Path, who are counted as advanced units of the race, and considered the notables among men. Owing to the difference between the two groups may be traced much of the world unrest".

8. tr. 379: Một nhóm đơn vị nào đó trong Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư đã nhận được sự kích thích manas trên Dãy Mặt Trăng. Những ý nghĩ nào đến với các bạn khi các bạn đọc đoạn sau liên quan đến nhóm này: “Nhóm được nêu tên sau cùng có thể được thấy đang lâm phàm trong tất cả những ai bước trên Con Đường Dự Bị, những người được kể là các đơn vị tiến bộ của nhân loại, và được xem là những người nổi bật giữa loài người. Do sự khác biệt giữa hai nhóm mà phần lớn sự bất an của thế giới có thể được truy nguyên”.

9. p. 380: Consider the two groups within the fourth Creative Hierarchy. Which centers in a Heavenly Man do each of them form? Why? What does it actually mean for such groups to form or constitute such centers?

9. tr. 380: Hãy xem xét hai nhóm trong Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư. Mỗi nhóm tạo thành những trung tâm nào trong một Đấng Thiên Nhân? Vì sao? Thực sự việc những nhóm như thế tạo thành hay cấu thành những trung tâm như thế có nghĩa là gì?

10. p. 380: Comment on the differing methods of individualization of the two groups of humanity.

10. tr. 380: Hãy bình luận về những phương pháp biệt ngã hóa khác nhau của hai nhóm nhân loại.

11. p. 380: Offer your interpretation of the idea that "in each chain the planetary Logos takes a different initiation". What is the relationship between a chain and a center within the planetary Logos? What initiation do you suppose the planetary Logos is taking in this our fourth chain? Why?

11. tr. 380: Hãy đưa ra cách diễn giải của các bạn về ý tưởng rằng “trong mỗi dãy, Hành Tinh Thượng Đế nhận một điểm đạo khác nhau”. Mối liên hệ giữa một dãy và một trung tâm trong Hành Tinh Thượng Đế là gì? Các bạn cho rằng Hành Tinh Thượng Đế đang nhận điểm đạo nào trong dãy thứ tư này của chúng ta? Vì sao?

12. p. 380: What do you suppose is the connection between an certain kind of initiation of our planetary Logos and the emergence into manifestation of certain kinds of lesser entities? What has such manifestation to do with the process of planetary initiation?

12. tr. 380: Các bạn cho rằng mối liên hệ giữa một loại điểm đạo nào đó của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta và sự xuất hiện vào biểu hiện của một số loại thực thể tiểu kiến tạo nào đó là gì? Sự biểu hiện như thế có liên quan gì đến tiến trình điểm đạo hành tinh?

13. p. 380: Give your interpretation of Pope's statement, "The proper study of mankind, is man" with respect to the vast cycles which the Tibetan is discussing. What of significance concerning mankind might the study of such cycles reveal?

13. tr. 380: Hãy đưa ra cách diễn giải của các bạn về phát biểu của Pope, “Đối tượng nghiên cứu thích đáng của nhân loại là con người” liên hệ với những chu kỳ bao la mà Chân sư Tây Tạng đang bàn đến. Việc nghiên cứu những chu kỳ như thế có thể tiết lộ điều gì có thâm nghĩa liên quan đến nhân loại?

14. p. 380: What thoughts come to you as you read and interpret the paragraphs setting forth the "cosmic angle" of approach to the study of vast cycles? Some questions to answer: What is extra-systemic psychology? Is the term "vast arc of the heavens" figurative or literal? What are "circulating attendants" and why are they called "attendants"? Does every entity have a "polar opposite"? Why will all this be revealed only "during the final part of the next round"? How many millions of years away do you suppose that time is?

14. tr. 380: Những ý nghĩ nào đến với các bạn khi các bạn đọc và diễn giải các đoạn trình bày “góc độ vũ trụ” trong cách tiếp cận việc nghiên cứu các chu kỳ bao la? Một số câu hỏi cần trả lời: tâm lý học ngoại-hệ thống là gì? Thuật ngữ “vòng cung bao la của bầu trời” là nghĩa bóng hay nghĩa đen? “Những tùy tùng tuần hoàn” là gì và vì sao chúng được gọi là “tùy tùng”? Mọi thực thể đều có một “đối cực” chăng? Vì sao tất cả điều này chỉ được tiết lộ “trong phần cuối của cuộc tuần hoàn kế tiếp”? Theo các bạn thời điểm đó còn cách bao nhiêu triệu năm?

15. pp. 380-381: What thoughts come to you as you read and interpret the paragraph setting forth the "systemic angle" of approach to the study of vast cycles? Some questions to answer: Why does the Tibetan use the term "rational interdependence" when speaking of the Heavenly Men? What does it mean that Heavenly Men receive logoic force in "dual formation"? What of an occult nature might the "astronomical and orbital relation of the Sun to the planets" reveal? What is a planet's "polarity"? Do you think the Tibetan is suggesting here that facts anent the polarity of planets is revealed

15. các tr. 380-381: Những ý nghĩ nào đến với các bạn khi các bạn đọc và diễn giải đoạn trình bày “góc độ hệ thống” trong cách tiếp cận việc nghiên cứu các chu kỳ bao la? Một số câu hỏi cần trả lời: Vì sao Chân sư Tây Tạng dùng thuật ngữ “sự tương thuộc hợp lý” khi nói về các Đấng Thiên Nhân? Việc các Đấng Thiên Nhân nhận mãnh lực logoic trong “sự hình thành nhị nguyên” có nghĩa là gì? Điều gì thuộc bản chất huyền bí mà “mối liên hệ thiên văn và quỹ đạo của Mặt Trời với các hành tinh” có thể tiết lộ? “Phân cực” của một hành tinh là gì? Các bạn có nghĩ Chân sư Tây Tạng đang gợi ý ở đây rằng

to initiates of the third degree? If, yes, at this point, why?

các sự kiện liên quan đến sự phân cực của các hành tinh được tiết lộ cho các điểm đạo đồ bậc ba không? Nếu có, tại sao lại vào thời điểm này?

16. p. 381: From reading A Treatise on Comic Fire do you gather the impression that this book has a particular resonance with the number *five?* Why or why not?

16. tr. 381: Khi đọc Luận về Lửa Vũ Trụ các bạn có cảm thấy cuốn sách này có một sự cộng hưởng đặc biệt với con số *năm* không? Vì sao có hay không?

17. p. 381: What, do you suppose, may be the value of understanding systematic information concerning "**a:** the vitalisation of the schemes; **b:** interaction between two schemes; **c:** the periods of incarnation of a planetary Logos on the physical plane; **d:** the initiation of the planetary Logos"?

17. tr. 381: Theo các bạn, giá trị của việc hiểu thông tin có hệ thống liên quan đến "**a:** sự tiếp sinh lực cho các hệ hành tinh; **b:** sự tương tác giữa hai hệ hành tinh; **c:** các thời kỳ lâm phàm của một Hành Tinh Thượng Đế trên cõi hồng trần; **d:** điểm đạo của Hành Tinh Thượng Đế" có thể là gì?

18. p. 381: What thoughts come to you as you read and interpret the paragraph setting forth the "planetary angle" of approach to the vast cycles which concern man? Some questions to consider: Why should a Heavenly Man be called a *Heavenly* Man? Are chains centers within a planetary Logos or are globes centers? How many chain triangles can be formed within a planetary system of seven chains? Are individual chains the object of stimulation from a planetary Logos or are triangles of chains, or both? Which chains within our scheme do you think are presently receiving stimulation? What does it mean that certain chains or triangles of chains could be "the sphere of incarnation of a planetary Logos"? What, in such a case, is *incarnation?* Give your interpretation of the phrase "emerging into captivity" from a planetary perspective.

18. tr. 381: Những ý nghĩ nào đến với các bạn khi các bạn đọc và diễn giải đoạn trình bày "góc độ hành tinh" trong cách tiếp cận các chu kỳ bao la liên quan đến con người? Một số câu hỏi cần suy xét: Vì sao một Đấng Thiên Nhân lại được gọi là *Đấng Thiên* Nhân? Các dãy là những trung tâm trong một Hành Tinh Thượng Đế hay các bầu hành tinh mới là trung tâm? Có thể hình thành bao nhiêu tam giác dãy trong một hệ hành tinh gồm bảy dãy? Các dãy riêng lẻ là đối tượng của sự kích thích từ một Hành Tinh Thượng Đế hay là các tam giác dãy, hay cả hai? Theo các bạn những dãy nào trong hệ hành tinh của chúng ta hiện đang nhận sự kích thích? Việc một số dãy hay tam giác dãy có thể là "khối cầu lâm phàm của một Hành Tinh Thượng Đế" có nghĩa là gì? Trong trường hợp như thế, *lâm phàm* là gì? Hãy đưa ra cách diễn giải của các bạn về cụm từ "xuất hiện vào sự giam cầm" từ góc nhìn hành tinh.

19. p. 382: Although even the planetary point of view involves, according to the Tibetan, an expansion of consciousness unattainable by man, are you willing to

19. tr. 382: Mặc dù ngay cả quan điểm hành tinh, theo Chân sư Tây Tạng, cũng bao hàm một sự mở rộng tâm thức mà con người không thể đạt tới, các bạn có sẵn lòng cố

endeavor to comprehend such things? Why or why not?

gắng thấu hiểu những điều như thế không? Vì sao có hay không?

20. p. 382: What thoughts come to you as you read and interpret the paragraph setting forth the "chain angle" of approach to the greater cycles which concern man? Some questions for consideration: What is the meaning of "the gloves as seen in *time*"? Is there another way to see them? Do you believe that globes are equivalent to the seven principles of a chain or are they something other? Why or why not? Is the fourth globe of our Earth Chain merely physical, or does it have its own higher principles? Why or why not? What does it mean that our planetary Logos "embodies in totality the chain and the scheme"?

20. tr. 382: Những ý nghĩ nào đến với các bạn khi các bạn đọc và diễn giải đoạn trình bày "góc độ dãy" trong cách tiếp cận các chu kỳ lớn hơn liên quan đến con người? Một số câu hỏi để suy xét: "các bầu hành tinh được thấy trong *thời gian*" có nghĩa là gì? Có cách nào khác để thấy chúng không? Các bạn có tin rằng các bầu hành tinh tương đương với bảy nguyên khí của một dãy hay chúng là một cái gì khác? Vì sao có hay không? Bầu hành tinh thứ tư của Dãy Địa Cầu của chúng ta chỉ thuần hồng trần thôi sao, hay nó có các nguyên khí cao hơn riêng của nó? Vì sao có hay không? Việc Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta "thể hiện trong toàn thể dãy và hệ hành tinh" có nghĩa là gì?

21. p. 382: Why should a scheme correspond to the Monad? What is the "monadic auric egg"? What is its purpose? Of which forty-nine cycles of a human being is the Tibetan speaking? Monadic? Egoic? Are such cycles related to root races or sub-races? Why or why not? Does a Scheme also have forty nine cycles? If so, what do you think they are?

21. tr. 382: Vì sao một hệ hành tinh lại tương ứng với chân thần? "Noãn hào quang chân thần" là gì? Mục đích của nó là gì? Chân sư Tây Tạng đang nói đến bốn mươi chín chu kỳ nào của một con người? Chu kỳ chân thần? Chu kỳ chân ngã? Những chu kỳ như thế có liên hệ với các giống dân gốc hay giống dân phụ không? Vì sao có hay không? Một Hệ hành tinh cũng có bốn mươi chín chu kỳ chăng? Nếu có, theo các bạn chúng là gì?

22. p. 382: Why should a chain correspond to the "body egoic of a human being"? What, in your opinion, are the "seven great cycles" of the ego? To what our circumstances or time periods do you believe they relate?

22. tr. 382: Vì sao một dãy lại tương ứng với "thể chân ngã của một con người"? Theo ý các bạn, "bảy chu kỳ lớn" của chân ngã là gì? Các bạn tin rằng chúng liên hệ với những hoàn cảnh hay thời kỳ nào của chúng ta?

23. p. 382: Consider the footnote on this page and bring forward any insights which occur to you as you read about the nature of the globes of a chain and the relationships of the parallel globes to each other. Do you believe that the highest globes of all planets are found upon the higher mental plane?

23. tr. 382: Hãy xem xét chú thích ở trang này và nêu ra bất kỳ minh triết nào đến với các bạn khi các bạn đọc về bản chất của các bầu hành tinh của một dãy và các mối liên hệ của các bầu hành tinh song song với nhau. Các bạn có tin rằng các bầu hành tinh cao nhất của mọi hành tinh đều được tìm

Upon what other levels might they be found? Analyze the possible positions if a chain were tenfold or twelve-fold? Which of these numbers do you consider more likely? Why? Read in this paragraph what is said about the "densest physical matter". Does what is said suggest a purely physical globe D or one that has higher principles?

thấy trên Cõi thượng trí không? Chúng có thể được tìm thấy trên những cấp độ nào khác? Hãy phân tích các vị trí có thể có nếu một dãy là thập phân hay thập nhị phân. Các bạn cho rằng con số nào trong hai con số này có khả năng hơn? Vì sao? Hãy đọc trong đoạn này điều được nói về "vật chất hồng trần đậm đặc nhất". Điều được nói có gợi ý một bầu hành tinh D thuần hồng trần hay một bầu hành tinh có các nguyên khí cao hơn?

24. p. 383: Do you believe that a globe has seven races or forty-nine? What is there to suggest that each globe has its various races? Do you believe that the unit man experiences racial incarnations on all the globes of a scheme or only on one or some? What thought can you bring in support of your point of view? In answering this question look closely into the nature and structure of a round.

24. tr. 383: Các bạn có tin rằng một bầu hành tinh có bảy nhân loại hay bốn mươi chín? Có điều gì gợi ý rằng mỗi bầu hành tinh có các nhân loại khác nhau của nó? Các bạn có tin rằng đơn vị con người trải qua các lần lâm phàm chủng tộc trên *mọi* bầu hành tinh của một hệ hành tinh hay chỉ trên một hay một số bầu hành tinh? Các bạn có thể đưa ra ý tưởng nào để hỗ trợ quan điểm của mình? Khi trả lời câu hỏi này, hãy khảo sát kỹ bản chất và cấu trúc của một *cuộc tuần hoàn*.

25. p. 383: In the life of a human being, what might be meant by a "particular series of incarnations"? Are you presently in a particular series of incarnation of a certain nature? Please describe.

25. tr. 383: Trong đời sống của một con người, "một chuỗi lâm phàm đặc biệt" có thể có nghĩa là gì? Hiện nay các bạn có đang ở trong một chuỗi lâm phàm đặc biệt có bản chất nhất định nào đó không? Xin mô tả.

26. p. 383: Do you think there are seven egoic cycles or forty-nine?

26. tr. 383: Các bạn có nghĩ có bảy chu kỳ chân ngã hay bốn mươi chín?

27. p. 383: Give your interpretation of incarnations by the discarnate.

27. tr. 383: Hãy đưa ra cách diễn giải của các bạn về các lần lâm phàm của những thực thể không nhập thể.

28. p. 383: If a physical globe corresponds to a "particular physical incarnation", what hint do you find concerning whether or not a physical globe has higher principles?

28. tr. 383: Nếu một *bầu hành tinh hồng trần* tương ứng với "một lần lâm phàm hồng trần đặc biệt", các bạn tìm thấy gợi ý nào liên quan đến việc một bầu hành tinh hồng trần có hay không có các nguyên khí cao hơn?

29. p. 383: Why does the Tibetan refer to the "midget, man"? How do you feel about this terminology?

29. tr. 383: Vì sao Chân sư Tây Tạng gọi “con người tí hon”? Các bạn cảm thấy thế nào về thuật ngữ này?

30. p. 383: From all the above numerical figures (sevens and forty-nines) how many incarnations do you believe a planetary Logos has? What are you calling an incarnation? Please explain your answer carefully. In all this examine the number "343" closely; what significance does its numerological sum suggest to you?

30. tr. 383: Từ tất cả các con số nêu trên (bảy và bốn mươi chín), các bạn tin rằng một Hành Tinh Thượng Đế có bao nhiêu lần lâm phàm? Các bạn đang gọi điều gì là một lần lâm phàm? Xin giải thích cẩn thận câu trả lời của các bạn. Trong tất cả điều này, hãy khảo sát kỹ con số “343”; tổng số học của nó gợi cho các bạn ý nghĩa gì?

31. p. 383: Elaborate upon buddhi as "corporate action".

31. tr. 383: Hãy khai triển về Bồ đề như là “hành động tập thể”.

32. p. 383: Give your interpretation of the following: "In the case of a planetary Logos, the cells in His body are evolutionary lives (deva and human units) animated by the life of the second Logos, co-operating with the first Logos, and utilising the activities of the third Logos for purposes of manifesting." What does it mean to you that human and deva units are animated by the life of the second Logos?

32. tr. 383: Hãy đưa ra cách diễn giải của các bạn về đoạn sau: “Trong trường hợp của một Hành Tinh Thượng Đế, các tế bào trong thân thể của Ngài là các sự sống thăng thượng tiến hoá (các đơn vị thiên thần và nhân loại) được làm sinh động bởi sự sống của Thượng đế thứ hai, hợp tác với Thượng đế thứ nhất, và sử dụng các hoạt động của Thượng đế thứ ba cho các mục đích biểu hiện.” Điều đó có nghĩa gì đối với các bạn khi các đơn vị nhân loại và thiên thần được làm sinh động bởi sự sống của Thượng đế thứ hai?

33. p. 383: The Tibetan states that because of the information given on pp. 382-383 the "place of the Earth chain and globe play in the evolution of the planetary Logos of the Earth scheme should be clearer to the student". Is it clearer to you? How so?

33. tr. 383: Chân sư Tây Tạng nói rằng vì thông tin được đưa ra ở các tr. 382-383 nên “vai trò của Dãy Địa Cầu và bầu hành tinh Địa Cầu trong sự tiến hoá của Hành Tinh Thượng Đế của hệ Địa Cầu hẳn phải rõ ràng hơn đối với đạo sinh”. Đối với các bạn điều đó có rõ hơn không? Rõ như thế nào?

34. p. 383: We are often told that the "wheel turns". What does this statement mean to you? What do you think it means that as that wheel turns it "sweeps into objectivity one of its seven globes"? Does anything about this statement strike you as unusual?

34. tr. 383: Chúng ta thường được bảo rằng “bánh xe quay”. Phát biểu này có nghĩa gì đối với các bạn? Theo các bạn việc khi bánh xe ấy quay nó “quét một trong bảy bầu hành tinh của nó vào tính khách quan” có nghĩa là gì? Có điều gì trong phát biểu này khiến các

Do you think that all globes of a scheme are eventually swept into objectivity, or only one?

bạn thấy khác thường không? Các bạn có nghĩ rằng mọi bầu hành tinh của một hệ hành tinh cuối cùng đều được quét vào tính khách quan, hay chỉ một bầu hành tinh?

35. p. 384: Consider well the usual diagram by means of which a scheme, its chains and globes are represented. Do you think this representation has any literal basis in reality? In what ways do you think the diagram is a fairly faithful representation of the facts? In what way do you think the facts are different from the way the diagram represents the case?

35. tr. 384: Hãy suy xét kỹ sơ đồ thông thường dùng để biểu thị một hệ hành tinh, các dãy và các bầu hành tinh của nó. Các bạn có nghĩ cách biểu thị này có cơ sở nghĩa đen nào trong thực tại không? Theo những phương diện nào các bạn nghĩ sơ đồ là một biểu thị khá trung thực của các sự kiện? Theo phương diện nào các bạn nghĩ các sự kiện khác với cách sơ đồ biểu thị trường hợp ấy?

36. p. 384: For what particular reasons do you believe the ego is unable to express the entire content of egoic consciousness through the physical body and brain? Carry the analogy to a Heavenly Man in relation to his physical globe. What implications does this fact have for life upon our physical globe?

36. tr. 384: Vì những lý do đặc biệt nào các bạn tin rằng chân ngã không thể biểu lộ toàn bộ nội dung của tâm thức chân ngã qua thể xác và bộ não? Hãy mở rộng phép loại suy ấy sang một Đấng Thiên Nhân trong mối liên hệ với bầu hành tinh hồng trần của Ngài. Sự kiện này có những hàm ý gì đối với sự sống trên bầu hành tinh hồng trần của chúng ta?

37. p. 384: When a planetary Logos is not in physical incarnation does it necessarily mean that the physical globe of his lowest chain does not exist? Please explain.

37. tr. 384: Khi một Hành Tinh Thượng Đế không lâm phàm hồng trần, điều đó có nhất thiết có nghĩa là bầu hành tinh hồng trần của dãy thấp nhất của Ngài không tồn tại không? Xin giải thích.

38. p. 384: Please offer your interpretation of the following: "The planetary Logos "is midway through his career upon the cosmic Path of Initiation, and consequently is to take the fourth initiation in this chain. Well may this globe, therefore, be considered the globe of sorrow and of pain, for through it our planetary Logos is undergoing that which the mystic calls the 'Crucifixion'".

38. tr. 384: Xin đưa ra cách diễn giải của các bạn về đoạn sau: “Hành Tinh Thượng Đế ‘đang ở giữa chặng đường sự nghiệp của ngài trên Con Đường Điểm Đạo vũ trụ, và do đó sẽ nhận lần điểm đạo thứ tư trong dãy này. Vì vậy bầu hành tinh này có thể được xem là bầu hành tinh của sầu khổ và đau đớn, vì qua nó Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang trải qua điều mà nhà thần bí gọi là “Đóng Đinh”’.”

39. p. 384: Is Sanat Kumara passing through an initiation presently? Which? What

39. tr. 384: Đức Sanat Kumara hiện nay có đang trải qua một điểm đạo không? Điểm

correlation does this fact have with the Initiation of the Planetary Logos? Which Initiation has the planetary Logos of Venus recently undergone? Are there any hints regarding this? Is there an analogy between the relationship of the Christ and the Master Jesus and their initiatory level at the time of the crucifixion of Jesus, and the initiatory levels of the planetary Logos of Venus and our planetary Logos? Can you find references which relate Venus to the number "six" and to buddhi?

đạo nào? Sự kiện này có tương quan gì với Điểm đạo của Hành Tinh Thượng Đế? Hành Tinh Thượng Đế của Sao Kim gần đây đã trải qua Điểm đạo nào? Có gợi ý nào về điều này không? Có sự tương đồng nào giữa mối liên hệ của Đức Christ và Chân sư Jesus cùng cấp độ điểm đạo của Các Ngài vào lúc Đức Jesus bị đóng đinh, và các cấp độ điểm đạo của Hành Tinh Thượng Đế của Sao Kim và Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta không? Các bạn có thể tìm thấy những dẫn chiếu nào liên hệ Sao Kim với con số "sáu" và với Bồ đề?

40. p. 384: If the planetary Logos is undergoing the fourth initiation in this our Earth chain, why is the dense physical globe so important? Why must the fourth initiation be undergone *through* this dense globe?

40. tr. 384: Nếu Hành Tinh Thượng Đế đang trải qua lần điểm đạo thứ tư trong Dãy Địa Cầu này của chúng ta, vì sao bầu hành tinh hồng trần đậm đặc lại quan trọng đến thế? Vì sao lần điểm đạo thứ tư phải được trải qua *qua* bầu hành tinh đậm đặc này?

41. p. 384: We are told that during this "world period" the cells of the planetary Logos are "rent by pain and suffering". What is the purpose of the rending process? What is the meaning of "world period" in this particular context? For what duration do you believe the planetary Logos is undergoing the fourth initiation?

41. tr. 384: Chúng ta được bảo rằng trong "thời kỳ thế giới" này các tế bào của Hành Tinh Thượng Đế "bị xé rách bởi đau đớn và khổ đau". Mục đích của tiến trình xé rách là gì? "Thời kỳ thế giới" trong ngữ cảnh đặc biệt này có nghĩa là gì? Các bạn tin rằng Hành Tinh Thượng Đế trải qua lần điểm đạo thứ tư trong khoảng thời gian bao lâu?

42. p. 384: Give your interpretation of the "capacity to suffer" in relation to the information in paragraph "c".

42. tr. 384: Hãy đưa ra cách diễn giải của các bạn về "khả năng chịu đau khổ" liên hệ với thông tin trong đoạn "c".

43. p. 384: Read the following carefully then attempt to answer the questions which pertain to it: "The solar Logos has for objective nine initiations, the third cosmic Initiation being His goal. Our planetary Logos has for objective seven initiations, the second cosmic Initiation being His goal. Man has for objective five initiations, the first cosmic Initiation being his goal".

43. tr. 384: Hãy đọc kỹ đoạn sau rồi cố gắng trả lời các câu hỏi liên quan đến nó: "Thái dương Thượng đế có mục tiêu là chín điểm đạo, lần Điểm đạo vũ trụ thứ ba là mục tiêu của Ngài. Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta có mục tiêu là bảy điểm đạo, lần Điểm đạo vũ trụ thứ hai là mục tiêu của Ngài. Con người có mục tiêu là năm điểm đạo, lần Điểm đạo vũ trụ thứ nhất là mục tiêu của y."

Is the fifth initiation of man the first cosmic Initiation? Why or why not? Is there anything to suggest in this section that a number of secondary initiations exist between cosmic Initiations? What sort of initiation is the fourth Initiation which the planetary Logos is in process of taking upon this chain? It cannot be a cosmic initiation, correct? What contra-indicates the idea that the seventh human initiation is the second Cosmic Initiation? In all this paragraph do you think there is a difference between the terms "objective" and "goal"? Why or why not? At what point of human attainment do you believe the first of the seven initiations which lie before the planetary Logos begins? Is there any reason to believe that any of the seven initiations which are the objective for the planetary Logos overlap with any of the nine initiations which are the objective of the solar Logos? Is there any reason to believe that these initiations do not overlap?

Lần điểm đạo thứ năm của con người có phải là lần Điểm đạo vũ trụ thứ nhất không? Vì sao có hay không? Có điều gì trong phần này gợi ý rằng có một số điểm đạo thứ cấp tồn tại giữa các Điểm đạo vũ trụ không? Lần điểm đạo thứ tư mà Hành Tinh Thượng Đế đang trong tiến trình nhận trên dãy này là loại điểm đạo nào? Nó không thể là một điểm đạo vũ trụ, đúng không? Điều gì phản bác ý tưởng rằng lần điểm đạo nhân loại thứ bảy là lần Điểm đạo Vũ trụ thứ hai? Trong toàn bộ đoạn này bạn có nghĩ có sự khác biệt giữa các thuật ngữ “mục tiêu” và “đích đến” không? Vì sao có hay không? Ở điểm thành tựu nào của con người mà bạn tin rằng điểm đạo đầu tiên trong bảy điểm đạo đang ở trước Hành Tinh Thượng Đế bắt đầu? Có lý do nào để tin rằng bất kỳ điểm đạo nào trong bảy điểm đạo là mục tiêu của Hành Tinh Thượng Đế chồng lấn với bất kỳ điểm đạo nào trong chín điểm đạo là mục tiêu của Thái dương Thượng đế không? Có lý do nào để tin rằng các điểm đạo này không chồng lấn không?

44. p. 385: See Chart VII. Examine carefully the diagram of the Earth Scheme. What do you learn from comparing the geometry of each chain? What do you make of the fact that the structure of the fourth chain is very similar (through not an exact replica) to the general structure of the fourth scheme? Notice that there are four lines emanating from the center of the Earth Scheme leading to the Mars Scheme, the Venus Scheme, the Vulcan Scheme, the Jupiter Scheme and the Mercury Scheme. What may be the meaning of such lines and why emanating from the center? Why are there not lines extending towards the Saturn and Neptune Schemes? Notice the unnamed line extending from the Venus Scheme? Whither, do you think? Notice the dark-lined triangle extending from the Mercury globe of the Earth Chain to

44. tr. 385: Xem Biểu đồ VII. Hãy khảo sát kỹ sơ đồ của Hệ Địa Cầu. Các bạn học được gì khi so sánh hình học của mỗi dãy? Các bạn nghĩ gì về sự kiện rằng cấu trúc của dãy thứ tư rất giống (dù không phải là bản sao chính xác) với cấu trúc tổng quát của hệ thứ tư? Hãy lưu ý rằng có bốn đường phát ra từ trung tâm của Hệ Địa Cầu dẫn đến Hệ Sao Hỏa, Hệ Sao Kim, Hệ Vulcan, Hệ Sao Mộc và Hệ Sao Thủy. Ý nghĩa của những đường như thế có thể là gì và vì sao lại phát ra từ trung tâm? Vì sao không có những đường kéo dài về phía các Hệ Sao Thổ và Sao Hải Vương? Hãy lưu ý đường không tên kéo dài từ Hệ Sao Kim. Theo các bạn nó đi về đâu? Hãy lưu ý tam giác nét đậm kéo dài từ bầu hành tinh Sao Thủy của Dãy Địa Cầu đến bầu hành tinh Sao Thủy của Dãy Sao Kim rồi đến bầu hành tinh Sao Thủy của Dãy Sao Thủy. Các bạn nghĩ gì?

the Mercury globe of the Venus Chain to the Mercury Globe of the Mercury Chain? What do you think? Notice that globes three, five and seven form the inner triplicity of the Earth Chain and are linked by a dark-lined triangle? Why do you think so? Notice particularly the arrangement of the globes for each chain. Some are numbered and specifically placed; some are not. What do you learn from this placement? What do dotted lines mean when compared to dark lines? Notice particularly the three dense lines extending from globe six of the Venus Chain to the second, fourth and sixth globes of the Earth Chain. What are the meaning of these lines? Why are globes one and four, and gloves two and six connected by dense lines forming a cross. What do you make of the inscribed pentagram within the Venus Chain? Why does the line to the Vulcan Scheme pass straight through the center of the Mars Chain? For students of Occult Chemistry, do the shapes by means of which the various chains are represented bear any similarly to any of the shapes by means of which the chemical elements are represented? What if anything occurs to you as you contemplate the order or the chains within the Earth Scheme—Neptune, Venus, Saturn, Earth, Mercury, Mars, Jupiter? Is this order meaningful or meaningless? How so? Why is the Moon Chain missing from this enumeration? What mystery could be concealed by its absence?

Hãy lưu ý rằng các bầu hành tinh ba, năm và bảy tạo thành bộ ba bên trong của Dãy Địa Cầu và được nối bằng một tam giác nét đậm. Theo các bạn vì sao như vậy? Hãy đặc biệt lưu ý sự sắp xếp các bầu hành tinh của mỗi dãy. Một số được đánh số và đặt vị trí cụ thể; một số thì không. Các bạn học được gì từ sự sắp đặt này? Các đường chấm có nghĩa gì khi so với các đường đậm? Hãy đặc biệt lưu ý ba đường đậm kéo dài từ bầu hành tinh sáu của Dãy Sao Kim đến các bầu hành tinh thứ hai, thứ tư và thứ sáu của Dãy Địa Cầu. Ý nghĩa của những đường này là gì? Vì sao các bầu hành tinh một và bốn, và các bầu hành tinh hai và sáu lại được nối bằng các đường đậm tạo thành một thập giá. Các bạn nghĩ gì về ngôi sao năm cánh nội tiếp trong Dãy Sao Kim? Vì sao đường đến Hệ Vulcan lại đi thẳng qua trung tâm của Dãy Sao Hỏa? Đối với các đạo sinh của Occult Chemistry, các hình dạng dùng để biểu thị các dãy khác nhau có giống chút nào với các hình dạng dùng để biểu thị các nguyên tố hóa học không? Điều gì, nếu có, đến với các bạn khi các bạn chiêm ngưỡng trật tự của các dãy trong Hệ Địa Cầu—Sao Hải Vương, Sao Kim, Sao Thổ, Trái Đất, Sao Thủy, Sao Hỏa, Sao Mộc? Trật tự này có ý nghĩa hay vô nghĩa? Như thế nào? Vì sao Dãy Mặt Trăng lại vắng mặt trong sự liệt kê này? Bí ẩn nào có thể được che giấu bởi sự vắng mặt ấy?

45. p. 386: What significance do you see in the fact that the Venus Chain of the Earth Scheme is number two whereas the Mars Chain is number six?

45. tr. 386: Các bạn thấy ý nghĩa gì trong sự kiện rằng Dãy Sao Kim của Hệ Địa Cầu là số hai trong khi Dãy Sao Hỏa là số sáu?

46. p. 386: If the "definitely human family became present upon earth" at some time during the third root-race, what representations of humanity were present

46. tr. 386: Nếu “gia đình nhân loại xác định đã hiện diện trên địa cầu” vào một thời điểm nào đó trong giống dân gốc thứ ba, thì trước đó những biểu hiện nào của nhân loại đã

before that, and why were such beings *not* definitely human?

hiện diện, và vì sao những hữu thể như thế *không* phải là nhân loại xác định?

47. p. 386: What hints exists on this page to instruct you that the chains of a scheme exist simultaneously and do not appear sequentially?

47. tr. 386: Có những gợi ý nào trên trang này để chỉ cho các bạn rằng các dãy của một hệ hành tinh tồn tại đồng thời và không xuất hiện tuần tự?

48. p. 386: We are told here that the advent of great Entities from the Venus Chain "signalised the taking of a physical vehicle by the planetary Logos, and was literally the coming of the Avatar". What does "taking" a physical vehicle mean? Which Avatar and why?

48. tr. 386: Ở đây chúng ta được bảo rằng sự giáng lâm của các Thực Thể vĩ đại từ Dãy Sao Kim "đánh dấu việc Hành Tinh Thượng Đế nhận một vận cụ hồng trần, và theo nghĩa đen là sự đến của Đấng Hoá Thân". "Nhận" một vận cụ hồng trần có nghĩa là gì? Đấng Hoá Thân nào và vì sao?

49. p. 386: Please give your interpretation of the following: "... the planetary Logos did not come from the Venus scheme but from the Venus chain of His own scheme, the Earth scheme". What does the *coming* of the planetary Logos mean, and what does it have to do with the coming of Sanat Kumara?

49. tr. 386: Xin đưa ra cách diễn giải của các bạn về đoạn sau: "... Hành Tinh Thượng Đế không đến từ hệ Sao Kim mà từ dãy Sao Kim của chính hệ của Ngài, hệ Địa Cầu." Sự *đến* của Hành Tinh Thượng Đế có nghĩa là gì, và nó liên hệ thế nào với sự đến của Đức Sanat Kumara?

50. p. 387: What, do you suppose, is the other point of the systemic triangle of which two points are the Earth and Venus?

50. tr. 387: Theo các bạn, điểm còn lại của tam giác hệ thống mà hai điểm là Trái Đất và Sao Kim là gì?

51. p. 387: Consider what was said anent cosmic Initiations a few pages ago and then discuss the "minor initiation" which our Heavenly Man was enabled to take due to the alignment of the systemic triangle herein discussed and the "major initiation" for which He is in preparation. Do you think that the fourth initiation of the Planetary Logos discussed on p. 384 is considered a minor initiation? Or is the minor initiation discussed something different? Is it possible that initiations which are minor and major are numbered differently in the case of men and logoi?

51. tr. 387: Hãy xem xét điều đã được nói liên quan đến các Điểm đạo vũ trụ vài trang trước rồi bàn về "điểm đạo nhỏ" mà Đấng Thiên Nhân của chúng ta đã có thể nhận nhờ sự chỉnh hợp của tam giác hệ thống được bàn đến ở đây và "điểm đạo lớn" mà Ngài đang chuẩn bị. Các bạn có nghĩ lần điểm đạo thứ tư của Hành Tinh Thượng Đế được bàn ở tr. 384 được xem là một điểm đạo *nhỏ* không? Hay điểm đạo nhỏ được bàn đến là một điều khác? Có thể nào các điểm đạo nhỏ và lớn được đánh số khác nhau trong trường hợp con người và các Thượng đế không?

52. p. 387: Which "major initiation" was taken by the Venusian planetary Logos on His fifth chain? Consider in answering this which initiation makes of a planetary Logos the Logos of a sacred planet. Is Venus a sacred planet? When planetary Logoi take initiation in one of Their chains, do you believe that the number of the initiation is always the same as the number of the chain upon which the initiation is being taken?

52. tr. 387: Hành Tinh Thượng Đế của Sao Kim đã nhận "điểm đạo lớn" nào trên dãy thứ năm của Ngài? Khi trả lời, hãy xét xem điểm đạo nào làm cho một Hành Tinh Thượng Đế trở thành Thượng đế của một hành tinh thiêng liêng. Sao Kim có phải là một hành tinh thiêng liêng không? Khi các Hành Tinh Thượng Đế nhận điểm đạo trong một trong các dãy của Các Ngài, các bạn có tin rằng số của điểm đạo luôn luôn giống với số của dãy mà trên đó điểm đạo đang được nhận không?

53. p. 387: Given what you have been able to learn about planetary and cosmic initiations, which center in the Solar Logos do you believe was stimulated prior to the taking of a major initiation by the Venusian Logos upon His fifth chain? Was the Venus Scheme the center which was stimulated? Is there any reason to connect the Triangle of Earth, Mars and Venus with the Solar Logos solar plexus?

53. tr. 387: Với những gì các bạn đã có thể học được về các điểm đạo hành tinh và vũ trụ, các bạn tin rằng trung tâm nào trong Thái dương Thượng đế đã được kích thích trước khi Venusian Logos nhận một điểm đạo lớn trên dãy thứ năm của Ngài? Hệ Sao Kim có phải là trung tâm đã được kích thích không? Có lý do nào để liên kết Tam giác Trái Đất, Sao Hỏa và Sao Kim với tùng thái dương của Thái dương Thượng đế không?

54. p. 387: Contemplate the number 104 in relation to the number of Kumaras which are said to have come from Venus to the Earth. Are we speaking here of the Venus Chain of the Earth Scheme? What is the significance of 104? What is its numerological significance? What is the numerological significance of the number 105? How are the numbers five and six significant to the Venusian planetary Logos at this time? How are the numbers five and six significant to the planetary Logos of Earth at this time? The number 108 is also considered extremely important. Can you relate 108 to 105 in a meaningful manner? Do you think the Buddhas of Activity who came with Sanat Kumara were numbered among the 104? Why or why not?

54. tr. 387: Hãy chiêm ngưỡng con số 104 liên hệ với số lượng các Kumara được nói là đã đến từ Sao Kim đến Trái Đất. Ở đây chúng ta có đang nói về Dãy Sao Kim của Hệ Địa Cầu không? Ý nghĩa của 104 là gì? Ý nghĩa số học của nó là gì? Ý nghĩa số học của con số 105 là gì? Các con số năm và sáu có ý nghĩa như thế nào đối với Hành Tinh Thượng Đế của Sao Kim vào lúc này? Các con số năm và sáu có ý nghĩa như thế nào đối với Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất vào lúc này? Con số 108 cũng được xem là cực kỳ quan trọng. Các bạn có thể liên hệ 108 với 105 theo một cách có ý nghĩa không? Các bạn có nghĩ các Đức Phật Hoạt Động đi cùng Đức Sanat Kumara được tính trong số 104 không? Vì sao có hay không?

55. p. 387: If a Buddha of Activity is "active love wisdom" and a planetary Logos is also active love wisdom, what does this tell us about the status of our Buddhas of Activity? Can you find a reference in The Rays and the Initiations (Rule XII, I believe) which throws light upon the status of these Buddhas?

55. tr. 387: Nếu một Đức Phật Hoạt Động là "bác ái minh triết tích cực" và một Hành Tinh Thượng Đế cũng là bác ái minh triết tích cực, điều này cho chúng ta biết gì về địa vị của các Đức Phật Hoạt Động của chúng ta? Các bạn có thể tìm thấy một dẫn chiếu trong The Rays and the Initiations (tôi tin là Quy luật XII) soi sáng địa vị của các Đức Phật này không?

56. p. 387: What does the following mean: "These Entities are divided into three groups of thirty-five each, and in Themselves embody the three major centres of the planetary Logos, those three groups which we know as the 'three departments'..." Which Entities are here discussed? In what way can a "department" be considered a "centre" within a planetary Logos?

56. tr. 387: Đoạn sau có nghĩa là gì: "Các Thực Thể này được chia thành ba nhóm, mỗi nhóm ba mươi lăm vị, và tự thân Các Ngài thể hiện ba trung tâm chính của Hành Tinh Thượng Đế, ba nhóm mà chúng ta biết là 'ba ban'..." Những Thực Thể nào đang được bàn đến ở đây? Theo cách nào một "ban" có thể được xem là một "trung tâm" trong một Hành Tinh Thượng Đế?

57. p. 388: Consider the following divisions of Kumara and elaborate upon their significance:

1. 35—35—7—7—7—7—7

2. 15—15—15—15—15—15—15

57. tr. 388: Hãy xem xét các phân chia sau của Kumara và khai triển về ý nghĩa của chúng:

1. 35—35—7—7—7—7—7

2. 15—15—15—15—15—15—15

58. p. 388: Who are the "three Kumaras" herein discussed? Are They the Buddhas of Activity? What does it meant that they are "fivefold"? What is the significance of the number "fifteen" and how does fifteen relate to 105? In what way is the number "sixteen" related to the three Kumaras plus Sanat Kumara?

58. tr. 388: "Ba Kumara" được bàn đến ở đây là ai? Các Ngài có phải là các Đức Phật Hoạt Động không? Việc các Ngài là "ngũ phân" có nghĩa là gì? Ý nghĩa của con số "mười lăm" là gì và mười lăm liên hệ thế nào với 105? Theo cách nào con số "mười sáu" liên hệ với ba Kumara cộng với Đức Sanat Kumara?

59. p. 388: Can it be said that the present Masters of the Wisdom substitute in any way for the original Kumaras who descended from the Venus Chain?

59. tr. 388: Có thể nói rằng các Chân sư Minh triết hiện nay thay thế theo cách nào đó cho các Kumara nguyên thủy đã giáng hạ từ Dãy Sao Kim không?

60. p. 388: A very mysterious reference is herein made to the ways in which the three Kumaras are associated with "a particular centre which is involved in the coming Initiation of the Heavenly Man, and to which the human units at this time, and during this greater cycle, belong". Ostensibly, the coming Initiation is the fourth. What center could be referred to and why? (See The Rays and the Initiations—Tabulation of Initiations. As part of your thinking, please count the number of petals in the Ajna center and take note of its numerological sum.

60. tr. 388: Ở đây có một dẫn chiếu rất huyền nhiệm đến những cách mà ba Kumara được liên kết với “một trung tâm đặc biệt có liên quan đến Điểm đạo sắp đến của Đấng Thiên Nhân, và trung tâm mà các đơn vị nhân loại vào lúc này, và trong chu kỳ lớn hơn này, thuộc về”. Bề ngoài, Điểm đạo sắp đến là lần thứ tư. Trung tâm nào có thể được nói đến và vì sao? (Xem The Rays and the Initiations—Bảng liệt kê các Điểm đạo. Như một phần của suy tư, xin hãy đếm số cánh hoa trong trung tâm Ajna và lưu ý tổng số học của nó.

61. p. 388: Can you think of a geometrical figure or arrangement which might be representative of a group of fifteen Kumaras?

61. tr. 388: Các bạn có thể nghĩ ra một hình hình học hay một sự sắp xếp nào có thể đại diện cho một nhóm mười lăm Kumara không?

62. p. 388: Give your interpretation of seven groups of fifteen Kumaras each as "focal points for the force or influence emanating from the other solar centres or schemes". In what way that you can conceive could a group of fifteen Kumaras be related to a particular greater Ashram within the Hierarchy?

62. tr. 388: Hãy đưa ra cách diễn giải của các bạn về bảy nhóm, mỗi nhóm mười lăm Kumara, như là “những điểm hội tụ cho mãnh lực hay ảnh hưởng phát ra từ các trung tâm hay hệ hành tinh thái dương khác”. Theo cách nào mà các bạn có thể hình dung, một nhóm mười lăm Kumara có thể liên hệ với một ashram lớn đặc biệt nào đó trong Thánh đoàn?

63. p. 388: Do you think that all Kumaras or Their Substitutes are Shamballic Beings? Or could some of Them be considered hierarchical Beings? Why or why not?

63. tr. 388: Các bạn có nghĩ rằng mọi Kumara hay các Vị Thay Thế của Các Ngài đều là các Hữu thể Shamballa không? Hay một số vị trong Các Ngài có thể được xem là các Hữu thể thuộc Thánh đoàn? Vì sao có hay không?

64. p. 388: If the great Beings, the Kumaras, form "the seven divisions of the occult Hierarchy" do you think this statement refers only to the occult Hierarchy of our particular globe, or could it have a wider meaning? If so, what kind of meaning?

64. tr. 388: Nếu các Hữu Thể Vĩ Đại, các Kumara, tạo thành “bảy phân bộ của Thánh đoàn huyền bí” thì các bạn có nghĩ phát biểu này chỉ nói đến Thánh đoàn huyền bí của bầu hành tinh đặc biệt của chúng ta thôi không, hay nó có thể có một ý nghĩa rộng hơn? Nếu có, đó có thể là loại ý nghĩa nào?

65. p. 388: When it is said of the Kumaras that "they exist, as does the Heavenly Man Himself, in etheric matter, and are literally great Wheels, or centres of living Fire, manasic and electric fire", what type of etheric matter is here indicated? What meaning do you give to the idea that these Beings are literally "great Wheels"?

65. tr. 388: Khi người ta nói về các Kumara rằng "các Ngài tồn tại, cũng như chính Đấng Thiên Nhân, trong vật chất dĩ thái, và theo nghĩa đen là những Bánh Xe lớn, hay những trung tâm của Lửa sống động, lửa manas và lửa điện", thì loại vật chất dĩ thái nào được chỉ ra ở đây? Các bạn gán ý nghĩa gì cho ý tưởng rằng các Hữu thể này theo nghĩa đen là "những Bánh Xe lớn"?

66. p. 388: It is said that the Kumaras "make a planetary triangle within the chain, and each of Them vitalises one globe". Refer to the chart of the Earth Chain on p. 385 and see if you can discover the indicated triangle. Two types of division of the Kumaras (by three and by seven) are indicated in the quotation referenced in this question. In what way do you understand this division?

66. tr. 388: Người ta nói rằng các Kumara "tạo thành một tam giác hành tinh trong dãy, và mỗi vị trong Các Ngài tiếp sinh lực cho một bầu hành tinh". Hãy tham chiếu biểu đồ của Dãy Địa Cầu ở tr. 385 và xem các bạn có thể khám phá tam giác được chỉ ra không. Hai loại phân chia của các Kumara (theo ba và theo bảy) được chỉ ra trong trích dẫn được dẫn chiếu trong câu hỏi này. Các bạn hiểu sự phân chia này theo cách nào?

67. pp. 388-389: Although certainty does not exist for us on the following questions, offer a hypothesis with an explanation of why.

67. các tr. 388-389: Mặc dù chúng ta không có sự chắc chắn đối với các câu hỏi sau, hãy đưa ra một giả thuyết cùng lời giải thích vì sao.

1. Which Ray, or logoic emanation is embodied by our planetary Logos?

1. Cung nào, hay phát xạ logoic nào, được Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta thể hiện?

2. Which centre in the solar system is called the Earth scheme?

2. Trung tâm nào trong hệ mặt trời được gọi là hệ Địa Cầu?

3. Which scheme is our polar opposite, or which Heavenly Man is most closely allied to ours?

3. Hệ nào là đối cực của chúng ta, hay Đấng Thiên Nhân nào liên kết mật thiết nhất với Đấng của chúng ta?

4. Which particular centre in the body of the planetary Logos is our Logos at present endeavouring to vitalise?

4. Trung tâm đặc biệt nào trong thân thể của Hành Tinh Thượng Đế mà Thượng đế của chúng ta hiện đang nỗ lực tiếp sinh lực?

68. p. 389: What will be the value of calling planetary chains by their number instead of by the names presently given? Do you see any value of significance in the names as presently given?

68. tr. 389: Việc gọi các Dãy hành tinh bằng số của chúng thay vì bằng những tên hiện đang được dùng sẽ có giá trị gì? Các bạn có thấy giá trị thâm nghĩa nào trong các tên gọi như hiện nay không?

69. p. 390: We are told that during the fifth round our planetary Logos will have attained the initiation which is his present goal? Will this be the fourth Initiation which presently lies before him, (c.f. p. 384) or will it be the second Cosmic Initiation?

69. tr. 390: Chúng ta được cho biết rằng trong cuộc tuần hoàn thứ năm, Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta sẽ đạt đến điểm đạo vốn là mục tiêu hiện nay của Ngài? Liệu đó sẽ là lần điểm đạo thứ tư hiện đang ở trước Ngài, (xem tr. 384) hay sẽ là lần Điểm Đạo Vũ Trụ thứ hai?

70. p. 390: Which do you believe to be the synthesizing planet to which Venus will transfer Her life? Why?

70. tr. 390: Theo các bạn, hành tinh tổng hợp mà Sao Kim sẽ chuyển sự sống của Bà đến là hành tinh nào? Tại sao?

71. p. 390: We read on this page of the "fifth round of the Venusian scheme" which will be closing in the coming fifth round of our planetary chain. Do you think this fifth round is actually a *scheme round* or is it connected with one of the Venusian chains?

71. tr. 390: Ở trang này chúng ta đọc thấy về "cuộc tuần hoàn thứ năm của hệ hành tinh Kim Tinh", cuộc tuần hoàn này sẽ khép lại trong cuộc tuần hoàn thứ năm sắp đến của Dãy hành tinh chúng ta. Các bạn có nghĩ rằng cuộc tuần hoàn thứ năm này thực sự là một *cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh* hay nó liên hệ với một trong các Dãy của Kim Tinh?

72. p. 390: In our fifth round, Mercury will reach the apotheosis of achievement. Does this suggest that Mercury will be completing its development relatively simultaneously with the planetary Logos of Venus or that Venus will complete and become obscured first?

72. tr. 390: Trong cuộc tuần hoàn thứ năm của chúng ta, Sao Thủy sẽ đạt đến đỉnh cao của thành tựu. Điều này có gợi ý rằng Sao Thủy sẽ hoàn tất sự phát triển của nó tương đối đồng thời với Hành Tinh Thượng Đế của Sao Kim hay rằng Sao Kim sẽ hoàn tất và trở nên mờ khuất trước?

73. p. 390: What, do you think, will be the quality of the systemic triangle of Mercury, Mars and Earth. What do you learn when you examine the diagram for these three schemes found on p. 373?

73. tr. 390: Theo các bạn, phẩm tính của tam giác hệ thống gồm Sao Thủy, Sao Hỏa và Trái Đất sẽ là gì? Các bạn học được điều gì khi khảo sát biểu đồ về ba hệ hành tinh này ở tr. 373?

74. p. 390: When you contemplate the relationship between the Earth Chain,

74. tr. 390: Khi các bạn chiêm ngưỡng mối liên hệ giữa Dãy Địa Cầu, Dãy Sao Thủy và

Mercury Chain and Venus Chain of the Earth Scheme, how do you think this triangle relates to the development of man? Which centers in the planetary Logos of our scheme might these three chains represent?

Dãy Sao Kim của Hệ Địa Cầu, theo các bạn tam giác này liên hệ thế nào với sự phát triển của con người? Ba trung tâm nào trong Hành Tinh Thượng Đế của hệ chúng ta mà ba Dãy này có thể tượng trưng?

75. p. 390: Logoic kundalini will pass from a triangle consisting of the Earth, Venus and *what other* scheme, to a triangle consisting of the Earth, Mars and Mercury Schemes. What "certain great logoic centre will be vitalized" in this process?

75. tr. 390: kundalini logoic sẽ chuyển từ một tam giác gồm Trái Đất, Sao Kim và *hệ hành tinh nào khác* đến một tam giác gồm các Hệ Địa Cầu, Sao Hỏa và Sao Thủy. Trong tiến trình này, "trung tâm logoic vĩ đại nào đó sẽ được tiếp sinh lực"?

76. p. 390: When in the coming fifth round "an entirely new group of human beings will sweep into incarnation in our Earth scheme" what group of entities is meant? Are these entities present in any way now, during the fourth round of the Earth Chain?

76. tr. 390: Khi trong cuộc tuần hoàn thứ năm sắp đến "một nhóm hoàn toàn mới những con người sẽ ào vào lâm phàm trong hệ Địa Cầu của chúng ta", nhóm thực thể nào được nói đến? Các thực thể này hiện nay có hiện diện theo cách nào không, trong cuộc tuần hoàn thứ tư của Dãy Địa Cầu?

77. p. 391: To which planetary scheme will the two-fifths of humanity still focussed on the astral plane be transferred after the "Judgment Day" of the fifth round? Why do you think so?

77. tr. 391: Sau "Ngày Phán Xét" của cuộc tuần hoàn thứ năm, hai phần năm nhân loại vẫn còn tập trung trên cõi cảm dục sẽ được chuyển sang hệ hành tinh nào? Tại sao các bạn nghĩ như vậy?

78. p. 391: Will Mercurian life synthesise before or after life on Venus? What is the synthesizing planet connected with Mercury? Why do you think so?

78. tr. 391: Sự sống của Sao Thủy sẽ tổng hợp trước hay sau sự sống trên Sao Kim? Hành tinh tổng hợp liên hệ với Sao Thủy là hành tinh nào? Tại sao các bạn nghĩ như vậy?

79. p. 391: Connect the idea of the "Judgment Day" with the point of attainment of our planetary Logos.

79. tr. 391: Hãy nối kết ý niệm về "Ngày Phán Xét" với điểm thành tựu của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

80. p. 391: Give your interpretation of the following: "... this present struggle has been to test the ability of the entities within the present human forms to appreciate their mental forces, and through the power of MIND to transcend feeling, or pain". From

80. tr. 391: Hãy đưa ra cách diễn giải của các bạn về câu sau: "... cuộc đấu tranh hiện nay này là để thử thách khả năng của các thực thể bên trong các hình tướng nhân loại hiện nay trong việc đánh giá đúng các mãnh lực trí tuệ của họ, và nhờ quyền năng của TRÍ TUỆ mà vượt lên trên cảm giác, hay đau

your own experience, how can MIND assist in this transcendence?

đớn". Từ kinh nghiệm của chính các bạn, TRÍ TUỆ có thể trợ giúp sự siêu vượt này như thế nào?

81. p. 391: Can you imagine how the struggle in the fifth round will cause the present world unrest to seem as nothing"?

81. tr. 391: Các bạn có thể hình dung cuộc đấu tranh trong cuộc tuần hoàn thứ năm sẽ khiến tình trạng bất an hiện nay của thế giới dường như chẳng là gì không?

82. p. 391: What would be the nature of the struggle between "higher and lower mind" in which "the battle ground will be the causal body"? What does this sentence mean to you?

82. tr. 391: Bản chất của cuộc đấu tranh giữa "thượng trí và hạ trí", trong đó "chiến trường sẽ là thể nguyên nhân", sẽ là gì? Câu này có nghĩa gì đối với các bạn?

83. p. 391: Explain how the causal body can be considered the result of the antecedent actions of man and a *seed* as well?

83. tr. 391: Hãy giải thích làm sao thể nguyên nhân có thể được xem là kết quả của những hành động đi trước của con người và đồng thời cũng là một *hạt giống*?

84. p. 392: Please give your interpretation of the following statement: "By the rarest fire of True Wisdom the body of avidya (i.e., the causal body) will be reduced to ashes." Why is the causal body called the "body of avidya" (ignorance)?

84. tr. 392: Xin hãy cho cách diễn giải của các bạn về phát biểu sau: "Bởi ngọn lửa hiếm có nhất của Minh triết Chân chính, thể avidya (tức thể nguyên nhân) sẽ bị thiêu thành tro." Tại sao thể nguyên nhân lại được gọi là "thể của avidya" (vô minh)?

85. p. 392: Give your interpretation of the nature of the following struggle: "The struggle in the fifth round, being on mental levels, will be between Egos and egoic groups, each working consciously, and with intellectual application, to bring about certain group results". In this struggle, which of the contenders *should* prevail and why?

85. tr. 392: Hãy cho cách diễn giải của các bạn về bản chất của cuộc đấu tranh sau đây: "Cuộc đấu tranh trong cuộc tuần hoàn thứ năm, vì diễn ra trên các cấp trí tuệ, sẽ là giữa các chân ngã và các nhóm chân ngã, mỗi bên đều hoạt động một cách hữu thức, và với sự vận dụng trí năng, để đem lại những kết quả nhóm nhất định". Trong cuộc đấu tranh này, bên nào *nên* chiếm ưu thế và tại sao?

86. p. 392: The result of this struggle in the fifth round will result, it is said, in "the ultimate triumph of Spirit over matter". Why is it fitting that this triumph occur in the fifth round? What, practically speaking, will be the result of this triumph?

86. tr. 392: Kết quả của cuộc đấu tranh này trong cuộc tuần hoàn thứ năm, như đã nói, sẽ là "sự toàn thắng tối hậu của tinh thần đối với vật chất". Tại sao việc chiến thắng này xảy ra trong cuộc tuần hoàn thứ năm lại là

thích hợp? Nói một cách thực tiễn, kết quả của chiến thắng này sẽ là gì?

87. p. 392: What, do you suppose, will be the fate of the black lodge at the "Judgment Day"?

87. tr. 392: Theo các bạn, số phận của hắc đoàn vào "Ngày Phán Xét" sẽ ra sao?

88. p. 392: Why is the fifth round an appropriate time for the beginning of obscuration?

88. tr. 392: Tại sao cuộc tuần hoàn thứ năm là thời điểm thích hợp cho sự khởi đầu của tình trạng mờ khuất?

89. p 392: What thoughts occur to you when you read that "our Earth should now be in her fifth round, and paralleling the Venusian scheme, but the moon chain of our scheme saw a period of temporary retardation of the evolutionary process of our Heavenly Man". Based upon this thought, it appears that the exact duration of a round is not set and fixed, but is variable according to the progress of the Heavenly Man for whom it represents a kind of incarnation. What thoughts come to you in this respect?

89. tr. 392: Những ý nghĩ nào đến với các bạn khi các bạn đọc rằng "Trái Đất của chúng ta lẽ ra hiện nay phải ở trong cuộc tuần hoàn thứ năm của nó, và song hành với hệ Kim Tinh, nhưng dãy mặt trăng của hệ chúng ta đã trải qua một thời kỳ trì hoãn tạm thời của tiến trình tiến hoá của Đấng Thiên Nhân của chúng ta". Dựa trên ý tưởng này, dường như thời lượng chính xác của một cuộc tuần hoàn không phải là điều được ấn định cố định, mà biến đổi tùy theo sự tiến bộ của Đấng Thiên Nhân mà đối với Ngài nó tượng trưng cho một loại lâm phàm. Về phương diện này, những ý nghĩ nào đến với các bạn?

90. p. 392: Why are the members of the black lodge called the "Lords of the Dark Face"? Why are they called "the inherent forces of matter"?

90. tr. 392: Tại sao các thành viên của hắc đoàn được gọi là "các Chúa Tể của Khuôn Mặt Tối Tăm"? Tại sao họ được gọi là "các mãnh lực cố hữu của vật chất"?

91. p. 392: Does it strike you as strange or unusual that when the triumph at the fifth round of our fourth chain occurs, that obscuration will begin for the *entire* planetary scheme?

91. tr. 392: Có phải các bạn thấy lạ hay bất thường rằng khi sự chiến thắng ở cuộc tuần hoàn thứ năm của dãy thứ tư của chúng ta xảy ra, thì sự mờ khuất sẽ bắt đầu cho *toàn bộ* hệ hành tinh?

92. p. 392: Do the readings on this page suggest that the period of the Moon Chain focus saw antagonistic forces arrayed against our planetary Logos? If so, how so?

92. tr. 392: Những đoạn đọc ở trang này có gợi ý rằng thời kỳ tập trung của Dãy Mặt Trăng đã chứng kiến các lực đối kháng được dàn trận chống lại Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta không? Nếu có, bằng cách nào?

What, in a few words, were the principal causes of defeat upon the Moon Chain?

Nói ngắn gọn, những nguyên nhân chính của thất bại trên Dãy Mặt Trăng là gì?

93. p. 393: What does it mean that during the third root-race there occurred "the individualisation, in physical form, of the Avatar"? Who was the Avatar and what form of individualization is meant—surely not the same kind of individualization that made of animal man a human being?

93. tr. 393: Điều đó có nghĩa gì khi trong giống dân gốc thứ ba đã xảy ra "sự biệt ngã hóa, trong hình tướng hồng trần, của Đấng Hoá Thân"? Đấng Hoá Thân đó là ai và loại biệt ngã hóa nào được nói đến—chắc chắn không phải cùng loại biệt ngã hóa đã biến người thú thành một con người?

94. p. 393: Does the term "Divine Manasaputra", as used here, refer to the planetary Logos of the Earth Scheme or to the Lord of the World (i.e., Sanat Kumara)? What mystery is concealed in equating the two terms, "Divine Manasaputra" and "Lord of the World"? From what you are reading in these paragraphs, can you determine the major reason necessitating the taking of form by the Divine Manasaputra? What had it to do with His previous failure during His own Moon Chain?

94. tr. 393: Thuật ngữ "Divine Manasaputra", như được dùng ở đây, có chỉ Hành Tinh Thượng Đế của Hệ Địa Cầu hay Đức Chúa Tể Thế Giới (tức Đức Sanat Kumara) không? Bí nhiệm nào được che giấu trong việc đồng nhất hai thuật ngữ "Divine Manasaputra" và "Đức Chúa Tể Thế Giới"? Từ những gì các bạn đang đọc trong các đoạn này, các bạn có thể xác định lý do chính khiến Divine Manasaputra phải mang lấy hình tướng không? Điều đó liên hệ thế nào với thất bại trước đây của Ngài trong chính Dãy Mặt Trăng của Ngài?

95. p. 393: Give your interpretation of the summary of the definition of manas: "... it is the active will, intelligently applied, of an Entity, and then that this active intelligent will affects all lesser lives in cyclic evolution within the Body of that particular actively willing Existence".

95. tr. 393: Hãy cho cách diễn giải của các bạn về phần tóm lược định nghĩa manas: "... đó là ý chí hoạt động, được vận dụng một cách thông tuệ, của một Thực Thể, và rồi ý chí thông tuệ hoạt động này tác động đến mọi sự sống nhỏ hơn trong tiến hoá theo chu kỳ bên trong Thể của Sự Tồn Tại đặc thù đang ý chí một cách hoạt động ấy".

96. p. 393: Explain the sources of manas for a solar system, for a planetary scheme and within a planetary scheme.

96. tr. 393: Hãy giải thích các nguồn của manas đối với một hệ mặt trời, đối với một hệ hành tinh và *bên trong* một hệ hành tinh.

97. p. 394: What does it do for your sense of cosmic perspective to read the following: "To the life of that little entity we call an atom in the physical body of a man, the Thinker in the causal body, his greater directing intelligence, is as obscure and unknown as

97. tr. 394: Việc đọc đoạn sau tác động thế nào đến ý thức của các bạn về viễn tượng vũ trụ: "Đối với sự sống của thực thể nhỏ bé mà chúng ta gọi là một nguyên tử trong thể xác của một người, Đấng Tư Tưởng trong thể nguyên nhân, trí tuệ chỉ đạo lớn hơn của y,

the Logos is to the Thinker, Man, himself. The analogy is nevertheless accurate". Is it justifiable to call man an atom in comparison to a solar Logos? To what Entity is man a cell?

cũng mờ tối và không được biết đến như Thượng đế đối với chính Đấng Tư Tưởng, Con Người. Tuy nhiên, phép loại suy này là chính xác". Có chính đáng không khi gọi con người là một nguyên tử so với một Thái dương Thượng đế? Con người là một tế bào đối với Thực Thể nào?

II. THE POSITION OF MANAS

98. p. 395: Discuss the appropriateness of the following definition of manas: *"manas is the intelligent purpose of some Being, working out in active objectivity".*

99. p. 395: Give your thoughts about the "resolution of the 'hexagon' or the six-pointed star, into the five-pointed star".

100. pp. 395-396: What does it mean that the Lords of Karma are the "sole recipients of the mind purposes of that cosmic ENTITY Who enfolds our solar Logos within His consciousness"? What has the star Sirius to do with the principle of Karma?

101. pp. 395-396: Attempt to give a practical and meaningful explanation of the Six Shaktis listed in the footnote on pp. 395-396. Explain the order in which the shaktis are listed, then correlate them with the Creative Hierarchies listed on pp. 34-35 of Esoteric Astrology. If there are six shaktis and six Schools of Indian Philosophy, can you find a correspondence between the two sets of sixes?

102. p. 396: Give your interpretation of the following: "It is upon the Hierarchies and the correct number of these Entities that the mystery of the universe is built".

II. VỊ TRÍ CỦA MANAS

98. tr. 395: Hãy bàn về tính thích đáng của định nghĩa sau về manas: *"manas là mục đích thông tuệ của một Hữu thể nào đó, đang tự triển khai trong tính khách quan hoạt động".*

99. tr. 395: Hãy cho những suy nghĩ của các bạn về "sự phân giải của 'lục giác' hay ngôi sao sáu cánh, thành ngôi sao năm cánh".

100. tr. 395-396: Điều đó có nghĩa gì khi các Đấng Nghiệp Quả là "những vị duy nhất tiếp nhận các mục đích của trí tuệ của THỰC THỂ vũ trụ đang bao hàm Thái dương Thượng đế của chúng ta trong tâm thức của Ngài"? Ngôi sao Sirius có liên hệ gì với nguyên khí Nghiệp Quả?

101. tr. 395-396: Hãy cố gắng đưa ra một giải thích thực tiễn và có ý nghĩa về Sáu Shakti được liệt kê trong chú thích ở tr. 395-396. Hãy giải thích thứ tự mà các shakti được liệt kê, rồi đối chiếu chúng với Các Huyền Giai Sáng Tạo được liệt kê ở tr. 34-35 của Chiêm Tinh Học Nội Môn. Nếu có sáu shakti và sáu Trường phái Triết học Ấn Độ, các bạn có thể tìm ra một sự tương ứng giữa hai bộ sáu này không?

102. tr. 396: Hãy cho cách diễn giải của các bạn về câu sau: "Chính trên các Huyền Giai và số lượng đúng đắn của các Thực Thể này mà bí nhiệm của vũ trụ được xây dựng".

103. p. 396: Examine the footnote carefully and give your interpretation of the number "ten" and the various quotations listed from The Secret Doctrine in relation to that number.

103. tr. 396: Hãy khảo sát kỹ chú thích và cho cách diễn giải của các bạn về con số "mười" cùng các trích dẫn khác nhau từ Giáo Lý Bí Nhiệm liên hệ với con số đó.

104. p. 396: Examine the footnote carefully and give your interpretation of the number "six" and the various quotations listed from The Secret Doctrine in relation to that number.

104. tr. 396: Hãy khảo sát kỹ chú thích và cho cách diễn giải của các bạn về con số "sáu" cùng các trích dẫn khác nhau từ Giáo Lý Bí Nhiệm liên hệ với con số đó.

105. p. 396: Examine the footnote carefully and give your interpretation of the number "five" and the various quotations listed from The Secret Doctrine in relation to that number.

105. tr. 396: Hãy khảo sát kỹ chú thích và cho cách diễn giải của các bạn về con số "năm" cùng các trích dẫn khác nhau từ Giáo Lý Bí Nhiệm liên hệ với con số đó.

106. p. 396: Give your interpretation of the following: "In the merging of the five and the six you have the totality of manifestation, the male and female blended in the Divine Hermaphrodite". What have Venus and Mercury to do with this statement?

106. tr. 396: Hãy cho cách diễn giải của các bạn về câu sau: "Trong sự hòa nhập của năm và sáu, các bạn có toàn thể biểu hiện, nam và nữ hòa trộn trong Đấng Lưỡng Tính Thiêng Liêng". Sao Kim và Sao Thủy có liên hệ gì với phát biểu này?

107. p. 396: Give your interpretation of the first order, the sixth order and the fifth order. Why is the sixth order associated with objective form, matter and the not-Self?

107. tr. 396: Hãy cho cách diễn giải của các bạn về trật tự thứ nhất, trật tự thứ sáu và trật tự thứ năm. Tại sao trật tự thứ sáu lại được liên kết với hình tướng khách quan, vật chất và phi-ngã?

108. p. 396: From what you know about esoteric astrology and mystical geometry, why will an alliance between these two sciences release a flood of light upon the question of the intelligent principle?

108. tr. 396: Từ những gì các bạn biết về chiêm tinh học nội môn và hình học thần bí, tại sao một sự liên minh giữa hai khoa học này sẽ giải phóng một luồng ánh sáng dồi dào lên vấn đề nguyên khí thông tuệ?

109. p. 396: What is meant by the "inner workings of the Law of Cause and Effect"?

109. tr. 396: "Những vận hành bên trong của Luật Nhân Quả" có nghĩa là gì?

110. p. 397: Explain the reason for the following: "... only as the lower mind is

110. tr. 397: Hãy giải thích lý do của điều sau: "... chỉ khi hạ trí được chuyển hoá thành

transmuted into the abstract or higher mind and from thence into the intuition, will man be able to understand the significance of manas".

trí trừu tượng hay thượng trí và từ đó thành trực giác, con người mới có thể thấu hiểu thâm nghĩa của manas".

111. p. 397: What, in different terminology, is the "archetypal plane" in connection with the Logos?

111. tr. 397: Theo thuật ngữ khác, "cõi nguyên mẫu" liên hệ với Thượng đế là gì?

112. pp. 397-398: What thoughts come to you as you study the following definition of man: "... man is Spirit or the Self, working through matter of the Not-Self, by means of the intelligence or manas...".

112. tr. 397-398: Những ý nghĩ nào đến với các bạn khi các bạn nghiên cứu định nghĩa sau về con người: "... con người là tinh thần hay Bản Ngã, hoạt động qua vật chất của phi-ngã, bằng phương tiện của trí tuệ hay manas..."?

113. p. 398: What are the implications of the following statement: "... by means of the principle of manas *form* is built"?

113. tr. 398: Những hàm ý của phát biểu sau là gì: "... bằng phương tiện của nguyên khí manas mà *hình tướng* được xây dựng"?

114. p. 398: Explain the "Builders" as "those entities who are the embodiment of Universal Mind". Why is it said that the Builders "are the Divine Manasaputras in their comprehensive totality"?

114. tr. 398: Hãy giải thích "Các Đấng Kiến Tạo" như "những thực thể là hiện thân của Vũ Trụ Trí". Tại sao lại nói rằng các Đấng Kiến Tạo "là các Divine Manasaputra trong tính toàn thể bao quát của các Ngài"?

115. p. 398: What do you learn from the following?: "... man... [is] the repository (through the Heavenly Man of Whose body he forms a part) of the purpose of the Logos, and the devas in all their higher grades [are] the cohesive attractive factor which manipulates matter, and which moulds it into shape".

115. tr. 398: Các bạn học được gì từ điều sau?: "... con người... [là] kho chứa (thông qua Đấng Thiên Nhân mà trong thân thể của Ngài y tạo thành một phần) mục đích của Thượng đế, còn các thiên thần trong mọi cấp bậc cao của họ [là] yếu tố kết dính hấp dẫn thao tác vật chất, và nắn nó thành hình".

116. p. 398: Why are the fourth, fifth and sixth Creative Hierarchies particularly concerned with manifestation in etheric matter?

116. tr. 398: Tại sao các Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, thứ năm và thứ sáu lại đặc biệt liên quan đến sự biểu hiện trong vật chất dĩ thái?

117. p. 398: Interpret the following: "When the five and the four are perfectly blended, we shall have achieved the nine of a major

117. tr. 398: Hãy diễn giải điều sau: "Khi năm và bốn được hòa trộn hoàn hảo, chúng ta sẽ đạt được số chín của một cuộc điểm đạo

initiation, and when the six is added we shall have the resolution into one of the groups embodied by a Kumara..." Which major initiation? Relate the idea of a kumaric group, the number fifteen and the blending of these three Creative Hierarchies. What sort of group is embodied by a Kumara? Could such a group be an entire Ashram? Does 4+5+6 yield an initiatory condition equivalent to chohanship?

lớn, và khi sáu được thêm vào, chúng ta sẽ có sự phân giải vào một trong những nhóm được một Kumara hiện thân…" Cuộc điểm đạo lớn nào? Hãy liên hệ ý niệm về một nhóm kumara, con số mười lăm và sự hòa trộn của ba Huyền Giai Sáng Tạo này. Loại nhóm nào được một Kumara hiện thân? Một nhóm như vậy có thể là toàn bộ một ashram không? 4+5+6 có tạo ra một tình trạng điểm đạo tương đương với địa vị chohan không?

118. p. 399: What is your interpretation of the resolution of the six-pointed star finally into the five-pointed star?

118. tr. 399: Cách diễn giải của các bạn về sự phân giải cuối cùng của ngôi sao sáu cánh thành ngôi sao năm cánh là gì?

119. p. 399: Explain manas as a "basic factor of the process and the means whereby the link is made between the abstract and the concrete".

119. tr. 399: Hãy giải thích manas như một "yếu tố căn bản của tiến trình và là phương tiện nhờ đó mối liên kết được tạo ra giữa trừu tượng và cụ thể".

120. p. 399: Explain "THE PATH" in manasic terms.

120. tr. 399: Hãy giải thích "CON ĐƯỜNG" theo các thuật ngữ manas.

121. p. 399: Give your interpretation of the four means listed for building the channel which is "THE PATH".

121. tr. 399: Hãy cho cách diễn giải của các bạn về bốn phương tiện được liệt kê để xây dựng kênh dẫn vốn là "CON ĐƯỜNG".

122. p. 399: What is the meaning of the familiar idea that "the antaskarana is itself but illusion"?

122. tr. 399: Ý nghĩa của ý tưởng quen thuộc rằng "chính antaskarana cũng chỉ là ảo tưởng" là gì?

123. p. 399: Trace the progress of man as he moves from the six to the five to the three. Explain what it means for man to be "resolved into the four".

123. tr. 399: Hãy truy theo sự tiến bộ của con người khi y chuyển từ sáu sang năm rồi sang ba. Hãy giải thích điều đó có nghĩa gì khi con người được "phân giải vào bốn".

124. p. 400: What would it mean to become part of the consciousness of the "four great Maharajas"? Are the four Maharajas greater than the Heavenly Men? If so, why so?

124. tr. 400: Trở thành một phần của tâm thức của "bốn vị Maharaja vĩ đại" sẽ có nghĩa gì? Bốn vị Maharaja có vĩ đại hơn các Đấng Thiên Nhân không? Nếu có, tại sao?

125. tr. 400: Theo ý kiến của các bạn, "bốn Đấng Thiên Nhân hiện thân (cùng với Đấng

125. p. 400: Which, in your opinion, are the "four Heavenly Men Who embody (with their synthesising third) logoic manas"?

thứ ba tổng hợp của Các Ngài) logoic manas" là những Đấng nào?

126. p. 400: Give your interpretation of the following highly occult statement: "Karma works through manas, and only as the six-pointed star (or sumtotal of concrete mind in its various division) becomes the five-pointed star, or the synthesis of the lower into the abstract or higher, is the transmutation into the three, or the Spiritual Triad, made possible via the four, or the formless repositories of karmic purpose; thus is liberation achieved, thus is man set free, and the microcosm attains BEING without the necessity of form-taking".

126. tr. 400: Hãy cho cách diễn giải của các bạn về phát biểu huyền bí sâu xa sau: "Nghiệp quả vận hành qua manas, và chỉ khi ngôi sao sáu cánh (hay tổng thể của trí cụ thể trong các phân chia khác nhau của nó) trở thành ngôi sao năm cánh, hay sự tổng hợp của cái thấp vào cái trừu tượng hay cái cao hơn, thì sự chuyển hoá vào ba, hay Tam Nguyên Tinh Thần, mới trở nên khả hữu qua bốn, hay các kho chứa vô tướng của mục đích nghiệp quả; như thế sự giải thoát được đạt đến, như thế con người được giải phóng, và tiểu thiên địa đạt tới BẢN THỂ mà không cần phải mang lấy hình tướng".

127. p. 400: Give your interpretation of the following statements concerning the microcosmic transition from the six to the three: "When the microcosm has transcended the three worlds of matter and has become the five pointed star, he passes into the consciousness of the Monad, or pure Spirit, via the fourth plane of buddhi. For him the buddhic plane is the plane of karmic correspondence. On it he enters into the sphere of conscious co-operation in the working out of karma for a Heavenly Man, having completely worked out his personal karma in the lower three spheres". What is your interpretation of the idea that the buddhic plane is the "plane of karmic correspondence"?

127. tr. 400: Hãy cho cách diễn giải của các bạn về các phát biểu sau liên quan đến sự chuyển tiếp vi mô từ sáu sang ba: "Khi tiểu thiên địa đã siêu vượt ba cõi giới của vật chất và đã trở thành ngôi sao năm cánh, y đi vào tâm thức của Chân thần, hay tinh thần thuần túy, qua cõi thứ tư của Bồ đề. Đối với y, cõi Bồ đề là cõi của sự tương ứng nghiệp quả. Trên cõi ấy y đi vào khối cầu hợp tác hữu thức trong việc triển khai nghiệp quả cho một Đấng Thiên Nhân, sau khi đã hoàn toàn giải quyết xong nghiệp quả cá nhân của mình trong ba khối cầu thấp". Cách diễn giải của các bạn về ý tưởng rằng cõi Bồ đề là "cõi của sự tương ứng nghiệp quả" là gì?

128. p. 400: Which planes do you think "correspond to the buddhic plane, for a Heavenly Man and for a solar Logos"?

128. tr. 400: Theo các bạn, những cõi nào "tương ứng với cõi Bồ đề, đối với một Đấng Thiên Nhân và đối với một Thái dương Thượng đế"?

129. p. 401: Give your interpretation of the following highly occult summary

129. tr. 401: Hãy cho cách diễn giải của các bạn về phát biểu tóm lược huyền bí sâu xa

statement: "The fire of matter... is the dynamic fire of motion, which keeps in activity each atom of matter. The fire of mind is the coherent impulse and purpose, driving the forms (built up of active matter) in a specific direction, and along certain destined paths. It is consequently karmic impulse, originating cause, and operating will. It is likewise the result or the effect of this action in time, and only as the Triad comes into play, via the esoteric four, are the fires of both mind and matter burnt out and the fire of Spirit set free".

sau: "Lửa của vật chất... là ngọn lửa động lực của chuyển động, giữ cho mỗi nguyên tử vật chất hoạt động. Lửa của trí tuệ là xung lực và mục đích kết hợp, thúc đẩy các hình tướng (được xây dựng từ vật chất hoạt động) theo một hướng xác định, và dọc theo những con đường đã được định sẵn. Do đó nó là xung lực nghiệp quả, nguyên nhân khởi phát, và ý chí đang vận hành. Nó cũng là kết quả hay hiệu quả của hành động này trong thời gian, và chỉ khi Tam nguyên tinh thần đi vào hoạt động, qua bốn huyền bí, thì các ngọn lửa của cả trí tuệ lẫn vật chất mới bị đốt cạn và lửa của tinh thần được giải phóng".

130. p. 401: Explain the sum 4+4+1=9 as the equation of man devoid of that which is not a principle.

130. tr. 401: Hãy giải thích tổng số 4+4+1=9 như phương trình của con người không có cái gì không phải là một nguyên khí.

131. p. 401: What are the five ways in which the manasic principle manifests? What has Wisdom to do with the number six, and pure will and power with the number seven? Explain the transition from the five to the six which is the two and thence to the seven which is the one.

131. tr. 401: Có năm cách nào mà nguyên khí manas biểu hiện? Minh triết có liên hệ gì với số sáu, và ý chí cùng quyền năng thuần túy có liên hệ gì với số bảy? Hãy giải thích sự chuyển tiếp từ năm sang sáu vốn là hai, rồi từ đó sang bảy vốn là một.

132. p. 401: Why must knowledge, or the number five, be fulfilled before transmutation into wisdom, or number six, is possible?

132. tr. 401: Tại sao tri thức, hay số năm, phải được hoàn tất trước khi sự chuyển hoá thành minh triết, hay số sáu, trở nên khả hữu?

133. p. 402: Which are the five Kumaras awaiting the final resolution? Are these planetary Kumaras or systemic Kumaras or both? To how many levels is the term "Kumara" applicable?

133. tr. 402: Năm Kumara nào đang chờ sự phân giải cuối cùng? Đây là các Kumara hành tinh hay các Kumara hệ thống hay cả hai? Thuật ngữ "Kumara" có thể áp dụng cho bao nhiêu cấp độ?

134. p. 402: Give your interpretation of the difference between transmutation and the final resolution of the transmuted essences into their synthesis. Look at the planetary and human levels in your analysis.

134. tr. 402: Hãy cho cách diễn giải của các bạn về sự khác biệt giữa chuyển hoá và sự phân giải cuối cùng của các tinh chất đã được chuyển hoá vào tổng hợp của chúng.

Hãy xem xét các cấp độ hành tinh và nhân loại trong phân tích của các bạn.

135. p. 402: Why does the Tibetan say the following?: "... until it is known which cosmic Logos recognises our solar Logos as a centre in His body, and which six other systems are affiliated with ours, it will not be possible to touch upon the systemic stage of manasic development". Have you any idea which cosmic Logos it is? Is the ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID a cosmic Logos? Why or why not? What are some possibilities for stars which number among the six other systems?

135. tr. 402: Tại sao Chân sư Tây Tạng lại nói như sau?: "... cho đến khi biết được Thượng đế vũ trụ nào nhìn nhận Thái dương Thượng đế của chúng ta như một trung tâm trong thân thể của Ngài, và sáu hệ nào khác liên kết với hệ của chúng ta, thì sẽ không thể đề cập đến giai đoạn hệ thống của sự phát triển manas". Các bạn có ý niệm nào về Thượng đế vũ trụ đó là ai không? Đấng Bất Khả Tư Nghị có phải là một Thượng đế vũ trụ không? Tại sao có hoặc tại sao không? Có những khả thể nào cho các ngôi sao nằm trong số sáu hệ kia?

136. p. 402: What is your interpretation of the thought that "Brahma and Vishnu allied, go to the totality of the Divine Manasaputras"?

136. tr. 402: Cách diễn giải của các bạn về tư tưởng rằng "Brahma và Vishnu liên minh, đi đến toàn thể các Divine Manasaputra" là gì?

137. p. 403: Give your interpretation of Brahma, Vishnu and Mahadeva in relation to the hexagon with a point at the center.

137. tr. 403: Hãy cho cách diễn giải của các bạn về Brahma, Vishnu và Mahadeva trong liên hệ với lục giác có một điểm ở trung tâm.

138. p. 403: In relation to the following statement—"This fivefold Brahma aspect or the five Kumaras, are in full-manifestation, and, with the reflection of the other two aspects, make the seven of our manifested system"—what are the *reflection* of the other two aspects? Why *reflection?*

138. tr. 403: Liên hệ với phát biểu sau —"Phương diện Brahma ngũ phân này hay năm Kumara, đang ở trong sự biểu hiện trọn vẹn, và cùng với sự phản chiếu của hai phương diện kia, tạo thành số bảy của hệ biểu hiện của chúng ta"—*sự phản chiếu* của hai phương diện kia là gì? Tại sao lại là *phản chiếu?*

139. p. 403: From your experience, what is the process by which manas is transmuted into Love-Wisdom?

139. tr. 403: Từ kinh nghiệm của các bạn, tiến trình mà qua đó manas được chuyển hoá thành Bác Ái – Minh Triết là gì?

140. p. 403: What is special about the proportion 3/5? Why, do you suppose, is the process of transmutation for a planetary Logos entered upon when 3/5 of its human

140. tr. 403: Tỷ lệ 3/5 có gì đặc biệt? Theo các bạn, tại sao tiến trình chuyển hoá đối với một Hành Tinh Thượng Đế lại được bắt đầu khi 3/5 các đơn vị nhân loại và thiên thần

and deva units are entering upon the Path? What does this proportion tell us about transmutation and the Judgment Day? What might be the parallel to this process and to this proportion in the life of the microcosm, man?

của nó đang bước vào Con Đường? Tỷ lệ này cho chúng ta biết điều gì về sự chuyển hoá và Ngày Phán Xét? Tiến trình này và tỷ lệ này có thể song hành thế nào trong đời sống của tiểu thiên địa, con người?

141. p. 403: Contrast the faculty of mind as an instrument for creative use with its usual role as "slayer of the real".

141. tr. 403: Hãy đối chiếu năng lực của trí tuệ như một công cụ để sử dụng sáng tạo với vai trò thông thường của nó như “kẻ sát hại cái thực”.

142. p. 403: Connect the fact that the Earth, Mars, Jupiter, Saturn and Vulcan are as yet developing manas with the chain and globe focus of each of these planetary Logoi (c.f. Esoteric Astrology, p. 693).

142. tr. 403: Hãy nối kết sự kiện rằng Trái Đất, Sao Hỏa, Sao Mộc, Sao Thổ và Vulcan hiện vẫn đang phát triển manas với sự tập trung vào Dãy và bầu hành tinh của mỗi Hành Tinh Thượng Đế này (xem Chiêm Tinh Học Nội Môn, tr. 693).

143. p. 403: What do you learn from the following anent the transmutation of human and deva units within the Earth Scheme and the Vulcan Scheme?: "The Earth scheme has about one fifth in process of transmutation in one or other of the globes at this time and Vulcan has very nearly two fifths"? Remember that those units individualized upon the Moon Chain comprise, very largely, the aspirants and advanced units of humanity? We have also been told that approximately 85% of human units are still kama-manasic? Putting this information with the idea that there are sixty billion human monads, can we arrive at any conclusion about the number of human units which individualized on the Moon Chain?

143. tr. 403: Các bạn học được gì từ điều sau liên quan đến sự chuyển hoá các đơn vị nhân loại và thiên thần trong Hệ Địa Cầu và Hệ Vulcan?: “Hệ Địa Cầu hiện có khoảng một phần năm đang trong tiến trình chuyển hoá trên một hay một số bầu hành tinh nào đó vào lúc này và Vulcan có gần hai phần năm”? Hãy nhớ rằng những đơn vị đã biệt ngã hóa trên Dãy Mặt Trăng phần lớn gồm những người chí nguyện và những đơn vị tiến bộ của nhân loại? Chúng ta cũng đã được cho biết rằng khoảng 85% các đơn vị nhân loại vẫn còn là trí-cảm? Kết hợp thông tin này với ý tưởng rằng có sáu mươi tỷ chân thần nhân loại, chúng ta có thể đi đến kết luận nào về số lượng các đơn vị nhân loại đã biệt ngã hóa trên Dãy Mặt Trăng không?

144. p. 403: Within the Earth Scheme, do deva units or human units predominate? Can you justify your answer with a reference from A Treatise on Cosmic Fire?

144. tr. 403: Trong Hệ Địa Cầu, các đơn vị thiên thần hay các đơn vị nhân loại chiếm ưu thế? Các bạn có thể biện minh cho câu trả lời của mình bằng một dẫn chiếu từ Luận về Lửa Vũ Trụ không?

145. p. 403: If in some planetary schemes deva units predominate, which planetary schemes do you think they would be? Why?

145. tr. 403: Nếu trong một số hệ hành tinh các đơn vị thiên thần chiếm ưu thế, theo các bạn đó sẽ là những hệ hành tinh nào? Tại sao?

146. p. 403: Give your interpretation of the deva kingdom as "active creative force".

146. tr. 403: Hãy cho cách diễn giải của các bạn về giới thiên thần như “mãnh lực sáng tạo hoạt động”.

147. p. 404: Discuss the necessarily close relationship between "the fifth deva Hierarchy and the fifth logoic principle".

147. tr. 404: Hãy bàn về mối liên hệ tất yếu chặt chẽ giữa “Huyền Giai thiên thần thứ năm và nguyên khí logoic thứ năm”.

148. p. 404: Is the Heavenly Man, Himself, a Deva? Why or why not? Consider that a Heavenly Man is a Manasaputra and a "Builder".

148. tr. 404: Bản thân Đấng Thiên Nhân có phải là một thiên thần không? Tại sao có hoặc tại sao không? Hãy xét rằng một Đấng Thiên Nhân là một Manasaputra và một “Đấng Kiến Tạo”.

149. p. 404: Give your interpretation of the following: "The sumtotal of manas is pure deva essence, and it is only as union is made between this fivefold third aspect and the other two aspects that what we understand as MAN—whether Heavenly Man or human —comes into being".

149. tr. 404: Hãy cho cách diễn giải của các bạn về điều sau: “Tổng thể của manas là tinh chất thiên thần thuần túy, và chỉ khi có sự hợp nhất giữa phương diện thứ ba ngũ phân này với hai phương diện kia thì điều mà chúng ta hiểu là CON NGƯỜI—dù là Đấng Thiên Nhân hay con người—mới xuất hiện”.

150. p. 404: Comment on the following: "The Messengers, the Builders, the devas, are flaming fire, radiant electric matter, and only in time and space, only during manifestation and only through the cycles of objectivity, is such an entity as man possible, or can a Heavenly Man come into existence".

150. tr. 404: Hãy bình luận về điều sau: “Các Sứ Giả, các Đấng Kiến Tạo, các thiên thần, là lửa rực cháy, vật chất điện quang huy, và chỉ trong thời gian và không gian, chỉ trong thời kỳ biểu hiện và chỉ qua các chu kỳ khách quan, thì một thực thể như con người mới có thể có được, hay một Đấng Thiên Nhân mới có thể đi vào hiện hữu”.

151. p. 404: What does it mean that "radiant electric substance, active, intelligent ether" [is] "ensouled by the deva evolution"?

151. tr. 404: Điều đó có nghĩa gì khi “[chất liệu điện quang huy, dĩ thái hoạt động, thông tuệ]” được “phú linh bởi tiến hoá thiên thần”?

152. p 404: Discuss the difference between Devas and Pitris as presented in Some Thoughts on the Gita.

152. tr. 404: Hãy bàn về sự khác biệt giữa Deva và Pitri như được trình bày trong Some Thoughts on the Gita.

153. p. 405: Discuss the difference between cosmic electricity and the electrical akasha of the system.

153. tr. 405: Hãy bàn về sự khác biệt giữa điện vũ trụ và akasha điện của hệ thống.

154. p. 405: Discuss the manner in which "pure Spirit" or "abstract conscious Being" is "impelled by the attractive quality of its opposite pole, intelligent substance, to blend with it".

154. tr. 405: Hãy bàn về cách thức mà "tinh thần thuần túy" hay "Bản Thể hữu thức trừu tượng" được "thúc đẩy bởi phẩm tính hấp dẫn của cực đối nghịch của nó, chất liệu thông tuệ, để hòa trộn với nó".

155. p. 405: Why should it be that "the meeting of these two polarities, and their point of merging, causes that flash in the cosmic universe which we call a sun, and results in light or objectivity".

155. tr. 405: Tại sao lại phải là như vậy rằng "sự gặp gỡ của hai cực tính này, và điểm hòa nhập của chúng, gây ra tia chớp ấy trong vũ trụ mà chúng ta gọi là một mặt trời, và dẫn đến ánh sáng hay tính khách quan".

156. p. 405: Contrast the "electric fire of pure Spirit" with "electrical substance". Why are both called *electric?*

156. tr. 405: Hãy đối chiếu "lửa điện của tinh thần thuần túy" với "chất liệu điện". Tại sao cả hai đều được gọi là *điện?*

157. p. 405: What is the practical significance for man that "the deva evolution controls for the greater portion of manifestation up to the beginning of the transmutative process"? What have Venus and the number five to do with the initiation of the transmutative process?

157. tr. 405: Ý nghĩa thực tiễn đối với con người của việc "tiến hoá thiên thần kiểm soát phần lớn thời kỳ biểu hiện cho đến khi bắt đầu tiến trình chuyển hoá" là gì? Sao Kim và số năm có liên hệ gì với sự khởi đầu của tiến trình chuyển hoá?

158. p. 405: Referencing the footnote, discuss the middle loka or plane as "the point in which the Deva essence is changed into Pitric essence or the no loka is made fit to appear as a loka down below or the unmanifested becomes the manifested".

158. tr. 405: Dẫn chiếu chú thích, hãy bàn về loka ở giữa hay cõi ở giữa như "điểm mà trong đó tinh chất thiên thần được biến đổi thành tinh chất pitri hay no loka được làm cho thích hợp để xuất hiện như một loka ở phía dưới hay cái không biểu hiện trở thành cái biểu hiện".

159. p. 405: Which are the two schemes which will be entering into obscuration? If

159. tr. 405: Hai hệ nào sẽ đi vào sự mờ khuất? Nếu các bạn biết tên của các hệ này,

you know the names of these schemes, what are their correspondences in the life of microcosmic man? How does the resolving process in the life of man involve the correspondences to these two schemes?

những tương ứng của chúng trong đời sống của con người vi mô là gì? Tiến trình phân giải trong đời sống con người liên quan thế nào đến các tương ứng của hai hệ này?

160. pp. 405-406: Give your interpretation of the following: "The four schemes which form the logoic Quaternary will merge into their synthesising scheme, that of Saturn, while Venus and Mercury will merge into Uranus and Neptune. No importance need be attached to the sequence of these names. The dual fact is all that is necessary to grasp". Why does the Tibetan add the last two sentences? Is there a blind here or a revelation?

160. tr. 405-406: Hãy cho cách diễn giải của các bạn về điều sau: “Bốn hệ tạo thành Bộ Tứ logoic sẽ hòa nhập vào hệ tổng hợp của chúng, tức hệ Sao Thổ, trong khi Sao Kim và Sao Thủy sẽ hòa nhập vào Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương. Không nên gán tầm quan trọng nào cho trình tự của các tên này. Sự kiện nhị nguyên là tất cả những gì cần nắm bắt”. Tại sao Chân sư Tây Tạng lại thêm hai câu cuối? Ở đây có một bức màn che hay một sự mặc khải?

161. p. 406: What does it mean that "Uranus and Neptune are reflections of the logoic astral and mental permanent atoms" while Saturn is in fact the correspondence to the logoic physical permanent atom"? Why the use of the term reflections? The Tibetan states further that "this is an occult mystery and must not be separated from its allied truth in the cosmic scheme". What does he mean by "the cosmic scheme"? What is a cosmic scheme? In a cosmic scheme what would be the higher correspondences to Uranus, Neptune and Saturn? Would our solar Logos and his vehicle of manifestation, a solar system, be in some way involved, or not?

161. tr. 406: Điều đó có nghĩa gì khi “Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương là những phản chiếu của các nguyên tử trường tồn cảm dục và trí tuệ logoic” trong khi Sao Thổ thực ra là sự tương ứng với nguyên tử trường tồn hồng trần logoic”? Tại sao lại dùng từ phản chiếu? Chân sư Tây Tạng còn nói thêm rằng “đây là một bí nhiệm huyền bí và không được tách rời khỏi chân lý liên kết của nó trong hệ vũ trụ”. Ngài muốn nói gì bởi “hệ vũ trụ”? Hệ vũ trụ là gì? Trong một hệ vũ trụ, những tương ứng cao hơn với Sao Thiên Vương, Sao Hải Vương và Sao Thổ sẽ là gì? Thái dương Thượng đế của chúng ta và vận cụ biểu hiện của Ngài, một hệ mặt trời, có dính líu theo cách nào đó hay không?

162. p. 406: What is the justification for "viewing manas as the vibratory activity of all atoms"?

162. tr. 406: Cơ sở nào để “xem manas như hoạt động rung động của mọi nguyên tử”?

163. p. 406: What is a "spirilla" within the structure of the atom?

163. tr. 406: “loa tuyến” là gì trong cấu trúc của nguyên tử?

164. p. 406: What has the intense vibratory activity of the fourth spirilla (herein

164. tr. 406: Hoạt động rung động mãnh liệt của loa tuyến thứ tư (được dẫn chiếu ở đây)

referenced) to do with *moksha* or with the possibility of the destruction of the causal body? What, in your estimation, would be a "form composed of matter which responds to the vibration of the fifth spirilla"?

có liên hệ gì với *moksha* hay với khả năng hủy diệt thể nguyên nhân? Theo ước lượng của các bạn, "một hình tướng được cấu tạo bằng vật chất đáp ứng với rung động của loa tuyến thứ năm" sẽ là gì?

165. p. 406: What are the implications of the fact that "the large number of discarnate entities at this stage who are willing to make contact with the physical plane are clothed in matter of [the fourth] ether"? What does the impending discovery of the fourth ether suggest anent the possibility of uniting the subjective and objective worlds?

165. tr. 406: Những hàm ý của sự kiện rằng "số lượng lớn các thực thể không còn nhập thể ở giai đoạn này, những thực thể sẵn lòng tiếp xúc với cõi hồng trần, được khoác trong vật chất của [dĩ thái] thứ tư" là gì? Việc sắp khám phá ra dĩ thái thứ tư gợi ý điều gì liên quan đến khả năng hợp nhất các thế giới chủ quan và khách quan?

166. p. 407: A round is a cycle of long duration. We are told that the devas of the fourth ether will come to be known before the end of this round. What does this suggest about the speed of the process by means of which humanity will communicate with the deva kingdom?

166. tr. 407: Một cuộc tuần hoàn là một chu kỳ có thời lượng dài. Chúng ta được cho biết rằng các thiên thần của dĩ thái thứ tư sẽ được biết đến trước khi kết thúc cuộc tuần hoàn này. Điều này gợi ý gì về tốc độ của tiến trình mà nhờ đó nhân loại sẽ giao tiếp với giới thiên thần?

167. p. 407: Judging from your own experience, how can the buddhic plane be realized by the aid of manas? What are the means by which "manas is transmuted into wisdom"?

167. tr. 407: Xét từ kinh nghiệm của chính các bạn, cõi Bồ đề có thể được chứng nghiệm nhờ sự trợ giúp của manas như thế nào? Những phương tiện nào mà qua đó "manas được chuyển hoá thành minh triết"?

168. p. 407: How, in practical terms, could one describe the overlapping of the manasic and buddhic principle? Consider the Tibetan's method of numerological addition with reference to manas and buddhi. What is implicit in the way He arrives at the number nine by adding the four and the five? Using this principle of addition, what would be the significance, for instance, of the number eleven? Or the number six? Are there a number of ways to derive numerological significances? For instance? How is 2+4, different from 3+3?

168. tr. 407: Theo các thuật ngữ thực tiễn, người ta có thể mô tả sự chồng lấn của nguyên khí manas và nguyên khí Bồ đề như thế nào? Hãy xét phương pháp cộng số học của Chân sư Tây Tạng liên hệ với manas và buddhi. Điều gì được hàm ngụ trong cách Ngài đi đến số chín bằng cách cộng bốn và năm? Dùng nguyên lý cộng này, chẳng hạn, ý nghĩa của số mười một sẽ là gì? Hoặc số sáu? Có nhiều cách để rút ra các ý nghĩa số học không? Chẳng hạn? 2+4 khác với 3+3 như thế nào?

169. p. 407: The Tibetan speaks of the "fourth Kumara". Is He here speaking in a systemic or planetary context? If in a systemic context, Who or What might be this fourth Kumara? In what way would you find it possible to link the fourth Kumara with Buddhi and the buddhic plane?

169. tr. 407: Chân sư Tây Tạng nói về “Kumara thứ tư”. Ở đây Ngài đang nói trong bối cảnh hệ thống hay hành tinh? Nếu trong bối cảnh hệ thống, Kumara thứ tư này có thể là Ai hay Cái gì? Theo cách nào các bạn thấy có thể nối kết Kumara thứ tư với Bồ đề và cõi Bồ đề?

170. p. 407: What will be the result of the mass of humanity gradually passing on to the fourth subplane of the mental plane? What is the serious condition which the Hierarchy will have to handle unless the mass transfer to the fourth subplane is paralleled by a steady influx of egos on to the buddhic plane?

170. tr. 407: Kết quả sẽ là gì khi khối đông nhân loại dần dần chuyển sang cõi phụ thứ tư của cõi trí? Tình trạng nghiêm trọng nào mà Thánh đoàn sẽ phải xử lý nếu sự chuyển dịch hàng loạt sang cõi phụ thứ tư không được song hành bởi một dòng chân ngã ổn định đổ vào cõi Bồ đề?

171. p. 407: Discuss the functions of the four Maharajas and the Lipikas with reference to the numbers four and five. In what way are the Lipikas approached by means of the number five, and how is Sirius involved in this approach?

171. tr. 407: Hãy bàn về các chức năng của bốn vị Maharaja và các Lipika liên hệ với các số bốn và năm. Các Lipika được tiếp cận bằng cách nào qua số năm, và Sirius liên hệ thế nào trong sự tiếp cận này?

172. p. 407: What kind of activity is being discussed when the Tibetan writes that "... the Lipika Lords dispense the law to those who have merged themselves with their divine principle, and are no longer held by the material forms of the three worlds"? Over how many worlds, then, may it be presumed that the Lipika Lords preside?

172. tr. 407: Loại hoạt động nào đang được bàn đến khi Chân sư Tây Tạng viết rằng “... các Đấng Lipika ban bố luật cho những ai đã hòa nhập chính mình với nguyên khí thiêng liêng của họ, và không còn bị giữ lại bởi các hình tướng vật chất của ba cõi thấp”? Vậy thì có thể giả định rằng các Đấng Lipika chủ trì trên bao nhiêu thế giới?

173. p. 408: What does the Tibetan mean by "the apparent confusion caused by the overlapping of cycles"? To what does the Tibetan attribute the chaos of our point of view and the many seeming contradictions which we encounter?

173. tr. 408: Chân sư Tây Tạng muốn nói gì bởi “sự lẫn lộn bề ngoài do sự chồng lấn của các chu kỳ gây ra”? Chân sư Tây Tạng quy sự hỗn loạn trong quan điểm của chúng ta và nhiều mâu thuẫn bề ngoài mà chúng ta gặp phải cho điều gì?

174. p. 408: What is the value of the formula 2n-1?

174. tr. 408: Giá trị của công thức 2n-1 là gì?

175. p. 408: What are the general meanings of the three terms: *Position, Relation,* and *Limitation?* Why are these three outstanding features, emerging from our studies, so important?

175. tr. 408: Những ý nghĩa tổng quát của ba thuật ngữ *Vị trí, Tương quan,* và *Giới hạn* là gì? Tại sao ba đặc điểm nổi bật này, xuất hiện từ các nghiên cứu của chúng ta, lại quan trọng đến thế?

176. pp. 408-409: What do you learn from an examination of the summary found under the broad generalization called *Position?*

176. tr. 408-409: Các bạn học được gì từ việc khảo sát phần tóm lược được tìm thấy dưới khái quát rộng lớn gọi là *Vị trí?*

177. p. 409: Which *type* of ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID is discussed under the section called *"An ensouling life"?*

177. tr. 409: Loại nào của Đấng Bất Khả Tư Nghị được bàn đến dưới phần có tên *"Một sự sống phú linh"?*

178. p. 409: Why is the *power to evolve or progress* "the peculiar and perfected attribute of the fifth principle"?

178. tr. 409: Tại sao *quyền năng tiến hoá hay tiến bộ* lại là "thuộc tính đặc thù và hoàn hảo của nguyên khí thứ năm"?

179. p. 409: What has the *capacity to cohere* to do with the transmutation of manas into wisdom? Link the second systemic law to the foregoing idea.

179. tr. 409: *Khả năng kết dính* có liên hệ gì với sự chuyển hoá manas thành minh triết? Hãy nối kết định luật hệ thống thứ hai với ý tưởng vừa nêu.

180. p. 410: What does it mean that "only the Heavenly Men and Their superior embracing lives are... perfected manas"?

180. tr. 410: Điều đó có nghĩa gì khi "chỉ các Đấng Thiên Nhân và những sự sống bao hàm cao hơn của Các Ngài mới là… manas đã hoàn hảo"?

181. p. 410: What of value would emerge from "the study of the different polarities of the different spheres"?

181. tr. 410: Điều gì có giá trị sẽ xuất hiện từ "việc nghiên cứu các cực tính khác nhau của các khối cầu khác nhau"?

182. p. 410: Consider the different eight different kinds of relations which could be elucidated. What would be the value of this elucidation?

182. tr. 410: Hãy xét tám loại tương quan khác nhau có thể được làm sáng tỏ. Việc làm sáng tỏ này sẽ có giá trị gì?

183. p. 410: How is the principle of *Relation* governed by the law of Attraction and Repulsion?

183. tr. 410: Nguyên lý *Tương quan* được chi phối như thế nào bởi luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi?

184. p. 411: In what way does it make sense that "self consciousness itself is the result of the manasic principle"?

184. tr. 411: Theo cách nào điều đó trở nên hợp lý khi “chính ngã thức là kết quả của nguyên khí manas”?

185. p. 411: How is it that "the two factors of mind and love-wisdom" can be related, respectively, to the two laws of Attraction and Synthesis?

185. tr. 411: Làm sao mà “hai yếu tố trí tuệ và bác ái-minh triết” có thể được liên hệ, tương ứng, với hai luật Hấp Dẫn và Tổng Hợp?

186. p. 411: Discuss the principle of *Limitation* and the three suppositions of *capacity, duality and purpose* that are associated with it.

186. tr. 411: Hãy bàn về nguyên lý *Giới hạn* và ba giả định về *năng lực, nhị nguyên tính và mục đích* được liên kết với nó.

187. p. 411: Why does the Tibetan write the following: "When these three factors (Position, Relation and Limitation) are studied within the system, the close connection of all groups within the whole will be evidenced and the need of each part for all other parts will be brought out".

187. tr. 411: Tại sao Chân sư Tây Tạng lại viết như sau: “Khi ba yếu tố này (Vị trí, Tương quan và Giới hạn) được nghiên cứu bên trong hệ thống, mối liên hệ chặt chẽ của mọi nhóm trong toàn thể sẽ được chứng tỏ và nhu cầu của mỗi phần đối với mọi phần khác sẽ được làm nổi bật”?

188. p. 411: What thoughts occur to you when you read that "As regards cosmic position, relation and limitation... e'en to the Heavenly Men Themselves the matter is obscure"?

188. tr. 411: Những ý nghĩ nào đến với các bạn khi các bạn đọc rằng “Xét về vị trí, tương quan và giới hạn vũ trụ... ngay cả đối với chính các Đấng Thiên Nhân thì vấn đề ấy cũng mờ tối”?

189. pp. 411-412: What sort of limitation is the Tibetan placing upon our studies by stating the following?: "Therefore, we can do no more than accept the fact of the inconceivable magnitude of that EXISTENCE which is manifesting through seven solar systems, and the extension of this concept of Being to embrace the entire vault of the Heavens".

189. tr. 411-412: Chân sư Tây Tạng đang đặt loại giới hạn nào lên các nghiên cứu của chúng ta khi phát biểu như sau?: “Do đó, chúng ta không thể làm gì hơn ngoài việc chấp nhận sự kiện về tầm vóc không thể nghĩ bàn của SỰ TỒN TẠI đang biểu hiện qua bảy hệ mặt trời, và sự mở rộng của khái niệm Bản Thể này để bao trùm toàn bộ vòm Trời”.

190. p. 412: What may be the implications of the idea that "there may lie back of everything visible a vast realm or realms of Existences" (presumably, invisible)?

190. tr. 412: Những hàm ý có thể là gì của ý tưởng rằng “đằng sau mọi sự vật hữu hình có thể có một cõi hay những cõi bao la của các Sự Tồn Tại” (hẳn là vô hình)?

191. p. 412: Share your thoughts in relation to the following: "... just as there are tens of millions of human beings out of objective manifestation, or discarnate, on the subtler planes of the solar system, so there may be cosmic entities, in rank equal to the ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID, Who are in a similar sense discarnate, and found in realms subtler than that of the manifestation of light".

191. tr. 412: Hãy chia sẻ những suy nghĩ của các bạn liên hệ với điều sau: "... cũng như có hàng chục triệu con người ở ngoài biểu hiện khách quan, hay không còn nhập thể, trên các cõi tinh tế hơn của hệ mặt trời, thì cũng có thể có những thực thể vũ trụ, có cấp bậc ngang với Đấng Bất Khả Tư Nghị, những vị theo một nghĩa tương tự cũng không còn nhập thể, và được tìm thấy trong những cõi tinh tế hơn cõi biểu hiện của ánh sáng".

192. p. 412: Explain the following statement: "... the Lord of the World, the first Kumara, is the planetary Logos of our scheme in physical incarnation...".

192. tr. 412: Hãy giải thích phát biểu sau: "... Đức Chúa Tể Thế Giới, Kumara thứ nhất, là Hành Tinh Thượng Đế của hệ chúng ta đang lâm phàm hồng trần...".

193. p. 412: What are the implications of the fact that our planetary Logos finds place within the logoic Quaternary?

193. tr. 412: Những hàm ý của sự kiện rằng Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta có vị trí trong Bộ Tứ logoic là gì?

194. p. 412: Here we are told of the importance of the five Kumaras. Yet the three Buddhas of Activity plus the Sanat Kumara come to a total of four Kumaras. Who or What is the fifth Kumara and what relation does this Kumara have to the four just mentioned?

194. tr. 412: Ở đây chúng ta được nói về tầm quan trọng của năm Kumara. Tuy nhiên ba Đức Phật Hoạt Động cộng với Đức Sanat Kumara tạo thành tổng số bốn Kumara. Kumara thứ năm là Ai hay Cái gì và Kumara này có liên hệ gì với bốn vị vừa được nhắc đến?

195. p. 412: What are the implications of each of the Buddhas of Activity being connected with one of the planetary Logoi Who, with the Logos of our Earth, make up the Logoic Quaternary? What might these three other planets be? Would Venus be included? Or Mars? If so why? If not why not?

195. tr. 412: Hàm ý của việc mỗi vị trong các Đức Phật Hoạt Động được nối kết với một trong các Hành Tinh Thượng Đế, Đấng cùng với Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất chúng ta tạo thành Bộ Tứ Thượng đế, là gì? Ba hành tinh kia có thể là những hành tinh nào? Sao Kim có được bao gồm không? Hay Sao Hỏa? Nếu có, tại sao? Nếu không, tại sao không?

196. p. 412: Discuss the concept of the "three esoteric Kumaras". For which planetary Logoi would They be vice-regents? Is it possible to link up the esoteric Kumaras

196. tr. 412: Hãy bàn về khái niệm "ba vị Kumara nội môn". Các Ngài sẽ là nhiếp chính cho những Hành Tinh Thượng Đế nào? Có thể nối kết các Kumara nội môn với thông

with information to be found on p. 873 anent various kinds of Buddhas of Activity?

197. p. 412: At the bottom of this page the Tibetan appears to give the three exoteric Buddhas and the three esoteric Buddhas a significant position within the Earth Chain. Does this point of view contrast with what is stated on page 873?

198. p. 412: Earlier we read of the 104 Kumaras plus the Sanat Kumara, making 105. Now we read of three esoteric Kumaras, giving us a total of 108, associated especially with our globe. Why is the number 108 of special significance? What can we make of the fact that twelve divides into 108 nine times?

199. p. 413: Here we learn that "each chain corresponds to one centre" in a planetary scheme, and that seven Kumaras are "centres in the body of the planetary Logos". What are the implications?

200. p. 413: What evidence exists that there are globe Kumaras, chain Kumaras, scheme Kumaras and systemic Kumaras?

201. p. 413: Consider the structure of a generic chakra. What are "lesser wheels [to be found] within any particular centre"? In relation to a human chakra, what would such wheels represent? Petals?

202. p. 413: What light does the fact that there are in fact seven Kumaras shed upon the five Earth-related Kumaras Who are the sum total of manas on Earth?

tin tìm thấy ở tr. 873 liên quan đến các loại Đức Phật Hoạt Động khác nhau hay không?

197. tr. 412: Ở cuối trang này, Chân sư Tây Tạng dường như trao cho ba vị Phật ngoại môn và ba vị Phật nội môn một vị trí quan trọng trong Dãy Địa Cầu. Quan điểm này có tương phản với điều được nói ở trang 873 không?

198. tr. 412: Trước đó chúng ta đã đọc về 104 Kumara cộng với Đức Sanat Kumara, thành 105. Giờ đây chúng ta đọc về ba Kumara nội môn, đưa tổng số lên 108, đặc biệt liên hệ với bầu hành tinh của chúng ta. Tại sao số 108 lại có ý nghĩa đặc biệt? Chúng ta có thể hiểu gì từ sự kiện rằng 12 chia vào 108 được chín lần?

199. tr. 413: Ở đây chúng ta biết rằng “mỗi dãy tương ứng với một trung tâm” trong một hệ hành tinh, và rằng bảy Kumara là “các trung tâm trong thân thể của Hành Tinh Thượng Đế”. Hàm ý của điều này là gì?

200. tr. 413: Có bằng chứng nào cho thấy có các Kumara của bầu hành tinh, Kumara của dãy, Kumara của hệ hành tinh và Kumara của hệ mặt trời?

201. tr. 413: Hãy xét cấu trúc của một luân xa nói chung. “Những bánh xe nhỏ hơn [được tìm thấy] bên trong bất kỳ trung tâm đặc thù nào” là gì? Liên hệ với một luân xa của con người, những bánh xe như thế sẽ tượng trưng cho điều gì? Các cánh hoa chăng?

202. tr. 413: Sự kiện thực ra có bảy Kumara soi sáng như thế nào cho năm Kumara liên hệ với Trái Đất, là tổng thể của manas trên Trái Đất?

203. p. 413: Consider the following: "The life of the Logos in this incarnation on the earth is flowing through three centres and beginning to stimulate a fourth, hence four globes are involved and the three Kumaras (so called for lack of a better term) are vitally intelligently active; three are in abeyance and one is beginning to function... This fourth Kumara is as yet practically unrealised, but as hinted at earlier His day is about to dawn". Who is this "fourth Kumara"? Which four globes are involved? Is the Sanat Kumara, the fourth Kumara or the seventh Kumara? Does He occupy a position of middle status or the highest status?

203. tr. 413: Hãy xét điều sau đây: “Sự sống của Thượng đế trong lần lâm phàm này trên trái đất đang tuôn chảy qua ba trung tâm và bắt đầu kích thích một trung tâm thứ tư, do đó bốn bầu hành tinh được bao hàm và ba Kumara (được gọi như vậy vì thiếu một thuật ngữ tốt hơn) đang hoạt động một cách sống động và thông tuệ; ba vị đang ở trong trạng thái tiềm ẩn và một vị đang bắt đầu hoạt động... Kumara thứ tư này cho đến nay hầu như chưa được chứng nghiệm, nhưng như đã ám chỉ trước đó, ngày của Ngài sắp rạng lên”. “Kumara thứ tư” này là ai? Bốn bầu hành tinh nào được bao hàm? Đức Sanat Kumara là Kumara thứ tư hay Kumara thứ bảy? Ngài giữ một vị trí trung gian hay địa vị cao nhất?

204. p. 413: Interpret the following very occult statement anent the Kumaras: "They are, in fact, the agents for the Lords of the Rays to the Monads of any ray in incarnation in any particular chain and on any particular globe".

204. tr. 413: Hãy giải thích phát biểu rất huyền bí sau đây liên quan đến các Kumara: “Thực ra, Các Ngài là các tác nhân của các Đấng Chúa Tể các Cung đối với các chân thần của bất kỳ cung nào đang lâm phàm trong bất kỳ dãy đặc thù nào và trên bất kỳ bầu hành tinh đặc thù nào”.

205. p. 413: Consider the four types of Beings for which the scheme Kumaras act as Agents? What do you learn from this tabulation?

205. tr. 413: Hãy xét bốn loại Hữu thể mà các Kumara của hệ hành tinh hành động như các Tác Nhân cho họ. Các bạn học được gì từ bảng liệt kê này?

206. p. 413: What drastic measures do you suppose were employed by the Kumaras (presumably the scheme Kumaras) to offset the failure on the Moon Chain?

206. tr. 413: Theo các bạn, những biện pháp quyết liệt nào đã được các Kumara sử dụng (có lẽ là các Kumara của hệ hành tinh) để hóa giải sự thất bại trên Dãy Mặt Trăng?

207. p. 414: On this page the Tibetan gives a most important explanation concerning why the Moon Chain is missing from charts which diagram the present structure of our planetary Scheme. Why in the distant path, do you suppose, the Moon Chain would have been portrayed and the Neptune Chain

207. tr. 414: Ở trang này, Chân sư Tây Tạng đưa ra một giải thích hết sức quan trọng về lý do vì sao Dãy Mặt Trăng vắng mặt trong các biểu đồ mô tả cấu trúc hiện tại của hệ hành tinh chúng ta. Theo các bạn, tại sao trong con đường xa xưa, Dãy Mặt Trăng lại được mô tả còn Dãy Sao Hải Vương thì bị bỏ

omitted? How would the numbering and ordering of the chains have been affected?

qua? Việc đánh số và sắp thứ tự các dãy sẽ bị ảnh hưởng như thế nào?

208. p. 414: A great mystery is discussed concerning the absorbing of the Moon Chain by the Earth Chain. When this happened did another chain, namely the Neptune Chain, flash into objectivity? Why or why not?

208. tr. 414: Một huyền nhiệm lớn được bàn đến liên quan đến việc Dãy Địa Cầu hấp thụ Dãy Mặt Trăng. Khi điều này xảy ra, có phải một dãy khác, tức Dãy Sao Hải Vương, đã bừng vào tính khách quan không? Tại sao có hoặc tại sao không?

209. p. 414: The Uranus Chain is herein discussed. Does the Uranus Chain exist at the this moment even though it is not *objective?* What are subjective chains in any planetary scheme?

209. tr. 414: Dãy Sao Thiên Vương được bàn đến ở đây. Dãy Sao Thiên Vương có tồn tại vào lúc này dù nó không *khách quan* không? Các dãy chủ quan trong bất kỳ hệ hành tinh nào là gì?

210. p. 415: Do you believe the ten schemes are always objective, or a mixture of subjective and objective? What are your reasons? What are the implications either way? Assuming a condition of partial objectivity and partial subjectivity (an arupa state) why is it reasonable to assume that there are not always three chains in a subjective condition, but that the number varies?

210. tr. 415: Các bạn có tin rằng mười hệ hành tinh luôn luôn khách quan, hay là một hỗn hợp giữa chủ quan và khách quan? Lý do của các bạn là gì? Dù theo cách nào thì hàm ý là gì? Giả sử có một tình trạng một phần khách quan và một phần chủ quan (một trạng thái arupa), tại sao hợp lý khi giả định rằng không phải lúc nào cũng có ba dãy ở trong tình trạng chủ quan, mà con số ấy thay đổi?

211. p. 415: How does the mystery of the Moon connect to the mystery of the "eighth sphere"?

211. tr. 415: Huyền nhiệm của Mặt Trăng nối kết như thế nào với huyền nhiệm của “khối cầu thứ tám”?

212. p. 415: Given the possibility of ten planetary chains per scheme, is reasonable to assume that there may be more than one physical planet per scheme? Consider that the Earth scheme now has, apparently, two physical planets—the Moon and the Earth? Do you think that the Earth Chain actually had a physical planet when the Moon Chain had a physical planet, or did the physical planet of the Earth Chain form afterwards?

212. tr. 415: Với khả năng có mười dãy hành tinh trong mỗi hệ hành tinh, có hợp lý không khi giả định rằng có thể có hơn một hành tinh hồng trần trong mỗi hệ hành tinh? Hãy xét rằng hệ Địa Cầu hiện nay, dường như, có hai hành tinh hồng trần — Mặt Trăng và Trái Đất. Các bạn có nghĩ rằng Dãy Địa Cầu thực sự đã có một hành tinh hồng trần khi Dãy Mặt Trăng có một hành tinh hồng trần, hay hành tinh hồng trần của Dãy Địa Cầu được hình thành về sau?

213. pp. 415-416: Study the number sequences: 7-3-10; 3-7-10; 10-7-3. What do they mean? When were these various sequences operative? How can these numbers be connected with the involution, evolution and development of the human being?

213. tr. 415-416: Hãy nghiên cứu các chuỗi số: 7-3-10; 3-7-10; 10-7-3. Chúng có nghĩa gì? Những chuỗi khác nhau này có hiệu lực khi nào? Những con số này có thể được nối kết như thế nào với sự giáng hạ tiến hoá, tiến hoá và sự phát triển của con người?

214. p. 415: What are you principal learnings from the profound lessons in occultism concerning the various chains within the Earth Scheme?

214. tr. 415: Những điều học hỏi chính yếu của các bạn từ các bài học sâu sắc trong huyền bí học liên quan đến các dãy khác nhau bên trong Hệ Địa Cầu là gì?

215. p. 415: How might the principle that "nature abhors a vacuum" apply to the disappearance and appearance of planetary chains?

215. tr. 415: Nguyên lý "bản chất ghê sợ khoảng trống" có thể áp dụng như thế nào vào sự biến mất và xuất hiện của các dãy hành tinh?

216. p. 415: What significance do you attribute to the fact that it was the Neptune Chain which "arose over the horizon, and took its place as one of the seven manifesting chains of the planetary Logos" when the Earth Chain absorbed the life of the Moon Chain?

216. tr. 415: Các bạn quy cho sự kiện rằng chính Dãy Sao Hải Vương đã "mọc lên trên chân trời, và chiếm lấy vị trí của nó như một trong bảy dãy biểu hiện của Hành Tinh Thượng Đế" khi Dãy Địa Cầu hấp thụ sự sống của Dãy Mặt Trăng, ý nghĩa gì?

217. p. 415: Would it be reasonable to conclude that the Uranus Chain will flash into objectivity when the Venus Chains and Mercury Chains merge? Do you think that a merging of the Venus and Mercury Chains is likely since both of those planets are either now entering obscuration or will do so in the relatively near future as time is counted on a planetary scale?

217. tr. 415: Có hợp lý không khi kết luận rằng Dãy Sao Thiên Vương sẽ bừng vào tính khách quan khi các Dãy Sao Kim và các Dãy Sao Thủy hợp nhất? Các bạn có nghĩ rằng sự hợp nhất của các Dãy Sao Kim và Sao Thủy là điều có khả năng xảy ra không, vì cả hai hành tinh ấy hoặc đang đi vào sự che khuất, hoặc sẽ làm như vậy trong tương lai tương đối gần nếu thời gian được tính theo quy mô hành tinh?

218. p. 415: What does it mean, practically speaking that the life of the "second and first Logos has been withdrawn from it [the Moon] and only the latent life of matter itself remains"?

218. tr. 415: Nói một cách thực tiễn, điều đó có nghĩa gì khi sự sống của "Thượng đế thứ hai và thứ nhất đã được rút khỏi nó [Mặt Trăng] và chỉ còn lại sự sống tiềm ẩn của chính vật chất"?

219. p. 415: In what way is/was the Moon Chain unique among chains, not only within our planetary Scheme but within our entire solar system? What speculation would you hazard?

219. tr. 415: Dãy Mặt Trăng đã/đang độc đáo theo cách nào trong số các dãy, không chỉ trong Hệ Hành Tinh của chúng ta mà còn trong toàn bộ hệ mặt trời của chúng ta? Các bạn sẽ mạo muội đưa ra suy đoán nào?

220. p. 416: Give your interpretation of the following: "Our Heavenly Man... is esoterically allied to one of the seven solar systems, and in this mysterious alliance is hidden the mystery of the moon chain"? What would be the characteristics of such a solar system if it were to have been previously associated with the Moon Chain?

220. tr. 416: Hãy đưa ra cách giải thích của các bạn về điều sau đây: "Đấng Thiên Nhân của chúng ta... một cách huyền bí được liên kết với một trong bảy hệ mặt trời, và trong sự liên minh huyền nhiệm này ẩn giấu huyền nhiệm của dãy mặt trăng"? Những đặc tính của một hệ mặt trời như thế sẽ là gì nếu trước đây nó từng được liên kết với Dãy Mặt Trăng?

221. p. 416: Is there any logic to the thought that there may be triangles of force between the Rishis of the Great Bear, the Seven Solar Systems and the chains of the various planetary schemes?

221. tr. 416: Có logic nào trong ý tưởng rằng có thể có những tam giác mãnh lực giữa các Rishi của Đại Hùng Tinh, Bảy Hệ Mặt Trời và các dãy của những hệ hành tinh khác nhau không?

222. p. 416: What thoughts occur to you when you consider the following septenates: the seven stars of the Great Bear; the seven major Pleiades; the seven stars of the Sirian system; the seven solar systems of which ours is one; the seven Heavenly Men; the seven objective chains of each Heavenly Man; the seven objective globes within any particular chain of any particular Heavenly Man?

222. tr. 416: Những ý nghĩ nào xuất hiện với các bạn khi các bạn xét các bộ bảy sau đây: bảy ngôi sao của Đại Hùng Tinh; bảy Pleiades chính; bảy ngôi sao của hệ Sirius; bảy hệ mặt trời mà hệ của chúng ta là một trong số đó; bảy Đấng Thiên Nhân; bảy dãy khách quan của mỗi Đấng Thiên Nhân; bảy bầu hành tinh khách quan bên trong bất kỳ dãy đặc thù nào của bất kỳ Đấng Thiên Nhân đặc thù nào?

223. p. 416: Why is it considered that the Moon chain was a chain where a systemic failure was to be seen? Why was not this failure merely the failure of our planetary Logos?

223. tr. 416: Tại sao Dãy Mặt Trăng được xem là một dãy nơi có thể thấy một thất bại của hệ mặt trời? Tại sao thất bại này không chỉ đơn thuần là thất bại của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta?

224. p. 416: What might be the explanation for the following: "The sexual misery of this planet finds its origin in the moon failure"?

224. tr. 416: Có thể có lời giải thích nào cho điều sau đây: “Nỗi khốn khổ tính dục của hành tinh này bắt nguồn từ sự thất bại của mặt trăng”?

225. p. 416: What speculations do you have concerning the manner in which suffering upon the Earth Chain is related to the failure upon the Moon Chain?

225. tr. 416: Các bạn có những suy đoán nào liên quan đến cách thức mà đau khổ trên Dãy Địa Cầu có liên hệ với sự thất bại trên Dãy Mặt Trăng?

226. p. 416: Sanat Kumara is apparently known as the "Silent Watcher"? This term is also used in another way. Please peruse Initiation Human and Solar and elucidate another way in which the term "Silent Watcher" is used.

226. tr. 416: Đức Sanat Kumara dường như được biết đến như “Đấng Quan Sát Thầm Lặng”? Thuật ngữ này cũng được dùng theo một cách khác. Xin hãy đọc kỹ Điểm Đạo, Nhân Loại và Thái Dương và làm sáng tỏ một cách khác mà thuật ngữ “Đấng Quan Sát Thầm Lặng” được sử dụng.

227. p. 416: Consider the following and comment: Our planet merits the name "the Sphere of Suffering". "Conditions of agony and distress such as are found on our planet are found in no such degree in any other scheme".

227. tr. 416: Hãy xét điều sau đây và bình luận: Hành tinh của chúng ta xứng đáng với tên gọi “Khối Cầu của Đau Khổ”. “Những điều kiện thống khổ và khốn cùng như được thấy trên hành tinh chúng ta không được thấy ở mức độ như thế trong bất kỳ hệ hành tinh nào khác”.

228. p. 416: Read the long footnote from The Secret Doctrine concerning the "Great Sacrifice" and offer your response. What is inspired in you as you read H.P.B.'s description of this Great Life?

228. tr. 416: Hãy đọc chú thích dài từ Giáo Lý Bí Nhiệm liên quan đến “Đại Hi Sinh” và đưa ra đáp ứng của các bạn. Điều gì được khơi dậy trong các bạn khi các bạn đọc mô tả của H.P.B. về Sự Sống Vĩ Đại này?

229. p 417: What sort of vibratory power is now misused and the functioning of which center is now perverted and distorted due to the Moon Chain failure?

229. tr. 417: Loại quyền năng rung động nào hiện đang bị lạm dụng, và hoạt động của trung tâm nào hiện đang bị làm cho lệch lạc và méo mó do sự thất bại của Dãy Mặt Trăng?

230. p. 417: Attempt to give a speculative interpretation of the following: "Certain results, such as the finding of its polar opposite, were hastened unduly on the moon chain, and the consequence was an

230. tr. 417: Hãy cố gắng đưa ra một cách giải thích có tính suy đoán về điều sau đây: “Một số kết quả nào đó, chẳng hạn như việc tìm thấy cực đối nghịch của nó, đã bị thúc đẩy quá mức trên dãy mặt trăng, và hậu quả

uneven development and a retardation of the evolution of a certain number of deva and human groups". What might be the problem in the premature finding of the polar opposite? Examine this problem within the human context and give your interpretation.

là một sự phát triển không đồng đều cùng một sự trì hoãn trong tiến hoá của một số nhóm thiên thần và nhân loại nhất định". Vấn đề trong việc tìm thấy cực đối nghịch quá sớm có thể là gì? Hãy khảo sát vấn đề này trong bối cảnh con người và đưa ra cách giải thích của các bạn.

231. p. 417: Why do you suppose the origin of the feud between the Lords of the Dark Face and the Brotherhood of Light can be traced to the Moon Chain? Do you suppose that the term Lords of the Dark Face have anything to do with the face of the Moon which never faces the Earth?

231. tr. 417: Theo các bạn, tại sao nguồn gốc của mối thù giữa các Đấng Chúa Tể của Khuôn Mặt Tối và Huynh Đệ Đoàn Ánh Sáng có thể được truy nguyên về Dãy Mặt Trăng? Các bạn có cho rằng thuật ngữ các Đấng Chúa Tể của Khuôn Mặt Tối có liên hệ gì với mặt của Mặt Trăng không bao giờ hướng về Trái Đất không?

232. p. 417: The Tibetan speaks of the numbering of the chains and globes, and yet tells us that "the sequence of numbers has no reference or relation to space or time, nor to sequence of appearance or order of manifestation". Then to what might it have reference?

232. tr. 417: Chân sư Tây Tạng nói về việc *đánh số* các dãy và các bầu hành tinh, nhưng lại bảo chúng ta rằng "chuỗi số không có liên hệ hay tương quan nào với không gian hay thời gian, cũng không với trình tự xuất hiện hay trật tự biểu hiện". Vậy thì nó có thể liên hệ đến điều gì?